Từ Điển Pháp Số Tam Tạng [Tam Tạng Pháp Số] (Thích Nhất Như; Lê Hồng Sơn dịch)

Từ điển — tra cứu lẻ

Kính dâng Bổn Sư Giác Linh Hòa Thượng thượng HUYỀN hạ HY Ai mẫn chứng minh.

HOÀI HÖÔÙNG
Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả.
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo.
Lê Hồng Sơn Khể thủ.

LÔØI TÖÏA Phật Giáo lấy con người làm trung tâm, nên phương pháp giáo hóa lấy tâm làm khởi điểm, cũng lấy tâm làm nơi kết thúc. Tâm không đối lập với vật mà là một thực thể nhìn dưới hai mặt khác nhau.

Xuất phát như thế, đi đến nhận định những tương quan trong và ngoài con người, bằng phương pháp duyên khởi để tìm hiểu. Nghĩa là đặt con người trước tâm địa của nó và đặt con người trong tương quan với đồng loại, với môi trường sống. Vì sự tồn tại của cá nhân không thể đơn độc, mà tồn tại là tồn tại với, tồn tại vì.

Con người là sinh vật quan trọng nhất – Đức Phật từ con người mà thành Phật – vì nó có những đặt tính ưu việt hơn tất cả những loài vật khác; nhưng Phật Giáo lại không cho con người là độc tôn, vì còn có những chúng sanh hữu tình và vô tình khác. Hai loại này ở trong một thể thống nhất giữa thế giới và nhân sinh. Vì thế, không có con người là kẻ thù của con người, cho đến loài vật, cây cỏ cũng vậy.

Khi nhìn chúng trong tương quan y báo và chánh báo không thể tách rời nhau, bởi đó là hoạt dụng của tâm thì mới thấy rằng mọi biểu hiện đều xuất phát từ tâm. Dù tâm không nhìn thấy được, không xúc chạm được nghĩa là không cụ thể; nhưng nó biểu hiện qua ngôn ngữ, hành động và ý nghĩ , để lại hệ quả vô cùng lớn lao trong đời sống của chúng ta và ảnh hưởng trên mọi phương diện. Trong suốt 49 năm (theo Bắc truyền) nói pháp độ sanh, đến giờ phút cuối cùng, ĐứcThế Tôn luôn luôn đề cập đến điểm mấu chốt này. Về sau, đệ tử của Ngài cũng tiếp nối con đường giáo hóa như vậy.

Nội dung giáo hóa ấy, nhằm nói lên rằng giữa mình và người, giữa mình và chúng sanh, nói chung là một và có thể hy sinh cho tất cả bằng trọn trái tim của mình, nên có câu : ngũ trược ác thế thệ tiên nhập…Đó là đồng thể đại bi.

Để thể hiện tâm từ bi rộng lớn ấy phải có trí huệ làm kim chỉ nam và đặt trên nền tảng duyên sinh. Điều này giải thích lý do rằng trên bước đường hoằng hóa, Đạo Phật không làm đổ một giọt máu, đến đâu cũng đều hòa nhập với dân bản xứ và chia sẻ vui buồn với dân tộc ấy. Bởi lẽ, trong tinh thần Đạo Phật thấy mình với người là một, mình với vũ trụ đây là một. Nếu tách ra hai sẽ không còn một:

Nghĩa là :
Cái này có nên cái kia có,
Cái này sanh nên cái kia sanh.
Cái này không nên cái kia không,
Cái này diệt nên cái kia diệt.
Ý thức như trên, người con Phật không đổ thừa khổ đau, thất bại hôm nay, đời này cho ai (dù là thần thánh). Mà những khổ đau ấy, ta có một phần trách nhiệm, nên phải nghiêng vai gánh vác, sẻ chia với đồng loại để cho cuộc sống được cải thiện tốt đẹp hơn, cũng là ta làm cho ta trong đời này và đời sau, vì luật duyên sinh không chấm dứt ở đây.

Thực hiện cho được những điều cơ bản về nhân thừa ấy, trước hết, ta hãy học và ý thức thường xuyên là sống, bao giờ cũng sống trong y báo và chánh báo của ta, khi ý thức đã chuyển biến thì hành động của ba nghiệp sẽ có kết quả tốt đẹp ngay trong đời này. Huống gì hiện nay, ai cũng nhận thấy được nhân loại bây giờ, như ở trong một ngôi làng mà mỗi nước là một cái thôn nhỏ, thì ý nghĩa trên lại càng dễ hiểu hơn nhiều.

Từ nội dung giác ngộ dưới cội cây Bồ đề, trên bước đường hành hóa độ sanh của Phật, chưa hề phân biệt con người qua hình thức. Tất cả chúng sanh đều bình đẳng vì đều có tánh giác ngộ. Đó là điểm cốt yếu trong Phật giáo. Đối với ngôn ngữ và danh từ của văn hóa và kinh điển đương thời, Phật vẫn sử dụng mà không úy kỵ trong những pháp thoại và giao tiếp với mọi người. Cho nên, giáo nghĩa bao quát và thiết thực trong ba tạng kinh- luật- luận về ngôn ngữ, danh từ chuyên môn rất là phong phú. TỪ ĐIỂN PHÁP SỐ TAM TẠNG (nguyên là Tam tạng pháp số) giúp một phần nhỏ cho người học Phật đi vào kho tàng pháp bảo ấy được dễ dàng hơn.

Sách Tam Tạng Pháp Số ra đời vào triều đại nhà Minh, niên hiệu Vĩnh Lạc (1424) có 50 quyển, 1555 điều. Mỗi danh từ đều có số đi kèm, nên gọi là pháp số. Đặc biệt mỗi danh từ đều có nêu xuất xứ từ kinh, luật, luận và chú sớ nào, nên trong cùng một danh từ mà ý nghĩa có khác nhau.

Pháp sư Thích Nhất Như vâng chiếu vua, biên soạn, là người Cối Kê, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Ngài bẩm chất thông minh dĩnh ngộ, bát thông giáo nghĩa Tam tạng và Ngài đã viên tịch vào năm Hồng Hy thứ nhất (1425).

Đây là tác phẩm do Ngài chủ biên, rất ích lợi cho người học Phật.

Dù là với hình thức đơn giản, sách này có được là nhờ sự giúp đỡ về hình thức của Thượng Tọa Thích Giác Trí, Đại Đức Thích Nguyên Hạnh, Đại Đức Thích Đồng Lai. Xin tri ân ba vị.

Về phần người dịch, đây là cả tâm thành của tôi. Chắc chắn có vụng về, sơ suất không sao tránh khỏi. Xin người đọc góp ý cho để dịp in lại được tốt hơn. Trân trọng cảm ơn.

Gò Vấp, 29-01-2011 Lê Hồng Sơn Kính

Dịch giả Lê Hồng Sơn

Lời giới thiệu Con số ra đời từ bao giờ? Có lẽ đã từ lâu lắm, cùng với sự xuất hiện của loài người. Kể từ hình thức thô sơ ban đầu như thắt nút kết dây, xếp đá, vạch da cây ghi dấu cho đến khi hiện hình thành những con số huyền ảo, là cả một tiến trình phát minh kỳ diệu của loài người. Trong cuộc sống, con số thiết thiệt phục vụ con người trong mọi hình thức sinh hoạt. Con số gắn bó với chúng ta từ thuở ấu thơ cắp sách đến trường, ê a học bản cửu chương với những phép cộng từ nhân chia, tính nhẩm rồi lớn dần với những bài toán số tích phân, khi vào đời con số gắn liền với việc làm ăn và bao nhiêu là tính toán vừa thú vị vừa điên đầu, con số theo ta cho đến khi nhắm mắt lìa đời: Hình như cùng với ngôn ngữ và tư duy, con số như một thuộc tính bất khả phân ly với con người, đến nỗi khó thể hình dung có ai đó sống mà tách rời với con số. Tam Tạng Pháp Số là sách về những con số, nhưng là pháp số, số dùng trong Phật pháp, cụ thể là rút từ ba Tạng Kinh, Luật, Luận trong pho Đại Tạng. Sách lấy số làm Cương, lấy các điều liên quan đến số làm Mục, sắp xếp những thứ cùng loại với nhau từ số một đến số vạn. Những số được dùng trong sách, ngoài những số có sẵn trong truyền thống văn hóa tôn giáo Ấn độ còn đều là những danh từ, danh số Phật pháp, giải thích giáo nghĩa nhà Phật: Ngoài những số cụ thể như tam quy, tứ đế, ngũ giới, lục căn, bát chánh đạo, thập nhị nhân duyên còn những con số có tính biểu tượng thuộc thánh giáo lượng như bát vạn tứ thiên trần lao, bát vạn tứ thiên pháp môn mà ta có cảm tưởng như những linh số có tính khải huyền. Nguyên tác Tam Tạng Pháp Số 50 quyển do ban biên tập đứng đầu là Pháp sư Nhất Như, năm Vĩnh Lạc đời Minh, phụng sắc vua biên soạn. Đó là vào đầu thế kỷ 15, cụ thể là vào năm 1403…. Xin lược qua tiểu sử và hành trạng của Nhất Như Pháp sư dựa theo lời Tựa của cư sĩ Đinh Phúc Bảo: Sư quê ở Cối Kê, là người thông minh dĩnh ngộ vừa chăm học vừa học rộng, lại có sức nhớ dai, mọi kinh văn Đại, Tiểu thừa chỉ cần đọc qua một lần là nhớ như in, cứ như đã học từ kiếp nào. Sư xuất gia ở chùa Thượng Thiên Trúc Giảng Tự Tại Hàng Châu, là đệ tử của cao tăng Cụ Am Pháp sư, học được chánh truyền của thầy, bác thông giáo nghĩa, rất giỏi giảng pháp đặc biệt là giảng kinh Pháp Hoa. Sư có trứ tác Pháp Hoa Kinh Khoa Chú. Khoảng năm Vĩnh Lạc, sư nhận chiếu biên tu Đại Tạng, một việc làm rất quan trọng vinh dự và sau đó được cử làm Hữu Xiển giáo Ty Tăng Lục. Sư mất năm Hồng Hi nguyên niên (1425), được ban lễ tế tang. Xin nói về phương pháp biên soạn Tam Tạng Pháp Số của nhóm biên tập do Nhất Như Pháp sư làm tổng tài. Những người trong ban biên tập trước đây cùng sư biên tu Đại Tạng, nay lại nối tiếp biên soạn Tam Tạng Pháp Số, một việc làm hẳn là rất cần thiết mà nhóm biên tập của sư cảm thấy như một công cụ soi sáng cho việc nghiên cứu Kinh tạng. Họ là những vị được tuyển rất kỹ, có thể nói là những vị thạc học xuất sắc nhất trong tăng giới thời bấy giờ. Phàm những danh từ nào có liên quan đến pháp số, hễ có trong Đại Tạng thì đều chọn hết, tổng cộng 1555 điều, giải thích kinh luận rất rõ ràng, chiết trung, dung hội quán thông rồi sắp xếp trật tự cứ

như một sợi tơ

xuyên suốt xâu chuỗi vậy. Phàm những chỗ sâu xa khó khăn trong kinh luận đều được diễn đạt bằng lời văn trong sáng, giãn dị, dễ hiểu. Mọi trích dẫn từ kinh nào, luận nào, hoặc những sách nào đều được giảng và chú ngay dưới mỗi đề mục. Việc làm này rất chân xác, rất khoa học, khác hẳn những sách biên tập cẩu thả của người đời Minh thời ấy, đặc biệt là những sách Nho gia. Riêng về kinh điển Đại, Tiểu thừa có những chỗ sai biệt, có khi cùng một thừa mà vì tông phái khác nhau nên có những thuyết giảng khác nhau. Gặp những trường hợp ấy, sách Tam Tạng Pháp Số đều trưng dẫn đầy đủ số sai biệt của các nhà các phái rõ ràng, rành rẽ cứ như kể, đếm của báu trong nhà vậy. Để biên soạn sách Tam Tạng Pháp Số, nhóm Pháp sư Nhất Như, dù toàn là những vị đọc rộng hiểu sâu Đại Tạng, nhưng lại hết sức tuân thủ chính xác lời Thầy, tuyệt đối không dám khinh dị sửa đổi sách xưa, cổ bản, khác với thói tệ thường trong sách Nho gia đương thời. Việc làm có tôn chỉ, có phương pháp, vừa nghiêm túc vừa khoa học chắc ảnh hưởng không ít đến 4 vị đại sư kiệt xuất sau này như Liên Trì, Tông Bá, Hám Sơn, Ngẫu Ích, là những vị có khả năng đọc hàng nghìn quyển Tạng kinh và có sức trứ thuật rất đáng kể. Sách Tam Tạng Pháp Số là một công trình giá trị, có lợi lạc rất nhiều cho những ai có tâm tu học Phật pháp, đặc biệt là những người sơ học khao khát muốn tìm hiểu chân lý nhưng vướng ngại nhiều khó khăn trong rừng kinh điển Phật học.Với những người này, Tam Tạng Pháp Số là kim chỉ nam, là ánh đuốc sáng soi đường trong đêm tăm tối, là cây cầu dẫn đến biển Giác diệu vời. Mừng thay, sách này được dịch giả Lê Hồng Sơn chuyển dịch ra Việt ngữ dưới tựa đề "Từ điển Tam Tạng Pháp Số", bằng lời văn trong sáng, tế nhị, diễn tả trung thực nguyên tác, với tinh thần "tự tín suy minh tác giả tâm". Điều này cũng dễ hiểu vì Lê Hồng Sơn là một nhà giáo tâm huyết, có nhân duyên đặc biệt với nhà Phật, từ có thời gian dài sinh hoạt Phật giáo, đắm mình trong câu kinh lời kệ, hẳn am tường không ít Phật lý và hưởng được nhiều hương vị đạo. Cái tư vị ấy bàng bạc khắp các trang dịch, như thể người nhà nói chuyện nhà. Và có cái thú vị của người trong cuộc mà vẫn không gián cách với người môn ngoại. Để dịch công trình này, Lê Hồng Sơn có công phu học vấn nội điển đã đành mà đặc biệt ông còn có tâm nguyện suốt đời vì đạo, cống hiến hết khả năng giúp đỡ đồng đạo….Hạnh nguyện ấy hẳn được chư Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp hoan hỷ chứng tri hộ trì, giúp ông có nghị lực miệt mài tra cứu, phiên dịch, làm việc 8 giờ một ngày trong thời gian dài để hoàn thành công trình lợi lạc này và có thể xem đây như tấm lòng của kẻ hậu học đền đáp phần nào ân đức của các bậc cổ đức, thiện tri thức tiền bối cách đây 6 thế kỷ. Dịch giả nguyện làm cây cầu nối chuyển giao tâm tình: "Xin đem tình người trước, Gửi những kẻ về sau" cũng là học tập Bồ tát tâm hoài của vô lượng kiếp thánh hiền đời trước. Công đức ấy, thành ý ấy thật rất đáng trân trọng. Hi vọng sách này ra đời sẽ đóng góp thêm cho lâu đài Phật học nước nhà một viên gạch nền vững chắc trong nỗ lực Việt hóa Đại Tạng, một công trình lớn lao cần sự góp sức của nhiều người. Thiết nghĩ tác phẩm này rất có ích cho những ai thao thức, thiết tha tìm chân lý nhà Phật mà thiếu vốn chữ Hán, thiếu bản đồ chỉ đường. Dĩ nhiên, tác phẩm dịch thuật nào cũng không thể toàn bích nhất là chỉ với sức của một người. Kiến thức con người có hạn dù đã hết tâm để đền bù. Sách này hẳn còn những thiếu sót mong được chư vị thiện tri thức cao tăng đại đức chỉ

chính. Hẳn đó cũng là tâm nguyện của dịch giả. Ở đây, chúng tôi chỉ xin đóng góp mấy ý kiến với dịch giả là nên

cố gắng chuyển sang tiếng Việt những thuật ngữ Phật học nếu có thể được và nên sắp xếp mục lục theo thứ tự A, B, C. (Hiện sách xếp theo số mục từ 1 đến hàng vạn). Và cần thiết làm bảng sách dẫn ở cuối sách để tiện cho bạn đọc tra cứu. Rất mong sách quý sẽ gặp được người hữu duyên và Phật pháp mãi trường tồn cùng nhân thế. Xin có mấy vần ngẫu cảm: . , , . ,

Âm: Cảm Đề Pháp Số Từ Điển
Pháp số hằng sa lý diệu huyền.
Tùy cơ Phật thuyết, đại nhân duyên,
Thiên kinh vạn điển giai phương tiện,
Nhất đáo vô tâm tiện thị thiền.
Đoan Nghiêm thư
Tạm dịch:
Pháp số cơ man lý diệu huyền
Chẳng qua Phật dạy lẽ nhân duyên
Nghìn kinh muôn điển đều phương tiện
Chứng đến vô tâm ấy mới Thiền.
Ngày 25.11.2011- Phật lịch 2555
Nam mô A di đà Phật
Hậu học Đoan Nghiêm
Cẩn chí
NHẤT THIỆN TÂM NHẤT TÂM (Kinh Niết bàn) (Kinh Hoa nghiêm) Tức là nhất niệm khởi lên của Là tâm trong một niệm. Tâm tâm khi căn đối với trần. Nếu khởi tánh bao trùm tất cả. Tổng quát thì lên một niệm ác thì tiêu diệt các ứng nghiệm mọi sự vật, thu nhỏ lại việc thiện, nếu một niệm thiện khởi thì thành một niệm. Vì thế dù thiện lên thì phá trừ các việc ác. Vì thế dù ác, dù thánh dù phàm tất cả đều kinh nói rằng: Tu một tâm thiện thì từ tâm mà ra. Tâm vốn đủ vạn pháp phá tan được 100 thứ ác. và có khả năng làm thành mọi việc. Kinh nói: Tam giới không có pháp NHẤT NHÂN nào khác ngoài tâm. (Nhân chủ hộ quốc kinh) NHẤT TÂM ƯỚC GIÁO Là Phật vậy. Phật vốn từ trong HỮU DỊ loài người mà đắc đạo, cho nên (Hoa nghiêm cũng gọi là người. Thế gian và xuất Nhất thừa giáo nghĩa phân tề thế gian là bậc được tôn quí nhất và chương) vượt thắng nhất, nên gọi là một người. Kinh nói rằng: Tam hiền, Ngài Hiền thủ là Tổ sư một thập thánh còn mắc quả báo, chỉ có tông, chia giáo lý đức Phật ra làm Phật là một người ở tịnh độ (Tam năm: Tiểu giáo mượn Tứ đế mà nói hiền: Thập trụ, Thập hạnh, Thập để tâm được liểu ngộ. Thỉ giáo đề hồi hướng; thập thánh: Thập địa Bồ cập thức thứ tám để tâm hiểu được tát. Quả báo, thật báo độ. Tịnh độ: tất cả pháp duyên sanh đều không. thường tịch quang tịnh độ) Không thứ gì có tự tánh rồi lại nhận quả dị thục. Chung giáo đề cập NHẤT THÂN công đức vi diệu hằng sa, đều đầy (Kinh Hoa nghiêm) đủ ở tâm Như lai. Đốn giáo là cái tâm không sanh một niệm, không Là

pháp thân. Vì hoặc nghiệp nhiễm không tịnh, lý tánh hốt nhiên của mười phương chư Phật đã hoàn hiển hiện. Viên giáo là chủ, khách toàn thanh tịnh và thể của pháp viên dung, tất cả các pháp vô ngại. tánh hoàn toàn hiển lộ, tướng tự, một là tất cả, tất cả là một. Có, tha hoàn toàn không khác nhau. Vì không tự tại, trùm khắp vạn loài. thế gọi là một thân. Kinh nói thân Giáo pháp tuy có năm, nhưng của chư Phật chỉ là một pháp thân. không ra ngoài tâm, nên gọi là một tâm mà phân ra năm giáo khác nhau.

NHẤT NHƯ không nhìn thấy. Nhưng tam thân vốn là một thể. Căn cứ theo dụng (Phổ hiền hạnh nguyện của nó mà thiết lập danh xưng, nên phẩm sớ) có nhiều thứ. Luận nói rằng pháp Thân chơn thật của Như lai thân như thể của mặt trăng, ứng không hình không tướng, tựa như thân như bóng của mặt trăng. hư không. Tuy tựa hư không, tuy bao hàm vạn tượng, nhưng một NHẤT NGUYỆT TAM tướng cũng không có. Sớ nói: Đối CHU LUẬN với lãnh vực vật là tịch tĩnh, đối với (Hoa nghiêm kinh trung tâm của nhất hư là động sớ) dụng. Dòng sông trong veo và một NHẤT NGUYỆT DỤ mặt trăng. Người ngồi trong ba TAM THÂN chiếc thuyền khác nhau cùng nhìn. một thuyền đứng yên, hai thuyền đi (Bảo vương luận) theo hướng nam bắc. Người ngồi Một mặt trăng mà dụ cho ba trên thuyền đi về hướng nam thì thân: Thể (sáng) của mặt trăng dụ thấy mặt trăng cũng đi theo về pháp thân, ánh sáng của mặt trăng hướng nam. Người ngồi trên dụ báo thân, ảnh của mặt trăng dụ thuyền đi về hướng bắc thì thấy ứng thân. Bởi vì pháp thân tức là mặt trăng đi về hướng bắc. Người cái lý thường còn; lý và thể là một, ngồi trên thuyền đứng yên thì thấy không biến đổi, mà có khả năng mặt trăng bất động. phát sinh các pháp, thâu nhiếp được Ví dụ ấy dụ trí của Như lai bao vạn sự. Giống như cái thể của mặt trùm tất cả. Thế của trí ấy có mặt trăng là vầng sáng tại không trung mọi nơi, không nương không trụ, mà bóng của nó khắp các sông không đi không đến. Tất cả đều do ngòi, biển cả. Báo thân là cái trí chúng sanh duyên khởi mà sanh ra vắng lặng. Trí thì không có tự thể, những kết quả khác nhau. Cho nên nương nơi lý tính mà có, chiếu sáng thấy Như lai có tướng đi tướng trụ tất cả mà không chút sai lầm. nhưng thể của pháp thân thì không Giống như ánh sáng mặt trăng đi không trụ. chiếu khắp muôn vật không hề ẩn Mặt trăng là dụ đức Phật. ba dấu. chiếc thuyền là dụ chúng sanh Ứng thân là biến hóa của diệu trong cõi thế gian thấy Phật không dụng. Dụng không có tự tánh, từ giống nhau nên mới có ví dụ một thể mà phát sinh, có cảm thì có mặt trăng ba chiếc thuyền. ứng, không cảm thì không ứng. Giống như ánh trăng có nơi nào có nước thì có hiện, không có nước thì

NHẤT PHÁP đó trước nói pháp Tam thừa để tâm tánh chúng sanh thuần thục. Nên (Kinh Hoa nghiêm) kinh nói rằng: Từ Đạo Nhất thừa, Pháp có nghĩa là nguyên tắc phân biệt nói có ba. Sau đến hội chư Phật, Bồ tát, không có một vị Pháp hoa, việc tu hành theo Tam nào tu hành, thành chánh giác mà thừa, giờ trở về Nhất thừa rộng lớn. không theo pháp thể chơn như. Nên Lại nói: Cõi nước chư Phật mười kinh nói: Chỉ có một pháp mà được phương, chỉ có pháp Nhất thừa. xa lìa sanh tử, thành A nậu đa la (Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng Hoa tam miệu tam Bồ đề (vô thượng là Diệt độ; Thất bảo: Kim, ngân, chánh đẳng chánh giác) lưu ly, pha lê, xa cừ, xích chơn châu; Tam thừa: Thinh văn, Duyên NHẤT LÝ giác, Bồ tát). (Pháp hoa kinh huyền NHẤT VŨ nghĩa) (Pháp hoa kinh) Là bản thể của các pháp , lý tánh bao trùm, lớn mấy cũng không Là ví dụ

Phật nói pháp Nhất ra ngoài. Các Pháp , tuy khác nhau, thừa. Vì Phật nói Pháp hoa là chỉ nhưng nguyên lý chỉ có một, lý tuy nói cái lý thật tướng của Viên giáo là một, nhưng có khả năng thông thuần nhất. Tức là thấm nhuần mưa suốt các pháp. Các pháp tuy khác pháp Nhất thừa, khiến cho chúng nhau, không có pháp nào không sanh mở ra tri kiến Phật. Kinh nói: liên quan đến nguyên lý. Sự và lý Đó là điều mà kinh nói là thấm dung thông, các pháp khác nhau vô nhuần một trận mưa vậy. ngại. Các pháp thế gian và xuất thế gian, đều không ở ngoài lý này. NHẤT MÔN (Pháp hoa kinh) NHẤT THỪA Cửa có nghĩa là thông suốt. (Pháp hoa kinh) Tính xuyên suốt lý tánh của giáo Là Phật thừa. Thừa có nghĩa là nghĩa, thí như Phật nói giáo lý Nhất chuyên chở. Phật nói Nhất thừa thừa vậy, có khả năng thông suốt pháp để chúng sanh nương đây mà đến lý thật tướng: Nên kinh nói: tu hành, xa lìa biển khổ sanh tử, Chỉ có một cửa là vậy. đến bờ Niết bàn. Dụ như cái xe lớn chở bảy món báu được con trâu lớn màu trắng kéo NHẤT VỊ Phật ra đời, ý Ngài muốn nói (Pháp hoa kinh và Pháp thẳng Pháp hoa, nhưng vì căn cơ hoa huyền nghĩa) chúng sanh không bằng nhau; do

Là dụ giáo pháp Nhất thừa của duyên; thí dụ; Bổn sự; Bổn sanh; Pháp hoa. Như lai thuyết pháp, ắt Phương quảng; vi tằng hữu; luận khế cơ của chúng sanh. Cơ của nghị). chúng sanh lớn nhỏ khác nhau, nên trải qua bốn thời, ba giáo sắp xếp NHẤT ĐẠI SỰ NHÂN theo thứ tự, khiến cho chúng sanh DUYÊN vào Đại thừa; rồi sau mới vào hội (Pháp hoa kinh) linh sơn, thuần nói về một lý huyền diệu. ban đầu mở ra giáo pháp bốn một tức là thật tướng; Tánh của thời ba giáo, tức là Nhất thừa Viên nó rộng lớn nên gọi là lớn. Cách diệu. thức Như lai xuất thế độ sanh là sự. Ngoài Nhất thừa ra, hoàn toàn Chúng sanh có đầy đủ thật tướng không còn giáo pháp nào nữa. Nên này có khả năng thành Phật; nên kinh nói: nhanh chóng chấm dứt gọi là nhân. Như lai chứng được các pháp Thinh văn, đó là vua của thật tướng này mà có khả năng độ các kinh. Vì vậy Bồ tát Vô cấu tạng sanh, nên gọi là duyên. Tất cả chư vương, ở hội Niết bàn, bạch Phật Phật ra đời đều để khai thị cho rằng: Phật nói 12 bộ kinh, ví như từ chúng sanh cái thật tướng vốn có trâu ra sữa. Ví dụ này tương ứng này và khiến cho ngộ nhập tri kiến lúc đầu nói kinh Hoa nghiêm. của Phật. Kinh nói: Phật chỉ có một Kế đến từ sữa cho lạc. Ví dụ đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở vào thời thứ hai nói kinh A hàm. thế gian. Kế đến từ lạc sanh ra tô. Ví dụ vào thời thứ ba nói các kinh Tịnh NHẤT GIÁC danh, Bảo tích v.v… (Khởi tín luận) Kế đến từ tô sống sanh ra tô chín. Ví dụ vào thời thứ bốn nói Tánh giác vốn có của chúng kinh Bát nhã sanh trong mười phương . Chúng Kế đến từ tô chín sanh ra đề hồ. sanh trong lục đạo bị phiền não che Ví dụ vào thời thứ năm nói kinh khuất, không thể giác ngộ được, Pháp hoa; Niết bàn. nên gọi là bất giác. Những vị ở bậc Nếu dựa vào Pháp hoa mở đầu Tam thừa, dứt trừ phiền não chứng các giáo pháp, các thừa, tức là Nhất lý tánh, nhưng chưa rốt ráo, nên gọi thừa Viên giáo, thì rõ ràng hiển bày là phần giác. Chỉ đức Phật dứt hết nhũ lạc, hai tô đều thành một vị đề phiền não, thấy thấu suốt bổn tánh, hồ. Kinh nói: một tướng một vị là nên gọi là cứu cánh giác. đây (bốn thời là: Hoa nghiêm; Lộc Mê ngộ khác nhau, nhưng tánh uyển; Phương đẳng; Bát nhã- Tam giác vốn một. luận nói; xưa nay giáo là Tạng; Thông; Biệt -12 bộ bình đẳng, vì đồng một tánh giác. kinh là khế kinh; trùng tụng; Thọ (Thập giới: mười cõi là cõi Phật, ký; cô khởi; vô vấn tự thuyết; nhân cõi Bồ tát, cõi Duyên giác, cõi

Thinh văn, cõi trời, cõi người, cõi NHẤT THẬT TƯỚNG A tu la, cõi ngạ quỷ, cõi súc sanh, ẤN cõi địa ngục; Phật cũng gọi là (Pháp hoa huyền chúng sanh cao nhất trong tất cả chúng sanh; lục đạo: sáu đường là nghĩa) thiên đạo, nhân đạo, A tu la đạo, Lý chơn thật không hai không ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo; Tam khác, xa lìa các hư vọng; Ấn là thừa là Bồ tát thừa, Duyên giác niềm tin. Như các công văn trên thừa, Thinh văn thừa). đời có ấn là đáng tin. Bởi vì các kinh Đại thừa Phật nói là những lời NHẤT ĐẠO đáng tin cậy về lý thật tướng; ngoại (Hoa nghiêm kinh) đạo không thể xen vào; thiên ma không thể phá. Thật tướng ấn tức là Là giáo pháp tối thượng thừa do những lời Phật nói, nên không có Phật nói. Nếu nương vào đạo này thật tướng ấn tức là ma nói. Kinh tu hành thì mau dứt trừ phiền não nói: Thế tôn nói đạo chơn thật, ma và mau ra khỏi sanh tử; không ba tuần không có việc nầy. (Tiếng giống như Nhị thừa từ từ vượt ra. Phạn là ba tuần. Trung hoa gọi là Kinh nói; tất cả bậc vô ngại chỉ có ác. Thích ca Như lai ra đời là lúc có một con đường ra ngoài sanh tử. tên ma vương). (Nhị thừa: Thinh văn thừa, Duyên giác thừa). NHẤT THẬT CẢNH GIỚI ĐỆ NHẤT NGHĨA (Chiêm sát thiện ác (Đại tập kinh) nghiệp báo kinh) Là diệu lý vô thượng thậm Là lý của nhất thật tướng, thâm, thể của nó vắng lặng, tánh không thay đổi, không sanh diệt, tự của nó bao trùm, không danh tánh thanh tịnh, xa lìa tướng hư không tướng, dứt hết nghĩ bàn. vọng. Giống như hư không, bình Kinh nói: lý thậm thâm không thể đẳng, bao trùm. Phật và chúng sanh nói. Đệ nhất nghĩa đế xa lìa ngôn không hai không khác. ngữ, văn tự. NHẤT ĐỊA NHẤT THẬT ĐẾ (Pháp hoa kinh) (Niết bàn kinh) Đất của nhất thật tướng. Địa có Lý trung đạo thật tướng, không nghĩa là hay sanh tất cả mọi loài. hư vọng, không điên đão. Dù thánh Cây cỏ các giống đều nương đất mà dù phàm tánh vốn không hai, nên sanh trưởng. Ví như trời, người, gọi là nhất thật đế. Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát, tất

cả tập nhơn chúng tử đều nương phải không, chẳng phải có, xa lìa nơi thân ngũ uẩn mà tăng trưởng danh tướng không trong không đến thành thục. Đến hội Pháp hoa, ngoài; duy nhất chơn thật, không nghe Phật nói pháp Nhất thừa Bồ thể nghĩ bàn; chính là nhất chơn tát pháp tánh. Ngũ ấm là thật pháp giới. tướng địa. Kinh nói: Tất cả đều sanh từ đất. (Tập nhơn là cái nhân NHẤT TẠNG đã làm ra, liên miên không dứt- (Hoa nghiêm kinh sớ) Ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành thức). Tàng nghĩa là chứa đựng vì lý của pháp giới thì đứng về không NHẤT PHÁP ẤN gian bao quát mười phương, đứng (Tông cảnh lục) về thời gian thông suốt tam tế, đầy đủ pháp tắc, bao trùm tất cả, muôn Là trong một tâm niệm hàm lớp không cùng. Dù là pháp thế nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất gian, dù là pháp xuất thế gian đều thế gian, không thiếu sót một cái gì. chứa đựng hết thảy. (Tam tế là quá Nhưng các pháp này trong một tâm khứ , hiện tại, vị lai). hiển bày rõ ràng, như cái ấn đóng xuống mặt bùn mịn, hiện rõ phía NHẤT HỘI trước phía sau. Nên nói vạn vật (Pháp hoa yếu nghĩa) trong vũ trụ, không, pháp nào ngoài tâm. Là đức Phật ở trên hội Linh sơn, cùng đại chúng nói thời kinh NHẤT PHÁP GIỚI Pháp hoa. Vào đời Tuỳ , đại sư Trí (khởi tín luận) giả của tông Thiên thai, ở núi Đại tô, Quảng châu, tu pháp hoa Tam Là lý nhất chơn như, thể tánh muội, tụng kinh Pháp hoa, đến chan hòa như hư không, bình đẳng phẩm Dược vương Bồ tát rất là tinh không hai. tấn, gọi là chơn pháp, từng cầu cúng dường Như lai.

Bỗng dưng NHẤT CHƠN PHÁP thân tâm nhập vào định, thấy rõ hội GIỚI Linh sơn chưa tan. (Tiếng Phạn là (Hoa nghiêm kinh Tam muội, tiếng Hoa là chánh định) Tùy sớ diễn nghĩa sao). Không hai gọi là một. Không NHẤT CỰC vọng gọi là chơn. bao trùm tất cả (Phổ hiền hạnh nguyện gọi là pháp giới. Đó là pháp thân bình đẳng của chư Phật, từ xưa đến phẩm sớ) nay, không sanh không diệt, chẳng

Là diệu chỉ rốt ráo không hai lúc đục khác nhau, nhưng nguồn của Hoa nghiêm kinh quảng đàm của dòng sông ấy là một. pháp giới. Bởi vì Như lai là ra đời, đứng đầu các vị Bồ tát, nói cảnh NHẤT THỂ giới chơn thật của Phật và Bồ tát, (Pháp giới quán) không nói pháp phương tiện của Nhị thừa. Cho nên Thinh văn, Thể thường trụ của chơn tâm, Duyên giác tuy ở trong pháp hội tự tánh thanh tịnh, một thể không như kẻ điếc, hoàn toàn không nghe hai. Do vọng tưởng bỗng sanh cảnh được gì. Sớ nói: Diệu chỉ rốt ráo giới, cho nên có chúng sanh hữu truyền thuyết, bậc Nhị thừa không tình và quốc độ vô tình, từ một nghe được gì hết. chân tâm mà vọng sanh ra hai. Nên biết rằng hữu tình và vô tình đều là NHẤT TRÍ tự tâm của chúng sanh biến hiện, (Hoa nghiêm kinh Tuỳ sớ thật không có vật ở ngoài tâm. Vì thể bài tụng nói rằng hữu tình và vô diễn nghĩa sao) tình đều đồng một thể. Đường đến duy nhất của Phật thừa. Như lai giáo hóa, ban đầu tùy NHẤT KỆ cơ không đồng, nên nói Tam thừa, (Phiên dịch danh nghĩa) cuối cùng hiển bày đường đến Phật thừa. Sao nói muôn loài hỗn độn Trong sách Tây vực ký nói chọn ra điều chơn chánh; hợp tinh rằng: Xưa nói là kệ hoặc là kệ tha; thô đi về một hướng. Phạn âm là ngoa dã. Nay theo chánh âm gọi là Ca đà; Trung hoa NHẤT NGUYÊN dịch là Tụng. Câu năm chữ, bảy (Hoa nghiêm kinh Tuỳ sớ chữ không giống nhau trong các kinh, nhưng cứ bốn câu là một kệ diễn nghĩa sao) vậy. Cái thể sâu xa của pháp giới, thể này không thay đổi; chẳng chơn NHẤT CÚ chẳng vọng; vì theo duyên mà có (Hoa nghiêm kinh) chân có vọng. Nếu theo pháp tánh tịnh duyên thì có thể sanh ra giáo Kinh nói một câu Phổ nhãn pháp của các Phật. Nếu theo vô pháp môn, công đức không thể minh nhiễm duyên thì sanh ra pháp nghĩ bàn. Kinh nói rằng: Giả sử có của chúng sanh. Duyên nhiễm người lấy nước đại dương làm mực, duyên tịnh tuy khác nhau, nhưng lấy núi Tu di làm bút viết một môn thể của pháp giới không khác. Ví (pháp) trong phẩm Phổ nhãn pháp như nước chảy, tuy chảy lúc trong môn; viết một pháp trong một môn, viết một nghĩa trong một pháp, viết

một câu trong một nghĩa; không thể NHẤT TỰ ít hơn, huống nữa là viết hết. (Phổ (Đại phương quảng sư tử nhãn là ngoài nhãn không pháp nên hống kinh) gọi là phổ nhãn). Là chữ gọi một lý (tánh). Lý vốn không tên tuổi, vượt ngoài ý NHẤT NGÔN thức; lìa tánh, tướng: không làm, (Viên giác kinh lược sớ) không bảo người làm; không phải là suy nghĩ của chúng sanh. Chỉ có Thiền sư Khuê phong tông mật Phật hiểu thấu chữ cùng tột. Kinh tụng kinh Viên giác chưa hết, đến nói: Pháp chỉ có một chữ gọi chữ một câu (hay một chữ) bỗng nhiên không. khai ngộ, mới biết rằng tâm mình là tâm Phật, nhất định thành Phật. NHẤT NGHĨA Nên bài tựa của sớ nói: Vừa đọc xong câu thì tâm địa khai thông (Hoa nghiêm kinh) (rỗng rang). Là nghĩa lý trong một câu hay trong một pháp. NHẤT NGỮ (Hoa nghiêm kinh sớ) NHẤT ÂM

Là lời nói của Phật. Kinh nói: (Duy ma kinh) Phật trong một ngôn ngữ, diễn Âm thinh của Phật. Vì duyên thuyết vô biên khế kinh. Ví như của chúng sanh có sâu cạn, căn của mạch nước mới vừa chảy ra, chảy chúng sanh có chậm, lẹ khác nhau, thành một dòng không ngừng, rồi nên cùng nghe: Tiếng mà nghe hiểu thành sông, thành biển vô cùng. khác nhau. Ví như căn tánh của trời người thì nghe. Phật nói về ngũ NHẤT DANH giới, thập thiện; căn tánh của Thinh (Niết bàn kinh) văn thì nghe Phật nói về Tứ đế, căn tánh của Duyên giác thì nghe Phật Danh tức là danh tự. Nghĩa là nói thập nhị nhân duyên, căn tánh về lý tuy là một, nhưng mượn lời của Bồ tát thì nghe Phật nói về lục để trình bày rất nhiều không giống độ v.v... Mỗi căn tánh đều hiểu rõ. nhau. Như trong kinh chỉ có tên Kinh nói Phật dùng một âm để nói Niết bàn, Phật tuỳ cơ nói là vô pháp, tuỳ loại chúng sanh hiểu khác sanh, vô tác, vô vi, giải thoát, bỉ nhau. ngạn, vô thoái, an xứ, tịch tĩnh; vô tướng, vô nhị, nhất hạnh, thanh NHẤT ÂM GIÁO lương, vô tránh, kiết tường. Tuy có nhiều tên cũng chỉ là tên Niết bàn (Hoa nghiêm kinh sớ) mà thôi.

Giáo pháp một đời của đức là thật không thì đáng ra vi trần Phật. Tuy các pháp đốn, tiệm không hợp thành thế giới. Cho nên không giống nhau, nhưng không biết rằng chấp hữu chấp vô đều phải nói một âm. Vì thế pháp sư La không đúng lý. Kinh nói: Như lai thập nói tiếng nói của Phật là viên nói nhất hợp tướng, tức phi nhất âm, bình đẳng không hai, phổ biến hợp tướng; đó là gọi là nhất hợp không nghĩ suy, tuỳ căn cơ mà tướng. nghe được khác nhau. (Tiếng Phạn là La thập, Tiếng Hoa là Đồng thọ). NHẤT TÁNH (Niết bàn kinh) NHẤT TÔNG (Hoa nghiêm sớ) Là chánh nhân Phật tánh.
Tất cả chúng sanh đều có tánh này đầy đủ, Là cốt yếu vậy. Các kinh Đại vì quay lưng với tánh giác mà hòa thừa được Phật nói, tuy khác nhau, hợp với trần lao, nên bị phiền não không có kinh nào có cùng một lý. che ngăn. Nếu thuận tánh giác mà Như kinh Hoa nghiêm nói về pháp tu thì có thể vượt ra ngoài sanh tử , giới; kinh Bát nhã nói về Phật mẫu, chứng ngộ Niết bàn, cùng với Phật kinh Pháp hoa nói về thật tướng đã chứng không hai, không khác v.v... đều dùng một lý đề làm tông (Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng Hoa yếu. Sao nói: một tông gồm đủ là Diệt độ; Phiền não là tối tăm rối nhiều kinh. rắm, não loạn tâm thần).

NHẤT TƯỚNG NHẤT TÁNH (Khởi tín luận) (Hoa nghiêm kinh) Tướng chân thật của pháp giới. Gọi là tánh là vì cái nghĩa Từ xưa đến nay xa lìa tướng hư không thay đổi. Trên cao nhất là vọng, xa lìa tướng ngôn ngữ, xa lìa chư Phật, thấp nhất đến côn trùng, tướng danh tự, xa lìa tất cả tướng tuy phẩm loại rất khác nhau, của các pháp nên gọi là nhất tướng. nhưng không có loài nào là không có tánh. Mê tánh ấy thì bị sanh tử; NHẤT HIỆP TƯỚNG ngộ tánh ấy thì an vui Niết bàn. (Kim cang kinh) Mê, ngộ tuy khác nhau, tánh ấy vốn là một. Đó là nhất tánh. Là nói các trần hòa hợp mà sanh ra một thế giới. Thế giới vốn NHẤT NHÂN không. Vi trần không có. Chỉ vì chúng sanh không hiểu, vọng chấp (Niết bàn kinh) là thật. Nếu thật có, đáng ra thế giới Là cái lý thể thánh, phàm bình không phân chia thành vi trần. Nếu đẳng. Chư Phật ngộ lý thể ấy chứng

thành diệu quả. Chúng sanh mê mờ thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh; lý ấy luân hồi sáu nẽo. Nếu tất cả bệnh hạnh, anh nhi hạnh). người này dựa vào nhất nhân tu hạnh viên đốn, thì vượt xa cái nhân NHẤT HẠNH TAM tu của Tam thừa mà chứng được MUỘI quả Nhất thừa. (Văn thù sư lợi sở NHẤT NHƯ thuyết Ma ha Bát nhã ba la mật kinh) (Thủ lăng nghiêm Tam Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng muội kinh) Hoa là điều chơn định hay là chánh Không hai không khác gọi là định. Nhất hạnh Tam muội là nhất như, tức là lý của chân như. chuyên tu chánh định. Nghĩa là Trong chân như giới hoàn toàn người tu hành, ứng xử tự tại, bỏ ý không có giả danh Phật, trong bình loạn động, theo dõi tâm tánh, tưởng đẳng tánh không có hình tướng tự, niệm một Phật, chuyên từ danh tha; cho nên kinh nói: Ma giới như, hiệu. Tuỳ theo phương sở của Phật, Phật giới như là như không hai thân tâm ngay thẳng hướng về một không khác. (Ma tiếng Phạn là Ma vị Phật, liên tục tưởng niệm, không la, tiếng Hoa là kẻ sát nhân, vì nó biếng nhác. Trong một niệm có thể cướp công đức của người và giết thấy được mười phương chư Phật, chết huệ mạng của người. Tiếng được đại biện tài. Phạn là Phật, gọi đủ là Phật đà, tiếng Hoa là người giác ngộ, nghĩa NHẤT GIẢI THOÁT là tự giác, giác tha, giác hạnh viên (Niết bàn kinh) mãn vậy) - Phật thì làm việc cực thiện. Thiện, ác tuy hai, nhưng tánh Là tự tại vô ngại, không bị ràng vốn một; nên gọi là nhất như không buộc, câu thúc. Tất cả chúng sanh hai. đều có Phật tánh; vốn dĩ giải thoát ; chỉ vì tâm chấp trước, làm cho mê NHẤT HẠNH mờ, điên đảo, chịu các ràng buộc. (Niết bàn kinh) Nếu trong một niệm bỏ vọng về chân, cắt đứt triền phược, thì đồng Là hạnh của đức Phật. Hành có với chư Phật giải thoát, chẳng khác nghĩa là tiếng đến. Siêng làm hạnh nhau chút nào. này thì có thể tiến đến quả Phật. Tuy nói nhất hạnh, nhưng đủ năm NHẤT KHÔNG hạnh. Lại có chỗ nói nhất hạnh là (Tịch điều âm sở vấn Phật hạnh, nghĩa là trong một hạnh có đủ năm hạnh. (năm hạnh là kinh)

Tất cả các pháp không có tự là nhất sanh (Từ thị là Bồ tát Di tánh. Hoặc là sắc, là tâm, là y báo, lặc). là chánh báo, cho đến các pháp thánh, phàm, nhân, quả; tuy có vô NHẤT LAI số không giống nhau, nhưng tìm (Tứ giáo nghĩa) cầu thể tánh, cuối cùng đều không. Kinh nói : Như khoảng không trong Là quả thứ hai Tư đà hàm, cái chén bằng sành hay trong cái trong chín phẩm tư hoặc ở cõi dục, chén bằng châu báu, thì giống nhau tuy đã dứt sáu phẩm trước, còn ba là không, không hai, không khác. phẩm sau, nên phải trở lại dục giới (Y báo là quốc độ, chánh báo là một lần nữa thọ sanh, vì thế gọi là thân mạng của chúng sanh). nhất lai . (Tiếng Phạn là Tư đà hàm, tiếng Hoa là nhất lai. chín NHẤT KHÔNG phẩm là ba phẩm thượng, trung, hạ (Pháp hoa kinh) rồi mỗi phẩm lại chia làm ba phẩm nữa). Các vị Đẳng giác Bồ tát hoặc nghiệp, vô minh chưa hết, còn một NHẤT SƯ lần biến dịch sanh tử, qua khỏi lần (Tứ phần giới phẩm) nầy thì lên quả vị Phật. Đó là lý do gọi các vị Đẳng giác Bồ tát là nhất Là thầy dạy bảo mình, trao sanh bổ xứ. Kinh nói: một lần sanh truyền giáo pháp cho mình. Tất các tử sẽ chứng được A nậu đa la tam Tỳ kheo cùng học một thầy, phải miệu tam Bồ đề (vô minh có cái hòa thuận, vui vẻ, không tranh cãi không hiểu rõ, tức lầm lạc, chướng như nước với sữa, ở trong Phật ngại về lý tánh các pháp. Nhân thay pháp ngỏ hầu mới tăng trưởng lợi đổi, quả chuyển dịch gọi là biến ích, nên gọi là nhất sư (Tiếng Phạn dịch sanh tử) là Tỳ kheo, tiếng Hoa là khất sĩ).

NHẤT SANH NHẤT TỬ (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ (Niết bàn kinh) diễn nghĩa sao) Các vị Bồ tát tu hạnh từ bi nhìn Thiện tài đồng tử, trong một thấy chúng sanh như con của mình. đời, chứng thành Phật quả. Bồ tát Nếu chúng sanh tu tập nghiệp lành, Từ thị khen ngợi Thiện tài rằng các tiến lên thánh đạo, các Ngài vui vị Bồ tát khác, trong vô lượng kiếp mừng. Nếu thấy chúng sanh tạo tác mới đầy đủ hạnh nguyện, con của nghiệp ác, trôi lăn trong sanh tử, ông trưởng giả này, chỉ trong một các Ngài đau buồn. Kinh nói: xem đời, mà có thể thanh tịnh Phật độ, chúng sanh giống như con mình. có thể hóa độ chúng sanh, nên gọi

NHẤT TU NHẤT THIẾT chẳng sâu, không có, không không; TU không thiếu pháp nào; không có chỗ nào chẳng thông suốt, vì vậy đã (Hoa nghiêm Tùy chứng đắc một nơi thì tất cả nơi sớ diễn nghĩa sao) đều chứng được. một hạnh tu tất cả hạnh đều tu là người thượng căn đại trí, khi NHẤT THÀNH NHẤT THIẾT toàn tâm tánh phát tâm tu thì tu đến THÀNH cứu cánh tức là tánh. Tu và tánh (Hoa nghiêm kinh không hai; sự lý dung thông. Đốt sớ) hương, rải hoa cúng dường không ra ngoài trung đạo. Tập thiền, tụng một đức Phật thành đạo thì cả kinh cuối cùng đều là chân như. pháp giới này cùng đều y báo và Nên nói: một hạnh tu thì tất cả hạnh chánh báo của Phật. Khi còn mê thì đều tu. y báo đều mê, khi ngộ y báo đều ngộ. Kinh Lăng nghiêm nói một NHẤT ĐOẠN NHẤT người phát khởi chơn tâm trở về THIẾT ĐOẠN nguồn thì mười thế giới này liền tiêu mất. (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ diễn nghĩa sao) NHẤT VỊ NHẤT THIẾT Người thượng căn đoạn trừ VỊ phiền não không phải lần lữa. (Hoa nghiêm Người trung, hạ căn, không biết kinh sớ) phiền não tức là chơn trí, vì thế dứt Người thượng căn chứng được trừ phiền não phải có thứ lớp, lần một địa vị thì công đức có đầy đủ lữa. Người thượng căn hiểu rõ tất cả địa vị. Vì rằng địa vị đã phiền não tức là trí huệ; thấu suốt chứng được ấy hoàn toàn là pháp vọng tức là chân. tánh. Mà pháp tánh thì bao trùm và Ngoài phiền não không có trí tuệ; công đức vô cùng, không có gì là ngoài vọng không chân. Đó là lý do không chứa trong đó; nên chứng một dứt trừ là tất cả dứt trừ. một địa vì thì công đức tất cả địa vị NHẤT CHỨNG NHẤT THIẾT đều đầy đủ. CHỨNG NHẤT HẠNH NHẤT (Hoa nghiêm kinh THIẾT HẠNH Tùy sớ diễn nghĩa sao) (Hoa nghiêm kinh Người thượng căn dùng trí viên sớ) diệu chiếu soi tánh cảnh viên dung, không đầu không cuối; chẳng cạn,

Người thượng căn dựa vào giáo NHẤT SÁT NA lý Nhất thừa viên dung, dựng lập (Nhân vương hộ quốc hạnh viên đốn. Lập hạnh viên đốn thì khế hợp với Nhất thừa. Vì thế kinh) trong một hạnh mà có đầy đủ các Tiếng Phạn là sát na, tiếng Hoa hạnh khác. là một niệm. Kinh nói: trong một niệm có 90 sát na. Trong một sát na NHẤT CHƯỚNG NHẤT THIẾT có 900 lần sanh diệt. Luận Câu xá CHƯỚNG nói: thời gian ngắn nhất gọi là sát (Hoa nghiêm Tùy na (Niệm có lớn, nhỏ. Nhất niệm là sớ diễn nghĩa sao) niệm lớn; sát na là niệm nhỏ)

Chúng sanh tạo tác ác nghiệp. NHẤT CĂN Tâm sân một niệm nổi lên, trăm (Lăng nghiêm kinh) ngàn cửa chướng ngại mở ra, tất cả căn lành đều tiêu diệt, tất cả nghiệp Tức là nhĩ căn. Vì người ở nơi chướng đồng thời tăng trưởng. Đó này, nhĩ căn rất lanh lợi, nghe pháp là lý do một chướng ngại nổi lên thì dễ thâm nhập, nên Ngài Văn thù tất

cả chướng ngại đều xuất hiện. chọn lựa môn Viên thông, chọn nhĩ căn là số một. Nhưng dùng nhĩ căn NHẤT NIỆM để tu môn viên thông thì phải chờ (Hoa nghiêm kinh) nó đi vào thông suốt mới được, ắt đến một lúc nào đó sẽ thoát ra một niệm tức là tâm niệm, một ngoài thinh trần, nghe trở lại tự niệm này có niệm chơn, có niệm tánh, sau rồi trở về nguyên bổn. vọng. Nếu phàm phu khởi niệm khi một căn đã đạt rồi thì các căn căn tiếp xúc trần, niệm trước diệt còn lại cũng được vắng lặng. Kinh niệm sau sanh liên tục, ấy là vọng nói: một căn đã trở về tự tánh thì niệm. Nếu niệm trong sáng, mầu sáu căn đều được giải thoát. nhiệm, thấu triệt, linh thông xa lìa căn trần, ấy là niệm chánh trí của NHẤT CƠ Phật. Niệm này của Phật không (Lăng nghiêm kinh) sanh không diệt, không thường không đoạn; thu lại một sát na mà Cơ là cơ quan, tức là nơi phát không phải là ngắn; kéo dài vô khởi, một cơ ví dụ nhĩ căn, một căn lượng kiếp mà không phải là dài. trở về tự tánh, các căn khác đều Kinh nói: một niệm nhìn khắp vô được giải thoát. Kinh nói: tuy các lượng kiếp. (Tiếng Phạn là Sát na, căn động, cốt do cơ quan nảy ra. tiếng Hoa là một niệm-Tiếng Phạn là kiếp hay kiếp ba, tiếng Hoa là phân biệt thời gian).

NHẤT SẮC Phạn là Tam ma đề, tiếng Hoa là đẳng trí, xa lìa hôn trầm, trạo cử (Nhân vương kinh sớ) gọi là đẳng, khiến cho tâm trụ vào Là đối tượng của nhãn căn, sắc tánh cảnh, gọi là trí-các lậu là sanh tức là pháp giới, có đầy đủ ba đế. tử trong tam giới). Vì thể tánh của tất cả pháp dung thông, vô ngại. NHẤT PHÁT Nếu tất cả sắc tức là một sắc, ấy (Ma ha tăng kỳ luật) là chơn đế, quên hết các chấp vậy. Nếu một sắc tức là tất cả sắc, ấy là Mặt trời lên quá ngọ khoảng tục đế, kiến lập tất cả pháp vậy. một sợi tóc. Vì người tu hành pháp Nếu chẳng một chẳng phải tất cả, trì trai, thì mặt trời chính ngọ, mới cũng một cũng là tất cả, ấy là trung được ăn uống. Nếu mặt trời quá đạo đế, song già song chiếu. ngọ khoảng một sợi tóc thì không Tóm lại, không phải chỉ sắc nên ăn. trần mà đầy đủ ba đế mà năm trần còn lại cũng đầy đủ ba đế. Đơn cử NHẤT HÀO sắc thì tất cả từ sắc, ngoài sắc (Phổ hiền hạnh nguyện không có pháp. Sớ nói một sắc, một phẩm sớ) lượng đều là trung đạo. (Pháp giới là các pháp đều lấy tam đế làm giới Sớ nói: Pháp môn nhất tự, lấy phận (hạn), đứng về lý-song già, nước biển làm mực viết cũng song chiếu. Già là bị tình che lấp; không hết, việc thiện nhỏ như sợi chiếu nghĩa là soi rõ tánh thể. Tức lông, hư không có thể hết, việc là song già chơn tục, song chiếu thiện ấy không cùng. Câu này trong chơn tục) Hoa nghiêm đại kinh, công đức to lớn không thể đo lường, không thể NHẤT CHỈ nói hết. Hư không có thể hết, việc thiện nhỏ như sợi lông không cùng. (Lăng nghiêm kinh) Một ngón tay của NHẤT MAO bàn tay, kinh nói: sau khi ta nhập (Lăng nghiêm kinh) diệt, nếu có Tỳ kheo phát tâm quyết định tu Tam ma đề, có thể đối trước Kinh nói: ở trên ngọn một sợi hình, tượng Phật, tự mình đốt một lông hiện cõi nước Bảo vương. Đó ngọn đèn, hay một lóng tay, đến là trong chánh báo hiện y báo. Vì trên thân thể đốt một hương chú, ta Phật đầy đủ thần thông, không thể nói là oan trái của người ấy từ vô nghĩ bàn, nên trong y báo hiện thỉ đã trả xong trong chốc lát, được chánh báo, trong chánh báo hiện y thế gian cung kính, vĩnh viễn thoát báo. Y, chánh báo dung thông; sự, khởi phiền não, sanh tử. (Tiếng lý không ngại; lớn, nhỏ trong nhau;

một, nhiều bình đẳng. Cho nên trên môn bất nhị. Đó chính là im lặng đầu sợi lông, có thể hiện cõi nước mà nói, nói mà im lặng (Tiếng Bảo vương. Phạn là Văn thù sư lợi, tiếng Hoa là Diệu đế; tiếng Phạn là Duy ma cật, NHẤT KHÍ tiếng Hoa là Tịnh danh). (Viên giác kinh lược sao) NHẤT THỜI Khí là nguồn gốc của đạo, căn (Lời nói đầu các kinh) bản của âm dương, trời đất. Lấy để dụ tự tánh thanh tịnh của tâm, trước Là thời gian tập hợp Phật và đệ khi chưa khởi lên nhiễm, tịnh; chư tử, bên nói, bên nghe nên đầu các Phật, chúng sanh bình đẳng không kinh đều có câu nhất thời. Pháp hoa hai. Tất cả pháp, không pháp nào là văn cú nói văn, trì hòa hợp cùng không từ tâm này sanh ra, nên lấy một thời gian (Văn, trì là đệ tử theo khí để dụ vậy. Phật nghe mà thọ trì).

NHẤT MÂU NHẤT THỜI NHẤT THIẾT THỜI (Ma ha tăng kỳ luật) (Hoa nghiêm kinh Mâu là nháy mắt. Luật nói: hai0 nháy mắt gọi là một đàn chỉ (búng sớ). tay). Người tu pháp trì trai, mặt trời Là thời gian một giờ tức là vô đứng ngọ, mới được ăn uống. Nếu lượng kiếp; vì Phật đạt Trí, Cảnh mặt trời quá ngọ một nháy mắt, thì viên dung, nên dài, ngắn, không không nên ăn. ngại, nên có thể rút ngắn nhiều kiếp, trong một giờ mà kéo dài một NHẤT MẶC giờ ra nhiều kiếp. Kinh nói trong (Duy ma kinh) một niệm nhìn thấy vô lượng kiếp.

Mặc là không nói. Im lặng NHẤT THỰC ngược lại với nói. Chư Phật, Bồ tát (Duy ma cật sở thuyết hoặc nói hoặc im lặng, đều có thể biểu thị diệu lý. Nên trong kinh ba0 kinh) Bồ tát đàm luận về pháp môn bất Người thế gian chia ra ăn từng nhị xong. Văn thù sư lời hỏi Duy phần, từng bữa, gọi là đoàn thực. ma cật rằng: Nhân giả đang nói Bồ Nếu trong một bữa ăn ấy mà hiểu tát nhập pháp môn bất nhị nào? Lúc rõ tam tế, thì liền thành pháp thực. ấy Duy ma cật im lặng không trả Sau vận dụng tâm bình đẳng, trên lời. Văn thù sư lợi nói: Lành thay, cúng dương chư Phật, giữa cung lành thay; đến văn tự ngữ ngôn phụng hiền thánh, dưới đến sáu cũng không có mới thật vào pháp đường chúng sanh. Bình đẳng bố

thí không sai khác. Kinh nói: Dùng NHẤT SÁT một bữa ăn bố thí tất cả là vậy ((Phiên dịch danh nghĩa) Tam đế : Chơn đế, tục đế, trung đạo đế) Tiếng Phạn là sát, gọi đủ là sát na; tiếng Hoa là ruộng đất (thổ NHẤT XAN điền), tức là đất nước (quốc thổ). (Pháp hoa kinh) Cảnh vực giáo hóa của một đức Phật là cõi nước gồm đại thiên thế Là một bữa cơm (ăn cơm). Vì giới (một mặt trời, một mặt trăng hàng Thinh văn, trong hội Bát nhã, chạy quanh núi Tu di, soi sáng bốn mong cầu Phật giúp đỡ, vì chư Bồ thiên hạ, là một thế giới. tát nói kinh Đại thừa, hàng Thinh 1000 thế giới = một tiểu thiên thế văn tự cho mình là Tiểu thừa, nên giớ. đối với Đại thừa pháp không sanh 1000 tiểu thiên thế giới = một trung tâm vui mừng, ví như thấy thức ăn thiên thế giới. ,và không thể ăn được. Kinh nói: 1000 trung thiên thế giới = một đại Hoàn toàn không móng tâm ăn một thiên thế giới). bữa cơm. NHẤT LỘ NHẤT THIẾT (Thủ lăng nghiêm kinh) (Phiên dịch danh nghĩa) Lộ giống như đạo là đường đi, Nhất là ý nói tổng quát, thiết là có thể thông suốt các nơi. Chư Phật ý nơi rốt ráo. Lại nói cứu cánh xa lìa sanh tử vào đại Niết bàn, tất không hai nên gọi là nhất. Tánh của cả đều dùng Lăng nghiêm đại định nó rộng lớn gọi là thiết, nên gọi là làm con đường chánh, bỏ con tất cả. đường này thì không thể vào Niết bàn được. Kinh nói: Các bậc Bạt NHẤT XỨ già phạm trong mười

phương, chỉ (Di giáo kinh) có một con đường đi vào Niết bàn. (Tiếng Phạn là Thủ lăng nghiêm, Là tâm chuyên chú vào một tiếng Hoa là kiện tướng hay tất cả cảnh, không chạy theo cảnh khác. việc đều rốt ráo, vững chắc; Tiếng Người tu hành nếu nhiếp tâm, kiểm Phạn là Bạt già phạm là hiệu chung soát niệm, không chạy theo các của Phật. Nó có sáu nghĩa: Tự tại, duyên thì việc tu hành thành công rất thịnh vượng, đoan nghiêm, danh chắc chắn. Kinh nói: Giữ gìn tâm xưng, kiết tường, tôn quí) một chỗ, không có việc gì không thành. NHẤT TRẦN (Hoa nghiêm kinh)

Một hạt bụi. Kinh nói: Thí dụ NHẤT CÁI có rất nhiều quyển kinh, số lượng (Duy ma cật sở thuyết bằng đại thiên thế giới , nhưng nằm trọn trong một hạt bụi. một hạt bụi kinh) đã như thế mà tất cả hạt bụi đều Kinh nói: Trong thành Tỳ da ly, như thế. Lúc ấy có một người có một trưởng giả có một đứa con, (Phật) trí huệ sang suốt thông đạt, tên là Bửu tích, cùng với con của có con mắt thanh tịnh đang xem 500 vị trưởng giả khác tập trung, những quyển kinh này. Ở trong hạt tay cầm lộng bảy báu đến cúng bụi, liền dùng phương tiện, phá vỡ dường Phật. Phật dùng oai thần hạt bụi, lấy quyển kinh ra, khiến khiến những cái lộng ấy hợp thành cho chúng sanh được rất nhiều lợi một cái lộng duy nhất, che khắp đại ích. Dùng thí dụ này để nói trong thiên thế giới. 500 cái lộng ấy thân của chúng sanh có đủ trí huệ tượng trưng năm ấm, hợp thành vô ngại của Phật; chỉ vì chúng sanh một cái lộng, tượng trưng một tâm. vọng tưởng điên đảo mà không tự Dùng pháp ngũ ấm biểu hiện rằng biết; chỉ có chư Phật mới có thể toàn thể đều là từ tâm (Tiếng Phạn biết được điều ấy. Đó là dùng là Tỳ da ly, tiếng Hoa là quảng bác phương tiện, khiến cho chúng sanh nghiêm tịnh: Trang nghiêm thanh tu theo chánh đạo, phá hết sai lầm, tịnh rộng lớn). phiền não, xuất hiện trí huệ chơn thật của Phật. Cho nên nói rằng NHẤT KẾ trong một hạt bụi chứa hơn một (Phạm võng kinh) ngàn quyển kinh. Kinh nói: một cây kim, một NHẤT ÂU ngọn cỏ không được lấy cớ để ăn (Lăng nghiêm kinh) cắp. Người trì giới, tuy là vật nhỏ nhất, không được cố ý ăn cắp. Là một bọt nước. Nước biển vốn trong trẻo; vì gió thổi làm dậy NHẤT HOA sóng, phát sanh ra bọt nước. Dùng (Phạm võng kinh) hiện tượng này ví dụ tánh đại giác, hoàn toàn yên lặng sáng tỏ, vì vọng Kinh nói: Ta nay là Lô xá na động của tâm phát sanh ra thế giới đang ngồi trên đài sen (Ta: Phật như hư không. Thế giới (nhiều) Thích ca - tiếng Phạn Lô xá na, như hư không ở trong tánh đại giác, tiếng Hoa là Tịnh mãn; phiền não giống như một cái bọt nước trong không còn gọi là tịnh; đức độ đã biển cả vậy. Kinh nói: Hư không đầy đủ gọi là Mãn - Phương tọa là sanh trong tánh giác, như một bọt ngay thẳng nghĩa là an trụ nơi nước bập bềnh trong biển cả vậy. chánh pháp- Liên hoa là hoa tạng thế giới, vì nó có hình giống hoa

sen, nên lấy đó đặt tên; Đài là trung trăm, ngàn năm đều có thể phá tan ương của hoa tạng thế giới. Kinh hết. Đèn tâm Bồ đề cũng như thế Hoa nghiêm nói: Phong luân duy trì đem vào trong tâm của chúng sanh, trên biển hương hải. Hương hải bách thiên vạn ức kiếp không thể mọc lên hoa sen. Trên hoa sen duy nói được, các nghiệp phiền não vô trì một thế giới). Xung quanh trên số ám chướng, đều có thể trừ hết, ngàn hoa sen, lại hiện lên ngàn vị nên gọi là một ánh đèn (Tiếng Phạn Phật Thích ca (hoa sen có ngàn lá, là Bồ đề, tiếng Hoa là đạo). nên nói là ngàn hoa. (Trên mỗi lá hoa hiện một Phật Thích ca, nên NHỊ PHÁP THÂN gọp lại hiện ngàn Phật Thích ca. (Hoa nghiêm kinh

sớ) 1000 Phật Thích ca này gọi là Phật Tì lô xá na xuất hiện). Một, Lý pháp thân. một hoa có 100 ức nước. Mỗi Lý là tánh đức. Nghĩa là tánh nước có một Phật Thích ca (Trên thì thanh tịnh, thể thì sáng suốt, xưa mỗi lá hoa lại hiện 100 ức quốc độ. nay xa lìa niệm khởi bằng giới hạn Trong mỗi quốc độ lại hiện một của hư không, không nơi nào là Phật Thích ca, thì có thiên bách ức không bao trùm, chư Phật và chúng quốc độ và thiên bách ức Phật sanh đều cùng một tướng. Vì thế Thích Ca. Thiên bách ức Phật gọi là lý pháp giới. Thích ca này là từ trên 1000 lá hoa Hai, Trí pháp thân. sen mà 1000 Phật Thích Ca xuất Trí tức là tu đức. Nghĩa là trí rốt hiện. ráo của thể giác, khế hợp với lý Tóm lại Phật Lô xá na hiện ra thanh tịnh của bổn giác. Lý, trí 1000 Phật Thích ca. 1000 Phật tương dung; tâm, sắc không hai. Thích ca hiện ra thiên bách ức Phật Cái gì vốn dĩ của trí thì gọi trí pháp Thích ca. thân. Nay bốn thiên hạ này chính là một quốc độ trong thiên bách ức NHỊ PHÁP THÂN quốc độ. Phật Thích ca chính là (Vô trước luận) một đức Phật trong thiên bách ức đức Phật). Một, Trí tướng pháp thân. Nghĩa là trí huệ đầy đủ, mới có NHẤT ĐĂNG thể diễn thuyết các pháp; vì vậy (Hoa nghiêm kinh) thuyết pháp là cái tướng của trí huệ. Do trí tướng này đi đến vị trí Đèn có thể phá tan bóng tối. pháp thân. Vì thế gọi là trí tướng Dùng để dụ tâm Bồ đề có thể phá pháp thân. tan bóng tối phiền não. Nên kinh Hai, Phước tướng pháp thân. nói: Ví như một cây đèn sáng đem Nghĩa là lấy bảy báu trong đại vào trong nhà tối. Bóng tối lâu thiên thế giới bố thí, không bằng

thọ trì một câu trong tứ cú kệ. Nên Nghĩa là Phật dùng sức phương kinh Kim cang nói: Đối với kinh tiện hiện sanh hiện diệt; hiện xuất này thọ trì chỉ đến bốn câu kệ…., vì gia, hiện thành Phật; tất cả ác pháp người giảng nói, phước đức của trừ hết, tất cả thiện pháp đều thành người này hơn người kia. Do phước tựu; thứ lớp nói pháp độ chúng tướng này đến được vị trí pháp sanh. Đó là sanh tử thân. thân. Vì thế gọi là phước tướng pháp thân. NHỊ PHẬT THÂN (Niết bàn kinh) NHỊ PHÁP THÂN (Khởi tín luận sớ) Một, Sanh thân. Nghĩa là thân từ cha mẹ sanh Một, Ngôn thuyết pháp thân. ra, tức là thân ứng hóa của Phật. Nghĩa là pháp thân vô tướng, Hai, Pháp thân. vốn xa nói năng. Tuy xa lìa nói Nghĩa là thân vốn có của pháp năng, nhưng không dùng lời nói thì tánh. Nếu Phật ra đời hay không ra không lấy gì trình bày. Vì thế gọi là đời, pháp thân thường trụ bất động, ngôn thuyết pháp thân. không hề thay đổi. Hai, Chứng đắc pháp thân. Nghĩa là thể của pháp thân rộng NHỊ PHẬT THÂN khắp, mọi vật đều có đầy đủ. Chỉ vì (Niết bàn kinh) mê nên không thể hiển bày hoàn toàn. Nếu không tu tập, làm sao Một, Thường thân. chứng được. Vì thế dùng tâm thỉ Thân thường trụ giải thoát của giác khế hợp với lý bổn giác. Thỉ, Như lai, đức độ đầy đủ, hạnh bổn không hai, tức là giác ngộ hoàn nguyện tròn đầy. Bách thiên vạn ức toàn. Đó là chứng đắc pháp thân. kiếp về trước chưa từng sanh; bách thiên vạn ức kiếp về sau chưa từng NHỊ PHẬT THÂN diệt. Vì thế gọi là thường thân. Hai, Vô thường thân. (Niết bàn kinh) Phật phương tiện muốn độ thoát Một, Pháp tánh thân. khổ đau cho chúng sanh, thị hiện Pháp tánh là pháp thân vậy. cái thân sanh tử, rồi xuất gia, tu Nghĩa là thân pháp tánh này biến đạo, thành Phật, thuyết pháp, nhập khắp mười phương không ngằn mé, Niết bàn. Vì thế gọi là vô thường sắc thân đoan chánh, tướng hảo thân. trang nghiêm, dùng vô lượng ánh sáng, vô lượng ngôn từ độ pháp NHỊ THÂN thân Bồ tát ở mười phương.

Đó là (Hoa Nghiêm Kinh Sớ) pháp tánh thân. Hai, Sanh tử thân. Một, Chơn thân.

Nghĩa là chơn trí và pháp thân Nghĩa là vì có đủ căn cơ của hợp thành, nên gọi là chơn thân. bậc Đại thừa Bồ tát hoặc hiện thân Khởi tín luận nói: Tự thể có trí huệ tám mươi bốn ngàn tướng tốt, hoặc quang minh lớn, sáng soi khắp hiện thân có vô số tưởng tốt như vi pháp giới. trần khắp cả hư không. Vì thế gọi Hai, Ứng thân. là đại hóa thân. Nghĩa là hiện vô số thân tùy Hai, Tiểu hóa thân. theo tâm lượng hóa độ chúng sanh Nghĩa là Phật có đầy đủ căn cơ ứng với muôn loài. Ví như một mặt của Tiểu thừa và trời, người hoặc trăng hiện khắp sông ngòi (ở đâu có hiện thân ba mươi hai tướng tốt, nước) dù mặt trăng đứng im một một trượng sáu thước. Vì vậy, gọi chỗ. Kinh Kim quang minh nói: là tiểu hóa thân. (ba mươi hai tướng Theo vật hiện hình, giống như tốt: 1. Bàn chân bằng phẳng, vững trăng trong nước. chãi; 2. Chỉ lòng bàn chân xoáy tròn như nan hoa bánh xe; 3. Ngón NHỊ CHỦNG SẮC THÂN tay thon dài; 4. Chân, tay mềm dịu; (Phật địa kinh luận) 5. Kẻ tay, chân có lớp da mỏng như lưới; 6. Gót chân đầy đặn, 7. Mu Một, Thật sắc thân. bàn chân cao tròn; 8. Bắp chân thon Thật là thật có, chư Phật, từ dài như tướng lộc vương; 9. Tay nhân, ở vô số kiếp tu các nghiệp dài quá gối; 10. Nam căn ẩn kín; tướng tốt… đem đến kết quả vô 11. Thân hình cao và cân đối; 12. lượng tướng tốt trang nghiêm và Lỗ chân lông phát ra màu xanh; 13. thân của các Ngài khắp trong pháp Lông trên mình uốn xoay về bên giới. Vì vậy gọi là thật sắc thân. phải; 14. Thân sáng ánh như vàng Hai, Hóa sắc thân. thẳm; 15. Quanh thân có hào quang Hóa là biến hóa. Chư Phật, do chiếu ra một trượng; 16. Da mỏng, sức bi nguyện lớn, hóa hiện các Bồ mịn; 17. Lòng bàn chân, tay, hai tát lớn, hiện vô số thân, vô số tướng vai, đỉnh đầu, bảy chỗ ấy đều đầy tốt, vô số tiếng nói, tùy nơi, tùy lúc, đặn; 18. hai nách đầy đặn; 19. Thân tùy theo sở thích mà biến hiện ra đỉnh đạt như Sư tử; 20. Thân thể các thân hình, vô lượng vô chừng. ngay thẳng, đoan chánh; 21. hai vai Vì thế gọi là hóa sắc thân. tròn trịa cân phân; 22. bốn mươi cái răng; 23. Răng đều, trắng và khít; ĐẠI TIỂU NHỊ HÓA 24. Răng cửa lớn trắng và trong; THÂN. 25. hai bên má cao và đầy đặn như (Hoa nghiêm kinh sư tử; 26. Nước bọt trong họng thơm; 27. Lưỡi rộng và dài; 28. Tùy sớ diễn nghĩa sao) Giọng nói vang rền; 29. mắt xanh Một, Đại hóa thân. biếc; 30. Lông mi như ngưu vương; 31. Giữa hai lông mày có lông

trắng thường chiếu sáng; 32. Trên Nghĩa tự mình đã giác ngộ rồi, đỉnh đầu có cục thịt nổi cao bằng vận dụng vô duyên từ, rộng nói các búi tóc). pháp, mở mang việc giác ngộ cho chúng sanh, khiến đều xa lìa khổ PHẬT NHỊ CHỦNG sanh tử, được vui Niết bàn, nên gọi THẬP THÂN là giác tha. (Hoa nghiêm kinh) NHỊ GIÁC Một, Dung tam thế gian vi thập (Khởi tín luận) thân. Tức là chúng sanh, đất nước, trí Một, Bổn giác. chánh giác là ba cái thuộc thế gian. Tâm thể của chúng sanh, linh Nói là dung hợp ba thế gian thành diệu, sáng suốt, rỗng rang, xưa nay mười thân là chúng sanh thân, xa lìa các niệm, rộng tựa hư không, nghiệp báo thân. Đó là chúng sanh bao trùm tất cả. Đó chính là pháp thế gian, quốc độ thân. Tức là quốc thân bình đẳng của Phật. Vì vậy gọi độ thế gian, Thinh văn thân, Duyên là bổn giác. giác thân, Bồ tát thân, Như lai thân, Hai, Thỉ giác. Trí thân, Pháp thân, Hư không Tâm nguyên bổn giác của thân. Tức trí chánh giác thân thế chúng sanh, huân tập vô minh, giác gian. thành bất giác, nhiều kiếp mê lầm, Hai, Phật tự cụ thập thân là: bây giờ mới giác ngộ. Vì vậy gọi là một. Thân

Bồ đề, hai. Nguyện thân, thỉ giác, giác ngộ hoàn toàn thì ba. Hóa thân, bốn. Phương trí thân, thành Phật. năm. Tướng hảo trang nghiêm thân, sáu. Oai thế thế thân, bảy. Ý sanh NHỊ PHẬT CẢNH thân, tám. Phước đức thân, chín. (Hoa nghiêm kinh sớ) Pháp thân, mười. Trí thân. Một, Chứng cảnh là lý chơn NHỊ GIÁC như pháp tánh, là cảnh giới của chư (Phiên dịch danh nghĩa). Phật đã chứng ngộ, xa lìa niệm tưởng, tát cả đều là chân như. Vì Một, Tự giác. vậy gọi là chứng cảnh. Nghĩa là hiểu biết ba đời quá Hai, Hóa cảnh. khứ, hiện tại, vị lai. Tất cả các pháp Quốc độ trong mười phương thường và vô thường v.v... Ngộ đều là cảnh giới biến hóa của Phật. được tánh chơn không, thấu rõ hư Vì vậy gọi là hóa cảnh. vọng hoặc nghiệp, thành tựu được diệu trí, có thể tự mình mở bày giác NHỊ CHỦNG PHẬT ĐỘ ngộ, nên gọi là tự giác. (Phật địa kinh luận) Hai, Giác tha.

Thân là chỗ tựa của sắc thân. Hai, Pháp tánh thuộc pháp là Độ là chỗ quốc độ nương tựa. Đã quốc độ pháp tánh. Nghĩa là lý của có thân năng y thì tất phải cõi nước chơn như pháp tánh, ví như hư để nương tựa. Vì vậy gọi là nhị không, bao trùm khắp nơi, đó là cái chủng thân độ. thể chứng được của pháp thân, tức Một, Tự thọ dụng thân độ, là nơi quốc độ nương tựa. Cho nên Là nhân tu của mình mà cảm gọi pháp tánh thuộc pháp là quốc thọ, thọ dụng tương ứng, rất nhiều độ pháp tánh. pháp vui, tự tại vô ngại. Vì vậy thân ấy gọi là tự thọ dụng thân, NHỊ CHỦNG THẦN cũng gọi là viên mãn báo thân độ; LỰC tự thọ dụng thân độ, cũng gọi là (Đại trí độ luận) thật báo trang nghiêm. Bởi vì chư Phật trải qua vô số kiếp, tu tập vô Một, khiến ở nơi xa thấy, nghe lượng căn lành, nên thọ cảm thân được. khiến chúng sanh ở nơi khác, độ khắp pháp giới, biến thành phần quốc độ khác đều thấy, nghe được. tự thọ dụng; còn các Bồ tát chỉ có Hai, Khiến mọi người thấy thể nghe mà không thể thấy. Phật. Hai, Tha thọ dụng thân độ. Phật ở một nơi thuyết pháp, có Là sự cảm thấy theo căn cơ thể khiến chúng sanh thấy Phật người khác. Bởi vì chư Phật muốn thuyết pháp trước mặt mình, giống khiến cho Bồ tát, chúng sanh như mặt trời mọc thì ảnh hiện mọi hưởng thọ pháp lạc lớn, tấn tu các nơi có nước. hạnh lành, tùy theo cấp độ mà hiện cảnh đẹp, cảnh xấu, cảnh lớn, cảnh NHỊ TÚC NHÂN LỰC nhỏ, thay đổi không ngừng, khiến (Hoa nghiêm kinh cho những vị ấy được thọ dụng. sớ) THÂN ĐỘ NHỊ BẤT Túc nhân lực là nguyện lực TƯƠNG LY nhiều đời trước của đức Thế tôn Tỳ (Tông cảnh lục) lô giá na; vì muốn hóa độ chúng sanh, phát nguyện tu hành mà Thân, độ là hai pháp, đều không thành được Phật quả. Muốn thực xa lìa pháp tánh. hiện nguyện lực này, nên nay ra đời Một, Pháp tánh thuộc Phật là dùng bi, trí; hạnh, nguyện đầy đủ, bản thân pháp tánh. Nghĩa là Phật bèn dùng tứ vô chướng giải thoát, tử ngộ được chơn như pháp tánh, mở rộng pháp môn Hoa nghiêm lại dùng pháp tánh làm thân. Cho Nhất thừa Viên giáo, khiến cho nên gọi pháp tánh thuộc Phật là bản chúng sanh trong pháp giới, hiểu thân pháp tánh. sâu trí huệ của Phật. Nhưng nhân

kiếp trước của Phật, tuy nhiều, lược Nghĩa là từ trong nhân, Phật tu kê ra hai loại: Bát nhã diệu ngộ, quả giác ngộ tròn Một, Đại nguyện lực. đầy, trí huệ trang nghiêm. Đó là Nghĩa là Phật từ trong nguyện huệ túc. lực, phát đại thệ nguyện, độ chúng sanh, nay đã thành Phật, dựa vào TẤT ĐẠT THÁI TỬ NHỊ sức nguyện lớn, thị hiện mười TƯỚNG phương thế giới, thuyết pháp độ (Phật bổn hạnh sanh. Trong Hiện tướng phẩm

nói: Tỳ lô giá na Phật, nguyện lực bao tập kinh) trùm pháp giới , trong tất cả quốc Tiếng Phạn là Tất Đạt, tiếng độ, luôn chuyển bánh xe pháp vô Hoa là Đốn cát, tên lúc nhỏ của thượng. (Tiếng Phạn là Tỳ lô giá Phật. na, tiếng Hoa là Biến nhất thiết xứ, Khi Phật vừa sanh ra, vua Tịnh cũng gọi là Quang minh biến phạn ra lệnh mời thầy tướng số. chiếu). Thầy tướng số nói rằng tướng Thái Hai, Tích hạnh lực. tử tốt đủ để làm luân vương và làm Nghĩa là từ ngàn xưa vô lượng Phật. kiếp, từ nguyện phát khởi hạnh, Một, Tướng luân vương. hạnh thành đạt chứng được quả, Luân vương là tướng của mới có thể diễn thuyết các pháp, chuyển luân vương, có đủ 32 tướng dạy bảo chúng sanh. Cho nên chư tốt. Thầy tướng nói Thái tử có đầy sơn thần có bài kệ rằng: Đã từng tu đủ 32 tướng, nếu Ngài ở nhà thì sẽ thắng hạnh thật vô biên; nay được làm chuyển luân thánh vương, cai thần thông cũng vô lượng; pháp trị bốn thiên hạ. (Tứ thiên hạ là tứ môn rộng mở nhiều như vi trần; tất châu: Đông, phất vu đãi; Nam, phú cả khiến chúng sanh được an vui, đề; Tây, cù đa ni; Bắc, uất đơn việt. giác ngộ. Hai, Tướng thành Phật, Phật có 32 tướng tốt. Thầy tướng nói Thái NHỊ TÚC tử có 32 tướng tốt, nếu bỏ địa vị đế (Kim cang soạn yếu sớ) vương, xuất gia cầu đạo, chắc thành Phật, tiếng tăm vang khắp Một, Phước túc. mười phương, dạy bảo tất cả mọi Nghĩa là từ trong nhân, Phật tu loài. hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Được phước NHỊ CHỦNG XÁ LỢI của năm độ, nay từ nơi quả, thành (Phiên dịch danh tự ứng thân, tướng hảo đầy, vạn đức trang nghiêm. Đó là phước túc. nghĩa) Hai, Huệ túc. Một, Sanh thân xá lợi.

Tiếng Phạn là xá lợi, còn gọi là có tướng trạng, nên gọi là pháp thiết lợi tha; tiếng Hoa là cốt thân. tướng pháp. Nghĩa là ứng thân của Phật Diệt độ sau khi trà tì còn gọi là xá lợi có ba NHỊ PHÁP màu sắc. Xương xá lợi sắc trắng, (Lăng nghiêm kinh) tóc xá lợi sắc đen, thịt xá lợi sắc đỏ. Xá lợi rất cứng đập không bể. Nếu Một, Tự đắc pháp. là xá lợi của Bồ tát, La hán thì màu Nghĩa là pháp Phật tự tu hành giống nhau, tính cứng không bằng. mà chứng đắc được, cùng với mười Quang minh kinh nói: Xá lợi này là phương Phật không tăng không huân tập của giới, định, huệ, rất giảm; nên gọi là Tự đắc pháp. khó có được, đây là phước điền Hai, Bổn trụ pháp. trên hết. Cho nên chúng ta nên Nghĩa là pháp thuộc pháp giới, dựng tháp cúng dường thì phước xưa nay thường còn, có Phật hay báu vô lượng. (Tiếng Phạn là Xà không tánh tướng vẫn như thế; nên duy, tiếng Hoa là thiêu đốt) gọi là bổn trụ pháp. Hai, Pháp thân xá lợi. Đại luận nói: kinh quyển cảnh NHỊ CHỦNG PHÁP pháp thân xá lợi. Nghĩa là Phật nói TÁNH lý của tướng báu trung đạo, không (Địa trì kinh) hề thay đổi, không sanh, không diệt; xưa nay còn mãi, bao trùm cả Pháp tức là phép tắc, tánh tức là trời đất. Chúng ta nên chí tâm như không thay đổi. Pháp tánh của tất pháp thọ trì, thì thấy pháp thân của cả không thay đổi đều có theo phép Phật sẽ được phước vô lượng vô tắc để tu, nên gọi là pháp tánh. biên. Nên kinh Pháp hoa nói: Nếu Một, Thật pháp tánh. quyển kinh để ở chỗ nào, nên dựng Nghĩa là lý chơn thật lìa xa tháp cúng dường, không nên di tướng hư vọng, bổn tánh bình đẳng, chuyển tới lui, vì trong đó đã có không có đổi thay. Tất cả chư Phật, toàn thân đức Phật. đều từ pháp tánh này tu hành mà thành chánh giác; nên gọi là thật NHỊ PHÁP pháp tánh. (Hoa nghiêm kinh sớ) Hai, Sự pháp tánh. Thế gian có vô số pháp, tất cả Một, Thắng nghĩa pháp, tức là đều nương vào lý để thành lập và Niết bàn. Pháp Niết bàn nghĩa của thi hành. Ví như đất, nước, gió, lửa; nó tối thắng, nên gọi

là thắng nghĩa các pháp ngũ ấm, tùy theo thói pháp. quen mà có sự nhận biết. Tuy thuộc Hai, Pháp tướng pháp, tức là về sự, thật ra không ra ngoài lý pháp Tứ đế. Pháp Tứ đế, mỗi thứ pháp tánh bình đẳng; nên gọi là sự pháp tánh.

KHẾ KINH NHỊ NGHĨA tát, còn Thinh văn, Duyên giác không thể tham dự. (A tỳ đạt ma đại tỳ bà sa luận) NHỊ BÁT NHÃ Khế là trên hợp với lý tánh của (Hoa nghiêm kinh sớ) chư Phật, dưới hợp với căn cơ của Một, Thật tướng Bát nhã. chúng sanh. Kinh là giáo pháp, là Nghĩa là về lý của bổn giác, thường còn. Khế kinh là do Phật chẳng tịch, chẳng chiếu, xa lìa nói. Có hai nghĩa từ kiết tập, san tướng hư vọng; gọi là thật tướng, định khế kinh này. tức là nhất thiết chủng trí. (Tịch là Một, Kiết tập nghĩa. im lặng; chiếu là sáng soi. Tịch, Khế kinh của Phật, thâu tóm chiếu đều nói là chẳng, là dùng nhiều nghĩa, vượt lên trên cả tâm ngăn hai bên để biểu hiện thật tình, khiến cho không quên mất, tướng của trung đạo. giống như kết hoa làm cái mũ đội Hai, Quán chiếu Bát nhã. lên trên đầu chúng sanh. Lâu bao Nghĩa là đức quán chiếu, chẳng nhiêu cũng không quên mất. chiếu mà chiếu, hiểu rõ các pháp vô Hai, San định nghĩa. tướng, gọi là quán chiếu, tức nhất Khế kinh của Phật quyết đoán thiết trí (chẳng chiếu mà chiếu, các nghĩa, rõ ràng, sai, đúng, bỏ ác, nghĩa là về lý, trí thì vốn chẳng giữ lành, giống như mực thước của chiếu, vì quán mà có chiếu, để làm thợ mộc, chọn lựa điều tốt nhất, bỏ rõ cái đức quán chiếu). tà về chính, bỏ cong giữ ngay. BÁT NHÃ NHỊ CHỦNG NHỊ BÁT NHÃ TƯỚNG (Đại trí độ luận) (Địa tạng thập Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng luân kinh). Hoa là trí huệ. Đức Phật ở hội Bát Một, Thế gian Bát nhã. nhã nói pháp ba giáo thông, biệt, Nghĩa là các vị Bồ tát chỉ dựa viên. Nên mới có tên cộng, bất vào đọc tụng, biên chép, vì người cộng Bát nhã. khác mà diễn thuyết giáo lý Tam Một, Cộng Bát nhã. thừa, khuyên răn tu hành, diệt trừ Nếu là cộng Bát nhã, tức là phiền não, nghiệp chướng, không thông giáo. Có nghĩa là Thinh văn, thực hành tịch tĩnh chơn thật Bát Duyên giác, Bồ tát cùng nương nơi nhã, thường thực hành Bát nhã có giáo pháp này mà tu chứng. thấy có tướng. Như thế là Bát nhã Hai, Bất cộng Bát nhã. có lựa chọn, có vướn mắc. Vì thế Tức là hai giáo biệt, viên. Có gọi là thế gian Bát nhã. (Bát nhã có nghĩa là với hai giáo biệt, viên này, thấy, có tướng là thế gian trí. Như chỉ đề cập đến pháp tu hành của Bồ

quan lớn Cù tân chia cõi Diêm phù phẩm Bát nhã dùng từ kim cang đề làm bảy phần để có thể chấm làm đề tựa. Rắng chắc và sắc bén dứt tranh kiện cáo. Trí mãng tổ sư có hai nghĩa. nói rằng chọn lựa trí thế gian chính Một, nghĩa rắng chắc. là Bát nhã). Rắng chắc của kim cang, không Hai, Xuất thế gian Bát nhã. vật nào có thể làm cho nó hư nát, Nghĩa là chư Bồ tát khi chuyên dùng để dụ thể Bát nhã, chơn cần tu tập đạo Bồ đề, các vị Thinh thường thanh tịnh, không biến đổi, văn tùy sức vì người khác diễn nói phiền não không thể làm loạn, tà Tam thừa chánh pháp, mà ở trong ma không thể quấy động. Ấy là thật đó, tâm như hư không, bình đẳng, tướng Bát nhã. im lặng, xa lìa danh tướng. Bát nhã Hai, nghĩa sắc bén. như thế là không vướn không mắc. Sắc bén của kim cang có thể Đó là xuất thế gian Bát nhã. phá tan mọi vật, dùng để dụ dụng của Bát nhã, có thể dứt trừ nghiệp NHỊ CHỦNG BÁT NHÃ chướng chấp trước, chiếu soi năm TRANG NGHIÊM uẩn đều không, vượt qua các khổ (Bát nhã kinh và nạn. Ấy là quán chiếu Bát nhã. Đại trí độ luận) PHÁP HOA NHỊ DIỆU Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng

(Pháp hoa huyền Hoa là trí huệ, vì trí huệ có thể trang nghiêm pháp thân. Nên gọi là nghĩa) Bát nhã trang nghiêm. Diệu là không thể nghĩ bàn, Một, Dĩ trang nghiêm. chẳng phải là tâm suy nghĩ, miệng Nghĩa là người có thể tu tập trí nghị luận của các vị Bồ tát. hai điều huệ, như đeo anh lạc tốt đẹp trang bất tư nghì này chính là ý của luận nghiêm thân mình. Đó gọi là đã về Pháp hoa khai quyền hiển thật. trang nghiêm. Tên diệu một khi đã nêu lên thì Hai, Vị trang nghiêm. tuyệt đối hoàn toàn, nên chờ bàn Nghĩa là người chưa thể tu tập luận mới quyết định, thì Pháp hoa trí huệ, như không có anh lạc trang mới được hiển lộ. Ra đời trước cả nghiêm thân mình. Đó là chưa tứ thời, tam giáo. Tuyệt đối luận trang nghiêm. bàn. Lại có thể trước khai mở, khiến điều viên diệu vậy. (Khai là KIM CANG NHỊ NGHĨA mở mang, ba thừa Thinh văn, (Kim cang kinh tự Duyên giác, Bồ tát là quyền- Phật thừa là thật. Phật nói kinh pháp hoa hiển lục) chính là mở ra ba thừa là quyền; Kim cang là một loại kim loại nêu rõ Nhất thừa là thật. Nên kinh rất cứng, nên gọi là kim cang. Tiểu nói: Trong mười cõi Phật, chỉ có

pháp Nhất thừa, còn gọi là mở rộng không nói đã thành Phật lâu rồi pháp Thinh văn. Đó là vua của các (Bổn), để hiển bày kinh pháp đã và kinh- bốn thời: Hoa nghiêm; lộc đang nói. Đó điều quan trọng nhất. uyển; phương đẳng; Bát nhã-ba Nên mới được gọi là vua trong các giáo là tạng, thông, biệt). kinh. (Thật tướng là tướng xa lìa hư Một, Tương đãi diệu. vọng, tức là diệu lý, chơn thật của Bên này, bên kia đắp đổi cho trung đạo. Đã và đang thuyết pháp nhau gọi là tương (liên hệ). Lấy cái là kinh Bát nhã đã nói trước rồi, kia chờ đợi cái này gọi là đãi. hai kinh vô lượng nghĩa hiện nay nói; bên nương tựa nhau là để so sánh Niết bàn kinh thì đang nói). hơn kém. Nghĩa là trước nói tứ Một, Tích môn. thời, tam giáo là nói pháp thô, sau mười bốn phẩm trước của kinh nói kinh pháp Hoa là nói pháp diệu. Pháp hoa gọi là tích môn. Tích là Lấy cái này mong chờ cái kia gọi dấu chân. Luận về đức Thích ca là đãi. Đãi tức là đối đãi, nghĩa là thành đạo từ trước đến nay, khoảng thô là đối với trước, diệu là đối với giữa giáo hóa chúng sanh, rồi sanh, cái sau. rồi diệt, cho đến nay thành Phật độ Hai, Tuyệt đãi diệu. sanh, đều từ bốn đến tích, nên gọi Dứt cái thô ở trước, lại không là tích môn. so đo đối đãi. Nghĩa là pháp hoa Hai, Bổn môn. mở ra ba thừa là quyền, tức là Phật mười bốn phẩm sau trong kinh thừa mới là thật. Thật không ngoài Pháp hoa gọi là bổn môn. Bổn là quyền, quyền không ngoài thật. gốc rễ. Luận về đức Thích ca đã Thật tức là quyền, quyền tức là thành Phật vô số kiếp về trước. Nên thật; nên gọi là tuyệt đãi diệu vậy. kinh nói tất cả trời, người, A tu la trong thế gian đều cho rằng nay TÍCH BỔN NHỊ MÔN Phật Thích ca mâu ni xuất thế, (Pháp hoa huyền trong cung vua dòng họ Thích, bỏ thành Già da không xa, ngồi ở đạo nghĩa thích thiêm) tràng chứng được chánh giác. Môn là có thể thông suốt, nghĩa Nhưng ta thực sự thành Phật đến là do cửa này mà có thể thông suốt nay đã vô số kiếp. Từ đó đến nay, đến thật tướng. Nhưng hai cửa này, ta thường ở cõi ta bà thế giới này chỉ có kinh pháp hoa mới nói rõ thuyết pháp độ sanh. Ấy là mở tích thôi. Bởi vì chẳng có bổn không hiển thị bổn. Vì vậy gọi là bổn sao tìm tích được, không có tích môn. (Tiếng Phạn là Già da, tiếng không lấy gì làm rõ bổn. Bổn, tích Hoa là sơn thành; Tiếng Phạn là Na tuy khác, đều không thể nghĩ bàn, do tha, tiếng Hoa là vạn ức; Tiếng nên gọi là diệu. Phạn là Ta bà, tiếng Hoa là năng Các kinh chỉ nói đức Thích ca nhẫn). mới thành Phật đây (tích) mà

NHỊ CHỦNG NHẤT Một, Trí huệ trang nghiêm. THỪA Các vị Bồ tát từ khi mới phát tâm đến lúc hoàn mãn công hạnh, (Hoa nghiêm kinh vô minh đã hết, Phật tánh hiện tiền, sớ) có được trí huệ có thể hiển thị pháp Nhất thừa là Hoa nghiêm Nhất thân. Vì vậy gọi là trí huệ trang thừa Viên giáo. Đối với Nhất thừa nghiêm. này có giống có khác, nên gọi là Hai, Phước đức trang nghiêm. nhị chủng Nhất thừa. Các vị Bồ tát tu hành lục độ, Một, Đồng giáo Nhất thừa. vạn hạnh đầy đủ, có được phước Đồng tức giống với hai giáo đức, có thể hiển thị pháp thân. Vì chung, đốn. Nhưng chung giáo chỉ vậy gọi là phước đức trang nghiêm. nói rõ một tánh, một tướng, lý, sự vô ngại. Đốn giáo chỉ nói rõ không NHỊ CHỦNG TRANG hai không ba, lời nói, suy nghĩ đều NGHIÊM dứt hết. Giáo lý giống nhau này đều (Kim cang kinh soạn nói một tánh, một tướng, sự, lý vô yếu sớ) ngại, vô nhị vô tam, nói năng, suy nghĩ dứt hết. Giống hai giáo kia, Kinh Kim cang nói: Trang đều hiển thị Nhất thừa. Vì vậy gọi nghiêm cõi Phật, tức là chẳng trang là đồng giáo Nhất thừa. (Vô nhị: nghiêm, đó gọi là trang nghiêm. không Thinh văn, Duyên giác- vô Chẳng trang nghiêm, tức là trang tam thêm Bồ tát) nghiêm hình tướng. Đó là trang Hai, Biệt giáo Nhất thừa. nghiêm, tức là trang nghiêm đệ Biệt tức là khác nhau bốn giáo nhất. tiểu, thủy, chung, đốn. Nhưng sự Một, hình tướng trang nghiêm. khác nhau này, chỉ xét về hai đức Nghĩa là nếu người ta phân biệt tính viên, dung, sự sự vô ngại. Nêu Phật độ thì có hình tướng mà nói ta lên một pháp, liền thâu nhiếp tất cả có thể thành tựu. Người ấy vướng pháp môn vô ngại. Tất cả pháp môn mắc vào cảnh, sắc, thanh,... chẳng trở về thành một giáo. Vì vậy gọi là phải thật trang nghiêm. Đó là hình biệt giáo Nhất thừa. tướng trang nghiêm. Hai, Đệ nhất nghĩa trang NHỊ CHỦNG TRANG nghiêm. NGHIÊM Nghĩa là tâm thanh tịnh không vướng mắc, nương vào trí huệ chơn (Niết bàn kinh) thật, thông đạt cõi tự tánh, chỉ có Trang tức là đoan trang, nghiêm biểu hiện của tâm. Đây là cõi Phật tức là tề chỉnh, vì hai thứ trí huệ và do chánh trí thành tựu. Vì vậy gọi phước đức đều có thể trang nghiêm là đệ nhất nghĩa trang nghiêm. pháp thân.

NHỊ NHƯ LAI TẠNG năng y và cùng với văn tự đồng làm thể để nói rõ khế kinh. (Đại thừa chỉ quán pháp môn) NHỊ NIẾT BÀN Như lai là lý tánh của Như lai. Tạng là bao hàm giữ gìn, nghĩa là (Kim quang minh kinh tâm phiền não của tất cả chúng huyền nghĩa) sanh có đầy đủ vô lượng vô biên Tiếng Phạn là niết nhã, tiếng nghiệp thanh tịnh vô lậu, không thể Hoa là Diệt độ. nghĩ bàn. Ví như trong đá có vàng, Một, Tánh tịnh Niết bàn. trong cây có lửa. Cho nên trong cấu Nghĩa là lý thật tướng của các tạng Phật tánh đầy đủ, vì vậy gọi là pháp, không thể nhơ, không thể Như lai tạng. sạch. Không nhiễm tức là không Một, Nhất không Như lai tạng. sanh. Không tịnh tức là không diệt. Nghĩa là tâm tánh này tùy Không sanh không diệt gọi là tánh duyên nhiễm, tịnh, tạo ra các pháp tịnh Niết bàn. sanh tử, Niết bàn, nhưng tâm thể Hai, Phương tiện tịnh Niết bàn. bình đẳng, xa lìa tánh, tướng. Phương tiện giống như thiện Chẳng những khởi ra các pháp xảo (khéo léo). Trí đã hợp với lý, nhiễm, tịnh đều không, mà cái tâm tức là soi sáng mọi căn cơ, soi sáng năng khởi cũng không thể được. Vì thì ắt có cảm ứng, có cơ cảm tức là vậy gọi là không Như lai tạng. sanh. Sanh ấy mà không phải sanh. Hai, Bất không Như lai tạng. Cơ duyên đã hết, ứng thân diệt. Bất Nghĩa là tâm tánh này đầy đủ sanh bất diệt gọi là phương tiện công đức thanh tịnh vô lậu, và các tịnh Niết

bàn. pháp hữu lậu, hoặc nhiễm đều chứa đựng đầy đủ không thiếu một cái NHỊ NIẾT BÀN gì, các pháp đều biểu hiện. Vì vậy gọi là bất không Như lai tạng. (Đại trí độ luận) Một, Hữu dư Niết bàn. NHỊ KINH THỂ Nghĩa là kiến hoặc và tư hoặc đã dứt, nhưng sắc thân còn sống (Hoa nghiêm kinh sớ) chưa chết, nên gọi là hữu dư Niết Một, Văn thị sở y thể. bàn. (ý thức phân biệt là kiến hoặc, Văn là văn tự. Tất cả nghĩa lý đối với trần cảnh nổi lòng tham đều dựa vào đây, cũng là cái thể luyến là tư hoặc) nói rõ của khế kinh. Hai, Vô dư Niết bàn. Hai, Nghĩa thị năng y thể. Nghĩa là kiến hoặc và tư hoặc Tất cả nghĩa lý đều dựa vào văn đã dứt hết và thân ngũ ấm cũng tự để được hiển bày, nên nghĩa là không còn, nên gọi là vô dư Niết bàn.

NHỊ PHÁP TƯƠNG VI tâm, không duyên ở cảnh, hiểu rõ tất cả pháp, đều là chân tâm. Cảnh, (Du già sư địa luận) trí không khác, như người lúc thảnh Một, Phiền não. thơi đưa mắt nhìn cảnh vật mà Các pháp làm cho buồn rầu tăm không phân biệt gì, do đây mà tối, não loạn tâm thần, tức là sự mê được trí vô phân biệt mới có thể lầm của vô minh, tham ái, nghĩa là sanh vô vàn phân biệt. Đó gọi là làm cho chúng sanh thuận theo căn bản trí. phiền não, trôi lăn theo dòng sanh Hai, Hậu đắc trí. tử, vì vậy trái với con đường đi đến Nương nơi tâm, duyên ngoại Niết bàn. cảnh, vô vàn phân biệt, cảnh, trí Hai, Niết bàn. khác nhau. Như người mở mắt, mọi Nghĩa là chúng sanh chán cái màu sắc hiện bày, nương vào căn khổ sanh tử, tu tập phạm hạnh, dứt bản trí mà đắc trí này. Đó gọi là các phiền não, chứng được Niết hậu đắc trí. bàn, vì vậy trái với phiền não hoặc nghiệp. NHỊ TRÍ (Đại tập kinh) NHỊ TRÍ Một, Tận trí. (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ Nghĩa là A la hán đã dứt hết diễn nghĩa sao) kiến, tư hoặc trong tam giới. Tức là Một, Như lý trí. biết sanh mạng của ta đã hết, phạm Chư Phật, Bồ tát dùng trí như hạnh đã thanh tịnh. Đó gọi là tận thật thấy thấu suốt lý thật tế, huyền trí. (A la hán là tiếng Phạn, tiếng diệu tịch tĩnh, không tăng không Hoa là vô sanh hay vô học) giảm, nên gọi là như lý trí. Hai, Vô sanh trí Hai, Như lượng trí. Nghĩa là A la hán đã dứt hết Chư Phật, Bồ tát thấu suốt hoàn kiến, tư phiền não trong tam giới, toàn tất cả thế giới. Nếu thấy chúng biết cách mở trói tất cả, không còn sanh trái với lý trí thì sanh tử luân thọ sanh vào tam giới. Đó gọi là vô hồi; nếu thấy chúng sanh thích hợp sanh trí. với lý trí thì chứng được Niết bàn, nên gọi là như lượng trí. NHỊ TRÍ (Quan âm huyền nghĩa) NHỊ TRÍ Một, Nhất thiết trí. (Nhiếp Đại thừa luận) Nghĩa là đối với tất cả tên gọi Một, Căn bản trí. các pháp nội điển có thể hiểu rõ và Còn gọi là vô phân biệt trí, giải thích tên gọi các pháp ngoại nghĩa là trí này không nương nơi điển có thể hiểu biết rõ ràng. Nên

gọi là nhất thiết trí, tức là trí của Pháp chân như, từ xưa đến nay, Thinh văn, Duyên giác. tánh vốn thanh tịnh, xa lìa tất cả Hai, Đạo chủng trí. tướng, im lặng vô vi, vì vậy gọi là Nghĩa là có thể dùng tất cả phi an trụ vô vi. pháp của Phật để phát khởi chủng tử lành của tất cả chúng sanh. Nên NHỊ CHƠN NHƯ gọi là đạo chủng trí, tức là trí của (Khởi tín luận sớ) Bồ tát. Một, Ly ngôn chân như. NHỊ TRÍ Nghĩa là thể của chân như, ly thướng danh tự, ly tướng tâm (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ duyên, ly tướng ngôn thuyết. Vì diễn nghĩa sao) vậy gọi là ly ngôn chân như. Hai, Y ngôn chân như. Một, Quán sát trí. Nghĩa là thể của chân như, tánh Nghĩa là dùng trí huệ, soi rõ vốn rộng lớn như hư không, nói nhân, pháp đều không để hiển bày năng không ngại nên dùng ngôn lý chơn như. Thấu rõ năng chứng, sở chứng, cả hai đều không thể thuyết để trình bày

chân như. Vì được. Đó gọi là quán sát trí. (Năng vậy gọi là y ngôn chơn như. chứng là trí chứng được, sở chứng NHỊ CHƠN NHƯ là lý chứng được). Hai, Thủ tướng trí. (Khởi tín luận sớ) Nghĩa là khéo lựa chọn tướng của các pháp. Hoặc sự hoặc lý dùng Một, Bất biến chân như. trí huệ soi rõ, làm cho vạn pháp Thể của chân như từ xưa đến viên dung, sự, lý vô ngại. Đó là thủ nay, cứu cánh bình đẳng, không có tướng trí. biến đổi, không thể hư hoại, thể luôn tịch tịnh. Vì vậy gọi là bất NHỊ CHƠN NHƯ biến chân như. Hai, Tùy duyên chân như. (Hoa nghiêm kinh Tùy Tánh của chân như vốn không sớ diễn nghĩa sao) sanh diệt, nhưng vì vô minh loạn Một, an lập chơn như. động, nổi lên các tướng. Như nước Thể không giả dối gọi là chân. vì gió, sóng cả bỗng nổi lên. Nếu Tánh không biến đổi gọi là như, tức gió ngưng bặc, tướng động đâu là thể của thật tướng, cũng là thể còn. Vì vậy gọi là tùy duyên chân của chân như, có thể sanh các pháp như. thế gian và xuất thế gian mà có thể an trụ. Vì vậy gọi là an lập chân NHỊ CHỦNG NHƯ NHƯ như. (Phật tánh luận) Hai, Phi an lập chân như.

Một, Như như trí. Chơn tâm thường trụ, xưa nay Trí mầu nhiệm của chân như một tướng, tự tánh thanh tịnh, cùng xưa nay thanh tịnh, vô minh không với hoặc nghiệp phiền não hoàn thể che, phiền não không thể toàn không tương ứng. Vì vậy gọi nhiễm, soi rõ các pháp, bình đẳng là bất tương ưng tâm. không hai. Vì vậy gọi là như như trí. NHỊ CHỦNG TÂM Hai, Như như cảnh. TƯỚNG Cảnh mầu nhiệm của chân như (Chiêm sát kinh) thường trụ một tướng, lượng tợ hư không, không dời không đổi, không Một, Tâm nội tướng. sanh không diệt. Vì vậy gọi là như Tướng của tâm thể như như như cảnh. không đổi, thanh tịnh tròn đầy, không hề chướng ngại, kín nhiệm NHỊ TÂM khó thấy, bao trùm mọi nơi. Vì vậy (Liên tông bửu giám) gọi là tâm nội tướng. Hai, Tâm ngoại tướng. Một, Chơn tâm. Tâm theo cảnh do vọng niệm, Tự tánh của tâm thanh tịnh mầu hiển bày vô vàn cảnh giới trước nhiệm sáng tỏ thanh tịnh chơn thật, mặt. Vì vậy gọi là tâm ngoại tướng. thông suốt như hư không, xa lìa vọng tưởng. Vì vậy gọi là chơn NHỊ CHỦNG TÁNH tâm. Hai, Vọng tâm. (Lăng già kinh). Toàn chân thành vọng, tùy cảnh Chủng là hạt giống có thể sanh sanh diệt, niệm niệm chẳng thật. Vì ra. Tánh là nhiều lần tập luyện mà vậy gọi là vọng tâm (tùy cảnh là thành, không phải là tánh của lý tùy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, tánh. pháp) Một, Thánh chủng tánh. NHỊ TÂM Thinh văn quán sát ngũ ấm khổ, không, chán ghét sanh tử; vui mừng (Duy thức luận) cầu Niết bàn thì thành tựu chủng tánh Thinh văn. Duyên giác quán Một, Tương ưng tâm. duyên khởi của ngũ ấm, tu hạnh xa Ưng là xứng hợp. Nghĩa là lìa, thì thành tựu chủng tánh Duyên vọng tâm một niệm dấy lên phân giác. Phật giác ngộ ngũ ấm và các biệt hư vọng, cùng với hoặc nghiệp pháp xưa nay vắng lặng, không phiền não tương ứng nhau. Vì vậy sanh không diệt, ba hoặc đã dứt trừ, gọi là tương ưng tâm. muôn đức đầy đủ, thì thành tựu Hai, Bất tương ưng tâm. chủng tánh Phật.

(Trong kinh không nói Bồ tát tát là hơn hết, phân biệt tất cả pháp chủng tánh; hạnh tu của Bồ tát tức một cách rõ ràng. thành tựu chủng tánh của Phật, nên Hai, Tập chủng tánh, nghĩa là không đề cập đến (Tam hoặc: kiến tập tành nhiều lần thành tánh. Bồ tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh tát từ mới phát tâm, tu tập mọi việc hoặc). lành mà được thiện tánh. Hai, Ngu phu chủng tánh. Phàm phu ngu si, đối với các NHỊ CHỦNG TÁNH pháp ngũ ấm và việc thế gian vô (Địa trì kinh) vàn phân biệt, vọng tưởng, không có

cho là có, chẳng thường cho là Một, Hữu tánh. thường, gặp việc gì cũng bám víu, Nghĩa là tứ đại, ngũ ấm, lục chấp chặc, thì thành tựu chủng tánh căn, lục trần, cho đến Niết bàn ngu phu. v.v... đều là thế gian, giả danh và phương tiện. Pháp có tự tánh, nên NHỊ CHỦNG TÁNH gọi là hữu tánh. (Đại trí độ luận) Hai, Vô tánh. Nghĩa là tứ đại cho đến Niết Một, Tổng tánh. bàn v.v... đều là giả danh, rốt ráo Nghĩa là tất cả pháp bản tính không có gì, đều là không, nên gọi tịch tịnh, không sanh không diệt, là vô tánh. không đến không đi, không vào không ra. Vì vậy gọi là tổng tánh. NHỊ TƯỚNG Hai, Biệt tánh. (Khởi tín luận) Nghĩa là người thích làm việc ác thì thành tánh ác, thích làm việc Một, Trí tịnh tướng. lành thì thành tánh lành; như lửa có Nghĩa là nương vào sức huân tánh nóng, nước có tánh ướt. Vì tập bên trong của chơn như và sức vậy gọi là biệt tánh. huân tập ở ngoài của giáo pháp, như thật tu hành, phương tiện đầy NHỊ CHỦNG TÁNH đủ, phá bỏ tướng sanh, diệt của (Trì địa kinh) thức tâm, thành trí tròn đầy thuần tịnh. Vì thế gọi là trí tịnh tướng. Chủng là hạt giống, có nghĩa Hai, Bất tư nghì nghiệp tướng. nẩy mầm sự sống. Tánh là tánh Nghĩa là nương vào trí tịnh phân biệt, có nghĩa tự phân biệt tướng có thể làm tất cả cảnh giới không đổi. Do đó căn tánh của Bồ thắng diệu, vô lượng tướng công tát bất định nên chia ra hai loại. đức thường không dứt hẳn. Tùy căn Một, Tánh chủng tánh, tức là cơ của chúng sanh, vô vàn thị hiện, bản tánh. Nghĩa là lục nhập của Bồ khiến được lợi ích. Vì vậy gọi là bất tư nghị nghiệp chướng.

NHỊ TƯỚNG hai, Năng duyên thức tướng. Nghĩa là từ nhãn thức đến ý (Khởi tín luận) thức đều có khả năng duyên cảnh Một, Đồng tướng. lục trần. Tướng của nó hiển bày Nghĩa là hai pháp tịnh, nhiễm bên trong. Vì vậy gọi là năng duyên đều đồng tánh, tướng của chơn thức tướng. như. Ví như các đồ dùng bằng sành, đều cùng tánh, tướng của vi NHỊ TƯỚNG BIỆT trần. Vì vậy gọi là đồng tướng. Hai, Dị tướng. (Tích huyền ký) Nghĩa là lý bình đẳng của chơn Một, Tự tướng biệt. như, tùy duyên nhiễm, tịnh, hiển Tướng là tướng trạng. Ví như hiện tất cả tướng sai biệt. Vì vậy thân ta là thân tự tướng. Ở trong gọi là dị tướng. thân này có năng tạo và sở tạo, căn và trần khác nhau. Ví như thọ thì NHỊ TƯỚNG có thọ tưởng. Ở trong thọ này có (Đại trí độ luận) khổ thọ, lạc thọ, không khổ, không lạc khác nhau. Ví như tâm là tâm tự Một, Tổng tướng. tướng. Ở trong tâm này có nhãn Nghĩa là nói về tất cả pháp hữu thức... ý thức khác nhau. Ví như vi của thế gian, đều là vô thường. pháp là pháp tự tướng. Ở trong Vì vậy gọi là tổng tướng. pháp này có năm ấm, 12 nhập, 18 Hai, Biệt tướng. giới không giống nhau. Ví như Nghĩa là, tuy rằng, các pháp quán thân lấy bất tịnh làm tự tướng; đều vô thường, nhưng mỗi pháp quán thọ lấy khổ làm tự tướng; đều có một tướng riêng, như đất, quán tâm lấy vô thường làm tự thì có tướng cứng, nước có tướng tướng; quán pháp lấy vô ngã làm tự ướt, lửa có tướng nóng, gió có tướng. Vì vậy gọi là tự tướng biệt. tướng động, đều không giống nhau. (Tứ niệm xứ; thân, thọ, tâm, pháp; Vì vậy gọi là biệt tướng. thân là thân của ta, thọ là lãnh thọ các việc, tâm là thức thứ sáu, pháp NHỊ TƯỚNG là thiện, ác... các pháp). (Xưa gọi là nhị thức, trích Hai, Cộng tướng biệt. từ Tông cảnh lục) Chỉ liên hệ đến bốn loại hành tướng khổ, không, vô thường, vô Một, Sở duyên cảnh tướng. ngã. Như trên đã đề cập thân, thọ, Nghĩa là tâm duyên sáu trần: tâm, pháp cùng có, gọi là cộng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tướng, nhưng nói khác

nhau là: ví tướng của nó hiển bày ra ngoài. Vì như lúc quán thân là khổ thì không vậy gọi là sở duyên cảnh tướng. thể quán không, vô thường, vô ngã. (Tướng bị duyên) Cho đến lúc quán thân vô ngã cũng

không thể quán ba cái còn lại. Vì Hai, Vô thỉ Bồ đề Niết bàn vậy gọi là cộng tướng biệt. nguyên thanh tịnh thể. Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa NHỊ CĂN là đạo, tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng (Lăng nghiêm kinh nghĩa Hoa là Diệt độ. Nghĩa là lý thể của tánh thanh tịnh, bao trùm tịch diệt, hải) không dời không đổi, vô thỉ vô Một, Phù trần căn. chung. Vì vậy gọi là Bồ đề Niết Căn là mắt, tai..., vì chúng hư bàn, không nhiễm phiền não, không dối vay mượn, nên gọi là phù (hão trôi lăn trong sanh tử. Do đó gọi là huyền, không thật). Không phải là nguyên thanh tịnh thể, tức là căn cái dụng của kiến, văn, giác, tri, bản thanh tịnh của Bồ đề Niết bàn. nên gọi là trần. Kinh nói: mắt giống như hoa bồ NHỊ CHỦNG THỨC bặt, tai giống như chiếc lá non cuốn lại, mủi giống như hai cái vuốt (Hiển thức luận) (móng), lưỡi giống như trăng non Một, Hiển thức, tức là thức thứ nữa vành, thân giống như cái tan tám. trống, ý giống như nhìn vào nhà Nghĩa là thức này chứa đựng tất tối. cả chủng tử thiện, ác, mà lại có khả Hai, Thắng nghĩa căn. năng biểu hiện tất cả cảnh giới, nên Trong sáu căn, mỗi căn có sức gọi là hiển thức. tăng trưởng vượt bực, có thể soi Hai, phân biệt thức, tức là ý thấu đối tượng, phát sinh nhận thức thức thứ sáu. là đối tượng của căn, nên gọi là Nghĩa là trong hiện hành của thắng nghĩa. thức trên, ý thức phân biệt tướng của năm trần tốt, xấu, nên gọi là NHỊ CHỦNG CĂN BỔN phân biệt thức. (Lăng nghiêm kinh) THỨC NHỊ PHẦN Một, Vô thỉ sanh tử căn bổn. Nghĩa là chúng sanh trải qua vô (Nhiếp Đại thừa luận số kiếp lưu chuyển trong sanh tử, thích). tìm kiếm điểm khởi đầu, chắc chắn, Luận nói trong sáu thức thì không thể được, chỉ vì mê mờ bổn phân ra thành một phần là tướng, tánh, nên đã trôi lăn trong sanh tử, một phần là kiến, nên gọi là hai vì vậy gọi là vô thỉ. phần của thức. Sanh tử căn bản, tức là cái tâm Một, Tướng phần. phan duyên. Kinh nói: dùng tâm Nghĩa là đối sáu thức nhãn, phân duyên làm tự tánh. nhĩ... ý thức, mỗi thức đều thay đổi khác nhau thành ra sắc, thanh,

hương... vô vàn các tướng, nên gọi sanh mà diễn bày, không có sai là tướng phần. lầm; đó là trí đức. Hai, Kiến phần. Hai, Đoạn đức. Nghĩa là sáu thức trước có khả Đoạn là đoạn trừ, nghĩa là dứt năng phân biệt rõ ràng trần cảnh, trừ hết hoặc nghiệp, tùy theo nơi nên gọi là kiến phần. mà điều phục chúng sanh, ác không thể nhiễm, hoàn toàn tự tại, không A LẠI DA NHỊ NGHĨA bị trói buộc. Đó là đoạn đức. (Tông cảnh lục). NHỊ HẠNH Tiếng Phạn là A lại da, tiếng (Hoa nghiêm kinh sớ) Hoa là tàng, nghĩa là thức thứ tám, có khả năng chứa đựng chủng tử Một, Đốn thành chư hạnh. các pháp. Tức là nương vào pháp môn Một, Năng nhiếp nhất thiết viên dung mà tu hành. Các vị Bồ pháp. tát nếu dứt một hoặc nghiệp thì tất Nhiếp có nghĩa giữ gìn, tức có cả các hoặc đều đoạn, nếu tu một nghĩa chứa đựng. Vì thức này có hạnh, thì các hạnh đều đầy đủ. Vì thể chứa đựng tất cả pháp thiện, ác vậy phẩm Phổ hiền hạnh nói: Dứt giống như cái kho chứa đựng bửu trừ được một thì tất cả đều dứt hết. bối, không thể mất được. Hai, Biến thành chư hạnh. Hai, Năng sanh nhất thiết pháp. Tức là nương theo thứ lớp của Sanh tức là sanh ra. Có nghĩa là pháp môn mà tu hành. Nghĩa là các thức này đã chứa đựng chủng tử vị Bồ tát, ban đầu phát tâm Bồ đề, các pháp thiện ác, thì các pháp ấy

cuối cùng ở trong địa vị đẳng giác, từ đây sinh ra, giống như đất có thể thứ tự trải qua nhiều pháp môn, làm sinh ra vạn vật, cây cỏ. tất cả các hạnh. Đó là biến thành chư hạnh. NHỊ ĐỨC NHỊ HẠNH (Quán âm huyền nghĩa) Ở chúng sanh nhân tâm đầy đủ, (Hoa nghiêm kinh sớ) thì gọi là (vì) hiểu rõ hai nhân. Ở Một, Sai biệt hạnh. chư Phật quả đã hiển bày, thì thành Nương vào nhiều địa vị khác hai đức trí và đoạn; bởi vì hiểu rõ nhau mà tu hành, nên gọi là sai biệt nhân thì thành trí đức, liên hệ với hạnh. (Các vị là Thập trụ, Thập nhân thì thành đoạn đức. hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa). Một, Trí đức. Hai, Phổ hiền hạnh. Trí là trí huệ, nghĩa là hiểu rõ Nương vào pháp môn viên các pháp một cách thông suốt vô dung, theo tu một hạnh, tức là đầy ngại, tùy căn cơ lớn, nhỏ của chúng đủ các hạnh, nên gọi là Phổ hiền

hạnh. (Nhất hạnh là trong bốnhai sanh tịnh độ, lại được nguyện lực địa vị, theo tu một hạnh thì bao của Phật A di đà tiếp độ, chắc chắn hòm những hạnh khác). vãng sanh, nên nói là dị hành đạo.

NHỊ QUÁN HẠNH NHỊ ĐẠO (cũng gọi là duy thức (Chỉ quán phụ hành ký). quán, trích từ Tông cảnh lục). Một, giáo đạo. Một, Tầm từ (tứ). Giáo đạo có hai. Suy xét và quan sát tầm, từ. a) Dạy riêng Bồ tát, đối với Tướng do căn và trần xuất hiện, các địa vị Thập trụ, Thập khởi lên trong một niệm của tâm, hạnh, Thập hồi hướng, thì dùng tam quán để xem xét nó. nương tựa vào giáo lý của Đó gọi là tầm, từ. (Tầm thô khi Phật, tùy hoàn cảnh mà tu duyên là tầm, tâm tế phân biệt là từ hành. Đó gọi là theo quy (tứ); tam quán: không, giả, trung ước mà thực hành giáo lý, quán). đạo pháp. Hai, Chơn như. b) Phật cùng Bồ tát ở quả vị Chơn là không dối, như là Thập trụ, Thập hạnh, Thập không khác. Nghĩa là thường dùng hồi hướng thuyết giảng đi diệu quan quán tâm tánh vốn đầy lên pháp Thập địa. Đó là đủ lý của chân như, mau chóng nói về quy định thực hành khiến cho hiển hiện ra. Đó là chơn giáo lý, đạo pháp. (Thập như. trụ: Phát tâm, trị địa, tu hành, sanh quí, phương tiện NHỊ ĐẠO cụ túc, chánh tâm, bất thối, (Bà sa luận và tịnh độ đồng chơn, pháp vương tử, thập nghi luận) quán đảnh- Thập hạnh: hoan hỉ, nhiêu ích, vô sân Một, Nan hành đạo. hận, vô tận, ly si loạn, thiện Luận nói: Ở trong đời ngũ trược hiện, vô trước, tôn trọng, có vô lượng cõi Phật, cầu A bệ bạt thiện pháp, chơn thật- Thập trí rất khó được, vi trần cảnh của hồi hướng: cứu nhất thiết thế giới ta bà thô sơ hạn hẹp, năm chúng sanh ly chúng sanh dục ngăn che, khó vào được đạo, tướng, bất hoại, đẳng nhất nên gọi là nan hành đạo. (Tiếng thiết Phật, chí nhất thiết xứ, Phạn là A bệ bạt trí, tiếng Hoa là vô tận công đức tạng, tùy bất thối chuyển). thuận bình đẳng thiện căn, Hai, Dị hành đạo. tùy thuận đẳng quán nhất Tin vào những lời Phật dạy, tu thiết chúng sanh, chơn như niệm Phật Tam muội, cầu vãng tướng, vô phược giải thoát,

pháp giới vô lượng- Thập pháp trí, diệt loại trí, đạo pháp trí, địa: hoan hỉ, ly cấu, phát đạo loại trí). quang, diệm huệ, nan thắng, hiện tiền, viễn hành, bất NHỊ ĐẠO động, thiện huệ, pháp vân). (Văn thù sư lợi Bồ tát vấn Hai, chứng đạo. Chứng đạo có hai. Bồ đề kinh luận) a) Biệt giáo Bồ tát. Ở trong địa Một, Hữu lậu đạo. vị sơ địa, phá phiền não vô Năm ba la mật bố thí, trì giới, minh vi tế, chứng lý chơn tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, có thật trung đạo. Đó nói về thể thành tựu được quả hữu lậu ước hành

chứng đạo. sanh tử ở thế gian. Vì vậy gọi là b) Phật tự nói, pháp 12 địa hữu lậu đạo. này, ta đã thân chứng. Đó Hai, Vô lậu đạo. nói về ước thuyết chứng Bát nhã ba la mật, có thể thành đạo. tựu quả vô lậu Niết bàn xuất thế gian. Vì vậy gọi là vô lậu đạo. NHỊ ĐẠO NHỊ ĐẾ (Tích huyền ký) (Phiên dịch danh nghĩa) Một, Vô gián đạo. Người chứng sơ quả Thinh văn, Một, Chơn đế làm sáng tỏ lý nương bát nhẫn, dứt bỏ sự mê mờ nhất tánh thông suốt. chính vì vậy về lý của bát đế về sau. Bát nhẫn mà nói lý thật tế, không dính một này không bị kiến hoặc làm gián mảy trần, phải trái đều không còn, cách. Vì vậy gọi là vô gián đạo. năng sở đều không, muôn vật là (Bát nhẫn: khổ pháp nhẫn, khổ loại chân như, hợp Tam thừa về thực tế. nhẫn, tập pháp nhẫn, tập loại nhẫn, Hai, Tục đế biểu hiện việc diệt pháp nhẫn, diệt loại nhẫn, đạo duyên khởi của một tánh. chính vì pháp nhẫn, đạo loại nhẫn- Bát đế: vậy mà nói là trong công việc Phật dục giới Tứ đế, sắc giới, vô sắc giới sự không bỏ một pháp nào, khuyên Tứ đế) bề tôi trung thành, khuyên con hiếu Hai, Giải thoát đạo. thảo, khuyên nhà hòa hợp, làm việc Người chứng sơ quả Thinh văn, lành chỉ cho biết cái vui của các nương nơi bát trí, có thể chứng cõi trời, răng đe điều ác, chỉ bày cái được lý vô vi của bát đế về sau. Bát khổ ở địa ngục. trí này đã xa lìa được sự trói buộc của nghiệp. Vì vậy gọi là giải thoát NHỊ MÔN đạo (Bát trí: Khổ pháp trí, khổ loại (Hoa nghiêm kinh sớ). trí, tập pháp trí, tập loại trí, diệt

Trong kinh Hoa nghiêm đề cập Luận nói: Nương vào nhất tâm đến hai môn (phương pháp tu) là thì pháp có hai loại môn, cả hai đều hạnh bố môn và viên dung môn đều gồm thâu tất cả pháp, vì chơn như có thể đi vào pháp giới. môn thì tướng nhiễm tịnh đều Một, Hạnh bố môn. thông suốt, ngoài sự thông suốt ra Trong đã nói rõ ràng về Thập thì không phân biệt nhiễm tịnh, cho trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, nên được thâu gồm tất cả pháp. Thập địa, đẳng giác, diệu giác gồm Sanh diệt môn thì tướng nhiễm tịnh 42 cấp bậc tu chứng. Trình bày có phân biệt. Trong tướng phân theo thứ tự rõ ràng, khiến Bồ tát tu biệt, không có gì là không bao quát, hành, chứng đắc, từ cạn đến sâu, nên cũng gồm thâu tất cả pháp. Đó trước sau không giống nhau. Vì vậy là lý do chia ra hai môn. gọi là hạnh bố môn. Một, Nhất tâm chơn như môn. Hai, Viên dung môn. Nghĩa là tâm tánh không sanh Kinh trình bày rõ về lý của không diệt, chẳng nhiễm chẳng pháp giới, tròn đầy không ngăn tịnh, cứu cánh bình đẳng, không có ngại, khiến cho Bồ tát ở trong 42 thay đổi, đó là nhất tâm. Vì vậy gọi cấp bậc chứng đắc hiểu rõ, đưa lên là tâm chơn như môn. một vị tức là thâu tóm công đức các Hai, Tâm sanh diệt môn. vị còn lại, không hề chướng ngại. Nghĩa là tánh bất sanh bất diệt Vì vậy gọi là viên dung môn. của chơn như, vì vô minh chất chứa khởi động, nên có tâm sanh diệt. NHỊ MÔN Do đây mà giác thành bất giác. (Đại trí độ luận) Giác và bất giác lại hổ tương huân tập, vì bất giác huân tập bổn giác, Một, Phước đức môn. nên sanh các pháp tạp nhiễm, trôi Tức là bố thí, trì giới, … là làm lăn trong sanh tử. Vì bổn giác huân phước đức môn. Đi vào phước đức tập bất giác, nên sanh ra các pháp môn thì tất cả tội nghiệp đều tiêu thanh tịnh, ngược dòng sanh tử, ra trừ, những điều mong muốn đều đạt khỏi phiền não, trở về bổn giác. Vì được. vậy gọi là tâm sanh diệt môn. Hai, Trí huệ môn. Hiểu rõ tất cả pháp tức là thật NHỊ CHỦNG THẦN tướng là làm trí huệ môn. Vào được LỰC trí huệ môn thì không chán sanh tử, (Lăng già kinh) không ưa Niết bàn.

Kinh Lăng già nói: Phật dùng KHỞI TÍN NHỊ MÔN hai thứ thần lực để gia bị cho Bồ tát nghe và lãnh thọ nghĩa lý giáo pháp (Khởi tín luận) khi hỏi Phật.

Một, Hiện thân diệu ngôn Hai, Tu tập lực. thuyết thần lực. Nhờ sức tu tập, khiến cho các Kinh nói: Bồ tát ở bậc sơ địa, ở hạnh lành vững chãi, chắc chắn trong thần lực của Phật, vào Đại thành tựu. Vì vậy gọi là tu tập lực. thừa Tam muội chiếu minh. Khi đã vào Tam muội rồi thì mười phương NHỊ CHỦNG SƯ TỬ PHẤN thế giới, tất cả chư Phật dùng sức TẤN TAM MUỘI thần thông hiện ra thuyết pháp (Sơ (Pháp giới Bồ tát địa là địa thứ nhất trong mười địa- ở trong thần lực của thứ đệ) Phật... là nhờ thần lực của Phật gia Sư tử phấn tấn là mượn ví dụ để bị, nên có thể vào trong Đại thừa làm rõ giáo pháp. Con sư tử có hai chiếu minh Tam muội, tức là định việc hơn mọi thú khác. một mạnh quang minh, từ định này mà thấy mẽ trừ sạch bụi đất, hai chạy nhanh được mười phương chư Phật hiện hơn mọi thú khác. Chánh định này thân thuyết pháp). cũng vậy. một mau chóng trừ sạch Hai, Dĩ thủ quán đảnh thần lực. phiền não, chướng ngại, hai có thể Kinh nói: Bồ tát sơ địa được ra vào thiền định rất nhanh chóng, thần lực Tam muội, tích tập căn khác hơn những Tam muội còn lại. lành trong 100, 1000 kiếp mới Vào, ra thiền định đầy đủ có hai thành tựu được, thứ tự vào các địa, nghĩa: cho đến địa pháp vân thứ mười, ở Một, Nhập thiền phấn tấn. trong cung điện vi diệu như hoa sen Nghĩa là xa lìa pháp bất thiện ở lớn, ngồi trên sư tử tòa hình hoa dục giới, có giác, có quán vào sơ sen lớn. Trang nghiêm thân bằng thiền, lần lược như thế vào nhị các thứ anh lạc như những đóa hoa thiền, tam thiền, tứ thiền, không xứ, vàng, mặt trời mặt trăng sáng rỡ. thức xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu Các con tài giỏi từ mười phương tưởng phi vô tưởng xứ, diệt thọ đến, tập trung trên bảo tòa ở trong tưởng xứ. Đó là nhanh chóng nhập cung điện và được rưới nước lên thiền định vậy. (Sơ tâm ở thiền đầu. định gọi là giác, tế lâm phân biệt thiền vị gọi là quán- sơ, nhị tam, tứ NHỊ LỰC thiền đều ở cõi trời sắc giới; không (Hoa nghiêm kinh sớ) xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ là cõi trời vô Một, Tư trạch lực. sắc; diệt thọ tưởng định là diệt trừ Tư: suy nghĩ; trạch: chọn lựa. tâm thọ tưởng mà được định). Nghĩa là suy nghĩ chọn lựa tất cả Hai, Xuất thiền phấn tấn. hạnh chánh đáng, đối trị các Khởi lên từ định diệt thọ tưởng chướng ngại, khiến không nỗi lên lại vào định phi hữu tưởng phi vô trở lại. Vì vậy gọi là tư trạch lực. tưởng. Khởi lên định phi hữu tưởng

phi vô tưởng lại vào định vô sở hữu không thể vào thẳng hai định. (bất xứ, như thế đến thức xứ, không xứ, dụng xứ là vô sở hữu xứ) tứ thiền, tam thiền, nhị thiền, sơ Hai, Siêu xuất Tam muội. thiền, cho đến ra khỏi tâm tán loạn. Từ diệt thọ tưởng định vào Đó là phấn tấn xuất. trong loạn tâm. Từ loạn tâm vào diệt thọ tưởng định. Từ diệt thọ NHỊ CHỦNG SIÊU VIỆT TAM tưởng định lại vào loạn tâm. Từ MUỘI loạn tâm vào phi hữu tưởng phi vô (Pháp giới thứ tưởng xứ. Từ phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ trụ trong loạn tâm. Từ đệ) loạn tâm vào không xứ. Từ không Siêu việt là vượt qua các địa, tự xứ trụ trong loạn tâm. Từ trong tại vào ra thiền định. Có hai nghĩa. loạn tâm vào thức xứ. Từ thức xứ Một, Siêu nhập Tam muội. khởi lên trụ trong loạn tâm. Từ loạn Xa lìa pháp bất thiện ở dục giới, tâm vào không xứ. Từ không xứ trụ có giác có quán, vào sơ thiền ở sắc trong loạn tâm. Từ trong loạn tâm giới. Từ sơ thiền nhập thẳng vào vào trong tứ thiền. Từ tứ thiền trụ phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ ở trong loạn tâm. Từ loạn

tâm vào sắc giới. Từ phi hữu tưởng phi vô tam thiền. Từ tam thiền trụ trong tưởng xứ và diệt thọ tưởng định. Từ loạn tâm. Từ trong loạn tâm vào trú diệt thọ tưởng định trở lại vào sơ trong nhị thiền. Từ trong loạn tâm thiền, nhị thiền. Từ nhị thiền vào vào sơ thiền. Từ sơ thiền trú trong diệt thọ tưởng định. Từ diệt thọ loạn tâm. Đó là tướng chư Phật, Bồ tưởng định vào tam thiền. Từ tam tát vượt ra ngoài Tam muội. thiền vào diệt thọ tưởng định. Từ Nếu là Thinh văn chỉ có thể diệt thọ tưởng định vào tứ thiền. Từ vượt ra một định, không thể vượt ra tứ thiền vào diệt thọ tưởng định. Từ hai định. diệt thọ tưởng định vào không xứ. Từ không xứ vào diệt thọ tưởng TINH TẤN NHỊ CHỦNG định. Từ diệt thọ tưởng định vào TƯỚNG thức xứ. Từ thức xứ vào diệt thọ (Địa tạng thập tưởng định. Từ diệt thọ tưởng định vào bất dụng xứ. Từ bất dụng xứ luận kinh) vào diệt thọ tưởng định. Từ diệt thọ Một, Thế gian tinh tấn. tưởng định vào phi hữu tưởng phi Các vị Bồ tát tinh tấn dũng vô tưởng xứ. Từ phi hữu tưởng phi mãnh, siêng tu bố thí, trì giới… các vô tưởng xứ vào diệt thọ tưởng việc phước. Tinh tấn như thế, nhờ định. vào các quả báo, nhờ vào các việc Đó là tướng chư Phật, Bồ tát lành mà có được, có mất. Vì vậy vào Tam muội. Nếu là Thinh văn, gọi là thế gian tinh tấn. chỉ có thể vào thẳng một định, Hai, Xuất thế gian tinh tấn.

Các vị Bồ tát tinh tấn dũng Quan sát các pháp, thể tánh giả mãnh, đối với chúng sanh bằng tâm dối, vốn không sanh không diệt, bình đẳng, trừ hết phiền não, hiểu biết chân chánh, tâm không nghiệp khổ. Tinh tấn như thế, vọng động, an nhiên nhẫn nhịn. Vì không được không mất, không chỗ vậy gọi là quán sát pháp nhẫn. nương tựa. Vì vậy gọi là xuất thế gian tinh tấn. NHẪN HỮU NHỊ CHỦNG TƯỚNG NHỊ NHẪN (Địa tạng thập (Đại trí độ luận) luân kinh) Một, Chúng sanh nhẫn. Bồ tát có thể an nhiên chịu Nhẫn là chịu đựng, cũng gọi là đựng bao nhiêu việc khổ não của bằng lòng chịu đựng. Nghĩa là Bồ loài vô tình và hữu tình ở thế gian, tát đối với chúng sanh không giận nhưng tâm có rộng, hẹp, căn tánh không buồn như mẹ hiền thương có hơn, kém, hạnh có cạn, sâu, vì con. Nếu có chúng sanh dùng vô vậy mà phân chia thế gian và xuất vàn ác độc mà hại ta, tâm cũng thế gian có hai loại khác nhau. (bực không giận dữ, hoặc có chúng sanh bội về loài hữu tình có: muỗi, rệp, bằng vô vàn sự kính trọng, cúng rận, nhặng (ruồi)…- bực bội về loài dường ta, tâm cũng không vui vô tình: gió, lạnh, mưa, ướt…). mừng. Vì vậy gọi là chúng sanh Một, Thế gian nhẫn. nhẫn. Các vị Bồ tát dùng tâm vô lậu, Hai, Vô sanh pháp nhẫn. nương vào các nghiệp lành, an Đứng về lý vốn không sanh, nhiên chịu đựng các việc phiền không diệt, nên gọi là không sanh. phức ở thế gian. Đó là thế gian Bồ tát đối với các pháp vô sanh, có nhẫn. thể an vui nhẫn nại, không động Hai, Xuất thế gian nhẫn. tâm, không thối chuyển. Vì vậy gọi Các vị Bồ tát chỉ vì lợi ích của là vô sanh pháp nhẫn. tất cả hữu tình, khởi tâm bình đẳng, đại bi, an nhiên nhận chịu mọi cảnh NHỊ NHẪN thuận nghịch, khổ vui, mà không (Địa trì kinh) thấy tướng sinh diệt của các pháp. Đó là xuất thế gian nhẫn. Một, An thọ khổ nhẫn. Bị các khổ đau ốm, nước, lửa, NHỊ PHƯƠNG TIỆN roi gậy bức bách mà có thể an lòng chịu đựng, điềm nhiên bất động. Vì (Vô trước luận) vậy gọi là an thọ khổ nhẫn. Một, Tế tác phương tiện. Hai, Quan sát pháp nhẫn. Phương tiện giống như thiện xảo (khéo léo). Muốn phá bỏ cái

chấp trước về cái tướng của sắc trường hợp chấp trước. Vì vậy gọi thân của chúng sanh, nên Phật mới là thế gian phương tiện. dùng ví dụ mà nói và phân tích một Hai, Xuất thế gian phương tiện. cách khéo léo để thấy thân này Các vị Bồ tát chỉ vì lợi tha, không thật. Như Kim cang nói: Vi không vì tự lợi, hiện ra vô số trần trong tam thiên đại thiên thế phương tiện khéo léo. Những giới, thật là nhiều không kể xiết. Ý phương tiện này, không có sở đắc, nói do vi trần mà thành thế giới, không có chấp trước. Vì vậy gọi là xưa nay không thật, do tứ đại mà xuất thế gian phương tiện. thành sắc thân, xưa nay là giả. Vì vậy gọi là tế tác phương tiện. (3000 NHỊ VÔ NGÃ đại thiên thế giới là: một thế giới có (Lăng già kinh). núi Tu di, một mặt trời, một mặt trăng, một tứ thiên hạ, một Đế Nhân, pháp vốn không có ngã, thích. Tiểu thiên thế giới là 1000 vì phàm phu không hiểu, ở trong vô thế giới. Trung thiên thế giới là ngã, nghĩ ra rất nhiều thứ ngã, như 1000 tiểu thiên thế giới. Đại thiên thân ta, tên tuổi ta, vật dụng của ta, thế giới là 1000 trung thiên thế ruộng nhà của ta, ta đi, ta đứng, giới. 3000 đại thiên thế giới là cõi nằm, ngồi, nói năng, không lìa khỏi đức Thích ca giáo hóa) ta. Cho đến bố thí, trì giới vv... Hai, Bất niệm phương tiện. cũng đều thấy có ta. Vì vậy mà Muốn phá chấp trước của điên đảo nỗi lên bao nhiêu nghiệp chúng sanh về cái tướng của sắc sanh tử, phiền não. Hàng Thinh văn thân, đã dùng ví dụ phân tích tế vi tu Tứ đế, hiểu rõ nhân, pháp vốn mà nói, lại khiến cho chúng sanh, không, ngã cũng không có, nên gọi đối với vi trần, không nhớ tưởng là nhị vô ngã. đến. Cho nên kinh nói: Đó là những Một, Nhân vô ngã. vi trần, Phật nói không phải vi trần. Do chấp chặt lấy ngũ uẩn cho là Vì vậy gọi là bất niệm phương tiện. thật mà thành con người giả danh. Phàm phu không hiểu, ở trong giả PHƯƠNG TIỆN NHỊ danh lầm chấp lấy làm ngã (ta). CHỦNG TƯỚNG Nếu hiểu rõ ngũ uẩn vốn không thì con người giả danh há có thật sao? (Địa tạng thập Giả danh đã không thật có thì việc luận kinh) chấp ngã cũng không thể được. Một, Thế gian phương tiện. Kinh Kim quang minh nói: lấy gì Các vị Bồ tát hoặc tư lợi, hoặc để có con người và chúng sanh. Đó lợi tha, hiện ra vô số phương tiện gọi là nhân vô ngã. khéo léo. Những phương tiện này, Hai, Pháp vô ngã. có trường hợp có được sở đắc, có Do chấp chặt lấy máu huyết của cha mẹ, bốn đại giả hợp mà thành

thân ngũ ấm. Nếu đem phân tích Nhị thừa giác ngộ điều ấy vào được từng thứ một tìm kiếm thì chắc lý vô ngã. Đó gọi là nhân không. chắn không có gì. Phàm phu không Hai, Pháp không. hiểu, lầm chấp thân này là ngã, Bậc Nhị thừa chưa rõ được lý ngoài thân không phải là ngã. Nếu pháp không, giống như cho rằng hiểu rõ bốn đại vốn không, năm ấm ngũ uẩn là pháp thật có. Vì vậy mà không thật có, thì chấp ngã cũng pháp chấp này, nên trí huệ Bát nhã không thể có được. Nên kinh Kim thâm sâu , thấy rõ được tự tánh ngũ quang minh nói: Nhà ngũ ấm, quán uẩn là không. Bồ tát giác ngộ được sát kỹ thì trống không. Đó là pháp điều này vào được lý pháp không. vô ngã. Đó gọi là pháp không.

NHỊ CHỦNG NGÃ KIẾN NHỊ KHÔNG (Khởi tín luận) (Chỉ quán) Một, Nhân ngã kiến. Một, Đản không. Người phàm phu đối với thân Hàng Nhị thừa quán tất cả pháp ngũ ấm, cưỡng cho đó là chủ tể, đều hư ảo, chỉ thấy có không mà suy tính rằng ngã là ta, gây nên thôi, mà không thấy bất không. Vì thấy biết sai lầm. Vì vậy gọi là vậy gọi là đản không. nhân ngã kiến. Hai, Bất đản không. Hai, Pháp ngã kiến. Bồ tát chẳng những

thấy không Bậc Nhị thừa, cho rằng tất cả mà còn thấy bất không. Bất không pháp có thật tính riêng biệt, tuy tức là trung đạo. Vì vậy gọi là bất được trí nhận vô ngã, nhưng còn sợ đản không. hải sanh tử, lầm cho Niết bàn là một pháp, từ đó mà khởi sanh pháp KHÔNG HỮU CÁC CỤ chấp. Vì vậy gọi là pháp ngã kiến. NHỊ NGHĨA (Hoa nghiêm NHỊ KHÔNG kinh sớ) (Pháp tàng Bát nhã tâm Một, Chơn không nhị nghĩa. kinh lược sớ) a) Chơn không có thể diệt trừ Một, Nhân không. cái giả có, nếu cái giả có không diệt Tức là ngã không, cũng gọi là được thì chẳng phải là chơn không. sanh không. Phàm phu lầm cho b) Chơn không có thể làm rằng ngũ uẩn là ngã, cưỡng cho là thành cái giả có, cái giả hữu nếu có chủ tể, dẫn đến sanh các phiền não trở ngại thì cũng chẳng phải chơn và tạo ra vô vàn nghiệp. Phật vì không. Đó gọi là chơn không nhị muốn phá bỏ sự suy nghĩ lầm lạc nghĩa này, nên nói năm uẩn vô ngã. Bậc Hai, Ảo hữu nhị nghĩa.

a) Cái giả có ắt che đậy chơn KHÔNG HỮU NHỊ không. Cái giả có hiện ra thì chơn CHẤP không ẩn mất. (Tông cảnh lục) b) Cái giả có không trở ngại chơn không. Nếu chơn không biểu Một, Tình hữu lý vô. hiện thì cái giả có tự tiêu diệt. Đó Tức là không quán, nghĩa là gọi là ảo hữu nhị nghĩa. xem xét biến kế sở chấp, đối tình thì có, đối với lý thì không, chỉ do NHỊ CHẤP hư vọng khởi lên, đều không có thể (Kim quang minh kinh và dụng, thật nên trừ bỏ đi vậy. văn cú ký) Hai, Lý hữu tình vô. Biểu hiện thì có mà tình thì Một, Nhân chấp. không. Tức là hữu quán. Nghĩa là Chúng sanh đối với các pháp xem xét dựa vào viên thành (tánh), ngũ uẩn, cưỡng cho mình là chủ tể, đối với lý là có, đối với tình thì nghĩ rằng ta là chủ nhân ông, rồi không. Lý vốn là thật có thể có sanh ra chấp trước sai lầm. Đó gọi dụng đáng được giữ lại. là nhân chấp. Hai, Pháp chấp. NHỊ CHỦNG THƯỜNG Chúng sanh không biết các (Đại trí độ luận) pháp ngũ ấm từ nhân duyên sanh, như ảo như hoá, rồi nghĩ rằng thân Một, Bách tuế chí kiếp diệt này là của ta, sanh ra các chấp danh vô thường. trước sai lầm. Đó gọi là pháp chấp. Các vị Bồ tát, nếu ở đời 100 năm, ngàn vạn ức năm; một kiếp NHỊ PHÁP CHẤP đến tám vạn kiếp, mới vào Niết (Tông cảnh lục) bàn. Đó gọi là thường: Cho dù các Ngài trụ thế lâu xa hơn nữa, cũng Một, Câu sanh pháp chấp. không hề thay đổi. Từ trong ngũ ấm cưỡng dựng Hai, Thường trụ bất hoại danh lên một chủ tể, lầm chấp là ngã thường. cùng với thân mạng sanh ra. Đó gọi Phiền não, hoặc nghiệp của các là câu sanh ngũ chấp. vị Bồ tát đã diệt hết; lý chơn Hai, Phân biệt ngã chấp. thường hiển bày. Lý chơn thường Ở trong ngã rồi suy lường, phân không sanh không diệt, không thay biệt rằng ta có thể làm việc lành đổi, hư hoại. Đó gọi là thường. việc dữ, khởi lên chấp trước. Đó gọi là phân biệt ngã chấp. NHỊ VÔ THƯỜNG (Đại Trí Độ Luận) Một, Niệm niệm vô thường.

Tất cả pháp hữu vi niệm niệm mà thôi, bày đặt ra tạm bợ cũng gọi sanh diệt, không đứng yên. Vì vậy là ngã, pháp. Vì vậy gọi là Vô thể gọi là Niệm niệm vô thường. tuỳ tình giả. Hai, Tương tục vô thường. Hai, Hữu thể thi thiết giả. Các pháp liên tục hư hoại, gọi Kinh Phật nói: Tuy có pháp thể là vô thường; như người sắp chết từ mà chẳng phải có ngã, pháp. Thể từ sự sống chấm dứt; như lửa thiêu vốn không tên, tuỳ duyên dựng lên, đốt cỏ cây từ từ cháy hết. Vì vậy giả gọi là ngã, pháp. Vì vậy gọi là gọi là Tương tục vô thường. Hữu thể thi thiết giả.

NHỊ VÔ THƯỜNG NHỊ NHÂN (Tích huyền ký) (Niết bàn kinh) Một, Sát na vô thường. Một, Sanh nhân. Tiếng Phạn là Sát na, tiếng Hoa Sanh là phát sanh. Vốn đầy đủ là Một niệm. Nói vô thường là vì lý của pháp tánh, thì có thể phát trong một niệm của tâm có đủ bốn sanh ra tất cả pháp lành, như các tướng sanh, trụ, dị, diệt chuyển hạt ngũ cốc đều có thể nẩy mầm. động không ngừng. Đó là Sát na vô Đó gọi là sanh nhân. thường. Hai, Liễu nhân. Hai, Nhất kỳ vô thường. Liễu là chiếu rọi. Dùng trí huệ Thọ mạng của chúng sanh tuy chiếu sáng lý của pháp tánh. Như dài ngắn không bằng nhau, nhưng đèn chiếu sáng vật thấy được rõ đều có kỳ hạn. Nói nhất kỳ là vì ràng. Đó gọi là liễu nhân. thân thọ báo của chúng sanh cũng có đủ bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt NHỊ NHÂN lưu chuyển, cuối cùng đều hết hẳn. (Tông cảnh lục). Đó là nhất kỳ vô thường. Một, Năng nhân. Thức thứ tám có thể sanh ra bảy NHỊ GIẢ thức còn lại: còn là nguyên nhân (Tông cảnh lục) của các chủng tử thiện, ác. Những người học duy thức, ở Hai, Phương tiện nhân. trong thánh giáo, không hiểu rõ, Bảy thức còn lại làm phương lầm chấp ngã, pháp. Lại còn nói có tiện dẫn nhập các chủng tử thiện, ác ngã, pháp là thế nào? Đáp rằng: cho thức thứ tám. Giống như nước, Đối theo từng căn cơ mà tạm đặt ra, đất là phương tiện cho ngũ cốc nẩy không giống như cố tình chấp, giả mầm. Vì vậy gọi là phương tiện sử có hai loại. nhân. Một, Vô thể tuỳ tình giả. Chấp ngã, pháp, tự nó không có thật thể, chỉ tuỳ thuận theo căn cơ

NHỊ NHÂN chẳng không chẳng giả tức là trung (Thiên thai tứ giáo nghi đế. Nên gọi là Ba đế đầy đủ). tập chú) Hai, Duyên nhân. Duyên tức là trợ duyên. Tất cả Một, Tập nhân. công đức căn lành đều nhờ liễu Tập nghĩa là lập đi lập lại nhiều nhân mới mở rộng ra tánh của lần. Như tập tham dục thì tham dục chánh nhân. Vì vậy gọi là duyên lớn mạnh lên. Đó gọi là tập nhân. nhân. (Liễu nhân: Liễu tức soi Hai, Báo nhân. sáng, nghĩa là dùng trí huệ soi sáng Báo là quả báo. Làm nhân lành, chánh nhân). dữ thì có cái quả báo lành, dữ. Đó gọi là báo nhân. NHỊ NHÂN (Du già sư địa luận) NHỊ NHÂN (Đại trí độ luận). Một, Khiên dẫn nhân. Do hoặc nghiệp vô minh ở đời Luận hỏi rằng. Các phiền não là trước, tạo ra các nghiệp lành, dữ. pháp ác, sao nói là có thể sanh các Từ những nghiệp này làm nhân, thì nghiệp lành. Đáp rằng: có hai loại có khả năng chiêu cảm quả báo đời nhân. này, cứ như thế vòng vo không dứt. Một, Cận nhân. Vì vậy gọi là khiên dẫn nhân. Người nào mong cầu đời sau Hai, Sanh khởi nhân. giàu có, an vui, cho nên tu bố thí... Do vô minh, ở đời hiện tại, tạo các việc lành. Đó là cận nhân. ra các nghiệp lành, dữ. Do các Hai, Viễn nhân. nghiệp này làm nhân, thì khả năng Người nào muốn lánh xa cõi có quả báo đời sau. Như thế xoay dục giới và thân bất tịnh này, nên vòng không dứt. Vì vậy gọi là sanh hay tu thiền định. Đó là viễn nhân. khởi nhân.

NHỊ NHÂN NHỊ QUẢ (Đại Niết bàn kinh) (Tông cảnh lục) Một, Chánh nhân. Một, Tăng thượng quả. Chánh là trung chánh. Trung Ngũ căn là nơi thức nương tựa. tức là song chiếu. Ba đế đầy đủ, Căn làm cho thức tăng trưởng hơn nên gọi là chánh nhân. (Trung lên, nên gọi là tăng thượng quả. chánh là xa lìa hai bên: thường, Thức thứ sáu dẫn dắt năm thức kia đoạn-song chiếu là chiếu không, nên cũng gọi là tăng thượng quả. chiếu giả- không nghĩa là tuy biết Thức thứ bảy niệm trước niệm sau các tướng, tức là chơn đế- giả là tạo thức thứ sáu đều nương tựa, nên nên tất cả pháp, tức là tục đế- cũng gọi là tăng thượng quả. Thức

thứ tám là chỗ nương tựa của thức Bậc Nhị thừa, do tu nhân giới, thứ bảy, nên cũng gọi là tăng định, huệ, có thể dứt trừ quả khổ thượng quả. sanh tử ở tam giới, thì giới, định, Hai, Dị thục quả. huệ là nhân vô lậu, tức là Đạo đế. Quả báo khác thời (so với nhân) Hai, Vô lậu quả. mới chín (kết quả), tức là thức thứ Bậc Nhị thừa đã dứt trừ khổ tám. Vì thức này chứa đựng tất cả sanh tử ở tam giới, chứng được chủng tử của các pháp mà thành niềm vui chơn không Niết bàn vắng thục quả của bảy thức còn lại. Như lặng, tức là vô lậu quả, tức là Diệt nhãn căn... do trước làm các nhân đế. lành, dữ nay nhận quả báo khổ, vui. Nếu nay làm các nhân lành, dữ, NHỊ GIA cũng sẽ cảm nhận quả khổ, vui ở (Hoa nghiêm kinh sớ) tương lai. Đó gọi là dị thục quả. Gia tức là gia bị. Ở hội Linh NHỊ QUẢ sơn, Phật dùng thần lực ba nghiệp hoặc âm thầm, hoặc hiện rõ, để gia (A Tỳ đàm luận) bị cho Bồ tát Pháp huệ và các Bồ Một, Tập khí quả (cũng gọi là tát khác thuyết pháp, nên có hai thứ sở y quả). gia bị này. Tập tành nhiều lần ở đời trước Một, Hiển gia. những việc lành, dữ mà cảm thọ Phật dùng đại bi bình đẳng quả báo. Như đời trước chú ý tu thường xem xét chúng sanh. Nếu những việc lành, thì đời này tâm đời trước có căn lành, đã thành thục lành nặng hơn, chú ý làm những thì dùng thần lực để gia bị cho các việc ác nhiều hơn thì tâm ác nặng Bồ tát vì họ mà nói pháp như đích hơn. Đó gọi là tập khí quả. thân xoa đầu để tăng thêm oai đức, Hai, Quả báo. miệng thuyết pháp để thêm lợi ích Do nhân đời trước có lành, dữ, biện luận, rõ ràng có thể thấy được. cảm thọ quả báo đời này. Như đời Vì vậy gọi là hiển gia. trước làm nhân lành thì đời này Hai, Minh gia. nhận quả giàu sang, vui vẻ; làm Phật dùng thần lực của ý nghiệp nhân ác thì đời này nhận quả nghèo gia bị Bồ tát tăng thêm trí huệ. Ơ khổ. Đó gọi là quả báo. trong đại chúng vì người nói pháp, khiến cho không sợ hãi, kín đáo NHỊ CHỦNG VÔ LẬU khó thấy. Vì vậy gọi là minh gia. NHÂN QUẢ (Đại Niết bàn NHỊ CHỦNG HIỂN THỊ kinh) (Hoa nghiêm kinh Một, Vô lậu nhân. sớ)

Hiển là hiển lộ. Thị là báo cho NHỊ CHỦNG THUYẾT biết. Tất cả bổn tánh của chúng PHÁP sanh có đầy đủ các pháp nhân quả, (Bảo tánh luận) sự lý, chỉ vì tướng thay đổi, thể khác đi, tình sanh ra ngăn cách trí Một, Tế. tuệ không thể hiển bày ra được. Vì Phật vì các vị Bồ tát diễn nói vậy đàm luận Hoa nghiêm đại kinh, pháp sâu xa mầu nhiệm, nương khiến cho chúng sanh biết tâm hợp theo đệ nhất nghĩa đế mà nói. Nên với thể, tính hiển lộ thì tình mất. gọi là tế. (đệ nhất nghĩa đế là lý vi Cho nên có hai thứ hiển thị. diệu xuất thế gian mà Phật chứng Một, Ngôn hiển thị. được). Phật dùng lời nói chỉ bảo cho Hai, Thô. chúng sanh biết trí huệ đức tướng Phật, có lúc vì các chúng sanh của Phật. Kinh nói phá vỡ một hạt diễn nói các pháp vô vàn sai biệt vi trần thì xuất hiện một quyển kinh bằng danh tự, chương cú, nương lớn. Đó là ngôn hiển thị. theo thế đế mà nói. Nên gọi là thô. Hai, Sử tu hành hiển thị. (thế đế: tất cả các pháp của thế Chúng sanh đã biết pháp của gian). Phật có đầy đủ các tính, khiến cho chúng sanh tu hành ngộ nhập một NHỊ CHỦNG THÔNG cách rõ ràng. Kinh Pháp hoa nói: TƯỚNG Khiến cho chúng sanh, khai thị ngộ (Lăng già kinh). nhập tri kiến của Phật. Đó gọi là sử Một, Tông thông tướng. tu hành hiển thị. Tông là tâm. Tông cũng có nghĩa là trọng yếu. Thông là vô NHỊ CHỦNG QUẢNG ngại. Tướng là tướng siêu việt mà LỢI tâm có được. Nghĩa là nương nơi (Hoa Nghiêm kinh giáo, tư, tu hiểu ý quên lời, vào sớ). thẳng mảnh đất tự giác. Giác trí Một, Lợi kim. tròn đầy, dung thông không trở Phật ở

đời đúng vào căn cơ của ngại. Vì thế gọi là tông thông chúng sanh, nghe Phật nói Pháp tướng. ngộ đạo, được lợi ích lớn. Đó gọi là Hai, Thuyết thông tướng. lợi kim. Thuyết tức thuyết pháp. Thông Hai, Lợi hậu. là biện thuyết vô ngại. Tướng là mở Sau khi Phật nhập diệt, tất cả đầu dụng tướng giáo hoá chúng chúng sanh cũng được nghe kinh sanh. Nghĩa là dùng phương tiện, thọ pháp, tu hành ngộ đạo, được lợi tuỳ thuận căn cơ sâu cạn của chúng ích lớn. Đó gọi là lợi hậu. sanh, vì chúng mà nói pháp, không

có chướng ngại. Vì thế gọi là chúng sanh mà nói pháp. Đó gọi là thuyết thông tướng. tuỳ ý ái ngữ. Hai, Tuỳ sở ái pháp vị thuyết. LUẬN HỮU NHỊ Bồ tát tuỳ thuận theo sự (ưa CHỦNG thích của chúng sanh) nếu pháp nào (A tỳ đạt ma đại tỳ mà chúng sanh thích thì tuyên bà sa luận) thuyết pháp ấy. Luận nói Bồ tát, nếu đã chứng đạo, tuỳ nơi đáng độ Luận là nói rõ ràng. Người tạo thì thuyết pháp để độ. Như người luận hoặc là phát minh áo nghĩa giàu có thì khen ngợi bố thí, người trong các kinh đại, Tiểu thừa do ấy sẽ được danh tiếng phước đức, Phật nói, hoặc phát minh đường lối tâm được hoan hỷ. Đó gọi là tuỳ sở của Phật giáo để chứng tỏ chủ ái pháp vị thuyết. nghĩa khác sai. Vì vậy gọi là luận. Một, Lập tự tông. NHỊ CÚ Lập riêng tông phái của mình. (Phiên dịch danh nghĩa). Ví như người thuyết pháp giỏi thì lập thiện thuyết pháp tông; người Cú là ngắt câu. Hoặc nói nhiều đối đáp lý luận giỏi thì lập ứng lý lời hợp thành câu. Kinh đức Phật luận tông. nói, phải nhờ văn chuyên chở ý Hai, Giả tha tông. nghĩa, do nghĩa mới thành văn. Văn Ngăn chặn các người khác lập và nghĩa hợp thành thì gọi là câu. tông bằng cách ngược lại với mình Một, Văn cú. Văn là chữ. Nương hình tượng NHỊ CHỦNG NGỮ tạo thành chữ. Hình và thanh thích (Niết bàn kinh) hợp gọi là văn. Tất cả kinh Phật đều nhờ văn mà hình thành. Văn Một, Thế gian ngữ. tạo thành lời gọi là câu. Diễn đạt ý Phật vì các bậc Thinh văn và nghĩa phải nhờ đến văn. Đó gọi là Duyên giác, nói các pháp hữu vi ở văn cú. thế gian, nên gọi là thế gian ngữ. Hai, Nghĩa cú. Hai, Xuất thế gian ngữ. Nghĩa là nghĩa lý. Tất cả khế Phật vì các bậc Bồ tát nói các kinh đều đề cập đến nghĩa lý. pháp vô vi xuất thế gian, nên gọi là Nhưng nghĩa nhờ văn mà được rõ xuất thế gian ngữ. ràng ra. Văn nhờ nghĩa mới thành được. Quyết đoán văn phải từ nghĩa NHỊ CHỦNG ÁI NGỮ hàm chứa. Đó là nghĩa cú. (Đại trí độ luận) Một, Tuỳ ý ái ngữ. NHỊ NGHĨA Bồ tát vì thương xót chúng (Viên giác kinh lược sớ) sanh, nên tuỳ thuận theo ý của

Một, Liễu nghĩa. Hai, Thẩm phiền não căn bản. Kinh Đại thừa đều nói thắng Phật bảo A nan thẩm định căn nghĩa, như phiền não tức Bồ đề; bản phiền não, nghiệp phát sinh và sanh tử tức Niết bàn đều hiển thị tăng trưởng dần, ai làm ai chịu. Vì rốt ráo, nên gọi là liễu nghĩa. Ngài A nan không biết căn bản Hai, Bất liễu nghĩa. phiền não tuỳ theo nghiệp đã làm Trong các kinh đề cập đến các mà lầm chịu sống chết, không có việc thế tục như chán sanh tử, vui thời kỳ giải thoát. Đó là lý do Ngài cầu Niết bàn v.v... văn chương thẩm xét kỹ lưỡng, để biết chắc không giống nhau, không vì hiển chắn thể tánh của phiền não và bày nghĩa rốt ráo, nên gọi là bất nghiệp đã làm, quả báo phải chịu liễu nghĩa. xưa nay hư dối không thật. Nếu cứu xét đến cùng nguồn gốc điên NHỊ QUYẾT ĐỊNH đảo này, thì chánh hạnh thành lập NGHĨA và vô thượng Niết bàn có thể chứng (Lăng nghiêm kinh) được. Quyết định là kiên quyết, không NHỊ THỈNH thay đổi. Phật bảo Ngài A nan phân (Hoa nghiêm kinh sớ). biệt chân, vọng. Hãy

thẩm xét khác, giống giữa nhân tâm và quả Một, Ngôn thỉnh. giác và thẩm xét sự sanh khởi của Dùng lời nói để mời, hỏi tức là căn bản phiền não, nên có hai thứ hội thứ nhất Hoa nghiêm ở phẩm quyết định nghĩa. Tam muội, Bồ tát Phổ hiền dùng Một, Thẩm nhân tâm quả giác. lời trân trọng thỉnh ba phẩm sau Phật bảo Ngài A Nan, nếu (phẩm Thế giới thành tựu, phẩm muốn bỏ hẳn Tiểu thừa vào tri kiến Hoa nghiêm thế giới, phẩm Tỳ lô Phật phải thẩm xét nhân địa phát giá na). tâm cùng với quả địa giác ngộ là Hai, Niệm thỉnh. giống hay khác. Vì A nan không Thỉnh không dùng lời nói, chỉ nhận tâm của chúng sanh vốn đầy dùng nhớ tưởng mà xin, hỏi, tức là đủ quả giác ngộ của Phật đã chứng hội thứ hai, ở trong phẩm Như lai được. Quả giác ngộ này tức là nhận sanh định hiệu. Phật biết niệm tâm vốn đầy đủ của chúng sanh. Vì tưởng trong tâm của các vị Bồ tát vậy bảo ông phải thẩm xét kỹ mà hiện thần thông v.v... Đó gọi là lưỡng, để nhận biết chắc chắn nhân niệm thỉnh. tâm, quả giác, từ xưa đến nay, vốn không khác. Nên việc này với tâm NHỊ ĐÁP không khác, ấy là cái gốc để lập (Hoa nghiêm kinh sớ) hạnh tiến tu, thì sẽ được vô thượng Bồ đề chắc chắn. Một, Ngôn đáp.

Trong kinh Hoa nghiêm từ hội tịnh, còn sanh nhiễm tâm. Vì vậy thứ nhất đến hội thứ tám, đều có phải thực tập hai phép quán này, để xin hỏi và đều dùng lời nói đáp lại. trừ bỏ tâm chấp trước. Đó là ngôn đáp. Một, Tử thi xú lạng bất tịnh Hai, Thị tướng đáp. quán. Hội thứ chín kinh Hoa nghiêm, Người tu hành, ở nơi yên tĩnh phẩm nhập pháp giới, bắt đầu 60 nên vận dụng tâm quán tưởng câu, hỏi Phật tự nhập Tam muội sư tướng thây chết hôi thúi dơ dáy, tử phấn tấn. Hiện tướng mà trả lời. tâm sanh chán ghét thân ta dơ dáy Bởi vì tâm Phật tự tại, không chờ cũng như thế. Sao lại đam mê sắc đến lời nói, Phật lực thù thắng dục, tham lam tìm kiếm không (Siêu việt) hiện tướng có thể trả lời chán tướng thây chết hôi thúi dơ được. Đó gọi là thị tướng bằng dáy, tâm sanh chán ghét thân ta dơ cách dùng diện mạo tỏ bày. dáy cũng như thế. Sao lại đam mê sắc dục, tham lam tìm kiếm không NHỊ THỰC chán. Huống hồ mạng sống ngắn (Pháp hoa văn cú) ngủi như điện chớp, trong giây lát cũng khó bảo toàn. một hơi thở ra Một, Pháp hỷ thực. không hít lại được, so với thây chết Nghe pháp vui mừng là căn kia có khác gì. Do quán sát hôi thúi lành được tăng trưởng, giúp ích huệ dơ dáy mà tâm tham trước sắc dục mạng, giống như người thế gian ăn tự ngưng. Đó là tử thi xú lạng bất thực phẩm, có thể nuôi dưỡng các tịnh quán. căn, giữ gìn mạng sống. Đó gọi là Hai, Văn pháp ức tướng phân hỷ thực. biệt quán. Hai, Thiền duyệt thực. Người ta tu hành, tuy được Dùng thiền pháp để nuôi tâm nghe chánh pháp mà chưa được trí thần và vui khi được thiền định, là huệ. Do tham ái bùng cháy không thiện căn được tăng trưởng, ích lợi dứt. Vì thế phải nhớ rằng thân ta huệ mạng giống như thức ăn của xương là cây, thịt là bùn. Do lông người đời, có thể nuôi dưỡng các lá, móng răng, da gân, máu mủ tụ căn và duy trì mạng sống. Đó gọi là lại mà thành. Đói, lạnh thất thường, thiền duyệt thực. một trăm đốt xương nhức mỏi, không một nơi nào trong thân là NHỊ CHỦNG QUÁN vững chãi. Do đây mà nhớ nghĩ đến (Thiền yếu ha dục phân biệt quán, thì tâm tham trước kinh). tự dứt sạch. Đó là văn pháp ức Quán là dòng tư tưởng của tâm tưởng phân biệt quán. đứng yên. Người tu hành, chưa được chánh định. Đối với pháp bất

NHỊ CHỦNG QUÁN một, Tướng mạo kiến. PHÁP Do có hình trạng tướng mạo mà (Chiêm sát kinh) thấy. Như người thấy khói bốc lên, liền nói là thấy lửa. Tuy không thấy Một, Duy thức quán. lửa, cũng không sai. Đó là tướng Ở mọi lúc, mọi nơi làm bao mạo kiến. nhiêu nghiệp từ thân, khẩu, ý. Biết Hai, liễu liễu kiến. rằng đó là tự tâm mình gây ra. Mắt người sáng suốt (không Trong từng niệm, phải dùng tâm bệnh) nhìn quả A ma lặc trong lòng quán sát những gì do tâm khởi lên. bàn tay thấy rất rõ ràng. Bồ tát thấy Đó là duy thức quán. quả Bồ đề Niết bàn cũng như thế. Hai, Thật tướng quán. Đó là liễu liễu kiến Thật tướng là lý. Nghĩa là suy nghĩ về tâm tánh, không sanh, VÔ MINH NHỊ KIẾN không diệt, không kẹt vào thấy, (Khởi tín luận sớ) nghe, hay biết, trong từng niệm một, dùng tam quán quán sát bổn Một, Vô thể tức không nghĩa. tâm đầy đủ lý thật tướng. Đó gọi là Phiền não vô minh đều do nơi thật tướng quán. vọng tâm của chúng sanh trái ngược với chân như khởi lên. Cảnh NHỊ KIẾN vọng vốn không, thể vốn không có. (Niết bàn kinh) Vì vậy gọi là vô thể tức không nghĩa . Một, Trụ địa phần kiến. Hai, Hữu dụng thành sự nghĩa. Bồ tát Thập trụ v.v... phá trừ Vô minh tuy tự thể vốn không, một phần hoặc vô minh, hiển lộ nhưng hay làm thành tất cả sự một phần trong ba đức, từ cạn đến nghiệp ở thế gian và xuất thế gian. sâu. Nên gọi là trụ địa phần kiến Vì vậy gọi là hữu dụng thành sự (Tam đức: pháp thân, Bát nhã, giải nghĩa. thoát) Hai, Cứu cánh vô kiến. NHỊ CHỦNG HUÂN Bồ tát đẳng giác dứt trừ phẩm (Phiên dịch danh cuối cùng phiền não vô minh vi tế, nghĩa). hết sạch không còn, liền lên quả vị Diệu giác. Tánh đức vốn có đã hiển Huân là huân tập (tẩm ướp), có lộ hoàn toàn, hoàn toàn hết phân nghĩa làm cho phấn chấn lên (hăng biệt. Vì vậy gọi là cứu cánh vô lên). Bởi vì thức thứ tám, tuy chứa kiến. đựng tất cả chủng tử thiện, ác, nếu không nhờ vào duyên nhiễm, tịnh NHỊ KIẾN huân tập và phát khởi, thì không (Niết bàn kinh) thể thành các việc xấu hay tốt

được. Giống như các loại ngũ cốc, sau là quả; lại nữa vị sau là nhân, vị tuy có mầm sanh sản, nếu không có sau nữa là quả. Đó là nhân đổi quả đất nước trợ lực, giúp sức, thì mầm thay. Vì vậy gọi là biến dịch sanh non cũng không thể sanh ra được. tử. (Phương tiện độ là tu giới, định, Nên gọi là huân tập nhiễm, tịnh huệ được sanh vào cõi ấy). nhiều lần vào tâm thể mới hình thành được bao nhiêu việc nhiễm, NHỊ NỮ tịnh. Vì vậy gọi là huân tập. (Niết bàn kinh). Một, Huân tập. Huân tức hun đúc và nẩy nở. Phật vì chúng sanh, chỉ biết Tập là tập luyện nhiều lần. Nương tham sống sợ chết, mà không biết vào huân tập nhiễm, tịnh nhiều lần phương cách xuất ly, nên lấy tính vào tâm thể mà mới hình thành cách hai cô gái để làm ví dụ. Hai cô được bao nhiêu việc nhiễm tịnh. Vì gái này hành vi cử chỉ giống nhau, vậy gọi là huân tập. không thể xa rời nhau. Cũng giống Hai, Tư huân. như sống ắt có chết và ngược lại; Tư là giúp đỡ. Tâm đối trước chưa từng xa nhau giây lát vậy. trần cảnh và các tướng phiền não Một, Công đức thiên. huân tập, phát khởi mà thành ra các Kinh nói như có người nữ vào việc nhiễm, tịnh vì vậy gọi là tư nhà người ta. Chủ nhà hỏi rằng, huân. người tên gì ? Đáp: tôi tên là Công đức đại thiên. Lại hỏi: ngươi làm NHỊ CHỦNG SANH TỬ được gì? Đáp: Ta đến đây mang theo vàng, bạc châu báu. Chủ nhà (Duy thức luận) nghe vậy liền tỏ ra vui vẻ kính Một, Phần đoạn sanh tử. mến, cung kính lễ bái. Phần là giới hạn. Đoạn là một Ví dụ này ám chỉ kẻ phàm phu đoạn, một bộ phận. Chúng sanh tham sống, giống

như người chủ trong lục đạo cảm thọ quả báo tuỳ nhà tham lam của cải quí báu mà theo nghiệp lực, nên thân có đẹp, yêu thương cô gái kia. có xấu; mạng có thọ có yểu, nhưng Hai, Hắc ám nữ. tất cả đều trôi nổi trong vòng sanh Kinh nói: Chủ nhà lại gặp một tử. Vì vậy gọi là phần đoạn sanh tử. cô gái dung mạo xấu xa, quê mùa, Hai, Biến dịch sanh tử. dốt nát, dơ dáy. Chủ nhà hỏi rằng: Nhân đổi, quả khác, nên gọi là tên ngươi là gì? Đáp: ta đến đây để biến dịch. Các vị Thinh văn, Duyên khiến cho tất cả của báu của ông giác, Bồ tát, tuy đã xa lìa phần đoạn suy sụp mất mát. Nghe xong, chủ sanh tử trong ba cõi; nhưng vẫn còn nhà cầm dao nói rằng: nếu ngươi ở cõi phương tiện hữu dư (hay cõi không đi, ta chặt đứt thân mạng phương tiện hoá thân) của biến ngươi, cô gái đáp: Ông quá ngu si, dịch sanh tử. Như vị đầu là nhân, vị không có trí huệ. Người mà ông

đang cúng dường trong nhà, chính NHỊ GIẢI THOÁT là chị của tôi. Tôi và chị tôi hành (Bảo tánh luận). xử giống nhau. Nếu ông đuổi tôi thì Chúng sanh thường bị trói buộc đương nhiên cũng đuổi luôn cả chị bởi dây nghiệp lực, không thể thoát tôi. ly. Nếu mở được sự trói buộc ấy thì Ông chủ trở vào nhà, hỏi: Công liền được tự tại, nên gọi là giải đức thiên: Có đúng như vậy không? thoát. Thiên đáp: đúng, đó là em tôi, đi Một, Tánh tịnh giải thoát. đứng cùng nhau, chưa từng xa Tánh của chúng sanh vốn thanh cách. Tôi thường làm cho có ích tịnh, không có tướng nhiễm ô trói lợi, còn cô ấy đem đến sự tổn thất, buộc. Đó gọi là tánh tịnh giải thoát. mất mát. Nếu đã yêu mến tôi, thì Hai, Chướng tận giải thoát. cũng phải yêu mến cô ấy. Nếu chán Chúng sanh do phiền não, ngăn ghét cô ấy, thì cũng phải chán ghét che thánh đạo, không thể ra khỏi. luôn tôi. Nếu xa lìa chướng ngại này, thì Ví dụ này cho kẻ phàm phu: được tự tại. Đó là chướng tận giải Chỉ biết chán ghét cái chết, mà thoát. không biết rằng sự sống cũng phải chán ghét. Nếu chán ghét chết thì NHỊ GIẢI THOÁT cũng phải chán ghét sống. Cả sống (Hoa nghiêm kinh sớ) và chết đều cùng chán ghét, mới là người có trí. Để được gọi là người Một, Hữu vi giải thoát. có trí tuệ, thì chủ nhân không nhận Giới luật đã được Phật chế ra, cả hai cô gái ấy. nương theo thầy đúng pháp mà thọ trì, thì có thể ngừa sai, ngăn ác, xa NHỊ CHỦNG PHÁ lìa sự trói buộc của nghiệp lực. Vì TRƯỚC vậy gọi là hữu vi giải thoát. (Đại trí độ luận) Hai, Vô vi giải thoát. Một, phá dục trước. Không chế giới luật, tánh vốn Con người háo sắc, tham dục thanh tịnh, thể vốn vô vi, tuy giữ nổi lên nhiều. Nếu quán sắc là vô giới pháp, tướng phạm giới không thường, bất tịnh, thì tâm tham đắm giữ. Tâm thể rỗng rang, tánh tội không còn nữa, và được niềm vui cũng không còn. Vì vậy gọi là vô vi giải thoát. Đó gọi là phá dục trước. giải thoát. Hai, phá kiến trước. Con người tuy thấy sắc vô NHỊ GIẢI THOÁT thường, bất tịnh, nhưng còn chấp (Thành thật luận) chặt pháp làm nảy sanh cái thấy. Một, Huệ giải thoát. Nếu biết rõ sắc tướng vốn không, Dùng trí huệ dứt trừ ràng buộc thì không nổi lên cái thấy phân biệt. hoặc nghiệp, vô minh, thì được giải Đó là phá kiến trước. thoát. Vì vậy gọi là huệ giải thoát.

Hai, Tâm giải thoát. NHỊ GIÁO Từ tâm này mà xa lìa sự trói (Hoa nghiêm khổng mục) buộc của tham ái, thì được giải thoát. Vì vậy gọi là tâm giải thoát. Một, Hoá giáo thông nội ngoại chúng. NHỊ ĐOẠN Một đời đức Phật bố thí giáo (Trì địa kinh) pháp, dạy dỗ chúng sanh, gồm cả xuất gia và tại gia. Cả hai đều Một, Duyên phược đoạn.

nương tựa giáo pháp này mà tu Chỉ dứt trừ cái sai lầm trong hành, xa lìa khổ sanh tử. Vì vậy gọi tâm, thì trần cảnh bên ngoài không là hoá giáo thông nội ngoại chúng. thể nổi lên tham, sân. Đối cảnh tuỳ Hai, Chế giáo duy nội chúng. duyên mà không sanh nhiễm trước. Phật nói các luật nghi, riêng Vì vậy gọi là duyên phược đoạn. ngăn cấm chúng xuất gia, như pháp Hai, Bất sanh đoạn. đã thọ lãnh, đưa đến thành tựu quả Khi đã hiểu rõ pháp không, thì Thánh. Vì vậy gọi là chế giáo duy quả khổ trong tam đồ ác đạo, vĩnh nội chúng. viễn không sanh ra nữa. Vì vậy gọi là bất sanh đoạn.(Tam đồ: đao, HOA NGHIÊM VI CHƯ GIÁO huyết, hoả đồ). BỔN HỮU NHỊ (Hoa NHỊ CHỦNG HỘ TRÌ SỰ nghiêm kinh sớ) (Địa tạng thập luân kinh) Hoa nghiêm tức là Đại phương quảng Phật hoa nghiêm kinh. Phật Một, Hộ trì Phật chủng. ra đời, ban đầu nói kinh này, sau đó Phật chủng là chủng tánh Phật. mới nói các pháp tiệm, đốn. Bởi vì Phật và Bồ tát dùng tâm đại bi phát các giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa đều triển và kế thừa giống Phật, khiến từ tánh hải của kinh Hoa nghiêm cho chúng sanh bỏ đời phàm tục, này lưu xuất, nên kinh này bao quát xuất gia, cạo tóc, mặc áo nâu sòng, tất cả các kinh. Đó là gốc của các tu hành thánh đạo, khiến cho Phật giáo lý Phật đã nói. chủng còn mãi. Một, Khai tiệm chi bổn. Hai, Hộ trì chánh pháp. Khai là mở bày. Tiệm là lần Chánh pháp là Tứ đế. Phật và lượt; tức là giáo lý của ba thừa. Ban Bồ tát dùng tâm đại bi, hộ trì chánh đầu, Phật nói Hoa nghiêm là giáo lý pháp của Phật, khiến cho ngoại đạo căn bản Nhất thừa viên đốn. Các tà ma không thể quấy phá, và đại Bồ tát đã tìm hiểu, chứng được chúng sanh tâm chánh tín, ưa nghe trí huệ Phật. Căn cứ phương tiện, chánh pháp, truyền bá rộng khắp, thấp kém của Tam thừa khó dự đem đến lợi ích vô cùng. pháp hội giống như người đui hoặc

điếc, không tin, không hiểu, không hoặc từ giáo pháp khác nhau đưa về theo, không vào. Vì thế đức Phật đồng nhất. Vì vậy gọi là Khuất Lô xá na cởi bỏ y phục trân quý, khúc giáo. (đối Quyền hiển Thật là mặc áo quần dơ dáy, bèn mở ba đối ba giáo tạng, thông, biệt là thừa tuần tự để giáo hoá cho thích phương tiện để hiển bày thực tánh hợp, khiến cho Thinh văn, Duyên Viên giáo Nhất thừa. Hội dị quy giác và Bồ tát quyền giáo, hiểu biết đồng là hợp ba giáo khác nhau trở đến chín chắn. Vì vậy Hoa nghiêm về cùng Viên giáo) là gốc của khai, tiệm vậy. (Tiếng Hai, Bình đạo giáo. Phạn là lô xá na, tiếng Hoa là Tịnh Các kinh do đức Lô giá na nói mãn, tức là Báo thân Phật). đều tuỳ theo pháp tánh bình đẳng Hai, Nhiếp mạt chi bổn. mà nói. khi nói về đốn giáo như Nhiếp là thu nhiếp. Mạt là cành kinh Hoa nghiêm, tuy là tuỳ theo sự nhánh. Tức là giáo lý có trước ba khác nhau của chúng sanh mà điều thừa. Phật vì căn cơ của Tiểu thừa, phục; nhưng đều là phương tiện mà nói pháp Tam thừa. Sau khi đã quyền xảo thích hợp với tánh giác. thành thục rồi, cuối cùng khiến họ Đó gọi là bình đạo giáo. (Tiếng vào được trí huệ Phật. Vì thế nói Phạn là Tỳ lô giá na, tiếng Hoa là các kinh Đại thừa nên mới có pháp Tịnh mãn, tức là Báo thân Phật). Thinh văn, Bích chi Phật, Bồ tát và chư Phật; tất cả đều chảy vào bể ĐÀM SẤM NHỊ GIÁO lớn trí tạng của Tỳ lô giá na. Cho (Hoa nghiêm kinh nên Hoa nghiêm là gốc thu tóm tất sớ). cả. (Tỳ lô giá na là tiếng Phạn, tiếng Hoa là Quang minh biến Đời Tây tần có pháp sư tam chiếu hay Biến nhất thiết xứ). tạng Đàm mâu sấm lập ra hai giáo này. ẤN SƯ NHỊ GIÁO Một, Bán tự giáo. Tạng Thinh văn nói về lý tánh (Hoa nghiêm kinh chưa bao trùm, giống

như nữa chữ sớ). mà thôi. Đời sơ Đường có pháp sư Ấn Hai, Mãn tự giáo. lập ra hai giáo này. Tạng Bồ tát nói về lý tánh mới Một, Khuất khúc giáo. đầy đủ, giống chữ viết đầy đủ vậy. Các kinh Phật Thích ca nói theo căn tánh của chúng sanh, tìm cách VIỄN SƯ NHỊ GIÁO phá chấp, phương tiện tuỳ nghi, (Hoa nghiêm kinh khiến cho chúng sanh đều hiểu rõ. sớ). Như kinh Niết bàn, tuy nói lý viên thông rốt ráo, hoặc nương Quyền Đời Tuỳ, pháp sư Viễn lập hai (phương tiện) trình bày Thật tánh, giáo này.

Một, Tiệm giáo. Chúng sanh nếu nhiếp được Theo căn cơ liễu ngộ từ từ, Đại vọng niệm, an trụ nơi thiền định, thừa từ Tiểu thừa khởi phát, là cơ gạn sạch suy tư, khiến cho thể của sở thành lập Tam thừa giáo. định yên lặng, không bị vọng trần Hai, Đốn giáo. quấy động vì vậy gọi trừng trạm Theo căn cơ vượt trội vào thẳng linh vô. Đại thừa, không qua Tiểu thừa, liễu Hai, Thể thị vô. ngộ mau chóng. Chúng sanh nhận ra ngay nguồn tâm vắng lặng, pháp cũng LƯU ĐẨU NHỊ GIÁO không sanh. Vì một niệm khởi lên, (Hoa nghiêm kinh trọn không thể được. Đó là đương sớ). thể thị vô. Đời Tề, ẩn sĩ Lưu đẩu thấu suốt NHỊ TÔNG THÍCH ĐỀ kinh Phật, cũng lập hai giáo. (Thiên thai tứ giáo Một, Tiệm giáo. Bắt đầu từ Lộc uyển, kết thúc ở nghĩa tập chú và Hoa nghiêm kinh Long thọ, các kinh được Phật nói sớ). ra, từ tiểu đến Đại thừa; vì vậy gọi Ngài Hiền thủ của tông Thiên là tiệm giáo. thai giải thích đề mục các kinh thì Hai, Đốn giáo. có chung, riêng, năng, sở không Đầu tiên Phật nói kinh Hoa giống nhau. nghiêm, như mặt trời mới mọc, ánh Một, Thiên thai thông biệt thích sáng chiếu trên đỉnh núi cao. Vì đề. vậy gọi là đốn giáo. Khoảng đời Trần và Tuỳ có đại sư Thiên thai hiệu Trí giả, khi giải NHỊ CHỦNG VÔ TÂM thích tựa đề kinh Phật đều dùng hai ƯỚC GIÁO nghĩa chung và riêng để phân tích (Tông cảnh lục) và giải thích. Ví dụ như kinh Diệu pháp liên hoa, trong bốn chữ đầu Ước là tóm tắt, dựa vào nghĩa tên riêng chỉ cho kinh này; một chữ tóm tắt. Giáo lý của Phật vốn đề kinh thì chung cho tất cả các kinh. cập đến việc rời bỏ cái tướng do Đó là Thiên thai thông biệt thích tâm duyên mà có. Chúng sanh đề. nương vào đó mà tu, xa lìa tâm Hai, Hiền thủ năng sở thích đề. chấp trước sai lầm, an trụ vào lý Đời Đường quốc sư Hiền thủ, chơn như, thì thánh đạo chắc chắn khi giải tựa đề một quyển kinh, thành tựu. Cho nên nói: Thiên kinh dùng kinh văn nói ra và nghĩa được vạn luận cũng chỉ nói đến thân tâm, chuyển tải để phân tích và giải phá trừ chấp trước. thích. Ví dụ như sáu chữ Đại Một, Trừng trạm linh vô. phương quảng Phật Hoa nghiêm

Kinh, thì sáu chữ đầu là ý nghĩa tánh vắng lặng, không để cho nổi được chuyển tải; một chữ kinh là lên những phiền não ấy trở lại. Đó kinh văn chuyển tải. Các kinh khác gọi là điều phục nhiếp. cũng vậy. Đó là Hiền thủ năng sở thích đề. NHỊ CHỦNG NHẬP (Kim cang Tam muội NHỊ CHỦNG LẬP ĐỀ kinh). (Pháp hoa văn cú). một, Lý nhập. Tất cả tựa đề các kinh do Phật Chúng sanh tin sâu chơn tánh lập ra, do được các nhà kết tập lập vốn có, không một không khác, ra. không có không không, không ta Một, Phật tự lập. không người, phàm, thánh không Tựa đề của các kinh đều do hai, yên lặng vô vi, không có phân Phật đặt ra. Như kinh Kim cang chia. Nhờ tin sâu điều này, có thể nói. Kinh này có tên là Kim cang vào được lý tánh. Đó là lý nhập. Bát nhã ba la mật, dựa vào tên kinh Hai, Hạnh nhập. này các ông hãy phụng trì. Hạnh là dựa lý phát tâm tu Hai, Kinh gia lập. hành. Tu theo hạnh này, tâm không Sau khi Phật vào Niết bàn, đề nghiêng đổ, không mong không tựa các kinh được Ngài A nan và cầu, an trụ bất động,

giống như đại nhiều vị nữa kết lập đặt ra, như địa. Nhờ tu hành vào được lý tánh. kinh Diệu pháp liên Hoa. Đó là hành nhập. NHỊ NHIẾP NHỊ THUYÊN (Tịnh danh kinh sớ) (Tông cảnh lục) Một, Chiết phục nhiếp. Chiết là bẻ gãy. Phục là khuất Một, Già thuyên. phục. Chúng sanh trong sáu đường Già là chận đứng việc sai trái. trong tam giới, tham đắm ngũ dục, Thuyên là giảng giải văn tự. Như trôi trong sanh tử, thật khó vượt các kinh đã nói về chơn như diệu qua được. Vì vậy Phật nói các quả tánh. Mỗi kinh đều nói bất sanh bất báo về thiện, ác và bao nhiêu lời diệt, vô nhân vô quả, vô tướng vô thiết tha về cái khổ ghê gớm trong vi, phi phàm phi thánh, phi tánh phi các địa ngục, để uốn nắn tâm tánh tướng v.v... Tất cả đều nhằm dẹp và thu nhận chúng theo chánh đạo. tan sai trái và vết tích, dứt tướng bỏ Đó là chiết phục nhiếp. tình. Đó gọi là già thuyên. Hai, Điều phục nhiếp. Hai, Biểu thuyên. Điều là điều trị (chữa bệnh). Trình bày những điều đúng đắn, Điều trị, kiến, tư và căn bản vô như nội dung các kinh đã nói, biết minh hoặc đều theo chánh lý. Tâm thấy rõ ràng, sáng suốt chiếu soi,

yên tĩnh vắng lặng rộng khắp. Đó trước tăng đoàn. Đó là điều phục gọi là biểu tuyên. yết ma.

NHỊ YẾT MA NHỊ CHỦNG KHƯỚC (Tứ phần luật). MA PHÁP (tu tập chỉ quán Tiếng Phạn là Yết ma, tiếng Hoa là Tác pháp. Nghĩa là khi Tỳ toạ thiền pháp yết). kheo phạm tội, tập trung đối diện Người tọa thiền chánh định với vị nắm giới pháp, tự mình khai chưa phát, có nhiều chướng ngại do ra tội đã phạm. ác ma làm ra, tâm sanh sợ sệt, phá Một, Tự tội yết ma. hoại căn lành. Nếu có thể đoan tâm Tỳ kheo phạm giới thì đại chánh niệm, thì tà ma không xen chúng theo qui định mà trị tội ấy. vào được mà nó tự tiêu diệt có hai Đó gọi là tự tội yết ma. loại khước ma. Hai, Thành thiện yết ma. Một, Tu chỉ kiếp ma. Có Tỳ kheo phạm giới, được Người tọa thiền, lúc tu định, phép phát lồ sám hối trước chúng, hoặc thấy cha, mẹ, anh, em, hình tội ấy tiêu diệt, thiện căn được tướng chư Phật, tất cả cảnh đáng thành tựu. Đó là thành thiện yết yêu, khiến cho người tu mừng vui ma. chấp lấy, hoặc thấy sư tử, cọp, beo, la sát, tất cả những hình ảnh đáng NHỊ YẾT MA sợ, khiến cho người tu sợ hãi, thì (Tỳ ni mẫu sự) phải biết đó là tướng mê loạn của ma, đều là hư dối, không vui không Một, Vĩnh tẫn yết ma. sợ; giữ tâm yên lặng, thì các ma sự Khi Phật còn tại thế, nếu có Tỳ tự nhiên tiêu diệt. Đó là tu chỉ kheo phạm tội, không tự thấy lỗi, khước ma (tiếng phạn là La sát ; tánh còn ương ngạnh, không chịu tiếng Hoa là Tốc tật quỷ. hối hận sữa lỗi, thì phải tác pháp Hai, Tu quán khước ma. trình bày với đại chúng, tuỳ theo Người tọa thiền khi tu định. Đối mức độ đuổi ra khỏi tăng đoàn, hết các cảnh ma, mà thời gian tu chỉ một đời này, không phục hồi tăng chưa trừ khử được, thì nên nhận sự nữa. Đó là vĩnh tẫn yết ma. quán cái tâm năng quán, không có Hai, Điều phục yết ma. ở đâu, thì lấy gì mà có phiền não Tỳ kheo phạm giới chưa sám mừng, lo. Chỉ quán như thế, từ từ hối, thì tất cả việc trong tăng đoàn ma sự tiêu diệt dần. Đó là tu quán ăn, uống, ngồi thiền, nói năng, khước ma. không được cùng chung với tăng chúng, phải để cho tâm vị ấy biết NHỊ ĐẲNG ăn năn, hối cải và xin được sám hối (Tông cảnh lục)

Một, Đoạn đẳng. Hai, Hạ hợp chúng sanh đồng Khi mới bắt đầu thì đạo Phật là nhất bi ngưỡng. đạo giải thoát rốt ráo. Tất cả vô Lý viên minh chư Bồ tát chứng minh của

chúng sanh, một khi đã được, so với tâm vốn có của chúng hoàn toàn dứt hết. Đây là điều sanh, mê, ngộ tuy khác, thể vốn mong đợi của chư Phật đối với không hai; cho nên có thể phát khởi chúng sanh, không có một pháp đồng thể đại bi, trừ sạch khổ đau nào mà không thanh tịnh. Vì vậy cho chúng sanh, ứng khắp mười gọi là đoạn đẳng (dứt hết) phương, bố thí bình đẳng sự không Hai, Đắc đẳng. sợ hãi, những điều cầu nguyện đều Đức Phật khi mới thành đạo, là được viên mãn. Đó là thù thắng. lúc, sự giác ngộ vừa có đầy đủ. Tất cả trí huệ thỉ giác của chúng sanh NHỊ CHỦNG THANH đều có đầy đủ. Đây là điều mong TỊNH đợi của chúng sanh đối với chư (Hoa nghiêm kinh Phật. Vô minh, phiền não tạo ra, tất cả đều thanh tịnh, không có gì làm Tuỳ sớ diễn nghĩa sao). trở ngại. Vì vậy gọi là đắc đẳng Một, Tự tánh thanh tịnh. (bằng với chư Phật). Tâm thể chơn như của chúng sanh, tánh vốn thanh tịnh, không NHỊ THÙ THẮNG trở ngại, ô nhiễm. Vì vậy gọi là tự (Lăng nghiêm kinh). tánh thanh tịnh. Đây là lời Bồ tát Quán Âm Hai, Ly cấu thanh tịnh. chứng được viên thông rốt ráo. Tất Tâm thể tự tánh thanh tịnh của cả mười phương, trên đồng chư chúng sanh, xa lìa tất cả phiền não, Phật, dưới hợp với chúng sanh, dơ dáy. Vì vậy gọi là ly cấu thanh diệu dụng siêu việt, nên gọi là thù tịnh. thắng. Một, Thượng hợp chư Phật bổn NHỊ CHỦNG TỰ TẠI giác diệu tâm. (Hoa nghiêm kinh Bổn giác diệu tâm là diệu minh sớ). chân tâm vốn sáng suốt của Phật. Một, Quán cảnh tự tại. Bồ tát chứng được rốt ráo vắng Bồ tát dùng trí huệ chơn chánh lặng, mười phương viên minh, thể soi sáng cảnh chơn như và hiểu rõ đồng chư Phật. Vì vậy có thể phát tất cả pháp, tự tại vô ngại. Đó là khởi đồng thể đại từ, ban cho quán cảnh tự tại. chúng sanh sự an vui, hiển hiện Hai, Tác dụng tự tại. mười phương, hiện thân nói pháp Bồ tát đã dùng chánh trí chiếu thánh, phàm đều được độ, có soi cảnh chơn như thì có thể từ thể nguyện cầu thì ắt thành tựu. Đó là khởi lên tác dụng, hiện thân thuyết thù thắng.

pháp, dạy dỗ chúng sanh được tự sanh tử không hề có mảy may cách tại. Đó là tác dụng tự tại. biệt. Hai, Sanh tử tế. NHỊ CHỦNG TẤT CẢNH Nếu dựa vào lý chân thật của (Đại Niết bàn kinh) Niết bàn mà nói sanh tử là nguyên Một, Trang nghiêm tất cảnh. do ô nhiễm. Niết bàn tức là sanh tử. Tất cảnh có nghĩa giống như Chẳng phải chân tịch tịnh thì không quyết định, cứu cánh, cuối cùng. thể chứng ngộ được. Giới hạn Tất cả chúng sanh đều có chơn tánh không giới hạn. Đó là sanh tử tế. Vì nhứt thừa, phải tu lục độ để trang vậy kinh Hoa nghiêm đời Tần nói nghiêm (chơn tánh). Nếu không tu rằng: sanh tử chẳng phải là tạp lục độ thì không chứng được chơn loạn, Niết bàn chẳng phải là tịch tánh, vì vậy lục độ, chắc chắn là tịnh. dụng cụ trang nghiêm chơn tánh. Cho nên sớ nói: Dùng lục độ để NHỊ CHUYỂN Y trang nghiêm chơn tánh. (Lăng nghiêm kinh Hai, Cứu cánh tất cảnh. nghĩa hải) Cứu cánh có nghĩa rốt ráo. Tất Một, Chuyển phiền não y Bồ cả chúng sanh có sẵn tánh Nhất đề. thừa. Nếu được tánh Nhất thừa này, Phiền não là tối tăm và buồn thì chắc chắn đến được địa vị rốt rầu. Não là tâm thần rối loạn. Tức ráo. Nên sớ nói: Nhất thừa rốt ráo. là tất cả chúng sanh tối tăm, sai trái, lầm lạc. NHỊ CHỦNG TẾ Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa (Hoa nghiêm kinh sớ và là Đạo. Ấy là con đường chư Phật Diễn nghĩa sao). đã chứng ngộ được. Nhưng Bồ đề, Tế là giới hạn. Sanh tử, Niết phiền não, tánh của chúng sanh là bàn thể tánh là một, vốn không có một, chỉ vì mê, ngộ khác nhau giới hạn, không khác mà khác, cho không phân chia mà

thành phân nên mới chia sanh tử, Niết bàn hai chia. Vì chúng sanh mê nên đổi Bồ bên. đề thành phiền não,vì chư Phật ngộ Một, Niết bàn tế. nên chuyển phiền não thành Bồ đề, Nếu dựa vào lý do nhiễm ô của từng niệm tu tập. Đó gọi là chuyển sanh tử mà nói thì Niết bàn là lý phiền não y Bồ đề. chân thật. Sanh tử là Niết bàn, phải Hai, Chuyển sanh tử y Niết hiểu rằng phân biệt ấy chỉ là giả bàn. dối. Ngăn cách mà không ngăn Sanh tử là tất cả chúng sanh giả cách. Đó là Niết bàn tế. Trung luận dối sanh diệt. Tiếng Phạn là Niết nói: Ranh giới giữa Niết bàn và bàn, tiếng Hoa là Diệt độ, tức là cái quả chư Phật đã ngộ, đã chứng.

Nhưng sanh tử, Niết bàn tánh vốn Bồ tát, trong tâm, đã chứng là một, chỉ vì mê, ngộ khác nhau, được lý pháp giới, nên có thể dùng không phân chia mà thành phân các loại thần thông, hiện trong vô chia. Chúng sanh mê nên chuyển số thập phương thế giới, hoá độ Niết bàn thành sanh tử. Chư Phật chúng sanh, đều không chướng ngộ nên chuyển sanh tử thành Niết ngại. Vì vậy gọi là thần thông tác bàn. Nếu hiểu thấu sanh tử tức Niết dụng vô ngại. bàn, từng niệm chứng đắc. Đó là chuyển sanh tử y Niết bàn. NHỊ HOA (Hoa nghiêm kinh sớ) NHỊ CHỦNG VÔ LƯỢNG Một, Thảo mộc hoa. Tất cả hoa của cây cỏ đều trải (Đại trí độ luận). qua quá trình nở hoa, kết trái. Lấy Một, Thật vô lượng. điều này làm ví dụ cho nhân của Lý Niết bàn, Phật tánh, tựa như vạn hạnh, thì có khả năng thành tựu hư không, không có hạn lượng. Tất Phật quả. Vì vậy gọi là thảo mộc cả Bồ tát không thể đo lường được. hoa. Vì vậy gọi là thật vô lượng. Hai, Nghiêm thân hoa. Hai, Bất tri vi vô lượng. Thế gian có vàng, ngọc châu Như núi Tu di, như nước trong báu tựa như hoa, đều có thể dùng bể lớn, chỉ có Phật và Bồ tát ...mới trang sức cho thân thể. Lấy ví dụ biết số lượng nhiều, ít, các vị trời này để chỉ thần thông tướng đẹp, có và người trí lực kém cỏi, không thể thể trang nghiêm pháp thân. Vì vậy biết. Vì vậy gọi là bất tri vi vô gọi là nghiêm thân hoa. lượng (tiếng Phạn là Tu di, tiếng Hoa là Diệu cao) NHỊ CHỦNG BỒ ĐỀ (Đại trí độ luận). NHỊ CHỦNG VÔ NGẠI Luận nói Bồ tát thường thích (Hoa nghiêm kinh trung đạo, lìa bỏ hai bên, nên sớ) không sanh nơi biên giới, lại sanh Một, Trí huệ ư cảnh vô ngại. nơi đô hội mà không tà kiến. Lại Cảnh tức là lý pháp giới. Bồ tát hỏi rằng: là Bồ tát phước đức và dùng trí bình đẳng để chứng được sức trí huệ lớn nên sanh vào nhà ở lý pháp giới. Lý, sự dung thông biên địa và có tà kiến để giáo hoá không hề chướng ngại. Vì vậy gọi họ. Tại sao sợ sệt mà không sanh? là Trí huệ ư cảnh vô ngại. Đáp rằng: Bồ tát có hai thứ. Hai, thần thông tác dụng vô Một, Thành tựu đại lực Bồ tát. ngại. Luận nói: các Bồ tát này vì chúng sanh, không xa lánh nhà ở

biên địa và tà kiến mà đáp ứng và Thinh văn, Duyên giác. Đó là nhân hiện thân cứu độ. Đó gọi là thành thắng. tựu đại lực Bồ tát. Hai, Quả thắng. Hai, Tân phát ý Bồ tát. Bồ tát tu hành đã lấy Bồ đề làm Luận nói: các Bồ tát này, khi nhân, cuối cùng chứng được quả mới phát tâm, nếu sanh vào nhà ở Bồ đề, vượt hơn cả Nhị thừa. Đó biên địa, tà kiến, đã không thể độ gọi là quả thắng. người, lại tự làm hỏng mất căn lành; giống như vàng thật ở trong NHỊ MỘC bùn, cuối cùng không thay đổi. Nếu (Pháp hoa kinh văn cú) là đồng, sắt ở trong bùn thì sẽ hư hỏng. Đó là lý do, Bồ tát mới phát Một, Đại thọ. tâm không sanh vào nhà ở biên địa Đại thọ ví dụ cho giáo lý dành và tà kiến, (Chơn kim dụ cho đại riêng Bồ tát. Giáo lý riêng cho Bồ lực Bồ tát; đồng sắt dụ cho Bồ tát tát này, ở hội

Pháp hoa, được nghe mới phát tâm). đó là pháp Nhất thừa. Được thọ ký làm Phật, độ hết thảy chúng sanh, BỒ ĐỀ NHỊ TÂM như cây đại thọ kia mong một trận mưa thấm nhuần để được tăng (Đại trí độ luận) trưởng, cành lá sum suê tươi tốt, thì Một, Đại từ tâm. có thể che trùm tất cả. Đó gọi là đại Từ là lòng thương yêu, tức là thọ. tâm đem đến cho niềm vui. Bồ tát Hai, Tiểu thọ. yêu mến tất cả chúng sanh, thường Tiểu thọ ví dụ cho Bồ tát thông mong muốn điều an vui, tuỳ chúng giáo. Giáo lý Bồ tát này, cũng có sanh mong cầu điều gì thì đem đến hội Pháp hoa, nghe nói pháp Nhất lợi ích cho họ. Đó gọi là đại từ tâm. thừa, thọ ký làm Phật, nhưng không Hai, Đại bi tâm. đề cập đến căn tánh to lớn của biệt Bi là cảm thương, tức là tâm giáo Bồ tát, giáo hóa và công dụng muốn dứt bỏ khổ sở cho chúng rộng lớn. Đó là tiểu thọ. sanh, chịu nhiều đau khổ, luôn nuôi lòng thương xót, cứu vớt tế độ, NHỊ CHỦNG ĐỘC GIÁC khiến cho họ được giải thoát. Đó là (Tích huyền ký) đại bi tâm. Đại luận nói: Độc giác sanh ra NHỊ CHỦNG THẮNG đời không gặp Phật xuất thế, quán (Từ địa kinh) sát nhân duyên bên ngoài, không thấy mà tự mình liễu ngộ. Vì vậy Một, Nhân thắng. gọi là Độc giác (quán sát nhân Bồ tát tin pháp lành xuất thế, duyên bên ngoài là quan sát sự điêu đều dùng Bồ đề làm nhân, hơn cả

tàn của ngoại vật mà biết được sự Dụ cho quyền giáo Tiểu thừa, ở sanh diệt trong tâm). phẩm thí dụ trong kinh Pháp hoa. Một, Bộ hành. Người của bậc Tam thừa ở ngoài Bộ là bộ loại. Các vị Độc giác cửa nhà cháy, mong mỏi ba xe dê, này, có chút ít tâm vì người khác nai, trâu ra khỏi nhà lửa, dùng để ví như con nai chạy rồi mà còn ngoáy dụ bậc Tam thừa nương Tứ đế, đầu lại nhìn bầy ở sau. Vì vậy gọi mười hai nhân duyên, sáu độ v.v... là bộ hành. mà tu hành, được ra khỏi sanh tử. Hai, Lân dụ. Đó gọi là lâm môn tam xa. Bậc Độc giác này chỉ muốn tự Hai, Lộ địa ngưu xa. độ, dường như không có tâm vì Dụ cho thật giáo Đại thừa. Kinh người khác, như con kỳ lân chỉ có Pháp hoa, phẩm Thí dụ. Các con đã một sừng. Vì vậy gọi là lân dụ. ra khỏi nhà lửa, đến ngã tư đường ngồi đó, cho cùng một loại xe lớn NHỊ TẠNG trâu trắng kéo, cùng về bí mật lý (Trang nghiêm kinh luận) tạng. Đó gọi là lộ địa ngưu xa. Tạng có nghĩa là chứa đựng. NHỊ THỪA Các kinh đại Tiểu thừa của Phật (Thiên thai tứ giáo nghi giáo, các kinh đều chứa đựng văn lý đầy đủ, nên gọi là tàng. tập chú). Một, Thinh văn tạng. Thừa có nghĩa là chuyên chở. Nghe giáo lý của Phật, nên gọi Các bậc Nhị thừa, nương theo các là Thinh văn. Phật nói kinh A hàm pháp Tứ đế, mười hai nhân duyên chứa đựng giáo pháp Tiểu thừa mà ra khỏi ba cõi sanh tử, đến Thinh văn tu nhân và chứng quả. thẳng Niết bàn, nên gọi là thừa. Đó gọi là Thinh văn tạng (Tiếng Một, Thinh văn thừa Phạn là A hàm, tiếng Hoa là vô tỉ Nghe Phật thuyết giáo, nên gọi pháp). là Thinh văn, những người này Hai, Bồ tát tạng. Tiếng Phạn là dùng pháp Tứ đế làm phương tiện Bồ tát, nói đủ là Bồ đề tát đoả; vận chuyển. Biết khổ, dứt tập, tiếng Hoa là Giác hữu tình. Phật muốn diệt và tu đạo. Nhờ quán Tứ nói kinh Hoa nghiêm, Pháp hoa bao đế ra khỏi sanh tử, đến thẳng Niết hàm pháp Đại thừa Bồ tát tu nhơn bàn. Vì vậy gọi là Thinh văn thừa. chứng quả. Đó là Bồ tát tạng. Hai, Duyên giác thừa. Những người này dùng mười NHỊ THỪA hai nhân duyên làm phương tiện (Hoa nghiêm kinh sớ) chuyên chở; nhờ quán nhân duyên sanh diệt, liền ngộ được chẳng sanh Một, Lâm môn tam xa. chẳng diệt, ra khỏi sanh tử, đến

thẳng Niết bàn. Vì vậy gọi là LỢI ĐỘN NHỊ CĂN Duyên giác thừa. (Tích huyền ký). NHỊ QUẢ NHỊ NGHĨA Tích huyền nói rằng thấy người (Tích huyền ký). hành đạo, căn tánh có hai loại. Người chứng sơ quả Tu đà hoàn, Nhị quả tức là Tư đà hàm, tiếng phá mê mờ thấy lý tánh gọi là kiến Hoa là nhất vãng lai, nên có hai đạo. (Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, nghĩa. Tiếng Hoa là Nhập lưu, nghĩa là Một, Nhất vãng thiên thượng. người đã vào dòng thánh) Người chứng quả thứ hai vẫn Một, Độn căn (còn gọi là tuỳ còn ba phẩm hoặc nghiệp ở dưới tín hành). cõi dục, nên trở lại làm người một Bà sa luận nói: Do người ấy lần. Nếu ở nhân tu chứng được quả nương vào niềm tin, từ niềm tin thứ hai, thì một lần lên trời, một lần khởi tâm tu hành, nên gọi là người xuống làm người, thì chứng được thực hành, từ xưa đến giờ tánh quả thứ ba. Đó gọi là một lần lên nhiều chậm lụt, tự mình không hiểu cõi trời. được giáo lý, chỉ tin người khác nói Hai, Nhất vãng nhân gian. mà ngộ được đạo. Vì vậy gọi là tuỳ Người chứng quả thứ nhất, nếu tín hành. ở trong cõi trời, chứng quả thứ hai, Hai, Lợi căn (còn gọi là tuỳ thì một lần xuống nhân gian, một pháp hành). lần lên cõi trời, thì chứng được quả Luận Bà sa nói: Do người ấy thứ ba. Đó gọi là nhị vãng nhân nương theo pháp, từ pháp khởi tâm gian. tu hành, nên gọi là người thực hành. Từ xưa tâm tánh lanh lợi, SƠ QUẢ NHỊ NGHĨA không tin lời người khác, tự mình (Tích huyền ký). tìm từ giáo điển mà ngộ được đạo, vì vậy gọi là tuỳ pháp hành. Sơ quả tức tu đà hoàn, tiếng Hoa là dự lưu, còn gọi là nghịch NHỊ CHỦNG Y lưu, nên có hai nghĩa. Một, Dự lưu. (Đại trí độ luận) Dự là vào, lưu là dòng. Bậc Một, Tiểu y. thánh nhân này chứng được sơ quả, Chỉ biết bệnh, biết nguyên nhân thì vị này đã vào dòng thánh. Vì gây ra bệnh, biết thuốc trị hết bệnh, vậy gọi là Dự lưu. mà không biết tất cả bệnh, không Hai, Nghịch lưu. biết nguyên nhân gây ra tất cả Thánh nhân chứng sơ quả, đã bệnh, không biết thuốc trị hết tất cả ngược dòng sanh tử. Vì vậy gọi là bệnh. Đó là ví dụ Thinh văn không Nghịch lưu.

thể biết tất cả thuốc chửa bệnh. Đó tiếng Hoa là Tri túc- tiếng Phạn là gọi là tiểu y. Du già, tiếng Hoa là Tương ưng). Hai, Đại y. Tất cả bệnh, tất cả nguyên nhân NHỊ CHỦNG TỲ KHEO gây ra bệnh, tất cả thuốc trị hết (Xuất diệu kinh). bệnh, đều có thể biết hết, còn có thể biết nguyên nhân gây bệnh cho Ngày xưa có hai vị Tỳ kheo tu chúng sanh và cả thuốc trị bệnh. Đó học ở trong núi. một thì học giỏi, là ví dụ cho Bồ tát không bệnh nào một thì yếu kém. Vì yếu kém thì trì là không biết, không thuốc gì là giới tụng kinh. Chỉ tụng một câu, không biết. Đó gọi là đại y. ngày nào cũng tụng không nghỉ, hoàn toàn không học gì nữa. Thiên NHỊ TÔNG thần khen giỏi, xin được muốn nghe. (Phiên dịch danh nghĩa). Vị Tỳ kheo học giỏi thấy thần Một, Long thọ, Đề bà tông. ứng hiện, đem hết sở học của mình Tức là tên của đại đức tỳ kheo ở đọc tụng thật to, muốn được khen nước Nam Thiên trúc làm ra đại hay, nhưng thiên thần làm thinh. trang nghiêm, đại trí độ luận v.v... Ông nổi nóng và nói với thần rằng: gọi là pháp tánh tông, làm rõ trí của Tại sao đối xử tốt với vị kia mà xấu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, với tôi? đến xiển đề cũng đều thành Phật. Thiên thần nói: Ông không tự Tiếng Phạn là Đề bà, tiếng Hoa là trách mà còn trách tôi. Vị Tỳ kheo đại, tức là đệ tử của Ngài Long thọ, kia, tuy ít học, nhưng lời nói và tiếp nối đạo này, truyền bá ở đời. việc làm phù hợp với nhau. Ông Đó là tông Long thọ, Đề bà. (Tiếng tuy tụng kinh tam tạng mà thực Phạn là Xiển đề; tiếng Hoa là tin hành và kinh trái nhau, nên không không đầy đủ). đáng

được khen (tiếng Phạn là Tỳ Hai, Vô trước, Thiên thân tông. kheo, tiếng Hoa là khất sĩ). Phiên dịch danh nghĩa dẫn Tam Một, Đa văn Tỳ kheo. tạng truyện rằng: ban đêm Ngài Vô Ưa tụng kinh điển, sưu tầm trước lên cung trời Đâu suất, nơi rộng rãi, gọi là Tỳ kheo học rộng. Bồ tát Từ thị ở, học Du già sư địa Học rộng vốn là đáng quý. Nhưng luận v.v… chuyên hoằng dương học tuy có nhiều, mà tâm của mình pháp tướng, gọi là pháp tướng tông. không thực hành và thực hành Thiên thân là em của Ngài Vô chểnh mảng, cũng không được Trước, kế thừa đạo lý của anh khen ngợi. mình, truyền bá ở đời. Đó là Vô Hai, Quả thiển Tỳ kheo. trước, Thiên thân tông. (Tiếng Tỳ kheo này học đạo càng ngày Phạn là Đô sứ, còn gọi là Đâu suất; càng kém, kinh điển ít tụng, nên gọi là Tỳ kheo ít học. Học đạo cạn

cợt, dĩ nhiên, chưa đủ để ca ngợi. quán. Vị này tinh tấn tu từ đầu, xa Nhưng học tuy chưa đạt được mà dần thánh vị đến Phật vị, nên gọi là tâm của ông lại giản đơn nên tu ngoại phàm). hành chuyên nhất, thì cũng đáng quý. Đó là lý do thiên thần khen NHỊ THIÊN TÙY NHÂN ngợi và ủng hộ vị Tỳ kheo này. (Hoa nghiêm kinh). TĂNG GIÀ LÝ SỰ NHỊ Khi con người sanh ra rồi thì có HOÀ hai ông trời theo bên mình. một là đồng sanh, hai là đồng (Phiên dịch danh. danh nghĩa). Một, Đồng sanh thiên. Tiếng Phạn là Tăng già, tiếng Ông trời này cùng với người Hoa là hoà hợp chúng, nghĩa là lý cùng sanh một lượt. và sự đều hoà hợp. Hai, Đồng danh thiên. Một, Lý hoà. Ông trời này và người cùng một Bậc Nhị thừa đều dứt hết kiến, tên. tư hoặc, đều chứng lý vô vi. Đó là lý hoà. NHỊ NAN HOÁ Hai, Sự hoà. (Đại trí độ luận) Sự hoà có sáu nghĩa, nghĩa là tăng nội phàm và ngoại phàm đều Bồ tát, vì giáo hoá chúng sanh, sống theo sáu pháp lục hoà. làm chuyển luân thánh vương ở cõi 1) Cùng tu một giới luật do thế gian, phần nhiều sanh ở cõi Phật chế. Dục, vì các vị trời sướng, khó dạy 2) Cùng có sự hiểu biết về giáo dỗ. pháp giống nhau Một, Dục thiên nan hóa. 3) Cùng ở một nơi Các trời ở cõi Dục, ham mê ngũ 4) Lợi ích chia đều nhau dục tuyệt diệu, khó dạy dỗ. Đó là 5) Hoà thuận không tranh cãi. dục thiên nan hoá, (ngũ dục: Sắc, 6) Ý tưởng cùng vui vẻ với thinh, hương,vị, xúc). nhau. Hai, Sắc thiên nan hoá. Đó là sự hoà. (Nội phàm là bốn Các trời ở cõi Sắc, đắm nhiễm thiện căn vị: noãn, đỉnh, nhẫn, thế mùi vị, vui sướng thiền định thế đệ nhất. Vị này gần quả Tu đà gian, không có tâm nhàm chán cái hoàn; nên gọi là nội phàm. Ngoại ác mà mong xa lìa, nên khó dạy dỗ. phàm là ngũ đình tâm quán; tham Đó là sắc thiên nan hoá. nhiều tu bất tịnh quán; sân nhiều tu NHỊ CHỦNG CHÚNG từ bi quán; tán loạn nhiều tu sổ tức SANH quán; ngu si tu nhân duyên quán; nhiều chướng ngại tu niệm Phật (Đại trí độ luận)

Một, Tập ái chúng sanh. NHỊ CHỦNG Tập là luyện tập nhiều lần. Ái là (Pháp hoa an lạc hạnh tham ái, cũng gọi là mê say khoái nghĩa). lạc. Chúng sanh ở thế gian, đối với ngũ dục sắc, thanh, hương…hầu Một, Phàm chủng. hết sanh lòng tham đắm, không thể Những kẻ phàm phu không thể xa lìa. Đó là tập ái chúng sanh. giác ngộ rốt ráo. Nhân mắt thấy Hai, Tập kiến chúng sanh. sắc, sanh tâm tham ái, bởi tham ái Kiến là phân biệt có, không tạo tác nghiệp, tuỳ nghiệp chịu quả v.v… chúng sanh, đối với tất cả báo, luân hồi sanh tử liên miên pháp, suy lường có, không, suy không dứt. Đó gọi là phàm chủng. lường đoạn, thường. Đó là tập kiến Hai, Thánh chủng. chúng sanh. (Đoạn kiến là chấp các Nhờ bậc thiện tri thức, nghe pháp ở thế gian đều phải mất hẳn- được nghĩa lý

giáo pháp, có thể Thường kiến là chấp thân này chết hiểu rõ tất cả chư pháp đều từ vọng rồi sanh lại, tương tục không dứt). niệm mà sanh ra. Quán sát tâm này, giống như hư không. Như thế mà tu VĂN KINH NHỊ CHỦNG hành không dính mắc các pháp, có PHI KHÍ thể làm nên quả thánh. Đó gọi là thánh chủng. (Hoa nghiêm kinh sớ). NHỊ CHỦNG THỌ CỤ Một, Nhị thừa phi khí. GIỚI PHÁP Khi Phật nói kinh Hoa nghiêm, (Đại bửu tích tất cả hàng Nhị thừa, căn tánh hẹp kinh). hòi, không thể nghe và hiểu nổi; nên Phật xuất hiện nói: Hàng Nhị Giới là căn bản của muôn điều thừa không thể nghe kinh này, thiện. Người thọ chánh giới thì tất huống là thọ trì. Vì vậy, tuy ở trong cả pháp lành từ đây mà tăng pháp hội, như điếc như đuôi. Đó trưởng. Người thọ tà giới, chấp vào gọi là Nhị thừa phi khí. tà kiến, rơi vào vòng ngoại đạo. Hai, Chúng sanh phi khí. Cho nên giới có hai loại không Tất cả chúng sanh có tà kiến, vì giống nhau. không có tín tâm, không có căn Một, Thọ chánh bình đẳng giới. tánh Đại thừa. Tuy nghe kinh này Người tu hành có thể thọ trì mà sanh lòng chê bai, liền đoạ vào chánh giới của Phật, tất cả bình đường ác. Đó gọi là chúng sanh phi đẳng, không thấy phân biệt khác khí. nhau. Dứt hẳn tâm vọng tưởng tà vạy, giới thể tròn đầy đi đến giải thoát, rốt ráo đến vô thượng Bồ đề, không còn thối chuyển.

Hai, Thọ tà bất đẳng giới. bỏ vào nước. Mẹ nàng nói: ở đời có Người có tà kiến, theo kẻ có hai loại người, dù là chú thuật cũng hiểu biết sai trái, dùng tâm phân không thể thay đổi được. (Tiếng biệt thọ trì tà giới và rơi vào nhân, Phạn là Ma đăng già, tiếng Hoa là ngã, đoạn, thường, kiêu mạng, tánh). tham dục, sân nhuế, ngu si và bao Một, Đoạn dục nhân. nhiêu tà kiến sai lầm, không biết Người có thể dứt dâm dục thì tự tìm con đường thiết yếu giải thoát. mình giữ giới được. Người trì giới, chánh niệm kiên cố, lập hạnh đoan NHỊ CHỦNG KIỆN NHI chánh, được thần linh phù hộ, yêu (Niết bàn kinh và ma không quấy phá. Tuy có chú Thuỷ sám). thuật cũng không thể thay đổi. Hai, Tử nhân. Tự mình không làm ác; đã làm Người đã chết, thức nương vào ác rồi thì nên sám hối và không làm nghiệp chuyển động, tuỳ nơi chịu nữa. Đó là người có sức mạnh, nên hình phạt. Tuổi thọ của trời còn có gọi là người khoẻ mạnh. hạn, chết không thể sống lại, tuy có Một, Tự bất tác tội. chú thuật, cũng chẳng dời thay đổi Người khoẻ mạnh này, nghiệp được. thân, khẩu, ý thường thanh tịnh, hoàn toàn không có lỗi lầm, xấu ác. NHỊ CHỦNG PHÁ GIỚI Vì vậy gọi là tự bất tác tội. NHÂN Hai, Tác dĩ năng hối. (Đại trí độ luận) Người khỏe mạnh này, tuy ban đầu làm ác sau lại sửa đổi, hối hận, Một, Nhân duyên bất cụ túc không dám làm nữa. Giống như phá giới. nước đục, bỏ hạt minh châu vào, Người nghèo khổ, cơm ăn, áo nhờ sức của hạt ngọc, nước đục mặc không đầy đủ, sanh tâm trộm liền trong. Vì vậy gọi là tác dĩ năng cắp nên phạm giới. Đó là nhân hối. duyên bất cụ túc phá giới. Hai, Nhân duyên cụ túc phá NHỊ CHỦNG NHÂN CHÚ giới. THUẬT BẤT NĂNG GIA Người có cơm ăn áo mặc đầy (Ma đăng đủ, vì tâm quen làm việc ác nên già kinh). thích làm điều ác. Đối với giới cấm thường bị phạm phải. Đó là nhân Kinh nói: Ngài A nan đi khất duyên cụ túc phá giới. thực, giữa đường gặp cô Ma đăng già có nước. A nan khát nước, theo nàng xin nước uống. Tâm nàng xao động, trở về thưa mẹ xin chú thuật

NHỊ NHÂN XUẤT PHẬT THÂN nếu gặp được thiện tri thức khuyên HUYẾT răn giảng giải, thì lại có thể phát (Đại Trí độ khởi tâm nguyện Bồ đề. Đó là bất luận)

cứu cánh thoái.

Một, Điều đạt thôi sơn đắc tội. NHỊ THÂN Tiếng Phạn là Điều đạt, tiếng (Pháp uyển châu lâm). Hoa là Thiên nhiệt. Ông ta sanh lòng cực ác, xô đá đè Phật. Vì được Nhị thân là cha, mẹ. Cầu la kim cang lực sĩ hộ Phật, dùng chày vương kinh nói: Người nhận được kim cang đập vỡ đá, những hòn đá phần thân thể máu huyết của cha, nhỏ văng tung toé ngược lại, làm bị mẹ cho, ơn bú mớm, nuôi dưỡng. thương ngón chân của Phật chảy Giả dụ châu báu chứa từ mặt đất máu. Nên ông ta bị tội báo.(Điều lên đến cõi trời 28 (Phi tưởng, phi đạt là Đề bà đạt đa). phi tưởng xứ) bố thí hết cho mọi Hai, Kỳ vực hành châm đắc người, cũng không bằng cúng phước. dường cho cha mẹ. Tiếng Phạn Kỳ vực hay Kỳ bà, Một, Phụ thân. Tiếng Hoa là Cô hoạt sống vững Cha là người cho ta hình hài vàng, kiên cố. Khi Phật bị bệnh đầu tiên, công đức sanh thành, từ nhẹ, sai Kỳ bà chửa trị cho Phật, khi còn tấm bé đến lúc trưởng Kỳ bà dùng kim lễ Phật lấy máu ra, thành, dạy dỗ, nuôi nấng, nâng niu. bệnh mau thuyên giảm. Tuy là làm Ân ấy vô cùng to lớn. Phật ra máu, lý do trị bệnh cho Hai, Mẫu thân. Phật, nhờ vậy được phước báu. Là người nuôi ta sống còn đầu tiên. Từ trong bào thai đến khi bú NHỊ CHỦNG THOÁI mớm, nuôi nấng, giữ gìn, cực khổ (Trì địa kinh) vô cùng. Ân ấy to lớn hơn trời cao. (28 cõi trời là: Tứ thiên vương, Đao Một, Cứu cánh thoái. lợi, Dạ ma, Đâu suất, Hoá lạc, Tha Cứu cánh giống quyết định. hoá tự tại, Phạn chúng, Phạm phụ, Người tu hành, tín căn cạn cợt, lúc Đại Phạm, Thiểu quang, Vô lượng đầu siêng năng tu tập, sau vì các quang, Quang âm, Thiểu tịnh, Vô duyên khác làm trở ngại, đạo tâm lượng tịnh, Biến tịnh, Vô vân, liền thoái lui, cuối cùng không khởi Phước sanh, Quảng quả, Vô tưởng, phát tâm nguyện Bồ đề. Đó là cứu Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, cánh thoái. Thiện hiện, Sắc cứu cánh, Không Hai, Bất cứu cánh thoái. xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi Người tu hành, ban đầu siêng tưởng phi phi tưởng xứ thiên). năng, giữa chừng lười biếng, đạo tâm thoái thất. Tâm đã thoái thất,

NHỊ HỘ hợp thì bệnh hoạn nảy sanh. Vì vậy (Niết bàn kinh). gọi là thân bệnh (Tứ đại là đất, nước, lửa, gió. Vì bốn thứ này khắp Một, Nội hộ. đầy thế giới, nên gọi là đại. Người Nội là thân tâm của mình. Giới nương nhờ tứ đại bên ngoài, mà luật đại, Tiểu thừa Phật chế ra, nếu thành được tứ đại trong thân với người thọ trì thì phòng hộ sai lầm tánh cứng, ướt, nóng, động đánh cho thân, khẩu, ý nghiệp, thành tựu nhau bên trong. Không hoà thuận quả Bồ đề chủng trí. Đó là giới cấm nhau, độc hại như rắn. Vì vậy gọi là là nội hộ vậy. bốn con rắn độc lớn.) Hai, Ngoại hộ. Hai, Tâm bệnh. Là bà con dòng họ. người tu Tâm thể linh diệu sáng suốt, hành, cốt phải ngăn ngừa, dứt hết tròn đầy vắng lặng như hư không. mọi duyên. Tất cả nhu cầu về ăn, Có lẽ vui vẻ quá độ không kìm mặc, thuốc thang ắt phải nhờ bà được đến nỗi sôi nỗi quá mức; nhút con dòng họ cung cấp, ngõ hầu nhát quá sanh lo sợ, buồn rầu, khổ thân tâm được an ổn, để đạo nghiệp não, ngu si, tối tăm, đều do bốn thứ được hoàn thành. Đó là lý do bà này quấy động bên trong, đến nỗi con thân thuộc là ngoại hộ. sanh bệnh hoạn. Vì vậy gọi là tâm bệnh. NHỊ CHỦNG HỮU (Tỳ bà sa luận) NHỊ CHỦNG BỆNH

Một, Thật vật thật hữu. (Đại trí độ luận) năm uẩn thành nên thân này là Một, Tiên thế hành nghiệp vật thật có. Vì vậy gọi là thật vật bệnh. hữu. Vì đời trước ưa các biện

pháp Hai, Thi thiết hữu. độc ác như roi vọt, gậy gộc, khảo Con người trong cõi thế gian, tra, cưỡng bức làm đau khổ tổn hại mỗi người thọ báo theo nghiệp của chúng sanh. Vì vậy đời này cảm mình, vây mượn tinh cha huyết mẹ ứng quả báo mắc nhiều bệnh hoạn. mà có thân thể này và mới có nam, Đó là tiên thế hành nghiệp bệnh. nữ. Vì vậy gọi là thi thiết hữu (Thi Hai, Hiện thế thất điều bệnh. thiết: thi hành, kiến thiết) Vì lạnh, nóng, mưa, gió, không biết bảo dưỡng thân mình, rồi ăn, NHỊ CHỦNG BỆNH uống vô chừng, ngủ nghỉ vô độ, vì (Niết bàn kinh) những việc ấy, mắc nhiều bệnh hoạn. Đó là hiện thế thất điều bệnh. Một, Thân bệnh. Thân thể do bốn con rắn độc lớn hình thành. Chúng không hoà

NHỊ CHỦNG TỬ NHỊ CHỦNG PHÁP THÍ (Niết bàn khinh) (Bát nhã kinh) Một, Mạng tận tử. Một, Thế gian pháp thí. Mạng trời đã hết, thân này phải Bồ tát tuy là vì tất cả loài hữu bỏ. Vì vậy gọi là mạng tận tử. tình, thuyết pháp, hiển thị năm thần Nhưng có trường hợp mạng hết mà thông v.v... tất cả các pháp. Nhưng phước chưa hết, hoặc phước hết mà chưa thể ra khỏi thế gian. Vì vậy mạng chưa hết; hoặc phước, mạng gọi là thế gian pháp thí.(năm thần đều hết, gọi là mạng tận tử. (Phước thông: một) Chân không dính đất, là tiền của) hai) Biết được tâm và mạng sống Hai, Ngoại duyên tử. của con người, ba) Tầm nhìn ngàn Không thuận thiên mạng thì dặm, bốn) Kêu tên có mặt liền, mất mạng mình. Vì vậy gọi là năm) Vách, đá không làm trở ngại ngoại duyên tử. Như không phải số hướng đi). phận mà tự hại mình, thình lình gặp Hai, Xuất thế gian pháp thí. người khác hại mình, hoặc hai Bồ tát vì chúng hữu tình tuyên người giận giữ không ngừng, mỗi thuyết, chỉ bảo tam giải thoát môn lúc càng tăng lên, cả hai cùng chết, và những giáo pháp khác của Phật, đều là ngoại duyên tử. nương vào đây mà tu tập, thì được ra khỏi thế gian. Vì vậy gọi là xuất NHỊ CHỦNG BỐ THÍ thế gian pháp thí (Tam giải thoát (Đại trí độ luận) môn: Không, vô tướng, vô tác)

Một, Tịnh thí. NHỊ CHỦNG THÂN Không cầu quả báo, danh dự, HÀNH THÍ phước lộc ở thế gian, chỉ vì căn (Đại trí độ luận). lành xuất thế mà giúp đỡ, nguyên nhân đi đến Niết bàn. Dùng tâm Một, Sanh thân hành thí. thanh tịnh mà bố thí. Vì vậy gọi là Bồ tát dùng, thân được cha mẹ tịnh thí. sanh ra, có thể dùng tất cả báu vật Hai, Bất tịnh thí. và dùng cả thân mạng để bố thí, Bằng vọng tâm cầu phước báo tâm không tiếc rẽ. Đó gọi là sanh mà thực hành bố thí. Như kinh Bát thân hành thí. nhã nói: hoặc sợ mất mát của cải Hai, Pháp thân hành thí. mà bố thí, hoặc vì mong cầu thế lực Bồ tát đã bỏ thân mạng (sanh mà bố thí. Như thế bao nhiêu duyên thân) được pháp thân, có thể ở cớ, cùng với thanh tịnh trái ngược. mười phương thế giới, dùng vô số Đó là bất tịnh thí. trân bảo, y phục, thức ăn, thức uống bố thí tất cả chúng sanh; hay trong một thời gian ngắn, tuỳ theo

tiếng nói của chúng sanh, thuyết Sát, đạo, tà dâm, vọng ngữ, bốn pháp khắp cả mọi loài. Đó gọi là giới này là tánh giới, không đợi pháp thân hành thí. Phật chế ra, nếu người nào giữ gìn thì được phước, phạm thì bị tội. Đó NHỊ CHỦNG THÍ gọi là tánh giới. (Pháp giới thứ đệ) Hai, Giá giới. Giá là ngăn chặn. Uống rượu Một, Tài thí. nhiều có nhiều lầm lỗi sanh ra, có Dùng thức ăn, thức uống, quần thể phạm đến các giới khác, nên áo, châu báu, nhà cửa, ruộng vườn, Phật đặc biệt ngăn chặn, khiến tất cả những gì

sở hữu của mình, không phạm phải và giữ gìn, bảo đem cho người khác. Kinh Kim hộ các luật nghi khác. Đó gọi là giá quang minh tối thắng vương nói: giới. Phước bố thí tiền của, không thể ra ngoài tam giới, chỉ điều phục lòng NHỊ GIỚI tham, cứu được một đời nghèo khổ, (Tì bà sa luận). nhưng không thể làm cho ta đắc đạo được. Ví như ánh sáng đèn chỉ Một, Đạo cộng giới. sáng trong một căn nhà thôi. Ở trong địa vị kiến đạo và tu Hai, Pháp thí. đạo, không cố ý giữ giới, tự nhiên Từ chư Phật đến các vị thiện tri không phạm. Giới và đạo cùng phát thức, hoặc từ kinh sách, nghe nói khởi. Đó gọi là đạo cộng giới. các pháp lành thế gian và xuất thế người giữ giới này đã chứng được gian, bằng tâm thanh tịnh vì người sơ quả, nhị quả, tam quả. Đó là vô diễn nói. Kinh Kim quang minh tối lậu giới (Kiến đạo là sơ quả; Tu thắng vương nói: Bố thí pháp là tự đạo là nhị quả, tam quả - Vô lậu là lợi và lợi người khác, có thể khiến không rơi vào tam giới sanh, tử). chúng sanh ra ngoài tam giới, dứt Hai, Định cộng giới. các phiền não, thành tựu trí huệ cho Khi phát khởi định này chứng mình. Ví như ánh sáng mặt trời được định sơ thiền, nhị thiền, tam chiếu khắp đại thiên thế giới. (Pháp thiền, tứ thiền thiên, không cố ý giữ thế gian là ngũ giới, thập thiện các giới tự nhiên không phạm. Giới và pháp cai trị xã hội. Pháp xuất thế định cùng phát khởi. Đó gọi là định gian là Tứ đế, lục độ mà Tam thừa cộng giới. Giới này dứt phiền não tu tập). (hoặc) chưa hết, chưa ra khỏi sanh tử. Đó là hữu lậu giới. NHỊ GIỚI NHỊ GIỚI (Hoa nghiêm khổng mục). (Hoa nghiêm kinh sớ). Một, Tánh giới. Một, Tuỳ tướng giới.

Tuỳ là tuỳ thuận. Tướng là hình đời, chỉ vì mong cầu danh lợi và tướng. Nương theo lời Phật dạy, muốn người ta cung kính mình mà nhuộm áo nâu sòng, xuất gia, xin thôi. ăn tự sống không phạm oai nghi. Hai, Tùng giới giới. Đó là tuỳ tướng giới. Thuận theo giới luật Phật dạy, Hai, Ly tướng giới. trong sạch ba nghiệp để cho trong Ly là xa lìa, người giữ gìn giới tâm, ngoài thân của mình tương pháp, tâm không đắm nhiễm, thì tất xứng nhau. Không vì việc đời, chỉ cả giới tựa như hư không, hiểu rõ mong được lợi ích chân thật, không tướng trì, phạm. Đó là ly tướng cần lời khen giả dối. giới. XUẤT GIA NHỊ GIỚI NHỊ GIỚI (Thiên thai tứ giáo (Niết bàn kinh) nghi tập chú) Một, Tánh trọng giới. Một, Thập giới. Sát, đạo, dâm, vọng đều là tánh Không sát, không trộm, không nghiệp. Không giữ giới Phật, giữ dâm, không nói dối, không uống mà không phạm, tánh ta được lành. rượu, không ngồi giường cao rộng Phạm mà không giữ, tánh ta có tội. lớn, không đeo hoa, thoa hương, Nếu người phạm giới, tội ấy rất không xem nghe ca múa, không nặng. Đó gọi là tánh trọng giới. cầm giữ vàng bạc châu báu, không Hai, Thế cơ hiềm giới. ăn quá ngọ. Đây là mười giới, Sa di Giới không quan tâm những mới xuất gia thọ trì. Đó là mười chê bai và nghi ngờ của người đời. giới của người xuất gia (Sa di là Giới luật Phật chế ra cho người tiếng Phạn, tiếng Hoa là Tức từ. xuất gia. Tất cả sự nghiệp kinh Tức là dứt bỏ tình cảm say đắm ở doanh, sinh sống của thế gian và tất thế gian. Từ là cứu giúp mọi cả những việc không thích hợp với người). đạo, đều không được làm, là để Hai, Cụ túc giới ngăn cản những dèm pha, nghi ngờ Là 250 giới, phân ra: của người đời. Đó gọi là tức thế cơ 1) Pháp ba la di có bốn điều hiềm giới. (Tiếng Phạn là ba la di, tiếng Hoa là Cực ác) NHỊ GIỚI 2) Pháp Tăng già bà thi sa có (Niết bàn kinh) 13 điều (Tiếng Phạn là Tăng già ba thi sa, tiếng Hoa là Tăng tàn, phạm Một, Oai nghi giới. giới này như người bị kẻ khác làm Thọ giới rồi, chỉ lo tu hành, uốn

tổn hại mạng tuy chưa chết mà hình nắn oai nghi và ngừng lại việc làm thể đã tàn phế vậy. đẹp cho thân thể. Dối lừa người

3) Pháp bất định có hai điều Hai, tám giới. (Tỳ kheo phạm lời nói phi pháp Sau năm giới, thêm ba giới: hoặc dùng pháp ba la di để trị, hoặc Không ngồi giường cao rộng lớn; dùng pháp Tăng già ba thi để trị, không đeo hoa hương và vật trang hoặc dùng pháp ba dật đề để trị, sức lên đầu, mình; không ca hát nên gọi là bất định.) nhảy múa, vui đùa. Đây là tám giới 4) Pháp Ni tát kỳ Ba dật đề có người tại gia thọ trì, nên gọi là tại 30 điều (Tiếng Phạn là Ni tát kỳ, gia tám giới. tiếng Hoa là Xả: vì lòng tham lam quá sức, phạm vào tiền của các thứ, TÀ CHÁNH NHỊ GIỚI phải bỏ đi mới vào được tăng đoàn.
(Thiên Thai tứ giáo Tiếng Phạn gọi là Ba dật đề, tiếng Hoa là Đọa, nghĩa là của cải không nghi tập chú) bỏ đi, phải đọa vào địa ngục) Một, Tà giới. 5) Pháp Ba dật đề có 90 điều. Người ngoại đạo làm theo tà 6) Pháp Ba la đề đề xả ni có đạo. Chẳng phải nguyên nhân suy bốn điều (Tiếng Phạn là Ba dật đề đoán là nguyên nhân. Tự suy đoán đề xá ni, tiếng Hoa là Hướng bỉ nhân đời trước, thần thức từ trong hối. Luật Tăng kỳ nói: tội này nên con gà đến đây, bèn đứng một đến trước chúng tăng phát lồ sám chân, tu khổ hạnh. Hoặc suy đoán hối, nên gọi là Hướng bỉ hối. kiếp trước là con chó đến đây, bèn 7) Pháp chúng học có 100 điều tham ăn phân dãi dơ bẩn, tu khổ (Các giới pháp này, chúng Tỳ kheo hạnh. Đó gọi là tà giới. đều phải học, nên gọi là chúng học) Hai, Chánh giới. 8) Pháp diệt tránh có bảy điều Khi Phật chưa ra đời. Luân (nổi lên cải cọ việc gì phải trừ bỏ vương cũng dạy người thực hành đi, nên gọi là diệt tránh pháp). không sát, không trộm cắp v.v... 250 giới này Tỳ kheo xuất gia mười điều thiện. Đó là thập thiện thọ trị. Đó gọi là xuất gia cụ túc giới pháp. Ấy là chánh giới. giới. (Tiếng Phạn là Tỳ kheo, tiếng Hoa là Khất sĩ) NHỊ TRÌ (Hoa nghiêm kinh sớ) TẠI GIA NHỊ GIỚI (Tỳ bà sa luận)
Một, Chỉ trì. Chỉ là ngăn ngừa. Ngăn ngừa Một, năm giới. thân, miệng để không sát, không Không sát sanh, không trộm trộm, không tà dâm, không nói dối cắp, không tà dâm, không nói dối, v.v... Đó là chỉ trì. không uống rượu. Đó là năm giới, Hai, Tác trì. người tại gia thọ trì, nên gọi là năm Tác giống như thực hành. Đã giới tại gia. không sát sanh lại nên phóng sanh.

Đã không trộm cắp lại hay bố thí. không còn vướng mắc bất cứ cái gì, Đã không tà dâm lại hay cung kính. cho đến sám hối, tụng kinh, tọa Đã không nói dối lại hay nói chơn thiền đều phải nhất tâm, khiến cho thật. Đó là tác trì. hành động và giáo pháp tương ưng nhau không hề lười biếng. Đó gọi NHỊ CHỦNG TINH TẤN là sự trung tu nhất tâm tinh tấn. (Pháp giới thứ đệ). Hai, Lý trung tu nhất tâm tinh tấn. Một, Thân tinh tấn. Hành nhân vừa mới vào đạo Bản thân siêng tu pháp lành, tràng, cho đến 21 ngày hoàn tất. ngày đêm hành đạo, lễ tụng, giảng Trong thời gian ấy, những việc làm thuyết, khuyên răng giúp đỡ mở đều hợp oai nghi, thường phải quán mang, dạy dỗ. Đó gọi là thân tinh chiếu, nhất tâm vắng lặng. Như khi tấn. lễ Phật thì nhận biết năng lễ, sở lễ Hai, Tâm tinh tấn. tánh vắng lặng. Tuy nói là vắng Tâm siêng năng làm điều thiện lặng nhưng cảm ứng đạo giao một mãi mãi không ngưng nghỉ. cách tự nhiên, không thể nghỉ bàn. Vì lý và thể bình đẳng, chúng sanh NHỊ CHỦNG TINH TẤN và Phật không hai. TÂM Tuy nói không có người lễ, (Pháp hoa sám nhưng thân thể ta đang lễ trước chư Phật. Tuy nói không có Phật được nghi) lễ, nhưng vẫn có chư Phật theo tâm

Hành nhân luân tu pháp sám ta hiển hiện. Niệm niệm như thế hối phải giữ đúng hạn kỳ thì mới chớ có lười biếng. Đó là lý trung tu phá được chướng ngại của sai lầm (nhất tâm tinh tấn hoặc). Như tu Pháp Hoa Tam muội có kỳ hạn là 21 ngày. Trong thời NHỊ CHỦNG NHẪN gian này lễ Phật, sám hối, tụng kinh NHỤC vừa sự vừa lý, đều phải tinh tấn. Vì (Đại trí độ luận) vậy có hai thứ tâm (Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Hoa là Chánh Một, Phi chúng sanh sổ nhẫn định) nhục. Một, Sự trung tu nhất tâm tinh Bồ tát khi gặp gió, lạnh, nóng, tấn. nước, mưa v.v... những vật vô hình Hành nhân ở trong đạo tràng, làm buồn bực, tổn hại, an nhiên thực hành 21 ngày các nghi lễ nhận chịu, không nỗi lên sân hận. thuần thục, đầy đủ. Khi lễ Phật nhất Đó gọi là phi chúng sổ nhẫn nhục. tâm thành khẩn, quán tưởng kim Hai, Chúng sanh sổ nhẫn nhục. dung của Phật hiện tiền trước mắt Bồ tát, nếu gặp hữu tình chúng đoan nghiêm rất nhiệm màu, tâm sanh vu oan cho mình, cũng có thể

nhận chịu, bỏ qua không sân hận. Một, thân tịch tĩnh. Đó gọi là chúng sanh sổ nhẫn nhục. Bỏ nhà ân ái và các việc lăng nhăng, ở chỗ yên tĩnh, cách xa náo NHỊ CHỦNG PHÂN BIỆT loạn, không làm tất cả việc ác. Đó CHƠN NGỤY THIỀN TƯỚNG là thân tịch tĩnh. (Tu tập chỉ Hai, Tâm tịch tĩnh. Phải xa lìa tham, sân, si v.v... quán tọa thiền pháp yếu) tu tập thiền định, không còn tán Một, Biện tà ngụy thiền phát loạn, không suy nghĩ tất cả việc ác. tướng. Đó là tâm tịch tĩnh. Người tu thiền ở trong thiền định, hoặc biết tự thân như bị trói NHỊ CHỦNG NGUYỆN buộc, như bị đè nén, hoặc có lúc (Đại trí độ luận) thân nhẹ như muốn bay được, hoặc vui mừng đến giơ tay khoa chân, Một, Khả đắc nguyện. hoặc suy nghĩ buồn rầu, các tướng Tu phước thì được sanh làm và tà ngụy như thế, cùng với thiền người, trời. Tu giới, định, huệ thì nỗi lên, tâm nếu chấp lấy thì liền chứng được A la hán, cho đến quả tương ưng với quỷ pháp, phần Phật. Đó gọi là khả đắc nguyện nhiều loạn tâm điên cuồng. Vì vậy (tiếng Phạn là A la hán, tiếng Hoa người tu thiên định, đối với các là Vô học.) tướng ấy, nhất tâm tịch tĩnh, phân Hai, Bất khả đắc nguyện. biệt tà, ngụy, biết nó là hư dối, Người dùng trí của mình để đo không ưa không chấp, thì tự nhiên lường hư không đến tận cùng biên không còn nữa. Đó là biện tà ngụy tế, cuối cùng không thể đạt được. thiền phát tướng. Đó gọi là bất đắc khả nguyện. Hai, Biện chân chánh thiền phát tướng. NHỊ CHỦNG TU HÀNH Người tu thiền, ở trong thiền (Niết bàn kinh) định, tâm ngay thẳng chánh niệm, xa lìa u mê tán loạn, chỉ nhận ra an Một, Chân thật tu hành. ổn sáng suốt, yên lặng vô vi và Nương theo lời Phật dạy, có thể cùng tương ưng với chánh định, tất biết các tướng Niết bàn, Phật tánh cả các tướng tà, nguỵ hoàn toàn v.v... mà tu theo các hạnh. Đó gọi không thấy nữa. Đó là biện chân là chân thật tu hành. (Tiếng Phạn là chánh thiền phát tướng. Niết bàn, tiếng Hoa là Diệt độ). Hai, Bất thật tu hành. NHỊ CHỦNG TỊCH Không biết các tướng Niết bàn, TĨNH Phật tánh mà tu theo các hạnh. Đó (Thích thị yếu lãm) gọi là bất thật tu hành.

NHỊ NHÂN DUYÊN PHÁT tựa, nên khởi lòng đại bi giúp đỡ KHỞI CHÁNH KIẾN đem lợi ích cho, khiến cho tâm của chúng sanh được an vui. (Đại trí độ luận) Ý NGHIỆP HỮU NHỊ Một, Ngoại văn chánh pháp. CHỦNG TÂM Chúng sanh tuy có đầy đủ (Đại thừa lý thú chánh niệm, ắt phải nghe theo lục ba la mật kinh). những giảng thuyết về chánh pháp của người trí, sau đó chánh kiến Ý nghiệp là những gì của

ý căn mới bắt đầu mở mang. Ví như lúa khởi lên. Người tu hành, đối với bố mạch, trong có đầy đủ hạt mầm, thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, ngoài phải có nước mưa thấm trí huệ, nếu không có sức tinh tấn nhuần, sau đó nảy mầm bắt đầu sự thì không thể thành tựu. ba nghiệp sống. Vì vậy muốn mở mang chánh lành thân, khẩu, ý, cũng từ sức tinh kiến, ắt phải nghe chánh pháp từ tấn, mới phát sanh được. Nhưng ngoài. trong ba nghiệp, ý nghiệp là hơn Hai, Nội hữu chánh niệm. hết, cho nên mới có hai loại tâm. Chúng sanh tuy có nghe chánh Một, Tinh tấn tâm. pháp, phát khởi chánh kiến, thật ra Phát tâm Bồ đề, tu tập nghiệp nội tâm có đầy đủ chánh niệm. Ví lành, ngày đêm tụng niệm, thiền như hồng chung tuy có người dộng, định, không thể gián đoạn, lìa xa nhưng tiếng chẳng phải có từ ngoài. tâm lười biếng. Vì vậy nếu muốn chánh kiến mở Hai, Thoái chuyển tâm. mang, ắt phải có chánh niệm bên Đối với các pháp lành không trong. thể tiến tu, hoặc phát tâm tu tập không bền bỉ, bèn sanh lòng thoái NHỊ CHỦNG TÂM lui, không thể đến bờ Niết bàn bên (Trì địa kinh) kia.

một, An ổn tâm. NHỊ CHỦNG SÁM HỐI Bồ tát vì chúng sanh tạo các (Bổ trợ nghi và phiền não (hoặc nghiệp), mà phải chịu khổ sanh tử bức bách, ngụp Thiên thai tứ giáo nghi) chìm trong đường ác; nên làm mọi Tiếng Phạn là Sám ma, tiếng việc để chỉ bảo, dứt trừ pháp bất Hoa là hối quá; Hoa-Phạn dùng thiện, đến thẳng chỗ lành, khiến chung gọi là sám hối - Lại nói sám tâm chúng sanh được nhiều an ổn. là tu sửa những gì chưa tới. Hối là hai, Khoái lạc tâm. sửa đổi những gì đã qua. Nghĩa là Bồ tát vì chúng sanh nghèo tu tập quả lành ở đời sau và sửa đổi túng khốn khổ, không nơi nương nhân ác đời quá khứ.

Một, Sự sám hối. NHỊ CHỦNG KHUYẾN Sự là nghi thức. Thân thì lễ bái, THỈNH chiêm ngưỡng hình tượng Phật, Bồ (Đại trí độ luận) tát. Miệng thì tụng kinh, niệm Phật. Ý luôn luôn nhớ hình dung Phật. ba Một, Phật sơ thành đạo khuyến nghiệp ân cần, cần cầu sám hối tội thỉnh chuyển pháp luân. nghiệp quá khứ, hiện tại đã làm Lúc Phật mới thành đạo, Bồ tát theo nghi thức đã vạch sẳng. Đó khuyến thỉnh rằng: con tên là… xin gọi là sự sám hối. đức Thế tôn, vì chúng sanh chuyển Hai, Lý sám hối. pháp luân, độ thoát tất cả. Đó gọi là Lý là lý tánh. Tất cả tội nghiệp khuyến thỉnh pháp luân. đã làm ở quá khứ, hiện tại, đều từ Hai, Phật dục nhập diệt khuyến tâm mà ra. Nếu hiểu được bổn tánh thỉnh tại thế. của tự tâm vắng lặng, thì tướng của Lúc Phật sắp xả bỏ thân mạng tất cả tội đều cũng vắng lặng. Đó vào Niết bàn. Bồ tát khuyến thỉnh: gọi là lý sám hối. Con tên là… thỉnh Đức Thế tôn ở lại thế gian lâu vô số kiếp, độ thoát NHỊ CHỦNG BẠCH tất cả chúng sanh. Đó gọi là khuyến PHÁP thỉnh tại thế (Tiếng Phạn Kiếp đa, (Hoa Nghiêm kinh tiếng Hoa là phân biệt thời gian Tuỳ sở diễn nghĩa sao). (tiết)).

Bạch pháp là pháp thanh tịnh rõ NHỊ CHỦNG TƯ ràng (trắng) Pháp địa ngục gọi là LƯƠNG hắc pháp. Pháp trời, người gọi là (Bảo tích kinh). bạch pháp. Quang minh văn cú nói: Bạch pháp phải tôn sùng. Hắc pháp Tư là giúp đỡ. Lương là lương phải bỏ đi. thực. Như người muốn đi đường Một, Tàm bạch pháp. xa, ắt phải nhờ có lương thực đem Trong tự mình thấy xấu hổ, theo giúp đỡ. Giống như sự tu hành không dám làm ác, tu tập các pháp các vị Bồ tát, muốn chứng Phật lành, ngưng làm việc ác. Đó gọi là quả, ắt phải nhờ phước, trí giúp đỡ. tàm bạch pháp. Vì vậy gọi là tư lương (giúp đỡ và

Hai, Quý bạch pháp. lương thực). Trong tự mình thấy sợ sệt, bày Một, Phước đức tư lương. tỏ tội lỗi, thì không dám làm nữa, Các nhân lành đã làm như bố tu tập pháp lành, ngưng làm việc thí, trì giới v.v... cho đến tu tập tất ác. Đó gọi là quý bạch pháp. cả Phật pháp đầy đủ. Đó là phước đức tư lương. Hai, Trí đức tư lương.

Tu tập chánh quán, tâm không đem so sánh cúng dường một niệm tạp loạn, cần cầu trí huệ mầu công đức thì 100 phần không bằng nhiệm, không lơi lõng chút nào, một. Đó gọi là pháp cúng dường cho đến tu tập tất cả Phật pháp đầy (lợi ích chúng sanh, nhiếp thọ đủ. Đó gọi là trí đức tư lương. chúng sanh gọi là pháp cúng dường). Bởi vì nhờ nói pháp mới NHỊ CHỦNG CÚNG có thể đem lại lợi ích, nhiếp thọ. DƯỜNG Đó là lấy pháp cúng dường Như lai. (Phổ hiền hạnh Thay thế khổ đau cho chúng sanh, cũng là lấy pháp cúng dường Như nguyện phẩm) lai. Siêng tu căn lành tức là siêng tu Một, Tài cúng dường. pháp lành. Bồ tát nghiệp tức là Kinh nói: Tất cả cõi Phật trong pháp mà Bồ tát tu tập. mười phương, trong số các vi trần, mỗi vi trần có một thế giới và mỗi NHỊ THIỆN thế giới có một vị Phật. Mỗi cõi (Đại trí độ luận) Phật có vô số Bồ tát nhiễu quanh ta. Vì bằng nguyện lực của Ngài Một, Vị sanh thiện. Phổ hiền, đều có thể dùng vật phẩm Giới, định, huệ... các pháp lành quí báu mà cúng dường; như hoa chưa tu tập. Đó gọi là vị sanh thiện. mạng, âm nhạc, tán cái, y phục đốt Nếu thiện chưa sanh thì phải siêng nhiều hương đèn. Mỗi thứ cao tợ năng tu tập, khiến cho pháp lành núi Tu di. Dùng bao nhiêu phẩm sanh. vật như thế thường làm lễ cúng Hai, Dĩ sanh thiện. dường vô số vô biên chư Phật và Thiện là giới, định, huệ... các Bồ tát. Đó gọi là tài cúng dường. pháp lành đã tu tập rồi, gọi là dĩ (Tiếng Phạn Tu di, tiếng Hoa là sanh thiện. Nếu pháp lành đã sanh, Diệu cao). phải siêng tu tập cho nó tăng Hai, Pháp cúng dường. trưởng. Kinh nói: trong các thứ cúng dường, cúng dường pháp là tối NHỊ CHỦNG PHƯỚC thắng. Bởi vì nói về cúng dường thì ĐIỀN có: Tu hành cúng dường, lợi ích (Đại phương tiện chúng sanh cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường, thay thế Phật báo ân kinh). đau khổ cho chúng sanh cúng Điền có nghĩa là nơi sanh dường, siêng tu căn lành cúng trưởng. Người nào đáng cúng dường, không bỏ đạo nghiệp Bồ tát dường thì nên cúng dường, thì có cúng dường, không xa lìa tâm Bồ thể được nhiều phước báu. Như đề cúng dường. Những việc cúng người chăm chỉ làm ruộng thì đến dường trên công đức vô lượng, nay

mùa sẽ thu hoa lợi. Nên gọi là Tiếng Phạn là Xiển đề, gọi đủ phước điền. là Nhất xiển đề, tiếng Hoa là Tín Một, Hữu tác phước điền. bất cụ, cũng gọi là Cực ác. Đối với chư Phật, Bồ tát, cha Một, Xả nhất thiết thiện căn mẹ, sư trưởng đem tâm cung kinh, nhất xiển đề. lo việc cúng dường, chẳng những Kinh Lăng già nói: chê bai kinh toại nguyện, còn có thể thành đạo Đại thừa và nói lời ác, không chịu nghiệp. Nếu có tâm mong cầu tuân theo kinh, luật. Đó gọi là xả phước báo chính là có mong cầu nhất thiết thiện căn nhất xiển đề. mà làm. Vì vậy gọi là hữu tác Hai, Ư vô thỉ chúng sanh phát phước điền. nguyện nhất xiển đề. Hai, Vô tác phước điền. Chúng sanh ở thế gian có từ vô Đối với chư Phật, Bồ tát, cha số kiếp, không có bắt đầu, nên gọi mẹ, sư trưởng đem tâm cung kính, là vô thỉ chúng sanh. Bồ tát phát lo việc cúng dường, chẳng những nguyện độ các chúng sanh, dùng được phước, còn có thể thành đạo nguyện lực vốn có hiện làm xiển nghiệp. Nếu không có tâm mong đề, nên kinh Lăng già nói: Bồ tát muốn phước báo.

chính là không dùng phương tiện của mình không mong cầu mà làm. Vì vậy gọi là vô nhập diệt. Đó gọi là ư vô thỉ chúng tác phước điền. sanh phát nguyện nhất xiển đề.

NHỊ LỢI NHỊ CHỦNG KIẾN (Kim cang Bát nhã kinh (Đại trí độ luận). thủ trước bất hoại giả danh Hai loại kiến này là biên kiến luận) trong mười thập sử. Người ngoại Một, Tự lợi. đạo, từ thân kiến trở lên, chấp ngã Kinh điển Phật nói, tự mình có đoạn, thường. Chấp là thường thì thể thọ trì đọc tụng, lắng nghe suy không đoạn, chấp đoạn thì không nghĩ, y theo lý mà tu tập, thành tựu thường. Vì chấp một bên, nên gọi quả tốt đẹp. Đó gọi là tự lợi. là biên kiến. (Thập sử là: 1) thân Hai, Lợi tha. kiến; 2) biên kiến; 3) tà kiến; 4) Lấy pháp mình đã nhận rồi vì kiến thủ; 5) giới cấm thủ; 6) tham; người khác mà diễn nói, khiến cho 7) sân; 8 si; 9) mạng; 10) nghi). họ tu tập, dứt trừ phiền não chứng Một, Thường kiến. được Phật quả. Đó gọi là lợi tha. Luận nói: thấy năm thứ thường còn. Ngoại đạo tự cho rằng: sắc, NHỊ CHỦNG XIỂN ĐỀ thọ, tưởng, hành, thức đời này tuy (Lăng già kinh) diệt, đời sau lại sanh ra, liên tục không dứt quảng. Đó gọi là thường

kiến. (năm thứ là năm ấm: sắc, thọ, NHỊ PHIỀN NÃO tưởng, hành, thức). (Du già sư địa luận) Hai, Đoạn kiến. Luận nói: Thấy năm uẩn mất. Một, Căn bổn phiền não. Ngoại đạo cho là, đời này, sắc, thọ, Căn bổn phiền não là vô minh tưởng, hành, thức đã mất thì không hoặc. Căn bản vô minh này có thể thể sanh lại được. Đó gọi là đoạn sanh ra tất cả phiền não. kiến. Hai, Tuỳ phiền não. Tuỳ phiền não là kiến, tư nhị QUỶ NHỊ SANH hoặc. Hai kiến, tư hoặc này, tuỳ (Câu xá thích luận) theo tất cả cảnh thuận hay nghịch, khởi ra các phiền não tham, sân, si Một, Quỹ thai sanh. theo đuổi không ngừng. Luận nói: Ngạ quỷ nữ Bạch Mục Liên nói: ban đêm ta sanh NHỊ KẾT LA năm đứa con, ban ngày cũng sanh (Phiên dịch danh năm đứa con. Sanh xong ăn hết chúng. Như thế mà ta không no. nghĩa). Quỹ này chính là thai sanh vậy. Tiếng Phạn nói đủ là Đột kết la, Hai, Quỹ hoá sanh. Không sanh tiếng Hoa là Làm ác, nói ác. từ thai, trứng, v.v.... không bổng Một, Thân ác tác. dưng có, biến hiện không lường. Thân làm các điều ác như sát, Quỷ này tức là hoá sanh. trộm, tà dâm v.v... Đó gọi là thân ác tác. NHỊ TỘI Hai, Khẩu ác thuyết. (Viên giác kinh lược sớ Miệng nói ra những lời dối trá, sao) thêu dệt, hai lưỡi, ác khẩu. Đó gọi là ác khẩu thuyết. Một, Tánh tội. Tánh tội là sát sanh, trộm cắp, NHỊ ÁC dâm dục, vọng ngữ, không chờ (Đại trí luận độ). Phật chế, tánh vốn là ác, nên phạm bốn tội ấy thì có tội báo. Một, Dĩ sanh ác. Hai, Giá tội. Tham, sân, si và sát, đạo, dâm Giá tội là giới cấm uống rượu. là các pháp ác, đã khởi ra trong Phật chế giới cấm rượu này, ý là tâm, đã thấy ở việc làm. Đó gọi là ngăn ngừa không phạm (các giới dĩ sanh ác. Nếu ác đã sanh, mau khác). Giữ gìn các giới khác, nhờ chóng trừ diệt đi. vậy, khiến cho không phạm. Nếu Hai, Vị sanh ác. có người phạm thì mắc vào tội Các pháp ác tham, sân, si và ngăn ngừa. (không phải tánh tội) sát, đạo, dâm, ở trong tâm chưa

sanh khởi, ở việc làm chưa thấy Một, Tuỳ miên phiền não. hiện ra. Đó gọi là ác chưa sanh. Nương tựa không bỏ gọi là tuỳ. Nếu điều ác chưa sanh khởi, ngăn Năm tính mờ tối gọi là miên. ngừa không cho sanh. Chủng tử vô minh phiền não ẩn núp trong thức thứ tám, hay sanh ra NHỊ CHỦNG ÁC SỰ tất cả sai lầm. Đó gọi là tuỳ miên (Đại trí

độ luận). phiền não (ngũ tính là năm căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân). Một, Chúng sanh ác sự. Hai, Hiện hành phiền não. Chúng sanh tham lam, ham Sáu căn đối sáu trần hiện lên muốn, sân hận, ngu si, không theo các phiền não tham, sân, si. Đó gọi lời dạy dỗ của cha mẹ, sư trưởng, là hiện hành phiền não. tạo các điều ác. Đó gọi là chúng sanh ác sự. NHỊ HOẶC Hai, Thổ địa ác sự. (Thích thiêm) Đất đai trong một nơi bị mất mùa đói kém, tật bệnh, ôn dịch, khí Một, Lý hoặc. độc tràn lang. Đó gọi là thổ địa ác Hoặc là căn bổn vô minh, hay sự. làm trở ngại, che lấp lý trung đạo, không thể hiển bày. Đó gọi là lý NHỊ PHIỀN NÃO hoặc. Hai, Sự hoặc. (Đại trí độ luận). Phiền não trần sa có thể ngăn cản việc giáo hoá chúng sanh, thì Một, Nội trước phiền não. có thể che lấp pháp tục đế. Kiến, tư Các phiền não thân kiến, biên hoặc có thể ngăn trở sự tịch tỉnh, kiến v.v... ở trong tâm chưa dứt thì có thể che lấp pháp chơn đế. Đó hết, nỗi lên chấp trước. Vì vậy gọi gọi là sự hoặc. là nội trước phiền não. (Thân kiến là chấp lầm năm ấm sắc, thọ, NHỊ HOẶC tưởng, hành, thức là thân mình. Biên kiến là chấp thường hay chấp (Hoa Nghiêm kinh Tuỳ sớ đoạn). diễn nghĩa sao). Hai, Ngoại trước phiền não. Các phiền não tham, sân, si, đối Một, Hiện hành hoặc. với ngoại cảnh chưa dứt hết, mà Sáu căn đối với sáu trần hiện khởi lên tham trước. Vì vậy gọi là lên các phiền não tham, sân, ngoại trước phiền não. si,...khiến tâm mê mờ, làm chướng ngại các pháp lành. Đó gọi là hiện NHỊ PHIỀN NÃO hành hoặc. Hai, Chủng tử hoặc. (Hoa nghiêm kinh sớ).

Chủng tử là căn bản vô minh. dùng trí huệ quan sát cái thể mê Từ vô minh này sanh ra các phiền lầm vốn không, thì lý của pháp tánh não, ngăn trở pháp lành. Đó gọi là hiển bày, mê lầm sao còn được. chủng tử hoặc. Không ở yên một chỗ gọi là khách. Đó gọi là khách nghĩa. KIẾN TƯ NHỊ HOẶC Hai, Trần nghĩa. (Thiên thai tứ giáo Mê lầm nhỏ bé, mà có thể làm dơ dáy chơn tánh thanh tịnh. Ví nghi tập chú). như ánh sáng xuyên qua khe cửa Hoặc là mê lầm. Chúng sanh sổ, các bụi bặm hiện ra, cũng có thể đối tất cả pháp, không hiểu rõ tự làm loạn lên tính chất của hư tánh vốn không, mê mờ sanh ra không. Nếu trí huệ sáng soi, hiểu rõ chấp trước. Đối với chánh đạo là mê lầm vốn là không, thì lý của lầm lạc, trôi lăng trong sanh tử; nên không liền hiện ra trước mặt, bụi gọi là hoặc. Còn gọi là phược, vì từ trần sao còn có nữa. Kinh nói: hai hoặc nghiệp này trói buộc, dính trong trẻo, im lặng gọi là không (hư chặc trong tam giới, không thể xa không); dao động gọi là trần (bụi lìa, giải thoát, lại gọi là hai kết. Kết bặm). Đó gọi là trần nghĩa. có nghĩa là trói. Một, Kiến hoặc. NHỊ CHƯỚNG Phân biệt gọi là kiến. Ý căn đối (Viên giác lược sớ). với pháp trần, tính toán, so đo sai lầm, khởi lên các tà kiến. Như Một, Lý chướng. ngoại đạo cho là đoạn, cho là Nguồn tâm bổn giác im lặng thường, cho đến phân biệt có, trong veo. Do vô minh vọng nhiễm, không v.v... Đó gọi là kiến hoặc. làm ngăn trở chánh tri kiến, không Hai, Tư hoặc. thấu hiểu được lý chân như. Đó gọi Tham ái là tư. năm căn nhãn, tỉ, là lý chướng. nhĩ, thiệt, thân đối với năm trần Hai, Sự chướng. sắc, thinh, hương, vị, xúc tham ái, Chúng sanh do vô minh làm nhiễm trước, mê lầm mà không ngăn trở và che lấp, chết, sống liên biết. Đó gọi là tư hoặc. tục, không có cách nào thoát ly. Đó gọi là sự chướng. KHÁCH TRẦN NHỊ NGHĨA NHỊ CHƯỚNG (Lăng nghiêm kinh) (Lăng nghiêm kinh nghĩa Một, Khách nghĩa. hải và Tông cảnh lục). Kiến, tư hoặc đều do chúng Một, Phiền não chướng. sanh không hiểu cảnh trần ở ngoài, Các pháp mờ ám buồn sầu làm sanh vô vàng vọng tưởng. Nếu

cho tâm thần não loạn, không thể

hiển lộ tánh diệu minh chân như. Một, Dẫn nghiệp. Đó gọi là phiền não chướng. Nếu nghiệp lành đời trước còn Hai, Sở tri chướng. ảnh hưởng đến nay, sanh làm người Còn gọi là trí chướng. Chấp thì được châu báu dồi dào, hưởng chặc những pháp đã chứng được, nhiều vui sướng. Nếu do nghiệp ác làm ngăn trở, che lấp tánh sáng đời trước còn ảnh hưởng đến nay, suốt của trí huệ. Đó gọi là sở tri sanh làm người thì cảm nhận thiếu chướng. thốn, khổ sở, chịu các khổ não. Đó gọi là dẫn nghiệp. NHỊ CHƯỚNG Hai, Mãn nghiệp. (Thiên thân luận). Do tu nghiệp lành ở đời trước thì đời nay sanh vào nhà giàu có, Chướng là chướng ngại. Như nhờ đó càng tu các việc lành, dần trong kinh Kim cang, Ngài Tu Bồ dần sanh vào nhà quan chức quyền đề chứng được vô tránh Tam muội, quý, cho đến quả lành được hoàn vì xa lìa được hai chướng ngại. toàn viên mãn. Đó gọi là mãn (Tiếng Phạn là Tu Bồ đề, tiếng Hoa nghiệp. là không sanh). Nếu do đời trước tạo nghiệp ác, Một, Phiền não chướng. đời này sanh ra nghèo nàn khốn Phiền não là kiến, tư hoặc. Khi khổ, từ đó càng tạo ra nhiều việc Tu Bồ đề chứng được quả A la hán, ác, dần dần sanh vào nhà bần cùng, thì thấy hai hoặc kiến, tư đã hoàn cho đến kết quả hoàn toàn cực ác. toàn dứt hết, tâm yên lặng rỗng Đó gọi là mãn nghiệp. không, tranh cải, ngăn ngại từ đâu mà còn nữa. Đó là lý do Ngài KHINH TRỌNG NHỊ chứng được vô tránh. Đó chính là NGHIỆP do xa lìa phiền não chướng vậy. (Niết bàn kinh). Hai, Tam muội chướng. Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Kinh nói: Ai có nghiệp nặng có Hoa là Chánh định. Khi Tu Bồ đề thể làm thành nhẹ, hoặc có nghiệp chứng được quả thứ tư, thì chứng nhẹ có thể làm thành nặng, là vì được vô tránh Tam muội. Nếu ở người ta có người trí, người ngu trong Tam muội này mà tâm còn vậy. chấp trước là còn tranh cải, ngăn Một, Trọng nghiệp khinh thọ. ngại. Lý do chứng được vô tránh, Người có trí, dùng sức trí huệ tu đó chính là xa lìa được Tam muội tập phạm hạnh, có thể khiến nghiệp chướng. nặng ở địa ngục mà chịu nhẹ ở đời này. NHỊ NGHIỆP Hai, Khinh nghiệp trọng thọ. (Câu Xá luận) Người ngu si, vì ngu si làm cho nghiệp lực tăng lên, có thể khiến

cho đời này nghiệp lực nhẹ mà chịu NHỊ XAN nặng ở địa ngục. (Địa trì kinh) NHỊ NGẠI cũng gọi là nhị Một, Tài xan chướng Keo kiệt tiền của, không có tâm (trích Tông cảnh lục và thương xót người khác nghèo khổ, diễn nghĩa sao). túng thiếu, không rộng lòng bố thí. Đó gọi là tài xan. Một, Phiền não ngại. Hai, Pháp xan. Hai hoặc kiến, tư nỗi lên nhiều Bỏn xẻn Phật pháp, ôm lòng đố pháp tối tăm, phiền tạp làm não kị, sợ người khác hơn mình, không loạn tâm thần, đưa đến chướng ngại chịu dạy dỗ người khác. Đó gọi là pháp tánh vô lậu. Đó gọi là phiền pháp xan. não ngại. Hai, Trí ngại. NHỊ ÁI Tức là sở tri chướng. Vì bị căn bản vô minh là mê lầm ngăn che (Đại trí độ luận). pháp tánh, nên đối với trung đạo Một, Dục ái. chủng trí, thành trở ngại. Vì vậy gọi Chúng sanh luôn nghĩ nhớ, yêu là trí ngại. thương vợ con và tham nhiễm ngũ dục v.v... Đó gọi là dục ái (Ngũ THÚC LÔ NHỊ NGHĨA dục hay khởi lên lòng ham muốn (Tông cảnh lục) của con người). Hai, Pháp ái. Một, Hổ tương y. Bồ tát dùng tâm bình đẳng mà Giống như một bó lau nương sanh ra vui với pháp, muốn cho tất tựa vào nhau để ví dụ cho sáu căn cả chúng sanh đều đến Phật đạo. và trần nương tựa vào nhau mà Đó gọi là pháp ái. sanh ra ô nhiễm, mê lầm. Vì căn nương tựa trần mà phát

khởi hiểu NHỊ CHỦNG TÀ KIẾN biết sai lầm; trần nương tựa căn mà có giả tướng. Đó gọi là hổ tương y. (Trung luận) Hai, Thủ trung không. Một, Phá thế gian lạc tà kiến. Nhìn ngắm một cây lau, phải Người, nếu nói, không tội, biết trong thân nó trống rỗng, để ví phước, quả báo; cũng không Phật, dụ cho khoảng giữa căn và trần hiền thánh. Do nổi lên tà kiến này, không có tự tánh, tất cả đều không. che lấp điều thiện làm điều ác, đọa Đó gọi là Thủ trung không. vào các đường khổ; mất niềm vui làm trời, người. Đó gọi là phá thế gian lạc tà kiến. Hai, Phá Niết bàn đạo tà kiến.

Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng Hai, Bất nhiễm ô vô tri. Hoa là Diệt độ. Con người tham Tức là trần sa hoặc. Dùng liệt chấp ngã; phân biệt có, không, cho huệ làm thể. Hoặc này là hoặc kiến, nên không được đạo Niết bàn. Đó tư, số lượng rất nhiều, tương tự bụi gọi là phá Niết bàn đạo tà kiến. bặm, giống như cát mịn, nên gọi là trần sa. Đã là lầm lạc của người NHỊ CHỦNG VỌNG khác, thì không thể làm ô nhiễm KIẾN chân tánh của ta. Trí huệ của Bồ tát (Lăng nghiêm kinh) to lớn có thể khiến cho người khác dứt được hoặc kiến, tư, vì Bồ tát đã Một, Biệt nghiệp vọng kiến. dứt xong trần sa hoặc. Nhị thừa trí Chúng sanh mê mờ chân tánh, huệ hẹp hòi, không thể khiến người tự mình phát khởi thấy biết sai lầm, khác dứt được kiến, tư khoặc. Đó thấy có tất cả cảnh giới hư vọng, gọi là bất nhiễm ô vô tri. hoặc khổ hoặc vui. Nếu người không mất chân tâm, thì không NHỊ CHỦNG ĐIÊN ĐẢO thấy cảnh giới hư vọng. Ví như một (Lăng nghiêm kinh). người mắt bị bệnh, ban đêm thấy ánh đèn, thấy có một vòng sáng Một, Chúng sanh điên đảo. riêng biệt, năm sắc xen kẻ. Người Chúng sanh không hiểu rõ chân mắt không bệnh thì không thấy như tánh, đuổi theo vọng (giả dối) mê thế. Đó gọi là biệt nghiệp vọng mờ chân thật. Tuân theo giả dối mê biết. lầm mà tạo ra vọng nghiệp. Do Hai, Đồng phần vọng kiến. vọng nghiệp này lần lượt sanh ra, Chúng sanh mê mờ chân tánh, luân hồi tam giới, không thể bỏ cùng thấy cảnh giới hư vọng, cùng vọng trở về với chân. Vì vậy gọi là vui cùng khổ, cùng một nghiệp lầm chúng sanh điên đảo. lạc. Ví người trong một nước, cùng Hai, Thế giới điên đảo. thấy điềm bất tường nguy hiểm. Đó Thế là quá khứ, hiện tại, vị lai, gọi là đồng phần vọng kiến. thời gian trôi chảy không ngừng. Giới là đông, tây, nam, Bắc, bốn NHỊ CHỦNG VÔ TRI hướng riêng biệt. Thế liên quan mật (Thiên thai tứ giáo thiết với phương gọi là thế giới. (Thế giới là thời gian và không nghi tập chú) gian hợp lại). Điên đảo là chúng Một, Nhiễm ô vô tri. sanh mê mờ chân tánh, lưu chuyển Tức là kiến, tư hoặc (sự lầm lạc không ngừng, ở trong cảnh giới hư về thấy và suy nghĩ). Lấy vô minh vọng, khởi lên bao nhiêu thấy hiểu làm thể nên kiến, tư hoặc làm ô đảo điên. Vì vậy gọi là thế giới điên nhiễm chân tánh. Không có gì hiểu đảo. biết một cách rõ ràng, rốt ráo.

NHỊ BẦN NHỊ CHỦNG HỮU LẬU NHÂN QUẢ (Đại trí độ luận) Một, Tài bần. (Đại Niết bàn Đời trước không bố thí, không kinh) làm các việc phước thiện, nên đời Một, Hữu lậu nhân. này thiếu thốn tiền của. Đó gọi là Lậu là lọt xuống sanh tử. Nhân tài bần. là đối với quả mà nói. Chúng sanh Hai, Pháp bần. do phiền não tạo thành nghiệp làm Chúng sanh phát khởi các tà nhân của quả khổ sanh và tử trong kiến, không tin chánh pháp, không tam giới. Đó là phiền não tạo ra tu hạnh lành, không có tài sản về nghiệp, gọi là hữu lậu nhân, tức là công đức để nuôi dưỡng trí huệ tập đế. mạng. Đó gọi là pháp bần. Hai, Hữu lậu quả. Quả là quả báo. Chúng sanh do NHỊ DUYÊN có hoặc

nghiệp sanh tử làm nhân (Lăng già kinh) nên cảm nhận quả sanh tử, gọi là hữu lậu quả tức là khổ đế. Một, Ngoại duyên. Thế giới là nơi nương tựa của NHỊ SÁT chúng sanh, đều do các nhân duyên vọng tưởng mà sanh ra. Ví như cái (Kinh Phạm võng) bình đất từ các duyên đất sét, nước, Một, Cố sát. bàn xoay mà có được. Đó gọi là Cố sát là có dụng ý làm tổn ngoại duyên. thương sinh mạng của vạn vật. Hai, Nội duyên. Hai, Ngộ sát. Thân thể của chúng sanh, nhờ Không có ý mà lầm làm tổn các duyên vô minh, ái nghiệp mà thương sinh mạng của vạn vật. sanh năm ấm, 18 giới,12 nhập. Đó gọi là nội duyên (năm ấm: sắc, thọ, NHỊ SÁT tưởng, hành, thức; 18 giới: nhân giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ (Kinh Phạm võng) giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỉ Một, Tự sát. giới, hương giới, tỉ thức giới, thiệt Không có tâm từ bi, đối sinh giới, vị giới, thiệt thức giới, thân mạng của muôn vật, tự mình giết giới, xúc giới, thân thức giới, ý hại không thương xót. Đó gọi là tự giới, pháp giới, ý thức giới; nhập là sát. 12 nhập: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỉ Hai, Giáo tha sát. nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập, Không có tâm từ bi, mình đã tự sắc nhập, thinh nhập, hương nhập, giết sự sống của loài khác, còn bảo vị nhập, xúc nhập, pháp nhập).

người khác giết nữa. Đó gọi là giáo NHỊ CHỦNG THÂU tha sát. ĐẠO BÁO

NHỊ BÁO (Pháp uyển châu lâm) (Hoa nghiêm kinh sớ) Một, Bần cùng. Một, Y báo. Vì kiếp trước ăn cắp tiền của Y báo còn gọi là y quả, tức là của người khác, khiến cho họ trắng đất nước và thế giới mà ta đang ở. tay. Vì vậy đời này chính mình cảm Tất cả chúng sanh tuỳ theo quả báo thọ quả báo nghèo khổ. của mình mà nương tựa trú ngụ Hai, Bất đắc tự tại. trên đó. Vì vậy gọi là y báo. Vì đời trước cướp đoạt tài sản Hai, Chánh báo. người khác, làm cho người ta Chánh báo cũng gọi là chánh không được thoải mái, vì vậy đời quả, tức là thân ngũ ấm. Chúng này tuy có tiền của, mà vẫn thuộc sanh tùy theo nghiệp thiện, ác mà về năm nhà, không thể thoải mái mình đã làm, mà cảm thọ được thọ dụng được (năm nhà là nước, thân này. Vì thế gọi là chánh báo. lửa, trộm, cắp, con hư, tham quan).

NHỊ CHỦNG SÁT SANH NHỊ CHỦNG DÂM BÁO BÁO (Pháp uyển châu (Pháp uyển châu lâm) lâm) Một, Phụ bất trinh khiết. Một, Đoản mạng. Vì đời trước ăn nằm với vợ lớn, Vì kiếp trước làm tổn hại sanh vợ bé của người khác, tà hạnh ô uế, mạng của muôn loài, làm cho nên đời này không có vợ trinh tiết chúng không hưởng hết tuổi thọ, trong sạch nữa. nên đời này chính mình cũng yểu Hai, Đắc bất thuận ý quyến mạng. thuộc. Hai, Đa bệnh. Vì đời trước tà dâm, chiếm đoạt Vì kiếp trước làm đau khổ và người yêu của kẻ khác, làm cho họ sát hại chúng sanh, không để cho không vừa lòng, nên đời này chịu chúng được tự tại. Vì vậy đời này quả báo gặp phải quyến thuộc chính mình thọ nhận cái thân bệnh không như ý. tật. NHỊ CHỦNG VỌNG NGỮ BÁO (Pháp uyển châu lâm)

Một, Đa bị bài báng. Vì đời trước nói lời không e dè, Vì đời trước sống không thành thô lỗ, ác độc, làm cho người khác thật, nói dối lừa gạt lòng tin của không thể chịu được, nên đời này người, nên đời này bị người khác thường nghe những âm thanh xấu chê bai. xa. Hai, Vị nhân sở cuống. Hai, Hằng hữu tránh tụng. Vì đời trước chuyên nói láo, Vì đời trước dựa sức cậy thế, xem thường, lừa dối người khác, thích cải cọ, kiện cáo,

xấu ác, phản nên đời này bị người lừa dối mê nghịch không có đức, nên đời này hoặc. thường gặp cảnh cãi cọ, kiện cáo, bất hoà. NHỊ CHỦNG LƯỠNG THIỆT BÁO NHỊ CHỦNG TÀ KIẾN BÁO (Pháp uyển châu lâm). (Pháp uyển châu lâm) Qua người này nói chuyện với người kia, qua người kia nói Một, Sanh tà kiến gia. chuyện người này, gây ra tranh Vì đời trước có tâm tà vạy, giành phải, trái; tan rã hoà thuận, phản nghịch và làm phát sinh khiến hai bên mâu thuẩn nhau, nên những hiểu biết sai lầm, nên đời gọi là hai lưỡi. này phải cảm thọ tâm hoàn toàn Một, Đắc tệ ác quyến thuộc. không chánh tín và sanh vào nhà có Vì đời trước nói hai lưỡi, khiến tà kiến. cho bạn bè chia rẽ, mâu thuẩn Hai, Kỳ tâm siểm khúc. nhau, rồi sanh oán ghét nhau, nên Vì đời trước tà kiến, tâm không đời này chịu quả báo sanh vào ngay thẳng, nên đời này cảm nhận trong dòng họ xấu ác. quả báo tâm thường nịnh nọt, cong Hai, Đắc bất hoà quyến thuộc. vạy. Vì đời trước nói hai lời làm ly gián những người thương yêu nhau, NHỊ CHỦNG VÔ NGHĨA khiến cho họ không hoà hiệp, nên NGỮ BÁO đời này chịu quả báo sanh vào dòng (Pháp uyển họ không hoà thuận. châu lâm) NHỊ CHỦNG ÁC MA Một, Nhân bất tín thọ. BÁO. Vì đời trước ăn nói vô nghĩa. (Pháp uyển châu Tức là giả dối, nên đời này cảm nhận quả báo nói người ta không lâm). tin nhận. Một, thường văn ác âm. Hai, Bất năng minh liễu.

Vì đời trước nói năng vô nghĩa, THẾ GIỚI NHỊ NGHĨA mờ ám, nên đời này những gì nói ra (Lăng nghiêm kinh) cũng không rõ ràng, khó hiểu. Một, Thế thiên lưu nghĩa. NHỊ CHỦNG THAM Quá khứ, hiện tại, vị lai, ba đời BÁO không ngừng trôi chảy ví như hôm (Pháp uyển châu qua là quá khứ, hôm nay là hiện tại, lâm) ngày mai là vị lai. Cứ như thế mà trôi chảy không ngừng. Một, Đa dục. Hai, Giới phương vị nghĩa. Vì đời trước buông thả tham Đông, tây, nam, bắc, tứ duy, lam dục vọng, tâm không dừng trên dưới; tất cả các phương đều cố nghỉ, nên nghiệp cũ không quên, định vị trí, trật tự không hề hỗn còn tăng lên nhiều lần, sanh ra đắm loạn. nhiễm. Hai, Vô yểm. NHỊ THẾ GIAN Vì đời trước tham cầu vô độ, (Phiên dịch danh dong ruổi không thôi, nên đời này nghiệp cũ không quên, tâm dục nghĩa). càng nhiễm, mong cầu không chán. Thế có nghĩa là cách biệt- gian có nghĩa là sai khác, nên gọi là thế NHỊ CHỦNG SÂN BÁO gian. Một, Chúng sanh thế gian. (Pháp uyển châu Tất cả hữu tình chúng sanh đều lâm) vay mượn ngũ ấm hoà hợp mà có Một, Thường vị tha nhân cầu được, nên gọi là chúng sanh. kỳ trường đoản. Nhưng lại mỗi cá thể đều khác Vì đời trước không bao dung, nhau. Vì vậy gọi chúng sanh thế rộng lượng với mọi vật, không vừa gian. lòng một chút là nỗi sân hận lên, Hai, Khí thế gian. nên đời này bị người khác tìm tòi, Tất cả thế giới vô tình đều vay moi móc cái dỡ, cái hay của mình; mượn núi, sông, đại địa mà thành, động một chút là mắc lỗi lầm. có vật nằm nghiêng, có vật nằm Hai, Thường vị chúng nhân chi ngữa, gọi chúng là khí, lại mỗi vật sở não hại. đều khác nhau. Vì vậy gọi là khí Vì đời trước gây tức giận buồn thế gian. bực cho mọi người, khiến cho họ không được an ổn, nên đời này thường bị nhiều người làm cho tức giận, buồn bực.

NHỊ CHỦNG THẾ GIAN bao trùm mọi nơi. Đó gọi là tánh THANH TỊNH độ. Hai, Tướng độ. (Vô lượng thọ Tùy theo tâm lượng của chúng kinh luận). sanh mà hiện ra quốc độ, hoặc Luận nói: Nếu người nào nhất sạch, hoặc nhơ, hoặc rộng, hoặc tâm chuyên niệm A di đà Phật, hẹp. Nhìn bằng con mắt của Bồ tát cuối cùng về nước An

Lạc, thành thì không thầy gồ ghề hang lỗ, bằng tựu vô vàng công đức trang con mắt của chúng sanh mà nhìn nghiêm, được hai loại thế gian cõi nước thì thấy toàn gai gốc, đá thanh tịnh. (Tiếng Phạn là A di đà, sỏi, dơ dáy. Đó gọi là tướng độ. tiếng Hoa là Vô lượng thọ). Một, Khí thế gian thanh tịnh. NHỊ ĐỘ Thế giới như khí (đồ dùng cho (Hoa nghiêm kinh Tuỳ sớ vạn vật); cách biệt là thế; sai khác diễn nghĩa sao) gọi gian, nên gọi là khí thế gian. Nước An Dưỡng ấy rộng lớn và vô Một, Tịnh độ. biên như mặt trời mặt trăng, đầy đủ Đất của cõi ấy toàn bằng kim châu báu trang nghiêm. Đó gọi là cương có lót nhiều loại châu báu khí thế gian thanh tịnh. thật là trang nghiêm và vượt trội, Hai, Chúng sanh thế gian thanh tuyệt đẹp, tức là thế giới hoa tịnh. nghiêm, thế giới an dưỡng ở Nơi giáo hoá chúng sanh, cách phương tây, ở đó không có bốn biệt sai khác, nên gọi là chúng sanh đường, không có năm trược xấu ác. thế gian. Phật A Di Đà kia, thân bất Đó gọi là tịnh độ. (bốn đường: động cõi Tịnh Độ, lúc nào cũng (Thú): Tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa phóng hào quang rộng lớn đến ngục), năm trược (không sạch): khắp mười phương thế giới giáo kiến, phiền não, kiếp, mạng, chúng hoá chúng sanh, khiến cho chúng tu sanh) hành chân thật, xa lìa nhiễm trước Hai, Uế độ. (lòng ái dục), đều mong vãng sanh Đất ở đó lồi lõm, gò đống, dơ về nước của Ngài. Đó gọi là chúng dáy ngập tràng, tức là thế giới ta sanh thế gian thanh tịnh. bà. Nơi cõi này có đủ bốn đường, năm trược xấu ác. Đó gọi là uế độ. NHỊ ĐỘ (Tiếng Phạn là Ta bà, tiếng Hoa là Năng nhân, người ở trong nước này (Tông cảnh lục). chịu đựng nhiều khổ sở). Một, Tánh độ. Theo lý của pháp tánh thì NHỊ CHỦNG LƯU không nhơ không sạch, không rộng (Niết bàn kinh) không hẹp, giống như hư không

Một, Thuận lưu. NHỊ CHỦNG SẮC Lưu tức là dòng sông sanh, tử. (Tông cảnh lục) Bởi chúng sanh trong sáu nẻo, đều thuận theo dòng sông sanh, tử. Chỉ Một, Nội sắc. theo dòng xuống cõi thấp kém, chứ Nhãn thức đến ý thức gọi là nội không biết quay đầu trở lại, vì vậy sắc; cũng gọi nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, nói là thuận dòng sanh, tử, ngược thân, ý là nội sắc vì chúng thuộc đường dẫn đến Niết bàn. trong thân. Hai, Nghịch lưu. Hai, Ngoại sắc. Sơ quả Tu đà hoàn, nương giới, Nhãn căn cho đến thân căn gọi định, huệ tinh tấn tu tập thì dứt là ngoại sắc; ngoại sắc còn sắc, được kiến hoặc trong ba cõi, xa lìa thinh, hương, vị, xúc, (ngũ trần) vì bốn đường sanh tử và chứng được chúng thuộc ngoại cảnh. Niết bàn chơn không, nên gọi là ngược dòng sanh, tử; thuận theo NHỊ CHỦNG SẮC con đường dẫn đến Niết bàn. (Đại trí độ luận). (Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, tiếng Hoa là Nghịch lưu, còn gọi là Nhập Một, Tịnh sắc. lưu- ba cõi là dục, sắc, vô sắc- bốn Sắc trong sạch, tuyệt đẹp, hay đường là Tu la, ngạ quỷ, súc sanh, sanh ham muốn, hư hoại và thương địa ngục) tổn đạo nghiệp, vì vậy người tu hành nên xa lìa nó. NHỊ THÂN Hai, Bất tịnh sắc. (Luận duy thức) Sắc dơ dáy, xấu xa hôi thúi, hay ghen ghét, chướng ngại đạo nghiệp, Một, Phần đoạn thân. vì vậy người tu hành cũng phải xa Phần là giới hạn, đoạn là hình lìa nó. dáng. Thân của chúng sanh trong sáu đường, ba cõi, hình dáng, kích NHỊ CHỦNG SẮC thước khác nhau. Đó gọi là phần (Tông cảnh lục). đoạn thân. Hai, Biến dịch thân. Một, Hiển sắc. Biến tức chuyển biến; dịch là Xanh, vàng, đỏ, trắng, bóng thay đổi. Các bậc Nhị thừa v.v..., nắng sáng, tối; mây, khói, bụi, tuy ra khỏi tam giới, vẫn còn thọ sương thấy được một cách rõ ràng. thân của pháp tánh ở các cõi Đó là hiển sắc. phương tiện, nhân dời đổi, quả Hai, Hình sắc. chuyển

dịch. Đó gọi là biến dịch Dài, ngắn, vuông, tròn, to, nhỏ, thân. cao, thấp, thẳng, cong v.v... hình tướng có thể thấy được. Đó gọi là hình sắc.

NHỊ THỰC uống rồi thì theo pháp mà thọ dụng, không tham, không đắm, không (Thiên thai tứ giáo nghi nhiễm, có thể thấy được tai họa tập chú). sanh tử, khéo biết cách xa lìa. Đó Một, Chánh mạng thực. gọi là vô tội tồn tế. Người xuất gia thường đi xin ăn để tự nuôi sắc thân, cuộc sống NHỊ CẦU trong sạch. Đó gọi là chánh mạng (Thành thật luận). thực. Hai, Tà mạng thực. Một, Đắc cầu. Người xuất gia không theo Chúng sanh mong muốn được chánh mạng thực, thì có năm loại; nhiều dục lạc, thuận ý tìm cầu, tuy 1/ vì lợi dưỡng hiện tướng kỳ lạ; 2/ trải qua khó khăn, nguy hiểm, vì lợi dưỡng tự nói công đức của không cho là khổ, như biển cả nuốt mình; 3/ xem tướng tốt xấu vì trững những dòng sông, tâm không người nói pháp; 4/ cao giọng làm biết đủ. Đó gọi là đắc cầu. oai khiến người kính sợ; 5/ nói sao Hai, Mạng cầu. để được cúng dường làm lòng Chúng sanh ôm chặt dục lạc người cảm động. Đó gọi là tà mạng sanh ra ái nhiễm. Không thể quán thực. sát rằng dục lạc là cái nhân của khổ đau. Quay về tìm cầu mạng sống NHỊ CHỦNG TỒN TẾ dài và vui với những niềm vui này. Đó gọi là mạng cầu. (A tì đạt ma luận). Tồn là sống còn; tế là cứu giúp. NHỊ CHỦNG SỐ Dùng ăn uống để cứu giúp sự sống (Hoa nghiêm kinh sớ) còn của mình. Một, Hữu tội tồn tế. Một, Số lượng số. Có một nhóm người giả dối, Tức là số lượng ít và nhiều.Do xảo quyệt để mong cầu ăn, uống, số một và nhiều mà có thể an lập khi đã được thực phẩm như thế thì tất cả các pháp. vui mừng ăn uống, tham đắm Hai, Sắc tâm hữu vi số. không thôi, chẳng thấy được tai họa Sắc là thân, tâm là những sở của sanh tử, chẳng biết tìm cách xa hữu của tâm, đều có sanh diệt, nên lìa. Đó gọi là hữu tội tồn tế. gọi là hữu vi. hai pháp sắc, tâm Hai, Vô tội tồn tế. này, nói riêng là năm ấm, mười hai Không giống như hạng người nhập, mười tám giới số mục không, trên tìm thức ăn, thức uống bằng giống nhau. Vì vậy gọi là sắc tâm cách dối trá, quỷ quyệt, mà chỉ hữu vi số. dùng con đường chánh đáng là đi khất thực xin ăn. Khi đã có thức ăn,

NHỊ CHỦNG DIỆT NHỊ BIÊN (Hiển dương thánh giáo (Trung luận). luận). Một, Hữu biên. Một, Tạm thời diệt. Biên là ngoài rìa. Tất cả sự vật Đức Phật ra đời, tùy căn cơ nói trong thế gian, phải mượn nhiều pháp, dạy dỗ chúng sanh. Người tu duyên hòa hợp mà sanh ra, đều Đại thừa, hay Tiểu thừa đều được không có tự tánh. Tuy không có tự giải thoát. Cơ duyên đã hết, không tánh , không được nói là không, vì thể giáo hóa nữa, Phật vào Niết vậy gọi là hữu biên. bàn. Nhưng pháp thân của Phật vẫn Hai, Vô biên. như như bất động, chưa bao giờ Tất cả sự vật trong thế gian, diệt. Đó gọi là tạm thời diệt. phải mượn nhiều duyên hòa hợp Hai, Cứu cánh diệt. mà sanh ra, vốn không có tự tánh. Phật là bậc Diệu giác viên Nếu không tự tánh thì tất cả pháp là minh, tất cả phiền não đã dứt hết không, không được nói có. Vì vậy rồi, không còn tái sanh. Đó gọi là gọi là vô biên. cứu cách diệt. NHỊ THỜI NHỊ BIÊN (Đại trí độ luận). (Nhiếp Đại thừa luận Một, Ca la thời. thích). Tiếng Phạn là Ca la, tiếng Hoa Một, Tăng ích biên. là thật thời (đúng giờ). Trong luật Các pháp do nhân duyên sanh, của Phật chế ra, dạy các đệ tử, theo nếu tìm tòi, phân biệt, thì không có đúng giờ mà ăn, cấm ăn sai giờ. tự tánh. Chúng sanh không hiểu Đúng, có giờ ấy. Vì vậy gọi là thật được, lại cho là có. Đó gọi là tăng thời. Luận nói: kết giới Tì ni, đó là ích biên. (Nhân duyên sở sanh pháp thật trong

thế gian, chẳng phải thật là lục căn nhân; lục trần là duyên; trong đệ nhất nghĩa. (Tiếng Phạn là căn, trần giao tiếp, niệm khởi nổi Tì ni, Tiếng Hoa là thiện trị). lên trong giây phút ấy, thì các pháp Hai, Tam ma da thời. liền được sanh ra). Tiếng Phạn là Tam ma da, tiếng Hai, Tổn diệt biên. Hoa là giả thời, cũng gọi là đoản Các pháp do nhân duyên sanh, thời, trường thời. Trung luận cho nếu phân biệt biết chắc là không thì rằng ba đời không có tướng, thời chấp trước liền được giảm dần rồi gian không thật, nên gọi là giả thời, đi đến mất hẳn. Đó là thành tựu cũng gọi là thời gian có dài ngắn, là pháp tánh. Ấy gọi là tổn diệt biên. vì không giống với ngoại đạo cố chấp. Do dài, ngắn chỉ là giả thiết

thôi, kỳ thật, không có. Vì vậy dài, TAM THÂN ngắn đều gọi là Tam ma da. (Kim quang minh kinh TAM PHẬT THÂN huyền nghĩa). (Tông cảnh lục). Thân có nghĩa là nhóm họp các pháp mà thành thân. Gọi là pháp Một, Tự tánh thân. thân là do nhóm họp các lý lại; gọi Chư Phật công đức thường còn là báo thân là do nhóm họp các trí vô lượng vô biên. Đó là thật tánh lại; gọi là ứng thân là do nhóm họp bình đẳng của các pháp. Tức là tự các công đức lại. (Pháp thân là do tánh cũng gọi là pháp thân. Đó gọi kết họp pháp tánh của các pháp. là tự tánh thân. Báo thân là do trí và pháp tánh hòa Hai, Thọ dụng thân. hợp. Ứng thân là do trí khế họp với Thọ dụng thân có hai loại: 1/ lý, tụ họp tất cả công đức của các Tự thọ dụng thân. Chư Phật tu tập pháp, dùng để dạy dỗ người khác, vô lượng phước huệ, phát khởi tuỳ cơ ứng hiện mà thành. công đức chân thật vô biên, luôn Một, Pháp thân. thọ dụng được pháp lạc rộng lớn. 2/ Bắt đầu từ sơ trụ xuất hiện lý Tha thọ dụng thân. Chư Phật, từ trí của pháp tánh, cho đến quả cuối bình đẳng, thị hiện vô số công đức cùng là diệu giác, lý mới tròn đầy. thanh tịnh vi diệu, ở cõi thuần tịnh; Đó gọi là pháp thân. (Diệu giác vì Bồ tát Thập địa hiện đại thần mới chứng được lý của pháp tánh thông, chuyển bánh xe chánh pháp, viên mãn). khiến cho Bồ tát thọ được pháp lạc Hai, Báo thân. Đại thừa. (Thập địa: hoan hỉ, ly Bắt đầu từ sơ trụ cho đến quả cấu, phát quang, diệm huệ, nan cuối cùng diệu giác. Do trí hợp với thắng, hiện tiền, viễn hành, bất lý đầy đủ mà quả báo được thân động, thiện huệ, pháp vân). này, nên nói là báo thân. Ba, Biến hoá thân. Ba, Ứng thân. Chư Phật dùng thần lực không Từ sơ trụ đến quả cuối cùng thể nghĩ bàn, biến hiện vô lượng Diệu giác. Các pháp công đức được hóa thân, tùy từng loại, ở các cõi nhóm họp đầy đủ, nên có thể tùy cơ tịnh hay uế, vì những Bồ tát chưa ứng hiện, nói vô số pháp, độ các lên Thập địa và Nhị thừa, theo chúng sanh, nên gọi là ứng thân. đúng căn cơ, hiện thần thông thuyết pháp, khiến cho những bậc ấy được TAM THÂN BIẾN nhiều lợi lạc. Đó gọi là biến hóa TƯỚNG thân. (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ diễn nghĩa sao).

Một, Pháp thân như hư không Như lai, như kinh Kim cang biến. nói: không từ đâu đến cũng chẳng Thân của pháp tánh, bản thể đi về đâu, nên gọi là Như lai. bao trùm như thái hư, không có Hai, Báo thân Lô xá na Như chướng ngại, Phật và chúng sanh lai. bình đẳng, đầy đủ. Vì vậy gọi là Tu nhân nào cảm thụ quả báo pháp thân như hư không biến. nấy, nhưng có khác nhau, giữa tự Hai, Trí thân như nhật quang báo và tha báo. Tự báo tức lý trí biến. như như (không khác). Tha báo tức Trí thân tức là báo thân. Cứu là tướng tốt không cùng. Đó gọi là cánh của trí thỉ giác có thể trùm báo thân. Tiếng phạn là Lô xá na, khắp, phá hết tối tăm của vô minh, tiếng Hoa là tịnh mãn, nghĩa là các làm lộ rõ chơn thân vốn có. Ví như hoặc đã sạch hết, các đức ắt tròn ánh sáng mặt

trời, không chỗ tối đầy. tăm nào mà không chiếu tới. Vì vậy Còn gọi là quang minh biến gọi là trí thân như nhật quang biến. chiếu, nghĩa là bên trong bằng ánh Ba, Sắc thân như nhật ảnh biến. sáng của trí tuệ chiếu soi cõi chân Sắc thân tức ứng thân. Rốt ráo như, tức là tự báo thân; nghĩa là trí của thỉ giác, khế hợp với lý của bằng ánh sáng của thân phù hợp bổn giác pháp thân, thì có thể từ thể mọi căn cơ, tức là tha báo thân. khởi dụng, khắp các căn cơ của Như lai, Luận chuyển pháp luân chúng sanh. Ví như bóng của ánh nói: Đệ nhất nghĩa đế gọi là như, sáng mặt trời, không chọn thấp, chánh giác gọi là lai (Đệ nhất nghĩa cao, tùy nơi rọi tới. Vì vậy gọi là đế là lý trung đạo, không hai không sắc thân như nhật ảnh biến. khác). Ba, Ứng thân Thích ca mâu ni TAM THÂN HOA PHẠM Như lai. cũng gọi Tam Như lai Trí và thể thâm sâu, có thể khởi (Pháp hoa văn cú). lên đại dụng (nhiệm vụ quan trọng, tùy theo căn cơ hiện khắp thuyết Một, Pháp thân Tì lô giá na pháp lợi sanh, nên gọi là ứng thân. Như lai. Tiếng Phạn là Thích ca mâu ni, Pháp có thể gọi nguyên tắc. tiếng Hoa là năng nhân, tịch mặc. Chư Phật tuân theo nguyên tắc ấy Yên lặng nên không ở trong sống, mà thành Phật. Lấy pháp làm thân, chết – có khả năng nhân từ nên nên gọi là pháp thân. Tiếng Phạn là không ở trong Niết bàn; Như lai, Tì lô giá na, Tiếng Hoa là Biến Thành thật luận nói: nương theo nhất thiết xứ. Bằng chân như bình con đường chân thật, đi đến thành đẳng, tánh, tướng không đổi, nên đạt chánh giác. (Trí của tự báo thân thể và cõi nước không trở cũng với thể của pháp thân hòa hợp ngại. một cách sâu xa, nhiệm màu).

TAM THÂN THỌ sanh. Kinh nói: Tuỳ đối tượng được LƯỢNG độ, tuỳ theo nơi mà nói pháp. Ngôn ngữ không giống nhau, tuổi tác lớn (Pháp hoa kinh văn nhỏ... không nhất thiết. cú) Một, Pháp thân thọ lượng. PHẬT HÓA THÂN TAM Học theo nguyên tắc của pháp (Quán Phật Tam tánh và trở về với pháp tánh là muội hải kinh) thân. Thân này chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, tạm gọi pháp tánh Một, Đại hoá thân thiên trượng. là pháp thân. Phật vì các Bồ tát Thập địa trở Thọ lượng không do quả báo mà về trước, ứng thân diễn nói diệu được thân mạng, cũng không phải pháp, khiến cho họ tiến tu, hướng sống lâu, tạm gọi là không thay đổi. về quả Phật, nên hoá hiện thân Gọi đó là thọ. Việc sống lâu này ngàn trượng. chẳng lường dài, ngắn. Kinh nói: Hai, Tiểu hoá thân trượng lục. cũng không ở đời và cũng không Phật vì hàng Nhị thừa và phàm Diệt độ, chẳng thật chẳng hư, phu nói các pháp Tứ đế v.v..., chẳng giống, chẳng khác. khiến cho họ bỏ vọng trở về với Hai, Báo thân thọ lương. chân và được khai ngộ, nên hoá Báo thân là dùng trí như như hiện thân một trượng sáu thước. hợp với cảnh như như, dùng cảnh Ba, Tuỳ loại bất định. phát kkởi trí, dùng trí chiếu rọi Thệ nguyện của Phật rộng sâu, cảnh. Cảnh, trí hoà hợp một cách từ bi bao trùm tất cả, tuỳ từng loài huyền diệu. Đó là báo thân. mà ứng hiện báo thân hoặc lớn, Nói vô lượng là cảnh vô lượng hoặc nhỏ không nhất định. vô biên thường còn không mất, trí cũng như thế, tức là trí huệ, gọi là TAM GIÁC thọ mạng. Kinh nói: Trí và lực ta (Phiên dịch danh nghĩa). như thế, tu tập lâu mới được. Ánh sáng của trí huệ chiếu soi vô lượng, Giác có ba nghĩa là tự giác, giác sống lâu vô số kiếp. (Như như là tha, giác hạnh viên mãn. Chỉ Phật cảnh là trí và trí là cảnh. Cảnh, trí mới đầy đủ ba nghĩa trên mà thôi. không hai). Kinh Hoa nghiêm nói: Lạ thay! Ba, Ứng thân thọ lượng. Đấng đại đạo sư, tự mình giác ngộ, Ứng thân là tương đồng với vạn còn có thể giác ngộ cho người vật làm thân. Thọ

lượng là tương khác. đồng với sự lâu dài là sống lâu, Một, Tự giác. tương đồng với dài, ngắn là lượng. Hiểu biết ba đời quá khứ, hiện Trí và thể hoà hợp nhiệm màu, có tại, vị lai, tất cả các pháp thường và thể đem lại lợi ích lớn cho chúng vô thường, liễu ngộ được tánh chơn

không, chấm dứt lầm lạc, hư vọng, Một, Thuyết pháp thần biến. thành tựu được trí nhiệm mầu, đạo Phật có trí lớn vô ngại, biết chứng được viên giác. Vì vậy gọi là nghiệp nhân thiện, ác của chúng tự giác. sanh và quả báo lành, dữ, hoặc Hai, Giác tha. dùng pháp Thinh văn, Duyên giác Phật vận dụng tâm từ bi độ cho và pháp Đại thừa để họ được giải tất cả chúng sanh, khiến cho xa lìa thoát. Đã biết như thế. Phật hiện tất khổ sanh tử, được an vui. Vì vậy cả thần biến nói pháp cho họ. Đó gọi là giác tha. gọi là thuyết pháp thần biến. Ba, Giác hạnh viên mãn. Hai, Giáo giới thần biến. Ba hoặc hoàn toàn chấm dứt, Giáo là răn dạy; giới là ngăn đức độ đầy đủ, lên quả vị Phật, ngừa, cảnh giác. Phật dạy các đệ tử hạnh quả tròn đầy. Vì vậy gọi là cái gì đáng làm, cái gì không đáng giác hạnh viên mãn. (ba hoặc: làm; cái gì đáng tin, cái gì không Kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh đáng tin; cái gì đáng gần gũi, cái gì hoặc) không đáng gần gũi; pháp nào tạp nhiễm, pháp nào thanh tịnh. Tu TAM CHỦNG THƯỜNG hành theo con đường như thế thì (Phật địa luận) chứng Thinh văn thừa; Tu hành con đường như thế thì chứng Duyên Một, Bản tánh thường. giác thừa; Tu hành con đường như Tức là pháp thân. Bản tánh của thế thì thành tựu Đại thừa. Phật pháp thân thường còn, không sanh, hiện các thần biến vì họ dạy bảo. không diệt. Đó gọi là giáo giới thần biến. Hai, Bất đoạn thường. Ba, Thần thông thần biến. Tức là báo thân. Báo thân Phật muốn điều phục tánh kiêu thường nương nơi pháp thân, không mạng của chúng sanh, hoặc hiện gián đoạn. một thân thành nhiều thân và Ba, Tương tục thường. ngược lại; vào ra sườn núi, vách đá Tức ứng thân, cũng gọi là biến không hề chướng ngại; thân trên ra hoá thân. Trong mười phương thế lửa, thân dưới ra nước và ngược lại; giới, hiện thân không ngừng nghỉ vào ra trong đất, nước một cách tự để dạy dỗ vô lượng chúng sanh. nhiên; Phật hiện ra các thần biến để điều phục chúng sanh. Đó gọi là TAM CHỦNG THẦN thần thông thần biến. BIẾN TAM PHẬT ĐỘ (Đại bảo tích kinh). (Hoa nghiêm kinh sớ) Thần là thần thông, biến là biến Một, Pháp tánh độ. hoá.

Là quốc độ mà pháp thân của làm thương tổn mạng sống của Phật nương tựa, chính là lý độ chúng, cho nên khi đi, chân không (quốc độ thuộc về lý tánh) căn bản chấm đất. Sao nói: Thế Tôn khi đi thức của Phật tiềm tàng trong thân cách mặt đất bốn ngón tay. làm nơi nương náu, duy trì, luôn có Hai, Địa hữu sanh thảo. biến đổi bất ngờ ở thế giới bên Mọi nơi trên mặt đất đều có cỏ ngoài, nên cõi pháp tánh thông suốt mọc khắp nơi. Phật muốn giữ toàn và làm thể của các cõi. (Khí giới là sức sống của nó, nên khi đi, chân vi thế giống như khí cụ). không chấm đất. Hai, Thọ dụng độ. Ba, Hiện thần thông lực. Là cõi thọ dụng báo thân của Phật hiện ra thần thông, bay, đi Phật. Thọ dụng có hai: một/ Nếu tự tại; đi trong không trung như đi lấy sự tương ưng giữa bạch tịnh trên đất, nên khi đi, chân không thức và kết quả tự lợi do tu tập viên chấm đất. mãn thì từ khi mới thành Phật đến hết thời vị lai, liên tục biến thành NHƯ LAI KHẤT THỰC cõi Phật đã thuần tịnh, bao trùm tất TAM Ý cả, trang nghiêm bằng châu báu. (Pháp tập kinh). Đó gọi là thọ dụng thân. hai/ Nếu lấy sức đại từ bi và kết quả lợi tha Một, Bất

thực trân vị, mỹ ố do tu tập viên mãn thì, theo chỗ quân đẳng. thích hợp với Bồ tát Thập địa mà Phật khất thực đi vào làng xóm, biến thành tịnh độ, hoặc lớn, hoặc những gì có được tùy tín chủ cho, nhỏ, hoặc đẹp, hoặc xấu. không tham thức ăn quí, hoặc ngon Ba, Biến hóa độ hoặc dỡ đều không phân biệt. Đó Là cõi do biến hóa ứng thân của gọi là bất tham trân vị, mỹ ố quân Phật. Phật dùng bất tư nghị thần đẳng. lực, tùy nghiệp thiện, ác của chúng Hai, Vị pháp ngã mạn, quí tiện sanh, biến ra các cõi nước dơ, sạch, đồng du. để làm phương tiện giáo hóa. Phật khất thực, vì phá ngã mạn tự cao, đối các nhà giàu sang hay PHẬT HÀNH LY ĐỊA nghèo hèn đều không chọn lựa. Đó TAM Ý gọi là phá ngã mạng quí tiện đồng (Hoa nghiêm du. Ba, Từ bi bình đẳng đại tác lợi kinh Tùy sở diễn nghĩa sao và ích. Phật thuyết xứ xứ kinh) Phật không vì cái khổ đói khát, Một, Địa hữu trùng. nghèo túng, thiếu thốn, mà vì Mọi nơi trên mặt đất đều có côn chúng sanh, đem lòng từ bi bình trùng, hoặc nằm dưới, hoặc chạy ở đẳng, mới đi khất thực, đem đến lợi trên mặt đất. Phật vì lòng từ bi, sợ

ích to lớn cho chúng. Đó gọi là từ (32 tốt tướng tốt là: 1) Bàn chân bi bình đẳng đại tác lợi ích. bằng phẳng, 2) Chỉ dưới bàn chân giống như bánh xe, 3) Ngón tay PHẬT TAM SỰ NHẬP thon dài, 4) Chân tay mềm mại, 5) THÀNH Gót chân đầy đặn, 6) Mu bàn chân (Kim cang kinh cao đẹp, 7) Bắp chân như tướng lộc vương, 8) Tay dài quá gối, 9) sớ). Tướng mã âm tàng, 10) Thân cao Một, Vị nữ nhân nhập thành. lớn, 11) Lỗ chân lông nhấp nháy Tất cả đàn bà, con gái đều bị màu xanh, 12) Lông trên mình cha, mẹ hay chồng quản thúc trong mềm mại, 13) Sắc thân vàng thắm, nhà, không được cho đi lại, nhớ 14) Thân chiếu ra hào quang, 15) trông Phật mà không cách nào Da dẻ mềm mại và trơn bóng, 16) được gặp, vì thế Phật đi vào thành Lòng bàn tay, bàn chân, hai vai và phố, để cho các bà, các cô được đỉnh đầu, bảy chỗ ấy đều đầy đặn, chiêm bái, kính lễ Phật. Kinh 17) hai nách đầy đặn, 18) Thân như Quang Phật Tam muội hải nói: Nếu sư tử, 19) Thân đoan trang ngay thấy được tướng hảo quang minh thẳng, 20) hai vai tròn trịa, 21) Có của Phật thì trừ được 60 kiếp tội lỗi bốn mươi cái răng, 22) Răng trắng sanh tử, được phước vô lượng, đời đều khít khao, 23) Bốn răng cửa sau sanh vào nơi chắc chắn gặp đức trắng bóng, 24) Hàm răng dưới Di lặc. (Tiếng Phạn là Di lặc, tiếng vững vàng chắc chắn, 25) Nước bọt Hoa là Từ thị). trong họng thơm, 26) Lưỡi rộng Hai, Vị bệnh nhân nhập thành. dài, 27) Giọng nói ấm vang như Phật ở chỗ người bệnh, thường giọng Phạm Thiên, 28) Mắt xanh đem lòng cứu giúp họ, khiến cho biếc, 29) Lông mi như ngưu vương, họ lìa khổ được vui. 30) Có lông trắng giữa hai chân Vì vậy, khi Phật vào thành khất mày, 31) Trên đỉnh đầu có nhục kế thực, tất cả người bệnh, nhờ chiêm nổi cao, 32) Lông trên thân uốn về ngưỡng Phật, khiến bệnh của họ hết bên phải. và phát tâm Bồ đề. Tám mươi vẻ đẹp: Ba, Dục linh nhân kiến tướng 1) Móng tay dẹp và dài, 2) Tay, hảo nhập thành. chân tròn trịa, 3) Tay, chân bằng Phật phúc huệ trang nghiêm, nhau, không so le, 4) Tay, chân đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, tròn đầy, 5) Gân mạch vững vàng, mầu nhiệm khó nghĩ suy. Người 6) hai mắt cá chân ẩn bên trong, 7) chiêm ngưỡng được Ngài, thì tội Đi lại ngay thẳng, 8) Đi lại oai diệt, phước sanh. Vì vậy, Ngài vào nghiêm tề chỉnh, 9) Đi lại an bình, Thành để mọi người được thấy 10) Đi đứng có oai nghi, 11) Quay Ngài. người nhìn ra sau, 12) Lóng tay, lóng chân rất đẹp, 13) Khớp xương

vững chãi, 14) Đầu gối mập tròn, vững chắc, 70) Oai đức nỗi tiếng, 15) Những chỗ khuất rất đẹp, 16) 71) Tiếng nói hoà nhã, 72) Thuyết Cử động nhanh nhẹn, 17) Dung pháp hợp với căn cơ, 73) Thuyết mạo trang nghiêm, 18) Các khớp pháp bằng một âm, 74) Thuyết xương mạnh khoẻ, 19) Tay chân pháp tuần tự, 75) Bình đẳng với đầm thắm, 20) Tướng tá đoan loài hữu tình, 76) Xem xét trước nghiêm, 21) Xung quanh thân có sau mới làm, 77) Tướng đẹp đầy ánh sáng, 22) Bụng vuông vức, 23) đủ, 78) Xương đầu chắc chắn, 79) Rốn sâu và lông quay về bên phải, Dung nhan kỳ diệu, 80) Vầng ngực 24) Rốn dày đầy đẹp, 25) Da và thịt rất đẹp). đều nhau, 26) Lòng bàn tay đầy đặn, 27) Chỉ tay sâu dài, 28) Môi PHẬT TAM BẤT NĂNG hồng tươi, 29) Khuôn mặt đầy đặn, (Cảnh đức truyền 30) Lưỡi rộng dài, 31) Tiếng nói hùng hồn,32) Tiếng vọng hay ho, đăng lục) 33) Mũi cao dài thẳng, 34) Răng Một, Bất năng miễn định ngay thẳng, 35) Răng trắng sạch, nghiệp. 36) Mắt rộng sáng ngời, 37) Mắt to Phật có thể dứt tất cả tướng, dài, 38) Lông mày đều thẳng, 39) đoạn tất cả ác nghiệp của chúng Hai vai rộng dài, 40) Hai vai tròn sanh, nhưng không thể tránh khỏi đẹp, 41) Hai vai nhuận sáng, 42) định nghiệp của mình. (Định Tai dày và dài, 43) Hai tai đẹp đẻ, nghiệp là nghiệp quyết định, không 44) Dung mạo đẹp đẻ, 45) Tráng thể thay đổi). rộng tròn đầy, 46) Thân mình đẹp Hai, Bất năng độ vô duyên. tuyệt, 47) Tóc dài óng mượt, 48) Phật có thể dạy bảo tất cả Tóc thơm sạch, 49) Tóc suông ngay chúng sanh, nhưng không thể độ thẳng, 50) Tóc cứng khoẻ, 51) Tóc những người vô duyên. bóng mượt, 52) Thân mình vững Ba, Bất năng tận sanh giới. chãi, 53) Thân thể trang nghiêm, Phật có thể độ tất cả chúng sanh 54) Thất khiếu sạch sẽ, 55) Thân trong cõi thế gian, nhưng không thể thể khoẻ mạnh đẹp đẻ, 56) Hình độ hết chúng sanh trong các cõi vóc trang nghiêm, 57) Khuôn mặt được (nghĩa là không thể độ hết chữ điền, 58) Dung nhan thư thái, chúng sanh được). 59) Gương mặt sáng đẹp, 60) Vóc dáng nghiêm tịnh, 61) Lỗ chân lông TAM CHỦNG KỲ ĐẶC toả hương thơm, 62) Miệng toả SỰ hương thơm, 63) Lông trên mình (Quá khứ, hiện tại mềm mại, 64) Thuyết pháp kế lý, 65) Đỉnh đầu cao đẹp, 66) Tướng nhân quả kinh) đầu rất đẹp, 67) Lóng tay rõ ràng, Một, Thần thông kỳ đặc. 68) Đi không đạp đất, 69) Thần lực

Phật, Thế Tôn, thích ứng căn cơ TAM XỨ BẤT CHUYỂN PHÁP của chúng sanh, hiện ra thần thông LUÂN biến hoá không thể nghĩ bàn, khiến cho tất cả chúng sanh, tà ma ngoại đạo đều trở về sự giáo hoá của Một, Ngã mạn cao sơn. Phật. Đó là thần thông kỳ đặc. Người ngoại đạo, phần nhiều là Hai, Huệ tâm kỳ đặc. tà kiến ngã mạn, cống cao, cao ngất Trí huệ của Phật, tâm sáng tịch như núi, như đồi. Tuy họ nghe tĩnh, hiểu rõ tất cả các pháp, thành chánh pháp, không chỉ không tin tựu trí nhất thiết chủng. Đó là huệ mà có lỗi chế nhạo, vời quả báo ác tâm kỳ đặc. về cho mình. Vì thế không thuyết Ba, Nhiếp thọ kỳ đặc. pháp cho họ. Phật hiểu rõ căn tánh nhanh, Hai, Ngũ dục ứ nê. chậm của chúng sanh, tuỳ theo căn Tất cả phàm phu đều mê đắm cơ của chúng sanh mà nhiếp thọ và năm dục sắc, thanh, hương, vị, xúc, dạy dỗ, khiến cho chúng nghe và chìm đắm nơi dơ dáy như ở trong hiểu pháp yếu, tiến tu theo hạnh bùn đen vậy, thân, tâm không còn giải thoát và xa lìa sanh tử, đó là trong sạch nữa, thì không thể lãnh nhiếp thọ kỳ đặc. thọ chánh pháp. Vì vậy không thuyết pháp cho họ. PHẬT TAM NGỮ Ba, Tà kiến trù lâm. (Hoa nghiêm kinh Tuỳ Ngoại đạo, phàm phu, chấp sớ diễn nghĩa sao) chặc kiến thức như cây cối rậm rạp trong rừng, nhưng đối với chánh Một, Tuỳ tự ý

ngữ. pháp không thể tin, nhận. Vì vậy Phật theo ý mình, nói những không thuyết pháp cho họ. pháp đã chứng được. Vì vậy gọi là tuỳ tự ý ngữ. TAM LUÂN Hai, Tuỳ tha ý ngữ. (Kim quang minh kinh Phật luôn tuỳ thuận ý của kẻ khác, nói pháp phương tiện dẫn dắt văn cú). chúng sanh. Vì vậy gọi là tuỳ tha ý Luân là bánh xe, có công dụng ngữ. là nghiền nát, bẻ gảy mọi thứ trên Ba, Tuỳ tự tha ý ngữ. đường nó đi, để ví dụ cho thân Phật vì chúng sanh thuyết pháp, nghiệp của Phật biểu hiện không một nữa theo ý tự chứng của mình, trở ngại, khẩu nghiệp thuyết pháp, một nữa theo căn cơ người khác. Vì ý nghiệp xem xét căn cơ của chúng vậy gọi là tuỳ tự tha ý ngữ. sanh, để có thể nghiền nát phiền não sai lầm của chúng sanh. Vì vậy gọi là tam luân. Một, Thân luân.

Cũng gọi là thần thông luân. Phật. Lại nữa trong một hội hoặc Phật nói pháp, trước, hiện thần nghe Phật nói bố thí, trì giới v.v... thông, làm căn cơ, tình cảm của tuỳ tâm niệm của thính giả muốn, chúng sanh tỉnh ngộ để sanh chánh đều không thể nghĩ bàn. Vì vậy gọi tín. là ngữ mật. Hai, Khẩu luân. Ba, Ý mật. Cũng gọi là chánh giác luân. Phật thường ở trong định, tất cả Pháp Phật nói ra đều làm cho tư duy, quán sát của Phật, đều chúng sanh bỏ tà trở về chánh, là không thể nghĩ bàn. Vì vậy gọi là ý nơi nương tựa để tu hành. mật. Ba, Ý luân. Cũng gọi là ký tâm luân. trước TRỤ TRÌ TAM BẢO khi thuyết pháp, Phật quán sát căn (Hoa nghiêm kinh tánh nhanh, chậm của chúng sanh, tuỳ theo đó mà diễn nói không có Tuỳ sớ diễn nghĩa sao và Tam sai sót. bảo chương) Một, Nê khám tố tượng vi Phật PHẬT TAM MẬT bảo. (Đại Trí độ luận). Sau khi Phật Diệt độ, dùng bùn, cây nắn khắc làm tượng để hình Mật là mật. Thân, khẩu, ý, ba ảnh Phật vẫn tồn tại ở đời không nghiệp của Phật, hoặc luận thần dứt. Đó là Phật bảo. thông, hoặc thuyết pháp, hoặc tư Hai, Hoàng quyển xích trục vi duy, không phải như những gì các pháp bảo. bậc Bồ tát tưởng tượng và nghị Là đại tạng kinh ngày nay, vẫn luận, nên gọi là tam mật. còn ở đời không mất. Đó là pháp Một, Thân mật. bảo. Phật ở trong đại hội, chúng thấy Ba, Thế phát nhiễm y vi tăng thân Phật hoặc màu vàng ròng, bảo. hoặc màu trắng kim ngân, hoặc Cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại màu sắc của nhiều châu báu, hoặc sắc, tức là tăng sĩ ở đời để lưu cao một trượng sáu, hoặc vừa cho truyền Phật pháp. Đó là Tăng bảo. đến hiện thần thông, biến hoá, đều không thể nghĩ bàn. Vì vậy gọi là ĐỒNG THỂ TAM BẢO thân mật. (Hoa nghiêm kinh Hai, Ngữ mật. Tức là khẩu mật. Lúc Phật Tuỳ sớ diễn nghĩa sao và Tam thuyết pháp, hoặc ngoài một dặm bảo chương) nghe được âm thanh của Phật, hoặc Phật, Pháp, Tăng tên có khác mười dặm, hoặc trăm dặm, ngàn mà thể là một, nên gọi là đồng thể dặm đều nghe được âm thanh của Tam bảo.

Một, Phật bảo. Bẩm thọ giáo pháp của Phật, tu Tiếng Phạn gọi đủ là Phật đà, nhân chứng quả, như Thinh văn, tiếng Hoa là Giác. Tánh thể nhiệm Duyên giác, Bồ tát. Đó là Tăng màu giác ngộ, hiểu rõ các pháp, bảo. (Tiếng Phạn Bồ đề tát đoả, chẳng phải không, chẳng phải có. tiếng Hoa là Giác hữu tình). Đó gọi là Phật bảo. Hai, Pháp bảo. BIỆT TƯỚNG TAM BẢO Pháp có nghĩa là duy trì phép (Hoa nghiêm kinh tắc. Pháp tánh vắng lặng, nhưng tánh đức hằng sa đều có phép tắc. Tuỳ sớ diễn nghĩa sao và Tam Đó gọi là pháp bảo. bảo chương) Ba, Tăng bảo. Biệt tướng là trong Tam bảo tên Tiếng Phạn là Tăng già, tiếng gọi và hình tướng không giống Hoa là Hoà hợp. Diệu đức hằng sa nhau. nhưng tánh tướng không hai, lý, sự Một, Phật bảo. hoà hợp. Đó gọi là

Tăng bảo. Phật có đủ mười thân tên gọi và BIỆT TƯỚNG TAM BẢO hình tướng khác nhau, nên gọi là cũng gọi là Biệt thể Tam bảo Phật biệt tướng. (mười thân Phật là (trích từ Thích thị Bồ đề thân, nguyện thân, hoá thân, lực trì thân, tướng hảo trang yếu lãm) nghiêm thân, oai thế thân, ý sanh Phật, Pháp, Tăng không giống thân, phước đức thân, pháp thân, trí nhau, nên gọi là biệt tướng Tam thân) bảo. Hai, Pháp bảo. Một, Phật bảo. Phật nói một đại tạng kinh điển Ban đầu Phật thành đạo ở cội gồm giáo, lý, hạnh, quả, danh, Bồ đề, chỉ thị hiện thân cao một tướng không giống nhau, nên gọi là trượng sáu, đến khi nói kinh Hoa pháp biệt tướng (giáo: kinh giáo; Nghiêm thì hiện ra thân tôn quý lý: tánh lý; hạnh: hạnh nghiệp; quả: đặc biệt lô xá na. Đó là Phật bảo. quả vị). (Tiếng Phạn Bồ đề, tiếng Hoa là Ba, Tăng bảo. đạo. Tiếng Phạn là lô xá na, tiếng Văn thù, Phổ hiền là các đại Bồ Hoa là Tịnh mãn). tát cho đến Tam hiền, Thập thánh Hai, Pháp bảo. tu chứng quả vị không giống nhau, Phật nói năm thời gồm có Đại nên gọi là Tăng biệt tướng. (Tam thừa, Tiểu thừa, ba tạng kinh, luật, hiền là các Bồ tát Thập trụ, Thập luận. Đó là Pháp bảo. (năm thời: hạnh, Thập hồi hướng, Thập thánh Hoa Nghiêm, Lộc uyển, Phương là Thập địa Bồ tát) đẳng, Bát nhã, Niết bàn). Ba, Tăng bảo.

ĐẠI THỪA TAM BẢO Hai, Tiểu thừa Pháp bảo. Các kinh A hàm. Vì Thinh văn (Hoa nghiêm kinh sớ nói giáo lý Tứ đế, vì Duyên giác sao và Tam bảo chương) nói giáo lý thập nhị nhân duyên cho Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng họ y đó mà tu tập, siêu phàm vào đáng tôn quý, đáng quý trọng, nên cõi thánh. Đó gọi là Tiểu thừa Pháp gọi là bảo. bảo. (Tiếng Phạn là A hàm, tiếng Một, Đại thừa Phật bảo. Tiếng Hoa là Vô tỉ pháp) Phạn là Phật đà, tiếng Hoa là Giác. Ba, Tiểu thừa Tăng bảo. Nghĩa là tự mình giác ngộ; hướng Nương theo Tứ đế, Thập nhị dẫn cho người khác giác ngộ và nhân duyên mà tu tập dứt trừ hai hạnh giác ngộ tròn đầy. (Phật đầy hoặc kiến, tư; chứng lý chân không. đủ có ba thân; mười thân) Đó gọi là Tiểu thừa Tăng bảo. Hai, Đại thừa Pháp bảo. (Kiến hoặc là ý căn đối với pháp Pháp là phép tắc. Phật đã nói về trần khởi lên phân biệt. Tư hoặc là thật tướng trung đạo, và hai lý nhân nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân tham ái không, pháp không, cho đến vô sắc, hương, vị, xúc. Tứ quả là: 1) lượng pháp môn nhiệm màu, có thể Tu đà hoàn có nghĩa Nhập lưu vào khiến cho chúng sanh noi theo pháp dòng thánh, 2) Tư đà hàm có nghĩa này mà thành chánh giác. Đó là Đại Nhất lai: trở lại dục giới một lần thừa pháp bảo. sau cuối, 3) A na hàm có nghĩa Bất Ba, Đại thừa Tăng bảo. lai: không trở lại dục giới nữa, 4) A Tiếng Phạn là Tăng già, tiếng la hán có nghĩa là Vô sanh: vĩnh Hoa là hoà hợp chúng. Nghĩa là các viễn không sanh vào tam giới nữa). bậc Bồ tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa không HOA NGHIÊM TAM vương vào có, không hai bên, cùng THÁNH hoà hợp với lý trung đạo. Đó là Đại (Phiên dịch danh thừa Tăng bảo. nghĩa). TIỂU THỪA TAM BẢO Một, Tỳ lô giá na Phật. Tiếng Phạn là Tỳ lô giá na, (Hoa nghiêm Tam tiếng Hoa là Biến nhất thiết xứ. Thể bảo chương) của phiền não là thanh tịnh, mọi Một, Tiểu thừa Phật bảo. đức đều đủ. Bao trùm tất cả nơi, có Phật ẩn tàng thân vô lượng thể làm nơi nương tựa cho sắc công đức trang nghiêm, thị hiện tướng, công đức chân thật không có hình tướng màu vàng rực rỡ một ranh giới. Đó là thật tánh bình đẳng trượng sáu để độ Thinh văn, Duyên của tất cả pháp. Đây chính là tự giác, trời, người cho hợp căn cơ. tánh, cũng gọi là pháp thân. Phật Đó gọi là Tiểu thừa Phật bảo. tiếng Phạn là Phật đà, tiếng Hoa là

Giác, là thể của lý tánh, xưa nay lượng lợi ích, an lạc. Đó là bậc sư giác ngộ hoàn toàn. phạm của chúng sanh. Hai, Phổ hiền Bồ tát. Ngài ở địa vị cao nhất của đạo. TAM TẠNG Thể tánh bao trùm tất cả, nên gọi là (Phiên dịch danh nghĩa). phổ, gần gũi các bậc đại thánh, nên gọi là hiền. Tam tạng là kinh, luật, luận, tất Ba, Văn thù sư lợi. cả đều chứa đựng văn chương và ý Tiếng Phạn là Văn thù sư lợi, nghĩa những gì Phật đã dạy, nên tiếng Hoa là Diệu đức. Thật rõ Phật gọi là tạng. tánh, có đủ ba đức: pháp thân, Bát Một, Tu đa la tạng. nhã, giải thoát, không thể nghĩ bàn, Tiếng Phạn là Tu đa la, tiếng nên gọi là Diệu đức. Hoa là Khế kinh. Nghĩa là trên hợp với lý của chư Phật, dưới khế hợp TAM CHỦNG ĐẠI SƯ căn cơ của chúng sanh, nên gọi là (Bổn sự kinh). Khế kinh. hai, Tỳ nại da tạng. Một, Như lai. Tiếng Phạn là Tỳ nại da, tiếng Các đức Phật xuất hiện thế Hoa là Luật, còn gọi là Thiện trị, vì gian, xiển dương pháp lớn, dạy cho có thể trị được cái ác của chúng chúng sanh xa lìa sanh tử, khiến sanh; giống như pháp luật ở đời, có được vô lượng lợi ích, an lạc. Đó là thể quyết định các tội nặng, nhẹ bậc sư phạm của chúng sanh. nên gọi là luật. Hai, A la hán. Ba, A tỳ đạt ma tạng. Tiếng Phạn A la hán, tiếng Hoa Tiếng Phạn là A tỳ đạt ma, là vô học. A la hán là bậc các phiền cũng gọi là A tỳ đàm, tiếng Hoa là não đã dứt hết, phạm hạnh đầy đủ, Luận. Luận Du già nói: hỏi, đáp xuất hiện thế gian; chỉ dạy Tứ đế, chọn lựa tánh, tướng của các pháp, khiến cho chúng sanh xa lìa sanh nên gọi là luận. (Tiếng Phạn là Du tử. già, tiếng Hoa là Tương ưng) Ba, Hữu học đệ tử. Hữu học là phiền não chưa dứt ĐẠI THỪA TAM TẠNG hết, có thể học giáo pháp. Đó là sơ (Hoa Nghiêm kinh quả Tu đà hoàn, nhị quả Tư đà hoàn, tam quả A na hàm, tinh tấn tu Tuỳ sớ diễn nghĩa sao) hành phạm hạnh, học rộng. Đối với Một, Đại thừa kinh tạng. kinh điển, biết rõ nghĩa lý của các Kinh nghĩa là pháp, là thường. pháp, các Ngài xuất hiện thế gian, Các kinh Đại thừa như kinh Hoa chỉ dạy Tứ đế, khiến cho chúng Nghiêm, chỉ nói về lý trung đạo của sanh xa lìa sanh tử, đều được vô pháp giới, chỉ bảy phương pháp tu

hành, chứng quả của các Bồ tát. Đó Câu xá, tiếng Hoa là Tàng, có gọi là Đại thừa kinh tạng. nghĩa giữ gìn). Hai, Đại thừa luật tạng. Luật là pháp luật. Trong các TAM NHƯ LAI TẠNG kinh như Phạm võng chỉ chế ra giới (Viên giác kinh lược luật cho các Bồ tát giữ gìn. Đó gọi là Đại thừa luật tạng. sớ) Ba, Đại thừa luận tạng. Như lai là lý tánh Như lai, trong Luận là bàn bạc. Trong các luận nhân mà nói quả, nên gọi là Như như Khởi tín luận chỉ chọn lựa để lai. Tạng là bao hàm, vì bao hàm tất bàn bạc và phương pháp tu, chứng cả pháp thiện, ác. Đó là chỉ về thể của các vị Bồ tát. Đó gọi là Đại của nó, tức thức thứ tám, gọi là thừa luận tạng. Như lai tạng. Một, Ẩn phú tạng. TIỂU THỪA TAM TẠNG Tất cả chúng sanh vốn có lý thể (Thiên thai tứ giáo của pháp thân chân như ở trong thức thứ tám, vì bị vô minh, phiền nghi tập chú) não che lấp mà không thể thấy Một, Tiểu thừa kinh tạng. được, nên gọi là ẩn phú tạng. Kinh A hàm và các kinh khác, Hai, Hàm nhiếp tạng. chỉ bàn về lý chân không tịch diệt, Thức thứ tám là nơi tựa của chỉ bày phương pháp tu hành, nhiễm và tịnh, chứa đựng tất cả chứng quả của các vị Thinh văn, chủng tử thiện và ác; nên gọi là Duyên giác. Đó là Tiểu thừa kinh hàm nhiếp tạng. tạng. Ba, Xuất sanh tạng. Hai, Tiểu thừa luật tạng. Đệ bát thức là gốc của nhiễm Luật tứ phần và các luật khác, và tịnh, gặp duyên huân tập rồi xuất chỉ chế ra cho bậc Tiểu thừa, tức sanh các pháp hữu tình và vô tình ở giới các vị Thinh văn, Duyên giác

thế gian và xuất thế gian; nên gọi là giữ gìn. Đó gọi là Tiểu thừa luật xuất sanh tạng. tạng. (Tứ phần là: một) Các pháp dành cho Tỳ kheo, hai) Các pháp TAM TẠNG THUYÊN dành cho Tỳ kheo ni, ba) Các pháp TAM HỌC dành cho việc thọ giới, bốn) Các (Tứ giáo nghi) pháp diệt bỏ sự tranh cải). Ba, Tiểu thừa luận tạng. Tam tạng là kinh, luật, luận. Luận Câu xá và các luận khác, Tam học là giới, định, huệ. Tam chỉ chọn lựa, luận bàn các pháp tạng giải thích đầy đủ về tam học Tiểu thừa tu, chứng của các vị cả sự lẫn lý. Thinh văn, Duyên giác. Đó gọi là Một, Kinh thuyên định học. Tiểu thừa luận tạng. (Tiếng Phạn là

Nội dung rõ ràng của các kinh riêng. Từ hạnh làm sáng tỏ lý. Lý A hàm là pháp an tâm. Nương vào có chung, riêng. đây mà nhiếp tâm thì không tán Một, Giáo kinh thông biệt. loạn. Lại nữa, khi Phật nói kinh, Biệt giáo là những giáo lý tuỳ trước tiên phải nhập định, nên nói theo căn cơ mà nói. Phàm giáo lý là kinh giải thích về định học. vốn đáp ứng theo căn cơ, mà căn Hai, Luật thuyên giới học. cơ thì không giống nhau, mỗi bộ Tạng luật Tỳ ni nhân sự việc phái khác biệt nhau; nên gọi là sự xảy ra mà chế giới luật ngăn ngừa. khác nhau của giáo lý. Đó là phương pháp chuyên phòng Các kinh tuy khác nhau, nhưng ngừa, ngăn chặn thân, khẩu, ý. Lại đều có chung những điều Phật nói, giới là điều được giải thích bởi nên gọi là có cái chung của giáo lý. hành động. Luật là làm rõ những gì Nói chung, theo duyên mà có giáo đã dạy; nên gọi là luật thuyên giới lý khác nhau, theo lý thuyết mà có học. giáo lý giống nhau. Ba, Luận thuyên huệ học. Hai, Hạnh kinh thông biệt. A tỳ đàm và các luận khác, Hạnh là nương theo lời dạy của chọn lựa, biện luận nghĩa của tất cả Phật mà tu hành, cũng có nghĩa là các pháp. Đều dùng trí huệ để phân thẳng tiến (trên đường tu). Niết bàn biệt, nên gọi là luận thuyên huệ là pháp bảo chân chánh, có vô số học. cửa cho chúng sanh vào. Giáo lý đã là cửa không giống nhau, nên việc TAM KINH THÔNG tu hành ắt phải khác nhau. Cửa vào BIỆT có khác nhưng lý khế hợp thì giống (Pháp hoa huyền nhau. Đó là lý do nói vì sự khế hợp mà tu hành khác nhau và vì sự khế nghĩa). hợp mà tu hành giống nhau. Nội dung các kinh Đức Phật nói Ba, Lý kinh thông biệt. trong một đời có đầy đủ ba điều Lý là nghĩa lý của tất cả giáo lý này: giáo, hạnh, lý. đã được Phật nói. Lý thì không hai. Bất cứ sự khác biệt nào cũng Tên gọi chẳng phải một, nên luận đều khế hợp với tính thống nhất nói rằng: Bát nhã là một pháp mà (Bất cứ cái riêng nào cũng hợp với Phật nói đến vô số tên. Hoặc nói cái chung). Lấy tính thống nhất đáp thật tướng, hoặc nói pháp giới ứng từng sự khác biệt. Thống nhất v.v... tên riêng nên khác. Vì vậy là thống nhất đối với các kinh. mà nói do lý theo tên mà khác, tên Khác biệt là khác biệt từ nguyên theo lý mà giống. nhân. Vì vậy giáo lý có chung có riêng. Nương giáo lý làm sáng tỏ công hạnh. Hạnh thì có chung, có

PHÁP HOA TAM CHU Bởi vì diệu pháp khó hiểu, mượn ví dụ để làm cho sáng tỏ (Pháp hoa huyền hơn. nghĩa) Hoa sen thì hoa và quả cùng Khi Phật nói kinh Pháp hoa, vì một lúc xuất hiện. Diệu pháp thì có các vị Thinh văn căn tánh có quyền, thật là một thể, nên lấy Hoa nhanh, có chậm, nên ngộ có trước, sen để ví dụ pháp quyền và thật. có sau. Vì vậy có ba vòng khác Một, Vị liên cố hoa. nhau. Có hai ví dụ:1) Vì thật tướng Chu có nghĩa đầy đủ. mà hiển bày quyền biến, nên sen là Một, Pháp hoa thuyết chu. dụ cho thật tướng, hoa là dụ cho Pháp thuyết chu là Phật vì các quyền biến. Điều ấy cũng

giống vị thượng căn nói Tam thừa và như Phật muốn nói thật tướng của Nhất thừa. Quyền biến mở ra Tam Nhất thừa, mà quyền biến nói đến thừa để hiển lộ thực tướng Nhất ba thừa. thừa. Điều này trong phẩm phương Vì vậy kinh Pháp hoa nói: Tuy tiện có đề cập. chỉ bày vô số đạo (con đường), kỳ Hai, Thí dụ chu. thật chỉ có Phật đạo, 2) Dụ từ bản Thí dụ chu là Phật vì các vị môn đến tích môn, sen là dụ cho trung căn, ở trong vòng đầu không bản môn, hoa là dụ cho tích môn. ngộ được, bèn phải bày ra ba xe, Điều ấy cũng giống như Đức Như một xe để nói. ban đầu hứa cho ba lai đã thành Phật từ lâu, đó là bản xe là quyền biến, sau cùng ban cho môn, mà ngày nay còn giáo hoá xe lớn là thực tướng. Điều này chúng sanh, đó là tích môn. trong phẩm thí dụ có đề cập. Vì vậy kinh nói: Thực ra, ta đã Ba, Túc thế nhân duyên chu. thành Phật từ xa xưa (như vừa mới Phật vì các vị hạ căn, đối với đây), vì giáo hoá chúng sanh mà ta hai vòng nói pháp trên, không thể hoá hiện như thế: Trẻ tuổi xuất gia, hiểu nổi, mới nói đến hội pháp hoa tu đạo rồi chứng quả chánh đẳng đời trước, lúc ấy có Phật Đại Thông chánh giác. Trí Thắng cũng đồng nói pháp Nhất Hai, Hoa khai liên hiện. thừa, khiến cho chúng sanh được Có hai ví dụ: 1) Dụ khai quyền chứng ngộ. Điều này trong phẩm hiển thật. Hoa nở dụ cho mở ra hoá thành dụ có đề cập. quyền biến, hoa sen hiện ra hiển thị thật tướng. Điều ấy cũng giống như LIÊN HOA TAM DỤ Phật mở ra Tam thừa là quyền biến, mà thật ra là hiển bày Nhất thừa. Vì (Pháp hoa huyền vậy kinh nói: Mở cửa phương tiện, nghĩa). chỉ tướng chân thật, 2) Dụ khai tích hiển bổn. Hoa nở dụ cho mở tích môn, hoa sen hiện ra dụ cho hiển

bày bản môn. Điều ấy cũng giống Tựa chung là: Như thị ngã văn, như Phật, ngày nay, thành Phật là nhất thời Phật tại mỗ xứ, dữ mỗ đại tích môn, mà thành Phật đã lâu lắm chúng câu. Tất cả các kinh đều có là bản môn. Vì vậy kinh nói: Tất cả đoạn này ở đầu, nên gọi là tựa những người thế gian đều cho ta chung. mới chứng đạo, thực ra ta đã thành Tựa riêng, vì khi Phật nói kinh Phật đến nay vô lượng vô biên na ắt phải có nguyên do. Ví dụ kinh do tha kiếp. (Tiếng Phạn là Na do Lăng nghiêm là do Ngài A Nan gặp tha, Tiếng Hoa là Vạn ức) ảo thuật của Ma Đăng Già. Phật Ba, Hoa lạc liên thành. nhân đó mới dẫn Ngài A Nan và Có hai dụ: 1) Dụ bỏ quyền lập Ma Đăng Già về chỗ Phật, nên nói thật. Hoa rụng dụ cho bỏ quyền, Kinh này. Đó là tựa riêng. sen thành dụ lập thật. Có nghĩa là Nói là tựa riêng, vì các kinh Như lai Tam thừa quyền biến mà Phật nói đều có duyên khởi không lập nên Nhất thừa thật tướng. Kinh giống nhau. Tuy nói là chung, nói: Bỏ hẳn phương tiện, chỉ nói riêng, nhưng đều gọi là phần tựa. đạo vô thượng, 2) Dụ bỏ tích môn Hai, Chánh tông phần. lập bản môn. Hoa rụng dụ cho bỏ Tông là chủ yếu, quan trọng. tích môn, mà bản môn là đã thành Bởi vì Phật nói kinh ắt phải nói Phật lâu dài. Kinh nói: Các Đức phần chính yếu làm trọng tâm, Như lai, giáo pháp đều như thế, vì cũng gọi là làm rõ nghĩa chủ yếu độ thoát khổ đau cho chúng sanh là của một kinh. điều chân thật không hư dối. Ví dụ quyển một của kinh Lăng Nghiêm. Từ khi Ngài A Nan thấy TAM PHẦN KHOA Phật, đảnh lễ, buồn rầu; khóc lóc, KINH hỏi tâm phân biệt cái thấy; phân (Pháp hoa kinh văn biệt chơn, vọng; qui vạn pháp về Như lai tạng, cho đến cầu mật chú cú). cầu xa lìa ma sự; khiến cho A Nan Trong các kinh đều có phần và đại chúng từ bỏ phiền não chứng tựa, phần chánh tông và phần lưu đạo quả, đến quyển mười chú trọng thông. Ban đầu từ đời Tấn pháp sư về

việc tìm hiểu ngũ ấm, nhận ra Đạo an phân chia các kinh làm ba Niết bàn, không còn quyến luyến phần đầy đủ. Về sau luận sư Thân ba cõi. Đây là phần chính của kinh, quang từ Ấn độ sang Trung Quốc nên gọi là chánh tông phần. xác định quả nhiên có thuyết chia Ba, Lưu thông phần. các kinh là ba phần. Lưu (chảy) thì không ngừng. Một, Tự phần. Thông là không ứ (đọng). Phần Phần tựa có thông tự: tựa chung chính yếu đã trình bày, lo truyền lại và biệt tự: tựa riêng. đời sau, đem lại lợi ích cho chúng sanh; nhờ đó nguồn chánh pháp lưu

thông bất tận. Ví dụ ở kinh Lăng Phạm đã nói xong kinh này, đến hết Nghiêm thì lưu thông phần bắt đầu là phần y giáo phụng hành. từ: A Nan hoặc là người khác trong mười phương có bảy báu đầy khắp TAM THIỆN hư không, dùng hiến dâng chư Phật (Pháp hoa văn cú) nhiều như vi trần, cho đến chỗ: đãnh lễ rồi đi. Đây là so sánh Kinh Pháp hoa nói: Sơ thiện, phước truyền không dứt. trung thiện, hậu thiện; có thể nói ở trong giáo pháp viên, đốn và ba THÂN QUANG TAM PHẦN phần tựa, chánh tông, lưu thông, lý KHOA KINH tánh đến chỗ đầy đủ, nên đều gọi là (Phật địa luận).
thiện. (ba phần là: một) Phần tựa: Thuật lại lý do của một Kinh, hai) Bồ tát Thân quang làm luận và Phần chánh tông: chính thức nói giải thích kinh Phật địa chia làm ba yếu chỉ của một kinh, ba) Phần lưu phần. thông: Lưu truyền kinh này, để một, Giáo khởi nhân duyên người đời sau hiểu và tu hành). phần. Một, Sơ thiện. Như lai thuyết giáo, ắt phải có Là phần tựa, như phẩm tựa nhân duyên. Như Phật địa kinh trong kinh Pháp hoa là phần tựa này; Phật nói cho Bồ tát Diệu sanh của kinh vậy. biết có năm thứ pháp nuôi dưỡng Hai, Trung thiện. đất đại giác mà nói kinh này. Đó là Phần chánh nằm ở giữa, từ phần nhân duyên nói giáo pháp phẩm phương tiện, đến phẩm phân (năm loại pháp là: 1) Trí thanh tịnh biệt công đức, là phần chính yếu pháp giới, 2) Trí đại viên cảnh, 3) của kinh Pháp hoa. Trí bình đẳng tánh, 4) Trí diệu Ba, Hậu thiện. quang sát, 5) Trí thành sở tác). Phần lưu thông ở sau. Như Hai, Thánh giáo sở thuyết trong kinh Pháp hoa sau phẩm phân phần. biệt công đức cho đến hết là phần Sau phần nhân duyên thì chánh lưu thông. thức trình bày pháp môn mà Phật muốn nói. Như kinh Phật địa này từ TAM QUỸ HOẰNG chỗ: Diệu Sanh nên biết cho đến KINH chỗ: Khiến cho vào được thánh (Pháp hoa kinh và giáo, giải thoát hoàn toàn. Đó là phần Phật nói. Pháp hoa
văn cú). Ba, Y giáo phụng hành phần. Truyền bá rộng rãi kinh điển, Nghe giáo pháp Phật nói thì giáo pháp, phải có đủ ba cách thức mọi người tin nhận làm theo. Như sau: Từ bi, nhẫn nhục, pháp không. kinh Phật địa đây từ chỗ: Bạt Già Kinh Pháp hoa văn cú nói: Muốn

đem đến lợi ích cho muôn loài phải Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng lấy từ bi làm đầu. Muốn gần gũi Hoa là Diệt độ, cũng gọi là bất sanh với chúng sanh phải lấy nhẫn nhục bất diệt. làm căn bản. Muốn thuyết pháp cho Một, Tánh tịnh Niết bàn. mọi loài phải lấy vô ngã làm gốc. Lý thật tướng của các pháp, Thi hành được ba cách thức này thì không thể làm nhơ, không thể gạn có thể tự lợi và lợi tha. sạch, không nhơ là không sanh, Một, Từ bi thất. không sạch là không diệt. Không Người hoằng bá kinh điển, phải sanh không diệt, nên gọi là tánh có đủ từ bi để che chở, giúp đỡ tất tịnh Niết bàn (Thật tướng của các cả chúng sanh. Bằng tâm đại từ thì pháp là pháp nhân quả trong mười có thể đem an vui đến cho chúng giới, xưa nay xa lìa tướng hư vọng, sanh. Bằng tâm đại bi thì

có thể trừ mọi tướng đều chân thật, nên gọi là hết khổ đau cho chúng sanh. thật tướng, không thể làm nhơ, Từ bi che chỡ cho vạn vật, không thể gạn sạch là lý của thật giống như cái nhà che chở mưa tướng vì mê lầm không thể làm nắng... cho con người, nên kinh nhơ, trí không thể gạn sạch. Không nói: Tâm từ bi lớn là cái nhà. làm nhơ tức là không sanh, đã Hai, Nhẫn nhục y. không nhiễm mê lầm, há có pháp Người truyền bá chánh pháp, để sanh. Không gạn sạch tức là phải tu hạnh nhẫn nhục, để che chở không diệt, đã không có trí để sạch, các chướng ác, xấu xa và bao nhiêu há có pháp để diệt. chính vì vậy gọi phiền não cho tất cả chúng sanh; là bất sanh bất diệt). giống như cái áo che chỡ thân thể Hai, Viên tịnh Niết bàn. cho con người, nên Kinh nói: Tâm Trí cùng lực gọi là viên (tròn nhu hoà nhẫn nhục là cái áo. đầy), mê lầm dứt hết gọi là tịnh Ba, Pháp không toà. (sạch). Căn cứ vào tánh mà nói, tuy Người hoằng dương chánh không nhiễm tịnh. Nhưng theo tu pháp, phải hiểu được tính không tập mà nói hoặc nghiệp và trí tuệ của tất cả pháp và ngã không thì dường như giống nhau. mới có thể nói pháp. Nếu tâm an Trí nếu khế hợp với lý, hoặc định; đối với không, thì mới có an nghiệp chắc chắn không sanh, định được cho người khác. Mình và không diệt gọi là viên tịnh Niết người đều được an định giống như bàn. (Hoặc trí uyển nhiên: hoặc và bảo toà, nên Kinh nói: Các pháp trí dường như giống nhau. Hoặc là không là bảo toà vậy. phiền não bị dứt trừ, trí tức là trí tuệ dứt trừ phiền não). TAM NIẾT BÀN Ba, Phương tiện tịnh Niết bàn. (Kim quang minh kinh Phương tiện giống như thiện xảo (khéo léo). huyền nghĩa).

Trí có thể khế hợp với lý, tức là nhất thiết trí. (Chẳng phải chiếu mà chiếu rọi căn cơ của chúng sanh. chiếu nghĩa là chiếu rõ, nghĩa là lý Chiếu rọi chắc có ứng hiện, cơ cảm vốn chẳng phải chiếu, vì quán mà tức là sanh. Đây là sanh mà chẳng có chiếu để làm rõ đức quán chiếu, sanh. Cơ duyên đã hết thì ứng thân nhất thiết trí là biết tất cả nội điển liền diệt. Đây là diệt mà chẳng diệt. và ngoại điển). Không sanh không diệt gọi là Ba, Phương tiện Bát nhã. phương tiện tịnh Niết bàn. (Đây là Đức phương tiện chẳng phải sanh mà chẳng phải sanh là cơ cảm tịch (vắng lặng) mà vắng lặng, tức là sanh, nhưng tâm thường tịch khéo léo phân biệt các pháp, gọi là tịnh. Đây là diệt mà chẳng phải diệt phương tiện, tức là đạo chủng trí. là duyên hết tức là diệt, nhưng ứng (Chẳng phải vắng lặng mà vắng dụng vẫn còn luôn). lặng: Tịch là tịch tĩnh. Nhờ tịch tĩnh mà hiểu rõ tất cả các pháp đều TAM BÁT NHÃ từ nhân duyên mà sanh, tánh vốn (Kim quang minh kinh vắng lặng, để hiển bày đức phương tiện. Đạo chủng trí có dùng tất cả huyền nghĩa). đạo pháp của chư Phật để khai mở Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng hạt giống lành của tất cả chúng Hoa là Trí tuệ. Ba thể Bát nhã này sanh). là viên mãn, thường hằng và đại giác, tức là một khi giác ngộ có ba TAM ĐẠI THỪA loại đức, nên gọi là ba thứ Bát nhã. (Kim quang minh kinh Một, Thật tướng Bát nhã. Thể của bản giác chẳng phải huyền nghĩa) tịch chẳng phải chiếu, xa lìa tướng Một, Lý thừa. hư vọng, gọi là thật tướng, tức là Lý tánh rổng không chuyên chở nhất thiết chủng trí. (Chẳng phải (hà vận) các pháp một cách tự tịch, chẳng phải chiếu nghĩa là Tịch nhiên, nên gọi là lý thừa (Hà: vác, là yên lặng; chiếu là chiếu sáng. vận: chuyển động. Mọi pháp đều có Tịch và chiếu đều nói là chẳng phải đủ tánh này, nên gọi là hà. Có khả là để ngăn trở nhị biên và hiển bày năng đi đến cực quả, nên gọi là đức của thật tướng trung đạo. Trí vận). nhất thiết

chủng là biết được đạo lý Hai, Tuỳ thừa. của tất của chư Phật và biết được Trí tuỳ theo nội dung của lý, nguyên nhân của tất cả chúng tuỳ theo lý mà chuyên chở, nên gọi sanh). là tuỳ thừa. Hai, Quán chiếu Bát nhã. Ba, Đắc thừa. Đức của quán chiếu, chẳng phải Đắc là chứng quả, hiểu thấu căn chiếu mà chiếu, hiểu rõ pháp vô cơ. Nghĩa là tự giải thoát và khiến tướng, nên gọi là quán chiếu, tức là cho người khác được giải thoát, nên

gọi là đắc thừa. (Chứng quả là khuyên chúng sanh phát tâm Bồ đề chứng Phật quả. Đắc cơ là hiểu và không học tập nghĩa lý kinh Đại được căn cơ của chúng sanh mà thừa, vì việc tu hành này, chỉ giải giáo hoá chúng sanh). thoát được một mình. Đó gọi là Thinh văn Bồ đề. TAM BỒ ĐỀ Hai, Duyên giác Bồ đề. (Kim quang minh khinh Những vị Duyên giác phát tâm Bồ đề. Kinh nói: Nếu người nào ở huyền nghĩa). trong hàng Duyên giác, tuy đã tự Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa mình phát tâm Bồ đề, mà không là Đạo. khuyên bảo giáo hoá chúng sanh Một, Chơn tánh Bồ đề. phát Bồ đề tâm và không học tập Chân là không giả dối. Tánh là nghĩa lý kinh Đại thừa, vì việc tu không thay đổi. Không giả dối, hành này, chỉ giải thoát được một không thay đổi là chân tánh. Dùng mình. Đó gọi là Duyên giác Bồ đề. chân tánh này thực hành đạo, nên Ba, Chư Phật Bồ đề. gọi là chân tánh Bồ đề. Chư Phật phát tâm Bồ đề từ ở Hai, Thật trí Bồ đề. trong nhân. Kinh nói: Người nào tự Trí có thể soi sáng chân tánh, mình phát tâm Bồ đề, rồi lại còn có đúng lý không hư dối gọi là thật trí. thể khuyên chúng sanh phát Bồ đề Dùng thật trí này thực hành đạo, tâm, học tập giáo pháp Đại thừa, gọi là thật trí Bồ đề. mình đã giải thoát, còn khiến cho Ba, Phương tiện Bồ đề. chúng sanh giải thoát. Đó gọi là Khéo léo tuỳ căn cơ, giáo hoá chư Phật Bồ đề. gọi là phương tiện. Dùng phương tiện này thực hành đạo, gọi là TAM CHUYỂN PHÁP phương tiện Bồ đề. LUÂN (Pháp hoa văn cú). TAM BỒ ĐỀ (Xuất sanh Bồ đề kinh) Ba lần nói Tứ đế khổ, tập, diệt, đạo, gọi là tam chuyển. Ở đời chế Kinh nói: Bà la môn thưa rằng: ra bánh xe là dùng vào việc lăn tới Nếu đã phát Bồ đề tâm còn có thoái lăn lui. Pháp Phật nói là để nghiền thất không? Phật nói: Đã phát Bồ nát phiền não của chúng sanh, nên đề tâm thì không thoái thất. Phải gọi là chuyển pháp luân. biết có ba loại Bồ đề. Một, thị chuyển. Một, Thinh văn Bồ đề Thị là chỉ thị. Như nói đây là Những vị Thinh văn phát tâm khổ; đây là tập; đây là diệt; đây là Bồ đề. Kinh nói: Nếu người nào ở đạo. Đó gọi là thị chuyển (Khổ là trong hàng Thinh văn, tuy đã tự sống, chết thúc dục, dồn ép khổ mình phát tâm Bồ đề, mà không đau. Tập là chất chứa phiền não,

mê lầm. Đạo là giới, định, huệ. Diệt Hai, Vô ngã ấn. là an vui, tịch tĩnh). Sống, chết ở đời và tất cả các Hai, Khuyến chuyển. pháp đều do nhân duyên hoà hợp Khuyến là khuyên răn gắng mà có, hư dối không thật, vốn sức. Như nói: đây là khổ ngươi nên không có ngã. Vì thế Phật nói vô biết- đây là tập ngươi nên trừ- đây ngã. Chúng sanh không hiểu rõ, đối là diệt ngươi nên chứng- đây là đạo với các pháp cưỡng dựng lên có ngươi nên tu. Đó gọi là khuyến chủ tể, chấp cho là ngã, vì vậy Phật chuyển. nói vô ngã, phá bỏ sự điên đảo của Ba, Chứng chuyển. những kẻ chấp ngã. Đó gọi là vô Là nghiệm xem có thực hay ngã ấn. không. Dẫn ra những gì mà mình Ba, Niết bàn ấn. đã chứng được để làm bằng cớ cho Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng mọi người. Như nói: Đây là khổ tôi Hoa là tịch diệt (vắng lặng). Tất cả đã biết, không thể lại không biết. chúng sanh không biết

sống, chết là Đây là tập tôi đã dứt, không thể lại khổ, mà còn khởi lên bao mê lầm, không dứt. Đây là diệt tôi đã tạo ra nghiệp chướng, trôi lăn trong chứng, không thể lại không chứng. ba cõi. Vì vậy Phật nói pháp Niết Đây là đạo tôi đã tu, không thể lại bàn khiến cho chúng sanh xa lìa không tu. Đó là chứng chuyển. đau khổ của sanh, tử và được sự an vui vắng lặng. Đó là Niết bàn ấn. TAM PHÁP ẤN TAM ĐÀ LA NI (Pháp hoa huyền nghĩa) (Đại trí độ luận) Thích luận nói: Các kinh Tiểu thừa đề cập đến ba ấn là vô thường, Tiếng Phạn là Đà la ni, tiếng vô ngã, Niết bàn. Ấn là gắn chặc, in Hoa là Năng trì. Đối với tất cả pháp vào không thể xoá được về những lành có khả năng giữ gìn và không giáo lý Phật nói. Nếu không có ba để mất mát. Còn đọc là Tổng trì pháp ấn này tức là ma nói. Giống nghĩa là giữ điều lành không mất, như giấy tờ của triều đình, quan lại giữ cho điều ác không sanh. có đóng dấu mới đáng tin cậy, nên Một, Văn trì đà la ni. gọi là ba pháp ấn. Người được Đà la ni này, đối Một, Vô thường ấn. với tất cả ngôn ngữ các pháp, tai đã Sống, chết ở đời và tất cả các nghe được, đều không quên mất. pháp đều là vô thường. Chúng sanh Đó gọi là văn trì đà la ni. không hiểu rõ, đối với các pháp vô Hai, Phân biệt Đà la ni. thường mà chấp chặc cho là Người được Đà la ni này, đối thường. Vì vậy Phật nói vô thường với tất cả chúng sanh và tất cả các để phá bỏ sự điên đảo của những kẻ pháp phân biệt không sai lầm. Đó chấp thường. Đó là vô thường ấn. gọi là phân biệt đà la ni.

Ba, Nhập âm thanh Đà la ni. Phật nương đại nguyện lực, cứu Người được Đà la ni này, nghe giúp chúng sanh, giống như mẹ yêu tất cả những tiếng nói xấu xa, chưởi thương con đỏ. Đó là ân đức. mắng của tất cả chúng sanh, tâm Hai, Đoạn đức. không ghen ghét, giận hờn; nghe tất Cũng gọi là giải thoát. Phật dứt cả âm thanh hay ho và khen ngợi trừ hoàn toàn tất cả phiền não mê của tất cả chúng sanh, tâm không lầm. Đó là đoạn đức. giao động. Đó gọi là nhập âm thanh Ba, Trí đức. Đà la ni. Phật dùng trí huệ bình đẳng, hiểu rõ tất cả các pháp, viên dung TAM VÔ NGẠI không chướng ngại. Đó là trí đức. (Đại bảo tích kinh) TAM ĐỨC Một, Tổng trì vô ngại. (Kim quang minh kinh Bồ tát được đại tổng trì, đối với vô số pháp lành gìn giữ không mất, huyền nghĩa) đối với vô số ác pháp, giữ gìn Pháp thân, Bát nhã, giải thoát, không cho sanh, nên đối với tất cả đó là ba. ngữ ngôn các pháp, phân biệt hiểu Thường, lạc, ngã, tịnh đó là rõ, đều không quên mất, không hề đức. (Thường là không thay đổi. trở ngại. Đó là tổng trì vô ngại. Lạc là an ổn, vắng lặng. Ngã là tự Hai, Biện tài vô ngại. tại vô ngại. Tịnh là xa lìa nhiễm ô. Bồ tát được đại biện tài, đối với Đây là bốn đức của Phật) các pháp đại, Tiểu thừa, tuỳ theo Một, Pháp thân đức. căn cơ chúng sanh, biện luận vô Pháp là nguyên tắc (quỹ pháp). ngại tuyên dương chánh pháp, làm Chư Phật noi theo nguyên tắc này cho mọi người hiểu rõ, đều không mà được thành quả Phật. Vì vậy nghi ngờ, trở ngại. Đó là biện tài vô gọi là pháp thân. Với pháp thân ngại. này, ở Phật không tăng, ở chúng Ba, Đạo pháp vô ngại. sanh không giảm. Chúng sanh lầm Bồ tát được trí huệ lớn, đối với lạc điều đó mà thành điên đão. Phật đại, Tiểu thừa và tất cả đạo pháp, liễu ngộ điều đó mà được tự tại. đến ngữ ngôn, văn tự ở thế gian, Mê, ngộ tuy khác, tánh thể chỉ một, đều thông hiểu, rõ ràng không trở đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh. Đó ngại. Đó là đạo pháp vô ngại. gọi là pháp thân đức. Hai, Bát nhã đức. TAM ĐỨC Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng (Hoa nghiêm kinh sớ) Hoa là Trí tuệ. Phật đã rốt ráo chứng được trí thỉ giác, mà còn có Một,

Ân đức. thể giác ngộ hoàn toàn các pháp, không sanh không diệt, thanh tịnh

vô tướng, bình đẳng không hai, thông đạt hoàn toàn, tức là thành trí không tăng không giảm, đầy đủ huệ. Vì vậy gọi là xoay phiền não thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là Bát trở lại thì thành đức Bát nhã. nhã đức. Ba, Phiên kết nghiệp thành giải Ba, Giải thoát đức. thoát đức. Không trói buộc gọi là giải. Giải thoát là tự tại. Đối với các Được tự tại gọi là thoát. Phật vĩnh nghiệp do thân, khẩu tạo ra, nếu viễn xa lìa sự ràng buộc của hoặc hay quán sát tánh nó vốn không, thì nghiệp, được đại tự tại, đầy đủ không còn tướng trói buộc. Đối với thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là tất cả pháp đều được tự tại thì liền giải thoát đức. được giải thoát. Vì vậy gọi là xoay nghiệp lực trở lại thành đức giải PHIÊN TAM NHIỄM THÀNH thoát. TAM ĐỨC TAM GIẢI THOÁT (Hoa nghiêm MÔN kinh Tuỳ sớ diễn nghĩa sao). (Pháp giới thứ đệ) Phiên là lật trở lại, xoay trở lại. Ba thứ nhiễm ô là khổ, hoặc, Giải thoát là tự tại, môn là nghiệp vì chúng hay làm ô nhiễm thông thương. Từ ba giải thoát môn bản tính, không sạch sẽ. Ba đức là này thì có thể thông suốt đến Niết pháp thân, Bát nhã, giải thoát, đều bàn, nên gọi là ba cửa giải thoát. đầy đủ các đức thường, lạc, ngã, Một, Không giải thoát môn. tịnh. (Thường là không thay đổi; Quán tất cả pháp đều do nhân Lạc là xa lìa khổ sanh, tử; Ngã là tự duyên hoà hợp sanh ra, vốn không tại; Tịnh là phiền não không còn). có tự tánh, không có ta và những Một, Phiên khổ thân thành thứ của ta. Nếu hiểu thấu như thế pháp thân đức. thì được tự tại đối với các pháp, Đối với thân sống, chết vô nên gọi là không giải thoát môn. thường, nếu hay quán sát năm uẩn (Ngã là đối với ngũ ấm ở trong, vốn không, không sanh không diệt, chúng sanh cưỡng cho rằng đấy là thì liền thành pháp thân. Vì vậy gọi chủ tể. Ngã sở là chúng sanh lầm là xoay khổ đau trở lại thì thành chấp cho thân ngũ ấm này, con cái pháp thân. mình sanh ra và của cải đều là của Hai, Phiên phiền não thành Bát mình). nhã đức. Hai, Vô tướng giải thoát môn. Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng Đã biết tất cả các pháp là không Hoa là trí tuệ. Những mê lầm do ý và quan sát tướng mạo khác nhau căn phát khởi lên, nếu hay quán sát của nam hay nữ, thật sự, không thể thể của nó vốn không, tánh của nó có được. Nếu thấu hiểu các pháp vô không thật, đối với tất cả pháp đều

tướng như thế, thì được tự tại, nên LUẬT HỮU TAM DANH gọi là cửa vô tướng giải thoát. (Đại tạng nhất lãm Ba, Vô tác giải thoát môn. Vô tác còn gọi là vô nguyện. và Hoa nghiêm kinh sớ) Đã biết tất cả pháp vô tướng, thì Một, Tỳ ni. không có mong cầu đối với ba cõi. Tiếng Phạn là Tỳ ni, tiếng Hoa Nếu không mong cầu thì không tạo là Thiện trị, nghĩa là có thể trị được nghiệp sanh tử. Nếu không có các thứ tham, sân, si, còn gọi là nghiệp sanh tử thì không có quả điều phục, nghĩa là có thể uốn nắn báo khổ đau, được tự tại, nên gọi là ba nghiệp, ngăn ngừa sai trái. vô tác giải thoát môn. Hai, Thi la. Tiếng Phạn là Thi la, tiếng Hoa TAM VÔ VI là Chỉ đắc, nghĩa là có thể ngăn ác, (Câu Xá luận). được thiện, còn có tên là giới, có nghĩa là ngăn ngừa, vì có thể ngăn Vô vi là lý chơn không vắng chặn các nghiệp bất thiện của thân, lặng, vốn không tạo tác, nên gọi là khẩu, ý. vô vi. Ba, Ba la đề mộc xoa. Một, Hư không vô vi. Tiếng Phạn là ba la đề mộc xoa, Hư không tức là vô ngại, nghĩa tiếng Hoa là giải thoát, vì có thể xa là lý chơn không, không bị chướng lìa sự trói buộc của hoặc nghiệp và ngại bởi hoặc nhiễm. Vì vậy gọi là được tự tại. hư không vô vi. Hai, Trạch diệt vô vi. TAM LUẬN Trạch là chọn

lựa. Diệt là vắng (Mỗi thứ trích ra từ một lặng. Bậc Thinh văn dùng trí chọn lựa, xa lìa sự trói buộc của kiến bộ luận) hoặc và tư hoặc, tức là chứng được Một, Bách luận. lý chơn không vắng lặng. Đó gọi là Pháp sư Tăng triệu nói: Phật trạch diệt vô vi. nhập diệt hơn 800 năm sau, ngoại Ba, Phi trạch diệt vô vi. đạo rối rắm, dị đoan đua nhau nổi Sau khi chứng quả của Thinh lên, tà thuyết lấn át lẽ phải, sợ làm văn, các hoặc (phiền não) không loạn chánh đạo, Bồ tát Đề bà bèn khởi lên trở lại, tự nhiên khế hợp làm luận này, để bảo vệ chánh đạo, với lý chơn không vắng lặng, ngăn cản tà đạo. Thật là một người không cần phải chọn lựa nữa. Vì tài giỏi, thông minh bậc nhất của vậy goi là phi trạch diệt vô vi. tông phái. Luận có 100 bài kệ, nên gọi là bách luận. (Tiếng Phạn là Đề bà, tiếng Hoa là Thiên, đệ tử của Ngài Long Thọ)

Hai, Trung luận. TAM HỌC Tức là quán luận. Pháp sư Tăng (Phiên dịch danh nghĩa). duệ nói: Luận có 500 bài kệ, Bồ tát Long Thọ tạo ra, lấy trung để đặt Phật lập ra giáo pháp. Pháp ấy tên. Xem xét nội dung của nó, chỉ có ba: Giới luật, thiền định, trí huệ; có luận nầy là xứng đáng. nhưng không giới thì không lấy gì Nói đến cùng thì thật thể chẳng để sanh định; không có định thì đặt tên không hiểu được, vì thế ký không lấy gì sanh huệ. ba pháp này thác vào Trung để giải bày. Lời nói tương quan mật thiết với nhau, chẳng giảng giải thì không tường không thể thiếu một, và đều đáng tận, nên mượn luận làm sáng tỏ học cả ba. thực thể. Bởi vì người tu hành, Học như trang sức. Vật dụng trong tâm cố kết sự lầm lạc, hoặc không trang sức thì nhìn không sanh ra thấy điên đão, hoặc chấp đẹp. Người không học thì không chặc sự hiểu biết một bên, nên làm lấy gì để thành đạo đức của bậc ra luận này để phán xét, sử dụng lý thánh. Vì vậy nương vào đây mà tu, trung đạo, khiến cho cắt đứt được ắt chứng được thánh quả. tướng hai bên (thường, đoạn) và Một, Giới học. nghĩa chẳng hai (bất nhị) của chơn, Giới là ngăn cấm, là ngăn ngừa tục. Vì vậy gọi là trung đạo. ác nghiệp do thân, khẩu, ý gây ra, Ba, Thập nhị môn luận. nên gọi là giới học. Do Bồ tát Long Thọ tạo. Nói là Hai, Định học. 12 là đề cập đến số nhiều. Môn là Định là thiền định, là ngăn chặn khai thông, không để cho ngưng sự tán loạn, là lắng trong tinh thần trệ. Luận là muốn đến tận cùng để thấy tính ngộ đạo, nên gọi là nguồn gốc, tận cùng lý thể của nó. định học. Vì vậy bắt đầu là quán nhân duyên Ba, Huệ học. môn, đến cuối là quán môn. Tổng Huệ là trí huệ, có khả năng dứt cộng có 12, phần rõ ràng của nó là trừ phiền não, hiển lộ bản tánh, nên phần giữa, thì hữu và vô đều thông gọi là huệ học. suốt, sự đến cùng tận, lý có đầy đủ, nên gọi là thập nhị môn luận. (12 TAM QUY Y cửa là: 1) Nhân duyên môn, 2) Hữu (Pháp giới thứ đệ). vô quả môn, 3) Duyên môn, 4) Tướng môn, 5) Hữu vô tướng môn, Phật mới thành chánh giác, vì 6) Dị môn, 7) Hữu vô môn, 8) Tánh ông trưởng giả Vi đề mở đàn tràng môn, 9) Nhân quả môn, 10) Tác thọ giới tam quy, bỏ tà về chánh, là môn, 11) Tam thời môn, 12) Sanh con đường căn bổn vào đạo, là môn). nguyên nhân cho người tu Tam thừa. Tu nhân chứng quả, đều từ con đường này. Hoa nghiêm kinh

sớ nói: Điềm tốt lành của Tam bảo, vào bạn xuất gia chân chánh, để ấy là duyên lành tối thắng. Người được ra khỏi ba đường dữ và ba cõi đã quy y thì có thể làm thành việc sống, chết. Kinh nói: Người quy y lớn, sanh các căn lành, xa lìa khổ tăng thì vĩnh viễn không còn trở lại sanh tử, được Niết bàn an vui. Đó nương tựa với ngoại đạo. gọi là tam

quy. (Tam thừa: Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát) TAM TAM MUỘI Một, Quy y Phật. (Pháp giới thứ đệ). Tiếng Phạn là Phật đà, tiếng Hoa là Giác giả (người giác ngộ) Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng gồm có tự giác (tự mình giác ngộ) Hoa là Chánh định, cũng gọi là và giác tha (giác ngộ cho người), Chánh tâm hành xứ. Nghĩa là tâm nên gọi là Phật. của chúng sanh, từ vô thỉ đến nay, Quy có nghĩa là trở về. Bỏ tà trở thường không ngay thẳng. Nếu về chánh. Y là nương tựa. Nương chứng được Tam muội này thì tâm, tựa vào Phật thì ra khỏi ba đường hành ngay thẳng, nên gọi là Tam dữ và chết, sống trong ba cõi. Kinh muội. nói: Trở về nương tựa với Phật thì Một, Hữu giác hữu quán Tam trọn không trở lại nương tựa với muội. thiên thần ngoại đạo. (Tam đồ: đao Tâm bắt đầu vào thiền gọi là đồ, huyết đồ, hoả đồ). giác. Tâm tinh tế phân biệt được Hai, Quy y Pháp. thiền vị gọi là quán. Dùng tâm Pháp có nghĩa là nguyên tắc. tương ưng: không, vô tướng, vô tác Tất cả giáo lý Phật đã nói đều là vào sơ thiền, thì tất cả giác và quán nguyên tắc cho chúng sanh noi theo đều được chánh trực, nên gọi là tu hành, nên nói là Pháp. Quy là bỏ hữu giác, hữu quán Tam muội tà pháp trở về tu theo chánh pháp. (không, vô tướng, vô tác là ba cửa Y là nương theo những lời Phật dạy giải thoát). tu tập thì ra khỏi ba đường dữ và ba Hai, Vô giác hữu quán Tam cõi sống, chết. Kinh nói: Trở về muội. nương tựa với chánh pháp, vĩnh Dùng tâm tương ưng không, vô viễn xa lìa sự giết hại. tướng, vô tác, lúc tâm vào nhị Ba, Quy y Tăng. thiền, tâm giác tri đã mất, nhưng Tăng, Tiếng Phạn là Tăng già, niệm phân biệt thiền vị vẫn còn, tất tiếng Hoa là Hoà hợp chúng. cả định quán đều chánh trức, nên Những người xuất gia, tâm của họ gọi là vô giác hữu quán Tam muội. hoà hợp những điều Phật nói về sự Ba, Vô giác vô quán Tam muội. và lý của các pháp, nên gọi là Tăng. Dùng tâm tương ưng không, vô Quy là bỏ bạn bè ngoại đạo tà tướng, vô tác, lúc vào nhị thiền cho hạnh, đem lòng trở về làm bạn Tam đến diệt thọ tưởng định, thì tâm thừa chánh hạnh. Y là nương tựa giác tri, niệm phân biệt thiền vị đều

mất hoàn toàn, nên gọi là vô giác Ba, Ly nhị biên phân biệt chỉ. vô quán Tam muội. Không phân biệt các tướng sanh tử, Niết bàn, hữu, vô. Đó là ly TAM TAM MUỘI nhị biên phân biệt chỉ. (Thành thật luận). VI TAM SỰ CỐ TU XA Một, Phần tu Tam muội. MA THA Định, huệ hai phần, tuỳ mình (Niết bàn chọn tu một phần.
Hoặc tu định không tu huệ, hoặc tu huệ không tu kinh) định. Đó gọi là phần tu Tam muội. Tiếng Phạn là Xa ma tha, tiếng (Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Hoa là chỉ tức là thiền định. Hoa là điều trực định, cũng gọi là Một, Bất phóng dật. chánh định, chánh thọ). Tu thiền định thì có thể ngăn Hai, Cộng tu Tam muội. ngừa được tán loạn, điều phục được Tu định và tu huệ, hay ngược tâm ác và pháp bất thiện, nên tâm lại. Đó gọi là cộng tu Tam muội. không buông lung. Ba, Thánh chánh Tam muội. Hai, Trang nghiêm đại trí. Từ sơ quả tu đà hoàn trở đi, Tu thiền định thì xa lìa được thánh vị tu được gọi là thánh các tán loạn, thì được trí huệ vắng chánh. Nghĩa là dùng tâm tu định, lặng của bản tánh, tự nhiên chiếu nhân đó mà huệ phá tan phiền não, sáng, trong ngoài thấu suốt, đối với dùng tâm tu huệ, nhân đó mà định Phật pháp không gì không thấu phá tan phiền não, đến một lúc hiểu. Đó là trí huệ, chẳng có thiền định, huệ đầy đủ, nên gọi là thánh định thì không thể có được. Đó là chánh Tam muội. trang nghiêm đại trí. Ba, Đắc tự tại. TAM CHỈ Tu thiền định có thể diệt trừ (Chỉ quán) phiền não,

tán loạn, tức là thân tâm được tịch tĩnh, an ổn, khoái lạc và Một, Thể chơn chỉ. không còn quái ngại. Đó là đắc tự Thể nhận được sự sai lầm của tại. vô minh, điên đão, tức là tính chơn thật của thật tướng. Đó gọi là thể GIÁC QUÁN TAM CHỦNG chơn chỉ. PHÁT TƯỚNG Hai, Phương tiện tuỳ duyên chỉ. (Thích thiền ba Phương tiện giống như thiện xảo (khéo léo). Tuỳ duyên tuỳ la mật thứ đệ pháp môn). cảnh, giữ tâm an định, không động. Tâm vừa móng lên khi gặp Đó gọi là phương tiện tuỳ duyên duyên gọi là giác. Tâm vi tế phân chỉ. biệt gọi là quán.

Một, Minh lợi tâm trung giác Lúc đang tu định, đối với nam, quán phát tướng. đối với nữ đắm đuối hình dáng đẹp Người tu thiền định, không có đẽ, tâm tham dục phát sanh, niệm căn lành ở kiếp trước, kiếp này tu niệm không ngừng, làm chướng định, pháp lành không phát khởi, ngại thiền định. Đó là ngoại tham mà chỉ nhận thấy toàn phan duyên dục tướng. (dính mắc ngoại cảnh), tâm niệm Hai, Nội ngoại tham dục tướng. lăng xăng ba độc hoặc tham, hoặc Lúc đang tu định, tâm ham sân, hoặc si. Cứ như thế năm này muốn bỗng sanh ra, hoặc duyên qua năm khác mà không được định thân tướng người khác, hoặc duyên tâm. Đó là minh lợi tâm trung giác chính thân tướng của mình, niệm quán phát tướng. niệm tham đắm và khởi lên tham Hai, Bản minh bán hôn giác ái, làm trở ngại thiền định. Đó gọi quán phát tướng. là nội ngoại tham dục tướng. Người tu thiền, vào lúc nhiếp Ba, Thiên nhất thiết xứ tham niệm, tuy biết rõ phiền não niệm dục tướng. niệm không dừng, chỉ tuỳ theo Người tu hành tham nhiễm duyên, lúc sáng suốt, lúc tối tăm. cảnh nội, ngoại như trên đã nói, lại Sáng suốt thì nhận thấy phan duyên đối năm trần và của cải vật chất và nỗi lên tư tưởng (suy nghĩ, v.v... lại nỗi lên tâm tham ái, làm tưởng tượng). Tối tăm thì mắt chằm chướng ngại thiền định. Đó gọi là chằm nhìn một cách vô lý, không thiên nhất thiết xứ tham dục tướng. biết gì hết. Đó là bán minh bán hôn giác quán phát tướng. SÂN KHUỂ TAM CHỦNG Ba, Nhất hướng trầm hôn giác PHÁT TƯỚNG quán phát tướng. (Thích thiền ba Người tu thiền, lúc tu thiền la mật thứ đệ pháp môn). định, tâm, tuy hướng vào tối tăm mà dường như đang ngủ. Tuy ở Một, Phi lý sân tướng. trong mờ tối, nhưng lúc nào cũng Người lúc đang tu thiền định, phan Duyên giác quán không nóng nảy bỗng nhiên nỗi lên, ngừng. Đó gọi là trầm hôn giác không cần cứu xét, hỏi đúng, hay quán phát tướng. không đúng lý, người ấy sai hay không sai, không có lý do mà nỗi THAM DỤC TAM CHỦNG giận, làm trở ngại thiền định. Đó là PHÁT TƯỚNG phi lý sân tướng. Hai, Thuận lý sân tướng. (Thích thiền ba Lúc người tu thiền định, có la mật thứ đệ pháp môn). người ngoài đến quấy rối ta, vì điều Một, Ngoại tham dục tướng. này mà sanh sân hận liên tục không dứt, cũng giống như người giữ giới,

thấy điều phi pháp, sanh tâm giận ngại chánh định. Đó là kế hữu vô si giữ, Giận ấy tuy đúng lý, cũng làm tướng. chướng ngại thiền định. Đó là Ba, Kế thế tánh si tướng. thuận lý sân tướng. Lúc người tu định, bỗng nảy ra Ba, Tranh luận sân tướng. ý nghĩ như vầy: Vì có ngũ ấm mới Lúc người tu thiền định, chấp có tứ đại cùng với chúng sanh giả điều ta biết là đúng, những điều danh và các thế giới. Chỉ suy nghĩ người khác làm và nói là sai, không như thế, niệm niệm không ngừng, hợp với ý mình liền sanh tâm phiền rồi phát sanh biện luận thuần lý, não và sân hận, trở ngại thiền định. nào hỏi nào nói; phải, trái tranh Đó là tranh luận sân tướng. luận nhau, đưa đến xa lìa đạo chân thật,

chỉ còn chấp chặc tính hay NGU SI TAM CHỦNG tính toán của thế gian, mà không PHÁT TƯỚNG thể phát sanh thiền định. Đó là kế (Thích thiền ba thế tánh si tướng. la mật thứ đệ pháp môn) TAM CHỦNG BỆNH Một, Kế đoạn, thường si kiến. TƯỚNG Lúc người tu định, bỗng nhiên (Thích thiền ba la phát sanh suy nghĩ tà, phân biệt ngã và các pháp: Quá khứ thì không mật thứ đệ pháp môn) còn, nhưng hiện tại có ta chăng? Người tu thiền, phải giỏi biết về Hoặc quá khứ thì còn, nhưng hiện nguyên nhân gây ra bệnh. Nếu tại có ta chăng? Do suy nghĩ này không biết thì khó chữa trị được tìm tòi trong ba đời. Nếu cho là tướng các khổ đau, vì vậy việc tu không liền rơi vào đoạn kiến. Nếu hành bị tổn thương. Nên biết rõ cho là còn, liền rơi vào thường tướng của bệnh do tứ đại, ngũ tạng, kiến. Những hiểu biết ngu si như năm căn phát sanh, để khéo trị liệu thế, niệm niệm không dừng. Bằng thì thân tâm được an ổn, không bỏ hiểu biết này để biện luận, cải cọ mất đạo nghiệp. không thôi gây bao việc ác, ngăn Một, Tứ đại tăng động bệnh trở pháp chánh định xuất thế. Đó là tướng. kế đoạn, thường si tướng. Tứ đại là đất, nước, gió, lửa. Hai, Kế hữu, vô si tướng. một đại không điều hoà thì bao Lúc người tu định, bỗng dưng nhiêu tai hoạ cùng nỗi lên. suy nghĩ phân biệt ngã và các ấm là Vì địa đại tăng lên, bụng trướng chắc có chăng, là chắc không có lên, ăn uống không tiêu, bao nhiêu chăng? Cứ tìm tòi như thế, tâm liền bệnh hoạn phát sinh. phát sinh kiến giải, rồi tuỳ kiến giải Vì hoả đại tăng lên, lạnh, nóng sanh ra chấp trước, làm chướng quá sức, gân cốt đều đau nhức, bao nhiêu bệnh hoạn phát sinh.

Vì phong đại tăng lên, cảm thấy TU ĐỊNH TAM trống rỗng, lơ lững, óc ách, thổ tả CHƯỚNG liên tục, bao nhiêu bệnh hoạn sanh (Thích thiền ba la ra. Đó là tứ đại tăng động bệnh tướng. mật thứ đệ pháp môn) Hai, Ngũ tạng sanh hoạn chi Một, Trầm hôn ám tệ chướng. tướng. Lúc người tu định bị hôn trầm Ngũ tạng là tim, gan, phổi, lá mờ mịt, không phân biệt được cái lách, thận. gì. Do đó thiền định bị chướng Nếu bệnh hoạn từ tim sanh thì ngại, không phát triển được, gọi là thân ắt lạnh, nóng, miệng khô, vì trầm hôn ám tệ chướng. tim chủ của miệng. Hai, Ác niệm tư duy chướng. Người bị bệnh từ phổi, thân thể Lúc người tu định, tuy không phình lên, tứ chi đau nhức, lỗ mũi hôn trầm, nhưng ác niệm bỗng nỗi lạnh, vì phổi chủ mũi. lên, muốn phá giới, làm những việc Người bị bệnh từ gan, hay lo ác. Do đó làm chướng ngại thiền buồn, giận dữ, đầu nhức, mắt đau, định, không thể phát triển. Đó là ác vì gan chủ mắt. niệm tư duy chướng. Người bị bệnh từ lá lách có cảm Ba, Cảnh giới bức bách giác ngứa ngáy, ăn, uống lạt miệng, chướng. vì lá lách chủ lưỡi. Lúc người tu định, tuy không Người bị bệnh từ thận, cuống hôn trầm, ác niệm như trên, nhưng họng bị nghẽn, bụng bự, tai ù, vì thân hoặc đau nhức, tức giận nỗi thận chủ tai. Đó là ngũ tạng sanh lên, hoặc thấy thân mình bị vùi vào hoạn chi tướng. trong đất, lửa đến đốt thân, hoặc từ Ba, Ngũ căn trung hoạn tướng. trên sườn núi cao rơi xuống, cọp dữ năm căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, rượt đuổi, cho đến tướng ác của la thân. Thân bệnh thì tứ chi đau đớn, sát hiện ra, bức bách làm tức giận trăm đốt xương nhức nhối. người tu thiền, khiến cho sợ hãi, Lưỡi bệnh, hoặc trên lưỡi mọc gây trở ngại cho thiền định. Đó gọi nhọt, hoặc lưỡi cứng, ăn, uống nhạt là cảnh giới bức bách chướng. nhẽo. Mũi bệnh, mũi nghẹt, hoặc TAM HUỆ chảy nước mũi. (Thành thật luận) Tai bệnh, hoặc nhức, hoặc điếc, hoặc lùng bùng

trong tai. Một, Văn huệ. Mắt bệnh, hoặc đỏ, hoặc đau, Do lắng nghe mà sanh trí huệ. hoặc hiện hoa đóm. Đó là ngũ căn Hoặc nghe từ kinh, luận, hoặc nghe trung hoạn tướng. từ thiện tri thức. Nhờ nghe như vậy mà sanh được trí huệ vô lậu của bậc thánh.

Hai, Tư huệ thể xa rời thế gian. Đó gọi là thế Hoặc là tư duy về kinh, luận, gian trí. hay nghe thiện tri thức nói về nghĩa Hai, Xuất thế gian trí. lý của giáo pháp, đều có thể sanh Là trí của Thinh văn, Duyên trí huệ vô lậu của bậc thánh. giác. Thinh văn, Duyên giác dùng Ba, Tu huệ. nhất thiết trí để tu tập Tứ đế, nên có Do tu tập mà sanh trí huệ. Đã thể xa lìa thế gian. Đó gọi là xuất nghe giáo pháp, đã tư duy nghĩa lý, thế gian trí. (Nhất thiết trí là trí thì có thể tuỳ thuận tu tập. Do việc thông suốt tất cả các pháp). tu tập này, có thể sanh trí huệ vô b, Xuất thế gian thượng thượng lậu của bậc thánh. trí. Là trí của Phật và Bồ tát. Do TAM TRÍ Phật và Bồ tát quán sát tướng vắng (Quán âm huyền nghĩa) lặng của các pháp không sanh, không diệt, chứng quả Như lai, Một, Nhất thiết trí. vượt qua trí Thinh văn, Duyên giác. Đối với Phật pháp hiểu biết, Đó gọi là xuất thế gian thượng giảng giải và đối với ngoại điển thượng trí. cũng hiểu biết và giảng giải rõ ràng. Đó là nhất thiết trí, là trí của TAM GIÁC Thinh văn và Duyên giác. (Viên giác kinh và Khởi Hai, Đạo chủng trí. Có khả năng dùng tất cả giáo tín luận). pháp của Phật, làm cho thiện căn Một, Bổn giác. của chúng sanh khởi phát. Đó là Tất cả chúng sanh có tự tánh đạo chủng trí, tức là trí của Bồ tát. tâm thể vắng lặng, xưa nay đã giác Ba, Nhất thiết chủng trí. ngộ hoàn toàn, xa lìa vọng niệm, Dùng chủng trí, biết tất cả đạo nên gọi là bổn giác. pháp của Phật và biết nguyên nhân Hai, Thỉ giác. của tất cả chúng sanh. Đó gọi là Thể của bổn giác, bổng khởi lên nhất thiết chủng trí, tức là trí của vọng niệm mà thành bất giác. Bây Phật. giờ giác ngộ hoàn toàn các pháp, tức là bình đẳng bất nhị của chân TAM TRÍ như, nên gọi là thỉ giác. (Lăng già kinh) Ba, Cứu cánh giác. Cứu cánh cuối cùng hoàn toàn Một, Thế gian trí. không thay đổi. Biết rõ nguồn gốc Là trí của phàm phu, ngoại đạo. làm tâm ô nhiễm, cuối cùng dứt Phàm phu và ngoại đạo đối với tất sạch các ô nhiễm đó và không thay cả pháp sanh ra vô số phân biệt, đổi nữa, giống như bổn giác, nên chấp trước có, không, nên không gọi là cứu cánh giác.

TAM TÁNH TAM PHẬT TÁNH (Lăng nghiêm kinh) (Hoa nghiêm khổng Một, Thiện tánh. mục). Tất cả pháp lành do thức thứ Chơn tánh bình đẳng, giống sáu khởi lên. Pháp lành có thế gian, như hư không, đối với phàm, thánh xuất thế gian không giống nhau. đều không trở ngại, nên gọi là Phật Pháp lành thế gian: tức là ngũ tánh. thường, thập giới. Pháp lành xuất Một, Tự tánh trụ Phật tánh. thế gian, tứ hoằng thệ nguyện, lục Lý chân như thì tự tánh thường độ. Những pháp lành này đều do ý trụ, không hề thay đổi. Tức là Phật căn duyên mà có, nên gọi là thiện tánh của tất cả chúng sanh vốn có. tánh (ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, Đó gọi là tự tánh trụ Phật tánh. trí, tín. Thập giới, tức là thập thiện: Hai, Dẫn xuất Phật tánh. không sát, không trộm, không tà Tất cả chúng sanh Phật tánh tuy dâm, không vọng ngữ, không lưỡng đầy đủ, vẫn phải nhờ sức tu tập thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ, thiền định, trí huệ, mới có thể dẫn không tham dục, không sân hận, đến sự phát huy tánh Phật vốn có. không tà kiến, tứ hoằng thệ Đó gọi là dẫn xuất Phật tánh. nguyện: chúng sanh vô biên thệ Ba, Chí đắc quả Phật tánh. nguyện độ, phiền não vô tân thệ Nhân tu đã đầy đủ, thì Phật tánh nguyện đoạn, pháp môn vô thượng vốn có, đã đến lúc chứng được quả thệ nguyện học,

Phật đạo vô vị một cách hiển nhiên. Đó gọi là thượng thệ nguyện thành). chí đắc quả Phật tánh. Hai, Ác tánh. Tất cả ác pháp do thức thứ sáu TAM NHÂN PHẬT nỗi lên như ngũ nghịch, thập ác đều TÁNH các duyên của ý căn, nên gọi là ác (Kim quang minh tánh. (ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hoà hợp kinh huyền nghĩa). tăng, làm Phật chảy máu- thập ác là Tiếng Phạn là Phật đà, tiếng trái với thập thiện trên). Hoa là Giác. Giác tức là ba trí viên Ba, Vô ký tánh. minh, bao trùm mọi nơi, không nơi Thức thứ sáu có đầy đủ tánh nào là không chiếu rọi tới, không gì không thiện, không ác, cũng không là không hiểu rõ, gọi là tánh đại thuộc thiện, cũng không thuộc ác. viên giác, tức là không đổi thay. Vì Không có ký ức, đều do các duyên tánh đại giác không tăng không của ý căn, nên gọi là vô ký tánh. giảm, chẳng đổi chẳng dời; tất cả chúng sanh đều có đầy đủ ba nhân Phật tánh này.

Nhân này nếu hiển lộ thì thành có tự tánh, chỉ là hư vọng, nên gọi kết quả nhiệm mầu của ba đức. (ba là y tha tự tánh. trí là nhất thiết trí, đạo chủng trí, Ba, Viên thành tánh. nhất thiết chủng trí- ba đức là pháp Đó là chân như tự tánh không thân, Bát nhã, giải thoát đức). thay đổi, thành tựu viên mãn, nên Một, Chánh nhân Phật tánh. gọi là viên thành tự tánh. Chánh là trung chánh. Trung thì song chiếu ba đế đầy đủ, gọi là TAM VÔ TÁNH chánh nhân Phật tánh. (Trung (Thành duy thức luận) chánh là xa lìa hai bên tà kiến. Song chiếu là soi xét không và giả. Một, Tướng vô tánh. Không là buông bỏ tất cả tướng, Tất cả chúng sanh, đối với các tức là chân đế. Giả là lập nên tất cả tướng ở thế gian, nhất mực so đo pháp, tức là tục đế. Phi không phi chấp trước cho là thật có. Phật giả, tức là trung đế; nên gọi là ba đế muốn từ bỏ vọng chấp này, mới nói đầy đủ. tất cả pháp đều không có tự tánh, Hai, Liễu nhân Phật tánh. nên gọi là tướng vô tánh. Liễu là soi xét. Do chánh nhân, Hai, Sanh vô tánh. phát khởi trí soi xét này. Trí và lý Tất cả pháp đều nhờ nhân tương ưng (khế hợp) nên gọi là liễu duyên hoà hợp mà sanh, vốn không nhân Phật tánh. tự tánh, nên gọi là sanh vô tánh. Ba, Duyên nhân Phật tánh. Ba, Thắng nghĩa vô tánh. Duyên là giúp đỡ. Tất cả công Trước đề cập tướng vô tánh, đức và căn lành đều do sự giúp đỡ sanh vô tánh là vì phá sự chấp của liễu nhân mới khai mở, phát trước sai lầm của chúng sanh, nên triển được tánh của chánh nhân, dả nói là vô tánh, nhưng chẳng phải nên gọi là duyên nhân Phật tánh. tánh hoàn toàn là không. Vì vậy Phật nói thắng nghĩa vô tánh, đó TAM TỰ TÁNH chính là tánh chân như xa lìa tánh (Hiển dương thánh giáo so đo chấp trước lầm lạc, nên gọi là thắng nghĩa vô tánh. luận) Một, Biến kế tự tánh. TAM TÂM Chúng sanh mê lầm, không (Tông cảnh lục) hiểu các pháp vốn không. Đối với thân mình và các pháp đều tính Một, Căn bản tâm. toán, so đo hơn kém mà chấp cho là Đó là thức thứ tám tâm vương thật có, nên gọi là biến kế tự tánh. có khả năng chứa đựng tất cả chúng Hai, Y tha tự tánh. tử thiện, ác và làm sanh ra các pháp Các pháp có được đều do nhiều nhiễm, tịnh; nên gọi là căn bản tâm. duyên khế hợp mà có, đều không (Thức thứ tám tức là tàng thức).

Hai, Y bản tâm. chúng sanh, tuỳ loại ứng hiện cho Đó là thức thứ bảy, dựa vào căn phù hợp, tức là hóa thân. bản tâm mà sanh ra, có khả năng cùng thức thứ tám trao đổi các việc TAM CHỦNG DUYÊN nhiễm, tịnh; nên gọi là y bản tâm. TỪ (Thức thứ bảy là mạt na thức). (Phật địa luận). Ba, Khởi sự tâm. Đó là sáu thức mắt, tai, mũi, Duyên là trói buộc, từ là lòng lưỡi, thân và ý đối với sáu trần thương. Bởi vì Bồ tát thường dùng

cảnh: sắc, tiếng, hương, vị, xúc, tâm đại từ, luôn nhớ đến tất cả pháp, có khả năng khởi lên phân chúng sanh, khiến cho chúng được biệt các việc nhiễm, tịnh; nên gọi là an lạc, nên gọi là duyên từ. khởi sự tâm. Một, Hữu tình duyên từ. Cũng còn gọi là chúng sanh CHUYỂN TAM TÂM ĐẮC duyên từ. Bồ tát dùng trí bình đẳng, TAM THÂN. quán sát tất cả chúng sanh, giống (Tông cảnh lục) như con đỏ, vận dụng tâm đại từ mà cứu độ, khiến cho chúng được Một, Chuyển căn bản tâm đắc an lạc. Đó gọi là hữu tình duyên từ. pháp thân. Hai, Pháp duyên từ. Căn bản tâm là thức thứ tám. Bồ tát dùng trí bình đẳng, quán Tất cả các pháp lành, dữ từ đó sanh sát tất cả pháp, đều từ nhân duyên ra, nên gọi là căn bản tâm. Lúc thức hoà hợp mà sanh ra, hoàn toàn này chuyển hoá thì tất cả phiền não không có tự tánh. Tuy không tự dứt trừ hết, tức là chứng pháp thân. tánh, nhưng có thể vận dụng tâm Hai, Chuyển y bản tâm đắc báo đại từ rộng độ chúng sanh, khiến thân. cho tất cả đều được an lạc. Đó gọi Y bản tâm là thức thứ bảy, vì là pháp duyên từ. nó nương nơi căn bản tâm mà sanh Ba, Vô duyên từ. ra, nên gọi là y bản tâm. Khi thức Bồ tát dùng trí bình đẳng liên này chuyển hoá thì tất cả trí huệ hệ một cách vô tâm với tất cả đều đầy đủ, tức là chứng được báo chúng sanh và đối với tất cả chúng thân. sanh tự nhiên được lợi ích. Vận Ba, Chuyển khởi sự tâm đắc dụng tâm từ bi này bao trùm khắp hóa thân. pháp giới, cho nên có khả năng dứt Khởi sự tâm là thức thứ sáu, đối trừ khổ đau, tự nhiên đem đến an với cảnh của sáu trần có khả năng vui. Đó gọi là vô duyên từ. nổi lên phân biệt các việc, nên gọi là khởi sự tâm. Khi thức này chuyển hoá thì thương xót tất cả

TAM CHỦNG Ý SANH một thân hay vô số thân, như nhìn THÂN thấy bóng trong gương. Tuỳ theo các loài khác nhau mà sanh ra đầy (Lăng già kinh). đủ thân hình. Tuy hiện ra vô số Ở thông giáo khi lên quả vị Bồ thân hình mà chưa từng dụng công. tát, chứng được như ảo Tam muội, Đó gọi là chủng loại câu sanh vô có thể thấy vô lượng tự tại bằng hành tác ý sanh thân. thần thông, có thể đi vào tất cả cõi Phật tuỳ ý không trở ngại. Ý muốn NHƯ Ý THÔNG HỮU đến đó thì thân đến đó. Nên gọi là ý TAM CHỦNG sanh thân. (Đại trí độ luận) Một, Tam muội lạc chánh thọ ý sanh thân. Bồ tát trí huệ đầy đủ, biến hóa Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng khó lường, muốn làm bất cứ việc Hoa là Trực định hay Chánh thọ, vì gì, móng niệm thành ngay, không Tam muội lấy định tánh làm vui, gì trở ngại, nên gọi là như ý thông. khác với sự lãnh thọ khổ, vui thông Một, Năng đáo như ý. thường, nên gọi là chánh thọ. Khi Với thần thông này, tuy sông nói Tam muội lạc chánh thọ là gọp dài biển lớn, núi rừng trùng điệp, chung cả tiếng Phạn và tiếng Hoa. cách xa ngàn vạn dặm, không ngại Bồ tát của thông giáo ở địa thứ ba, cách trở, ý muốn đến nơi là thân bốn, năm lúc tu Tam muội được cái đến ngay; nên gọi là năng đáo như vui chân không vắng lặng, đi vào ý. tất cả cõi Phật, tuỳ ý không trở Hai, Chuyển biến như ý. ngại, nên gọi là Tam muội lạc Với thần thông này, các vật loại chánh thọ ý sanh thân. trong thế gian, lớn biến thành nhỏ, Hai, Giác pháp tự tánh ý sanh nhỏ biến thành lớn, một biến thành thân. nhiều, nhiều biến thành một; nên Thông giáo, Bồ tát ở địa thứ gọi là chuyển biến như ý. tám hiểu rõ tự tánh của tất cả các Ba, Thánh như ý. pháp, như ảo như hoá, hoàn toàn Với thần thông này, ứng hiện không thực có, dùng vô lượng thần vô cùng và biến hóa không lường. lực, đi vào khắp tất cả cõi Phật, Tuy là không sanh, diệt, nhưng có nhanh chóng như ý, tự tại vô ngại. cơ

cảm thì sanh, không cơ cảm thì Đó gọi là giác pháp tự tánh ý sanh diệt; tuy không tới, lui, nhưng có thân. cảm thì hiện, không cảm thì im, tự Ba, Chủng loại câu sanh vô tại như ý, không thể nghĩ bàn; nên hành tác ý sanh thân. gọi là thánh như ý. Thông giáo, Bồ tát ở địa thứ tám, thứ chín hiểu biết tất cả pháp đều là Phật pháp, cùng lúc hiện ra

TAM THÔNG LỰC sanh lúc nào chết, lúc nào sanh ra và các việc làm lành, dữ của thân, (Hoa nghiêm kinh sớ). miệng, ý; hoặc sanh vào đường ác Một, Báo đắc thông lực. hay đường lành, đều có thể thấy Các trời trong ba cõi đều có hết. Đó gọi là thiên nhãn minh. năm thứ thần thông, cho đến các Ba, Lậu tận minh. thần linh nhỏ cũng có chút ít thần Chúng sanh vì kiến hoặc và tư thông. Tuy có hơn, kém không hoặc trong ba cõi, rơi vào đường giống nhau, đều có thể biến hiện sống, chết, nên gọi là lậu. Chỉ có không trở ngại. Thần thông này đều các vị La hán dứt hết kiến, tư hoặc do quả báo đắc thông lực. nên chứng được thần thông; gọi là Hai, Tu đắc thông lực. lậu tận thông. Lại còn biết, sau khi Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát, dứt hết nhị hoặc, không còn chịu lúc thành tựu do tu giới, định, huệ sống, chết nữa. Đó gọi là lậu tận thì có được sáu thứ thần thông, biến minh. hóa tự tại; ẩn, hiện khó lường. Những thần thông này do tu mà TAM THỨC được. Đó gọi là tu đắc thần lực. (Lăng già kinh). Ba, Biến hóa thần thông lực. Phật, Bồ tát dùng sức thần Thức là tâm thức. Vì tâm có thông nên có thể biến hóa vô số, chân có vọng, nên có ba thức cho đến có thể hiện thân tướng không giống nhau. hoặc đẹp, hoặc xấu; hiện ra các cõi Một, Chân thức. nước hoặc sạch hoặc nhơ. Đó gọi là Là tâm thanh tịnh tự tánh: Do biến hóa thông lực. thức thứ tám vừa vọng vừa chân. Vọng thì nhiễm, chân thì tịnh. Chỉ TAM MINH đề cập đến phần tịnh, nên gọi là chân thức. (Tạp A hàm kinh). Hai, Hiện thức. Một, Túc mạng minh. Hiện là biến hiện, gốc sanh ra Biết được những việc ở đời các pháp. Đây là nói đến thức thứ trước, gọi là túc mạng thông. Lại tám, chứa đựng tất cả chủng tử biết đời trước từ một đời đến trăm thiện, ác và biến hiện ra căn thân và ngàn vạn đời, nào là họ, là tên, là thế giới, nên gọi là hiện thức. (Căn khổ đau, là vui sướng bao nhiêu thân là nhãn, tỷ, thiệt, nhĩ, thân, ý việc đều có thể biết được hết. Đó căn). gọi là túc mạng minh. Ba, Phân biệt thức. Hai, Thiên nhãn minh. Đối với sáu trần, vô vàn cảnh Thấy được chết đời này sanh ra tượng mà khởi lên phân biệt. Đây đời sau, nên gọi là thiên nhãn là nói thức thứ bảy mạt na truyền thông. Lại còn thấy mình và chúng đạt thức thứ sáu làm cho phát khởi

phân biệt, nên gọi là phân biệt thức. Hai, Đệ thất thức duyên cảnh (Tiếng Phạn là mạt na, tiếng Hoa là tối hiệp. ý: hay phân biệt, so đo). Thức này không có thể và tướng riêng, chỉ nương vào thức TAM THỨC thứ tám làm nhân và khởi ra, lại (Phiên dịch danh nghĩa) duyên kiến phần của thức thứ tám làm tướng phần. Đó gọi là duyên Một, Mạt na thức. cảnh tối hiệp (hẹp), kiến phần là Tiếng Phạn là Mạt na, tiếng năng kiến (thấy), tướng phần là Hoa là Ý nhiễm ô. Nhiễm ô là vì có tướng trạng bị phân biệt (bị thấy). đầy đủ bốn hoặc (mê lầm): ngã si, Ba, Đệ lục thức duyên cảnh ngã kiến, ngã mạn, ngã ái- Ý là quảng. thường suy tư, lo lắng về thức thứ Thức này có thể duyên cảnh tám và so đo chấp làm ngã, tức là của ba tánh thiện, ác và vô ký và có thức thứ bảy. thể phân biệt được sắc, tâm và tất Hai, A lại da thức. cả pháp trần. Đó gọi là duyên cảnh Tiếng Phạn là A lại da, tiếng rộng rãi. (Vô ký là không thiện, Hoa là Tàng thức. Thức này có khả không ác không có gì để ghi nhớ). năng chứa đựng chủng tử các pháp thiện, ác,

tức là thức thứ tám. TAM CHỦNG HUÂN Ba, Yêm ma la thức. TẬP Tiếng Phạn là yêm ma la, tiếng (Hoa nghiêm khổng Hoa là Thanh tịnh thức. Phiên dịch danh nghĩa nói: Thức thứ tám A lại mục) da, nếu các hoặc hoàn toàn dứt hết Huân là xông, ướp-tập tành thì bỏ tên A lại da và được gọi là nhiều lần thành thói quen. Thức thứ thanh tịnh, tức là thức thứ chín. tám huân tập là vô minh nhiễm ô, tức là từ chân khởi lên vọng. TAM THỨC DUYÊN CẢNH Một, Danh ngôn huân tập. QUẢNG HIỆP Danh là tên và chữ (danh từ và (Tông cảnh lục chữ viết). Ngôn là nói năng (ngôn thuyết). Đây là thức phân biệt danh và Du già sư địa luận) tự và ngôn thuyết. Đó là thức thứ Một, Đệ bát thức duyên cảnh sáu: ý thức. Do thức thứ bảy truyền tối quảng. đạt những huân tập của thức thứ Đây là căn bản thức, nhiễm, tám, nên có được tướng phần tịnh đều có và có khả năng biến nhiễm ô. Vì vậy gọi là danh ngôn hiện chủng tử, căn thân, thế giới. huân tập. Đó gọi là duyên cảnh tối quảng Hai, Sắc thức huân tập. (rộng lớn nhất). Sắc là đối tượng của mắt. Vì có sắc này mới sanh ra nhãn thức, gọi

là sắc thức. Từ sự phân biệt này, (sáu thô là: trí tướng, tương tục tức là ý thức thứ sáu, đều do sự tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự truyền đạt của thức thứ bày và sự tướng, khởi nghiệp tướng, nghiệp huân tập chủng tử của thức thứ tám hệ khổ tướng). mà thành được tướng phần nhiễm Một, Nghiệp tướng. ô, Vì vậy gọi là sắc thức huân tập. Từ chân khởi lên vọng, tướng Ba, Phiền não huân tập. vừa mới động, nhưng bản giác Phiền não là tham, sân v.v... nguồn tâm xa lìa vọng niệm, vắng Những phiền não này do thức thứ lặng hoàn toàn. Vì cớ vô minh mà sáu khởi lên, cũng do thức thứ bảy giác thành bất giác, bèn thành truyền đạt những chủng tử huân tập nghiệp tướng. Luận khởi tín nói: vì của thức thứ tám mà thành được nương vào bất giác nên tâm động, tướng phần ô nhiễm. Vì vậy gọi là gọi đó là nghiệp. phiền não huân tập. Hai, Kiến tướng. Vừa thấy tướng tâm động còn TAM CHỦNG TƯỚNG gọi là chuyển tướng. Nương vào (Thành thật luận) nghiệp thức vừa mới động, chuyển thành tướng năng kiến. Một, Phát tướng. Ba, Cảnh giới tướng. Phát là thúc dục. Lúc tâm hôn Cảnh giới phân biệt chuyển trầm, nên thực hành tinh tấn để tướng vừa mới động, cũng gọi là thúc dục, phát động nó. Vì vậy gọi hiện tướng. Do chuyển tướng ở trên là phát tướng. mà cảnh giới hiện bày sai lầm Hai, Chế tướng. (vọng hiện) Chế là cấm ngăn. Lúc tâm trạo cữ (xao động), nên dùng phương TAM ĐẠI pháp tịch tĩnh (giữ tâm vắng lặng) (Khởi tín luận sớ) để ngăn ngừa nó. Vì vậy gọi là chế tướng. Một, Thể đại. Ba, Xả tướng. Lý chân như, thể tánh bình Xả là vứt bỏ. Lúc tâm không đẳng, chứa đựng được tất cả, nên hôn trầm, không tán loạn mà điều gọi là thể đại. (Thể tánh bình đẳng hoà vừa phải thì bỏ hai tướng (chế, là các pháp phàm, thánh, nhiễm, phát) đã nêu trên. Vì vậy gọi là xã tịnh đều nương vào thể của chân tướng. như, tính chất của nó không có thấp, cao) TAM TẾ TƯỚNG Hai, Tướng đại. (Khởi tín luận) Tướng là đức tướng. Thể của chân như đầy đủ công đức nhiệm Tam tế là căn bản vô minh, do màu. Tất cả công đức đều khế hợp đối với sáu thô, nên gọi là tam tế.

với thể tánh mà hiển lộ, nên gọi là sai khác, nhờ cú mà nói rõ lên tướng đại. được). Ba, Dụng đại. Ba, Văn thân. Thể của chân như có khả năng Văn là văn tự. Dựa vào hai cách sanh tất cả nhân lành, quả lành của để làm danh cú. Luận Duy thức thế gian và xuất thế gian, nên gọi là nói: văn là chữ nương tựa vào dụng đại (Thế gian là trời, người,

nhau. Kinh Lăng già nói: danh là tự xuất thế gian là Thinh văn, Duyên thân, nghĩa là tướng của tiếng có giác, Bồ tát). dài, ngắn, âm vận có cao, thấp. Đó là văn thân. TAM CHỦNG THÂN TAM BẤT KHẢ TẬN (Đại thừa ngũ uẩn luận) (Bảo tích kinh)
Thân nghĩa là tụ tập. Du già sư địa luận nói: Phật, Bồ tát là người Một, Kinh pháp bất khả tận. nói- Ngôn ngữ là tướng nói. Danh Kinh pháp do Phật nói, tuỳ căn cú văn thân là nội dung của tướng cơ của chúng sanh không giống âm thanh. Danh, cú, văn, hòa hợp nhau, hoặc rộng hoặc đơn giản. thì có thể nói rõ thể tánh của giáo Tuy một âm diễn nói, mà mười lý. phương đều khắp nghe. Nên nói Một, Danh thân. kinh pháp bất khả tận. Danh là danh tự (tên gọi). Kinh Hai, Văn tự chi nghĩa bất khả Lăng già nói: danh thân là dựa vào tận. sự việc mà đặt tên. một danh chẳng Ý nghĩa mầu nhiệm giáo pháp thành thân, nhiều danh họp lại thì của Phật nói, ngang trùm mười danh mới thành thân. Lại duy thức phương, dọc mốt ba thời, lớn luận nói: Danh là nói lên tự tánh, không gì lớn hơn, nhỏ không gì nhỏ đó là danh thân. (Danh nói lên tự hơn. Do đó những kẻ căn nhỏ trí tánh, nghĩa là tự tánh của các pháp, cạn, không thể nào nhìn thấu được nhờ danh mà hiển bày ra được). nghĩa áo diệu của giáo pháp. Vì vậy Hai, Cú thân. nói văn tự chi nghĩa bất khả tận. Cú là cú đậu. Đậu là dừng lại. Ba, Sở tuyên huấn hối bất khả Luận Đại trí độ nói: Ngữ pháp của tận. tiếng Thiên trúc thì nhiều lời hoà Những giáo pháp do Phật nói, hợp thành câu. Ví dụ: một chữ bồ, răn dạy chúng sanh, hoặc nói Đại một chữ đề, không họp lại thì thừa, hoặc nói Tiểu thừa, tuỳ loại không thành lời (ngữ). Nếu hai chữ trình bày, vô số giáo hoá, lợi ích vô hoà hợp thì gọi là Bồ đề. Lại nữa, lượng. Vì vậy gọi là sở tuyên huấn luận Duy thức nói: Cú nói lên sự hối bất khả tận. sai khác là cú thân. (Cú nói lên sự sai khác là vì tướng của các pháp

THIÊN THAI TAM không có không nào, không có QUÁN trung nào mà không giả. Dùng tam quán có thể lập nên các pháp vậy. (Kim quang minh Bởi vì không lập pháp chân đế, giả kinh huyền nghĩa). lập pháp tục đế, trung lập pháp Do Trí giả đại sư của tông trung đế, ba pháp đều lập tức diệu Thiên thai lập ra. Quán là chiếu soi. giả. Đó gọi là giả quán. Chiếu soi thấu suốt một niệm của Ba, Trung quán. tâm, tức đầy đủ pháp của ba đế. Trung là trung chánh, cắt đứt Nếu quán tâm không, thì tất cả hai bên đối đãi. Quán một niệm của không tức là chân đế. Nếu quán sát tâm, chẳng phải không, chẳng phải tâm giả thì tất cả pháp đều giả (vay giả, mà là tức không, tức giả. Gọi mượn, không thật), tức là tục đế. đó là trung. Do quán sát trong một Nếu quán sát tâm trung thì tất cả niệm, nếu một trung thì tất cả các pháp đều trung, tức là trung đế. trung, không có không nào, không ba quán sát này đều do tánh phát có giả nào mà không trung. Dùng khởi, chẳng phải do tu mà được. Vì tam quán đúng chỗ thì có thể dứt vậy đối với tâm có ba tác dụng gọi trừ đối đãi. Khi nói không thì là nhất tâm tam quán. không một pháp nào ở ngoài Một, Không quán. không, khi nói giả, không một Không là lìa tánh lìa tướng. pháp nào ở ngoài giả, khi nói trung, Quán sát một niệm của tâm không không một pháp nào ở ngoài trung. trong, không ngoài, không giữa, gọi ba pháp đều dứt bặc đối đãi, tức là đó là không. Do quán sát niệm viên trung. Đó gọi là trung quán. không, nên một không tất cả không. Không giả, không trung mà không TAM CHỦNG TAM không. Vì dùng tam quán nên diệt QUÁN trừ được các tướng. Bởi vì không (Tông cảnh lục). thì đã sạch chơn tướng kiến, tư. Giả thì diệt sạch tướng trần sa. Trung Là

dùng quán để quán sát tâm, thì trừ hết tướng vô minh. không cần theo thứ tự, nên có ba (ba tướng đều diệt sạch thì rốt thứ không giống nhau. ráo không. Đó gọi là không quán. Một, Biệt tướng tam quán. (Kiến tư, trần sa, vô minh là ba Là quán riêng từng đế trong hoặc). tam đế. Nếu từ giả vào không thì Hai, Giả quán. chỉ quán được chân mà không quán Giả là không một pháp nào được tục, lẽ nào quán được trung không đầy đủ. Quát sát một niệm đạo. Nếu từ không vào giả thì chỉ của tâm. Có đầy đủ tất cả các pháp, quán được tục, chưa quán được gọi đó là giả. Do quán sát một niệm trung đạo. Nếu vào trung đạo chánh giả, nên một giả thì tất cả giả, quán thì quán chiếu được cả hai đế.

Đó gọi là biệt tướng tam quán. (Từ PHÁP GIỚI TAM QUÁN giả vào không là quán sát giả hợp (Hoa nghiêm pháp của sanh, tử vào chân không Niết bàn- Quán chân, quán tục, quán giới quán). trung đạo, chân là lý chân không, tức là chân đế- Tục là các pháp Là của Tôn giả Đế Tâm dựa dương như có, dường như theo kinh Hoa nghiêm lập ra. không,..., tức là tục đế- Trung đạo Pháp giới là cảnh bị quán. Tam tức là trung đế). quán là tam năng quán. ba thứ quán Hai, Thông tướng tam quán. này, tuy từ dưới lên trên, dần dần Tức là trong một quán mà hiểu sâu rộng. Song người tu tập chỉ có rõ hoàn toàn ba đế. Nếu từ giả vào một con đường duy nhất đi đến không, không những biết được tục, cùng, từ từ chuyển biến đến hoàn giả là không, mà trung đạo chân đế toàn mầu nhiệm. cũng thông với không. Nếu từ Một, Chơn không quán. không vào giả, không những biết Không phải là nghĩ nhớ sai lầm tục, giả là giả, mà chân đế trung giả dối gọi là chân. Không phải là đạo cũng thông với giả. Nếu vào sắc tướng có hình thức trở ngại gọi trung đạo chánh quán, không là không, giảm bớt vọng tình để những biết trung đạo là trung, mà hiển lộ chân tánh, khiến cho thấy tục, giả, chân không cũng thông với sắc chẳng phải là sắc thật, mọi hình trung. Chỉ dùng tên một quán mà thể đều là chân không. Thấy không hiểu rõ tâm một cách thông suốt. mà không phải không trơ. Mọi hình Đó gọi là thông tướng tam quán. thể đều là chân tánh. Như thế thì có Ba, Nhất tâm tam quán. thể diệt sạch tình trần mà sắc và Trong một niệm của tâm mà có không vô ngại. Sự hiểu biết không đầy đủ ba quán và ba đế. còn mà tâm và cảnh đều dung Quán sát một niệm của tâm từ thông. Vì vậy gọi là chân không đâu đến rồi đi về đâu, hoàn toàn quán. không có, tựa như hư không, gọi là Hai, Lý sự vô ngại quán. không quán. Tâm năng quán và Tánh vắng lặng, thể sáng suốt cảnh sở quán rõ ràng phân minh, gọi là lý hình tướng phân chia, giới gọi là giả quán. Tuy phân minh rõ hạn gọi là sự. Vì vậy quán sát lý ràng, nhưng tánh vốn là không, rộng lớn chứa gọn trong một hạt không mà không hẳn không, giả mà bụi và hiểu rõ một hạt bụi thì thông không hẳn giả, gọi là trung quán, suốt cả pháp giới. Đó là tướng hư tức là ba mà là một, một mà là ba. không bao hàm cả vạn tượng, tánh Đó gọi là nhất tâm tam quán. sáng suốt là toàn thể chân như. Lý và sự giao thoa, dung hoà không hề trở ngại. Vì vậy gọi là lý sự vô ngại quán.

Ba, Chu biến hàm dung quán. muốn cầu viên giác, dùng giác tâm Không nơi nào ở ngoài là chu thanh tịnh hiểu biết rõ được tâm biến (bao trùm). Không một pháp tánh cùng căn và trần đều do ảo hoá nào không thu lấy là hàm dung mà có, bèn khởi ảo tu để trừ các ảo. (chứa đựng). Vì vậy quán sát lý của Đó là phương tiện tuỳ duyên chỉ, mọi

việc, tuỳ từng việc đều có thể giống như giả quán. Kinh nói: chỗ thấy được, quán sát sự việc của mọi đến của viên mãn nhiệm mầu giống lý, tuỳ ý mà có thể dung thông. Đó như đất nuôi lớn lúa mạ. Đây là là một, nhiều không ngại, lớn, nhỏ phương tiện, gọi là Tam ma bát đề. chứa nhau, dung nhiếp lẫn nhau, (Phương tiện tuỳ duyên chỉ là cảnh trùng trùng vô tận, ẩn, hiện tự tại, trải qua trần cảnh mà tâm an không thần thông khó lường. Đó đúng là động). vào cảnh Hoa nghiêm vô tận pháp Ba, Thiền na. giới. Vì vậy gọi là chu biến hàm Tiếng Phạn là Thiền na, tiếng dung quán. Hoa là Tịnh lự. Tịnh là định, lự là huệ. Người muốn cầu viên giác VIÊN GIÁC TAM QUÁN dùng tâm thanh tịnh, giác ngộ để (Viên giác kinh lược không vướng vào ảo hoá và các tướng vắng lặng, thì lại tuỳ theo sớ) cảnh giới tịch diệt, tức là không kẹt Một, Xa ma tha. vào hai bên, giống như trung quán. Tiếng Phạn là Xa ma tha, tiếng Vì vậy kinh nói: tự, tha, thân, tâm Hoa là Chỉ. Chỉ tức là ngừng lại là chỗ không thể đến được, chúng hoàn toàn. Người muốn cầu Viên sanh, thọ mạng đều là ý tưởng phù giác, dùng tâm giác ngộ thanh tịnh phiếm. Đây là phương tiện gọi là để tu hành thì đối với cảnh nhiễm, thiền na. tịnh, tâm không vướng vào sai lầm. Đó là thể chân chỉ, nghĩa như NAM SƠN TAM QUÁN không quán. Kinh nói: Do tịch tĩnh, (Chỉ quán phụ hành). tâm của chư Phật mười phương thế giới hiển hiện ở trong đó, như bóng Là do Tuyên luật sư Chung trong gương. Phương tiện này gọi nam sơn lập ra. là xa ma tha. (Thể chân chỉ là thể Một, Tánh không quán. đã hết sạch sai lầm của vô minh Tánh tức là tánh phận (Tự tính điên đão, tức là thật tướng của chân khác biệt của các pháp- giới cũng như). gọi là tánh phận). Thinh văn, Hai, Tam ma bát đề. Duyên giác, quán các pháp do nhân Tiếng Phạn là Tam ma bát đề, duyên sanh, tánh nó vốn không, tiếng Hoa là Đẳng trì. Đẳng là xa đều không có ngã. Thường dùng lý lìa hôn trầm, trạo cử. Trì là tâm này soi xét tâm mình, nên gọi là chuyên chú vào một cảnh. Người tánh không quán. (Nhân duyên là

sáu căn làm nhân- sáu trần làm về phương pháp tu hành của các duyên- Các tâm pháp do căn và kinh, gọi là ước hành quán. Vì vậy trần giao nhau mà sanh ra). có ba loại không giống nhau. Hai, Tướng không quán. Một, Thác sự quán pháp (pháp Tướng là tướng trạng (bề quán nương vào sự). ngoài). Các vị Bồ tát của hai giáo Nương vào các việc ở Vương tạng và thông, quán sát các pháp do Xá, núi Kỳ xà quật để lập phép nhân duyên sanh, tướng của nó vốn quán, gọi là nương sự mà lập, không. Chỉ có chúng sanh chấp và mượn sự lập thành phép quán, để thấy sai lầm vô vàn tướng sai biệt khai thông tính chấp. Vì vậy gọi là của các pháp ấy. Thường dùng lý thác sự quán. (Vương xá đẳng sự là này soi xét quán sát tự tâm, nên gọi biểu trưng đối tượng của pháp là tướng không quán. quán. Vương thay thế tâm vương- Ba, Duy thức quán. Xá tượng trưng ngũ ấm- xá là quán Thức là tâm thức. hai giáo biệt, sát ngũ ấm. Tiếng Phạn là Kỳ xà viên thuộc Đại thừa Bồ tát đều hiểu quật, tiếng Hoa là Linh thứu. Nếu tất cả pháp trần bên ngoài tự tánh biểu trưng thì Linh là tâm vương. thanh tịnh, xưa nay vốn không thật. Thứu là thọ, tưởng, hành- Sơn là Lý này sâu xa, mầu nhiệm. Chỉ có sắc ấm, cũng chỉ cho quán ngũ ấm). ý thức mới tri nhận được, nên gọi là Hai, Phụ pháp quán pháp. duy thức quán. Nương vào các pháp Tứ đế, tâm hướng vào đó để mà quán, niệm, TAM CHỦNG QUÁN nên gọi là phụ pháp quán. PHÁP Ba, Ước hành quán pháp. (Chỉ quán nghĩa lệ). Chuyên tâm vào phương pháp hành trì mà tu quán, niệm, nên Chỉ Là pháp mà

người tu xử dụng. quán nghĩa lệ nói: Đối với vạn cảnh Trước là dựa vào sự giúp cho pháp, mà quán tâm, vạn cảnh tuy khác có hai thứ. Lúc giảng kinh Pháp nhau, nhưng lý nhiệm màu chỉ có hoa Trí giả đại sư, tông Thiên thai, một, nên gọi là ước hành quán. vì biết chúng trong pháp hội có người tu quán, tuỳ theo từng việc TÌ BÀ XÁ NA TAM đều dùng quán pháp đối chiếu, HÀNH khiến cho họ biết cách tu tập, gọi là (Thâm mật giải thác sự quán (quán sát dựa vào sự việc), hoặc xử lý tất cả pháp tướng thoát kinh). khi gặp phải, hay nương tựa vào đó Tiếng Phạn là Tì bà xá na, tiếng lập thành pháp quán cho họ tu tập, Hoa là quán. Nghĩa là dùng trí huệ gọi là phụ pháp quán. Sau đó vắng lặng quán các pháp căn trong, chuyên vê phương pháp tu tập. Lại trần ngoài làm cho thành tựu Tam nói về Ma ha chỉ quán và giảng rõ

muội, tiến thẳng đến Bồ đề, cho Tu thiền quán hiểu rõ sanh, tử nên có ba cách thực hành. do lỗi lầm mà có, không bị căn, Một, Tướng. trần quấy nhiễu, nên tất cả phiền Tức là quán cảnh. Lúc tu quán, não đều có thể phá hết. ở trong tâm quán này, phân biệt hiểu rõ tướng của cảnh giới Tam TAM ĐẾ muội như nước trong gương sáng (Pháp hoa huyền nghĩa). soi rõ tất cả ảnh tượng. Hai, Tu hành. Đế là phán xét kỹ lưỡng. Phán Đã hiểu rõ tướng pháp quán thì xét một cách kỹ lưỡng tất cả pháp khéo tu tập tất cả hạnh lành, không là không, là giả, là trung. để cho sai lạc. Là không tức là chân đế. Là giả Ba, Quán. tức tục đế. Là trung tức trung đế. ba Quán là quán sát. Lúc tu quán, đế này không lẫn lộn nên theo đúng ở trong mọi quán pháp, khéo quán thứ tự. sát tất cả pháp tướng, nhưng không ba và một không chướng ngại, chứng giải thoát tịch tĩnh của Tiểu tức là tam đế viên dung. (Cách lịch thừa mà hướng thẳng đến vô là ba đế không lộn xộn, mà theo thượng Bồ đề. thứ tự: chân, tục, trung. Đây là tam đế của biệt giáo-Viên dung là nêu VI TAM SỰ CỐ TU TÌ lên một thì đủ cả ba, cả ba thì có đủ BÀ XÁ NA trong một. Đây là tam để của Viên giáo). (Niết Một, Chân đế. bàn kinh).
Chân tức là chân không, ý nói Tiếng Phạn là Tỳ bà xá na, là tất cả pháp đã hoàn toàn diệt hết. tiếng Hoa là quán, tức là Trí huệ. Bởi vì các pháp vốn không, chúng Một, Quán sanh tử ác báo. sanh không hiểu, chấp là thật có Tu thiền quán thì có thể phá trừ nên thấy sai lầm. Nếu dùng không u mê ám chướng, quán sát rõ ràng quán diệt hết thì chấp trước không tướng sanh diệt do nhân duyên mà còn. Chấp không còn thì có thể xa có, nên các quả báo thiện, ác đều lìa các tướng. Nếu đã xa lìa các thấu rõ, không khởi lên hoặc tướng thì lý chân không tự nhiên nghiệp. hiển bày, nên gọi là chân đế. Hai, Tăng trưởng thiện căn. Hai, Tục đế. Tu thiền quán có thể diệt trừ ác Tục là thế tục. Đó là cách lập nghiệp ám chướng tham, sân, si, trí thành tất cả pháp. Các pháp, tuy huệ của bổn tánh tự nhiên sáng tỏ, vốn không, nhưng đối với chúng nên tất cả căn lành đều tăng trưởng. sanh, không thể hiểu được. Nếu Ba, Phá chư phiền não. dùng giả quán quán sát thì có thể hiểu rõ đầy đủ tính chất của các

pháp một cách rõ ràng, nên gọi là thế giới, cho đến các pháp lành, dữ, tục đế. đều từ tâm này sanh ra. Đó gọi là Ba, Trung đế. tâm đế. Trung là trung chánh. Ý nói tất cả pháp quan hệ với nhau. Các TAM GIẢ pháp xưa nay không xa lìa hai bên, (Chỉ quán phụ hành) không phải là hai bên, nên dùng trung quán quán sát thì có thể hiểu Một, Nhân thành giả. rõ các pháp, chẳng phải chân, Tất cả các pháp, ắt phải có nhân chẳng phải tục, là chân, là tục, hòa hợp mới được. Như tất cả thanh tịnh thấu suốt, viên dung vô

chúng sanh do cha mẹ sanh thành ngại. Là một mà là ba, là ba mà là mà có thân này. Đó gọi là nhân một, không thể nghĩ bàn, nên gọi là thành. hiểu rõ thân thể hư ảo, trung đế. không thật. Đó gọi là giả. Tất các pháp cũng đều như thế. Vì vậy gọi TAM ĐẾ là nhân thành giả. (Nhân vương hộ quốc Bát Hai, Tương tục giả. Chúng sanh đều biết niệm niệm nhã kinh sớ). nối nhau không ngừng. niệm trước Đế là phán xét đúng đắn. Quán vừa diệt, niệm sau liền sanh ra. Đó sát các pháp thế gian và xuất thế gọi là tương tục. Hiểu rõ được sự gian không ra ngoài không, sắc và tương tục này vốn không thật thể. tâm. Kinh nói: Ta dùng tam đế thu Đó gọi là giả. tất cả các pháp tương nhiếp tất cả pháp. tục không ngừng cũng giống như Một, Không đế. thế. Vì vậy gọi là tương tục giả. Không có nghĩa là hư ảo. Thẩm Ba, Tương đãi giả. xét thật kỹ tất cả chúng sanh và các Đãi là đối đãi. Tất cả các pháp pháp trong thế giới, tánh, tướng có tên do đối đãi mà có, như đối vốn không, hư giả không thật, nên với dài và ngắn, đối với ngắn là dài, gọi là không đế. đối với vô là hữu, đối với hữu là Hai, Sắc đế. vô. Đó gọi là tương đãi. Hiểu rõ tất Sắc có nghĩa là vật chất trở cả các pháp đối đãi này, vốn không ngại. Thẩm xét sắc thân của chúng có thật thể, đều là giả danh. Đó gọi sanh ở thế gian và vô vàn hình là giả. Lại như trong thân của tướng của sông, núi, đại địa, cho chúng sanh lấy sống đối lại với đến tất cả cảnh giới do ý thức chết, lấy trẻ đối lại với già, cũng duyên, đều là sắc pháp. Đó gọi là giống như thế. Vì vậy gọi là tương sắc đế. đãi giả. Ba, Tâm đế. Tâm là thức thứ tám tâm vương căn thân của chúng sanh, hư không,

TAM KHÔNG thực hành đúng theo nghi thức, trần tình hết tội lỗi, cần cầu sám hối. Đó (Kim cang kinh san định gọi là tác pháp sám. ký) Hai, Thủ tướng sám. Một, Ngã không. Chú tâm và giữ đúng nghi thức Đối với pháp ngũ uẩn, gượng trong thời gian làm lễ ở trong đạo lập chủ tể, gọi là chấp ngã. Nếu tìm tràng. Hoặc thấy Phật sờ đầu, hoặc kiếm năm pháp sắc, thọ, tưởng, thấy hào quang, hoặc thấy hoa bay, hành, thức hoàn toàn không có tự hoặc mộng thấy điềm tốt, hoặc tánh, không có cái ngã. Đó gọi là nghe tiếng trong không trung. Đối ngã không. với các tướng chỉ được một thì tội Hai, Pháp không. liền tiêu diệt. Đó là thủ tướng sám. Đối với pháp ngũ uẩn suy tính Ba, Vô sanh sám. cho là thật có, gọi là chấp pháp. Tất cả tội ác đều từ một niệm Nếu tìm kiếm pháp ngũ uẩn thì như không liễu ngộ do tâm sanh ra. Nếu ảo, như hoá, đều từ duyên sanh, liễu ngộ được tâm tánh vốn không; không có tự tánh. Đó là pháp tội, phước không có tướng; thì tất không. cả pháp đều vắng lặng; thì tội từ Ba, Câu không. đâu sanh ra. Đó là vô sanh sám. Hai chấp ngã và pháp đã không có tự tánh. Giờ đến chấp không TAM HỐI PHÁP cũng trừ bỏ. Chấp ngã và chấp (Thiên thai tứ giáo pháp đều không còn, mới khế hợp nghi tập chú). với bổn tánh. Đó gọi là câu không. Một, Sám hối. TAM SÁM Sám là tu bổ cái sắp tới. Hối là (Thiên thai tứ giáo nghi sửa đổi cái đã qua. Tu bổ quả lành tập chú). sắp tới, sửa đổi nhân ác đã qua. Đó gọi là sám hối. Sám là tiếng Phạn, gọi đủ là Hai, Khuyến thỉnh. Sám ma; tiếng Hoa là Hối quá (sửa Có hai.1) Trong mười phương đổi lỗi lầm), nghĩa là sửa đổi những thế giới có Phật sắp vào Niết bàn lỗi lầm đã xảy ra. Sự sám có hai. thì kính xin Ngài ở lại cõi đời để Lý sám có một. Lý sám là chính, sự làm lợi ích cho chúng sanh. 2) sám là phụ. Nếu hợp cả lý và sự Trong mười phương thế giới có cùng thực hiện thì bất cứ tội nào Phật vừa thành chánh giác thì kính cũng tiêu trừ và không phước nào xin Ngài chuyển pháp luân, để độ mà không

sanh. cho chúng sanh. Tuy không gặp Một, Tác pháp sám. Phật, nhưng chí thành cung thỉnh Đó là thân lễ bái, miệng đọc cũng đạt được sở nguyện. Đó gọi là tụng, ý suy nghĩ. ba nghiệp cùng khuyến thỉnh.

Ba, Hồi hướng. hai phương tiện ở trước là tự ba nghiệp đã tu tất cả pháp hành và hoá tha hợp lại gọi là tự tha lành, cho đến vô vàn công đức sám phương tiện. hối và khuyến thỉnh hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong pháp giới THẮNG TAM TU cùng chứng được quả Bồ đề. Đó (Niết bàn kinh). gọi là hồi hướng. Bồ tát nương giáo pháp thù TAM PHƯƠNG TIỆN thắng của Phật mà tu tập, vượt qua sự tu tập kém cỏi của Thinh văn, (Tịnh danh kinh sớ). nên gọi là ba pháp tu vượt trội Sớ nói: Phương là trí thông suốt (thắng). phương pháp. Tiện là khả năng sử Một, Thường tu. dụng một cách khéo léo các Thường không thay đổi. Vì Bồ phương pháp, tuỳ cơ làm lợi ích tát rõ biết thể của pháp thân xưa mọi loài; nên gọi là phương tiện. nay thường trụ, không sanh không Một, Tự hành phương tiện. diệt để phá vỡ Thinh văn đối với Là lý tánh không thể nghĩ bàn các pháp chấp là vô thường. Đó gọi của nhị đế mà Phật và bốn mươi là thường tu. mốt vị đã chứng được ở trong tâm. Hai, Lạc tu. Đó gọi là tự hành phương tiện. (41 Lạc là an ổn, vắng lặng. Vì Bồ vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi tát rõ biết, ở trong các pháp, mà có hướng, Thập địa Bồ tát và đẳng an vui, Niết bàn, vắng lặng, để phá giác Bồ tát. Nhị đế là chân đế là vỡ Thinh văn đối với các pháp chấp không còn một pháp nào hết, tục đế là khổ. Đó gọi là lạc tu. (Tiếng là lập nên tất cả pháp). Phạn là Niết bàn, tiếng Hoa là Diệt Hai, Hoá tha phương tiện. độ). Bốn giáo là tạng, thông, biệt, Ba, Ngã tu. viên đều có phương pháp hướng Ngã là tự tại, vô ngại. Vì Bồ tát dẫn chúng sanh và các vị Bồ tát rõ biết trong pháp vô ngã nhưng có giác ngộ một điều không hề đoạn chân ngã nên được tự tại lớn, trừ phiền não; vô lượng pháp môn không còn chướng ngại, để phá vỡ giáo hoá chúng sanh trong ba cõi. Thinh văn ở trong các pháp chấp là Đó gọi là hoá tha phương tiện. vô ngã và vô ngã sở. Đó gọi là ngã (Tạng là ba tạng giáo-Thông là tu. (ngã sở là thân ngũ ấm và sản thông với tạng và biệt giáo-Biệt vật sở hữu). riêng biệt với tạng, thông và Viên giáo-Viên là tròn đầy mầu nhiệm). LIỆT TAM TU Ba, Tự tha phương tiện. (Niết bàn kinh).

Tu tập của Thinh văn so với tu người cần cầu Tam ma địa, phải tập của Bồ tát thì kém hơn, nên gọi dứt bỏ năm thứ ngũ vị tân. là liệt tam tu. Hai, Khô chánh tánh. Một, vô thường tu. Khô là mổ xẻ, phá vỡ- Chánh Thinh văn không biết lý thường tánh là tánh dâm dục, sát hại của trụ của pháp thân, nên quán tất cả chúng sanh. Vì tất cả những điều ác các pháp hữu vi trong ba cõi đều như ăn trộm, nói dối đều từ dâm sanh diệt, vô thường. Đó gọi là vô dục và giết hại khởi lên, nên gọi là thường tu. chánh tánh. Nếu muốn tu đạo Bồ đề Hai, Phi lạc tu. phải phá tan tánh dâm dục và giết Phi lạc (không vui) là khổ. Vì hại, đừng để phạm vào. Kinh nói: các vị Thinh văn không biết trong là những người tu hành, nếu không các pháp vốn có sự an vui của Niết dứt trừ dâm dục và giết hại mà bàn tịch tĩnh, lại quán tất cả pháp muốn ra ngoài ba cõi không thể đều là khổ đau. Đó là phi lạc tu. được. Ba, Vô ngã tu. Ba, Vi hiện nghiệp. Thinh văn không biết chân ngã Vi là trái ngược, xa rời. Hiện vô ngại tự tại, lại quán năm ấm và nghiệp là nghiệp phát khởi do hiện các pháp đều là không, vô ngã, vô hành của cảnh giới lục trần. Người ngã sở. Đó gọi là vô ngã tu. tu đạo giác ngộ đã dứt trừ ngũ vị tân, không

phạm dâm dục, sát sanh, TAM TIỆM THỨ thì trái ngược, xa rời cảnh hiện tiền (Thủ lăng nghiêm của sáu trần và không dính líu vào. kinh). Kinh nói: người giữ gìn cấm giới thanh tịnh như thế, tâm không ham Là ở trong kinh Lăng nghiêm. muốn dâm dục và không chạy theo Phật muốn nói về địa vị tu hành, sáu trần ở ngoài. nhưng trước nói ba thứ tự này làm căn bản. Bởi vì tất cả địa vị sâu cạn TAM KHOA không giống nhau, nhưng đều lấy (Tỳ bà sa luận và A tỳ đạt ba thứ này làm căn bản tiến hành. Một, Trừ trợ nhân. ma phẩm loại túc luận). Là trừ bỏ nhân ác giúp đỡ cho Luận nói: nếu mê tâm không chúng sanh gây việc ác. Đó là ngũ mê sắc thì hiệp sắc khai tâm. Đó là vị tân. Ngũ vị tân là: hành, tỏi, năm uẩn. Nếu mê sắc không mê kiệu, củ cải và hưng cừ. Ăn vào thì tâm thì hiệp tâm khai sắc. Đó là 12 dục tình hứng khởi, sân hận nỗi lên, nhập. Nếu sắc và tâm đều mê thì bị tà ma dụ dỗ, trời người lánh xa. khai cả sắc và tâm. Đó là 18 giới. Vì vậy người tu hành, muốn chứng Khai hiệp như thế là khiến cho đạo Bồ đề, trước tiên phải dứt bỏ chúng sanh, đối với chỗ mê, quán năm thứ này. Kinh nói: là những

sát thật kỹ lưỡng, nên có ba khoa luật của Phật, không sai trái. Đó là không giống nhau. thánh ngôn sở nhiếp. Một, năm uẩn. Hai, Đối trị tạp nhiễm. Cũng gọi là năm ấm. Uẩn là Người tu hành, tu thiện bỏ ác, chứa nhóm, nghĩa là chứa nhóm ắt phải có phương pháp đối trị, như năm pháp sắc, thọ, tưởng, hành, tâm loạn thì dùng thiền định đối trị; thức để thành thân mạng. Phật vì tâm tham đắm thì quán bất tịnh đối người mê tâm quá nặng, nên hiệp trị; cho đến dứt vọng về chân, vào năm căn nhãn, nhỉ, tỷ, thiệt, thân; được chánh đạo. Đó là đối trị tạp gọi đó là sắc. Mở ra một ý căn. Đó nhiễm. là thọ, tưởng, hành, thức. Khiến Ba, Bất vi pháp tướng. cho chúng sanh quán kỹ tâm. Đó là Người tu hành, đối với giáo lý hiệp sắc khai tâm, nên nói năm uẩn. do Phật nói, phải tôn trọng pháp Hai, 12 nhập. tướng, như lý suy nghĩ và tu hành, Nhập là hoà vào. Lục căn, lục nhất tâm tinh tấn, không dám sai trần hoà vào lẫn nhau. Phật vì trái. Đó là bất vi pháp tướng. người mê sắc quá nặng nên mở sắc ra là nhãn, nhỉ, tỷ, thiệt, thân và TAM TÔNG sắc, thinh, hương, vị, xúc, hiệp với (Tông cảnh lục). bốn loại tâm pháp thọ, tưởng, hành, thức; gọi là ý. Đối tượng của ý là Tông giống như phái. Thiền sư pháp trần. Khiến cho chúng sanh Tông Mật ở núi Khuê Phong nói: quán sát thật kỹ sắc. Đó là khai sắc Kinh giáo của Đại thừa chỉ gồm ba hiệp tâm; nên nói là 12 nhập. tông. Ba, 18 giới. Một, Pháp tướng tông. Giới là giới hạn cũng có nghĩa Tông này nói các pháp hữu lậu là cách biệt. Trong 18 giới, mỗi và vô lậu, từ vô thỉ đến nay, đều có giới có thể riêng biệt, không lộn chủng tử trong thức A lại da, gặp xộn giới này với giới kia. Phật vì duyên huân tập thì mỗi thứ từ tự người mê cả tâm lẫn sắc, nên nói tánh khởi lên; chẳng có liên quan gì 18 giới. với chân như. Vì vậy sắc pháp và tâm pháp, lập nên vô vàn danh TAM CHỦNG CHÍ GIÁO tướng. Đó là pháp tướng tông. Hai, Phá tướng tông. (Hiển dương chánh Tông này nói rằng: các pháp giáo luận) nhiễm, tịnh của phàm và thánh, tất Một, Thánh ngôn sớ nhiếp. cả đều không, vốn không có sở Người tu hành, đối với chánh hữu, lập nên một pháp vượt qua cả pháp do Phật và đệ tử của Ngài nói Niết bàn như mộng hư ảo. Pháp ấy ra, nên nương vào ý nghĩa đúng chẳng có chân, huống gì có vọng. đắn, tin, hiểu tu tập; tôn trọng giới

Chân, vọng; danh, tướng tất cả đều NGẬP PHÁP SƯ TAM không. Đó là phá tướng tông. GIÁO Ba, Pháp tánh tông. (Hoa nghiêm kinh Tông này nói rằng: nương vào sớ). chân khởi lên vọng. Vì chân như thì tuỳ duyên, không biến đổi, Pháp sư Ngập là người Vũ không trở ngại. Như nói pháp thân khâu, đã phân chia một đời thuyết trôi lăn trong năm đường, Như lai giáo của Phật làm ba giáo: tạng chịu khổ, vui… nếu ngộ được Một, Hữu tướng giáo. vọng tức là chân, như nói: biết Phật nói kinh A hàm, trong vọng vốn từ chân, thấy Phật tức là mười hai năm đầu, Nhị thừa thấy thấy thanh tịnh… đó là pháp tánh tất cả pháp là có thật, không lìa sắc, tông.(năm đạo: Thiên, nhân, ngạ tâm, nhờ vậy mà chứng đạo. Đó là quỹ, súc sanh, địa ngục đạo). hữu tướng giáo. Hai, Vô tướng giáo. NAM TRUNG TAM Sau mười hai năm nói kinh A GIÁO hàm, đến kinh pháp hoa, thì thấy (Hoa nghiêm kinh không chứng đạo. Đó là vô tướng sớ). giáo.(thấy không chứng đạo là Bồ tát thấy tất cả pháp đều không, nhờ Từ nhà Tề trở về sau, các thầy đó mà đắc đạo). ở Giang nam lập ra ba giáo này. Ba, Thường trụ giáo. Chia một đời giáo hoá của Phật ra Cuối cùng Phật nói pháp có, làm ba. không song chiếu (trung đạo), tất Một, Tiệm giáo. cả chúng sanh đều có tánh Phật. Tất Phật nói pháp bắt đầu từ Lộc cả xiển đề đều thành Phật. Đó là uyển đến cuối ở Ta la song thọ, từ thường trụ giáo. (Tiếng Phạn là nhỏ đến lớn; đó là tiệm giáo. Xiển đề, tiếng Hoa là Tín bất cụ). Hai, Đốn giáo. Đầu tiên, Phật, vì các Bồ tát, TAM ĐẲNG LƯU nói kinh Hoa nghiêm: như mặt trời (Tông cảnh lục). mới mọc, trước chiếu sáng núi cao; đó là đốn giáo. Đẳng là bình đẳng, lưu là loài, Ba, Bất định giáo. cùng loài. Có những kinh riêng biệt, Một, Chân đẳng lưu. không thuộc tiệm, không thuộc đốn Tánh thiện, tánh ác, tánh vô ký giáo, nhưng nói rõ Phật tánh làm nhân, dẫn đến quả thiện, quả thường còn, đó là kinh Thắng Man ác, quả vô ký đồng loại. và kinh Kim quang minh…, đó là Quả và nhân thật sự tánh giống bất định giáo. nhau; nên gọi là chân đẳng lưu. Hai, Giả đẳng lưu.

Đời trước sát sanh, đời này chết Ba, Đế sát pháp nhẫn. yểu, nên cảm ứng đời trước đời này Ngẫm xem các pháp thể tánh tự động cũng đoản mạng, có nghĩa hư ảo, vốn không sanh, diệt. Với là tương tự là mượn tên cùng loại; niềm tin chắc chắn và sự hiểu biết nên gọi là giả danh đẳng lưu. đúng đắn, tâm không vọng động, an Ba, Phần vị đẳng lưu. nhận một cách tự nhiên, nên gọi là Nhãn, nhĩ, tỷ… các thức tuỳ đế sát pháp nhẫn. theo từng loại tự chuyển biến. Như từ nhãn thức đến thân thức đều từ TAM THỌ chủng tử thức thứ tám sanh ra. Đối (Tạp A hàm kinh). với các trần như sắc, thanh, hương…đều gọi là quả cùng loại. Thọ là nhận lấy. Thức của sáu Nếu thức thứ sáu từ chủng từ căn nhận lấy cảnh của sáu trần. của thức thứ tám mà sanh ra các Một, Khổ thọ. nhân phân biệt, cũng gọi là quả Sáu trần là cảnh trái ý nghịch cùng loại, nhưng thức và trần mỗi lòng và bao nhiêu khổ đau bức thứ cùng tương ứng, nên gọi là bách. Đó gọi là khổ thọ. phân vị đẳng lưu. (Đẳng lưu quả là Hai, Lạc thọ. nhân và quả tương ứng, như nhãn Sáu trần là cảnh thuận lòng vừa thức cùng với sắc trần cho đến thân ý và đem đến vui sướng. Đó gọi là thức cùng với xúc trần là đẳng lưu lạc thọ. quả; thức và trần đều gọi là quả). Ba, Bất khổ bất lạc thọ. Sáu trần là cảnh chẳng trái ý TAM NHẪN cũng chẳng vừa lòng, nhận lấy không khổ không vui. Đó gọi là bất (Hoa nghiêm kinh sớ). khổ bất lạc thọ. Nhẫn hay nhẫn nại đều được. Đối với tất cả cảnh thuận, nghịch TAM CHỦNG VÔ thiện, ác mà có thể an tâm nhận lấy THƯỜNG không lay

động, nên gọi là nhẫn. (Thuận trung luận). Một, Nại oán hại nhẫn. Một, Niệm niệm hoại diệt vô Người dùng oán ghét độc ác thường. đem đến cho ta, mà có thể an tâm Tâm niệm khởi lên do căn và chịu đựng và không có tâm trả thù; trần gặp nhau. Niệm trước đã diệt, Đó gọi là nại oán hại nhẫn. niệm sau lại sanh, sanh rồi lại diệt, Hai, An thọ khổ nhẫn niệm niệm không dừng, đều là vô Tất cả những bức bách, đau khổ thường. Đó là niệm niệm hoại diệt từ tật bệnh, nước, lửa, dao gậy mà vô thường. có thể an tâm nhận chịu, điểm Hai, Hoà hợp ly tán vô thường. nhiên không động. Đó gọi là an thọ Tất cả pháp đều do nhân duyên khổ nhẫn. hoà hợp mà thành, vốn không có

thật thể; nhân, duyên xa cách liền Lấy một pháp riêng biệt dụ cho tan rã. Giống như thân của chúng pháp được lập ra. Như ở đời này sanh do tứ đại hoà hợp mà thành. giả sử có tướng thật ở quá khứ, vì Nếu tứ đại lìa xa thì tan mất. Đó là tướng hiện tại ấy đã sanh ra mà hoà hợp ly tán vô thường. chưa diệt, không đúng với pháp đã Ba, Tất cánh vô thường. sanh ra mà chưa diệt, giả sử ở quá Tất cánh giống như quyết định khứ có tướng đã diệt. (chắc chắn). Biết rõ chắc chắn tất Nếu lìa hiện tại mà ở đâu đó lập cả các pháp đều do nhân duyên giả ra tướng quá khứ, nhưng tướng ở hợp mà sanh ra, hư ảo chẳng thật đời quá khứ đã diệt hoại rồi, không có, cuối cùng hoại diệt. Đó là tất nên giả sử là có tướng. Tướng quá cánh vô thường. khứ này không thể có được thì không thể dùng nó để dụ cho các TAM CHI TỈ LƯỢNG pháp. (A tỳ đạt ma tạp tập luận). TAM CHỦNG VIÊN MÃN AN LẠC Tỉ lượng là lấy pháp hữu vi và (Du già sư địa pháp vô vi để so sánh mà xem xét và cân nhắc. luận) Một, Lập tông. Một, Thành tựu da hạnh viên Tông giống như chủ yếu (quan mãn. trọng cần thiết). Như các pháp ngũ Người tu hạnh Bồ tát, ở trong uẩn đều do nhân duyên giả hợp tình không dám sai phạm. Đối với sanh ra. Thật không có tự tánh. Tìm thân, miệng, ý không để ô nhiễm. ngã trong ấy, nhất định không Nếu có lỗi lầm thì liền sám hối, để được; nên đối với người chấp ngã, cho giới thể tròn đầy không khuyết. luận nói vô ngã trước hết. Đó là thành tựu gia hạnh viên mãn. Hai, Lập nhân. Hai, Thành tựu ý lạc viên mãn. Phá chấp ngã mà lập nên nhân. Người tu hạnh Bồ tát, vì pháp Nếu đối với pháp ngũ uẩn, giả sử xuất gia, không vì sự sống của thân có thật ngã, mà năm uẩn này đã từ mạng; chỉ cầu vô thượng Bồ đề và các duyên sanh ra, đều là pháp sanh cầu an vui Niết bàn, dũng mãnh diệt. Ngũ uẩn đã sanh diệt thì ngã tinh tấn, không sanh tâm lười cũng không thành được. Nếu lìa biếng, không lẫn lộn những pháp năm uẩn, ở một nơi nào đó có ngã; ác, không chịu khổ sanh, lão, bệnh, ngã không có nhân của nó, ngã tử ở đời sau. Đó là thành tựu ý lạc cũng không tác dụng; điều ấy viên mãn. chứng tỏ không có ngã. Ba, Thành tựu túc nhân viên Ba, Lập dụ. mãn.

Người tu hạnh Bồ tát, ở trong Ba, Đắc quả hoan hỷ. đời trước, từng tu phước thiện, nên Quả là do tu quán mà được. Bà đời này đầy đủ mọi thứ để nuôi Vi đề hy và nhiều người khác, nghe thân, không hề thiếu thốn; lại còn Phật nói kinh Quán vô lượng, bố thí cho người khác, tâm không nương vào đó mà tu, có phần kết keo kiệt. Đó là thành tựu túc nhân quả chân thật, thị nữ và các trời viên mãn. cũng được quả tương tự. Được quả như thế há không vui mừng. Đó là TAM NGHĨA HOAN HỈ đắc quả hoan hỷ. (Tiếng Phạn là Vi (Quán kinh diệu tông đề hy, tiếng Hoa là Tư duy; Phần sao) chân là chứng một phần trung đạo). Quán vô lượng thọ Phật kinh TAM NHÂN sớ, nhân giải thích cho

A nan và (Phật tánh luận). trời, rồng… hiểu rõ nên nghe pháp vui mừng, làm lễ rồi lui ra, nên có Một, Ưng đắc nhân. ba nghĩa này. Nương vào lý không chân như Một, Ngộ nhân hoan hỷ. mà tu nhân hạnh, được quả Bồ đề, Nhân là Phật. Phật có đầy đủ nên gọi là ưng đắc nhân. bốn trí vô ngại, nói pháp về kinh Hai, Gia hạnh nhân. quán vô lượng thọ của Phật A di Nương vào tâm Bồ đề dốc sức đà, không hề sai lầm. Nay gặp được tu hành, lấy đó làm nhân, thì chứng Phật thật là vui mừng. Đó là ngộ được quả pháp thân, nên gọi là da nhân hoan hỷ. (bốn trí vô ngại là hạnh nhân. Pháp vô ngại trí, nghĩa vô ngại trí, Ba, Viên mãn nhân. từ vô ngại trí, nhạo thuyết vô ngại Do da hạnh nên nhờ đó mà trí). hạnh được viên mãn, gọi là viên Hai, Văn pháp hoan hỷ. mãn nhân. Pháp Phật nói có mười cửa, là khúc ca rất mầu nhiệm, khiến cho TAM ĐOẠN tâm phàm phu vào sâu Tam muội, (Tông cảnh lục). nghe pháp như thế, há lại không vui mừng. Đó là văn pháp hoan hỷ. (Một, Tự tánh đoạn. mười sáu quán môn là nhật quán, Lúc trí huệ phát khởi thì phiền thuỷ quán, địa quán, bảo thọ quán, não ám chướng tự nó dứt trừ; nên bát công đức thuỷ quán, tổng quán, gọi là tự tánh đoạn. hoa toà quán, tượng quán, Phật Hai, Bất sanh đoạn. chân thân quán, Quán thế âm quán, Lúc chứng được pháp không, Đại thế chí quán, phổ tưởng quán, khiến cho quả khổ tam đồ ác đạo tạp tưởng quán, thượng bối quán, vĩnh viễn không sanh; nên gọi là trung bối quán, hạ bối quán). bất sanh đoạn.

Ba, Duyên phược đoạn. rời, che mất chân tánh, nên gọi là Phiền não trong tâm đã dứt thì tuỳ miên). tham, sân ở cảnh trần bên ngoài Dục giới có bốn: tham, sân, si, không nỗi lên. Đối cảnh tuỳ duyên mạn mà không sanh nhiễm trước; nên Sắc giới, vô sắc giới có ba: gọi là duyên phược đoạn. tham, si, mạn Tổng cộng là mười tuỳ miên. TAM ĐOẠN Ba, Phi sở đoạn. (A tì đạt ma phẩm loại túc Quả thứ tư Thinh văn, phiền luận). não trong ba cõi đều dứt hết, chứng quả vô lậu, không còn phiền não Một, Kiến sở đoạn. phải dứt; nên gọi là phi sở đoạn. Người chứng sơ quả Thinh văn, dứt hoặc thấy lý, gọi là kiến đạo. LONG HOA TAM HỘI Nhờ dứt trừ kiến hoặc 88 sử trong (Pháp trụ ký). ba cõi; nên gọi là sở đoạn. (88 sử là mười sử: thân kiến, biên kiến, kiến Di lặc hạ sanh kinh nói: Bồ tát thủ, giới thủ, tà kiến, tham, sân, si, Di lặc, ngay ngày xuất gia liền mạn, nghi. chứng được quả Phật, ngồi dưới Mười sử này trải qua ba cõi Tứ cây Long hoa, trong vườn Hoa lâm, đế dưới đây tăng, giảm không thuyết pháp ba hội; nên gọi là long giống nhau; thành ra 88. hoa tam hội.(Tiếng Phạn là Di lặc, Dục giới, khổ đế có mười sử tiếng Hoa là Từ thị). đủ- tập đế, diệt đế có bảy sử (trừ Hội thứ nhất, Độ cửu thập lục thân, biên kiến, giới thủ). Đạo đế câu thi Thinh văn chúng. có tám sử (trừ thân, biên kiến). Tiếng Phạn là Câu chi, tiếng Tổng cộng dục giới Tứ đế có 32 sử. Hoa là Trăm ức. Ký nói: Nếu các Sắc giới và Vô sắc giới mỗi đế quốc vương, đại thần, trưởng giả, trong bốn đế trừ sân sử, còn lại như cư sĩ; nam, nữ tất cả thí chủ; nay ở ở dục giới. Tổng cộng hai giới là trong chánh pháp của Phật Thích ca 56. mâu ni, làm Phật sự, tự trồng căn Như vậy tất cả là 32+56=88 sử lành; hoặc dạy người khác trồng. trong ba cõi phối hợp với Tứ đế). Dùng bảy báu vàng, bạc, ngọc, Hai, Tu sở đoạn. đồng, sắc, cây, đá, đất bùn, tơ lụa, Ở quả thứ hai và thứ ba của hoặc vẽ hoặc làm hình tượng Phật, Thinh văn, tu chân đoạn hoặc; gọi xây dựng tháp; hoặc lớn hoặc nhỏ, là tu đạo; nhờ dứt mười tuỳ miên cho đến lớn bằng lóng tay; hoặc trong ba cõi nên gọi là sở đoạn. dùng hương, hoa

và các đồ dùng tốt (mười tuỳ miên là tư hoặc, vì lúc nhất cúng dường. Do căn lành như nào cũng tiềm ẩn theo sát không thế, đến lúc Phật Di lặc thành chánh giác, được làm thân người, ở

hội thứ nhất, cắt tóc xuất gia, nhờ Kiếp là tiếng Phạn, nói đủ là nguyện lực đời trước liền chứng kiếp ba, tiếng Hoa là Phân biệt thời Niết bàn. (Tiếng Phạn là Tất đổ ba, tiết. (Thời tiết: thời gian- kiếp là tiếng Hoa là Cao hiển tức là tháp). thời kỳ rất dài nên gọi là đại thời). Hội thứ hai, Độ cửu thập tứ Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Hoa câu chi Thinh văn chúng. là Chánh định. Đỉnh tịch định: Ký nói: Nếu quốc vương, thần, trong các định thì định này trên hết, dân, nay ở trong chánh pháp của nên gọi là đỉnh. Đẳng giác Bồ tát ở Phật Thích ca mâu ni, hay làm việc trong định đỉnh tịch, dùng sức đại Phật pháp. Đối với kinh điển Đại nguyện sống lâu đến trăm kiếp, tu thừa, hoặc luật, hoặc luôn đọc tụng tất cả Tam muội rồi vào kim cang cung kính cúng dường; hoặc sửa Tam muội, cùng với tất cả pháp sang, trang sức kinh điển. Do thiện tánh tương ưng một cách sâu xa, căn ấy, đến lúc Phật Di lặc thành mà chứng được nhất hợp tướng chánh giác, được làm thân người, ở (nhất hợp tướng:thế giới). Đẳng trong hội thứ hai, xuống tóc, xuất giác là địa vị cách Phật một bậc, gia; nhờ nguyện lực đời trước liền Kim cang Tam muội: kim cang rất chứng Niết bàn. cứng, rất sắc. Vào Tam muội này Hội thứ ba, Độ cửu thập nhị thì tất cả phiền não dứt trừ được câu chi Thinh văn chúng. hết. Ký nói: Nếu quốc vương, thần, Hai, Thiên kiếp kim cang định dân, nay ở trong chánh pháp của trung học chư oai nghi. Phật Thích ca mâu ni, hay tự trồng Đẳng giác Bồ tát lại sống lâu căn lành, hoặc dạy người khác ngàn kiếp, học tất cả oai nghi của trồng. Vào ngày mùng một mỗi Phật. Cái nhìn của voi chúa; bước tháng, hoặc ngày mùng tám, ngày đi của sư tử. Tu vô lượng các pháp rằm, sắm lễ trai tăng cúng dường thần thông hoá đạo của Phật ở hiện Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc cúng tại. Đi vào chỗ Phật đi, ngồi vào dường dụng cụ ngồi, nằm cho chư đạo tràng của Phật. tăng. Do căn lành nay đến lúc Phật Ba, Vạn kiếp đại tịch định Di lặc thành chánh giác; ở trong hội trung học Phật hoá hạnh. thứ ba, xuống tóc, xuất gia, như Đẳng giác Bồ tát lại sống lâu nguyện lực đời trước, liền chứng vạn kiếp, học hạnh giáo hoá của Niết bàn. Phật, hiện ra các sắc tướng để giáo hoá chúng sanh, lại hiện cùng với BỒ TÁT TAM TU HỌC chư Phật thường thực hành trung (Bồ tát anh lạc đạo trong an lạc khôn cùng. bản nghiệp kinh) Một, Bách kiếp đỉnh tịch định trùng tu chư Tam muội.

BỒ TÁT SANH ĐÂU SUẤT TAM HIỀN THIÊN TAM SỰ THẮNG (Nhân vương hộ quốc (Niết kinh sớ) bàn kinh) Chư vị Bồ tát tu Thập trụ, Thập Bồ tát sắp được Phật bổ xứ, nên hạnh, Thập hồi hướng, đều gọi là sanh cõi Đâu suất. Tiếng Phạn là hiền. Đây là dựa vào biệt giáo mà Đâu suất, tiếng Hoa là tri túc, vì luận. Vì các vị Bồ tát này chỉ dứt năm món dục ở cảnh giới này biết hết kiến, tư hoặc, còn vô minh dừng thì đủ. hoặc, chưa vào thánh vị; nên gọi là Một, Mạng thắng. hiền. Bồ tát đã xa lìa sống, chết ba Một, Thập trụ. cõi, tuy không tu mạng nghiệp Tâm hiểu rõ lý, an trụ không (sống lâu), nhưng đã thác sanh ở động nên gọi là trụ. Thập trụ là 1) cõi trời ấy thì sống lâu đến bốn Phát tâm trụ; 2) Trị địa trụ; 3) Tu ngàn tuổi. Thiên số hết rồi, giáng hành trụ; 4) Sanh quí trụ; 5) Cụ túc sanh xuống nơi đô hội để làm Phật phương tiện trụ; 6) Chánh tâm trụ; ở đây. Đó là mạng thắng. 7) Bất thối trụ; 8) Đồng chân trụ; 9) Hai, Sắc

thắng. Pháp vương tử trụ; 10) Quán đỉnh Bồ tát tuy không tu sắc nghiệp trụ. (sắc đẹp), đã sanh cõi Đâu suất thì Hai, Thập hạnh. sắc thân, tự nhiên, trang nghiêm Hạnh là thắng tiến. Tu tập hạnh rạng rỡ, nhiệm mầu, khác với các này thì có thể đạt được quả vị nên vị trời. Đó là sắc thắng. gọi là hạnh. Thập hạnh là 1) Hoan Ba, Danh thắng. hỷ hạnh; 2) Nhiêu ích hạnh; 3) Vô Phật bổn hạnh tập kinh nói: Bồ vi nghịch hạnh; 4) Vô khuất nạo tát đã sanh cõi trời Đâu suất, thiên hạnh; 5) Vô si loạn hạnh; 6) Thiện chúng ở đó, gọi Bồ tát ấy là Hộ hiện hạnh; 7) Vô trước hạnh; 8) minh. Âm vang chư thiên xưng tán Nan đắc hạnh; 9) Thiện pháp hạnh; gọi tên đó, trên thấu đến cõi Tịnh 10) Chân thật hạnh. Cư, cho đến cõi cao nhất của sắc Ba, Thập hồi hướng. giới. Đó là danh thắng. (Hộ Minh là Trở về các nhân, hướng đến Phật Thích Ca; từ thời Phật Ca quả, gọi là hồi hướng. Thập hồi Diếp, giữ gìn giới cấm, phạm hạnh hướng là; 1) Cứu chư chúng sanh thanh tịnh, chết sanh lên cõi trời, ly chúng sanh tướng hồi hướng; 2) không mất bổn tâm, không quên Bất hoại hồi hướng; 3) Đẳng nhất hạnh đời trước; nên gọi là Hộ thiết chư Phật hồi hướng; 4) Chí Minh). nhất thiết xứ hồi hướng; 5) Vô tận công đức tạng hồi hướng; 6) Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng;7) Đẳng tuỳ thuận nhất thiết

chúng sanh hồi hướng; 8) Chân như dứt tư hoặc, thì hoàn toàn ở vị siêu tướng hồi hướng; 9) Vô phược vô phàm không bị thối lui nữa; nên gọi trước giải thoát hồi hướng; 10) là vị bất thối. Nhập pháp giới vô lượng hồi Hai, Hạnh bất thối. hướng. Bồ tát của biệt giáo, từ bát trụ trở đi đến địa vị Thập hạnh, dứt TAM CHỦNG PHÁT trần sa hoặc, thì hoàn toàn ở địa vị TÂM Bồ tát hạnh không bị thối lui nữa; (Khởi tín luận) nên gọi là hạnh bất thối. Ba, Niệm bất thối. Một, Tín thành tựu phát tâm. Bồ tát của Biệt giáo từ sơ địa Thập tín, hạnh đầy đủ, tín tâm trở đi phá vô minh hoặc, thì hoàn thành tựu. Mới vừa phát tâm vào toàn ở địa vị trung đạo Chánh Thập trụ; nên gọi là tín thành tựu niệm, không bị thối lui nữa; nên gọi phát tâm. (Thập tín là: 1) Tín tâm, là niệm bất thối. 2) Niệm tâm, 3) Tinh tấn tâm, 4) Huệ tâm, 5) Định tâm, 6) Bất thối TAM XỨ NHẬP PHÁP tâm, 7) Hộ pháp tâm, 8) Hồi hướng GIỚI tâm, 9) Giới tâm, 10) Nguyện tâm). (Hoa nghiêm kinh Hai, Giải hạnh phát tâm. Giải là hiểu rõ. Hạnh là tu hành. sớ). Vào vị Thập hạnh hiểu rõ pháp Pháp giới là tâm vốn có của tất tánh vốn không, tu theo hạnh lục cả chúng sanh, lý bình đẳng mà độ, phát tâm hồi hướng vào Thập Phật chứng được. Nói nhập ba xứ hồi hướng; nên gọi là giải hạnh là do Bồ tát có căn nhanh, chậm; có phát tâm. hành cạn, sâu; nên chỗ chứng ngộ Ba, Chứng phát tâm. trước, sau không cố định, còn chia Chứng là chứng nhập vào sơ ra ba chỗ. địa cho đến địa thứ mười và chứng Một, Thập trụ sở tâm nhập ngộ này thì không có cảnh giới mà pháp giới chỉ có trí chân như; gọi là pháp Dẹp vô minh hoặc, chứng ngộ thân. Pháp thân hiển lộ, nên gọi vào được lý bình đẳng pháp giới, chứng phát tâm. được bậc không thối lui. Đó là Thập trụ sơ tâm nhập pháp giới. TAM BẤT THỐI Hai, hồi hướng chung tâm nhập (Quán kinh diệu tông pháp giới. sao) Tâm Bồ tát ở Thập hồi hướng về sau, các hạnh đã thuần thục, Một, Vị bất thối. chứng ngộ vào pháp giới. Đó là hồi Bồ tát của biệt giáo, từ vị sơ trụ hướng chung tâm nhập pháp giới. dứt trừ kiến hoặc, đến thất trụ thì Ba, Sơ địa nhập pháp giới.

Bồ tát trước đã đi vào trong hồi Một, Hạ trí quán cố đắc Thinh hướng, công đức đầy đủ; đến sơ địa văn Bồ đề. thì chứng ngộ vào pháp giới và Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa

hiểu rõ ba đức viên dung, ba thân là Đạo. tự tại. Đó là sơ địa nhập pháp giới. Thinh văn dùng thể không của trí, bắt đầu quán 12 nhân duyên VĂN THÙ TAM DANH sanh, kế quán 12 nhân duyên diệt. (Phiên dịch danh Quán sanh diệt này thì ngộ được nghĩa). chẳng sanh chẳng diệt, phá dẹp kiến, tư hoặc, chứng được lý chân Một, Văn thù sư lợi. không. Đó là hạ trí quán, nên được Tiếng Phạn là Văn Thù sư lợi, Bồ đề của bậc Thinh văn. (Thể tiếng Hoa là Diệu đức. Công đức không là thấu đạt các pháp tánh mầu nhiệm vô cùng và đầy đủ vốn không). không thể nghĩ bàn; nên gọi là Diệu Hai, Trung trí quán cố đắc đức. Duyên giác Bồ đề. Hai, Mãn thù thi lợi. Duyên giác cũng dùng thể Tiếng Phạn là Mãn thù thi lợi, không của trí, ban đầu quán 12 tiếng Hoa là Diệu thủ. Công đức nhân duyên sanh, kế đến quán 12 nhiệm mầu và đầy đủ không thể nhân duyên diệt. Quán sanh diệt nghĩ bàn, vượt lên trên các vị Bồ này thì ngộ được chẳng sanh chẳng tát; nên gọi là Diệu thủ. diệt, phá dẹp kiến, tư hoặc, tiến lên Ba, Mạn thù thất lợi. diệt trừ tập khí. Vì còn dùng trí Tiếng Phạn là Mạn thù thất lợi, năng quán nên so với Thinh văn thì tiếng Hoa là Diệu cát tường. Công kém hơn một chút, do lý chơn đức nhiệm mầu và đầy đủ không không chứng được cũng sâu xa. Đó thể nghĩ bàn, tốt đẹp hơn hết; nên là trung trí quán cố đắc Duyên giác gọi là Diệu cát tường. Bồ đề. Ba, Thượng trí quán cố đắc Bồ TAM NHÂN QUÁN THẬP NHỊ tát Bồ đề. NHÂN DUYÊN Bậc Bồ tát tuy cũng dùng thể (Niết bàn không của trí, quán 12 nhân duyên kinh). sanh, diệt; ; hiểu rõ chẳng sanh Ba người là đối với thông giáo: chẳng diệt và có thể dứt trừ nhanh Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát, tuy chóng kiến hoặc, tư hoặc, tập khí; cùng quán 12 nhân duyên, nhưng vì dùng trí năng quán so với Duyên tuỳ theo trí huệ sâu, cạn mà thành giác lại hơn lên, do chứng được lý tựu có cao, thấp; nên có ba thứ chân không rất sâu xa. Đó là khác nhau. thượng trí quán cố đắc Bồ tát Bồ đề.

A LA HÁN TAM NGHĨA Tiếng Phạm là Ưu lâu tần loa, (Phiên dịch danh tiếng Hoa là mộc qua lâm; vì Ngài nghĩa) ở gần rừng mộc qua, nên lấy tên rừng đặt tên cho Ngài. Giúp đỡ bốn Tiếng Phạn là A la hán, tiếng chúng, cung cấp bốn sự không Hoa là Vô sanh, cũng gọi là Vô thiếu thốn điều gì, đứng vào bậc học, sống, chết trong ba cõi đã nhất. (Tứ chúng là Tỳ kheo, Tỳ chấm dứt, đó là vô sanh. Không có kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di- Tứ sự pháp nào đáng học, đó là vô học. là ăn uống; y phục, ngoạ cụ; thuốc Một, Sát tặc. thang). Tặc là giặc tức là kiến hoặc và Hai, Già da Ca diếp. tư hoặc. Vì nó cướp công đức của Tiếng Phạn là Già da, tiếng Hoa con người, cướp lấy sinh mạng trí là Thành. Vì nhà Ngài ở phía nam huệ của con người; nên gọi là giặc. thành Vương xá bảy do tuần; nên A la hán có thể dứt trừ kiến, tư đặt tên Ngài như vậy. hoặc trong ba cõi, nên gọi giết giặc. Ngài quán sát thấu hiểu các Hai, Bất sanh. pháp hoàn toàn không bị dính mắc, Bất sanh là không sanh. A la dạy dỗ chúng sanh, đứng vào bậc hán đã dứt trừ hết kiến, tư hoặc, nhất. (Tiếng Phạn là do tuần, tiếng không sanh vào ba cõi một lần nữa, Hoa là hạn lượng. một do tuần= 40 nên gọi là bất sanh. lý = 20.000 m). Ba, Ứng cúng. Ba, Na đề ca diếp. A la hán đã chứng được trí lậu Tiếng Phạn là Na đề, tiếng Hoa tận và dứt hết kiến, tư hoặc ba cõi, là Hà. Vì Ngài ở gần một con sông, công đức đầy đủ, đáng được sự nên tên Ngài đặt như vậy. cúng dường của trời, người; nên Tâm ý của Ngài vắng lặng, gọi là ứng cúng. hàng phục kết nghiệp, siêng năng tu hành, đứng vào bậc nhất. TAM CA DIẾP (Pháp hoa văn cú). A NAN TAM DANH Tiếng Phạn là Ca

diếp, tiếng (Phiên dịch danh Hoa là Quang ba vì ánh sáng từ nghĩa). thân toả ra chói lọi xung quanh. A nan là con của Hộc phạn Thời Phật Tỳ bà thi, ba vị (Ca diếp) vương, sanh ra nhằm ngày Phật cùng dựng trụ kỷ niệm. Vì nhân thành đạo. Do đó Ngài có khả năng duyên ấy cảm ứng quả báo, nên giữ gìn pháp tạng. Ngài có ba tên, làm anh em với nhau. (Tiếng Phạn tuỳ theo đức độ mà đặt. là Tỳ bà thi, tiếng Hoa là Thắng Một, A nan. quang). Tiếng Phạn là A nan, tiếng Hoa Một, Ưu lâu tần loa Ca diếp. là Khánh hỉ, vì Ngài sanh ra cả

nước đều vui mừng hân hoan và Thinh văn đã được sơ quả rồi, chính Ngài được Phật chỉ bảo trực lại duyên vào lý chân đế, dứt trừ tiếp; giáo hoá mọi người. Ngài là vị chín phẩm tư hoặc ở dục giới, gọi truyền thừa và gìn giữ tạng Thinh là tu đạo, tức là quả thứ hai Tư đà văn. hàm và quả thứ ba A na hàm. (Tư Hai, A nan bạt đà. hoặc là năm căn đối với năm trần Tiếng Phạn là A nan bạt đà, khởi lên tâm tham nhiễm gọi là tư- tiếng Hoa là Hỷ hiền; vì còn ở địa chín phẩm là thượng, trung, hạ. vị hữu học, chứng được ba giải Mỗi ba phẩm ấy lại chia làm ba thoát môn là không, vô tướng, vô phẩm. Tổng cộng chín. Tiếng Phạn nguyện thì được trao cho và giữ gìn là Tư đà hàm, tiếng Hoa là Nhất lai, tạng Duyên giác. (không là hiểu rõ trở lại thọ sanh ở dục giới một lần. tự tánh vốn không, không có ngã và Tiếng phạm là A na hàm, tiếng Hoa ngã sở- vô tướng là tất cả pháp là Bất lai, không lại thọ sanh ở dục không, không có tướng nam, nữ- giới). Vô nguyện là thấu hiểu các pháp vô Ba, Vô học đạo. tướng, không có gì để tìm cầu). Thinh văn dứt hết kiến, tư hoặc Ba, A nan ca la. trong ba cõi, chứng được cứu cánh Tiếng Phạn là A nan ca la, tiếng lý chân đế, không còn pháp để học, Hoa là Hỷ hải, vì Ngài hiểu rõ pháp nên gọi là Vô học, tức là quả thứ tư của Phật nói; không nói mà nói; nói A la hán. (Tiếng Phạn là A la hán, mà không nói, do đó nói Phật pháp tiếng Hoa là Vô học). như nước trong biển lớn; vào, ra tâm Ngài A nan, nên được trao cho KẾT TẬP TAM NHÂN và giữ gìn tạng Bồ tát. (Phó pháp tạng nhân duyên kinh). THINH VĂN TAM ĐẠO Một, A nan. (Thiên Thai tứ giáo Con của vua Hộc Phạn, sanh nghi tập chú) vào ngày Phật thành đạo, lúc sanh Một, Kiến đạo. cả nước vui mừng, nên gọi là Thinh văn nhờ dứt trừ kiến Khánh hỷ, theo Phật xuất gia chứng hoặc trong ba cõi, thấy được lý được quả A la hán, đa văn số một, chân đế, nên gọi là kiến đạo, tức là có thể giữ gìn pháp tạng. Sau khi sơ quả Tu đà hoàn. (kiến hoặc là ý Phật Diệt độ, cùng với Ngài Văn căn đối với pháp trần khởi lên phân thù sư lợi, tập hợp đại chúng, ở tại biệt- Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, núi Thiết vi, kết tập Tu đa la tạng. tiếng Hoa là Dự lưu, nghĩa là đã (tiếng Phạn là Tu đa la, tiếng Hoa vào dòng thánh). là Khế kinh). Hai, Tu đạo. Hai, Ưu ba Ly.

Tiếng Phạn là Ưu ba ly, tiếng nên đứng một chân v.v... cho Hoa là Hoá sanh, hoặc là thượng giống như gà. Giới chó, hoặc cho thủ, vì giữ giới số một, làm mô rằng mình từ trong con chó đến phạm cho chúng tăng. Sau khi Phật đây, nên ăn phân dơ bẩn.v.v...) Diệt độ, Ngài cùng với 500 thánh Ba, Nghi kết. nhân, ở trong hang Tất bát La, kết Tâm mê mờ từ bỏ chân lý, đối tập Tì nại da tạng. (Tất bát la là Bồ với chánh pháp do dự không quyết, đề thọ. Tiếng Phạn là tì nại da, không thể có đức tin sâu xa. Đó là tiếng Hoa là Thiện trị, tức là Luật). nghi kết. Ba, Ca diếp. Tiếng Phạn là Ca diếp ba, tiếng TAM DƯ Hoa là Ẩm quang, vì thân Ngài toả (Hoa nghiêm Tuỳ sớ diễn ánh sáng chung

quanh. Sau khi nghĩa sao). Phật Diệt độ, tập hợp đại chúng ở hang Tất bát la, kết tập A tì đàm Một, Phiền não dư. tạng. (Tiếng Phạn là A tì đàm, tiếng Còn gọi là chướng dư. Bậc Nhị Hoa là Vô tỉ pháp, tức là Luận). thừa, tuy đã dứt hết kiến, tư hoặc trong ba cõi, nhưng vẫn còn vô SƠ QUẢ TAM KẾT minh hoặc; nên gọi là phiền não dư. Hai, Nghiệp dư. (Tứ giáo nghi tập Còn gọi là đạo dư. Bậc Nhị chú). thừa, tuy đã dứt hết nghiệp trói Kết tức là kiến hoặc. Chúng buộc trong ba cõi, nhưng còn sanh do kiến hoặc này ràng buộc. nghiệp biến dịch sanh tử; nên gọi là Không thể xa lìa sanh, tử. Bậc nghiệp dư. Thinh văn đã dứt hết hoặc này, thì Ba, Khổ dư. chứng được sơ quả Tu đà hoàn; nên Còn gọi là quả dư. Bậc Nhị gọi là sơ quả tam kết. thừa đã ra khỏi phần đoạn sanh tử Một, Thân kiến kết. trong ba cõi, nhưng vẫn còn khổ về Chúng sanh ở trong năm năm biến dịch sanh tử; nên gọi là khổ ấm lầm cho đó là thân; rán sức lập dư. nên chủ tể rồi luôn khởi lên ngã kiến (thấy có ngã). Đó là thân kiến TAM PHẬT TỬ kết. (Hoa nghiêm kinh sớ) Hai, Giới thủ kết. Kẻ ngoại đạo, đối với giới luật Một, Ngoại tử. sai lầm mà cho đó là giới, cố giữ để Những kẻ phàm phu chưa từng thực hành, như giới gà, giới chó vào đạo, chưa từng tiếp nối giống v.v.... Đó là giới thủ kết. (giới gà, Phật. Đó là ngoại tử. kẻ ngoại đạo, cho thân mình kiếp Hai, Thứ tử. trước là từ trong con gà đến đây,

Thinh văn, Duyên giác chỉ nhận đựng vất vả tình huống khó khăn giáo lý Tiểu thừa, sống với pháp trên đường đi, nên lấy xe trâu làm thân, mà không theo Phật sống với ví dụ. Kinh nói: Giống như những Đại thừa. Đó là thứ tử. đứa con kia, vì cầu xe trâu, ra khỏi Ba, Chân tử. nhà lửa. Đại thừa Bồ tát, nhận Đại thừa của Phật và sống với pháp thân. Đó TAM THỪA là chân tử. (Pháp Hoa kinh). TAM XA Thừa có nghĩa là vận tải (chuyên chở). (Pháp hoa kinh). Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát Xa là chuyên chở. Ba xe là dụ đều có pháp riêng của mình để người tu chứng Tam thừa. Mỗi chuyên chở ra ngoài ba cõi sống, người trong Tam thừa nhờ pháp đó chết; cùng đến Niết bàn chân chuyên chở ra khỏi tam giới và đi không; nên gọi là Tam thừa. đến Niết bàn. Một, Thinh văn thừa. Nghe Một, Dương xa. Phật pháp mà ngộ được đạo, nên Dùng dê kéo xe, nên gọi là xe gọi là Thinh văn. Các vị này biết dê, dụ người tu Thinh văn thừa, tu khổ, dứt trừ tập, mến chuộng sự Tứ đế, mong ra khỏi ba cõi, chỉ tịch tỉnh nên tu đạo (đế); lấy Tứ đế muốn tự độ, không lưu tâm đến làm xe chuyên chở. người khác, giống như con dê ra Hai, Duyên giác thừa. Nhờ sức kéo xe, không quây đầu nhìn quán mười hai nhân duyên, giác lại bầy ở phía sau. Vì vậy dùng xe ngộ được lý chân đế, nên gọi là dê để dụ cho. Kinh nói: Giống như Duyên giác. Ban đầu quán vô minh các đứa con kia, vì mình cầu cho duyên hành... cho đến lão tử. Đó là được xe dê để ra khỏi nhà lửa. quán mười hai nhân duyên sanh. Hai, Lộc xa. Kế đến quán vô minh diệt cho đến Dùng nai kéo xe, nên gọi là xe lão tử diệt. Quán nhân duyên sanh, nai, dụ cho bậc Duyên giác, tu diệt như vậy thì ngộ được phi sanh mười hai nhân duyên, cầu mong ra phi diệt. Vì vậy dùng mười hai khỏi ba cõi. Kinh nói: Giống những nhân duyên làm xe chuyên chở. đứa con kia, vì muốn cầu xe nai để Ba, Bồ tát thừa. ra khỏi nhà lửa. Tiếng Phạn là Bồ tát, nói đủ là Ba, Ngưu xa. Bồ đề tát đoả, tiếng Hoa là Giác Dùng trâu kéo xe, nên gọi là xe hữu tình, giác ngộ cho tất cả hữu trâu, dụ cho bậc Bồ tát, tu lục độ, tình chúng sanh. Bồ tát tu lục độ, chỉ muốn độ người ra ngoài ba cõi, giáo hoá rộng lớn chúng sanh, ra mà

không cầu cho mình. Giống khỏi sanh tử; nên lấy lục độ làm xe như trâu chuyên chở nặng nề, chịu chuyên chở.

TAM THỪA QUÁN Ruộng này có kênh rạch dẫn MÔN nước tiện lợi, không có cát, muối, (Thiên Thai tứ giáo gạch đá, gai gốc. Trồng một thu nghi lập chú). hoạch được 100.
Dùng để dụ cho căn tánh lanh lợi của Bồ tát. Trí Một, Thinh văn quán khổ để vi huệ sáng suốt, lợi ích cho chúng sơ môn. sanh, không bao giờ hết. Đó là Khổ tức là khổ sống, chết trong ruộng số một. ba cõi. Đế là xem xét sự thật một Đệ nhị điền. cách kỹ lưỡng. Ruộng này tuy không cát muối, Thinh văn biết quả khổ mà dứt trừ gạch đá, gai gốc; kênh rạch dẫn tập nhân, nếu chuộng sự vắng lặng nước vào khó khăn; thu hoạch mùa mà tu đạo phẩm (37 phẩm trợ đạo). màng giảm đi một nữa; lấy để dụ Quán sát thật kỹ năm ấm tạo thành căn tánh Thinh văn hơi chậm lụt, cái thân sống, chết này, tức là gốc tuy chứng được vô lậu, chỉ để lợi của các khổ. Vì vậy bước đầu tiên mình, không thể độ sanh. Đó là là quán sát khổ đế. ruộng số hai, (vô lậu là Thinh văn Hai, Duyên giác quán tập đế vi hoặc nghiệp đã dứt, không còn rơi sơ môn. vào sanh tử trong ba cõi). Tập có nghĩa gom nhóm. Đệ tam điền. Nguyên nhân là phiền não, chiêu Ruộng này tuy kênh rạch dẫn tập quả khổ sanh tử. nước khó khăn, có nhiều cát muối, Bậc Duyên giác, ở trong 12 gạch đá, gai nhọn, trồng một được nhân duyên, bắt đầu từ vô minh một, vì bị cỏ dại mọc đầy; lấy để dụ quán sát. Vô minh thuộc tập đế, người xiển đề, không có tín tâm đối hiểu rõ quả khổ đúng là do tập nhân với Phật pháp. Đó là ruộng số ba mà sanh ra. Vì vậy quán tập đế là (xiển đề, tiếng Phạn là Nhất xiển bước mở đầu. đề, tiếng Hoa là Tín bất cụ, tên của Ba, Bồ tát quán đạo đế vi sơ ngoại đạo). môn. Đạo là lục độ, Bồ tát vì lợi tha, TAM THẢO rộng thực hành lục độ để giáo hoá (Pháp hoa kinh văn cú).
chúng sanh. Vì vậy quán đạo đế là bước đầu. Thảo là dược thảo (cỏ thuốc). Dược thảo đã thấm nhuần mưa TAM ĐIỀN DỤ TAM móc, đã sanh trưởng mà lại hay trị CHỦNG NHÂN hết các thứ bệnh, hay thay đổi thân (Niết bàn kinh). thể từ xấu đến tốt;
dùng để thí dụ người tu năm thừa, đã nghe giáo lý Đệ nhất điền pháp hoa, trí huệ vô lậu, liền được tăng trưởng, hay phá tan vô minh

hoặc: mở ra tri kiến Phật; cho nên Voi qua sông là dụ cho bậc Bồ dùng ba loại cỏ thuốc để dụ cho tát. năm thừa. (năm thừa là Bồ tát, Bồ tát tu lục độ vạn hạnh, lợi Duyên giác, Thinh văn, Thiên, ích chúng sanh, dứt trừ kiến, tư Nhân). hoặc và trừ bỏ hết tập khí, chứng Một, Tiểu thảo. được Bồ đề, như voi qua sông, đến Tiểu thảo dụ cho nhân, thiên bờ bên kia vậy. (Tập khí là thói thừa. Mưa pháp đã thấm thừa, tất quen của kiến, tư còn sót lại ,, sau cả đã được thấm nhuần, nhưng căn khi đã diệt kiến, tư hoặc). cơ của trời, người; gốc rễ nhỏ yếu Hai, Mã độ hà. nên chưa thu nhập được nhiều lợi Ngựa qua sông là dụ cho bậc ích, nên gọi là tiểu thảo. Duyên giác. Tu 12 nhân, Duyên Hai, Trung thảo. giác dứt kiến, tư hoặc, tuy đã dứt Trung thảo dụ cho Thinh văn, tập khí nhưng chưa hết hoàn toàn, Duyên giác. Người tu hai thừa này, để chứng được lý chân không; thọ nhận mưa pháp của Phật, nhưng giống như ngựa qua sông, tuy vì căn tánh Đại thừa mới vừa tăng không tận cùng mà cũng khó sâu trưởng. Nên gọi là trung thảo. thẳm. Ba, Thượng thảo. Ba, Thố độ hà. Thượng thảo dụ tam tạng Bồ Thỏ qua sông là dụ cho bậc tát. Những vị Bồ tát này thọ nhận Thinh văn. Tu Tứ đế, Thinh văn mưa pháp của Phật, cây cối tốt đoạn trừ kiến, tư hoặc, chưa thể trừ tươi, sầm uất khắp nơi. Mình và tập khí và

chỉ chứng được lý chân người đều được nhiều lợi ích, nên không, giống như thỏ qua sông, chỉ gọi là thượng thảo. nổi trên mặt nước mà qua bên bờ kia, không thể sâu thẳm được. TAM THÚ ĐỘ HÀ (Thiên Thai tứ giáo TÌ KHƯU TAM NGHĨA nghi và pháp hoa huyền nghĩa) (Đại trí độ luận). Tam thú dụ cho Tam thừa. Tiếng Phạn là Tỳ kheo, tiếng Sông dụ cho lý không. Với thông Hoa là Trừ cẩn. giáo: Thinh văn, Duyên giác, Bồ Chúng sanh phước mỏng, từ tát, đồng tu ra khỏi ba cõi, mong đầu không có Phật pháp nuôi chứng lý không, nhưng căn cơ lớn, dưỡng, chịu quả báo nhiều đói nhỏ; địa vị và tu tập có cạn, sâu khát, thiếu thốn. Người xuất gia, khác nhau; giống như voi, ngựa, giới hạnh là phước điền tốt, trừ thỏ cùng qua sông, nhưng cạn, sâu được nhân của quả đói khát, thiếu không giống nhau; nên dùng ba thốn, nên gọi là trừ cẩn (cận). điều này làm ví dụ. Một, Phá ác. Một, Tượng độ hà.

Tỳ kheo tu giới, định, huệ có lan nhã, tiếng Hoa là Nhàn tịnh thể phá trừ ác kiến, tư, nên gọi là xứ). phá ác. Ba, Thanh tịnh tăng. Hai, Bố ma. Những vị này bổn tánh của họ Tiếng Phạn gọi đủ là Ma la, thanh tịnh, nghiêm giữ giới luật, Tiếng Hoa là Sát. Có nghĩa là hay thông hiểu kinh, luận, không bị các giết huệ mạng của người. Tỳ kheo ma làm trở ngại, lại hay khéo dạy đã tu đạo, ma nói thầm với nhau dỗ và đem đến lợi ích cho tất cả rằng, không để người này ra khỏi chúng sanh, vì mọi người nói tướng ranh giới của ta, cũng chẳng thể khinh, trọng của giới, đáng được thay đổi được nó, không phải là xưng tụng là bậc vô thượng đại sư quyến thuộc của ta, ma rất sợ hãi, hộ giới. Đó là thanh tịnh tăng. nên gọi là bố ma. Ba, Khất sĩ. LUẬT SƯ TAM PHÁP Khất là cầu xin- sĩ là thanh nhã. (Phổ kiến tỳ bà sa Tỳ kheo thường cầu xin thức ăn, tự luật) mình nuôi sống một cách trong sạch. Trên cầu Phật pháp để nuôi Một, Bổn tỳ ni tạng. dưỡng trí huệ, dưới cầu thức ăn để Tiếng Phạn là Tỳ ni, tiếng Hoa nuôi dưỡng sắc thân; nên gọi là là Luật. Luật sư thì ắt phải,trước khất sĩ. nhất, đối với Tỳ ni phúng tụng cú nghĩa; luận bàn thông suốt; văn tự TAM CHỦNG TĂNG không quên. Sau đó, có thể trao truyền, dạy dỗ cho người khác. (Niết bàn kinh) Như vậy mới đáng gọi là luật sư. Một, Phạm giới tạp tăng. Hai, Kiên trì bất tạp. Những vị này tuy trì giới cấm, Để gọi là luật sư là phải nuôi nhưng vì lợi dưỡng, cùng với kẻ lòng tàm quý để kiên trì giới luật. phạm giới kết bè giúp đỡ cùng Đối với tạng luật phải có sớ giải ý chung sự nghiệp, tiêm nhiễm nhiều nghĩa về văn cú, thì chắc chắn mới thứ, cư trú không đúng nơi. Do đó thông hiểu. Nếu có người hỏi thì mà đưa đến phá giới. Đó là phạm lần lượt mà trả lời rành mạch. Như giới tạp tăng. vậy mới đáng gọi là luật sư. Hai, Ngu si tăng. Ba, Thọ trì bất vong. Những vị này, tuy ở nơi thanh Để gọi là luật sư thì, đối tạng tịnh mà các căn không lanh lợi, ngu luật, phải được thầy truyền lại; phải si, chậm chạp, không hiểu rõ kinh, biết thứ tự và lý do truyền thọ, luật, luận. Đối với các đệ tử hoặc giống như Phật đã truyền cho Ưu phạm giới, cũng không thể dạy bảo, ba ly. Thứ lớp như thế, thầy này khiến cho sám hối được thanh tịnh. qua thầy khác truyền thừa cho đến Đó là ngu si tăng. (Tiếng Phạn là A bây giờ. Đứng về mặt danh tự, hoặc

có thể biết rõ, hoặc có thể biết một, Ba, Danh tự Sa di. hai mà không được quên hết. Có Người có thể ngưng làm các được như vậy thì mới đáng gọi là việc ác, siêng làm các việc lành, luật sư. đều gọi là Sa di danh tự, từ 20 tuổi trở lên, đều gọi là danh tự Sa di. TAM VIÊN MÃN (Du già sư địa luận). TAM CHỦNG THIÊN (Niết bàn kinh) Một,

Hạnh viên mãn. Lắng nghe chánh pháp, nương Thiên là thiên nhiên (vũ trụ) là pháp tu hành, lại có thể vì người tự nhiên (tự nó vốn như vậy). Mọi khác mà diễn thuyết chánh pháp. thứ tốt hơn, nên gọi là thiên. Hạnh lợi mình, lợi người đã xong. Một, Thế gian thiên. Đó là hạnh viên mãn. Các vị vua trong những nước Hai, Quả viên mãn. lớn của tất cả mọi nơi trong mười Do tu hành thì có thể chứng phương thế giới. Những vị này, tuy được quả Niết bàn, thành tựu đầy ở cõi người mà hưởng thọ phước đủ. Đó gọi là quả viên mãn. cõi trời. Đó là thế gian thiên. Ba, Sư viên mãn. Hai, Sanh thiên. Sư tức là thầy mình học đạo. Tất cả chúng sanh tu nhân thập Nhờ thầy đại diện cho Phật nói thiện, hưởng thọ quả báo ấy, hoặc pháp dạy dỗ ta, lại còn hướng dẫn sanh lên cõi trời dục giới, hoặc tu hành, khiến đến nơi thành công sanh lên cõi trời sắc giới, hoặc sanh viên mãn. Đó là sư viên mãn. lên cõi trời vô sắc giới. Đó là sanh thiên. SA DI TAM DANH Ba, Tịnh thiên. (phiên dịch danh Thinh văn, Duyên giác dứt các nghĩa) phiền não, được thần thông lớn, biến hóa tự tại, trong sạch không Tiếng Phạn là Sa di, tiếng Hoa nhiễm ô. Đó là Tịnh thiên. là Tức từ. Nghĩa là dứt ác, làm lành. TAM GIỚI Một, Khu ô Sa di. (Hoa nghiêm khổng mục). Tuổi còn nhỏ có thể làm công việc đuổi quạ, từ bảy tuổi đến 12, Giới là hạn, là cách biệt. ba cõi 13 tuổi đều là khu ô Sa di. có giới hạn riêng biệt không giống Hai, Ứng pháp Sa di. nhau, nên gọi là giới. Là người có thể giữ giáo pháp Một, Dục giới. của người xuất gia, từ 14 tuổi đến Dục có bốn thứ là: 1/ tình dục; 19 tuổi đều gọi là ứng pháp Sa di 2/ Sắc dục; 3/ Thực dục; 4/ dâm (Sa di nghe pháp). dục.

Thấp nhất là A tỳ địa ngục, cao TAM SỰ NHÂN THẮNG nhất cõi trời thứ sáu Tha hoá; nam, CHƯ THIÊN nữ chung chạ nhau sanh nhiều đắm (Đại tỳ bà sa nhiễm, ham muốn; gọi là dục giới. luận) (Tiếng Phạn la A tỳ, tiếng Hoa vô gián- cõi trời thứ sáu tha hoá: trời Một, Năng dũng mãnh. cõi này mượn bộ phận dục lạc của Chư thiên ham mê dục lạc, kẻ khác rồi hoá ra tự vui sướng không chịu tiến tu, còn người, tuy lấy). chưa thấy quả thường lạc, nhưng Hai, Sắc giới. hay tu các khổ hạnh, siêng năng Sắc là sắc chất. Tuy lìa xa sắc không lười biếng. Đó là sự dũng xấu xa của dục giới, nên có được mãnh hơn chư thiên. sắc trong sạch. Bắt đầu từ trời Hai, Năng ức niệm. Phạm thiên sơ thiền đến cõi cuối Chư thiên ham mê, dục lạc, trí cùng là trời A ca nhị tra (trời sắc huệ thường mờ tối, còn người thì cứu cánh). Sắc giới có 18 cõi trời hay nhớ những gì đã nói, đã làm xa và không có hình thể nữ giới, cũng xưa, rành mạch rõ ràng, chắc chắn, không có ham muốn tham đắm, tất không quên mất. Đó là nhớ nghĩ cả đều hoá sanh, vẫn còn sắc chất, hơn chư thiên. nên gọi là sắc giới. (Tiếng Phạn là Ba, Năng phạm hạnh. A ca nhị tra, tiếng hoa là Chất ngại Phạm là tịnh (trong sạch). Chư cứu cánh, 18 cõi là trời Phạm thiên ham mê dục lạc, không chịu chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại tiến tu tịnh nghiệp, con người lúc Phạm, trời Thiểu quang, trời vô mới phát tâm, hay trồng thiện căn lượng quang, trời Quang âm; trời thù thắng, thích giữ giới luật, cuộc Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời sống trong sạch. Đó là hay làm Biến tịnh, trời Vô vân; trời Phước hạnh lành hơn chư thiên. sanh, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, DIÊM PHÙ ĐỀ NHÂN TAM SỰ trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời THẮNG DƯ TAM CHÂU Sắc cứu cánh). Ba, Vô sắc giới. (Trường A hàm kinh) Chỉ có tâm thức không có sắc Tiếng Phạn là Diêm phù đề, chất. Bắt đầu từ trời không xứ. Có tiếng Hoa là Thắng kim châu, tức là tất cả bốn cõi, chỉ có bốn tâm. Thọ ,

Nam châu. tưởng, hành, thức mà không có ba châu là Đông phất vu đãi, hình chất, nên gọi là vô sắc giới. Tây cù da ni, Bắc uất đơn việt. (bốn cõi trời vô sắc là: không vô Một, Dũng mãnh cường ký. biên xứ thiên, thức vô biên xứ Người ở Nam châu, đối với thiên, vô sở hữu xứ thiên, Phi phi giáo pháp hăng hái độc tụng nhớ, tưởng xứ thiên).

nghe rộng rãi, tâm không quên mất. nên hay rước lấy bao nhiêu đau khổ ba châu kia còn lại, thì không như sống chết. Nếu có người vì ta mà thế. nói pháp, khiến cho biết được tai Hai, Cần tu phạm hạnh. hoạ của phiền não mà diệt trừ nó Người ở Nam Châu, đối với đi. Ân ấy khó đền đáp. phạm hạnh trong sạch, thì hay Ba, Linh đắc lậu tận giả. siêng năng tu tập, đến lúc chứng Chúng sanh sống chết, mê đạo quả. ba châu còn lại thì không lầm vừa hết, không còn rơi vào ba được như thế. cõi. Nếu có người vì ta mà nói Ba, Phật xuất kỳ độ. pháp, khiến cho như pháp tu hành, Châu Nam là nước trung tâm phá trừ được phiền não, xa lìa khổ văn vật, tất cả thánh hiền đều xuất sanh tử và chứng được cái vui chân thế ở đó. Dân ở châu này dễ dạy không Niết bàn. Ân ấy khó đền đáp bảo. Đó là lý do Phật giáng sang ở Thái tử tam phi đây, ở đất nước này. ba Châu còn lại các bậc thánh ấy không thị hiện. (Kinh Thuỵ ứng và Phiên dịch danh nghĩa) TAM CHỦNG NHÂN Kinh nói: Lúc Thái tử mười bảy NAN BÁO tuổi, được dâng nộp ba cung phi để (Đại tỳ bà sa luận) làm bạn học. Cung phi thứ nhất tên là Cù Di. Tiếng Phạn: Cù Di, tiếng Phật bảo Tỳ kheo, ta thấy có ba Hoa: Minh nữ. Cha của nàng là loại người, ở trong các loài hữu thương gia Thuỷ Quang. Khi nàng tình, thu thập được nhiều lợi ích, và được sanh ra, lúc mặt trời sắp lặn , ân đức của họ khó đền trả. Giả sử mà ánh sáng còn sót lại chiếu sáng dùng y phục đến hết tuổi thọ của khắp nhà, nên đặt tên là Cù Di; thân mạng này tốt nhất, thức ăn, cung phi thứ hai là Da Du. Tiếng nước uống hảo hạng, ngoạ cụ, Phạn: Da Du, tiếng Hoa: Hoa sắc, thuốc thang thượng hạng đến tức là mẹ của La hầu la, cha của những nhu cầu khác, để cúng nàng là trưởng giả Di Thí; cung phi dường các vị đó cũng không thể thứ ba là Lộc Dã, cha của nàng là báo đền. trưởng giả Thích. Một, Linh xuất gia giả. Tam Thiện Tri Thức Nếu có người vì ta mà nói pháp, khuyên bảo ta xuất gia, cạo (chỉ quán) tóc, nhuộm áo, dùng tâm chánh tín Tri thức là nghe tên kính đức, giữ gìn tịnh giới, cho đến khi thành gọi là tri, thấy hình cung kính vâng tựu Bồ đề. Ân ấy khó đền trả. lời, gọi là thức. Vì người tu hành Hai, Linh tri tập pháp giả. muốn chứng được đạo quả, phải do Tập là chứa nhóm. Chúng sanh bậc tri thức dạy bảo. Tri thức đồng chứa nhóm phiền não hoặc nghiệp hành thì sách tấn mình tiến lên

đường đạo, tri thức ngoại hộ thì Thân tưởng là đối với cha, mẹ, nuôi dưỡng mình. Cả ba đều đầy đủ anh, em và thân thích bằng hữu, thì mới có thể đi đến thành công, v.v... đều sanh lòng thân yêu, nên gọi là thiện tri thức . thương mến. Một, Giáo thọ thiện tri thức. Ba, Trung nhân tưởng. Tuyên truyền lời Phật dạy gọi Trung nhân tưởng là đối với là giáo, răn dạy ta gọi là thọ, tức là người không oán không thân, ta thầy giáo Thọ. Người thông thạo cũng có lòng thương yêu họ. phương tiện trong ngoài, vượt qua Tam tư những trở ngại và đều có thể quyết (Hoa nghiêm kinh sớ sao) định mọi vấn đề. Đó gọi là giáo thọ Một, Thẩm lự tư: Là khi ý trù thiện tri thức. tính so đo mà chưa thể hiện ra hành Hai, Đồng hành thiện tri thức. động , nên gọi là thẩm lự tư. Người tu quán hạnh, nhắc nhở Hai, Quyết định tư: Là ý đã lẫn nhau tiến lên trên đường học quyết

định và đã thể hiện ra hành tập, đồng tâm quyết chí như cùng động , nên gọi là quyết định tư. đi trên một con thuyền qua sông, Ba, Động phát tư: Duy thức nên gọi là đồng hành thiện tri thức. luận nói: suy tư của thân gọi là thân Ba, Ngoại hộ thiện tri thức. nghiệp, suy tư phát ra lời nói gọi là Hộ giống như giúp đỡ, lo lắng ngữ nghiệp. Đó gọi là động phát tư. sắp đặt những điều cần thiết để Tam ác giác giúp đỡ người tu hành, hoặc có (Niết bàn Kinh và Tông người hà hiếp thì có thể chống trả cảnh lục) lại dùm, nên gọi là ngoại hộ thiện Giác là tri giác. Tông cảnh lục tri thức . nói: Nếu chỉ tu sự định thì tu tập Tam tướng thế thiền. Tuy gọi là tu hành mà (Đại trí độ luận). vẫn còn sanh ác giác nên không chế Kinh Bát nhã nói: Bồ tát muốn ngự được ý thức nên chưa dứt trừ thành vô thượng đạo nên khởi tâm được căn nguyên của nó. Kinh nói: bình đẳng. Đối với tất cả chúng tất cả phàm phu, tuy khéo bảo hộ sanh không thiên lệch, bè phái mà thân tâm, vẫn còn sanh vào ba loại đều sanh tâm yêu thương như bà ác giác. con, không sanh tâm ghét bỏ, cũng Một, Dục giác. không sanh tâm bàng quan, nên gọi Dục túc là tham dục. Tất cả là tam tưởng. người phàm phu, không thấu rõ tai Một, oán tưởng. hoạ của năm trần mà theo cảnh Oán tưởng là nếu có người thuận tình có vô số tham cầu mà muốn hại ta và hại anh, em, cha, sanh ra ác giác. mẹ ta, ta cũng sanh lòng thương Hai, Nhuế giác. Nhuế tức là oán yêu, thân thiết. giận. Tất cả người phàm phu, Hai, Thân tưởng. không thấu rõ tai hoạ của năm trần,

nên đối với cảnh trái ý, nghịch tình nói theo bốn cách trên là khẩu thiện có vô số giận tức mà sanh ra ác nghiệp. giác. Ba, Ý nghiệp. Ba, Hại giác. Tất cả người Ý nghiệp là nghiệp do ý khởi phàm phu thường bị xâm hại bởi lên, có thiện, có ác. Nếu tham dục, oán tặc của giác quán, nên gọi là sân nhuế, tà kiến là nghiệp ác của hại giác. (Giác quán: sơ tâm ý; ngược lại là nghiệp thiện của ý. vướng vào duyên gọi là giác. Tế Tam phước điền. tâm phân biệt gọi là quán). (Ưu bà tắc giới kinh). Tam báo Một, Báo ân phước điền. (Từ bi thuỷ sám). Ân nuôi dưỡng của cha mẹ, ân Một, Hiện báo. dạy dỗ của sư trưởng, nếu có thể Đời hiện tại làm ác thì thân hiện cúng dường, cung kính không chỉ tại chịu quả báo ác. Đời hiện tại báo đáp được các ân ấy mà còn làm lành thì thân hiện tại hưởng được phước. Đó là báo ân phước quả báo lành. Đó là hiện báo. điền. Hai, Sanh báo. Hai, Công đức phước điền. Đời này làm ác, làm thiện thì Nếu có thể cung kính, cúng đời sau sẽ nhận quả báo xấu , tốt. dường Tam bảo Phật, Pháp, Tăng Đó gọi là sanh báo. không những thành tựu vô lượng Ba, Hậu báo. công đức mà còn được phước. Đó Hoặc sống trong vô lượng quá là công đức phước điền. khứ, làm thiện, làm ác, ở trong đời Ba, Bần cùng phước điền. sống này nhận quả báo thiện, ác, Nếu thấy người khổ sở, bần hoặc sống trong vô lượng vị lai cùng nên khởi tâm thương xót, nhận quả báo thiện, ác. Đó gọi là dùng tiền của ta có được đem bố thí hậu báo. cho họ, tuy không mong báo đền Tam nghiệp mà tự nhiên cũng được phước. Đó (Tích huyền ký) là bần cùng phước điền. Một, Thân nghiệp. Tam phước nghiệp Thân nghiệp là nghiệp do thân (Kinh Tăng nhất a hàm). làm ra, có thiện có ác. Nếu sát Một, Thí phước nghiệp. sanh, trộm cướp, tà dâm, tức là Người tu hành, nếu gặp người nghiệp ác của thân . Nếu không sát bần cùng đến xin nên đem cho họ , không dâm, không đạo, tức là thức ăn, quần áo, thuốc men theo nghiệp lành của thân. nhu cầu của họ. Nhờ bố thí mà Hai, Ngữ nghiệp. được phước, đó gọi là thí phước Ngữ nghiệp là nghiệp do miệng

nghiệp. nói ra, có thiện, có ác. Nếu nói lời Hai, Bình đẳng phước nghiệp. vọng ngôn, ỷ ngữ, ác khẩu, lưỡng Người tu hành có khả năng giữ thiệt là nghiệp ác khẩu. Nếu không gìn giới luật, không sanh tâm ác,

phạm hạnh nghiêm túc, nói năng (Tăng nhất A hàm hoà nhã. Bằng tâm từ bi che chở, kinh). thương yêu cho tất cả loài hữu tình, Một, Như Lai sở ưng cúng khiến chúng được an vui, yên ổn. dường. Bằng tâm bình đẳng mà đem lại Như Lai xuất hiện ở thế gian là phước đức, đó là bình đẳng phước muốn đem lại lợi lạc cho tất cả nghiệp. chúng sanh, là bậc tối tôn, tối Ba, Tư duy phước nghiệp. thượng ở trong trời, người. Những Người tu hành bằng trí huệ kẻ không hàng phục được, Ngài đã quán sát, biết rõ pháp yếu, xa lìa hàng phục rồi. Những kẻ không ai tâm tạp nhiễm trần duyên của thế cứu giúp, Ngài đã cứu giúp rồi. gian. Bằng tư duy này, là phước Những kẻ được độ thoát khổ đau, nghiệp lành ra khỏi thế gian, đó là Ngài đã độ thoát rồi. Vì nhân duyên tư duy phước nghiệp. ấy, tất cả trời, người nên phải cúng Tam cúng dường dường. (Phổ Hiền hạnh nguyện Hai, A la hán sở ưng cúng sớ). dường. Một, Tài cúng dường. Tiếng Phạn là A la hán, tiếng Lấy của báu ở thế gian và lấy Hoa là Vô học. Vì A la hán đã hết những phẩm vật tốt nhất cúng sanh tử, phạm hạnh đã hoàn tất, mà dường chư Phật, Bồ tát. Đó là tài còn có thể đem lợi ích cho loài hữu cúng dường. tình, là mộng phước của người đời. Hai, Pháp cúng dường. Vì nhân duyên ấy, tất cả trời, người Dựa vào giáo pháp Phật nói ra đều nên cúng dường. tu tất cả hạnh, cho đến không Ba, Chuyển luân thánh vương buông bỏ việc làm của Bồ tát, sở ưng cúng dường. không xa lìa tâm Bồ đề. Đó là lấy Chuyển luân thánh vương luôn pháp cúng dường chư Phật và Bồ dùng chánh pháp để cai trị thiên hạ, tát, nên gọi là pháp cúng dường. khiến cho nhân dân không sát sanh, Ba, Quán hạnh cúng dường. không trộm cướp, không có các lỗi Dựa vào diệu quán trung đạo, lầm, đều hưởng được ân đức theo quán sát tâm trong một niệm, có nhu cầu của từng người. Vì nhân đầy đủ pháp của ba đế, không hề duyên này, tất cả người dân đều thiếu sót. Chúng sanh và chư Phật nên cúng dường. bình đẳng không hai. Phiền não và sanh tử tức là Bồ đề, Niết bàn. TAM NGHIỆP Từng niệm quán sát như vậy, ấy là (Tích huyền ký). cúng dường chư Phật , Bồ tát. Đó là quán hạnh cúng dường.(Tan đế là Một, Thân nghiệp. chân đế, tục đế và trung đế). Thân nghiệp là những gì mà Tam ưng cúng dường thân làm ra; có lành, có dữ. Nếu sát

sanh, trộm cắp, tà dâm là nghiệp ác TAM PHƯỚC NGHIỆP của thân. Không sát sanh, không (Tăng nhất A hàm) trộm cắp, không tà dâm là nghiệp lành của thân. Một, Thí phước nghiệp. Hai, Ngữ nghiệp. Người tu hành, nếu gặp người Ngữ nghiệp là những gì, mà nghèo khổ đến xin ăn thì có cơm miệng nói ra, có lành, có dữ. Lời cho cơm, có áo cho áo, cho đến toạ dối trá, lời thêu dệt; lời ác độc; hai cụ, thuốc thang, tuỳ theo ý muốn lưỡi. Đó là nghiệp ác của miệng. của họ đều đem san sẻ. Nhờ đó Nói ngược lại là nghiệp thiện của được phước. Đó là thí phước miệng. nghiệp. Ba, Ý nghiệp. Hai, Bình đẳng phước nghiệp. Ý nghiệp la những gì từ ý móng Người tu hành, hay giữ gìn giới lên, có thiện, có ác. Nếu ý móng luật, không nổi lên lòng ác, phạm lên tham muốn, sân hận, tà kiến, đó hạnh đoan nghiêm, yêu thương che là nghiệp ác của ý. Nếu ngược lại là chở cho tất cả chúng sanh, khiến nghiệp lành của ý. cho được an ổn. Dùng tâm bình đẳng nên có thể đem lại phước đức TAM PHƯỚC ĐIỀN cho mình. Đó là bình đẳng

phước (Ưu bà tắc giới kinh) nghiệp. Ba, Tư duy phước nghiệp. Một, Báo ân phước điền. Người tu hành, dùng trí huệ Ân cha mẹ nuôi dưỡng. Ân quan sát, hiểu rõ những pháp quan thầy tổ dạy bảo. Nếu hay cúng yếu, xa lìa tư tưởng trần duyên tạp dường, cung kính, không những loạn của thế gian. Bằng tư duy này, báo đền những công ân ấy, lại còn làm nên nghiệp phước thiện xuất được phước. Đó là báo ân phước thế. Đó là tư duy phước nghiệp. điền. Hai, Công đức phước điền. TAM CÚNG DƯỜNG Nếu hay cung kính, cúng dường (Phổ hiền hạnh nguyện ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng, sớ) chẳng những thành tựu công đức vô lượng mà còn được nhiều phước Một, Tài cúng dường. báo. Đó là công đức phước điền. Dùng của báu ở thế gian và vô Ba, Bần cùng phước điền. vàn phẩm vật tốt đẹp nhất cúng Nếu thấy người nghèo nàn, dường đầy đủ chư Phật, Bồ tát. Đó khốn khổ, mở lòng thương xót, là tài cúng dường. dùng những gì mình nuôi sống để Hai, Pháp cúng dường. cung cấp cho họ. Tuy không cầu Nương theo giáo pháp Phật nói, báo đáp, nhưng cũng được phước. tu tập các hạnh, cho đến không rời Đó là bần cùng phước điền. hạnh nghiệp Bồ tát, không xa lìa

tâm Bồ đề. Đó là dùng pháp cúng Ba, chuyển luân thánh vương dường chư Phật, Bồ tát. Đó là pháp sở ứng cúng dường. cúng dường. Chuyển luân thánh vương luôn Ba, Quán hạnh cúng dường. dùng chánh pháp cai trị, dạy dỗ Nương theo trung đạo diệu thiên hạ, khiến cho nhân dân trong quán mà quán sát ở một niệm của nước của ông không sát sanh, tâm có đầy đủ pháp của tam đế; không trộm cướp, không có các không hề thiếu sót. Chúng sanh, điều lỗi lầm, ác hại, đều thấm chư Phật bình đẳng không có hai, nhuần ân trạch, ai nấy đều toại Phiền não, sanh tử tức là Bồ đề, nguyện. Vì nhân duyên ấy, tất cả Niết bàn. Quán sát từng niệm từng nhân dân đều nên cúng dường. niệm, đó là cúng dường chư Phật, Bồ tát. Đó là quán hạnh cúng TAM CHỦNG THỊ ĐẠO dường.
(Bát nhã kinh) TAM ƯNG CÚNG Thị là khai thị (chỉ bày). Đạo là DƯỜNG dẫn đạo (dẫn dắt). Bồ tát thấy chúng sanh ở trong địa ngục, chịu (Tăng nhất A hàm rất nhiều quả báo cực khổ, thì khởi kinh) tâm cứu giúp, nên có ba loại thị đạo Một, Như lai sở ưng cúng (chỉ bày đạo pháp). dường. Một, Thần biến thị đạo. Phật xuất hiện thế gian, hết thảy Bồ tát thương xót chúng sanh ở vì muốn lợi ích chúng sanh, là bậc trong địa ngục khổ đau, nên hiện tôn quý nhất trong trời, người. sức thần thông, diệt trừ tất cả khí cụ Những người chưa phục tùng thì đã làm cho chúng sanh đau khổ như phục tùng. Những người chưa được vạc dầu sôi, lửa cháy, rừng đao, núi cứu giúp thì đã được cứu giúp. kiếm, khiến cho chúng sanh nương Những người chưa được độ thoát nhờ thần biến ra khỏi địa ngục, thì đã độ thoát. Vì nhân duyên ấy, sanh vào cõi trời, người; hưởng thọ tất cả trời, người nên cúng dường an vui. Đó là thần biến thị đạo. Phật. Hai, Ký thuyết thị đạo. Hai, A la hán sở ưng cúng Bồ tát thương xót chúng sanh ở dường. địa ngục khổ đau kia, nên luôn luôn Tiếng Phạn là A la hán, tiếng nhớ đến không quên, và vì họ mà Hoa là Vô học. Vì A la hán sanh, tử nói pháp, khiến cho nương nhờ đã hết, phạm hành đã vững vàng, pháp lực ra khỏi địa ngục, sanh vào mà còn có thể lợi ích cho chúng cõi trời, người được hưởng an vui. sanh, làm phước điền cho đời. Vì Đó là ký thuyết thị đạo. nhân duyên ấy tất cả trời người đều Ba, Giáo giới thị đạo. nên cúng dường A la hán.

Bồ tát thương chúng sanh chịu Nghiệp lực của cá và rồng ở trong khổ trong địa ngục, liền phát tâm từ biển làm cho mùi vị của rượu bi, hỉ xả, nói pháp dạy dỗ, khiến không biến đổi, bèn sân hận đố kỵ cho họ nhờ vào sự dạy dỗ này ra thề bỏ rượu, nên gọi là vô tửu) khỏi địa ngục, sanh vào cõi trời, người, hưởng an vui. Đó là giáo TAM CHỦNG LỄ PHẬT giới thị đạo. (Hoa nghiêm kinh khổng mục). TAM THIỆN ĐẠO Một, Thành quá lễ. (Tứ giáo nghi tập chú). Khi lễ Phật, thân không ngay Là trời, người, A tu la cùng tu thẳng, mà còn khinh mạn. Lễ giống tập thập thiện, tuy có thượng phẩm, như giả gạo. Phật bảo là có lỗi. Đó trung phẩm, hạ phẩm không giống là thành quá lễ. nhau, nhưng đều gọi là thiện thọ Hai, Tương tự lễ. (con đường lành). Khi lễ Phật, thân thể dường như Một, Thiên đạo. ngay thẳng, nhưng trong tâm xen Thiên là trời, ba cõi dục, sắc, và nhiều niệm tạp. Đó là tương tự lễ. vô sắc. Vì tu thượng phẩm thập Ba, Thuận thật lễ. thiện, còn tu thiền định của thế gian Khi lễ Phật, thân thể ngay thẳng mà được sanh vào cõi ấy. Đó là và cùng chánh trí tương ưng, thuận thiên đạo. với lý chân thật. Đó là thuận thật lễ. Hai, Nhân đạo. Nhân là người khắp bốn châu TAM PHÁT TÂM nhờ thực hành ngũ thường, ngũ (Phiên dịch danh nghĩa) giới, lại thực hành trung phẩm thập thiện mà được sanh vào trong cõi Một, Phát đại trí tâm. ấy. Đó là nhân đạo (bốn châu là Muốn dùng trí huệ, rộng cầu tất Nam thiện bộ châu, Tây ngưu hoá cả Phật pháp, khiến cho tất cả châu, Đông thắng thần châu, Bắc chúng sanh đều được niềm vui của câu lô châu. năm thường là nhân, pháp hỉ. Đó là phát đại trí tâm. nghĩa, lễ, trí, tính). Hai, Phát đại bi tâm. Ba, Tu la đạo. Thương yêu tất cả chúng sanh Tiếng Phạn là A tu la, tiếng luân hồi sanh tử, chịu vô vàn đau Hoa là vô tửu. Tuy thực hành ngũ khổ, thệ nguyện cứu giúp và trừ hết thường, lòng ham muốn hơn người khổ đau của chúng sanh. Đó là phát khác. Thực hành hạ phẩm thiện đại bi tâm. đạo, sau được vào cõi ấy. Đó là tu Ba, Phát đại nguyện tâm. la đạo, cũng gọi là tiên đạo. (Vô Nương vào bốn thệ nguyện lớn, tửu là tu la ở trong bốn châu thiên phát tâm vô thượng Bồ đề, trên cầu hạ hái hoa ủ rượu ở biển lớn.

Phật đạo, dưới giáo hoá chúng Chí là chuyên nhất; thành là sanh. Đó là phát đại nguyện tâm. thành thật. Chúng sanh ở cõi Ta bà muốn TAM PHÁT TÂM sanh về nước Cực lạc, phải phát (Thích thị yếu lãm). tâm thành thật, chuyên nhất, chánh niệm chân như (trước sau như Một, Yếm ly hữu vi phát tâm. một), cầu nguyện vãng sanh, nên Người chán ghét các pháp hữu gọi là chí thành tâm. vi ở thế gian hay chiêu tập khổ Hai, Thâm tâm. sống, chết trong ba cõi. Muốn xa Cầu Phật quả vô thượng thì tâm lìa khổ này thì phải phát tâm tu phải khế hợp với lý sâu xa, phải hành. Đó là yếm ly hữu vi phát trồng căn lành sâu dày. Kinh Niết tâm. bàn nói: Căn sâu khó nhổ, nên gọi Hai, Sở cầu Bồ đề phát tâm. là thâm tâm (tâm sâu). Người sẵn có căn lành đời Ba, Phát nguyện tâm. trước, đầy đủ chánh tri kiến, muốn Dùng tâm chân như chân thật, cầu đạo xuất thế, liền phát tâm tu hướng về kết quả của thiện tâm. hành. Đó là sở cầu Bồ đề phát tâm. Công đức của hai tâm này, khéo léo Ba, Nhiêu ích hữu tình phát hồi hướng, phát nguyện vãng sanh tâm. tịnh độ, mau chứng pháp nhẫn, Hữu tình tức là chúng sanh. rộng trừ tất cả khổ não của chúng Người phát khởi tâm từ bi thương sanh, nên gọi là phát nguyện tâm. nhớ tất cả chúng sanh chịu khổ (pháp nhẫn là đối với pháp vô sanh, sanh tử trong thế gian, liền phát tin tưởng và chứng được). tâm tu hành, nguyện dứt

trừ khổ đau ấy và đem đến an vui cho TAM CHỦNG PHÁT BỒ chúng sanh. Đó là nhiêu ích hữu ĐỀ TÂM tình phát tâm. (khởi tín luận) TAM CHỦNG PHÁT Một, Trực tâm. TÂM Là tâm thường thật thà ngay (Quán kinh diệu tông thẳng, xa lìa nịnh hót quanh co, hay sao). thực hành chánh pháp, tức là tâm Bồ đề. Kinh quán vô lượng thọ Phật Hai, Thâm tâm. nói: nếu có chúng sanh muốn sanh Là đối với chánh pháp, sanh về nước Cực Lạc, thì phải phát ba tâm tin tưởng sâu xa và lại còn ưa loại tâm mới được vãng sanh về cõi tu tất cả hạnh lành, tức là tâm Bồ ấy. đề. Một, Chí thành tâm. Ba, Đại bi tâm.

Bi là thương xót, lo toan. Hai, Thân thanh tịnh. Thương xót tất cả chúng sanh chịu Bồ tát tu học Bát nhã, tâm đã khổ, thường suy nghĩ cứu giúp thanh tịnh, thọ lại thân sau, thường chúng, khiến cho chúng được an được hoá sanh. Đó là thân thanh lạc, tức là Bồ đề tâm. tịnh. Ba, Tướng thanh tịnh. TAM HẠNH cũng gọi là Tam Bồ tát tu học Bát nhã; tâm, thân chủng nghiệp đều đã thanh tịnh, thì đầy đủ tướng (Đại trí độ luận và chánh tốt, trang nghiêm thân thể. Đó là pháp niệm xứ kinh) tướng thanh tịnh. Một, Phước hạnh. THANH TỊNH TAM Nhờ tu thập thiện và các phước NGHIỆP lành khác nữa, quả báo sanh lên cõi dục giới hoặc làm trời, hoặc làm (Anh lạc kinh) người và A tu la hưởng thọ phước Kinh nói: Tu Bồ đề hỏi về sắc lạc, nên gọi là phước hạnh. thân của Phật. Phật bèn dùng ba Hai, Tội hạnh. nghiệp, trả lời ông. (Tiếng Phạn là Do làm các tội ngũ nghịch, thập Tu Bồ đề, tiếng Hoa là Không ác, quả báo sanh vào địa ngục, ngạ sanh, hay còn gọi là Thiện hiện). quỷ, súc sanh, gánh chịu tội khổ, Một, Thân hành thanh tịnh. nên gọi là tội hạnh. (ngũ nghịch là Hành động của thân, có thể giết cha mẹ, phá hoà hợp tăng, làm phòng ngừa tất cả pháp chẳng lành. thân Phật chảy máu, giết A la hán, Đó là thân nghiệp thanh tịnh. phá yết ma tăng). Hai, Khẩu ngôn chân thành. Ba, Vô động hạnh. Tất cản những lời nói ra chân Cũng gọi là bất động hạnh. Tu thật, thành tín, luôn luôn xa lìa lời thiền định ở thế gian, quả báo sanh tà vọng, Đó gọi là khẩu nghiệp lên cõi trời sắc giới, vô sắc giới. thanh tịnh. Tâm định không động, nên gọi là Ba, Ý nghiệp chuyên hướng vô động hạnh. đạo. Thân tâm gìn giữ, thường ở nơi TAM CHỦNG THANH vắng vẻ, không hề có tạp niệm. Đó TỊNH là ý nghiệp thanh tịnh. (Đại trí độ luận) TAM NGHIỆP CÚNG Một, Tâm thanh tịnh. DƯỜNG Bồ tát tu học Bát nhã, không sanh tâm nhiễm trước, không sanh (Pháp hoa văn cú) tâm kiêu mạng, không sanh tâm Một, Thân cúng dường. keo kiệt, không sanh tâm tà kiến. Đó là tâm thanh tịnh.

Thân chí thành kính lễ chư Nếu hay hiếu dưỡng cha mẹ, Phật, Bồ tát. Đó là thân cúng nuôi nấng kính trọng sư trưởng, thì dường. tâm từ chắc chắn không giảm bớt, Hai, Khẩu cúng dường. tu mười nghiệp lành. Đó là tịnh Miệng nói lời tán thán, khen nghiệp. ngợi công đức chư Phật, Bồ tát. Đó Hai, Thọ từ tam quy đẳng là khẩu nghiệp cúng dường. nghiệp. Ba, Ý nghiệp cúng dường. Quy y ba ngôi Phật, pháp, tăng Tâm ý trang nghiêm ngay thẳng Tam bảo, giữ giới đầy đủ, oai nghi nghĩ nhớ đến tướng tốt chư Phật, nghiêm chỉnh. Đó là tịnh nghiệp. Bồ tát. Đó là ý nghiệp cúng dường. Ba, Phát Bồ đề tâm đẳng nghiệp. TAM CHỦNG TỊNH Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa NGHIỆP là Đạo. Phát tâm vô thượng Bồ đề, (Quán vô lượng thọ tin sâu nhân quả, tụng kinh Đại Phật kinh) thừa, khuyến khích người tu hành tấn tới. Đó là tịnh nghiệp. Kinh nói: Vi đề hy

bạch Phật rằng: Thưa đức Thế Tôn, con nay TAM THÍ rất thích sanh về thế giới Cực lạc, (Đại trí độ luận). nước của Phật A di đà, xin đức Thế Tôn, dạy con tư duy, dạy con thiền Một, Tài thí. định. Khi ấy Thế Tôn dùng ba thứ Tự mình giữ gìn giới luật, tịnh nghiệp để đáp lại cách tư duy không xâm phạm tài sản của người, và mộtsáu pháp quán nhiệm mầu về ngược lại hay lấy tài sản của mình thiền định. Vì vậy nên biết ba thứ cho người khác. Đó là tài thí. tịnh nghiệp là nhân vãng sanh về Hai, Pháp thí. tịnh độ. (Tiếng Phạn là Vi Đề Hy, Đã bố thí tài sản, lại còn vì tiếng Hoa là Tư duy. Tiếng phạn là người nói pháp, khiến cho họ được A di đà, tiếng Hoa là Vô lượng thọ- khai ngộ chánh pháp. Đó là pháp 16 pháp quán vi diệu là nhật quán, thí. thuỷ quán, địa quán, bảo thọ quán, Ba, Vô uý thí. bát công đức thuỷ quán, tổng quán, Tất cả chúng sanh đều sợ chết, hoa toà quán, tượng quán, Phật người giữ giới, không có tâm giết chân thân quán, Quán thế âm quán, hại, khiến cho họ không sợ. Đó là Đại thế chí quán, phổ tướng quán, vô uý thí. tạp tướng quán, thượng bối quán, trung bối sanh quán, hạ bối sanh TAM THÍ quán). (Hoa nghiêm kinh sớ sao) Một, Hiếu dưỡng phụ mẫu đẳng nghiệp. Một, Ẩm thực thí.

Thấy người đói khát thì lấy TAM CHỦNG BẤT KIÊN DỊCH thức ăn, thức uống cứu giúp sự TAM KIÊN PHÁP khốn khổ đói khát của họ. Đó là hạ (Bổn sự phẩm thí kinh) Hai, Trân bảo thí. Thấy người nghèo khổ, liền lấy Một, Bất kiên tài mậu dịch kiên tài sản quý báu chu cấp sự thiếu tài. thốn của họ. Đó là trung phẩm thí. Tất cả tài sản ở thế gian vốn Ba, Thân mạng thí. không chắc chắn, có đó rồi mất đó Cắt thịt của thân thể cứu giúp vô thường, không thể giữ gìn lâu. chúng sanh đói khát thì gọi là thân Nếu được người tu phạm hạnh thí. Nếu bố thí hết thân thể, mạng dùng vào việc bố thí thanh tịnh, sống cũng không còn thì gọi là mong cầu vô thượng an vui Niết mạng thí. Việc bố thí này rất khó bàn, hoặc cầu được quả báo an lạc rất nặng. Đó là thượng phẩm thí. trời, người đời sau thì liền trở thành tài sản chắc chắn, vĩnh cửu không TAM LUÂN THỂ lui mất. Đó là dùng tiền của không KHÔNG chắc chắn biến thành tiền của chắc (Năng đoạn kim cang chắn. kinh luận) Hai, Bất kiên thân mậu dịch kiên thân. Khi bố thí phải hiểu người cho, Thân do cha mẹ sanh ra, là do người nhận và vật đem cho đều vốn tứ đại tạm bợ hợp thành, bất an không, thì mới có thể vượt thoát không thật. Thân thể không chắc tướng chấp trước. Đó là tam luân chắn, còn mất khó lường, không thể không thể giữ gìn lâu xa. Nếu có khả năng Một, Thí không. giữ gìn ngũ giới, sạch sẽ không ô Đã biết vô ngã thì tâm mong nhiễm, tu tập đạo vô thượng Bồ đề, cầu phước báo cũng không. Đó là để chứng được thân kim cang bất thí không. hoại. Đó là biến đổi thân không Hai, Thọ không. chắc chắn thành thân chắc chắn. Đã hiểu được người cho vốn vô Ba, Bất kiên mạng mậu dịch ngã, cũng không có người nhận. Đó kiên mạng. là thọ không. Mạng sống mà con người có Ba, Thí vật không. được đây; thọ, yểu chẳng giống Vật là tiền của quí báu, có thể nhau, tựa như mộng ảo, thể của nó hiểu thấu tất cả đều không, há có chẳng vững chắc mà còn vô thường vật để mà cho sao. Đó là thí vật mau chóng, không thể nào giữ lâu không được. Nếu thấu hiểu Tứ đế, tu tập chánh pháp, vượt ra ngoài sanh tử để tiếp nối huệ mạng thường còn.

Đó là dùng mạng không vững bền Vì vậy gọi là Nhiếp thiện pháp biến đổi thành mạng vững bền. giới. Ba, Nhiếp chúng sanh giới. TAM TỤ GIỚI Là hay nhiếp thọ tất cả chúng

(Bồ tát giới nghi sớ và sanh, hay thu nhiếp hành động, tức pháp uyển châu lâm). là từ bi, hỷ xả. Từ là thương nhớ, vì đem đến an vui cho chúng sanh. Bi Tụ: tập trung. Giới là ngăn cấm. là thương xót, vì hay diệt trừ khổ ba loại giới này có thể thu nhiếp tất cho chúng sanh. Hỷ là vui mừng vì cả giới Đại thừa, nên gọi là tam tụ thấy tất cả chúng sanh lìa khổ được giới. Pháp uyển châu lâm nói: Bậc vui. Xả là không ghét không đại thánh độ người thành công chỉ thương, thường nhớ chúng sanh ở giới. Trang nghiêm luận nói: giới cùng được tâm không ghét không đầu tiên cốt yếu dùng để ngăn thương. Dùng các pháp này thu ngừa, sau đó hai giới là nhiếp thiện nhiếp chúng sanh. pháp giới và nhiếp chúng sanh giới lấy siêng năng, dũng mãnh làm thể. TAM SỰ GIỚI Một, Nhiếp luật nghi giới. (Đại bảo tích kinh) Là tất cả luật nghi đều tập trung, thu nhiếp điều lành và các Một, Thân tịnh giới. giới Đại thừa. Thân nhận các giới không có Luật tức là luật pháp, có nghĩa sai sót, không vi phạm. Đó là thân là ngăn cấm. Nghi tức là nghi thức, tịnh giới. có nghĩa là khuôn phép. Pháp uyển Hai, Ngôn tịnh giới. châu lâm nói: Nhiếp luật nghi chủ Tất cả lời ăn tiếng nói của mình yếu có bốn : 1/ không được vì lợi không có nịnh hót, dối trá, không dưỡng, khen mình chê người; 2/ đúng sự thật. Đó là ngôn tịnh giới. không được keo kiệt, không bố thí Ba, Ý tịnh giới. cho người ngoài. 3/ không được để Trừ hết ý nghĩ ác, xa lìa tham tâm sân nổi lên, đánh chưởi chúng dục. Đó là ý thanh tịnh. sanh; 4/ không được chê bai kinh điển Đại thừa. Giữ gìn bốn pháp DIỆT HỮU TAM NGHĨA này, tất cả ác lìa xa. Vì vậy gọi là (Hoa nghiêm kinh Nhiếp luật nghi giới. Tuỳ sớ diễn nghĩa sao). Hai, Nhiếp thiện pháp giới. Là tất cả việc mình làm, đều Hoa nghiêm kinh sớ nói: Tiếng hay thu nhiếp tất cả pháp lành. Tất Phạn là Tỳ ni hoặc phiên âm là cả động tác của thân, miệng, ý đều diệt. Diệt có ba nghĩa. làm vì pháp lành và ba huệ học Một, Diệt nghiệp phi. văn, tư, tu; thu nhiếp bố thí, lục độ. Giới hay diệt trừ sát sanh, trộm cắp và bao nhiêu tội nghiệp của lỗi

lầm, sai trái. Vì vậy gọi là diệt Trang là đoan trang. Nghiêm là nghiệp phi. nghiêm sức. Hai, Diệt phiền não. Khi Bồ tát phát tâm, siêng năng Giới có khả năng diệt trừ tham, tu tập tất cả phạm hạnh, trang sân, si và tất cả phiền não. Vì vậy nghiêm đạo quả, lại còn giáo hoá gọi là diệt phiền não. chúng sanh, thị hiện thọ sanh trong Ba, Đắc diệt quả. tam giới; cho đến vì từ bi vào trong Nhờ giới nên đã diệt được địa ngục, thay thế chúng sanh chịu nghiệp và phiền não và liền chứng khổ, tâm chưa từng nghỉ ngơi. Đó quả vô vi tịch diệt. Vì vậy gọi là là trang nghiêm tinh tấn. đắc diệt quả. Hai, Nhiếp thiện pháp tinh tấn. Bồ tát đã tu lục độ, phạm hạnh, TAM CHỦNG NHẪN không bị phiền não, tà kiến khuynh HẠNH đảo, lay động; thu giữ tất cả pháp (Chư kinh yếu tập) lành thế gian và xuất thế gian, tâm không buông lung. Đó là nhiếp Một, Thân nhẫn hạnh. thiện pháp tinh tấn. Khi Bồ tát tu tập thì xả bỏ thân Ba, Lợi ích chúng sanh tinh tấn. mạng, tài sản không chút luyến Bồ tát luôn luôn tu tập thánh tiếc; thân thể, tuy bị cắt xéo, nhưng đạo, đem lợi ích cho tất cả chúng vẫn chịu đựng. Đó là thân nhẫn sanh, dùng vô lượng pháp dạy dỗ, hạnh. dìu dắt chúng sanh, khiến cho hết Hai, Khẩu nhẫn hạnh. thảy diệt trừ nhân ác, thành tựu quả Khi Bồ tát tu tập, tuy bị người lành; dù trải qua vô số kiếp như vi xem thường, ghen ghét, mắng trần, tâm không mỏi mệt. Đó là lợi chưởi, đánh đập; nghe rồi nên ích chúng sanh tinh tấn. nhẫn, không nổi tâm hơn thua, đấu tranh. Đó là khẩu nhẫn hạnh. TAM CHỦNG THẮNG DŨNG Ba, Ý nhẫn hạnh. MÃNH Lúc Bồ tát

tu tập tuy bị người (Đại thừa trang chỉ trích, chê bai, mắng chưởi, làm nhục, sân hận, trách móc; nghe rồi nghiêm kinh luận). nên nhịn, đừng nổi tâm giận dữ, thù Một, Nguyện thắng dũng mãnh. hận. Đó là ý nhẫn hạnh. Nguyện tức là thệ nguyện. Lúc bắt đầu tu hành phải phát bốn thệ TAM CHỦNG TINH nguyện lớn, phát tâm thật mạnh TẤN mẽ, thành Phật (giác ngộ), rộng (Bồ tát thiện giới giáo hoá chúng sanh biết được kinh) công đức tối thắng. Đó là nguyện thắng dũng mãnh. (bốn thệ nguyện Một, Trang nghiêm tinh tấn. lớn là 1/ Thề nguyện độ hết chúng

sanh không giới hạn; 2/ Thề như phù du. Dùng phương pháp sổ nguyện dứt hết phiền não không kể tức để thanh lọc suy nghĩ, thì có thể xiết; 3/ Thề nguyện học hết vô phá hết hoặc nghiệp, tâm ở trong lượng pháp môn; 4/ Thề nguyện chánh định. Đó là kiến lập tu định thành vô lượng Phật đạo- Tiếng nghiệp luân. Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa là đạo). Hai, Kiến lập tập tụng nghiệp Hai, Hạnh thắng dũng mãnh. luân. Hạnh là công việc mình làm. Dạy bảo chúng sanh tu tập, đọc Chí tâm học đạo thì có thể làm tụng kinh điển Đại thừa. Đầu, giữa, được hạnh nhiệm mầu. Phát tâm cuối đêm siêng năng không lười mạnh mẽ, quyết hướng về Bồ đề. biếng. Tâm không tán loạn thì có Đó là hạnh thắng dũng mãnh. thế phá hết hoặc nghiệp. Đó là kiến Ba, Quả thắng dũng mãnh. lập tập tụng nghiệp luân. Quả là kết quả do tu nhân mà Ba, Kiến lập doanh phước ra. Nhất tâm siêng năng tu các hạnh nghiệp luân. mầu nhiệm, phát tâm mạnh mẽ, Dạy dỗ chúng sanh tu tập bố quyết cầu thành Phật. Vào một thí, giữ giới, đắp tượng, xây tháp, ngày kia sẽ cùng tất cả Phật bình cúng dường Phật, Pháp, Tăng, lại đẳng, không hai. Đó là quả thắng còn làm nhiều việc phước báo, thì dũng mãnh. có thể phá hết hoặc nghiệp. Đó là kiến lập doanh phước nghiệp luận. TAM CHỦNG ĐỊNH NGHIỆP LUÂN TAM THẮNG HỌC (Địa tạng thập (Du già sư địa luận). luân kinh) Một, Tăng thượng giới học. Định là thiền định. Nghiệp là Thọ trì cụ túc giới Đại thừa hay hạnh nghiệp. Luân là xoay tròn, Tiểu thừa, khắc phục lỗi lầm, sái nghiền nát. Phật dùng thiền định để quấy, thành tâm oai nghi. Đối với tụng, tu tập xoay chuyển bánh xe giới pháp đã có thể tăng trưởng ích pháp, nghiền nát tất cả phiền não, lợi. Đó là tăng thượng giới học. hoặc nghiệp mà thành vô thượng Hai, Tăng thượng tâm học. Bồ đề; cùng khiến cho chúng sanh Nên bỏ các pháp bất thiện ở dục tu hành theo lời Phật dạy mà chứng giới. Hãy vào sơ thiền cho đến được đạo quả. Vì vậy nói ba thứ thiền thứ tư. Đối với các tâm đã định nghiệp luân này. định tĩnh nên có thể tăng trưởng lợi Một, Kiến tập tu định chánh ích. Đó là tăng thượng tâm học. quán. Ba, Tăng thượng huệ học. Quán sát tướng nổi lên và diệt Đối với pháp Tứ đế, biết đúng mất của vô minh, phiền não và như thật. Đó là tăng thượng huệ quán sát cuộc đời như mộng ảo, học.

TAM SỰ VÔ TẬN Người tu tập trong 21 ngày, (Chúng đức Tam chứng được giới căn thanh tịnh. muội kinh). Trong đó tướng chứng được cũng có ba phẩm không giống nhau. Nếu Một, Bố thí vô tận. trong 21 ngày, hoặc thấy được Bồ tát ưa thích bố thí, không mộng lành linh ứng, hoặc hiểu ra keo kiệt tiền của, cho đến mạng các căn sáng tỏ thanh tịnh, thân tứ sống cũng có thể đem cho, tâm đại nhẹ nhàng lanh lợi, tâm đạo không biết chán. Đó là bố thí vô phát khởi mạnh mẽ. Đó là tướng từ tận. thanh tịnh của giới căn hạ phẩm. Hai, Trì giới vô tận. Nếu trong 21 ngày, trong lúc tu tập, Bồ tát giữ gìn giới cấm, chưa toạ thiền bỗng thấy ánh sáng ngũ từng sai phạm. Thấy người phạm sắc

thanh tịnh, nghe được mùi giới, thương xót buồn rầu. Thấy hương mầu nhiệm và tiếng khen người giữ giới tôn trọng, kính yêu. ngợi vi diệu; thân, tâm vui sướng Lại dùng giới pháp truyền trao cho chứng được niềm vui của pháp. Đó người khác, tâm không biết chán. là tướng thanh tịnh giới căn trung Đó là trì giới vô tận. phẩm. Nếu trong 21 ngày, thân tâm Ba, Bác văn vô tận. vắng lặng, hoặc tự thấy được thân Bồ tát nghe pháp như thế, liền mình mặc pháp phục thanh tịnh, oai ra sức phụng hành, suy nghĩ cách nghi nghiêm chỉnh, thân tướng đem dạy cho người khác, nên phải đoan nghiêm, tín tâm rộng mở, học rộng tất cả kinh điển, những chứng được niềm vui của pháp, nghệ thuật ở thế gian, tất cả đều am không còn gì sợ sệt. Đó là tướng tường, lão luyện; luôn mong được thanh tịnh giới căn thượng phẩm. nghe được học, tâm không chán ba phẩm này là tất cả tướng chứng nản. Đó là Bác văn vô tận. được của hành giả hạ căn. Hai, Trung căn chứng tướng. TAM CHỦNG CHỨNG TƯỚNG Khi người tu tập thiền định, BẤT ĐỒNG chứng được thanh tịnh định căn, (Pháp hoa sám tướng trong đó chứng được cũng có nghi) ba phẩm không giống nhau. Nếu Tu tập Pháp hoa Tam muội, lúc tọa thiền, bỗng nhận ra thân tâm trong 21 ngày, nhất tâm siêng năng trong sạch, phát khởi các thiền có ba tướng chứng được không định, phân biệt rõ ràng giác, quán. giống nhau, do nguyên nhân của Tâm thái hoàn toàn vui mừng. Đó người tu, căn tánh không giống là tướng thanh tịnh căn hạ phẩm. nhau. Nếu lúc tọa thiền, thân tâm an Một, Hạ căn chứng tướng. định, nhận rõ hơi thở ra vào dài hay ngắn, nhẹ nhàng. Các lỗ chân lông toàn thân thở ra, hít vào không trở

ngại. Hoặc thấy các tướng bất tịnh trí huệ lớn. Đối với pháp Phật đã ở thân thể của mình, nhờ phát khởi nói, hiểu rõ ý nghĩa nhiệm mầu, có thiền định, thân tâm được yên vui, nói cũng không cùng. Đó là tướng trong thiền định vắng lặng. Đó là của huệ căn trung phẩm. tướng thanh tịnh định căn trung Nếu khi tu tập toạ thiền, niệm phẩm. Phật, tụng kinh, thân tâm bỗng Nếu lúc toạ thiền, thân tâm an nhiên thanh tịnh, vào sâu trong ổn vắng lặng, nhờ thân ngũ ấm này thiền định giác, huệ rõ ràng, chứng mà hiểu ra vô thường, khổ, không, được tổng trì vô ngại, được sáu căn là mộng ảo không thật, cho đến tất thanh tịnh, mở ra tri kiến của Phật, cả các pháp không sanh không diệt, đứng vào hàng Bồ tát. Đó là tướng giống như hư không, vô vi vắng chứng được của huệ căn thượng lặng, chán ghét, xa lìa thế gian, phẩm. Đây là tướng ba phẩm mà thương xót nhớ nghĩ tất cả. Đó là hành giả thượng căn chứng được. tướng thanh tịnh căn thượng phẩm. Ba tưởng này nằm trong những TAM THIỆN CĂN tướng hành giả trung căn chứng (A tỳ đạt ma tập dị môn được. túc luận) Ba, Thượng căn chứng tướng. một, Vô tham thiện căn. Lúc tu tập thiền định chứng Đối với cảnh ngũ dục không được huệ căn thanh tịnh, trong đó tham, không mê đắm, không yêu, tướng chứng được cũng có ba không thích. Đó là pháp không phẩm khác nhau. tham; đó là chủng tánh thiện có thể Nếu trong khi tu tập toạ thiền, làm được vô lượng căn bản pháp niệm Phật, tụng kinh, bỗng thấy lành. Nên gọi là vô tham thiện căn. thân tâm như mây như khói, mộng Hai, Vô sân thiện căn. ảo không thật. Nhờ tâm hiểu biết Đối với tất cả chúng sanh này mà trí huệ được phát triển, thấu không sanh tâm giận hờn, không hiểu các pháp chẳng thấy chướng lòng làm tổn hại. Đó là pháp không ngại. Đối với kinh, luận hiểu rõ, sân, chủng tánh thiện đó có thể làm giải thích ý nghĩa theo từng căn

cơ; vô số pháp lành căn bản. Vì vậy gọi những câu hỏi khó đều trả lời thông là vô sân thiện pháp. suốt. Đó là tướng chứng được của Ba, Vô si thiện pháp. huệ căn hạ phẩm. Đối với tất cả pháp đều hiểu rõ Nếu khi tu tập tọa thiền, niệm thấu suốt. Biết đó là pháp lành, biết Phật, tụng kinh, thân tâm vắng lặng đó là pháp không lành, biết đó là tựa như hư không. Ở trong trí huệ pháp gây ra tội, biết đó là pháp chân chánh, tận mắt thấy Bồ tát không gây ra tội, biết đó là pháp Phổ hiền và vô lượng Bồ tát. chính phải tu, biết đó là pháp không phải mình đi nhiễu cung kính trước cảnh tu. Đây là pháp không si mê, là hiện tiền ấy. Đó là đã chứng được

chủng tánh thiện có thể làm vô tại. Đó gọi là phước nhân phước lượng pháp lành căn bản. Đó là vô quả. si thiện pháp. Ba, Trí nhân trí quả. Tu tập tất cả nhân trí huệ, có TAM LẠC thể chứng Tam thừa và quả Phật. (Đại bảo tích kinh). Đó gọi là trí nhân trí quả. (Tam thừa là Thinh văn, Duyên giác, Bồ Một, Thiên lạc. tát). Thiên là thiên nhiên, là tự nhiên là nơi an vui thù thắng, là nơi thân LONG HỮU TAM HOẠN thể đẹp đẽ nhất, nên gọi là trời (Chư kinh tập yếu). (thiên) Hai, Thiền lạc. Rồng là loài lớn nhất sống Người tu hành vào các thiền trong nước, có thể ẩn, có thể hiện, định, nhất tâm thanh tịnh, muôn lúc lớn, lúc nhỏ; nhưng loại này có mối lo nghĩ đều dứt hết, tự nhiên an tai nạn. vui trong cõi thiền, nên gọi là thiền Một, Nhiệt phong nhiệt sa lạc. hoạn. Ba, Niết bàn lạc. Tất cả loài Rồng, nếu gặp gió Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng nóng, cát nóng phủ lên thân thì bị Hoa là Diệt độ. Người tu hành đã cháy da thịt cho đến xương cốt, lìa bỏ khổ sanh tử, chứng được sự chịu đau khổ vô cùng, nên gọi là tai an vui của Niết bàn. Kinh nói: nạn. sanh, diệt hết rồi; vắng lặng là an Hai, Ác phong bạo khởi hoạn. vui. Tất cả loài Rồng, nếu gặp gió dữ thổi mạnh,vảy che thân của nó, tự nhiên, không còn; thân của Rồng TAM NHÂN TAM QUẢ hiện ra, chịu khổ não, nên gọi là tai (Du già sư địa luận) nạn. Ba, Úy kim xí điểu hoạn. Một, Dị thục nhân dị thục quả. Tất cả loài Rồng, đang lúc vui Đời sau mới chín (thục)nên giờ sướng, bị Kim xí vào Long cung, gọi là dị thục. Đời này đã làm nhân bất Rồng con mới sanh ăn mất, thì thiện hay ác thì quả thiện, ác cảm thật là sợ hãi, nên gọi là tai nạn. thọ ở đời sau. Vì vậy gọi là dị thục nhân dị thục quả TAM CHỦNG QUỈ Hai, Phước nhân phước quả. THẦN MA Nhân bố thí, trì giới, nhẫn nhục, (Thích thiền ba la thì cảm nhận vô số sự nghiệp ở đời mật thứ đệ pháp môn) hiện và vị lai, đều là được quả tự

Ma có thể hiện các hình tướng vật đến để não loạn người tu hành. khác nhau, làm não loạn người tu Người tu hành phải nhận biết ngay hành, làm chướng ngại ngăn che và nhất tâm nhắm mắt, thầm mắng thiền định. Nếu không khéo phân nó rằng: nay ta biết ngươi rồi, biệt trước trừ khử nó đi thì để cho người là kẻ ở trong Diêm phù đề, ma được phần thuận lợi, làm cho ăn lửa, ngửi hương các thứ, ưa phá thân tâm lo sợ có hại đến siêng giới. Ta, nay, giữ giới, không hề sợ năng và đạo nghiệp khó thành. người và tụng giới luật để trừ nó đi. Một, Tinh mị quỉ. Quỉ ấy liền bỏ đi, không còn quấy Tinh thần thay đổi, chán ghét rối ta nữa. (Tiếng Phạn là Dạ xoa, lừa dối với người. Trong 12 giờ, thì tiếng Hoa là Dũng Kiện. Tiếng tý (từ 23 giờ hôm trước đến một Phạn là ma ha, tiếng Hoa là lớn. giờ hôm sau), sửu (từ một giờ đến Tiếng Phạn là Câu na hàm, nói đủ ba giờ đêm) thì các con thú hay là Câu na hàm mâu ni, tiếng Hoa là hiện nhiều hình tướng, hoặc trẻ Kim tịch. Tiếng Phạn là Tỳ kheo, nam trẻ gái hay ông già và nhiều tiếng Hoa là

Khất sĩ. Tiếng Phạn là hình tướng đáng sợ, não loạn người Diêm phù đề, tiếng Hoa là Thắng tu hành. Mỗi con theo đúng giờ của kim châu) nó thì đến; phải khéo phân biệt Ba, Ma la quỷ. nhận thức rõ ràng. Nếu phần nhiều Tiếng Phạn là Ma la, tiếng Hoa đến giờ mão (từ năm giờ đến bảy là Năng đoạt mạng, vì có thể cướp giờ) thì đến thì chắc là loài chồn, mất trí huệ mạng của người tu loài thỏ. hành. Loài quỷ này hay biến ra ba Gọi đúng tên nó thì tinh mị tức loại hình tướng, quấy rối người tu: thì tan biến. Loài đến những giờ một. Hiện ra những tướng trái với còn lại đều có thể biết được. Gọi lòng ưa thích, như sắc xấu, tiếng tên của nó ra thì liền tiêu mất ác.v.v...năm trần đáng sợ, Hai, Đôi dịch quỉ. cho đến hiện ra cọp, sói, sư tử, la Đôi dịch là ác quỉ dạ xoa. Ma sát v.v...; hai. Hiện ra những tướng ha chỉ quán nói: Vào thời mạt pháp hợp lòng, thích ý, như gái đẹp, của Phật Câu na hàm có một vị Tỳ tiếng dịu dàng năm trần đáng yêu , kheo thích quấy rối chúng tăng, bị cho đến hiện ra hình tướng của cha đuổi ra khỏi chúng, bèn phát lời thề mẹ v.v...; ba. Hiện ra những tướng ác rằng thường làm cho người toạ không ghét, không ưa, như hình thiền bứt rứt, phiền muộn. Loại quỉ tướng của năm trần bình thường. này cũng hay hiện ra nhiều hình Dùng ba việc trên, hoặc làm cho sợ tướng khác nhau, hoặc hiện ra côn sệt, hoặc làm cho đắm nhiễm, đều trùng bám vào người, cắn đốt trên hay làm rối loạn tâm của người tu đầu, mặt; hoặc ôm giữ người lại; hành, và khiến cho thiền định hoặc nhái lại lời nói với âm thanh không thể phát triển được. rất to và biến ra các hình thù thú

NGẠ QUỶ TAM sanh vào chốn này; vì vậy gọi là ác CHƯỚNG đạo (đường ác) (Du già sư địa luận) Một, địa ngục đạo. Nơi này ở dưới địa cầu, ở giữa Một, Ngoại chướng. núi thiết vi; có tám ngục nóng và Loại ngạ quỉ này thường chịu tám ngục lạnh. Chúng sanh tạo ra đói khát, da thịt máu huyết đều khô những ác nghiệp rất nặng, đoạ vào đét, đầu tóc rối bù, mặt mũi đen đường này, nên gọi là địa ngục đạo. đúa, miệng môi nứt nẻ, thường (tám địa ngục lạnh là Át phù đà; Nê dùng lưỡi liếm miệng, mặt; lo lắng, lại phù đà; A trá trá; A ba ba; Âu sợ hãi chạy khắp mọi nơi kiếm ăn; hầu; Uất ba la; ba đầu ma; Phần đà đến được nơi có suối, hồ thì nước lị. tám địa ngục nóng là tưởng liền biến thành máu mủ, không thể ngục; hắc thằng; đôi áp; khiếu nào uống được. Những quỷ như hoán; đại khiếu hoán; thiêu chích; thế, do chướng ngại bên ngoài mà đại thiêu chá; vô gián). không ăn uống được. Đó gọi là Hai, Ngạ quỉ đạo. ngoại chướng, Có ba loại: 1/ tội nghiệp rất Hai, Nội chướng. nặng, nhiều kiếp không nghe tên Loại ngạ quỉ này thì cuống nước uống; 2/ chỉ tìm tòi những thứ họng nhỏ như cây kim, miệng ô uế như nước tắm giặt, máu mũ, giống như lửa đốt, bụng nó rất lớn. cứt đái của người đời để sống; 3/ Vì lý do này, nếu được ăn uống, thỉnh thoảng được ăn no một bữa không thể nào ăn uống cho được. thì liền gây ra những ác nghiệp cho Những loại quỷ như thế, do chướng chúng sanh. Do keo kiết, tham lam ngại ăn, uống từ bên trong; nên gọi nên sanh vào đường này. Vì vậy là nội chướng. gọi là ngạ quỷ đạo. Ba, Vô chướng. Ba, Súc sanh đạo. Loại ngạ quỉ này có tên là mãnh Mang lông, đội sừng, vảy diệm man, tuy ăn, uống không bị móng, lông lá, bốn chân, nhiều chướng ngại, nhưng tuỳ vật được chân, có chân, không chân, đi lại ăn, uống đều bị lửa đốt cháy biến dưới nước, trên đất, trong không thành than đỏ. Vì lý do này, đói trung v.v... ấy là do ngu si, tạo tác khát rất khổ. Đó gọi là vô chướng. ác nghiệp của chúng sanh, nên sanh vào đường này. Vì vậy gọi là

súc TAM ÁC ĐẠO sanh đạo. (Thiên thai tứ giáo nghi TAM ĐỒ ĐỐI TAM ĐỘC tập chú). Đạo có nghĩa là thông suốt. Tất (Từ bi thuỷ sám) cả chúng sanh tạo nghiệp ác nên Một, Hoả đồ đối sân phẫn.

Hoả đồ là địa ngục. Đó là nơi Ba, Ác trong ác. chúng sanh chịu khổ, thường là sự Tự mình bỏn xẻn Phật pháp lại thiêu đốt, khổ sở, bức bách của vạc dạy cho người bỏn xẻn Phật pháp. dầu sôi, lò than nóng, v.v..., nên Do một người bỏn xẻn Phật pháp kinh Tứ giải thoát gọi là tam đồ. Vì thì khiến có nhiều người đọa vào tâm chúng sanh không từ bi, đường ác, cũng là cách đoạn diệt thường ôm lòng sân hận, đến nỗi Phật pháp, nên gọi là ác trong ác. cảm thọ quả báo như vậy. Vì vậy gọi là hoả đồ đối sân phẫn. TAM VÔ MINH Hai, Đao đồ đối xan tham. (Phật thuyết quyết định Đao đồ là ngạ quỉ đạo. Là nơi nghĩa kinh). chúng sanh chịu khổ sở bằng dao, gậy, nên kinh tứ Giải thoát gọi là Một, Si vô minh. đao đồ, vì do chúng sanh không có Người ngu si, tối tăm, chậm tâm bố thí, thường ôm lòng keo chạp, không hiểu việc gì, còn đối kiệt, tham lam, đến nỗi cảm thọ quả với chánh pháp không sanh lòng tin báo này; nên gọi là đao đồ đối xan tưởng. Chỉ theo tà sư, tà giáo; chấp tham. chặc sai lầm kiến thức điên đão. Đó Ba, Huyết đồ đối ngu si. là si vô minh. Huyết đồ là súc sanh đạo. Nơi Hai, Mê vô minh. ấy chúng sanh chịu khổ, kẻ mạnh Người tối tăm không hiểu biết. hiếp kẻ yếu, ăn nuốt lẫn nhau, uống Hoặc đối cảnh của năm trần không máu ăn thịt, nên kinh tứ Giải thoát quán sát tai hại của nó, bèn khởi gọi là huyết đồ. Vì chúng sanh lòng tham nhiễm. Đó là mê vô không có trí huệ, ngu si không hiểu minh. biết gì, đến nỗi cảm thọ quả báo Ba, Điên vô minh. này, nên gọi là huyết đồ đối ngu si. Người không có một chút gì hiểu biết, đối với chánh pháp còn TAM CHỦNG ÁC khởi lên tà kiến, điên đão; như thường cho là vô thường, lạc cho là (Thành thật luận) phi lạc, v.v.... Đó là điên vô minh. Một, Ác. TAM TUỲ PHIỀN NÃO Ác nghĩa là trái với đạo lý. Sát sanh, trộm cắp,v.v... đều là những (Hoa nghiêm kinh việc làm trái với đạo lý, nên gọi là tuỳ sơ diễn nghĩa sao). ác. Các pháp hôn trầm, phiền não, Hai, Đại ác. loạn động, theo đuổi lâu dài không Tự mình giết hại, lại còn bảo bỏ, nên gọi là tuỳ phiền não. người giết hại, tự mình keo kiệt, lại Một, Tiểu tuỳ phiền não. còn bảo người keo kiệt; đó là đại Mười thứ phẫn, hận, phú, não, ác. tật, xan, cuống, siểm, hại, kiêu,

khác nhau nhưng phát khởi theo tượng sai lầm và khởi lên các điên từng bộ phận. Vì vậy gọi là tiểu tuỳ đảo. Đó gọi là tưởng điên đảo. phiền não. Hai, Trung tuỳ phiền não. TAM ĐỘC Hai thứ vô tàm, vô quý cùng (Pháp giới thứ đệ). sanh một lượt; không phải mỗi thứ phát khởi riêng. Chung với phẫn, Độc là độc hại. Tham, sân, si hận, phú, não v.v.... đã đề cập đều có thể phá hoại tâm lành xuất trước và chỉ cho các pháp bất thiện. thế, nên gọi là độc. Vì vậy gọi là trung tuỳ phiền não. Một, Tham độc. Ba, Đại tuỳ phiền não. Là tâm dẫn đến lựa chọn, giữ Tám thứ trạo cử, hôn trầm, bất lấy, gọi là tham. Nếu dùng tâm mê tín, giải đãi, phóng dật, tán loạn, muội đối với tất cả cảnh thuận lòng bất chánh, thất niệm, vì cùng sanh rồi giữ lấy không biết chán. Đó gọi một lượt, không thể gọi là ít; vì ô là tham độc. nhiễm đều hết, nên không gọi là Hai, Sân độc. trung. hai nghĩa khác nhau, nên gọi Tâm giận dữ, gọi là sân nếu là đại tuỳ phiền não. dùng tâm mê muội đối với tất cả nghịch cảnh. Đó gọi là sân độc. TAM ĐIÊN ĐẢO Ba, Si độc. Tâm mê mờ, lầm lạc, gọi là si. (Tông cảnh lục). Nếu đối tất cả pháp sự, lý, không Một,

Tâm điên đảo. hề hiểu biết, giữ lấy sai lầm, điên Tâm là căn và trần gặp nhau đảo, rồi khởi lên những việc làm một niệm của tâm khởi lên. Như sai trái. Đó là si độc. vậy tâm là nguồn gốc của bao nhiều sai lầm, khởi đầu của lầm lạc. TAM PHƯỢC Vì mê tự tánh thanh tịnh nên có vô (Hoa nghiêm khổng mục). vàn phân biệt, khởi lên các điên đảo. Nên gọi là tâm điên đảo. Một, Tham phược. Hai, Kiến điên đảo. Tâm dẫn đến sự chọn lựa, nắm Mắt là gốc của mọi cái thấy. Do bắt gọi là tham. Chúng sanh đối với không hiểu cảnh của ngoại trần đều trần cảnh vừa ý, sanh tâm tham lam là hư ảo, nên sanh chấp thủ sai lầm và chấp trước, khởi lên bao nhiêu và khởi lên các điên đảo. Vì vậy hoặc nghiệp, nên bị cột chặt không gọi là kiến điên đảo. thể thoát ra. Vì thế gọi là tham Ba, Tưởng điên đảo. phược. Tưởng tượng và giữ lấy cái Hai, Sân phược. tưởng của sáu trần, làm tổn hao căn Tâm giận dữ gọi là sân. Chúng lành, do đó sanh ra những tưởng sanh đối với trần cảnh trái ý thì giận dữ phát sanh, nổi lên bao

nhiêu hoặc nghiệp, nên bị cột chặt, bệnh. Bệnh này dùng nhân duyên không thể giải thoát. Vì vậy gọi là quán làm thuốc điều trị. Hãy biết sân phược. rằng sanh, tử, luân, hồi; nhân, quả Ba, Si phược. liên tục, tuần hoàn không hạn kỳ; Tâm mê mờ, lầm lạc gọi là si. làm sao mà xa lìa được. Quán này Chúng sanh đối với sự, lý các pháp, nếu thành thì bệnh này liền hết và không có chút hiểu biết, sanh ra các sáng suốt, thông đạt. (Nhân duyên hiểu biết sai lầm, đưa đến hành quán là quán mười hai nhân động sai lầm rồi bị ràng buộc duyên). không ngừng. Vì vậy gọi là si phược. TAM BỆNH NAN TRỊ (Niết bàn kinh) TAM BỊNH DỤNG TAM DƯỢC Một, Báng Đại thừa. Đại thừa là các pháp do Phật, (Niết bàn kinh). Bồ tát tu tập, hành trì. Người kiếp Một, Tham bịnh. trước không có căn lành, không thể Tâm tham đắm, đối với tất cả tin nhận giáo pháp của Như lai, và cảnh vừa lòng, ham muốn không đối với kinh điển Đại thừa lầm lẫn biết nhàm. Đó là tham bệnh. Bệnh sanh ra chê bai. Đã không có tu này dùng quán bất tịnh làm thuốc nhân thì ắt phải chịu quả báo địa để trị liệu nó. Phải quán thấy rằng ngục, như những người bị bệnh thân mình và thân người đều hợp nặng trên đời mà không thể nào trị thành bởi những thứ nhơ nhớp, có được. gì để mà ham. Nếu bệnh này trừ hết Hai, Ngũ nghịch tội. thì tâm được thanh tịnh. Nghịch là trái với lý tự nhiên. Hai, Sân bệnh. Người đối với cha, mẹ phải hết sức Tâm oán giận là đối với tất cả hiếu dưỡng để báo đền ân đức, cánh trái ý, sanh ra nóng nảy bực bằng trái lại làm hại cha mẹ. Chúng tức. Đó là sân bệnh. Bệnh này dùng tăng hoà hợp để đạo nghiệp được từ bi quán làm thuốc chữa trị. Phải thành tựu, lợi ích cho mọi người, quán rằng tất cả chúng sanh đều là ngược lại ly gián, phá sự hoà hợp quyến thuộc của ta, nên đem niềm ấy. Chư Phật xuất hiện thế gian cứu vui cho họ, có gì đâu để giận dữ. độ tất cả chúng sanh, đáng ra phải Nếu quán này thành công thì bệnh cung kỉnh, cúng dường, ngược lại sân không còn và tâm được thanh thương tổn thân thể đến chảy máu. tịnh. Các bậc A la hán xa lìa tam giới, Ba, Si bệnh. làm phước điền cho đời, lợi ích cho Tâm mê mờ, lầm lạc, đối với tất chúng sanh, đáng ra phải lễ bái, cả sự, lý chẳng hề hiểu biết, suy kính trọng, ngược lại làm tổn hại. nghĩ sai lầm, điên đảo. Đó là si Tăng làm phép yết ma để thọ giới

cho người, không một lòng phụng Vì kiến, tư hoặc của chúng sanh sự lãnh thọ giới pháp, ngược lại nhiều quá như bụi, như cát. chính dùng lời nói ác phá huỷ công việc vì

vậy mới phân chia hoặc như thế. của họ. Những người như thế, đọa Công hạnh của Bồ tát chuyên giáo vĩnh viễn vào địa ngục, không có hoá chúng sanh, nên bảo chúng ngày ra khỏi. Giống như người bị sanh dứt trừ kiến, tư, hoặc, đối với bệnh nặng ở đời, khó mà cứu chữa Bồ tát thì dứt trần sa hoặc, là tên được. riêng của hoặc. Riêng là vì chỉ có Ba, Nhất xiển đề. Bồ tát dứt trừ phiền não này thôi. Người này bác bỏ nhân quả, tà Ba, Vô minh hoặc. kiến điên đảo, không tin quả báo Đối tất cả pháp không hiểu biết hiện tại, vị lai, không muốn gần gũi gì, nên gọi là vô minh. Hoặc này là thiện hữu tri thức, không nghe chủng tử của nghiệp thức, là căn những giáo pháp Phật nói, ắt phải bản của phiền não. Thinh văn, đoạ địa ngục, không có ngày ra, Duyên giác không biết đến tên của giống như người đời bị bệnh nặng, phiền não này. Chỉ Đại thừa Bồ tát, không thể nào chữa trị được. tu cả định, huệ, vạn hạnh đầy đủ, thì mới có thể dứt trừ được hoặc TAM HOẶC này. Vì vậy cũng gọi là biệt hoặc. (Thiên thai tứ giáo nghi tập chú).
TAM CHƯỚNG (Niết bàn kinh) Hoặc là u mê, không hiểu được nghĩa lý. Chướng là ngăn che. Chúng Một, Kiến tư hoặc. sanh bị hoặc nghiệp ngăn che, Kiến tức là phân biệt. Ý căn đối không thấy chánh đạo, tâm lành với pháp trần nổi lên các tà kiến (không thể sanh khởi, nên gọi là phân biệt sai trái), nên gọi là kiến chướng. hoặc. Một, Phiền não chướng. Tư là tư duy (so đo suy nghĩ) Mê mờ, rối rắm đối với chánh còn tham đắm nữa. năm căn mắt, pháp; buồn bực, rối loạn tâm thần tai, mũi, lưỡi, thân tham đắm năm nên gọi là phiền nào. Các hoặc trần sắc, thinh, hương, vị, xúc, rồi tham dục, sân nhuế, ngu si v.v... khởi lên chấp trước trong tư tưởng, ngăn che chánh đạo. Đó gọi là nên gọi là tư hoặc. phiền não chướng. Kiến, tư hoặc này còn có tên là Hai, Nghiệp chướng. thông hoặc. Vì ba thừa Thinh văn, Nghiệp tức là tạo tác. Do tham, Duyên giác, Bồ tát đều phải dứt trừ sân, si khởi lên thân, miệng, ý; tạo nó, nên gọi là thông hoặc. ra năm nghiệp vô gián cực ác, ngăn Hai, Trần sa hoặc. che chánh đạo. Đó gọi là nghiệp chướng. (năm vô gián nghiệp là

giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm học chánh pháp của Như lai. Đó là thân Phật chảy máu; phá hoà hợp ngã mạng trọng chướng. tăng). Hai, Tật đố trọng chướng. Ba, Báo chướng. Ganh với người hiền; ghét với Báo tức là quả báo. Do phiền người có tài; cho mình đúng, cho não hoặc nghiệp sanh vào địa ngục, người sai. Thấy người tu thiện, lại súc sanh, ngạ quỷ, vì vậy ngăn che sanh ghen ghét và không thể học chánh đạo. Đó là báo chướng. chánh pháp của Như lai. Đó là tật đố trọng chướng. TAM CHƯỚNG Ba, Tham dục trọng chướng. (Hoa nghiêm khổng mục) Tham lam nhiều, ham muốn nhiều, lười biếng, ham mê ngủ Một, Bì phiền não chướng. nghỉ, trạo cử, phá giới, cũng không Tức là tư hoặc trong tam giới. thể học chánh pháp của Như lai. Đó Các phiền não tham, sân, si v.v... là tham dục trọng chướng. đối với sáu trần mà khởi lên, như da ở ngoài thân, nên gọi là bì phiền TAM TẠP NHIỄM não chướng. (Tư hoặc là đối với tất (Hiển dương thánh giáo cả pháp khởi tâm tham ái) Hai, Nhục phiền não chướng.
luận) Là kiến hoặc trong tam giới. Một, Phiền não tạp nhiễm. Các kiến thức đoạn, thường, hữu, Cũng gọi là hoặc tạp nhiễm. vô đều thuộc tâm phân biệt, như Thân kiến, biên kiến và tất cả phiền thịt ở trong da, nên gọi là nhục não tham, sân, si đều có thể nhiễm phiền não chướng. ô tâm thức và làm cho tâm thức Ba, Tâm phiền não chướng. không thanh tịnh. Tức là căn bổn vô minh hoặc. Hai, Nghiệp tạp nhiễm. Vô minh hoặc

này do mê mờ chân Hoặc do phiền não sanh ra, như, chạy theo vọng mà khởi lên, hoặc do phiền não phụ trợ , hành nên gọi là tâm phiền não chướng. động của thân, khẩu, ý tạo tác nghiệp ác, đều hay làm nhiễm ô TAM CHỦNG TRỌNG chân tánh, khiến cho không còn CHƯỚNG thanh tịnh. Ba, Sanh tạp nhiễm. (Du già đại giáo Cũng gọi là khổ tạp nhiễm. Do vương kinh) phiền não và nghiệp nên sanh ra. Vì Một, Ngã mạn trọng chướng. sanh ra nên khổ, tức là các khổ Chấp chặt và bị che lấp bởi ngã sanh, già, bệnh, chết, đều hay mạng cống cao, tà kiến, không thể nhiễm ô chân tánh, khiến cho khiêm tốn, kính thờ chư Phật, Bồ không còn thanh tịnh. tát, sư tăng, cha mẹ và không thể

TAM THỜI VÔ HỐI Tất cả nam, nữ đều ham muốn, lẫn nhau, làm việc dâm dục. Đó là (Tứ giáo nghi tập dâm dục. chú). Người tạo tác tội ngũ nghịch. TAM KHỔ Nếu sẽ làm, đang làm, đã làm, (Tích huyền ký) trong ba thời đó mà tâm không hối cải, đó là nghiệp cực ác thượng Một, Khổ khổ. phẩm, liền cảm quả báo ở địa ngục. Thân hữu lậu do ngũ ấm hợp Một, Gia hạnh tâm thời. thành, tánh thường bức bách; lại Gia hạnh giống như phương chịu những khổ khác từ bên ngoài, tiện. Khi người sắp làm nghiệp ác, tức là khổ thêm khổ, nên gọi là khổ trước ắt phải móng tâm, phương khổ. tiện giúp thêm. Đó gọi là gia tâm Hai, Hoại khổ. thời. Vui đã mất thì khổ tới, nên gọi Hai, Căn bổn tâm thời. là hoại khổ, vui đến cùng cực thì Tâm người đang làm nghiệp ác. buồn sanh ra. Tâm họ quyết định, không thể lay Ba, Hành khổ. động. Từ đây gia hạnh được sanh Hành khổ tức là các pháp hữu ra. Đó là căn bổn tâm thời. lậu. Tư tưởng sanh, trụ, dị, diệt dời Ba, Hậu khởi tâm thời. đổi luôn và luôn luôn bất ổn suốt Sau khi người làm nghiệp ác, quá khứ, hiện tại, vị lai. lại móng tâm nhớ lại những việc đã làm. Đó là hậu khởi tâm thời. TAM LẬU (Pháp hoa văn cú ký). DỤC GIỚI TAM DỤC Lậu là mất, là rơi, các chúng (Phiên dịch danh sanh do mê lầm khởi lên, tạo nghĩa) nghiệp, rơi rớt vào trong ba cõi Một, Ẩm thực dục. sống chết, không thể nào ra khỏi. Người phàm phu, hầu hết, đối Nhưng bị luật nhân quả chi phối. với những cao lương, mỹ vị, sanh Hoặc nghiệp là nhân của các lậu; tâm tham ăn, vốc uống. Đó là ẩm sanh tử là quả của các lậu. thực dục. Một, Dục lậu. Hai, Thụy miên dục. Chúng sanh vì hai hoặc kiến, tư Hầu hết người phàm phu tâm ở dục giới, tạo tác các nghiệp và ở nhiều mờ ám, ngu muội, không thể dục giới không thể ra khỏi, nên gọi siêng năng tu tập, chỉ say sưa ngủ là dục lậu. (căn đối với pháp trần nghỉ. Đó là thuỵ miên dục. khởi lên phân biệt gọi là kiến hoặc. Ba, Dâm dục. năm căn còn lại đối với năm trần

còn lại khởi lên tham ái gọi là tư Nghi ngờ pháp mình đã lãnh hoặc). thọ, không phải là đạo chơn chánh, Hai, Hữu lậu. nếu không kính, tín, làm theo, đã Nhân, quả không mất gọi là không tin tưởng, thì thiền định hữu tức là phiền não kiến, tư ở sắc cũng không phát sinh. giới, vô sắc giới, làm cho chúng sanh không thể ra khỏi hai cõi này, TAM THỐI KHUẤT nên gọi là hữu lậu. (Hoa nghiêm kinh Tuỳ Ba, Vô minh lậu. sớ diễn nghĩa sao). Không hiểu biết gì gọi là vô Một, Bồ đề quảng đại khuất. minh, tức là si hoặc trong ba cõi, Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa chúng sanh do đây mà luân hồi là Đạo. Nghe vô thượng Bồ đề, trong ba cõi, nên gọi là vô minh rộng lớn sâu xa, tâm liền thoái lui, lậu. nên gọi là Bồ đề quảng đại khuất. Hai, vạn hạnh nan tu khuất. TAM NGHI Nghe bố thí… lục độ ba la mật (Thiền ba la mật môn) đa, tu tập rất khó, tâm bèn thoái lui.

Đó gọi là vạn hạnh nan tu khuất. Thiền ba la mật nói: Vì bị nghi che đậy, nên đối với các pháp tâm (Tiếng Phạn là ba la mật đa, tiếng không định được. Vì không có định Hoa là Đáo bỉ ngạn). tâm, nên ở trong pháp Phật chẳng Ba, Chuyển y nan chứng khuất. thu hoạch được gì. Nghi tuy rất Nghe chuyển phiền não, nương nhiều, chưa chắc làm chướng ngại Bồ đề; chuyển sống, chết nương định. Nay nói rõ do nghi làm Niết bàn, rất khó chứng được, tâm chướng định. Có ba trường hợp. liền thoái lui. Đó gọi là chuyển y Một, Nghi tự. nan chứng khuất. Là tự mình nghi mình, các căn TAM ĐẠO tối tăm, chậm chạp, tội lỗi sâu dày, chẳng đáng để thọ lãnh đạo pháp. (Kim quang minh kinh Tự nghi ngờ mình như thế thì thiền huyền nghĩa). định không thể phát sinh. Đạo có nghĩa là thông suốt. Ba Hai, Nghi sư. đạo thông thương nhau. Từ phiền Nghi ngờ vị thầy trao truyền não đến nghiệp, từ nghiệp đến khổ; đạo pháp cho mình, oai nghi tướng từ khổ lại đến phiền não. Xoay mạo đều không đầy đủ. Tự ông vòng tương thông; sống, chết không có đạo hạnh, lấy gì để dạy không thôi. Vì vậy gọi là ba đạo. ta. Nghi ngờ, ngã mạn như thế, Một, Khổ đạo. thiền định không thể phát sanh. Khổ là khổ sống, chết. Chúng Ba, Nghi pháp. sanh ở trong ba cõi, sáu đường,

sanh rồi lại chết; chết trở lại sanh; Đá nóng sắc giống vàng, tánh nên gọi là con đường khổ. nó nóng luôn, nên nó lấy ra từ suối Hai, Phiền não đạo. nước nóng. Các pháp làm cho tối tăm, bức bách; rối loạn tâm thần; tức là kiến, TAM KHỔ ĐỐI TAM tư hoặc. Do phiền não này làm GIỚI nhân, đưa đến cảm nhận quả sống, (Thiên thai tứ giáo chết; nên gọi là phiền não đạo. nghĩa tập chú) Ba, Nghiệp đạo. Nghiệp là những gì thiện, ác do Một, Khổ khổ đối dục giới. thân, miệng làm ra. Những nghiệp Sanh vào trong tam giới, chắc này làm nhân, đưa đến cảm thọ quả chắn là khổ rồi. Dục giới các cảnh báo sống chết, nên gọi là nghiệp bức bách, khổ lại càng khổ, nên gọi đạo. là khổ khổ đối dục giới. Hai, Hoại khổ đối sắc giới. THANG TUYỀN TAM Vui hết thì khổ, gọi là hoại khổ. DUYÊN Ơ sắc giới, trời hưởng vui với thiền vị, hưởng hết quả báo lại trở về (Kế cổ lược). năm đường, chịu khổ sanh tử, nên Vua của nước trung Thiên trúc, gọi là hoại khổ đối sắc giới. tên là Ca thắng, hỏi tôn giả Bà xá Ba, Hành khổ đối vô sắc giới. tư đa rằng: vườn thượng uyển này Tuy không chịu khổ khổ, vui có con suối nước nóng không thể xoay vần, nhưng tâm vẫn còn sống, nào dò được. Chưa biết cách nào, chết, nên gọi là hành khổ. Trong xin Ngài chỉ bảo cho cách thức? cõi vô sắc giới, tuy không có sắc Tôn giả nối : Đây là suối nước làm trở ngại, nhưng vẫn còn tâm nóng, có ba cách tiếp cận. thức hữu lậu. Đó là khổ tự nhiên, Một, Thần nghiệp. nên gọi là hành khổ đối vô sắc giới. Thần không giữ đạo lý, vọng làm những hoạ, phúc cho người để TAM THIÊN THẾ GIỚI mong được cúng tế, ác nghiệp (Trường A hàm không kể xiết, có thể sai những vị kinh) thần ngâm mình trong suối này để được cúng tế đền bù lại. Một, Tiểu thiên thế giới. Hai, Quỉ nghiệp. một mặt trời, một mặt trăng, Quỷ vừa ra khỏi chỗ gây tội lỗi, xoay quanh một núi Tu di, soi sáng giao du ở nhân gian, dùng nghiệp bốn thiên hạ. Lưng chừng núi Tu di lực ngâm mình trong suối này để là nơi ở của trời tứ thiên vương. trả lại nợ cũ. Trên đỉnh núi Tu di là nơi của trời Ba, Nhiệt thạch. thứ 33. Trên trời này có trời Dạ ma, Đâu suất, Lạc biến hoá, Tha hoá tự

tại, Phạm thế. Đây gọi là một thế mặt; là những thứ hoàn toàn của vị giới. lai. Đó gọi là vị lai thế. Một ngàn thế giới như thế là Ba, Hiện tại thế. tổng cộng các cõi của đệ nhị

thiền. Các việc làm lành, dữ đang Đó là Tiểu Thiên thế giới. (Tiếng khởi đang sanh, đang tu tập, đang Phạn là Tu di, tiếng Hoa là Diệu xuất hiện, chưa thay đổi, chưa tàn cao- Tứ thiên vương: Đông phương tạ, chưa mất, còn thuộc hiện tại. Đó Trì quốc thiên vương; Nam phương gọi là hiện tại thế. Tăng trưởng thiên vương; Tây phương Quảng mục thiên vương; TAM THẾ NGHIỆP Bắc phương Quảng đa văn thiên (Đại trí độ luận) vương- Tam thập tam thiên là trời Đao lợi- Tiếng Phạn Dạ ma, tiếng Một, Quá khứ thế nghiệp. Hoa là Thiện Thời- Tiếng Phạn là Đời quá khứ, nếu ý khởi lên Đâu Suất, tiếng Hoa là Tri túc). tham, sân, si v.v... thì liền tác động Hai, Trung Thiên thế giới. đến thân, miệng làm những nghiệp 1000 tiểu thiên thế giới là tổng ác. Nếu ý không khởi lên sân, cộng các cõi của đệ Tam thiền. Đó tham, si v.v... thì liền tác động đến gọi là trung thiên thế giới. thân, miệng làm những nghiệp Ba, Đại thiên thế giới. thiện. Các nghiệp lành, dữ, tuy 1000 trung thiên thế giới là khác nhau, đều chịu quả báo hiện tổng cộng các cõi của Đệ tứ thiền tại hay vị lai. Đó là quá khứ thế thiên. Đó gọi là đại thiên thế giới. nghiệp. (Ức có bốn bậc: mười vạn bằng Hai, Hiện tại thế nghiệp. một ức; 1000 vạn bằng một ức). Đời hiện tại, nếu ý khởi lên tham, sân, si v.v..., liền tác động TAM THẾ cũng gọi là Tam Tế thân, miệng làm những nghiệp ác. Các nghiệp lành, dữ, tuy khác (A tỳ đạt ma dị môn túc nhau, đều chịu quả báo ở vị lai. Đó luận). là hiện tại thế nghiệp. Thế có nghĩa là lưu chuyển, còn Ba, Vị lai thế nghiệp. có nghĩa là cách biệt. Đời vị lai; do thân, miệng, ý tạo Một, Quá khứ thế. tác các nghiệp lành, dữ, tuy quả Các việc làm lành, dữ; đã khởi, báo chưa xảy ra hiện tại, nhưng sẽ đã sanh; đã chuyển biến, đã tu tập; xảy ra ở vị lai; cuối cùng chắc chắn đã xuất hiện, tàn tạ và hoại diệt, là phải có. Đó là vị lai thế nghiệp. những thứ hoàn toàn của quá khứ. Đó gọi là quá khứ thế. TAM CHỦNG THẾ Hai, Vị lai thế. GIAN Các việc lành, dữ; chưa khởi, (Đại trí độ luận) chưa sanh, chưa tụ tập, chưa có

Cách biệt là thế, gián cách là TAM CHỦNG THẾ gian. GIAN. Trong mười giới có ba thứ giả (Hoa nghiêm kinh gọi là ngũ ấm, quốc độ, cách biệt sớ). không giống nhau, nên gọi là ba thứ thế gian. (mười giới là Phật, Bồ Một, Khí thế gian. tát, Thinh văn, thiên, nhân, A tu la, Thế giới giống như vật dụng, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục; ngũ gọi là khí thế gian. Đó là cảnh giới ấm tức là thân của chúng sanh, do đức Phật Thích Ca giáo hoá, tức là ngũ ấm mà thành, đó là sắc, thọ, ba000 thế giới. (Tiếng Phạn Thích tưởng, hành, thức). Ca, tiếng Hoa là năng thân- Tam Một, Giả danh thế gian. thiên là tiểu thiên, trung thiên và Còn gọi là chúng sanh thế gian. đại thiên). Đối với thập giới, ngũ ấm là pháp Hai, Chúng sanh thế gian. thật, còn danh tự thì mượn để lập năm ấm hoà hợp mà sanh ra; ra, mỗi thứ không giống nhau. Đó gián cách không đều nhau, nên gọi là thế gian giả danh (mượn tên gọi là chúng sanh thế gian, tức là nơi là thế gian). Pháp thật nghĩa là Phật Thích Ca giáo hoá chúng mười giới và ngũ ấm đều thật có, sanh. còn danh tự là giả lập mà thôi. Tên Ba, Trí chánh giác thế gian. gọi mười giới chẳng có thật. Đã có Phật đầy đủ trí huệ, vĩnh viễn pháp thật là mười giới, năm ấm thì lìa xa tà kiến, hiểu biết sâu sắc có tên giả là mười giới chúng sanh. pháp thế gian và xuất thế gian, nên Tương tự người ở trong thế giới, gọi là trí chánh giác thế gian, tức là mỗi người có thân, có tên riêng; thân trí huệ của Phật Thích Ca các thế giới khác cũng vậy). dùng để giáo hoá chúng sanh. Hai, Ngũ ấm thế gian. Cũng gọi là ngũ chúng sanh

thế KHÍ THẾ GIAN THUYẾT gian, năm ấm là sắc, thọ, tưởng, PHÁP HỮU TAM NGHĨA hành, thức. Mười giới, năm ấm mỗi (Hoa thứ khác nhau, nên gọi là năm ấm nghiêm kinh sớ) thế gian. (sắc là chất trở ngại; thọ là Một, Ước thông lực thuyết. lãnh thọ các trần; tưởng là tư Ước giống như y (nương tựa). tưởng; hành là tạo tác; thức là phân Phật dùng sức thần thông khiến cho biệt thiện, ác. năm cái này che lấp các vật vô tình ở thế gian đều có chân như, nên gọi là ấm). thể nói pháp, nên gọi là ước thông Ba, Quốc độ thế gian. lực thuyết. Quốc độ là cảnh giới chúng Hai, Ước dung thông thuyết. sanh đang ở. Đã có thân thì phải có Quốc độ là y báo; thân là chánh nơi ở. Sở y mười giới khác nhau, báo, tánh vốn dung thông, nên thân nên gọi là quốc độ thế gian.

đã thuyết pháp thì quốc độ cũng có gọi là chúng sanh. Lấy người so với thể thuyết pháp. một nói tất cả nói, chúng sanh, vì đều có tánh hiểu nên gọi là ước dung thông thuyết. biết, nên lấy người sánh ngang Ba, Ước hiển lý thuyết. chúng sanh ở thế gian. Bồ tát tiếp xúc với đối tượng đều hiểu một cách thấu đáo; như TAM TƯƠNG TỤC khi tiếp xúc với sắc, thì liền hiểu (Lăng nghiêm kinh) nghĩa vô thường, duyên sanh, ngăn ngại của nó. Tiếp xúc với bất cứ Một, Thế giới tương tục. đối tượng nào cũng đều thành giáo Kinh nói: Thế là lưu chuyển; lý để hướng dẫn cho chúng sanh, giới là phương vị. Đông, tây, nam, nên gọi là ước hiển lý thuyết. bắc, tứ duy, thượng, hạ gọi là giới. Quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là thế; TAM TÀI PHỐI TAM nên gọi là thế giới. THẾ GIAN Do từ tâm thể thanh tịnh của (Hoa nghiêm chúng sanh, một niệm bất giác nổi kinh Tuỳ sở diễn nghĩa sao). lên sai lầm. Sai lầm đã lập nên các hình tướng không rõ ràng. Hình thì Cách biệt là thế; gián cách là dao động, nên phong luân giữ lấy, gian. Nghĩa là các pháp gián cách bảo trì thế giới. Minh giác vững không giống nhau. vàng, nên có kim luân giữ gìn quốc Một, Thiên phối chánh giác thế độ. Phong, kim ma sát nhau, nên có gian. tánh biến hoá của ánh sáng lửa. Chánh giác tức là Phật. Thiên Bảo minh sanh ra nước thấm ướt. đạo to lớn, bao quát hết vạn tượng. Lửa sáng bốc lên, nên có thuỷ luân Phật trí sâu rộng soi sáng khắp bao phủ mười phương cõi. Đó là mười phương; nên lấy thiên phối thế giới. (sánh ngang) chánh giác thế gian. Những chúng sanh nghiệp lực Hai, Địa phối khí thế gian. giống nhau, nương hư không mà ở. Thế giới như dụng cụ, nên gọi Đến kiếp thành, kiếp hoại, hoại rồi là khí thế gian. Đất có khả năng lại thành; thành rồi lại hoại; bắt chứa đựng, cũng có khả năng gánh đầu, kết thúc nối tiếp nhau; không vác, chuyên chở. Thế giới là nơi hề dứt hẳn; nên gọi là thế giới nương tựa, vô số quốc độ trong tương tục. (Không muội tướng mười phương thế giới, cũng là chỗ hình: các tướng không rõ ràng nương tựa tất cả chúng sanh hữu nghĩa là không là sáng. Muội là tối. tình; nên lấy địa phối khí thế gian. Hình tướng sáng, tối giao thoa Ba, Nhân phối chúng sanh thế nhau, lay động không yên; nên gian. phong luân sanh ra. Chấp trì thế Nhân là một đạo trong sáu đạo. giới: giữ gìn thế giới là ba luân Tất cả loài hữu tình ở thế gian, đều kim, thuỷ, thổ đều được giữ lấy.

Minh giác lập kiên: minh giác vững hợp, ly tan, thành tựu, biến hoá là vàng là một niệm sai lầm nổi lên chúng sanh đều do sáu căn đối với chấp chặt không thay đổi; nên kim sáu trần, cùng tạo nghiệp sống, luân sanh ra. Giữ gìn quốc độ là vì chết; nên gọi là đồng nghiệp. thể vàng ròng rất quý, nên nói là Nghiệp cùng ràng buộc lẫn nhau là giữ gìn. Tánh biến hoá của lửa sáng do nhân duyên hoà hợp sanh ra; là lửa biến thành

nhiệt, biến mục nhân duyên ly tán chết đi. Hoá là nát thành chắc chắn. Bảo minh biến hoá, nghia sống và chết. Lưu sanh nhuận: Bảo minh sanh ra thấm ái làm giống, nhận tưởng làm thai ướt là vàng có thể biến thành nước; là (lưu: rót vào) khi yêu thương rót lửa sáng bốc lên, và tánh nóng của vào trong tâm thức thì làm nên lửa xông lên trên, tánh của nước thì giống (chủng tử) rồi; tưởng đã nhận chảy xuống, tựa như lửa nấu vật, tinh khí thì biến thành thai. Giao mồ hôi bốc thành hơi rồi chảy cấu phát sanh, nghiệp giống nhau xuống; nên thuỷ luân trùm cả mười hút lẫn nhau. Cấu: gặp, nam nữ phương giới. giao hợp nhau, tinh vọt ra, hấp dẫn Như trên đã nói thì ba luân lần loài cùng nghiệp vào thai. Biến đổi lượt, thứ tự, sanh lẫn nhau. Nếu lần lượt là bốn loài chịu quả báo, luận các luân giữ ở trong thế giới nghiệp tuỳ từng loại không cố định. thì thấp nhất là không luân được Theo nghiệp vốn có, tiếp nối nhau giữ bởi phong luân; phong luân hoặc làm loài bay trên không trung được giữ bởi thuỷ luân; thuỷ luân hay làm loài lội dưới nước là: tuỳ được giữ bởi kim luân. Sao không theo nghiệp báo phải chịu hoặc lên nói đến đất; vì đất và kim cùng có hoặc xuống, không nhất định vào tánh cứng, nên không nói). đường nào). Hai, Chúng sanh tương tục. Ba, Nghiệp quả tương tục. Năm ấm chung lại một cách Chúng sanh có ba nghiệp giết hoà hợp nên gọi là chúng sanh. hại, trộm cướp, dâm dục mà chịu Kinh nói: đồng nghiệp thì ràng quả báo tương ứng với nghiệp ấy, buộc lẫn nhau. Hoà hợp, ly tan, nên gọi là nghiệp báo. Kinh nói: thành tựu, biến hoá; lưu ái làm người thiếu nợ mạng ta, ta trả nợ giống: nhận tưởng làm thai; giao tiền ngươi và ngược lại. Trải qua cấu phát sanh, nghiệp giống nhau trăm ngàn kiếp, luôn ở trong sanh, hút lẫn nhau. Thai, noãn, thấp, hoá tử; ngươi đem lòng yêu ta, ta yêu sanh, lần lượt thay đổi lẫn nhau, nhan sắc ngươi. Trải qua trăm ngàn theo nghiệp vốn có tiếp nối nhau kiếp, luôn trói buộc nhau, chỉ vì ba làm loài bay trên không hay lội căn bản, sát, đạo, dâm mà theo dưới nước. Sống chết, chết sống nghiệp chịu quả báo, không có liên tiếp không dừng; nên gọi là ngày cùng; nên gọi là nghiệp quả chúng sanh tương tục. (Đồng tương tục. nghiệp thì ràng buộc lẫn nhau. Hoà

TAM A TĂNG KỲ KIẾP hoa sen cúng Phật và lễ dưới chân (Thiên thai tứ giáo Phật, thấy đất dơ bẩn bèn trải áo nghi). bằng da dê lên trên, nhưng không phủ hết chỗ bùn dơ ấy, bèn xổ tóc Tiếng Phạn là A tăng kỳ kiếp; của mình trải ra, để Phật bước lên tiếng Hoa là Vô số thời. đi qua. Nhân đó, Phật Nhiên đăng Ba tăng kỳ kiếp này, quy ước là thọ ký rằng: con từ đây cho đến 91 để phân chia thời gian Đức Thích kiếp sau, vào hiền kiếp, con sẽ Ca tu tập Bồ tát đạo. Luận câu xá thành Phật, hiệu là Thích ca văn. hỏi rằng: đã nói là vô số, sao lại nói Tam A tăng kỳ. là ba. Đáp: nói vô số là hiển nhiên Phật Thích ca từ Phật Nhiên khổng đếm, nhưng chẳng phải đăng đến Phật Tỳ bà thi, có tất cả là không có số. 77000 Phật, gọi là đệ tam a tăng kỳ. Sơ A tăng kỳ kiếp. (Tiếng Phạn là Tỳ bà Thi, cũng gọi Phật Thích Ca bắt đầu tu Bồ tát là Duy Vệ; tiếng Hoa là Thắng hạnh từ Thích Ca Phật đến Thi Khí Quán). Phật, gồm có 75000 Phật; gọi là Sơ a tăng kỳ. Đại luận nói: Thích Ca TAM THỜI Văn Phật, đời trước, làm thợ nề tên (Nam nhạc tổ sư phát là Đại quang Minh. Lúc bấy giờ có nguyện văn). Phật tên là Thích Ca Văn đến nhà Sau khi Phật Thích Ca nhập người thợ nề xin ngủ qua đêm. diệt, chánh pháp của Phật có ba Người thợ nề lấy cỏ làm toà ngồi, thời kỳ không giống nhau. đốt đèn sáng, dùng đường phèn Một, chánh pháp thời. cúng dường Phật và phát nguyện Chánh giống như

chứng. Sau rằng: ngày sau con sẽ thành phật có khi Phật Diệt độ, giáo pháp ở đời, tên như tên phật ngày hôm nay, người nào tuân theo và tu hành thì không khác. Vì vậy nay thành Phật chắc chứng được quả. Đó gọi là cũng có hiệu Thích Ca Văn.(Tiếng chánh pháp. Căn cứ vào Pháp trụ Phạn là Thi Khí, còn gọi là Thức ký nói: Phật bảo A nan, sau khi ta Khí; Tiếng Hoa là Hoả). Diệt độ thì chánh Pháp được 1000 Nhị A tăng kỳ kiếp. năm. Do người nữ xuất gia nên Phật Thích Ca tu Bồ tát hạnh từ giảm 500 năm. Lại căn cứ vào Hiền Phật Thi Khí đến Phật Nhiên Đăng, Kiến luận nói: sau vì Tỳ kheo ni mà có tất cả là 70000 Phật, gọi là đệ nói Bát kính pháp thì trở lại được nhị a tăng kỳ. 1000 năm chánh pháp. Lại căn cứ Phật Nhiên đăng, Đại luận nói, Pháp uyển châu lâm nói: Trời, lúc Phật vừa sanh ra, thân sáng như người trả lời luật sư Tuyên rằng: đèn, sau thành Phật bèn lấy tên Cây tích trượng của Phật ở trong Nhiên đăng. Lúc ấy, Phật Thích ca hang Rồng, ở đó 40 năm, sau khi hiệu là Nho đồng, lấy năm cành đức Phật nhập diệt; có con La sát

phi hành được, có thể nói 12 bộ tượng pháp ở đời, tổng cộng 2500 kinh, giả làm một Tỳ kheo giỏi, ăn năm. các người giữ giới. Vì phải dứt, trừ Ba, Mạt pháp thời. tội ác này nên trấn giữ hang rồng, Sau khi Phật Diệt độ, giáo pháp để khiến chánh pháp tăng thêm 400 gần cuối đời. Tuy có người tuân năm. Đó là thời gian chánh pháp ở theo giáo pháp, nhưng không thể tu đời, tổng cộng là 1400 năm, (Tiếng hành, chứng quả. Đó là mạt pháp. Phạn A nan, tiếng Hoa là Khánh Căn cứ vào pháp trụ ký nói: hỷ- Bát Kính pháp là: 1. Tỳ kheo ni Phật bảo A nan, sau khi ta Diệt độ, 100 tuổi lễ Tỳ kheo một tuổi hạ; 2. thời mạt pháp là 10000 năm. Lại không được nói xấu Tỳ kheo; 3. căn cứ vào Pháp uyển Châu lâm không được nêu lỗi của Tỳ kheo; 4. nói: Do nhân duyên cây tích trượng Theo Tỳ kheo thọ giới cụ túc; 5. Có của Phật ở hang Rồng, làm cho mạt lỗi sám hối trước Tỳ kheo; 6. Nữa pháp tăng thêm 20000 năm. Đó là tháng theo Tỳ kheo nghe giáo giới; thời mạt pháp, tổng cộng 30000 7. Nương theo Tỳ kheo ba tháng an năm. cư; 8. Nhập hạ xong theo Tỳ kheo làm phép tự tứ-Tiếng Phạn là La TAM TẾ THỜI sát; tiếng Hoa là Tốc tật quy – 12 (Hoa nghiêm kinh sớ và bộ kinh là 1. Khế kinh; 2. Trùng diễn nghĩa sao) tụng; 3. Phúng tụng; 4. Nhân duyên; 5. Bổn sự; 6. Bổn sanh; 7. ba thời là các nước Tây vực Hy hữu; 8.Thí dụ; 9. Luận nghị; 10. một năm chia làm ba mốc: mùa Tự thuyết; 11. Phương quảng; 12. nóng, mùa mưa, mùa lạnh. Thọ ký). Một, Nhiệt tế thời. Hai, Tượng pháp thời. Tây vực ký nói: Từ ngày 16 Tượng là tương tự (dông tháng giêng đến ngày 15 tháng 5 là giống). Có giáo pháp có tu hành, mùa nóng. chỉ tương tự chánh pháp mà thôi. Hai, Vũ tế thời. Sau khi Phật Diệt độ, giáo pháp ở Từ ngày 16 tháng năm đến đời, người có tuân theo và có thể tu ngày 15 tháng 9 là mùa mưa. hành, phần nhiều không thể chứng Ba, Hàn tế thời. quả. Đó gọi là tượng pháp. Từ ngày 16 tháng 9 đến ngày Căn cứ vào Pháp trụ ký nói: 15 tháng giêng là mùa lạnh. Phật bảo A nan sau khi ta Diệt độ, TAM HỮU thời gian tượng pháp 1000 năm. Lại căn cứ vào Pháp uyển Châu (Bồ tát thiện giới kinh và lâm nói: Do nhân duyên cây tích Đại trí độ luận) trượng của Phật ở trong hang Rồng, Tam hữu là dục giới, sắc giới, đã nói ở trên, làm cho tượng pháp vô sắc giới. Chúng sanh trong sáu tăng 1500 năm. Đó là thời gian

đường, theo nghiệp thiện, ác đã Hai, Giả danh hữu. làm, cảm thọ quả báo thiện, ác. Giả hư giả không thật. Như cái Nhân, quả không mất, nên gọi là nệm lông do nhiều sợi lông

mà hữu. thành; nếu không có sợi lông làm Một, Dục hữu. sao có nệm lông. Từ đó biết rằng Dục giới: Trời, người, tu la, súc sợi lông do nhân duyên hoà hợp mà sanh, ngạ quỷ, địa ngục. tạm gọi là nệm lông. Mỗi thứ tuỳ nghiệp nhân đã gây Tất cả chúng sanh tứ đại hoà ra mà chịu quả báo, nên gọi là dục hợp, tạm gọi là thân, cũng giống hữu. như thế, nên gọi là giả danh hữu. Hai, Sắc hữu. Ba, Pháp hữu. Cõi sắc có các trời tứ thiền, do Tất cả pháp đều từ nhân duyên tu tập thiền định hữu lâu trước kia, mà sanh ra, duyên hợp thì thành; quả báo sanh lên cõi trời này. Tuy duyên tan thì mất, vốn không có tự thân xa lìa dục giới thô nhiễm, tánh. Tuy là không có tự tánh, nhưng vẫn còn sắc thanh tịnh, nên nhưng chẳng phải lông rùa, sừng gọi là sắc hữu. (Các trời Tứ thiền là thỏ. Có tên mà không thực có, nên trời sơ thiền; trời nhị thiền, trời tam gọi là pháp hữu thiền, trời tứ thiền). Ba, Vô sắc hữu. TAM CẢNH Các trời tứ không ở cõi vô sắc. (Tông cảnh lục). Do tu tập hữu lậu thiền định xưa kia, quả báo sanh lên cõi trời này. Một, Tánh cảnh. Tuy không có sắc chất làm trở ngại, Tánh là thật. Nhãn thức đến nhưng cũng tuỳ nhân đã làm mà thân thức và đến thức thứ tám chịu quả báo, nên gọi là vô sắc hữu. duyên sắc v.v... là cảnh tướng phần (Các trời tứ không là trời Không thật có, chưa kịp đặt tên, tâm chưa xứ, trời Thức xứ, trời Vô sở hữu so đo. Đó gọi là tánh cảnh. xứ, trời Phi phi tưởng xứ. Hai, Độc ảnh cảnh. Ảnh tức là ảnh tượng (bóng TAM CHỦNG HỮU dáng). Đó là tên khác của tướng phần. Như thức thứ sáu duyên hoa (Đại trí độ luận). đóm giữa hư không, sừng thỏ. Đó Một, Tương đãi hữu. là những biến chuyển của tướng Đãi là đối đãi; như dài, ngắn; phần ở quá khứ, vị lai v.v... không kia, đây v.v.... Thật ra không có có chủng tử làm bạn. Chỉ có một dài, ngắn; cũng không có kia, đây mình nó thôi. Đó gọi là độc ảnh vì tương đãi mà thôi nên mới có tên cảnh. dài, ngắn v.v.... Đó là dài vì có Ba, Đới chất cảnh. ngắn và ngược lại.... Nên gọi là Đới tức là đeo thêm vào. Chất tương đãi hữu. là chất thể. Nghĩa là dùng tâm

duyên tâm vậy. Như thức thứ bảy Một, Hiện lượng. duyên kiến phần của thức thứ tám Hiện là hiển hiện (trước mắt). làm cảnh. Kiến phần đó không Lượng là độ lượng (so đo, toan phân biệt hạt giống sanh ra. một tính). Đó là nghĩa không thay đổi. nữa thì cùng với bản chất như với Nhãn thức cho đến thân, thân đối hạt giống sanh ra. Một nữa thì cùng với cảnh năm trần hiện tiền rồi so với kiến phần năng duyên như hạt đo, tính toán mà có tự tướng cố giống sanh ra; nên gọi là đới chất định, không nhầm lẫn. Đó là hiện cảnh. lượng. Hai, Tỉ lượng. TAM LOẠI CẢNH Tỷ là so sánh. Lấy so sánh, tính (Phiên dịch danh nghĩa) toán mà biết có đối tượng. Như từ xa thấy khói, biết có lửa ở đó. Đó Ba loại cảnh là thức thứ tám A gọi là tỷ lượng. lại da duyên ba loại cảnh. Chủng Ba, Thánh giáo lượng. tử, căn thân là cảnh bên trong. Vũ Đối với những gì thánh nhân trụ vạn hữu là cảnh bên ngoài. (Phật) nói về hiện lượng, tỉ lượng (Tiếng Phạn là A lại da, tiếng Hoa để giáo hoá thì không sai trái, chắc là Tàng thức). chắn tin tưởng được. Đó là thánh Một, Chủng tử cảnh. giáo lượng. Thức thứ tám có nhiệm vụ giữ gìn tất cả chủng tử các pháp thế DO TUẦN TAM LƯỢNG gian và xuất thế gian, nên gọi là (Phiên dịch danh cảnh của chủng tử. Hai, Căn thân cảnh. nghĩa) Thức thứ tám là tâm có khả Tiếng Phạn là Do tuần, cũng năng hiểu biết rõ ràng, nỗi lên gọi là Du thiện na; tiếng Hoa là tướng trần lao bên trong và bên Hạn lượng. Nghiệp sớ nói: Vua đi ngoài; từ một thể tròn đầy thanh tuần thủ dân chúng dừng lại một tịnh, chia ra thành căn và

trần. Tứ dịch xá. Quãng đường đi này là đại tu hợp bên trong làm thành một do tuần. thân, nên gọi là căn thân cảnh. Đại trí độ luận nói: Có ba loại Ba, Khí thế gian cảnh. do tuần, nên gọi là do tuần tam Thế giới như dụng cụ nên gọi là lượng. khí thế gian. Tướng từ thức thứ tám Một, Ca nhất bát thập lý. chuyển thành tướng hiện tiền là Trong giới hạn núi sông bằng cảnh núi, sông, cây cối, đất nước, phẳng, đo lường theo cách xưa nên gọi là khí thế gian cảnh. được tám mươi dặm. Hai, Trung bình lục thập lý. TAM LƯỢNG (Tông cảnh lục)

Trong giới hạn núi sông hơi Phiêu tức là trình bày ra, biểu hiểm trở, đo lường theo cách ngày hiện ra. Như thấy khói thì biết có xưa được sáu mươi dặm. lửa. Đó gọi là phiêu tướng. Ba, Thấp nhất thập tứ lý. Hai, Hình tướng. Trong giới hạn núi sông hiểm Hình tức là bề ngoài. Như dài, trở, đo lường theo cách xưa được ngắn, vuông, tròn v.v... Đó gọi là bốn mươi dặm. hình tướng. Ba, Thể tướng. TAM CHỦNG TƯỚNG Thể tức là thể chất (thân thể; (Đại trí độ luận). tính chất). Như lửa nóng làm chất tướng. Đó là thể tướng. một, Giả danh tướng. Tất cả sự, vật đến chúng sanh TAM CHỦNG SẮC trong thế gian, tuy do nhiều nhân (Ngũ uẩn luận) duyên hoà hợp mà có vô vàn tên gọi, nhưng đều không có tự tánh, Một, Hiển sắc. giả dối không thật. Vì chúng sanh Hiển tức là rõ ràng. Sắc tức là mê lầm. Đối với các giả danh này sắc chất trở ngại. Các sắc xanh, lại chấp chặt lấy tướng, nên gọi là vàng, đỏ, trắng, bóng sáng tỏ, mờ, giả danh tướng. khói, mây, bụi mù. Hai, Pháp tướng. Rõ ràng có thể thấy được; nên năm uẩn, 12 nhập, mười tám gọi là hiển sắc. giới v.v... các pháp, vì bằng mắt Hai, Hình sắc. thịt xem xét, thì thấy nó có. Nếu Hình là hình tướng. Như dài, bằng mắt trí huệ xem xét, thì thấy ngắn, vuông, tròn, thô, tế, cao, nó không. Vì chúng sanh mê lầm, thấp, méo mó, ngay thẳng, đều là đối với các pháp này lại nảy tâm hình tướng, nên gọi là hình sắc. chấp tướng, nên gọi là pháp tướng. Ba, Biểu sắc. Ba, Vô tướng tướng. Biểu là biểu hiện, đối tượng đi, Xa lìa hai tướng trên thì gọi là đứng, nằm, ngồi, giữ, bỏ, cong, vô tướng. Vì chúng sanh mê lầm, thẳng. Tuy đó là những hành động, lại đối với vô tướng, nổi tâm chấp nhưng biểu hiện rõ ràng thấy được. (cái vô tướng ấy), nên gọi là vô Nên gọi là biểu sắc. tướng tướng. TAM CHỦNG SẮC TAM CHỦNG TƯỚNG (A tì đàm luận)
(Hoa nghiêm kinh Tuỳ Một, Khả kiến hữu đối sắc. sớ diễn nghĩa sao) Tức là tất cả sắc trần. Màu sắc Một, Phiêu tướng. ở thế gian, mắt có thể nhìn thấy, là đối tượng của mắt.

Hai, Bất khả kiến hữu đối sắc. TAM SANH Tức là năm căn, bốn trần. Nhãn (Hoa nghiêm kinh Tuỳ sở thức không thể thấy nhưng có đối diễn nghĩa sao) tượng là sắc. Nhĩ thức không thể thấy nhưng có đối tượng là tiếng. Một, Kiến văn sanh. Tỷ thức không thể thấy nhưng có Tám nạn của chúng sanh. Đời đối tượng là vị. Thân thức bất khả trước gặp kinh Hoa nghiêm, không kiến nhưng có đối tượng là xúc. thể tín thọ, lại sanh tâm gièm pha, năm căn ấy là thắng nghĩa căn. Bốn nên nhận quả báo tám nạn. Đọa vào trần là thinh, hương, vị, xúc. Bốn trong địa ngục chịu khổ sở vô cùng. thứ này cũng không thể thấy, Nay mong cầu Phật rủ lòng thương nhưng là đối tượng của tai, mũi, xót phóng quang chiếu soi và do lưỡi, thân. đời trước có căn lành gặp kinh Hoa Ba, Bất khả kiến vô đối sắc. nghiêm, liền ra khỏi khổ sở của địa Tức là vô biểu sắc. Ý thức ngục, sanh lên trời Đâu suất và duyên cảnh đã thấy ở quá khứ, gọi được thành đạo, trong một đời vượt là rơi rụng. năm trần đối tượng của qua Thập địa. (tám nạn là địa ngục; ý thức

phân biệt rõ ràng đều không súc sanh; ngạ quỷ, trường thọ thiên; thể thấy. Nên cũng gọi là đối tượng bắc uất đơn việt; manh, lung, ám, á; vô biểu. thế trí biện thông; sanh trước, sau Phật). TAM TỤ Hai, Giải hạnh sanh. (Hiển tông luận) Thiện tài đồng tử, ở phía đông Phước thành, mới gặp Ngài Văn Một, Chánh tánh định tụ. thù lần đầu, đã được mở mang, bèn Dứt hết các phiền não tham, liền tham vấn các thiện tri thức, đều sân, si; tâm không còn tà vọng, giả thu thập chỉ bảo pháp môn tu hành, dối. Tánh này chắc chắn đã an cho đến cuối cùng tham kiến Ngài định, không tán loạn. Đó là chánh Phổ Hiền, khiến cho vào được cõi định tụ. nước nhỏ bé nhất. Tu hạnh Bồ tát Hai, Tà tánh định tụ. với nguyện to lớn, viên mãn đạo bốn đường ác và tất cả biên quả vô thượng của các Phật. Hiểu kiến, tà kiến, không tin chánh pháp và làm như thế, nên trong một đời đều gọi là tà tánh. Tánh này đã tụ mà được viên mãn vậy. tập vững chắc, không phân tán. Đó Ba, Chứng nhập sanh. là tà tánh định tụ. Ngài Xá lợi Phất ở trong rừng Ba, Bất định tánh tụ. Thệ đa, khiến cho 6000 Tỳ kheo Tánh này có thể tà, có thể quán sát Văn thù sư lợi công đức chánh, không có hướng cố định. Đó vô lượng, trang nghiêm hoàn mỹ. là bất định tánh tụ. Những Tỳ kheo ấy nghe pháp xong, tâm ý thanh tịnh, tin hiểu

vững chắc, đảnh lễ Ngài Văn thù và Tâm, Phật, chúng sanh, tuy nói rằng: Nhân giả có được sắc nhân, quả, mê, ngộ không giống thân tốt đẹp, mong ước tôi cũng nhau, nhưng đứng về mặt lý tánh được như vậy. Vì thế Ngài Văn thù thì có đầy đủ, xưa nay bình đẳng, vì các Tỳ kheo chỉ bày, diễn giải ngay từ đầu không có khác nhau; pháp Đại thừa, khiến cho các Tỳ nên kinh nói: Tâm, Phật và chúng kheo được niềm tin vững chắc, sanh, cả ba không sai khác. được trí huệ lớn. Một, Tâm không sai khác. Trong một đời, chứng được Tâm thể một niệm, phàm, thánh pháp giới. (Tiếng Phạn là Xá lợi không hai. Đầy đủ mười giới, mười phất, tiếng Hoa là thân tử_ Tiếng như thị các pháp, nhưng so với chư Phạn là Thệ đa, tiếng Hoa là thắng Phật và chúng sanh tánh vốn bình lâm, tức vườn Cấp cô độc. Tiếng đẳng, ngay từ đầu không có khác Phạn là Văn thù sư lợi, tiếng Hoa là nhau. Cho nên kinh nói: Tâm chu Diệu đức). du khắp pháp giới như hư không thì biết được cảnh giới của chư Phật. TAM PHÂN BIỆT Đó là tâm vô sai biệt. (mười như thị (A tỳ đạt ma tạp tập là như thị tướng, như thị tánh, như luận) thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị Luận nói: Chỉ có ý thức là có ba quả, như thị báo, như thị bản mặt loại phân biệt. cứu cánh). Một, Tự tánh phân biệt. Hai, Phật vô sai biệt. Ý thức đối với tự tánh của cảnh Mười phương chư Phật hiểu rõ sáu trần hiện tại mà khởi lên phân mười giới, tức là ngộ bổn tâm vốn biệt, nên gọi là tự tánh phân biệt. đầy đủ, cũng ngộ được những sai Hai, Tuỳ niệm phân biệt. lầm của chúng sanh. Mê, ngộ tuy Ý thức, trước đã gặp cảnh sáu khác nhưng thể không hai. Kinh trần, nhớ lại không quên mà khởi Pháp hoa nói: chỉ có Phật với Phật lên phân biệt. nên gọi là tuỳ niệm mới có thể hiểu hết thật tướng của phân biệt. các pháp. Đó là Phật vô sai biệt. Ba, Kế đạt phân biệt. Ba, Chúng sanh vô sai biệt. Hiện ý thức không thấy sự việc, Chúng sanh trong chín giới có so đo, liều lượng mà khởi lên phân đủ mười giới, mười như thị các biệt, nên gọi là kế đạt phân biệt. pháp, và cùng với hiểu biết của chư Phật, các pháp đầy đủ ở bổn tâm. TAM VÔ SAI BIỆT Thể của nó không hai. Kinh Niết (Hoa nghiêm kinh bàn nói: Tất cả chúng sanh tức là sớ) Phật. Đó là chúng

sanh vô sai biệt.

DIỆU HẠNH TAM của Phật, tâm thích nghiệp tà, NHÂN DUYÊN không tin chánh đạo, không biết có (A tỳ đạt ma đại tỳ quả báo của tội ác, mượn danh thờ bà sa luận). Phật, cùng với bè lũ gian tà. Đó là đệ tử của ma thờ Phật. Một, Thời nhân duyên. Hai, Vi thiên nhân sự Phật. Thời tức là thời phân (chia một Kinh nói: sao gọi là trời, người ngày đêm ra bao nhiêu giờ). Nhân thờ Phật? Phật nói: Thọ trì năm duyên là cái có khả năng sanh ra là giới, tu tập thập thiện, đến chết nhân, giúp đỡ cho thành là duyên. không phạm, tin có tội, phước, Khi năm trược không tăng, các thường nhớ chánh pháp. Đó là loài hữu tình có đầy đủ oai đức, thiên nhân thờ Phật. thích tu các việc thiện. Vì lúc ấy Ba, Vị Phật đệ tử sự Phật. không có các ác trược, những Kinh nói: sao gọi là đệ tử của người đó, tuy không thích làm diệu Phật thờ Phật? Phật nói: Thọ trì hạnh mà tự nhiên làm. (năm trược năm giới, học rộng kinh pháp, tu là kiếp trược, kiến trược, phiền não tập trí huệ, biết tam giới khổ, tâm trược, chúng sanh trược, mạng hành lục độ, biết rõ sống, chết, trược). không tham luyến thân mạng, Hai, Tuỳ xứ nhân duyên. không làm nghiệp tà. Đó là đệ tử Xứ là nơi chốn. Người sanh nơi Phật thờ Phật. đô thị thì thông minh, tánh tình điềm đạm, hay tu các nghiệp lành, TAM CHỦNG QUANG không sanh tà kiến. Những người MINH đó tuy không thích làm diệu hạnh (Du già sư địa luận). mà tự nhiên làm. Ba, Bổ đặc già la nhân duyên. Một, ngoại quang minh. Tiếng Phạn là Bổ đặc già la, Ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tiếng Hoa là Hữu tình. một loại hữu sao và ánh sáng của lửa, đèn, đuốc tình được tu diệu hạnh. Tánh nó v.v... đều có thể phá trừ bóng tối. hoà nhã, hay tu nghiệp lành, như ở Đó là ánh sáng bên ngoài. trong luật nghi, vì thân cận chúng Hai, Pháp quang minh. diệu hạnh. Người này thích làm các Tuỳ theo sự nghe pháp của mỗi việc thiện mà tự nhiên hay làm. người, quán sát tu tập, đều nương tựa vào pháp. Nhờ đó mà minh tâm TAM BỐI SỰ PHẬT kiến tánh, phá trừ tối tăm của ngu (Phân biệt kinh). si, rõ bày bổn giác diệu minh. Đó là pháp quang minh. Một, Vi ma đệ tử sự Phật. Ba, Thân quang minh. Kinh nói: Sao gọi là đệ tử của Các Phật, Bồ tát, Nhị thừa và ma thờ Phật? Phật nói: Tuy thọ giới trời v.v... thân đều có ánh sáng,

cũng có thể phá trừ tối tăm. Đó là bữa ăn chánh thức, phải có lời thân quang minh. nguyện. Sơ hạ thi thời. THỰC TAM ĐỨC Vừa cầm thìa, tâm phải nhớ (Niết bàn kinh). nghĩ, tôi nguyện trong kiếp này với tất cả ác nghiệp của thân, miệng, ý Kinh nói: các người Ưu bà tắc làm ra hoàn toàn dứt hết. vì Phật tăng chúng làm đủ các thức Thứ hạ thi thời. ăn như chiên đàn, trầm hương, Kế đến, tâm phải tưởng nhớ, tôi nước tám công đức; tất cả đã được nguyện trong kiếp này tu tất cả nấu chín. Những thức ăn ngon ngọt pháp lành một cách đầy đủ. có ba đức tính. (Tiếng Phạn là Hậu hạ thi thời. Chiên đàn, tiếng Hoa là Dữ dược Tâm phải nhớ tưởng, tôi (cho thuốc) vì hay trừ các bệnh. nguyện trong kiếp này những công Nước tám công đức là: thanh tịnh, đức đã tu tập được, hồi hướng, bố trong sạch và mát lạnh, ngọt ngon, thí chúng sanh, tất cả cùng thành nhẹ nhàng và mềm mại, thấm Phật. đượm, an hoà, uống vào trừ đói khát, nuôi lớn các căn). TAM TỊNH NHỤC Một, Thanh tịnh. (Thập tụng luật). Thức ăn dâng cúng Phật và tăng chúng phải thật sạch sẽ, không có Một, Nhãn bất kiến sát. cay nồng, máu thịt ô uế. Đó là chính mắt không thấy con vật, thanh tịnh. không thấy người vì

mình mà giết. Hai, Nhu nhuyến. Đó gọi là bất kiến sát. Thức ăn dâng lên Phật, cúng Hai, Nhĩ bất văn sát. tăng chúng phải mềm mại, ngọt Đối với người đáng tin, không vừa, không được sơ sài qua loa. Đó nghe con vật bị giết kêu gào, không là nhu nhuyến. vì mình mà giết. Đó là bất văn sát. Ba, Như pháp. Ba, Bất nghi sát. Thức ăn dâng Phật cúng chúng Biết nơi ấy có lò sát sinh, có tăng phải tuỳ mà làm, chế tạo đúng con vật tự chết, cũng biết người ấy, cách. Đó là như pháp. không vì mình, giết hại. Đó là bất nghi sát. TAM THỰC THI Như ba trường hợp trên, gọi là (Pháp uyển Châu lâm) tịnh nhục, có bệnh được phép ăn. Đại trí độ luận nói: Ăn là để TAM BẤT TỊNH NHỤC hành đạo, không phải vì lợi ích cho (Thập tụng luật). thân mình. Người tu hành, khi thọ Một, Kiến sát.

Thấy con vật ấy, vì mình mà bị nhiều mảnh vải hợp thành. Pháp sư giết. Đó gọi là thấy giết. Nghĩa tịnh nói: tiếng Phạn là tăng Hai, Văn sát. già chi, tiếng Hoa là Trùng phục y. Đối với người đáng tin, nghe Tuyên luật sư nói: tên của ba y này, con vật kêu gào, vì mình mà bị giết. đều không phiên âm chính xác, nay Đó là văn sát. dùng nghĩa dịch ra. Đại y gọi là tạp Ba, Nghi sát. toái y, vì số điều nhiều, nếu theo Nơi ấy không có lò sát sinh, công dụng đặc tên thì gọi nhập cũng không có con vật tự chết; vương cung y, còn gọi là nhập tụ người ấy ắt vì mình mà giết. Đó là lạc y. Nghĩa là lúc thuyết pháp nghi sát. trong vương cung thì mặc vào và ba thứ nêu trên, gọi là bất tịnh vào làng xóm khất thực thì mặc nhục, đều không được phép ăn. vào. Tát bà đa luận nói: Đại y chia ra TAM TRƯỜNG VẬT ba phẩm; 9 điều, 11 điều, 13 điều (Ma ha tăng kỳ luật). gọi là hạ phẩm- 15 điều, 17 điều, 19 điều gọi là trung phẩm- 21 điều, Một, y trường vật. 23 điều, 25 điều gọi là thượng Người xuất gia, nếu theo lời phẩm. Phật dạy chỉ được phép có ba y. Hai, Uất đa la tăng. Ngoài ba y ra, nếu có thêm nữa thì Tiếng Phạn là Uất đa la tăng, gọi đó là vật thừa. tiếng Hoa là Thượng trước y, tức là Hai, Bát trường vật. y bảy điều. Tuyên luật nói: y bảy Người xuất gia, nếu theo lời điều gọi là y trung. Nếu sử dụng Phật dạy, chỉ được phép có một mà đặt tên thì gọi là nhập chúng bình bát. Ngoài một bát ra, nếu có thời y (y khi vào chúng) tức là khi gì thêm thì gọi đó là vật thừa. làm lễ, tụng kinh, thọ trai, thuyết Ba, Dược trường vật. pháp thì mặc vào. Người xuất gia, theo lời Phật Ba, An đà hội. dạy, nếu bệnh tật thì được phép Tiếng Phạn là An đà hội, tiếng uống thuốc điều trị. Nếu bệnh đã Hoa là trung túc y (Y mặc lúc ngủ). khỏi mà còn thêm nữa, đó gọi là Tuyên luật nói: nếu theo sử dụng vật thừa. mà gọi thì gọi là y mặc khi hành đạo, làm các việc trong tự viện. TAM Y DANH NGHĨA (Phiên dịch danh ĐẠI TAM TAI nghĩa) (Pháp uyển châu lâm) Một, Tăng già lê. Một, Hoả tai. Tiếng Phạn là Tăng già lê, tiếng Vào kiếp hoại có bảy mặt trời Hoa là Hợp, còn gọi là Trùng. Do xuất hiện, núi Tu di và đại địa từ từ

tang rã; nước trong bốn biển lớn trên thế gian đều chết đói gần hết. dần dần hết sạch. Đại thiên thế giới Đó là cơ cẩn tai. đến trời sơ thiền đều trống hoác, Hai, Tật dịch tai. không còn sót một cái gì. Đó gọi là Tuổi thọ của con người giảm hoả tai. đến 20 tuổi. Lúc ấy có đại dịch và Hai, Thuỷ tai. vô số bệnh tật tất cả cùng nổi lên. Từ trời sơ thiền trở xuống bị Vì vậy mọi người trên thế gian đều bảy lần hoả tai. Sau khi thế gian tan chết vì tật dịch thêm nữa. Đó là tật rã; thế giới lại thành; lại đến khi dịch tai. kiếp hoại, từ từ mưa lớn, giọt nước Ba, Đao binh tai. mưa như trục xe, lại thêm dưới đất Tuổi thọ giảm

đến mười tuổi, nước cuộn chảy và vọt lên cao. Đại lúc ấy, mọi người nổi lên đấu tranh. thiên thế giới cho đến trời nhị thiền Tay cầm cây, cỏ bổng trở thành nước đầy ắp. Tất cả đều tan rã, tiêu dao, rựa. Do binh khí này mà giết tan; như nước làm tan hết muối. Đó hại nhau. Vì vậy, người đời chết vì gọi là thuỷ tai đao binh một lần nữa. Đó là đao Ba, Phong tai. binh tai. Từ trời nhị thiền trở xuống, sau bảy lần thuỷ tai, lại trải qua bảy lần TỨ THÂN hoả tai. Thế gian tan rã, đến khi thế (Thành duy thức luận). giới thành trở lại, rồi lại đến kiếp hoại. Phong luân thổi từ dưới, gió một, Tự tánh thân. mạnh thổi lên, thêm vào đó nghiệp Tức là pháp thân. Chư Phật đã lực của chúng sanh đã hết, gió nổi thật sự làm thanh tịnh pháp giới, lên khắp nơi. Đại thiên thế giới cho không chút bợn nhỏ, hoàn toàn đến trời tam thiền đều bị gió giật vắng lặng, đầy đủ công đức chơn dữ dội, trống không chẳng sót lại thật. Đó là tánh chân thật bình đẳng một thứ gì. Đó gọi là phong tai. của tất cả pháp. Hai, Tự thọ dụng thân. TIỂU TAM TAI Tức là tự báo thân. Chư Phật trí huệ vắng lặng, soi rõ pháp giới một (Pháp uyển châu lâm) cách chân thật, đến đời vị lai, Một, Cơ cẩn tai. thường tự thọ dụng to lớn những Khi con người sống lâu đến pháp lạc. 84000 tuổi; trải qua 100 năm sau, Ba, Tha thọ dụng thân. tuổi thọ giảm một tuổi. Cứ như thế Vì căn cơ chúng sanh cảm mà đến khi con người tuổi còn 30. Lúc chư Phật hiện tha báo thân. Từ bình ấy, vì đại hạn, trời không mưa, cây đẳng trí Phật hiện hình Bồ tát Thập cỏ không sanh trưởng. Nước khô địa và hiện đại thần thông, chuyển kiệt hoàn toàn, vì vậy mọi người bánh xe chánh pháp, khiến cho

chúng sanh hưởng thụ nhiều pháp PHẬT TỨ ĐỨC lạc Đại thừa. (Niết bàn kinh) Bốn, Biến hoá thân. Các đức thường, lạc, ngã, tịnh Là không mà bỗng có , gọi là mà Phật chứng được, gọi là bốn biến hoá, tức là ứng thân. Phật tuỳ đức. căn cơ của chúng sanh mà biến ra Tâm thể của Phật vốn không, thân này. ứng dụng không nhiễm ô, xa lìa điên đảo, thiên lệch, tà vạy của HOÁ ỨNG THÂN TỨ CÚ phàm phu, Nhị thừa, Bồ tát; nên (Hoa nghiêm kinh gọi là đức. Tuỳ sớ diễn nghĩa sao). Một, Thường đức. Một, Hoá thân phi ứng. Thường là không dời không Phật tuỳ từng loại biến hiện đổi, thể tánh rỗng rang bao trùm, thành rồng, quỷ v.v..., không phải vắng lặng thường trụ, trải qua ba là thân Phật. Đó gọi là hoá thân phi đời mà không dời; hoà trong vạn ứng. pháp mà không đổi; nên gọi là đức Hai, Ứng thân phi hoá. thường. Phật thân mà Bồ tát địa tiền Hai, Lạc đức. thấy được, tức là tuỳ căn cơ mà ứng Lạc là an ổn, vắng lặng, xa lìa hiện, chúng sanh trong ngũ thú khổ bức bách của sanh tử, chứng không thể có như vậy. Đó gọi là được an vui, tịch diệt của Niết bàn. ứng thân không phải hoá thân. (Địa Ba, Ngã đức. tiền Bồ tát là Bồ tát Thập trụ, Thập Ngã là tự tại vô ngại. Nhưng có hạnh, Thập hồi hướng. Ngũ thú là giả ngã và chân ngã. Nếu ngoại trời, người, quỷ, súc sanh, địa đạo, phàm phu, đối với thân ngũ ngục). ấm, cưỡng cho là chủ tể và chấp nó Ba, Diệt ứng diệt hoá. làm ngã, thì đó là giả ngã. Còn Phật Các bậc Thành Văn thấy được có đủ tám tự tại thì gọi là ngã, tức thân Phật, thấy các tướng hảo đều là chân ngã. (tám tự tại ngã là có do nhân duyên thành tựu, gọi đó là thể thị hiện một thân thành nhiều ứng; không có mà bỗng nhiên có, thân; thị hiện một thân nhỏ bé như gọi là hoá. Đó gọi là vừa ứng vừa vi trần mà đầy cả đại thiên thế giới; hoá. thân to lớn mà có thể nhẹ nhàng đi Bốn, Phi ứng phi hoá. đến nơi xa xôi; thị hiện nhiều loại hai thân pháp thân và báo thân thân mà thường ở một quốc độ; các của Phật, chẳng thuộc ứng thân và căn hổ

dụng; chứng được tất cả hoá thân. Đó gọi là phi ứng phi pháp mà tưởng như không có pháp hoá. nào cả; nói ý nghĩa một câu hệ đến vô lượng kiếp; thân biến khắp các nơi giống như hư không).

Bốn, Tịnh đức. PHẬT TỨ CHÚNG HY Tịnh là xa lìa cấu nhiễm. HỮU Không có phiền não ô nhiễm, vắng (Kim cang kinh lặng thanh tịnh, như một cái gương toản yếu san định ký) lớn, không một chút bụi nhỏ; nên gọi là tịnh đức. Một, Thời hy hữu. Khi Phật xuất thế, đặc biệt hy THÂN ĐỘ TỨ Y hữu. Tất cả chúng sanh, từ vô (Hoa nghiêm kinh sớ). lượng kiếp đến nay, vô minh che lấp, trôi lăn trong sống chết, không Một, Sắc thân y sắc tướng độ. có ngày hết. Nay gặp Phật ra đời, Phật ứng hiện tuỳ loại. Thị hiện nghe được chánh pháp, nương theo thân cao một trượng sáu, tướng tốt tu hành, được thoát sanh tử khổ, v.v... là nương theo các loài cùng ở thật là ít có. cõi ta bà, lấy sắc tướng núi, sông, Hai, Xứ hy hữu. đại địa làm sắc cho sắc thân. Phật sanh ở thành Ca tỳ la, cho Hai, Sắc thân y pháp tánh độ. đến trong 3000 thế giới, Phật không Thân Phật cao một trượng sáu xuất hiện những nơi còn lại mà lại tướng hảo tốt đẹp. Đó chính là thân giáng sanh ở đó, thật là ít có. pháp tánh, nương vào cõi thường (Tiếng Phạn là Ca tỳ la, tiếng Hoa tịch quang, đó là pháp thân nương là Năng nhân Trú xứ). vào cõi pháp tánh. (Thường tịch Ba, Đức hy hữu. quang độ là cõi tịnh độ đức Phật Phật đầy đủ phước đức, trí huệ, đang ở). không ai sánh bằng, những vị Bồ Ba, Pháp thân y pháp tánh độ. tát không thể nghĩ bàn. Thật là ít Thân pháp tánh của Phật, chẳng có. phải tâm chẳng phải sắc, giống như Bốn, Sự hy hữu. hư không, khắp mọi nơi, là cõi Phật giáng sanh xuống cung nương tựa, tức là cõi thường tịch trời Đâu suất cho đến khi vào Niết quang. Đó là pháp thân nương cõi bàn. Tất cả những sự việc ấy, trên pháp tánh. trời dưới đất thật là kỳ đặc. Ngoại Bốn, Pháp thân y sắc tướng độ. đạo, thiên mà đều quy ngưỡng. Thân pháp tánh của Phật, biến Phật dùng từ bi lớn, phương tiện khắp vô số cõi nước như vi trần. khéo léo, hiện nhiều thân tướng nói Tuy thân và cõi không rời nhau, sự vô lượng pháp môn, tuỳ căn cơ và lý tương liên. Sắc tức chẳng phải chúng sanh, đều được lợi ích. Thật sắc. Tướng chẳng phải tướng, là ít có. (Tiếng Phạn là Đâu suất, nhưng không lìa một cõi nào cả. Đó tiếng Hoa là Tri túc). là pháp thân y sắc tướng độ. TỨ VÔ SỞ UÝ (Đại trí độ luận).

Thường gọi là vô uý. Do Phật chắn không thể lay chuyển. Đó là có trí huệ thập lực, vì bên trong có nhất thiết trí vô sở uý. (Tiếng Phạn đầy đủ quyết định sáng suốt. Ơ là Sa môn, tiếng Hoa là Cần tức, trong đại chúng, phàm nói ra điều siêng làm các việc lành, dừng hẳn gì, không hề tỏ ra sợ hãi; nên gọi là các việc ác-Tiếng Phạn là Bà la vô sở uý. (thập lực là: tri thị xứ phi môn, tiếng Hoa là Tịnh hạnh- xứ trí lực; tri quá khứ hiện tại vị lai Thiên, ma phạm là Thiên ma tức là nghiệp báo trí lực; tri chư thiền giải Tha hoá tự tại thiên; phạm tức ma thoát Tam muội trí lực; tri chư căn phạm thiên). thắng liệt trí lực; tri chủng chủng Hai, Lậu tận vô sở uý. giải trí lực; tri chủng chủng giới trí Lậu tận là phiền não, sanh tử lực; tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực; đều dứt hết. Vô sở uý. Như Phật tri thiên nhãn vô ngại trí lực; tri túc nói: ta, tất cả phiền não, sanh tử, mạng vô lậu trí lực; tri vĩnh đoạn đều không còn, nên được an ổn, tập khí trí lực- Nghĩa là: Trí lực được điều không sợ hãi. Ở trong biết sự vật nào có đạo lý hay phi đại chúng, tiếng nói như sư tử gầm, đạo lý, trí lực biết nghiệp báo ba có thể chuyển bánh xe pháp, các Sa

đời của chúng sanh, trí lực biết các môn, Bà la môn, hoặc thiên ma, thiền định, tám giải thoát, ba Tam phạm hoặc các chúng sanh khác, muội, trí lực biết các căn tánh cao chắc chắn không thể dời đổi. Đó là thấp của chúng sanh, trí lực biết lậu tận vô sở uý. mọi cấp bực hiểu biết của chúng Ba, Thuyết chướng đạo vô sở sanh, trí lực biết mọi cảnh giới uý. khác nhau, trí lực biết các đạo mà Thuyết chướng đạo là về sự trở người tu hành đạt tới, trí lực dùng ngại, che lấp của ngoại đạo đối với thiên nhãn thấy tất cả không hề trở pháp của Phật. Vô sở uý là, như ngại, trí lực biết đời trước của Phật nói: ta nói dù các pháp gây chúng sanh và Niết bàn vô lậu, trí chướng ngại cho thánh đạo, mà vẫn lực biết tập khí và diệt trừ vĩnh được an ổn, được điều không sợ viễn). hãi. Ở trong đại chúng, nói như Một, Nhất thiết trí vô sở uý. tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe Nhất thiết trí là đối với tất cả các pháp. Các Sa môn, Bà la môn, hoặc pháp thế gian, xuất thế gian đều thiên ma, phạm hoặc các chúng biết hết, thấy hết- Vô sở uý là, Phật sanh còn lại, chắc chắn không thể nói: ta là người biết tất cả một cách lay chuyển được. Đó là thuyết đúng đắn, nên được an ổn được chướng đạo vô sở uý. điều không sợ hãi. Ở trong đại Bốn, Thuyết tận khổ đạo vô sở chúng, nói pháp như tiếng gầm sư uý. tử, chuyển bánh xe pháp. Các Sa Thuyết tận khổ đạo là nói môn, Bà la môn, hoặc trời, ma, phương pháp có thể dứt hết các phạm hoặc các người khác, chắc khổ. Vô sở uý là, như Phật nói:

Thánh đạo ta nói có thể ra khỏi thế thiện liễu tri, 24/ phân minh, 25/ gian, có thể dứt hết các khổ, nên thiện ái, 26/ lệnh sanh hoan hỉ, 27/ được an ổn, được điều không sợ sử tha như giáo lệnh, 28/ lệnh tha hãi. Ở trong đại chúng, nói như thiện hữu, 29/ như lý, 30/ lợi ích, tiếng rống sư tử, chuyển bánh xe 31/ ly trọng phục quá thất, 32/ như pháp. Các Sa môn, Bà la môn hoặc sư tử âm, 33/ như long âm, 34/ như thiên ma, phạm hoặc các chúng vân lôi sống, 35/như long vương, sanh khác, chắc chắn không thể lay 36/ như khẩn na la diệu ca, 37/ như chuyển. Đó là thuyết tận khổ đạo ca lăng tần dà, 38/ như phạm vô sở uý. vương, 39/ như cộng mạng điểu, 40/ như đế thích mỹ diệu, 41/ như TỨ ĐẲNG chấn cổ, 42/ bất cao, 43/ bất hạ, 44/ (Lăng già kinh). tuỳ nhập nhất thiết âm,45/ vô Chư Phật, Như lai, danh tự, khuyến giảm, 46/ vô phá hoại, 47/ ngôn ngữ, hiện thân nói pháp, bình vô nhiễm ô, 48/ vô hi thủ, 49/ cụ đẳng không hai, để hiển lộ sự giống túc, 50/ trang nghiêm, 51/ hiển thị, nhau giữa Phật và Phật đạo. 52/ viên mãn nhất thiết âm, 53/ chư Một, Tự đẳng. căn thích duyệt, 54/ vô ky huỷ, 55/ Tự tức là danh tự. Kinh nói: vô khinh chuyển, 56/ vô động giao nếu chữ này gọi ta là Phật, chữ kia 57/ tuỳ nhập nhất thiết chúng tội, cũng gọi tất cả chư Phật. Ta và chữ 58/ chư tướng cụ túc, 59/ linh ấy không khác nhau. Đó gọi là tự chúng sanh ý hoan hỉ, 60/ thuyết đẳng (chữ bình đẳng). (Ngã là đức chúng sanh tâm hành, 61/ nhập Thích ca tự nói về mình; Bỉ là chỉ chúng sanh tâm ý, 62/ tuỳ chúng tất cả Phật. Vì chư Phật đặt tên sanh tín giải, 63/ văn giả vô ký tương xứng với lý; lý, tánh bình phân lượng, 64/ nhất thiết chúng đẳng, nên đều gọi là Phật). sanh bất năng tư duy xưng lượng). Hai, Ngữ đẳng. Ba, Thân đẳng. Ngữ tức ngôn ngữ tương sanh, Kinh nói: ta cùng với pháp thân không tăng không giảm, không có và sắc thân tướng hảo của chư Phật sai biệt cùng một âm với chư Phật- không có khác nhau. Đó gọi là thân Đó gọi là ngữ đẳng. (64 thứ phạm đẳng. (Pháp thân tức là lấy pháp âm là 1/ lưu trạch, 2/ nhu nhuyến, tánh làm thân; sắc thân tức là ứng 3/ duyệt ý, 4/ khả lạc, 5/ thanh tịnh, thân của Phật). 6/ ly cấu, 7/ minh lượng, 8/ cam Bốn, Pháp đẳng. mỹ,

9/ lạc văn, 10/ vô liệt, 11/ viên Kinh nói: ta và các Phật khác cụ, 12/ điều thuận, 13/ vô sáp, 14/ đều chứng được 37 phẩm trợ đạo, vô ác, 15/ thiện nhu, 16/ duyệt nhĩ, không hai không khác. Đó gọi là 17/ thích thân, 18/ tâm sanh dũng pháp đẳng. (37 phẩm trợ đạo là: Tứ nhuệ, 19/ tâm hỷ, 20/ duyệt lạc, 21/ niệm xứ, quán thân bất tịnh, quán vô nhiệt não, 22/ như giáo lệnh, 23/ thọ thị khổ, quán tâm vô thường,

quán pháp vô ngã. Tứ chánh cần: mắc bệnh sốt thì dùng thuốc lạnh điều ác đã sanh khiến cho dứt hẳn, để trị, nếu người mắc bệnh không điều ác chưa sanh thì khiến cho nóng không lạnh thì dùng thuốc ôn không sanh, điều lành đã sanh hoà để trị. Dùng đúng thuốc trị khiến cho tăng trưởng, điều lành bệnh thì bệnh chắc chắn hết; dụ chưa sanh khiến cho sanh. Tứ như cho Phật nói pháp, nếu chúng sanh ý túc: dục như ý túc, niệm như ý nhiều tham dục thì nói bất tịnh túc, tinh tấn như ý túc, tư duy như ý quán để trị, nhiều sân hận thì nói từ túc. Ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, bi quán để trị.v.v... huệ. Ngũ lực: tín lực, tấn lực, niệm Bốn, Thiện tri tự dĩ cánh bất lực, định lực, huệ lực. Thất giác động phát. chi: trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh Lương y ở đời giỏi tuỳ bệnh an, định, huệ, xã. Bát chánh đạo: bốc thuốc. Nếu người bệnh đã uống chánh kiến, chánh tư duy, chánh thuốc rồi, thì bệnh liền hết. Bệnh đã ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, hết, thân tâm an ổn, bệnh không trở chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh lại nữa; dụ cho Phật vì chúng sanh định, tổng cộng 37 phẩm trợ đạo). khéo nói pháp dược trị tất cả bệnh phiền não của chúng sanh. Người THẾ Y TỨ PHÁP DỤ nào nương vào đó tu hành thì lìa NHƯ LAI được khổ sanh tử, thành tựu an vui (Tạp A hàm Niết bàn. Tất cả phiền não không kinh) thể nỗi lên trở lại. Một, Thiện tri bệnh. TỨ PHƯƠNG HÀNH Lương y ở đời giỏi biết được THẤT BỘ nhiều loại bệnh tật, dụ cho Phật (Phật bổn hạnh tập giỏi biết tất cả bệnh phiền não của chúng sanh. kinh). Hai, Thiện tri bệnh nguyên. Phật khi vừa giáng sanh, đối Thầy thuốc giỏi ở đời giỏi biết với bốn phương, Phật đều đi bảy được nguyên nhân gây ra bệnh tật, bước ở mỗi phương, từng bước đều hoặc do phong thấp, hoặc do mưa, có hoa sen đỡ chân. Phật đi xong nắng, đến các thứ bệnh ăn uống, ăn bảy bước, trước nhất, Phật nhìn chơi vô độ gây ra, dụ cho Phật khéo phương đông, tự nói rằng: trong thế biết được chúng sanh đều do căn gian, ta là tối thắng, ta từ hôm nay nguyên vô minh, phiền não mà có sanh phần đã hết. Đó là việc hi hữu bệnh sanh tử, luân hồi. của Bồ tát, pháp chưa từng có. Các Ba, Thiện tri bệnh đối trị. phương khác cũng như thế. Lương y ở đời giỏi biết cách trị Một, Đông hành thất bộ. bệnh. Như người bị bệnh cảm lạnh thì dùng thuốc nóng để trị, người

Kinh Niết bàn nói: Thị hiện làm hết tất cả những người già cả, bệnh chúng sanh mà là người dẫn dắt tật v.v... đừng để cho Thái tử gặp cho chúng. phải. Với tâm chán nản, Thái tử Hai, Nam hành thất bộ. vừa ra khỏi cửa đông thì Thiên tử Kinh nói: Thị hiện là muốn cho Tác Bình bằng sức thần thông hoá vô lượng chúng sanh làm phước làm một cụ già, đầu cuối xuống đất, điền tối thượng. lưng cong, tựa mình trên cây gậy, Ba, Tây hành thất bộ. rung rung rên rỉ đang đi bên lề Kinh nói: Thị hiện hoàn toàn đường. Thái tử thấy cụ già ấy rồi, chấm dứt sanh tử, đây là thân cuối kêu người đánh xe, nói rằng: Thân cùng. ta ngày hôm nay, cũng phải già Bốn, Bắc hành thất bộ. sao? Nếu tướng già xấu xí đó ai Kinh nói: Thị hiện đã vượt qua cũng phải chịu lấy, thì còn thì giờ các quả báo sanh tử. đâu nữa mà du ngoạn ở viên lâm. Hãy mau trở về hoàng cung. Ta TỨ MÔN

DU QUÁN đang suy tư, làm cách nào để tránh (Phật bổn hạnh tập được cái khổ này. kinh). Hai, Nam môn kiến bệnh nhân. Lúc ấy Thái tử lại muốn đến Kinh nói: lúc bấy giờ trên hư viên lâm du ngoạn. Vua Tịnh phạn không có một thiên tử tên là Tác nghe được, ra lệnh quét dọn đường bình thấy Thái tử Tất đạt đa ở trong sá, sạch đẹp. Nếu có người già, cung, sợ Thái tử nhiễm năm thứ bệnh hoặc chết thì đuổi hết. Đừng dục lạc, bèn nói, ta phải làm cho để Thái tử gặp phải, sanh lòng chán thái tử có ý tưởng chán ngán muốn nản, lìa bỏ hoàng cung. Đến khi xa lìa, liền dùng thần lực khiến cho Thái tử vừa ra khỏi cửa nam, thì âm nhạc diễn xướng trong cung thiên tử Tác bình dùng sức thần không còn theo các việc ngũ dục, thông, hoá làm một người mắc mà chỉ còn âm thanh vi diệu của bệnh, thân thể gầy còm, hơi thở cảnh Niết bàn, làm cho chán ghét khò khè yếu ớt, trông như sắp chết, muốn xa lìa thế gian. Tâm sanh không thể cục cựa. giác ngộ, Thái tử nghe âm thanh Thái tử thấy rồi, bảo người đó rồi, bèn nảy tâm muốn du hành đánh xe rằng: nếu thân ta đây, bệnh ra ngoài thành, tức là bốn cửa thành cũng không tha, thì còn thì giờ đâu Ca tỳ la. (Tiêng Phạn là Ca tỳ la, để đến viên lâm du ngoạn, nên về tiếng Hoa là Năng nhân trú xứ). hoàng cung gấp. Ta đang suy nghĩ Một, Đông môn quán lão nhân. phương thức nào thoát được khổ Lúc ấy Thái tử muốn đi về đau này. hướng viên lâm du ngoạn. Vua Ba, Tây môn kiến tử nhân. Tịnh Phạn nghe được liền ra lệnh Lúc Thái tử ra khỏi cửa Tây, quét dọn đường sá sạch đẹp. Đuổi liền muốn đi đến viên lâm du

ngoạn. Vua Tịnh Phạn nghe điều cuối cùng phải lìa xa, nay con có đó, nên ra lệnh đường sá phải giữ chí nguyện xuất gia, cầu được Niết gìn sạch sẽ, và xua đuổi hết người bàn. (Tiếng Phạn là Sa môn, tiếng già, bệnh, chết, để Thái tử gặp phải, Hoa là Cần tức.). sẽ sanh tâm chán ngán, muốn ra đi. Khi thái tử ra khỏi cửa tây, thì thiên XUẤT GIA TỨ NGUYỆN tử Tác bình dùng sức thần thông (Phổ diệu kinh). hoá làm một thây ma nằm trên giường nhiều người thân thuộc vây Phật Thích ca, khi mới xuất gia, quanh khóc lóc. Thái tử thấy cảnh phát bốn thệ nguyện độ chúng sanh ấy, tâm đau buồn khôn xiết, nói với giải thoát khổ đau. (Tiếng Phạn người đánh xe rằng: nếu thân ta Thích ca, tiếng Hoa là Năng nhân). đây, chết cũng giống như thế, đâu Một, Nguyện tế chúng sanh có thì giờ du ngoạn ở Viên lâm khốn ách. nữa, hãy mau quay về hoàng cung. Khi ta thành chánh giác, chứng Ta đang suy nghĩ, làm cách nào, được nhất thiết trí thì cứu thoát khổ thoát khỏi cảnh khổ này. nạn, phiền não của chúng sanh và Bốn, Bắc môn kiến Sa môn. khiến chúng dứt trừ ân ái. Thái tử lại muốn đến viên lâm Hai, Nguyện trừ chúng sanh du ngoạn. Vua Tịnh phạn nghe điều hoặc chướng. ấy, ra lệnh quét dọn sạch sẽ đường Chúng sanh chìm đắm trong sá và đuổi những người già, bệnh, biển khổ sanh tử, vô minh che lấp, chết trên đường, khiến cho Thái tử không biết được gì. Ta phải chỉ bảo bắt gặp, sanh tâm chán nản, lìa bỏ cho chúng, như con mắt thanh tịnh hoàng cung. Khi Thái tử vừa ra trong, ngoài đều không trở ngại, khỏi cửa Bắc, thiên tử Tác bình khiến cho chúng ra khỏi biển khổ dùng thần lực hoá làm một vị Sa ấy. môn, mặc áo cà sa, tay cầm tích Ba, Nguyện đoạn chúng sanh tà trượng và bình bát, dáng vẻ oai kiến. nghi nghiêm chỉnh, bước đi nhẹ Chúng sanh ở đời ngã mạn, tự nhàng. Thái tử thấy rồi, tâm sanh đại, trọng mình khinh người, tâm vui vẻ, yêu mến và hỏi rằng: Tôn chứa chấp tà kiến, không ưa thánh giả, Ngài là người nào? Vị Sa môn đạo. Ta phải mở

mang, dạy dỗ, cho trả lời: ta gọi là người xuất gia. Các chúng vào đường chánh. việc thế gian đều vô thường, ta nay Bốn, Nguyện độ chúng sanh bỏ nhà cầu đạo vô thượng, nên gọi khổ luân. là xuất gia. Chúng sanh ở nơi sống, chết Thái tử nói rằng: đây là việc đau khổ, trôi lăn không hạn kỳ, căn làm tốt đẹp, hữu ích nhất, rồi trở về tánh trí huệ không còn, không thể hoàng cung, thưa vua Tịnh phạn tự cứu mình. Ta phải vì chúng nói rằng: Tất cả chúng sanh ở cõi đời

pháp, để được giải thoát luân hồi, Một, Tiễn tháp. khổ đau. Kinh nói: Thái tử vừa tròn 15 tuổi, cùng với các thanh niên trong TỨ MÃN THÀNH PHẬT dòng họ Thích thi thố nghệ thuật. (Chiêm sát thiện ác Lúc thi bắn, Thái tử bắn một mũi nghiệp báo kinh). tên xuyên thủng bảy mặt trống bằng vàng, lần hai bắn một mũi tên Một, Tín mãn thành Phật. thấu qua bảy con heo bằng sắt cắm Nương vào chủng tánh, chắc sâu xuống đất, tạo thành một dòng chắn tin tưởng các pháp, không nước nhỏ, nước phun tung toé lên sanh không diệt, thanh tịnh bình cao, nên gọi là tiễn tỉnh. đẳng, không thể mong mỏi. Đó là Lúc ấy Đế Thích giữ lấy mũi tín mãn thành Phật. tên ấy, ở trên trời Đao Lợi, xây Hai, Giải mãn thành Phật. tháp cúng dường. (Tiếng Phạn là Nương vào hiểu biết và thực Đao Lợi, tiếng Hoa là trời thứ 33 hành, thông hiểu pháp tánh, không và Đế Thích ở đó). do tạo tác, không nổi lên ý tưởng Hai, Phát tháp. sống chết, và Niết bàn. Tâm không Kinh nói: Thái tử vừa xuất gia, sợ sệt gì và không gì mừng rỡ. Đó tự cầm bảo đao, phát nguyện rằng: là giải mãn thành Phật.(giải hạnh là Ta cắt bỏ tóc này thề với chúng hiểu biết và công đức tu hành). sanh đoạn trừ phiền não, nghiệp Ba, Hạnh mãn thành Phật. chướng, sau đó nắm tóc liệng lên Nương vào địa vị cứu cánh của không trung, lúc ấy Đế Thích đón Bồ tát, có thể trừ được tất cả vô lấy và đem nắm tóc về trời Đao Lợi minh chướng ngại. Hạnh nguyện xây tháp cúng dường. Bồ đề, ắt đều đầy đủ. Đó là hạnh Ba, Áng tháp. mãn thành Phật. (Cứu cánh Bồ tát Kinh nói: Bồ tát sắp sửa đi đến tức là đẳng giác Bồ tát). cây Bồ đề, toạ thiền 49 ngày đêm Bốn, Chứng mãn thành Phật. và thành Chánh đẳng chánh giác. Nương vào đất tâm thanh tịnh Trời và người lúc ấy nói với hai cô thì chứng được pháp trí thanh tịnh gái tên là Nan đà và Ba la của thôn không phân biệt và công đức mầu trưởng Thiện Sanh rằng: Các cô nhiệm hơn hết, không thể nghĩ bàn. hãy là người đầu tiên cúng dường Đó là chứng mãn thành Phật. (Đất cho Bồ tát. Vì thế hai cô dùng sữa tâm thanh tịnh tức là ngôi vị Phật). nai nấu chín để trong cái tô hiến cúng Bồ tát. Khi dùng xong, Bồ tát THIÊN THƯỢNG TỨ thả cái tô xuống sông Ni liên. Lúc THÁP ấy Đế Thích thu nhận đem về trời, (Phật thành đạo ký xây tháp cúng dường. (Tiếng Phạn và bổn hạnh tập kinh) là Nan Đà, tiếng Hoa là Hỷ. Tiếng Phạn là Ba La, tiếng Hoa là Lực).

Bốn, Phật nha tháp. Phật nhập diệt ở Sa la song thọ, Kinh nói: khi hoả táng Phật, thành Câu thi na, thì ở đó phải xây trời Đế thích đem bình bằng bảy tháp kỷ niệm. (Tiếng Phạn là Câu báu tới thỉnh răng Phật. Lúc lửa thi na, tiếng Hoa là Giác thành. vừa tắt, quan tài tự mở ra, Đế thích Tiếng Phạn là Sa la, tiếng Hoa là lấy một cái răng trong miệng Phật, Kiên cố). trở về trời Đao Lợi lập tháp cúng dường. (Tiếng Phạn là xà duy, TỨ PHÁP tiếng Hoa là phần thiêu). (Đại thừa bổn sanh tâm TỨ XỨ LẬP THÁP địa quán kinh).

(Pháp uyển châu Kinh nói: Trong pháp của Phật có bốn loại hướng dẫn chúng sanh lâm) ra ngoài biển sanh tử, sang bờ bên Một, Sanh xứ lập tháp. kia. ba đời chư Phật nương tựa đây Những chỗ chư Phật giáng sanh mà tu hành, dứt tất cả chướng ngại, phải nên dựng tháp kỷ niệm. Như chứng được Bồ đề. nay Phật Thích ca mâu ni, giáng Một, Giáo pháp. sanh dưới tàng cây vô ưu, trong Tất cả pháp lành vô lậu, dạy dỗ vườn Tỳ lam, thì ở đó phải lập tháp chúng sanh, có thể phá được vô kỷ niệm. (Tiếng Phạn là Thích ca minh, phiền não, nghiệp chướng. (mâu ni, tiếng Hoa là Năng nhân Vô lậu là không rơi rớt vào sanh tịch mặc. Tiếng Phạn là Tỳ lam, tử). tiếng Hoa là Giải thoát xứ. Tiếng Hai, Lý pháp. Phạn là Tháp bà, tiếng Hoa là Cao Tất cả giáo pháp mà nghĩa lý đã hiển). được trình bày rõ ràng. Hai, Đắc đạo xứ lập tháp. Ba, Hành pháp. Phật đắc đạo tại cây Bồ đề Các pháp tu hành là giới, định, trong nước Ma kiệt đề, thì ở chỗ đó huệ. phải lập tháp kỷ niệm. (Tiếng Phạn Bốn, Quả pháp. là Ma kiệt đề, tiếng Hoa là thiện Các pháp để chứng được là Niết thắng). bàn, vô vi. Ba, Chuyển pháp luân xứ lập tháp. PHÁP TỨ Y Những chỗ Phật chuyển pháp (Pháp giới thứ đệ) luân không cố định, hoặc ở cây Bồ đề, hoặc ở Lộc uyển, hoặc ở trên Nương tựa chánh pháp là các cõi trời v.v... thì ở các chỗ ấy nguyên nhân thành tựu vạn hạnh, là nên lập tháp kỷ niệm). quả viên mãn Bồ đề. Bốn, Niết bàn xứ lập tháp. Một, y pháp bất y nhân.

Y pháp là dựa vào thật tướng quán, đối các ba la mật quán sát mà của các pháp, tu các hạnh ba la mật tu tập, thì có thể phá hết các nghiệp thì có thể đầy đủ công đức thanh sanh tử, phiền não, chắc chứng tịnh, đến được Bồ đề. được quả đại Niết bàn. Y nhân là như kinh Niết bàn Bất y thức. Thức là tâm vọng nói: Ma vương thường hay hoá giả tưởng. Nếu dựa vào vọng thức mà làm Phật, huống hồ lại không hoá tu tập thì bị nghiệp lực sanh tử, làm những thân khác. Cho nên, tuy phiền não dắt dẫn, trôi lăn không là phàm phu, nếu lời nói, hành hạn kỳ, khổ đau không dứt. động đều tương ưng với thật tướng của các pháp, thì có thể tin tưởng TỨ PHÁP GIỚI và nương theo. Tuy hiện thân Phật (Hoa nghiêm pháp giới tốt đẹp, mà lời nói hành động trái với thật tướng của các pháp, thì quán) không nên nương tựa. Pháp giới là bản thể thân tâm Hai, Y liễu nghĩa kinh bất y bất của tất cả chúng sanh, Pháp: liễu nghĩa kinh. nguyên tắc. Giới chia ra hai nghĩa, Y liễu nghĩa kinh là các kinh nếu căn cứ về sự mà nói thì giới có Đại thừa đều nói rõ trung đạo và nghĩa là phân chia riêng biệt. Nếu Phật tánh. Nếu nương vào đây mà căn cứ về lý mà nói thì giới có tu, thì vạn hạnh thành tựu, có thể nghĩa là thể tánh, tánh chất; vì pháp chứng được Phật tánh. tánh của các pháp không thay đổi. Bất y bất liễu nghĩa kinh là các Nếu lấy thể tánh, phân biệt kinh Tiểu thừa không nói rõ trung quan hệ hỗ tương nhau, thì thành đạo và Phật tánh. Nếu nương vào lý, sự vô ngại pháp giới. Lấy lý hoà đây mà tu thì vạn hạnh khó thành, hợp với sự thì dung thông tất cả, thì không thấy được Phật tánh. thành sự sự vô ngại pháp giới. Ba, Y nghĩa bất y ngữ. Một, Sự pháp giới. Nghĩa là lý trung đạo. Nếu Các pháp sắc và tâm của tất cả nương vào lý này mà tu thì có thể chúng sanh đều không giống nhau thành tựu vạn hạnh, phá sạch điên chút nào. Mỗi thứ đều phân biệt và đảo và làm rõ lý trung đạo. giới hạn; nên gọi là sự pháp giới. Bất y ngữ. Ngữ là ngôn ngữ, Hai, Lý pháp giới. văn tự ở thế gian, chẳng phải pháp Các pháp sắc và tâm của tất cả xuất thế gian. Nên nương vào đây chúng sanh, tuy có sai khác, nhưng tu hành thì vạn hạnh không thành,

có cùng một thể tánh, nên gọi là lý điên đảo không phá được, trung pháp giới. đạo không hiển lộ. Ba, Sự lý vô ngại pháp giới. Bốn, Y trí bất y thức. Lý do sự mà hiển bày; sự Y trí là tâm sáng suốt rốt ráo nương lý mà thành. Lý sự tương gọi đó là trí. Nếu dựa vào trí chánh

dung; nên gọi là lý sự vô ngại pháp KINH HÀM TỨ NGHĨA giới. (Phiên dịch danh Bốn, Sự sự vô ngại pháp giới. Tất cả hạn lượng của các pháp nghĩa) về sự, dung thông với thể tánh hoàn Một, Pháp nghĩa. toàn. một, nhiều không khác; lớn, Pháp là có thể làm phép tắc nhỏ hỗ tương, lớp lớp không cùng; vậy. Các kinh Phật nói ra, mười nên gọi là sự sự vô ngại pháp giới. giới chúng sanh đều tuân theo, vì đó là phép tắc vậy. TỨ TẠNG Hai, Thường nghĩa. (Đại trí độ luận) Không thay đổi vậy. Các kinh Phật nói ra, ba đời không thay đổi. Tứ tạng là kinh, luật, luận, chú. Ba, Quán nghĩa. Mỗi thứ đều chứa đựng tất cả văn Các kinh Phật nói ra quán lý, nên gọi là tạng. xuyến tất cả nghĩa lý thâm sâu, mầu Một, Kinh tạng. nhiệm. Là tất cả đại, Tiểu thừa do Phật Bốn, Nhiếp nghĩa. nói ra. Kinh là pháp, là thường vậy. Các kinh Phật nói ra, đều đem mười giới chúng sanh đồng tôn lại lợi ích cho tất cả chúng sanh xưng gọi là pháp. Ba đời không được giáo hoá. thay đổi gọi là thường. Lại còn nói là khế kinh, nghĩa là trên hợp với lý GIẢNG KINH TỨ ÍCH của chư Phật, dưới hợp với căn cơ (Kim quang minh của chúng sanh. Hai, Luật tạng. kinh) Giới luật đại, Tiểu thừa do Phật Kinh nói: Bồ tát Hư không nói ra. Luật là pháp vì trị được tạng, các trời Phạm Thiên, Đế tham, sân, si và tất cả ác nghiệp của Thích bạch Phật rằng: Nếu trong chúng sanh, giống như luật pháp các quốc độ hay giảng thuyết kinh của thế gian, có thể xét định tội Kim quang minh vi diệu này, thì nặng hay nhẹ. những nước ấy có được bốn điều Ba, Luận tạng. lợi ích: Các luận A tỳ đàm do Phật nói Một, Quốc độ cát tường ích. và các luận do đệ tử của Phật tạo Nếu có nước nào giảng nói kinh ra. (A tỳ đàm là tiếng Phạn, tiếng này thì quốc vương, quân đội thế Hoa là Vô tỉ pháp). lực giàu mạnh, không có nước nào Bốn, Chú tạng. thù địch, bệnh dịch bị tiêu trừ, Tất cả tâm chú bí mật do Phật mạng sống dài lâu, cát tường an nói ra, như các Đà la ni và tất cả lạc, chánh pháp thịnh vượng. kinh có thần chú. (Tiếng Phạn là Hai, Phụ thần hoà lạc ích. Đà la ni, tiếng Hoa là Chú).

Nếu có nước nào giảng nói kinh nghĩa thiết yếu, gần gũi, đơn giản này thì quân thần hoà hợp, vui vẻ, trong các kinh. không tranh cãi, Vua được kính mến, an ổn, thịnh vượng, mọi ước TỨ NHẤT nguyện đều thành tựu. (Pháp Hoa kinh văn cú). Ba, Quốc nhân phú thọ ích. Nếu đất nước nào giảng thuyết Một, Lý nhất. kinh này, thì Sa môn, đệ tử, nhân Lý là thật tướng trung đạo. Lý dân tu hành chánh pháp được nhiều thật tướng này chư Phật và chúng lợi ích, thọ mạng dài lâu, giàu có an sanh bình đẳng, không thêm bớt. vui. Đối với tất cả phước điền đều Thể của chúng sanh tuy đầy đủ, thành tựu mỹ mãn. nhưng đang mê mờ, chỉ có Phật Bốn, Pháp sư tự lợi lợi tha ích. biết được thật tướng, nương nơi Nếu có nước nào giảng thuyết thật đạo này xuất hiện ở đời, khiến kinh này thì người nói thân, tâm cho chúng sanh chứng được thật luôn luôn điều hoà, dân chúng được tướng này. Nên kinh nói: Pháp ấy nhiều lợi ích, từ bi, bình đẳng, tâm không thể hiểu biết bằng suy không tổn hại và tất cả chúng sanh lường, phân biệt, chỉ có chư Phật thành tâm quy ngưỡng, tu tập hạnh mới có thể biết. Lại nói: chư Phật Bồ đề. chỉ vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời. Đó là vì chúng sanh mà LUẬN

TẠNG HOA mở ra, chỉ bảo, hiểu thấu, đi vào tri PHẠN TỨ DANH kiến của Phật.
(Hoa Nghiêm Tri kiến của Phật tức là lý duy nhất. (Nhất đại sự nhân duyên tức kinh sớ) là thật tướng. Tánh của nó to lớn Một, Ma đát lý ca. nên gọi là đại. Các nghi thức xuất Là tiếng Phạn, tiếng Hoa là Bổn thế nên gọi là sự. Chúng sanh có cơ mẫu, nghĩa là luận nghị cẩn thận thì cảm này, nên gọi là nhân. Phật có thể nảy sinh ra mọi nghĩa lý. nương cơ mà ứng hiện, nên gọi là Hai, Xà tát đát la. duyên). Là tiếng Phạn, tiếng Hoa là Hai, Hạnh nhất. Nghị luận, nghĩa là bình giảng, biện Hạnh tức là công hạnh do tu tập luận không, có, thật, giả các pháp. Nhất thừa, nghĩa là lý thật tướng. Ba, A tỳ đạt ma. Không phải Nhất thừa diệu Là tiếng Phạn, tiếng Hoa là Đối hành, thì không ai có thể chứng pháp, nghĩa là có thể trả lời những được. Nên kinh nói: Chánh trực bỏ nghi vấn về giáo pháp. phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Bốn, Ô ba nễ xá. Lại nói: những việc làm của chúng Tiếng Phạn là Ô ba nễ xá, tiếng sanh, thường vì một việc, việc tức Hoa là Cận thuyết. Nói tóm tắt ý là hạnh, nên gọi là hạnh duy nhất.

Ba, Nhân nhất. Các vị Bồ tát được niệm huệ Nhân tức là chúng sanh đã được lực, gìn giữ những pháp được nghe, giáo hoá. Y Phật xuất thế, chỉ để qua vô lượng thời gian, vĩnh viễn giáo hoá Bồ tát thành Phật đạo. Chỉ không quên mất. Đó gọi là pháp Đà vì căn cơ không đồng nhất, nên bất la ni. đắc dĩ tạm đưa ra giáo pháp Tam Hai, Nghĩa Đà la ni. thừa, từ từ đi vào Phật đạo. Đến Các vị Bồ tát giữ gìn vô lượng kinh Pháp hoa thì mới mở ra Tam nghĩa lý đã được nghe trải qua vô thừa là phương tiện để hiển bày lượng thời gian, vĩnh viễn không thật tướng Nhất thừa. Người trong quên mất. Đó gọi là nghĩa Đà la ni. Tam thừa giống như Bồ tát, nên gọi Ba, Chú Đà la ni. là nhân duy nhất. Chú là mong muốn vậy. Các vị Bốn, Giáo nhất. Bồ tát đã được những tổng trì như Giáo là giáo lý nhiệm mầu viên thế, các Ngài mong muốn tất cả đều đốn, tức là một Phật thừa. Bốn thời linh nghiệm, có thể trừ hết vô vàn giáo trước, Phật tuỳ thuận cơ tai hoạ cho chúng sanh. Đó gọi là duyên, bất đắc dĩ, tạm nói các thừa, chú Đà la ni. đến thời Pháp Hoa, mở bày quyền Bốn, Nhẫn Đà la ni. thừa tức là thật tướng. Kinh nói: Nhẫn tức là chấp nhận. Nghĩa Trong cõi nước mười phương Phật, là các vị Bồ tát thành tựu hạnh kiên chỉ có một pháp duy nhất, không cố, đối với pháp được nghe, được hai cũng không ba, nên gọi là giáo sự siêng năng nhẫn nại. Đó gọi là nhất. (Tứ thời là Hoa nghiêm, Lộc nhẫn Đà la ni. uyển, Phương đẳng, Bát nhã. Không hai là không tạng giáo, TỨ CHỦNG BÍ MẬT không thông giáo. Không ba là (A tỳ đàm tạp tập không tạng, không thông, không biệt giáo). luận) Một, Linh nhập bí mật. TỨ ĐÀ LA NI Các vị Thinh văn chấp không, (Du già sư địa luận). cho rằng tất cả pháp đều không. Phật vì họ nói pháp Đại thừa, phá Tiếng Phạn là Đà la ni, tiếng bỏ kiến giải chấp không để phát Hoa là Tổng trì, nghĩa là kéo giữ sanh kiến giải thật đúng chánh pháp gìn không mất, không cho việc ác và được vào trong thánh giáo. Đó sanh ra. Lại phiên âm là giá trì, gọi là linh nhập bí mật. nghĩa là che ngăn cái ác ở hai bên Hai, Tướng bí mật. có, không; gìn giữ điều thiện của Phật nói tất cả pháp đều không trung đạo. có tự tánh, không sanh, không diệt Một, Pháp Đà la ni. là để phá trừ chấp tướng sai lầm

của phàm phu, ngoại đạo. Đó gọi là Do sốt sắng về giới nên sanh tướng bí mật. vào loài trời, người. Do thừa chậm Ba, Đối trị bí mật. rãi nên không ưa nghe pháp. Đó gọi Phật nói giáo pháp bí mật là để là giới cấp thừa hoãn. đối trị những sai lầm của chúng Ba,

Thừa giới câu cấp. sanh. Như người bị bệnh thì tuỳ Do giới cấp thiết, nên sanh làm bệnh mà bốc thuốc để chữa trị thì trời, người và do Thừa cấp thiết, mới được an ổn, lành bệnh. Đó gọi nên cũng được nghe pháp, ngộ đạo. là đối trị bí mật. Đó gọi là thừa giới câu cấp. Bốn, Chuyển biến bí mật. Bốn, Thừa giới câu hoãn. Chuyển biến là chuyển ác thành Do giới trì hoãn nên vĩnh viễn thiện. Phật nói tất cả pháp bí mật, đoạ vào bốn đường, mất thân trời, đều vì chúng sanh nổi tâm tán loạn người; vì thừa trì hoãn, không được khiến cho sanh tâm tịch tĩnh, nỗi nghe pháp. Đó gọi là thừa giới câu lên tâm điên đảo khiến cho sanh hoãn. tâm chánh kiến, nỗi lên tâm phiền não khiến cho sanh tâm thanh tịnh. TỨ CHỦNG ANH LẠC TRANG Đó gọi là chuyển biến bí mật. NGHIÊM (Đại phương THỪA GIỚI HOÃN CẤP TỨ CÚ đẳng đại tập kinh)

(Hoa Nghiêm Anh lạc trang nghiêm là Bồ tát dùng giới v.v... bốn pháp để trang kinh Tuỳ sớ diễn nghĩa sao). nghiêm pháp thân, như ở đời dùng Thừa giới: Thừa là giáo pháp anh lạc để trang nghiêm thân thể đại, Tiểu thừa do Phật nói. Giới là vậy. giới luật do Phật chế ra có nặng có Một, Giới anh lạc trang nhẹ khác nhau. Hoãn là trì hoãn, nghiêm. thư thả. Cấp là cấp thiết. Bồ tát nghiêm trì giới cấm, đối Một, thừa cấp giới hoãn. với chúng sanh không hề có tâm Vì giới trì hoãn, thư thả, nên rơi làm hại. Nếu không có tâm ác hại vào bốn đường địa ngục, ngạ quỷ, thì tất cả chúng sanh đều ưa thích súc sanh, A tu la. Do thừa, lại được nhìn ngắm. ba nghiệp thân, miệng, nghe pháp, như trong tám bộ: ý đều thanh tịnh. Đó gọi là giới anh Thiên, long v.v... đều được dự hội lạc trang nghiêm. nghe pháp. Đó gọi là thừa cấp giới Hai, Tam muội anh lạc trang hoãn. (tám bộ là Thiên, Long, Dạ nghiêm. xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Bồ tát đối với chúng sanh, vận Khẩn na la, Ma hầu la dà). dụng tâm đại bi, thẳng thắn và uyển Hai, Giới cấp thừa hoãn. chuyển, cho đến xa lìa tham, sân,

si, tu tập tất cả Tam muội. Đó là những niệm ác, bỏ hết loạn tưởng, Tam muội anh lạc trang nghiêm. tư duy chuyên nhất liên hệ với pháp Ba, Trí huệ anh lạc trang giới, nhớ tưởng pháp giới. (hệ nghiêm. chuyên là chỉ. Nhất niệm là quán. Bồ tát tâm ra ngoài lưới nghi, Các pháp dung thông, tương thuộc, xa lìa điên đảo. Biết khổ dứt trừ nên gọi là pháp giới). tập; chứng diệt tu đạo. Đầy đủ giới, Tin tưởng tất cả pháp đều là định, huệ. Thanh tịnh không vướng Phật pháp. Nếu ngồi đến mỏi mệt, mắc. Xem xét pháp giới chẳng có hoặc khổ sở vì tật bệnh, hoặc buồn tới lui. Đó là trí huệ anh lạc trang ngủ che lấp, hoặc nghiệp chướng nghiêm. đời trước nổi lên cũng không thể Bốn, Đà la ni anh lạc trang làm cho lùi bước, thì phải chí tâm nghiêm. niệm một danh hiệu Phật để cầu gia Tiếng Phạn là đà la ni, tiếng hộ. Trừ trường hợp đi kinh hành, ăn Hoa là Năng trì. Nghĩa là các vị Bồ uống, đi đại tiểu ra ngoài, còn lại tát có thể giữ gìn các pháp lành, luôn luôn tiếp tục, không để không cho mất mát. Còn gọi là tổng khoảnh khắc bỏ không tu tập Tam trì, nghĩa là có thể gìn giữ điều muội này. Ở trong thời kỳ ấy, nếu thiện không mất, gìn giữ điều ác siêng năng không lười biếng, niệm không sanh. Đó là đà la ni anh lạc niệm nối tiếp, không gián đoạn, thì trang nghiêm. có thể phá trừ nghiệp chướng, hiển hộ được lý thật tướng. TỨ CHỦNG TAM MUỘI Hai, Thường hành Tam muội. (Ma ha chỉ quán). Còn gọi là Bát chu Tam muội. Tiếng Phạn là Bát chu, tiếng Hoa là Muốn lên quả vị Phật, không tu Phật lập. Phật lập có ba nghĩa, 1) hành không lên được. Tu hành các Oai lực của Phật, 2) Lực Tam pháp có nhiều, tóm lại có

bốn. muội, 3) Công đức sẵn có của hành Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng giả có thể ở trong định mà thấy Hoa là Chánh định; còn gọi là điều được mười phương Phật đứng ngay trực định. Tâm hành của chúng trước mặt, nên gọi là Phật lập. sanh thường không hoà hợp, không Dùng 90 ngày làm hạn kỳ, suốt ba ngay thẳng, không an định. Vào tháng, không được nghỉ ngơi, Tam muội này thì có thể hoà hợp, miệng thường niệm lớn A di đà ngay thẳng và an định (điều, trực, Phật; tâm thường tưởng A di đà định), nên gọi là Tam muội. Phật. Hoặc trước tưởng sau niệm Một, Thường tọa Tam muội. hay ngược lại, hoặc tưởng niệm Cũng gọi là nhất hạnh Tam liên tục, không để ngưng nghỉ. muội. Ngài Văn Thù trong kinh Bát Tam muội này, rất có khả năng nhã, trong 90 ngày, ở một mình dứt trừ nghiệp chướng đời trước. trong tịnh thất, ngồi kiết già, trừ hết Đối với các công đức thì Tam muội

này là đứng đầu. (Tiếng Phạn là A khắp vạn vật, không chừa bất cứ di đà, tiếng Hoa là Vô lượng thọ). cái gì. Đó gọi là đại viên cảnh trí. Ba, Bán hành bán tọa Tam Hai, Bình đẳng tánh trí. muội. Phật quán tất cả pháp và các Nếu dựa vào kinh Phương đẳng chúng sanh đều bình đẳng. Dùng thì kỳ hạn bảy ngày, chỉ trì tụng tâm đại bi, tuỳ căn cơ của chúng, thần chú, xoay tròn 120 vòng. thị hiện, chỉ bày, hướng dẫn khiến Xong một vòng đọc một thần chú, cho chúng chứng nhập cho được không nhanh không chậm. Xoay tánh bình đẳng ấy. Đó gọi là bình xong bèn ngồi xuống, suy tư về lý đẳng tánh trí. thật tướng. Ba, Diệu quan sát trí. Nếu nương vào kinh Pháp hoa Phật khéo quán sát các pháp thì haimột ngày là kỳ hạn, chỉ tụng đầy đủ và hoà hợp theo thứ lớp, lại kinh này. Vì kinh nói: Có người biết căn tánh chúng sanh ưa muốn nào hoặc đi hoặc đứng, đọc tụng dục lạc. Dùng biện tài vô ngại, nói kinh này, hoặc ngồi tư duy kinh các diệu pháp, khiến cho chúng này, ta (Phật) ngồi trên voi trắng được khai ngộ và được nhiều an sáu ngà, hiện ra trước mặt người lạc. Đó là diệu quan sát trí. đó. Đây là những Tam muội vừa đi Bốn, Thành sở tác trí. vừa ngồi. Vì Phật muốn đem đến lợi lạc Bốn, Phi hành phi tọa Tam tất cả chúng sanh trong khắp mười muội. phương thế giới, nên thị hiện, biến Cả đi và ngồi. Giờ nói chẳng đi hoá vô số thần thông, hướng dẫn chẳng ngồi, tuy chẳng đi chẳng chúng sanh đi vào thánh đạo, đây là ngồi; cũng có tên là Tam muội tuỳ những việc làm từ nguyện lực của ý, có nghĩa là trong mọi lúc, trong Phật. Đó là thành sở tác trí. mọi việc đều có thể quán sát tuỳ ý, không câu hệ thời hạn. Tâm luôn ở TỨ VÔ NGẠI TRÍ. trong chỉ quán, niệm vừa loé lên (Pháp giới thứ đệ). liền biết vậy. Còn gọi là Tứ vô ngại biện. Bồ TỨ TRÍ tát đối với bốn pháp này, trí huệ sáng suốt, thông hiểu tất cả, nên gọi (Thành duy thức luận) là bốn trí vô ngại. Dùng bốn trí này Một, Đại viên cảnh trí. trong biện thuyết thì rất thấu đáo, Chân trí của Phật, tánh vốn cũng gọi là bốn biện tài vô ngại. thanh tịnh, xa lìa trần ai, ô nhiễm, Một, Nghĩa vô ngại trí. suốt cả trong ngoài, không có chỗ Bồ tát hiểu rõ nghĩa lý của tất tối tăm nào mà không soi tới. cả pháp, thông đạt hoàn toàn, nên Giống như cái kính lớn, chiếu soi gọi là nghĩa vô ngại trí. Hai, Pháp vô ngại trí.

Bồ tát thấu suốt danh tự của tất Nhân tướng so với ngã tướng cả pháp, phân biệt rõ ràng, nên gọi có tiến một bước. Tuy không chấp là pháp vô ngại trí. cái đã chứng là ngã, nhưng vẫn còn Ba, Từ vô ngại trí. tâm hiểu rõ về ngã, gọi là nhân Bồ tát đối với danh tự, nghĩa lý tướng. Kinh nói: Ngộ được cái ta của các pháp, tuỳ thuận tất cả ngôn vượt

qua tất cả những gì đã chứng, ngữ, địa phương của chúng sanh để gọi là nhân tướng. giảng giải cho chúng tiếp nhận và Ba, Chúng sanh tướng. hiểu rõ, nói năng trôi chảy, nên gọi So với nhân tướng có tiến một là từ vô ngại trí. bước. Tuy đã vượt qua tướng ngã, Bốn, Nhạo thuyết vô ngại trí. tướng nhân, nhưng vẫn còn có tâm Bồ tát tuỳ thuận căn tánh của chứng ngộ, gọi là chúng sanh tất cả chúng sanh ưa nghe pháp gì, tướng. Kinh nói: Chỉ có những vì chúng mà nói pháp đó, đầy đủ và chúng sanh đã chứng ngộ đều là hoà hợp, nên gọi là Nhạo thuyết vô ngã nhân, nhưng tướng ngã, nhân ngại trí. thì không theo kịp, vẫn còn lại cái liễu ngộ, gọi là chúng sanh tướng. TRÍ CẢNH TỨ TƯỚNG Bốn, Thọ mạng tướng. (Viên giác kinh lược So với chúng sanh tướng thì có tiến một bước. Tâm sáng soi thanh sớ). tịnh, đối với trong chúng sanh Chấp giữ đối với những gì tâm tướng vẫn còn tâm liễu ngộ. Tuy đã chứng được, sâu cạn không hiểu biết đã vượt qua, nhưng vẫn giống nhau, nên bốn tướng không còn chủ thể biết. Giống như mạng giống nhau. Vì vậy ba tướng sau căn tiềm phục liên tục bên trong, đều từ căn bản ngã tướng lập nên. gọi là thọ mạng tướng. Kinh nói: So với tứ tướng trong kinh Kim Cái mà ta hiểu được không rời trần cang Bát nhã không giống nhau. cấu. Nghĩa là tâm hiểu biết này Bởi vì những tướng kia xuất phát từ không xa lìa vọng trần. tâm mê vọng mà chấp có bốn tướng. TỨ CẢNH Một, Ngã tướng. (Khởi tín luận) Đối với lý Niết bàn, tâm có chứng được, nhưng lại chấp giữ đối Cảnh có nghĩa là tấm gương với những gì tâm đã chứng được trong sáng có khả năng chiếu soi, ấy, không quên. Chấp rằng đó là giống như tánh chơn như của bản ngã, gọi là ngã tướng. Kinh nói: Đó giác, có không và có bất không, có là chấp giữ cái đã chứng được, nên thể có dụng, nên lấy tấm gương mới hiện ra hình dáng của ngã. làm ví dụ cho chơn tâm. Hai, Nhân tướng. Một, Như thật không cảnh.

Thật tướng chân như thể vốn ác, đùa cợt, 4) Xa lìa người chuyên không tịch, xa lìa tất cả tướng của nghề chém giết, 5) Xa lìa chúng vọng tâm về cảnh giới; giống như Nhị thừa, làm tổn hại việc tu hành gương sáng không dính bụi, nên theo Đại thừa, 6) Xa lìa những nghĩ gọi là như thật không cảnh. ngợi về tham dục, 7) Xa lìa không Hai, Nhân huân tập cảnh. phải người nam, 8) Xa lìa chỗ nguy Thể giác ngộ của chân như hay hại, 9) Xa lìa việc chê bai, 10) Xa làm nhân cho các pháp hiện hữu, lìa việc nuôi gia súc. lại hay huân tập vào tâm, nên cảnh Đã xa lìa mười điều trên, giới đều hiện hữu ở trong tâm; nên thường ham ngồi thiền. Thu nhiếp gọi là nhân huân tập cảnh. (hai tâm mình. Đó gọi là an thân lạc trường hợp trên nói rõ chân như hạnh. (Tiếng Phạn là Chiên đà la, còn có phiền não ràng buộc nên có tiếng Hoa là Đồ tể) không và có bất không). Hai, Khẩu an lạc hạnh Ba, Pháp xuất ly cảnh. Miệng nên xa lìa bốn điều: 1) Các pháp của giác thể chân không ưa nói về người khác và lỗi như, xa lìa trần lao phiền não, hoàn lầm trong kinh điển, 2) không xem toàn trong sáng, nên gọi là pháp thường, ngạo mạn, không dựa vào xuất ly cảnh. Đại thừa, xem thường Tiểu thừa, 3) Bốn, Duyên huân tập cảnh. Không khen, cũng không chê người Duyên tức là cơ duyên được khác, 4) không sanh tâm oán ghét, giáo hoá khi giác thể của chân như giỏi tu tâm an lạc này. Đó gọi là ra ngoài phiền não ràng buộc, tuỳ khẩu an lạc hạnh. thuận soi sáng căn cơ của vạn vật, Ba, Ý an lạc hạnh. cùng với chúng sanh làm nên sức Ý nên bỏ bốn việc ác: 1) Không huân tập ngoại duyên, khiến cho ghen ghét, nịnh hót; 2) Không xem chúng tu tập căn

lành, nên gọi là thường, mắng chưởi, không nên lấy duyên huân tập cảnh. (hai loại trên hạnh Đại thừa mà trách mắng nói rõ chân như ra khỏi phiền não, người tu Tiểu thừa; 3) Không tức từ thể mà khởi dụng). giận, buồn bực và tán loạn; 4) Không tranh hơn. Vì tất cả chúng TỨ AN LẠC HẠNH sanh bình đẳng mà nói pháp, đó gọi (Pháp hoa văn cú) là ý an lạc. Bốn, Thệ nguyện an lạc hạnh. Thân không nguy hiểm là an. Vì chúng sanh không nghe, Tâm không ưu sầu là lạc, mới có không biết, không hiểu, do đó khởi thể tiến lên; nên gọi là an lạc hạnh. tâm từ bi, thệ nguyện vì chúng sanh Một, Thân an lạc hạnh. nói pháp. Kinh nói: Khi ta chứng Thân nên xa lìa mười việc: 1) được vô thượng chánh đẳng chánh Xa lìa giàu sang, quyền thế, 2) Xa giác, tuỳ theo nơi nào thì sức thần lìa người tà, pháp tà, 3) Xa lìa gian thông, sức trí huệ, dẫn dắt chúng

sanh ở đó, an trụ trong pháp đó. Đó tụng kinh này, thì lòng không còn gọi là thệ nguyện an lạc hạnh. nuôi ghen ghét, nịnh hót, dối láo. Bốn, Đại từ bi hạnh. TỨ AN LẠC HẠNH Khởi tâm từ bi, phát thệ nguyện (Hoa nghiêm kinh lớn, nguyện nhổ tận gốc khổ đau của chúng sanh và đem an vui cho sớ) chúng sanh. Kinh Pháp Hoa nói: Bốn, an lạc hạnh này là do quốc Người ở trong hàng tại gia hay xuất sư Thanh lương, huý là Trừng gia sanh tâm đại từ chính là người quán, dựa vào phẩm an lạc hạnh không ở trong hàng Bồ tát sanh tâm trong kinh Pháp hoa lập ra. đại bi. Quả Niết bàn gọi là an lạc. Tu tập theo hạnh này thì hướng đến TẠNG GIÁO SANH Niết bàn; nên gọi là an lạc hạnh. DIỆT TỨ ĐẾ Lại ở trong bốn hạnh này thì thân (Thiên thai tứ được yên ổn, tinh thần an định, các khổ bên ngoài không thể xen vào, giáo nghi tập chú). nên gọi là an lạc hạnh. Tạng giáo là giáo pháp ba tạng Một, Tất cánh không hạnh. kinh, luật, luận. Sanh diệt là giáo Tâm, cảnh đều quên, thông suốt pháp này có được là do nhân duyên cả không và hữu. Kinh Pháp hoa sanh, nên có sanh, có diệt vậy. Tứ nói: Hành xứ, cận xứ, nghĩa là dùng đế: đế là xét đoán một cách đầy đủ. lý quán chiếu, như lý mà hành gọi Nghĩa là bậc Thinh văn sử dụng là hành xứ, lại quán tất cả pháp phép quán phân tích về cái không không, tức là đã gần với lý, gọi là để xét đoán kỹ lưỡng các pháp khổ, cận xứ. Bằng hành xứ, cận xứ cuối tập, diệt, đạo. Tất cả đều chân thật. cùng trở về không. Đó gọi là tạng giáo sanh diệt Tứ đế. Hai, Thân khẩu vô quá hạnh. (Nhân duyên sanh pháp là sáu căn Thân xa lìa các điều ác giết hại, là nhân, sáu trần là duyên; căn, trần trộm cướp v.v... Miệng xa lìa các gặp nhau thì sanh ra tâm, gọi là điều ác nói dối, nói thêu dệt v.v... sanh pháp. Tích không. Tích là Kinh Pháp Hoa nói: Nếu khi đọc phân tích, nghĩa là phân tích năm kinh, không ưa nói tốt, xấu của ấm các pháp đều là không. người và sai lầm của kinh điển. Một, Khổ đế. Ba, Tâm vô tật đố hạnh. Khổ là bức bách, khó chịu cho Thấy người làm việc lành thì thân và tâm. Có ba khổ, tám khổ. hãy tuỳ hỷ khuyến khích, chứng Tóm lại mà nói không ra ngoài nhập đạo đồ đề, xa lìa các việc làm sống, chết trong ba cõi. Thinh văn ghen ghét đố kỵ. Kinh Pháp Hoa quán xét kỹ lưỡng sống, chết khổ nói: Vào thời mạt thế sau này, lúc thật: nên gọi là khổ đế (ba khổ là giáo pháp sắp giảm, ai thọ trì đọc khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. tám

khổ là sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cơ chậm lụt, chỉ chứng được lý oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm chân không, cùng với tạng giáo ở thạnh khổ). trước giống nhau. Sau thông với Hai, Tập đế. biệt giáo và Viên giáo, nghĩa là Tập là nhóm lại. Thinh văn giáo lý này dành cho Bồ tát căn cơ quán sát kỹ lưỡng nghiệp hoặc, lanh lợi, tức là đối với lý

chân phiền não, chính nó nhóm lại khổ không còn biết được lý bất không đau của sống, chết; nên gọi là tập chứng ngộ lý trung đạo, so với hai đế. giáo biệt, viên giống nhau. Tam Ba, Diệt đế. thừa là Thinh văn, Duyên giác, Bồ Diệt là tịch diệt. Thinh văn tát). chán ngán khổ sanh, tử; quán sát kỹ Một, Khổ đế. lưỡng Niết bàn, chính là an vui tịch Giáo lý này dành cho Tam diệt; nên gọi là diệt đế. thừa, vì quán sát khéo léo, thẩm Bốn, Đạo đế. định về các khổ đau sống chết của Đạo có nghĩa là thông suốt. ngũ ấm một cách đúng đắn, đương Thinh văn quán sát kỹ lưỡng con thể tức không, nên không có tướng đường giới, định, huệ, chính là con bức bách, vì vậy gọi là khổ đế. đường dẫn đến Niết bàn, nên gọi là Hai, Tập đế. đạo đế. Giáo lý này dành cho Tam thừa, vì quán sát khéo léo, thẩm THÔNG GIÁO VÔ định đúng đắn nhân quả hoặc SANH TỨ ĐẾ nghiệp, đương thể tức không, hiểu (Thiên Thai tứ rõ hoặc nghiệp không có tướng hoà hợp,
nên gọi là tập đế. giáo nghi tập chú) Ba, Diệt đế. Thông giáo là trước thông với Giáo lý này dành cho Tam tạng giáo sau thông với biệt giáo, thừa, vì quán sát khéo léo, thẩm Viên giáo. Vô sanh Tứ đế là giáo định đúng đắn các khổ sanh tử của pháp này dành cho bậc Tam thừa ngũ ấm, xưa kia chưa từng sanh, căn tánh lanh lợi, dùng phép quán ngày nay chưa từng diệt, nên gọi là thể không, thấu suốt các pháp ngũ diệt đế. ấm: đương thể tức không (không Bốn, Đạo đế. ngay ở đây và bây giờ), như ảo, Đạo là giới, định, huệ. Nghĩa là như hoá, nên nói khổ không có giáo lý Tam thừa này, vì quán sát tướng bức bách, tập không có khéo léo, thẩm định đúng đắn về tướng hoà hợp, diệt không tướng tập bị phá và đạo năng phá đồng vô sanh, đạo là tướng bất nhị. Đó nhất với chân không, không có hai gọi là thông giáo vô sanh Tứ đế. tướng, nên gọi là đạo đế. (Trước thông với tạng giáo, nghĩa là giáo lý này dành cho Bồ tát căn

BIỆT GIÁO VÔ LƯỢNG Giáo lý dành cho Bồ tát này, TỨ ĐẾ thẩm định kỹ lưỡng những khổ đau sanh, tử của chúng sanh trong mười (Thiên thai tứ giới, tất cả đều có
thật, nên gọi là giáo nghi tập chú) khổ đế. Biệt giáo là trước không liên hệ Hai, Tập đế. với tạng giáo, thông giáo, sau Giáo lý dành cho Bồ tát này, không liên hệ với Viên giáo. Vô thẩm định kỹ lưỡng hoặc nghiệp lượng Tứ đế là giáo lý này chỉ dành của chúng sanh trong mười giới, riêng cho Bồ tát. Chúng sanh được đúng là đã chiêu tập khổ đau sanh Bồ tát giáo hoá vô lượng, nên pháp tử, nên gọi là tập đế. môn Bồ tát sử dụng cũng vô lượng, Ba, Đạo đế. khổ có vô lượng tướng, vì quả báo Giáo lý dành cho Bồ tát này, trong mười pháp giới không giống thẩm định kỹ lưỡng vô lượng đạo nhau, tập có vô lượng tướng vì ngũ pháp, đúng là hay tự lợi và lợi tha, trụ phiền não không giống nhau, nên gọi là đạo đế. đạo có vô lượng tướng, vì pháp Bốn, Diệt đế. môn mầu nhiệm không giống nhau; Giáo lý dành cho Bồ tát này, diệt có vô lượng tướng, vì sáu ba la thẩm định kỹ lưỡng về thực tập lục mật không giống nhau. Đó gọi là độ, đúng là có thể chứng được lý biệt giáo vô lượng Tứ đế. tịch diệt của Niết bàn, nên gọi là (Trước không liên hệ tạng giáo, diệt đế. thông giáo vì giáo lý này là pháp môn chỉ dành cho Bồ tát tu tập, VIÊN GIÁO VÔ TÁC TỨ không giống tạng, thông giáo là ĐẾ pháp môn tu tập của Tam thừa. (Thiên Thai tứ Sau không liên hệ với Viên giáo nghi tập chú) giáo, vì giáo
lý này được sáng tỏ bởi hành tướng của pháp môn, trải Viên giáo là sự, lý vô ngại, vạn qua thứ lớp, không giống như Viên pháp dung nhiếp. Vô tác Tứ đế là giáo, tất cả viên dung. bậc Đại thừa Bồ tát, quán sát tất cả Thập pháp giới là Phật, Bồ tát, các pháp, sự sự

tức lý, không có gì Duyên giác, Thinh văn, thiên, nhân, tạo tác. Vì thế nói ấm, nhập đều A tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa như nhau. Không khổ phải bỏ, trần ngục. lao vốn thanh tịnh. Không tập phải Ngũ trụ phiền não là nhất thiết trừ. Biên kiến, tà kiến đều đúng kiến trụ địa hoặc, dục ái trụ địa đắn. Không đạo phải tu. Sanh tử hoặc, sắc ái trụ địa hoặc, hữu ái trụ tức Niết bàn. Không diệt phải địa hoặc, vô minh trụ địa hoặc). chứng. Đó gọi là Viên giáo vô tác Một, Khổ đế. Tứ đế.

(Ấm, nhập đều như nhau là ấm Đối với thế gian, các pháp ngũ là ngũ ấm, nhập là mười hai nhập. uẩn hư vọng, nên nói với nghĩa Các pháp ấm, nhập đều nói như nhiệm mầu hơn hết của chân như. nhau. Như tức là lý. Hai, Đạo lý thắng nghĩa. Biên Kiến, tà kiến đều trung Thinh văn quán lý Tứ đế khổ, chánh là kiến chấp hai bên có, tập, diệt, đạo là nghĩa nhiệm mầu không sai lầm, điên đảo đều là hơn hết. trung đạo). Ba, Chứng đắc thắng nghĩa. Một, Khổ đế. Thinh văn chứng được lý nhị Giáo pháp dành riêng cho Bồ không chân như là nghĩa nhiệm tát này, thẩm định kỹ lưỡng về các mầu hơn hết (nhị không là nhân pháp năm ấm và mười hai nhập đều không và pháp không) là chân như, thật không có tướng Bốn, Thắng nghĩa thắng nghĩa. khổ phải bỏ, nên gọi là khổ đế. Lý nhất chân pháp giới, chỉ có Hai, Tập đế. chư Phật mới hiểu hết, chứng hết, Giáo pháp dành riêng cho Bồ đó là thắng nghĩa trong thắng nghĩa tát này, thẩm định kỹ lưỡng tất cả (nhiệm mầu nhất trong những phiền não, trần lao tánh vốn thanh nhiệm mầu). tịnh, thật không tướng chiêu tập sanh, tử, nên gọi là tập đế. TỨ THẾ TỤC ĐẾ Ba, Đạo đế. (Du già sư địa luận) Giáo pháp dành cho Bồ tát này thẩm định kỹ lưỡng tất cả pháp đều Một, Thế gian tục đế. là trung đạo, xa lìa tà kiến hai bên, Tục là tập tục: tập quán và thật là không có phiền não phải phong tục. Chúng sanh ở thế gian đoạn trừ, cũng không có đạo Bồ đề xây cất nhà cửa và bao nhiêu việc phải tu, nên gọi là đạo đế. để sinh nhai, đều là giả dối, không Bốn, Diệt đế. thật. Giáo pháp dành riêng cho Bồ Hai, Đạo lý thế tục. tát này, thẩm định kỹ lưỡng sanh Các pháp ngũ uẩn có được do tử, Niết bàn vốn không hai, thật giả danh. Nếu dựa vào đạo lý, suy không có khổ sanh tử bức bách cho cùng, đều không có tự thể. phải dứt trừ cũng không có an lạc Ba, Chứng đắc thế tục. Niết bàn phải chứng; nên gọi là diệt Quán sát các pháp giả lập của đế. thế tục thấy đều là không thì chứng được quả dự lưu. (Dự lưu là dự vào TỨ THẮNG NGHĨA ĐẾ dòng thánh, tức sơ quả Thinh văn). (Thành duy thức Bốn, Thắng nghĩa thế tục Đối với các pháp giả lập ở thế luận) tục, hiểu rõ nghĩa nhiệm mầu. Một, Thế gian thắng nghĩa.

TỨ NIỆM XỨ khổ làm vui; nên khiến cho quán sát thọ là khổ. (Hành khổ là tuy (Pháp giới thứ đệ) không khổ không lạc, nhưng niệm Niệm tức là chủ thể quán. Xứ niệm tâm sanh diệt). tức là cảnh bị quán. Ba, Quán tâm vô thường. Chúng sanh đối với ngũ ấm: Tâm là thức thứ sáu. Tâm này, sắc, thọ, tưởng, hành, thức; khởi tánh luôn lưu động hoặc thô, hoặc lên bốn điên đảo: đối với sắc hay tế, hoặc trong, hoặc ngoài, niệm cho là trong sạch; đối với thọ hay niệm sanh diệt, hết thảy vô thường. cho là vui, đối với tưởng, hành hay Chúng sanh điên đảo cho đó là cho là ngã; đối với tâm hay cho là thường, nên khiến cho chúng quán thường. Khiến cho chúng sanh tu tâm vô thường. tập bốn pháp quán này để trừ bỏ Bốn, Quán pháp vô ngã. bốn điên đảo trên, nên gọi là tứ Pháp có pháp thiện, pháp ác. niệm xứ. Con người hay nương theo pháp Một, Quán

thân bất tịnh. mà nghĩ về mình (ngã). Thân có trong, ngoài. Thân của Cho rằng ngã có thể làm thiện, mình là trong. Thân của người là làm ác. Trong các pháp thiện, ác ngoài. Dù thân mình hay thân vốn không có ngã. Nếu thiện pháp người đều do tinh cha huyết mẹ mà là ngã thì ác pháp phải vô ngã và thành. Từ đầu đến chân quán sát ngược lại. Chúng sanh điên đảo, sai thật kỹ đều là những vật ô uế, lầm cho là có ngã; nên khiến chúng nhưng chúng sanh điên đảo chấp đó quán sát pháp vô ngã. cho là sạch sẽ, nên sanh tâm tham đắm. Vì vậy khiến cho chúng sanh TỨ CHÁNH CẦN còn gọi là Tứ quán thân bất tịnh (ô uế). đoạn Hai, Quán thọ thị khổ. (Pháp giới thứ đệ). Thọ là nhận lãnh. Có thọ bên trong, thọ bên ngoài. Ý căn thọ gọi Chánh thì không tà. Cần thì là thọ bên trong. năm căn còn lại không lười. Tỳ bà sa luận nói: Dứt thọ gọi là thọ bên ngoài. trừ điều ác đã sanh ra, giống như Tất cả các căn đều có thuận thọ trừ rắn độc. Dứt trừ điều ác chưa và nghịch thọ; không thuận không sanh, giống như ngăn ngừa nước lũ. nghịch thọ. Đối với cảnh vừa lòng Tăng trưởng điều lành đã sanh, thì sanh lạc thọ. Đối với cảnh trái giống như tưới nước cho cây cam lòng thì sanh khổ lạc. Đối với cảnh đã ra trái ngọt. Điều lành chưa sanh không trái không thuận thì sanh khiến cho sanh, giống như dùi cây không vui, không khổ thọ. ra lửa; nên gọi là tứ chánh cần. Lạc thọ là hoại khổ. Khổ thọ là (Tiếng Phạn là Tỳ bà sa, tiếng Hoa khổ khổ. Không khổ không lạc là là Quảng giải). hành khổ. Chúng sanh điên đảo lấy

Một, Điều ác đã sanh khiến cho Kiên trì giữ giới luật, cẩn thận dứt hẳn. giữ oai nghi. Dứt trừ tất cả điều ác, Ngũ cái phiền não che đậy tâm, đó gọi là luật nghi đoạn. xa lìa ngũ chủng thiện căn. Một Ba, Tuỳ hộ đoạn. lòng siêng năng tìm cách dứt trừ, Đối với Tam muội chân thật vô đừng để cho phiền não sanh trở lại. lậu, tuỳ thuận giữ gìn, bảo hộ, đừng (Ngũ cái là tham dục, sân hận, ngủ để thối lui, đó gọi là tuỳ hộ đoạn. nghỉ, hối hận, nghi ngờ. Ngũ thiện Bốn, Tu đoạn. căn là tín, tấn, niệm, định, huệ). Pháp lành đã phát khởi, lại càng Hai, Điều ác chưa sanh đừng để tu tập, làm cho nó càng lớn mạnh cho nó sanh. thì ác pháp tự nhiên đoạn trừ. Đó Các ác pháp phiền não ngũ cái, gọi là tu đoạn. tuy giờ chưa sanh, nếu sau này nó sanh thì nó hay ngăn che năm thiện TỨ NHƯ Ý TÚC căn. một lòng siêng năng, tìm cách (Pháp giới thứ đệ) ngăn ngừa, đừng để cho nó sanh. Ba, Điều thiện đã sanh làm cho Một, Dục như ý túc. tăng trưởng. Dục là hy vọng về niềm vui thú năm thiện căn đã sanh hãy làm mà mình ưa thích, trang nghiêm cho chúng lớn mạnh. một lòng pháp ấy, nên gọi là dục. Khi tu tập siêng năng, tìm cách tu tập, đừng tất cả pháp, nếu không có tâm ham để thối hư. muốn thì việc tu ắt không thoả Bốn, Điều thiện chưa sanh làm lòng. Nếu có tâm ham muốn thì cho nó sanh. ước nguyện sẽ thành. Đó gọi là dục năm thiện căn, tuy chưa sanh, như ý túc. (Trang nghiêm pháp kia hãy làm cho nó sanh. một lòng là thành tựu các pháp quán về tứ siêng năng, tìm cách tu tập, làm niệm xứ). cho nó sanh. Hai, Niệm như ý túc. Niệm là tâm chuyên chú vào TỨ CHÁNH ĐOẠN một cảnh, mọi ước nguyện đề thành (Tạp A hàm kinh) tựu. Đó là niệm như ý túc. Ba, Tinh tấn như ý túc. Một, Đoạn đoạn. Tinh tấn là không lộn xộn gọi là Vừa khởi lên điều ác là pháp tinh. Không gián đoạn gọi là tấn bất thiện, dứt trừ đừng cho sanh lại (tiến). Nghĩa là chỉ chuyên quán và phải tinh tấn tu tập điều lành, sát, lại không gián đoạn, xen tạp, không để cho sanh nữa. Dứt rồi lại nên gọi là tinh tấn. dứt, đó gọi là đoạn đoạn. Hễ đã tu tập tất cả các pháp, Hai, Luật nghi đoạn.

nếu không tinh tấn, việc ắt không thành. Nếu quyết lòng tinh tấn, ước

nguyện thành tựu. Đó là tinh tấn trưởng, nên gọi là năng chỉ phương như ý túc. tiện. Bốn, Tư duy như ý túc. Ba, Phát khởi thiện căn phương Tư duy là suy tư về nguyên lý tiện. nào đó mà tâm không tán loạn. Siêng năng cúng dường, kính lễ Hễ đã tu tập các pháp, nếu nhất Tam bảo, khen ngợi tuỳ hỷ, siêng tâm tư duy thì ước nguyện thành năng cầu tin chư Phật, vì một lòng tựu. Đó gọi là tư duy như ý túc. cung kính Tam bảo, niềm tin được lớn mạnh, lại hay cầu đạo vô TỨ CHỦNG PHƯƠNG thượng. Lại vì có sức gia trì của TIỆN Tam bảo, nên làm cho nghiệp (Khởi tín luận) chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, nên gọi là phát khởi thiện Luận hỏi rằng. Đã nói pháp giới căn phương tiện. nhất tướng, Phật thể không hai, vì Bốn, Đại nguyện bình đẳng sao không chỉ nhớ đến chân như, phương tiện. lại vay mượn, bắt chước các hạnh Phát thệ nguyện lớn, hết đời vị lành? Đáp rằng: Giống như viên lai, hoá độ tất cả chúng sanh, cuối ngọc ma ni lớn, tánh của nó trong cùng đều được vào Niết bàn, nên sáng, nhưng có chất cặn bã, ô uế gọi là đại nguyện bình đẳng của quặng, nếu không dùng phương phương tiện. tiện gột giũa đi, chắc chắn không thể sạch được; nên nói bốn thứ TỨ TẤT ĐÀN phương tiện. (Tiếng Phạn là ma ni, (Pháp Hoa văn cú) tiếng Hoa là như ý). Một, Hành căn bản phương Tất là khắp. Đàn là tiếng Phạn, tiện. gọi đủ là Đàn na, tiếng Hoa là Thí. Quán tất cả pháp tự tánh không, Phật dùng bốn cách thuyết pháp xa lìa thấy biết sai lầm, không ở này, bố thí tất cả chúng sanh, nên trong sống chết. Và quán tất cả các gọi là tứ tất đàn. pháp do nhân duyên hoà hợp, Một, Thế giới tất đàn. nghiệp quả không mất, khởi tâm Thế có nghĩa là cách biệt. Giới đại bi, thu nhiếp dạy dỗ chúng tức là ranh giới, giới hạn. sanh, không ở trong Niết bàn. Làm Bởi vì căn tánh của chúng sanh được hạnh này thì tất cả pháp lành rộng, sâu khác nhau, nên Phật tuỳ ý đều được phát sanh; nên gọi là thích muốn nghe của chúng sanh, hành căn bản phương tiện. tuần tự, phân biệt mà nói pháp để Hai, Năng chỉ phương tiện. cho chúng vui mừng. Đó gọi là thế Chỉ tức là ngăn. Nghĩa là xấu giới tất đàn. hổ, hối hận lỗi lầm có thể ngăn Hai, Vị nhân tất đàn. ngừa, tất cả việc ác, không cho tăng

Phật muốn nói pháp thì trước nghiêm giống nòi phát sanh tôn hết quán sát căn cơ của chúng sanh quí, nên gọi là phước nhiếp lợi ích. nhỏ, lớn khác nhau, nhân đời trước Bốn, trí nhiếp lợi ích. sâu, cạn; sau đó theo đúng căn cơ Nhờ trí huệ biết căn tánh của mà nói pháp, cho chúng sanh tâm chúng sanh, tuỳ nghi nói pháp, biết chánh tín, thiện căn tăng trưởng, bệnh khổ của chúng sanh, tuỳ bệnh nên gọi là vị nhân tất đàn. bốc thuốc, được thần thông lớn, Ba, Đối trị tất đàn. chu du các cõi Phật, thông suốt lý Nếu chúng sanh tham dục nhiều của pháp giới. Đó gọi là trí nhiếp thì dạy quán bất tịnh. Sân hận nhiều lợi ích. thì dạy tu từ bi. Ngu si nhiều thì quán nhân duyên, để trị các bệnh NIẾT BÀN TỨ CHỦNG ấy, phải bốc các thuốc này cho tất ĐẠI LẠC cả chúng sanh nên gọi là đối trị tất (Đại Niết bàn đàn. Bốn, Đệ nhất nghĩa tất đàn. kinh) Đệ nhất nghĩa tức là lý. Vì Phật Một, Vô khổ lạc. biết căn lành của chúng sanh đã Là không có cái vui, khổ ở thế thuần thục nên vì chúng nói pháp gian. Vui ở thế gian là nhân của để chúng giác ngộ thánh đạo. Đó khổ. Kinh nói: Không dứt trừ vui gọi là đệ nhất nghĩa tất đàn. thì gọi là khổ. Vì dứt trừ vui, nên không có khổ. Không khổ không TỨ NHIẾP LỢI ÍCH vui nên gọi là niềm vui lớn. Đây (Đại tập kinh) chính là cái vui của Niết bàn.

Hai, Đại tịch tĩnh lạc. Một, Phật nhiếp lợi ích. Tánh của Niết bàn là vắng lặng Phật gia hộ chúng sanh, khiến hoàn toàn, vì nó xa lìa tất cả các cho chúng thường được gần gũi pháp náo loạn. Vì vắng lặng hoàn chư Phật và mà cả ma không sai sử toàn nên gọi Niết bàn là niềm vui được; nên gọi là Phật nhiếp lợi ích. lớn. Đây chính là cái vui của Niết Hai, Thiên nhiếp lợi ích. bàn. Chư thiên gia hộ cho chúng Ba, Đại trí lạc. sanh, ở nơi thuyết pháp, thường ưa Phật có trí huệ lớn, đối với tất đến nghe và lãnh thọ, không bị cả pháp đều biết, đều thấy, nên gọi duyên khác làm hại; nên gọi là là vui lớn. Đây chính là cái vui của thiên nhiếp lợi ích. Niết bàn. Ba, Phước nhiếp lợi ích. Bốn, Bất hoại lạc. Phước đức trang nghiêm cho Thân của Phật không phải là thân thể có nhiều tướng tốt, trang thân phiền não, vô thường (như nghiêm khẩu nghiệp nói việc gì thân chúng sanh) mà giống như chúng sanh cũng ưa nghe, trang Kim cang không thể huỷ hoại. Vì

thân không huỷ hoại nên gọi là vui Một, Tín phần. lớn. Đây chính là cái vui của Niết Hội thứ nhất, trong Bồ đề bàn. trường, nói phẩm Thế chủ diệu nghiêm đến phẩm Tỳ lô giá na, gọi TỨ CHỦNG NIẾT BÀN là nêu quả lên, khuyên ưa thích (Thành duy thức sanh tâm tin tưởng (tín phần). Bởi vì nêu lên quả khó nghĩ bàn y báo luận) và chánh báo của Phật là để khuyến Một, Bản lai tự tánh thanh tịnh khích căn cơ chúng sanh hiện giờ Niết bàn. nghe và ham muốn sanh tâm tịnh Theo lý chân như thì tuỳ duyên tín vào lời nói của Phật, nên gọi là tạo tác tất cả các pháp. Tuy có các tín phần. (Tiếng Phạn là Tỳ lô giá pháp phiền não, ô uế, nhưng bổn na, tiếng Hoa là Biến nhất thiệt xứ) tánh vẫn trong sạch, đầy đủ công Hai, Giải phần. đức nhiệm mầu, không sanh không Hội thứ hai, điện Phổ quang diệt, vắng lặng như hư không. Tất minh, nói pháp Thập tín. Hội thứ cả chúng sanh đều có bình đẳng ba, cung trời Đao lợi, nói pháp như thế , cùng với tất cả pháp Thập trụ. Hội thứ tư, cung trời Dạ không một không khác. Xa lìa tất ma, nói pháp Thập hạnh. Hội thứ cả tướng, không còn phân biệt; nên năm, cung trời Đâu suất đà, nói gọi là bản lai tự tánh thanh tịnh pháp Thập hồi hướng. Hội thứ sáu, Niết bàn. cung trời Tha hoá tự tại, nói pháp Hai, Hữu dư y Niết bàn. Thập địa. Hội trọng thứ bảy, cũng ở Tuy chướng ngại phiền não đã điện Phổ quang minh, nói các pháp diệt, nhưng còn nương tựa thân thập định, gọi là tu nhân hợp với năm ấm ở dục giới, nên gọi là hữu quả, tâm sanh hiểu rõ (từng phần). dư y Niết bàn. Bởi vì tinh tấn tu đầy đủ nhân của Ba, Vô dư y Niết bàn. sáu địa vị thì chứng được quả Phiền não đã hết, thân năm ấm nhiệm mầu hợp với mười thân, cũng đã dứt, nên gọi là vô dư y khiến sanh tâm hiểu rõ, nên gọi là Niết bàn. giải phần. Bốn, Vô trụ xứ Niết bàn. (Thập định là: Phổ quang đại Tam Không ở trong sanh tử, không ở muội; diệu quang đại Tam muội, trong Niết bàn, đến tận cùng vị lai Thứ đệ biến vảng chư Phật quốc độ làm lợi lạc cho chúng sanh; nên gọi đại Tam muội, thanh tịnh thâm là vô trụ xứ Niết bàn. nhập hạnh đại Tam muội, tri quá khứ trang nghiêm tạng đại Tam HOA NGHIÊM TỨ muội, trí quang minh tạng đại Tam PHẦN muội, liễu tri nhất thiết thế giới (Pháp bảo tiêu mục) Phật trang nghiêm đại Tam muội, chúng sanh sai biệt thân đại Tam

muội, pháp giới tự tại đại Tam Một, Vô đảo giáo thọ. muội, vô ngại luận đại Tam muội. Không nói đảo lộn giáo nghĩa, Lục vị là Thập trụ, Thập hạnh, làm cho mọi người thọ trì, đọc Thập hồi hướng, Thập địa, đẳng tụng, tu học theo. Đó gọi là vô đảo giác, diệu giác. giáo thọ. Thập thân là Bồ đề thân, Hai, Tiệm thứ giáo thọ. nguyện thân, hoá thân, lực trì

thân, Nói pháp nghĩa đúng với căn tướng hảo trang nghiêm thân, oai cơ. Trước tu tập theo Tiểu thừa, sau thế thân, ý sanh thân, phước đức đi vào Đại thừa. Đó gọi là tiệm thứ thân, pháp thân, trí thân). giáo thọ. Ba, Hạnh phần. Ba, Giáo giáo thọ. Hội tứ tám, điện Phổ quang Hoặc theo chánh giáo Phật, minh, Phổ Bảo nói một phẩm ly thế hoặc theo đệ tử của Phật. Đúng y gian, gồm có 2000 hạnh pháp, gọi chánh pháp đó, không thêm không là dựa vào pháp tiến tu thành hạnh bớt, dạy dỗ cho người khác. Đó gọi phần. là giáo giáo thọ. Bởi vì đối với pháp nhân quả Bốn, Chứng giáo thọ. sai biệt, đã hiểu rõ rồi, nay lại gởi Pháp tự mình chứng được, lại gắm vào pháp trước đó, hiểu rất rõ muốn làm cho người khác chứng ràng làm nên hạnh phần. Theo đó được, tìm cách dạy dỗ, truyền thọ. mà nêu lên nhất hạnh, sáu vị đốn Đó gọi là chứng giáo thọ. tu; nên gọi là hạnh phần. (2000 hạnh pháp chính là Bồ tát TỨ CHỦNG THỌ KÝ Phổ Huệ hỏi 2000 lần và Bồ tát Phổ (Bồ đề tư lương hiền đáp 2000 lần vậy). Bốn, Chứng phần. luận) Hội thứ chín, rừng Thệ đa, nói Lời Phật nói cho gọi là thọ phẩm nhập pháp giới, gọi là nương (nhận). Kết quả nhận được đúng kỳ vào người chứng nhập mà thành hạn ở tâm gọi là ký. đức phần. Bởi vì do đại hạnh ở Một, Vị phát Bồ đề tâm thọ ký. trước đã đầy đủ, tuỳ sự việc mà nêu Phật quán sát căn cơ của chúng rõ lý. Đồng tử Thiện tài trải qua sanh nhanh, chậm khác nhau, làm bao nhiêu việc hiểu biết tường tận. cho niềm tin của chúng tăng trưởng Những gì đã nghe, đã thấy, đã hơn nữa, Phật khiến cho chúng phát chứng nhập tất cả; nên gọi là chứng tâm Bồ đề, nên mới thọ ký cho sẽ phần. (Tiếng Phạn là Thệ đa, tiếng thành Phật ở tương lai. Đó gọi là vị Hoa là Thắng lâm) phát Bồ đề tâm thọ ký. Hai, Cộng phát Bồ đề tâm thọ TỨ CHỦNG GIÁO THỌ ký. (Du già sư địa luận) Các vị Bồ tát, căn lành đã thành thục, để thượng hạnh được tăng

trưởng, chỉ muốn độ thoát tất cả giống nhau. Đó gọi là nghĩa chân chúng sanh, cùng với chúng sanh thật phổ biến trong thế gian. phát tâm Bồ đề, thệ nguyện cùng Hai, Phương tiện lưu bố chân thành chánh giác, xin Phật thọ ký thật nghĩa. cho. Đó gọi là cộng phát Bồ đề tâm Nhưng người có trí ở đời, trước thọ ký. suy nghĩ đắn đo, sau tuỳ hoàn cảnh, Ba, Ẩn phú thọ ký. điều kiện tạo ra kinh, sách, luận Người này tu hành tinh tấn, bàn, mở trường hướng dẫn cho chắc chắn sẽ được thọ ký. E rằng người. Đó là phương tiện lưu bố khi nghe được thọ ký, thì người này chân thật nghĩa. sanh tâm tự mãn, nên không còn Ba, tịnh phiền não chướng chân tinh tấn tu hành nữa, giống như thật nghĩa. người chưa được thọ ký. Lại sợ mọi Các vị Thinh văn, Duyên giác người sanh nghi ngờ, lại bảo cho dùng đạo vô lậu, phá tan trói buộc người này biết hãy tinh tấn tu hành của phiền não nghiệp chướng, và không mong thọ ký. Vì thế Phật chứng được trí vô ngại. Đó là tịnh dùng oai thần, bí mật thọ ký cho sẽ phiền não chướng chân thật nghĩa. được thành Phật, người khác biết, Bốn, Tịnh trí huệ chướng chân mà chính người này không biết. Đó thật nghĩa. là ẩn phú thọ ký. Đối với Phật và Bồ tát, trí vô Bốn, Hiện tiền thọ ký. ngại mà Thinh văn và Duyên giác Các vị Bồ tát đã thành thục căn chứng được, lại làm trở ngại lý lành xuất thế, đã chứng được bất trung đạo, nên lý này không thể động địa, liền mong Phật thọ ký phát lộ rõ ràng, nên gọi là trí huệ cho lúc ấy. Đó là hiện tiền thọ ký. chướng. Nay Phật và Bồ tát dứt trừ TỨ CHỦNG CHÂN chướng ngại này, thì lý trung đạo tự THẬT NGHĨA nhiên sáng tỏ. Đó là tịnh trí huệ (Bồ tát thiện giới chướng chân thật nghĩa. kinh) TỨ CHỦNG ĐỐI TRỊ Một, Thế lưu bố chân thật (A tì đạt ma

câu xá nghĩa. Các pháp ở thế gian, giống luận). nhau về tên gọi. Như thấy đất thì Đối là đối đầu. Trị là công phá. gọi là đất, thấy lửa thì gọi là lửa, Ví như người mắc bệnh này thì không sao gọi là nước, là gió, cho dùng thuốc ấy để chữa, nên gọi là đến thấy khổ, không sao gọi là vui, đối trị. thấy vui không sao nói là khổ. Một, Yếm hoạn đối trị. Tuy là tướng do giả danh lập Chúng sanh thấy khổ đau ở cõi nên, nhưng tên gọi và nhận biết dục giới, do chất chứa của hoặc

nghiệp phiền não, càng sanh tâm pháp được nói ra tức là chúng sanh chán ghét, mà càng nỗ lực tu tập tự thể hiện. Đó gọi là duy thính vô thánh đạo để đối trị với khổ tập, thuyết. nên gọi là yếm hoạn đối trị. Ba, Thuyết thính song toàn. Hai, Đoạn đối trị. Khi chân tâm của Phật thể hiện Chúng sanh biết tất cả phiền thì không trở ngại chân tâm của não hoặc nghiệp hay đem đến khổ chúng sanh thể hiện, nên gọi là đau sanh, tử, do đó tu tập miên tục thuyết thính song toàn. để dứt trừ hoặc nghiệp, nên gọi là Bốn, Thuyết thính song tịch. đoạn đối trị. Phật tức là chúng sanh, nên Ba, Trì đối trị. chẳng có Phật. Chúng sanh tức là Sau khi tu tập miên tục, đạo Phật, nên chẳng có chúng sanh. giải thoát mở ra, thì tiếp tục đoạn Cùng có cùng không, thì thuyết trừ phiền não, không để nổi lên trở thính đều vắng lặng. Kinh Tịnh lại, nên gọi là trì đối trị. (giải thoát danh nói: Pháp được nói ra thì đạo là giải thoát tất cả trói buộc của không nói không bảo chính là pháp hoặc nghiệp). được nghe thì không nghe không Bốn, Viễn phần đối trị. được. Từ sau giải thoát đạo, lại càng tinh tấn tiến lên đường đạo để có BIỆT GIÁO THUYẾT thế dứt hết hoặc, vĩnh viễn xa lìa THÍNH TỨ CÚ nó; nên gọi là viễn phần đối trị. (Hoa nghiêm ĐỒNG GIÁO THUYẾT THÍNH kinh sớ) TỨ CÚ Biệt giáo là đầy đủ đức viên (Hoa nghiêm dung, khác với hai giáo trước (Tạng, thông giáo). kinh sớ) Một, Duy thuyết vô thính. Đồng giáo là họp Tam thừa trở Vì chúng sanh hoàn toàn ở về một thừa. trong tâm Phật thì các pháp môn Một, Duy thuyết vô thính. thu nhiếp chúng sanh không hề Ngoài chân tâm của Phật không thiếu sót. Vì vậy giáo pháp được có chúng sanh, vì chân tâm của nói chỉ có Phật thể hiện. Đó gọi là chúng sanh là chân tâm của Phật. duy thuyết vô thính. Vì vậy giáo pháp được nói, chỉ là Hai, Duy thính vô thuyết. biểu hiện của Phật, nên gọi là chỉ Phật hoàn toàn trong tâm của có nói mà không có nghe. chúng sanh, thì các pháp môn thu Hai, Duy thính vô thuyết. nhiếp chúng sanh không hề sai sót, Ngoài tâm chúng sanh không nên giáo lý được nói ra tức là có Phật, vì chân tâm Phật tức là những biểu hiện tự trong tâm của chân tâm chúng sanh, cho nên giáo

chúng sanh. Đó gọi là duy thính vô minh vi tế chưa phá đến, lý của thuyết. giác ngộ chẳng phải là bổn giác Ba, Thuyết thính song tồn. chân thật, chỉ được gọi là tương tợ, Chúng sanh và Phật cùng tồn nên gọi là tướng tợ giác. tại nên nhân quả tương giao triệt Ba, Tuỳ phần giác. để. Phật trong tâm chúng sanh thì Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi chúng sanh trong tâm của Phật. hướng, Thập địa trong Viên giáo là Thuyết pháp trong tâm Phật thì ngôi vị đẳng giác, phá được vô chúng sanh nghe là Phật thuyết minh phần nào thì giác ngộ được pháp trong tâm của chúng sanh. Đó phần đó. Đó là bản giác chân thật, gọi là thuyết thính song tồn. nên gọi là tuỳ phần giác. Bốn, Thuyết thính song tịch. Bốn, Cứu cánh giác. Chúng sanh hoàn toàn ở trong Trong quả vị diệu giác của viên Phật, thì đồng với Phật chẳng phải giác, vô minh đã trừ hết, thể của là chúng sanh. Phật

hoàn toàn ở bản giác hoàn toàn sáng rỡ, ngộ trong chúng sanh thì đồng với được tâm, thấy được tánh, tức là chúng sanh chẳng phải là Phật. Hai thường trụ của tâm. Đó gọi là cứu hình tướng đổi nhau, hai ngôi vị cánh giác. như nhau, thì chúng sanh ở trong tâm Phật không nghe pháp và Phật TỨ ĐỨC XỨ ở trong tâm chúng sanh không nói (Thành thật luận) pháp. Đó gọi là thuyết thính song tịch. Luận nói: Nếu gần gũi với người lành thì được nghe chánh KHỞI TÍN TỨ GIÁC pháp, nghe chánh pháp rồi, thì có (Khởi tín luận) đủ bốn đức xứ. Một, Huệ đức xứ. Một, Bản giác. Do nghe chánh pháp, sanh trí Tự tánh của tất cả chúng sanh huệ lớn, nên gọi là huệ đức xứ. là tâm thanh tịnh, vốn xa lìa vọng Hai, Thật đức xứ. niệm, tức vắng lặng mà chiếu soi Do có trí huệ, thấy được không (tịch mà chiếu) khắp cõi hư không, tánh của chân đế, nên gọi là thật không đâu là không trùm khắp. đức xứ. Tướng của pháp giới, tức là pháp Ba, Xả đức xứ. thân bình đẳng của Phật; nên gọi là Thấy tánh không của chân đế bổn giác. thì xa lìa được phiền não, nên gọi là Hai, Tương tợ giác. xã đức xứ. mười vị Thập tín trong Viên Bốn, Tịch diệt đức xứ. giáo là do công quả vừa mới giác Do không còn phiền não, tâm ngộ, phần thô của kiến, tư, hoặc đã hoàn toàn vắng lặng, nên gọi là tịch dứt trừ hết, chỉ còn phiền não vô diệt đức xứ.

TỨ PHÁP THÍ TỨ VÔ KÝ (Bảo tích kinh) (Tông cảnh lục) Pháp thí là Phật dùng bốn pháp Không thể ghi nhớ sự khác này ban bố cho chúng sanh để cho nhau quả báo ở tương lai, đối với họ nương đây mà tu hành và chứng các pháp thiện, ác cũng không phân ngộ, không khởi lên tà kiến. biệt rõ ràng, nên gọi là vô ký. Một, Nhất thiết vạn vật giai qui Một, Năng biến vô ký. vô thường. Tánh vô ký của tâm vương thức Chúng sanh ngu si mê lầm, thứ tám, cùng với năm biến hành không biết các loài hữu tình và vô tâm sở tương ưng, thì có thể biến tình trong thế gian có sanh ắt có hiện tất cả cảnh giới sắc tướng mà diệt, có thành ắt có hoại, tất cả đều không sao phân biệt được, nên gọi vô thường. Thế mà, trái lại cho là là năng biến vô ký. (năm biến hành thường, Phật nói pháp để dứt trừ sai là tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư). lầm này, nên gọi là tất cả vạn vật Hai, Sở biến vô ký. đều trở về vô thường. Ba cảnh căn thân, chủng tử và Hai, Nhất thiết sở hữu tất vi thế gian, đều do thức biến hiện. Vì khổ độc. ba cảnh này không có tánh phân Chúng sanh ngu si, mê lầm, biệt, nên gọi là sở biến vô ký. không biết các pháp ngũ ấm là gốc Ba, Phân vị vô ký. của mọi khổ đau mà lại suy lường Trong các pháp bất tương ưng cho là vui. Phật nói pháp là để dứt hành, mượn pháp vô ký lập ra các trừ sai lầm này, nên gọi là tất cả sở ngôi vị khác nhau. Vì các pháp này hữu đều là khổ đau và độc hại. không thuộc thiện, ác; không cùng Ba, Nhất thiết chư pháp giai vô tâm tương ưng, không cùng sắc hữu ngã. tương ưng, không có gì riêng biệt, Chúng sanh ngu si, mê lầm, nên gọi là phân vị vô ký. không hiểu tất cả pháp là không, so Bốn, Thắng nghĩa vô ký. đo, chấp trước là có ngã. Vì hư không vô vi, phi trạch Bốn, Nhất thiết hữu hình tất chí diệt vô vi có ý nghĩa vượt trội, mà ư không không do ai làm ra, nên gọi là Tất cả hữu hình đều cuối cùng thắng nghĩa vô vi. trở về không. Ngược lại so đo cho (Hư không vô vi là lý chân là có, Phật nói pháp để chúng sanh không, không bị phiền não, nhiễm dứt trừ tính so đo này, nên nói là ô làm chướng ngại. Phi trạch diệt nhất thiết hữu tình đều đi đến vô vi là quả Thinh văn sau khi không. chứng được, các hoặc không nổi lên trở lại, tự nhiên hợp với lý chân không, không cần phải chọn lựa).

LẠI DA TỨ PHẦN là thức này hay giữ gìn kiến phần và tướng phần, nên chính nó chứng (Phiên dịch danh được tự, kiến hai phần vì duyên với nghĩa) tướng phần không sai lầm. Đó gọi Tiếng Phạn là A lại da, tiếng là tự chứng phần. Hoa là tàng thức. Vì thức thứ tám Bốn, Chứng tự chứng phần. có thể chứa đựng tất cả chủng tử Chứng là thể năng chứng. Tự thiện, ác mà có nghĩa của bốn phần chứng là các pháp đầy đủ của nó. này. Nghĩa là thức này hay giữ gìn các Một, Tướng phần. phần ở trước: tự chứng phần, kiến Tướng tức hình tướng. Có ba phần, tướng phần. Đó là bản thể loại: 1) Cảnh tướng, vì thức này lấy của thức này; vì chính nó chứng tự căn tâm làm cảnh giới; 2) Tướng chứng phần, nên nó duyên kiến trạng: Pháp hữu vi ở thế gian đều phần không sai lầm. Đó gọi là đủ tướng trạng, đều do thức này chứng tự chứng phần. biến hiện; 3) Nghĩa tướng: nghĩa lý được chuyên chở bởi giáo thuyết, TỨ CHỦNG Ý THỨC cũng do thức này biến hiện. ba (Tông cảnh lục). tướng này thường gọi là tướng phần. Bốn loại ý thức không xuất phát (căn tâm là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, từ ba cảnh: tánh cảnh, đới chất ý thức) cảnh, độc ảnh cảnh. Hai, Kiến phần. Tánh cảnh là ý thức và năm Kiến có nghĩa là hiểu rõ. Có thức trước cùng duyên năm trần. năm thứ: 1) chứng kiến: chính là Tâm và cảnh vừa gặp nhau, chưa Kiến phần của căn bản trí; 2) chiếu có phân biệt. Đó gọi là tánh cảnh. chúc: ánh sáng chiếu soi của cây Ý thức đối với năm trần cảnh đuốc, liên hệ đến sự chiếu soi của phân biệt dài ngắn, vuông tròn, tốt căn tâm (sáu thức); 3) năng duyên: xấu. Vì trần tướng đã có phân biệt; vì ba phần bên trong đều hay duyên nên gọi là đới chất cảnh. các tướng bên ngoài (ba phần là Ý thức không cùng với năm kiến phần, tự chứng phần, chứng tự thức trước cùng duyên mà một chứng phần); 4) niệm giải: nhớ và mình duyên; nghĩa là duyên các hiểu nghĩa lý đã được Phật nói ra; tướng biến hiện của quá khứ và vị 5) so đo, tìm tòi: tâm so đo, tìm tòi lai; hoặc duyên các tướng không tất cả cảnh (suy đạt); năm thứ kiến hoa, thuỷ nguyệt, vì không cảnh đối đều gọi là kiến phần. (Căn bản trí là chiếu. Đó gọi là độc ảnh cảnh. thức thứ tám). Một, Định trong độc đầu ý Ba, Tự chứng phần thức. Tự chứng là chứng được các Ý thức chỉ duyên với cảnh pháp đầy đủ của chính mình. Nghĩa trong định, không cùng năm thức

trước đồng duyên và hoàn toàn Vì chúng sanh ở trong thân năm không có một trần cảnh nào bên ấm, hoặc tức hoặc ly; so đo suy ngoài đối chiếu (làm đối tượng). đoán cho ngã và ngã sở là thật có. Đó gọi là định trung độc đầu ý Đó gọi là ngã tướng. (Hoặc tức thức. hoặc ly là hoặc cho năm ấm là ngã; Hai, Tán vị độc đầu ý thức. hoặc cho xa lìa năm ấm là ngã. Ngã Ý thức không duyên cảnh của và ngã sở là ngã là giả danh (tên năm trần, chỉ tán loạn, suy tính giả, không thật có). Ngã sở là năm lung tung; hoặc duyên các tướng ấm. không hoa, thuỷ nguyệt; hoặc Hai, Nhân tướng. duyên các pháp ở quá khứ, hiện tại, Vì chúng sanh ở trong thân năm vị lai. Những pháp này chẳng có ở ấm, sai lầm cho ta là người và ta trong định, cũng chẳng phải cảnh ở sanh ra đạo làm người (nhân đạo), trong mộng. Đó gọi là tán vị độc khác với những đạo khác. Đó gọi là đầy ý thức. nhân tướng. Ba, Mộng trung độc đầu ý thức. Ba, Chúng sanh tướng. Không phải đối tượng là năm Chúng sanh ở trong thân năm trần, mà thấy vô vàn cảnh giới ở ấm, sai lầm cho rằng sắc, thọ, trong mộng. Đây là do tánh cảnh tưởng, hành, thức cộng lại mà của tâm vương biến hiện mà có các thành thân này. Đó gọi là chúng tướng. Đó

gọi là mộng trung độc sanh tướng. đầu ý thức. Bốn, Thọ giả tướng. Bốn, Minh liễu ý thức. Chúng sanh ở trong thân năm Ý thức nương nơi năm căn, và ấm, sai lầm cho rằng ta sống trong năm thức cùng duyên năm trần, một khoảng thời gian nhất định, nhận thức cảnh rõ ràng nào tốt xấu, hoặc dài hoặc ngắn. Đó gọi là thọ nào dài ngắn v.v... tất cả đều hiện mạng tướng. (một khoảng thời gian ra trước mắt. Đó gọi là minh liễu ý từ sanh đến chết: thọ mạng). thức. TỨ DUYÊN THỨC CẢNH TỨ (Đại trí độ luận). TƯỚNG (Kim cang kinh luận) Một, Nhân duyên Sáu căn là nhân, sáu trần là Chúng sanh đối với bốn pháp duyên. Nhãn căn gặp sắc trần thì không hiểu rõ hư dối, mà đối với thức liền sanh ra. Các căn khác cảnh trong tâm thức, lầm sanh tà cũng thế. Đó gọi là nhân duyên. kiến, ôm chặt lấy tướng, nên gọi là Hai, Thứ đệ duyên. cảnh của thức có bốn tướng. Các pháp của tâm và của tâm sở Một, Ngã tướng. thứ lớp (tuần tự) không gián đoạn, liên tục khởi lên; gọi là thứ đệ

duyên. (Tâm, tâm sở pháp là tâm nên phải nói là diệt, dị, trụ, sanh tức tâm vương; tâm sở tức thọ, theo thứ tự này. tưởng, hành. Tâm vương và tâm sở Một, Thập tín giác diệt tướng. này đối với các trần niệm niệm Bồ tát tu hành chứng được tín không dừng, gọi là tuần tự liên tục). vị này, thì hiểu rõ trong tâm niệm Ba, Duyên duyên. niệm diệt tướng đều đặn. Các pháp của tâm và tâm sở do Hai, Tam hiền giác dị tướng. nương nơi duyên mà sanh, còn là Tam hiền là Thập trụ, Thập duyên lự của tự tâm (tâm suy nghĩ hạnh, Thập hồi hướng. Bồ tát tu về sự vật). hành chứng được ngôi vị tam hiền Bốn, Tăng thượng duyên. này thì hiểu rõ trong tâm niệm sáu căn hay soi chiếu cảnh mà niệm dị tướng đều đặn. phát sanh thức, lực dụng có tăng Ba, Thập thánh giác trụ tướng. thêm khi các pháp sanh và không Thập thánh tức Thập địa. Bồ tát sanh chướng ngại, gọi là tăng tu hành chứng được ngôi vị Thập thượng duyên. (Các pháp sanh là địa này, thì biết rõ trong tâm niệm căn và trần tiếp xúc thì niệm khởi niệm trụ tướng đều đặn. lên, gọi là chư pháp sanh. Không Bốn, Vị mãn giác sanh tướng. sanh chướng ngại là lúc căn và trần Vị mãn là đầy đủ ở quả vị của tiếp xúc, tuỳ theo đối tượng mà Phật. Đại Bồ tát tu hành đầy đủ, khởi niệm, hoàn toàn không bị chứng được quả vị Phật thì hiểu rõ chướng ngại). trong tâm tướng của một niệm vừa mới sanh ra đều đặn. TỨ TƯỚNG ƯỚC VỊ TỨ CHỦNG TỤNG (Viên giác kinh lược sớ). (Hoa nghiêm kinh sớ) Tứ tướng là sanh, trụ, dị, diệt. Một, A nậu tốt đổ ba. Tứ tướng này chính là tướng một Tiếng Phạn là A nậu tốt đổ ba, niệm vừa khởi lên của vô minh từ tiếng Hoa là Tụng. Loại tụng này bản giác tâm nguyên mà có bốn thứ không dùng văn trường hàng và kệ; tướng khác nhau, chúng rất nhỏ chỉ cần số chữ đủ 32 chữ thì thành nhiệm khó thấy. Vì vậy có liên một bài tụng. (Trường hàng tức là quan đến quả vị đẳng giác và diệu tản văn trong kinh). giác của Thập tín, Thập trụ, Thập Hai, Già đà. hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa từ Tiếng Phạn là Già đà, tiếng Hoa cạn đến sâu, tuần tự hiểu rõ từ thô là Phúng tụng, hoặc bất tụng tụng, đến tế tướng của các phần một nghĩa là không phải bài tụng từ cách rõ ràng. kinh trường hàng, hoặc gọi là trực bốn pháp này, bắt đầu từ sanh tụng, nghĩa là dùng kệ nói pháp. đến diệt, giác thì từ diệt đến sanh, Ba, Chi dạ.

Tiếng Phạn là Chi dạ, tiếng Hoa TỨ CHỦNG TẦM TƯ là ứng tụng nghĩa là dựa theo (A tì đạt ma tập trường hàng mà làm bài tụng. Bốn, Uẩn đà nam. luận). Tiếng Phạn là Uẩn đà nam, Một, Danh tập tư. tiếng Hoa là Tập thí, nghĩa là dùng Ở trong các pháp,

tìm cầu tất cả ít lời mà chứa nhiều ý nghĩa để danh tự, đều không có thật. Đó là người khác đọc tụng, thọ trì. danh tầm tư. Hai, Sự tầm tư. TỨ THÁNH NGÔN Ở trong các pháp, tìm tòi năm (A tì đạt ma tập dị môn ấm v.v... các việc sanh, diệt, vô túc luận). thường, đều là không có thật. Đó là sự tầm tư. Thánh là chánh, tức là lời nói Ba, Tự thể giả lập tầm tư. chánh trực. Ở trong các pháp có thể nói Một, Bất kiến ngôn bất kiến. danh tự và nghĩa lý của chúng, tìm Cái mà nhãn thức nhận được và tòi tự thể, chỉ là danh ngôn giả lập, hiểu được thì gọi là thấy. Nếu nhãn danh ngôn, đều là không có thực. thức chưa nhận được chưa hiểu Đó là tự thể giả lập tầm tư được thì không thể gọi là thấy. Đó Bốn, Sai biệt giả lập tầm tư gọi là không thấy nói là không ở trong các pháp có thể nói, tìm tòi thấy. sự khác biệt, chỉ là giả lập danh Hai, Bất văn ngôn bất văn. ngôn, đều không có thật. Đó là sai Cái mà nhĩ thức không nhận, biệt giả lập tầm tư không hiểu thì không thể nói là nghe, cái mà nhĩ thức nhận được và CHƠN KHÔNG QUÁN hiểu được thì nói là nghe. TỨ CÚ Ba, Bất giác ngôn bất giác. (Hoa nghiêm kinh Nghĩa là mũi biết hương, lưỡi biết vị, thân biết xúc, nếu tỉ thức, Tuỳ sớ diễn nghĩa sao) thiệt thức, thân thức đã nhận đã Chân không là lý của pháp giới. hiểu thì gọi là biết, nếu ba thức Nương vào lý mà quán sát, nên gọi chưa nhận chưa hiểu thì không thể là chân không quán nói là biết (giác). Một, Hội sắc quy không Bốn, Bất tri ngôn bất tri. Hội tức thâm nhập dung hoà. Ý thức nhận được, ý thức hiểu Sắc tức là căn thân, thế giới được thì gọi là biết, nếu ý thức Căn thân và thế giới vốn là chưa nhận được, chưa hiểu được thì chân như nhất tâm cùng với sanh không thể gọi là biết. Đó gọi là bất diệt hoà hiệp mà có. Nay quán sát tri ngôn bất tri. sắc này đều không thật thể, trở về

không tánh của chân không, nên Một, Bất cộng trong bất công gọi là hội sắc quy không biến. Hai, Minh không tức sắc. Nghĩa là như mắt..vv.. năm căn Minh tức là hiểu biết rõ ràng, chỉ có thức thứ tám trong một niệm nghĩa là hiểu rõ lý chân không, ban đầu, lúc ấy nương tinh thể của không khác sắc, sắc không có tự cha mẹ biến hiện gọi là bất cộng. tánh, không khác với không nên gọi Sau khi sinh ra một mình thọ dụng(là minh không tức sắc nhận chịu hoàn cảnh của thân và Ba, Sắc không vô ngại. tâm), cũng gọi là bất cộng như Thể của sắc hoàn toàn là chân nhãn thức chỉ nương vào nhãn căn không, Thể của chân không không mà phát khởi cho đến thân thức chỉ khác sắc. Nếu sắc là sắc thật thì trở nương vào thân căn mà phát khởi, ngại đối với không, không chắc hoàn toàn thuần nhất. Đó là bất chắn là không thì ngại với sắc cộng biến trong bất cộng Nay sắc là sắc ảo nên không Hai, Bất cộng trong cộng biến. ngại không, không là chân không, Căn phù trần bên trong, ban đầu nên không ngại sắc, vì vậy là sắc chỉ có thức thứ tám biến hiện, gọi không vô ngại. là bất cộng biến. sau khi sanh, Bốn, Dẫn tuyệt vô ký người khác cũng có thọ dụng nên Dẫn tức là mất hoàn toàn, mất gọi là cộng. Đó là cộng biến trong hết. Tuyệt tức là cắt đứt. Ký là bất cộng nương tựa (Phù trần căn: các căn mắt, Nghĩa là lý quán được về chân tai,... đều do bốn trần sắc thinh không thì không thể nói chính sắc hương vị xúc làm nên. Nên gọi là là không, cũng không thể nói lìa phù trần. Kinh Lăng Nghiêm nói: sắc là không. Không và bất không Mắt như đoá hoa bồ đào và các căn đều không thể được. Chẳng phải khác cũng như thế. Tha nhân thọ ngôn ngữ và tư duy đến được, cũng dụng: Phù trần căn của chính mình chẳng phải là chỗ nương tựa. Vì có thể thấy cảnh, căn của người vậy gọi dẫn tuyệt vô ký khác cũng

có thể thấy và có cùng thọ dụng). CỘNG BẤT CỘNG TỨ Ba, Cộng trong cộng biến. BIẾN Như núi, sông, đất, liền do thức (Tông cảnh lục) của nhiều người cùng biến hiện gọi là cộng biến. Ta và tất cả người Hỏi rằng: Thức thứ tám biến khác cùng thọ dụng cũng gọi là hiện trong thân và thế gianv.v.. ,là cộng. Đó là cộng trong cộng biến tự biến hay là cộng biến? Bốn, Cộng trong bất cộng biến. Đáp: có bốn trường hợp không Như ruộng nhà của ta không giống nhau chung với người. Như một con sông, người thấy đó là nước, ngạ

quỷ thấy là lửa dữ, là máu mủ. Đó Thân này đều do bốn đại giả là không chung biến trong cái hợp mà thành vốn không có ngã. chung Nếu có một đại là ngã thì ba đại kia không phải là ngã. Nếu cả bốn TỨ VINH cũng gọi là Phàm đại đều là ngã thì phải có nhiều phu tứ điên đảo ngã. Cuối cùng ai là ngã vậy nên (Niết bàn kinh và Tông phải biết ngã không thể có. Phàm phu không hiểu ở trong thân của cảnh lục) mình vẫn cho là có chủ thể lầm cho Tứ vinh là trong khoảng hai cây là ngã tức là điên đảo. Sa la ở thành Câu thi na, nơi Phật Bốn, Bất tịnh kế tịnh. nhập diệt. Các hướng Đông, Tây, Thân ta, thân người đều có năm Nam, Bắc đều có hai cây Sa la. hai thứ bất tịnh, phàm phu không hiểu cây song thọ mỗi hướng một khô lầm lạc sanh lòng tham đắm cho đó một tươi nên gọi là tứ vinh, tứ khô là sạch.(năm thứ bất tịnh là: chủng để biểu hiện tám điên đảo của tử bất tịnh, trụ xứ bất tịnh, tự thể phàm phu, Nhị thừa về thường, vô bất tịnh, ngoại tướng bất tịnh, cứu thường cánh bất tịnh). Bốn cây tươi để biểu hiện bốn điên đảo của phàm phu. Nói là tươi TỨ KHÔ còn gọi là Nhị thừa là vì phàm phu do bốn thứ điên đảo tứ điên đảo làm cho hoặc nghiệp tăng trưởng, (Niết bàn kinh và Tông đó là nghĩa tốt tươi: nên gọi là tứ vinh. (tiếng Phạn là Câu thi na, cảnh lục). tiếng hoa là giác thành. tiếng Phạn Tứ khô là biểu trưng cho bốn là Sa la tiếng hoa là kiên cố. Nhập điên đảo của Nhị thừa. diệt khoảng giữa hai cây là biểu Sở dĩ gọi là khô là vì Nhị thừa trưng phi thường, phi vô thường). quán các pháp vô thường, khổ, Một, Phi thường kế thường. không, vô ngã thì phiền não cũng Tất cả mọi việc hữu vi trong thế khô mục, không sanh lại được nên gian đều là vô thường, hư ảo, gọi là tứ khô. không có thực làm sao lâu dài mà Một, Thường kế vô thường. phàm phu lầm cho là thường tức là Thường là pháp thân thường điên đảo trụ. Vô thường tức là thay đổi. Hai, Phi lạc kế lạc Thinh văn, Duyên giác bị che lấp Cái vui năm dục trong thế gian, bởi vô minh ở trong pháp thân đều là cái nhân để chịu khổ, phàm thường trụ của Phật, sai lầm cho là phu không hiểu rõ, lầm cho là vui có tướng thay đổi. tức là điên đảo. Hai, Lạc kế phi lạc. Ba, Phi ngã kế ngã Lạc là cái vui thanh tịnh của Niết bàn. Phi lạc là khổ đau

Thinh văn, Duyên giác bị vô (Tiếng Phạn là Sa môn, tiếng minh lầm lạc che lấp, ở trong an Hoa là Cần tức. Tiếng Phạn là Bà vui thanh tịnh Niết bàn của Phật, la môn, tiếng Hoa là Tịnh hạnh). sai lầm cho là khổ. Hai, Nguyện tánh hạnh Ba, Ngã kế vô ngã. Kinh nói: Nếu các Bồ tát phát Ngã là Phật tánh chân thật, vô nguyện như thế này: khi nào thì ta ngã là trong Phật Tánh không có thành Phật, có đủ mười hiệu. Đó là cái ngã Bồ tát nguyện tánh hạnh Các bậc Nhị thừa bị vô minh Ba, Thuận tánh hạnh mê lầm che đậy, không hiểu trong Kinh nói: Nếu các Bồ tát thuận các pháp vô ngã có chân ngã. Vì tu tập sáu ba la mật . Đó là Bồ tát vậy ở trong Phật tánh chân ngã mà thuận tánh hạnh sai lầm cho là vô ngã Bốn, Chuyển tánh hạnh Bốn, Tịnh kế bất tịnh. Kinh nói: Như ta cúng

dường Tịnh tức là thân chân như đức Thế Tôn Nhiên Đăng nương thường trụ của Phật, không phải là vào nhân duyên ấy đọc tụng kinh thân do ăn tạp mà có, không phải là điển chuyển phàm thành Thánh. Đó thân phiền não, không phải thân do là Bồ tát chuyển tánh hạnh. (Như máu thịt mà có, không phải là thân ta là đức Thích Ca Như lai) do gân cốt ràng buộc mà nên. Bất tịnh là các vị Nhị thừa bị che lấp TỨ BẤT KHẢ THUYẾT bởi vô minh lầm lạc chỉ quán tất cả (Kim quang minh sắc tướng trong thế gian đều bất tịnh, không hiểu thanh tịnh thường kinh huyền nghĩa tập di ký). trụ của Phật Trong kinh Niết bàn nói rõ lý của bốn giáo, chỉ có thể lãnh hội TỨ CHỦNG TÁNH bằng chứng đắc, không thể dùng HẠNH ngôn thuyết, vì lý này vốn không (Phật bổn hạnh tập thể nói. (bốn giáo là tạng, thông, biệt, biên). kinh) Một, Sanh sanh bất khả thuyết Một, Tự tánh hạnh. Sanh sanh là năng sanh và sở Kinh nói: Nếu các Bồ tát bản sanh (chủ thể sanh và đối tượng tánh đến nay, hiền lương chất trực, được sanh). Nghĩa là căn và trần tuân lời cha mẹ dạy, tin tưởng kính gặp nhau đó là năng sanh. Lúc căn trọng Sa môn và Bà la môn, biết rõ và trần gặp nhau thì một niệm trong trong nhà trên dưới, thân sơ cung tâm khởi lên phân biệt tốt xấu đó là kính làm theo không sai sót, đầy đủ sở sanh, tức là tâm pháp. Năng mười điều thiện, còn lại làm nhiều sanh và sở sanh nói chung gọi là hơn các nghiệp lành khác. Đó gọi sanh sanh đây là pháp sanh diệt thật là Bồ tát tự tánh hạnh. có mà tạng giáo tuyên bố.

Pháp tuy có sinh diệt, về lý không PHIÊN DỊCH TỨ LỆ thể nói, nên nói không thể nói (Phiên dịch danh Hai, Sanh bất sanh bất khả thuyết. nghĩa) Sanh tức là pháp được sanh ra Một, Phiên tự bất phiên âm. khi căn trần gặp nhau đã nói ở Là giống như các chú: dùng trước. chữ Trung quốc để phiên, còn âm Bất sanh là pháp sở sanh này vẫn theo âm của Ấn độ. rốt cuộc đương thể tức không. Đã Hai, Phiên âm bất phiên tự. thấu rõ pháp sở sanh vốn không Như chữ dùng âm vạn của nên gọi sanh (mà thật sự) chẳng Trung quốc phiên mà hình thể chữ ra. của Ấn độ giữ y. Đây là lý của thông giáo. Lý vốn Ba, Âm tự câu phiên. không lời nên gọi là không thể nói. Âm và tự của các kinh đều Ba, Bất sanh sanh bất khả dùng âm và chữ của Trung Quốc để thuyết. phiên. Bất sanh tức là lý chân không, Bốn, Âm tự câu bất phiên. sanh là từ không mà xuất phát ra Các kinh Phạn giáp (viết trên lá giả có để làm dụng độ sanh. bối) cả âm và chữ đều chưa dịch Điều này nói về biệt giáo ở sang tiếng Trung Quốc. trong ngôi vị Thập trụ tu tập không quán, hiểu rõ pháp vô sanh nên gọi A NAN TỨ VẤN là bất sanh mà không trụ ở không, lại ở trong Thập hạnh mà tu tập giả (Niết bàn kinh hậu quán, khởi dụng độ chúng sanh phần) trong thập giới, vì vậy lại gọi là Phật sắp sửa nhập diệt, nói với sanh . Đây là lý biệt giáo tuyên bố. A nan và đại chúng rằng: sau khi ta Lý vốn không lời nên gọi là không Diệt độ, các ông phải siêng năng thể nói. dạy dỗ nhau, sớm cầu xa lìa (ba Bốn, Bất sanh bất sanh bất khả cõi), kiếp này trôi qua vô ích, sau thuyết. hối hận không kịp. A nan nghe Phật Lý vốn không sanh, vì sự tức là nói rồi, lúc ấy đau buồn, khóc lóc lý. Sự cũng không sanh, đó là bất nức nở, toàn thân mê man, ngất sanh bất sanh. Lại nữa, không nhơn lịm. Thấy vậy A nê lô đậu (A na có thể tu, nên bất sanh, không quả luật) an ủi A nan rằng: Thời gian có thể chứng nên bất sanh. Đó gọi Như lai Diệt độ đã tới, hôm nay là bất sanh bất sanh. Đây là lý Viên còn, sáng mai mất, ông y theo lời giáo tuyên bố. Lý vốn không lời tôi mà hỏi Phật bốn vấn đề. Và nên gọi là

không thể nói. Phật nói rằng các ông lắng nghe, ta vì các ông mà nói.

Một, Phật Diệt độ hậu ác tánh Phải biết, sau khi Phật Diệt độ, Xa nặc vân hà cộng trụ. kết tập kinh tạng, mở đầu phải để Phật đáp: Tỳ kheo Xa nặc có lời này: Như thị ngã văn, nhất thời tánh nhỏ hẹp xấu ác, sau khi ta Diệt tại mỗ phương mỗ xứ, dữ mỗ đẳng độ, các ông nên nương nơi giáo đại chúng mà nói kinh này. pháp của ta điều phục tâm của ông ta, trừ bỏ tánh ác, không bao lâu tự HÓA NGHI TỨ GIÁO chứng được đạo quả.
(Thiên Thai tứ giáo Hai, Phật Diệt độ hậu, ngã đẳng dĩ hà vi sư. nghi) Phật đáp: Phải biết lấy giáo luật Hoá nghi là cách thức một đời làm thầy của các ông. Nương vào đức Phật ra đời giáo hoá chúng giới luật tu hành định, huệ sâu xa sanh. có thể ra khỏi ba cõi. Một, Đốn giáo. Ba, Phật Diệt độ hậu, ngã đẳng Không bàn về Tiểu thừa mà nói y hà pháp trụ. thẳng về giáo pháp Đại thừa, nên Phật đáp: Phải biết nương vào gọi là đốn giáo, tức là kinh Hoa tứ niệm xứ quyết tâm an trụ ở đó. Nghiêm vậy. 1) Quán tánh, tướng của thân bằng Hai, Tiệm giáo. với hư không, gọi là thân niệm xứ. Tiệm là lần lượt. Tiệm có tiệm 2) Quán cảm thọ không trong, sơ, tiệm trung, tiệm mạt, không không ngoài, không ở giữa, gọi là giống nhau. thọ niệm xứ. 3) Quán tâm chỉ có Nghĩa là ban đầu, Phật nói pháp cái tên gọi, tên gọi và tánh xa lìa ở Lộc uyển là để phá bỏ tà pháp, nhau, gọi là tâm niệm xứ. 4) Quán thiết lập chánh pháp, dành riêng pháp không được ưa thiện pháp và cho Nhị thừa. Đây gọi là tiệm sơ, không ưa pháp bất thiện, gọi là tức là kinh A hàm. pháp niệm xứ. Kế đến Phật nói kinh Phương Tất cả Tỳ kheo nương nơi bốn đẳng, chỉ rõ lỗi của Nhị thừa căn cơ niệm xứ này mà an trụ. (Thọ có nhỏ bé, để cho trở về Đại thừa. Đây nghĩa là lãnh nạp. sáu căn lãnh nạp gọi là tiệm trung, tức là kinh Tịnh sáu trần, không phải ở trong, không danh, ...) phải ở ngoài, vì tâm không ở sáu Sau khi Phật nói kinh Bát nhã, căn, cũng không ở nơi sáu trần, tâm nói rộng pháp không huệ, gạn lọc cũng không ở giữa căn và trần gọi những tình chấp nhỏ hẹp của Nhị là trung gian). thừa mà bỏ đi; đem tất cả pháp trở Bốn, Nhất thiết kinh sơ đương về Đại thừa. Đây gọi là tiệm mạt, an hà ngữ. tức là kinh Bát nhã. Như thế từ cạn Phật đáp: Ông hỏi tất cả kinh đến sâu, tuần tự mà tiến, nên gọi là Phật nói, mở đầu để lời gì? tiệm giáo. Ba, Bí mật giáo.

Sức thần thông, trí huệ của Phật Sau có quan hệ biệt giáo, Viên không thể nghĩ bàn, có thể làm cho giáo là giáo lý dành cho Bồ tát căn mọi người cùng nghe pháp, mỗi tánh lanh lợi, khi chứng được lý người đều nghe khác nhau. Người chân không, có thể nhờ chân không này không biết được người kia và mà hiểu thấu bất không, tức là vào ngược lại, nhưng một cách bí mật, hàng biệt giáo ở sau, có thể biết lời Phật nói ra đều thích hợp với được không và bất không, đầy đủ căn cơ của mọi người, nên gọi là bí tất cả pháp, tức là vào hàng Viên mật giáo. giáo ở sau). Bốn, Bất định giáo. Ba, Biệt giáo. Bất định là sức thần thông, trí Biệt là riêng biệt, không giống huệ của Phật không thể nghĩ bàn, nhau; nghĩa là riêng biệt tạng giáo, có thể làm cho mọi người nghe thông giáo ở trước và không giống pháp, hoặc nghe pháp Tiểu thừa mà Viên giáo ở sau nên gọi là biệt chứng quả Đại thừa và ngược lại, giáo. người này người kia biết lẫn nhau, (Riêng biệt với tạng giáo, thông được lợi ích không giống nhau, nên giáo ở trước là giáo lý này chỉ dành gọi là bất định giáo. cho Bồ tát, không cùng với cách tu của Nhị thừa. HÓA PHÁP TỨ GIÁO Không giống với Viên giáo là (Thiên Thai tứ giáo giáo lý nói về

hành, tướng của pháp môn, không trải qua thứ lớp và nghi) không viên dung). Hoá pháp là phương pháp Phật Bốn, Viên giáo. dạy cho chúng sanh. Viên có nghĩa khắp. Giáo lý Một, Tạng giáo. này nói về lý trung đạo, tánh, tướng Tạng là bao hàm kinh, luật, viên dung, sự, lý vô ngại; vạn pháp luận, mỗi thứ đều chứa đựng tất cả đầy đủ, nên gọi là Viên giáo. văn, lý, nên gọi là tạng giáo. Hai, Thông giáo. LONG THỌ TỨ GIÁO Thông là trước có quan hệ với (Hoa nghiêm kinh tạng giáo và sau có quan hệ với biệt giáo, Viên giáo, nên gọi là thông Tuỳ sớ diễn nghĩa sao) giáo. Luận sư Long Thọ là tổ 13 của (Trước có quan hệ với tạng giáo Tây thiên đã lập ra bốn giáo phân là giáo lý dành cho Bồ tát căn tánh tích kinh, luận của Phật Thích Ca; chậm chạp, tuy quán vô sanh Tứ đế nên gọi là Long Thọ tứ giáo. mà chỉ chứng được lý chân không, Một, Hữu môn. so với tạng giáo ở trước thì giống Các kinh Tiểu thừa A hàm nói nhau. tất cả pháp nhân, quả tất cả đều có

thật. Đó là hữu môn. (Tiếng Phạn duyên, không nhận được bất biến; là A hàm, tiếng Hoa là vô tỉ pháp). nên gọi là nhất phần. Hai, Vô môn. Trong phần tuỳ duyên chỉ nói lý Các kinh Đại phẩm Bát nhã, nói đã hiển bày của sanh không, không về lý chân không thật tướng trừ nói pháp không; nên gọi là một sạch chấp trước của chúng sanh. nữa. Họp lại mà nói thì gọi là chân Đó là không môn. một phần bán giáo. Ba, Diệt hữu diệt không môn. (Tuỳ duyên bất biến là lý chân Các kinh Đại thừa thâm mật như tuỳ các duyên nhiễm tịnh mà v.v..., nói có và không hỗ tương vô thành các pháp, nhưng bản thể của ngại. Đó là cũng có cũng không nó không thay đổi. Sanh không tức môn. là nhân không) Bốn, Phi hữu phi không môn. Ba, Chân nhất phần mãn giáo. Trung luận v.v... nói tất cả Bồ tát sơ tâm chỉ chứng được pháp đều là có từ cái không, đó bất biến, không chứng được tuỳ không phải có; đều là không từ cái duyên: nên gọi là nhất phần. có, đó chẳng phải không; tức có tức Ở trong phần bất biến, lại có hai không. Đó là đệ nhất nghĩa: phi biện giải về lý nhị không; nên gọi hữu phi không môn. là mãn. Họp lại mà nói: Chân nhất phần mãn giáo. (Nhị không là nhân UYỂN CÔNG TỨ GIÁO không và pháp không). (Hoa nghiêm kinh Bốn, Chân cụ phân mãn giáo. Bồ tát do đầy đủ nghĩa của hai sớ) phần tuỳ duyên và bất biến, hiển Uyển công người đời Đường đệ bày lý chân thật, hiểu được Như lai tử của pháp sư Hiền thủ, dựa vào tạng, nên gọi là chân cụ phân mãn luận Bảo tánh, chia chúng sanh ra giáo. làm bốn hoại không hiểu được Như lai tạng, nên lập ra bốn giáo. (bốn HIỂU CÔNG TỨ GIÁO. loại chúng sanh là phàm phu, Thinh (Hoa nghiêm kinh văn, bích chi, Bồ tát sơ tâm). Một, Mê chân dị chấp giáo. sớ) Ngoại đạo, phàm phu mê mờ Pháp sư Nguyên hiểu, người chân tánh, khởi lên những suy tính Tân la từ Đông hải đến Trung quốc lạ lùng và chấp vào đó; nên gọi là truyền bá tông phái và lập bốn giáo, mê chân dị chấp giáo. phân tích các kinh của Phật, nên Hai, Chân nhất phần bán giáo. gọi là Hiểu công tứ giáo. Thinh văn và Bích chi, đối với Một, Tam thừa biệt giáo. chân như có hai nghĩa tuỳ duyên và Các kinh Tứ đế, duyên khởi mà bất biến, mà chỉ nhận được tuỳ Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát ba thừa cùng chung học. Trong đó,

Nhị thừa chưa rõ pháp không, tức sanh được; nên gọi là không tự là biệt tướng, nên gọi là Tam thừa sanh. biệt giáo. Hai, Bất tha sanh. Hai, Tam thừa thông giáo. Tha tức là sáu trần. Tuy có sáu Các kinh Bát nhã, Thâm mật trần, nếu không có sáu căn thì một

v.v...mà Thinh văn, Duyên giác, niệm của tâm cũng không sanh; nên Bồ tát ba thừa cùng chung học. gọi là bất tha sanh. Trong đó nói các pháp không, tức Ba, Bất cộng sanh. là thông tướng, nên gọi là Tam thừa sáu căn, sáu trần hoà hợp gọi là thông giáo. cộng. Ba, Nhất thừa phân giáo. Trước đã nói không tự sanh tức Kinh Phạm võng v.v...mà Bồ căn không thể sanh. Lại nói không tát không cùng Nhị thừa chung học, tha sanh tức trần không thể sanh. gọi là Nhất thừa. Trong đó chưa Căn, trần đều đã không thể sanh. hiển lộ tính phổ biến của pháp, gọi Căn, trần cộng lại có thể sanh được là tuỳ phần; nên gọi là Nhất thừa sao? Nên gọi là bất cộng sanh. phân giáo. Bốn, Bất vô nhân sanh. Bốn, Nhất thừa mãn giáo. Không nhân nơi căn, trần mà Kinh Hoa nghiêm v.v... trong sanh, đã lìa căn, trần thì niệm của đó sáng tỏ đầy đủ lý của pháp giới, tâm không có chỗ sanh; nên nói bất bao trùm khắp cả; nên gọi là Nhất vô nhân. thừa mãn giáo. TỨ CHỦNG VẤN ĐÁP TỨ BẤT SANH (Thập trụ tỳ bà sa (Trung luận) luận) Bồ tát
Long thọ làm ra luận Một, Định đáp. Trung quán nói rằng: Vì ngoại đạo Trả lời một cách đầy đủ và xác cho tất cả pháp hoặc là tự sanh, quyết. Như có một Tỳ kheo hỏi hoặc là tha sanh, hoặc là tự tha Phật rằng: sắc, thọ, tưởng, hành, cùng sanh, hoặc không có nhân mà thức thường không thay đổi, phải sanh; nên nói kệ phá bỏ sai lầm đó. không? Phật đáp rằng không có Các pháp không tự sanh, không sắc, thọ, tưởng, hành, thức thường chung sanh, cũng không phải không thay đổi. Bởi vì nói đến không có nhân. pháp ngũ ấm, vốn không thật chẳng Một, Bất tự sanh. có, thường không đổi thay. Đó gọi Tự tức là sáu căn. Vì căn, trần là định đáp. đối đãi thì một niệm khởi lên. Nếu Hai, Phân biệt đáp. không có sáu trần làm đối tượng thì Phân biệt quả báo mà đáp. Như một niệm của tâm chắc chắn không có Phạm chí hỏi Phật rằng: Người

làm ra nghiệp từ thân, khẩu, ý chịu Quá trình Như lai, thực sự, quả báo gì? không liên quan tới lý lẽ này; nên Phật đáp: Nếu làm nghiệp khổ nếu có tất cả câu hỏi này, Phật đều thì chịu quả báo khổ, nếu làm không đáp. Đó gọi là trí đáp. nghiệp vui thì được quả báo vui; nếu làm nghiệp không khổ không TỨ BỆNH vui thì chịu quả báo không khổ (Viên giác kinh sớ) không vui. Đó là phân biệt đáp. Ba, Phản vấn đáp. Một, Tác mệnh. Hỏi ngược lại điều đã hỏi để Tác là sanh tâm tạo tác. Nếu có làm câu trả lời cho người hỏi. người nói: Đối với bổn tâm, tôi tạo Như trước Phạm chí đã hỏi Phật tác nhiều hạnh, mong cầu viên giác. rồi. Phật nói: Ta trở lại hỏi ông, tuỳ Vì tánh viên giác ấy chẳng phải ý ông mà trả lời. làm mà được. Sắc là Như lai, phải không? Hai, Nhậm bệnh. Thọ, tưởng, hành, thức là Như lai, Nhậm là tuỳ duyên theo tính. phải không? Nếu có người nói: ngày nay, chúng Phạm Chí đáp rằng chẳng phải. tôi không đoạn sanh tử, không cần Phật lại hỏi rằng: Niết bàn; tuỳ thuận tất cả những Ly sắc, thọ, tưởng, hành, thức điều ấy, mong cầu viên giác. Vì là Như lai phải không? tánh viên giác đó chẳng phải tuỳ Phạm chí lại trả lời: chẳng phải. thuận mà được. Bởi vì pháp của Như lai, không Ba, Chỉ bệnh. phải là ngũ ấm, không lìa ngũ ấm. Chỉ là ngưng vọng tức là chân. Phạm chí không hiểu, nên đáp là Nếu có người nói: nay tôi chấm dứt chẳng phải. Đó gọi là phản vấn hoàn toàn các niệm, vắng lặng bình đáp. đẳng, mong cầu viên giác. Vì tánh Bốn, Trí đáp. viên giác ấy chẳng phải ngưng Trí nghĩa là không trả lời (trí: (vọng) mà được. bỏ) Bốn, Diệt bệnh. Như ngoại đạo nói: Thế gian là Diệt tức là tịch diệt (vắng lặng). thường, thế gian là vô thường, thế Nếu có người nói: nay tôi hoàn gian vừa thường vừa

vô thường, thế toàn diệt hết tất cả phiền não, thân gian có giới hạn, thế gian không có tâm, căn trần, cảnh giới hư vọng giới hạn. (không thật, giả dối) tất cả đã vắng Lại cho rằng Như lai sau khi Diệt lặng hoàn toàn; mong cầu viên độ còn, Như lai sau khi Diệt độ giác. Vì tánh viên giác ấy chẳng không còn, Như lai sau khi Diệt độ phải là tướng vắng lặng. vừa còn vừa không còn, Như lai sau khi Diệt độ chẳng còn, chẳng không còn.

ĐẠI TỨ TƯỚNG Trần cảnh đã quên, tâm niệm cũng không còn. Đó là diệt tướng. (Đại thừa khởi tín luận sớ) QUANG TRẠCH TỨ Bốn tướng lớn là về sự thọ báo THỪA từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc của (Hoa nghiêm kinh một đời người. sớ) Một, Sanh tướng. Một niệm thọ thai, mười tháng Pháp sư Vân ở chùa Quang đầy đủ, thân này sanh ra. Đó là trạch đời Lương, lập ra Tứ thừa sanh tướng. giáo. Hai, Trụ tướng. Ba xe ở gần cửa là Tam thừa, Đã ra khỏi thai, ở trong cuộc tức là quyền giáo. Xe trâu trắng ở đời. Đó là trụ tướng. ngã tư đường là thừa thứ tư, tức là Ba, Dị tướng. thật giáo. Trẻ thì mặt mày đẹp đẻ xinh Một, Xe dê. tươi, thân thể khoẻ mạnh, da dẻ Bậc Thinh văn dùng quán mặn mà. Già thì tóc trắng, mặt không phân tích sanh diệt Tứ đế, nhăn. Đó là dị tướng. phá kiến, tư phiền não, chứng lý Bốn, Diệt tướng. chân đế, xa lìa được sanh tử ba cõi; Nghiệp hết mạng chết, thân giống như đi xe dê ra khỏi nhà lửa. cũng tiêu tan. Đó là diệt tướng. Kinh Pháp Hoa nói: vì cầu xe dê ra khỏi nhà lửa. TIỂU TỨ TƯỚNG (Tích không quán là đối với các pháp năm ấm, quán sát, phân tích (Đại thừa khởi tín luận để xa lìa tâm chấp trước). sớ) Hai, Xe hươu. Bốn tướng nhỏ, đây là nói quá Bậc Duyên giác dùng quán trình của một niệm. không phân tích sanh diệt mười hai Một, Sanh tướng nhân duyên; phá kiến, tư phiền não, Khi căn đối với trần thì tâm hiểu rõ lý chân đế, xa lìa được sanh sanh ra một niệm. Đó là sanh tử ba cõi, giống như đi xe nai ra tướng. khỏi nhà lửa. Hai, Trụ tướng. Ba, Ngưu xa. Thời gian kéo dài của một Tam tạng dạy các Bồ tát phát niệm. Đó là trụ tướng. bốn lời thệ nguyện lớn, tu sáu độ, Ba, Dị tướng. dạy dỗ hướng dẫn chúng sanh, một niệm trước, sau không cùng ra khỏi sanh tử ba cõi, cuối giống nhau. Đó là dị tướng. cùng đến Niết bàn chân không; Bốn, diệt tướng giống như đi xe trâu ra khỏi nhà

lửa. Kinh Pháp hoa nói: vì tìm xe Bốn, Vô vi pháp luân. trâu ra khỏi nhà lửa. Tu tập tam đức diệu quán tiêu Bốn, Đại trạch ngưu xa. diệt ngũ trụ phiền não để chứng Bồ tát Đại thừa dùng viên dung quả Niết bàn vô vi. Đó là vô vi tam quán, quán lý thật tướng của pháp luân. các pháp, phá nhanh vô minh phiền (Tam đức: Pháp thân đức, Bát nhã não và thành nhất thiết chủng trí. đức, Giải thoát đức. Ngũ trụ phiền Xe trâu trắng lớn đến nơi bảo sở (lý não: Kiến hoặc trụ; Tư hoặc chia ra thật tướng). ba trụ, trần sa và vô minh hoặc Kinh nói: Có con trâu trắng lớn, cộng lại thành một trụ. Tất cả là mập mạp khoẻ mạnh, bước đi vững năm trụ phiền não. năm trụ này vàng chắc chắn, nhanh nhẹn như chúng sanh giữ chặt trong tam giới, gió. (Tam quán: không quán, giả nên gọi là trụ). quán, trung quán. Nhất thiết trí là Phật trí. Bảo sở: lý thật tướng). VĂN NGHĨA TỨ DỤNG (Pháp Hoa văn cú SANH CÔNG TỨ LUÂN ký) (Hoa Nghiêm kinh Một, Hữu văn hữu nghĩa Tuỳ sớ diễn nghĩa sao) thường nhân dụng chi. Sanh công là đệ tử của pháp sư Nguyên tắc lập ngôn luận phải La thập, lập ra bốn luân này. có văn tự chứng cứ, có nghĩa lý là Luân là nghiền nát, có thể nơi nương tựa. Những điều này

nghiền nát hoặc nghiệp của chúng người tầm thường đều có thể dùng sanh mà ra khỏi ba cõi. được; nên gọi là thường nhân dụng Một, Thiện tịnh pháp luân. chi. Tu các pháp thập thiện và năm Hai, vô văn hữu nghĩa trí nhân giới, tiêu diệt nghiệp dẫn đến bốn dụng chi. đường ác và được quả báo ở cõi Hễ lập ngôn lập luận, tuy không trời, người. Đó là thiện tịnh pháp có văn tự làm chứng cứ, mà có luân. nghĩa lý để nương tựa. Trường hợp Hai, Phương tiện pháp luân. này chỉ có người trí có thể dùng Tu tập Tứ đế, thập nhị nhân được; nên gọi là trí nhân dụng chi. duyên là con đường phương tiện để Ba, Hữu văn vô nghĩa ám giả chứng quả Nhị thừa. Đó là phương dụng chi. tiện pháp luân. Phàm lập ngôn lập luận, tuy có Ba, Chân thật pháp luân. văn tự làm chứng cứ, mà không có Tu quán trung đạo thật tướng, nghĩa lý để nương tựa. Trường hợp nghiền nát nghiệp vô minh, phiền này, người tối tăm, không rõ nghĩa não để chứng Phật quả Nhất thừa. lý, dùng gượng ép mà thôi; nên gọi Đó là chân thật pháp luân. là ám giả dụng chi.

Bốn, Vô văn vô nghĩa mê giả TỨ DIỄN CHÚNG dụng chi (Phiên dịch danh nghĩa) Phạm lập ngôn lập luận đã không văn tự làm chứng cứ, lại Một, Thinh văn không nghĩa lý làm nơi nương tựa. Nghe Phật nói pháp, nương bốn Trường hợp này, chỉ người ngu mê pháp Tứ đế tu hành theo đạo đế, không hiểu văn, nghĩa mà gượng ép chứng được diệt đế, đó gọi là Thinh dùng mà thôi; nên gọi là mê giả văn. dụng chi. Hai, Duyên giác. Tuân hành theo giáo pháp của TỨ CHÚNG Phật, quán mười hai nhân duyên, (Pháp hoa văn cú) giác ngộ được lý chân thật của vạn pháp, đó gọi là Duyên giác. Một, Phát khởi chúng. Ba, Bồ tát Là chúng mở đầu, đưa ra một Bồ tát, tiếng Phạn nói đủ là Bồ điều gì, phát động lên, khiến cho đề tát đoả, tiếng Hoa là Giác hữu Phật nói ra và làm cho đại chúng có tình. Nghĩa là tự mình tu hành đã điều được nghe, cho đến đưa ra thành tựu, rồi giác ngộ cho tất cả những vấn đề để hỏi, đáp nhau . chúng sanh hữu tình; đó gọi là Bồ Hai, Đương cơ chúng. tát. Căn cơ của chúng hiện tiền rất Bốn, Phật. thích hợp, do các điều lành đã sẵn Phật, tiếng Phạn nói đủ là Phật có từ kiếp trước, khi duyên thích đà, tiếng Hoa là Giác. Giác có ba hợp thì có kết quả; chưa đứng lên nghĩa: 1) Tự giác: Hiểu rõ được khỏi đạo tràng mà vừa nghe liền tánh chân thường (Phật tánh), chấm ngộ đạo. dứt hoàn toàn mê lầm, giả dối, 2) Ba, Ảnh hưởng chúng. Giác tha: vận dụng vô duyên từ Các chư Phật, Bồ tát đời trước, (lòng từ bi không điều kiện) độ tất ảnh hưởng đến quả tốt đẹp, hôm cả chúng hữu tình. 3) Giác hạnh nay. Chúng cùng căn cơ, hộ trì Phật viên mãn: Nhờ nhiều kiếp tu hành Tổ, giống ảnh theo hình, đồng nên hạnh đã tròn quả đã mãn, đó thanh tương ứng, lại giống như các gọi là Phật. vì sao vây quanh mặt trăng, tuy không có làm gì, mà ích lợi rất lớn. NHÂN TỨ Y Bốn, Kết duyên chúng. (Pháp Hoa huyền Chúng nhờ nghe pháp mà kết thành duyên. Bởi do đời trước căn nghĩa) cơ cạn cợt, ba huệ không sanh. Đời Y chỉ là nương tựa và dừng lại này, tuy gặp Phật nghe pháp mà (không thay đổi) chưa được ích lợi gì, chỉ làm nhân Từ ngôi vị ngũ phẩm đến đẳng duyên cho đời sau để được độ. giác Bồ tát là nơi chúng sanh trong

thế gian y chỉ, có khả năng làm cho Ngôi vị Bồ tát này dần dần dứt chúng sanh nghe pháp và khai ngộ, hết nguồn gốc vô minh, sắp sửa tu hành chứng quả, nên gọi là nhân viên mãn quả cuối cùng, công dụng tứ y. ưu việt, đầy đủ hay khiến cho (Ngũ phẩm vị là tuỳ hỉ, độc chúng sanh nghe pháp, khai ngộ, tu tụng, thuyết pháp, kiêm hành lục hành chứng quả và là nơi đáng độ, chánh hành lục độ). nương tựa; nên gọi là tứ y. Sơ y là

ngũ phẩm Thập tín. Ngũ phẩm Thập tín là ngôi vị BỒ TÁT TỨ SỰ NHẬP Ư PHÁP thấp của Viên giáo. Người ở ngôi MÔN vị này, quán sát bằng trí huệ một (Đại bảo cách rõ ràng, thấu đạt bí tạng của Như lai, làm cho chúng sanh nghe tích kinh) pháp và khai ngộ, tu hành chứng Một, Nhập thiền tư môn. quả và là nơi có thể nương tựa, nên Bồ tát nói pháp hướng dẫn gọi là sơ y. chúng sanh, trước ắt phải vào định Nhị y là Thập trụ tư duy, quán sát căn cơ của chúng Thập trụ cũng là ngôi vị kế tiếp sanh hoặc lớn hoặc nhỏ. Căn cơ lớn của Viên giáo. Người ở ngôi vị này thì nói đại pháp, căn cơ nhỏ thì nói phá tan phiền não, hiển lộ lý tánh, tiểu pháp, phương tiện cho thích công dụng thâm hậu, hay khiến cho hợp với căn cơ và đạo lý. Đó là chúng sanh nghe pháp khai ngộ, tu nhập thiền tư môn. hành chứng quả và là nơi có thể Hai, Trí huệ nhập môn. nương tựa, nên gọi là nhị y. Bồ tát nói pháp, dùng trí huệ soi Tam y là Thập hạnh, Thập sáng, đối với nghĩa lý, văn chương, hồi hướng. cú pháp thông suốt vô ngại để làm Thập hạnh, Thập hồi hướng là cho tất cả chúng sanh thấu hiểu rõ ngôi vị thấp của Viên giáo. Người ràng, phá trừ các mê mờ, sanh tâm ở ngôi vị này vô minh dần hết, lợi vui mừng. Đó là nhập trí huệ môn. ích cho chúng sanh càng sâu đậm, Ba, Nhập tổng trì môn. hay giúp cho chúng sanh nghe pháp Bồ tát đi vào các pháp ác, giữ khai ngộ, tu hành chứng quả và là gìn không mất, ngăn chặn các pháp nơi đáng nương tựa; nên gọi là tam ác, làm cho nó không sanh. Đối với y. chúng sanh, vận dụng tâm đại từ Tứ y là Thập địa, đẳng giác. đem đến, tức giữ gìn việc thiện; Thập địa là ngôi vị kế tiếp của phát khởi tâm đại bi dẹp sạch mọi Viên giáo. khổ đau, tức ngăn chặn khổ đau. Đẳng giác đứng sau ngôi vị Đó là nhập tổng trì môn. diệu giác một bậc, nhưng hơn các Bốn, Nhập biện tài môn. ngôi vị đứng trước, tức là tâm cuối Bồ tát đối với nghĩa lý giáo cùng của Bồ tát. pháp của Phật rõ ràng, rành mạch,

nói năng vô ngại, mở mang tâm (Bất động địa là dùng trí huệ vô tánh của tất cả chúng sanh, làm cho sanh buông bỏ tam giới, vì tánh bất vào được chánh đạo. Đó là nhập động. biện tài môn. Hai, Đắc sát độ tự tại Bồ tát ở địa bất động, trong tâm BỒ TÁT TỨ TỊNH thanh tịnh, đối với các cõi nước (Bồ tát thiện giới cũng được thanh tịnh, sống chết tự tại, nên gọi là đắc sát độ tự tại. kinh) (Sát tiếng Phạn gọi đủ là sát Một, Thân tịnh ma, tiếng Hoa là thổ điền, tức quốc Bồ tát dứt trừ hoặc nghiệp, thân độ) thể thanh tịnh, thành đạo vô Ba, Đắc trí tự tại. thượng, sống chết tự tại. Đó gọi là Bồ tát ở thiện huệ địa thứ chín, thân tịnh. được trí huệ vô ngại, diễn bày các Hai, Duyên tịnh pháp, đúng lý tự tại; nên gọi là đắc Vì Bồ tát thu nhiếp và dạy dỗ trí tự tại. chúng sanh, hiện vô số thần thông, (Thiện huệ là đã chứng được ẩn hiện tự tại, các duyên không thể chân như nên hiển lộ diệu huệ ngại. Đó là duyên tịnh của chân như). Ba, Tâm tịnh Bốn, Đắc nghiệp tự tại. Bồ tát tu tập phạm hạnh, xa lìa Bồ tát ở địa pháp vân thứ mười, các phiền não, đối với tất cả pháp đối với sự trói buộc của các phiền không sanh tâm chấp trước. Đó là não, hoàn toàn thông suốt, không tâm tịnh hề chướng ngại, nên gọi là đắc Bốn, Trí tịnh nghiệp tự tại. Bồ tát biết rõ pháp thế gian và (Pháp vân địa là Bồ tát dùng đại xuất thế gian, được trí thanh tịnh, từ bi che chở tất cả chúng sanh, không có gì làm trở ngại. Đó gọi là như mây che phủ khắp vạn vật). trí tịnh TỨ VÔ SỞ UÝ TỨ CHỦNG TỰ TẠI (Đại trí độ luận) (Đại thừa trang Vô sở uý có hai thứ: 1) Phật vô nghiêm kinh luận) sở uý; 2) Bồ tát vô sở uý. Nay nói Một, Đắc vô phân biệt tự tại đến bốn vô sở

uý đều nói đến Bồ Bồ tát ở địa bất động thứ tám, tát. Vì Bồ tát đầy đủ trí huệ, sáng là đã bỏ tất cả hạnh công dụng, suốt quyết định, ở trong chúng sanh được pháp vô công dụng. Đối với nói pháp, không hề sợ hãi, nên gọi tất cả pháp, xa lìa tất cả tư tưởng là vô sở uý. phân biệt và được tự tại, nên gọi là Một, Năng trì vô sở uý. vô phân biệt tự tại.

Năng trì: Bồ tát nghe tất cả các pháp ngũ ấm. Đó là xảo tiện pháp thường hay thọ trì, nhớ hoài thắng. không quên, nên ở trong chúng Bốn, Quả thắng. sanh thuyết pháp đều không sợ hãi. Bồ tát tu nhân đầy đủ thì chứng Hai, Tri căn vô sở uý. được quả Phật giác ngộ, hơn cả quả Tri căn: Bồ tát biết chúng sanh có của Thinh văn, Duyên giác chứng căn tánh nhanh nhẹn hay chậm được. Đó gọi là quả thắng. chạp, tuỳ trình độ thích hợp mà nói pháp, ở trong chúng nói pháp, đều BỒ TÁT HẠNH HỮU TỨ không sợ hãi. NAN Ba, Quyết nghi vô sở uý. (Hoa nghiêm Quyết nghi là giải thích tất cả nghi ngờ vấn nạn của chúng sanh, ở kinh sớ) trong chúng nói pháp, đều không sợ Một, Bối kỷ lợi thế nan. hãi. Tu Bồ tát hạnh thì tâm chỉ vì lợi Bốn, Đáp báo vô sở uý. ích tất cả chúng sanh, không một tơ Đáp báo: dùng ngôn từ trả lời hào nghĩ nhớ đến bản thân. Không những câu hỏi. Tất cả chúng sanh phải như người đời chỉ mong cầu nghe pháp có những vấn nạn, Bồ lợi ích cho riêng mình, không thể tát đều trả lời đúng pháp và thoả đem lại lợi ích cho người khác. Đó đáng, ở trong chúng nói pháp, đều là quên mình lợi người là khó. không sợ hãi. Hai, Hành tướng duy khổ nan. Tu Bồ tát hạnh, không thích TỨ SỰ THẮNG những dục lạc ở thế gian và chỉ yêu (Địa trì kinh) mến thân mình mà chỉ vì lợi ích cho chúng sanh để viên mãn bổn Một, Căn thắng. nguyện tu hành khổ hạnh. Đó là Căn tánh của Bồ tát thông hành tướng duy khổ nan. minh, lanh lợi hơn tất cả Thinh văn, Ba, Xứ kinh chư khổ nan Duyên giác. Đó gọi là căn thắng. Tu Bồ tát hạnh, tâm chỉ nghĩ vì Hai, Đạo thắng. lợi ích chúng sanh, các nơi khổ đau Bồ tát dùng tâm từ bi tu hành đều từng trải, thị hiện giáng sanh lục độ, tự độ đã xong lại hay độ nơi ấy, chịu khổ thay thế cho chúng thoát tất cả chúng sanh, hơn cả sanh. Đó là xứ kinh chư khổ nan. Thinh văn, Duyên giác chỉ biết tự Bốn, Thời kiếp vô lượng nan. độ, không thể độ tha. Đó gọi là đạo Kiếp là tiếng Phạn, gọi đủ là thắng. kiếp ba; tiếng Hoa là phân biệt thời Ba, Xảo tiện thắng. tiết. Tiếng Hoa, tiếng Phạn hợp gọi Bồ tát dùng phương tiện khéo là thời kiếp. léo, nên hiểu rõ tất cả pháp, hơn cả Tu Bồ tát hạnh thì chỉ cầu Phật Thinh văn, Duyên giác chỉ hiểu rõ quả vô thượng và tu hạnh lợi tha,

trải qua kiếp số không thể hạn địa thứ tám để được nhận chức Như lượng. Đó gọi là thời kiếp vô lượng lai, giống như vị Đẳng giác của nan. Biệt giáo và Viên giáo. Vì mượn quả thứ ba của Thinh văn để phân ĐẠI THỪA TỨ QUẢ biệt, nên gọi là quả A na hàm.

(Đại thừa trang Bốn, Phật địa là A la hán quả. Tiếng Phạn là A la hán, tiếng nghiêm kinh luận) Hoa là vô học, còn gọi là vô sanh. Đại thừa là Bồ tát ở trong thông Phật địa là quả vị Phật trong Thông giáo, đối với Thinh văn, Duyên giáo. giác của Tiểu thừa, thì gọi là Đại Bồ tát đã dứt hết kiến hoặc, tư thừa. hoặc, tập khí nên được thành Phật. Tứ quả là quả vị của Thinh văn. Vì mượn quả thứ bốn của Thinh Nay Bồ tát, trải qua Thập địa, tu văn để phân biệt, nên gọi là quả A chứng cũng có cấp độ sâu cạn, la hán. trước sau khác nhau; nên mượn bốn quả của Tiểu thừa để phân biệt. Vì TỨ CHỦNG THINH vậy gọi là Đại thừa tứ quả. VĂN Một, Sơ địa sanh Như lai gia là (Pháp hoa văn cú) Tu đà hoàn quả. Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, tiếng Một, Quyết định

Thinh văn. Hoa là Nhập lưu, hay Dự lưu. Bồ Các vị này tu tập pháp Tiểu tát mới vào càn huệ địa, dứt hoặc thừa từ lâu, nên nay nghe giáo pháp (mê lầm), chứng lý, tức là chứng Tiểu thừa thì chứng quả. Sau khi được điều Phật đã chứng; nên gọi chứng quả Tiểu thừa, lại không cầu là sơ quả Thinh văn để phân chia, pháp Đại thừa. Đó gọi là quyết định nên gọi là quả Tu đà hoàn. Thinh văn. Hai, Bát địa đắc thọ ký là Tư Hai, Thối Bồ đề Thinh văn. đà hàm quả. Các vị Thinh văn này vốn là Bồ Tiếng Phạn là Tư đà hàm, tiếng tát, phát tâm Bồ đề, nhiều kiếp tu Hoa là Nhất lai. Bồ tát ở trong Phật tập, bổng vì chán ghét sanh tử, thối địa thứ tám Bích Chi, chờ Phật thọ thất đại tâm nên chứng quả nhỏ. Đó ký làm Phật. Vì mượn quả thứ hai gọi là thối thất Bồ đề Thinh văn. Thinh văn để phân chia, nên gọi là Ba, Ứng hoá Thinh văn. Tư đà hàm quả. (Tiếng Phạn là Ứng là ứng hiện. Hoá là biến Bích chi, nói đủ là Bích chi ca la, hoá. tiếng Hoa là Duyên giác). Các vị Thinh văn này vốn là Phật Ba, Thập địa đắc thọ chức là A và Bồ tát. Hạnh chân thật dấu kín na hàm quả. bên trong, thân Thinh văn hiện ra Tiếng Phạn là A na hàm, tiếng ngoài để hướng dẫn hai hạng Thinh Hoa là Bất Lai. Bồ tát ở trong Phật văn ở trên trở về Đại thừa và giáo

hoá chúng sanh đi vào Phật đạo. Đó phẩm tư hoặc sau, nên không trở lại gọi là ứng hoá Thinh văn. cõi dục thọ sanh, nên gọi là Bất lai. Bốn, Tăng thượng mạn Thinh Bốn, A la hán quả văn. Tiếng Phạn là A la hán, tiếng Tự cho mình được pháp lớn mà Hoa là vô học, tức quả thứ tư. khinh mạn đối với người khác, loại Người chứng quả này dứt hết tư Thinh văn này chán ghét sanh tử hoặc cõi sắc và cõi vô sắc, bốn trí nhưng ưa thích Niết bàn; nhờ tu đã đầy đủ, đã ra khỏi ba cõi, đã giới, định, huệ đã chứng được chút chứng Niết bàn, không còn pháp gì đỉnh lại cho là chứng quả. Đây là phải học, nên gọi là vô học. chưa được mà gọi là được; chưa (Tứ trí là ngã sanh dĩ tận, phạm chứng mà gọi là chứng. Đó gọi là hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, bất thọ tăng thượng mạn Thinh văn. hậu hữu)

THINH VĂN TỨ QUẢ TỨ HƯỚNG (Kim cang kinh sớ) (Thành thật luận và Pháp
Một, Tu đà hoàn quả. hoa huyền nghĩa) Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, tiếng Một, Tu đà hoàn hướng. Hoa là nhập lưu hay dự lưu, tức là Bậc tu tập này sắp sửa chứng sơ quả. Người chứng quả này dứt quả Tu đà hoàn, vì chưa chánh hết kiến hoặc trong tam giới, đã thức, nên không gọi quả mà gọi được dự vào dòng thánh, nên gọi là hướng. Nghĩa là người này từ đây nhập lưu. hướng đến sơ quả. Hai, Tư đà hàm quả. Hai, Tư đà hàm hướng. Tiếng Phạn là Tư đà hàm, tiếng Người này sắp vào quả vị Tư đà Hoa là nhất lai, tức quả thứ hai. hàm. Vì chưa chánh thức, nên Người chứng quả này, đối với chín không gọi là quả mà gọi hướng. phẩm tư hoặc trong cõi dục, đã dứt Ba, A na hàm hướng. hết sáu phẩm trước, còn ba phẩm Người này sắp vào quả vị A na sau, nên phải trở lại cõi dục thọ hàm. sanh một lần nữa, nên gọi là nhất Bốn, A la hán hướng. lai. Người này sắp vào quả vị A la (Tư hoặc là năm căn đối với hán. năm trần tâm khởi lên ham muốn, mê mờ không hiểu rõ). A LA HÁN TỨ TRÍ Ba, A na hàm quả. (Niết
bàn kinh) Tiếng Phạn là A na hàm, tiếng Hoa là bất lai, tức quả thứ ba. Một, Ngã sanh dĩ tận. Người chứng quả này đã dứt hết ba A la hán dứt hết kiến hoặc, tư hoặc, nên không bị sanh tử trong

tam giới, nên gọi là ta không còn Bồ tát dùng định lực vô lậu và sanh tử trong tam giới. nguyện lực, thị hiện thân thể và (Kiến hoặc là khi ý thức đối với diệu dụng khó lường, nên gọi là pháp trần khởi lên các phân biệt gọi thân không thể nghĩ bàn. là kiến hoặc. Tư hoặc là khi năm Ba, Ý thành thân. thức còn lại đối với năm trần còn Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát lại sanh ham muốn, yêu mến gọi là dùng vô lậu định, trong mười tư hoặc). phương thế giới, tuỳ theo ý nguyện Hai, Phạm hạnh dĩ lập của mình mà hiện ra thân mạng, A la hán do tu giới, định, huệ nên gọi là ý thành thân. đã hoàn tất, chứng được quả này, Bốn, Biến hoá thân. nên gọi là tịnh hạnh đã lập. Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát Ba, Sở tác dĩ biện dùng định lực vô lậu, trong mười A la hán vốn mong xa lìa tam phương thế giới, biến hiện ra thân giới, tu tập các tịnh hạnh, sanh tử mình, nên gọi là biến hoá thân. đã hết, tịnh hạnh đã thành tựu, nên gọi là những gì phải làm đã làm TỨ GIA HẠNH cũng gọi là xong. Tứ thiện căn Bốn, Bất thọ hậu hữu. (Tích huyền ký) A la hán sanh tử, hoặc nghiệp đã hết, không sanh lại thân sau, nên Bốn điều này cũng gọi là tứ gọi là không bị sanh lại thân sau. thiện căn, thường gọi là gia hạnh, là người tu hành muốn cầu kiến đạo, TỨ CHỦNG BIẾN DỊCH đổi phàm thành thánh, bèn khởi lên

(Thành duy thức bốn tâm noãn, đảnh, nhẫn, thế đệ nhất, tu quán Tứ đế, dùng định nuôi luận) huệ, gia công dụng hạnh; nên gọi là Biến dịch là nhân đổi, quả dời tứ gia hạnh. (Kiến đạo tức là sơ quả gọi là biến dịch. Tu một phần nhân, Tu đà hoàn). cảm một phần quả. Một, Noãn gia hạnh Đây là từ trong một loại biến Noãn là từ dụ mà có tên. Ví như dịch sanh tử, về sau mở ra ba loại người dùng gỗ để dùi lấy lửa. Lửa nữa. tuy chưa xuất hiện, nhưng trước đã Một, Biến dịch sanh tử. có tướng nóng. Ví như trong vị gia Bồ tát dùng trí vô lậu dứt trừ hạnh này, dùng lửa trí huệ đốt củi thô hoặc của mình, nên cảm được phiền não. Tuy chưa được trí vô lậu quả dị thục vi tế thù thắng. Vì nhân mà đã được tướng lửa trí trước, nên dời, quả đổi mà thành sanh tử, nên gọi là noãn gia hạnh. gọi là biến dịch sanh tử. Hai, Đỉnh gia hạnh (Thô hoặc tức là trần sa hoặc) Đỉnh là quán hạnh truyền ánh Hai, Bất tư nghì thân. sáng, như lên đỉnh núi chăm chú

nhìn về phương tây ắt phải sáng tỏ, tận. Ngoại đạo, phàm phu lầm rằng nên gọi là đỉnh gia hạnh. (Chăm vô tướng cho là đạt đạo (chứng chú nhìn về hướng tây là quán Tứ đạo) và chứng được định diệt tận. đế). Hai định này có định thế gian Ba, Nhẫn gia hạnh và định xuất thế gian không giống Nhẫn có hai nghĩa: 1) ấn khả nhau; nên gọi là người được định nghĩa là ở trong ngôi vị này thì có này khác nhau. thể hiểu và thực hành lý của Tứ đế: (Thọ, tưởng. Thọ là lảnh thọ. Khổ đúng thật là khổ, cho đến đạo Tưởng là tưởng tượng, tức là hai đế đúng thật là con đường, 2) quyết thành phần trong năm ấm). định nghĩa là thiện căn này quyết Hai, Kỳ nguyện dị định không thối lui; nên gọi là nhẫn Người vào diệt tận định thì gia hạnh. ngưng tất cả niệm tưởng, dứt trừ Bốn, Thế đệ nhất gia hạnh. tâm tham ái, chỉ mong cầu kết quả Ở trong ngôi vị này, quán sát lý xuất thế. Tứ đế, tuy chưa có thể chứng được, Người vào vô tưởng định thì nhưng đối với thế gian là hơn hết, suy tính sai lầm rằng tâm không nên gọi là thế đệ nhất gia hạnh. toan tính suy lường là tâm giải thoát, chỉ mong cầu kết quả vui DIỆT TẬN ĐỊNH DỮ VÔ sướng ở thế gian, nên gọi là mong TƯỞNG ĐỊNH TỨ NGHĨA BẤT cầu khác nhau. ĐỒNG Ba, Cảm quả bất cảm quả dị. Vô tưởng định là nghiệp hữu lậu, có

thể cảm được quả báo ở cõi (Tông cảnh lục) trời vô tưởng. Diệt tận định là Diệt tận định là diệt thọ, tưởng nghiệp vô lậu, không cảm quả báo tâm, hơi thở ra vào ngừng bặt. ở tam giới, sanh tử, nên gọi là quả Chứng được định này thì có thể dứt báo tương ứng khác nhau. phiền não kiến, tư và chứng được Bốn, Diệt thức đa thiểu. thánh quả. Diệt tận định đã diệt thức thứ Vô tưởng định là khi ở trong sáu và diệt phần nhiễm của thức định, tâm tưởng không khởi lên, thứ bảy. Vô tưởng định chỉ diệt giống như cá trong hang, côn trùng kiến phần phân biệt của thức thứ ẩn vào trong đất, không thể dứt hết sáu, còn các tà kiến thì chưa thể dứt hoặc (phiền não), chứng được quả hết, nên gọi là diệt thức nhiều, ít thánh. Vì vậy hai định này có bốn khác nhau (nhiễm phần của thức loại mà ý nghĩa hơn, kém khác thứ bảy là ngã si, ngã kiến, ngã nhau. mạn, ngã ái. Thức thứ bảy còn gọi Một, Ước đắc nhân dị. là truyền tống thức, chấp ngã thức). Bậc A la hán do tâm thọ, tưởng hết rồi, mà chứng được định diệt

TỨ CHỦNG SA MÔN Cắt bỏ tóc râu, mặc áo cà sa thành người xuất gia đầy đủ oai (Du già sư địa luận) nghi, giữ gìn giới cấm của Phật. Đó Tiếng Phạn là Sa môn, tiếng là thế tục tăng. Hoa là Cần tức, nghĩa là siêng làm Ba, Á dương tăng. các việc lành, ngăn ngừa các việc Ngu si, đần độn, không thể biết ác. rõ phạm hay không phạm các tội Một, Thắng đạo Sa môn. căn bản (sát, đạo, dâm, vọng) cho Theo Phật xuất gia, diệt được đến những tội nhỏ nhặt, không thể các phiền não tham, sân, si chứng phát lồ sám hối. Đó là á dương được đạo mầu. Đó gọi là thắng đạo tăng. Sa môn. Bốn, Vô tàm quý tăng. Hai, Thuyết đạo Sa môn. Nếu có người theo Phật xuất Đã điều phục các phiền não gia, đã xuất gia rồi, giới cấm của tham, sân, si mà còn tuyên thuyết Phật đã được thọ trì đều sai phạm chánh pháp, khiến cho chúng sanh hết, không biết xấu hổ, không sợ đi vào Phật đạo. Đó gọi là thuyết quả khổ đời sau. Đó là vô tàm quý đạo Sa môn. tăng. Ba, Hoại đạo Sa môn. Phá phạm các giới cấm, làm các TỨ CHỦNG THIÊN điều ác, chẳng phải tịnh hạnh mà (Đại trí độ luận). cho là tịnh hạnh. Đó là hoại đạo Sa Một, Thế gian thiên. môn. Vua chúa ở đời, tuy ở trần gian, Bốn, Hoạt đạo Sa môn. mà hưởng thọ phước trời. Đó gọi là Có thể điều phục các phiền não thế gian thiên. tham, sân, si, siêng tu hạnh lành, Hai, Sanh thiên. được các pháp lành, có khả năng Các trời trong tam giới, nhờ sanh trưởng trí huệ trong một thời phước tu năm giới, thập thiện và kỳ thọ mạng. Đó là hoạt đạo Sa tập thiền định, được sanh lên cõi môn. trời. Đó gọi là sanh thiên. Ba, Tịnh thiên. TỨ CHỦNG TĂNG Hàng Nhị thừa nhờ tu không (Thập luân kinh) quán, dứt hết kiến hoặc và tư hoặc. Đó là tịnh thiên. Một, Thắng nghĩa tăng. Bốn, Nghĩa thiên. Chư Phật Thế Tôn, và chúng Bồ tát ở ngôi vị Thập trụ, hiểu Bồ tát, Thinh văn, Duyên giác có rõ nghĩa lý của các pháp. Đó là đức độ rất cao quý. Đối với tất cả nghĩa thiên. pháp thông hiểu vô ngại và được tự tại. Đó là thắng nghĩa tăng. Hai, Thế tục tăng.

TỨ THIỀN BIẾN HÓA Gọi Đế thích là cách gọi gồm cả tiếng Phạn và tiếng Hoa). (Đại trí độ luận) Một, Đề đầu lại sá thiên vương. Biến tức chuyển biến. Hoá tức Tiếng Phạn là Đề đầu lại sá, ảo hoá. cũng gọi là Đề đa la sá, tiếng Hoa Chư thiên ở Tứ thiền này, ở là Trì quốc. Nghĩa là có thể giữ gìn trong cảnh ngũ dục vượt trội và tất tổ quốc, cũng gọi là an dân, nghĩa cả đều lần lượt biến hoá vô cùng. là làm cho nhân dân được an vui, ở Một, Sơ thiền thiên nhị biến núi Hoàng Kim phía đông núi Tu hoá. di. 1) Có thể biến hoá ở trong sơ Hai, Tì lưu lặc xoa thiên thiền thiên, 2) Có thể biến hoá ở vương.

dục giới. Tiếng Phạn là Tì lưu lặc xoa, Hai, Đệ nhị thiền thiên tam còn nói là Tì lưu ly, tiếng Hoa là biến hoá. Tăng trưởng, nghĩa là hay làm cho 1) Có thể biến hoá ở trong nhị mình và người đều tăng trưởng căn thiền thiên, 2) Có thể biến hoá ở lành, ở núi Lưu ly phía nam núi Tu trong sơ thiền thiên, 3) Có thể biến di. (Tiếng Phạn là lưu ly, tiếng Hoa hoá ở dục giới. là Thanh sắc bảo). Ba, Đệ tam thiền thiên tứ biến Ba, Tì lưu bát xoa thiên vương. hoá. Tiếng Phạn là Tì lưu bát xoa, 1) Có thể biến hoá ở tam thiền tiếng Hoa là Quảng mục và mắt to thiên, 2) Có thể biến hoá ở nhị hơn mắt người thường, ở núi Bạch thiền thiên, 3) Có thể biến hoá ở sơ ngân, phía tây núi Tu di. thiền thiên, 4) có thể biến hoá ở dục Bốn, Tì Sa môn thiên vương. giới. Tiếng Phạn là Tì Sa môn, tiếng Bốn, Đệ tứ thiền thiên ngũ biến Hoa là Đa văn, vì nổi tiếng về hoá. phước đức nên khắp nơi đều nghe Tương tự như trên từ đệ tứ đến, ở núi Thuỷ tinh, phía bắc núi thiền thiên đến dục giới. Tu di.

TỨ THIÊN HOA PHẠM ĐẾ THÍCH TỨ UYỂN (Pháp hoa văn cú) (A tì đạt ma đại tỳ bà sa luận) Tứ thiên tức là tứ thiên vương đều là ngoại thần của Đế thích, còn Trên đỉnh núi Tu di là nơi chư gọi là người giúp đời vì hay giúp thiên ở, có toà thành tên Thiện hiện đỡ cho thế gian. là kinh đô của Đế thích. Thành có (Tiếng Phạn là Thích đề hoàn 1000 cửa, trưng bày trang nghiêm, nhân, tiếng Hoa là Năng thiên chủ. bên trong có điện Thù thắng, châu báu nhiều vô kể. Thành này có bốn

góc có bốn đài quan sát, do kim, Bốn luân vương này, theo kinh ngân và các thứ châu ngọc làm nên, Trường A hàm, chỉ nói kim luân thật đáng yêu thích. Ngoài thành có vương và có kim luân quí báu xuất bốn mặt. Mỗi mặt có một cái vườn hiện. Nếu căn cứ Câu xá luận, thì hình vuông. chính giữa mỗi vườn tứ vương mỗi vị có một bánh xe đều có ao Như ý đầy tràn nước bát (luân) xuất hiện. công đức. Đó là nơi chư thiên vui Một, Thiết luân vương. chơi. Đại trí độ luận cho rằng mạng (Nước bát công đức: trừng sống của con người trải qua một lần thanh, trong mát, ngon ngọt, nhẹ tăng một lần giảm là tiểu kiếp. nhàng mềm mại, thấm nhuần, an Nghĩa là khi thọ mạng của con hoà, uống vào trừ được đói khát người đến 84000 tuổi, trải qua 100 v.v..., uống vào thiện căn được năm giảm đi một tuổi. Giảm như nuôi lớn). thế cho đến mười tuổi thì ngưng. Một, Chúng xa uyển. Lại trải qua 100 năm, tăng lên một Đế thích và chư thiên, nếu tuổi. Tăng như thế cho đến 2000 muốn đi du ngoạn, tuỳ phước đức tuổi, thì có Thiết luân vương xuất của mỗi vị, vô số xe làm bằng châu hiện, cai quản châu Nam diêm phù báu, ở trong vườn tự nhiên xuất đề. Các nước có sự bất hoà khó dạy hiện. bảo, vương hiện ra trận mạc oai Hai, Thô ác uyển. nghiêm, làm cho chúng hàng phục. Đế thích và chư thiên, nếu Sau đó mới dạy bảo nhân dân các muốn đánh nhau, tuỳ theo yêu cầu nước ấy tu thập thiện đạo. Đó gọi là mà giáp, trượng, binh khí, ở trong Thiết luân vương. vườn tự nhiên xuất hiện. (Tiếng Phạn là Diêm phù đề, tiếng Ba, Tạp lâm uyển. Hoa là Thắng kim châu). Đế thích và chư thiên nếu muốn Hai, Đồng luân vương. dạo chơi trong vườn này, với các Lúc thọ mạng con người đến cảnh đẹp vô ngần, ở mọi nơi đều 4000 tuổi có Đồng luân vương xuất như nhau và tâm sanh vui sướng hiện, cai quản hai châu Phất vu đãi thanh thoát. ở phía đông và hai châu Nam diêm Bốn, Hỷ lâm uyển. phù đề, Cù la ni ở phía Tây. Các Đế thích và chư thiên nếu dạo nước này có điều bất hoà, khó dạy chơi vườn này, vô số dục trần đều bảo, Vương đến dàn trận, ra oai ban

tuyệt diệu, có khắp mọi nơi, vui vẻ bố đức độ, làm cho nó thuận thảo không cùng, không bao giờ chán. trở về, khi ấy mới dạy dỗ nhân dân trong nước tu thập thiện đạo. Đó TỨ LUÂN VƯƠNG gọi là Đồng luân vương. (Trường A hàm kinh) (Tiếng Phạn là Phất vu đãi, tiếng Hoa là Thắng thân). Ba, Ngân luân vương.

Tuổi thọ của người tăng lên ngựa rất nhiều. Người ở trần gian 6000 tuổi thì có Ngân luân vương không ai bì kịp. Đó là đức thứ nhất. xuất hiện, cai quản nước Phất vu Hai, Đoan chánh xu hảo. đãi ở phía đông, Nam diêm phù đề, Chuyển luân vương đoan chánh Cù da ni ở phía tây. Các nước có sự đẹp đẽ, không ai sánh bằng. Người bất hoà không chịu dạy dỗ. Vương ở trần gian, không ai bì kịp. Đó là đến nước đó, nhờ oai nghiêm lớn đức thứ hai. mạnh, các quan giúp đỡ, nhờ vậy Ba, Vô tật bệnh. dạy bảo được nhân dân tu tập thập Chuyển luân vương an ổn thiện. Đó là Ngân luân vương. không bệnh hoạn. Người ở trần (Tiếng Phạn là Cù di ni, tiếng Hoa gian, không ai bì kịp. Đó là đức thứ là ngưu hoá). ba. Bốn, Kim Luân vương. Bốn, Trường thọ. Tuổi thọ của người tăng lên Chuyển luân vương luôn an ổn 84000 tuổi có Kim luân vương xuất sống lâu. Người ở trần gian, không hiện thống lãnh Bắc Uất đơn việt ai bì kịp. Đó là đức thứ tư. tất cả là bốn châu, để 15 ngày tắm gội rồi mới lên điện, có bánh xe quí TỨ CHÚA vàng ròng bổng hiện trước mặt. (Pháp uyển châu lâm) Bánh xe có ngàn căm, ánh sáng màu vàng rạng rỡ. Vương muốn đi Tứ chúa là thế gian lúc không phương đông, bánh xe chuyển động có luân vương ứng hiện thì đất đến đó. Vương là tướng của bao Thiệm bộ châu có bốn ông chúa ở nhiêu binh lính đi theo, bánh xe đó. vàng đi trước, còn có bốn thần dẫn (Thiệm bộ, còn gọi là Diêm phù đường, bánh xe lăn đến nơi dừng là tiếng Phạn, tiếng Hoa là Thắng lại thì vương cũng dừng lại. Các kim). phương Nam, tây, bắc tuỳ theo chỗ Một, Đông nhân chúa. bánh xe đến, cũng giống như thế. Nước của ông chúa này phong Khuyên bảo nhân dân trong bốn tục tuỳ lúc thay đổi, nhân nghĩa thiên hạ tu tập thập thiện đạo. Đó là sáng ngời. Đất nước ấy đông người Kim luân vương. hoà hợp vui vẻ, nên gọi là nhân (Tiếng Phạn là Uất đơn việt, tiếng chúa. Hoa là Thắng xứ). Hai, Nam tượng chúa. Nước tượng chúa, người thì LUÂN VƯƠNG TỨ ĐỨC tính nóng nảy, tập luyện những (Lâu thán kinh) thuật kỳ lạ và có thể thanh lọc tâm hồn và cởi mở, ra khỏi sống chết. Một, Đại phú Đất này nắng nóng và ẩm thấp Chuyển luân vương có của báu, thích hợp với voi, nên gọi là tượng ruộng nhà, nô tỳ, châu ngọc, voi chúa.

Ba, Tây bảo chúa. đất đai nhất trong xã hội, tức là giai Nước Tây bảo chúa, người cấp vua chúa. không có lễ nghĩa, chỉ trọng tiền Ba, Tì xá. của, nước ấy gần biển, có nhiều hải Tiếng Phạn là Tì xá còn gọi là sản quí, nên gọi là bảo chúa. Phệ xá, tức là giai cấp thương mại. Bốn, Bắc mã chúa. Bốn, Thủ đà. Nước Bắc mã, người hung bạo, Tiếng Phạn là Thủ đà, cũng gọi đoan tâm giết hại. Nước ấy lạnh dữ là Thủ đà la, tức là giai cấp nông dội thích hợp với ngựa, nên gọi là dân. mã chúa. TỨ VƯƠNG SANH BÁT TÂY VỰC TỨ TÁNH TỬ (Phiên dịch danh (Thích ca phổ) nghĩa) Tứ Vương đều là con của Sư tử Ở Ấn độ có bốn hạng người, do giáp vương. Mỗi vị sanh hai đứa suy đoán sai lầm rằng ta là từ Phạm con, nên thường gọi chung là tám thiên sanh ra. con. Giai cấp Bà la môn cho rằng Một, Tịnh phạn vương sanh nhị mình sanh ra từ miệng của Phạm tử. thiên. Giai cấp Sát đế lợi cho rằng Người con thứ nhất, tiếng Phạn mình sanh ra từ

rốn của Phạm là Tất đạt đa, tiếng Hoa là Đốn cát, thiên. Giai cấp Tì xá cho rằng mình vì khi Thái tử sanh các điềm lành sanh ra từ hông của Phạm thiên. bỗng nhiên xuất hiện, tức là đức Giai cấp Thủ đà cho rằng mình Phật Thích ca mâu ni. sanh ra từ chân của Phạm thiên. Vì Người con thứ hai, tiếng Phạn vậy các giai cấp trên cống cao cho là Nan đà, tiếng Hoa là Thiện hoan mình là số một. hỉ, tên từ khi mới mộ đạo. Một, Bà la môn. Hai, Bạch phạn vương sanh nhị Tiếng Phạn là Bà la môn, tiếng tử. Hoa là Tịnh hạnh. Hoặc ở nhà, Người con thứ nhất, tiếng Phạn hoặc đi tu, đời đời giai cấp này nối là Điều đạt, tiếng Hoa là Thiên tiếp nhau, lấy việc học đạo làm sự nhiệt, vì khi sanh ông thì tâm của nghiệp, tự xưng là con cháu của trời, người đều sợ sệt bồn chồn. Phạm Thiên. Giữ đạo, ăn ở trong Người con thứ hai, tiếng Phạn sạch, sống cuộc đời thanh cao tiết là A nan, tiếng Hoa là Hoan hỉ, còn tháo, nên gọi là tịnh hạnh. gọi là Khánh hỷ, vì khi sanh ông cả Hai, Sát đế lợi. nước đều vui mừng, theo Phật xuất Tiếng Phạn là Sát đế lợi, tiếng gia, giữ gìn ba tạng giáo điển. Hoa là điền chủ, là người có nhiều Ba, Hộc phạn vương sanh nhị tử.

Người con thứ nhất, tiếng Phạn Tiếng Phạn là Ưu bà di, tiếng là Ma ha nam, theo Phật xuất gia, Hoa là thanh tịnh nữ. Nghĩa là tuy tức là người được độ đầu tiên ở ở tại gia, mà hay giữ gìn năm giới, vườn nai. giữ mình trong sạch, nên gọi là Ưu Người con thứ hai, tiếng Phạn bà di. là A na luật, tiếng Hoa là Vô diệt, còn gọi là Vô bần, theo Phật xuất NHÂN TỨ SANH hay Tứ chủng gia, chứng được thiên nhãn đệ nhất. sanh Bốn, Cam lộ phạn vương sanh (Pháp uyển châu lâm) nhị tử. Người con thứ nhất, tiếng Phạn Người có bốn cách sanh. Người là Bà sa. Người con thứ hai, tiếng thế gian cũng có bốn cách sanh, Phạn là Bạt đề, tiếng Hoa là Tiểu noãn, thai, thấp, hoá. hiền, theo Phật xuất gia, là người Một, Noãn sanh: Sanh bằng được độ trước hết ở vườn Nai. trứng. Sanh bằng trứng là nương vỏ TỨ BỐI trứng mà sanh ra. Luận Bà sa nói: (Phiên dịch kinh nghĩa) Ngày xưa có một thương nhân, vào trong biển bắt được một con hạt Một, Tỳ kheo. mái, sau đó sanh ra hai trứng. Tiếng Phạn là Tỳ kheo, tiếng Trứng từ từ hấp thụ hơi nóng sanh Hoa là Khất sĩ. Người xuất gia, trên ra hai đồng tử, đẹp đẽ thông minh, xin giáo pháp để nuôi huệ mạng, lớn lên xuất gia, tu chứng quả A la dưới xin thức ăn để nuôi sắc thân, hán. Đứa lớn tên là Thế la, đứa nhỏ nên gọi là khất Sĩ. tên là Ổ ba la thế. Hai, Tỳ kheo ni. Hai, Thai sanh: Sanh bằng thai Tiếng Phạn là Ni, tiếng Hoa là Sanh bằng thai là ở trong bọc nữ. Phật ban đầu không cho người mà sanh ra. Người thế gian, bao nữ xuất gia. Vì di mẫu Ma ha ba xà bọc trong thai của mẹ, đủ mười ba đề xin xuất gia, Phật mới cho tháng thì sanh ra. phép; nên gọi là Tỳ kheo ni. Tiếng Ba, Thấp sanh. Phạn là Ma ha ba xà ba đề, tiếng Nhờ nơi ẩm thấp mà sanh ra. Hoa là Đại ái đạo. Kinh Hiền ngu nói: Ở đời quá khứ Ba, Ưu Bà Tắc. có ông vua của một nước lớn tên là Tiếng Phạn là Ưu bà tắc, tiếng Thiện trụ. Trên đầu của ông mọc Hoa là thanh tịnh sĩ. Tuy là ở tại một bướu từ từ lớn dần rồi sanh gia mà hay giữ năm giới thanh tịnh, một đồng tử, mặt mũi đoan chánh, lại còn gọi là cận sự nam. Nghĩa là đẹp đẽ. Lại Kinh luật dị tướng nói: hay giữ năm giới và gần gũi giúp Ngày xưa ở nước Duy da ly, ở nhà đỡ Phật pháp, nên gọi là Ưu bà tắc. một phạm chí có trồng cây tần, trên Bốn, Ưu bà di. thân cây mọc lên một cái đốt (mắt),

từ đốt ấy mọc ra một cái nhánh Người tu đầy đủ các pháp Niết cách mặt đất bảy trượng. Từ nhánh bàn, thì có thể dứt hẳn dòng sông này mọc ra các cành tạo thành hình sống chết, đến bờ Niết bàn, nên gọi cái lọng lật ngửa, làm thành một cái là đắc độ. gác có thể lên đó quan sát, thì thấy trong lọng có một cái ao và một cô TỨ PHÁP BẤT ĐẮC BỒ gái ở trong ao nước ấy. ĐỀ (Tiếng Phạn là Duy da ly, tiếng (Địa trì kinh) Hoa là Quảng nghiêm). Bốn, Hoá sanh. Một, Vô thiện hữu. Hoá sanh là không mà bỗng có. Người tu hành, tuy có tâm tinh Kinh Niết bàn nói: Phật cùng bốn tấn nhưng không có thiện hữu tri chúng đi du hành, có Tỳ kheo ni thức hướng dẫn nói pháp dẫn tên là A la bà, bỗng từ trong đất đường, cuối cùng không thể chứng hoá sanh ra. Lại nữa, con người ở được Phật quả Bồ đề. kiếp sơ đều hoá sanh. Hai, Mậu thọ học. Người tu hành, tuy gặp được và TỨ CHỦNG NHÂN nghe thiện hữu tri thức thuyết pháp, (Thành thật luận) nhưng bẫm tánh ngu si, chậm chạp nên hiểu biết giáo pháp sai lầm, Một, Thường một. cũng không thể được Phật quả Bồ Người không thể tu tập các đề. pháp Niết bàn thì không thể ra khỏi Ba, Bất tinh tấn. sông sanh tử, nên gọi là thường Người tu hành, tuy được học một. hỏi đúng đắn, hiểu biết giáo pháp Hai, Tạm xuất hoàn một. không sai, chỉ vì chính mình giải Người thế gian, đối với năm đãi, không nỗ lực siêng năng, cũng căn lành, không giữ được lâu bền, chẳng chứng được Phật quả Bồ đề. lại còn thối lui, trôi nổi sống chết; Bốn, Bất điều phục. nên gọi là tạm xuất hoàn một. Người tu hành, tuy nghe chánh (năm căn lành là tín, tấn, niệm, pháp siêng năng tu hành; nhưng định, huệ) căn lành chưa chín, từ kiếp trước Ba, Xuất quán. đến nay không thể điều phục được Người chìm đắm trong sông tâm mình, thì cũng không thể sanh tử mà có thể tuỳ thuận các chứng được Phật quả Bồ đề. pháp Niết bàn, muốn ra khỏi sanh tử, giống như người đã chìm trong TỨ NHÂN QUẢ BÁO nước mà muốn được cứu giúp, nên

(Pháp uyển châu trước tiên xem xét phương hướng, vì vậy gọi là xuất quán. lâm) Bốn, Đắc độ. Một, Tiên khổ hậu lạc.

Có người trước sanh trong gia TỨ NGHIỆP BÁO đình hèn kém, ăn mặc không đủ, (Pháp uyển châu lâm) chịu nhiều khổ cực, nhưng tâm không có tà kiến. Tự nghĩ kiếp Một, Hiện báo. trước không tu hạnh bố thí, không Đời này làm nghiệp cực thiện tu phước đức, luôn gặp nghèo hèn, hay cực ác thì đời này hưởng quả thì liền sám hối sửa đổi những việc lành hay chịu quả ác. đã làm, tu các việc lành. Đời sau Hai, Sanh báo. sanh làm người có nhiều của báu, Đời này gây nghiệp lành hay không bị thiếu thốn. Đó là trước nghiệp dữ, đời sau hưởng quả lành khổ sau vui. hay quả dữ. Hai, Tiên lạc hậu khổ. Ba, Hậu báo. Có người trước sanh trong nhà Thân này tạo nghiệp, đời sau giàu sang, ăn mặc đầy đủ, hưởng chưa nhận, nhiều đời sau mới nhận nhiều khoái lạc, nhưng tâm chứa quả báo. chấp tà kiến, không chịu bố thí, tu Bốn, Vô báo. phước, tạo nhiều ác nghiệp, kiếp Do nghiệp vô ký mà nhận quả sau sanh vào địa ngục, chịu nhiều không thiện không ác. (Vô ký đau khổ. Nếu sanh làm người thì nghiệp là nghiệp không lành không nghèo khổ, xấu xí, không có cơm dữ, không nơi ghi nhớ, nên gọi là ăn, áo mặt. Đó gọi là trước vui sau vô ký). khổ. Ba, Tiên khổ hậu khổ. TỨ BÁO ĐỊNH BẤT Có người trước sanh trong gia ĐỊNH đình nghèo hèn, ăn mặc không đủ, (Pháp uyển châu chịu nhiều bực bội, bức bách, lại ôm lòng tà vậy, tu tập các pháp ác, lâm) sau đoạ vào địa ngục, chịu bao Một, thời định báo bất định. nhiêu đau khổ. Nếu sanh làm người

Thời là thế gian. Báo là quả lại càng nghèo hèn, ăn mặc không báo. đủ. Đó là trước khổ sau khổ. Ba thời chắc chắn không thay Bốn, Tiên lạc hậu lạc. đổi, do nghiệp mà có sự chuyển Có người trước sanh trong gia dời, nên chịu quả báo không cố đình giàu sang. Có nhiều của quí, định. Đó là thời định báo bất định. hưởng nhiều vui sướng, lại hay (ba thời là hiện báo, sanh báo và kính trọng Tam bảo, bố thí, tu hậu báo). phước. Kiếp sau sanh vào cõi Hai, Báo định thời bất định. người, cõi trời, luôn hưởng giàu Vì nghiệp lực không thay đổi, sang, của quí càng nhiều, vừa ý tự nên quả báo không thể thay đổi, tại. Đó là trước vui sau vui. nhưng thời gian có thể chuyển dời, nên thời gian không cố định. Đó

gọi là quả báo cố định, thời gian thành đến lúc hoại diệt. Đó gọi là không định. tử hữu. Ba, Thời báo câu định. Bốn, Trung hữu. Do nghiệp báo cố định, nên thời Tức là trung ấm, sau khi đã chết, gian cũng cố định, nên gọi là thời trước khi sanh, trong giai đoạn này báo câu định. thức chưa thác thai, đó là trung Bốn, Thời báo câu bất định. hữu. Do nghiệp bất định, nên thời gian báo ứng cũng không cố định. TỨ THAI TƯỚNG Bởi vì nghiệp của chúng sanh có (A tì đạt ma câu xá nặng có nhẹ, nên thời gian chịu quả báo có gần có xa. Theo nhân duyên luận) trước hay sau không nhất định, nên Một, Chánh tri nhập bất chánh gọi là thời báo câu bất định. tri trụ xuất. Chuyển luân vương đời trước TỨ HỮU từng tu tập nhiều phước đức, (Tông cảnh lục) nghiệp của ông rất tốt đẹp, chỉ biết khi vào thai, không thể biết thời Nhân quả không mất gọi là gian ở trong thai. hữu. Vì chúng sanh gây nghiệp Hai, Chánh tri nhập trụ bất cảm quả, quả ắt do nhân. Nhân, quả chánh tri xuất. hỗ tương thì có sống, chết. Đã có Bậc Độc giác tu lâu học nhiều, sống, chết ắt có thân thể, và trải qua trí của các Ngài siêu việt, chỉ biết thân trung ấm luân chuyển không lúc vào và thời gian ở trong thai, ngừng, nên tạo thành bốn hữu. không biết rõ lúc nào ra khỏi thai. (Trung ấm là người vừa mới chết, Ba, Câu chánh tri nhập trụ xuất. chưa thác sanh nơi nào, nên gọi là Bồ tát nhiều kiếp tu hành, vì trung ấm). phước đức, trí huệ đều tối thắng, Một, Sanh hữu. nên biết rõ thời gian vào, thời gian Từ thân trung ấm, đến gá vào ở trong, thời gian ra khỏi thai. thai mẹ, một niệm thức tâm tương Bốn, Câu bất chánh tri. tục, năm uẩn nhờ đó mà sanh khởi. Chúng sanh hữu tình trong sáu Đó là hữu sanh. đường. Nếu chúng sanh phước đức Hai, Bổn hữu. mỏng manh, lúc vào thai mẹ hoặc Thời gian sau khi, trước khi thấy gió lớn, mưa to, hoặc nghe chết, trong giai đoạn này có sắc nhiều loại âm thinh bức bách, ghê thân năm uẩn. Đó vốn là nghiệp rợn, liền thấy thân mình đi vào bụi báo, nên gọi là bổn hữu. rậm, rừng sâu và ở trong đó rồi từ Ba, Tử hữu. đó đi ra. Sau bổn hữu, trước trung hữu, sắc Nếu chúng sanh có phước đức thân do nghiệp quả năm uẩn tạo nhiều, lúc vào thai mẹ, tự thấy

mình hoặc ở nơi vườn cảnh thanh tiếng, mũi đối với hương, lưỡi đối lịch tuyệt đẹp, hoặc ở nơi cung điện với vị, thân đối với xúc hay sanh nguy nga, và ở trong đó rồi từ đó đi phân biệt. Đó là sự phân biệt của ra mà thời gian vào, thời gian ở, thức và các pháp tương ưng đều thời gian ra khỏi thai đều không được thêm lên vượt trội. Đó là sanh biết. thức. Bốn, Bất cộng sự. NGŨ CĂN HỮU TỨ SỰ TĂNG Mắt chỉ thấy sắc, tai chỉ nghe THƯỢNG tiếng, mũi chỉ ngưởi mùi, lưỡi chỉ (Ngũ sự tỳ bà nếm vị, thân chỉ biết xúc chạm. Các căn như thế đều có phần dùng sa luận) riêng, không hề lộn xộn, đối

với Ngũ căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, các pháp tương ưng với các căn. thân. Tăng thượng như tăng thắng Đó là bất cộng sự. (vượt trội). Một, Trang nghiêm thân. TỨ TĂNG THẠNH Trang nghiêm là đoan chánh (A tì đạt ma tỳ bà sa đẹp đẽ. Mắt, tai, mũi, lưỡi đẹp đẽ ở luận) thân hình rồi sau mới đầy đủ xinh Một, Thọ lượng tăng thạnh. đẹp. Với các căn này, nếu thiếu một Lúc kiếp mạt, người ở Châu thì trở thành khiếm khuyết. Nếu Thiệm bộ này, tuổi thọ giảm đến không thiếu căn nào thì đó là hoàn mười tuổi, rồi lại tăng dần dần lên hảo, tuyệt vời. Đó là trang nghiêm lên đến 80000 tuổi. Đó gọi là thọ thân. lượng tăng thạnh. Hai, Đạo dưỡng thân. (Thiệm bộ là tiếng Phạn, còn Đạo dưỡng: Đạo là hướng dẫn, gọi là Diêm phù đề, tiếng Hoa là dưỡng là nuôi nấng. Nghĩa là mắt Thắng kim). có thể thấy điều an hay nguy; tai có Hai, Hữu tình tăng thạnh. thể nghe tiếng tốt, xấu; mũi có thể Hữu tình tức chúng sanh. Khi ngưởi mùi thơm hay thúi; lưỡi có kiếp mạt, châu Thiệm bộ này chỉ thể nếm vị ngọt hay đắng. Những hơn 10000 người, sau tăng dần dần hiểu biết như vậy đối với sắc, tiếng, đến vô số, vào thời kiếp tăng, đất mùi vị hoặc tốt, hoặc xấu đều có này rộng rãi trang nghiêm sạch sẽ, thể phân biệt và hướng dẫn cho nhân dân phước đức, hiền lành. Vì thân theo tốt tránh xấu, làm cho dân chúng gia tăng nhiều, nên gọi thân thêm tốt đẹp. Đó là đạo dưỡng là hữu tình tăng thạnh. thân. Ba, Tư cụ tăng thạnh. Ba, Sanh thức. Tư cụ là dụng cụ để làm ăn sinh Thức có nghĩa là phân biệt. sống. Nghĩa là mắt đối với sắc, tai đối với

Vào thời kiếp mạt, nhân dân ở vị ấy thiện xảo phương tiện nói châu Thiệm bộ đói khát vì mất pháp, rồi phát tâm Bồ đề. Đó gọi là mùa, lấy lúa ma (lúa trời) làm thức phương tiện lực. ăn mà cho là ngon nhất. Đến khi kiếp tăng, an ổn, trúng mùa, vui vẻ. TỨ ÂN Hương vị của đất tự nhiên sanh ra, (Bổn sanh tâm địa quán cho đến lúa gạo các loại từ từ đầy đủ. Đó gọi là tư cụ tăng thạnh. kinh) Bốn, Thiện phẩm tăng thạnh. Một, Phụ mẫu ân. Thiện phẩm là đạo phẩm do các Kinh nói: Cha là từ ân, mẹ là bi người lành tu được. Vào lúc kiếp ân của ta, bởi vì ân cha mẹ nuôi mạt, chúng sanh ở thế gian tạo dưỡng ta lớn lên, to lớn không gì mười nghiệp ác, không tu mười sánh bằng. Nếu có con trai hay con nghiệp lành, đến khi kiếp tăng, gái quên ân cha mẹ và không thuận nhân dân tu mười nghiệp lành và thảo, chết liền đoạ vào địa ngục, các đạo phẩm. Đó gọi là thiện ngạ quỉ, súc sanh. Nếu có con trai phẩm tăng thạnh. hay con gái nuôi dưỡng, hiếu thuận cha mẹ, thường được chư thiên hộ TỨ LỰC niệm, phước đức, an vui không (Địa trì kinh) cùng, huống hồ mỗi ngày ba bữa cắt thịt thân mình để nuôi cha mẹ, Một, Tự lực. còn chưa thể báo đáp được ân cha Người ở đời, đời trước có trồng mẹ một ngày. căn lành, không nhờ người khác Hai, Chúng sanh ân. dạy dỗ, mà tự mình siêng năng, Kinh nói: Từ vô thỉ đến nay, tất dũng mãnh phát tâm Bồ đề. Đó là cả chúng sanh luân chuyển trong tự lực. năm đường, hầu hết đều có liên hệ Hai, Tha lực. mẹ cha với nhau. Vì có liên hệ mẹ Người ở đời, hoặc nhờ người cha, nên tất cả con trai tức là từ khác dạy bảo, hoặc nhờ việc của phụ, tất cả con gái tức là bi mẫu. Vì người khác làm cảm động, rồi phát nhân duyên này mà các loài chúng tâm Bồ đề, đó là nhờ sức của người sanh cũng đều có ân to lớn với khác, nên gọi là tha lực. nhau, giống như cha mẹ của ta hiện Ba, Nhân lực. tại, chẳng có gì khác nhau. Người ở đời, đời trước tu tập Ba, Quốc vương ân. pháp Đại thừa, đời này nhân gặp Kinh nói: Quốc vương phước Phật đạo vô thượng, rồi phát tâm đức hơn hết, tuy sanh ở nhân gian, Bồ đề. Đó gọi là nhân lực. mà vẫn được

tự tại. Tất cả sơn hà, Bốn, Phương tiện lực. đại địa trong một nước đều của Người ở đời, trong đời hiện tại quốc vương. Một người có phước gần gũi thiện hữu tri thức, nghe các đức hơn cả mọi người có phước

đức, lại lấy chánh pháp cai trị quốc qua bờ bên kia, nên ân ấy khó đền dân, làm cho chúng sanh đều được trả. an vui. Nếu một người dân trong một nước tu tập việc lành, trong TỨ ÂN bảy phần phước đức người ấy làm (Thích thị yếu lãm) thì vua hưởng hai phần, vì nhờ vua mà mới tu tập được việc lành ấy. Một, Quốc vương ân. Nếu vua dùng pháp lành dạy dân Người xuất gia, quốc vương thì các trời, thiện thần thường đến cho phép, mới được xuất gia. Lại gia hộ. Nếu có kẻ ác sanh lòng nhờ sự cai trị của quốc vương mới phản nghịch, chỉ trong phút chốc, tránh được nổi lo buồn về mạnh phước tự tiêu tan, khi chết phải đoạ hiếp yếu, giàu hiếp nghèo, mà sống xuống địa ngục, chịu bao khổ sở. an ổn trong núi rừng để tu tập đạo Tại sao như thế? Vì chúng sanh nghiệp và còn cơm ăn áo mặc đều không biết ân của vua, mới khởi lên là của quốc vương. Đó là ân của phản nghịch và phải chịu quả báo quốc vương. như vậy. Nếu có người dân hay làm Hai, Phụ mẫu ân. các điều lành, kính phục vua hiền, Nhờ từ thân thể của cha mẹ mà tôn trọng như Phật thì người ấy đời mình thành người. Ân sanh thành, này được an ổn, vui tươi. Tại sao nuôi dưỡng dạy dỗ của cha mẹ như như thế? Tất cả quốc vương ở đời trời cao lồng lộng. Cha mẹ lại cho quá khứ, từng thọ cấm giới của phép ta xuất gia, tiến tu đạo nghiệp. Phật, thường vì người, đem đến an Đó là ân cha mẹ. ổn, vui mừng. Vì nhân duyên này, Ba, Sư hữu ân. quả báo có trái ngược nhau như ảnh Người xuất gia, nhờ thầy cạo theo hình, vang theo tiếng. tóc dạy dỗ, trao truyền đạo nghiệp Bốn, Tam bảo ân. và gặp được bạn lành, giảng giải Tam bảo tức là Phật, Pháp, đạo nhiệm mầu, mở mang trí huệ. Tăng đáng tôn trọng, đáng quí kính, Đó là ân của thầy, bạn. gọi đó là bảo (quí báu). Bốn, Đàn việt ân. Kinh nói: Tam bảo đem đến lợi Tiếng Phạn là Đàn việt, tiếng lạc cho chúng sanh, chưa từng Hoa là thí (cho). Người xuất gia tất ngừng nghỉ, công đức cao vời cả thực phẩm nuôi thân đến y phục không gì sánh được, phước đức sâu và các vật khác đều do thí chủ cung rộng giống như biển cả, trí huệ vô cấp, thân tâm mới được an ổn, tu ngại dường như hư không. Tất cả hành. Đó là ân của đàn việt. chúng sanh do phiền não nghiệp chướng, ngụp lặn trong biển khổ, TỨ NAN sống chết không cùng. Tam bảo (Pháp hoa kinh văn cú) xuất thế là thuyền trưởng vĩ đại, có thể dứt hẳn dòng ái nhiễm, vượt Một, Trị Phật nan.

Chúng sanh vì phiền não Pháp Nhất thừa viên đốn, chỉ nghiệp chướng, luân hồi trong sáu nói lý trung đạo thật tướng, đó là nẻo, bốn đường không thể gặp Phật quả Phật đã chứng được; bậc Tam nghe pháp. Giả sử được làm thân thừa không thể biết đến. Nhưng người, nếu sanh vào châu Đông, Phật ra đời chỉ muốn mọi người tín Tây, Bắc thì Phật không xuất hiện thọ pháp này, đến hơn 40 năm lần ở đó, nên cũng không gặp Phật. lượt giải bày, uốn nắn, cuối cùng Sanh được vào châu Nam mà hoặc đến hội Pháp hoa: ở nơi biên địa, hoặc chấp chặc tà Ban đầu, Phật vì hàng thượng kiến; tuy có Phật xuất thế, những căn nói Tam thừa qui về Nhất thừa, người như thế cũng chẳng gặp chỉ có Ngài Xá lợi phất mới ngộ Phật. Huống nữa, Phật không được. thường xuất hiện gặp được càng Kế đến, Phật vì hàng trung căn khó. Kinh nói: Chư Phật ra đời nói ba xe qui về một xe, chỉ bốn đại nhưng gặp được rất là khó khăn. đệ tử là Tu Bồ đề, Ca chiên

diên, Đây nêu lên người khó gặp Phật. Ca diếp, Mục kiền liên mới ngộ Hai, Thuyết pháp nan. được. Phật ra đời cốt muốn nói pháp Sau cùng, Phật vì hàng hạ căn, Đại thừa, bởi vì căn cơ không nói pháp túc thế nhân duyên thì giống nhau, bất đắc dĩ mới tạm nói 1200 Thinh văn mới ngộ được. pháp ba thừa, tuỳ nghi khéo léo dẫn Kinh nói: Có đủ khả năng nghe chúng sanh đi vào bảo sở. Nguyên pháp này, người ấy lại càng khó. nhân hơn 40 năm, nói hơn 300 Đây là nêu lên khó về tín thọ. pháp hội, cuối cùng tới hội Pháp (Túc thế nhân duyên là người Hoa, mới hiển bày được chân thật Trưởng giả buộc hạt châu vào vạt (Phật quả). Kinh nói: Xuất hiện ra áo người bạn nghèo. A nan dẫn đời, nói pháp này lại khó hơn. Đây chứng Phật Không vương mà được nêu lên nói pháp lớn khó. thọ ký). Ba, Văn pháp nan. Pháp Nhất thừa viên đốn, TỨ SỰ BẤT KHẢ CỬU nhiệm mầu sâu xa, khó hiểu khó BẢO. thâm nhập, không phải bậc thượng (Xuất diệu trí lanh lẹ, nghe đến ắt kinh tâm vỡ mật, sanh nghi ngờ, chê bai. Như ở kinh). hội Pháp Hoa, 5000 người hơn, tuy Kinh nói: một người mẹ cô phạm âm vang vọng mà còn có kẻ đơn, vừa chôn đứa con của bà, đứng dậy, ra đi. Kinh nói: vô lượng buồn rầu khôn xiết, đến thưa với vô số kiếp, nghe được pháp ấy rất Phật. Phật liền lấy bốn việc này nói khó. Đây là nêu lên nghe pháp khó. với bà. Bốn, Tín thọ nan. Một, Thường tất vô thường.

Mọi vật trong thế gian đều vô không tránh khỏi cái khổ đau này. thường. Ví như bền lâu muôn kiếp, Vì bốn cái khổ này, Phật thường ra vững chắc như sắt đá, cao như núi đời làm cho tất cả chúng sanh đều Tu di, sâu rộng như biển cả, cuối được thoát ly. cùng cũng tiêu tan vì vô thường. Vì Một, Thường thiếu bất khả đắc. thế không có gì lâu bền được. Lúc tuổi trẻ, tóc đen răng trắng, Hai, Phú quí tất bần tiện. hình dung tươi mát, mọi người Mọi việc trong đời, có thạnh ắt khen ngợi, ai ai cũng mến yêu. một phải có suy, đầy ắt phải vơi. Đó là ngày kia, già cả, tóc trắng răng lý hiển hiên. Bởi vì giàu sang tuy rụng, hơi thở gấp gáp rên rỉ. Muốn do mạng trời, mà theo lý thì không trẻ luôn không già, không cách nào thể thường còn được. Vì vậy bây có thể. giờ giàu sang, làm sao biết được Hai, Vô bệnh bất khả đắc. ngày mai không nghèo hèn; cho Thân thể mạnh khoẻ, đi lại nhẹ nên giàu và sang cũng không thể nhàng. một ngày kia bệnh tật, nằm nào giữ gìn lâu bền được. vùi trên giường, không thể cục cựa. Ba, Hội họp tất biệt ly. Muốn cho luôn luôn an lành không Người sống ở đời, chia lìa ắt có bệnh hoạn, làm sao mà được. gặp gỡ và gặp gỡ ắt phải chia lìa. Ba, Trường thọ bất khả đắc. Đây là lý tự nhiên, chẳng phải ý Mong muốn sống lâu, tuỳ thích người có thể sửa đổi được. Vì vậy theo năm dục, tâm lý buông lung, bây giờ gặp gỡ làm sao biết được mong kéo dài vô tận. Vô thường mai sau không xa lìa; cho nên gặp bổng đến, lăng đùng ra chết, mong gỡ không thể giữ gìn lâu bền được. mỏi sống lâu, làm sao cho được. Bốn, Cường kiện tất tử. Bốn, Bất tử bất khả đắc. Người ở đời có sống ắt có chết. Cha mẹ, anh em, thê thiếp, dâu Đó là lý bình thường. Vì thế cho con sum vầy vui vẻ, nghĩ rằng luôn nên, tuy ở tuổi khoẻ mạnh, cuối luôn giữ được. Vô thường bổng cùng cũng suy yếu. Dù là ở trong đến, thần thức ra đi, mong muốn hư không, dù ở trong biển sâu, dù ở không chết, làm sao cho được. trong núi đá cũng không đâu trốn được bệnh, chết. Đó là khoẻ mạnh TỨ SƠN cũng không thể giữ gìn lâu bền (Biệt dịch tạp A hàm được. kinh) TỨ SỰ BẤT KHẢ ĐẮC Phật ở trong vườn ông Cấp cô (Chư kinh yếu tập) độc, nói với vua ba tư nặc

rằng: Có một dãy núi lớn bằng đá, đỉnh giáp Phật bảo các Tỳ kheo, ở đời có trời, chân gáp lòng đất, chạy dài từ bốn việc không thể tránh được. Từ phương Đông qua các nơi, cây cỏ xưa đến nay, trời đất thành lập, um tùm có nhiều loài sinh vật, tất

cả đều bị phá hết diệt sạch. Các núi như dãy núi kia đến lúc mọi vật đều ở phương nam, tây, bắc cũng đều hư hao tiêu hoại, không cách nào như thế. trốn chạy. Vì vậy kinh nói: suy hao Dùng bốn núi này để ví dụ bốn sơn, hay làm tan nát tất cả vinh tướng sanh, lão, bệnh, tử của chúng hoa, phú quí. sanh. (Tiếng Phạn là ba tư nặc, tiếng Hoa là Thắng quân) TỨ CHỦNG TỬ Một, Lão sơn. (A tì đàm tỳ bà sa luận) Người già cả, hình hài khô đét, tiều tuỵ, tinh thần tăm tối, tóc trắng Một, Thọ tận tài bất tận tử. da nhăn, chẳng còn bao lâu, tướng Như có người do nghiệp đời tá tươi đẹp ngày xưa của tuổi trẻ sẽ trước, nên quả báo tuổi thọ đã suy tàn biến hoại, giống như núi ngắn, ở kiếp hiện tại, lại không làm lớn kia đến lúc mọi vật suy đồi, hao điều thiện, tạo việc phước, chỉ biết tổn, không cách nào cứu vãn được. lo lắng làm ăn kiếm tiền, cầu mong Vì vậy kinh nói: Núi già có thể phá nhiều tiền của. Tuổi thọ của họ đã hoại tất cả khoẻ mạnh, tươi đẹp của hết mà chất chứa tiền của còn tuổi hoa niên. nhiều. Đó gọi là tuổi thọ thì đã hết Hai, Bệnh sơn. mà tiền của đến chết chưa hết. bốn đại của con người không Hai, Tài tận thọ bất tận tử. điều hoà, hoặc nóng hoặc lạnh sanh Như có người không thể kinh ra nhiều bệnh, khiến cho sức khoẻ doanh sản xuất. Tuổi trẻ có tiền giảm sút, tinh thần suy sụp. Giống của, thọ mạng tuy chưa hết mà tiền như núi lớn kia đến lúc, tất cả sinh của do ngồi không ăn xài mà hết, vật hư tổn, không thể nào tránh hoặc vì đói khát, hoặc vì rét buốt khỏi. Vì vậy kinh nói bệnh sơn có mà phải chết. Đó gọi là tiền của thể pháp hoại tất cả những gì vững hết, tuổi thọ chưa hết mà chết. chãi nhất. Ba, Thọ tận tài tận tử. Ba, Tử sơn. Như có người tạo ra nghiệp Khi thân người sắp chết, bốn chết yểu, lại không kinh danh kiếm đại và các căn đều trở về huỷ diệt. tiền. một ngày kia tuổi thọ đã hết Giống như núi lớn kia, đến lúc và tiền của cũng hết. Đó là tuổi thọ muôn vật suy hoại trong chốc lát, hết mà tiền của cũng hết khi chết. nào ai ngăn được. Vì vậy kinh nói Bốn, Thọ bất tận tài bất tận tử. là tử sơn, có thể tiêu tan mọi mạng Như có người tạo nhiều nghiệp sống. sống lâu, tạo nhiều nghiệp tiền tài. Bốn, Suy hao sơn. Tiền của và tuổi thọ của họ chưa Đời sống con người chịu bao hết. Vì nhân duyên khác, bổng bị nhiêu bức bách, hao tổn, thế lực ra chết bất ngờ. Đó gọi là tuổi thọ đi, tiền của trở về không, danh dự chưa hết, tiền của chưa hết mà chết. chẳng ai nghe, ý chí tiêu tan. Giống

TỨ TIÊN TỴ TỬ Ba, Ẩn không. Ta nhảy vào hư không, dấu (Xuất diệu kinh) hình bóng không để dấu vết. Quỉ vô Ngày xưa có gia đình Phạm chí thường làm sao biết ta ở đâu? có bốn anh em đều chứng được ngũ bảy ngày hết hạn, từ trên không thông, tự biết mạng sống bất an, trung rơi xuống đất mà chết, giống sau bảy ngày phải chết. Họp lại bàn như quả chín muồi, tự nhiên rụng luận rằng, chúng ta đã chứng được xuống. ngũ thông, hãy dùng thần lực của Bốn, Cư triền. mình, khó gì mà không làm được, Ta phải vào núp trong chợ, nơi há không thể tránh được tai nạn này đông đảo, ồn áo, tạp nhạp mà sao? Rồi bốn người đã đi trốn, không ai biết ai. Quỷ vô thường nhưng tử thần vẫn không tha. theo bắt một người, đã chắc gì là ta. Phật dùng đạo nhãn, quán sát Bảy ngày hết hạn, ở trong đám việc này, cuối cùng không thể trốn đông, tự nhiên lăn đùng

ra chết. được, mà nói kệ rằng: Chẳng phải trong không trung TỨ CHỦNG TỬ SANH Chẳng phải trong biển cả (Tạp A hàm kinh) Chẳng thể vào trong núi đá Chẳng có một chỗ nào Vua ba tư nặc thưa Phật rằng: Trốn thoát được thần chết. Tại sao người Bà la môn chết rồi (Phạm chí là tiếng Phạn, tiếng lại sanh vào nhà Bà la môn và đến Hoa là tịnh duệ. năm thông là chân người Sát đế lỵ, Tỳ xá, Thủ đà đi cách đất, biết được mạng sống cũng như thế, có phải chăng? và tâm lý của người khác, nhìn xa Phật nói: Phải biết tử, sanh có ngàn dặm, gọi tên liền tới, vách đá bốn cách khác nhau: đi qua không trở ngại). Một, Tùng minh nhập minh. Một, Nhập hải. Minh là mờ ám. Người đời sanh Tôi đi vào trong biển trên vào nhà thấp hèn, hoặc nhà Chiên không nổi ở mặt nước, dưới không đà la và bao nhiêu nhà thấp hèn chạm đến đáy, ở khoảng giữa, quỷ khác. Với cuộc sống nghèo khổ, vô thường làm sao biết ta ở đâu? hình dung tiều tuỵ và lại làm các bảy ngày hết hạn, mạng sống nghiệp ty tiện, nên gọi đó là mờ cũng chấm dứt. ám, tối tăm. Ở trong chỗ tối tăm đó, Hai, Nhập sơn. lại làm các nghiệp ác về thân, khẩu, Ta vào trong núi Tu di bằng cách ý. Chết rơi xuống cõi ác. Đó là từ chẻ núi làm đôi, đi vào trong thì núi tối tăm đi vào tối tăm. (Tiếng Phạn khép lại. Quỉ vô thường làm sao là Chiên đà la, tiếng Hoa là Đồ giả: biết ta ở đâu? đồ tể: người giết gia súc) Bày ngày hết hạn, mạng sống Hai, Tùng minh nhập minh. cũng chấm dứt.

Người đời sanh vào trong nhà cứu độ, không một chúng sanh nào thấp hèn, cho đến làm các nghiệp không được độ. Chúng sanh được xấu ác, gọi đó là đen tối. Ở trong độ vô lượng vô biên. Đó gọi là tâm chỗ đen tối, hay làm các nghiệp to lớn. lành về thân, miệng, ý; đến khi Hai, Đệ nhất tâm. chết, sanh vào cõi trời hay người. Bồ tát độ thoát bốn loài trong Đó gọi là từ đen tối đi vào ánh ba cõi, không muốn chứng quả sáng. Tiểu thừa Thinh văn, chỉ mong Ba, Tùng minh nhập minh. muốn tất cả chúng sanh đều vào Người đời sanh vào nhà giàu được vô dư Niết bàn. Đó gọi là tâm sang, hoặc Sát đế lỵ, Bà la môn, duy nhất. Trưởng giả có được thân hình đoan (vô dư Niết bàn là phiền não và chánh, nhiều tiền của, nhiều trí huệ. thân đều không còn, nên gọi là vô Gọi đó là minh (sáng). Ở trong chỗ dư). sáng đó mà làm các nghiệp ác về Ba, Thường tâm. thân, khẩu, ý; khi chết đi phải sanh Bồ tát cứu độ vô lượng, vô số, vào đường ác, chịu khổ vô lượng. vô biên chúng sanh mà hiểu rõ tâm Đó là từ sáng đi vào tối tăm. của chúng sanh, từ xưa đến nay, Bốn, Tùng minh nhập minh. vẫn thường vắng lặng (không hề có Người đời sanh vào nhà giàu vô minh phiền não gì cả) nên thật sang, có được tướng mạo đoan sự, không có chúng sanh được độ. chánh, gọi đó là sáng. Ở trong cảnh Tuy rằng, không có chúng sanh để sáng láng đó, thân, khẩu, ý làm các độ, nhưng tâm độ chúng sanh của nghiệp lành, siêng năng tu phước, Bồ tát luôn luôn không biếng nhác. khi chết đi, sanh vào cõi trời. Đó là Đó gọi là thường tâm. từ sáng vào sáng. Bốn, Bất điên đảo tâm. Bồ tát độ sanh, nếu có tướng BỒ TÁT TỨ TÂM ngã, tướng nhân v.v... thì không (Kim Cang kinh phải là Bồ tát. Bồ tát hiểu rõ các tướng ngã, nhân, xưa nay vốn là luận). không, do đó không có người độ và Bồ tát là tiếng Phạn, gọi đủ là người được độ. Đó gọi là tâm Bồ đề tát đỏa, tiếng Hoa là giác không điên đảo. (Ngã là với năm hữu tình. Bồ tát phát bốn loại tâm ấm cưỡng lập thành chủ tể gọi là này là để độ chúng sanh; nên Ngài ngã, lại suy lường ấy là nhân). Thiên Thân làm bài tụng rằng: To lớn vào bậc nhất; tâm ấy không TỨ VÔ LƯỢNG TÂM điên đảo. (Pháp giới thứ đệ) Một, Quảng đại tâm. Bồ

tát phát tâm độ sanh, muốn Tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỉ, cho bốn loài trong ba cõi, đều được xả.

Tâm lợi tha của Bồ tát rất rộng là niềm tin căn bản, nên gọi là tín lớn. Chúng sanh có duyên với Bồ căn bản. tát thì vô lượng nên tâm của Bồ tát Hai, Tín Phật. cũng vô lượng. Tín Phật có vô lượng công đức, Một, Từ vô lượng tâm. thường nhớ đến, gần gũi, cúng Từ gọi là thương nhớ, tức là dường, cung kính, phát khởi căn tâm cho niềm vui. Bồ tát thương lành, cầu nhất thiết trí; nên gọi là nhớ tất cả chúng sanh, luôn tìm tòi tin Phật. việc vui thích. Chiều theo sự mong Ba, Tín pháp. mỏi đó của chúng sanh, Bồ tát đem Tin và thọ trì các pháp do Phật đến nhiều lợi ích cho họ. Vì vậy gọi nói, có lợi ích lớn, thường nhớ tu là lòng thương chúng sanh vô hành, nên gọi là tin pháp. lượng. Bốn, Tín tăng. Hai, Bi vô lượng tâm. Tăng là người đang tu hành, lợi Bi gọi là lo lắng, tức là tâm làm mình lợi người. Thường ưa gần gũi bớt khổ đau. Bồ tát nhớ nghĩ, lo học đạo ở chư tăng, nên gọi là tín lắng tất cả chúng sanh, chịu vô vàn tăng. đau khổ. Bồ tát luôn nuôi dưỡng tâm cứu khổ và làm cho chúng TỨ DUYÊN PHÁT BỒ sanh thoát khỏi khổ đau. Vì vậy gọi ĐỀ TÂM là lòng cứu khổ chúng sanh vô (Địa trì kinh) lượng. Ba, Hỉ vô lượng tâm. Một, kiến văn vi tăng thượng Bồ tát mừng vui vô lượng khi duyên. thấy chúng sanh lìa khổ được vui. Tăng thượng tức là tăng tiến. Vì vậy gọi là tâm mừng vui vô Người đời hoặc thấy hoặc nghe lượng. các việc thần thông, biến hoá Bốn, Xả vô lượng tâm. không thể nghĩ bàn của chư Phật và Đối với chúng sanh có duyên Bồ tát thì khởi niệm là Phật và Bồ với mình, Bồ tát không yêu, không tát có công hạnh đầy đủ nên mới có ghét, không sân, không hận, không thể làm bao nhiêu việc biến hoá oán, không buồn. Vì vậy gọi là xả như thế. Nhờ thấy và nghe như vậy tâm vô lượng. nên duyên lành được tăng tiến. Vì ưa thích trí lớn của Phật mà phát TỨ CHỦNG TÍN TÂM tâm Bồ đề. (Khởi tín luận) Hai, Văn pháp vi tăng thượng duyên. Một, Tín căn bổn. Người đời, tuy không thấy, Pháp chân như đã được chư nghe thần thông biến hoá của Phật Phật học tập là nguồn gốc của các và Bồ tát, mà chỉ nghe nói pháp, hạnh. Người hay ưa thích pháp ấy khen ngợi Bồ đề và các pháp Đại

thừa. Đã nghe pháp rồi thì người ấy quyết giữ gìn; các tai nạn, khổ sở, vui mừng tin tướng. Nhờ nghe pháp chịu đựng không hối hận; tu hành này mà duyên lành tăng tiến, nên các chánh pháp, siêng năng, không gọi ưa trí lớn của Phật mà phát tâm lười biếng; an trụ trong thiền định, Bồ đề. tâm không tán loạn. Dùng trí huệ Ba, Hộ pháp vi tăng thượng chân chánh hiểu rõ các pháp; đến duyên. nhiều thứ hạnh nghiệp, đều tu tập Người thế gian, tuy không nghe hết. Đó là khéo tu sự nghiệp. pháp, hoặc thấy pháp sắp diệt, bèn Hai, Phương tiện thiện xảo. nghĩ rằng, chúng sanh vô lượng, Người tu hạnh Bồ tát, đối với tạo ra các ác nghiệp, phải gặp khổ loài hữu tình, hoặc đối với thánh lớn. Ta nay tu Bồ tát đạo, hộ trì giáo, có kẻ chưa vào khiến cho họ chánh pháp, làm cho chúng sanh vào; có kẻ đã vào khiến cho họ diệt khổ vô lượng. Nhờ việc hộ thành thục, có kẻ đã thành thục pháp này, làm cho duyên lành tăng khiến cho họ được giải thoát, cho tiến, bởi ưa trí lớn của Phật mà phát đến việc thọ giới, giữ giới, phạm tâm Bồ đề. giới, phải dùng vô số phương tiện Bốn, phát tâm vi tăng thượng khiến cho loài hữu tình đều được duyên. lợi ích. Đó là phương tiện thiện Người thế gian, tuy không thấy xảo. tướng pháp diệt mà chỉ thấy những Ba, Nhiêu ích ư tha. điều ác của chúng sanh trong

đời, Người tu hạnh Bồ tát, đối với bị phiền não chướng ngại, không loài hữu tình, hoặc dùng bố thí, thể ra ngoài sanh tử, bèn nghĩ rằng: hoặc dùng ái ngũ, hoặc giúp đỡ, Ở trong đời ác này, không thể phát hoặc đồng sự với chúng, khiến cho nguyện của Nhị thừa mà lập chí chúng đều được an vui. Đó là đem cầu vô thượng Bồ đề thì ta phải đến lợi ích cho người khác. phát tâm và khiến cho người khác Bốn, Vô đảo hồi hướng. cũng phát tâm như vậy. Nhờ phát Người tu hạnh Bồ tát, đối tất cả tâm này làm cho duyên lành tăng nghiệp lành do mình tu tập được, tiến, bởi ưa trí lớn của Phật mà phát phương tiện khéo léo và nguyện tâm Bồ đề. đem lại lợi ích cho chúng sanh; dùng tâm thanh tịnh hồi hướng cho BỐ TÁT TỨ PHÁP chúng sanh đều cầu Vô thượng Bồ (Du già sư địa luận) đề, mà không dùng công đức ấy để cầu quả báo ở thế gian. Đó là vô Một, Thiện tu sự nghiệp đảo hồi hướng. Người tu Bồ tát hạnh, đối với tiền của và chánh pháp, bố thí rộng rãi cho chúng sanh, không hề tiếc rẻ, đối với giới luật của Phật, kiên

TỨ CHỦNG PHÁP VI BỒ TÁT Ma nói rằng: Trước, dùng lưỡi câu THẬT ĐỨC móc vào và dẫn đi, sau mới làm cho chúng vào Phật trí. (Đại bảo Một, Bố thí nhiếp. Tích chánh pháp kinh) Bồ tát dùng tiền của và giáo Một, Nhập không giải thoát pháp bố thí để gần gũi chúng sanh môn. về với mình. Nếu chúng sanh thích Bồ tát quán tất cả pháp đều từ tiền của thì dùng tiền của cho để nhân duyên hoà hợp mà sanh ra, được gần gũi với nó. Tương tự không ai làm, không ai nhận. Hiểu dùng pháp thí cũng vậy. thấu như thế, gọi là không giải Chúng sanh đã mong chờ lợi thoát. Đó là thật đức của Bồ tát. ích của tài và pháp thí; nhờ vậy Hai, Nhập vô ngã vô nguyện sanh lòng yêu mến, nương tựa thọ môn. nhận đạo pháp và chứng được chân Bồ tát quán tất cả pháp đều lý. Vì vậy gọi là bố thí nhiếp. không có ngã, mà ở trong ba cõi Hai, Ái ngữ nhiếp. không có gì để mong cầu. Tuy Bồ tát tuỳ thuận căn tánh của chứng được Niết bàn luôn khởi chúng sanh, dùng lời nói hiền lành, lòng đại bi, ưa độ chúng sanh. Đó khéo léo an ủi. Nhờ vậy mà chúng là Bồ tát thật đức. sanh gần gũi, yêu thương, nương Ba, Xảo thí phương tiện. tựa và thọ nhận đạo pháp, chứng Bồ tát vận dụng rộng rãi tâm từ được chân lý. Vì vậy gọi là ái ngữ bi, ở trong ba cõi thi hành khéo léo nhiếp. phương tiện, không ở trong Niết Ba, Lợi hành nhiếp. bàn, mà lại ra vào sanh tử, hoá độ Thân, khẩu, ý của Bồ tát làm chúng sanh. Đó là Bồ tát thật đức. những việc lành, đem lại lợi ích Bốn, Thí bất cầu báo. cho tất cả chúng sanh. Nhờ vậy mà Bồ tát vận dụng rộng rãi tâm từ chúng sanh gần gũi, thương yêu, bi, thương xót chúng sanh, rộng rãi nương tựa và thọ nhận đạo pháp, giúp đỡ bố thí một cách bình đẳng chứng được chân lý. Vì vậy gọi là không chán nản. Hiểu rõ tánh lợi hành nhiếp. không nên không mong cầu quả Bốn, Đồng sự nhiếp. báo. Đó là Bồ tát thật đức. Bồ tát dùng pháp nhãn thấy rõ căn tánh của chúng sanh. Tuỳ TỨ NHIẾP PHÁP chúng ưa thích cái gì thì phân thân thị hiện, cùng làm việc chúng đang (Pháp giới thứ đệ) làm, khiến cho chúng đều thấm Đây là bốn cách làm môi giới nhuần lợi ích. Nhờ vậy mà chúng để gần gũi với chúng sanh của Bồ sanh tâm yêu mến gần gũi, nương tát. Sau đó hướng dẫn chúng sanh tựa và thọ nhận đạo pháp; chứng vào giáo lý Đại thừa, nên kinh Duy

được chân lý. Vì vậy gọi là đồng sự TỨ THIỆN PHÁP nhiếp. (Niết bàn kinh) TỨ PHÁP TẬP THIỆN Một, Cận thiện tri thức. CĂN Bậc thiện tri thức thường nói về (Đại bảo tích pháp lành. Nếu người gần gũi thì chánh pháp kinh) diệt trừ tất cả các

pháp ác, căn lành được tăng trưởng. Một, Lạc trụ lâm gian. Hai, Thính thọ pháp. Người tu hạnh Bồ tát phải xa lìa Đã gần gũi bậc thiện tri thức, chỗ ồn ào, ở nơi núi rừng thanh lại hay nghe và lãnh thọ chánh vắng, im lặng, an ổn, nghĩ suy về pháp nên căn lành được sanh đạo lý để thành tựu tất cả căn lành. trưởng. Hai, Tứ sự nhiếp vật. Ba, Năng tư duy nghĩa. bốn việc là bố thí, ái ngữ, lợi Đã nghe chánh pháp thì phải hành, đồng sự. suy nghĩ nghĩa lý vi diệu để tâm Người tu hạnh Bồ tát. Tự mình mình càng hiểu rõ. tu hành đã đầy đủ, còn phải hướng Bốn, Như thuyết tu hành. dẫn chúng sanh, cùng với mình tu Đã suy nghĩ nghĩa lý của chánh tập chánh đạo. Do đó thường phải pháp thì phải tu tập theo những gì bố thí cho những kẻ nghèo khổ đã được nói ra, mới mong giải thoát thiếu thốn. Lại dùng lời nói yêu khổ đau phiền não, sanh tử và thương để an ủi chúng và dẫn dụ chứng được đạo lý chân không vào Phật pháp. Cùng với chúng vắng lặng. sanh làm mọi công việc và đem lại lợi ích cho chúng để thành tựu tất BỒ TÁT TỨ PHÁP MÔN cả căn lành. (Như lai bất tư Ba, Xả thân cầu pháp. nghì bí mật Đại thừa kinh) Người tu hạnh Bồ tát, ưa cầu pháp Đại thừa, tâm tư dũng mãnh, Một, Trí môn. dù bỏ thân mạng cũng không luyến Bằng trí huệ lớn, Bồ tát biết rõ tiếc, để mà thành tựu tất cả căn căn tánh của chúng sanh, tuỳ thuận lành. và hướng dẫn làm cho chúng được Bốn, Cần hành tinh tấn. giải thoát. Đó là Bồ tát trí môn. Người tu hạnh Bồ tát, thề chỉ Hai, Huệ môn. cầu quả Phật, do đó siêng năng Bằng trí huệ mầu nhiệm, Bồ tát không ngừng, không hề lười biếng vì chúng sanh nói rõ và phân biệt rõ để thành tựu tất cả căn lành. ràng ý thâm sâu của các pháp và muốn cho chúng mở mang tánh trí huệ, hiểu rõ vạn pháp xưa nay vắng lặng. Đó là Bồ tát huệ môn.

Ba, Đà la ni môn. thí cho những người nghèo khổ, Tiếng Phạn là Đà la ni, tiếng thiếu thốn. Tu hạnh hỉ xả này; đó Hoa là Tổng trì. Vì Đà la ni giữ gìn gọi là bố thí đầy đủ. điều lành không mất, giữ gìn điều Bốn, Huệ cụ túc. ác không cho sanh. Bồ tát dùng Người tại gia, đã thọ giới và pháp Tổng trì này tuỳ thuận tất cả thực hành bố thí, nên dùng trí huệ ngôn ngữ của chúng sanh, hướng quán sát thân này, hư dối không dẫn chúng vào chánh tín, khiến thật, mà do tham, sân, si khởi lên chúng diệt các tâm ác và làm tất cả vô lượng phiền não và chiêu tập vô pháp lành. Đó là Bồ tát Đà la ni lượng khổ về sanh tử; hay tu tập môn. pháp lành chứng được an vui của Bốn, Vô ngại giải môn. Niết bàn. Đó là huệ đầy đủ. Bằng trí huệ hiểu biết vô ngại, Bồ tát vì tất cả chúng sanh nói TỨ HOẰNG THỆ nghĩa lý sâu xa của các pháp và (Chỉ quán đại ý) cũng khiến chúng được hiểu biết vô ngại. Đó là Bồ tát vô ngại giải môn. Hoằng là rộng, lớn. Thệ là ràng buộc. Bồ tát phát thệ nguyện lớn, TẠI GIA NHÂN TỨ CHỦNG cốt ràng buộc tâm mình, mong cầu CỤ TÚC PHÁP được đầy đủ. (Tạp A Một, Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. hàm kinh) Đây là nương theo cảnh khổ Một, Tín cụ túc. của khổ để mà phát thệ. Người tại gia, ở chỗ Phật khởi Bồ tát quán khắp chúng sanh lòng kính tín, nghe pháp nhiệm trong sáu đường, nhiều vô số kể, mầu, tâm ý mở mang, hiểu biết, đều bị bức bách bởi khổ đau của không sanh nghi ngờ, chê bai, tín sanh tử, nên phát thệ nguyện, muốn căn vững chắc. Đó là tín đầy đủ. độ và khiến chúng ra ngoài ba cõi. Hai, Giới cụ túc. Vì vậy gọi là chúng sanh vô biên Người tại gia, khởi tâm tin thệ nguyện độ. tưởng, thọ lãnh cấm giới của Phật, Hai, Phiền não vô số thệ giữ gìn năm giới: không sát sanh, nguyện đoạn. không trộm cắp, không tà dâm, Đây là nương theo tập đế mà không

nói dối, không uống rượu, phát nguyện. không phạm phải bất kỳ giới nào. Bồ tát thẩm định kỹ lưỡng về Đó là giới đầy đủ. phiền não hoặc nghiệp, nhiều vô số Ba, Thí cụ túc. kể, hay chiêu tập quả khổ sanh tử, Người tại gia, trước đã lãnh thọ trôi lăn trong ba cõi, không có ngày giới pháp, đối với tất cả của cải có chấm dứt, nên phát thệ nguyện, được, không bỏn xẻn, tiếc rẻ mà bố muốn dứt trừ và khiến chúng sanh

trong sáu đường cũng đều dứt trừ An là ở yên. Chúng sanh chưa ở hoặc nghiệp phiền não, để ra khỏi yên trong giới, định, huệ để tu ba cõi. Vì vậy gọi là phiền não vô hành, khiến cho chúng được ở yên. số thệ nguyện đoạn. Bốn, Vị Niết bàn giả linh đắc Ba, Pháp môn vô tận thệ Niết bàn. nguyện tri. Chúng sanh diệt hết khổ đau Đây nương theo đạo đế mà phát sanh tử, khiến cho chúng diệt hết nguyện. để chứng được Niết bàn. (Diệt độ là Bồ tát ngẫm nghĩ đạo pháp một dứt hẳn tai nạn to lớn và vượt thoát cách kỹ lưỡng, vô cùng vô tận, có ba cõi). thể thông suốt đến Niết bàn, thì tự mình phải biết đã, rồi khiến cho tất BỒ TÁT TỨ HOẰNG cả chúng sanh đều biết. Vì vậy gọi THỆ là pháp môn vô tận thệ nguyện tri (Đà la ni tạp tập) (biết). Bốn, Phật đạo vô thượng thệ Một, Tâm như đại địa. nguyện thành. Ước mong tâm ta như quả đất Đây là nương theo diệt đế mà nuôi dưỡng hạt giống lành và mầm phát nguyện. đạo pháp của chúng sanh, đều Bồ tát suy nghĩ về quả Bồ đề thành thánh quả. một cách kỹ lưỡng, siêu việt không Hai, Tâm như kiều, thuyền. gì hơn nữa. Tự mình thành tựu rồi Ước mong tâm ta như cây cầu, khiến cho tất cả chúng sanh đều như chiếc thuyền đưa chúng sanh được thành tựu. Vì vậy gọi là Phật qua sông sanh tử mà không bị đạo vô thượng thệ nguyện thành. chiềm ở giữa dòng để đến được bờ bên kia. TỨ HOẰNG THỆ Ba, Tâm như đại hải. NGUYỆN Ước mong tâm ta như biển lớn (Pháp giới thứ đệ) dung nạp và dưỡng dục chúng sanh cùng chứng được nguồn chân, thấm Một, Vị độ giả linh độ. nhuần pháp vị. Độ là vượt qua. Chúng sanh Bốn, Thân như hư không. chưa vượt qua được đau khổ sanh Ước mong thân ta như hư tử thì khiến cho chúng vượt qua. không, bao hàm vạn vật và các Hai, Vị giải giả linh giải. chúng sanh bình đẳng không hai, Giải là giải thoát. Chúng sanh cùng chứng được pháp tánh. chưa giải thoát sự trói buộc của phiền não, khiến cho chúng được TỨ PHẠM PHƯỚC thoát khỏi. (Tăng nhất A hàm Ba, Vị an giả linh an. kinh)

Một, Vị khởi tháp xứ khởi tháp. Người tu hạnh Bồ tát, phải Tiếng Phạn là Tháp nói đủ là dùng chánh pháp đức Phật đã nói Tháp bà, tiếng Hoa là Cao hiển. truyền bá đến tất cả chúng sanh và Người có thể xây tháp thì đời đem lợi ích đến cho chúng, không sau hưởng được phước ở cõi trời sơ hề có tâm keo kiệt. Nhờ vậy mà thiền. Kinh nói: Nếu có Phật tử phước đức vô lượng được sanh ra. nam hay nữ, cầu phước của Phạm Hai, Khởi đại bi tâm. thiên thì nên xây tháp nơi chưa có Người tu hạnh Bồ tát, thường tháp. Đó là bắt đầu hưởng được vận dụng tâm đại bi đem đến lợi phước của Phạm thiên. ích cho tất cả. Đối với chúng sanh Hai, Bị trị cố tự. phá giới, dùng phương tiện để ngăn Sửa chữa các chùa cũ bị hư nát ngừa, không để cho làm ác. Phước thì đời sau hưởng được phước trời đức vô lượng từ đây sanh ra. nhị thiền. Kinh nói: Sửa chữa chùa Ba, Hoá chủ hữu tình. cũ, đó là lần thứ hai hưởng được Người tu hạnh Bồ tát, thường phước của Phạm thiên. để tâm đến việc lợi tha, dạy dỗ tất Ba, Hoà hợp thánh chúng. cả chúng sanh làm cho chúng phát Chúng tu tập Phật đạo, phải hoà tâm Bồ đề, tu tập hạnh Bồ

tát, hợp, không được chia rẽ, thì đời thành tựu quả Phật. Phước đức vô sau hưởng được phước của trời tam lượng từ đây sanh ra. thiền. Kinh nói: Thánh chúng hoà Bốn, Nhẫn nhục cứu hộ. hợp thì lần thứ ba hưởng được Người tu hạnh Bồ tát thường phước của trời Phạm thiên. vận dụng tâm đại bi, đối với kẻ Bốn, Khuyến chuyển pháp thấp kém bất thiện, nếu đối xử luân. ngang ngược với ta, chẳng những Nghe Phật thành đạo thì phải cung nhịn nhục chịu đựng mà còn tìm thỉnh Ngài chuyển pháp luân, làm cách cứu giúp họ, khiến cho cải ác lợi ích cho chúng sanh, thì đời sau làm lành. Vô lượng phước đức do hưởng được phước của trời tứ đây mà sanh. thiền. Kinh nói: Bồ tát vừa chuyển pháp luân, nếu có người cung thỉnh BÁT ĐẠO TỨ HẠNH thì được hưởng phước của trời (Chánh tông ký tinh Phạm thiên lần thứ tư. kê cổ lược) TỨ PHÁP SANH Đạt ma đại sư nói với nhị tổ đại PHƯỚC sư Khả rằng: Có nhiều con đường (Đại bảo tích chánh vào đạo. Tóm lại không ngoài lý và hành. pháp kinh) Người vào đạo bằng con đường Một, Hằng hành pháp thí. lý, thì nương giáo lý mà ngộ, được tông chỉ, tin sâu sắc tất cả chúng

sanh cùng một chân tánh, chỉ vì nhà lửa. Có thân có khổ, nào ai an khách trần, vọng tưởng che đậy nên nhàn cho được. không thể hiển lộ. Nếu bỏ vọng về Nếu người hiểu rõ, ngưng niệm chân thì phàm, thánh bình đẳng, không cầu. Kinh nói: Có cầu có không có khác nhau. khổ, không cầu thì vui. Vì vậy Nếu người vào đạo bằng con không cầu, đó thực là hành đạo, đường thực tập, thì có bốn cách: nên gọi là hạnh không cầu gì cả. Một, Báo oan hạnh. Bốn, Xứng pháp hạnh. Phàm là người tu hành, nếu khi Lý thể thì thanh tịnh, nhờ đó chịu khổ, phải nhớ là từ trong kiếp mà sanh ra các pháp. Các tướng trước đến nay, ta đã bỏ gốc theo đều không từ lý này, không nhiễm, ngọn, trôi lăn trong sáu đường, đã không vướng; không đây, không gây ra bao nhiêu oán ghét, làm hại kia. Kinh nói: Pháp không có ngã, người khác biết bao; đời này tuy vì xa lìa ngã ô uế. Người trí tin và không phạm phải nữa, nhưng quả hiểu lý này cần phải đúng pháp để oan trái ác nghiệp của ta đã chín, thực hành pháp thể, đối với thân thôi cam lòng nhận lấy, chớ có oán mạng, tiền của không keo kiệt, thực hận. hành bố thí, mà tâm không tiếc rẻ; Lúc quán sát như thế, cùng với hiểu thấu tam không. Tự lợi, lợi tha lý khế hợp, hiểu rõ oan trái, tiến tu là để trang nghiêm đạo Bồ đề và đạo nghiệp, nên gọi là báo oan diệt trừ vọng tưởng. Tu tập lục độ hạnh. mà không thấy có tu; nên gọi là tu Hai, Tuỳ duyên hạnh. tập đúng pháp. (Tam không là Chúng sanh không có ngã, đều do người cho, người nhận và vật đem nghiệp chuyển biến; khổ, vui đều cho, ba tướng ấy đều không). nhận hết, do từ duyên sanh ra. Nếu được quả báo tốt và các việc vinh TỨ CHỦNG QUÁN dự, đều từ nhân kiếp trước cảm thọ. HẠNH Duyên hết trở về không, có gì đâu (Từ bi thuỷ sám) mà vui (hay buồn). Được, mất do duyên, tâm không tăng, giảm.
Gió Người tu pháp sám hối, tự nhớ vui mừng không động được, nên lại phiền não sâu dày che kín huệ gọi là tuỳ duyên hạnh. nhãn, không còn thấy gì, cắt đứt Ba, Vô sở cầu hạnh. các thiện pháp, không thể ra ngoài Người ngu sống mãi trong mê quả khổ. Nay đã trình bày các điều muội, đâu đâu cũng tham đắm. ác, chí thành sám hối, phải thực Người trí hiểu được điều chân thật, hành bốn cách quán hạnh, là tâm an ổn không bon chen. Vạn phương tiện để diệt trừ tội ác. hữu đều không, còn hy vọng vào Một, Quán nhân duyên. đâu. Ở lâu trong ba cõi, giống như Người tu pháp sám hối, phải quán sát

tội ác này của ta, do bị vô

minh che đậy, không có quán lực Một, Thân thường cung cẩn. chân tánh, không biết tội lỗi của Người tu hạnh Bồ tát, phải giữ mình, xa cách bạn lành, chạy theo gìn cẩn thận thân nghiệp, chớ có ma hạnh, giống như con tằm đi vào buông lung, bởi vì tất cả ác pháp trong lửa rồi tự đốt cháy mình, sát, đạo, dâm dứt trừ không làm và không tự ra ngoài được. Đó là quán các việc bất thiện khác cũng đều nhân duyên. không phạm. Đó là thân thường Hai, Quán quả báo. cung cẩn. Người tu pháp sám hối, phải Hai, Ngôn thường chí thành. quán sát các nghiệp bất thiện do Người tu hạnh Bồ tát, muốn tu mình làm ra, luân chuyển từ ba đời, đạo chánh chân vô thượng, luôn quả khổ vô cùng, chìm đắm trong giữ gìn khẩu nghiệp, thành thật biển sanh tử, tối tăm không bờ bến; không hư dối, đó là các lỗi vọng giống như ném đá xuống vực sâu ngữ, ỷ ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, rồi vớt ra cho được thật là khó. Đó đều phải xa lánh. Đó là lời nói luôn là quán quả báo. thành thật. Ba, Quán tự thân. Ba, Ý thường nhu thuận. Người tu pháp sám hối, phải Người tu hạnh Bồ tát, muốn quán sát thân mình, tuy có tánh linh thành tựu đạo Bồ đề, luôn đề phòng giác là chánh nhân, nhưng bị phiền ý nghiệp, điều hoà nhu thuận, xa não đen tối che phủ, không có sức các niệm tà, đó là ham muốn, sân của liễu nhân thì không thể hiển hận, ngu si đều phải dứt hết. Đó là bày (quả) được. Đó là quán tự thân. ý luôn nhu thuận. (Chánh nhân là chánh tánh vốn có - Bốn, Thiện quyền phương tiện. liễu nhân là hiểu rõ các pháp). Người tu hạnh Bồ tát, phải khéo Bốn, Quán Như lai thân. dùng phương tiện cứu giúp tất cả Người tu pháp sám hối phải chúng sanh, hoặc sanh trên trời quán sát thân của Phật có đầy đủ hoặc sanh ở địa ngục, tuỳ loại hiện các đức, luôn luôn an trú trong im hình, chỉ vì lợi lạc cho chúng sanh, lặng. Tuỳ phương tiện nhập Niết chứ không vì sự giải thoát của bàn, nhưng tâm từ bi cứu khổ mình. Đó là khéo dùng phương chúng sanh của Ngài chưa từng tạm tiện. nghỉ. Thường xuyên quán sát như thế. Đó là bến lành gội hết tội, hạnh TỨ SỰ CÚNG DƯỜNG quyết định trừ sạch chướng ngại. (Tăng nhất A hàm Đó là quán sát thân Phật. kinh) TỨ SỰ HÀNH Phật ở trong vườn của ông Cấp (A nan đà mục khư ni a cô độc, cây của Thái tử Kỳ đà, trong nước Xá vệ, thuyết pháp cho ly đà kinh). vua ba tư nặc nghe. Vua thỉnh Phật

và Tỳ kheo tăng, cúng dường ba Y dược là các thứ thuốc bằng tháng, rồi làm một giảng đường lớn thảo mộc lạnh, nóng, ngọt, đắng, ở ngoài cổng thành, treo tràng cay, chua và các thứ kim thạch, phan, bửu cái và cung cấp tất cả châu sa. Các loại này trị các bệnh nào y phục, ăn uống, toạ cụ, thuốc sốt, lạnh, phong thấp, táo bón. Nhờ men. Gọi là tứ sự cúng dường. đó mà thân mạng được dài lâu để (Tiếng Phạn là Xá vệ, tiếng thành tựu đạo nghiệp. Đó là lý do Hoa là phong đức. Thái tử Kỳ đà dùng những vật này cúng Phật và bố thí cây, trưởng giả Cấp cô độc chư tăng. mua vườn, xây dựng tinh xá và thỉnh Phật ở đó). THÍ HỮU TỨ SỰ Một, Y bị. (Chư kinh yếu tập) Y là ca sa, có ba bậc: Ca sa bậc thượng có 25 điều và chín điều, Ca Một, Thí đa đắc phước thiểu. sa bậc trung có bảy điều, Ca sa bậc Phí tổn dùng cho các việc uống hạ có năm điều. rượu, ca múa vui chơi rất lớn mà Bị là cái mền đắp. Những vật không có phước báo. Đó là cho này đều dùng che thân thể, chống nhiều mà được phước ít. lại thời tiết nóng, lạnh và làm nên Hai, Thí thiểu đắc phước đa. oai nghi nghiêm chỉnh để thành tựu Bằng lòng từ cung

phụng người đạo nghiệp. Đó là lý do dùng có đạo đức để cho người ấy có điều những vật này cúng dường Phật và kiện tu tập. Vật cho tuy ít mà được chư Tăng. phước nhiều. Hai, Ẩm thực. Ba, Thí thiểu đắc phước thiểu. Ẩm là các thức nước uống, như Bằng tâm ác, keo kiệt, tham nước trái cây, mật, đề hồ, nước lam, cho kẻ ngoại đạo, tà kiến. Vật mía, nước bồ đào. Thực là các thức cho đã ít mà phước được cũng ít. ăn bằng gạo, bằng sữa đặc v.v... Đó là cho ít và phước được cũng ít. Đây là những thứ có thể nuôi Bốn, Thí đa đắc phước đa. thân thể để tiến tu đạo nghiệp, Biết đời vô thường, phát tâm bố chứng đạo Bồ đề. Đó là lý do dùng thí tiền của, xây dựng chùa tháp, những vật này cúng Phật và chư cúng dường Tam bảo sẽ được tăng. phước báo, giống như nhiều sông Ba, Ngoạ cụ. đều chảy vào bể không gián đoạn. Ngoạ cụ là các thứ giường, Vật bố thí nhiều mà được phước nệm, gối, chiếu. Đây là những thứ cũng nhiều. có thể điều hoà, giữ gìn cho thân, tâm bớt đi cực nhọc để tiến tu đạo TỨ THÍ hạnh. Đó là lý do dùng những vật (Bồ tát thiện giới kinh) này cúng Phật và chư Tăng. Bốn, Y dược. Một, Bút thí.

Thấy người phát tâm viết kinh Bốn, Tôn thắng giả. điển, thường đem bút cho người ấy. Ở đời có những người hiền Giữ lòng vững chắc, giúp nhau lương và những người tu hành lìa thành duyên lành. tham dục, sân hận, ngu si. Đó là Hai, Mặc thí. những người đáng tôn kính, nên bố Thấy người viết kinh điển, thí cho họ. Việc bố thí này không thường đem mực cho người ấy. Giữ phải là Bồ tát hạnh. Bố thí Bồ tát lòng vững chắc, giúp nhau thành hạnh thấy người hèn kém lại càng duyên lành. giúp đỡ, không phân biệt hơn, kém. Ba, Kinh thí. In các kinh điển bố thí cho TỨ CHỦNG THÍ CÂU ĐẮC người, khuyên họ đọc tụng, khiến TỊNH BÁO phát tâm Bồ đề. (Đại Niết bàn Bốn, Thuyết pháp thí. Nếu có người thích nghe chánh kinh) pháp thì phải tuỳ căn cơ của họ, Bồ tát hiểu rõ tánh, tướng đều diễn giảng pháp màu để họ được không, quán sát tất cả chúng sanh, nghe hiểu, làm nhân tu tập, chứng chúng sanh nào cũng là ruộng được chánh quả. phước; không thấy người giữ giới, người phá giới và quả báo khác TỨ CHỦNG THÍ XỨ nhau của người cho và người nhận. (Du già sư địa luận) Đó là lý do tại sao cho và nhận tuy đều bất tịnh mà đều được quả báo Một, Hữu khổ giả. thanh tịnh. Những người nghèo khổ, đói Một, Thí tịnh thọ bất tịnh. khát xin ăn, đui điếc, tàn tật, không Người cho giữ giới, học nhiều nơi nương tựa, gọi là người chỉ có (nghe nhiều), biết bố thí trí huệ và khổ. Vì vậy phải bố thí cho họ. quả báo. Người nhận phá giới, tà Hai, Hữu ân giả. kiến, nói không có huệ thí và quả Người đối với ta có ân có đức, báo của bố thí. Đó gọi là thí tịnh, nên bố thí cho họ. Việc bố thí này thọ bất tịnh. không phải là hạnh Bồ tát, bố thí Hai, Thí bất tịnh thọ tịnh. Bồ tát hạnh không phân biệt có ân Người cho vướng vào tà kiến, hay không ân với ta. nói không có huệ thí và quả báo Ba, Thân ái giả. của bố thí. Người nhận ngược lại, Những người thân tình trong gia giữ giới, nghe nhiều, biết có huệ thí quyến, nên bố thí cho họ. Việc bố và quả báo của bố thí. Đó gọi là thí thí này cũng không phải là hạnh Bồ bất tịnh thọ tịnh. tát. Bố thí của Bồ tát hạnh thì oán, Ba, Thí thọ câu tịnh. thân bình đẳng, không phân biệt Người bố thí, người nhận đều thân và bất thân. giữ gìn giới luật, nghe nhiều, có thí

huệ, biết có vật thí và quả báo của Dứt trừ các phiền não tham, bố thí. Đó gọi là người cho, người sân, si, chứng được đạo quả. Đó gọi nhận đều thanh tịnh. là đoạn giới. Bốn, Thí thọ câu bất tịnh. Người cho, người nhận đều phá TỨ CHỦNG TRÌ GIỚI giới, không

hiểu biết, vướng vào tà (Tạp A tì đàm tâm kiến, nói không có người cho và quả báo của bố thí. Đó gọi là người luận) cho, người nhận đều không thanh Một, Hy vọng giới. tịnh. Hy là mong cầu. Vọng là ước muốn. TỨ GIỚI Cầu sanh lên cõi trời và những (Hoa nghiêm khổng mục) cõi lành khác nên giữ gìn chắc chắn giới cấm, đó gọi là hy vọng giới. Một, Giải thoát giới. Hai, Khủng bố giới. Thân không sát sanh, trộm cắp, Sợ đoạ vào đường ác nên ráng dâm dục; miệng không nói dối, giữ giới cấm. Đó gọi là khúng bố không nói thêu dệt, không nói ác, giới. không nói hai lời thì tự nhiên xa lìa Ba, Thuận giác chi giới. sự trói buộc của phiền não (hoặc Nương theo bảy giác chi để nghiệp) và được tự tại. Đó gọi là trang nghiêm tâm mình mà ráng giải thoát giới. giữ gìn giới cấm. Đó gọi là thuận Hai, Định cộng giới. giác chi giới. Nhờ tu tập thiền định, chứng (bảy giác chi là trạch pháp, tinh được định của sơ thiền, nhị thiền, tấn, hỉ, khinh an, niệm, huệ, xã) tam thiền, tứ thiền, dù không có ý Bốn, thanh tịnh giới. giữ giới, mà tự nhiên không phạm Giới vô lậu có thể xa lìa phiền và giới, định đều phát triển. Đó gọi não nhiễm ô, nên gọi là thanh tịnh là định cộng giới. (sơ, nhị, tam, tứ giới. thiền đều ở cõi trời Sắc giới) (vô lậu giới là giới của Thinh Ba, Đạo cộng giới. văn, Duyên giác phát sinh ra từ vô Bậc Thinh văn ở trong địa vị lậu đạo phẩm). kiến đạo tu tập, không khởi tâm giữ giới, mà tự nhiên không phạm và TỨ NHẪN giới, đạo cùng phát triển. (Hoa nghiêm Tuỳ sớ diễn (kiến đạo là sơ quả Tu đà hoàn. Tu đạo là hai quả Tư đà hàm, A na nghĩa sao) hàm) Nhẫn là chịu được cũng gọi là Bốn, Đoạn giới. chịu nhịn. Kinh Tư ích nói: Phạm Thiên và Bồ tát có bốn pháp nhẫn

khéo ra khỏi tội lỗi do phạm cấm dạy, Quả là kết quả sau khi thực giới. hành giáo lý). Một, Đắc vô sanh nhẫn. Hai, Tập phước vương định. Tất cả pháp, tự tánh của nó vốn Định tự tại này, có thể tu tập vắng lặng, xưa nay không hề sanh, phước đức vô biên như thế lực của Bồ tát chứng biết pháp này nên có vua, không có gì so sánh được, nên thể vượt thoát tội lỗi do phạm cấm gọi là tập phước vương định. giới. Đó là đắc vô sanh nhẫn. Ba, Hiền thủ định. Hai, Đắc vô diệt nhẫn. Định này có thể gìn giữ các Tất cả các pháp từ xưa không pháp hiền thiện thế gian và xuất thế sanh, thì nay cũng không diệt. Bồ gian, nên gọi là hiền thủ định. tát chứng biết pháp này, nên có thể Bốn, Kiện hành định. vượt ra ngoài tội phạm giới cấm. Phật và Bồ tát dùng sức tinh tấn Đó là đắc vô diệt nhẫn. lớn nhất, tu hành các hạnh nhiệm Ba, Đắc nhân duyên nhẫn. mầu, nên chứng được định này, nên Sáu căn là nhân, sáu trần là gọi là kiện hành định. duyên. Bồ tát biết rõ tất cả pháp đều từ nhân duyên hoà hợp mà TỨ KHÔNG XỨ ĐỊNH sanh ra, vốn không có tự tánh, nên (Pháp giới thứ đệ) có thể vượt ra ngoài tội phạm giới cấm. Đó là đắc nhân duyên nhẫn. Bốn loại định này gọi chung là Bốn, Đắc vô trú nhẫn. không xứ định. Vì thể của định Trú tức là dừng lại. Tâm Bồ tát không hình sắc, nên gọi là không, không vướng mắc và không có mỗi thứ đều nương vào cảnh chứng những niệm khác nhau tương tục, được, nên gọi là xứ; cảnh và pháp nên có thể vượt ra ngoài tội phạm giữ tâm, tâm không tán loạn, nên giới cấm. Đó là đắc vô trú nhẫn. gọi là định. Một, Không xứ định. TỨ CHỦNG ĐỊNH HỌC Người tu hành chán ghét sắc (Thành duy thức thân, giống như lao ngục, tâm muốn xa lìa, nên tu quán trí, diệt luận) trừ ba loại sắc, nên nhớ nghĩ đến Một, Đại thừa quang minh các tướng, vào vô biên hư không định. xứ, tâm và hư không tương ứng, Trí tuệ phát ra từ định này, có nên gọi là hư

không định. thể soi rõ lý, giáo, hạnh, quả của (ba loại sắc là khả kiến hữu đối pháp Đại thừa, nên gọi là Đại thừa sắc như sắc trần: xanh, đỏ, tím, quang minh định. (Giáo là lời Phật vàng...; bất khả kiến hữu đối sắc dạy, Lý là nội dung chứa trong như tứ trần: thanh, hương, vị, kinh; Hạnh là thực hành lời Phật xúc... ngũ căn: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt,

ý; bất khả kiến vô đối sắc tức là vô Do đời trước siêng năng tu biểu sắc). hành các phước đức . Đó gọi là Hai, Thức xứ định. phước đức tư lương. Người tu lại chán hư không vô Hai, Trí huệ tư lương. biên, duyên nhiều thì phải tan, đối Do đời trước tu tập trí huệ, nên với định có thể phá hoại, liền bỏ hư đời này thông tuệ, minh mẫn, hiểu không, tâm chuyển về duyên thức. rõ ý nghĩa các pháp. Đó gọi là trí Lúc này tâm và thức tương ứng, huệ tư lương. nên gọi là thức xứ định. Ba, tiên thế tư lương. Ba, Vô sở hữu xứ định. Do đời trước chứa nhóm căn Người tu lại chán tâm thức vô lành, nên đời này các căn đầy đủ, biên, nhiều duyên thì tan, có thể hư tiền của giàu có. Đó gọi là tiên thế hoại định, chỉ có vô tâm thức xứ, tư lương. tâm không nương tựa vào đâu, nên Bốn, Hiện pháp tư lương. gọi là an ổn. Đã biết như thế, liền Vì đời này có được pháp lành bỏ thức xứ, cột tâm vào vô sở hữu và căn lành thành thục, đầy đủ oai xứ, tâm và pháp vô sở hữu tương nghi, giới luật. Đó gọi là hiện pháp ứng. Đó gọi là vô sở hữu xứ định. tư lương. Bốn, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ định. TỨ CHỦNG Ý THÚ Trước là thức xứ tức có tưởng, (A tỳ đạt ma tạp tập vô sở hữu xứ tức vô tưởng. Đến đây bỏ có tưởng ở trước, luận) gọi là chẳng có tưởng, bỏ không Một, Bình đẳng ý thú. tưởng ở sau, gọi là chẳng phải Ý tức là tâm ý. Thú tức là không tưởng. hướng về. Từ trong nhân đời xưa, Người tu lại chán định vô sở Bồ tát tu hạnh bình đẳng mà thành hữu xứ, giống như si mê, như say, chánh giác. Đời này, xuất hiện dạy như ngủ, như mờ ám, không thể có dỗ chúng sanh, so với đời xưa, ái nhiễm, an vui. Vì vậy quyết tu không khác. Đó gọi là bình đẳng ý tinh cần công đức, bỗng nhiên định thú. chân thực phát sinh, không thấy có Hai, Biệt thời ý thú. tướng mạo, hoàn toàn vắng bặt, Đời này, chúng sanh tu tập thanh tịnh vô vi, đó gọi là phi hữu nghiệp lành, cầu sanh về thế giới tưởng phi vô tưởng định. Cực lạc, khi chết vãng sanh về đó, không còn thối lui, bởi vì chủng tử TỨ CHỦNG TƯ LƯƠNG của cái nhân hiện giờ làm nhân, đã (Du già sư địa luận) thành thục vào thời gian khác (trước). Đó gọi là biệt thời ý thú. Một, Phước đức tư lương. Ba, Biệt nghĩa ý thú.

Tất cả pháp không có tự tánh, Đối trị thân, tâm thô tháo, nặng không thể chấp chặt vào văn cú và nề, nên phát khởi thân, tâm nhẹ giữ chặt lấy ý nghĩa. Phải xa lìa nhàng, an ổn. Đó là sinh khinh an tướng văn tự để mong cầu ý vị tác ý. nghĩa lý. Đó gọi là biệt nghĩa ý thú. Bốn, Tịnh trí kiến tác ý. Bốn, Chúng sanh ý nhạo ý thú. Tịnh trí tức là trí huệ thanh tịnh. Bồ tát thấy chúng sanh tu được Dùng trí huệ này chiếu soi các pháp một việc lành thì khen ngợi, làm đều không, thì nội tâm liền được cho chúng thêm phấn chấn; thấy vắng lặng. Do được sự vắng lặng chúng sanh tham lam nhiều thì này, thấy được lý chân thật. Đó là khen ngợi cõi Phật thanh tịnh tuyệt tịnh trí kiến tác ý. vời để trừ bớt lòng ham muốn của chúng; thấy chúng sanh lười biếng TỨ CHỦNG NIỆM thì khen ngợi sự tinh tấn của chư PHẬT Phật không thôi, để trừ bớt sự biếng (Phổ hiền hạnh nhác của chúng, và khiến cho sanh lòng chánh tín, ưa thích phát tâm nguyện ký) hướng về Phật pháp. Đó gọi là Một, Xưng danh niệm Phật. chúng sanh ý nhạo ý thú. Gọi danh hiệu Phật A di đà, nhất tâm suốt ngày đêm, hoặc 1000 TỨ CHỦNG

TÁC Ý biến, cho đến 10.000 biến. Cứ như (Du già sư địa luận) thế trải qua năm tháng, niệm niệm tương tục, nhất tâm chuyên chú, thì Một, Điều luyện tâm tác ý. đến khi chết, nhất định thấy được Điều luyện là điều đình và Phật A di đà hiện thân tiếp đón về luyện tập. Đối với pháp đã chán nước Cực lạc. (Tiếng Phạn là A di ghét, nên làm cho tâm chán ngán, đà, tiếng Hoa là Vô lượng thọ). xa lìa. Đó là điều luyện tâm tác ý. Hai, Quán tượng niệm Phật. Hai, Tư nhuận tâm tác ý. Quán hình tượng đẹp đẽ của Tư nhuận là sinh trưởng và Phật A di đà. Miệng gọi tên Phật thấm nhuần. Đối với các pháp đáng thì tâm không tán loạn. Vì tâm vui tươi thích thú làm cho sinh không tán loạn, thì Phật từ bổn tánh trưởng thấm nhuần và khiến tâm hiển hiện ra. Như thế cứ niệm niệm vui vẻ. Đó là tư nhuận tâm tác ý. liên tục, chuyên chú nhất tâm, cho Ba, Sinh khinh an tác ý. đến lúc chết, chắc chắn thấy Phật A Khinh an là thân nhẹ nhàng, di đà hiện thân tiếp đón, quyết định tâm an ổn. Đối với pháp đáng chán, được vãng sanh về thế giới cực lạc. khiến tâm chán ghét, xa lìa, đối với Ba, Quán tưởng niệm Phật. pháp đáng vui tươi, khiến tâm vui Ngồi ngay thẳng, tâm chánh vẻ, an trú vắng lặng. niệm, mặt xoay về hướng tây, tâm thành quán sát, hoặc tướng lông

trắng giữa hai chân mày của Phật A Ba, Mãn túc công đức bạch di đà, cho đến tướng bánh xe có pháp. ngàn căm ở dưới lòng bàn chân. Cứ Người tu hạnh Bồ tát, siêng quán tưởng như vậy từ trên xuống năng dũng mãnh, tu đầy đủ các dưới và ngược lại, cho đến khi hạnh để công đức đầy đủ, nên gọi thuần thục thì chánh định xuất hiện. là mảng túc công đức bạch pháp. Lúc chết, chắc chắn được vãng Bốn, Chứng bạch pháp. sanh về thế giới cực lạc. Người tu Bồ tát hạnh, hạnh Bốn, Thật tướng niệm Phật. trong sạch đã thành tựu, công đức Niệm thân pháp tánh của Phật đã tròn đầy, chứng được quả Phật, A di đà, thì chứng được lý thật nên gọi là chứng bạch pháp. tướng, không hình không tướng giống như hư không, tâm và chúng TỨ CHỦNG PHÁP VI sanh xưa này bình đẳng. Cứ niệm THIỆN HỮU như thế, thì đó là chân niệm, niệm (Đại bửu tích niệm tương tục, chánh định hiện tiền, chắc chắn vãng sanh về thế chánh pháp kinh) giới cực lạc. Một, Cầu Bồ đề giả. Trong chúng sanh, nếu có TỨ CHỦNG BẠCH người phát tâm ưa cầu đạo Bồ đề, PHÁP thì đó là bạn lành của Bồ tát. (Thắng tư duy Phạm Hai, Tác đại pháp sư. Người hiểu thấu diệu nghĩa của thiên sở vấn kinh luận) chánh pháp thì làm một vị pháp sư Người tu hạnh Bồ tát, phải tu lớn, vì chúng sanh mà nói pháp tập tất cả pháp thiện bạch tịnh, xa mầu. Nhờ hạnh chánh đáng này, lìa các pháp ác đen tối của bốn khiến cho chúng sanh tiến tu. Đó là đường dữ. bạn lành của Bồ tát. Một, Dục bạch pháp. Ba, Văn tư tu huệ. Người tu hạnh Bồ tát, nghe Người dùng ba huệ văn, tư, tu, chánh pháp của Phật, nghĩa lý sâu thúc đẩy siêng năng làm cho tất cả xa, lòng sanh ước muốn an vui căn lành phát sanh. Đó gọi là bạn không dừng, nên gọi là dục bạch lành của Bồ tát. pháp. Bốn, cầu Phật pháp giả. Hai, Hạnh bạch pháp. Người tu tập phạm hạnh, chỉ Người tu hạnh Bồ tát, siêng tu cầu pháp của Phật, thì có thể lìa xa tập lục độ, chỉ vì lợi ích cho chúng phiền não, ra khỏi thế gian. Đó là sanh ở thế gian, mà không cầu quả bạn lành của Bồ tát. báo cho mình, nên gọi là hạnh bạch pháp.

TỨ PHÁP LY MA ĐẠO Hai, Tụng tập kinh tiên khổ hậu lạc. (Đại bảo tích Người không từ cực khổ, miệng chánh pháp kinh) tụng kinh, tâm thực tập theo nghĩa Một, Bất

ly Bồ đề tâm. lý của kinh cho đến lúc thành thục, Bồ tát tu tập các hạnh lành, có thể như thuyết tu hành, chứng thường muốn cứu độ tất cả chúng được đạo quả và được an vui của sanh, mà không xa lìa tâm Bồ đề, vì Niết bàn. Vì vậy gọi là đọc tụng, tu vậy xa lìa con đường của tà ma. tập theo kinh điển của Phật thì Hai, Vô não hại tâm. trước khổ sau vui. Bồ tát tu tập các hạnh từ thiện, Ba, Tọa thiền niệm định tiên đối với tất cả chúng, luôn nuôi lòng khổ hậu lạc. thương xót, không sanh tâm làm Người không từ cực nhọc, toạ phiền muộn và tổn hại chúng, vì thiền, chánh niệm và chánh định. vậy xa lìa con đường của tà ma. Do sức thiền định, tuần tự vào được Ba, Minh liễu chư pháp. Tam muội chứng được đạo quả và Đối với tất cả pháp, Bồ tát dùng được niềm vui của Niết bàn. Vì vậy trí huệ soi xét, thấu triệt rõ ràng, gọi là toạ thiền niệm định trước khổ ngay thẳng, không chướng ngại. Vì sau vui. vậy xa lìa con đường tà ma. Bốn, Sổ xuất nhập tức tiên khổ Bốn, Bất sanh khinh mạn. hậu lạc. Bồ tát rõ thấu các pháp bình Người không từ cực nhọc, tu đẳng, đối với chúng sanh thường tu tập sổ tức, tự nhiên tán loạn không hạnh không xem thường và tâm còn, tâm được vắng lặng, vững không kiêu mạn. Vì vậy xa lìa con vàng nơi chánh lý, cùng với định đường tà ma. tương ứng. Nhờ đây mà chứng được đạo quả và được an vui của TỨ SỰ TIÊN KHỔ HẬU Niết bàn. Vì vậy gọi là tu tập sổ tức LẠC trước khổ sau vui. (Tăng nhất A TỨ MA hàm kinh) (Du dà sư địa luận) Một, Tu tập phạm hạnh tiên khổ hậu lạc. Tiếng Phạn là Ma, gọi đủ là Ma Phạm là tịnh. Người không từ la, tiếng Hoa là Năng đoạt mạng cực nhọc, tu tập tịnh hạnh. Tịnh hoặc gọi là Sát giả. Nghĩa là hay hạnh đã vững vàng thì có thể chứng cướp mạng sống trí huệ và giết hại được đạo quả và được sự an lạc của các căn lành xuất thế. Niết bàn. Vì vậy gọi là tu phạm Một, Uẩn ma. hạnh trước khổ sau vui. Uẩn giống như tích tụ (tụ tập, chứa nhóm: sắc, thọ, tưởng, hành,

thức chứa nhóm mới thành quả khổ nghĩ rằng thế gian có giới hạn, nếu sống, chết. Pháp sanh tử này hay nhớ đến kiếp thành, thấy thế gian cướp mạng trí huệ, nên gọi là uẩn thành tựu, liền nghĩ rằng thế gian ma). vô biên. Đó gọi là hữu biên, vô Hai, Phiền não ma. biên luận. Tất cả phiền não, vọng tưởng Ba, Bất tử kiểu loạn luận. trong ba cõi, vì những thứ này mà Ngoại đạo, nếu có người hỏi người tu hành tâm thần bị não loạn, pháp thiện và bất thiện của thế mê mờ, không thể thành tựu Bồ đề. gian, hoặc hỏi các pháp Tứ đế khổ, Đó gọi là phiền não ma. tập, diệt, đạo của thế gian, liền tự Ba, Tử ma. nói rằng ta dựa theo trời Tịnh thiên Tử là tứ đại phân tán, là chết bất tử, không vặn hỏi lộn xộn, tức vậy. Vì chết sớm mà người tu hành là đối với vấn nạn ấy đều cho là không thể tiếp tục huệ mạng. Đó những lời nói lộn xộn (không đáng gọi là tử ma. quan tâm). Bốn, Thiên ma. (Tịnh thiên tức là Phạm thiên. Ma này ở tầng trời thứ sáu, cõi Ngoại đạo cho rằng Phạm thiên bất dục giới. tử. Không vặn hỏi lộn xộn là Phạm Nếu có người siêng năng tu thiên thường ở trong định, nên hành, muốn ra khỏi sống, chết ba không có tạp loạn và biện giải vấn cõi, thì thiên ma này gây ra chướng nạn). ngại, nổi lên bao nhiêu việc rối Bốn, Vô nhân kiến luận. loạn, làm cho người tu hành không Ngoại đạo cho rằng ngã (cái ta) thể thành tựu căn lành xuất thế. Đó và các pháp thế gian, đều không có gọi là thiên ma. nguyên nhân bắt đầu. Khi thấy gió (Tầng trời thứ sáu cõi dục giới là lớn bỗng nỗi lên, trong một thời trời Tha hoá tự tại) gian im lặng, ngừng thổi, hoặc khi thấy một con sông hung tợn, nước NGOẠI ĐẠO TỨ LUẬN chảy lênh láng, trong

một thời gian (Du già sư địa luận) rồi rồi bỗng nhiên khô kiệt, hoặc thấy cây trái sum suê, tươi tốt, Một, Thường luận. trong một thời gian rồi héo khô, rơi Ngoại đạo cho rằng Ngã (cái ta) rụng. Vì lý do như vậy, mà cho là và các pháp thế gian đều thường không có nguyên nhân và lập ra vô còn, lại thấy các thức lưu chuyển nhân luận. Đó gọi là vô nhân kiến liên tục, từ đời này sang đời khác, luận. không hề dứt, nên phát khởi lên thường kiến. Đó gọi là thường luận. NGOẠI ĐẠO TỨ KIẾN Hai, Biên vô biên luận. (Hoa nghiêm kinh Ngoại đạo, nếu nhớ đến kiếp hoại, thấy thế gian tiêu tan, liền sớ)

Sớ nói: ngoại đạo cho rằng mọi thứ không giống nhau; nên gọi là tứ nhận thức không ra ngoài bốn nhận vi đà điển, sách này chưa truyền thức sau: Số luận cho là một; đến Trung hoa. Thắng luận cho là khác; Lặc sa bà Một, A do. cho là cũng một cũng khác; Ni kiền Tiếng Phạn là A do, tiếng Hoa đà Nhã đề tử cho là chẳng phải một là phương mạng, cũng gọi là thọ chẳng phải khác. (sống lâu), là sách nói về tu dưỡng (Tiếng Phạn là Lặc sa bà, tiếng tánh nết. Hoa là khổ hạnh. Tiếng Phạn là Ni Hai, Thù dạ. kiền đà, tiếng Hoa là ly hệ. Nhã đề Tiếng Phạn là Thù dạ, là sách là tên của mẹ, tên mẹ và tên con gọi nói về tế tự, cầu đảo. chung là Nhã đề tử). Ba, Bà ma. Một, Kế nhất. Tiếng Phạn là Bà ma, là sách Số luận sư cho trong nhân có nói về lễ nghĩa, bói toán, binh pháp. quả, nhân và quả không khác nhau, Bốn, A đạt ba. nên gọi là một. Tiếng Phạn là A đạt ba, là sách Hai, Kế dị. nói về một số kỹ năng kỳ lạ, chú Thắng luận sư cho trong nhân thuật, phương thuốc (trị bệnh). không có quả; nhân và quả không cùng một lúc; nên gọi là khác. HỮU VÔ TỨ CÚ Ba, Cho là cũng một cũng khác. (Hoa nghiêm kinh Lặc sa bà luận sư cho là trong nhân có quả gọi là một; trong nhân sớ) không quả gọi là khác; vừa có vừa Một, Hữu cú. không gọi là cũng một cũng khác. Ngoại đạo cho là ngã (cái ta) và Bốn, Cho là chẳng phải một thân năm uẩn là có thật. Đó gọi là chẳng phải khác. hữu cú, tức là chấp thường kiến. Ni kiền đà Nhã đề tử cho rằng Hai, Vô cú. nhân quả chẳng phải một, chẳng Ngoại đạo cho là ngã (cái ta) và phải khác; không giống nhau thì thân năm uẩn là không (có thật). cho là một là khác; nên gọi là phi Đó gọi là vô cú, tức là chấp đoạn nhất phi dị. kiến. Ba, Diệc hữu diệc vô cú. TỨ VI ĐÀ Vì ngoại đạo muốn bỏ hai lỗi (Ma đăng già kinh và trên, nên cho ngã và năm uẩn vừa có vừa không, tức là rơi vào kiến phiên dịch danh nghĩa) chấp trái ngược tướng có, không. Tiếng Phạn là Vi đà, tiếng Hoa Bốn, Phi hữu phi vô cú. là Trí luận, tức là luận do Bà la Ngoại đạo muốn tránh cái thấy môn làm ra. Dùng trí thế gian làm tướng có, không trái nhau ở trên, ra các sách dưỡng sinh và có bốn nên nêu lên phi hữu phi vô cú và

cho rằng ngã và năm uẩn là cái thấy NHẤT DỊ TỨ CÚ chẳng phải có, chẳng phải không; (Thành duy thức nhưng như thế, lại thành ra cái thấy hí luận. luận). Ngoại đạo suy luận không ra THƯỜNG ĐẲNG TỨ CÚ ngoài hai kiến chấp đoạn và (Hoa nghiêm kinh thường. Hoặc chấp hữu, tức là sớ) thường kiến, hoặc chấp vô, tức là đoạn kiến. Trong chấp hữu còn đề Một, Thường cú. cập đến một và khác, nên có tứ cú. Ngoại đạo cho rằng ngã (cái ta) Một, Chấp hữu pháp dữ hữu của đời trước, tức là ngã (cái ta) đẳng tánh kỳ thể định nhất. của đời này liên tục, không gián Chấp hữu pháp là đối với các đoạn, nên rơi vào thường kiến. Đó pháp năm ấm, chấp là thật có. gọi là thường cú. Hữu đẳng tánh là chấp các pháp Hai, Vô thường cú. năm ấm đều có tự tánh. Ngoại đạo

cho rằng ngã (cái ta) Kỳ thể định nhất là tánh đi theo của đời này, không phải từ cái nhân pháp, cái thể của nó không khác đời trước; nên rơi vào đoạn kiến. nhau, nên gọi là định nhất. Đó gọi là vô thường cú. Hai, Chấp hữu pháp dữ hữu Ba, Diệt thường diệt vô thường đẳng tánh tỳ thể định dị. cú. Ngoại đạo chấp pháp và tánh, Ngoại đạo thấy hai kiến chấp cái thể của mỗi thứ không giống trên đều sai lầm, liền cho ngã (cái nhau, nên gọi là định dị. ta) là thường, còn thân vô thường. Ba, chấp hữu pháp dữ hữu đẳng Nếu xa lìa thân thì không có ngã. tánh diệc nhất diệc dị. Đó cũng sai, nên gọi là vừa thường Ngoại đạo chấp pháp và tánh, vừa vô thường. cái thể của chúng cũng giống cũng Bốn, Phi thường phi vô thường không giống, nên gọi là vừa một cú. vừa khác. Ngoại đạo cho rằng thân có đổi Bốn, Chấp hữu pháp dữ hữu khác, nên chẳng phải thường; ngã đẳng tánh phi nhất phi dị. (cái ta) không đổi khác nên phi vô Ngoại đạo chấp pháp và tánh, thường. Nếu lìa thân, thì cũng cái thể của chúng chẳng phải giống không có ngã. Như vậy cũng sai; chẳng phải không giống, nên gọi là nên gọi là phi thường phi vô phi nhất phi dị. thường cú. ĐIỂU TỨ SANH (Khởi thế nhân bổn kinh)

Vua loài chim Kim Xí và loài Vua chim Kim Xí sanh bằng rồng đều có đầy đủ bốn cách sanh ẩm thấp, ở phía tây của cây Cư trá noãn, thai, thấp, hoá. Kinh nói: ở xa ma ly, khi muốn bắt rồng, thì phía bắc biển lớn có một cây đại bay về hướng tây của cây và nước thọ có tên là Cư trá xa ma ly, cao biển mở rộng ra 800 do tuần mới 100 do tuần, cành lá che kín 50 do bắt được rồng. tuần. Kim Xí điểu và các loài rồng Vua chim này chỉ có thể bắt đều nương bốn phía cây này làm loài rồng sanh bằng noãn, thai, thấp nơi ở. Mỗi phía đều có cung điện, mà không thể bắt được rồng sanh ngang dọc rộng 600 do tuần, bảy bằng hoá. lớp tường bao bọc, bảy báu trang Bốn, Hoá sanh. nghiêm. Vua chim Kim Xí sanh bằng (Tiếng Phạn là Cư trá xa ma ly, hoá, ở phía bắc cây Cư trá xa ma tiếng Hoa là Lộc tụ. Tiếng Phạn do ly, khi muốn bắt rồng thì bay về tuần, tiếng Hoa là hạn lượng). hướng bắc của cây và nước biển Một, Noãn sanh. mở rộng ra 1600 do tuần. Các con Vua chim Kim xí sanh bằng rồng ấy đều bị vua chim này ăn. trứng, ở phía đông cây Cư trá xa Kinh Lâu thán nói: Chim Kim Xí ma ly, khi muốn ăn rồng thì bay lên có bốn cách sanh, lại ăn loài rồng cành cây phía đông, quan sát nước cũng có bốn cách sanh. trong biển lớn, rồi bay xuống dùng hai cánh quạt nước biển làm cho LONG TỨ SANH nước mở rộng ra 200 do tuần và bắt (Khởi thế nhân bổn lấy rồng ăn. Vua chim này chỉ có thể bắt kinh) loài rồng sanh bằng trứng ăn, mà Một, Noãn sanh. không thể bắt được loài rồng sanh Rồng sanh bằng trứng, ở phía bằng thai, thấp, hoá. đông cây Cư trá xa ma ly, chỗ ở là Hai, Thai sanh. cung điện làm bằng bảy báu trang Vua chim Kim Xí sanh bằng nghiêm. thai, ở phía nam của cây Cư trá xa Hai, Thai sanh. ma ly, khi muốn bắt rồng thì bay Rồng sanh bằng thai, ở phía lên trên cây, rồi bay xuống, làm nam của cây, chỗ ở là cung điện cho nước mở rộng 400 do tuần và làm bằng bảy báu trang nghiêm. bắt lấy rồng ăn. Ba, Thấp sanh. Vua chim này chỉ có thể bắt Rồng sanh bằng ẩm thấp, ở phía được rồng sanh trứng, hay sanh tây của cây, chỗ ở là cung điện làm thai, mà không thể bắt loài rồng bằng bảy báu trang nghiêm. sanh bằng thấp hay hoá được. Bốn, Hoá sanh. Ba, Thấp sanh. Rồng sanh bằng cách hoá sanh, ở phía bắc của cây, chỗ ở là cung

điện làm bằng bảy báu trang Quảng Mục; Bắc phương là Đa nghiêm. văn).

A TU LA TỨ SANH TỨ CHỦNG PHÁP LY BỒ TÁT HẠNH (Lăng nghiêm kinh) (Đại bảo Tích Tiếng Phạn là A tu la, tiếng chánh pháp kinh) Hoa là Phi thiên, vì có quả báo rất Một, Nghi hoặc Phật pháp. tốt, gần bằng trời mà không phải Người đời trước không trồng trời. căn lành. Đối với Phật pháp hay Một, Noãn sanh. sanh tâm nghi ngờ, không ưa không Nếu ở trong quỷ đạo, dùng sức thích. Đó là lý do xa lìa hạnh Bồ hộ trì Phật pháp, nương thần thông tát. đi vào hư không, loại A tu la này từ Hai, Ngã kiến cống cao. trứng mà sanh ra, được thu vào quỷ Người chấp lầm ngã kiến, lòng thú. ôm đầy cống cao, ngã mạng, sân Hai, Thai sanh. hận đối với tất cả chúng sanh. Đó là Nếu ở trong cõi trời, phước hết lý do xa lìa hạnh Bồ tát. rơi xuống, sanh vào con đường ấy, Ba, Tật tha lợi dưỡng. chọn được nơi ở, gần mặt trời, mặt Thấy người khác được lợi trăng. Loại A tu la này từ thai sanh dưỡng, nỗi lòng tham lam, lại sanh ra, thu vào nhân đạo. tâm ghen ghét. Đó là lý do xa lìa Ba, Thấp sanh. hạnh Bồ tát. một bộ phận thấp kém trong Bốn, Bất kính tín. loại A tu la, sanh ở giữa biển lớn, Người có tâm chấp chặt tà kiến, chỗ nước sâu, ban ngày đi lại trong đối với Phật và Bồ tát không sanh hư không, chiều tối về ngủ dưới lòng tin tưởng và kính ngưỡng, nước. Loại A tu la này, nhờ khí ẩm cũng không khen ngợi, mà lại còn thấp mà có, thuộc loại súc sanh. gièm pha. Đó là lý do xa lìa hạnh Bốn, Hoá sanh. Bồ tát. Có loại A tu la, giữ gìn thế giới, có thế lực không sợ ai, hay cùng TỨ NHÂN HỮU Phạm thiên và Đế thích với Tứ CHƯỚNG thiên vương tranh giành quyền (Cứu cánh Nhất thừa hành. Loại A tu la này, nhờ biến hoá mà có, thuộc vào thiên đạo. bảo tánh luận) (Tứ thiên vương là Đông Chướng là che đậy, ngăn trở. phương là Trì quốc; Nam phương Chướng ngại của bốn loại là Tăng trưởng, Tây phương là người nhất xiển đề, không thể sanh tâm chánh tín để hiểu được nghĩa lý

của chánh pháp; chìm đắm trong đại bi làm lợi ích cho tất cả chúng không tịch, nên nói có bốn hạng sanh. Đó gọi là chướng ngại không người có chướng ngại. phát tâm đại bi của Độc giác. (Tiếng Phạn là Nhất xiển đề, tiếng Hoa là Tín bất cụ). THUYẾT PHÁP TỨ Một, Nhất xiển đề bất tín BÁNG chướng. (Hoa nghiêm kinh Người này không tin nhân, quả, chê bai Đại thừa. Đó gọi là nhất Tuỳ sớ diễn nghĩa sao) xiển đề chướng ngại vì không tin Một, Định hữu thị tăng ích chánh pháp. báng. Hai, Ngoại đạo chấp ngã Định hữu là không biết lý chân chướng. như, lìa tướng vắng lặng, tánh vốn Những người bị trói buộc vào không có, mà nói là chân như chắc kiến thức thần ngã, phần lớn không chắn có, thì càng sai lầm. hiểu nghĩa lý Phật pháp nên gọi là Hai, Định vô thị tổn diệt báng. ngoại đạo. Định vô là không biết lý chân Ngã tức là ở trong thân ngũ ấm như, không thể biến đổi, hoại diệt, cưỡng lập nên có chủ tể, gọi đó là tánh vốn không phải không, mà nói ngã. chắc chắn rằng chân như không có, Ngoại đạo cho rằng tội, phước, thì càng sai lầm. khổ, vui tự có nguyên nhân không Ba, Diệc hữu diệc vô thị tương thể thay đổi, (con người) phải nhận vi báng. lấy mà thôi, chấp chặt vào ngã Diệc hữu diệc vô là không biết kiến, không tin tưởng Phật pháp. lý chân như. Đó là không đối với Đó gọi chướng ngại do chấp ngã có và có đối với không (không của ngoại đạo. trong có và có trong không), mà nói Ba, Thinh văn uý khổ chướng. là chân như là có, như vậy không Nghe giáo lý của Phật, nên gọi biết chân như cũng là không. là Thinh văn. Bậc

Thinh văn sợ sệt Tương tự nói chân như là không, cái khổ sanh tử của thế gian, vui như vậy không biết chân như cũng đắm chân không. Đó gọi là chướng là có. ngại do sợ khổ của Thinh văn. Chấp vào hai bên (có, không) Bốn, Độc giác xả bi chướng. thì sai lầm vì tướng trái ngược có, Những người sanh ra không không. gặp Phật xuất thế, ở một mình trên Bốn, Phi hữu phi vô thị hí luận đỉnh núi cao, quán sát mọi hiện báng. tượng thay đổi, tự mình giác ngộ Phi hữu phi vô là không biết lý chân không, nên gọi là Độc giác. chân như có đầy đủ phẩm chất có, Những vị Độc giác này, chỉ độ không mà nói chân như không phải được mình mà không thể khởi tâm là có, hay nói chân như không phải

là không. Có, không hai bên không trừ nghiệp chướng và chứng quả. chắc chắn, thì sai lầm vì hí luận. Đó là lỗi lầm không có được vắng lặng. TỨ THỨC TRÚ Hai, Nội ngoại biến dị quá thất. (Bảo tích kinh) Chúng sanh do nội tâm loạn tưởng, ngoại cảnh đổi dời. Tâm và Một, Sắc thức trú. cảnh tương ưng càng thêm đổi Sắc là đối tượng của nhãn căn. khác. Vì vậy mới nói rằng tâm theo Lúc ý thức bên trong với sắc ở bên cảnh khởi lên, cảnh đổi tâm sanh, ngoài. Thức đối với sắc sanh vui phiền não triền miên, không sao thích nên giữ lại. Vì vậy gọi là thức giải thoát. Đó là lỗi lầm trong tâm ở trong sắc. ngoài cảnh đổi thay. Hai, Thọ thức trú. Ba, Phát khởi ác hạnh quá thất. Thọ là lãnh nạp. Lúc ý thức Chúng sanh do phiền não mê nhận lãnh sáu trần. Thức đối với lầm, tạo ra vô vàn ác nghiệp sát, thọ sanh vui thích, nên giữ lại, vì đạo, dâm, vọng. Trôi nổi trong sanh vậy gọi là thức ở trong thọ. tử, không có ngày ra khỏi. Đó là lỗi Ba, Tưởng thức trú. lầm do làm việc ác. Tưởng là tư tưởng. Lúc ý thức Bốn, Nhiếp thọ nhân quá thất. tưởng đến bóng dáng sáu trần, Chúng sanh do tạo vô vàn nhân Thức đối với tưởng sanh vui thích, ác, nên phải chịu quả khổ ở đời sau, nên giữ lại, vì vậy gọi là thức ở luân hồi xoay chuyển, không sao trong tưởng. giải thoát. Đó là lỗi lầm do từ nhân Bốn, Hành thức trú. ác. Cái tâm tạo tác gọi là hành. Lúc ý thức khởi lên các hành, thức đối TỨ VÔ MINH với hành sanh vui thích, nên giữ lại (Tông cảnh lục) vì vậy gọi là thức ở trong hành. Vô minh là không hiểu rõ đệ HỮU LẬU TỨ CHỦNG nhất nghĩa. Vô minh tức là mê lầm. QUÁ THẤT Một, Triền vô minh. (Du già sư địa Triền là trói buộc. Do vô minh trói buộc, không thể ra khỏi sống, luận) chết, nên gọi là triền vô minh. Hữu lậu là rơi rớt sống, chết Hai, Tuỳ miên vô minh. trong ba cõi. Vô minh, phiền não theo đuổi Một, bất tịch tĩnh quá thất. mãi không thôi, ẩn núp trong thức Chúng sanh chạy theo căn trần, thứ tám, nên gọi là tuỳ miên vô nỗi lên các vọng tưởng, điên đão, minh. tán loạn mà không có chút công Ba, Tương ứng vô minh. phu thiền định nào, không thể dứt

Ý thức duyên cảnh của sáu trần. ghét, xa lìa, khiến cho tâm được Thức và cảnh tương ưng rồi vô thanh tịnh. minh, phiền não nỗi lên, nên gọi là Bốn, Thừa sự tham. tương ứng vô minh. Đối với những người chạy theo Bốn, Độc đầu vô minh, cũng thế lực phục vụ cho người ta mà gọi là bất cộng vô minh. nỗi lòng tham đắm, người tu hành, Chưa có cảnh sáu trần làm đối quán sát việc xu phụ quyền thế, tượng, mà một mình ý thức tưởng phục vụ cho người, tự mình tưởng tượng cảnh của sáu trần. Trong tượng đến cái chết giống như cây trường hợp này thức và cảnh không khô mà sanh lòng chán ghét, xa lìa, tương ứng, nên gọi là độc đầu vô khiến cho tâm thanh tịnh. minh. TỨ DỤC TỨ CHỦNG THAM (Pháp uyển châu lâm) (Du già sư địa luận) Một, Tình dục. Một, Hiển sắc tham. Chúng sanh ở dục giới, đối với Đối với những người khác khởi cảnh

nam nữ yêu thương mà khởi lòng tham đắm với các màu sắc lên lòng tham dục, nên gọi là tình xanh, vàng, đỏ, trắng, nhưng với dục. người tu hành thì quán sát sắc làm Hai, Sắc dục. nên màu xanh với tưởng tượng sự Chúng sanh ở dục giới có nhiều héo rửa tàn rụng của nó mà sanh nam nữ đẹp đẽ, gợi cảm mà khởi lòng chán ghét, xa lìa, khiến cho lên lòng tham dục, nên gọi là sắc tâm được thanh tịnh. dục. Hai, Hình sắc tham. Ba, Thực dục. Đối với những hình tướng và Chúng sanh ở dục giới, có màu sắc dài, ngắn, đẹp đẽ thì khởi nhiều thức ăn thức uống ngon lòng tham đắm. Người tu hành miệng, bổ dưỡng mà khởi lòng quán sát các hình tướng này với tham dục, nên gọi là thực dục. tưởng tượng sự mục nát, hư hao mà Bốn, Dâm dục. sanh lòng chán ghét, xa lìa, khiến Chúng sanh ở dục giới, có nhiều cho tâm được thanh tịnh. nam nữ chung chạ, giao hợp, nên Ba, Diệu xúc tham. gọi là dâm dục. Xúc là va chạm, đắm say. Sự xúc chạm mềm mại, trơn TỨ PHƯỢC cũng gọi là Tứ láng, dễ chịu vào thân thể mình hay kết người thì sanh lòng tham đắm, (Tỳ bà sa luận) người tu hành quán sát thân này với tưởng tượng bao nhiêu côn trùng và Phược là trói buộc, cũng có vòi làm nên mà sanh lòng chán nghĩa liên tục. Chúng sanh do ái

dục trói buộc, trôi nổi trong sống, Chảy xuôi không quay ngược chết, liên tục không dứt, nên gọi là lại gọi là lưu. bốn trói buộc. Chúng sanh do ba hoặc mà bị Một, Dục ái thân phược. lưu chuyển, trôi nổi trong ba cõi và Chúng sanh ở dục giới, đối với không thể quay lại bờ Niết bàn, lại năm dục luôn ưa thích, sanh tâm còn gọi là bốn con sông hung ác, là tham đắm, nổi lên các hành động vì hoặc nghiệp của nó sôi sục hung mê lầm, trói buộc mình, không thể dữ tạo thành sông, làm chìm đắm giải thoát, nên gọi là ái dục trói chúng sanh; lại còn gọi là bốn cái buộc thân. ách, là vì chúng sanh bị hoặc Hai, Sân nhuế thân phược. nghiệp này ràng buộc, giống như Chúng sanh ở dục giới, đối cái ách của con trâu buộc vào cổ để những cảnh năm dục trái ý, sanh kéo xe, không thể thoát ra được. tâm nóng giận, nổi lên các nghiệp Một, Kiến lưu. mê lầm, trói buộc thân mình, không Kiến tức là kiến hoặc trong ba thể giải thoát, nên gọi là giận dữ cõi. Ý căn tiếp xúc pháp trần, khởi trói buộc thân mình. lên kiến giải phân biệt. Do kiến Ba, Giới đạo thân phược. hoặc này, trôi lăn trong ba cõi, Giới đạo cũng gọi là giới thủ, không thể ra ngoài, nên gọi là kiến vốn không phải là giới mà cưỡng lưu. cho là giới, gọi là giới đạo, lại chọn Hai, Dục lưu. lựa để tiến hành, nên còn gọi là giới Dục tức là tư hoặc trong cõi thủ. Đó chính là các giới của ngoại dục. năm căn tham đắm năm trần, đạo. Do tà giới này mà mê lầm và nên gọi là tư hoặc, tức là tham lam, nghiệp tăng trưởng, trói buộc mình, sân hận, ngã mạn. Do tư hoặc này không được giải thoát, nên gọi là trôi lăn trong cõi dục, không thể ra giới đạo thân phược. ngoài nên gọi là dục lưu. Bốn, Ngã kiến thân phược. Ba, Hữu lưu. Ngã kiến tức là ngã thủ. Đối Hữu tức là nhân quả không mất, với pháp không phải là Niết bàn, tự nên gọi là hữu. mình phân biệt sai lầm, cho là Niết Tư hoặc ở cõi sắc và cõi vô sắc bàn, sanh tâm giữ lấy, gọi là kiến là tham, mạn…, do tư hoặc này trôi thủ. Do ngã kiến này tăng trưởng lăn trong hai cõi sắc và vô sắc, hoặc nghiệp, trói buộc mình không không thể ra ngoài, nên gọi là hữu được giải thoát, nên gọi là ngã kiến lưu. trói buộc. Bốn, Vô minh lưu. Không sáng tỏ được việc gì thì TỨ LƯU gọi là vô minh, tức là nghi hoặc (Thành thật luận) trong tư hoặc ở ba cõi. Do vô minh này, trôi lăn trong sống chết, không thể ra khỏi, nên gọi là vô minh lưu.

TỨ THỦ cho là có ngã. Ngã mạn là cho ngã (ta) là hơn hết, xem thường những (Phật tánh luận) người khác). Một, Dục thủ. Dục tức là tham dục (ham TỨ CHƯỚNG muốn). Thủ tức là nắm giữ (giữ (Hải ý Bồ tát sở vấn tịnh lấy). ấn pháp môn kinh) Ham muốn giữ lấy năm trần sắc, thanh, hương, vị, xúc ở cõi Một, Hoặc chướng. dục, nên gọi là dục thủ. Chúng sanh do các phiền não Hai, Kiến thủ. tham dục, sân hận, ngu si, căn tánh Do tà tâm phân biệt gọi là kiến, tối tăm, chậm lụt làm chướng ngại, đó là thân kiến và biên kiến. Do che khuất chánh đạo. Đó gọi là nắm lấy tà kiến này, nên gọi là kiến hoặc chướng. thủ. Hai, Nghiệp chướng. (thân kiến là đối với năm ấm Chúng sanh do các phiền não mà lầm cho là thân. Biên kiến là tham, sân, si; đối với các pháp lành, chấp lấy hoặc đoạn kiến, hoặc không thể siêng năng tu tập và theo thường kiến). thân, khẩu, ý tạo các nghiệp ác, làm Ba, Giới thủ. ngăn trở, che lấp chánh đạo. Đó gọi Chẳng phải là giới đúng mà lầm là nghiệp chướng. cho là giới, rồi giữ chặt lấy làm Ba, Báo chướng. theo, nên gọi là giới thủ, như giới Báo tức là quả báo. chó, giới gà của ngoại đạo. Chúng sanh do nhân là phiền (Giới chó, giới gà là ngoại đạo não và hoặc nghiệp mà cảm thọ quả làm cho rằng thân này từ thân gà ở báo vào các đường địa ngục, ngạ đời trước đến, nên học theo cách quỷ, súc sanh, không nghe được đứng một chân khi gặp trời lạnh. chánh đạo. Đó gọi là báo chướng. Hoặc lầm cho rằng thân trước của Bốn, Kiến chướng. ta là chó, nên ăn cứt ô uế). Chúng sanh do không nghe Bốn, Ngã ngữ thủ. chánh pháp, nỗi lên các tà kiến Hoa nghiêm sao nói: Ngã kiến, chạy theo ma sự, mất tâm Bồ đề. ngã mạn gọi là ngã ngữ. Tại sao hai Đó gọi là kiến chướng. kiến này gọi là ngã ngữ? Vì có hai loại này mà nói là có ngã, lại nói TỨ KIẾP tuỳ theo giả định mà nói, khởi lên (Phật tổ thống ký) từ ngã chấp, nương theo sự vướng mắc, rồi giữ lấy, nên gọi là ngã ngữ Tiếng Phạn là kiếp, nói đủ là thủ. kiếp ba, tiếng Hoa là phân biệt thời (Ngã kiến là đối với năm ấm, tiết. không thấu hiểu chúng hư dối, lầm

Khi người sống 840000 tuổi, trời Phạm thế là Trời Phạm chúng, trải qua 100 năm giảm đi một tuổi, họ thọ 20 tiểu kiếp. Cứ như thế dần như thế giảm đến mười tuổi thì dần xuống sống ở cõi trời Dục giới. ngưng. Lúc các trời ở cõi Quang âm hết Lại trải qua 100 năm tăng lên phước hẳn thì hoá sanh làm người, một tuổi, như thế tăng đến 840000 phi hành tự tại, không có tướng tuổi. Đây là một lần tăng, một lần nam, nữ. Suối nước ngọt từ đất giảm, thì gọi là một tiểu kiếp. phun lên, vị thơm ngon như sữa, Tăng, giảm như thế 20 lần gọi mật. Vì nếm thử những thứ này, là một trung kiếp. sanh tâm tham đắm hương vị ấy, Tổng cộng bốn trung kiếp nên mất cả thần thông và ánh sáng thành, trụ, hoại, không, gọi là một toả quanh thân. đại kiếp. Cõi thế tối đen, gió mạnh thổi Một, Thành kiếp. nước biển lên, làm cho mặt trời, Thành kiếp là thế giới thành mặt trăng nỗi bồng bềnh, đến lưng lập, có 20 tiểu kiếp. chừng núi Tu di, chiếu sáng bốn Tiểu kiếp thứ nhất : Sau kiếp thiên hạ, cho đến cả ngày đêm. hoại và không từ quá khứ. Cõi trời Lúc ấy chúng sanh, do ham mê đệ nhị thiền Quang âm thiên, mây hương vị của đất, nhan sắc thô màu vàng trải khắp không gian, kệch, buồn khổ, lại còn ăn thóc lúa mưa lớn rơi xuống và chứa đầy gió mọc tự nhiên, cứng xảm. Chất cặn bên trên, làm cho nước kết lại bã, dơ uế trong thân, muốn trừ sạch thành mưa to như bánh xe, khi gió đi, bèn sanh ra hai cái lỗ. Đó là nỗi lên, thổi nước thành bọt. Núi tu nam căn và nữ căn, vì thói quen từ di và các núi non khác mới hình kiếp trước, liền sanh tâm dâm dục, thành.

Lúc ấy tất cả loài hữu tình, vợ chồng ở chung. đều tập trung trong cõi trời Quang Chư thiên ở cõi trời Quang âm âm. Thiên chúng rất đông, chỗ ở về sau đến sống thì vào trong thai chật hẹp, phước của họ giảm bớt, mẹ và rồi sanh bằng thai. nên sanh xuống thế gian. ban đầu Lúc bấy giờ, lúa thóc tự nhiên có một thiên tử, từ trời Quang âm sớm gặt chiều chín. Gặt rồi lại mọc chết, đến sanh trong nhà đại Phạm lên. Hạt lúa dài bốn tấc. Về sau, vì Thiên. Đó là Phạm Vương, ông này người đông, tham lam lấy nhiều, từ thọ 60 tiểu kiếp. từ lúa mới có cám trấu, gặt rồi Tiểu kiếp thứ hai : Chư thiên ở không mọc lại. cõi trời Quang âm lại đến sống ở Tiểu kiếp thứ tư cho đến tiểu trong trời Phạm thế sơ thiền là trời kiếp thứ 20, đều có một tăng một Phạm phụ. Chư thiên này thọ 40 giảm, gọi là thành kiếp. tiểu kiếp. hai, Trụ kiếp. Tiểu kiếp thứ ba: Chư thiên ở Trụ kiếp là thế giới an trụ, có cõi trời Quan âm lại đến sống ở cõi hai0 tiểu kiếp.

Tiểu kiếp thứ chín, lúc tuổi thọ sạch. Cuối cùng, một kiếp tăng, con người giảm đến 50000 tuổi, thì một kiếp giảm, thì cõi đời này (khí đức Phật Cưu Lưu Tôn xuất thế lần thế gian) mới tiêu tan. thứ nhất. Lúc tuổi thọ con người Lúc ấy có bảy mặt trời ở dưới giảm đến 40000 tuổi thì Phật Câu biển mọc lên, biển cả khô hết nước, Na Hàm Mâu Ni xuất thế lần thứ núi Tu di sụp đổ, gió thổi hung tợn, hai. Giảm đến 20000 tuổi thì Phật hực lửa, đốt cháy, ở trên trời Phạm Ca Diếp xuất thế lần thứ ba. Giảm Thiên biến thành tro tàn, cho đến đến 100 tuổi thì Phật Thích Ca Mâu 3000 thế giới thiêu rụi trong Ni xuất thế lần thứ tư. khoảng khắc, gọi là kiếp hoại. Tiểu kiếp thứ mười, tuổi thọ (Phạm Thiên tức là trời sơ con người giảm đến 80000 tuổi, thiền) Phật Di Lặc xuất thế lần thứ năm. Bốn, Không kiếp. Tiểu kiếp thứ mộtnăm, ở trong Không kiếp là thế giới trống kiếp giảm, có Phật Sư Tử cho đến không, có 20 tiểu kiếp, sau kiếp Phật Dục Lạc xuất thế lần thứ sáu, hoại, từ sơ thiền Phạm thế trở tất cả 994 vị Phật liên tiếp xuất thế, xuống, thế giới trống không, giống nói pháp độ sanh. như một hang đen ngòm, không có Tiểu kiếp thứ 20, ở trong kiếp ngày đêm, mặt trời, mặt trăng, chỉ tăng, Phật Lâu Chí xuất thế, đầy đủ một khối đen sì to lớn, gọi là kiếp 1000 vị Phật. không. 20 tiểu kiếp kể trên, đều có một tăng một giảm, gọi là kiếp trụ. TỨ ĐỘ (Tiếng Phạn là Câu lưu tôn, (Quán vô lượng thọ Phật tiếng Hoa là Sở ưng đoạn. Tiếng Phạn là Câu na hàm mâu ni, tiếng kinh diệu tông sao) Hoa là Kim sắc tiên. Tiếng Phạn là Một, Đồng cư độ. Ca diếp, tiếng Hoa là Ẩm quang. Đồng cư độ là cõi có dơ dáy, có Tiếng Phạn là Lâu chí, tiếng Hoa là sạch sẽ, giống như cõi Ta bà này, Ái lạc). đầy dãy cát đá, là cõi ở chung với Ba, Hoại kiếp. dơ bẩn vậy. Hoại kiếp là thế giới tiêu tan, có Cõi Tây phương an dưỡng, 20 tiểu kiếp. vàng ngọc trang nghiêm, không có Khi hỏa tai nổi lên tan rã đến bốn đường ác, là cõi ở chung với trời sơ thiền, bắt đầu từ địa ngục, trong sạch. cuối cùng đến Phạm thiên. Chúng Tuy sạch, dơ có khác, đều là sanh hữu tình, trải qua mộtchín chỗ phàm thánh cùng ở, nên gọi là kiếp tăng, kiếp giảm, lần lượt mới đồng cư. (Tiếng Phạn là Ta bà, tiêu tan hết, chỉ còn lại khoảng tiếng Hoa là Năng nhẫn). không mênh mông của cõi đời này, Hai, Hữu dư độ. cho đến tất cả loài hữu tình đều hết

Hữu dư độ là các bậc Nhị thừa khắp mọi nơi. Đó gọi thân tự tánh đã dứt hết kiến, tư hoặc trong ba nương cõi pháp tánh. cõi, sống ở đó, nhưng còn vô minh Hai, Tự thọ dụng thân y tự thọ hoặc chưa dứt hết, nên gọi là hữu dụng độ. dư. Tự thọ dụng thân là tự mình Ba, Quả báo độ hay thật báo hưởng thọ niềm vui của pháp hỉ, độ. gọi là tự thọ

dụng thân, tức là báo Tức là chỗ ở của các vị Bồ tát thân (của mình). Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi Tự thọ dụng độ là thật báo độ. hướng của Viên giáo cho đến Đẳng Phật dùng thức thanh tịnh, tu giác. hành thành tựu từ khi mới thành Quán vô lượng thọ Phật kinh sớ Phật, đến hết vị lai, liên tiếp biến nói: chính vì tu theo pháp chân thật, hoá thành cõi Phật thuần tịnh, bao mà được quả báo tốt nhất. trùm tất cả của báu trang nghiêm, Bốn, Thường tịch quang độ. thân tự thọ dụng thường nương ở Thường tịch quang độ là cõi lý nơi đây. Đó gọi thân tự thọ dụng tánh. Thường là pháp thân. Tịch là nương ở cõi tự thọ dụng. giải thoát. Quang là Bát nhã. (Niềm vui của pháp hỉ là nghe Không biến đổi là thường. Xa pháp được vui mừng và an lạc). lìa có, không là tịch (vắng lặng). Ba, Tha thọ dụng thân y tha thọ Soi sáng tục đế, chân đế là quang. dụng độ. Đó là chỗ ở của quả Phật, diệu giác Tha thọ dụng thân là vì một cứu cánh. nguyên nhân khác mà cảm hoá hiện Tịnh danh sớ nói: Nhân là ra thân này, tức là ứng thân (tốt nguyện, hạnh tu theo Viên giáo. nhất). Nhân cùng cực, quả đầy đủ, thành Tha thọ dụng độ, tức là thật báo tựu bậc Diệu giác, ở cõi thường độ là Phật dùng sức đại từ bi, theo tịch quang. sự thích nghi của Phật địa Bồ tát, biến hoá thành tịnh độ, hoặc nhỏ, TỨ ĐỘ hoặc lớn, hoặc xấu, hoặc đẹp, thân (Hoa nghiêm kinh sớ) tha thọ dụng nương đó mà ở. Đó gọi tha thọ dụng thân nương cõi tha Một, Tự tánh thân y pháp tánh thọ dụng. độ. Bốn, Biến hoá thân y biến hoá Tự tánh thân là lấy tự tánh của độ. chân như làm thân, tức là pháp Biến hoá thân là thay đổi không thân. có một hình thức nhất định, gọi là Pháp tánh độ là lý độ, thân độ biến. Từ không mà bỗng có gọi là này, thể không sai biệt, chẳng phải hoá, tức là ứng thân. sắc tướng, ví như hư không, trùm Biến hoá độ là Phật dùng sức đại từ bi, tuỳ sự thích nghi của

chúng sanh có duyên, hoá ra cõi TỨ LUÂN TRÌ THẾ Phật, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc GIỚI sạch, hoặc nhơ, rồi Phật biến hoá (Phật tổ thống ký). thân ở các cõi ấy. Đó gọi là thân biến hoá nương nơi cõi biến hoá. Luân có nghĩa giữ gìn, chuyên chở. Hoa nghiêm kinh nói rằng: ba THẾ GIỚI TỨ TRÌ ngàn đại thiên thế giới nương ở (Hoa nghiêm kinh thuỷ luân, phong luân, không luân, sớ) không nói kim luân là nói lược. Một, Kim luân. Kinh nói: Núi Tu di kia, phong Dưới đại địa có kim luân. Kinh luân nhiều như vi trần, ở rất cao Khởi thế nhân bổn nói: Trên nước phía trên, gọi là thù thắng oai có gió, thổi chuyển động nước này, quang, hay giữ gìn biển có nước ở trên thành kim, giống như thục tô thơm, trang nghiêm là Phổ quang (bơ) sanh đề hồ (phó mát). Đó gọi ma ni, có một hoa sen lớn, gọi là là Kim luân. chủng chủng quang minh nhuỵ Hai, Thuỷ luân. hương tràng, trang nghiêm cho thế Dưới kim luân là thuỷ luân. giới ở trong biển. Kinh Bồ tát tạng nói: Phía trên Một, Năng trì phong luân. cao của phong luân là thuỷ luân trú Phong luân này có thể giữ cho ngụ. Lượng nước của nó cao đến biển hương thuỷ an trụ, nên gọi là 68000 do tuần. năng trì phong luân. Ba, Phong luân. Hai, Sở trì hương hải. Ở dưới thuỷ luân là phong luân. Biển Hương thuỷ này được Kinh Bồ tát tạng nói: Phong phong luân giữ gìn nên được an trụ, luân cao 68000 câu chi (một câu nên gọi là Sở trì hương hải. chi:100 ức). Ba, Hải xuất liên hoa. Bốn, Không luân. Trong biển Hương hải, mọc lên Dưới phong luân là không luân. một hoa sen lớn, làm thành một Kinh Hoa nghiêm nói: Không loại thế giới, sát độ mười phương, gian không có chỗ nương tựa, tuy đều được hoa sen này giữ gìn lấy, không có chỗ nương tựa, nhưng do nên gọi là Hải

xuất liên hoa. nghiệp cảm của chúng sanh, thứ Bốn, Hoa trì sát hải. lớp của thế giới được thiết lập như Hoa sen lớn này có thể giữ gìn thế. sát hải thế giới bên trong nó, bốn phương bằng nhau và sạch sẽ, vững TỨ PHONG LUÂN chắc, nên gọi là liên hoa trì sát hải. (Hoa nghiêm kinh). (Tiếng Phạn là sát, nói đủ là sát ma, tiếng Hoa là Thổ điền).
Kinh nói: bốn loại phong luân này giữ gìn thuỷ luân. Thuỷ luân

giữ gìn đại địa, khiến cho không Thắng thân, vì có thân hình đẹp tan nát; ví như khi Phật xuất hiện, hơn người ở châu Nam, lại phiên nương trí huệ vô ngại quang minh, dịch là sơ, từ đây mặt trời mọc lên mà khởi lên bốn loại trí phong luân ở phía đông núi Tu di. Cõi này phía lớn, giữ được căn lành của tất cả đông hẹp, phía tây rộng, hình thù chúng sanh. giống nữa mặt trăng, rộng khoảng Một, An trụ. 900 do tuần. Mặt người cũng giống 3000 đại thiên thế giới nương hình nữa mặt trăng. Thân người cao nơi phong luân này mà được an trụ, tám trữu, thọ 250 tuổi. ví như đại trí phong luân của Phật, (Tiếng Phạn là do tuần, cũng nuôi dưỡng tất cả chúng sanh, đều gọi là du Thiện na, tiếng Hoa là hạn làm cho vui vẻ an trụ. lượng. Đại luận nói: Do tuần có ba: Hai, Thường trú. Lớn là 80 dặm, vừa là 60 dặm, nhỏ 3000 đại thiên thế giới, nương là 40 dặm. Trữu = 18 tấc). nơi phong luân này mà được Hai, Nam Diêm phù đề. thường trụ, ví như đại trí phong Tiếng Phạn là Diêm phù đề, tiếng luân của Phật, kiến lập chánh pháp, Hoa là Thắng kim châu. Diêm phù thường trụ ở đời, làm cho chúng là tên cây, đề là tên châu. Dựa cây sanh đều sanh tâm vui vẻ. mà đặt tên, nên gọi là Diêm phù đề, Ba, Cứu cánh. ở phía nam núi Tu di. Cõi này phía 3000 đại thiên thế giới, nương nam hẹp, phía bắc rộng, hình thể nơi phong luân này làm ranh giới giống như thùng xe, rộng khoảng cùng cực, ví như đại trí phong luân 7000 do tuần. Mặt người cũng của Phật, có đầy đủ phương tiện, giống như hình thể của cõi đất. thấu suốt con đường cứu cánh vô Thân người phần nhiều cao ba trữu lậu. rưỡi. Người ở trung tâm cao bốn Bốn, Kiên cố. trữu, thọ 100 tuổi, phần nhiều chết 3000 đại thiên thế giới, nương ở trung niên. nơi phong luân mà được vững chắc, Ba, Tây Cù da ni. ví như đại trí phong luân của Phật Tiếng Phạn là Cù da ni, tiếng giữ gìn, giúp đỡ căn lành của tất cả Hoa là Ngưu hoá, châu ấy có nhiều chúng sanh, làm cho không tiêu tan trâu, lấy trâu làm của cải, nên gọi là tận diệt. ngưu hoá, ở phía tây núi Tu di. Hình thể cõi này như mặt trăng TỨ ĐẠI BỘ CHÂU cũng gọi tròn, rộng ước khoảng 8000 do là Tứ châu hình lượng tuần. Mặt tròn như trăng rằm, (trường A hàm kinh). người cao 16 trữu, thọ 500 tuổi. Bốn, Bắc
Uất đơn việt. Một, Đông Phất vu đãi. Tiếng Phạn là Uất đơn việt, Tiếng Phạn là Phất vu đãi, cũng tiếng Hoa là Thắng xứ, vì cõi này gọi là Phất bà đề, tiếng Hoa là hơn hẳn ba cõi kia. Ở phía bắc núi

Tu di, cõi này vuông vức, giống Bốn, Bắc Uất đơn việt nhật như cái ao, rộng khoảng 10000 do chánh trung thời. tuần. Mặt giống như hình thể của Cõi Uất đơn việt mặt trời giữa cõi nước, người cao 12 trữu, thọ trưa; thì cõi Cù da ni mặt trời sắp 1000 tuổi, không chết yểu. lặn, thì cõi Phất bà đề mặt trời sắp mọc; thì cõi Diêm phù đề giữa NHẬT CHIẾU TỨ CHÂU đêm. (Pháp uyển châu THẾ GIAN TỨ NGHĨA lâm)
(Tích huyền ký) Kinh Khởi thế nói: Ở kiếp đầu tiên, cõi thế gian một màu đen tối. Thế gian tức là ở trong tứ gia Lúc ấy bỗng xuất hiện mặt trời, mặt hạnh của Tạng giáo, là vị thế đệ trăng và các tinh tú, thì mới có nhất cuối cùng. Vì đây là những ngày đêm, năm

tháng, mùa màn. pháp hữu lậu, nên gọi là thế gian. Mặt trời mọc từ hướng đông, đi Cái tốt nhất trong ấy, nên gọi là đệ quanh lưng chừng núi Tu di, soi nhất. Có bốn nghĩa. sáng bốn châu, và có ngày đêm Một, Khả phá hoại. không bằng nhau. Các pháp hữu lậu của thế gian, Một, Nam Diêm phù đề nhật thể vốn giả dối, tự tánh không thật chánh trung thời. có, đều là vô thường, nên gọi có thể Cõi Phất bà đề, ở phía đông núi phá hoại. Tu di, mặt trời sắp lặn; cõi Cù da Hai, Hữu sanh diệt. ni, ở phía Tây núi Tu di, mặt trời Tất cả pháp của thế gian, đều từ sắp mọc; cõi Uất đơn việt, ở phía nhân duyên hoà hợp mà sanh ra và bắc núi Tu di, giữa đêm. từ nhân duyên xa lìa mà diệt, nên Hai, Tây Cù da ni nhật chánh gọi là có sanh, diệt. trung thời. Ba, Ẩn chân lý. Cõi Cù da ni mặt trời giữa trưa, Các pháp phiền não, hữu lậu thì cõi Diêm phù đề mặt trời sắp của thế gian, ngăn che lý chân lặn; thì cõi Uất đơn việt mặt trời không, không thể hiển lộ; nên gọi sắp mọc, thì cõi Phất bà đề giữa là ẩn chân lý. đêm. Bốn, Tánh hữu lậu. Ba, Đông Phất bà đề nhật Các pháp phiền não của thế chánh trung thời. gian, tánh của nó hay tập họp quả Cõi Phất bà đề mặt trời giữa sanh tử hữu lậu; nên gọi là tánh trưa, thì cõi Uất đơn việt mặt trời hữu lậu. sắp lặn, thì cõi Diêm phù đề mặt trời sắp mọc, thì cõi Cù da ni giữa đêm.

Y CHÁNH TỨ CÚ XÁ VỆ TỨ ĐỨC (Hoa nghiêm kinh (Phiên dịch danh Tuỳ sớ diễn nghĩa sao). nghĩa) Y chánh là y tức đất nước đang Tiếng Phạn là Xá vệ, tiếng Hoa nương tựa. Chánh tức thân mạng là văn vật, cũng gọi là phong đức, đang ở trên đất nước ấy. vì nó có đầy đủ bốn đức. Một, Y nội hiện y. Một, Cụ tài bảo đức. Là ở trong cõi nước lại hiện ra Trong nước Xá vệ, xuất hiện nhiều cõi nước. Như phẩm thành nhiều châu báu, hơn những nước tựu nói: Trong mỗi hạt bụi hiện ra khác. Đó gọi cụ tài bảo đức. vô số cõi nước không thể nghĩ bàn, Hai, Diệu ngũ dục đức. tuỳ tâm của chúng sanh mà hiện ra Trong nước Xá vệ năm dục rất trước mắt, không thiếu một cõi tốt đẹp những nước khác không nước nào. Phương tiện như thế bằng. Đó gọi là diệu ngũ dục đức. không hề sai biệt. Ba, Nhiêu đa văn đức. Hai, Chánh nội hiện chánh. Trong nước Xá vệ, châu báu Là trong một thân lại hiện ra vô đầy đủ, năm dục rất tốt đẹp, tiếng số thân. Như hiện tướng phẩm nói: vang bốn phương. Đó gọi là nhiêu Trong một lỗ chân lông của Như lai đa văn đức. có vô số đức Phật ngồi trong ấy, Bốn, Phong giải thoát đức. Chúng hội Bồ tát đi nhiễu vòng Người trong nước Xá vệ, phần tròn, nói về hạnh ưu việt của Ngài nhiều tu đạo hạnh và được giải Phổ hiền. thoát. Đó gọi là phong giải thoát Ba, Chánh nội hiện y. đức. Là ở trong thân hiện ra vô số cõi nước, như Hiện tướng phẩm TỊNH UẾ TỨ CÚ nói: Như lai an toạ tại toà Bồ đề, (Hoa nghiêm kinh một sợi lông hiện ra nhiều cõi sớ) nước, tất cả sợi lông đều hiện như thế khắp cả pháp giới. Phật nói Kinh Hoa nghiêm: Bốn, Y nội hiện chánh. Hoặc ở cõi thanh tịnh, hoặc ở cõi ô Là trong cõi nước mà hiện ra uế. nhiều thân, như phẩm Hiện tướng Một, Duy nhiễm. nói: Tất cả cõi nước nhiều như vi Nhiễm tức là dơ dáy. trần, thường hiện nhiều thân đầy Phật ở thế giới Ta bà, các nơi đủ, phóng đại quang minh vì tất cả trong nước Ma Kiệt Đề mà nói kinh chúng sanh đều thấm nhuần pháp này, che giấu tướng trong sạch, nên vũ tương ứng với tâm mình. gọi là duy nhiễm. (Tiếng Phạn là Ma kiệt đề, tiếng Hoa là Thiện thắng)

Hai, Duy tịnh. tiêu tan việc lành. Do ánh sáng này Tịnh tức là sạch sẽ. tiếp xúc với Bồ tát kia, làm cho bỏ Phật ở thế giới Hoa nghiêm mà tất cả làn sóng làm tiêu tan việc nói kinh này. Đất của thế giới ấy lành, giữ tâm vào một cảnh, trụ vào toàn là kim cương, không có tướng chánh định. dơ dáy; nên gọi là duy tịnh. Hai, Ly nhuận quang minh đại Ba, Nhiễm tịnh câu. bảo. Phật tuỳ theo từng nơi mà nói Ly nhuận quang minh đại bảo kinh này; tuỳ theo căn tánh lớn, là ví như Như lai có trí huệ lớn trừ nhỏ của chúng sanh, hiểu biết khác được tất cả pháp ái nhiễm. Do ánh nhau, hoặc là nhiễm, hoặc là tịnh; sáng này tiếp xúc với Bồ tát kia, nên gọi là có đủ nhiễm tịnh. khiến cho xả bỏ sự đắm nhiễm ý vị Bốn, Phi nhiễm tịnh. của chánh định, khởi lên thần thông Phật tuỳ theo từng nơi mà nói to lớn. kinh này, căn cơ Đại thừa, không Ba, Hoả diệm quang quang thấy có tướng nhiễm, tịnh, cùng minh đại bảo. một pháp giới, nên gọi là phi nhiễm Hỏa diệm quang quang minh tịnh. đại bảo là ví như Như lai có trí huệ lớn chiếu sáng tất cả. Do ánh sáng HẢI ĐỂ TỨ BẢO này tiếp xúc với Bồ tát kia, khiến (Hoa nghiêm kinh) cho bỏ thần thông to lớn đã được khởi lên, trụ ở hạnh đại minh công Kinh nói: Ví như trong biển lớn dụng. có bốn đại bảo vật quang minh Bốn, tận vô dư quang minh đại sáng rỡ, nằm khắp ở đáy biển, tánh bảo. chúng rất nóng, thường hút hết Tận vô dư quang minh đại bảo nước của trăm sông đổ vào biển, vì là ví như Như lai có trí huệ lớn vậy biển lớn, nước không tăng, công dụng bình đẳng vô biên. Do giảm. ánh sáng này tiếp xúc với Bồ tát Giống như biển trí huệ lớn của kia, khiến cho bỏ hạnh đại cộng Như lai, cũng có bốn trí huệ lớn quí dụng và ngưng hết tất cả công báu, đầy đủ oai đức quang minh vô dụng, làm cho không còn hữu dư lượng, làm cho chúng sanh cạn khô nữa. dòng ái dục, phá tan mờ tối ngu si; nên lấy bốn báu vật lớn này để ví TỨ HÀ dụ. (Trường A hàm kinh) Một, Nhật tàng quang minh đại bảo. Một, Khắc già hà. Nhật tàng quang minh đại bảo Tiếng Phạn là Khắc già hà, là ví như trí huệ lớn của Như lai tiếng Hoa là Thiên đường lai, vì tiêu diệt tất cả những làn sóng làm

thấy nó từ trên cao chảy xuống, còn NHẤT CẢNH TỨ TÂM gọi là Hằng hà. (Nhiếp Đại thừa luận Sông này tử cửa ngân ngưu, phía đông hồ A nậu đạt, chảy ra, thích) chảy quanh hồ một vòng rồi chảy Ví như một dòng sông, vốn vào biển đông nam. không khác nhau. Vì quả báo khác (Tiếng Phạn là A nậu đạt, tiếng nhau của trời, người, ngạ quỷ, súc Hoa là Vô nhiệt não ở phía núi sanh, nên một dòng sông mà nhìn Hương sơn, phía bắc núi Tuyết sơn, thấy có bốn tướng khác nhau. chu vi 800 lý, chung quanh bờ hồ là Một, Thiên kiến thuỷ thị bảo kim ngân, lưu ly, pha lê, đồng, thiết nghiêm địa. v.v...) Vì chư thiên phước đức nhiều, Hai, Tín độ hà. nên khi thấy nước thì thành đất Tiếng Phạn là Tín độ, tiếng Hoa trang nghiêm toàn bằng lưu ly là nghiêm hà; còn gọi là sông Tân (tiếng Phạn là lưu ly, tiếng Hoa là đầu. ngọc sắc xanh) Sông này từ cửa Kim tương, phía Hai, Nhân kiến thị thuỷ. nam hồ A nậu đạt, chảy ra, chảy Người thế gian thấy nước, trong quanh hồ một vòng rồi chảy vào đục khác nhau, nhưng đều là nước. biển tây nam. Ba, Ngạ quỷ kiến thuỷ thị nùng Ba, Phược sơ hà. huyết. Tiếng Phạn là phược sơ, tiếng Do đời trước tham lam, keo Hoa là thanh hà. kiệt, tội chướng sâu nặng, đọa vào Sông này từ cửa Lưu ly mã, ở ngạ quỷ, nhiều kiếp không nghe phía tây của hồ A nậu đạt, chảy ra; đến tên nước (để uống). Khi cơn chảy quanh hồ một vòng; rồi chảy khát thúc ép, mong được thấy nước vào biển tây bắc. sông để uống, chạy vội đến bờ thì

Bốn, Tĩ đa hà. là máu mủ. Tiếng Phạn là Tĩ đa, tiếng Hoa Bốn, Ngư kiến thuỷ thị trú xứ. là lãnh hà. Trú xứ tức là hang để ở. Cá lấy Sông này từ cửa Phả chỉ ca sư nước làm nơi để ở, bơi lặn, không tử, ở phía bắc hồ A nậu đạt, chảy thấy nước. ra, chảy quanh hồ một vòng, rồi chảy vào biển đông bắc, hoặc nói là THÔNG CỤC TỨ CÚ có mạch nước ngầm dưới đất, chảy (Hoa nghiêm kinh ra núi Tích thạch, là nguồn các sông của Trung quốc. sớ) (Tiếng Phạn là Phả chỉ ca, tiếng Một, Hoặc cục. Hoa là thuỷ tinh, tức là lưu ly) Phật nói kinh Hoa nghiêm hoặc chỉ trong nước Ma kiệt đề ở thế giới ta bà.

Hai, Hoặc thông. nên nói ánh sáng của sao dụ cho trí Phật nói kinh Hoa nghiêm Duyên giác. chung cả mười phương thế giới. Bốn, Huỳnh quang dụ Thinh Ba, Hoặc câu. văn trí. Phật nói kinh Hoa nghiêm, hoặc Ánh sáng đom đóm, chỉ soi cả nước Ma kiệt đề và mười sáng được chính nó, không thể soi phương thế giới. sáng vật khác. Lấy đó dụ cho bậc Bốn, Hoặc dân. Thinh văn, tuy quán sát Tứ đế, ngộ Nơi Phật nói kinh Hoa nghiêm, được lý chân không, nhưng chỉ độ tướng nhiễm, tịnh đều không còn, được mình, không thể độ người, vì cùng chung trong pháp giới. nên gọi là ánh sáng đom đóm dụ cho trí Thinh văn. TỨ QUANG DỤ TRÍ TỨ SỰ BẤT KHẢ TƯ (Pháp hoa văn cú và NGHÌ Hoa nghiêm Tuỳ sớ diễn nghĩa sao) (Tăng nhất A hàm Một, Nhật quang dụ Phật trí. kinh) Ánh sáng mặt trời chiếu xuống Một, Chúng sanh bất khả tư thế gian, không có một chỗ u tối nghì. nào mà không soi sáng. Dùng đó dụ Chúng sanh trong thế gian, từ cho trí huệ của Phật, không việc gì đâu đến, đi về đâu, cuối cùng thân không thấu rõ, không lý nào mà mạng ra sao, từ đâu sanh ra, đều không thấy tỏ, nên mới nói ánh không thể nghĩ bàn được, nên nói sáng mặt trời dụ cho trí của Phật. chúng sanh không thể nghĩ bàn. Hai, Nguyệt quang dụ Bồ tát Hai, Thế giới đều do nghiệp lực trí. của chúng sanh mà có; thành rồi lại Ánh sáng mặt trăng khi khuyết hoại, hoại rồi lại thành, trước sau khi đầy dùng để dụ trí huệ tuy đầy nối tiếp, không hề dứt hẳn, nên nói đủ của Bồ tát, vì phiền não vẫn còn là thế giới không thể nghĩ bàn. chưa dứt hết, nên trí huệ của Bồ tát Ba, Long cảnh giới bất khả tư lúc mờ lúc tỏ, nên gọi ánh sáng mặt nghì. trăng dụ trí của Bồ tát. Rồng làm mưa, không phải từ Ba, Tinh quang dụ Duyên giác miệng, cũng không phải từ mắt, tai, trí. mũi mà ra. Chỉ do thần lực của Sao tuy có ánh sáng, nhưng chiếu rồng làm theo ý muốn hoặc lành không xa. Lấy đó dụ cho bậc hoặc dữ, đều có thể làm mưa, nên Duyên giác, tuy quán sát mười hai gọi là long cảnh giới bất khả tư nhân duyên, ngộ được lý chân nghì. không, nhưng đối với nghĩa sâu xa Bốn, Phật cảnh giới bất khả tư của trung đạo, không thể sáng tỏ, nghì.

Thân của Như lai thanh tịnh TỨ OAI NGHI không ô uế, không thể suy lường, (Bồ tát thiên giới kinh). không thể nói năng khen hay chê, so sánh với phạm âm sâu xa trí huệ Người tu hành, tâm không biện tài, hiện thần thông nói pháp, buông lung. Hoặc đi, hoặc ngồi, tất cả trời, người, Nhị thừa đều thường điều phục tâm mình thì mới không thể so được, nên gọi là cảnh thành tựu được đạo nghiệp. Dù bất giới của Phật không thể nghĩ bàn. cứ lúc nào, dù ở đâu, trong động tác đi, đứng, nằm, ngồi tâm luôn TỨ CHỦNG TÂM chánh niệm Phật pháp, giữ đúng (Phiên dịch danh nghĩa) khuôn phép, không làm mất oai nghi. Đó là bốn oai nghi: Một, Nhục đoàn tâm. Một, Hành. Là một khối tròn máu thịt do Người tu hành, đi đứng cử cha mẹ sanh ra, hình dáng giống động, không để tâm chạy rông ra hoa sen nở, là chỗ ý thức nương ngoại cảnh, không được sơ xuất, dựa

vào đó. vội vàng, luôn ở trong chánh niệm, Hai, Duyên lự tâm. để thành tựu được chánh định. Là tâm giữ gìn mối suy tư, tâm Theo đúng pháp mà làm. này có liên quan thức thứ tám. Vì Hai, Trụ. mắt duyên sắc cho đến thức thứ Người tu hành, không hợp thời tám duyên thân căn và vũ trụ. không ở, nếu đúng lúc phải ở thì (Duyên lự tâm lấy thức thứ tám làm phải tuỳ theo chỗ ở, thường nhớ thể. Thân căn là căn tức là mắt, đến cúng dường Tam bảo, khen tai… thân là sắc thân. Chủng tử là ngợi chánh pháp, rộng nói cho hạt giống lành, dữ. Khí thế gian là người, suy nghĩ về ý nghĩa của xem thế gian như một đồ vật dùng kinh. Ở đúng pháp. để chứa). Ba, Toạ. Ba, Tích tụ tinh yếu tâm. Người tu hành, ngồi kiết già Là trong các kinh chứa đựng tất nghĩ ngợi, xem xét kỹ lưỡng thật cả ý nghĩa cốt yếu, gọi đó là văn tướng, cắt đứt mọi suy tư, để cho tâm. Như Bát nhã tâm kinh, đó là tâm hồn trong veo vắng lặng, oai tinh yếu của trong 600 quyển của nghi nghiêm trang. Ngồi đúng như đại phẩm. pháp. Bốn, Kiên thật tâm. Bốn, Ngoạ. Là chắc chắn, chân thật, là tánh Người tu hành, không đúng lúc vốn có của chúng sanh, là cái lý không nằm là để điều phục thân chư Phật chứng được, tức là đệ tâm. Nếu nằm tạm thì nằm nghiêng nhất nghĩa tâm. bên tay phải, không quên chánh niệm, không để tâm tối tăm, tán loạn. Nằm đúng như pháp.

TỨC HỮU TỨ CHỦNG Người tọa thiền, nương vào đó TƯỚNG mà đếm, thì tinh thần an ổn, tình cảm vui tươi, tâm của mình dễ (Tu tập chỉ quán định, vì vậy phải giữ lại không tọa thiền pháp yếu) buông bỏ. Tức là hơi thở ra vào từ lỗ mũi. Người ngồi thiền, muốn nhiếp TỨ MỘNG tâm, nhập định, trước tiên phải tu tập pháp sổ tức. Thở bằng mũi có bốn cách Một, Vô minh tập khí mộng. không giống nhau; vì vậy phải Do vô minh phiền não chất luyện tập từ thô đến tế. chứa một tập khí, che lấp tánh chân Một, Phong. như, làm cho không sáng suốt Hơi thở trong mũi, hít vào thở được, cho đến tâm thần điên đão, ra, thành tiếng gọi là phong. Người hiện hình ra trong mộng tưởng. toạ thiền, nếu nương đó mà đếm, Hai, Thiện ác tiên trưng mộng. thì tâm tán loạn, khó điều hoà, vì Phàm người có việc lành, việc vậy phải cẩn trọng và không sử dữ, việc tốt, việc xấu, thì hiện hình dụng cách ấy. trong mộng khi ngủ để dự đoán Hai, Suyển. việc sắp xảy ra. Hơi trong mũi, tuy không có Ba, tứ đại thiên tăng mộng. tiếng, nhưng nghẹt, khó thở, không Thân người do đất, nước, gió, thông, là suyển. Người tọa thiền, lửa mà thành. Nếu đất tăng thì thân nếu nương đó mà đếm, thì tâm nặng nề, nếu nước tăng thì thân phù đọng lại, khó định, vì vậy phải cẩn thũng, lửa tăng thì thân nóng bức, trọng không sử dụng cách ấy. gió tăng thì thân bụng to lên. Ba, Khí. Bốn đại không điều hoà, thì Hơi trong mũi, tuy không có thân, tâm không an. Tâm không an tướng phong và suyển, nhưng thở thì hiện hình trong mộng khi ngủ. ra hít vào còn thô (chưa vi tế) gọi là Bốn, Tuần du cựu thức mộng. khí. Trước kia, ta đã đi du lịch ở Người tọa thiền, nếu nương đó đâu, những điều thấy, nghe, hoặc mà đếm, thì tâm nhọc nhằn khó tốt hoặc xấu, nhớ kỷ không quên, định, vì vậy phải cẩn trọng không thì nó hiện hình vào trong mộng. sử dụng cách ấy. Bốn, Tức. TỨ MỘNG Hơi trong mũi, không có ba tướng thô ở trên, mà thở ra hít vào (Thiện kiến tì bà sa luật) dài và nhẹ nhàng, dường như có, Một, Tứ đại bất hoà mộng. dường như không gọi là tức. Hoặc mộng núi lỡ, hoặc mộng thấy mình bay lên hư không, hoặc

mộng thấy cọp, sói; hoặc mộng Sau dịch nói rằng uống nước và thấy giặc đuổi bắt. Nguyên nhân nhiều thứ nữa không thể xoe tròn của những mộng này do bốn đại được, nên mới dịch là đoạn thực. không điều hoà, tâm thần tán loạn. Hai, Xúc thực. Đó gọi là tứ đại bất hoà mộng. Xúc tức là hợp với. Hai, Tiên kiến mộng. Đối tượng của sáu thức là các ban ngày, thấy các cảnh nam, trần sắc, thanh… mềm mại, nhẹ nữ khổ hay vui, đến đêm nằm nhàng, trơn lán, mịn màng, lạnh, mộng, giống như những gì đã thấy nóng… Từ các sự tiếp xúc này mà ở ban ngày. Đó gọi là tiên kiến sanh vui, mừng đều có thể nuôi mộng. dưỡng các căn, nên gọi là xúc thực. Ba, Thiên nhân mộng. (Theo Phiên dịch danh nghĩa Nếu có người làm việc lành, giải thích rằng: Thấy sắc đẹp yêu cảm đến trời, người hiện thành mến đắm nhiễm gọi là ăn (thực), đó mộng lành, khiến cho căn lành tăng chẳng phải là nghĩa của xúc thực trưởng. Nếu có người làm việc ác, sao? Nếu chẳng phải xúc thực, tại cũng cảm đến trời, người hiện sao xem kịch vui v.v… suốt ngày thành ác mộng, để khiến cho sợ ác không ăn không đói). làm lành. Đó gọi là thiên nhân Ba, Tư thực. mộng. Tư tức suy nghĩ của ý thức. Bốn, Tưởng mộng. Thức thứ sáu suy nghĩ những cảnh Nếu có người đời trước hoặc có đáng yêu, sanh ý mong mỏi, làm phước đức, hoặc có tội ác, người có cho các căn thấm nhuần lợi ích. phước đức, hay suy nghĩ đến việc Như người đói khát, đến nơi ăn lành, thì hiện thành mộng lành, uống, mong được ăn uống cho thân người có tội ác, hay suy nghĩ việc khỏi chết, nên gọi là tư thực. ác, thì hiện thành ác mộng. Bốn, Thức thực. Thức có nghĩa là giữ gìn, tức là TỨ THỰC thức thứ tám. (Hoa nghiêm kinh Tuỳ sớ Ba cách ăn trước có chức năng riêng và làm cho thức này tăng diễn nghĩa sao) trưởng, giữ gìn các căn, nên gọi là Một, Đoạn thực. thức thực. Đoạn tức là một phần. Thực có (Thức thứ tám tức là tàng thức. nghĩa là cung cấp ích lợi. Theo Phiên dịch danh nghĩa giải Dùng ba trần hương, vị, xúc thích rằng: Thức thực là chúng làm thể, đưa vào trong dạ dày, tan sanh trong địa ngục và các trời cõi biến, cung cấp lợi ích cho các căn, vô sắc, vô biên thức xứ v.v… đều nên gọi là đoạn thực. dùng thức duy trì sự sống làm thức Xưa dịch đoàn thực có nghĩa ăn). dùng ngón tay xoe tròn thức ăn.

TỨ LỢI TU THỰC sai lầm nhịn đói để được giải thoát của ngoại đạo, nên phải ăn. (Thích thị yếu lãm) Một, Tư thân vị đạo. KHẤT THỰC TỨ PHẦN Người tu hành, nếu không ăn (Bảo vân kinh) uống thì thân gầy lực kiệt, sự sống không vững, làm sao tiến tu đạo Pháp khất thực, một ngày giới nghiệp. Nếu được ăn uống để nuôi hạn xin trong bảy nhà, không nhiều dưỡng thân thể, thì tâm an và sức hơn, sợ sanh lòng tham. khoẻ đầy đủ, mới có thể tiến tu đạo Người xuất gia, thường đi khất nghiệp được, nên phải ăn. thực, rồi lại chia thức ăn làm bốn Hai, Dưỡng thân trung trùng. phần, nên gọi là xin ăn bốn phần. Trong thân người có nhiều vi Một, Phần phụng đồng phạm trùng, nếu ăn uống thiếu thì vi hạnh giả. trùng ngọ ngoạy, châm chích, thân Đồng phạm hạnh là những cũng không yên, nên phải ăn uống người cùng tu tịnh hạnh. Khi đi đúng lúc để nuôi dưỡng chúng, vì khất thực, phải có bạn đồng tu ở lại vậy phải ăn. coi sóc tự viện, hoặc có người Ba, Sanh thí giả phước. bệnh, già, không thể đi được, nên Người tu hành, giữ giới thanh khi có thức ăn trở về, thì phải lấy tịnh, chuyên tâm tu tập, thì phước một phần để dành cho các vị ấy ăn đức làm lợi cho trời và người. uống no đủ, được an tâm tu hành. Nếu có người đàn việt, bố thí Hai, Phần dữ cùng khất nhân. thức

ăn, thức uống để cho ta thành Khi xin được thức ăn, gặp tựu đạo nghiệp và cũng để cho thí người cùng khổ xin ăn, phải có chủ có được phước báo; nên phải lòng thương xót, cho họ một phần ăn. để họ được no đủ và khuyên họ làm (Tiếng Phạn là Đàn, tiếng Hoa việc lành. là thí. Nói đàn việt có nghĩa là Ba, Phần dữ chủ quỷ thần. người thực hành bố thí thì có thể Khi xin được thức ăn thì dùng vượt qua nghèo túng, khổ cực). đồ sạch đựng một phần (thức ăn), Bốn, Phá ngạ ngoại đạo. chờ mặt trời xế bóng, thì thắp Ngoại đạo tự cho nhịn đói nhịn hương, tụng chú, bố thí cho tất cả khát là phương pháp giải thoát. Tức quỷ thần, để họ được no đủ, ra khỏi là tự nhịn ăn uống (chịu đói khát) đường khổ và đều được giải thoát. mà không biết đó chỉ là cực khổ Bốn, Phần tự thực. suông mà thôi, làm sao giải thoát Khi xin được thức ăn, trừ ba được. phần ở trên ra, chỉ để lại một phần, Vì vậy người tu hành theo Phật, hoặc nhiều hoặc ít, để mình ăn. Ăn ăn vào giữa ngày để đủ sức khoẻ xong, an tâm tu tập, không có lý do tiến tu đạo nghiệp và đồng thời phá gì nữa thọ dụng của tín thí.

TỨ TÀ MẠNG THỰC Ba, Súc sanh thực thời. Chiều tối là giờ súc sanh ăn. (Đại trí độ luận) Bốn, Quỷ thần thực thời. Tỳ kheo phải dùng thức ăn xin Ban đêm là giờ quỷ thần ăn. được thanh tịnh để nuôi sống, không dùng bốn loại thức ăn tà HÀNH TỨ Y mạng để sống còn, hạ khẩu, (Tứ phần luật tạng) ngưỡng khẩu, phương khẩu, duy khẩu. Người xuất gia, nương vào bốn Một, Hạ khẩu thực. pháp này mà tu, thì có thể thành Là cấy, trồng ruộng vườn, xem thánh đạo. mạch bốc thuốc để mong có cơm, Một, Trước phấn tảo y. áo nuôi mạng sống. Đó là hạ khẩu Phấn tảo giống như phấn thổ thực. (bụi đất). Tức là những cái áo rách Hai, Ngưỡng khẩu thực. rưới, dơ dáy của người đời vứt đi, Là ngước lên hư không xem xét người tu hành lượm lại giặt giũ thật tinh tú, mặt trời, mặt trăng, gió sạch, vá lại kỹ lưỡng, mặc lại. Làm mưa, sấm chớp, để mong có cơm, như thế tâm không luyến tiếc, dễ áo nuôi mạng sống. Đó là ngưỡng thành đạo nghiệp. khẩu thực. Hai, Thường hành khất thực. Ba, Phương khẩu thực. Người xuất gia, thường đi xin Luồn cúi, nịnh hót những người ăn để nuôi sống thân mạng. giàu có, quyền thế, để họ sai đi làm Ba, Thọ hạ toạ. việc này việc nọ ở chỗ này chỗ Người xuất gia, không nên lo khác, khua môi múa mép mong có lắng, đầu tư thời gian vào nhà cửa cơm, áo nuôi mạng sống. Đó là cao rộng cho việc cư trú mà phải ở phương khẩu thực. dưới gốc cổ thụ hay trong hang đá, Bốn, Duy khẩu thực. sao cho thuận tiện, để tu tập thiền Chú thuật, bói toán, tốt xấu để định. mong cơm, áo nuôi mạng sống. Đó Bốn, Dụng trần hủ dược. là duy khẩu thực. Người xuất gia, nếu mắc bệnh, thì phải dùng thuốc cũ, lâu mà điều TỨ THỰC THỜI trị. Khi bệnh lành thì ngưng, không được ham muốn thuốc mới, tốt, tích (Pháp uyển châu lâm) trữ để dành. Một, Thiên thực thời. Sáng sớm là giờ chư thiên ăn. TỨ CƠ Hai, Pháp thực thời. (Pháp hoa văn cú) Ba đời chư Phật đều ăn vào giờ ngọ. Quá giờ này mà ăn là phi thời Cơ tức là cơ khí hay cơ duyên, thực đều có nghĩa làm ra, phát ra.

Một, Nhân thiên cơ. Người ngoại đạo, ở trong năm Các việc ác chớ làm, các việc ấm mà lầm cho rằng có thần thức lành quyết làm, đó là cơ duyên nhỏ như hạt mè, hoặc lầm cho là thành người, thành trời. thần thức ở khắp trong thân, rồi từ Hai, Nhị thừa cơ. ngã kiến, rơi vào biên kiến, tà kiến, Chán ghét, lo sợ sanh tử, vui lòng vòng trong sống, chết. Đó là vẻ, chờ đợi Niết bàn. Đó là cơ ngoại đạo cho rằng có thần ngã. duyên thành

bậc Nhị thừa. Ba, Tam thừa giả ngã. Ba, Bồ tát cơ. Bậc Tam thừa, hiểu rõ tất cả Trước nghĩ đến người, sau mới pháp năm ấm, hư dối, dả tạm, nghĩ đến mình, tâm từ bi, nhân đức không thật, nên không có ngã. Đó không khuây. Đó là cơ duyên thành là giả ngã của Tam thừa. Bồ tát. Bốn, Pháp thân chân ngã. Bốn, Phật cơ. Pháp thân của Phật, rộng tựa hư Trong tất cả các pháp, đều đi không, bao trùm tất cả, nên trong vào đẳng quán, tất cả người vô ấy không có ngã, không có pháp, ngại, chỉ có một con đường ra khỏi thấu hiểu tám tự tại ngã, đó là pháp sống, chết. Đó là cơ duyên thành thân chân ngã. Phật. (tám tự tại ngã là: 1/ thị hiện một (Đẳng quán tức là phép quán thân thành nhiều thân, 2/ thị hiện trung đạo bình đẳng, chẳng phải một thân nhỏ bé như hạt vi trần mà không, chẳng phải phải giả. Nhất đầy cả đại thiên giới, 3/ thân to lớn đạo xuất sanh tử tức là dùng phép mà cử động nhẹ nhàng đi lại, 4/ thị quán trung đạo, nhanh chóng dứt hiện vô lượng thân mà luôn ở một trừ vô minh, nhanh chóng ra khỏi cõi, 5/ các căn hổ dụng, 6/ chứng sanh tử). được tất cả pháp, 7/ nói nghĩa lý của tất cả bài kệ trong vô lượng TỨ CHỦNG NGÃ kiếp, 8/ thân khắp các nơi, dường (Viên giác kinh lược như hư không). sớ). TỨ ĐẠI Một, Phàm phu vọng kế ngã. (Viên giác kinh) Người phàm phu ở thế gian, không hiểu rõ năm ấm đều không, Bốn đại là thân con người thâu sai lầm cho rằng đây là thân ta, nhận đất, nước, gió, lửa bên ngoài gượng gạo dựng lên chủ nhân ông, làm thành bốn đại trong thân. Vì rồi làm ra các nghiệp, trôi nổi trong đối với bốn trần sắc, hương, vị, xúc sanh tử, không ngày chấm dứt. Đó nên mới gọi là bốn đại. là phàm phu sai lầm cho là có ngã. Một, Địa đại. Hai, Ngoại đạo thần ngã. Tánh của đất là cứng và ngăn trở.

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân… gọi động hơn đất. Lửa ít hương, vị, thế là địa đại. Nếu không nhờ nước thì của nó hơn nước. Gió ít sắc, hương, không hoà hợp được. vị tác động hơn lửa. Kinh nói: Tóc, lông, móng, Một, Sắc vi. răng, da, thịt, gân, cốt… đều trở về Sắc là những gì mà mắt thấy, với đất. nó rất là nhỏ nhiệm, nên gọi là sắc Hai, Thuỷ đại. vi. Tánh của nước là thấm, ướt. Hai, Hương vi. Đờm, nước mắt, nước mũi, Hương là những gì mà mũi nước miếng… gọi là thuỷ đại. Nếu ngưỡi, nó rất nhỏ nhiệm, nên gọi là không nhờ đất, thì liền trôi mất. hương vi. Kinh nói: Đờm, nước mắt, nước Ba, Vị vi. mũi, mủ, máu, nước miếng, nước Vị là những gì mà lưỡi nếm, nó dãi, đều trở về với nước. rất nhỏ nhiệm, nên gọi là vị vi. Ba, Hoả đại. Bốn, Xúc vi. Tánh của lửa là khô, nóng. Xúc là những gì mà thân đụng Hơi nóng trong thân gọi là hoả chạm đến, nó rất nhỏ nhiệm, nên đại. gọi là xúc vi. Nếu không nhờ gió thì không tăng trưởng được. TỨ CẦU Kinh nói: Hơi nóng trở về với (Pháp tập kinh) lửa. Bốn, Phong đại. Một, Dục ái. Tánh của gió là chuyển động. Khởi lòng tham ái năm trần ở Hơi thở ra, vào và thân chuyển cõi dục, vì tham ái, tìm kiếm không động, gọi là đại phong. Những thôi. Đó gọi là dục ái. động tác thân này đều do gió Hai, Sắc ái. chuyển động. Ở trong thiền định cõi sắc mà Kinh nói: Chuyển động trở về khởi tâm tham ái, vì tham ái, tìm với gió. kiếm không thôi. Đó gọi là sắc ái. Ba, Vô sắc ái. TỨ VI Ở trong thiền định cõi vô sắc (Kim quang minh kinh mà khởi tâm tham ái, vì tham ái, tìm kiếm không thôi. Đó gọi là vô văn cú ký) sắc ái. Tứ vi là sắc, hương, vị, xúc. Do Bốn, Vô hữu ái. đối với tứ đại mà gọi là tứ vi; lại Vô hữu tức là không. Đối pháp nói tứ đại đều do tứ vi làm thành, chân không Niết bàn mà khởi tâm Đại trí độ luận nói: Vì đất có sắc, tham ái, vì tham ái, tìm kiếm không hương, vị, xúc, tự

nó không tác thôi. Đó gọi là vô hữu ái. động được. Nước ít hương, tác

TỨ CẦU BẤT ĐẮC hư dối, nên nói tự tánh không thể tìm được. (Đại thừa trang Bốn, Sai biệt cầu bất khả đắc. nghiêm kinh luận) Tên và vật, mỗi thứ đều có Cầu là tìm kiếm. tướng khác nhau. Tìm kiếm hoàn Luận nói: Bồ tát có bốn cách toàn không giống nhau, chung quy tìm kiếm các pháp, đều không thể đều không và không thể được. được. Luận nói: Tìm tên khác nhau và Bất khả đắc tức là không, nên vật khác nhau, phải biết đều không, gọi là cầu không thể được. đều không thể được, nên nói khác Một, Danh cầu bất khả đắc. nhau tìm không thể được. Danh tức là giả danh (danh không thực có) TỨ BẤT KÝ PHỤ Nếu có vật ấy thì phải có tên (Ưu bà tắc giới kinh) ấy. Lấy điều này để suy ra. Vật là chủ, tên là khách.Tên đã là khách Kinh nói: Phật nói người thiện thì đó là giả danh. Tìm kiếm ý nam, thọ giới ưu bà tắc, trước học nghĩa chân thực, trọn không thể những việc ở đời đã được thông được. thạo rồi, mong cầu tài sản đúng như Luận nói: Tìm tên ở vật thì tên pháp. Nếu đã được của cải, tài sản, đó là khách, cho nên nói tên tìm nên cung phụng, giúp đỡ cha mẹ, không có được. vợ con, dòng họ, phần còn lại để Hai, Vật cầu bất khả đắc. dành cho mình xử dụng, không nên Vật tức là sự vật. Tuy có vật mà gởi vào bốn chỗ. nếu không có tên của nó thì vật (Tiếng Phạn là Ưu bà tắc, tiếng không tự biểu hiện ra được. Hoa là Thanh tịnh sĩ). Lấy điều này suy ra thì tên cũng Một, Lão nhân. là chủ, vật cũng là khách. Vật đã là Người già, ngày chết gần kề, khách thì cũng thành hư dối, vay nếu có tiền của, không nên gởi cho mượn. người ấy. Luận nói: suy vật từ trên thì vật Hai, Viễn xứ. là khách, nên nói tìm vật không thể Nơi cách trở đường sá xa xôi, được. khi cần dùng gấp, không thể có kịp, Ba, Tự tánh cầu bất khả đắc. nếu có tiền của, không nên gởi nơi Tên và vật, mỗi cái đều có tánh ấy. riêng. Nếu tìm tự tánh của tên và tự Ba, Ác nhân. tánh của vật, thì chỉ là tên hư dối, Người bất thiện, bẩm tánh hung vay mượn, đều không có nghĩa đích ác, nếu thấy tiền của, sợ rằng sanh thực. tâm chiếm lấy, vì vậy không nên Luận nói: Tìm tự tánh của tên gởi ở những người ấy. và tự tánh của vật, phải biết đều là Bốn, Đại lực.

Những kẻ cường hào, dựa vào thấy được âm thinh thì âm thinh và thế lực, uy quyền, nếu thấy tiền mắt không cùng thành (tựu) được. của, sợ sanh lòng tham lam chiếm Đó gọi là cả hai không thành. lấy, không nên gởi ở những người Hai, Tuỳ nhất bất thành. ấy. Tánh của âm thanh là bị động, dùng âm thinh biểu thị lý luận, âm TỨ BẤT KIẾN thinh là pháp có thật. Nếu không sử (Viên giác kinh sao) dụng danh từ, câu văn v.v... phối hợp lại, thì không thể luận bàn. Đó Một, Ngư bất kiến thuỷ. gọi là theo một không thành (tựu) Cá lấy nước làm hang, làm nhà, được. đi lại trong nước, không có gì cản Ba, Do dự bất thành. ngăn, nên gọi là cá không thấy Ví như khi thấy mây mù,... liền nước. nảy tâm nghi ngờ rằng có phải là Hai, Nhân bất kiến phong. lửa hay không phải là lửa, đưa đến Gió phát ra từ hàng vạn hang không chắc chắn. Đó gọi là do dự hốc, chỉ nghe được âm thanh của không thành. nó, mà không thể thấy hình tướng Bốn, Sở y bất thành. của nó, nên gọi là người không Hư không có thật là chỗ mọi thấy gió. vật nương tựa. Nếu nói hư không Ba, Mê bất kiến tánh. nhất định không có thì vạn vật Tánh giác tri sáng suốt ai ai không nương tựa vào đâu. Đó gọi cũng có đầy đủ, chỉ vì phiền não, là sở y bất thành. vô minh ngăn che, mê mờ không tỏ rõ được, nên gọi là mê bất kiến TỨ CHỦNG VÔ tánh. (Niết bàn kinh) Bốn, Ngộ bất kiến không. Người tu hành đã giác

ngộ Một, Vị hữu danh vô. được tánh thể mầu nhiệm, xưa nay Phạm chí sai lầm cho rằng Niết vắng lặng (không tịch) nhưng mà bàn vì phiền não ở trong tâm chúng tánh không này cũng không thể sanh, không thể nói có. Thí như cái được, nên gọi là ngộ bất kiến bình chưa ra khỏi bùn, gọi là không không. có cái bình. Bởi vì ngoại đạo không biết phiền não trong tâm chúng TỨ BẤT THÀNH sanh, thực sự có đầy đủ tính chất (Nhân minh nhập chánh Niết bàn, nên Phật nói rằng: Niết bàn, không phải trước không có, lý luận) giống như trong bùn không có cái Một, Lưỡng câu bất thành. bình. Âm thinh là vô thường, mắt Hai, Diệt dĩ danh vô. không thể thấy được. Nếu nói mắt

Phạm chí sai lầm cho rằng diệt TỨ TRI hết phiền não rồi, gọi là Niết bàn. (Phật thuyết mã ý kinh) Như vậy Niết bàn là không có. Ví như cái bình đã bể nát, gọi là không Một, Thiên tri. có bình. Bởi vì ngoại đạo không Người khi khởi lên một niệm, biết phiền não đã giảm, thì Niết bàn hoặc lành hoặc dữ, thiên thần đều liền hiển lộ, nên Phật nói rằng: biết. Cũng chẳng phải diệt hết rồi thì Hai, Địa tri. không có gì, giống như cái bình sau Người khi khởi lên một niệm, khi bể nát không có cái bình nữa. hoặc lành hoặc dữ, địa thần đều Ba, Dị tướng danh vô. biết, xem xét ở dưới. Phạm chí sai lầm cho rằng phiền Ba, Bàng nhân tri. não và Niết bàn tướng khác nhau, Người làm việc lành, việc dữ, nên trong phiền não không có Niết giấu nơi kín đáo, mình cho rằng bàn và trong Niết bàn không có không ai biết, nào hay người kề bên phiền não. Ví như trong trâu không đã biết việc ấy rồi. có ngựa và ngược lại, bởi vì ngoại Bốn, Tự tri. đạo không biết chuyển phiền não Tâm sắp làm việc lành, việc dữ, tức là Niết bàn, chuyển Niết bàn tuy người chưa biết, mà ý mình đã tức là phiền não, nên Phật nói rằng: biết rồi. Tuy trong trâu không có ngựa, nhưng không thể nói trâu cũng NHẤT DANH TỨ THẬT không có, tuy trong ngựa không có (Niết bàn kinh) trâu, nhưng không thể nói ngựa cũng không có. Một tên gọi là tiên Đà bà. Như thế, không thể nói, trong bốn sự thật là nước, muối, đồ phiền não không có Niết bàn, trong dùng, ngựa. Niết bàn không có phiền não. Bốn pháp (sự thật) như thế, có Bốn, Tất cánh danh vô. cùng tên gọi này. Đây là mật ngữ Phạm chí sai lầm cho rằng Niết của đại vương. bàn cuối cùng không có. Ví như Kinh nói: Ví như đại vương báo lông rùa sừng thỏ, thực sự không quần thần: có quan thông minh tên thể có. Vì người ngoại đạo không là Tiên Đà Bà đến, biết rõ tên ấy. biết phẩm chất của Niết bàn, tính Nếu tâm vua muốn dùng nước, đòi của nó thường còn, không thể tiêu tiên Đà bà, ông này biết ý vua, đem mất, nên Phật nói rằng: Cũng chẳng nước đến dâng cho vua. phải cuối cùng không có, như lông Đòi ba vật sau cũng gọi tiên Đà rùa sừng thỏ. bà và ông này đem ba vật đúng theo ý vua. Dùng ví dụ này nói về mật ngữ của Phật, sâu xa khó hiểu về các

kinh Đại thừa cũng tương tự như nói con đường giải thoát chân thế. chánh, muốn khiến cho chúng sanh Nếu nói về bốn vô thường, Bồ tu học, nhớ đến tánh không. tát Đại thừa, phải giỏi nhận rõ. Đây Bốn, Ngã. là Phật vì tất cả chúng sanh nói các Kinh nói: Nếu vua muốn đi tướng: Vô thường, khổ, không, vô chơi, đòi tiên Đà bà, ông quan này ngã, khiến cho chứng được đạo liền đem ngựa đến dâng vua. Mà Niết bàn giải thoát. ngựa do người tìm kiếm, không thể Một, Thuỷ. tự có. Giống như Phật nói ta nay Kinh nói: Nếu lúc vua muốn bệnh khổ, Bồ tát Đại thừa liền biết rửa ráy, sai tiên Đà bà, vì quan trí đây là Phật nương vào ngã để nói huệ, liền đem nước đến. tướng vô ngã, khiến

cho chúng Vì nước không có tánh cố định, sanh tu tập, nhớ đến vô ngã. đựng trong bình hình vuông thì vuông theo, đựng trong thau hình TỨ NIỆM CHÂU tròn thì tròn theo. Giống như Phật (Kim cang đỉnh du già vì tất cả chúng sanh nói vào Niết bàn,
Bồ tát Đại thừa liền nhận ra niệm châu kinh) rằng Phật dựa vào thường mà nói Niệm chuỗi là Phật dạy chúng tướng vô thường, để khiến cho sanh muốn diệt phiền não, hãy đem chúng sanh tu tập, nhớ đến vô xâu chuỗi theo bên mình, chuyên thường. chú niệm danh hiệu Phật. Vì niệm Hai, Diêm. chuỗi có nhiều có ít, nên công đức Kinh nói: Nếu khi vua muốn cũng có hơn, kém và có bốn bậc ăn, đòi tiên Đà bà, ông quan này không giống nhau. liền dâng muối lên vua. Vị của Bồ tát Kim cang tát đoả nói kệ muối là mặn (khổ). Giống như Phật rằng: Niệm chuỗi (tràng hạt) công vì tất cả chúng sanh mà nói chánh đức có bốn bậc: thượng phẩm, tối pháp sắp diệt, Bồ tát Đại thừa liền thắng, trung phẩm, hạ phẩm. nhận ra đây là Phật vào sự an vui 108 chuỗi là thượng phẩm để nói về khổ tướng, muốn cho 108 chuỗi là tối thắng chúng sanh tu tập và nhớ đến khổ 54 chuỗi là trung phẩm đau. 27 chuỗi là hạ phẩm Ba, Khí. Tay cầm tràng hạt, tâm phải Kinh nói: Nếu vua ăn xong, hướng về Phật, xa lìa lo toan, tâm muốn dùng nước uống, đòi tiên Đà chuyên chú. Để xâu chuỗi trên đầu bà, ông quan này liền dâng lên vua hay trên mình, hoặc đeo trên cổ hay một cái chén mà trong chén trống trên cánh tay. không. Giống như Phật nói về Nhờ để xâu chuỗi trên đầu mà không, đó là con đường giải thoát. thanh tịnh được nghiệp ở địa ngục Bồ tát Đại thừa nhận ra đây là Phật vô gián.

Nhờ đeo tràng hạt trên mà Bốn, Nhị thập thất châu vi hạ thanh tịnh được bốn tội trọng (sát, phẩm. đạo, dâm, vọng). Lần tràng hạt niệm Phật thì Nhờ đeo tràng hạt ở cánh tay được công đức lợi ích vào bậc hạ. mà tiêu trừ được nhiều tội ác và Đây là căn cứ số lượng để chia cấp khiến cho người tu hành đều thanh bậc, nhưng nếu chuyên tâm trì tịnh. niệm thì công đức bình đẳng không Một, Nhất thiên bát thập châu hề khác nhau. vi thượng phẩm. (1080 chuỗi là thượng phẩm) HOÀI THAI TỬ TỨ Số tràng hạt này gọi là thượng (Xuất diệu kinh) phẩm, vì số lượng tràng hạt niệm Phật nhiều. Tỳ kheo
Điều đạt tham đắm lợi Nếu tay lần tràng hạt niệm danh lộc thế gian, đến chỗ Ngài A nan hiệu Phật, thì công đức, ích lợi rất xin học thần thông, có thể ở trong là cao tột. Kinh nói: Hạt châu nếu hư không, làm mười tám phép biến làm bằng gỗ, mỗi lần lần một hột hoá, vọt lên, chìm xuống một cách thì được phước gấp 1000 lần, nếu tự do. Lúc ấy thái tử A xà thế thấy làm bằng hạt sen thì được phước thần thông ấy, cấp cho Tỳ kheo gấp 10000 lần, nếu làm bằng thuỷ Điều Đạt 500 phủ thức ăn và cúng tinh thì được phước gấp ngàn ức dường bất cứ lúc nào. lần, nếu làm bằng hạt Bồ đề thì Qua việc này, Thế tôn bảo các được phước vô lượng (mỗi lần lần vị Tỳ kheo: Các ông chớ bắt chước một hạt). Điều đạt, đắm nhiễm của cúng Hai, Nhất bách bát châu vi tối dường, tự mình chuốt lấy tội ác và thắng. cũng làm cho người khác vướng Số tràng hạt này gọi là tối vào. Thế tôn nói kệ rằng: thắng, vì đứng sau thượng phẩm. Cây chuối vì ra trái mà chết Nếu tay cầm tràng hạt niệm danh Cây lau ra hoa cũng thế hiệu Phật, thì công đức, lợi ích thật Con la vì sanh con mà chết là ưu việt. Nếu dùng gỗ, hạt sen, Quan lại vì tham mà mất chức. thuỷ tinh, Bồ đề để làm hạt châu, (Tiếng Phạn là Điều đạt, tiếng thì phước lần tràng hạt niệm Phật Hoa là thiên nhiệt. Tiếng Phạn là A như trên. Xà Thế, tiếng Hoa

là vị sanh oán). Ba, Ngũ thập tứ châu vi trung Một, Ba tiêu sanh thật. phẩm. Cây chuối là cây dễ gãy đổ, nếu Lần tràng hạt niệm Phật 54 nở hoa kết trái, chẳng bao lâu khô tràng thì đứng hạng ba, thuộc trung héo và chết. Lấy điều này để dụ phẩm, và công đức, lợi ích cũng thân người vô thường, lại không vào bậc trung. chắc chắn, nếu yêu thích tiếng tăm và đắm trước lợi dưỡng thì mình dễ

rơi vào tội lỗi và cũng vương tội tốt đẹp, nhiệm mầu không giống cho người khác. nhau, nên lập ra nhiều ví dụ, cầu Hai, Cây lau ra hoa. vồng này là một trong những ví dụ Cây lau cũng là cây dễ gãy, nếu đó. Các vị Bồ tát nhờ vào thiện căn, lại nở hoa, chẳng bao lâu khô héo hạnh nghiệp mà có hương hoa, các mà chết. loại âm thanh kỹ nhạc, ở trong hư Ba, Trúc sanh mễ. không tự nhiên tấu lên cúng dường. Tất cả cây tre, nếu gốc đã suy Nhưng hạnh nghiệp, nhân duyên yếu, thì cành sẽ có trái (nhỏ như hạt của Bồ tát ấy, tuy chưa đến được gạo), chẳng bao lâu khô héo rồi âm thanh kỹ nhạc, mà nhờ vào chết. nghiệp lành của Bô tát mới có được Bốn, Cự lư nhậm. quả báo cúng dường tốt đẹp, nhiệm Con la nếu mang bầu thì mẹ mầu. Ví như cái cầu vồng nhiều con cùng chết. màu sắc trong không trung nỗi lên, nhờ vào nhân duyên của bốn đại TỨ TÁNG đất, nước, lửa, gió, mà sanh ra, mặc (Pháp uyển châu lâm) dầu bốn đại không có ở trong cầu vồng, nhưng nhờ vào bốn đại mà Bốn cách chôn này của Tây các màu sắc xuất hiện; nên mới nói vức. là bốn duyên tạo nên cầu vồng. Một, Thuỷ táng. Một, Đại địa sanh hoàng. Bỏ thây xuống sông để cho cá, Cầu vồng do nhiều màu sắc làm ba ba ăn. thành. Bên trong nó có sắc vàng là Hai, Hoả táng. nhờ vào màu của đất, nên nói là đại Chất củi thành đống rồi để thây địa sanh màu vàng. lên đốt, không còn gì hết, thành tro Hai, Thuỷ đại sanh thanh. bụi. Cầu vồng do nhiều màu sắc làm Ba, Thổ táng. thành, trong đó có sắc xanh là nhờ Chôn thây dưới đất để cho mau vào màu của nước, nên nói là thuỷ mục nát. đại sanh màu xanh. Bốn, Lâm táng. Ba, Hoả đại sanh xích. Bỏ thây ngoài bãi tha ma để Cầu vồng do nhiều màu sắc làm cho cầm thú ăn. thành, trong đó có sắc đỏ, là nhờ vào màu của lửa, nên nói là hoả đại HỒNG NGHÊ TỨ sanh màu đỏ. DUYÊN Bốn, Phong đại sanh đại luân. (Pháp tập kinh) Cầu vồng tuỳ nơi hiện ra, ban đầu không có hình thể, nhờ sức gió Bồ tát Nhân minh đã từng tu duy trì mà hình thù giống như bánh tập thiện căn, hạnh nghiệp, nhân xe. Vì tánh của gió vốn hay lưu duyên mà có được những quả báo

chuyển, nên nói là phong đại sanh Bốn, Câu vật đầu. ra hình tướng cái cầu vồng. Tiếng Phạn là Câu vật đầu, còn gọi là Câu mỗ đà, tiếng Hoa là TỨ BINH hoàng liên hoa (hoa sen vàng). (Trường A hàm kinh) TỨ HOA Khi chuyển luân vương đi ra (Pháp hoa văn cú) ngoài thành, thì tập hợp bốn thứ binh lính đi theo ông để bảo vệ. Một, Mạn đà la hoa. Một, Tượng binh. Tiếng Phạn là mạn đà la hoa, Khi chuyển luân vương đi ra tiếng Hoa thích ý hay là bạch hoa ngoài thành, quân sĩ của ông đều (hoa trắng). ngồi trên lưng voi đi theo. Hai, Ma ha mạn đà la hoa. Hai, Mã binh. Tiếng Phạn là ma ha mạn đà la Khi chuyển luân vương đi ra hoa, tiếng Hoa là đại thích ý hay ngoài thành thì quân sĩ đều cởi đại bạch hoa (hoa trắng lớn). ngựa theo ông. Ba, Mạn thù sa hoa. Ba, Xa binh. Tiếng Phạn là mạn thù sa, tiếng Khi chuyển luân vương đi ra Hoa là nhu nhuyến (mềm mại) hay ngoài thành thì quân sĩ ngồi trên xe là xích hoa (hoa đỏ). theo ông. Bốn, Ma ha mạn thù sa hoa. Bốn, Bộ binh. Tiếng Phạn là ma ha mạn thù Khi

chuyển luân vương đi ra sa, tiếng Hoa là đại nhu nhuyến hay ngoài thành thì quân sĩ mặc áo đại xích hoa. giáp, đội mũ trụ theo ông. NGŨ CHỦNG PHÁP TỨ HOA THÂN (Phiên dịch danh nghĩa) (Hoa nghiêm kinh Một, Phần đà lợi. Tuỳ sớ diễn nghĩa sao) Tiếng Phạn là Phần đà lợi, tiếng Một, Pháp tánh sanh thân. Hoa là bạch liên hoa (hoa sen Thể của pháp tánh này vốn tròn trắng). đầy và thường hằng, bao trùm, Hai, Ưu bát la. thông suốt vạn hữu. Thân của Như Tiếng Phạn là Ưu bát la, tiếng lai từ đây mà ra, nên gọi là pháp Hoa là thanh liên hoa (hoa sen tánh sanh thân. xanh). Hai, Công đức pháp thân. Ba, Bát đặc ma. Như lai lấy công đức vạn hạnh làm Tiếng Phạn là Bát đặc ma, tiếng nhân mà thành tựu được quả của Hoa là hồng liên hoa (hoa sen pháp thân, nên gọi là công đức hồng). pháp thân.

Ba, Biến hoá pháp thân. Nhị thừa và Nhị thừa chỉ thấy thân Pháp thân của Như lai không Phật sắc vàng cao một trượng sáu, cảm thì không có hình tướng, nên gọi là tiểu giáo trượng lục kim không cơ duyên thì không ứng thân. hiện, như bóng trăng hiện trong Hai, Thỉ giáo thiên bách ức hoá hàng trăm con sông khác nhau, thân. nhưng mặt trăng thì chỉ có một, nên Kế đến Phật nói pháp Đại thừa, gọi là biến hoá pháp thân. rộng trình bày về pháp tướng, ở Bốn, Hư không pháp thân. trong trăm ngàn ức thế giới, thị Pháp thân của Như lai, dung hiện vô số sắc thân, để giáo hoá Bồ thông ba thời, bao trùm đại thiên tát và Nhị thừa, nên chúng sanh thế giới, một tánh tròn đầy, sáng tỏ, thấy hình tướng Phật không giống không nhiễm bụi trần, nên gọi là hư nhau. Vì vậy, gọi là thỉ giáo thiên không pháp thân. bách ức hoá thân. Năm, Thật tướng pháp thân. Ba, Chung giáo trượng lục tức Pháp thân của Như lai, xa lìa chân thân. các hư vọng, khế hợp tuyệt đối với Kế đến, Phật nói giáo lý Đại chân như, không sanh không diệt, thừa rốt ráo, đem đến tất cả pháp nên gọi là thật tướng pháp thân. trở về với thật tánh. Nhị thừa, xiển đề cũng đều thành Phật. Cơ duyên NGŨ GIÁO PHÁP THÂN đã chín thì sẽ thấy được thân của (Hoa nghiêm Nhất Phật cao một trượng sáu, đó chính là thể chân thường, nên gọi là thừa giáo nghĩa phân tề chung giáo trượng lục tức chân chương). thân. Ngũ giáo là tiểu, thuỷ, chung, (Tiếng Phạn là Xiển đề, nói đủ đốn, viên. là nhất Xiển đề, tiếng Hoa là tín bất Phật thân tức thân của Như lai, cụ). có khắp mọi nơi, vốn không có lớn, Bốn, Đốn giáo trượng lục tức nhỏ về hình thức và số lượng, mà pháp thân. chỉ vì căn cơ nhanh, chậm của Như lai không đi theo tuần tự từ chúng sanh không giống nhau, nên thấp lên cao... mà chỉ nói thẳng lý uyển chuyển phương tiện nói ra vô viên đốn, có, không chẳng vướng lượng pháp môn, hiện ra vô lượng bận: sắc, tâm không ngại. Bậc Bồ thân tướng. Do vậy, mới có năm tát Đại thừa hiểu thấu tất cả pháp giáo về thân Phật khác nhau. đều là pháp thân, nên gọi đốn giáo Một, Tiểu giáo trượng lục kim trượng lục tức là pháp thân. thân. Năm, Viên giáo cụ túc thập Phật thị hiện giáng sanh, xuất thân. gia, thành đạo, nói pháp Tứ đế sanh Như lai tuyên dương thích hợp với diệt ở vườn Lộc dã để dạy dỗ hàng thể tánh, bao hàm lý pháp giới, các

pháp đều hỗ tương, các trần không Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng ngại, là thân thống nhiếp tất cả sai Hoa là chánh định. Tiếng Phạn là biệt của giáo pháp, là thể bình đẳng Tì lô giá na, tiếng Hoa là Biến nhất của pháp giới, là các thân Bồ đề, thiết xứ. Tiếng Phạn là Tam ma nguyện, trí, đầy đủ tất cả, nên gọi là địa, tiếng Hoa là đẳng trì. Tiếng Viên giáo cụ túc thập thân. Phạn là Đà la ni, tiếng Hoa là tổng (mười thân là Bồ đề,

nguyện, trì. hoá, lực trì, tướng hảo trang Kim cang trí là trí huệ của Phật nghiêm, oai thế, ý sanh, phúc đức, không pháp gì mà không biết, pháp, và trí thân). không phiền não gì mà không dứt trừ, giống như Kim Cang rất cứng NGŨ BỘ GIÁO CHỦ rất bén, nên gọi là Kim Cang trí. (Đại lạc kim cang bất Một, Trung phương quán đảnh bộ.
không chân thật Tam muội da Quán đảnh là dụ, như thái Tử kinh lý thú thích) của luân vương là người chuẩn bị Bộ là bộ phận. Giáo là ngôn nhận lấy ngôi vua. Luân vương bèn giáo. Chủ tức là chủ tể. lấy nước của bốn biển lớn rưới trên Năm bộ này chính là pháp môn đầu nón làm bằng châu báu, để dụ kim cang bất không chân thật Tam cho Tì lô giá na, đã được tất cả Như muội của Như lai, nhưng nương lai quán đảnh, lãnh thọ ngôi vị vào ngũ phương lập thành ngũ bộ, Phật, làm pháp vương của tam giới, lấy năm Phật làm chủ, mỗi vị có dùng trí thanh tịnh pháp giới, rộng một biểu hiện riêng. nói Bát nhã tương ứng với đà la ni, Phương chính giữa là Tì lô giá lại giúp đỡ nghiệp thân, miệng, ý na, tức là Thích ca Như lai. bốn của chúng sanh, đều được thanh phương có bốn Phật. Rồi đến Thích tịnh và cũng nhận được vị quán Ca hoá hiện, để nói lên các Phật đảnh mà chứng pháp thân thanh cùng một pháp thân, bằng cách tịnh. Đó là quán đảnh bộ, nên giáo Như lai vào số tam ma địa, nói vô chủ là Tì ni giá na ở trung ương số đà la ni, tuy mỗi bộ phận có mỗi (chính giữa). mạn đà la, nhưng đều tương ưng Hai, Đông phương kim Cang với lý Bát nhã. Như vậy, pháp môn bộ. này vì muốn cho ba nghiệp của Kim cang bộ là Như lai chứng chúng sanh thanh tịnh, chứng được được địa vị Phật, quán sát trong trí kim Cang tam ma địa mà tu tập tàng thức của chúng sanh, phiền huệ thí, không vì nhiễm ô của phiền não tập khí vững chắc khó bỏ, dùng não, mà thành tựu vô thượng Bồ đề trí đại không tam ma địa Kim Cang và chứng được pháp thân thanh để phá dẹp đi, mà Bát nhã tương tịnh. ưng với đà la ni, khiến cho chúng sanh ba nghiệp được thanh tịnh và

ngộ được Phật tánh kim cang vốn Năm, Bắc phương yết ma bộ. có không hoại diệt. Đó là Kim Tiếng Phạn là yết ma, tiếng Cang bộ, nên đông phương lấy A Hoa là tác pháp, còn gọi là biện sự. bệ Phật làm giáo chủ. Phật vận dụng tất cả trí Như lai, (Phiền não tập khí là phần dư tức là vào đại bi tam ma địa, dùng (còn lại) của phiền não (sau khi đã sở tác trí, nói các đà la ni, giúp cho diệt xong). Đại không tức là cứu tất cả chúng sanh được các nghiệp cánh không không rốt ráo). Tiếng thân, ngữ, ý vô ngại, khiến cho các Phạn là A bệ, tiếng Hoa là bất chủng tử sát hại nằm sâu trong tàng động). thức hoàn toàn không còn nữa, tất Ba, Nam phương bảo sanh bộ. cả sự nghiệp đều thành tựu. Đó là Bảo sanh bộ là Như lai chứng yết ma bộ, nên bắc phương Bất được ngôi vị pháp vương của tam không thành tựu Như lai làm giáo giới, vào định kim cang bảo, chủ. thương nhớ chúng sanh mà tu tập huệ thí, tâm không keo kiệt, tam PHẬT QUÁN NGŨ SỰ luân thanh tịnh, dùng bình đẳng GIÁNG SANH tính trí nói các đà la ni, khiến cho
 (Nhân quả kinh) tất cả mong cầu thầm kín của chúng sanh đều được ngay
trong Phật ở cung trời Đâu Suất, sắp đời này và chứng được công đức vô sửa giáng sinh, trước quán sát năm lượng. Đó là bảo sanh bộ, nên việc, sau mới Thác thai. (tiếng phương nam lấy Bảo sanh Như lai Phạn Đâu Suất, tiếng Hoa là Tri làm giáo chủ. túc). Bốn, Tây phương liên hoa bộ. Một, Quán chư chúng sanh Liên hoa bộ là Như lai chứng thục dữ vị thục. được pháp thân tự tại thanh tịnh mà Phật sắp giáng sanh, trước quán

vẫn ở thế giới ô trược, tội ác nhưng sát căn cơ của chúng sanh đã chín không bị nhiễm ô bởi tất cả phiền hay chưa, chúng sanh ở cõi ấy căn não, giống như Hoa sen vào tam cơ đã thành thục có thể độ được ma địa thanh tịnh, dùng diệu quan chưa, rồi mới giáng sanh. sát trí, nơi các đà la ni, khiến cho Hai, Quán thời chí vị chí. chúng sanh chứng ngộ pháp giới Phật sắp giáng sanh, trước quán thanh tịnh, giống như hoa sen sát thời điểm độ chúng sanh đến không dính bùn nhơ, đầy đủ tất cả hay chưa đến. Nếu thời điểm độ pháp lành vô lậu. Đó là liên hoa bộ, sanh đã tới, rồi mới giáng sanh. cũng gọi là pháp bộ. Dùng pháp Ba, Quán chư quốc độ hà quốc môn này giữ gìn thế giới cực lạc, độ xứ trung. chim nước, cây rừng, đều nói pháp, Phật sắp giáng sanh, trước quán nên tây phương lấy Phật A Di Đà sát trong thế giới nước nào có thể ở làm giáo chủ. được. Trong đại thiên thế giới có

nước Ca tỳ la, nên mới giáng sanh Nghĩa của Thích ca có ba: Căn vào nước ấy. (Tiếng Phạn Ca tỳ la, cứ đức độ mà gọi là Năng nhân, tiếng Hoa là hoàng sắc). nương chỗ mà gọi là Xá di trực Bốn, Quán chư chủng tộc hà lâm. Nhưng nguyên do có họ Thích tộc tối thạnh. ca, thì từ bốn đứa con của vua Cam Phật sắp giáng sanh, trước quán giá, nhưng thật ra từ họ Cù đàm. sát chủng tộc sang giàu, vì chủng Cù đàm Thích ca tuy gọi khác nhau tộc sát đế lợi giàu sang nhất, nên mà họ là một, hoặc thêm nhật mới giáng sanh vào chủng tộc này. chủng, Cam giá, Xá di, tất cả là (Tiếng Phạn là sát đế lợi, tiếng Hoa năm họ, thì trước sau có khác nhau, là Điền chủ). nhưng nguồn gốc là một. Năm, Quán quá khứ nhân Từ đó mới biết hai họ Xá di, duyên thuỳ tối chân chánh ứng vi Thích ca xuất phát từ Cam giá, phụ mẫu. Cam giá xuất phát từ Cù đàm. Thật Phật sắp giáng sanh, trước quán sát ra, đó là một họ của vua sát đế lợi. nhân duyên ở quá khứ, ai có thể Một, Cù đàm. làm cha, mẹ. Chỉ có vua Tịnh phạn Tiếng Phạn là Cù đàm, tiếng và hoàng hậu Ma da là chân chánh, Hoa là Thuần thục, cũng gọi là Địa không gian tà, có nhân duyên từ tối thắng, vì trong loài người thì kiếp trước, có thể làm cha, mẹ, nên dòng họ này tuyệt vời nhất. Thập giáng sanh vào vương cung này. nhị du kinh nói: Thời kỳ kiếp sơ có (tiếng Phạn là Ma Da, nói đủ là Ma ông vua tên là Đại mạo thảo, ha Ma da, tiếng Hoa là Đại thuật). nhường ngôi cho cận thần, đến tìm tiên nhân Cù đàm nhận làm thầy để PHẬT NGŨ TÁNH tu tập rồi nhận họ của ông và gọi là (Thích thị yếu lãm) Tiểu Cù đàm. Con cháu đời sau nối tiếp họ ấy, nên gọi là Cù đàm. Tây vức ký nói: Họ là mối quan Hai, Cam giá. hệ 100 đời khiến cho không nhầm Kinh bổn hạnh nói: Vua Đại lẫn. mạo thảo (tức là Tiểu cù đàm) Phật tổ thống ký nói: Người đời chỉ thành vua của tiên sống rất thọ, già biết Phật thuộc dòng Sát đế lợi, quá không còn đi được. Khi các đệ nhưng không biết Thích ca, Cù tử đi ra ngoài xin ăn, lo sợ thầy ở đàm và nguyên do lập ra họ trước, một mình bị hổ beo vồ, mới làm cái sau đó. lồng bằng cỏ và để ông vào, treo Nghĩa của Cù đàm có bốn: lên cây cao. Người thợ săn, từ xa Hoặc là Thuần thục, hoặc là Địa tối trông thấy cái lồng tưởng đó là con thắng, đều do căn cơ theo đặc tính chim, bèn bắn. Máu chim chảy mà gọi, hoặc là cam giá, hoặc là xuống đất, mọc lên hai cây mía, hai nhật chủng, đều do nhân duyên mà cây mía nức ra làm hai: một nam, đặt ra. một nữ.

Có vị đại thần nghe vậy, đến lấy đức độ làm họ, nên gọi là Thích rước về vương cung, nuôi đến ca. trưởng thành. Bé trai tên Thiện sanh, vì dòng giống vua nên lên PHẬT

HỮU NGŨ SỰ ngôi vua, lấy hiệu là Cam giá. Con (Tăng nhất A hàm cháu đời sau tiếp nối dòng họ Cam giá ấy. kinh) Ba, Nhật chủng. Một, Đương chuyển pháp luân Vua Cam giá do ánh nắng mặt Như lai ra đời đã thành đạo rồi, trời chiếu nóng lên mà sanh ra, rồi phải chuyển pháp luân độ thoát lấy mặt trời làm dòng giống, nên chúng sanh đem lại lợi ích cho tất gọi là Nhật chủng. cả. Ví như pháp Tứ đế trước độ cho Bốn, Xá di. năm vị Tỳ kheo (năm Tỳ kheo là: Con thứ tư của vua Cam giá gọi A bệ bạc đề, Câu lợi, Trần như, Ca là Biệt thành, bị cha đuổi đi, đến diếp) Tuyết sơn, ở rừng Trực thọ. Về sau Hai, Dữ phụ thuyết pháp xây dựng nước tên là Xá di, bèn lấy Phật đã thành đạo rồi, chỉ nghĩ chỗ ở làm họ, nên gọi là Xá di. đến ơn cha rất nặng nên phải nói Năm, Thích ca. pháp khiến cho ông sống rất lâu, Tiếng Phạn là Thích ca, tiếng dùng Chánh pháp dạy dỗ dân chúng Hoa là Năng nhân. và xa lìa bụi trần dơ bẩn, được Kinh bổn hạnh nói: Vua Cam pháp nhãn thanh tịnh. Vì vậy Phật giá có người vợ thứ nhất là Thiện trở về nước nói pháp cho vua cha Hiền, sanh ra thái tử tên là Trường nghe. Thọ, người vợ thứ hai sanh bốn đứa Kinh Phổ Diệu nói: khi Phật con, tên đứa thứ một là Cự Diện, xuất gia thề với cha mẹ nếu chứng đứa thứ hai là Kim Sắc, đứa thứ ba đạo thì trở về độ song thân, nay là Tượng Chúng, đứa thứ bốn là chứng Phật quả rồi phải về nước Biệt Thành. Khi hoàng hậu Thiện nói pháp độ thoát cha mẹ không Hiền muốn lập Trường Thọ lên trái với lời thề ngày xưa. (Pháp ngôi, thì vua đuổi bốn người con nhãn là thấy được phần thô và tế kia đi ra khỏi nước, đến phía bắc của sắc và tâm đều do nhân duyên Tuyết sơn, ở trong rừng Trực thọ. gả hợp , gọi là các pháp về tục đế) Thái tử Biệt Thành lên làm vua, tự Ba, Dữ mẫu thuyết pháp xây thành quách mà ở, dùng đức độ Phật thành đạo rồi nhớ đến ơn để dạy dân, trở thành một cường mẹ nuôi dưỡng thương yêu. Lại quốc. nữa đã thề trở về độ cha mẹ vì vậy Phụ vương nghe vậy, hối hận, mà thuyết pháp cho song thân để sai sứ đến triệu hồi về, Biệt Thành được giải thoát, như lên cung trời từ chối không về lại. Phụ vương Đao lợi nói pháp cho mẹ nghe(than rằng: Con ta là Thích ca, giờ

tiếng Phạn là trời Đao lợi tiếng hoa Ba, vị quán sát bệnh là trời thứ ba ba) Lúc ấy có vị tăng bị bệnh Phật Bốn, Đương dữ phàm phu lập đến thăm hỏi và điều trị cho vị Bồ tát hạnh Tăng sĩ đó nên không nhận lời mời Như lai ra đời đã thành đạo rồi Bốn, Vị khán chư ngọa cụ. phải độ tất cả chúng sanh nên nói Có một thương nhân bố thí vải các pháp Lục Độ Vạn hạnh để cùng len tốt cho chư Tăng. Các vị Tỳ phàm phu lập nên hạnh Bồ tát Đại kheo có len may tọa cụ mới vứt thừa chuyển pháp luân độ tất cả những tọa cụ cũ bừa bãi khắp nơi. cùng thành chánh Giác Phật chờ các vị Tỳ kheo đi rồi, đến Năm, Đương thọ Bồ tát biệt đó xem xét sự việc nên không nhận Biệt tức là ký biệt, thọ ký riêng. lời mời Phật thọ ký cho Bồ tát một cách rõ Năm, Vị chế kỳ hợp xứ ràng về sau sẽ thành Phật vào kiếp Chế là quy định việc gì. Hợp xứ nào, nước gì, hiệu là gì. tức là phải làm theo giới luật Phật đã thành đạo rồi quán sát Vì các Tỳ kheo không được may năm căn cơ Đại thừa nếu có người tọa cụ mới mà vứt đi tọa cụ cũ nên tu hạnh Bồ tát đã thành thục thì Phật muốn bắt các Tỳ kheo tuân thuyết pháp và thọ ký cho những vị thủ giới luật, vì vậy mà không nhận ấy để cho đời sau đều được thành lời mời Phật NHƯ LAI NGŨ CHỦNG NGŨ BẤT PHÓ THỈNH THUYẾT PHÁP (Căn bản thuyết nhất (Tư ích Phạm hữu bộ Tì nại gia) thiên sở vấn kinh) Căn bản Tì nại gia nói có

một Một, Ngôn thuyết trưởng giả mời Phật và Tăng chúng Dùng ngôn ngữ âm thanh để đến nhà cúng dường. Tỳ kheo đi, thuyết pháp. Như lai có thể nói các chỉ Thế Tôn ở lại chùa, bảo người pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc nhận thức ăn mà không đi đến nhà nói pháp thế gian, xuất thế gian thí chủ, vì vậy nói năm nhơn duyên thảy đều dạy dỗ chúng sanh cho này. đến hằng hà vô số kiếp nói mãi Một, Vị yến mặc nhi cư không thôi. Như lai thâm nhập vào thiền Tuy nói như thế mà không làm định vắng lặng hoàn toàn nên hư hoại pháp tánh và cũng không không nhận lời mời vướng pháp tánh Hai, Vị chư Thiên thuyết pháp Hai, Tùy nghi Như lai vì những vị trời nói Thuận theo sự thích hợp của những giáo pháp quan yếu nên chúng sanh, Như lai nói vô số pháp không nhận lời mời. hoặc thiên, viên, đốn, tiệm, đều tùy

theo căn cơ của chúng sanh mà Thậm thâm là cảnh giới lý trí đem lại hiểu biết và giải thoát. Như lai chứng được, có năm pháp Ba, Phương tiện này sâu xa nhiệm mầu, khó hiểu, vì Phương là phương pháp, tiện là vượt ra ngoài cái biết của Thinh thích hợp giống như thiện xảo vậy văn, Duyên giác. Như lai nói bố thí thì được giàu Một, Nghĩa thậm thâm. có, nói trì giới thì được sanh lên cõi Thể tánh và ý nghĩa của chủng trí trời, nói nhẫn nhục thì được xa lìa mà Như lai đã chứng thì vi diệu sân hận, nói tinh tấn thì đầy đủ nhiệm mầu không thể nghĩ bàn. công đức, nói thiền định thì trừ Hai, Thật thể thậm thâm. được tán loạn. Các phương tiện vô Lý thể của thật tướng mà Như số như thế khai hóa cho chúng lai đã chứng không phải không, sanh, tất cả đều ra khoải luân hồi không phải có, chẳng phải giống, khổ đau,, được các pháp an lạc. chẳng phải khác, không thể nghĩ Bốn, Pháp môn bàn. Pháp là giáo pháp của đức Ba, Nội chứng thậm thâm. phật. Tất cả trí đã chứng được của Môn có nghĩa là vào, ra. Như lai, sâu xa vô lượng. Với trí Phật nói các pháp nhiệm mầu huệ của Phật khó hiểu khó vào, mở ra cửa giải thoát cho khắp tất cả không thể nghĩ bàn. hữu tình đều được ra khỏi đường Bốn, Y chỉ thậm thâm. sống chết khổ đau và vào miền giải Pháp thể chân như Như lai đã thoát thanh tịnh chứng, bao trùm tất cả, không nhơ Năm, Đại từ bi không sạch, không đổi không dời. Vì Như lai thương chúng sanh, Đối với tất cả pháp, không là, khởi tâm đại bi nói pháp, cứu độ ra không không là, không thể nghĩ khỏi đau khổ. Nếu có chúng sanh bàn. dắm chìm trong tham ái thì nói Năm, Vô thượng thậm thâm. pháp bất tịnh, nếu sân hận thì nói A nậu đa la tam miệu tam Bồ pháp từ bi, cho đến đắm nhiễm vào đề mà Như lai đã chứng, thì tất cả pháp thì nói xa lìa tất cả pháp ấy, Thinh văn, Bích chi,... không thể ưa vướng mắc vào các khổ, bất tịnh nghĩ bàn. mà ở tại gia thì nói pháp xa lìa sự (tiếng Phạn là A nậu đa la tam miệu trói buộc của thế gian. tam Bồ đề, tiếng Hoa là vô thượng Như lai nói vô số pháp đều vì chánh đẳng chánh giác. Tiếng Phạn chúng sanh thoát khỏi khổ đau. la Bích chi, nói đủ là Bích chi ca la, tiếng Hoa là Duyên giác).
NGŨ CHỦNG THẬM THÂM (Pháp Hoa luận)

NGŨ SỞ Y ĐỘ vô số châu báu đầy khắp, không giới hạn. Đó gọi là sắc tướng độ.
(Viên giác kinh lược (Hậu đắc trí là Phật tu hành đầy sớ sao) đủ, thể tính giác ngộ hoàn toàn Một, Pháp tánh độ. sáng suốt, sau khởi lên trí huệ và Pháp thân thanh tịnh là cõi diệu dụng). nương tựa của Như lai, lấy chân Bốn, Tha thọ dụng độ. như làm thể. Nhưng cõi pháp thân Thân tha thọ dụng là cõi nương này, thể không sai biệt, không đổi tựa của Như lai, lấy hậu đắc trí làm không dời, xa lìa tướng tịch diệt, đó thể vì lợi ích cho

chúng sanh. Điều gọi là cõi pháp tánh. đó là do tu đức thành tựu, tuỳ theo Hai, Thật báo độ. sự thích nghi của Bồ tát Thập địa Báo thân viên mãn là cõi nương biến hiện. Dùng sức đại từ bi mà tựa của Như lai, lấy vô lậu ngũ uẩn hiện ra vô số tịnh độ lớn, nhỏ, hơn, làm thể. Đó là công đức tu tập kém khác nhau. Đó gọi là tha thọ mười lực, bốn vô ký... từ kiếp dụng độ. trước, thành tựu. Trang nghiêm, vô Năm, Biến hoá độ. ngại, cảnh và trí hoà hợp, xứng với Thay đổi bất thường là biến. Từ sự chiêu cảm của quả báo. Đó gọi không mà bổng có là hoá. là cõi thật báo. Thân biến hoá là cõi nương tựa (mười lực là tri thị xứ phi xứ trí của Như lai. Lấy lợi tha làm sự, trí lực; tri quá, hiện, vị lai nghiệp báo làm thể, do tu tập hạnh lợi tha từ trí lực; tri chư thiên, giải thoát, Tam kiếp trước, nên tuỳ tâm chúng sanh muội trí lực; tri chư căn thắng liệt mà biến hiện tịnh, uế vô số cõi trí lực; tri chủng chủng giải trí lực; nước. Đó gọi là biến hoá độ. tri chủng chủng giới trí lực; tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực; tri thiên NGŨ PHÁP nhãn vô ngại trí lực; tri túc mạng (Lăng Nghiêm kinh) vô lậu trí lực; tri vĩnh đoạn tập khí trí lực. Một, danh. Tứ vô sở uý là nhất thiết vô sở Danh tức là giả danh. uý; lậu tận vô sở uý; thuyết chướng Tất cả thánh, phàm, tình và vô đạo vô sở uý; thuyết tận khổ vô sở tình, hoặc căn, hoặc trần đều có uý). tướng riêng, dựa theo hình thể mà Ba , Sắc tướng độ. gọi (tên). Đó là danh. Thân nhiều như vi trần, như Hai, Tướng. nước trong biển là cõi nương tựa Tướng tức là sắc tướng. của Như lai, lấy hậu đắc trí làm thể Tất cả sinh vật trong ba cõi, để tu tập đầy đủ. Nhờ đó mà muôn lớn, nhỏ, đẹp, xấu; tình và vô tình đức thành tựu, trang nghiêm bằng và các pháp thuộc căn, trần đều có hình thể. Đó là tướng.

Ba, Vọng tưởng. Vô vi pháp sáu. Tổng cộng là Vọng tưởng là ý niệm phân 100 pháp. biệt, hư giả, sai lầm. Từ hai pháp Một, sắc pháp vị. danh, tướng ở trước, khởi lên tâm Sắc vì chất thể chướng ngại (đó phân biệt, rồi nhận giả danh là của là ý nghĩa của sắc). Sắc có 11 thứ: mình, ôm lấy ảo tưởng là thân mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sắc, thinh, mình, nên có tâm và tâm sở vô số hương, vị, xúc, pháp (pháp là cảnh vướng vít lấy nhau. Đó là vọng của ý thức chọn lấy. Đầy đủ có bốn tưởng. phần: Tâm sở pháp, bất tương ưng (Tâm là tâm vương. Tâm sở là hành, vô vi, vô biểu sắc. Nay nói thọ, tưởng, hành các pháp) cảnh đã bị ý thức chọn lấy, đó Bốn, chánh trí. chính là vô biểu sắc. Chánh trí là trí thấy đúng đắn rõ Vô biểu sắc là ý thức duyên ràng của Như lai. Vì đã hiểu rõ các cảnh đã thấy ở quá khứ, tuy phân pháp đã đề cập ở trên, như ảo như biệt rõ ràng, nhưng không có đối hoá, chẳng phải đoạn, chẳng phải tượng biểu hiện, nên gọi là vô biểu. thường, vượt qua tất cả kiến thức Tuy không có đối tượng biểu hiện, của phàm phu, Tiểu thừa, biên nhưng vướng mắc vào cảnh được kiến, tà kiến khác nhau. Đó là duyên không quên, nên gọi là sắc). chánh trí. Hai, Tâm pháp vị. Năm, Như như. Tâm pháp có tám thứ: Thức A Như như là không đổi không lại da, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý khác, lý của chân như. Do chánh trí thức và thức thứ bảy. Tuy gọi là đã nói trên, quán sát danh tướng tám thứ thức, nhưng đều xuất phát đều là ảo mộng, chẳng phải có từ tâm vương, nên gọi là tâm pháp chẳng phải không. Danh, tướng vốn vị. không, tức là lý chân như. Lý nhờ Ba, Tâm sở hữu pháp vị. trí mà sáng, trí nhờ lý mà biểu hiện. Tâm sở hữu pháp có 51 thứ: Lý, trí tương đồng, nên đó là như - Biến hành năm pháp: như. 1) Tác ý: (tánh cảnh giác, khi tâm chưa khởi lên; phát khởi mệnh BÁCH PHÁP NGŨ VI lệnh, khi tâm đã khởi lên, chủ động (Hiển dương thánh hướng dẫn đến cảnh) giáo

luận) 2) Xúc: là đối cảnh (đối tượng) 3) Thọ: là lãnh nhận cảnh (đối Năm ngôi và 100 pháp là: tượng) Sắc pháp 11 4) Tưởng: chọn lấy bóng dáng Tâm pháp 8 của cảnh Tâm sở pháp 51 5) Tư: khởi tâm tạo tác các Tâm bất tương ưng hành 24 nghiệp. Do năm pháp này khi khởi

lên thì cùng khởi, nên gọi là biến 11) Bất hại: đối với loài hữu hành. tình không làm cho nó thiệt hại - Biệt cảnh năm pháp: về tinh thần và thể xác 1) Dục: mong đợi cảnh vui vẻ, - Phiền não có sáu pháp: vừa ý. 1) Tham: thâu gôm, giữ lấy 2) Thắng giải: đối với nghĩa lý không biết chán thấu hiểu rõ ràng, không bị trở 2) Sân: giận dữ không thôi ngại. 3) Mạn: ỷ mình làm nhục 3) Niệm: Nhớ rất rõ, không người quên. 4) Vô minh: đối với sự, lý đều 4) Đẳng trì: Xa lìa hôn mê không thấu đạt (không tỉnh), lăn xăn (không điềm 5) Kiến: tức là tà kiến tĩnh) thì gọi là đẳng. Bắt tâm 6) Nghi: do dự không cương chuyên chú (định), không để tán quyết loạn gọi là trì. Do sáu thứ này đều pháp mê mờ, 5) Huệ: chọn lựa gọi là huệ, có phiền muộn, gây rối loạn tâm thần, thể chọn, lựa giữa pháp thiện và ác. nên gọi là phiền não. Do năm pháp này khi khởi lên thì - Tuỳ phiền não có 20 pháp: mỗi thứ khởi lên riêng biệt, nên gọi 1) Phẫn: giận lắm (không còn là biệt cảnh. biết gì nữa) - Thiện có 11 pháp: 2) Hận: hờn giận 1) Tín: Rất yêu thích thiện pháp 3) Phú: làm cho người không 2) Tàm: hổ thẹn với chính mình biết lỗi của mình không có đức 4) Não: ngoại cảnh làm trái 3 Quý: xấu hổ làm hạnh ác lòng, không thấy an ổn 4) Vô tham: đối với năm cảnh 5) Tật: ôm lòng ghen ghét dục, sanh tâm chán ghét muốn 6) Xan: đối với của cải không xa lìa thể bố thí 5) Vô sân: đối với cảnh tình trái 7) Cuống: gian manh không lòng không khởi tâm giận dữ thành thật 6) Vô nghi: đối với sự, lý chắc 8) Siểm: nịnh hót làm vui lòng chắn và hiểu rõ người 7) Tinh tiến: đối với các pháp 9) Hại: gây tổn thương và lành, siêng năng tu tập phiền muộn loài hữu tình 8) Khinh an: xa lìa hôn mê và 10) Kiêu: khoe mình xem tán loạn thường người 9) Bất phóng dật: đối với pháp 11) Vô tàm: không biết xấu hổ bất thiện, tâm không đắm 12) Vô quý: làm điều bất thiện nhiễm trong đen tối 10) Xả: xa lìa vội vàng, hộp 13) Trạo cử: trong tâm chao chộp đảo, bất an

14) Hôn trầm: tâm thần mê loạn ra, nương tựa tâm mà khởi lên, 15) Bất tín: tà kiến, đa nghi cùng với tâm tương ưng chuyển 16) Giải đãi: thân, tâm lười biến. Đó gọi là ngôi tâm sở hữu nhác pháp. 17) Phóng dật: buông lung theo Bốn, Bất tương ưng hành vị. cảnh dục - Bất tương ưng hành vi có haibốn 18) Thất niệm: sót mất chánh thứ: niêm 1) Đắc: đối với tất cả pháp tạo 19) Tán loạn: tâm luôn buông tác và thành tựu. lung 2) Mạng căn: chủng tử của 20) Bất chánh tri: cho sai lầm là thức thứ tám hơi thở ra vào đúng đắn và hơi ấm liên tục duy trì, Do tuỳ phiền não này đi theo không gián đoạn, thì mạng sáu pháp phiền não ở trước mà khởi sống con người mới tồn tại. lên, nên gọi là tuỳ phiền não. 3) Chúng đồng phận: Như loài - Pháp bất định có bốn: người, hình tướng tương tự. 1) Ác tác: hoặc là tác ác sự 4) Dị sanh tánh: tánh viễn (làm việc ác), sanh tâm hối vông, sai lầm của chúng hận, hoặc là không làm việc sanh không giống nhau. lành, sanh tâm hối hận, nên 5) Vô tưởng định: là định của thuộc pháp bất định, ngoại đạo tu, vì tâm và 2) Thuỳ miên: thần thức mờ tưởng đều tiêu mất. tối, trong mộng thấy cảnh 6) Diệt tận định: Người được hoặc lành dữ, hoặc không định này tâm thọ, tưởng đều lành không dữ, nên thuộc tiêu mất, các thức không bất định pháp khởi lên. 3) Tầm: tức là ý

niệm tìm tòi, 7) Vô tưởng báo: Ngoại đạo tu suy nghĩ nổi lên trong tâm, vô tưởng định, khi chết theo ý niệm ấy có thể lành có thể quả báo sanh lên trời vô ác, có thể không lành không tưởng, sống đến năm00 ác, nên thuộc bất định. kiếp, tâm tưởng không vận 4) Từ (dò xét): Dò xét ý niệm hành, giống như nước đá nổi lên trong tâm. Tâm tầm bao bọc con cá. từ mà thô thì nổi (lên ý 8) Danh thân: Nương nơi sự thức), tâm tầm từ mà tế thì mà lập ra danh, nhiều danh chìm (sâu trong ý thức) liên kết lại, nên gọi là danh Tâm này cũng có lành, dữ, thân. không lành, không dữ, nên thuộc 9) Cú thân: Nhiều lời nói bất định pháp. thành câu, nhiều câu liên Những pháp như thế, đều từ kết lại, nên gọi là cú thân. chủng tử trong thức A lại da sanh

10) Văn thân: văn là chữ, nhiều 2) Trạch diệt vô vi: Trạch là chữ liên kết lại, nên gọi là kén chọn. Diệt là dứt hết. văn thân. Dùng trí dứt mê lầm thì 11) Sanh: bắt đầu của các pháp. chân lý được hiển lộ, không 12) Trụ: các pháp chưa dời đi có gì làm ra. 13) Lão: các pháp dần dần suy 3) Phi trạch diệt vô vi: Không yếu dùng trí dứt hết mê lầm. 14) Vô thường: Trước có sau Tính vốn thanh tịnh, không không do gì làm ra. 15) Lưu chuyển: nhân quả 4) Bất động vô vi: Bất động không ngừng, vì liên tục địa tức là trời tứ thiền, do chuyển đổi địa vị mà lập ra tên, vì trời 16) Định dị: Nhân, quả, lành, này tu thiền định, không do dữ không giống nhau gì làm ra. 17) Tương ưng: Nhân, quả hoà 5) Tưởng, thọ diệt vô vi: Tâm hợp không sai trái nhau tưởng thọ diệt mất mà chân 18) Thế tốc: các pháp dời đổi lý được hiển lộ, không do gì miên tục, không đứng yên làm ra. trong giây lát. 6) Chân như vô vi: không sai 19) Thứ đệ: sắp xếp theo thứ tự. lầm gọi là chân, không đổi 20) Thời: là thời gian khác gọi là như. Lý chân 21) Phương: nơi chốn như, không do gì làm ra. 22) Số: số mục, con số Do sáu pháp này, thể vốn dung hợp 23) Hoà hợp: không chống đối như hư không, không do gì làm ra, nhau nên gọi là vô vi vị. 24) Bất hoà hợp: chống đối nhau NGŨ LOẠI THUYẾT Do haibốn pháp này chỉ có tính PHÁP giả thiết, không tương ưng cùng với (Pháp Hoa kinh sớ) tâm, không tương ưng cùng với sắc, nên gọi là gọi bất tương ưng Một, Phật thuyết. hành. (chỉ có tính giả thiết là chỉ có Tất cả giáo pháp, kinh điển đều tên mà không có thực thể, nên của Phật nói, trong một kinh Hoa không thuộc tâm pháp, cũng không nghiêm có cả Thinh văn, Bồ tát thuộc sắc pháp) cùng nói. Kinh này nói là Phật Năm, Vô vi vị. thuyết, như phẩm A tăng kỳ, phẩm - Vô vi vị có sáu pháp: tuỳ hảo, chính Phật tuyên thuyết. 1) Hư không vô vi: Lý chân (Tiếng Phạn là A tăng kỳ, tiếng như, lìa xa chướng ngại, Hoa là vô số). giống như hư không, không Hai, Bồ tát thuyết. do gì làm ra.

Các vị đại Bồ tát cùng nhau Chánh giáo của Như lai, nghĩa tuyên thuyết các pháp để hiển bày lý sâu xa, mở mang rộng rãi đến chủ, bạn hoà hợp, như trong kinh chúng sanh vô cùng tận. Hoa nghiêm, các phẩm Thập trụ, Ba, Hiển thị nghĩa. Thập hạnh, Thập hồi hướng đều là Chánh giáo của Như lai, bày tỏ các vị Bồ tát nói cả. sự, lý, không che giấu cái gì, mà có Ba, Thinh văn thuyết thể khai ngộ chúng sanh. Các vị Thinh văn, nhờ thần lực Bốn, Thắng mặc nghĩa. của Phật gia bị, cũng có thể thuyết Chánh giáo của Như lai, quy pháp, như trong kinh Hoa nghiêm, định chánh, tà để khiến cho chúng phẩm đầu tiên: pháp giới là của các sanh trở về chánh đạo. vị Thinh văn nói. Năm, kết phát nghĩa. Bốn, Chúng sanh thuyết. Kết tóc thành dây, dây có thể Chúng sanh cũng có thể thuyết xâu hoa lại thành tràng, dụ cho pháp, do thể của chúng sanh và chánh giáo

của Như lai, xuyên suốt Phật không khác nhau. Pháp được các pháp, thu nhiếp, dạy dỗ chúng Phật nói, chính là chúng sanh nói. sanh. Chúng sanh nói tức là Phật nói. Đó gọi là chúng sanh thuyết. NGŨ NHÂN THUYẾT Năm, Khí giới thuyết. KINH Thế giới như một đồ dùng, tức (Đại trí độ luận) là quốc độ (giang sơn tổ quốc) Khí giới cũng có thể thuyết Một, Phật thuyết. pháp tức là thần lực không thể nghĩ Như lai ra đời là vì độ chúng bàn của Như lai biến hiện. Như sanh, rộng nói vô số kinh điển, chỉ kinh Hoa nghiêm nói cây Bồ đề có từ kim khẩu của Phật nói ra. Đó gọi thể làm Phật sự, lại như nước Cực là Phật thuyết. lạc, nước chim, cây rừng, đài mây, Hai, Đệ tử thuyết. lưới báu đều có thể nói pháp âm vi Đệ tử là Thinh văn, Duyên giác, diệu. Bồ tát. Khi Phật còn ở đời, nhờ sự giúp đỡ của Phật, các vị ấy vận KINH NGŨ NGHĨA dụng thần thông, tuỳ căn cơ của (Hoa nghiêm kinh sớ) chúng sanh nói pháp, dạy dỗ, cứu độ chúng sanh. Đó là đệ tử thuyết. Kinh ngũ nghĩa cũng gọi là Ba, Tiên thuyết. kinh ngũ danh. Tiên tức là trong giáo hội của Một, dũng tuyền nghĩa. Phật, các đại tiên nhân, theo Phật Chánh giáo của Như lai, ý vào đạo, thề rao truyền những lời nghĩa không cùng tận, như suối Phật dạy, khen ngợi chánh pháp, nước phun, chảy hoài không khô. làm lợi ích loài hữu tình. Đó gọi là Hai, Xuất sanh nghĩa. tiên thuyết.

Bốn, Chư thiên thuyết. Phạn là đà la ni, tiếng Hoa là Tổng Thiên tức là trời Thích đề hoàn trì, còn gọi là Chú) nhân như Đế thích v.v... mỗi khi ở Hai, Đa hàm bất phiên. Thiện pháp đường thường vì các Ví dụ: tiếng Phạn gọi là Bạc già trời ở Đao lợi diễn nói kinh Bát phạm, gồm có sáu nghĩa: tự tại, xí nhã... Đó gọi là chư thiên thuyết. thạnh, đoan nghiêm, danh xưng, cát (Tiếng Phạn là Thích đế hoàn nhân, tường, tôn quý, nên trong kinh để tiếng Hoa là Năng thiên chủ. Nói nguyên tiếng Phạn. Đó là chứa Đế thích là Phạn, Hoa gộp chung nhiều nghĩa, nên không phiên. mà nói. Tiếng Phạn là Đao Lợi, Ba, Thử phương vô bất phiên. tiếng Hoa là Tam thập tam) Ví dụ: Tiếng Phạn là Diêm phù Năm, Hoá nhân thuyết. đề, tiếng Hoa là Thắng kim châu. Ở Hoá nhân là thánh nhân trong Tây vức có cây tên là Diêm phù Tam thừa, tuỳ căn cơ mà thị hiện thọ, phía dưới cây có sông cát dạy dỗ. Như La Hầu La hoá làm vàng, nên gọi là thắng kim. Nay vua Kim luân, độ mẹ già ở thành không gọi là thắng kim vì ở địa phía đông, ban đầu khen ngợi phương này không có loại cây ấy; phước nhân duyên, sau nói diệu trong các kinh giữ nguyên tên tiếng pháp Đại thừa. Đó gọi là hoá nhân Phạn. Đó là địa phương này không thuyết. có (loại cây ấy) nên không phiên. (Tiếng Phạn là La hầu la, tiếng Hoa Bốn, thuận cổ bất phiên là Phú chướng) Ví dụ: Tiếng Phạn là A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, tiếng Hoa NGŨ CHỦNG BẤT là Vô thượng chánh đẳng chánh PHIÊN giác, tuy là có phiên như thế, nhưng (Phiên dịch danh từ đời Hán, pháp sư Ma Đằng trở lại, trong kinh vẫn giữ nguyên tiếng nghĩa) Phạn. Đó là theo xưa nên không Phiên tức là phiên dịch: dịch phiên. chữ nước này sang chữ nước khác. Năm, tôn trọng bất phiên. Ở đây là dịch tiếng Phạn sang tiếng Ví dụ: Tiếng Phạn là Bát nhã, Hoa. tiếng Hoa là trí huệ. Đại trí độ luận Bất phiên là năm thứ sau không nói, thật tướng Bát nhã rất là tôn thể phiên. kính và quý trọng, trí huệ thì khinh Một, Bí mật bất phiên. bạc. Vì thế chỉ nói Bát nhã mà Huyền diệu sâu kín gọi là bí. không nói trí huệ. Đó là tôn trọng Không thể biết nhau gọi là mật. nên không phiên. Các Đà la ni là ngôn ngữ bí mật của Phật, trong kinh văn giữ nguyên hình thức chữ Phạn. Đó là bí mật nên không phiên (Tiếng

HOA NGHIÊM NGŨ Tu di sơn đỉnh kệ tán phẩm, Thập CHU NHÂN QUẢ trụ phẩm, Phạm hạnh phẩm, sơ phát tâm công đức phẩm, minh (Hoa nghiêm pháp phẩm, Thăng Da Ma thiên kinh sớ) cung phẩm, Da Ma cung trung kệ Một, Sở tín nhân quả. tán phẩm, Thập hạnh phẩm, Thập Kinh Hoa nghiêm, hội thứ nhất, vô tận tạng phẩm, Thăng Đâu Suất ở Bồ đề đạo tràng, nói về pháp môn thiên cung phẩm, Đâu Suất thiên y báo và chánh báo của Như lai. Từ cung kệ tán phẩm, Thập hồi hướng quyển thứ nhất đến quyển thứ phẩm, Thập địa phẩm, Thập định mộtmột, có tất cả là sáu phẩm. năm phẩm, Thập thông phẩm, Thập phẩm đầu, nói rõ về y và chánh quả nhẫn phẩm, Chư Bồ tát trụ xứ của Đức Xá na, một phẩm sau nói phẩm, Phật bất tư nghì pháp phẩm, rõ về bổn nhân của Phật, để làm Như lai thập thân tướng hải phẩm, cho con người tin tưởng, nên gọi là Như lai tuỳ hảo quang minh công sở tín nhân quả (niềm tin nhân, quả đức phẩm). có căn cứ. Quả đức là thường, lạc, Ba, Bình đẳng nhân quả. ngã, tịnh của quả Niết bàn. Xá na Lại hội thứ bảy, ở điện Phổ còn gọi là Giá na, gọi đủ là Tì lô Quang minh, nói về nhân, quả bình giá na. sáu phẩm là: Thế chủ diệu đẳng. Từ quyển 49 đến quyển 52, nghiêm, Như lai hiện tướng, Phổ gồm có hai phẩm, phẩm Phổ Hiền Hiền Tam muội, Thế giới thành hạnh ở trước, biện luận nhân bao tựu, Hoa nghiêm thế giới, Giá na trùm quả (hải) phẩm Như lai xuất phẩm). hiện ở sau, nói rõ quả quán triệt Hai, Sai biệt nhân quả. nhân (nguyên). Nhân, quả không Hội thứ hai, ở điện Phổ Quang hai, nên gọi là bình đẳng nhân quả. minh, đến hội thứ bảy cũng ở điện Bốn, Thành hạnh nhân quả. Phổ Quang minh, nói pháp môn Hội thứ tám cũng ở điện Phổ nhân quả sai biệt của Thập tín, quang minh, nói về nhân, quả thành Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hạnh, pháp xa lìa thế gian, từ quyển hướng, Thập địa, đẳng giác, từ nămba đến quyển 59, gồm có một quyển 12 đến quyển 48, có tất cả là phẩm. Trước nói rõ năm vị của 29 phẩm. 26 phẩm đầu biện luận về nhân, sau nói rõ tám tướng của quả, nhân, ba phẩm sau nói rõ về quả, nên gọi là thành hạnh nhân quả. cũng gọi là giải bày nhân quả, nên (năm vị là Thập trụ, Thập hạnh, gọi là sai biệt nhân quả. Thập hồi hướng, Thập địa, đẳng (29 phẩm là Như lai danh hiệu giác. tám tướng là giáng Đâu suất, phẩm, Tứ thánh đế phẩm, Quang thác thai, giáng sanh, xuất gia, hàng minh giác phẩm, Bồ tát vấn minh ma, thành đạo, thuyết pháp, nhập phẩm, Tịnh hạnh phẩm, Hiền thủ Niết bàn). phẩm, Thăng tu di sơn đỉnh phẩm, Năm, Chứng nhập nhân quả.

Hội thứ chín, ở rừng Thệ đa, nương địa vị vào trong Thập địa, nói về diệu môn chứng nhập pháp mới được vượt trội, mượn danh của giới, từ quyển 60 đến quyển 80, Tam thừa mới rộng khắp, dẫn dắt gồm có một phẩm. Ban đầu nói rõ huân tập mới có thể chuyên sâu vào công dụng lớn của quả Phật, sau viên dung (giáo). Đó gọi là dẫn vi. nói rõ nỗ lực tu nhân của Bồ tát. Vì (Dùng danh của Tam thừa, nương nhân, quả hai môn, cùng một lúc địa vị của Thập địa, khiến cho Bồ chứng nhập, nên gọi là chứng nhập tát của quyền giáo tu tập theo đó,từ nhân, quả. từ hiển lộ pháp tối thắng của Viên (Tiếng Phạn là Thệ đa, còn gọi giáo) là rừng Kì đà, rừng Kỳ viên, tiếng Bốn, Quyền vi. Hoa là Thắng lâm). Bậc Nhị thừa đã không thể nghe, huống gì thọ trì, nên các vị HOA NGHIÊM NGŨ VI Bồ tát giả hiện Thinh văn, hoặc ở (Hoa nghiêm kinh trong pháp hội mà như đuôi, như điếc, không thể hiểu biết chút nào sớ) cả, hoặc ở trong đạo tràng và mở Một, Chánh vi. mang hiểu biết có thể hồi tâm. Đó Phẩm Hoa nghiêm xuất hiện gọi là

quyền vi. nói: Kinh này không phải vì những Năm, viễn vi. chúng sanh khác mà nói, mà chỉ vì Phàm phu, ngoại đạo, xiển đề Bồ tát thừa không thể nghĩ bàn. Lại đều có Phật tánh. Bây giờ, tuy là nói không phải cảnh giới khác có không tin, còn biết có pháp để huỷ thể biết được, chỉ có người tu hạnh báng, vì còn biết có pháp, nên sau Phổ hiền mới có thể vào được. Đó có thể vào đạo được. Đó gọi là viễn gọi là chánh vi. vi. Hai, Kiêm vi. Kinh này đề cập cả chúng sanh NGŨ CHỦNG BÁT NHÃ chưa giác ngộ, người nghe kinh, tin (Kim cang soạn yếu tưởng và hướng về thì đã hình thành nên chủng tử tốt. Kinh nói: sớ san định ký) Ví như người ăn chút ít Kim Một, Thật tướng Bát nhã. Cương, chắc chắn không tiêu hoá Thật tướng là thể của Bát nhã, được, vì vậy chúng sanh trong địa vì hiểu rõ tất cả các pháp đều ngục, đến ngôi Thập địa mới siêu không, xa lìa các tướng hư dối và thoát, giống như biển cả dập tắt lửa, sai lầm, nên gọi là thật tướng Bát không thể ngăn cản được. Đó gọi là nhã. kiêm vi. Hai, Quán chiếu Bát nhã. Ba, Dẫn vi. Quán chiếu là diệu dụng của Bồ tát của quyền giáo không Bát nhã, vì quán chiếu rõ biết các nhận được pháp viên dung (giáo), pháp không có tướng, thảy đều

vắng lặng để hiển bày dụng của thể, Thế đệ nhất là đối với lý, tuy chưa nên gọi là quán chiếu Bát nhã. chứng, mà đối với thế gian là vượt Ba, Văn tự Bát nhã. trội. Văn tự là cái để diễn bày. Bát Giới tức là giới luật nhã là pháp được diễn bày. Nội Định tức là thiền định dung và hình thức hợp lại phải Huệ tức là trí huệ dùng ngôn ngữ, văn tự. Tánh vốn Giải thoát: Giải là cột đã mở, vắng lặng, nên gọi là văn tự Bát được thoát ra, tự tại không bị ràng nhã. buộc. Bốn, Cảnh giới Bát nhã. Giải thoát tri kiến: Tri là trí. Cảnh giới là phạm vi của các Kiến là mắt. Trí huệ của con mắt pháp. Vì cảnh không có tự tướng, soi tỏ các pháp đều không, không do trí phát hiện ra, dùng hai trí căn có chướng ngại, được tự tại). bổn và hậu đắc, soi rọi tất cả phạm vi của các pháp, đều vốn vắng lặng. PHÁP HOA NGŨ TRÙNG Do cảnh đặt tên, nên gọi là cảnh HUYỀN NGHĨA giới Bát nhã. (Pháp hoa (Căn bổn trí là trí có sẵn mà chính là Bồ tát chứng được. Hậu huyền nghĩa) đắc trí sau căn bổn trí, khởi lên giáo Đại sư Trí giả của tông Thiên hoá chúng sanh). thai, khi giải thích các kinh Phật, Năm, Quyến thuộc Bát nhã. đều lập ra năm lớp nghĩa huyền Quyến thuộc là noãn, đỉnh, diệu. Đó là: 1) Thích danh, 2) Biện nhẫn, thế đệ nhất và giới, định, huệ, thể, 3) Minh tông, 4) Luận dụng, 5) giải thoát, giải thoát tri kiến. Vì các Phán giáo tướng. Vì vậy kinh Pháp pháp này đều cùng loại với tánh trí hoa này, cũng có năm lớp nghĩa huệ quán chiếu, nên gọi là quyến huyền diệu. thuộc Bát nhã. Một, Pháp dụ vi danh. (Noãn như dùi cây lấy lửa, chưa Pháp tức là diệu pháp. Dụ tức là thấy lửa ra, trước có hơi nóng, lấy liên hoa. làm ví dụ người đạt đến gia hạnh Diệu pháp là tên mầu nhiệm vị, chưa được lửa trí huệ đốt cháy không thể nghĩ bàn, pháp tức là củi phiền não, đã thấy tướng nóng. pháp quyền, thật của mười giới và Đảnh là quán hạnh chuyển sang mười như. Vì diệu pháp khó hiểu, sáng suốt, như lên đỉnh núi, tất cả nên phải mượn hình ảnh khác ví đều thấy rõ ràng. dụ. Nhẫn là chịu đựng. Đối với các Diệu pháp thì quyền, thật là một pháp khổ, tập, diệt, đạo có thể chịu thể, hoa sen thì hoa, quả đồng thời, đựng, vui vẻ tu tập. nên lấy pháp ví dụ đặt tên. (mười giới là Phật giới, Bồ tát giới, Duyên giác giới, Thinh văn

giới, Thiên giới, Nhân giới, A tu là Bổn môn là 14 phẩm sau bàn về giới, Ngạ quỷ giới, Súc sanh giới, bổn môn. Bổn như căn bổn (gốc Địa ngục giới. mười như là như thị rễ). Phật mở ra dấu vết thành tựu tướng, như thị tánh, như thị thể, gần đây để làm rõ cái gốc rễ sâu như thị lực, như thị tác, như thị xa). nhân, như thị duyên, như thị quả, Năm, Vô thượng đề hồ vi giáo như thị báo, như thị bản mạt cứu tướng. cánh đẳng. Những giáo huấn của thánh Quyền tức là pháp của Tam nhân cho thế gian gọi là giáo, phân thừa. biệt giống, khác gọi là tướng. Kinh Thật tức là pháp của Nhất thừa) này thuần viên rốt ráo nhiệm mầu, Hai, Thật tướng vi thể. hoàn toàn khác xa với giáo lý Tiểu Thật tướng của trung đạo là thể thừa thiên lệch. Ví dụ như vị tuyệt nhiệm mầu mà kinh này nói ra, nên vời của đề hồ, không giống với sửa, gọi thật tướng là thể. lạc, tô, nên gọi là vô thượng đề hồ Ba, Nhất thừa nhân quả vi tông. vi giáo tướng. Nhất thừa tức là nhất thật tướng. Tông là quan trọng. Nhân là TU ĐẠI NIẾT BÀN ĐẮC tu hạnh thật tướng này thì quả là NGŨ SỰ chứng được lý thật tướng, nên gọi (Đại Niết là Nhất thừa
nhân quả vi tông. Bốn, Đoạn nghi sanh tín vi bàn kinh) dụng. Tiếng Phạn là Niết bàn, gọi đủ Dụng tức là hiệu lực. là ma ha bát Niết bàn na, tiếng Hoa Lấy diệu pháp Đại thừa, khai là đại Diệt độ. Đại là pháp thân, thị cho căn cơ Viên giáo, ở tích diệt là giải thoát, độ là Bát nhã. môn, khiến cho dứt trừ nghi ngờ Đây là Niết bàn của Đại thừa. của quyền giáo, mà sanh tín tâm ở Một, Bất văn đắc văn. thật giáo, ở bản môn khiến cho dứt Ý nghĩa của đại Niết bàn rất sâu trừ nghi ngờ gần mà sanh tín tâm ở xa, vi diệu và bí mật, trong tâm của xa, nên gọi là đoạn nghi sanh tín vi tất cả chúng sanh đầy đủ hoàn toàn, dụng. vì vô lượng kiếp đến nay, bị vô (Tích môn là kinh này có minh che khuất, nên không thể haitám phẩm. 14 phẩm trước bàn nghe. Nay tu tập pháp đại Niết bàn, về tích môn. Tích là dấu chân, như đạt được tánh của Như lai là lý người ở một chỗ nào thì ắt còn để thường nhiên. Xưa không thể nghe, lại dấu chân đi lại ở đó, cũng như mà có thể nghe, đó là bất văn đắc đức Phật vốn có từ xa xưa, để lại văn. dấu tích của những thành tựu gần Hai, Văn dĩ lợi ích. đây. Nghe được kinh vi diệu đại Niết bàn, suy nghĩ ý nghĩa, lại hay

biên chép, đọc tụng, vì người khác thai, lấy giáo lý một đời Đức Phật rộng nói, khiến cho họ hiểu được, nói, chia ra thành năm thời: Trước tự lợi và lợi tha thì được sự kính hết khi Phật thành đạo, vì đại Bồ tát ngưỡng của trời, người, chẳng bao nói Kinh Hoa nghiêm; Kế tiếp ở lâu chứng được quả Phật. Đó là văn Lộc uyển, vì dìu dắt Nhị thừa nói dĩ lợi ích. bốn kinh A hàm; Kế tiếp nữa ở thời Ba, Năng đoạn nghi hoặc. Phương đẳng nói các kinh Đại thừa Nghe pháp sâu xa đại Niết bàn như Lăng già, khiến cho Nhị thừa ấy thì trừ được tâm nghi ngờ. Nghi xấu hổ Tiểu thừa mà ham muốn có hai: Đại thừa; Kế nữa nói kinh Bát nhã 1) nghi tên, 2) nghi nghĩa. trừ sạch tình chấp của Nhị thừa; Người nghe được kinh này, tâm Sau nói kinh Pháp hoa, Niết bàn chỉ nghi ngờ về tên liền dứt, người hay bày cho chúng sanh đều được thành suy nghĩ, tâm nghi ngờ về nghĩa Phật. Đó là năm thời. liền dứt. Đó là hay dứt trừ nghi (Thiên thai là tên núi. Trí giả ngờ. đại sư là hiệu vua Dương đế nhà Bốn, Huệ tâm chánh trực. Tùy ban cho, húy là Trí khải, Chánh là không cong vạy. Trực nương náu và nhập tịch ở núi Thiên là không uốn khúc. thai, rồi lấy chỗ này làm tên). Nghe pháp sâu xa đại Niết bàn Một, Hoa nghiêm thời. này thì trí huệ sáng suốt tăng Kinh Hoa nghiêm là kinh Phật trưởng, đến được lý chân

thật, tâm nói đầu tiên, như lúc mặt trời chiếu không cong vậy. Đó là huệ tâm sáng trên núi cao. Vì, ban đầu, Phật chánh trực. vì những vị có căn tánh Đại thừa đã Năm, Năng tri Như lai mật thuần thục, nên trước tiên nói kinh tạng. này; đề cập đến pháp giới vô tận, Nghe pháp vi diệu đại Niết bàn, tánh hải viên dung, không và có thì biết được tất cả chúng sanh đều đều như nhau, sắc và tâm dung hòa có Phật tánh, cho đến tạo nghiệp nhau, hải ấn trong veo chiếu soi vô cực ác, xiển đề chê bai chánh pháp, vàn hiện tượng, cõi nước hiện rõ đều được thành Phật đạo. Những trên đầu lông, chỉ dạy dỗ cho Bồ tát nghĩa như thế, bí mật sâu xa, nay Đại thừa. Đó gọi là thời Hoa đều hiểu rõ. Đó là năng tri Như lai nghiêm. mật tạng. (Hải ấn là tên Tam muội, dụ trí Phật. Trí của Phật chiếu soi các THIÊN THAI NGŨ THỜI pháp, như biển cả ẩn hiện muôn (Thiên thai tứ giáo hình vạn tượng. Sát là tiếng Phạn, nghi) nói đủ là sát na; tiếng Hoa là thổ điền (đất ruộng). Sát thổ cách nói Năm thời của Tông Thiên thai gồm cả Phạn và Hoa). là do đại sư Trí giả ở núi Thiên Hai, Lộc uyển thời

Lộc uyển là vườn nai. Đó là nơi giống như mặt trời vào lúc chánh Phật nói kinh A hàm. Thời là kế ngọ. Vì Phật nói bốn thời trước là tiếp nói kinh này, giống như khi để điều hòa căn cơ cho thuần thục, mặt trời chiếu soi vàop hang hóc tối nên ở hội Linh sơn hợp tánh mà tăm. Do Phật vì Tiểu thừa, đối với bàn bạc, khiến cho hiểu quyền trở pháp Đại thừa đã nói ở trên, như về Phật, hết vọng tức chân, thọ điếc như đui, nên ngưng không mạng dài lâu, bày tỏ huyền vị của dùng Đại thừa giáo hóa mà giáo đạo lớn. Các căn thượng, trung, hạ hóa bằng Tiểu thừa; do đó ở Lộc đều được thọ ký. Đây là điều kinh uyển, Phật nói pháp Tứ đế, nói các Pháp hoa đã nói; còn các căn cơ kinh A hàm. Đó là thời Lộc Uyển. khác chưa độ hết, nên nói kinh Niết Ba, Phương Đẳng thời bàn để cứu vớt cho hết. Đó là Pháp Căn cơ của chúng sanh đều hoa, Niết bàn. khắp gọi là phương. bốn giáo cùng bàn gọi là đẳng. Thời là kế tiếp nói NGŨ VỊ các kinh Phương đẳng, như lúc mặt (Niết bàn Kinh) trời chiếu soi trên đất bằng. vì trong thời Lộc uyển trước nói pháp Tiểu Như lai nương vào tạng vương thừa. Bậc Nhị thừa nhận được chút vô cấu, Bồ tát khen ngợi pháp Niết ít cho là đủ, lại cho là rốt ráo; nên bàn hơn hết, bèn nói năm vị này. giã cư sĩ Duy ma trách mắng, để Lấy đề hồ so sánh với Pháp hoa, bậc Nhị thừa ghét Tiểu thừa mà ưa Niết bàn. Đại sư Trí giả, tông Thiên mến Đại thừa; nên nói các kinh thai, đời Tùy, lấy giáo lý Phật nói Duy ma, Lăng già. Đó là thời một đời, thứ tự lập ra năm thời. Lấy Phương đẳng. sự tương sanh của thánh giáo, căn (Tứ giáo là tạng, thông, biệt, cơ nhanh, chậm của chúng sanh so viên) sánh với năm vị đậm lạt. Bốn, Bát nhã thời Một, Nhũ vị Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng Vị của sữa từ con trâu vắt ra, ví Hoa là trí huệ, tên của kinh. Thời là dụ như 12 bộ kinh do Phật tuyên kế tiếp nói kinh này, như lúc mặt thuyết. Thời đầu tiên, Phật nói giáo trời chiếu sáng nhất trong ngày. Vì lý viên đốn Hoa nghiêm, chỉ vì Tiểu thừa đã bị quở trách nên hồi những bậc đại căn cơ, không bao tâm hướng về Đại thừa, nhưng còn gồm Nhị thừa. Vì kinh này, lần đầu tình chấp chưa thể vượt lên hoàn tiên mở bày, dung hợp vừa thô sơ toàn. Do vậy rộng nói pháp không vừa mầu nhiệm, nên lấy vị sữa làm của Bát nhã để gạn lọc, bỏ đi. Đó là ví dụ. thời Bát nhã. (12 bộ kinh là Khế kinh, Trùng Năm, Pháp hoa, Niết nàn thời tụng, Phúng tụng, Nhân duyên, Bổn Pháp hoa, Niết bàn là tên hai sự, Bổn sanh, Hy hữu, Thí dụ, Luận kinh. Thời là lúc đang nói kinh này,

nghị, Tự thuyết, Phương quảng, Đề hồ từ thục tô sanh ra, lấy Thọ ký) các kinh sau Bát nhã làm ví dụ, như Hai, lạc vị Pháp Hoa, Niết bàn. Lạc vị từ sữa sanh ra, lấy ví dụ Vào thời thứ năm, Phật ở hội Linh chín bộ kinh từ 12 bộ kinh trên. sơn nói kinh Pháp hoa, mở ra bốn Thời thứ hai, Phật nói các kinh A vị trước là quyền giáo Tam thừa, Hàm ở Lộc uyển, dìu dắt Nhị thừa, khiến cho các chúng sanh đều dứt kiến hoặc và tư hoặc, chứng lý thành Phật. Lại nói kinh Niết bàn, chân không, lại từ đốn giáo ban bố bảo hộ giới luật và nói về lý thường tiệm giáo, nên lấy lạc vị làm ví dụ. trụ, nên lấy đề hồ vị lám ví dụ. (Kiến hoặc là ý căn đối với pháp trần nổi lên các phân biệt. Tư hoặc là năm căn đối với năm trần Nhũ vị Lạc vị Sanh tô nổi lên tham lam, luyến ái) vị Ba, Sanh tô vị (vị sữa tươi) (vị sữa cô) (vị Sanh tô từ lạc mà ra, lấy ví dụ crème) chín bộ kinh sau và nói pháp Đại thừa phương đẳng. Vào thời thứ ba, Thục tô vị Đề hồ vị ở hội Phương đẳng, Phật nói các (vị bơ) (vị phó mát) kinh Đại thừa như Lăng già, Lăng nghiêm; khen ngợi pháp lớn, trách cứ Tiểu thừa, làm cho Tiểu thừa Hoa Nghiêm A Hàm Lăng chán Tiểu thừa mà ham muốn Đại Già thừa, nên lấy sanh tô vị làm ví dụ. Lăng (Tiếng Phạn là Lăng già, tiếng Nghiêm Hoa là Bất khả vãng, chỉ người có thần thông mới có thể đến được. Bát nhã Pháp Hoa Lăng nghiêm, tiếng Phạn gọi đủ là Niết bàn Thủ lăng nghiêm, tiếng Hoa là Kiện tướng phân biệt) NGŨ BỘ LUẬT Bốn, Thục tô vị (Phiên dịch Danh Thục tô vị từ sanh tô mà ra, lấy các kinh sau phương đẳng làm ví nghĩa) dụ, như kinh Bát nhã. Năm bộ luật là Luật Tạng Phật Vào thời thứ bốn, Phật nói các nói ra và chia làm năm. pháp môn trí huệ không tính của Thế Tôn thành đạo batám năm, Bát nhã để trừ hết nghi ngờ của Nhị quốc vương thành Vương xá mời thừa, trao cho giáo pháp Đại thừa thọ trai, Ăn xong, Phật sai La hầu làm tài sản, làm cho tâm từ từ thấu la rửa bát, vì lỡ tay ông làm vỡ bát hiểu, nên lấy thục tô vị làm ví dụ. thành năm mảnh. Ngày ấy có nhiều Năm, Đề hồ vị Tỳ kheo bạch Phật rằng: Bát bể

năm mảnh, Phật nói: 500 năm đầu, tiếng Phạn, tiếng Hoa là Cận Chấp, sau khi ta Diệt độ, có các Tỳ kheo vì khi Phật còn là Thái tử ông hay chia Luật tạng ra làm năm bộ. gần gũi hầu hạ). Sau Ngài Ưu ba cúc đa, quả Ba, Ca diếp di bộ nhiên có năm đệ tử, mỗi người giữ Tiếng Phạn là Ca diếp di, tiếng lấy một ý kiến, bèn chia Luật Tạng Hoa là Trọng không quán, tức là của Phật ra làm năm bộ. giải thoát luật) (Tiếng Phạn là La hầu la, tiếng Kinh Đại tập nói: Sau khi ta Hoa là Phú chướng. Tiếng Phạn là vào Niết bàn, các đệ tử của ta, thọ Tỳ ni, tiếng Hoa là Thiện Trị. trì 12 bộ kinh của Như lai, nói là Tiếng Phạn là Ưu ba cúc đa, tiếng không có ngã và không có người Hoa là Đại hộ, Cận hộ) nhận (thọ giả), chuyển các phiền Một, Đàm vô đức bộ não giống như thây ma. Đó là Ca Cũng gọi là Đàm ma cúc đa, diếp di bộ. tiếng Phạn là Đàm vô đức, tiếng (Chuyển các phiền não giống Hoa là Pháp mật. Mật có nghĩa là như thây ma là vứt bỏ mê lầm như che dấu, còn gọi là Pháp Tạng, gọi vứt bỏ thây ma) là Tứ Phần Luật. Bốn, Di sa tắc bộ Kinh Đại tập nói: Sau khi ta Tiếng Phạn là Di sa tắc, tiếng vào Niết bàn, có các đệ tử, giữ gìn Hoa là Bất trước hữu vô quán, tức 12 bộ kinh của Như lai, biên chép, là Ngũ phần luật. đọc tụng, nói năng điên đảo; vì nói Kinh Đại tập nói: Sau khi ta năng điên đảo nên che dấu Pháp vào Niết bàn, các đệ tử của ta, thọ Tạng. trì 12 bộ kinh của Như lai, không (Tứ Phần Luật là pháp Tỳ kheo, làm các tướng đất, nước, gió, lửa pháp Tỳ kheo ni, pháp Thọ giới, và tướng hư không thức. Đó là Di pháp Diệt tránh) sa tắc bộ. Hai, Tát bà đa bộ

(Ngũ phần luật là Tỳ kheo giới, Tỳ Tiếng Phạn là Tát bà đa, tiếng kheo ni giới, Thọ giới pháp, Diệt Hoa là Nhất thiết hữu, tức là Thập tránh pháp, Tăng pháp). tụng luật. Bộ này cho rằng các pháp Năm, Bà sa phú la bộ thật hữu ba đời. Tiếng Phạn là Bà sa phú la, Kinh Đại tập nói: Sau khi ta tiếng Hoa là Độc tử. Vì ngày xưa Diệt độ, các đệ tử của ta giữ gìn 12 có ông Tiên nhuộm mình cho thành bộ kinh của Như lai, lại còn đọc con trâu nghé, từ đó về sau dòng họ tụng sách vở bên ngoài, có khả đều gọi là Độc tử. Bộ này cho rằng năng giỏi nghị luận. Tất cả những ngã chẳng phải là ngũ uẩn, cũng vấn đề đặt ra đều được giải quyết. chẳng xa lìa ngũ uẩn mới có thật đó là Tát bà đa bộ. ngã. Luật này không đến Trung (Thập Tụng là trích ra từ Ưu ba hoa. ly thập phiên tụng. Ưu ba ly là

Kinh Đại tập nói: Sau khi ta Đời Lương, tam tạng pháp sư vào Niết bàn, các đệ tử của ta, thọ Chân đế dịch Luận thích của Ngài trì 12 bộ kinh của Như lai, đều nói Thiên thân, lưu truyền ở Trung có ngã, không nói tướng không. Đó quốc. Đó là Lương nhiếp luận. là Bà sa phú la bộ. Năm, Đường nhiếp luận Đời Đường, pháp sư Huyền NGŨ NHIẾP LUẬN trang dịch luận của Ngài Vô trước (Pháp bảo phiêu mục) và dịch luận của Ngài Vô tính. Đó là Đường nhiếp luận. Nhiếp luận tức là Nhiếp Đại thừa luận; vì tóm thâu ý nghĩa của NGŨ TẠNG tất cả pháp môn Đại thừa thánh (Lục ba la mật kinh) giáo; tập họp lại và phân chia, nhận xét ý nghĩa trên. Tạng có nghĩa là chứa đựng. Luận này do Bồ tát Vô trước Kinh - Luật - Luận chứa ý nghia vô làm ra. hai vị Bồ tát Thiên thân, Vô lượng của giáo pháp. tính đều có cách giải thích riêng, ý Một, Tố đát lãm tạng nghĩa nhiều chỗ giống nhau. Tiếng Phạn là Tố đát lãm, tức là Đời Lương - Ngài Chân đế, đời Tu đa la, tiếng Hoa là Khế kinh; đường - Ngài Huyền trang, phiên nghĩa là trên hợp với lý của Phật, dịch không giống nhau, nên đều gọi dưới hợp căn cơ của chúng sanh. là năm nhiếp luận. Kinh là pháp, là thường. mười Một, Vô trước nhiếp luận cõi đều theo gọi là pháp, ba đời đều Bồ tát Vô trước làm ra Đại thừa theo gọi nhiếp luận, ba quyển; gọi là Vô là thường. trước nhiếp luận. Kinh nói: Nếu có chúng sanh, Hai, Thiên thân nhiếp luận thích sơn lâm cùng cốc, ở chỗ vắng Bồ tát Thiên thân, vì có Đại lặng, tu pháp tịnh lự, thì Phật vì thừa nhiếp luận của Bồ tát Vô trước người ấy nói tạng Tu đa la. làm ra, mà làm ra sách giải thích Hai, Tỳ nại da tạng luận này, gồm có mộtnăm quyển. Tiếng Phạn là Tỳ nại da, tiếng Đó là Thiên thân nhiếp luận. Hoa là Luật. Luật là pháp, nghĩa là Ba, Vô tính nhiếp luận hay dứt trừ tội nặng và nhẹ. Bồ tát Vô tính, do Nhiếp luận Kinh nói: Nếu có chúng sanh, của Vô trước, cũng làm ra luận ưa tu tập oai nghi, hộ trì chánh thích, ý nghĩa giống nhau,gọi là pháp, thấm nhuần pháp vị, khiến Nhiếp Đại thừa luận thích, gồm cho an trú được lâu dài, thì vì người mười quyển. đó là Vô tính nhiếp ấy nói Luật tạng. luận. Ba, Tỳ đạt ma tạng Bốn, Lương nhiếp luận

Tiếng Phạn là A tỳ đạt ma, NGŨ CHỦNG TẠNG tiếng Hoa là vô tỷ pháp, tức là luận (Hoa nghiêm kinh Tùy tạng. Trí huệ bậc thánh, phân biệt ý số diễn ra sao) nghĩa của các pháp, siêu việt không Một, Như lai tạng thể so sánh. Tạng là chứa đựng. Thể của Kinh nói: Nếu có chúng sanh, ưa pháp tánh chân như không xa lìa nói chánh pháp, phân biệt được sắc, tâm của chúng sanh, đầy đủ tánh và tướng, nghiêm xét kỹ càng các pháp nhiễm tịnh. Đó gọi là Như rốt ráo sâu xa, thì vì người ấy nói lai tạng. luận tạng. Hai, Tự tánh thanh tịnh tạng Bốn, Bát nhã ba la mật đa tạng Tất cả chúng sanh đều có tự Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng tánh thanh tịnh, từ vô thỉ đến giờ, Hoa là trí huệ. Tiếng

Phạn là ba la ba trí, bốn đức, đầy đủ không thiếu; mật, tiếng Hoa là đáo bỉ ngạn, tức phiền não, trần cấu trói buộc mà là huệ tạng; nghĩa là chúng sanh do không thể nhiễm ô. Đó gọi là tự mê lầm, không có trí huệ; ở trong tánh thanh tịnh tạng. sống, chết; gọi là bờ bến này. (Tam trí là nhất thiết trí, đạo Bồ tát do tu trí huệ đến được Niết chủng trí, nhất thiết chủng trí; bốn bàn; gọi là bờ bên kia. đức là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh) Kinh nói: Nếu có chúng sanh, ưa tu Ba, Pháp thân tạng tập trí huệ chân thật của Đại thừa, Pháp thân của thánh nhân tự xa lìa chấp trước phân biệt ngã và tánh thanh tịnh, là chỗ nương của pháp, thì vì người ấy nói tạng trí vô thượng bồ bề và vô lượng công huệ qua bờ bên kia. đức. Đó gọi là pháp thân tạng. Năm, Đà la ni tạng Bốn, Xuất thế gian thượng Tiếng Phạn là Đà la ni, tiếng thượng tạng. Hoa là năng trì, còn gọi là chú, tức Thánh nhân đã được công đức là Bí tạng; nghĩa là tập trung tất cả nhiệm màu, siêu việt và vô lượng, pháp lành, giữ gìn không để cho đầy đủ vô thượng Bồ đề, biểu thị rõ mất. ràng tất cả pháp môn tổng trì còn Kinh nói: Nếu có chúng sanh, vượt qua Tam thừa và các Bồ tát. không thể thọ trì khế Kinh để điều Đó gọi là xuất thế gian thượng phục, đối trị phiền não; hoặc lại có thượng tạng. chúng sanh làm các nghiệp ác, vô (Tổng trì là giữ điều lành không số tội nặng mà muốn được tiêu trừ, mất và giữ điều ác không sanh). nhanh chóng giải thoát, mau ngộ Năm, Pháp giới tạng Niết bàn thì vì người ấy nói Đà la Lý của pháp giới, thông suốt ni tạng. nhân, quả; ngoài thì gồm cả sạch, dơ, hữu vi; trong thì bao hàm tánh

đức hằng sa. Đó là gọi là pháp giới (Đã bỏ phân biệt chấp tướng phần tạng. thô là đối với sáu trần, không phân biệt tốt xấu, không khởi lên các NGŨ GIÁC tướng chấp trước tham, sân, si) (Khởi tín luận) Bốn, Tùy phần giác Bồ tát sơ trụ cho đến đẳng giác,
Một, Bổn giác mỗi cấp phá bỏ một phẩm vô minh, Bổn tức là chân tánh. Giác tức theo đó mà giác ngộ được lý pháp là trí huệ. tánh một phần. Đạo giác ngộ chưa Luận nói: Để nói được ý nghĩa hoàn tất, nên gọi là tùy pần giác. của chữ giác thì tâm thể xa lìa Năm, Cứu cánh giác niệm. Xa lìa tướng của niệm thì Diệu giác, Phật, Bồ tát vượt hết bằng với hư không, bao trùm tất cả, Thập địa, phương tiện đầy đủ, giác tức pháp thân bình đẳng của Như tâm mới khởi lên, tâm không có lai. Nương vào pháp thân này gọi là tướng ban đầu, vì xa lìa niệm vi tế, bổn giác. thấy được tâm tánh. Tâm tánh thì (Tâm thể xa lìa niệm là thể của thường trụ. Đó gọi là Cứu cánh nguồn tâm bổn giác, xa lìa vọng giác. niệm) (Giác tâm mới khởi lên nghĩa là Bằng với hư không bao trùm tất cả nhận biết tâm thức thứ tám vừa nổi là hư không, không có nghĩa ranh lên vô minh. giới, để ví dụ tính của bổn giác, thể Tâm không có tướng ban đầu, và lượng vô cùng rộng lớn. cho đến địa vị cứu cánh này thấu Pháp thân bình đẳng: Chư Phật đạt căn để pháp tánh và nguồn gốc giác ngộ rồi, không vì thế mà cao của vô minh, lìa niệm vắng lặng, hơn; chúng sanh mê muội, không vì thì tâm không có tướng động ban thế mà thấp hơn. Chúng sanh và đầu. chư Phật không hai) Thấy được tâm tánh là đã chấm Hai, Thể giác dứt sai lầm, thì thấy được tánh của Thể của nguồn tâm bổn giác, từ chân tâm bổn giác. chân khởi lên vọng mà thành bất Tâm tánh thì thường trụ là giác. Nếu bỏ vọng trở về chân thì nguồn tâm đã rốt ráo, hiểu rõ không thể của bổn giác hiển lộ, gọi là thể có khởi lên và diệt mất, thường trụ giác. vắng lặng.) Ba, Tương tợ giác. Người ở vị Thập tín đã bỏ phân biệt NGŨ HẠNH chấp tướng phần thô, vô minh hoặc (Niết bàn Kinh) sắp

sửa phá, thể của bổn giác sắp hiển lộ; tuy chưa thật chứng được, Một, Thánh hạnh nhưng dường như thật. Đó gọi là tương tợ giác.

Thánh tức là chánh. Bồ tát não, hàng phục được tâm mình, tu nương vào giới, định, huệ cho hạnh tập các ba la mật, làm lợi ích cho tu của mình, nên gọi là thánh hạnh. chúng sanh. Đó là phục tâm Bồ đề Hai, Phạm hạnh Ba, Minh tâm Bồ đề Phạm tức là tịnh (sạch). Bồ tát Bồ tát đăng địa, quán sát các không bị nhiễm không, hữu hai pháp trong ba đời gốc ngọn, tổng bên, gọi là tịnh. Dùng tịnh tâm này, tướng biệt tướng, phân biệt, tính vận dụng lòng từ bi ban vui cho toán, được thật tướng các pháp chúng sanh, dứt hẳn khổ của chúng thanh tịnh sáng tỏ và tương ứng với sanh; nên gọi là phạm hạnh. Bát nhã ba la mật. Đó là minh tâm Ba, Thiên hạnh Bồ đề. Thiên tức là đệ nhất nghĩa thiên. Bồ (Đăng địa là Bồ tát vừa lên tát từ lý của vũ trụ mà thành tựu Hoan hỉ địa) hạnh nhiệm mầu; nên gọi là thiên Bốn, Xuất đáo Bồ đề hạnh. Ba ngôi vị Bồ tát ở bất động địa Bốn, Anh nhi hạnh thứ tám, thiện huệ địa thứ chín, Anh nhi là ví dụ cho Tiểu thừa, pháp vân địa thứ mười, ở trong Bát trời, người. Bồ tát dùng tâm từ bi, nhã ba la mật, diệt trừ tất cả phiền thị hiện hạnh lành nhỏ của mình não, thấy tất cả mười phương chư giống như trời, người, Thinh văn, Phật, được vô sanh pháp nhẫn, xa Duyên giác; nên gọi là anh nhi lìa ba cõi, tới Tát bà nhã (nhất thiết hạnh. trí). Đó là xuất đáo Bồ đề. Năm, Bệnh hạnh (Vô sanh pháp nhẫn là có thể Bồ tát dùng tâm bình đẳng, vận chịu được tất cả pháp; vì tánh, dụng vô duyên đại bi, thị hiện tướng vốn không, rốt ráo không giống chúng sanh có cùng phiền sanh) não, có cùng bệnh khổ; nên gọi là Năm, Vô thượng Bồ đề bệnh hạnh. Đẳng giác, diệu giác ngồi ở đạo tràng dứt các phiền não, thành A NGŨ CHỦNG BỒ ĐỀ nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. Đó (Đại trí độ luận) là vô thượng Bồ đề. (Đẳng giác là ngôi vị sau Diệu Một, Phát tâm Bồ đề giác, Phật một bậc; nhưng hơn các Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa ngôi vị trước nên gọi là giác. Diệu là đạo. Hàng Thập tín Bồ tát ở giác là tự giác, giác tha, giác hạnh, trong vô lượng sanh tử, tu tập A viên mãn) nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, nên phát đại tâm, gọi là phát tâm Bồ đề. NGŨ CHỦNG TÁNH Hai, Phục tâm Bồ đề (Tứ giáo nghi) Bồ tát tu Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, bẽ gãy các phiền

Chủng có nghĩa hay sanh. Tánh Năm, Đẳng giác tánh có nghĩa là không thay đổi. Bồ tát ở vị này, chỉ sau diệu Tánh có ba thứ không giống giác một bậc, hơn các vị ở trước, nhau: Tánh lý, tánh phần, tánh số được gọi là giác. Đó gọi là đẳng tập. giác tánh. Năm thứ này là tánh số tập, tánh phần do Bồ tát tu quán dứt NGŨ TÁNH THÀNH hoặc, chứng lý trải qua các ngôi vị PHẬT từ Thập trụ đến đẳng giác, thứ tự (Hoa nghiêm kinh sâu cạn không giống nhau nên có năm chủng tánh. sớ) Một, Tập chủng tánh Một, Bất định tánh bán thành Bồ tát ở ngôi Thập trụ nghiền Phật ngẫm về tu tập không quán, phá trừ Bất định tánh là căn tánh bất kiến, tư hoặc. Đó gọi là tập chủng định; nghĩa là, nếu gần Thinh văn tánh. thì tập tánh theo pháp Thinh văn, (Ý căn đối với pháp trần khởi nếu gần Duyên giác thì tập tánh lên các phân biệt gọi là kiến). theo pháp Duyên giác, nếu gần Bồ Năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, tát thì tập tánh theo Bồ tát. thân) đối với năm trần (sắc, thinh, Tập tánh theo pháp Thinh văn, hương, vị, xúc) khởi lên các tham Duyên giác thì kẹt sâu vào quả ái gọi là tư. Vì những thứ này làm Tiểu thừa, không ưa độ sanh, mê hoặc và không hiểu biết rõ ràng, không mong cầu Phật

đạo, nên nên đều gọi là hoặc). không thành Phật. Hai, Tánh chủng tánh Tập tánh hạnh Bồ tát lợi sanh Bồ tát ở ngôi Thập hạnh, không trụ thì chứng được Bồ đề và thành ở không mà hay giáo hóa chúng Phật; nên gọi là bất định tánh, sanh, phân biệt tất cả chủng tánh, thành Phật một nửa. nên gọi là tánh chủng tánh. Hai, Vô chủng tánh bất thành Ba, Đạo chủng tánh Phật Bồ tát ở ngôi Thập hồi hướng, Không có chánh tín, thiện căn nhờ tu trung đạo diệu quán, thông không tin nhân quả, không chịu đạt tất cả Phật pháp. Đó gọi là đạo Phật dạy bảo, cam lòng chìm đắm chủng tánh. trong sanh, tử; không mong giải Bốn, Thánh chủng tánh thoát; nên gọi là không có chủng Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi tánh, không thành Phật. hướng ở trước đều gọi là hiền. Bồ Ba, Thinh văn tánh bất thành tát Thập địa này, do tu trung đạo Phật diệu quán, phá vô minh hoặc, Thinh văn là người ngộ đạo nhờ chứng nhập thánh vị, nên gọi là nghe giáo lý nhà Phật. Thánh chủng tánh.

Căn tánh của Thinh văn, chỉ tu các pháp đều không, liền ngộ tự tập pháp sanh diệt của Tứ đế và tánh, cất bước đi về phương Nam, chứng được quả chân không Niết thuận theo trí sáng suốt. Đó gọi là bàn; ưa thích vắng lặng, sợ sệt sanh ký vị tu hành tướng tử; không thể lập hạnh độ sanh, tiến (Tiếng Phạn là Văn thù, gọi đủ cầu Phật đạo; nên gọi là Thinh văn là Văn thù sư lợi, tiếng Hoa là diệu tánh không thành Phật. đức) Bốn, Duyên giác tánh bất thành Hai, Hội duyên nhập thật tướng Phật Duyên tức là tất cả pháp sự. Duyên giác là người ngộ chân Thật tức là lý của nhất chân lý nhờ quán sát nhân duyên. Thiện tài gặp Ma da đến thiện Căn tánh của Duyên giác, chỉ tri thức Di lặc được phó thác ngôi quán sát pháp 12 nhân duyên, vị đẳng giác, thị hiện thân đại chứng được quả chân không Niết nguyện bằng với hư không. Tất cả bàn, cố chấp vào không, không cầu chúng sanh, ba đời chư Phật, đều ở Phật đạo; nên gọi Duyên giác tánh trong pháp tánh bất động, không không thành Phật. thừa, không thiếu; tập trung mọi Năm, Bồ tát tánh toàn thành duyên sự trở về với lý chân thật. Phật Đó gọi là hội duyên nhập thật Bồ tát là tiếng Phạn, nói đủ là tướng. Bồ đề tát đỏa; tiếng Hoa là giác (Tiếng Phạn là Ma da, nói đủ là hữu tình. Ma ha Ma da, tiếng Hoa là đại Bồ tát tự giác ngộ cho mình rồi, thuật. còn giác ngộ cho chúng sanh. Pháp tánh bất động, không thừa Bồ tát vận dụng cả từ bi và trí không thiếu là lượng của bản thể to huệ; quán sát bình đẳng cả oán thù lớn không có gì ở ngoài, tất cả chứa và thân thích, nhờ nguyên nhân ấy hết trong đó. mà chứng quả Bồ đề; nên gọi là Bồ Ba, Nhiếp đức thành nhân tát tánh thành Phật hoàn toàn. tướng Đức tức là quả đức (bốn đức KÝ VỊ NGŨ TƯỚNG Niết bàn)
(Hoa nghiêm kinh Nhân tức là tu nhân Thiện tài gặp Đức vân đến Cù Tùy sớ diễn nghĩa sao) ba được phó thác ngôi vị tam hiền, Một, Ký vị tu hành tướng thập thánh. Lần đầu, Thiện tài gặp Ngài Thị hiện điều không thể nghĩ Văn thù được phó thác cho mười vị bàn là thu nhiếp quả đức của tam Thập tín. Trí sáng sanh lòng tin, thế thánh hiền thành một niệm đầy phát tâm Bồ đề, nương vào đây mà đủ trong nhân. Đó gọi là nhiếp đức tu hành tịnh hạnh, tham cứu các thành nhân tướng. thiện hữu, tu tập pháp viễn ly, thấy

(Tiếng Phạn là Cù ba, tiếng Tùy hỷ: Tùy là theo người khác Hoa là nữ. Tam hiền là Bồ tát ở mà tu tập việc lành; hỷ là vui mừng Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi về sự thành tựu của người khác. hướng. Thập thánh là Bồ tát ở Thập Phật chuyển pháp luân, chúng

địa). sanh được lợi ích. Ta giúp đỡ cho Bốn, Trí chiếu vô nhị tướng họ được vui. Đó gọi là tùy hỷ Trí là thật trí. Chiếu là soi tỏ. phẩm. Thiện tài, ban đầu, gặp Ngài Kinh nói: Nếu ai nghe được Văn thù, sau khi trải qua 110 thành, kinh này mà không hề chê bai, chỉ tham học các bậc thiện tri thức, tin trích thì đó chính là khởi tâm tùy tâm của mình, tất cả pháp lành, đều hỷ. được thành tựu ; lại gặp Ngài Văn Hai, Độc tụng phẩm thù, sơ tâm không khác, trí và lý Xem văn gọi là đọc; không xem đều thâm sâu, trước sau không hai. mà miệng đọc gọi là tụng. Đó gọi là trí chiếu vô nhị tướng. Trong tu viên quán, lại thêm Năm, hiển nhân quảng đại đọc tụng, như mỡ giúp lửa cháy, tướng tâm quán càng thêm sáng. Đó là Thiện tài gặp Bồ tát Phổ hiền đọc tụng nhẩm. trước mặt Phật, trong tất cả lỗ chân Kinh nói: Huống chi, chính lông, hiện mây sáng chói vô biên, người ấy, còn thọ trì đọc tụng. liền sờ đầu nói: Pháp của ta nhiều Ba, Thuyết pháp phẩm, còn gọi như biển vi trần. Dù một lời, một là giải thoát phẩm. câu, chưa có một chuyển luân Thuyết pháp là tuyên truyền lời vương nào không bỏ ngôi vị mà Phật dạy. Vì do đọc tụng, trong tâm cầu được. Thiện tài ở địa vị của hiểu biết hơn lên và bên ngoài chính mình cùng với chư Phật đã giảng giải đem lại lợi ích cho chứng bằng nhau. Đó gọi là hiển người, bỏ công sức dạy người thì nhân quảng đại tướng. công ấy trở về với mình nên tâm còn phong phú hơn trước. Đó gọi là NGŨ PHẨM thuyết pháp phẩm.
(Pháp hoa văn cú) Kinh nói: Nếu có người thọ trì đọc tụng, mà còn vì người khác mà Phẩm có nghĩa là thứ tự. giảng nói. chính là ý này. Đối với Viên giáo, trong địa vị Bốn, Kiêm hành lục dộ phẩm ngoại phàm, có sâu cạn thứ tự khác Lục độ là bố thí, trì giới, nhẫn nhau, nên chia ra làm năm phẩm. nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. (Ngoại phàm là vì chưa lên Trước quán tâm tuy đã thành thánh vị, tâm chưa đạt được lý). thục, nhưng chưa nhuần nhuyễn với Một, tùy hỷ phẩm Phật sự. Nhờ chánh quán sáng tỏ chút đỉnh, kèm thêm làm lợi ích chúng sanh. Nhờ phước đức nên

quán tâm càng tăng lên. Đó gọi là nắng biến sang màu xanh. Hoại kiêm hành lục độ. tưởng: tưởng tượng thây ma từ từ Kinh nói: Nếu có người đọc tan rã. Huyết đồ tưởng: tưởng tụng và vì người khác giảng nói, tượng máu mủ chảy ra. Nùng lan mà lại còn thanh tịnh tu hành lục tưởng: tưởng tượng thây ma thúi, độ. chính là ý này. rửa. Trùng hám tưởng: tưởng tượng Năm, Chánh hạnh lục độ phẩm. vi trùng lúc nhúc ăn xác chết. Tán Chánh hạnh lục độ là viên quán tưởng: tưởng tượng thây ma sau khi khá thành thục, sự và lý sắp hòa tan rã, vi trùng, chim muông ăn hết, hợp. Thực hành Phật sự mà không tan tác mỗi nơi một thứ. Cốt tưởng: tổn thương Phật lý. Thấu lý không tưởng tượng sau khi máu mủ, thịt chướng ngại Phật sự. Tự lợi, lợi da không còn nữa, chỉ còn lại một tha ; sự, lý đầy đủ. Quán tâm không đống xương trắng đốt thành tro). trở ngại, lại càng hơn trước. Đó gọi Hai, Đa sân chúng sanh từ bi là chánh hành lục độ phẩm. quán Kinh nói : Nếu có người đọc Người nhiều sân hận, đối với tụng và vì người khác giảng nói, hoàn cảnh trái ý, phật lòng liền nổi mà lại còn thanh tịnh tu hành lục lên phẫn nộ, phải dùng từ bi quán độ. chính là ý này. để điều trị. Luôn nhớ nghĩ thương yêu chúng sanh, không vì nó mà NGŨ ĐÌNH TÂM sanh tâm sân; nên nói đa sân chúng
(Thiên thai tứ giáo sanh từ bi quán. Ba, Đa tán chúng sanh sổ tức nghi) quán Đình là ngưng. Người tâm nhiều tán loạn, phải Tu năm pháp này để ngưng dùng sổ tức quán để điều trị. năm loại tâm sai lầm ở quá khứ. Sổ tức là dùng mũi thở vô thở ra. Một, Đa

tham chúng sanh bất Hoặc thở ra rồi đếm, hay thở vào tịnh quán rồi đếm, tâm niệm ngay thẳng. Từ Người nhiều tham dục (ham một đến mười, không nhiều không muốn xác thịt), đối với nam hay nữ ít; giáp vòng rồi trở lại đầu, làm hay đắm nhiễm lẫn nhau; phải cho không còn tán loạn; nên gọi là mượn cửu tưởng bất tịnh quán để đa tán chúng sanh sổ tức quán. điều trị, làm cho tâm tham trước Bốn, Ngu si chúng sanh nhân không nổi lên; nên gọi là dùng bất duyên quán tịnh quán để trị những chúng sanh Người ngu si không hiểu biết, có nhiều tham lam. phải dùng nhân duyên quán để điều (Cửu tưởng là bàn trướng tưởng trị. là tưởng tượng thấy thây ma trương Nhân duyên quán là 12 nhân phồng lên. Thanh ứ tưởng: tưởng duyên. tượng thây ma sình lên qua mưa

Vì mê lầm, điên đảo, bát bỏ, răng; răng trắng, đều, khít; bốn không tin nhân quả, chấp đoạn, răng cửa lớn hơn và trắng sáng; hai chấp thường; nên phải quán 12 mép miệng cân đối, đẹp; trong cổ nhân duyên này thì thấy đời tiếp tiết ra nước miếng thơm; lưỡi rộng nối, không phải đoạn, cũng không và dài; tiếng nói vang xa; mắt đẹp phải thường, để phá tan tâm ngu si; như vàng ròng; long mi cong vuốt; nên gọi là ngu si chúng sanh nhân giữa hai mi có sợi lông trắng; đỉnh duyên quán. đầu có nhục kế. Năm, Đa chướng chúng sanh Mười lực là tri thị xứ phi xứ trí niệm Phật quán lực; tri quá hiện vị lai nghiệp báo Người bị chướng ngại nặng nề, trí lực; tri chư thiền giải thoát Tam phải dùng niệm Phật quán điều trị. muội trí lực; tri chư căn thắng biệt Chướng có ba loại: trí lực; tri chủng chủng giải thoát trí 1) Hôn trầm trì trệ (mê man, lực; tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực; chậm chạp): thì phải quán tưởng tri thiên nhãn vô ngại trí lực; tri túc ứng thân của Phật có 32 tướng tốt. mang vô lậu trí lực; tri vĩnh đoạn 2) Ác niệm tư duy (suy nghĩ tập khí trí lực. điều ác): thì phải quán tưởng báo Bốn vô úy: nhất thiết vô sở úy; thân Phật, mười lực, bốn vô úy. lậu tận vô sở sở úy; thuyết chướng 3) Cảnh giới bức bách (hoàn đạo vô sở úy; thuyết tận khổ đạo vô cảnh thúc ép) thì phải quán tưởng sở ý). pháp thân Phật vắng lặng vô vi; nên nói chúng sanh nhiều chướng ngại NGŨ NHẪN nên quán tưởng và niệm Phật. (Nhân vương hộ quốc (32 tướng tốt của bậc đại nhân là bàn chân phẳng lặng; bàn chân có kinh) chỉ xoáy tròn như ngàn nan hoa của Một, Phục nhẫn bánh xe; ngón tay thon mềm; chân Phục là ẩn núp. Nhẫn là chịu tay mềm mại; kẻ tay chân có màn đựng hay chấp nhận. lưới; gót chân tròn; mu bàn chân Bậc tam hiền ở trước Thập địa, tròn đầy; bắp chân giống bắp chân chưa được vô lậu, chưa thể chứng lộc vương; tay dài quá gối; mã âm quả; chỉ có trí mà thôi nên chỉ điều tàng, thân hình cao lớn, cân đối; lỗ phục phiền não không thể dứt trừ; chân lông tỏa ra màu xanh; lông nên gọi là Phục Nhẫn. trên thân mình đẹp đẽ; thân tỏa ra (Tam hiền là Bồ tát Thập trụ, sắc vàng; ánh sáng từ thân tỏa ra Thập hạnh, Thập hồi hướng) một trượng; da mỏng và mịn; bảy Hai, Tín nhẫn chỗ đầy đặn (không lõm khuyết); Tín là thuận theo, không nghi hai nách đầy đặn; thân mình đỉnh ngờ. đạt như sư tử; thân có tướng đoan chánh; hai vai tròn trịa; có 40 cái

Bồ tát Địa thứ một, Địa thứ hai, QUÁN THÂN NGỦ CHỦNG Địa thứ ba, có được tín tâm vô lậu; BẤT TỊNH nên gọi là tín nhẫn. (Tích huyền ký) (Địa thứ nhất là Hoan hỷ.
Địa thứ hai là Ly cấu địa. Địa thứ ba là Một, Chủng tử bất tịnh Phát quang địa) Chủng tử bất tịnh có hai: Ba, Thuận nhẫn 1) Nội chủng: Quán sát thân Thuận tức là tùy thuận. này, từ phiền não, nghiệp, đời trước Tùy thuận là thuận theo, cũng sanh ra. gọi là theo

sau. 2) Ngoại chủng: Nhận tinh Bồ tát tứ địa, ngũ địa, lục địa cha, huyết mẹ mà nên thân này. thuận theo đạo Bồ đề, hướng về Quán sát như thế thấy rằng quả vô sanh; nên gọi thuận nhẫn. nhân của Chủng tử trong, ngoài (Địa thứ bốn là Diệm huệ địa; thân này, đúng là bất tịnh. địa thứ năm là Nan thắng địa. địa Đại trí độ Luận nói: Chủng tử thứ sáu là Hiện tiền địa) thân này bất tịnh, chẳng có tí xíu gì Bốn, Vô sanh nhẫn quý báu, chẳng phải từ nơi sạch sẽ Bồ tát địa thứ bảy, tám, chín sanh ra, mà chính là từ nơi nhơ vọng hoặc đã hết, hiểu rõ các pháp nhớp xuất hiện ra. đều không sanh; nên gọi là vô sanh Hai, Trụ xứ bất tịnh nhẫn. Quán sát thân này, mười tháng (Địa thứ bảy là Viễn hành địa, ở trong thai mẹ, sống thì chứa ở địa thứ tám là Bất động địa, địa thứ dưới, chín thì chứa ở trên; chính chín là Thiện huệ địa) giữa thì dơ dáy; đúng là không Năm, Tịch diệt nhẫn sạch. Địa thứ mười là Bồ tát Pháp Đại trí độ luận nói: Thân này vận địa, quả Đẳng giác, Diệu giác, xuất phát từ nơi dơ dáy, không sanh Phật các hoặc đã dứt hết, thanh từ nơi sáng sủa, không sanh từ câu tịnh, vô vi, vắng lặng hoàn toàn; chiêm bặc, lại cũng không sanh từ nên gọi là tịch diệt nhẫn. núi báu. (Đẳng giác là ngôi vị sau Phật Ba, Tự thể bất tịnh một bậc, hơn các ngôi vị trước nên Quán sát thân này, đều do bốn được gọi là giác). đại bất tịnh làm nên, giống như Diệu giác là trí huệ tròn đầy, người đời ăn uống không thể giữ sáng suốt, không thể nghĩ bàn. lâu, cuối cùng thành thứ bất tịnh. Nếu luận về 42 ngôi vị thì bắt Giả sử lấy nước trong bốn biển đầu là Thập trụ, Thập hạnh, Thập đem tắm rửa thân này, cuối cùng hồi hướng, Thập địa, đẳng giác và không thể thơm tho, sạch sẽ được. diệu giác; ở đây chỉ nói 40 vị thì Đại trí độ luận nói: Các thứ đất, lấy đẳng giác, diệu giác thu vào nước, gió, lửa hay biến thành thứ Pháp vân địa. bất tịnh; dù có lấy nước biển lớn

đem tắm rửa thân này, cũng không Một, Sắc uẩn thể làm cho nó thơm tho, Sắc có nghĩa là sự trở ngại của sạch sẽ. vật chất. Các căn mắt, tai, mũi, Bốn, Ngoại tướng bất tịnh lưỡi, thân hòa hợp chứa đựng nhau; Quán sát thân này, nhìn biểu nên gọi là sắc uẩn. hiện bên ngoài đều là bất tịnh. chín Hai, Thọ uẩn lỗ thường chảy những thứ nhơ Thọ có nghĩa là lĩnh nạp. nhớp ra: mắt thì nhỏ lệ, đổ ghèn; lỗ Lục thức cùng lục trần tương tai kết thành cức ráy; mũi chảy ra ứng mà có lục thọ hòa hợp chứa nước mũi; miệng khạc ra đàm dãi; đựng nhau; nên gọi là thọ uẩn. hai đường đại, tiểu tiện thì còn gì Ba, Tưởng uẩn phải nói, như lúc xé toạc cái đáy da Tưởng có nghĩa là tư tưởng. này ra thì xú uế tràn lan. Ý thức cùng sáu trần tương ứng Đại trí độ luận nói: Vô số mà thành sáu tưởng hòa hợp chứa những thứ bất tịnh, chứa đầy trong đựng nhau; nên gọi là tưởng uẩn. thân ấy, chảy vào, ra không ngừng, Bốn, Hành uẩn giống như cái bao chứa đầy vật dơ Hành có nghĩa là dời đổi, tạo mà thôi. tác. Năm, Cứu cánh bất tịnh Vì ý thức suy tư, nhớ tướng các Quán sát thân này, không chỉ trần, tạo ra các hành động thiện hay hiện tại dơ dáy, suy nghĩ thật kỹ, ác hòa hợp chứa đựng nhau; nên đến sau khi chết, vứt bỏ ở nghĩa gọi là Hành Uẩn. trang, tanh hôi tràn lan, càng thêm Năm, Thức uẩn bất tịnh. Thức có nghĩa là phân biệt rõ Đại trí độ luận nói: Quán sát ràng. thật kỹ thân này, chính là phải trở Thức có sáu loại mắt, tai, mũi, về nơi nghĩa địa. lưỡi, thân, ý đối với các trần cảnh phân biệt rõ ràng, hòa hợp chứa NGŨ UẨN đựng nhau; nên gọi là thức uẩn. (Đại thừa quảng ngũ uẩn NGŨ UẨN THẬT luận) TƯỚNG Uẩn có nghĩa là tích tụ (chứa (Đại Bát nhã kinh) nhóm) Chúng sanh do năm pháp này Năm uẩn tức là

sắc, thọ, tưởng, tích tụ thành thân; lại do thân này hành, thức. tích tụ các pháp phiền não, có thể Uẩn có nghĩa là chứa nhóm. Do chịu vô lượng sống, chết; cũng gọi chứa nhóm năm pháp sắc, thọ... là Ngũ Ấm. làm thành sắc thân. Ấm có nghĩa là che đậy, vì hay Thật tướng là lý chân như che đậy chân tánh. không sai lầm; tức là năm uẩn này

cũng chính là lý thật tướng; nên gọi NGŨ UẨN DỤ là ngũ uẩn thật tướng. (Đại trang nghiêm Một, Sắc uẩn thật tướng Sắc có nghĩa là sự trở ngại của kinh) vật chất. Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, Sắc mà có tính chất trở ngại là hành, thức. sắc ảo, thật sự, đó là chân không Uẩn có nghĩa là chứa nhóm. Bát nhã; tức là nhờ ảo sắc mà sáng Tất cả chúng sanh đều do năm tỏ được chân không. Đó gọi là sắc uẩn này chứa nhóm (tổ hợp) mà uẩn thật tướng. thành thân người. Vì vậy, Phật vì Hai, Thọ uẩn thật tướng vua Bình Sa nói rằng các pháp Thọ có nghĩa là lãnh nạp. trong thế gian là thật sự không chắc Lãnh thọ của sáu căn là ảo thọ, chắn, nên lấy năm uẩn này ví dụ. thật sự, đó là chân không Bát nhã; (Tiếng Phạn là Bình sa, cũng tức là nhờ ảo thọ mà sáng tỏ được gọi là Tần bà sa la; tiếng Hoa là Mô chân không. Đó gọi là thọ uẩn thật thật, nghĩa là chính bản thân ông là tướng. tấm gương mô phạm chân thật). Ba, Tưởng thọ thật tướng Một, Sắc như tụ mạt dụ Tưởng có nghĩa là tư tưởng. Sắc tức là sắc thân của chúng Suy tư mà có điều kiện là tưởng sanh. ảo, thật sự, đó là chân không Bát Mạt tức là bọt nước, do gió thổi nhã; tức là nhờ ảo tưởng mà sáng tỏ nước tụ lại mà thành, tướng trạng, được chân không. Đó gọi là ảo hư dối, thể vốn không thật. Lấy tưởng thật tướng. hình ảnh bọt nước này để ví dụ cho Bốn, Hành uẩn thật tướng sắc thân của chúng sanh, giả dối, Hành có nghĩa là tạo tác. vay mượn, không thật. Hành mà do tạo tác là hành ảo, Hai, Thọ như thủy bào dụ. thật sự, đó là chân không Bát nhã; Thọ có nghĩa là lãnh thọ. tức là nhờ ảo hành mà sáng tỏ chân Thủy bào tức là bong bóng không. Đó gọi là hành uẫn thật nước. tướng. Nước do gió thổi, hoặc dùng Năm, Thức uẩn thật tướng cây quậy nổi lên bong bóng trên Thức có nghĩa là phân biệt. mặt, trong chốc lát mất liền. Lấy Thức mà có tính chất phân biệt là việc này ví dụ những gì buồn, vui ảo thức, thật ra, đó là chân không mà con người lãnh thọ, giống như Bát nhã; tức là nhờ ảo thức mà sáng bong bóng nước, có đó rồi mất đó. tỏ được chân không. Đó gọi là thức Ba, Tưởng như dương diệm dụ uẩn thật tướng. Tưởng tức là tưởng nhớ. Dương diệm tức là bóng sáng mặt trời.

Nhìn từ xa trên cánh động rộng, Chúng sanh, nếu, hay giữ giới, ánh nắng mặt trời phát ra quầng tu tập thiền định, trí huệ; thực hành sáng như có bóng nước sóng sánh các nghiệp lành thì có thể sắc thân (loang loáng trên mặt) nhưng thật năm uẩn thành năm phần pháp sự không phải nước (người khát thân. tưởng là nước). Lấy đó ví dụ như Kinh Niết bàn nói: Vì diệt trừ vọng tưởng của chúng sanh, cũng được sắc ấy (sắc trong năm uẩn) mà giống như bóng nắng, vốn không chứng được sắc chân thường; cho có thật thể, do niệm (nhớ, tưởng đến thọ, tướng, hành, thức cũng tượng) mà thành tưởng, đều là giả như thế. dối. Một, Chuyển sắc uẩn thành Bốn, Hành như ba tiêu dụ giới thân Hành có nghĩa là tạo tác. Sắc uẩn là các mắt, tai, mũi, Ba tiêu (cây chuối), thân của nó thân. dễ gãy, hoàn toàn không vững Giới là ngăn ngừa ba nghiệp chắc. Lấy đó để ví dụ các hành (tạo của thân và bốn nghiệp của miệng. tác) của chúng sanh, giống như cây Chúng sanh, nếu, giữ giới vững chuối dễ gãy đổ, không chắc chắn. chắc, được thân

thanh tịnh, thì giới Năm, Thức như ảo sự thể thành tựu, không trì không Thức có nghĩa là phân biệt. phạm. Đó là đã chuyển sắc uẩn Ảo sự là trò ảo thuật. thành được giới thân. Ví như dùng cái khăn ảo thuật Hai, Chuyển thọ uẩn thành định ra con ngựa; cây cỏ thành người. thân Tất cả đều do ảo thuật mà thành, Định tức là chánh định. vốn không có thật thể. Lấy đây để Chúng sanh, nếu, hay tu tập ví dụ tâm phân biệt các pháp của thiền định vô lậu, thì căn và trần chúng sanh; sanh, diệt tùy theo thanh tịnh, xa lìa tán loạn. Đây là cảnh, không có thật. chuyển thọ uẩn trở thành định thân. Ba, Chuyển tưởng uẩn thành CHUYỂN NGŨ UẨN THÀNH huệ thân NGŨ PHẦN PHÁP THÂN Tưởng uẩn là ý thức suy tư, (Thỉnh tưởng nhớ sáu trần. Huệ tức là trí huệ. Quán âm kinh sớ) Chúng sanh, nếu, ngộ được các Uẩn có nghĩa là chứa nhóm. vọng tưởng đều là hư vọng sanh rồi Năm uẩn có nghĩa là sắc, thọ, diệt, thì ý thức sáng suốt, thanh tưởng, hành, thức. tịnh, chiếu soi vô ngại. Đây là Thân cũng có nghĩa là tụ tập, chuyển tưởng uẩn thành huệ thân. tức là giới, định, huệ, giải thoát tri Bốn, Chuyển hành uẩn thành kiến. giải thoát thân

Hành uẩn là tạo tác các nghiệp. Sắc có nghĩa là vật chất trở Do có nghiệp này mà có sự trói ngại. buộc. Tướng hảo thân của Phật, âm Giải thoát tức là tự tại. thinh vô biên, tướng đỉnh vô kiến, Chúng sanh, nếu, không làm đều do chuyển sắc uẩn mà thành; các nghiệp, thì ra khỏi sự trói buộc nên gọi là chuyển sắc uẩn thành và được tự tại. Đây là chuyển hành pháp thân. uẩn thành giải thoát thân. Hai, Chuyển thọ uẩn thành giải Năm, Chuyển thức uẩn thành thoát giải thoát tri kiến thân. Thọ có nghĩa là lãnh nạp. Thức uẩn tức là hòa hợp, chứa Phật có vô lượng pháp lạc tự nhóm. tại, to lớn, đều do chuyển thọ uẩn Giải thoát tri kiến. Trí thuộc sự mà thành; nên gọi là chuyển thọ hiểu biết của trí. Kiến thuộc sự thấy uẩn thành giải thoát. của mắt; tức là con mắt trí vô sanh Ba, Chuyển tưởng uẩn thành tự tại chiếu soi vạn vật. giải thoát Nếu chúng sanh hay chiếu soi Tưởng là suy nghĩ và nhớ thức tâm rõ ràng đều là giả dối tưởng. phân biệt, thì con mắt trí vô sanh Phật dùng trí biện tài vô ngại, được tự tại sáng tỏ. Đây là chuyển nói tất cả pháp tướng hoàn toàn tự thức uẩn thành giải thoát tri kiến tại, đều do chuyển tưởng uẩn mà thân. thành; nên gọi là chuyển tưởng uẩn thành giải thoát. CHUYỂN NGŨ UẨN THÀNH Bốn, Chuyển hành uẩn thành TAM ĐỨC giải thoát (Nhiếp Đại Hành có nghĩa là trôi chảy, đổi dời, sanh diệt. thừa luận) Phật biến hiện thần thông, dùng Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, các pháp thanh tịnh; thu nhận, dạy hành, thức. dỗ các chúng sanh, làm cho được tự Ba đức là pháp thân, Bát nhã, tại. Tất cả đều do chuyển hành uẩn giải thoát. mà thành; nên gọi là chuyển hành Pháp thân tức là lý chân như uẩn thành giải thoát. Bát nhã tức là trí lãnh hội chân Năm, Chuyển thức uẩn thành thật. Bát nhã Giải thoát tức là diệu dụng của Thức có nghĩa là phân biệt rõ tự tại. ràng. Ba đức này đều do chuyển năm Đại viên cảnh trí của Phật là trí, uẩn mà thành. tánh bình đẳng, là trí diệu quan sát, Một, Chuyển sắc uẩn thành là trí thành sở tác hoàn toàn tự tại, pháp thân đều do chuyển thức uẩn mà thành;

nên gọi là chuyển thức uẩn thành Tướng thọ dụng là khổ, vui, Bát nhã. thuận, nghịch mà nhận chịu từ (Đại viên cảnh trí là trí chân ngoài các trần, cảnh sanh ra. thật của Phật, giống như cái gương Năm, Nghiệp Tướng lớn. Nghiệp tướng tức là tướng hành Bình đẳng tánh trí là trí tánh động, tạo tác (nghiệp hành) của Phật, quán sát các pháp

đều Vì sắc thân có khả năng tạo tác vô bình đẳng. số nghiệp hành, nên tất cả nghiệp Diệu quan sát trí là trí nhiệm hành đều nương vào sắc thân mà màu của Phật, quán sát rõ ràng các có. pháp. Thành sở tác trí là chân trí của NGŨ THỌ Phật, làm Phật sự được thành (Tích huyền ký) công). Thọ là lãnh nạp; nghĩa là sáu SẮC UẨN HỮU NGŨ CHỦNG thức của sáu căn lãnh nạp sáu cảnh TƯỚNG của sáu trần. (Hiển dương Một, Ưu thọ Tâm đối trước tình, cảnh trái thánh giáo luận) ngược mà phải nhận lấy nỗi buồn. Một, Tự tướng Đó gọi là ưu thọ. Tự tướng tức là tướng vốn có Hai, Hỷ thọ của các pháp thuộc sắc thân. Ví Tâm đối trước tình, cảnh vừa như tướng rắn chắc là của đất, lòng và nhận được niềm vui thỏa tướng ẩm thấp là của nước, tướng thích. Đó gọi là hỷ thọ. ấm nóng là của lửa, tướng giao Ba, Khổ thọ động là của gió. Các tướng này đều Thân đối trước tình, cảnh trái khác nhau. ngược mà phải nhận lấy khổ đau Hai, Cộng tướng bức bách. Đó gọi là khổ thọ. Cộng tướng là tướng hòa hợp Bốn, Lạc thọ của các pháp thuộc sắc thân. Thân đối trước tình, cảnh vừa Sắc thân này do tướng hòa hợp lòng và nhận được cảm giác an vui. của đất, nước, gió, lửa mà thành. Đó gọi là lạc thọ. Ba, Sở y năng y tướng. Năm, Xả thọ Bốn thành phần của sắc thân là Tâm đối với cảnh không thuận, tướng sở y (chỗ nương tựa). Bốn không nghịch và nhận được cảm thành phần tạo ra sắc là tướng năng giác không khổ, không vui, không y. ghét, không yêu. Đó gọi là xả thọ. (Tạo ra sắc tức là tạo ra các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân). Bốn, Thọ dụng tướng

NGŨ CĂN NGŨ LỰC (Pháp giới thứ đệ) (Pháp giới thứ đệ) Người tu hành tu tập tứ niệm Chỉ quán phụ hành vấn nói: xứ, tuy điều lành vừa nhú mầm yếu Cũng có tên là căn, tại sao còn đặt ớt, gốc rễ chưa mọc ra, nên điều thêm tên? lành ấy dễ hư hoại. Đáp: Căn lành tuy đã sanh, Giờ tu tập năm pháp, khiến cho nhưng cái ác còn chưa phá được, căn lành sanh, nên mới lấy căn làm nên phải tu tập cho căn lành tăng tâm. trưởng. Căn lành đã hình thành thì (Tứ niệm xứ là quán thân bất ác bị phá tan, nên gọi là lực. tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô Một, Tín lực thường, quán pháp vô ngã). Tín chánh đạo và trợ đạo; nếu Một, Tín căn tín căn tăng trưởng thì có thể ngăn Tin vào chánh đạo và trợ đạo các phiền não, không bị các nghi thì sanh tất cả thiền định vô lậu, ngờ của thiên kiến và Tiểu thừa giải thoát. Đó gọi là tín căn. làm lay động; nên gọi là tín lực. (Chánh đạo là tứ niệm xứ. Trợ Hai, Tinh tấn lực đạo là ngũ đình tâm quán) Khi thực hành chánh đạo và trợ Hai, Tinh tấn căn đạo, nếu căn tinh tấn tăng trưởng, Đã tin chánh quán xứ niệm xứ thì có thể trừ được sự lười biếng và các pháp trợ đạo tốt, càng phải của thân và tâm, thành tựu được tinh tấn bội phần, siêng năng, mong pháp xuất thế. Đó là tinh tấn lực. mỏi không ngừng. Đó gọi là tinh Ba, Niệm lực tấn căn. Nhờ chánh đạo và trợ đạo, nếu Ba, Niệm căn niệm căn tăng trưởng, thì có thể Chỉ nhớ chánh đạo và trợ đạo, phá tan sự nhớ tưởng tà vạy, thành nhất tâm quán tưởng, không để cho tựu được tất cả công đức chánh tà vọng chen vào. Đó gọi là niệm niệm xuất thế. Đó là niệm lực. căn. Bốn, Định lực Bốn, Định căn Nhiếp tâm vào chánh đạo và trợ Nuôi dưỡng chánh đạo và trợ đạo, nếu định căn tăng trưởng, thì đạo, nhất tâm yên lặng không để có thể phá tan loạn tưởng, mở ra tán loạn. Đó gọi là định căn. được sự, lý thiền định. Đó là định Năm, Huệ căn lực. Huệ là một trong tứ niệm xứ là (Sự, lý thiền định. Sự tức là thiền phương pháp nuôi dưỡng thiền định của cõi sắc và cõi vô sắc. Lý định, tánh bên

trong tự soi sáng, là là thiền định do Thinh văn,... người ngoài không biết. Đó gọi là nương theo lý mà tu tập được) huệ căn. Năm, Huệ Lực

Huệ của Tứ niệm xứ chiếu rõ NGŨ THỨC tất cả các pháp. Nếu huệ căn tăng (Khởi tín luận sớ) trưởng, thì có thể trừ được chấp trước của tà kiến, sai lầm, phá được Một, Nghiệp thức sự hiểu biết thiên kiến và Tiểu Nghiệp thức là gốc rễ vô minh. thừa. Đó là huệ lực. Nguồn tâm bổn giác, ban đầu không có tướng động; vì bất giác NGŨ THỨC mà sanh ra động làm thành tướng (Pháp giới thứ đệ) nghiệp. Luận nói: Vì nương vào bất Một, Nhãn Thức giác nên tâm động, gọi đó là Nhãn căn do đối với sắc trần thì nghiệp. thức của mắt sanh ra. Hai, Chuyển thức Khi thức này sanh ra, chỉ có Chuyển thức gọi là kiến tướng. khả năng thấy sắc. Đó gọi là nhãn Nương vào tướng mới động của thức (sự phân biệt của mắt). nghiệp thức trước mà chuyển thành Hai, Nhĩ Thức năng kiến; năng kiến này chính là Nhĩ căn do đối với thinh trần thì tướng mới động. Đó gọi là chuyển thức của tai sinh ra. thức. Khi thức này sanh ra, chỉ có Luận nói: Vì nương vào động khả năng nghe tiếng. Đó gọi là nhĩ nên có năng kiến; cho nên không thức (sự phân biệt của tai). động thì không có thấy (kiến). Ba, Tỵ thức Ba, Hiện thức Tỵ căn do đối hương trần, thì Có năng kiến thì tất cả cảnh thức của mũi sinh ra. giới giả dối, sai lầm hiện ra. Cảnh Khi thức này sinh ra, chỉ có khả giới này giống như tấm gương sáng năng ngửi mùi. Đó là tỵ thức. có thể hiện rõ màu sắc, bóng dáng Bốn, Thiệt thức của vạn vật. Đó gọi là hiện thức. Thiệt căn do đối vị trần thì thức Luận nói: chính vì nương vào của lưỡi sanh ra. năng kiến mới hiện ra cảnh giới sai Khi thức này sanh ra, chỉ có lầm. khả năng nếm vị. Đó gọi là thiệt Bốn, Trí thức thức. Đối với tướng của hiện thức ở Năm, Thân thức trước, không hiểu đó là từ tự tâm Thân căn do đối xúc trần thì hiện ra, nên mới nổi lên trí, phân thức của thân sinh ra. biệt đục, trong. Đó gọi là trí thức. Khi thức này sanh ra, chỉ có Luận nói: chính vì nương vào khả năng biết sự xúc chạm. Đó gọi cảnh giới, tâm mới nổi lên phân là thân thức. biệt. Năm, Tương tục thức

Nương vào sự phân biệt cảnh Đạo đức là đạo lý. Chúng được giới ở trước mà niệm nổi lên liên lý trung đạo nên có thể khởi dụng, tiếp, không có giây phút nào gián vô tâm ứng vật, giáo hóa tùy duyên đoạn. Đó gọi là tương tục thức. với muôn loài; giống như bóng như Luận nói: chính vì nương vào tượng, trăng dưới nước, hoa trong trí, nên mới sanh ra khổ, vui; tâm không trung, không có hình thể cố nhận thức (trí) nổi liên tiếp tương định. Đó gọi là đạo thông. ứng không gián đoạn. Hai, Thần Thông Thần tức là cái thần của tâm. NGŨ THÔNG Tâm thanh tịnh thì chiếu soi (Đại trí độ luận) được vật, ghi nhớ muôn việc ở đời trước rõ ràng, tùy theo sức thiền Một, Thiên nhĩ thông định, không có gì làm cho trở ngại. Đối với tất cả âm thanh, khổ, Đó gọi là thần thông. sướng, buồn, vui của thế gian đều Ba, Y thông có thể nghe được. Y tức là nương tựa Hai, Thiên nhãn thông Nương tựa vào pháp thuật, làm Đối với tất cả hình trạng, màu mọi việc theo ý muốn, không bị trở sắc của thế gian và các tướng khổ, ngại, như mượn bùa phép mà đi tới, vui do sanh, tử của tất cả chúng đi lui; biến hóa linh thiêng như sanh, đều có thể thấy được. thuốc uống biến thành thức ăn. Đó Ba, Túc mạng thông gọi là y thông. Đối với thân của mình, thân của Bốn, Báo thông người khác và bao nhiêu việc đã Quỷ thần biết trước, các vị trời làm trong nhiều đời, đều biết hết. biến hóa, biết sau khi chết sanh về Bốn, Tha tâm thông đâu, rồng thiêng ẩn hiện. Đó gọi là Đối với những gì xảy ra

trong báo thông. tâm của người khác như suy nghĩ Năm, Yêu thông bao nhiêu việc lành, dữ, đều biết rõ. Hồ ly có phép biến hóa, cây đá Năm, Thần túc thông, cũng gọi hóa thành tinh, nương tựa vào tinh là Như ý thông thần của người thông tuệ một cách Biểu hiện tùy ý, bay trên không kỳ lạ. Đó gọi là yêu thông. hay đi trên mặt đất đều tự tại, muốn làm những gì muốn, không bị trở NGŨ THẦN THÔNG ngại. (Bồ tát xứ thai kinh) NGŨ CHỦNG THÔNG Thần gọi là thiên tâm. Thông (Tông cảnh lục) gọi là huệ tánh. Nghĩa là tâm của thiên nhiên chiếu thấu suốt vô ngại, Một, Đạo thông nên gọi là thần thông.

Kinh nói: Bồ tát Diệu thắng thấu hiểu các pháp, ghi nhớ không bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, Bồ quên, xây dựng giáo pháp chân tát tu tập pháp gì, chứng được thần chánh, khiến cho kẻ khác tu hành, thông? Phật vì ông nói rằng có năm tùy duyên hòa hợp, tùy theo ước loại thần thông trong cõi tục. muốn của mình, đều được đầy đủ; Một, Túc bất lý địa nên có năm trí khác nhau. Thân có thể bay như đi, chân Một, Thông đạt bước trong không trung như đi trên Bồ tát do hậu đắc trí này mà có mặt đất. Đó gọi là túc bất lý địa. thể quán sát được tất cả các pháp Hai, Tri nhân tâm mạng về cảnh giới và trong tâm muốn Có thể biết tâm của người khác, biết, thấy đều không trở ngại. làm việc lành làm việc ác, sanh vào Hai, Tùy niệm chỗ thiện chỗ ác. Đó là tri nhân tâm Tùy niệm cũng gọi là ức trí. mạng. Bồ tát do hậu đắc trí, ở trước Ba, Hồi nhãn thiên lý quán trong tâm, thấu suốt tướng Đối với các loại chúng sanh cảnh giới các pháp. Sau khi ra khỏi trong trời đất, hoặc tốt hoặc xấu, quán, đều ghi nhớ tất cả không thành quách, nhà cửa, núi cao, cây quên. to, một khi liếc nhìn, dù xa hay Ba, An lập gần, đều thấy hết được. Đó là hồi An lập cũng gọi là thành lập. nhãn thiên lý. Bồ tát do hậu đắc trí, đã thấu Bốn, Hô danh tức chí hiểu cảnh giới của các pháp, còn Các thứ tiếng của trai, gái, voi, hay lập nên giáo pháp chân chánh, ngựa, dù lớn hay nhỏ trong nhân khiến cho kẻ khác tu hành. gian, đều nghe được hết. Nếu có ai Bốn, Hòa hợp kêu đến tên, dù xa hay gần, đều đến Hòa hợp cũng có tên là tương liền. Đó là hô danh tức chí. tạp. Năm, Thạch bích vô ngại Bồ tát do hậu đắc trí, đối với tất Đối với việc đi lại trong nhân cả các pháp đã duyên ở trước hòa gian, sông, núi, đá, tường, không có hợp cảnh giới và hay quán sát chiếu gì chướng ngại hết, đều có thể đi soi rõ ràng chúng; do quán sát này xuyên qua. Đó là thạch bích vô liền biến tất cả phiền não thành Bồ ngại. đề. Năm, Như ý NGŨ HẬU ĐẮC TRÍ Bồ tát do hậu đắc trí, đã biến (Nhiếp Đại thừa luận được phiền não thành Bồ đề, nên đối với tất cả những gì đã ước thích) muốn, đều tùy theo ý, như biến đại Bồ tát thực hành hoàn tất trí địa trở thành vàng ròng, đó vậy. hóa tha; nghĩa là Bồ tát bắt đầu độ sanh, phân biệt rõ ràng và có thể

NGŨ LUÂN TAM MUỘI ra vô số công đức của các thiền (định). (Thích thiền ba la Nước đứng yên thấm nhuần vào mật thứ đệ pháp môn) tâm, căn lành tăng trưởng. Đó là Luân có nghĩa liên tục chuyển nghĩa của thấm nhuần. Vì chứng động và nghiền nát những gì trên được định nên thân tâm mềm dẻo, đường đi của nó. chế phục được tính cao ngạo, ngã Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng mạn. Tùy thuận theo thiện pháp. Hoa là chánh định. Đó là nghĩa mềm mại. Đó gọi là Người tu tập thiền định Tam thủy luân Tam muội. muội, phải dũng mãnh tinh tấn, phá Ba, Phong luân Tam muội tan nghiệp quả mê mờ, lầm lạc, từ Phong (gió) có ba nghĩa: cạn đến sâu, từ phàm phu vào thánh 1)

Đi đây đó trong không gian vị, giống như ý nghĩa của bánh xe không trở ngại chuyển động trên đường. 2) Lay động muôn vật Một, Địa luân Tam muội 3) Hay phá hoại Địa (đất) có hai nghĩa: Người tu tập thiền định Tam 1) Đứng yên một chỗ muội, phát sanh trí huệ tương tự, là 2) Muôn vật đều phát sanh từ một phương tiện vô ngại, như gió đất. bay đây đó trong không gian, Người tu tập thiền định Tam không trở ngại gì. muội, vẫn chưa chứng đến địa định, Đã được trí huệ vô ngại làm mà hiểu rất nhanh tướng thân, tâm phương tiện, thì có thể thúc dục các đều không, thì nhập định một cách căn lành xuất thế, công đức sanh dễ dàng. Định giữ tâm yên như đất trưởng, như sự lay động của gió đối bất động. Do chưa đến đất để sanh với vạn vật. ra vô vàn công đức, cũng giống Do trí huệ vô ngại này làm phương như khả năng của đất sanh ra muôn tiện nên có thể phá trừ tà kiến phiền vật. Đó gọi là địa luận Tam muội. não, giống như sự phá hoại của gió (Chưa đến địa định nghĩa là tu đối với vạn vật. Đó gọi là phong thiền ở trong dục giới, tuy thân luân Tam muội. chưa đến sơ thiền mà đã chứng (Trí huệ tương tự là đối với trí được sơ thiền). huệ đã chứng được từ sơ quả trở Hai, Thủy luân Tam muội lên, do chưa phải thật chứng, nên Thủy (nước) có hai nghĩa: gọi là tương tự). 1) Thấm nhuần để sanh trưởng, Bốn, Kim sa luân Tam muội 2) Tính mềm mại Kim (vàng) là ví dụ như cái gì Người tu tập thiền định Tam hoàn toàn chân thật. muội, ở trong địa luân, nếu chứng Sa (cát) là dụ không dính mắc. được thủy luân Tam muội thì phát Người tu tập thiền định Tam muội, nếu phá trừ kiến hoặc và tư

hoặc, phát sanh trí huệ thật sự, đều nương bốn đại, phiền não mà không nhiễm ô, không dính mắc, trụ vững được. thì chứng được đạo quả. Nếu vị đó Bốn, Tăng trưởng nhân là Bồ tát thì có thể phá hết trần sa Nhờ y phục, ăn uống... mà thân phiền não. Đó gọi là kim sa luân thể của chúng sanh có thể tăng Tam muội. trưởng được; giống như những hạt (Quả là sơ quả, nhị quả, tam giống của cây cỏ bên ngoài, không quả) bị lửa cháy, không bị chim ăn, thì Năm, Kim cang luân Tam muội cũng tăng trưởng; lại giống như vì Thể của kim cang rắn chắc, sử có cha mẹ mà con mới được tăng dụng rất có lợi ích, có thể nghiền trưởng. nát các vật. Cũng như vậy người tu Năm, Viễn nhân tập thiền định Tam muội, không bị Như người nhờ sức trì niệm của mê mờ, lầm lạc lấn át, hay dứt trừ thần chú, mà quỷ không làm tổn tất cả kiết sử, thành A la hán. Nếu thương được, độc hại không trúng là Bồ tát thì có thể phá vô minh đến thân được. Nương dựa vào vua hoặc chứng nhất thiết chủng trí. Đó thì không có trộm cướp. Như muốn gọi là kim cang luân Tam muội. có bơ thì dùng nước hòa vào sữa (Kiết sử là kiến, tư hoặc trong rồi quậy lên, sau thành bơ; như ba cõi) danh sắc là nhân xa của thức; tinh huyết của cha mẹ là cái nhân xa của NGŨ NHÂN chúng sanh. (Niết bàn kinh) NGŨ CHỦNG QUẢ Một, Sanh nhân (Hiển dương thánh giáo Sanh nhân tức là nghiệp hoặc Chúng sanh vì nghiệp hoặc mà luận) sanh ra thân này, như cây cỏ nương Một, Dị thục quả nhờ nơi đất mà mọc lên, sống còn. Chúng sanh đời này làm nghiệp Hai, Hòa hợp nhân bất thiện, thì đời sau chịu cảnh quả Giống như thiện pháp và thiện ác. Nếu làm nghiệp lành hữu lậu, tâm hòa hợp nhau; pháp bất thiện thì đời sau chịu cảnh quả lành. Vì và tâm bất thiện hòa hợp nhau; đến đời khác quả mới chín, nên gọi pháp vô ký và tâm vô ký hòa hợp là dị thục quả. nhau. Hai, Đẳng lưu quả Ba, Trí nhân Đẳng tức là ngang nhau. Giống như nhà có chống đỡ thì Lưu tức là lưu lại: cùng một không nghiêng đổ.

Núi, sông, cây thứ, cùng một loài. cối nhờ có đại địa mới đứng vững Vì chúng sanh làm điều bất được; bởi vậy tất cả chúng sanh thiện, ưa ở chỗ bất thiện thì bị nghiệp bất thiện chuyển biến nhiều.

Nếu làm pháp lành, ưa ở chỗ pháp 3) Sanh, lão, tử là quả vị lai lành, thì pháp lành tăng trưởng. 4) Thức, danh sắc, lục nhập, Quả theo nghiệp biến đổi, xúc, thọ là thân năm ấm hiện tại; nghiệp và quả giống nhau. Đó gọi nên gọi là năm quả ở hiện tại. là đẳng lưu quả. Một, Thức Ba, Ly hệ quả Thức là vừa vào thai, A lại da Ly hệ là xa lìa sự trói buộc. hiện hành là hạt giống của thức, vì Nhờ tu bát chánh đạo, chúng do vô minh ở quá khứ làm nhân, sanh xa lìa phiền não, không chịu nên thức này cùng với cha, mẹ quả báo. Đó gọi là ly hệ quả. thành ba duyên hòa hợp, mà có Bốn, Sĩ dụng quả được sắc thân lớn dần. Đó là quả Sĩ dụng: những công việc người hiện tại ở trong thai. sĩ phu dùng đến. Hai, Danh sắc Đối với các nghề nghiệp ở thế Sắc tức là Yết la lam: Tinh cha, gian, tùy theo từng loại, người ta huyết mẹ vừa ngưng tụ được bảy dùng đến như kinh doanh, nghề ngày đầu, các căn chưa thành; chỉ nông, buôn bán,... mỗi thức có là một khối thịt hình tròn năm uẩn. công việc khác nhau. Đó gọi là sĩ Đó gọi là hiện tại ở trong thai. dụng quả. (Tiếng Phạn là Yết la lam, tiếng Năm, Tăng thượng quả Hoa là ngưng hoạt: một khối nhờn Tăng thượng là căn thân có sức tụ lại). vượt trội hơn lên. Như nhãn căn tuy Ba, Lục nhập có thấy cảnh nếu không có nhãn Lục nhập tức là sáu căn. Sau thức duyên cảnh thì không có sức haitám ngày sáu căn từ từ đầy đủ. chiếu soi, khi căn và thức hòa hợp sáu căn này hay thu sáu trần vào, thì làm nên kết quả mọi việc. Các nên gọi là nhập. Đó là hiện tại ở căn và thức của tai, mũi, lưỡi, thân, trong thai. ý cũng do hòa hợp chiếu soi cảnh Bốn, Xúc mà các sự việc được làm nên; vì thế sáu căn thành tựu, đủ mười các căn đều có sức vượt trội hơn tháng ra khỏi thai. Thân căn tiếp lên. Đó gọi là tăng thượng quả. xúc với gió biết nóng, lạnh nên gọi là xúc. Đó là quả hiện tại ra khỏi HIỆN TẠI NGŨ QUẢ thai. (Hoa nghiêm kinh sớ Năm, Thọ Sau khi ra khỏi thai, các căn thu Tùy diễn nghiễn sao) nhận cảnh tốt, xấu; nên gọi là thọ. Lấy 12 nhân duyên chia ra Đó là quả hiện tại ra khỏi thai. nhân, quả ba đời. 1) Vô minh và hành là nhân quá khứ. 2) Ái, thủ, hữu là nhân hiện tại

GIẢI THOÁT HỮU NGŨ HIỀN THỦ NGŨ GIÁO NGHĨA (Hoa nghiêm kinh (Hoa nghiêm kinh sớ) sớ Tùy diễn nghĩa sao) Quốc sư Hiền thủ, đời Đường, Một, Sanh tử bất năng phược thời Tắc thiên, giảng kinh Hoa Sanh, tử là tướng bắt đầu, tiêu nghiêm ở trong cung vua, cảm diệt của năm ấm. Chúng sanh bị động mây năm sắc ngưng tụ trên sanh tử trói buộc. Bồ tát không bị không trung, hoa đẹp bốn màu rơi sanh tử trói buộc; nên gọi là sanh tử xuống đất. không thể trói buột. Nhân đó vua ban cho ngàu hiệu là Hai, Cảnh tướng bất năng Hiền thủ. Ngài lấy giáo pháp Đức phược. Phật đã nói, có cạn, sâu khác nhau Cảnh tướng tức là tất cả tướng mà lập ra năm loại giáo. Lấy kinh của cảnh giới. Bồ tát lìa xa phàm Hoa nghiêm là kinh xứng tánh của tục, tuy thấy tất cả cảnh giới, mà Phật, đem ra tuyên dương tánh viên không sanh chấp trước; nên gọi là dung của pháp giới, gọi đó là Viên cảnh giới không thể trói buộc. giáo Nhất thừa; những kinh, luật, Ba, Hiện hoặc bất năng phược. luận còn lại thuộc về bốn giáo là Hiện hoặc là kiến thức phân tiểu, thủy, chung, đốn gọi là Hiền biệt hiện giờ. Cảnh Bồ tát đã thấy, thủ ngũ giáo. không hề đắm nhiễm mà tâm năng Một, Tiểu giáo

kiến cũng không thấy; nên gọi là Giáo này chỉ nói nhân không, hiện hoặc không thể trói buộc. không hiểu rõ pháp không; dù có Bốn, Hữu bất năng phược đề cập một ít pháp không, cũng Hữu tức là tất cả các pháp hữu không được rõ ràng. Chỉ nương sáu vi, đều là tướng được thấy; Bồ tát thức, ba độc để lập ra căn bản của xa lìa phàm tục, nhận rõ tướng nhiễm và tịnh, chưa rốt ráo uyên được thấy đều không, nên không nguyên của pháp; chỉ bàn luận về đắm nhiễm nên gọi là hữu bất năng Tiểu thừa, nên gọi là tiểu giáo. phược. Hai, Thỉ giáo, cũng gọi là phần Năm, Hoặc bất năng phược giáo Hoặc tức là vô minh phiền não. Giáo này chưa đến tận cùng lý Bồ tát thấu đạt hết vọng tức là về vạn pháp của Đại thừa, nên gọi chân, vô minh tức là Bồ đề, không là thỉ; không đề cập đến định tánh đắm nhiễm không phải không đắm của Thinh văn và vô tánh của Xiển nhiễm; nên gọi là hoặc bất năng đề thành Phật, nên cũng gọi là phần nhược. (một phần, không phải toàn thể) Trong giáo này, nói rộng về pháp tướng, nói ít về pháp tánh, xác

định rõ ràng. Đó là bắt đầu của Đại ngàn hạt châu, ánh sáng chiếu vào thừa nên gọi là thỉ giáo. các hạt châu thì nó giao thoa nhau (Định tánh Thinh văn là quyết một cách tự nhiên không trở ngại) định không ưa Đại thừa) Ba, Chung giáo, cũng gọi là HUỆ QUAN NGŨ GIÁO thật giáo (Hoa nghiêm kinh sớ Giáo này đề cập đến định tánh Thinh văn và vô tánh Xiển đề, đều tịnh diễn nghĩa sao) sẽ thành Phật. Nhờ vậy mới đến Rằm tháng giêng, ở chùa Đạo được cùng cực của giáo lý Đại tràng, thầy Huệ quan, lấy giáo lý thừa, nên gọi là chung (cuối cùng) đức Phật nói trong một đời, trình Giáo này đúng với thật lý, nên bày sự giáo hóa ấy của Phật theo cũng gọi là thật; nội dung ít nói về thứ tự, và lập nên năm loại giáo sau pháp tướng mà nói nhiều về pháp đây. Đó là năm giáo của Huệ quan. tánh. Tuy có nói pháp tướng cũng Một, hữu tướng giáo trở về với tánh. Đó là rốt ráo của Phật, 12 năm đầu, chế định các giới Đại thừa; nên gọi là chung giáo. luật, đều là pháp thật hữu của nhân Bốn, Đốn giáo quả, Tiểu thừa nương nơi đây tu Giáo này xác định rõ: một niệm hành mà chứng đạo. Đó gọi là hữu không sanh, liền gọi là Phật. Không tướng giáo.(12 năm đầu nói các nương ngôi vị, thứ tự lần lượt mà kinh A hàm) nói, nên gọi là đốn. Hai, Vô tướng giáo Trong giáo này không nói pháp Sau khi Phật nói bốn kinh A tướng, chỉ nói rõ chân tánh. Tất cả hàm, thì liền nói pháp muôn Bát sở hữu đều là vọng tưởng; tất cả nhã không huệ, không có các pháp giới, chỉ là vô ngôn, nên gọi tướng. Tiểu thừa hiểu được tính là đốn giáo. không thì chứng đạo. Đó là vô Năm, Viên giáo tướng giáo. Nội dung của giáo này, chỉ là Ba, Ức dương giáo nói về pháp giới vô tận, tánh hải Phật nói kinh Tịnh danh và kinh Tư viên dung, duyên khởi vô ngại, ích khuất phục quả Thinh văn của tướng tướng hỗ tương, như lưới Tiểu thừa và khen ngợi Bồ tát Đại báu vua Đế thích, trùng trùng vô thừa. Đó gọi là ức dương giáo. tận. một hạt trong lưới báu chiếu Bốn, Đồng qui giáo sáng tức là tất cả hạt khác đều có; Sau khi Phật nói kinh Bát nhã tức là trong một có tất cả và trong và trước khi nói kinh Niết bàn, thì tất cả có một; nên viên mãn Thập Phật nói kinh Pháp hoa, để tập tín thì liền thành chánh giác, gọi là trung ba thừa về một thừa. Làm Viên giáo. muôn ngàn điều thiện đều hướng (Lưới báu vua Đế thích là trước về Bồ đề. Đó gọi là đồng qui giáo. điện Đế thích có tấm lưới với hàng Năm, Thường trụ giáo

Phật nói kinh Niết bàn để chúng Trong kinh Niết bàn, Phật nói sanh biết rõ rằng: Tất cả chúng bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh và lý sanh đều có Phật tánh, nhất Xiển đề thường trụ tịch diệt, để cho chúng cũng thành Phật, rộng nói Phật sanh được an vui lớn. Đó là an lạc tánh, giảng sâu viên thường. Đó gọi giáo. là thường trụ giáo. Năm, Thủ hộ giáo Trong kinh Đại tập, Phật nói về BA PHA NGŨ GIÁO việc giữ và bảo vệ chánh pháp, để (Hoa nghiêm kinh cho chúng sanh giữ gìn, không để mất đi. Đó là thủ hộ giáo. sớ) Tiếng Phạn là ba pha, nói đủ là LƯU CẦU NGŨ GIÁO ba pha mật đa; tiếng Hoa là Minh (Hoa nghiêm kinh chi, là vị Sa môn tên Tràm tạng ở trung Ấn độ, vào năm Trinh quán, sớ) đời Đường, ở chùa Đại hưng thiện Thời đại nhà Tề có ẩn sĩ Lưu dịch kinh Tinh Đà la ni. Ngài lấy cầu lấy thánh giáo một đời đức thánh giáo đức Phật đã nói, theo ý Phật nói, từ lúc thành đạo đến Niết nghĩa cạn sâu không giống nhau, bàn, chia ra theo thứ tự tiệm đốn, nhằm giúp cho chúng sanh tu hành cạn sâu để lập thành năm giáo, nên có thứ lớp, mà lập thành năm giáo; gọi là Lưu cầu năm giáo. nên gọi là ba pha ngũ giáo. Một, Nhân thiên giáo Một, Tứ đế giáo Phật mới thành đạo, trước vì Trong kinh A hàm, Phật nói trưởng giả Đề vi nói ngũ giới và pháp Tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo để thập thiện để tu thành người và bậc Thinh văn tu pháp này mà ngộ trời; đó là các pháp nhân duyên, được Niết bàn chân không. Đó là quả báo. Ấy gọi là nhân, thiên giáo. Tứ đế giáo. Hai, Hữu tướng giáo Hai, Vô tướng giáo Phật nói kinh A hàm, chế tác Trong kinh Bát nhã, Phật nói giới luật đều là pháp thật hữu nhân pháp môn không huệ, cái không quả. Người Tiểu thừa tu tập theo của các pháp có tướng để bậc Nhị nội dung này thì chứng được đạo thừa ngộ pháp không của Đại thừa. quả. Đó là hữu tướng giáo. Đó là vô tướng giáo. Ba, Vô tướng giáo Ba, Quán hạnh giáo Sau khi nói bốn kinh A hàm, Trong kinh Hoa nghiêm, Phật Phật nói kinh Bát nhã, giới thiệu nói pháp môn quán hạnh, trình bày pháp môn không huệ, không các thứ lớp các lý tu nhân, chứng quả, hữu tướng, để cho bậc Tiểu thừa rõ để cho chúng sanh quán sát theo đó được nghĩa không mà đắc đạo. Đó mà tu hành. Đó là quán hạnh giáo. là vô tướng giáo. Bốn, An lạc giáo Bốn, Đồng qui giáo

Phật nói kinh Pháp hoa để đem Phật chỉ có một nhân duyên lớn ba thừa về một thừa, tu muôn vàn xuất hiện ở đời: dạy dỗ, chỉ bảo cho điều thiện đều hướng về Bồ đề. Đó chúng sanh đều được thành Phật. là đồng qui giáo. Kinh Pháp hoa nói: chín bộ Năm, thường trụ giáo pháp này của ta là tùy thuận chúng Phật nói kinh Niết bàn, nói rõ sanh mà nói, để thể nhập vào Đại tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, thừa là điều cốt yếu. Ý của Phật là đến nhất Xiển đề đều thành Phật, như thế, nên không thể phân chia rộng bàn về Phật tánh. Đó là giáo lý ra được. thường trụ giáo. (chín bộ là Kế kinh, Trùng tụng, Phúng tụng, Nhân duyên, Bổn BẤT PHÂN GIÁO NGŨ sự, Bổn sanh, Hy hữu, Thí dụ, Luân Ý nghị) (Hoa nghiêm kinh Bốn, Tùy nhất nhất văn chúng giải bất đồng sớ) Ví như, khi Phật nói về pháp vô Năm ý không thể phân chia thường; hoặc cho sanh, diệt là vô giáo lý của đức Phật được. Vào đời thường; hoặc cho không sanh, Đường, quốc sư Thanh nguyên nói không diệt là vô thường; Pháp chỉ rằng suy cho cùng giáo lý của Phật, có một, mà tùy căn cơ giải thích có năm lý do, không thể phân chia khác nhau, nên gọi là không thể được. phân chia. Một, Lý bổn nhất vị thù đồ Năm, Đa chủng thuyết pháp đồng qui. thành chi lưu cố. Những giáo pháp Phật đã nói Lúc pháp của

Phật sắp bị tiêu ra, lý vốn không hai, tùy theo căn diệt, có rất nhiều dị giáo ra đời, sợ cơ của chúng sanh mà giải thích vị duy nhất của giáo pháp bị xen khác nhau, nên có nhiều đường. tạp, thành ra chi phái khác nhau, Kiến thức, căn cơ tuy khác nhau, nên không thể phân chia. nhưng cuối cùng đều trở về một sự thật, nên không thể phân chia. ĐẠI THỪA NGŨ VỊ Hai, Nhất âm phổ ứng nhất vũ (Hoa nghiêm kinh phổ tư. Phật dùng một âm thanh nói pháp, Tùy sớ diễn nghĩa sao) rộng khắp, bình đẳng, căn cơ lớn Một, Tư lương vị. nhỏ đều được lợi ích. Giống như Các vị Bồ tát Thập trụ, Thập cây cỏ mọc ở mặt đất được thấm hạnh, Thập hồi hướng lấy phước nhuần, nên không thể phân chia. đức, trí huệ làm tư lương trên Ba, Nguyên Phật bổn ý vi nhất đường đạo, nên gọi là tư lương vị. sự cố. Hai, Gia hạnh vị.

Các vị Bồ tát tứ gia hạnh, do có chúng sanh; ở trong đời, đao binh, tư lương phước đức, thêm vào công làm vị chúa tể có sức mạnh nhất để phu tu hành mà vào được kiến đạo, làm phương tiện tốt nhất, nói lời ở nơi tánh chân như. Đó gọi là gia thành tín, cứu giúp tất cả bằng tâm hạnh vị bình đẳng để chấm dứt chiến tranh; (Tứ gia hạnh là noãn, đảnh, ở trong xứ dân chúng mất tự do, bị nhẫn, thế đệ nhất. cai trị giả man, bức bách, vì muốn Kiến đạo tức là Bồ tát ở ngôi vị chấm dứt buồn khổ ấy nên sanh hoan hỉ địa) vào vương gia, dùng Chánh pháp Ba, Thông đạt vị, cũng gọi là dạy dỗ chúng sanh tà kiến; ở trong kiến đạo vị. gia đình làm những điều sai trái thờ Bồ tát sơ địa thể hội chân như, cúng thiên thần tạo vật, thì cũng trí huệ chiếu soi vào lý tánh, thấy sanh vào nơi đó để chấm dứt tà được trung đạo, nên gọi là thông kiến và ác nghiệp của họ. đạt vị. Bồ tát sanh vào vô lượng nơi (Sơ địa tức là hoan hỉ địa) như thế nên gọi là khổ sanh. Bốn, Tu tập vị. Hai, Tùy loại sanh Bồ tát từ địa thứ hai đến địa thứ Bồ tát bằng sức tự tại và mười thì đã chứng được kiến đạo, nguyện lực sanh vào trong các loài dứt trừ chướng ngại và lại tu tập trời, rồng, quỷ, thần, A tu la, tà kiến căn bản trí, nên gọi là tu tập vị (Căn ngoại đạo... và làm người đứng bản trí là Bồ tát thân chứng được trí đầu hướng dẫn những loài ấy vào vốn có của mình). chánh pháp và dùng pháp lành vì Năm, Cứu cánh vị. họ thuyết giảng. Đó là tùy loại Diệu giác là quả vị Phật chứng, sanh. thanh tịnh hoàn toàn, không có gì Ba, Thắng sanh. trên nữa; nên gọi là cứu cánh vị. Bồ tát thị hiện thọ sanh với quả (Diệu giác là tự giác, giá tha, báo tốt đẹp, thân mạng dài lâu, hơn giác hạnh viên mãn, không thể nghĩ tất cả trời, người. Đó là thắng sanh. bàn) Bốn, Tăng thượng sanh. Bồ tát, từ tịnh tâm trụ đến tối BỒ TÁT HỮU NGŨ thượng Bồ tát trụ, thọ sanh ở đó thì CHỦNG SANH rất tốt đẹp; Từ Diêm phù đề thọ (Địa trì kinh) sanh tự tại, cho đến địa đại tự tại cứu cánh, tất cả chỗ thọ sanh thì Bồ Một, Khổ sanh. tát đặc biệt tốt đẹp hơn hết. Đó gọi Bồ tát bằng nguyện lực và sức là tăng thượng sanh. tự tại ở trong đời đói khát, con cá (Tịnh tâm trụ là địa thứ bảy lớn để lấy thịt của nó cứu giúp tất trong mười địa ở địa này, Bồ tát xa cả chúng sanh; ở trong đời tật bệnh, lìa hoặc nghiệp nên gọi là tịnh tâm. làm thầy thuốc giỏi để chữa trị cho

Tối thượng Bồ tát trụ địa thứ đem cho tất cả mọi người . Đó là mười pháp vân. khai thủ tướng. Đại tự tại cứu cánh địa là chỗ ở Năm, Thích nghĩa tướng của chư thiên sắc giới). Bồ tát vì chúng sanh, dạy cho ngôn Năm, Tối hậu sanh. ngữ vô ngại, đủ sức giảng giải Bồ tát trụ tối thượng thọ sanh là nghĩa kinh, dùng pháp tối thượng cầu chứng Bồ đề, vạn hạnh đầy đủ, thu nhiếp chúng. Đó là thích nghĩa sanh vào nhà sát lợi, bà la môn, tu

tướng. chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm tất cả Phật sự. Đó BỒ TÁT NGŨ CHỦNG là tối hậu sanh. TỰ TẠI (Đại bảo tích BỒ TÁT NGŨ CHỦNG TƯỚNG kinh)

(Trang nghiêm Bồ tát vận dụng từ bi và trí huệ, vạn hạnh đầy đủ, thọ mạng dài lâu, kinh luận) nên được tự tại vô ngại Một, Lân mẫn tướng Một, Thọ mạng tự tại Bồ tát bằng tâm từ bi, thương Bồ tát thành tựu pháp thân huệ nhớ tất cả chúng sanh, rộng rãi, mạng thấu đạt sống, chết, thọ, yểu. thực hành các phương tiện, đem lại Kéo dài vạn kiếp không là dài, rút lợi ích, dạy bảo cho chúng sanh. Đó ngắn trong một niệm không là là tướng thương nhớ ngắn; chỉ vì độ thoát khổ đau của Hai, Ái ngữ tướng chúng sanh, phải dùng phương tiện, Đối với tất cả pháp Phật, Bồ tát ... tùy cơ thị hiện tướng thọ, yểu có thể khéo léo giảng nói bằng mà thôi , trong tâm hoài toàn không ngôn ngữ mềm dẽo, khiến cho quái ngại. Đó là thọ mạng tự tại chúng sanh đem lòng tin tưởng Hai, Sanh tự tại giáo pháp. Đó là tướng ái ngữ Bồ tát vì độ thoát chúng sinh, Ba, Dũng kiện tướng dùng tâm đại bi, tùy loại mà thọ Bồ tát vì chúng sanh, đối với sanh, đem lại lợi ích cho tất cả, nên những việc khó làm đều làm được ở trên thiên cung không phải vì vui hết, không hề từ nan. Đó là dũng và ở dưới địa ngục cũng không kiện tướng thấy khổ, đi hay ở tự tại Bốn, Khai thủ tướng Ba, Nghiệp tự tại Khai thủ là dang tay đón tiếp Vạn hạnh của Bồ tát đầy đủ, mọi người (mở rộng vòng tay). vận dụng cả bi và trí, hoặc hiện Bồ tát bi nguyện sâu nặng, hay thần thông, hoặc nói pháp mầu, làm việc bố thí, giúp người nghèo, hoặc vào thiền định, hoặc tu khổ cứu kẻ khổ đau, nên lấy tiền của hạnh; tất cả những việc ấy đều vì

lợi tha, tùy nghi không trở ngại. Đó lẫn ngoại tài, nhưng bố thí tiền của là nghiệp tự tại thì được, còn đến thân mạng thì Bốn, Giác quán tự tại tiếc rẻ, không thể bỏ được. Đó là tử Tâm khởi đầu gọi là giác. Tâm úy vi tế gọi là quán Bốn, Ác đạo úy Bồ tát hoặc tu hạnh thiền định, Bồ tát sơ học sợ sanh vào hoặc mở lòng lợi sanh; tuy có tư đường ác, vì còn phân biệt đối với duy, xa lìa các tán loạn, nhưng vẫn pháp bất thiện, làm cho các vị này theo nguyện độ sanh, bình đẳng không dám sanh. Đó là sợ đường ác không trở ngại. Đó là giác quán tự Năm, Đại chủng oai đức úy tại Bồ tát sơ học, hoặc ở nơi triều Năm, Chúng cụ quả báo tự tại đình tranh luận, hoặc giảng giải Nhân và hạnh của Bồ tát đều chánh pháp trước nhiều người và rộng sâu, nên quả báo rất tốt đẹp. tranh cải đúng, sai và hay lo sợ sai Tất cả những gì cần làm thì đã làm lầm. Đó là đại chúng oai đức úy xong, không làm bộ bề ngoài, tự nhiên đầy đủ. Tâm không vẩn đục, TIỂU THỪA NGŨ VỊ không trở ngại; đó là chúng cụ quả (Thiên thai tứ giáo báo tự tại nghi)
NGŨ BỐ ÚY Một, Tư lương vị (Bách pháp luận sao và Như người đi xa ắt phải đem theo lương thực để ăn dọc đường Tỳ bà sa luận) Vị này có ba : Một, Bất hoạt úy một. Ngũ đình tâm – hai. Biệt Bồ tát sơ học, tuy thực hành tướng niệm – ba. Tổng tướng niệm hạnh bố thí, nhưng không thể đem Nếu muốn ra khỏi ba cõi thì phải hết của cải của mình ra, vì sợ dùng ba pháp quán này để làm tư không thể sống được. Đó là bất lương. hoạt ý (Ngũ đình tâm là tham dục Hai, Ố danh úy nhiều dùng bất tịnh quán – Sân Bồ tát sơ học, tuy muốn sống luận nhiều dùng từ bi quán – Tán hòa hợp với chúng sanh, để dạy dỗ loạn nhiều dùng số tức quán – Ngu họ nên vào trà đình, tửu quán, si nhiều dùng nhân duyên quán – nhưng luôn sợ tiếng thị phi, không Chướng ngại nhiều

dùng niệm phật được vui như các bậc đại Bồ tát quán. thực hành một cách tự nhiên. Đó là Biệt tướng niệm; tổng tưởng ố danh úy niệm là tứ niệm xứ: quán thân bất Ba, Tử úy tịnh – quán thọ thị khổ - quán tâm Bồ tát sơ học, tuy muốn vận vô thường – quán pháp vô ngã. Nếu dụng tâm rộng lớn, bố thí cả nội tài quán sát từng trường hợp thì gọi là

biệt tướng niệm; nếu quán sát tổng nhớ bèn sai nhóm Kiều Trần Như hợp thì gọi là tổng tướng niệm) gồm năm người, đi tìm và theo hầu Hai, Gia hạnh vị hạ Phật. Đến khi Phật thành đạo, Vị này có bốn: 1) Noãn vị: như nhớ đến năm người bạn ấy nên đến người dùi cây lấy lửa, lửa chưa ra, độ họ trước. Vì vậy, ở vườn Nai, nhưng hơi ấm có trước. Lấy đây ví Phật trước điều phục căn tánh rồi dụ cho người tu gia hạnh vị, chưa nói pháp Tứ đế cho họ nghe, nhờ thấy lửa trí huệ, nhưng đã có tướng đó mà cả năm người đều được giải ấm; 2) Đảnh vị: quán hạnh chuyển thoát. Đó là sơ độ ngũ nhân. sang sáng tỏ, như người lên đỉnh Một, A nhã kiều trần như núi, ắt thấy mọi nơi rõ ràng; 3) Tiếng Phạn là A nhã, tiếng Hoa Nhẫn vị (Nhẫn là chịu đựng được. Dĩ tri. Đây là tên của ông Đối với bốn pháp Tứ đế: khổ, tập, Tiếng phạn là Kiều trần như, diệt, đạo chịu nỗi và ưa thích tu tập tiếng Hoa là hỏa khí. Đây là họ của); 4) Thế đệ nhất vị (Đối với lý, tuy ông chưa chứng được, nhưng đối với Ông là người dòng Bà la môn, thế gian là hơn hết). Bốn vị (trong do trước thờ thần lửa, nên gọi là gia hạnh vị) ra sức tu hành thì chắc hỏa khí, là bà con cô cậu với Phật chắn chứng được đạo quả. (Thờ lửa, vì lửa có hai nghĩa: Ba, Kiến đạo vị chiếu sáng và đốt cháy. Chiếu sáng Là quả Tu đà hoàn của Thinh thì bóng tối không sanh. Đốt cháy văn thừa, dứt kiến hoặc trong ba thì vạn vật không sanh) cõi mà thấy được lý chân không, Hai, Át bệ nên gọi là kiến đạo Tiếng Phạn là Át bệ, tiếng Hoa Bốn, Tu đạo vị là Mã thắng, cũng gọi là Mã sư, Tu pháp từ đế, dứt tư hoặc cõi cũng dòng họ với Phật dục mà chứng được quả Tư đà hàm Ba, Bạt đề và quả A na hàm Tiếng Phạn là Bạt đề, tiếng Hoa Năm, Vô học vị là Tiểu hiền, cùng dòng họ với Phật Là quả A la hán của Thinh văn. Bốn, Thập lực Ca diếp Ở vị này đã dứt hết kiến hoặc, tư Tiếng Phạn là Ca diếp, còn gọi hoặc ở trong ba cõi, đạt đến cứu là Bà phô, cũng là bà con cô cậu cánh của chân lý, không còn pháp với Phật. Không phải là đại Ca gì học nữa, nên gọi là vô học diếp, cũng không phải là Tam Ca diếp SƠ ĐỘ NGŨ NHÂN (Đại Ca diếp tức là Ma ha Ca (Phiên dịch danh diếp. Tam Ca diếp tức là Ưu lâu tần la ca diếp; Na đề ca diếp; Già da ca nghĩa) diếp) Khi mới xuất gia, Phật vào Năm, Câu lợi thái tử trong rừng tu tập, vua cha thương

Là con lớn vua Hộc Phạn, là thành . Dùng để ví dụ cho Niết bàn anh em họ với Phật Tiểu thừa hay ngăn ngừa kiến hoặc và tư hoặc và chế ngự kẻ thù sanh NGŨ CHỦNG THINH tử VĂN Bảo sớ tức là lý thật tướng của (Pháp hoa văn cú) Đại thừa)

Một, Quyết định Thinh văn NGŨ TÁNH Tu tập từ lâu pháp Tiểu thừa, (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ nhiều kiếp công phu đã viên mãn, diễn nghĩa sao) nên chứng được quả nhỏ. Đó gọi là quyết định Thinh văn Một, Định tánh Thinh văn. Hai, Thối đạo Thinh văn Nhân, quả không thay đổi, gọi Thinh văn này trước tu tập theo là định tánh. Nghe giáo lý của Phật Đại thừa, nhiều kiếp tu hành, nửa mà giác ngộ được gọi là Thinh văn. chừng vì chán sanh tử, thoái lui tâm Chỉ tu tập nhân Thinh văn và Đại thừa, vẫn chứng quả nhỏ . Đó chứng được quả Thinh văn, mà gọi là thối đạo Thinh văn không mong cầu

Phật đạo. Đó là Ba, Ứng hóa Thinh văn định tánh Thinh văn. Chư Phật và Bồ tát, vì hai loại Hai, Định tánh Duyên giác. Thinh văn trên, nên trong thì bí mật Quán nhân duyên của pháp tu hành hạnh của Phật và Bồ tát; sanh diệt, giác ngộ lý chân không, ngoài thì hiện hình thức Thinh văn nên gọi là Duyên giác. để dẫn dắt Tiểu thừa đi vào Đại Chỉ tu tập nhân Duyên giác và thừa. Đó goi là Ứng hóa Thinh văn. chứng được quả Duyên giác, mà Bốn, Tăng thượng mạn Thinh không mong cầu Phật đạo. Đó là văn định tánh Duyên giác. Chán ghét sanh tử, vui thích Ba, Bồ tát tánh. Niết bàn , tu tập theo pháp Tiểu Bồ tát vận dụng song song cả từ thừa, lấy ít cho là đủ, chưa được mà bi và trí huệ, thân thuộc và oán thù gọi là được, chưa chứng mà cho là đều nhìn bằng ánh mắt bình đẳng, chứng. Đó gọi là Tăng thương mạn đem đến cho chúng sanh nhiều lợi Thinh văn lạc, chứng được quả Bồ đề. Đó là Năm, Đại thừa Thinh văn Bồ tát tánh. Vì nghe được Phật đạo, nên không Bốn, bất định tánh. dừng lại ở hóa thành mà cuối cùng Tùy duyên huân tập mà tu hành trở về bảo sớ. Đó gọi là Đại thừa không theo một thừa nào nhất định. Thinh văn Nếu gần Thinh văn thì tu tập theo (Hóa thành : Không mà bỗng pháp Thinh văn, nếu gần Duyên nhiên có gọi là hóa . Phòng ngừa giác, nếu gần Bồ tát cũng thế. Tùy điều quấy , chế ngự kẻ địch gọi là theo pháp đã tu mà tánh của vị ấy

được thành tựu. Đó là bất định Hữu hạnh là gắng công thực tánh. hành. Năm, Vô chủng tánh. Vị A na hàm này, chứng được Vô chủng là không có hạt giống quả thứ ba ở dục giới, chết ở cõi lành. dục, sanh lên cõi sắc, không thể Người không tin luật nhân quả, vào quả Niết bàn nhanh, lại trải qua không chịu sự giáo hóa của Phật, một khoảng thời gian dài, siêng cam chìm đắm trong sanh tử, năng tu tập thêm nữa, mới dứt hết không cầu giải thoát. Đó là vô hoặc nghiệp còn sót ở cõi vô sắc và chủng tánh. chứng được quả A la hán rồi vào Niết bàn. NGŨ CHỦNG A NA Bốn, Vô hạnh Bát Niết bàn. HÀM Vô hạnh là không gắng công (Niết bàn kinh) thực hành. Vị A na hàm này ở cõi dục Tiếng
Phạn là A na hàm, tiếng chứng được quả thứ ba rồi chết ở Hoa là Bất lai hay là Bất hoàn. cõi dục, sanh lên cõi sắc, lại trải Nghĩa là không sanh trở lại cõi dục, qua một thời gian dài mà không thể đây là quả thứ ba. nổ lực gắng công thêm, lười biếng Vì căn có nhanh, chậm; tu có phóng túng, lần lữa một thời gian siêng, lười nên đối với quả A la lâu dài mới đoạn được hoặc nghiệp hán, chứng có trước, sau không còn dư ở cõi vô sắc, chứng được giống nhau. Vì vậy chia ra thành quả A la hán và vào Bát Niết bàn. năm loại. Năm, Thượng lưu bát Niết bàn. Một, Trung Bát Niết bàn. Thượng lưu tức là vô sắc giới. Trung tức là trung ấm, còn có Lưu tức là lưu hành. tên là trung hữu. Đó là sau khi chết Vị A na hàm này chết ở cõi mà thức thân chưa thác sanh. dục, sanh lên cõi sắc, không thể lên Tiếng Phạn là Bát Niết bàn, Niết bàn liền mà phải qua lại các tiếng Hoa là Diệt độ. Vị A na hàm cõi trời sơ thiền, nhị thiền, tam này mất ở cõi dục, sanh lên cõi sắc thiền, tứ thiền rồi lần lượt sanh ở và dứt trừ phiền não ở cõi vô sắc, đó, mới dứt trừ hoặc nghiệp ở cõi chứng A la hán được Bát Niết bàn. vô sắc, chứng được quả A la hán Hai, Sanh Bát Niết bàn. rồi vào bát Niết bàn. Sanh là thọ sanh ở cõi sắc. Vị A na hàm này ở cõi dục chứng được NGŨ QUẢ HỒI TÂM quả thứ ba, chết ở cõi dục, sanh lên
(Niết bàn kinh) cõi sắc, lại dứt hết hoặc nghiệp còn sót ở cõi vô sắc và chứng được La Năm quả là Tu đà hoàn, Tư đà hán quả, rồi vào Bát Niết bàn. hàm, A na hàm, A la hán, Bích Chi Ba, Hữu hạnh Bát Niết bàn. Phật.

Những vị chứng năm quả này, Hoặc này có chín phẩm mà nói trải qua nhiều kiếp không dống là sáu phẩm là vì dứt trừ sáu phẩm nhau đã dứt hết phiền não, hồi tâm ở trước trong chín phẩm ấy). hướng về Đại thừa, đã chứng được Ba, Quả tứ vạn kiếp hồi tâm. Bồ đề, nên gọi là ngũ quả hồi tâm. Tam quả tức là quả A na hàm, Một, Quả bát vạn kiếp hồi tâm. đoạn trừ năm phần kết ở sau mà Sơ quả tức là quả Tu đà hoàn, chứng quả này, không thọ sanh và đoạn trừ hoặc nghiệp tam kết mà trải qua bốn vạn kiếp mới được vô chứng được quả này, vượt qua bốn thượng Bồ đề. Đó gọi là tam quả đường ác, bảy lần trở lại cõi trời, hồi tâm. người thọ sanh, mới dứt các khổ và (Tiếng Phạn là A na hàm, tiếng vào Niết bàn. Hoa là Bất lai, nghĩa là không trở Tu đà hoàn trải qua tám vạn lại thọ sanh ở cõi dục. kiếp mới chứng được vô thượng Bồ Năm phần kết sau tức là tham, đề. Đó gọi là sơ quả hồi tâm. sân, thân kiến, giới thủ, si ở cõi (Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, tiếng dục) Hoa là Dự lưu, nghĩa là ra khỏi Bốn, Quả nhị vạn kiếp hồi tâm. phàm phu, được tham dự vào dòng Tứ quả tức là quả A la hán, dứt thánh. hẳn các hoặc tham, sân, si ở ba cõi Tam kết là thân kiến, giới thủ, nên chứng được quả này, và trải và nghi, tức là kiến hoặc trong ba qua hai vạn kiếp mới chứng được cõi. vô thượng Bồ đề. Đó gọi là tứ quả bốn đường ác là địa ngục, ngạ hồi tâm. quỹ, súc sanh, A tu la). (Tiếng Phạn là A la hán, tiếng Hoa Hai, Quả lục vạn kiếp hồi tâm. là vô sanh, dứt trừ hết kiến tư hoặc, Nhị quả tức là quả Tư đà hàm, nên không sanh vào ba cõi). dứt trừ sáu phẩm tư hoặc ở cõi dục Năm, quả thập thiên kiếp hồi thì chứng được quả này, thọ sanh tâm. một lần trong cõi trời và người, Năm quả tức là Bích chi Phật, mới dứt các khổ và vào Niết bàn. vĩnh viễn dứt trừ tham dục, sân Tư đà hàm trải qua sáu vạn kiếp, hận, ngu si ở ba cõi, nên chứng mới chứng được vô thượng Bồ đề. được quả này và trải qua mười Đó gọi là nhị quả hồi tâm. ngàn kiếp mới được vô thượng Bồ (Tiếng Phạn là Tư đà hàm, đề. Đó gọi là ngũ quả hồi tâm. tiếng Hoa là Nhất lai, nghĩa là một (Tiếng Phạn là Bích chi, gọi đủ lần sanh ở cõi trời và một lần sanh là Bích chi ca la, tiếng Hoa là ở cõi người, mới chứng được Niết Duyên giác). bàn. Sáu phẩm tư hoặc là năm căn đối năm trần khởi tâm tham muốn, ái nhiễm gọi là tư.

NGŨ PHẦN PHÁP mà chứng được thân này. Vì THÂN vậy gọi là giải thoát thân. Năm, Giải thoát tri kiến thân. (Pháp hoa huyền Tri là dùng trí để biết. nghĩa thích tiêm) Kiến là dùng mắt để thấy. Phần là chia đều. Nhị thừa nhờ trí nhãn này, đối Pháp là giới, định, huệ. với tất cả pháp, hiểu biết thấu đáo Thân là tụ họp: sắc, thọ, tưởng, là đương thể tức không, đều là như hành, thức tụ họp thành thân. ảo, nên chứng được thân này. Vì Một, Giới thân. vậy gọi là giải thoát tri kiến thân. Nhị thừa nhờ giữ giới vô tác thành tựu nên chứng được thân NGŨ LUẬN SƯ này. Vì vậy gọi là giới thân. (Phiên dịch danh nghĩa) (vô tác giới là không tác ý, hành động theo ý mà không phạm) Một, luận sư A thấp phược lũ Hai, Định thân. sa. Nhị thừa nhờ tu thiền vô lậu Tức là luận sư Mã minh. tịnh mà chứng được thân này. Vì Luận Ma ha diễn nói: Trong đời vậy gọi là định thân. quá khứ có một ông vua lớn có tên (Nhờ tu thiền định dứt trừ các là Luận đà có 1000 con chim trắng phiền não trong ba cõi nên gọi là đều ưa hót. Nếu chim hót thì đức thiền vô lậu tịnh). độ nhà vua tăng lên, nếu không hót Ba, Huệ thân. thì đức của ông giảm đi. Nhị thừa nhờ tu vô lậu trí huệ Những con chim như thế, nếu nên chứng được thân này. Vì vậy thấy con ngựa trắng thì hót vang, gọi là huệ thân. không

thấy ngựa trắng thì im, (Vô lậu trí huệ là nhờ quán không hót. mười hai nhân duyên và quán Tứ Lúc bấy giờ nhà vua tìm ngựa đế mà có trí huệ này ra khỏi sanh trắng khắp nơi, mà không tìm được. tử) Vua nói như vầy: nếu các ngoại Bốn, Giải thoát thân. đạo có thể làm cho con chim hót thì Mở trói thì thoát, nên gọi là giải phá hoại Phật giáo, nếu đệ tử của thoát. Có hai thứ. Phật có thể làm cho con chim hót 1) Hữu vi giải thoát: Dùng trí thì phá hoại ngoại đạo. huệ vô lậu dứt trừ phiền não Lúc ấy, Bồ tát dùng sức thần hữu lậu. thông hiện ra 1000 con chim đều 2) Vô vi giải thoát: Tất cả cất tiếng hót vang. phiền não đã diệt hết, phiền Vì muốn chánh pháp còn mãi và não đã hết thì lý vốn là vô hưng thịnh, không để cho mất đi, vì vi. Do hai thứ giải thoát ấy vậy đức Thế Tôn đặt tên cho vị Bồ tát này là Mã minh.

Lại có sách nói: khi vị sư này NGŨ CHỦNG PHÁP SƯ nói pháp làm cho bầy ngựa cảm (Pháp hoa văn cú) động hí lên bi thảm, nên có hiệu là Mã minh và Ngài làm ra luận Khởi Pháp là phép tắc. Sư là người tín, luận Đại thừa trang nghiêm,... thợ. vì vậy gọi Ngài là luận sư. Pháp tuy có đường lối không Hai, Na già hạt thọ na luận sư. thể tự truyền đạt. Truyền đạt là ở Tức là luận sư Long mãnh, còn người, cho nên có năm loại người gọi là Long thọ, vì mẫu thân truyền đạt kinh Phật, tất cả đều gọi sanh Ngài dưới cây cổ thụ. là pháp sư. Nhân khi Long thành đạo, nên Một, Thọ trì. có hiệu là Long thọ. Sức tin là thọ. Sức nhớ là trì. Phụ hành nói: sở học của Long Đối với những lời dạy bảo của thọ thông bát rộng rãi, số một trong Phật, tin tưởng sâu xa chắc chắn, thiên hạ, muốn chê bai kinh Phật, luôn nhớ không quên. Đó là thọ trì Long được đón tiếp vào cung vua, pháp sư. chỉ trong một mùa hạ đọc tụng bảy Hai, Đọc kinh. kinh Phật, Ngài nhận ra Phật pháp Mắt nhìn vào văn gọi là đọc. sâu xa nhiệm mầu, liền xuất gia để Tâm ngay thẳng, ngồi tề chỉnh, mắt hàng phục ngoại đạo và xương nhìn vào kinh văn, miệng đọc lớn minh đệ nhất nghĩa, Ngài làm ra lên từng câu. Đó là đọc kinh pháp luận trung quán, đại trí độ, nên gọi sư. là luận sư. Ba, Tụng kinh Ba, Đề bà luận sư. Không nhìn vào kinh mà đọc Tiếng Phạn là Đề bà, tiếng Hoa gọi là tụng, tức là đọc thuộc lòng. là Thiên là đệ tử của Ngài Long Đó là tụng kinh pháp sư. thọ. Đề bà làm ra Bách luận, Đại Bốn, Giải thuyết. trượng phu luận..., vì vậy gọi là Nghĩa lý của pháp Phật khó luận sư. hiểu, nếu có thể giải thích rõ ràng Bốn, Cưu ma la la đa luận sư. và dạy dỗ cho người. Đó là giải Tiếng Phạn là Cưu ma la la đa, thuyết pháp sư. tiếng Hoa là Đồng thọ, vì Ngài xiển Năm, Thư tả. dương luận nghĩa, vì vậy gọi là Nếu hay biên chép, truyền bá luận sư. kinh Phật rộng rãi, đó là thư tả Năm, Thất lợi la đa luận sư. pháp sư. Tiếng Phạn là Thất lợi la đa, tiếng Hoa là Thắng thọ. Luận lý NGŨ CHỦNG A XÀ LÊ của Ngài như mặt trời chiếu xuống (Tứ phần luật) cõi đời, phá tan tăm tối, vì vậy gọi là luận sư.

Tiếng Phạn là A xà lê, tiếng Luật nói: Cho đến nương tựa Hoa là Quỹ phạm, vì người mà làm một đêm thôi. mẫu mực, nên gọi là A xà lê. Một, Xuất gia A xà lê. NGŨ CHỦNG ĐẠI SƯ Tức là cạo tóc, đi tu, thọ giới CÔNG ĐỨC Tỳ kheo cho làm Tăng sĩ. Nghĩa là (Du già sư địa người xuất gia phải nương Thầy mới được tế độ. luận) Luật nói: chính là nhờ nương Một, Giới hạnh vô thất. Thầy mà được xuất gia vậy. Tỳ kheo giữ gìn vững vàng giới Hai, Thọ giới A xà lê. luật của Phật chế ra, không vi Tức là thầy Tỳ kheo lãnh thọ phạm, không sai sót. Tất cả những giới luật. Đã xuất gia rồi phải việc ấy là công đức

nên đáng làm nương tựa vào thầy cầu mong thọ bậc thầy về giới pháp cho mọi giới pháp. người. Luật nói: chính là người làm Hai, Thiện kiến lập pháp phép yết ma khi thọ giới. Đối với giới luật của Phật, Tỳ (Tiếng Phạn là Yết ma, tiếng kheo giỏi thành lập tất cả các pháp Hoa là tác pháp) để khiến cho người tu học không bị Ba, Giáo thọ A xà lê. vi phạm, tất cả việc ấy là công đức, Tức là thầy truyền giới Tỳ đáng được làm thầy về giới pháp kheo. Đã nhận lãnh giới pháp rồi cho người. thì phải có thầy dạy dỗ, trao cho oai Ba, Thiện chế lập sở học. nghi. Tỳ kheo ở trong luật nghi phải Luật nói: chính là người dạy dỗ gánh vác trách nhiệm dạy dỗ người các oai nghi. khác, khéo ngăn chặn những sai Bốn, Thọ kinh A xà lê. trái và ổn định tăng đoàn. Đầy đủ Tức là thầy Tỳ kheo dạy kinh công đức như thế, mới đáng làm điển cho vị mới xuất gia. thầy giới luật của người. Đã xuất gia rồi phải nhờ thầy Bốn, Thiện đoạn nghi hoặc. dạy cách tu tập và giảng giải nghĩa Đối với phép tắc đã được lập ra lý của kinh điển. và những gì đã học, hoặc trong Luật nói: chính là người giảng giải chúng có nghi ngờ, thì giỏi chỉ bảo, kinh điển, cho đến một bài kệ bốn giảng giải để họ dứt trừ nghi ngờ, câu, cho những vị mới xuất gia. khiến cho tu hành đúng phương Năm, Y chỉ A xà lê. pháp. Đầy đủ công đức như thế mới Tức là thầy mà vị tỳ kheo đáng làm thầy giới pháp của người. nương tựa. Tỳ kheo vào mùa hạ Năm, Giáo thọ xuất ly. phải nương theo thầy mà ở, hoặc Tỳ kheo dùng giới pháp của chỉ nương tựa trong một đêm. Phật, dạy bảo trao truyền cho người, làm cho họ giữ gìn đúng

pháp và thành tựu được thánh đạo, Một, Người phát tâm ly tục. ra ngoài sống, chết. Đầy đủ công Người xuất gia, phát tâm mạnh đức như thế, mới đáng làm thầy mẽ, ra khỏi phàm tục, tu tập theo giới pháp của người. Phật đạo và có khả năng ôm ấp đạo nhiệm màu, làm ruộng phước cho NGŨ CHỦNG TĂNG cũng đời. Đó là phước thanh tịnh ban gọi là Ngũ tăng sai biệt đầu. (Hiển tông luận) Hai, Hủy kỳ hình hảo. Người xuất gia, cạo bỏ râu tóc, Một, Vô sĩ tăng. vứt hết cái đẹp trần gian, không Tăng sĩ bị chê bai và vi phạm mặc y phục của đời, mà mặc áo giới cấm, không có phong cách Như lai, có đầy đủ oai nghi của chơn chánh của người xuất gia, chỉ Phật, làm ruộng phước cho đời. Đó có hình thức tăng sĩ, còn làm thì là đức thanh tịnh thứ hai. toàn việc đời. Đó là hạng tăng Ba, Vĩnh cát ân ái. không biết xấu hổ. Theo Phật xuất gia, cắt đứt tình Hai, Á dương tăng. thân cha mẹ, một lòng siêng năng Đối với tam tạng giáo điển, tu tập, để báo đền ân sanh thành không chút hiểu biết, giống như của cha mẹ và làm ruộng phước con dê câm, không thể nói năng. cho người đời. Đó là đức thanh tịnh Đó là á dương tăng. thứ ba. Ba, Bằng đảng tăng. Bốn, Ủy khí khu mạng. Thích giao du, ưa tranh cải, giỏi Người xuất gia, có thể vứt bỏ biến trá, lọc lừa kiếm sống, liên kết thân mạng, không luyến tiếc gì, chỉ thành bè đảng. Đó là bằng đảng một lòng cầu chứng Phật đạo và có tăng. thể làm ruộng phước cho đời. Đó là Bốn, thế tục tăng. đức thanh tịnh thứ tư. Mờ ám qua ngày, ù ù cạc cạc Năm, Chí cầu Đại thừa. kéo dài cuộc sống, tâm không nghĩ Người xuất gia luôn nuôi lòng suy, thân bận rộn việc đời. Đó là giúp đở mọi người, chí quyết cầu thế tục tăng. pháp Đại thừa để độ hết tất cả Năm, thắng nghĩa tăng. chúng sanh ra khỏi khổ đau và làm Trí huệ thông đạt có thừa, nói ruộng phước cho đời. Đó là đức năng vô ngại, tùy cơ thuyết pháp, thanh tịnh thứ năm. cứu giúp mọi người. Đó là thắng nghĩa tăng. BẬT SÔ THẢO NGŨ ĐỨC TĂNG NGŨ TỊNH ĐỨC (Phiên dịch danh (Chư đức

phước điền nghĩa) kinh)

Bật sô là cỏ thơm trên tuyết chánh, siêng năng học đạo. Đó là tu sơn. Loại cỏ này có năm đức tính, từ mẫn vật. dùng để dụ tỳ kheo cũng có năm Hai, Khiêm hạ tự ty. đức này, nên gọi là bật sô. Tỳ kheo vào trong đại chúng, Một, Thể tánh nhu nhuyến. phải khiêm tốn, hòa thuận, tuyệt Thể tánh mềm dẻo là dùng để đối không kiêu mạn, tự hạ thấp ví dụ cho tỳ kheo có thể điều phục mình xuống, dống như cái khăn lau các nghiệp thân, ngữ, ý thô tháo. bụi bặm. Đó là khiêm hạ tự ty. Hai, Dẫn mạng bàn bố. Ba, Thiện tri tọa xứ. Thân bò khắp mặt đất là dùng Tỳ kheo vào trong đại chúng, để ví dụ tỳ kheo truyền bá chánh mọi việc phải làm theo giờ giấc đã pháp độ người, lâu dài không dứt. được quy định. Nếu gặp bậc thượng Ba, Linh hương viễn văn. tọa thì phải chào hỏi, nếu gặp Hương thơm bay ngào ngạt từ những vị thấp hơn mình thì không xa cũng ngửi thấy dùng để dụ tỳ phải đứng lên thi lễ. Đó là thiện tri kheo giới đức trang nghiêm, hoàn tọa xứ. hảo, mọi người đều được nghe Bốn, Thuyết ư pháp ngữ. thấy. Tỳ kheo vào trong đại chúng, Bốn, Năng liệu đông thống. không được luận bàn việc đời. Có khả năng chữa lành bệnh Hoặc chính mình nói pháp, hoặc khổ là dùng để ví dụ tỳ kheo hay mời người nói pháp. Đó là thuyết ư dứt trừ thống khổ do phiền não, độc pháp ngữ. hại gây ra. Năm, Kiến quá mặc nhiên. Năm, Bất thối nhật quang. Tỳ kheo vào trong đại chúng, Không từ chối ánh sáng mặt nếu thấy trong chúng có điều bất trời là dùng để dụ tỳ kheo có suy tư hợp lý mà phát biểu tùy tiện, sợ sẽ đúng đắn, luôn hướng về Phật nhật đưa đến chia rẽ, nên phải giữ im không quay lưng lại. lặng không nói. Đó là kiến quá mặc nhiên. TỲ KHEO NHẬP CHÚNG NGŨ PHÁP (cũng gọi là Nhập NGŨ CHÚNG chúng ngũ tâm) (Phiên dịch danh nghĩa) (Tứ phần tăng Một, Tỳ kheo. yết ma) Tiếng Phạn là Tỳ kheo, tiếng Một, Tu từ mẫn vật. Hoa là Khất sĩ. Nghĩa là trên cầu Tỳ kheo vào trong đại chúng, pháp Phật để nuôi huệ mạng, dưới phải tu tập tâm từ bi và thương yêu cầu thức ăn để nuôi sắc thân, có muôn vật, tuân thủ luật nghi cuộc sống thanh tịnh, đem đến cho nghiêm tịnh, giữ gìn thân tâm đoan chúng sanh phước đức và lợi ích, phá tan tâm kiêu mạng, hạ mình

khiêm tốn để thành tựu đức thanh hành việc lành, sách tiến công đức, nhã. nên gọi là Sa di ni. Hai, Tỳ kheo ni. Tiếng Phạn là ni, tiếng Hoa là KHẤT THỰC GIÀ NGŨ nữ. XỨ Luận đại trí độ nói: Ni giới cần (Hiển dương thánh nhiều luật nghi nên đứng sau Tỳ kheo. Phật dùng oai nghi, phép tắc, giáo luận) vì e rằng sẽ sanh ra sự hỗn tạp, ra Năm chỗ mà các vị tỳ kheo lệnh để Tỳ kheo ni sau Sa môn. khất thực phải tránh không đến đó Ba, Thức xoa ma na. để không bị nghi ngờ. Tiếng Phạn là Thức xoa ma na, Một, Xướng lệnh gia. tiếng Hoa là học pháp nữ. Nơi ca hát cốt để hoan lạc, hay Hành sự sao nói: Thức xoa ni làm rối loạn thiền định. Tỳ kheo học đủ ba pháp: nếu đi khất thực thì không nên đến 1) Căn bản: không làm bốn chốn này. thứ: sát, đạo, dâm, vọng. Hai, Dâm nữ gia. 2) Học sáu pháp: xúc chạm Nơi mà phẩm hạnh không trong nhau không sanh tâm sạch, tiếng tăm không chánh đáng. nhiễm trước- không Sắc dục là căn bản làm chướng trộm cắp- không sát hại- ngại đạo. Tỳ kheo nếu đi khất thực, không nói dối- không ăn không nên đến đó. phi thời- không uống Ba, Cô tửu gia. rượu. Rượu là nguyên nhân sanh ra 3) Học hạnh pháp: học tội lỗi và sai lầm. Tỳ kheo nếu đi theo các hạnh mà bậc khất thực, không nên đến nơi bán đại ni đã làm. rượu. Bốn, Sa di. Bốn, Vương cung.

Tiếng Phạn là Sa di, tiếng Hoa Vương cung là nơi sang trọng, là tức từ. Tức là dứt bỏ tình cảm nghiêm cấm, chớ có liên hệ. Tỳ đắm nhiễm cuộc đời.Từ là lòng kheo nếu đi khất thực, không nên thương cứu giúp chúng sanh. đến đó. Vì người xuất gia, mới vào Phật Năm, Chiên đà la, còn gọi là pháp, tình đời vẫn còn nhiều, nên Chiên trà la. phải dứt ác, tu hạnh từ bi. Đó gọi là Tiếng Phạn là Chiên đà la, tiếng Sa di. Hoa là Đồ giả. Năm, Sa di ni. Nhà cửa người giết hại gia súc Pháp sư Huyền trang nói: Tiếng thì ác tâm bao trùm to lớn, giết hại Phạn là Thất lợi ma noa lý ca, tiếng chúng sanh. Người nào gặp họ, Hoa là cần sách nữ. Siêng năng tu lòng từ bi bị tổn thương, tâm thiện

căn bản bị tổn hoại. Tỳ kheo nếu đi thì có thể ứng cúng thọ thực. Hễ khất thực, không nên đến nơi đó. khi thọ thực nên thực hành phép (Người Chiên đà la, tiếng Hoa quán này. là Nghiêm xí, vì người đồ tể này ác Ba, Phòng tâm ly quá tham nghiệp rất nghiêm trọng, nên khi đi đẳng vi tông. có rung chuông và tay cầm cờ để Minh liễu luận sớ nói: người làm hiệu cho người ta biết ông ấy xuất gia trước tiên ngăn ngừa tâm là kẻ ác. không phạm ba điều lỗi: gặp thức ăn ngon nỗi tâm tham, gặp thức ăn SA MÔN THỌ THỰC dở nỗi tâm sân và gặp thức ăn vừa NGŨ QUÁN nỗi tâm si. Vì ba điều này mà (Đại tạng nhất không biết hổ thẹn, nên đọa vào ở đường ác: địa ngục, ngạ quỷ,
súc lãm) sanh, nên khi thọ thực nên thực Tiếng Phạn là Sa môn, tiếng hành phép quán này. Hoa là Cần tức, nghĩa là siêng làm Bốn, Chánh sự lương dược vị pháp lành, dứt hết việc ác. Khi thọ liệu hình khô. thực, trước phải làm năm pháp Đói khát là bệnh chính. 404 quán, sau đó mới ăn, nên gọi là Sa bệnh kia là bệnh phụ, nên phải môn thọ thực ngũ quán. dùng thức ăn để làm thuốc trị bệnh Một, Kế công đa thiểu lượng bỉ và nuôi thân thể. Khi thọ thực, nên lai xứ. thực hành phép quán này. Đại trí độ luận nói: Thức ăn này (404 thứ bệnh là thân người nhờ do người ta cày ải, trồng trọt, thu bốn đại: đất, nước, gió, lửa mà hoạch, xay giả, sàn sảy, nấu chín thành. Nếu một đại không hòa hợp mà thành. Công để có thức ăn này với ba đại kia thì sanh ra 101 thứ rất là nhiều, không sao kể hết. Đây bệnh. Bốn đại cộng lại thành 404 là giải thích câu kế công đa thiểu. thứ bệnh). Tăng kỳ luật nói: Thí chủ giảm Năm, Vị thành đạo nghiệp ưng một phần ăn của vợ con mình, vì thọ thử thực. cầu phước mà đem bố thí, nên khi Không ăn không trị được bệnh thọ thực phải làm phép quán này. đói khát, đạo nghiệp làm sao thành Đây là giải thích câu lượng bỉ lai được. xứ. Kinh Tăng nhất A hàm nói: ăn Hai, Thổn kỷ đức hạnh toàn nhiều đem đến bệnh hoạn, ăn ít thì thuyết ứng cúng. sức khỏe hao mòn. Trong việc ăn Tỳ ni mẫu luật nói: Nếu không uống nên quân bình như cái cân, tọa thiền, tụng kinh, lo lắng việc không quá cao hay quá thấp. Khi Tam bảo và không giữ giới, nhận thọ thực, nên thực hành phép quán của bố thí của người thì đọa, không này. nên thọ thực. Nếu đức hạnh đầy đủ

NGŨ CHỦNG TÀ MẠN Tỳ kheo phải tin sâu nhân quả, thường sanh hổ thẹn, giới hạnh tinh (Đại trí độ luận) tiến, không quên mất nghĩa lý giáo Lấy năm tà pháp để cầu
lợi pháp, mới có thể trao truyền giáo dưỡng cho đời sống của mình. pháp cho người. Nếu không được Là Tỳ kheo thì phải răng dè thật như thế thì không thể. kỹ việc này. Một, Vô tín. Một, Trá hiện dị tướng. Tín là gốc của muôn việc lành, Các Tỳ kheo nào sống trái với là nền tảng của vạn đức. lời dạy của Phật, ở trước người đời, Tỳ kheo nếu không đầy đủ lừa gạt người ta bằng cách biểu chánh tín thì đối với giới pháp ắt hiện

tướng tá kỳ lạ, mong được không thể giữ gìn, huống là làm kính trọng, để cầu lợi dưỡng. Đó là thầy truyền giới cho người. tà mạng. Hai, Vô tàm. Hai, Tự thuyết công năng. Tàm là hổ thẹn. Tâm của Tỳ Các Tỳ kheo nào dùng miệng kheo nếu không biết hổ thẹn, thì tự lưỡi ngôn từ, ép người ta khen mình buông lung theo dục tình, giới mình. Tự mình khoe công trạng, tài hạnh bị suy giảm, nên không thể năng để người ta sanh lòng kính làm thầy truyền giới cho người. tín, mà cầu lợi dưỡng. Đó là tà Ba, Vô quý. mạng. Quý là xấu hổ. Tâm của tỳ kheo Ba, Chiêm tướng cát hung. nếu không biết xấu hổ, thì tự mình Các Tỳ kheo nào học theo dị vi phạm giới pháp, không thể ăn thuật xem tướng, bói toán tốt, xấu năn, nên không thể làm thầy truyền để cầu lợi dưỡng. Đó là tà mạng. giới cho người. Bốn, Cao thinh hiện oai. Bốn, Lại nọa. Các Tỳ kheo nào lớn tiếng ra Tỳ kheo biếng nhác buông oai, làm cho người kính vì sợ, để lung, thì đối với giới luật ắt không cầu lợi dưỡng. Đó là tà mạng. thể kiên trì, huống nữa là làm thầy Năm, Thuyết sở đắc lợi dĩ động truyền giới cho người. tâm nhân. Năm, Đa vong. Các Tỳ kheo nào đối với người Đối với ý nghĩa giáo pháp này thì được lợi, đối với người kia không thể ghi nhớ, tâm hay quên khen ngợi và ngược lại, làm cho mất, chắc chắn có sự thiếu sót, thì người ta động lòng mà cầu lợi vị Tỳ kheo ấy không thể làm thầy dưỡng. Đó là tà mạng. truyền giới cho người.

NGŨ PHÁP BẤT THỌ NGŨ BẤT THỐI

NHÂN GIỚI (Khởi tín luận sớ)

(Tứ phần luật)

Một, Tín bất thối.

Bồ tát ở Thập tín vị, phát tín chẳng lành, mà tâm Bồ đề chưa có tâm to lớn, hết lòng tin vào lý thối thất thì chưa thấy. nhiệm mầu, tròn đầy của trung đạo, Hai, Bất tu đại từ chi tâm. thường giữ bình đẳng, không thay Người tu hạnh Bồ tát, phải đổi, tin tưởng và thực hành đầy đủ, dùng tâm đại từ bình đẳng, thương nên không còn thối chuyển. nhớ tất cả chúng sanh và vui vẻ với Hai, Vị bất thối. pháp thanh tịnh, sau này thành tựu Bồ tát đã đầy đủ Thập tín vào vị quả Bồ đề. Nếu chẳng phải hạnh Thập trụ, cho đến Thập hạnh, Thập này, mà tâm Bồ đề chưa có thối hồi hướng, thì thấy được một phần thất thì chưa thấy. pháp thân, ở trong vị chánh định Ba, Hiếu cầu pháp sư quá tội. nên không còn thối chuyển. Người tu hạnh Bồ tát, phụng Ba, Chứng bất thối. thờ sư trưởng như thờ phụng cha Bồ tát đã đầy đủ ở vị tam hiền, mẹ. Lắng nghe sự dạy bảo của liền vào sơ địa, cho đến thất địa, thầy, thì tâm Bồ đề có thể thành chứng đầy đủ pháp thân, sanh vào tựu. Nếu moi móc, tìm tòi lỗi của vô số cõi Phật nên không thối thầy, thì không chỉ không tín thành chuyển. (biến mãn pháp thân: đầy nghe theo lời dạy bảo mà còn thờ đủ pháp thân là thể của pháp thân, thầy không đúng đạo và tâm Bồ đề trùm khắp mọi nơi). chưa có thối thất thì chưa thấy. Bốn, Hạnh bất thối. Bốn, Thường nhạo xứ tại sanh Bồ tát ở địa thứ bảy, công đức tử. đầy đủ vào địa thứ tám vô công Người tu hạnh Bồ tát, nên siêng dụng, tất cả công hạnh hoàn toàn năng tiến lên, cầu ra khỏi sống không thối thất. chết, thì quả Bồ đề mới thành tựu. (Vô công dụng địa tức là bất Nếu say sưa năm dục, tạo các động địa) nghiệp ác, đối với sanh tử, tâm Năm, Phiền não bất thối. không chán ghét, muốn xa lìa, mà Bồ tát đầy đủ địa thứ mười, vào tâm Bồ đề chưa có thối thất thì địa vị đẳng giác, hiểu rõ phiền não chưa thấy. tức là Bồ đề, há vì phiền não mà Năm,

Bất hỷ độc tụng kinh thối chuyển. điển. Người tu hạnh Bồ tát, nên tin NGŨ PHÁP THỐI BỒ ĐỀ nhận kinh điển của Phật nói, thành (Niết bàn kinh) tâm đọc tụng, tìm ra nghĩa nhiệm mầu, nương vào sự hiểu biết ấy tu Một, Nhạo ngoại đạo xuất gia. tập, thì thành tựu quả Bồ đề. Nếu Người xuất gia, phải theo chánh không thích thọ trì đọc tụng, thì đạo, tu tập nghiệp lành, thành tựu hạnh tu không lấy đâu để nương quả Bồ đề. Nếu theo ngoại đạo, thì tựa, mà tâm Bồ đề chưa có thối thất tà kiến càng tăng thêm, làm nghiệp thì chưa thấy.

NGŨ THỪA (bốn đường ác là tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục) (Hoa nghiêm Nhất thừa giáo nghĩa phân tề chương) NGŨ THỪA Một, Phật thừa. (Hoa nghiêm Nhất thừa Tiếng Phạn là Phật, nói đủ là giáo nghĩa phân tề chương) Phật đà; tiếng Hoa là Giác. Thừa có nghĩa là chuyên chỡ. Một thừa Phật, Hai Duyên giác Đức Phật dùng một pháp thật thừa, Ba Thinh văn thừa (dống như tướng Nhất thừa, chuyên chở các trên) chúng sanh cùng đến bờ Niết bàn, Bốn, Thiên thừa. nên gọi là Phật thừa. Thiên tức là trời sắc giới. Hai, Bồ tát thừa. Các vị trời ấy tu thiền quán hữu Tiếng Phạn là Bồ tát, nói đủ là lậu, dục hoặc không nhiễm, lấy căn Bồ đề tát đỏa, tiếng Hoa là Giác bản thiền định này, chuyên chở ra hữu tình. khỏi dục giới. Đó gọi là thiên thừa. Các vị Bồ tát dùng lục độ, vạn (căn bản thiền tức là sắc giới thiền, hạnh làm xe chuyên chở chúng vì có thể sản sinh ra tất cả thiền sanh cùng ra ngoài ba cõi, nên gọi định) là Bồ tát thừa. Năm, Phạm thừa. Ba, Duyên giác thừa. Phạm tức là tịnh. Các vị Duyên giác, nhờ quán Các vị Bồ tát dùng bốn vô sát mười hai nhân duyên, trừ hết lượng tâm từ, bi, hỉ, xả chuyển chở ngã chấp mà ngộ lý Niết bàn chân chúng sanh ra khỏi biển sanh, tử. không rồi dùng pháp này, chuyên Đó gọi là phạm thừa. chở ra khỏi ba cõi, nên gọi là (Bốn vô lượng tâm là từ là cho vui; Duyên giác thừa. bi là cứu khổ; hỉ là lìa khổ được Bốn, Thinh văn thừa. vui; xả là oán hay thân đều bình Các vị Thinh văn nghe giáo đẳng. bốn vô lượng tâm này là vì pháp của Phật, tu pháp Tứ đế khổ, chúng sanh nhiều vô lượng, nên tập, diệt, đạo mà ngộ được lý Niết tâm Bồ tát cũng vô lượng). bàn chân không, rồi dùng pháp này, chuyên chở ra khỏi ba cõi, nên gọi NGŨ THỪA là Thinh văn thừa. (Vu lan bồn kinh sớ) Năm, Tiểu thừa. Người tu theo Tiểu thừa là trời Một, Nhân thừa. và người. Trời và người lấy năm Nhân là nhẫn (người là nhịn là giới và thập thiện làm xe, chuyên chịu đựng) chở ra khỏi bốn đường ác, nên gọi Tình cảnh thuận, nghịch ở thế là Tiểu thừa. gian đều có thể chấp nhận.

Người lấy tàm quý, ngũ giới Chúng sanh làm năm việc này, làm xe, chuyên chở ra khỏi bốn thì có thể sanh lên cõi trời. đường ác và sanh vào cõi người, Một, Từ tâm. nên gọi là nhân thừa. Người không giết hại chúng Hai, Thiên thừa. sanh, thương yêu mạng sống của Trời lấy thập thiện làm xe, vạn vật, làm cho chúng được an ổn. chuyên chở ra khỏi năm đường, Đó là từ tâm. được sanh lên cõi dục thiên. Khi tu Hai, Hiền lương. thập thiện, lại càng có thể tu tập Người không ăn cắp tiền của thiền định, thì liền sanh trời sắc của người khác, bố thí không keo giới và trời vô sắc giới, nên gọi là kiệt, cứu giúp kẻ cùng khổ. Đó là thiên thừa. hiền lương. (năm đường là người, tu la, ngạ Ba, Trinh khiết. quỷ, súc sanh, địa ngục) Người không xúc phạm người Ba, Thinh văn thừa. khác giới (mà không phải là vợ Thinh văn là nghe giáo lý của mình), trai giới hoàn hảo. Đó là Phật mà được ngộ đạo. trinh khiết. Thinh văn lấy Tứ đế làm xe, Bốn, Thành tín. chuyên

chở ra khỏi ba cõi, đến Niết Người không dối, láo người bàn, nên gọi là Thinh văn thừa. khác, giữ gìn ngôn ngữ, không bao Bốn, Duyên giác thừa. giờ nịnh hót. Đó là thành tín. Duyên giác là quán mười hai Năm, Bất túy tửu. nhân duyên, giác ngộ được lý chân Người tôn trọng pháp lành, cố không. Dùng mười hai nhân duyên tu phạm hạnh, không say sưa rượu này làm xe, chuyên chở ra khỏi ba chè, phát cuồng làm loạn. Đó là cõi, đến Niết bàn, nên gọi là Duyên không uống rượu say. giác thừa. Năm, Bồ tát thừa. THỦY SANH THIÊN HỮU Tiếng Phạn là Bồ tát, nói đủ là NGŨ CHỦNG TƯỚNG Bồ đề tát đỏa, tiếng Hoa là Giác (Chánh pháp hữu tình. Giác ngộ tất cả hữu tình chúng sánh, dùng lục độ làm niệm xứ kinh) thuyền, chuyên chở chúng sanh ra Một, Quang minh phú thân khỏi ba cõi và đến bờ bên kia Niết tướng. bàn, nên gọi là Bồ tát thừa. Khi người mới vừa sanh lên cõi trời, ánh sáng che thân, thân không NGŨ SỰ SANH THIÊN mặc y phục. Tâm liền suy nghĩ: THƯỢNG đừng để các vị trời khác thấy ta (Biện ý kinh) khỏa thân. Ngay khi ấy, các vị trời khác thấy có mặc y phục, nhưng

thật ra không mặc y phục. Đó là Nếu căn cứ kinh Lăng nghiêm tướng thứ nhất. nói: trời tịnh cư nằm ngang với trời Hai, Dục kiến viên lâm tướng. đệ tứ thiền. Trời đệ tứ thiền chỉ Khi người mới sanh lên cõi trời, nghe tên trời thứ năm, mà không đã thấy có những vật sỡ hữu ở trên thể biết và thấy. Giống như thánh trời, lấy làm kỳ lạ, ít có, nhưng đối địa đạo tràng ở thế gian, có nhiều vị với viên lâm thì chưa từng thấy, vì A la hán ở, mà người không thể muốn thấy viên lâm, mà nhìn khắp thấy được. mọi nơi. Đó là tướng thứ hai. (chín phẩm tư hoặc cõi dục là Ba, Kiến thiên nữ sanh tàm trong cõi dục có ba phẩm tư hoặc, tướng. mỗi phẩm lại chia thượng, trung, hạ Khi người mới sanh lên trời, nên nói là chín phẩm. thấy người nữ ở cõi trời, nhan sắc Tiếng Phạn là A na hàm, tiếng xấu và rụt rè, chưa dám nhìn thẳng. Hoa là bất lai, tức là bất hoàn, Đó là tướng thứ ba. nghĩa là không sanh trở lại cõi Bốn, Kiến thiên sanh nghi dục). tướng. Một, Vô phiền thiên. Khi người mới sanh lên trời, Cõi trời này khổ, vui đều không nếu thấy sự an nhàn của các vị trời, còn, tâm, cảnh không giao tiếp, nên tuy muốn đến gần, nhưng tâm sanh không có phiền não, vì vậy gọi là nghi ngờ, ý chí chao đảo. Đó là vô phiền thiên. tướng thứ ba. Hai, Vô nhiệt thiên. Năm, Thăng không sanh bố Nhiệt tức là nóng nảy, buồn tướng. bực. Tuy cảnh khổ, vui không còn, Khi người vừa mới sanh lên nhưng vẫn còn niệm năng diệt trời, sắp lên khoảng không, tâm (khổ, vui); tâm và cảnh không có sanh sợ sệt, e ngại bay không cao, nơi nương tựa để giao tiếp, nên gọi đi không xa, hoặc dọc theo tường là vô nhiệt thiên. thành, hoặc nương tựa vào mặt đất. Ba, Thiện kiến thiên. Đó là tướng thứ năm. Trời này ở trong mười phương thế giới, thấy rõ ràng bao quát một NGŨ TỊNH CƯ THIÊN cách vi diệu, lại không có bóng (Lăng nghiêm kinh) dáng bụi trần và tất cả dơ dáy đã chìm xuống, nên gọi là thiện kiến Bậc Thinh văn dứt hết chín thiên. phẩm tư hoặc ở cõi dục, chứng quả (mười phương thế giới,... là thứ ba A na hàm và ở trong trời nhất tâm tại định, định hay phát ra Tịnh cư, còn gọi là trời Ngũ bất trí huệ, tâm ở trong trí huệ ấy thấy hoàn. mười phương thế giới rõ ràng và Nếu căn cứ vào Câu xá đồ nói: trùm khắp, lại không có bóng dáng trời Tịnh cư ở trên cao theo thứ tự. bụi trần ở trong hay ở ngoài thế

giới và không có bụi bặm làm cho Tâm vui mừng là hỷ. Hành giả tâm địa tối tăm). đã được định cõi trời sơ thiền, lợi Bốn, Thiện hiện thiên. ích rất nhiều, tư duy như thế

hoan Trời này thấy rõ ràng trước hỷ vô lượng, nên gọi là hỷ chi. mắt, un đúc vạn vật không trở ngại, Bốn, Lạc chi. nên gọi là thiện hiện thiên. Tâm vui vẻ là lạc. Hành giả hỷ (Nặn đất thành vật gọi là đào, tâm đã dứt thì điềm nhiên lo nghĩ, nấu kim loại chảy ra gọi là chú. nhận được niềm vui của thiền định, Dùng cái thấy sáng suốt mầu nhiệm nên gọi là lạc chi. un đúc tất cả vạn tượng, không có Năm, Nhất tâm chi. gì làm cho chướng ngại). Tâm và định tương ưng thành Năm, sắc cứu cánh thiên. một. Hành giả khi vừa chứng sơ Trời này đến chỗ rốt ráo vi tế thiền, tâm nương vào giác quán của của sắc và tánh của sắc vô cùng, các pháp hỷ lạc, nên còn tán loạn tế không có giới hạn, nên gọi là sắc vi. Nếu tâm vui vẻ dứt ,thì tự nhiên cứu cánh thiên. tâm và định là một, nên gọi là nhất tâm chi. SƠ THIỀN THIÊN ĐỊNH NGŨ CHI CÔNG ĐỨC TAM THIỀN THIÊN ĐỊNH CHI CÔNG ĐỨC (Pháp giới thứ đệ) (Pháp giới Chi là nhánh, cành.
Thiền chi là thứ đệ) từ một định tâm nảy ra năm nhánh. Một, Xả chi. Chi cũng có nghĩa giữ gìn là Xa lìa vui vẻ mà tâm không ăn định tâm an ổn, vững chắc, nên gọi năn là xả. Hành giả muốn xa lìa nhị là chi. thiền, dùng vô vàn nhân duyên Một, Giác chi. trách móc niềm vui (trong thiền Tâm vừa mới duyên là giác. định). Niềm vui khi đã diệt hết, thì Hành giả ở trong định phát ra sơ tam thiền liền phát sanh. Nếu thiền, sắc pháp thanh tịnh chạm vào chứng được niềm vui của tam thiền thân căn, tâm bỗng ngộ lớn. Lúc thì bỏ niềm vui của nhị thiền, mà vừa biết (sơ giác) sự va chạm này, tâm không ăn năn, nên gọi là xả nên gọi là giác chi. chi. Hai, Quán chi. Hai, Niệm chi. Tế tâm phân biệt là quán. Hành Niệm là ái niệm. Hành giả đã giả đã chứng được sơ thiền thì dùng phát sanh niềm vui của tam thiền. tế tâm phân biệt các công đức vi Niềm vui từ trong khởi lên, nên lưu diệu trong thiền, cảnh giới rõ ràng, luyến nhớ nghĩ thì niềm vui càng nên gọi là quán chi. tăng trưởng, nên gọi là niệm chi. Ba, Hỷ chi. Ba, Huệ chi.

Tâm hiểu biết gọi là huệ. Hành Tiếng Phạn là Tu di, tiếng Hoa giả đã phát sanh niềm vui của tam là Diệu Cao. Tiếng Phạn là Đao lợi, thiền. Niềm vui này vi diệu. Nếu tiếng Hoa là 33). chẳng phải trí huệ hiểu biết khéo Hai, Dạ ma thiên câu bảo thành léo, thì không thể nuôi lớn phương dâm. tiện, nên gọi là huệ chi. Tiếng Phạn là Dạ ma, tiếng Hoa Bốn, Lạc chi. là Thiện thời phân, vì ở cõi trời này Tâm vui vẻ là lạc. Hành giả đã biết phân chia thời gian hưởng thọ phát sanh niềm vui của tam thiền. các cảnh dục (trong ngũ dục). Dâm Nếu có thể sử dụng giỏi ba chi xả, dục không bằng thân giao hợp mà niệm, huệ đem giúp đỡ cho niềm chỉ ôm nhau thôi. vui này, thì niềm vui sẽ lan tỏa Ba, Đâu suất thiên chấp thủ khắp thân thể. Nếu xa lìa các địa thành dâm. còn lại của tam thiền, mà không Tiếng Phạn là Đâu suất, tiếng thay đổi niềm vui lan tỏa khắp thân Hoa là Tri túc. Vì ở cõi trời này đối thể, nên gọi là lạc chi. với các cảnh dục, biết đủ mà dừng Năm, Nhất tâm chi. lại, nên không ôm nhau, mà chỉ Tâm và định tương ưng thành nắm tay khi dâm dục. một. Tâm hành giả hưởng thọ niềm Bốn, Hóa lạc thiên đối tiếu vui đã hết, thì tâm và định là một, thành dâm. đứng yên trong vắc không chao Ở cõi trời này, tâm dục rất vi tế, động. Nên gọi là nhất tâm chi. nên không nắm tay, khi dâm dục, mà chỉ nhìn nhau cười. DỤC THIÊN NGŨ DÂM Năm, Tha hóa thiên tướng thị (Thiên thai tứ giáo thành dâm. Ở cõi trời này, niệm dục gần hết, nghĩa tập chú)
không nhìn nhau cười; khi dâm Một, Địa cư nhị thiên giao dục, chỉ nhìn nhau thôi. thành dâm. Trời tứ thiên vương ở lưng NGŨ CHỦNG PHẠM chừng núi Tu di, trời Đao

lợi ở trên ÂM đỉnh núi Tu di, nên gọi hai trời này (Trường A hàm là địa cư. Nam, nữ giao hợp không khác cõi thế. kinh) (Tứ thiên vương là phía đông: Phạm âm là tiếng nói của Đại Trì quốc thiên vương, phía nam: phạm thiên, có năm thứ âm thanh Tăng trưởng thiên vương, phía tây: tịnh. Quảng mục thiên vương, phía bắc: Một, Chánh trực âm. Đa văn thiên vương. Các vị phạm thiên có thiền định bảo trì thân thể, không có hành vi dâm dục, nên âm thanh của các vị

ấy đoan chánh, ngay thẳng, không thọ không còn thì tự nhiên y phục tà vậy. Đó gọi là chánh trực âm. ấy trở nên dơ dáy. Đó là tướng đại Hai, Hòa nhã âm. suy. Các phạm thiên tâm xa lìa dục (Thù y: trọng lượng mười hạt nhiễm, ưa thích luật nghi, nên âm lúa bằng một thù. Áo của chư thiên thanh của họ nhu hòa, nhã nhặn, xa nặng sáu thù, nên gọi là thù y). lìa tục tằng, thô kệch. Đó gọi là hòa Hai, Đầu thượng hoa nuy. nhã âm. Mũ đội trên đầu các vị trời làm Ba, Thanh triệt âm. bằng ngọc xanh, màu sắc tươi sáng. Không đục gọi là trong. Ánh Khi phước hết, tuổi thọ không còn, sáng xuyên qua gọi là thấu (suốt). đầu đội mũ hoa, tự nhiên héo khô. Các vị phạm thiên, giới hạnh Đó là tướng đại suy. thanh tịnh, tâm tánh sáng suốt hoàn Ba, Dịch hạ hãn lưu. toàn, nên âm thanh của các vị ấy Các vị trời thân thể rất đẹp và thanh tịnh, trong sáng, thấu suốt. trong sạch, nhẹ nhàn thanh khiết. Đó gọi là thanh triệt âm. Khi phước hết, tuổi thọ không còn, Bốn, Thâm mãn âm. hai nách tự nhiên chảy mồ hôi. Đó Các vị Phạm thiên, tịnh hạnh là tướng đại suy. tròn đầy, tâm vắng lặng và quang Bốn, Thân thể xú uế. minh, nên âm thanh của các vị ấy Các vị trời thân thể thù thắng, thâm trầm tròn trịa và không hạn tuyệt đẹp, tự nhiên hương thơm lan hẹp. Đó gọi là thâm mãn âm. tỏa thanh khiết. Khi phước hết tuổi Năm, Chu biến viễn văn âm. thọ không còn, bỗng sanh ra dơ Đầy đủ là chu. Khắp hết là dáy. Đó là tướng đại suy. biến. Năm, Bất nhạo bổn tòa. Các vị trời này, tâm trong sáng Những sở hữu của các vị trời và thanh tịnh, chiếu khắp mười tuyệt hảo mà thế gian không thể có phương, nên âm thanh của các vị được. Khi phước hết, tuổi thọ ấy bao trùm tất cả, dù ở xa cũng không còn, tự nhiên chán ghét lâu nghe được và không hạn hẹp. Đó đài, nhà cửa của mình. Đó là tướng gọi là chu biến viễn văn âm. đại suy.

THIÊN ĐẠI NGŨ SUY THIÊN TIỂU NGŨ SUY TƯỚNG TƯỚNG (Pháp uyển châu (Pháp uyển châu lâm) lâm) Một, Y phục cấu uế. Một, Nhạc thinh bất khởi. Y phục của các vị trời tuyệt Âm nhạc của các vị trời, không đẹp, sáng bóng, luôn luôn sạch sẽ đánh mà tự kêu. Khi suy tướng hiện và mới tinh. Khi phước hết, tuổi

ra thì âm thanh ấy tự nhiên không nơi, ai ai cũng nhận được ân huệ và kêu nữa. Đó là tiểu suy tướng. vui mừng, yêu thương. Hai, Thân quang hốt diệt. Hai, Anh dũng cụ túc khả ái lạc Các vị trời ánh sáng rực rỡ từ pháp. thân tỏa ra, cả ngày lẫn đêm. Khi Quốc vương can đảm và khỏe suy tướng hiện ra, ánh sáng ấy mạnh như thần, trí dũng vẹn toàn, không hiện nữa. Đó là tiểu suy đức trùm muôn nước, oai vang bốn tướng. biển, những ai chưa hàng phục thì Ba, Dục thủy trước thân. có thể bắt họ hàng phục, những ai Các vị trời da thịt thơm tho, vi đã hàng phục thì có thể che chỡ họ. diệu như hoa sen, không thấm Những điều này bao quát cả thiên nước. Khi tướng suy hiện ra, tắm hạ, sợ oai phong, nhớ đức độ, nước lên người, dính vào thân thể không ai mà không yêu mến,

an không khô. Đó là tiểu suy tướng. vui. Bốn, Trước cảnh bất xả. Ba, Thiện quyền phương tiện Các vị trời, cảnh dục rất tốt đẹp, khả ái lạc pháp. mà không hề đam mê, luyến tiếc. Quốc vương trí mưu linh hoạt, Khi tướng suy hiện ra, cố bám lấy vận dụng khó lường. Đối với kẻ cảnh dục ấy, không bỏ. Đó là tiểu thuận tình thì có cách bảo vệ, yêu suy tướng. mến họ. Đối với kẻ ngang ngược Năm, Nhãn mục sổ thuấn. khó dạy thì tìm cách chế phục họ. Các vị trời có thiên nhãn vô Những điều như thế bao trùm thiên ngại, nhìn khắp đại thiên thế giới. hạ, sợ oai phong, nhớ đức độ, ai ai Khi suy tướng hiện ra, mắt của các cũng được thương yêu và an lạc. vị trời ấy nháy hoài. Đó là tiểu suy Bốn, Chánh thọ cảnh giới khả tướng. ái lạc pháp. Quốc vương giỏi tính toán của QUỐC VƯƠNG NGŨ CHỦNG cải chứa trong ngân khố nhiều hay KHẢ ÁI LẠC PHÁP ít, bằng lòng nhân ái giúp đỡ kẻ gần (Phật vị người xa. Hễ ai bị bệnh hoạn, chữa trị dùm họ. Ai nghèo khổ, bố thí Ưu điền vương thuyết vương của cải cho họ. Những việc như thế pháp chính luận kinh) khắp cả thiên hạ, ai nấy đều chịu ân Một, Ân dưỡng thương sanh huệ thì không người nào là không khả ái lạc pháp. thương yêu và vui vẻ. Quốc vương hay ban bố đức độ, Năm, Cần tu thiện pháp khả ái thi hành nhân nghĩa, làm lợi ích và lạc pháp. cứu giúp cho dân chúng, khiến cho Quốc vương có đầy đủ đức tin ai nấy đều vừa lòng, để dạy dỗ, cai chánh pháp. Tin quả báo của trời, trị. Điều này nên truyền khắp mọi người về nghiệp lành, dữ ở quá khứ và vị lai. Tu tập nhân chân chánh

để chứng được thánh quả. Những Năm, Thọ mạng vô lượng bất việc như thế khắp cả thiên hạ, ai thối. nấy đều tôn trọng, mến yêu và Các chúng sanh được sanh về không người nào là không thương tịnh độ, thì thọ mạng liền được vô yêu và vui vẻ. lượng, cùng với Phật và Bồ tát không khác nhau. Vì vậy sau khi SANH TỊNH ĐỘ NGŨ sanh về đó, thì được không thối BẤT THỐI chuyển. (Tịnh độ thập NGŨ SỰ SANH NHÂN nghi luận) TRUNG Một, Đại bi nhiếp trì bất thối. (Biện ý kinh) Chúng sanh được sanh về tịnh độ, được nguyện lực đại bi của Phật Các chúng sanh hay làm năm A di đà gia hộ liên tục, nên không việc này thì được thọ sanh vào cõi thối chuyển. người. Hai, Phật quang chiếu chúc bất Một, Bố thí. thối. Người thường làm việc nhân từ, Chúng sanh được sanh về tịnh không keo kiệt tiền của, đem giúp độ, thường được hào quang của đỡ cho người nghèo khổ. Đó là bố Phật chiếu soi, nên tâm Bồ đề ngày thí. càng tăng trưởng và không thối Hai, Trì giới. chuyển. Người tâm thường nghĩ nhớ Ba, Thường văn pháp âm bất đến giới, giữ gìn không quên, thối. không làm các việc ác. Đó là giữ Chúng sanh được sanh về tịnh giới. độ, nghe các pháp khổ, không, vô Ba, Nhẫn nhục. ngã do nước, chim, cây, rừng, gió Người nếu gặp phải việc phi lý nói pháp. Nhờ vậy, tâm thường có liên hệ đến mình, hay đem lòng niệm Phật, pháp, tăng và không tha thứ, chịu nhịn không phản ứng. thối chuyển. Đó là nhẫn nhục. Bốn, Thiện hữu đồng cư bất Bốn, Tinh tấn. thối. Người một lòng theo đạo pháp, Chúng sanh được sanh về tịnh siêng làm các việc lành, không hề độ, vì ở nước ấy, chỉ làm bạn với lười biếng. Đó là tinh tấn. các vị Bồ tát, trong không có phiền Năm, Trung hiếu. não bó buộc, ngoài không có cảnh Người giữ tâm ngay thẳng, giúp tà ma, ác duyên, cho nên sau khi vua bằng tất cả khả năng của mình, sanh về cực lạc, thì không thối thờ cha mẹ bằng tất cả sức lực của chuyển. mình. Đó là trung hiếu.

NHÂN HỮU NGŨ KHỔ Năm, Phạm tội nhân thúc phược tống ngục. (Pháp uyển châu lâm Người làm việc sai phạm với và ngũ khổ chương cú kinh) pháp luật nhà nước, mắc phải tội Một, Mẫu nhân hoài nhậm tùng lỗi, gông cùm trói buộc, nhốt vào tứ đắc sanh. lao ngục, chịu bao nhiêu là hình Người vừa thọ thai, ở trong phạt, khổ không sao nói hết. Đó là bụng mẹ, bị đè nén cùng cực, đau ngục khổ. đớn không lường; cho đến khi sanh, nóng, gió chạm vào thân, như CHÚNG SANH NGŨ SỰ chân không bước trên lưỡi dao, THỊ HỖ lưỡi kiếm, khóc la dữ dội, chợt mê (Xuất diệu kinh) mờ nguyên nhân đời trước (để có kết quả ngày hôm nay). Đó là sanh Thị hỗ là nương tựa. khổ. Phật vì chúng sanh ngu si, ỷ lại Hai, Lão nhân nhan sắc bại vào những gì mình có, không tưởng hoại. nhớ đến tướng thế gian vô thường, Người già cả, tóc bạc răng mà buông lung vào những việc lỗi rụng, mắt mờ tai điếc. bốn đại lầm, không cầu đạo xuất thế vô vi, không còn điều hòa, 100 khớp vì vậy nói năm việc này nhằm răn xương đau nhức, đầu cúi lưng đe vậy. cong, đứng ngồi rên la. Đó là lão Một, Thị hổ niên thiếu. khổ. Người ỷ mình tuổi còn nhỏ, khí Ba, Bệnh nhàn khốn liệt. huyết khỏe mạnh, buông thả theo ý Người nhờ bốn đại làm thành muốn, làm những điều bất chính thân thể, một đại không điều hòa mà không quan tâm đến tuổi già thì mườimột bệnh phát sanh. bốn sức yếu đang đuổi theo mình. đại không hòa hợp thì bốn0bốn Hai, Thị hổ đoan chánh. bệnh cùng sinh ra. Thân thể đau Người ỷ vào thân hình cân đối đẹp đớn như bị roi gai đánh đập. Chân, đẽ, ẻo lả, dễ thương dụ khị người tay quờ quạng, khí lực hao gầy, khác, với hình tướng ấy làm sanh đứng ngồi phải cậy người giúp đở. lòng dục vọng, không biết xấu hổ Đó là bệnh khổ. mà không quan tâm đến tuổi già Bốn, Nhân tử phong đao đoạn xấu xí đang đuổi theo mình. mạch. Ba, Thị hỗ lực thế. Khi người sắp chết, bốn đại Dựa vào thế lực hơn người, tác phân rã, đau nhứt ghê hồn, cha mẹ oai tác quái, miệt thị người khác, con cái không ai cứu được. Gió như không hề kiêng dè, không quan tâm dao bén xẻ thân thể ra, khổ không đến suy yếu hoạn nạn đang đuổi thể chịu nỗi. Đó là tử khổ. theo mình. Bốn, Thị hỗ tài khí.

Dựa vào tài giỏi quảng bác vượt Hoa nghiêm xuất hiện phẩm nói hẳn mọi người, tự tôn tự đại, khinh rằng: Tất cả hàng Nhị thừa, không thường người khác, mà không quan nghe được kinh này, huống gì nói tâm đến tai họa đang theo đuổi đến thọ trì. Cho nên, tuy ở tại pháp mình. tòa, như đui như mù. Đó là hiệp liệt Năm, Thị hổ quý tộc. phi khí. Người dựa vào dòng họ quyền Năm, Thủ quyền phi khí. quý, vinh hiển, mặc tình kiêu ngạo, Các vị Bồ tát, Thinh văn, khinh thường người khác, mà Duyên giác của Tam thừa cộng không quan tâm đến sự bại hoại, giáo, theo cương lĩnh của Tam thừa suy tàn đang tìm kiếm mình. mà địa vị được sắp xếp theo thứ lớp của pháp quyền thừa và Tiểu thừa, NGŨ NHÂN PHI KHÍ không tin vào đạo viên dung cụ (Hoa nghiêm kinh đức. Đó là thủ quyền phi khí. (cộng giáo của Tam thừa là sớ) giáo lý Bát nhã. Năm hạng người này, đều Tùy tông theo giáo pháp chủ không phải người đủ khả năng để yếu của Tam thừa. nhận lấy đạo. Hành bố hành vị là sắp xếp Một, Vô tín phi khí. ngôi vị theo thứ tự). Có chúng sanh chìm vào trong tà kiến, dù nghe được kinh Đại thừa NGŨ CHỦNG BẤT NAM mà lòng sanh nghi ngờ, chê bai, rơi (Pháp hoa văn cú ký) xuống các đường ác. Đó là vô tín phi khí. Kinh pháp hoa nói: Bồ tát Hai, Vi chân phi khí. không nên gần gũi năm hạng người Có chúng sanh, chính tâm họ không phải là người nam giới, dống

trái với chân lý mà chạy theo sai như người bà con thân thích. lầm, dựa vào kinh pháp để cầu Một, Sanh bất nam. danh lợi, nói pháp bất tịnh, làm nên Người từ khi sanh ra, nam căn các tà hạnh. Đó là vi chân phi khí. không đủ. Đó gọi là sanh bất nam. Ba, Quai thật phi khí. Hai, Kiền bất nam. Có chúng sanh trái ngược với Kiền là người dùng dao chặt đạo chân thật, hầu như không có đứt nam căn. Đó gọi là kiền bất chánh kiến, chỉ lựa lời, chọn ngữ, nam. theo tiếng tìm nghĩa, vượt tình Ba, Đố bất nam. huống đến lý cao siêu, không vào Nam căn dống như không có, được trong tâm. Đó là quai thật phi thấy người khác hành dâm, sanh khí. tâm ghen ghét, (đôi lúc) lại có căn. Bốn, Hiệp liệt phi khí. Đó gọi là đố bất nam. Bốn, Biến bất nam.

Nam căn có thể biến đổi. Gặp (Đế thích, tiếng Phạn là Thích đề người nam thì biến thành nữ căn, hoàn nhân, tiếng Hoa là Năng thiên gặp người nữ thì biến thành nam chúa, tức là chủ ở cõi trời Đao lợi). căn. Đó gọi là biến bất nam. Ba, Bất đắc tác ma vương. Năm, Bán bất nam. Tu nhân của Ma vương là đầy Nửa tháng là người nam, nửa đủ mười điều thiện, tôn kính Tam tháng không là người nam. Đó gọi bảo, hiểu thảo cha mẹ, quả báo là bán bất nam. sanh ở cõi dục thuộc trời Tha hóa tự tại, mà làm ma vương. Nếu NỮ HỮU NGŨ CHƯỚNG người nữ khinh khi, ngạo mạn, (Pháp hoa kinh) ghen ghét, không theo hạnh chân chánh, thì không được làm Ma Trong kinh Pháp hoa nói rằng vương. Ngài Xá lợi Phất không biết Long (Ma vương là vua của trời tha nữ có căn khí Đại thừa, kiếp tu tập hóa tự tại) nhân Viên giáo mà được thành Bốn, Bất đắc tác chuyển luân Phật, nhưng vẫn cho là có cùng quả thánh vương. báo chướng ngại của phái nữ, nên Tu nhân của chuyển luân thánh mới nói năm thứ chướng của phái vương là thập thiện nghiệp đạo, nữ. Nói năm thứ chướng là muốn thương yêu mọi loài, quả báo làm để cho phái nữ biết mà phát tâm Bồ luân vương. Nếu người nữ không đề, tu hành theo hạnh Đại thừa, có tâm từ mẫn, không có tịnh hạnh, sớm cầu giải thoát phái tính của thì không được làm chuyển luân mình. thánh vương. Một, Bất đắc tác phạm thiên Năm, Bất đắc tác Phật. vương. Như lai tu tập Bồ tát đạo, Từ trong nhân, Phạm thiên tu thương nhớ tất cả chúng sanh, tâm tập giữ gìn thiện giới nên được quả không vướng mắc, đến khi thành báo tốt đẹp là làm thiên vương. Phật. Nếu người nữ nghiệp của Nếu người nữ thân thể đắm chìm thân, miệng, ý bị bó buộc bởi dục trong ham muốn, thì không thể làm tình, thì không được làm Phật. Phạm thiên vương. Hai, Bất đắc tác đế thích. KẾT THAI NGŨ VỊ Đế thích dũng mãnh, ít ham (Tích huyền ký) muốn, tu tập, giữ gìn thiện giới, được quả báo làm Thiên chúa. Nếu Một, Yết la lam. người nữ nhiều ác và ham muốn Tiếng Phạn là Yết la lam, tiếng cũng nhiều, thì không thể làm Đế Hoa là tạp uế, là người ở trong thai thích. được bảy ngày đầu, chất vừa hòa hợp của tinh cha huyết mẹ, hình

dạng dống như sữa đặc. Đó gọi là (nội tài tức là thân mạng, ngoại yết la lam. tài tức tiền của vật chất) Hai, Phả bộ đàm. Hai, Trì giới. Tiếng Phạn là Phả bộ đàm, Giữ gìn giới luật của Phật, thì tiếng Hoa là bào (cái mụt nhọt). có thể ngăn chặn các việc ác do Người ở trong thai được hai thân, miệng gây ra. tuần lễ, hình dạng như cái mụt Ba, Nhẫn nhục. nhọt. Đó gọi là phả bộ đàm. Nhẫn nhục là đối với cảnh trái Ba, Bế thi. ý, phật lòng, gặp phải những việc Tiếng Phạn là bế thi, tiếng Hoa gây ra buồn phiền, nhục mạ, đều có là ngưng kết. thể chịu đựng được, tâm không oán Người ở trong thai được ba tuần trách,

ân hận. lễ, hình dạng dống như cục thịt. Đó Bốn, Tinh tấn. gọi là bế thi. Tinh tấn là tu tập các pháp lành, Bốn, Kiện nam. siêng năng không lười biếng. Tâm Tiếng Phạn là Kiện nam, tiếng luôn giữ gìn, không để buông thả. Hoa là ngưng hậu. Năm, Chỉ quán. Người ở trong thai được bốn Chỉ quán: chỉ là nhân ưu việt tuần lễ, hình dạng dần dần cứng của thiền định. Quán là nguyên do cáp. Đó gọi là kiện nam. của trí huệ. Nếu thành tựu hai pháp Năm, Bát la xa khư. này thì tự nhiên định, huệ tròn đầy Tiếng Phạn là Bát la xa khư, sáng suốt. tiếng Hoa là hình vị. Sau khi người ở trong thai được TU HÀNH NGŨ MÔN năm tuần lễ, tứ chi và các phần đầy (Khởi tín luận sớ) đủ. Đó goi là bát la xa khư. (Tứ chi là hai tay, hai chân. Các Một, Tu hành thí môn. phần là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) Thí có ba nghĩa. Nếu gặp bất cứ ai nài nĩ, van NGŨ HÀNH xin, bằng của cải có được, tùy sức (Viên giác sao) cho họ, bỏ tính keo kiệt của mình, để cho họ được vui vẻ. Đó là bố thí Ngũ hành là trong sáu độ, hợp tiền của để sống còn. định, huệ hai độ thành chỉ quán một Nếu gặp tai ách, hoạn nạn, sợ sệt, môn, nên lục độ trở thành năm độ, và nguy hiểm đến gần, tùy mình gọi là ngũ hành. giúp đở, cứu giúp, làm cho họ Một, Bố thí. không còn lo sợ. Đó là bố thí vô úy. Bố thí là đem nội tài và ngoại Nếu có chúng sanh đến cầu xin tài cho người khác mà không keo pháp Phật, tùy theo sự hiểu biết của kiệt, bằng tâm thanh tịnh của mình. mình, khéo léo giảng nói, không vì tham danh, lợi và sự cung kính, mà

chỉ vì lợi mình lợi người cùng trở thành tựu đạo nghiệp. Đó là tu hành về giác ngộ. Đó là pháp thí. Đó gọi theo pháp chỉ, quán. là tu hành theo pháp môn bố thí. (tiếng Phạn là Xa ma tha, tiếng Hai, Tu hành giới môn. Hoa là chỉ. Tiếng Phạn là Tỳ bát xá Không làm các điều ác, xa lìa na, tiếng Hoa là quán) nơi ồn ào, tu theo hạnh đầu đà, cho đến tội nhỏ cũng sanh tâm sợ sệt, BỐ THÍ LY NGŨ xấu hổ, sửa đổi hối hận, không xem CHỦNG PHÁP thường giới cấm của Phật chế ra, (Ưu bà tắc giới thường phòng hờ những lời chê bai, ngờ vực, phải ngăn chặn sai lầm. kinh) Đó là tu hành theo pháp môn trì Một, Bất tuyển hữu đức vô giới. đức. (Tiếng Phạn là Đầu đà, tiếng Bồ tát tu hạnh bố thí, bình đẳng Hoa là đẩu tẩu, tức là rũ sạch trần cứu giúp khắp cả, không chọn lựa lao). thân sơ, thương ghét. Đối với người Ba, Tu hành nhẫn môn. có đức, sinh tâm thương yêu, kính Chịu đựng được sự phiền muộn trọng. Đối với người không có đức, do người khác làm ra mà tâm khởi lòng lân mẫn. Đó gọi là không không ôm hận báo thù, cũng như chọn người có đức hay không đức. đối tám thứ lợi, suy, hủy, dự, xưng, Hai, Bất thuyết thiện ác. cơ, khổ, lạc đều nên chịu đựng. Đó Bồ tát tu hạnh bố thí, với tâm từ là tu hành theo pháp môn nhẫn bình đẳng. Đối với người lành, kẻ nhục. ác, theo sở nguyện của họ, đều Bốn, Tu hành tiến môn. được lợi ích như nhau. Đó gọi là Đối với các việc lành, tâm bất thuyết thiện, ác. không lười biếng thối lui, lập chí Ba, Bất trạch chủng tánh. vững chắc, siêng tu tất cả công đức, Bồ tát tu hạnh bố thí, không tự lợi, lợi tha, mau xa lìa các khổ. phân biệt dòng họ sang, hèn, hễ có Đó là tu hành tiến môn. nhu cầu đều cho hết thảy. Đó gọi là Năm, Tu hành chỉ quán môn. không chọn dòng họ. Chỉ là ngăn chặn tướng tất cả Bốn, Bất khinh cầu. cảnh giới tán loạn, tùy thuận theo Bồ tát tu hạnh bố thí, gặp người xa ma tha. đến xin, càng đem lòng thương Quán phân biệt tướng của nhân mến mà cung cấp những gì cần duyên sanh diệt, tùy thuận tỳ bát xá thiết để giúp đở họ. Đó gọi là bất na. khinh cầu. Với hai ý nghĩa này của chỉ và Năm, Bất

ác khẩu mạ. quán, tu tập từ từ thì sẽ xa lìa tướng Bồ tát tu hạnh bố thí, hễ người tán loạn và sanh diệt mà được nào có yêu cầu, mong mõi, thì đều được giúp đỡ, không nói lời xấu ác

làm nhục người. Đó gọi là bất ác THÍ QUẢ CẢM NGŨ khẩu mạ. BẤT TỬ

THÍ THỰC HOẠCH NGŨ (Phó pháp tạng PHƯỚC BÁO kinh) (Thí thực hoạch Kinh nói: Vào thời Phật Tỳ bà ngũ phước báo kinh) thi, có một tỳ kheo mắc bệnh nhức đầu, tôn giả Bạc câu la đem một Một, Thí mạng. quả ha lê lặc, cho vị tỳ kheo ấy ăn, Người bảy ngày không ăn thì thì bệnh liền hết. chết, nếu đem thức ăn cho họ, thì Vì bố thí quả ấy mà 91 kiếp dù đó là cứu sự sống của họ. Người ở cõi trời hay cõi người hưởng cứu sự sống ấy, đời đời được quả được an lạc và không hề bệnh báo sống lâu, giàu có vô lượng. hoạn, cuối cùng sanh vào nhà bà la Hai, Thí sắc. môn. Mẹ của Ngài mất sớm, cha Người không được ăn, nhan sắc cưới vợ sau, ghét bỏ hành hạ Câu tiêu tụy. Nếu đem thức ăn cho họ, La, năm lần hãm hại và đều được thì đó là cứu lấy nhan sắc của họ. an toàn, đến lúc lớn lên, xuất gia Người làm được việc ấy, đời đời học đạo, chứng được quả A la hán. được quả báo đoan trang, ai nhìn (Tiếng Phạn là Tỳ bà thi, tiếng thấy đều vui tươi. Hoa là Thắng quán. Tiếng Phạn là Ba, Thí lực. Bạc câu la, tiếng Hoa là Thiện Người không được ăn, thì thân dung. Tiếng Phạn là Ha lê lặc, tiếng gầy sức yếu. Nếu đem thức ăn cho Hoa là thiên chúa trì lai). họ, thì đó là giúp sức khỏe cho họ. Một, Trí ngao bất tử. Người làm việc ấy, đời đời được Ngài Bạt câu la lúc còn nhỏ, mẹ quả báo sức khỏe đầy đủ. sau làm bánh, theo bà đòi ăn, vì Bốn, Thí an. lòng ghét bỏ, bà bồng Ngài đặt lên Người không được ăn, lòng nắp lò sấy bánh. Tuy lò sấy hơi lửa buồn, thân không an ổn. Nếu có nóng bức, nhưng không đốt cháy người đem thức ăn đến cho, đó là Ngài được. cho người ta sự an lạc. Người cho Hai, Phũ chử bất tử. sự an lạc ấy, thì được quả báo đời Mẹ sau của Ngài Bạt câu la đời an ổn, không gặp hoạn nạn. đang hầm thịt, Ngài theo đòi ăn, bà Năm, Thí biện. quá nóng giận, ẩm Ngài bỏ vào Người không được ăn, nói khó trong cái chõ. Trong chõ tuy cực khăn. Nếu lấy thức ăn đem cho, tức nóng, Ngài cũng không chết. là đã giúp cho họ nói năng được. Ba, Thủy nịch bất tử. Người làm việc này, thì được quả Mẹ sau của Ngài Bạt câu la đi báo nói năng thông tuệ, ai nghe đến ra sông, Ngài chạy theo sau, bà quá cũng đều vui vẻ. hiểm ác, quăng Ngài xuống sông,

tuy nước rất sâu, nhưng Ngài làm việc ấy, thì gọi là không phạm không chết chìm. vào giới tà dâm. Bốn, Ngư thôn bất tử. Bốn, Bất vọng ngữ giới. Ngài Bạt câu la vì bị ném Người nếu nói lời hư dối, che xuống sông sâu, nên con cá lớn đã đậy sự thật, làm mê hoặc người nuốt Ngài vào bụng, nhưng không nghe, khi chết đọa vào đường ác, tổn hại được Ngài. nếu sanh làm người, hơi thở hôi Năm, Đao cát bất tử. thúi, không ai ưa, nếu không làm Ngài Bạt câu la bị cá nuốt vào như thế, gọi là không phạm vào bụng, con cá bị bắt đem bán ở chợ giới vọng ngữ. và cha Ngài mua cá đem về, mỗ Năm, Bất ẩm tửu giới. bụng cá ra, Ngài còn sống; hỏi cha: Người nếu uống rượu, thì con đang ở đâu? Không để cho con phóng túng cuồng bạo, tối tăm si lo lắng, cha Ngài bồng Ngài ra khỏi mê, không có trí huệ. Nếu không bụng con cá, mà không chút tổn uống rượu, thì gọi không phạm vào thương. giới uống rượu.

NGŨ GIỚI NGŨ GIỚI PHỐI NGŨ THƯỜNG NGŨ HÀNH (Tăng nhất A hàm kinh) (Nhân vương Một, Bất sát giới. Nếu đối với sự sống của chúng kinh sớ) sanh khác, giết hại bừa bãi, cướp Một, Bất sát phối nhân. mất mạng sống của nó, khi chết đọa Thương yêu sự sống gọi là nhân vào đường ác, nếu sanh làm người, (từ), là hành mộc của ngũ hành thì tuổi thọ rất ngắn. Nếu không cũng chủ yếu từ nhân. làm việc ấy thì gọi là không phạm Nhân từ thì không giết hại, nên vào giới sát. không giết hại đi đôi với nhân (từ) Hai, Bất thâu đạo giới. Hai, Bất đạo phối trí. Đối với vật có chủ, người ta Phân biệt chánh, tà rõ ràng gọi không cho mà lén lấy, khi chết đọa là trí, là hành thủy của ngũ hành vào đường ác. Nếu sanh làm người cũng chủ yếu từ trí. cũng chịu quả báo nghèo khổ, nếu Trí thì không đạo (trộm cắp), không làm việc ấy, thì gọi là không nên không trộm cắp thì đi đôi với phạm vào giới trộm cắp. trí. Ba, Bất tà dâm giới. Ba, Bất tà dâm phối nghĩa. Người nếu dâm dật vô độ, thích Làm việc gì thích đáng, gọi là xâm phạm vợ của người khác, khi nghĩa, là hành kim của ngũ hành chết đọa vào đường ác, nếu sanh cũng chủ yếu từ nghĩa. làm người thì vợ mình cũng không Nghĩa thì không tà dâm, nên đoan chánh, trinh tiết, nếu không không tà dâm đi đôi với nghĩa.

Bốn, Bất vọng ngữ phối tín. Bồ tát dùng trí lực bình đẳng Chân thật, không dã dối gọi là thanh tịnh đối với các pháp thế tín, là hành hỏa của ngũ hành, cũng gian, nên tất cả phiền não đều chủ yếu từ tín. không vướng nhiễm. Tín thì không nói dối, nên không nói dối đi đôi với tín. TU NHẪN NGŨ TƯỚNG Năm, Bất ẩm tửu phối lễ. (Bồ tát thiện giới Đối xử nhau có nguyên tắc gọi kinh) là lễ, là hành hỏa của ngũ hành, cũng chủ yếu từ lễ. Nhẫn tức chấp nhận, chịu đựng Lễ thì ngăn ngừa lỗi lầm, nên một cách bình an. Bồ tát vì hóa độ không uống rượu đi đôi với lễ. tất cả chúng sanh, mà chúng sanh thì dùng vô số việc ác làm khó NHẪN NHỤC NGŨ CHỦNG khăn ta, nhưng ta không nóng giận, CÔNG ĐỨC nên có năm thứ tướng. Một, Chúng sanh tướng. (Pháp tập kinh) Bồ tát nếu bị người khác đánh Một, Năng nhẫn sở đã. đập, mắng chưởi, liền quán nhiều Bồ tát dùng trí lực bình đẳng đời trước trôi lăn trong sanh tử, thì giống như tiếng vang, tuy bị người tất cả chúng sanh đều là cha, mẹ, khác đánh đập mà có thể nhịn chịu, thầy tổ, anh em, nên kiếp này phải không đáp trả lại. cung kính. Quán như thế thì tướng Hai, Năng nhẫn sở não. oán giận, ghét bỏ tiêu mất và tướng Bồ tát dùng trí lực bình đẳng thân yêu, bè bạn liền sanh ra. như cảnh tượng hiện vào trong tấm Hai, Pháp tướng. gương sáng, tuy bị người khác làm Khi Bồ tát tu từ bi và nhẫn buồn bực mà có thể nhận chịu, nhục, quán sát thật kỹ tất cả pháp không đáp trả lại. thế gian, đều là lý chân không của Ba, Năng nhẫn sở sân. pháp giới, nên không giữ, không Bồ tát dùng trí lực bình đẳng bỏ, không giận, không mừng, chỉ là như ảo, tuy bị người khác nóng một tướng bình đẳng. Vì quán sát giận trách mắng mà có thể nhận như vậy, tướng chúng sanh không chịu, không đáp trả lại. còn và thành tựu được pháp tướng. Bốn, Bát phong bất động. Ba, Vô thường tướng. Bát phong là lợi, suy, hủy, dự, Khi Bồ tát tu từ bi và nhẫn xứng, cơ, khổ, lạc. nhục, suy nghĩ rằng tất cả chúng Bồ tát dùng trí lực bình đẳng sanh và vạn vật đều vô thường, thì thanh tịnh, nên tám gió của thế gian ai mắng chưởi ta? Ai nhận lãnh sự thổi mà không động. giáo hóa của ta? Bản chất của ngôn Năm, Phiền não bất nhiễm. ngũ là không, không dừng lại trong một sát na. Vì quán sát như vậy, mà

phá tan được tướng thường còn, Hai, Đa tài. thành tựu tâm nhẫn. Đời trước khi nói pháp, ngôn (Tiếng Phạn là Sát na, tiếng ngữ đầu, giữa, cuối, dạy người bố Hoa là nhất niệm) thí. Nếu có người trộm cắp nghe Bốn, Khổ tướng. pháp không còn trộm cắp mà còn Khi Bồ tát tu từ bi và nhẫn bố thí. Vì lý do đó, đời này được nhục, quán sát chúng sanh đều bị nhiều tiền của, phước đức. khổ sanh tử, nếu gặp phải những Ba, Đoan chánh vô tỉ. nhục nhã do họ gây ra, không nên Đời trước khi nói pháp, ngôn sân hận mà phải cứu vớt cái khổ ngữ đầu, giữa và cuối đều theo của những chúng sanh ấy. Nếu ta đúng chánh pháp, khiến cho người sân hận khổ ấy càng tăng, do hay tu nghe được an vui, hòa hợp, nhan nhẫn, dứt các khổ não, thành đạo sắc vui tươi, nước da hồng hào, vô thượng. Đó là tướng khổ. sáng bóng. Vì lý do đó, đời này đẹp Năm, Vô ngã ngã sở tướng. đẽ, phước đức, không ai sánh bằng. Ngã có nghĩa là chủ tể, tức là Bốn, Danh dự viễn văn. cái giả danh mà chúng sanh đang bị Đời trước, khi nói pháp, ngôn trói vào. ngữ đầu, giữa, cuối, đem việc tốt Ngã sở tức là thân năm ấm. lành đến cho người, khiến cho Bồ tát dùng trí huệ quán sát bốn người nghe pháp trở về tôn kính đại vốn không, năm ấm chẳng thật Tam bảo, mỗi lúc một đông. Đó là có, thì ngã và ngã sở đều không thể lý do danh dự, phước đức vang xa. có được. Đó là tướng không có ngã Năm, Thông minh đại trí. và ngã sở. Đời trước, khi nói pháp, ngôn ngữ đầu, giữa, cuối giảng giải kỹ THUYẾT PHÁP NGŨ lưỡng, khiến cho người nghe, trí PHƯỚC ĐỨC huệ nhiệm mầu, thông hiểu. Đó là (Hiền giả ngũ lý do đời này thông minh, phước đức. phước đức kinh) Một, Trường thọ. BỒ TÁT THÍNH PHÁP NGŨ Đời trước khi nói pháp, ngôn CHỦNG TƯỞNG ngữ ở đầu, ở giữa, ở cuối, tất cả đều (Du già sư tốt lành. Nếu có người hiếu sát, vì được nghe pháp, mà có thể ngừng địa luận) giết hại. Đó là lý do đời này được Một, Tác bảo tưởng. phước đức và sống lâu. Bồ tát nghe pháp, nên nhớ rằng (Ngôn ngữ đầu, giữa và sau là chánh pháp là tôn quý, ít có và khó trong một kinh Phật gồm có ba gặp. Đó là tác bảo tưởng. phần: Phần tựa, phần chánh tông và Hai, Tác nhãn tưởng. phần lưu thông)

Bồ tát nghe pháp, nên nhớ rằng Một, Ư hoại giới bất tác dị ý. pháp này dống như con mắt mở ra Khi nghe pháp, một lòng tín để ta thoát khỏi tối tăm, khiến cho thọ, không được móng tâm rằng trí huệ được sanh. Đó là tác nhãn pháp sư này phá giới, không giữ oai tưởng. nghi, ta nay không nghe lời nói Ba, Tác minh tưởng. pháp của ông. Đó là đối với người Bồ tát nghe pháp, nên nhớ rằng phạm giới nói pháp, không nên chánh pháp như ánh sáng mặt trời, sanh tâm dị nghị. chiếu soi tất cả. Đó là tác minh Hai, Ư hoại tộc bất tác dị ý. tưởng. Khi nghe pháp, phải một lòng tín Bốn, Tác đại quả thắng công thọ, không được móng tâm rằng đức tưởng. pháp sư này thuộc chủng tộc thấp Bồ tát nghe pháp, nên nhớ rằng kém, ta nay không nghe lời nói pháp này, khiến ta vào được Niết pháp của ông. Đó là đối với người bàn và quả công đức đại Bồ đề thù chủng tộc thấp kém nói pháp, thắng. Đó là tác đại quả thắng công không nên sanh tâm dị nghị. đức tưởng. Ba, Ư hoại sắc bất tác dị nghị. Năm, Tác vô tội đại thích duyệt Khi nghe pháp, phải một lòng tưởng. tín thọ, không được móng tâm rằng Bồ tát nghe pháp, nên nhớ rằng pháp sư này dung mạo xấu xí, ta trong pháp hiện tại, tuy chưa chứng nay không nghe lời nói pháp của được Niết bàn và đại Bồ đề, nhưng ông. Đó là đối với người hình dạng phải đúng như pháp tu hành chỉ xấu xí nói pháp, không nên sanh quán, xa lìa các

tội lỗi dơ dáy, được tâm dị nghị. niềm vui lớn. Đó là tác vô tội đại Bốn, Ư hoại văn bất tác dị ý. thích duyệt tưởng. Khi nghe pháp, phải một lòng (Chỉ quán: chỉ tức là ngăn ngừa tín thọ, không được móng tâm rằng rối loạn. Quán tức là soi rọi sự tối pháp sư này ngôn từ không văn tăm) hoa, ta nay không nghe lời nói pháp của ông ta. Đó là đối với người THÍNH PHÁP NGŨ ngôn từ không văn hoa nói pháp, CHỦNG BẤT TÁC DỊ Ý không nên sanh tâm dị nghị. (Du già sư Năm, Ư hoại mỹ bất tác dị ý. Khi nghe pháp, phải một lòng địa luận) tín thọ, không được móng tâm rằng Luận nói: Bồ tát, khi muốn những lời pháp sư này nói chứa hướng dẫn bạn lành nghe pháp, đối nhiều sự nóng nảy, không dùng với pháp sư có năm trường hợp, ngôn từ hoa mỹ để nói pháp, ta nay không nên sanh tâm dị nghị, mà không nghe lời nói pháp của ông. phải bằng tâm thuần tịnh, tai Đó là đối với người không dùng chuyên chú nghe.

ngôn từ hoa mỹ nói pháp, không kế tục tư tưởng xấu vận hành, niệm nên sanh tâm dị nghị. niệm liên tục, trước sao sau vậy. Đó gọi là đẳng lưu tâm. NGŨ TÂM TRỊ NGŨ CHỦNG (Tông cảnh lục) NHIỄM Một, Suất nhĩ tâm. (Hoa nghiêm kinh Suất nhĩ dống như thốt nhiên (thình lình). sớ) một niệm trong tâm của người, Một, Trì giới trị phá giới vừa mới tiếp xúc với cảnh, bổng nhiễm. nổi lên một cách tự nhiên, chưa Người tu hạnh Bồ tát, hay giữ phân biệt tốt, xấu. Đó gọi là tâm gìn các giới luật để thân, tâm được suất nhĩ (tâm ban đầu vừa tiếp xúc thanh tịnh, chế phục các lỗi lầm, sai với cảnh) trái, thì xa lánh tất cả ô nhiễm do Hai, Tầm cầu tâm. phá giới mà ra. một niệm trong tâm của người Hai, Nhập thiền trị tham dục đã tiếp xúc với cảnh một cách rõ nhiễm. ràng, thì liền tìm cầu, nên sanh ra Người tu hạnh Bồ tát thì tu tập phân biệt. Đó gọi là tâm tìm cầu. thiền định, tâm được an ổn trước Ba, Quyết định tâm. mọi hoàn cảnh, vắng lặng, thảnh một niệm trong tâm của người, thơi, nên xa lánh được tất cả ô đã duyên với cảnh và đã phân biệt, nhiễm từ tham dục mà ra. thì biết chọn lựa tốt xấu đưa đến Ba, Thần thông trị tà quy y quyết định không sai. Đó gọi là tâm nhiễm. quyết định. Diệu dụng không thể lường Bốn, Nhiễm tịnh tâm. được gọi là thần. một niệm trong tâm của người, Tự trị vô ngại gọi là thông. đối với các pháp đã biết tường tận Nếu có chúng sinh quy y tà sư, là tốt là xấu, thì nhiễm và tịnh tự tà hạnh thì Bồ tát hay dung thần nhiên có phân chia rõ ràng. Đó gọi thông hướng dẫn, dạy bảo khiến là nhiễm, tịnh tâm. cho họ bỏ tà, trở về chánh, thì Năm, Đẳng lưu tâm. không còn ô nhiễm do nương tựa tà Đẳng là bình đẳng. Lưu là cùng vọng. loại Bốn, Tứ vô lượng trị vọng hành một niệm trong tâm của người công đức nhiễm. đối với các pháp tốt, xấu, nhiễm, Tức vô lượng tức là tâm từ, bi, tịnh đã phân chia rạch ròi, thì từng hỷ, xả. loại tâm ấy liên tục không dứt. Đối Vọng hành là làm việc không với pháp lành thì kế tục tư tưởng chánh đáng. lành vận hành, đối với pháp xấu thì

Công đức là những mong cầu danh hiệu, công đức và trí tướng được may mắn không chính đáng. quang minh của Phật A di đà. Tu Nếu chúng sanh bị mê hoặc cầu tập đúng như thế, mong muốn sanh khẩn phước báo, sai lầm tu tập về nước của Ngài. Đó gọi là tán công đức, thì Bồ tát hay dùng bốn thán môn. tâm vô lượng thu nhiếp dạy dỗ, Ba, Tác nguyện môn. khiến chúng nương vào chánh Người tu tịnh độ, ý nghiệp pháp, tu tập các nghiệp lành, thì thanh tịnh, phát thệ nguyện lớn, tu không còn đắm nhiễm làm những tập xa ma tha đúng như thế, mong việc sai lầm để cầu mong công đức. muốn

sanh về nước của Ngài (Phật Năm, Tứ vô sắc định trị vọng A di đà). Đó gọi là tác nguyện môn. tu giải thoát nhiễm. (Xa ma tha là tiếng Phạn, tiếng Hoa Tứ vô sắc định là trong cõi vô là Chỉ. Chỉ nghĩa là chặn đứng tâm sắc có không xứ định, thức xứ định, tán loạn) vô sở hữu xứ định, phi phi tưởng Bốn, Quán sát môn. xứ định. Người tu tịnh độ dùng phương Nếu các ngoại đạo dùng tâm pháp quán sát có ba thứ: hữu lậu, tu tập tà định sai lầm, để 1) Quán sát cõi nước của mong được giải thoát, thì Bồ tát Phật A di đà công đức trang hay dùng tứ vô sắc định này thu nghiêm. nhiếp và dạy dỗ, khiến họ nương 2) Quán sát Phật A di đà vào chánh pháp, tu chứng giải công đức trang nghiệm. thóat, thì không còn đắm nhiễm do 3)Quán sát các vị Bồ tát ở tu tập sai lầm mà mong cầu giải cõi nước của Phật A di đà công đức thóat. trang nghiêm. Tu tập tì bà xá na đúng như thế, mong muốn sanh về TU TỊNH ĐỘ NGŨ NIỆM nước của Ngài. Đó là quán sát môn. MÔN (Tiếng Phạn là tì bà xá na, tiếng (Vô lượng thọ Hoa là quán. Quán là phá trừ tâm tối tăm). kinh luận) Năm, Hồi hướng môn. Một, Lễ bái môn. Người tu tịnh độ, quán sát tất cả Người tu tịnh độ, thân nghiệp khổ não của chúng sanh ở thế gian, thanh tịnh, hướng mặt về Phật A Di mong cầu chúng cùng sanh về cõi Đà, siêng năng, cung kính hết mực Cực Lạc của Phật A di đà. Tất cả mà lễ bái; mong muốn sanh về công đức, căn lành của mình, đem nước của Ngài. Đó gọi là lễ bái hồi hướng cho tất cả chúng sanh, môn. cùng chứng quả vô thượng giác. Đó Hai, Tán thán môn. gọi là hồi hướng môn. Người tu tịnh độ, khẩu nghiệp thanh tịnh, khen ngợi, tán thán

NGŨ CHỦNG SÁM HỐI nước càng tăng thêm phước lành, luôn hưởng an lạc, vinh hoa. Đó là (Tiểu Di đà sám) sám hối. Kinh Phổ hiền nói: Nếu quốc (Tứ thiên vương là Phía vương, đại thần muốn sám hối, thì đông:Trì quốc thiên vương; phí phải tu tập năm việc, ấy là sám hối. Nam: Tăng trưởng thiên vương; Một, Bất tất lễ bái ưng thường phía Tây: Quảng mục thiên vương; ức niệm đệ nhất nghĩa không. phía Bắc: Đa văn thiên vương). Không nên câu nệ vào việc lễ Năm, Thâm tín nhân quả tri bái, tụng niệm chỉ phải giữ tâm ghi Phật bất diệt . nhớ chánh lý, không chê bai Tam Cái gì do mình làm là nhân; kết bảo, đối với người tu phạm hạnh quả của nhân là quả. không nên đối xử xấu, chuốc lấy tai Nếu tin nhân quả không hư dối, nạn. Đó là sám hối. thì không lỗi lầm tạo ác. Nếu biết Hai, Hiếu dưỡng phụ mẫu, pháp thân thường còn, thì không có cung kính sư trưởng. kiến chấp đoạn diệt (chết rồi hết). Kinh Phạm võng nói: Hiếu gọi Đó là sám hối. là giới, cũng gọi là ngăn cấm. Đã hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính giáo SÁM HỐI NGŨ PHÁP thọ sư, thì không có tội ngỗ nghịch. (Viên giác lược sớ Đó là sám hối. sao) Ba, Chánh pháp trị quốc bất tà uổng nhân dân. Tiếng Phạn là sám, gọi đủ là Dùng đạo chánh thuận để cai sám ma; tiếng Hoa là hối quá. Nay trị, an ổn, quốc gia và thường dạy gọi là sám hối là Phạn, Hoa gọi bảo nhân dân kính tín Tam bảo, giữ chung. gìn ngũ giới, không dùng tà pháp Tỳ kheo có tội phải mời vị Tỳ bắt ép nhân dân theo ý mình. Đó là kheo lớn làm chứng, có đầy đủ năm sám hối. pháp này mới thi hành sám hối. Bốn, Ư lục trai nhật sắc chư (Tỳ kheo lớn tức là thượng tọa). cảnh một linh hành bất sát. Một, đản hữu kiên. Lục trai nhật là sáu ngày ăn Lúc thực hành sám hối, phải chay trong mỗi tháng: Mùng tám, mặc áo cà sa và trịch vai áo bên mộtbốn, rằm, haiba, haichín, ba0. phải để tiện việc hầu hạ và làm việc Dùng sáu ngày này, Tứ Thiên khi có lệnh. Vương sai sứ giả tuần sát trong thế Hai, Hữu tất trước địa. gian, nếu gặp người

dân tu tập việc Lúc thực hành sám hối, gối bên lành, thì ban lộc và tăng thêm tuổi phải phải qùy xuống đất, để biểu lộ thọ cho họ; gặp người dân làm việc lòng chân thành, khẩn thiết. bất thiện, thì liền giáng tai họa Ba, Chấp tay. xuống họ; Nếu hay ra lệnh trong

Lúc thực hành sám hối, phải Sám là tu sửa những nghiệp sắp chắp tay trước ngực để biểu lộ sự đến. chí tâm của mình. Hối là sửa đổi những việc đã Bốn, Lễ túc. qua. Lúc thực hành sám hối, phải Tu quả lành ở tương lai thì sửa đảnh lễ dưới chân vị đại Tỳ kheo, đổi nhân ác ở quá khứ. Đó là sám để biểu hiện lòng chí kính của hối. mình. Hai, Khuyến thỉnh. Năm, Thuyết tội danh. Khuyến thỉnh có hai: Lúc thực hành sám hối, tự mình 1) Mười phương thế giới có phải nói đã phạm tội gì, hoặc là tội Phật sắp vào Niết bàn thì cầu thỉnh tăng tàn, hoặc là tội dật đề, đến ở lại cõi đời để đem lại lợi ích cho trước chúng phát lồ sám hối, không chúng sanh. được che dấu. 2) Mười phương thế giới có (Tăng tàn tội là như người bị Phật vừa thành chánh giác, cầu xin chém mà cuống họng vẫn còn, nên chuyển pháp luân, độ các chúng gọi là tàn. sanh. Tuy không diện kiến chư Nếu phạm tội này, thì theo pháp phật, nhưng thành tâm cầu xin, của chư tăng, trừ bỏ đi. bằng lòng thành cung kính hướng Tiếng Phạn là ba dật đề, tiếng về. Đó là khuyến thỉnh. Hoa là đọa, nghĩa là chết đọa vào Ba, Tùy hỷ. địa ngục). Tán đồng người khác tu tập nhân lành, hoan hỷ người khác đạt NGŨ HỐI kết quả tốt. Đó là tùy hỷ. (Thiên thai tứ giáo nghi). Bốn, Hồi hướng. ba tu nghiệp trên tu tập được tất Có năm loại đều gọi là hối, vì cả việc lành, cho đến sám hối, chúng đều có thể tiêu diệt tội, tức là khuyến thỉnh, tùy hỷ, vô vàn công diệt nghiệp của thân, miệng, ý. đức hồi hướng cho tất cả chúng Khuyến thỉnh thì diệt được tội sanh trong pháp giới. Đó là hồi của ba tuần thỉnh Phật nhập diệt. hướng. Tùy hỉ thì diệt được tội ghen Năm, Phát nguyện. ghét người khác tu tập việc lành. Phát thệ nguyện cốt là chế phục Hồi hướng thì diệt được tâm tâm mình. Hễ đã có tu hành thì phải cầu sanh trong ba cõi. có kỳ hạn chứng đạo quả. Nếu Phát nguyện thì diệt được lỗi tu không có tâm mong mỏi, e sẽ đưa hành thối chí. đến thối thất. Đó là lý do nói rằng (ba tuần là tiếng Phạn, tiếng nếu không phát tâm, thì việc gì Hoa là ác). cũng chẳng thành. Cho nên chư Một, Sám hối. Phật và Bồ tát, chẳng có vị nào

không phát tâm mà thành chánh Kinh nói: Phật ở nước Câu xá giác. Đó là phát nguyện. lê, mùa an cư sắp hết, ông Nan đề đã lâu không gặp Phật, xin đến LỄ BÁI NGŨ CÔNG chiêm bái. ĐỨC Phật bảo Nan đề rằng: Nếu ông (Tăng nhất A hàm gặp tôi, hay không gặp tôi, cũng phải luôn tu tập năm nội pháp. năm kinh) pháp này còn gọi là năm sự việc, vì Một, Đoan chánh. chúng đều từ tâm mà có. Vì thấy tướng tốt của Phật, phát Một, Xả bất tính ý. tâm vui vẻ mà ao ước sanh lòng Đệ tử của Phật, đối với các kính mến. Nhờ nhân duyên này, đời pháp của Như lai, luôn giữ chánh sau có được tướng mạo đoan tín, thì vô lượng pháp môn, đều có chánh. thể nhờ đây mà hiểu được. Đó là lý Hai, Hảo thinh. do vì sao gọi tín là nguồn của đạo, Vì đã thấy được tướng tốt của là mẹ sanh ra công đức. Phật, ba lần niệm hiệu của Phật: Nếu không có tâm chánh tín đối Nam mô Như lai. Nhờ nhân duyên với pháp Phật, ắt phải trừ bỏ đi. Đó này, đời sau có được âm thinh tốt. là xả bất tín ý. Ba, Đa tài nhiêu bảo. Hai, Xả bất tịnh hạnh. Ở chỗ của Phật, thực hành bố Đệ tử của Phật, phải giữ gìn thí lớn, rưới hoa, đốt đèn cúng giới

pháp của Như lai, luôn làm dường Phật. Nhờ nhân duyên này, cho ba nghiệp thanh tịnh, thì tất cả đời sau có được tiền của quí báu rất phiền não không thể làm cho ô uế. nhiều. Nếu có hạnh bất tịnh, ắt phải Bốn, Sinh trưởng giả gia. trừ bỏ đi. Đó là xả bất tịnh hạnh. Nếu thấy tướng tốt của Phật, Ba, Xả xan tham tâm. tâm không đắm nhiễm, chấp tay qùi Đệ tử của Phật, phải dùng tiền gối, chí tâm lễ Phật. Nhờ nhân của và giáo pháp cho khắp mọi duyên này, đời sau sanh vào nhà người. Vì tiền của thì nuôi sống trưởng giả, con người; giáo pháp nuôi huệ Năm, Thân hoại mạng chung mạng con người. sanh thiện xứ thiên thượng. Đối với hai việc này, luôn ưa Do cung kính, lễ Phật mà có thích thực tập, thì đem đến lợi ích được công đức, đời sau sanh vào cho tất cả. chỗ tốt và ở trên trời. Nếu có tâm tham lam, bỏn sẻn, ắt phải trừ bỏ đi. Đó là xả xan tham NỘI NGŨ PHÁP tâm (Nan đề thích kinh) Bốn, Xả ngu si tâm. Đệ tử của Phật, phải dùng trí huệ, chiếu soi các pháp, thông đạt

vô ngại, không bị hoặc nghiệp che Người tu thiền, ở trong thiền lấp. định vắng lặng, bỗng nhiên thấy Nếu có tâm ngu si, ắt phải trừ người nam, người nữ chết, thân thể bỏ đi. Đó là xả ngu si tâm. của họ hư hoại, rệu rã, xương phơi Năm, Mạc nhạo đa văn. rải rác. Tâm của họ buồn, vui lẫn Đệ tử của Phật thường phải gần lộn và chán ghét sự yêu thương. Đó gũi bạn lành. Đối với các giáo pháp là bất tịnh quán thiện căn phát trọng yếu, học rộng nghe nhiều, tướng. nghiên cứu ý nghĩa thật rõ ràng. Ba, Từ tâm thiện căn phát Nếu xa lìa tri thức, thì học hành tướng. và hiểu biết chẳng có bao nhiêu, lấy Người tu thiền, ở trong định, gì mở mang, hiểu biết và đối với bỗng nhiên phát tâm thương nhớ các hạnh không thể tiến tu. Đó là chúng sanh. Hoặc là người thân, mạc nhạo bất văn. hoặc là kẻ oán, cho đến chúng sanh trong năm đường đều được an vui, NGŨ CHỦNG THIỆN CĂN thì thiền định càng thâm sâu, vui PHÁT TƯỚNG vẻ, thanh tịnh; không thể lấy gì làm (Tu tập chỉ quán ví dụ cho được. Đó là từ tâm thiện căn phát tướng. tọa thiền pháp yếu). Bốn, Nhân duyên quán thiện Một, Đạo thiện căn phát tướng. căn phát tướng. Người tu thiền, do trước tiên Người tu thiền, ở trong định, đếm hơi thở rồi tiếp tu chỉ quán, bỗng nhiên, thấu rõ được sự phát nên thân, tâm hòa hợp thích ứng sanh của tâm, tìm ra trong ba đời, với nhau, vọng niệm đều dừng. các nhân duyên như vô minh, hành, Nhờ đó, tự biết mình từ từ đi vào thức …, không thấy có tướng nhân, định, tan loãng vào cõi vắng lặng có tướng ngã, thì xa lìa được chấp mênh mông. Có thể trải qua một đoạn, chấp thường, phá hết các tà ngày, hai ngày, cho đến một tháng, kiến, chứng được định an ổn, khai hai tháng, không thối lui, không mở ra được hiểu biết và trí huệ đối mất(tán loạn), thì ở trong định, với vạn pháp. Tâm sanh pháp hỷ; bỗng nhận ra thân tâm vận động và Đó là nhân duyên quán thiện căn phát ra những cảm xúc đau, ngứa, phát tướng lạnh, nóng. Lúc các cảm xúc ấy Năm, Niệm phật thiện căn phát phát ra, thân tâm an định, vui vẻ và tướng. thanh tịnh; không thể lấy gì làm ví Nhớ nghĩ tướng hảo, công đức dụ cho được. Đó là tức đạo thiện của chư Phật và thần thông biến căn phát tướng. hóa, thuyết pháp vô ngại, đều Hai, Bất tịnh quán thiện căn không thể nghĩ bàn. Khi nghĩ nhớ phát tướng. như vậy, tâm kính yêu sanh ra, Tam muội khai mở, thân tâm khoái

lạc, thanh tịnh an ổn, không có các Chúng sanh nếu hay hiếu thuận, tướng ác. Đó là niệm Phật thiện căn cung kính nuôi dưỡng cha mẹ, thì phát tướng. bệnh khổ không

xâm hại, thân được an lạc. TỪ HỮU NGŨ LỢI Hai, Đoan chánh. (Đàn trì la kinh) Chúng sanh nếu hay hiếu thuận, cung kính nuôi dưỡng cha mẹ, thì Từ tức là tâm thương nhớ tất cả có được nhan sắc đoan trang, đẹp chúng sanh. đẽ, thân thể không có chỗ kém cõi. Một, Đao bất thương. Ba, Hữu đại oai thế. Do tâm từ thương tất cả sinh Chúng sanh nếu hay hiếu thuận, vật, không hề nghĩ đến làm hại cung kính nuôi dưỡng cha mẹ, thì người khác; thì dao mác không thể thế lực càng thêm vững mạnh, oai làm tổn thương mình được. đức càng thêm to lớn. Hai, Độc bất hại. Bốn, Sanh thượng chủng tộc. Do tâm từ khởi niệm đem lại Chúng sanh nếu hay hiếu thuận, lợi ích cho chúng sanh, vâng làm cung kính nuôi dưỡng cha mẹ, thì các điều lành, đem lợi ích cứu giúp sẽ sanh vào gia đình giàu có, quyền mọi loài, thì tất cả ác độc không thể thế, không sanh vào gia đình nghèo gây hại mình được. khổ. Ba, Hỏa bất năng thiêu. Năm, đa hữu tư sanh. Do tâm từ, trong không buồn Chúng sanh nếu hay hiếu thuận, phiền, ngoài được mát mẻ, thì lửa cung kính, nuôi dưỡng cha mẹ, thì không thể đốt cháy mình được. tiền tài, của qúi, đầy đủ, đời sống Bốn, Thủy bất năng một. vật chất dư giả, không hề thiếu Do tâm từ, trong không tham ái, thốn. xa lìa dòng chảy ham muốn, thì nước không thể nhận chìm mình CHIÊM BỆNH NGŨ được. ĐỨC Năm, Sân ác kiến hỷ. (Tứ phần luật) Do tâm từ, thường làm điều lợi lạc, khắp cứu giúp chúng sanh; vì Tăng kỳ luật nói: Có vị Tỳ kheo không có ai oán, ai thân, nên người bị bệnh lâu ngày, Phật đến thăm sân hận, độc ác gặp phải cũng sanh ông, cùng đi có Ngài A Nan. Phật tâm vui vẻ. và tôn giả A Nan tắm rửa và mặc quần áo, thuyết pháp cho vị ấy HIẾU THUẬN NGŨ nghe. THIỆN CĂN Phật hỏi rằng: ông đã từng thăm người bệnh chưa? Đáp: Chưa từng. Một, Thiểu bệnh

Phật nói: Ông đã không thăm Năm, Năng vị bệnh nhân thuyết người bệnh nào thì ai sẽ thăm ông. pháp. Phật, nhân duyên cớ này, chế Người thăm bệnh, phải nên giới: Từ nay về sau, bảo các đệ tử giảng giải chánh pháp, khiến cho của Ngài phải đến thăm các vị Tỳ người bệnh vui vẻ và riêng mình kheo bị bệnh. Nếu muốn cúng pháp lành cũng được tăng trưởng. dường ta, nên cúng dường bệnh nhân, nên nói năm đức khi thăm NGŨ ĐẠO người bệnh. (Chánh pháp niệm xứ Một, Tri bệnh nhân khả thực bất khả thực. kinh) Cung cấp cho người bệnh đồ Năm đường là trời, người, địa ăn, thức uống cần thiết; phải xem ngục, ngạ quỷ, súc sanh. cái gì có thể ăn được thì cho, cái gì Nếu nói sáu đường, thì thêm A không thể ăn thì không cho. tu la vào, ở đây không nói đến là Hai, Bất ô tiện bệnh nhân đại đường A tu la đem ghép vào trong tiểu tiện lợi thóa thổ. năm đường còn lại. Nếu đến thăm bệnh nhân, mà Một, Thiên đạo. thấy có cức đái, đờm dãi dơ uế Thiên là tối cao tối thượng, cực khạc nhổ bừa bãi, thì hết lòng thân đại cực tôn, hưởng thọ hơn tự cận, vì họ mà tắm rửa, không sanh nhiên, khoái lạc rất vừa ý, là vì đời tâm ghê gớm, xem thường. trước tu nhiều tịnh hạnh nên nhận Ba, Hữu từ mẫu tâm bất vị y được quả báo này. Đó là thiên đạo. thực. Hai, Nhân đạo. Hoặc có vị Tỳ kheo bệnh nặng, Nhân là nhẫn vậy, hay an phận Phật dạy người thường xuyên chăm nhịn chịu cảnh khổ, vui ở thế gian. sóc người bệnh và nhận ở vị ấy y Nhân còn là nhân đức, đạo lý phục, vật thực. Lúc ấy có vị chăm làm người. sóc bệnh sơ sài cũng nhận y phục, Kinh Phạm ma dụ nói: Người vật thực. lành có lòng tin trong sạch, giữ Phật nói: Không nên như thế, được lòng nhân không giết hại; biết thăm người bệnh là vì lòng từ mẫn,

đủ, không trộm cắp; trong trắng chứ không phải vì cơm, áo. không dâm dật. Bốn, Năng kinh lý thang dược Người giữ chữ tín, không nói vật đẳng. lời lừa dối người. Người trung hiếu Người bệnh nếu vui vẻ uống không ham say sưa, bởi vì được thuốc và có gì đặc biệt, phải nói trời đất sanh ra, chỉ có con người là thật với họ. Thuốc gì đáng uống thì quý. Do tu tập việc lành mà quả cho uống, thuốc gì không đáng báo có thân này. Đó là nhân đạo. uống thì không cho. Ba, Địa ngục đạo. Địa ngục ở dưới đất.

Luận Bà sa nói: dưới Thiêm bộ Kinh nói: Ví như ngọc báu ma châu, hơn 500 du thiện na, thì có ni trong vắc, chiếu ra năm sắc theo địa ngục. Địa ngục này, dung lượng các hướng khác nhau và thể của nó của nó lớn, nhỏ không giống nhau. trong sáng, hoàn toàn không có tì Tuổi thọ dài, ngắn mỗi người khác vết; dùng để ví dụ cho tánh thanh nhau, đều cho chúng sanh tạo tịnh viên giác, ở trong năm đường. nghiệp ác quá lớn, khi quả hết thì (Tiếng Phạn là Ma ni, tiếng mạng sống chết, đến đây chịu khổ. Hoa là như ý). (Tiếng Phạn Thiệm bộ châu, Một, Bạch sắc dụ Thiên. tức là Diêm phù đề, tiếng Hoa là Nhân của trời thuần thiện, nên Thắng kim châu. nghiệp cảm màu trắng, cho đến khi Tiếng Phạn là du thiện na, cũng làm trời, nên lấy sắc trắng phương gọi là do tuần, tiếng Hoa là hạn tây làm ví dụ. lượng). Hai, Hoàng sắc dụ nhân. Bốn, Ngạ quỷ đạo. Người là do kết quả của công Loại quỷ này, gầy ốm, xấu xa, đức giữ năm giới, cho đến khi làm hung ác, ai thấy đều sợ hãi. năm tàn người. Vì người không ở trong bốn tháng lụi, không ai cho ăn uống, đường khổ, không ở trong cái vui hoặc ở dưới biển, hoặc ở trong của trời, mà ở khoảng giữa trong rừng, vui ít khổ nhiều, tuổi thọ lâu sáu nẽo luân hồi; nên lấy màu vàng dài nhiều kiếp. Đây là quả báo từ của phương giữa làm ví dụ. kiếp trước bỏn xẻn, tham lam, nên Ba, Hắc sắc dụ địa ngục. mới làm thân ngạ quỷ này. Địa ngục là do hắc nghiệp Năm, Súc sanh đạo. thượng phẩm thập ác cảm thọ, cho Súc sanh cũng gọi là bàng sanh. đến khi chịu qủa báo, nên lấy sắc Luận Bà sa nói: Súc là nuôi đen phương bắc làm ví dụ dưỡng. Loài này nằm ngang, dùng (Thập ác chia ra ba phẩm bụng mà trườn, bẩm tánh ngu si, thượng, trung, hạ; nghĩa là sắp làm, không thể đứng thẳng được, được đang làm, đã làm. Trong ba thời người ta nuôi dưỡng, nên gọi là súc điểm ấy, tâm không hối hận, gọi là sanh; còn gọi là bàng sanh, vì thân thượng phẩm. Làm rồi mới hối hận, nó phải nằm ngang mà đi, không gọi là trung phẩm. Đang làm mà ngay thẳng, có khắp ở mọi nơi. hối hận, gọi là hạ phẩm.) Do ác nghiệp vào đời trước nên bị Bốn, Thanh sắc dụ ngạ quỉ. quả báo sanh vào đường này. Ngạ quỉ do trung phẩm trong thập ác cảm thọ. Thân thể thường PHƯƠNG SẮC DỤ NGŨ đói khát, xấu xí, mặt có nhiều sắc ĐẠO xanh, nên lấy sắc xanh của phương (Viên giác kinh đông làm ví dụ. Năm, Xích sắc dụ súc sanh. lược sớ sao).

Súc sanh do hạ phẩm thập ác đến trăm ngàn vạn kiếp, một ngày cảm thọ, thường bị dao, gậy mổ xẻ, một đêm chết đi sống lại hàng vạn đánh đập đau khổ, chịu quả báo lần, chịu khổ không ngừng; nên gọi trong đường súc sanh, lấy sắc đỏ ở là mạng vô gián (mạng sống chịu phương nam làm ví dụ. khổ liên tục không hở một giây trong khi chuyển kiếp) NGŨ VÔ GIÁN NGỤC Năm, Hình vô gián. (Địa tạng kinh) Địa ngục này, bề dài, bề rộng đều tám vạn do tuần. Tất cả loài năm vô gián ngục là hữu tình hữu tình, chịu khổ trong đó, một chúng sanh ở trong pháp giới, tùy người cũng đầy, nhiều người cũng theo nghiệp của chúng tạo ra, chịu đầy; nên gọi là hình vô gián.(Dù ít quả

báo đau khổ này, không bao hay nhiều tội nhân thì địa ngục vẫn giờ gián đọan. lấp đầy). Một, Thú quả vô gián. Thú tức là hướng tới. LONG NGŨ BẤT NĂNG Các loài hữu tình, không kể ẨN HÌNH nam, nữ, già, trẻ, quý, tiện đến trời, (Tăng hộ kinh) rồng, thần, qủy, tội nghiệp đã cảm thọ thì đều phải nhận lấy quả báo Kinh nói : Phật và chúng tăng ở khổ đau; nên gọi thú quả vô gián. vườn Cấp cô độc, có vua rồng dưới (Đi đến quả báo khổ đau không biển biến ra hình người, đến xin giới hạn loài nào). xuất gia. Các vị Tỳ kheo không biết Hai, Thọ khổ vô gián. người đó là rồng, liền cho xuất gia. Các loài hữu tình, đối với rừng Lúc vị Tỳ kheo rồng nhiếp tâm tọa kiếm, núi đao; vạc nước sôi, lò than thiền. Tính của rồng ngủ nhiều, nên đỏ; biển làm bằng đồng, nước chứa ngủ say luôn, không thể dấu hình bằng sắt lỏng; chịu các khổ đau ấy, tích, thân mình to chật cứng phòng không có ngưng nghỉ; nên gọi là ngủ. Vị Tỳ kheo ở chung, sau đó, thọ khổ vô gián. (Chịu đau khổ liên vào phòng, thấy con rồng quá to, tục về hình phạt) báo cho các vị Tỳ kheo. Rồng nghe Ba, Thời vô gián tiếng kêu, liền hiểu ra, trở lại hình Các loài hữu tình, đọa vào thù vị Tỳ kheo, kiết già thiền tọa. trong địa ngục này, trải qua nhiều Đại chúng tập trung, chỉ thấy vị Tỳ kiếp chịu tội, không một giây nào kheo, không thấy con rồng. Đại ngừng nghỉ; nên gọi là thời vô chúng kinh ngạc, hoài nghi, liền gián(chịu đau khổ liên tục về thời đến bạch Phật. gian). Phật nói: đây không phải là Bốn, Mạng vô gián. người mà là vua rồng; bèn kêu vị Các loài chúng sanh, đọa vào Tỳ kheo rồng đến, Phật nói pháp địa ngục này; từ khi mới vào, cho cho nghe và bảo trở về long cung.

Sau Phật không cho phép Tỳ kheo người bất thiện; người cũng không độ loài rồng xuất gia; nên Phật nói thích gặp, tiếng xấu nghe khắp xa năm thứ nhân duyên này. gần. Đó gọi là ố danh lưu bố. Một, Sanh bất năng ẩn hình. Bốn, Lâm chung sanh hối. Khi rồng vừa mới sanh ra, chỉ Người phá giới, đến lúc già giữ được hình vốn có, không thể chết, cảnh ác hiện ra trước mắt, hối hóa ra thân hình loài khác. hận không kịp. Đó gọi là lâm chung Hai, Tử bất năng ẩn hình. sanh hối. Khi rồng chết, giữ nguyên hình Năm, Tử đọa ác đạo. vốn có, không thể hóa ra thân hình Người phá giới, phạm hạnh đã loài khác. mất hẳn, hoàn toàn không có nhân Ba, Dâm bất năng ẩn hình. lành, phước hết, khổ đau đem đến, Khi rồng giao cấu, giữ nguyên liền đọa vào đường ác. Đó gọi là tử hình vốn có, không thể hóa ra thân đọa ác đạo. hình loài khác. Bốn, Sân bất năng ẩn hình. PHẠM GIỚI NGŨ SUY Khi rồng nổi nóng, giữ nguyên (Thích thị yếu lãm) hình vốn có, không thể hóa ra thân hình loài khác. Một, Cầu tài bất toại Năm, Thụy bất năng ẩn hình. Người phạm giới, đã làm trái Khi rồng ngủ say, giữ nguyên lại lời Phật răng dạy, phạm hạnh hình vốn có, không thể hóa ra thân hoàn toàn thiếu sót; cầu mong tiền hình loài khác. của, đều không toại nguyện. Hai, Thiết đắc suy hao. PHÁ GIỚI NGŨ QUÁ Người phạm giới, tịnh hạnh đã (Tứ phần luật) thiếu, giả sử có khổ cầu, có được tiền của; vì phước mỏng, khó Một, Tự hại. hưởng thụ được, mà phải hao tổn. Người phá giới, ba nghiệp thân, Ba, Chúng bất ái kính. khẩu, ý đều không thanh tịnh, Người phạm giới, oai nghi đã thường chịu nghèo túng, không khiếm khuyết, tế hạnh hoàn toàn hưởng được phước, thiện thần xa không có, bị người người ganh lìa. Đó là tự hại. ghét, không kính mến. Hai, Vị trí sở ha. Bốn, Ô danh lưu bố. Người phá giới, các vị thiện Tỳ Người phạm giới, bạn xấu kheo quở trách, nên thường xa thường đi theo, người hiền

xa cách; lánh, như tử thi hôi thúi. Đó gọi là đã không có giới đức, tiếng xấu vị trí sở ha. mỗi ngày một vang xa, khắp hết Ba, Ố danh lưu bố. mọi nơi. Người phá giới, ba nghiệp Năm, Tử nhập địa ngục. không thanh tịnh, cùng ở chung với

Người phạm giới mọi điều tốt Phật, sơn thần đón được, và chỉ để đẹp đều thiếu, đến khi chết, đọa một viên đá nhỏ bay về phía Phật, xuống địa ngục vô gián. làm ngón chân của Phật bị thương chảy máu . Vì lý do này về sau, Đề NGŨ NGHỊCH bà đạt đa đọa vào địa ngục. (Hoa nghiêm khổng mục). (Tiếng Phạn là Đề bà đạt đa, tiếng Hoa là thiên nhiệt) Một, Giết cha mẹ. Bốn, Sát A la hán. Cha mẹ nuôi nấng, ân bằng trời Tiếng Phạn là A la hán, tiếng đất. Là con phải hết sức hiếu thảo Hoa là Vô học. Nghĩa là không còn nuôi dưỡng hòng đền đáp ân đó, pháp nào để học nữa, còn gọi là huống chi lại ngỗ nghịch giết cha Ứng Cúng, vì cho trời, người cúng mẹ. dường. Nếu làm việc ấy, đó là tội ngỗ Chúng sanh nên cung kính cúng nghịch, thì đọa vào địa ngục. dường, ấy là trồng vào ruộng Luật Tứ phần nói: nếu ai giết phước; huống chi làm việc sát hại cha mẹ, thì không cho xuất gia, thọ ngỗ nghịch với vị ấy. Nếu làm việc giới cụ túc (Cụ túc giới là 250 giới) ấy, thì đó là tội ngỗ nghịch. Hai, Phá hòa hợp tăng. Luật nói: Người giết A la hán, Khi Tỳ kheo họp chúng thực không cho xuất gia, thọ giới cụ túc. hành bố tát hòa hợp làm đúng pháp Năm, phá yết ma tăng. thức. Nếu ai đến sau thì phải im Tiếng Phạn là Yết ma, tiếng lặng chấp thuận; hoặc có người bỏ Hoa là tác pháp biện sự(làm việc trốn ra ngoài. Nếu vì tâm sân hận, đúng pháp thức) hung ác, phá hoại sự hòa hợp của Khi Tỳ kheo thọ giới cụ túc chư tăng, thì không được xuất gia hoặc là nhờ vào các vị hòa thượng và thọ giới cụ túc. A xà lê để làm pháp(thức) yết ma, (Tiếng Phạn là bố tát, tiếng Hoa thì việc tổ chức ấy mới thành tựu là tịnh trụ). và mới gọi là đắc giới. Nếu có Ba, Xuất Phật thân huyết. người thấy việc ấy, phải im lặng Phật là cha lành của tất cả tùy thuận; hoặc có người bỏ trốn ra chúng sanh, có thể khiến cho chúng ngoài, nếu với tâm ác phá việc tổ sanh hiểu được sự sáng suốt của chức này, khiến cho không đắc tâm mình, ra khỏi đường khổ. giới, thì bị tội ngỗ nghịch. Chúng sanh cúng dường cho Phật Luật nói: Người phá pháp yết nhiều kiếp, không thể đền đáp công ma, không cho xuất gia, thọ giới cụ đức ấy trong muôn một, huống chi túc. làm thân Phật ra máu. Nếu làm việc (Tiếng Phạn là Ổ ba giá Ca, này thì đó là tội ngỗ nghịch. nước Vu điền phiên là Hòa thượng, Kinh Hưng khởi hành nói: Đề tiếng Hoa là Lực sanh. bà đạt đa ném khối đá lớn về phía

Tiếng Phạn là A xà lê, tiếng tội này nhẹ hơn tội tăng tàn, nên lấy Hoa là Quỷ phạm) tội đồ (tội khổ sai)_ so sánh với nó. (tám ngục nóng là tưởng, hắc NGŨ THIÊN PHỐI NGŨ thằng, đôi áp, khiếu oán, đại khiếu HÌNH oán, thiêu chá, đại thiêu chá, vô (Phiên dịch danh gián. tám ngục lạnh là Át phù đà, Nê nghĩa) lại phù đà, A trá trá, A ba ba, Ẩn Một, ba la di phối tử. hầu, Uất ba la, ba đầu ma, Phân đà Tiếng Phạn là ba la di, tiếng lỵ). Hoa là cực ác. Đây là giới căn bản Bốn, Đề xá ni phối trượng. cực ác. Người tu hành, nếu phạm Tiếng Phạn là Đề xá ni, tiếng giới này, thì đạo quả không có Hoa là hướng bỉ hối, dựa theo cách phần, chết đọa vào địa ngục. thức đối trị mà đặt tên. Luật Tứ phần nói: Ví như chặt Luật Tăng kỳ nói: Tội này phải đầu người, không thể sống lại. Nếu phát lồ (bày tỏ tội đã phạm rõ ràng phạm giới này, không thành Tỳ trước chúng sám hối). Vì tội này kheo trở lại được. Vì do tội này rất nhẹ hơn tội trên, nên cho phép đối nặng, nên

lấy cái chết so sánh với trước chúng tăng bày tỏ và ăn năng nó. lỗi lầm sai phạm, nên lấy tội trượng Hai, Tăng tàn phối lưu. (đánh đòn) so sánh với nó. Tì ni mẫu nói: Tăng tàn giống Năm, Đột kiết la phối si. như người bị người khác chém vào Tiếng Phạn là đột kiết la, tiếng cổ mà chưa đứt, nên gọi là tàn (còn Hoa là ác tác (theo luật Thiện kiến). lại, còn dư) Vì người phạm tội này Tiếng Phạn là Thức xoa ca la phải nhờ chư tăng theo pháp trừ tội ni, tiếng Hoa là ưng đương học. cho, sau đó giới đức mới có thể Các giới khác phạm thì tội nặng phục hồi, giống như bị chém mà mà dễ giữ, còn giới này thì khó giữ yết hầu chưa đứt, cứu chữa sớm có mà dễ phạm, nên phải học thuộc, thể sống được. Vì do tội tăng tàn không thể kể hết tội danh. Giới này hơi nhẹ hơn tội ba la di, nên lấy tội nhẹ hơn các giới trước, nên lấy si đày đi xa so sánh với nó. tội (tội phạt đánh roi) so sánh với Ba, ba dật đề phối đồ nó. Tiếng Phạn là ba dật đề, tiếng Hoa là đọa. NGŨ KIẾN Luật Thập tụng nói: đọa vào địa (Niết bàn kinh) ngục thiêu chữ phú chướng. tám ngục nóng chảy thông nhau đốt Một, Thân kiến. cháy, nấu sôi; tám ngục lạnh đen Trong năm ấm, lầm cho là có tối thông nhau che đậy, cản trở. Vì thân, cưỡng dựng lên có ông chủ, luôn khởi lên ngã kiến. Chấp ngã

và những gì thuộc ngã. Đó gọi là Chúng sanh tham đắm pháp thân kiến. sanh, tử trong ba cõi, toàn làm việc (Ngã, ngã sở: Chấp một ấm là chẳng lành; do đó hay tạo ra quả ngã; bốn ấm kia là ngã sở). khổ ở vị lai, không được giải thóat. Hai, Biên kiến. Đó gọi là tham kết. Cho rằng thân ta, hoặc là đọan(Hai, Khuể kết. chết rồi không còn gì nữa), hoặc là Chúng sanh trong tâm có nhiều thường(sau khi chết còn mãi). buồn bực, tức tối, toàn làm việc Chấp đọan không phải thường.; chẳng lành; do đó hay tạo ra quả chấp thường không phải mất hẳn, khổ ở vị lai, không được giải thóat. chỉ là chấp một bên. Đó gọi là biên Đó gọi là khuể kết. kiến. Ba, Mạn kết. Ba, Tà kiến. Ỷ mình làm nhục người là mạn. Tâm tà giữ lấy lý lẽ, bằng cái Chúng sanh thường khởi lên thấy lầm lạc điên đảo, rằng không ngã mạn, tà mạn,... toàn làm việc tin nhân quả, dứt hết các căn lành, chẳng lành; do đó tạo ra quả khổ ở làm theo hành vi của xiển đề. Đó vị lai, không được giải thoát. Đó gọi là tà kiến. . gọi là mạn kết. Bốn, Giới thủ kiến. (Ngã mạn là ỷ vào tài năng của Không phải ở trong giới pháp mình, xúc phạm, xem thường người mà sai lầm cho rằng là giới, lại còn khác. Tà mạn là không lễ lạy tháp cố chấp là hay nhất, ít mong có cơ miếu, không kính trọng Tam bảo, hội tiến bộ. Gọi là giới thủ kiến. không đọc tụng kinh điển) Năm, Kiến thủ. Bốn, Tật kết Không phải ở trong pháp mầu Chúng sanh ham mê lợi dưỡng, nhiệm, chân chánh, mà lầm cho đó tâm không biết đủ, không biết chán. là Niết bàn, đem lòng chấp trước, Nếu thấy người khác vẻ vang, sanh rồi lầm cho rằng cái mà ta chứng tâm ghen ghét, toàn làm việc chẳng được là hơn hết, Đó gọi là kiến thủ. lành. Do đó tạo ra qủa khổ ở vị lai, không được giải thoát. Đó gọi là tật NGŨ KẾT kết. (A tì đạt ma tập luận). Năm, Xan kết Chúng sanh ham mê lợi dưỡng, Kết tức là cột chặt. đối với tài sản,...tâm luôn keo kiệt, Chúng sanh vì phiền não sai không thể sẵn lòng bố thí người lầm, tạo các nghiệp ác, nên bị các nghèo đói, thiếu thốn, toàn làm việc khổ cột chặt, trôi lăn trong ba cõi, chẳng lành. Do đó tạo ra quả khổ ở không thể xa rời, nên gọi là kết (vị lai, không được giải thoát. Đó cột chặt). gọi là xan kết. Một, Tham kết.

NGŨ THƯỢNG PHẦN Do tâm kiêu mạn này trói buộc, KẾT không thể xa khỏi, nên gọi là kết. Năm, Vô minh kết (Thiên thai tứ giáo Vô minh là không hiểu biết một nghi tập chú) cái gì rõ ràng. Chúng sanh ở hai cõi Thượng phần kết là phiền não trên, mê đắm thiền định, nhưng đối ràng buộc ở cõi sắc và vô sắc. với chân tánh không hiểu biết rõ Một, Sắc ái kết. ràng gì cả. Do vô minh này trói Sắc ái tức là tư hoặc cõi sắc. buộc, không thể ra khỏi, nên gọi là Chúng sanh ở cõi sắc, tuy không có kết. tham lam ái dục, ô uế như ở cõi dục, nhưng đối với năm dục nhiệm NGŨ HẠ PHẦN KẾT mầu, cao tột vẫn đắm nhiễm không (Thiên thai tứ giáo chán, do mê hoặc ái dục ràng buộc, nghi tập chú) không thể ra khỏi, nên gọi là kết. (Ngũ dục là sắc, thinh, hương, Hạ phần kết là phiền não trói vị, xúc). buộc ở cõi dục. Hai, Vô sắc ái kết. Một, Tham trước. Vô sắc ái kết tức là tư hoặc ở Tham là ham muốn, đắm chìm cõi vô sắc. Chúng sanh ở cõi vô trong ấy không chán. Chúng sanh ở sắc,tuy không có sắc chất, nhưng dục giới, đối với cảnh vừa lòng ở đối với các pháp thọ, tưởng... chưa cõi trên, tâm tham nổi lên, không thể lìa bỏ, đắm nhiễm vào cảnh giới hề biết đủ. Do tham lam lầm lạc dục lạc của tứ không thiền định. Do trói buộc, không có hạn kỳ ra khỏi bị ràng buộc bởi ái dục lầm lạc này, ba cõi, nên gọi là kết. không thể xa lìa, nên gọi là kết. Hai, Sân kết (Tứ không tức là trong cõi trời Sân là tâm giận dữ. Chúng sanh vô sắc có: không xứ, thức xứ, vô sở ở cõi dục, đối với cảnh trái ý ở cõi hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng trên, tâm sân hận nổi lên, mà không xứ). tự ngăn chặn. Do sân hận mê lầm Ba, Trạo kết này trói buộc, không có hạn kỳ ra Trạo là cử động. Chúng sanh ở khỏi ba cõi, nên gọi là kết. hai cõi trên, tâm niệm tán động, Ba, Thân kiến kết thiền định thối thất. Do tâm không Thân kiến là chúng sanh ở cõi an định này ràng buộc, không thể dục, đối với danh sắc, năm ấm, 12 lìa khỏi, nên gọi là kết. nhập, 18 giới lầm cho là thân. Do Bốn, Mạn kết. kiến hoặc này trói buộc không có Mạn là ỷ mình xem nhẹ người. hạn kỳ ra khỏi ba cõi, nên gọi là Chúng sanh ở hai cõi trên ái nhiễm kết. chưa dứt, tâm ngạo mạn chưa hết. (Danh sắc thì danh là tâm, sắc là sắc thân)

Bốn, Giới thủ kết tử ở cõi dục, nên gọi là dục ái trụ Giới thủ là các ngoại đạo, địa hoặc. những giới sai trái mà cho là giới, Ba, Sắc ái trụ địa hoặc. tức là tà giới. Do chấp chặt điều sai Sắc ái tức là tư hoặc ở cõi sắc. trái trói buộc, không có hạn kỳ ra Các chúng sanh không hiểu rõ khỏi ba cõi, nên gọi là kết. sự sai lầm này, dính chặt vào thiền Năm, Nghi kết. định ở cõi sắc, không thể ra khỏi, Nghi là tâm mê mờ, trái với nên gọi là sắc ái trụ địa hoặc. chân lý, nghi ngờ không quyết Bốn, Hữu ái trụ địa hoặc. định. Chúng sanh ở cõi dục do nghi Hữu ái tức là tư hoặc ở cõi vô ngờ này, không có hạn kỳ ra ngoài sắc. ba cõi, nên gọi là kết. Các chúng sanh không hiểu rõ sự mê lầm này, ở trong thiền định, NGŨ TRỤ ĐỊA HOẶC không thể ra khỏi, nên gọi là hữu ái (Hoa nghiêm kinh trụ địa hoặc. Năm, Vô minh trụ địa hoặc. Tùy sớ dễn nghĩa sao). Vô minh tức là sự sai lầm của Ngũ trụ là kiến hoặc trong ba căn bản vô minh. cõi là một trụ. Thinh văn, Duyên giác chưa Tư hoặc trong ba cõi chia làm hiểu rõ sự sai lầm này, mắc kẹt vào ba trụ. chân không, tức là ở cõi phương Căn bản vô minh là một trụ. tiện. Cộng thành ngũ trụ. Đại thừa Bồ tát mới có thể dứt Do năm hoặc này làm cho trừ sự sai lầm ấy; do dư hoặc chưa chúng sanh dính chặt vào sanh tử, hết, nên ở cõi thật báo, nên gọi là nên gọi là trụ địa và tư hoặc, nên vô minh trụ địa hoặc. gọi là căn bản vô minh. (Cõi phương thiện là

tu tập theo Một, Nhất thiết kiến trụ địa đường lối phương tiên, dứt kiến hoặc. hoặc và tư hoặc, tức là cõi Thinh Nhất thiết kiến là kiến hoặc văn, Duyên giác ở. phân chia đối với ba cõi. Cõi thật báo là đúng như thật Các chúng sanh, do ý căn phân mà cảm thọ quả báo. Vì tướng dứt biệt khi đối với pháp trần, nổi lên trừ sai lầm của Bồ tát chưa hết, nên các kiến giải sai lầm, dính chặt vào ở cõi này. ba cõi, nên gọi là nhất thiết kiến trụ địa hoặc. NGŨ LỢI SỬ Hai, Dục ái trụ địa hoặc. (Thiên thai tứ giáo Dục ái tức là tư hoặc ở cõi dục. Các chúng sanh, do năm căn nghi tập chú) đối với cảnh của năm trần, nổi lên Lợi có nghĩa là mau chóng, sắc tâm tham ái, mà dính chặt vào sanh bén .

Năm thứ vọng hoặc (sai lầm), giới; như giới gà; giới chó là những động niệm liền sanh, kế đến tạo ra tà giới mà cho là giới đúng đắn, những thứ hằng hữu. chấp lấy thực hành. Sử có nghĩa là sai kiến. Do chấp chặt lấy những giới tà Các chúng sanh, vì năm thứ sai vọng này, sai khiến tâm thần, lưu lầm này, sai khiến tâm thần, trôi lăn chuyển không ngừng, nên gọi là sử. trong ba cõi, không có ngày ra (Giới gà, giới chó là ngoại đạo khỏi, nên gọi là sử. tự cho rằng đời trước từ gà và chó Một, Thân kiến sử. đến, nên đời này học cách đứng Thân kiến là các chúng sanh, ở một chân giống như gà hay ăn uống trong danh sắc, 12 nhập, 18 giới, những thứ ô uế giống như chó). cho là thân. Do thân kiến (hiểu biết về thân) này sai khiến tâm thần, trôi NGŨ ĐỘN SỬ lăn trong ba cõi không ngừng, nên (Thiên thai tứ giáo gọi là sử. Hai, Biên kiến sử. nghi tập chú) Biên kiến là chúng sanh, đối Độn tức là chậm chạp. với thân kiến ở trên, hoặc chấp là năm thứ sai lầm này, do suy ra đoạn, hoặc chấp là thường; chấp từ năm lợi sử. Đối với nhanh nhẹn như vậy gọi là chấp một bên. mà nói chậm chạp, nên gọi là độn Do biên kiến này, sai khiến tâm sử. thần, trôi lăn không ngừng, nên gọi Một, Tham dục sử. là sử. Tham tức là tom góp không Ba, Tà kiến sử. chán. Tà kiến là chúng sanh bằng tà Các chúng sanh tham lam, đắm tâm hiểu lý, bác bỏ nhân quả, trừ chìm trong sắc dục, tiền của vàng sạch tất cả căn lành. bạc, buông lung tình ý mà không Do tà kiến này, sai khiến tâm chán, không biết đủ. thần, trôi lăn không ngừng, nên gọi Do sự sai khiến của tham lam, là sử. mê lầm này, trôi lăn trong ba cõi, Bốn, Kiến thủ sử. nên gọi là sử. Kiến thủ là chúng sanh, ở trong Hai, Sân khuể sử. pháp sai lầm, mà lầm cho là Niết Sân tức là phẩn nộ (giận dữ). bàn, sanh tâm chấp chặt vào đó. Ở Các chúng sanh, đối với cảnh trong tà kiến mà cho là chánh kiến. trái ý, nghịch lòng, nổi lên bao giận So chấp chặt tà kiến này, sai dữ, làm buồn phiền, rối loạn mình khiến tâm thần, trôi lăn không và người khác. dừng, nên gọi là sử. Do bị sai hiến bởi sân hận này, Năm, Giới thủ sử. trôi lăn trong ba cõi, nên gọi là sử. Giới thủ là các ngoại đạo, đới Ba, Vô minh sử. với những giới sai trái mà cho là

Vô minh là mê mờ, lầm lạc, sanh đam mê không chán , nên gọi không hiểu sự lý, là ngu si. là sắc dục. Các chúng sanh lấy tâm mê mờ Hai, Thinh dục duyên cảnh, đối với tất cả pháp, Tiếng đờn, tiếng sáo, tiếng va không thể hiểu biết rõ ràng. chạm của vật trang sức, cho đến Do bị ngu si, sai lầm này sai tiếng ca, tiếng vịnh của nam thanh, khiến, trôi lăn trong ba cõi, nên gọi nữ tú, khiến cho chúng sanh đam là sử. mê không chán, nên gọi là thinh Bốn, Mạn sử. dục. Mạn tức là ỷ mình xem thường Ba, Hương dục. người. Mùi thơm của thân thể nam, nữ Các chúng sanh, ỷ mình dòng và các mùi thơm của thế gian, hay họ quyền quí, giàu sang, có đức, có khiến cho chúng sanh đam mê tài, khinh

thường người khác. không chán, nên gọi là hương dục. Do bị tâm kiêu mạng sai khiến, Bốn, Vị dục trôi lăn trong ba cõi, nên gọi là sử. Tất cả thức ăn, thức uống cao Năm, Nghi sử. sang, mỹ vị, hay khiến cho chúng Nghi tức là do dự, không quyết sanh đam mê không chán, nên gọi định. là vị dục. Các chúng sanh, tâm mê mờ, Năm, Xúc dục trái với chân lý, không thể thấu Thân thể nam, nữ mềm mại, hiểu tướng của các pháp. trơn lán, khi lạnh thì thân thể ấm, Do bị nghi ngờ, lầm lạc này sai khi nóng thì thân thể mát, cho đến khiến, trôi lăn trong ba cõi, nên gọi quần áo các loại khi va chạm đến, là sử. hay khiến cho chúng sanh đam mê không chán, nên gọi là xúc dục. NGŨ DỤC NGŨ DỤC (Thiên thai tứ giáo nghi) (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ Chỉ quán nói năm trần không phải là dục, nhưng trong chúng có diễn nghĩa sao) vị(mùi), có thể thúc dục người tu Một, Tài dục. hành khởi tâm ham muố, nên nói là Tài là tất cả tiền của ở thế gian. năm dục, vì hay dẫn người vào Người dùng tài sản để nuôi trong cảnh ma. dưỡng mình, cho nên mới tìm tòi, Một, Sắc dục. tham lam, luyến tiếc không thôi. Hình thể đẹp đẻ của người nam, Đó là tài dục. người nữ đến cả màu sắc đen, vàng, Hai, Sắc dục. đỏ, tía tuyệt trần của những bảo vật Sắc là những màu sắc xanh, ở thế gian, hay khiến cho chúng vàng, đỏ, trắng ở thế gian và những sắc màu của nam, nữ. Người vì sắc

mà vừa lòng thích ý, cho đến tham Vì sự ham muốn này, che đậy lam, tìm tòi, luyến tiếc, đam mê, tâm thức nên thiền định, pháp lành không thể ra khỏi ba cõi, đó là sắc không thể phát sanh, chìm đắm dục. trong ba cõi, không ra khỏi được, Ba, Ẩm thực dục. nên gọi là cái. Ẩm thực tức là thức ngon, vị lạ Hai, Sân khuể cái. ở thế gian. Người ăn uống nuôi Sân khuể tức là tâm giận dữ. sống thân mạng, cho đến tham lam, Chúng sanh đối với cảnh trái ý tìm tòi, đam mê không chán, đó là nghịch lòng hoặc nhớ lại người ẩm thực dục. khác đã làm cho mình buồn phiền Bốn, Danh dục. nên sanh tâm giận dữ. Danh là tiếng tăm ở thế gian. Vì sự giận dữ này, che lấp tâm Nhờ tiếng tăm mà cha mẹ được thức, nên thiền định, pháp lành vinh hiển, bản thân được ái mộ, cho không thể phát sanh, chìm đắm nên tìm kiếm, ham mê không biết trong ba cõi, không ra khỏi được, dừng, đó là danh dục. nên gọi là cái. Năm, Thụy miên dục. Ba, Thụy miên cái Thụy miên là lúc tình cảm và ý Thụy là ý thức mê mờ; miên là thức rơi vào trạng thái mờ tối. Ngũ năm thức trước mờ tối. nghỉ của người cũng có giờ giấc, Chúng sanh vì sự ngủ nghỉ này, hoặc là thuận theo sự lười biếng, che mờ tâm thức; thiền định, pháp buông thả, đam mê không chán, đó lành không thể phát sanh, chìm là thụy miên dục. đắm trong ba cõi, không có ngày ra khỏi, nên gọi là cái. NGŨ CÁI Bốn, Trạo hối cái. (Pháp giới thứ đệ) Trạo hối: trạo là động, thân không yên, hay đi đây đi đó. Thân Cái là che đậy. Chúng sanh do lao chao, không yên định, rồi sanh năm dục làm mê hoặc, che mờ tâm và suy nghĩ, trong tâm, những buồn thức, nên đối với chánh đạo không phiền là hối. thể hiểu được, chìm đắm trong ba Chúng sanh vì tâm lao chao, cõi, không sao ra được. tâm phiền muộn này, che mờ tâm Một, Tham dục cái. thức, thiền định, pháp lành không Tham dục là tom góp không thể phát sanh, chìm đắm trong ba chán gọi là tham; mong muốn, yêu cõi, không có ngày ra khỏi, nên gọi thích gọi là dục. là cái. Chúng sanh tham ái các pháp ở Năm, Nghi cái. thế gian như nam, nữ, sắc, thinh, Nghi là do dự, không quyết hương, vị, xúc, pháp và tiền của, định, tức là si mê, lầm lạc. châu báu không biết chán. Vô minh làm mờ tối, chúng sanh không phân biệt được chơn,

giả. Tâm do dự thường không chứa trong đó, không nói cho người quyết đoán (dứt khoát) bất kỳ việc ta biết; đó gọi là pháp xan. gì. Vì tâm nghi ngờ, lầm lạc này, NGŨ KHỔ che mờ tâm thức thiền định, pháp (Tích huyền ký) lành không thể phát sanh, chìm đắm trong ba cõi, không có ngày ra Một, Sanh, lão, bệnh, tử, khổ. khỏi, nên gọi là cái. Khi chúng sanh vừa thọ sanh, ở trong bụng mẹ chật chội, bất tịnh; NGŨ XAN đến khi sanh, gió lạnh chạm vào (Thành thật luận) thân thể như bị kim châm, dao cắt; đến lúc yếu già, khí lực (sức khỏe) Một, Trụ xứ xan tiêu mòn, đi lại không ổn; lại thêm Có chúng sanh, tâm nghĩ như bệnh hoạn, nóng, lạnh làm cho vầy: Ở chỗ này, chỉ có ta mà thôi, phiền muộn khổ đau; đến khi chết, không chứa bất cứ ai; đó gọi là trụ bốn đại lìa tan, thần thức dật dờ. xứ xan Tất cả duyên do này, thảy đều Hai, Gia xan. là khổ; đó là sanh, già, bệnh, chết, Có chúng sanh, tâm nghĩ như khổ. vầy: chỉ có ta ra, vào nhà này, Hai, Ái biệt ly khổ. không chứa bất cứ ai. Nếu có người Thường người mình yêu khác, thì ta phải là người hơn hết thương, lại trắc trở xa lìa, không ở trong số ấy; đó gọi là gia xan. chung với nhau được, đó là khổ vì Ba, Thí xan. thương yêu mà xa cách. Có chúng sanh, tâm nghĩ như Ba, Oán tắng hội khổ. vầy; ta ở trong đây là người duy Thường người minh ghét bỏ, nhất làm việc bố thí, không cùng muốn xa lìa mà trái lại hay gặp với người khác làm bố thí. Nếu có nhau, chung chạ, đó là oán tắng hội người khác thì cũng không được bố khổ. thí nhiều hơn ta; đó là thí xan. Bốn, Cầu bất đắc khổ. Bốn, Xưng tán xan. Các cảnh tiếng hay, sắc đẹp ở Có chúng sanh, tâm nghĩ như thế gian và tất cả lợi dưỡng đáng ưa vầy; chỉ khen ngợi ta, đừng khen đáng thích, lòng ham muốn mà người khác; nếu có khen người không thể được, đó là cầu bất đắc khác, đừng khen hơn ta; đó là xưng khổ. tán xan. Năm, Ngũ ấm thạnh khổ. Năm, Pháp xan. Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, Có chúng sanh, tâm nghĩ như hành, thức vầy; chỉ ta biết được ý nghĩa sâu xa Ấm có nghĩa là che đậy. Hay của các kinh và những bí mật ẩn che đậy chơn tánh, không để cho tánh này biểu lộ.

Thạnh là lớn mạnh. Các khổ ở pha, làm cho cắt đứt căn lành của trước đều cho năm ấm tụ tập; đó là mình; nên gọi là tâm tài. năm ấm thạnh khổ. Bốn, Nghi giới. Nghi giới là tâm chúng sanh NGŨ TÂM TÀI suy nghĩ như vầy: giới luật của (Thành thật luận) Phật nói ra có hơn những giới khác chăng? Như giới chó, giới gà Một, Nghi Phật. chăng? Nghi Phật là tâm chúng sanh Do ý nghĩ nghi ngờ này, không nghĩ như vầy: Phật là người vĩ đại tin giới chân chánh, phá hoại luật chăng? Phú Lan Na… là những nghi, miệng ác dèm pha, cắt đứt người vĩ đại chăng? căn lành của mình, nên gọi là tâm Do ý nghĩ nghi ngờ này, không tài. tin Phật là người trí, miệng ác (Giới gà, giới chó tức là giới buông lời dèm pha, tự mình cắt đứt của ngoại đạo giữ; như đứng một căn lành của tâm mình; nên gọi là chân giống con gà, ăn đồ uế trược tài. giống con chó. Tu khổ hạnh giống (Phú lan na tức là ngọai đạo y như vậy, cho là trì giới) chấp vào không kiến; cho rằng Năm, Nghi giáo hóa. không có tất cả pháp, như hư Nghi giáo hóa là tâm chúng không, không sanh không diệt). sanh suy nghĩ như vầy: Những gì Hai, Nghi pháp. đức Phật dạy bảo có đúng đắn Nghi pháp là tâm chúng sanh không? Những dạy dỗ của Phú lan suy nghĩ như vầy: Pháp của Phật là na có chính đáng không? hơn hết ư? Pháp của Vi Đà,… là Do ý nghĩ nghi nghờ này, hơn hết chăng? không tin chánh giáo, miệng ác Do ý nghĩ nghi ngờ này, không dèm pha, cắt đứt căn lành của tâm tin chánh pháp, miệng

ác dèm pha, mình; nên gọi là tâm tài. cắt đứt căn lành của mình, nên gọi là tâm tài. NGŨ VỌNG TƯỞNG (Tiếng Phạn là Vi đà, tiếng Hoa (Lăng nghiêm kinh) là trí luận, tức là luận của ngoại đạo tà trí). Một, Kiên cố vọng tưởng. Ba, Nghi tăng. Kiên cố vọng tưởng là sắc ấm. Nghi tăng là tâm chúng sanh Các chúng sanh, thân thể do suy nghĩ như vầy: đệ tử của Phật tưởng sanh, tâm do tưởng khởi, hơn hết chăng? Đệ tử Phú Lan Na mạng sống do tưởng giúp. Các hơn hết chăng? tưởng ấy kết hợp chặt chẽ mà thành Do ý nghĩa nghi ngờ này, sắc thân. không tin Tam bảo, miệng ác dèm

Kinh nói: Sắc thân của các ông dừng lại một chút nào, thay đổi âm hiện ra đó, gọi là vọng tưởng kiên thầm mà không hề hay biết. cố thứ nhất. Kinh nói: Các hành của ông, Hai, Hư minh vọng tưởng. không dừng lại trong một niệm, gọi Hư minh vọng tưởng là thọ ấm. là u ẩn vọng tưởng thứ tư. Các chúng sanh, dục tưởng lên Năm, Điên đảo vọng tưởng, cao, có thể trước gây ra khó chịu, cũng gọi là vi tế tinh tưởng. hai tướng thuận, nghịch xâm phạm, Điên đảo vọng tưởng tức là tương trợ đeo đuổi hiện ra. Đó là thức ấm. thọ ấm không có hình thể, ánh sáng Thức của chúng sanh trong veo của nó mờ ảo. tinh tế, không phải hòan tòan im Kinh nói: Hiện nay trước mắt lặng, giống như dòng nước chảy các ông, thuận thì đem lại lợi ích, xiếc, từ xa trong tợ là yên tĩnh, kỳ trái ngược thì đem đến sự tổn hại. thật đang chảy xiếc, tinh vi không hai tướng ấy hiện ra, rượt đuổi thể thấy được. nhau, gọi là vọng tử hư minh thứ Kinh nói: Cái im lặng bên hai. trong, không hình tượng, gọi là vi Ba, Dung thông vọng tưởng. tế tinh tưởng điên đảo thứ năm. Dung thông vọng tưởng tức là tưởng ấm. NGŨ TÁN LOẠN Suy nghĩ của chúng sanh là hư (Hoa nghiêm khổng tình, sắc thân là thực chất. Tuy hư, thật không cùng loại nhưng hay sai mục) khiến nhau, do tưởng dung hòa Một, Tự tánh lọan. chúng. Tự tánh lọan là năm thức không Tâm sanh hư tưởng, hình giữ giữ tự tánh, chạy theo ngoại ảnh, vật thật. Dụng của tâm và hình thay đổi trong từng niệm. khác nhau nhưng hay tương ứng Hai, Ngoại tán loạn nhau, là do tưởng thông suốt Ngoại tán loạn là ý căn chao chúng. Đến cảnh thức, ngủ của động, lăn xăn, chạy theo ngọai trần, tâm, tùy vào nhau nhưng, không nổi lên lớp lớp phân biệt. gián đọan, đều là vọng tưởng tình Ba, Nội tán loạn dao động, gọi là dung thông vọng Nội tán loạn là tâm sanh ra tưởng thứ ba. phân biệt, niệm niệm thay đổi, Bốn, Uẩn vọng tưởng. không đứng yên một chỗ. Uẩn vọng tưởng tức là hành Bốn, Thô trọng tán loạn. ấm. Thô trọng tán loạn là cho ngã Trong một thời kỳ sanh hóa của và ngã sở là những pháp quan sắc thân, chúng sanh phải trải qua trọng, không được giải thóat. từ trẻ đến suy yếu, già chết, không Năm, Tư duy tán loạn.

Tư duy tán loạn là bỏ Đại thừa, toàn, không chút chướng ngại. Đó nghĩ nhớ Tiểu thừa, không được gọi là dung tam thế gian độ. vắng lặng, an định. (Hữu tình chúng sanh tức là chúng sanh ở thế gian. ĐỘ HỮU NGŨ CHỦNG Khí chánh giác thế gian tức là (Hoa nghiêm kinh thế gian của Phật). Năm, Tổng nhiếp độ. sớ) Như lai đã chứng mười thân, Một, Duy tánh độ. bốn trí, viên dung hoàn toàn, bao Duy tánh tức là thể của pháp trùm tất cả. Nói một cõi là tất cả tánh Như lai đã chứng được. cõi, nên một thân là gồm tất cả Thể của Như lai, ngoài thân thân, muôn pháp tương dung trần không có cõi nước (độ), ngoài độ trần không ngại. Đó gọi là tổng không có thân. Thân và độ, không nhiếp độ. khác, chỉ có một pháp tánh thôi. Đó (mười thân là Bồ đề, hiển, hỏa, gọi là duy tánh

độ. lực trì, tướng hảo trang nghiêm, oai Hai, Song dẫn độ. thế, y sanh, phước đức, pháp thân, Thân Như lai và cõi nước (độ) trí thân). là nhất như, dung thông vô ngại, giống như hư không, tánh và tướng ĐỘ THỂ NGŨ CHỦNG đều vắng lặng, đó gọi là song dẫn (Hoa nghiêm kinh độ. Ba, Câu tán tướng độ. Tùy sớ diễn nghĩa sao) Như lai dùng trí như thật, biến Một, Chân như vô số tướng như nước trong biển, Chân như là nghĩa chân thật, trang nghiêm bằng châu báu; tùy không sai lầm, tức là thể của cõi theo tâm của chúng sanh, hiện ra vô pháp tánh. Đây là cõi nương tựa số tánh và tướng cảnh giới của cõi của pháp thân thanh tịnh. nước. Đó gọi là câu tánh tướng độ. Vì pháp thân vô tướng, nên cõi Bốn, Dung tam thế gian độ. cũng như thế. Thân và cõi tuy chia Cách biệt gọi là thế. Gián cách ra, nhưng thể vốn không hai, nên gọi là gian. Tam thế gian là hữn chân như là thể. tình thế gian, khí thế gian, trí chánh Hai, Chân trí giác thế gian. Chân trí là trí căn bản vô phân Thân pháp giới của Như lai, biệt, tức là thể của Thật báo độ. khắp tất cả nơi; vì tất cả quốc độ Đây là cõi viên mãn báo thân của của chúng sanh tức là pháp thân Như lai nương tựa. thanh tịnh của Như lai. Vì thật trí viên mãn, muôn đức Thân của Như lai có thể làm thành tựu, không thể phân biệt, thân của chúng sanh và thân của hư cảnh và trí như nhau, nên dùng không, cõi nước, hòa đồng hoàn chân trí làm thể.

(Trí căn bản vô phân biệt là ĐẠI KIẾP NGŨ DỤ hoặc nghiệp của Phật hết hoàn (Đại tạng nhất lãm) toàn, chính Ngài chứng được trí viên minh vốn có. Trí này chiếu soi Một, Thảo mộc dụ muôn pháp, không chờ đến phân Cây cỏ trong một đại thiên thế biệt.) giới đem chặt ra từng đoạn bằng Ba, Bổn thức. một tấc làm thẻ. Người thế gian cứ Là tâm thức thanh tịnh căn bổn, một trăm năm lấy một thẻ; đến khi tức là thể của cõi sắc tướng. Đây là lấy hết số thẻ này thì hết một kiếp. cõi nương tựa thân vi trần tướng Đó gọi là thảo mộc dụ. hải của Như lai. Hai, Sa tế dụ. Vì phước, huệ không hạn Sông Khắc Già rộng bốn mươi lượng, tướng đẹp đầy đủ, hoàn toàn dặm, đầy cát nhỏ mịn. Người thế trang nghiêm, tánh, tướng như như; gian cứ một trăm năm, lấy một hại nên lấy bổn thức làm thể. cát, đến khi lấy hết số cát này, thì Bốn, Tứ trần. hết một kiếp. Đó gọi là sa tế dụ. Tứ trần là sắc, hương, vị, xúc; (Tiếng Phạn là Khắc già, tiếng sắc tướng do hậu đắc trí hiện ra, tức Hoa là thiên thượng lai, nghĩa là từ là thể của cõi tha thọ dụng. Đây là trên cao chảy xuống). cõi nương tựa thân tha thọ dụng Ba, Giới tử dụ. của Như lai. Có một cái thành bốn mặt, mỗi Vì hạnh lợi tha đấy đủ, tùy theo mặt rộng một trăm dặm, trong sự biến hóa thích nghi của các vị thành chứa đầy hạt cải. Người đời Bồ tát, và hiện ra vô số sắc tướng cứ một trăm năm, lấy một hạt; lấy vi diệu của các cõi trần cảnh, nên cho đến khi hết số hạt cải ấy, thì lấy bốn trần làm thể. đúng là một kiếp. Đó gọi là giới tử (Hậu đắc trí là trí căn bổn sau dụ. khi chứng được) Bốn, Toái trần dụ. Năm, Chư sự. Lấy đại thiên thế giới, nghiền Chư sự là trí thành sự, tức là thể nát thành bụi nhỏ. Người đời cứ của cõi Biến hóa. Đây là cõi hóa một trăm năm, lấy một hạt bụi; lấy thân của Như lai nương tựa. cho đến hết số bụi ấy, thì đúng một Vì do đời trước tu tập nhơn kiếp. Đó gọi là toái trần dụ. duyên lợi tha, nên có thể thích nghi Năm, Phất thạch dụ. với tâm của chúng sanh hữu tình, Có một tảng đá rộng hai do mà hiện ra vô số cõi nước sạch hay tuần, dày một nửa do tuần. Trời nhơ, khiến cho chúng sanh đó làm Đâu suất cứ một trăm năm dùng được nhiều việc và lấy các việc ấy một áo lục thù

chùi qua một lần, làm thể. cho đến khi tảng đá ấy mòn hết, thì đúng một kiếp. Đó gọi là phất thạch dụ.

(Lục thù y là áo nặng sáu thù. MẠT PHÁP NGŨ LOẠN một thù bằng nửa lạng)
(Pháp uyển châu MẠT THẾ NGŨ PHÁP LINH lâm) CHÁNH PHÁP BẤT DIỆT Một, Thường lai Tỳ kheo tùng (Thập bạch y thuyết pháp. tụng luật) Vào thời mạt pháp,
cư sĩ lừa dối tự cho là bậc thầy gương mẫu; các Một, Tôn trọng chánh giáo. Tỳ kheo không hiểu biết, quay ra Các vị Tỳ kheo chỉ nương vào theo những cư sĩ ấy mà theo học. chánh pháp để tiến tu, xa lìa Tiểu Hai, Bạch y cư thượng tọa, Tỳ thừa và các thuyết thiên kiến, tà kheo xử hạ. kiến của ngoại đạo; do đó khiến Vào thời mạt pháp, cư sĩ nói lừa cho chánh pháp không diệt mất. là tôi hiểu Đại thừa nên phải ngồi ở Hai, Chỉ tức sân ác. trên; Tỳ kheo làm việc hèn hạ, phải Các vị Tỳ kheo thường thực ngồi ở dưới. hành nhẫn nhục, không sanh tâm Ba, Tỳ kheo thuyết pháp bất sân hận, đức độ vang xa, khiến hành thính thọ. người hướng về ngưỡng mộ; do đó Vào thời mạt pháp, tỳ kheo khiến không diệt mất. thuyết pháp, không thừa hành, lãnh Ba, Kính sự thượng tọa. thọ mà chỉ nghe những pháp bạch y Các vị Tỳ kheo đối với các bậc đại nói và lãnh thọ. đức ở ngôi vị thượng tọa, phải cung Bốn, Ma thuyết vi chân, chánh kính, vâng lời là phụng sự; cầu xin pháp vi ngụy. tinh yếu của pháp Phật; do đó khiến Vào thời mạt pháp, những gi cho chánh pháp không diệt mất. vua nói là đạo chân chánh; còn Bốn, Ái nhạo chánh pháp. chánh pháp của Phật, thì ngược lại, Vui vẻ phụng hành theo chánh không chân chánh. pháp, cho nên khiến cho chánh Năm, Đương lai Tỳ kheo súc pháp không diệt mất. dưỡng thê tử. Năm, Thiện hối sơ tập. Vào thời mạt pháp, Tỳ kheo Các vị tỳ kheo đối với pháp Đại không giữ giới luật, nuôi dưỡng vợ thừa, khéo léo giảng nói, khiến cho con, so với người thế tục không người mới phát tâm học tập, có chỗ khác. nương tựa, tiến tu trên đường đạo; do đó khiến cho chánh pháp không NGŨ NGŨ BÁCH NIÊN diệt mất. (Pháp hoa kinh Tùy sớ diễn nghĩa sao).

5500 năm là số năm trong ba lười tu thiền định, chỉ hay học thời kỳ chánh pháp, tượng pháp, nhiều, hiểu theo văn tự, ngữ ngôn, mạt pháp của đức Phật ra đời. kiên cố bất biến. Chánh pháp trong 1000 năm; Thứ tư, 500 năm tháp tự kiên tượng pháp trong 1000 năm; mạt cố. pháp trong 10.000 năm. Các vị Tỳ kheo, ở trong 500 Nay lấy 2500 chia cho 5, ta tượng pháp, ít tu thiền định, ham được: trồng ruộng phước, kết duyên lành, Thời kỳ đầu 2500 năm, là thời phần nhiều xây dựng chùa tháp, kỳ chánh pháp; có người tu, chứng, kiên cố bất biến. giải thoát, thiền định. Thứ năm, 500 năm đấu tranh Thời kỳ kế 2500 năm, là thời kỳ kiên cố. tượng pháp; có người tu, nhưng Các vị Tỳ kheo, ở trong 500 không người chứng quả, mặc dù có năm mạt pháp, không giữ giới luật, người học rộng hiểu nhiều. chỉ có tranh luận, tăng trưởng tà Sau 500 năm là thời đầu của kiến, kiên cố bất biến. mạt pháp 1500 năm. Ở thời này, không có người tu, không có người Y THỨ NGŨ BÁCH chứng, chỉ lấy đấu tranh chính là NIÊN tu. Vì pháp Phật có thịnh, suy (Tì ni mẫu luật). không giống nhau; nên phân chia 5500 này, như sau:
Sau tượng pháp, năm00 năm Thứ nhất, 500 năm giải thoát này, tuy nói là không tu, không kiên cố. chứng, nhưng các vị Tỳ kheo cũng Giải thoát tức là tự tại. còn giải thoát, thiền định, giữ giới, Các vị Tỳ kheo, ở trong 500 học rộng, bố thí. năm chánh pháp, không học gì Phật biết pháp của Ngài suy khác, mà chỉ học Đại thừa, lợi ích dần, nên

nói thứ tự này. chúng sanh, giải thoát tự tại, kiên Thứ nhất, Nhất bách niên đắc cố bất biến. kiên cố giải thóat. Thứ hai, 500 năm thiền định Trong 100 năm này, Tỳ kheo kiên cố. chăm lo việc dùng trí huệ tìm hiểu Các vị Tỳ kheo, ở trong 500 nghĩa lý của kinh điển, thuyết pháp năm chánh pháp, chán ghét sanh tử, lợi sanh, ngộ nhập Đại thừa, giải cầu chứng Niết bàn, rủ sạch ràng thoát tự tại kiên cố bất biến. buộc, chăm tu thiền định, kiên cố Thứ hai, Nhất bách niên đắc bất biến. kiên cố định. Thứ ba, 500 năm đa văn kiên Trong 100 năm này, Tỳ kheo cố. thích tu thiền định, dứt hết ngoại Các vị Tỳ kheo, ở trong 500 duyên, ngộ nhập tự tâm, chứng năm tượng pháp, ít giữ giới luật, được đạo quả, kiên cố bất biến.

Thứ ba, Nhất bách niên đắc thân buồn phiền, tán loạn. Đó gọi là kiên cố trì giới. phiền não trược. Trong 100 năm này, Tỳ kheo ít Bốn, mạng trược. tu tập thiền định, chỉ thích giữ giới, Ở thời xa xưa, người sống không vi phạm oai nghi, giới luật, 84000 tuổi; thời nay, tuổi thọ giảm không buông lung, kiên cố bất biến. dần, ít có người sống đến 100 tuổi, Thứ tư, Nhất bách niên đắc vì nghiệp ác tăng lên, nên tuổi thọ kiên cố đa văn. ngắn lại. Đó gọi là mạng trược. Trong 100 năm này, Tỳ kheo, Năm, Kiếp trược đối với thiền định, giới luật, không Kiếp là tiếng Phạn, gọi đủ là siêng tu tập, chỉ thích học rộng kiếp ba, tiếng Hoa là phân biệt thời nghe nhiều, sớ giải ý nghĩa kinh tiết. điển, kiên cố bất biến. Trong kiếp giảm, khi tuổi thọ Thứ năm, Nhất bách niên đắc của người giảm đến 30 tuổi, tai nạn kiên cố bố thí. đói khát nổi lên, tai nạn đao binh Trong 100 năm này, Tỳ kheo nổi lên, chúng sanh trong thế giới không giữ giới, không tu thiền đều bị tổn hai. Đó là kiếp trược. định. Tuy có tu trì, nhưng ít người chứng đắc; phần nhiều thực hành NHẬT HÀNH NGŨ bố thí, tạo chút duyên lành, kiên cố PHONG bất biến. (Khởi thế nhân quả NGŨ TRƯỢC kinh).

(Pháp uyển châu lâm). Kinh nói: Phật bảo các vị Tỳ kheo: cung điện nhật thiên dọc, Một, Chúng sanh trược. ngang 51 do tuần, trên dưới bốn Chúng sanh có nhiều xấu ác, phương đều ngay thẳng; tường không hiếu kính cha, mẹ, bậc tôn vách, lan can đều làm bằng kim trưởng, không sợ quả báo của ngân, lưu ly. Hình dáng cung điện nghiệp ác, không tạo tác công đức, hướng ra bốn phương. Trông từ xa không chịu ăn chay. Đó gọi là giống như hình tròn; bên trong có chúng sanh trược. năm lại gió thổi, chuyển động đưa Hai, Kiến trược. đi; nên gọi là nhật hành ngũ phong. Chánh pháp đã diệt, tượng pháp (Nguyệt cung cũng có năm loại dần đến , tà pháp sản sanh, tà kiến báu trang hoàng, lớp lớp tường tăng trưởng, không tu tập theo vách, lan can, so với nhật cung đường lành. Đó gọi là kiến trược. không khác. Dọc, ngang chỉ có 49 Ba, Phiền não trược. do tuần). Chúng sanh có nhiều ái dục, Một, Trì. bỏn xẻn, tham lam, tranh cãi, dối Trì là gìn giữ. trá, lừa lọc, làm theo tà pháp; tâm

Điện nhật cung, vì có gió gìn và tin, hiểu, tu hành theo chánh giữ mà đi trong không trung không pháp, lần lượt giáo hóa, khiến cho bị rơi. người khác chánh tin, an vui. Hai, Trú. Năm loại này, lại càng ít có ở Trú là ở yên. thế gian, cho nên gọi là khó được Điện nhật cung, vì có sức gió của báu. giữ gìn, nên ở trong không trung Một, Phật xuất thế gian. mà được an ổn. Chư Phật, được đời tôn kính, Ba, Tùy thuận chuyển. tuy pháp thân thường còn không Nhờ có gió thổi ở trong điện mất; chúng sanh tối tăm khó có

thể nhật cung, mà ở trong không trung thấy được. Nay Phật xuất hiện ở thế chuyển động như ý. gian, là để khiến cho tất cả chúng Bốn, Ba la ha ca. sanh, thành tựu đại sự nhân duyên, Tiếng Phạn là ba la ha ca. rất là ít có. Đó là của báu khó được Trong điện Nguyệt cung cũng ở đời. có năm loại gió. Những gió khác Hai, Văn Phật thuyết pháp vị danh mà nghĩa đều giống nhau; chỉ tha nhân thuyết. có trường hợp thứ tư, tên của một Chúng sanh đã được gặp Phật, loại mà thay thế hết cả, giống như nghe pháp, lại vì người khác, tùy ba la ha ca trong nhật cung này, sức giảng nói, khiến cho họ ra khỏi cũng thay thế ý nghĩa của những sanh tử, thành đạo vô thượng, rất là loại gió khác. ít có. Đó là của báu khó được ở đời. Nhiếp là gìn giữ, thay thế, nuôi Ba, Văn pháp tín giải. dưỡng. Chúng sanh đã nghe pháp, lại Điện nhật nhờ gió gìn giữ mà đi khởi tâm chánh tín, suy nghĩ nghĩa lại được. lý, lại còn như pháp tinh tấn tu Năm, Tương hành. hành, sẽ chứng được đạo vô thượng Điện nhật cung nhờ gió giúp Bồ đề, rất là ít có. Đó là của báu đỡ, có thể ở trong không trung mà khó được ở thế gian. đi lại rất nhanh. Bốn, Như pháp nhi hành. Các chúng sanh đã tin tưởng và THẾ GIAN NGŨ thọ trì chánh pháp, suy nghĩ nghĩa CHỦNG NAN ĐẮC BẢO lý của chánh pháp, lại có thể như (Tứ phần pháp siêng năng tu hành, thì sẽ được đạo Vô thượng Bồ đề, làm luật) được những điều ít có. Đó là của Trân bảo của thế gian, tuy thế báo mà người đời khó được. gian ít có, nhưng tìm kiếm cũng dễ Năm, Đắc tín nhạo giả. được. Chúng sanh vì người khác Nếu gặp Phật xuất thế và được giảng nói chánh pháp, mà được nghe chánh pháp; lại còn nghe pháp người ấy tin tưởng, không nghi

ngờ, thì giáo pháp của Phật ảnh được quả, mà từng phát thệ nguyện, hưởng rộng khắp, dần dần đem lại chỉ lo sao cho được chứng đạo. lợi ích cho mọi người, thật là ít có. Nay nương theo nguyện đời Đó là của báu khó được ở thế gian. trước, gặp Phật nghe pháp, nên gọi là nguyện sanh quyến thuộc. NGŨ CHỦNG QUYẾN Bốn, Thần thông quyến thuộc. THUỘC Đời trước gặp Phật, phá tan mê (Pháp hoa huyền lầm, thấy được lý tánh; hoặc sanh ở nơi khác, vì Phật ra đời, dùng sức nghĩa). thần thông sanh ở xứ này, giúp Năm loại quyến thuộc là Như Phật giáo hóa, nên gọi là thần thông lai nói pháp, nhờ duyên ấy mà quyến thuộc. người vâng chịu theo đạo. Năm, Ứng sanh quyến thuộc. Người đã vâng chịu theo đạo Bồ tát đã phá phiền não vô rồi; nhờ giáo pháp mà thành bà minh, đã chứng được pháp thân; con, tức là thành quyến thuộc. Ví tức là pháp khởi diệu dụng để hóa như di thể của cha và mẹ tạo thành độ chúng sanh, phải vào nơi sanh thân thể, có được thiên tánh. Thiên tử, dẫn dắt chúng sanh, quay về tánh gần gũi mến yêu, nên gọi là Phật đạo. quyến thuộc. Như vua Tịnh phạn và phu Một, Lý tánh quyến thuộc. nhân Ma da, là cha mẹ của hằng Lý tánh của chư Phật và chúng ngàn đức Phật; La Hầu La là con sanh bình đẳng, tương quan một của hằng ngàn đức Phật; các bậc cách tự nhiên. Thinh văn mà bí mật bên trong là Kinh Pháp hoa nói: Ta là bậc hạnh Bồ tát, đều ứng hiện sanh ra ở thánh được tôn trọng nhất trong các đây; nên gọi là ứng sanh quyến thánh, là cha của thế gian. Tất cả thuộc. chúng sanh là con của ta đều là (Tiếng Phạn là Ma da, gọi đủ là những người chưa từng lãnh thọ Ma ha Ma da, tiếng Hoa là Đại giáo pháp ta, nhưng cũng được gọi thuật. là quyến thuộc; nên gọi là lý tánh Tiếng Phạn là La hầu La, tiếng quyến thuộc. Hoa là Phú chướng). Hai, Nghiệp sanh quyến thuộc. Do kiếp trước có nghiệp lành NGŨ TINH XÁ nghe chánh pháp, lại được

sanh vào (Phiên dịch danh thời Phật xuất thế, nhận lãnh đạo pháp và được độ; nên gọi là nghiệp nghĩa). sanh quyến thuộc. Thích ca phổ nói: Dứt chỗ Ba, Nguyện sanh quyến thuộc. vướng mắc của tâm, nên gọi là tịnh Ngày trước, do nghe pháp mà xá, là chỗ người tu hành luyện tập. kết duyên với nhau, chưa chứng Một, Cấp cô độc viên.

Cấp cô độc là tên của vị trưởng sanh, thích giúp đỡ mọi người; nhờ giả. Nhờ lòng nhân và sự thông đức hạnh ấy, nên có hiệu là Thí vô minh, lanh lợi của ông, nên ông yểm. tích trữ của cải để có thể phân phát Tiếng Phạn là Già lam, nói đủ cho người thiếu thốn, nghèo khổ; là tăng già Lam; tiếng Hoa là chúng thương cảm kẻ cô độc. viên). Với đức tính tốt đẹp ấy của ông Bốn, Am la thọ viên. và ông có hiệu là Cấp cô độc. Tiếng Phạn là Am la, tiếng Hoa Ông mua cái vườn của thái tử là nại, tên của một loại trái cây. Kỳ đà, bằng cách trải vàng lấp kín Cây này nở hoa, hoa sanh một mặt đất, nên mới có tên là Cấp cô bé gái. Mọi người trong nước đều độc viên. khen ngợi và cho là lạ; tặng cho Nhờ ông xây dựng tinh xá, rồi nàng cái vườn; nàng giữ gìn vườn cúng cho Phật. Phật ở đây thuyết ấy. Nên gọi Am la thọ viên. pháp độ sanh. Người con gái này, kiếp trước (Tiếng Phạn là Kỳ đà, tiếng đã huân tập nhiều nghiệp lành, nên Hoa là Chiến thắng). khi gặp Phật vui vẻ, tặng Phật cái Hai, Thứu lĩnh. vườn ấy. Phật nhận và xây dựng Thứu lĩnh là tên núi. Vì hình tinh xá trong đó, thuyết pháp độ của núi này giống con chim thứu, sanh. nên đặt tên núi như vậy. Năm, Trúc lâm tinh xá. Trong núi này có xây tinh xá, Đại trí độ luận nói: Trúc lâm Phật ở đây, nói pháp. tinh xá, ở trong núi Kỳ Xà quật. Ba, Di hầu giang. Đất ở đây bằng phẳng, đẹp đẽ, sạch Di hầu giang là bến sông khỉ sẽ, yên tỉnh, hơn hẳng mọi nơi. đột thường đến đây tắm, nên đặt Phật từng ở đây nói pháp, nên có tên như vậy. tinh xá này. Đại trí độ luận nói: Trong thành Hoặc nói rằng: đây là vườn trúc Tỳ da ly có một tinh xá, tên là Di của Ca lan đà. hầu trì. Phật thường ở đây nói (Tiếng Phạn là Kỳ xà quật, Pháp. tiếng Hoa là Linh thứu). Phiên dịch danh nghĩa nói: Bên ao Na lan đà, có xây một Già lam, NGŨ CHỦNG KẾT GIỚI tức là chỗ này. TƯỚNG (Tiếng Phạn là Tỳ da ly, tiếng (Thiện kiến tì bà Hoa là Quảng nghiêm.
Tiếng Phạn là Na lan đà, tiếng sa luật). Hoa là Thí vô yểm.) Năm hình thức kết giới là Kiếp trước, khi Phật tu hạnh Bồ phương pháp Phật dạy các vị Tỳ tát, làm quốc vương và xây dựng kheo kết giới. thủ đô ở đây, thương yêu chúng

Các vị Tỳ kheo; nếu làm Phật Ba, Cổ hình tướng. sự; nếu thực hành Bồ tát; nếu xây Cổ hình tướng là chỗ kết giới, dựng chùa, tháp hoặc ở trên không, có hình thể như cái trống. Với địa hoặc ở trong núi, hoặc ở bờ sông; thế này, hoặc sông, hoặc đường tùy theo hình thức, dung hượng, đi,.. tạo thành thế đất như cái trống; rộng hẹp, lớn nhỏ, đều phải kết giới hoặc đựng đá, trồng cây để làm để lập nên giới tướng; nên nói danh ranh giới. và tướng của năm loại này. Bốn, Bán nguyệt hình tướng. (Tiếng Phạn là Bố tát, tiếng Chỗ kết giới có hình trạng Hoa là Tịnh trụ). giống như trăng bán nguyệt. Với Các vị Tỳ kheo, mỗi tháng họp địa thế này, hoặc sông, hoặc đường hai lần, tụng đọc giới pháp, để đi,...tạo thành thế đất như trăng thanh tịnh ba nghiệp thân, miệng, bán nguyệt; hoặc dựng đá, hoặc ý; nên gọi là tịnh trụ). trồng cây làm ranh giới. Một, Phương tướng. Năm, Tam giác tướng. Phương tướng là chỗ kết giới, Tam giác là chỗ kết giới có hình thể vuông vức; hoặc một hình thể hình tam giác. Với địa thế phương có sông dài, lấy con sông này, hoặc có sông, có đường đi bao ấy làm giới tướng (ranh giới).

Nếu quanh, hoặc phải dựng đá, trồng sông không có nguồn, không chảy cây để làm ranh giới. thường xuyên, thì không thể lấy làm giới tướng được. Nếu có cây, TẢO ĐỊA NGŨ CHỦNG thì lấy cây làm giới tướng, Nếu cây THẮNG LỢI mục hư, không thể tạo thành hàng (Căn bổn nhất rào khép kín, thì cũng không thể làm giới tướng được, Nếu có con thiết hữu bộ tì nại da) đường, thì lấy con đường làm giới Cũng gọi là tảo địa ngũ đức. tướng, Nếu đường cùng, thì không Căn bổn bộ nói: Trưởng giả thể. Nếu có tảng đá, thì lấy làm giới Cấp Cô độc, cứ mỗi sáng đến rừng tướng, Nếu đá rải rác, thì cũng Thệ đa, lễ dưới chân Phật, quét không thể. chùa. Sau một thời gian, trưởng giả Khoảng đất ấy, nếu không có bận việc khác, không vào chùa sông, cây v.v..., thì phải dựng đá, được, Thế tôn đi kinh hành, thấy trồng cây bốn phia để làm giới chùa không sạch, tự cầm chổi quét. tướng (ranh giới). Lúc bấy giờ, các Ngài Xá lợi Hai, Viên tướng. phất,... đều cầm chổi, cùng quét Viên tướng là chỗ kết giới, hình vườn Thệ đa. thể tròn trịa, với địa thế này, hoặc Khi Phật và các đệ tử quét xong sông, cây, v.v...chung quanh làm vườn Thệ đa, vào trai đường, ai nấy hàng rào xung quanh; hoặc dựng ngồi đúng qui định. Phật nói với đá, trồng cây để làm giới tướng.

các tỳ kheo rằng: Người quét rác có NGŨ THỂ năm điều công đức: (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ (Tiếng Phạn là Thệ đa, tiếng Hoa là Thắng lâm. diễn nghĩa sao). Bật sô là tên một lọai cỏ thơm ở Khi kính lễ Tam bảo, năm vóc Ấn Độ, cọng của nó mềm mại, phải gieo xuống đất, để khuất phục dùng để ví dụ người xuất gia có thể tánh kiêu mạn và nói lên lòng thành điều phục ngừng việc xấu, ác của kính vậy. thân, miệng gây ra). Một, Hữu tất. Một, Tự tâm thanh tịnh, cũng Sớ nói: Lúc gối phải của con gọi là tự trừ tâm cấu. chấm đất, xin nguyện chúng sanh Nếu người quét sạch rác ở trong chứng được đạo chánh giác. chùa, vì chùa sạch sẽ, nên tâm Hai, Tả tất. mình được thanh tịnh Sớ nói: Lúc gối trái của con Hai, Linh tha tâm tịnh, cũng chấm đất, xin nguyện chúng sanh, gọi là trừ tha cấu. ở ngoài đạo pháp, không khởi tâm Nếu người quét sạch rác ở trong tà kiến, tất cả đều đứng vững trong chùa, vì chùa sạch sẽ, nên người đạo chánh giác. khác không thấy bụi nhơ, tâm được Ba, Hữu thủ. thanh tịnh. Đó gọi là làm cho tâm Sớ nói: Lúc tay phải của con người khác trong sạch. chấm đất, giống như Thế Tôn ngồi Ba, Chư thiên hoan hỉ, cũng gọi trên tòa Kim Cang, đất rung động, là khử kiêu mạn. hiện điềm lành, chứng được giác Nếu người quét sạch rác ở trong ngộ lớn. chùa, tức là trừ bỏ bụi dơ kiêu mạn (Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng của mình; chư thiên nhìn thấy chùa Hoa là đạo giác). sạch, không có bụi bặm, sanh tâm Bốn, Tả thủ. hoan hỉ. Đó gọi là điều phục tâm. Sớ nói: Lúc tay trái của con Bốn, Thực đoan chánh nghiệp. chấm đất, xin nguyện chúng sanh Nếu người quét sạch rác ở trong xa rời ngoại đạo và những kẻ khó chùa tức là tự điều phục tâm mình, điều phục (uốn nắn, dạy bảo), bằng trông phước nghiệp đoan chánh; tứ nhiếp pháp, hướng dẫn họ quay đời sau ắt được tướng mạo tốt đẹp. về Tam bảo và hiểu rõ chánh pháp. Đó gọi là thực đoan chánh nghiệp. (Tứ nhiếp pháp là ái ngữ, bố Năm, mạng chung chi hậu thí, lợi hành, đồng sự). đương sanh thiên thượng Năm, Thủ đỉnh. Cũng gọi là trưởng công đức. Sớ nói: Lúc đầu con chấm đất Nếu người quét sạch rác ở trong xin nguyện chúng sanh xa lìa tâm chùa vì chùa sạch sẽ, nên công đức kiêu mạn, tất cả đều chứng được tăng trưởng; khi chết sẽ sanh lên tướng vô kiến đỉnh). cõi trời.

XUẤT THẾ NGŨ THỰC các pháp, thì tất cả căn lành Bồ đề được nuôi dưỡng lớn lên, như thức (Hoa nghiêm kinh ăn của thế gian, đem lại lợi ích cho sớ). thân thể; đó là giải thoát thực. Thức ăn của thế gian, chỉ nuôi được cho thân nay còn, mai mất NGŨ CHỦNG TỊNH này. THỰC Đối với người tu hành, những (Căn bản hữu bộ tì trân tu mỹ vị ở trên đời, tâm không nại da). ham muốn, thường giữ chánh niệm, lấy niềm vui của thiền định, niềm Phật đặt ra các giới cấm, để cho vui của đạo pháo làm thức ăn; nhờ các Tỳ kheo biết không được ăn vậy căn lành được nuôi lớn, ra khỏi sống thức ăn. Nếu có rau cỏ, củ, sanh tử, thành tựu Bồ đề; nên có quả; trước phải dùng lửa, dao, năm thức ăn ra khỏi thế gian. móng tay xử lý cho thật sạch, rồi Một, Niệm thực. mới ăn. Đây là năm trường hợp ăn Người tu thánh đạo, giữ gìn sạch. chánh niệm, nuôi lớn tất cả căn Một, Hỏa tịnh. lành, như thức ăn ở đời, nuôi nấng Tất cả củ, trái dùng lửa nấu thân này; đó là niệm thực. chín trước, sau mới ăn. Đó gọi là Hai, Pháp hỉ thực. hỏa tịnh. Người tu hành đạo xuất thế, Luật nói: Những thức ăn ấy, ham thích pháp lớn, nuôi dưỡng hạt phải dung lửa nấu chín vậy. giống đạo, tâm sanh vui mừng. Đó Hai, Đao tịnh. là pháp hỉ thực. Tất cả củ, trái,v.v... phải dùng Ba, Thiền duyệt thực. dao gọt bỏ vỏ, hạt trước, rồi sau Người tu hành đạo xuất thế, do mới ăn. Đó gọi là đao tịnh. được định lực nuôi mình, huệ mạng Luật nói: Những thức ăn ấy, được nuôi lớn, quả vị viên minh, phải dùng dao gọt sạch vậy. tâm thường vui vẻ; đó là thiền Ba , Trảo tịnh duyệt thực. Tất cả các loại cây trái, trước Bốn, Nguyện thực. nhất phải dùng móng tay lột võ nó Người tu thánh đạo, dùng đi sau mới ăn. Đó gọi là trảo tịnh. nguyện lực giữ gìn thân, không bỏ Luật nói: vì thế móng tay có thể vạn hạnh nuôi lớn tất cả căn lành, bị thương tổn. như thức ăn ở đời, giúp ích cho Bốn, Tiến càn tịnh. thân này. Đó là nguyện thực. Tiến càn là những vật không Năm, Giải thoát thực. còn tươi. Giải thoát có nghĩa là tự tại. Tất cả củ, trái,v.v... tự héo tự Người tu thánh đạo, xa lìa sự khô, đến nỗi không thể làm giống ràng buộc của nghiệp, tự tại đối với để trồng trọt lại được, các Tỳ kheo

mới dùng chúng để ăn. Đó gọi là NGŨ CHỦNG BẤT ƯNG tiến càn tịnh. THÍ Luật nói: Những củ, quả,v.v... (Pháp uyển châu đã khô héo không thể gieo trồng được, mới dùng để ăn vậy. lâm) Năm, Điểu trác tịnh. Một, của có được không hợp Tất cả củ, quả, v.v..., nếu do lý, đó là vật bất tịnh, nên không chim ăn dư rơi rớt, thì Tỳ kheo có được đem cho người. thể ăn. Đó gọi là điểu trác tịnh. Hai, Tửu cập độc dược. Luật nói: Những củ, quả do Rượu và thuốc độc, hay làm chim ăn còn lại, thì mới ăn vậy. cho chúng sanh cuồng loạn, mất mạng, nên không được đem cho NGŨ CHỦNG TỊNH người. NHỤC Ba, Ta la cơ võng. (Lăng nghiêm kinh Ta là lưới bắt cọp. hội giải). La là lưới bắt chim. Cơ là máy bắn tên. Một, Bất kiến sát. Võng là lưới bắt cá. Mắt không hề thấy con vật bị Là những dụng cụ hãm hại, làm lo giết, ăn thịt con vật ấy, gọi là tịnh sợ chúng sanh, rắp tâm bẩy, lưới nhục. rình bắt cầm thú, nên không được Hai, Bất văn sát. đem cho người. Tai không hề nghe tiếng con vật Bốn, Đao trượng cung tiễn. bị giết, ăn thịt con vật ấy, gọi là Dao, gậy, cung, tên là dụng cụ tịnh nhục. giết hại chúng sanh, nên không Ba, Bất nghi vị ngã sát. được đem cho người. Biết con vật ấy vì cúng tế trời, Năm, Âm nhạc nữ sắc. thần, mà giết, không phải vì ta mà Âm nhạc, nữ sắc hay làm cho giết; ăn thịt con vật ấy, gọi là tịnh tâm chân chánh mê mờ, rối loạn, nhục. nên không được đem cho người. Bốn, Tự tử. Những con vật chết một cách tự NGŨ QUẢ nhiên vì lý do

khách quan, ăn thịt (Phiên dịch danh nghĩa) những con vật ấy, gọi là tịnh nhục. Năm, Điểu tàn. Luật cấm Tỳ kheo không ăn trái Con chim, thú bị những con vật cây sống; như quả táo, quả hạnh, khác ăn còn dư, ăn thịt của những dùng lửa nấu chín rồi mới ăn. con ấy, gọi là tịnh nhục. Những quả có vỏ, phải dùng dao gọt đi, rồi mới ăn, nên đề cập đến tên của năm loại quả sau: Một, Hạch quả.

Hạch quả là quả có hột, như (Tiếng Phạn là Thủ lăng quả táo, quả hạnh,v.v... nghiêm, tiếng Hoa là Kiện tướng Hai, Phu quả. phân biệt). Phu quả là quả có vỏ mỏng, Một, Đại toán (tỏi). như quả lê, quả táo tây,v.v... Đại toán là loại rau rất cay, rất Ba, Xác quả. nồng. Xác quả là quả có vỏ dày, như Hai, cách thông (Kiệu). quả dừa, quả hồ đào, quả thạch lựu, Cách thông là Kiệu, cọng giống v.v... hẹ, thuộc loại hành núi. Bốn, Cối quả Ba, Từ thông (hành) Cối quả là những quả cây tùng, Từ thông là hành. cây bách. Bốn, Lan thông (hẹ) Năm, Dác quả. Lan thông là một loại hành, Dác quả là những quả đậu to, nhưng thân nhỏ. hay nhỏ. Kinh tạp A hàm nói: Không phải là loại hành nhỏ, mà là rau hẹ. NGŨ TÂN Năm, Hưng cừ. (Phạm võng kinh) Hưng cừ có lá như lá rau cải thìa, rễ như rễ cây cải; chín hay Kinh Thủ lăng nghiêm nói: sống đều có mùi như tỏi; xuất phát Ngũ vị tân này, ăn chín thì dâm từ nước Vu điền, Trung quốc dục nổi lên; ăn sống thì oán hận nổi không có. lên. Các vị trời và tiên ở trong mười NGŨ MINH phương, không ưa mùi hôi hám, dơ (Hoa nghiêm kinh sớ dáy đó, tất cả đều xa lánh. Các loài quỷ đói, thích liếm các sao) thứ này; thường chung chạ với quỷ, Một, Thanh minh. nên phước đức càng ngày càng tiêu Thanh là tiếng nói. Minh là hao. hiểu rõ. Loài quỷ vương đại lực, giả Phương pháp về văn chương, hiện thân Phật, thuyết pháp, nói toán học của thế gian đều phải xấu, chê bai giới cấm Phật chế ra; thông hiểu rõ ràng; gọi là thanh ca ngợi dâm dục, giận dữ, si mê, minh. đến lúc chết làm quyến thuộc của Hai, Nhân minh. quỷ, vĩnh viễn đọa vào địa ngục vô Nhân tức là nguyên nhân sanh gián. khởi của muôn pháp Vì vậy, người cầu đạo giác ngộ, Nguyện nhân của muôn pháp là phải dứt bỏ ngũ vị tân. đất, nước, gió, lửa, ấn triện, sách vở, ngôn luận ở thế gian; đều phải

thông hiểu rõ ràng; gọi là nhân trên không thấy dưới; vì do sắc chất minh. làm chướng ngại. Tam, Y phương minh. Hai, Thiên nhãn. Y phương là y pháp trị bệnh. Thiên nhãn là mắt của các vị Vô số bệnh tật ở thế gian, hoặc trời do tu thiền định mà được. điên loạn, độc trùng; bốn đại không Với mắt này thì xa gần, đêm hòa hợp, hoặc quỷ thần nguyền rủa, ngày, trước sau, trên dưới, trong các bệnh cảm nắng, cảm lạnh; đều ngoài đều có thể thấy được; vì phải biết rõ nguyên nhân, hiểu rành không có sắc chất làm chướng ngại. việc chữa trị; nên gọi là y phương Ba, Huệ nhãn. minh. Huệ nhãn là mắt của hàng Nhị Bốn, Công xảo minh. thừa; để được huệ nhãn thì quán sát Công tức là công nghiệp. Xảo tất cả pháp đều không, không thấy tức là khéo léo, đều phải thông hiểu có tướng chúng sanh và diệt trừ tất rõ ràng, nên gọi là công xảo minh. cả tướng khác, rời bỏ các chấp Năm, Nội minh. trước, không nhận bất cứ một pháp Nội tức là giáo pháp của Phật. nào. Lấy giữ giới để trị phá giới. Lấy Bốn, Pháp nhãn. thiền định để trị tán loạn. Lấy trí Pháp nhãn là mắt của Bồ tát, do huệ để trị ngu si; cho đến các pháp cứu độ chúng sanh bằng pháp nhãn đối trị. Niết bàn, sanh tử; chánh, tà; thanh tịnh. Quán sát tất cả pháp, có nhiễm, tịnh đều thông hiểu rõ ràng; thể biết, có thể thực hành.

nên gọi là nội minh). Nhờ thực hành pháp như thế mà chứng được đạo như thế; cũng biết NGŨ NHÃN vô số phương tiện cứu độ tất cả (Đại trí độ luận) chúng sanh, khiến cho biết tu và chứng như mình. Nhãn tức là chiếu sáng. Năm, Phật nhãn. Luận Du già sư địa nói: hay Phật nhãn là mắt của Phật, có quan sát các sắc, nên gọi là nhãn. đủ công dụng của bốn loại mắt Nhãn là tên chung, theo công dụng trên; không có gì là không thấy phân biệt ra năm thứ. không biết; như người thấy đến nơi Một, Nhục nhãn. xa nhất, Phật lại thấy rất gần; Chỗ Nhục nhãn là loại mắt nhờ khí người thấy lờ mờ, thì Phật thấy rõ khuyết của cha mẹ tạo thành, tức ràng; cho đến không việc gì là Phật mắt có khả năng thấy thuộc thân không thấy, không biết, không thể con người. Thấy gần, không nghe. Phật nghe và thấy như nhau, thấy xa. Thấy trước, không thấy tất cả suy tư đều thấy biết hết. sau; thấy trong, không thấy ngoài. Ngày thấy, đêm không thấy. Thấy

NGŨ MỘNG PHÁP tưởng hoài không quên, thì mộng thấy trời, thần. Đó là sự cảm ứng (Hoa nghiêm kinh Tùy giữa tâm linh với trời, thần. sớ diễn nghĩa sao). Một, Nhiệt khí đa kiến hỏa. NGŨ KỲ ĐẶC MỘNG Giống như người ta dùi cây (Quá khứ hiện tại được lửa, lại dùng lửa vào nhiều nhân quả kinh). công việc. Phần nhiều dùng tướng nóng của nó. Tưởng về nóng đã Nhờ kiếp trước, đức Thế Tôn ở sanh, nên mộng thấy lửa. Đó là khí trong núi tu tập, hiệu là Tỳ kheo nóng nhiều thì phần nhiều mộng Thiện Huệ, nên hiện năm giấc thấy lửa. mộng kỳ lạ; bèn đến thưa Như lai Hai, Lãnh khí đa kiến thủy. Phổ Quang, xin Ngài giảng nói Giống như người đào giếng lấy tướng của những giấc mộng. nước, lại dùng nước vào nhiều việc Một, Mộng ngọa đại hải. khác. Phần nhiều dùng tướng lạnh Phật Phổ Quang nói: mộng nằm của nó. Tưởng về lạnh đã sanh, nên trên biển là thân của ông hiện đang mộng thấy nước. Đó là khí lạnh ở trong biển sanh tử, chưa đến bờ nhiều thì phần nhiều mộng thấy giải thoát, chưa chứng Niết bàn. nước. Hai, Mộng chẩm tu di. Ba, Phong khí đa kiến phi trụy. Phật Phổ quang nói: mộng gối Giống như người nhờ gió đưa đầu lên núi Tu di là dấu hiệu ra lên cao. Sự vận chuyển của gió vừa khỏi biển sanh tử, lên bờ giải thoát, ngừng, phần nhiều dùng tướng sắp chứng Niết bàn. động của nó; tưởng về động đã Ba, mộng hải trung nhất thiết sanh, nên mộng thấy bay rơi xuống. chúng sanh nhập ngã thân nội. Đó là không khí chuyển động Phật Phổ quang nói: mộng thấy nhiều, thì mộng thấy bay rơi xuống. tất cả cúng sanh ở trong biển lớn Bốn, Văn khiến đa thục cảnh. đều vào trong thân của mình; mộng Như người ngồi thiền, tụng ấy có nghĩa đang ở trong biển trần kinh, luyện tập thân; tâm; phần lao, vì chúng sanh làm chỗ nương nhiều bằng thói quen tập luyện. tựa cho họ, cứu giúp họ lên bờ giải Tưởng về việc tập, luyện đã sanh, thoát. nên mộng thấy cảnh quen thuộc. Bốn, Mộng thủ chấp nhật. Đó là do nghe, thấy nhiều, mà Phật Phổ Quang nói: Mộng mộng thấy cảnh quen thuộc. thấy tay nắm mặt trời là dấu hiệu Năm, Thiên thần dữ tâm linh sở của trí huệ sang suốt, chiếu soi cảm. khắp pháp giới, dẫn dắt chúng sanh Nếu có người từng hướng về mê lầm, tối tăm, trở về đường việc thiện, thích phụng sự trời, chánh. thần. Vì cung kính phụng sự, nhớ Năm, Mộng thủ chấp nguyệt.

Phật Phổ Quang nói: Mộng Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng thấy tay nắm mặt trăng là biểu hiện Hoa là Diệt độ. trí phương tiện, đi vào trong cõi Các vị Bồ tát dứt sanh tử, trở về trần lao sanh tử, dùng phương pháp chơn tánh, vào Niết bàn vô dư, có trong trẻo, mát dịu, giáo hóa, được sự yên lặng hoàn toàn. Đó gọi hướng dẫn chúng sanh, khiến

cho là niềm vui Niết bàn. xa lìa buồn phiền, nóng, nảy. (Vô dư là sắc thân, phiền não diệt hết, không còn sót lại gì). NGŨ CHỦNG LẠC NGŨ VỊ VÔ TÂM (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ diễn nghĩa sao). (Thành duy thức Một, Xuất gia lạc. luận). Niềm vui xuất gia là vì người Vô tâm là tâm thức không phân thế gian, nhiều phiền não, mê lầm; biệt, không hoàn toàn là vô tâm, chỉ nhờ xuất gia hiểu đạo, dứt hết khổ có thức tâm phân biệt không nổi đau ấy. lên mà thôi; nên nói là vô tâm có Hai, Viễn ly lạc. năm vị(dạng). Niềm vui xa lìa là niềm vui của Một, Thụy miên trời sơ thiền. Vì chứng sơ thiền có Lúc chúng sanh ngủ, sáu thức thể xa lìa ái nhiễm, phiền não cõi mê mờ, không thể thấy, nghe, hay, dục, được thiền định giác quán, mà biết. Đó gọi là vô tâm khi ngủ say. niềm vui được sanh ra. Hai, Muộn tuyệt. (Giác là tâm mới vừa duyên là giác; Lúc chúng sanh sợ hãi chết Tâm vi tế phân biệt thiền vị gọi là giấc, sáu thức mê mờ; thấy, nghe, quán). hay, biết tạm ngưng trong chốc lát. Ba, Tịch tĩnh lạc. Đó gọi là muộn tuyệt vô tâm. Niềm vui tịch tĩnh là niềm vui Ba, Vô tưởng định. của trời nhị thiền. Vô tưởng định là định của trời Vì nhị thiền rời bỏ giác quán sắc giới tu tập được. của sơ thiền loạn động, tâm lắng Khi tu vô tưởng định, thân và trong yên lặng và phát khởi niềm tâm đều tiêu mất; nhớ, nghĩ đều vui của thiền định thù thắng. ngừng lại; các tưởng (tượng) không Bốn, Bồ đề lạc. nổi lên. Đó gọi là vô tưởng định vô Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa tâm. là đạo. Bốn, Vô tưởng báo. Bồ tát do quả giải thoát mà Vì trong tâm chán sanh, diệt; tu thành, tự hưởng được niềm vui của tập định vô tưởng, nên quả báo cảm đạo. Vì tâm từ, lại đem niềm vui ứng sanh lên trời vô tưởng. Trải này cho chúng sanh. qua năm trăm kiếp tưởng của tâm Năm, Niết bàn lạc.

không nổi lên; đó gọi là vô tưởng Trừ thân túng phong là tắm gội báo vô tâm. thân thể, không còn lạnh lẽo, thì Năm, Diệt tận định. gió độc và các bệnh tự hết. Khi vào định này, tất cả tâm thọ Năm, Đắc an ổn. lãnh, suy tư, tưởng tượng, trong Đắc an ổn là tắm gội thân thể, một lúc diệt hết đều không có thấy, không bị gió độc, thì tay, chân nghe, hay, biết; thở ra, thở vào được nhẹ nhàn, an ổn. cũng hết. Đó gọi là diệt tận định vô tâm. NGŨ BẤT ƯNG ĐÁP (Pháp uyển châu TẨY DỤC NGŨ LỢI lâm) (Thập tụng luật). Một, Thí vấn bất đáp. Thập tụng luật nói: Phật ở nước Gặp người ôm lòng khinh khi, Xá vệ, có tỳ kheo bị bệnh hủi, tìm ngạo mạn; hoặc mình đã hiểu rồi, thầy thuốc Kỳ Vực chữa trị. Kỳ mà còn tự nói rằng: ta làm bộ hỏi vực nói với Tỳ kheo mắc bệnh thử người kia có hiểu không. rằng: Ông nên tắm gội, thì bệnh sẽ Nếu có hỏi thử như vậy, thì hết ngay. không nên trả lời. Tỳ kheo nói: Phật chưa cho vào Hai, Vô nghi vấn bất đáp. nhà tắm. Khi diễn thuyết Phật pháp là Các tỳ kheo đem việc này thưa khiến cho chúng sanh mở mang Phật. Phật liền cho phép tắm rửa, những tăm tối của chúng, giải thích nên nói năm ích lợi này. rõ ràng những nghi ngờ. (Tiếng Phạn là Xá vệ, tiếng Có người không còn nghi ngờ Hoa là Phong đức. Tiếng Phạn là gì, mà làm bộ hỏi, thì không nên Kỳ vực, tiếng Hoa là Năng hoạt). đáp. Một, Trừ cấu Ba, Bất vi hối sở phạm cố vấn Trừ cấu là tắm gội thân thể, thì bất đáp. tất cả nhơ nhớp sạch hết. Người này đã biết mình đã Hai, Thân thanh tịnh. phạm vào những gì, tâm không ăn Thân thanh tịnh là tắm gội thân năn, còn làm bộ vì người khác mà thể, nhơ nhớp đã sạch, thì thân thể hỏi; thì không nên đáp. sạch sẽ. Bốn, Bất thọ cố vấn bất đáp. Ba, Trừ hàn lãnh. Người này, trước đây, ta đã Trừ hàn lãnh là tắm gội thân từng vì họ giảng nói, mà

không thể, sạch sẽ, thoải mái, tất cả lạnh chịu nghe theo; giờ cố ý làm bộ lẽo đều tự hết. hỏi, thì không nên đáp. Bốn, Trừ thân trúng phong. Năm, Ngữ nạn cố vấn bất đáp. Người này suy nghĩ và nói rằng: đây là lời nói khó hiểu, người

kia chắc không hiểu được. Ta làm một cách nhanh chóng, liền sanh ở bộ hỏi xem, người kia có đáp được nơi kia. không. Vì thế mà hỏi, thì không Dù cho sức thần thông của chư nên đáp. Phật, cũng không thể ngăn chặn thần thức ấy thác sanh; nên gọi là NGŨ LỰC BẤT KHẢ không thể được. ĐÁO Ba, Đại nguyện lực. (Chư kinh yếu Đại nguyện lực là sức nguyện lớn của chư Phật. tập) Thần thức trung ấm của chúng Câu xá luận nói: Nếu người bỏ sanh, khi đến thế giới khác đầu thân mạng này, mà phải đến vô thai, đều do sức nghiệp duy trì, đi lượng thế giới bên ngoài để thọ một cách nhanh chóng liền sanh ở sanh thì thần thức của thân trung nơi kia. ấm đi trong không trung, trong Dù cho sức nguyện lớn của chư chốc lát đến nơi thác sanh, đều do Phật, cũng không thể ngăn chặn sự duy trì của nghiệp lực. Dù có thần thức ấy thác sanh; nên gọi là sức thần thông, thiền định cũng không thể được. không thể ngăn chặn, không cho nó Bốn, Pháp oai đức lực. đi; cũng không thể bắt nó ở lại Pháp oai lực là sức oai đức của những nơi thác sanh khác; nên gọi Phật pháp. là sức không thể được vậy. Thần thức trung ấm của chúng (Trung ấm là thân của chúng sanh, khi đến giới khác đầu thai, sanh sau khi chết, chưa thác sanh, đều do nghiệp lực duy trì, đi một gọi là trung ấm). cách nhanh chóng, liền sanh ở nơi Một, Định lực. kia. Là sức định lớn của chư Phật. Dù cho sức oai đức của Phật, Thần thức trung ấm của chúng cũng không thể ngăn chặn thần sanh, khi đến thế giới khác đầu thức ấy thác sanh; nên gọi là không thai, đều do sự duy trì của nghiệp thể được. lực, đi một cách rất nhanh chóng, Năm, Tá thức lực. liền sanh ở nơi kia. Dù sức định lớn Tá thứ lực là nhị thiền trở lên, của Phật, cũng không thể ngăn không có tầm tứ, ngôn ngữ. chặn thần thức ấy thác sanh, nên Nếu muốn nói pháp thì phải gọi là không thể được. mượn thức của sơ thiền để sử dụng. Hai, Thần thông lực. Thần thức trung ấm của chúng Thần thông là sức thần thông sanh, khi đến thế giới khác đầu của chư Phật. thai, đều do sức nghiệp duy trì, đi Thần thức trung ấm của chúng một cách nhanh chóng, liền sanh ở sanh, khi đến thế giới khác đầu nơi kia. thai, đều do sức nghiệp duy trì, đi

Dù có mượn sức mạnh của tương ứng giữa thức và pháp; cho thức, cũng không thể chặn lại thần nên duy thức khó phán quyết. thức ấy thác sanh, nên gọi là không Ba, Tá thức lực. thể được. Tá thức lực là từ nhị thiền trở (Nhị thiền trở lên là tam thiền, lên, không có tầm, tứ, ngôn ngữ. tứ thiền). Nếu muốn nói ứng dụng thuyết pháp, thì mượn ba thức mắt, tai, NGŨ LỰC NAN PHÁN thân của sơ thiền sử dụng. (Tông cảnh lục)
Vì mượn của người khác sử dụng, chẳng phải do nhân khởi lên, Ngũ lực nan phán là sức của nên không thuộc duy thức; cho nên năm thứ định, trong duy thức luận duy thức khó quyết định. không thể phán quyết được. (Mượn ba thức của sơ thiền là Nhưng ba cõi duy tâm, muôn vì sơ thiền không nhiễm hai trần pháp duy thức mà không thể phán hương và vị, nên không có thức quyết năm lực này là vì năm thức mũi và lưỡi; chỉ có ba thức mắt , tai lực này, là cảnh giới bất tư nghì của và thân. Nếu muốn ứng dụng, thì thánh nhân, không cùng tương ứng phải mượn ba thức của sơ thiền) với tâm thức. Đó là lý do khó quyết Bốn, Nguyện lực. định. Nguyện lực là sức nguyện lớn Tông

cảnh lục nói: Có năm lực của Như lai. mà duy thức không thể quyết định. Nguyện lực này, không xuất Một, Định lực. pháp từ phiền não, ái, kiến; không Định lực là sức định tĩnh lớn vay mượn bởi tư duy; mà là thành của Như lai. tựu của thánh nhân do công lao độ Sức định này, không dơ, không sanh nhiều kiếp; chẳng phải tư duy sạch; chẳng không, chẳng có; sống, đạt được, há có tương ứng giữa chết không thể chi phối; phiền não thức và pháp; cho nên duy thức khó không thể ràng buộc, không dấy quyết định. khởi định này; mà có thể ứng khắp Năm, Pháp oai đức lực. mười phương, không cùng thức và Pháp oai đức lực là sức oai đức pháp tương ứng; cho nên duy thức ứng hóa của Như lai. khó phán quyết. Sức oai đức này, là cảnh giới Hai, Thông lực. không nghĩ bàn của thánh nhân; Thông lực là sức thần thông của như nói một thứ tiếng mà thích ứng Như lai. mọi căn cơ; nói một pháp mà ma Sức thần thông này, biến hóa quân điều phục; ích lợi chúng sanh vô cùng, tùy cảm mà ứng, không lo không cùng; công đức khó lường; toan mà biết, thấu suốt muôn pháp, không cùng tương ứng với thức và suy nghĩ không thể đến được, há có pháp; cho nên duy thức khó quyết đoán.

NGŨ CHỦNG TỈ Lấy tác dụng, làm chỗ dựa của LƯỢNG tỉ nghiệp. Như thấy vật ở xa, không cục (Hiển dương thánh cựa, bầy chim đang đậu trên đó; giáo luận) các loại tương tự như thế, suy ra đó Tỉ lượng là suy nghĩ, quyết là thân cây trụi cành lá; nếu có cục định, chọn lựa, so đo về cảnh giới, cựa, suy ra đó là con người; suy ra quyết định nghĩa lý của nó. đó là con voi, nếu thấy có dấu chân Một, Tướng tỉ lượng. to dài; nếu thân lết trên đường đi, Tùy theo sự tương quan với suy ra là rắn. tướng mạo có được, hoặc ở hiện tại Thấy suy ra mắt, nghe suy ra đến cảnh giới trước kia đã thấy mà tai, v.v....; như thấy người mắt suy diễn ra. Như, vì thấy cờ hiệu, nhắm, cầm cây, quờ quạng đi lạc mà suy ra có xe (cắm cờ hiệu); vì đường, suy ra là người đui; thấy thấy khói mà suy ra lửa. Tương tự người nói lớn tiếng, lắng tai nghe, như thế, từ vua mà suy ra nước; lấy suy ra là người điếc. chồng và suy ra vợ; từ lạc đà mà Do nghiệp đã làm, suy ra biết là suy ra trâu; từ thân hình mềm mại, tin đúng và thông minh. Các loại tóc đen, cử chỉ nhẹ nhàng xinh đẹp tương tự như thế, gọi là nghiệp tỉ mà suy ra người trẻ tuổi; từ mặt lượng. nhăn, tóc bạc mà suy ra là người Bốn, Pháp tỉ lượng. già. Đối với tất cả tướng liên quan Thấy tướng hảo đẹp đẽ của đến pháp, lấy một pháp so sánh Phật, trí huệ vắng lặng, công hạnh (suy ra) pháp còn lại. tài giỏi mà suy Phật là bậc chánh Như thuộc vô thường, suy ra đẳng chánh giác. biết có khổ. Vì thuộc khổ, suy ra Đầy đủ tất cả trí, với các việc biết có không, vô ngã. Vì thuộc như thế, gọi là tướng tỉ lượng. sanh, suy ra có già. Vì thuộc già, Hai, Thể tỉ lượng. suy ra có chết. Vì thuộc có sắc, có Do hiện thấy tự thể của đối thấy, có ngại, suy ra có vị trí và thể tượng, mà suy ra tự thể không thấy hình. Vì thuộc hữu lậu, suy ra có của đối tượng; hoặc hiện thấy một khổ. Vì thuộc vô lậu suy ra không phần tự thể mà suy ra phần còn lại. khổ. Vì thuộc hữu vi suy ra là pháp Như hiện tại suy ra quá khứ và sanh, trụ, dị, diệt. vị lai; hoặc lấy việc quá khứ suy ra Các loại tương tự như thế, gọi việc vị lai; hoặc lấy việc gần suy ra là pháp tỉ lượng. việc xa; hoặc từ một phần thành tựu Năm, Nhân quả tỉ lượng. suy ra phần thành tựu khác. Các So sánh tướng nhân quả; như loại tương tự thế, gọi là thể tỉ thấy vật đi, suy ra có chỗ đến. Thấy lượng. có đến suy ra trước có đi. Ba, Nghiệp tỉ lượng.

Nếu thấy có người làm như vua Nhìn lên bầu trời thấy sắc xanh, phụng sự Phật pháp, suy ra biết có sắc vàng,v.v... đó là hiển sắc; Nếu nhiều phước lộc và ngôi vị lớn. nhìn xuống thì các hiển sắc ấy rất Thấy ngôi vị lớn và phước lộc xa, khó thấy được; đó gọi là cực nhiều, suy ra trước đã phụng sự quýnh sắc. Phật pháp như vua. Nếu thấy xây Ba, Thọ sở dẫn sắc. dựng sự nghiệp bằng đầy đủ việc Thọ tức là lãnh thọ; dẫn tức là lành, suy ra biết phải được tiền của dẫn dắt đến để chọn lựa, nắm lấy. giàu sang. Thấy có tiền của giàu Như khi lãnh thọ các giới phẩm; sang, suy ra biết trước đã làm ăn giới là sắc pháp của giới được nhận chân chánh, hiền lành. Nếu thấy tu lãnh, tức là sắc được đem đến do hành theo chánh pháp, suy ra biết thọ. Cũng giống như ý thức khi phải được quả thánh. Thấy chứng lãnh nhận các pháp thanh, hương, được quả thánh suy ra biết trước đã vị, xúc; cho đến nhớ lại cảnh giới tu chánh đạo. đã từng thấy ở quá khứ, đều gọi là Tương tự như thế, gọi là nhân sắc được đem đến do lãnh thọ. quả tỉ lượng. Bốn, Biến kế sở khởi sắc. Các chúng sanh, đối với ảnh NGŨ CHỦNG SẮC tượng do thức biến và cảnh giới ba PHÁP đời do thức thứ sáu duyên như hoa (Hoa nghiêm kinh giữa hư không, bóng trăng trong nước, v.v... đều do suy lường; chấp Tùy sớ diễn nghĩa sao) trước mà sanh ra; đó gọi là biến kế Sắc tức là sự trở ngại của vật sở khởi sắc. chất. Tất cả sắc pháp y báo và Năm, Định tự tại sở sanh sắc. chánh báo, không ra ngoài năm thứ Định tức là thiền định. này. Tự tại sở sanh sắc là cảnh giới (y là y báo của chúng sanh, tức do giải thoát tịnh lự duyên. Như là núi, sông, đất liền, nhà cửa. ánh sáng do Bồ tát nhập định hiện Chánh là chánh báo tức là thân ngũ ra và hiện ra tất cả cảnh giới hình ấm của chúng sanh. Cả hai thứ này tượng. Như vào hỏa định thì có ánh đều có hình, lượng và phân chia sáng của lửa phát ra; đó gọi là sắc được, nên gọi là pháp). sanh ra do thiền định tự tại. Một, Cực lược sắc. Đối với sắc pháp đã nói trên, NGŨ TRẦN phân chia ra dài, ngắn, lớn, nhỏ, (Pháp giới thứ đệ) cho đến rất nhỏ; nên gọi là cực lược sắc. Trần là bụi bậm dơ dáy; vì năm Hai, Cực quýnh sắc, cũng gọi trần này hay làm cho chân tánh dơ là tự ngại sắc. dáy. Một, Sắc trần.

Các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng của trời, người có thể thấy mà huệ và hình dáng nam, nữ; đó gọi là sắc nhãn mới thấy được sắc đó. trần. (Thắng nghĩa căn là cái khả Hai, Thinh trần. năng của năm căn có thể nương Những tiếng tai nghe được do theo cảnh phát ra thức, đó là sắc ngọc ngà, sáo, đờn phát ra, cho đến thanh tịnh. tiếng ca, ngâm của nam, nữ; đó gọi Huệ nhãn là con mắt của trí tuệ, là thinh trần. tức là con mắt của hàng Nhị thừa Ba, Hương trần chứng được). Những mùi hương, mũi ngữi Một, Cực vi tế. được do thân của nam, nữ, thức ăn, Sắc trần này phân tích đến nhỏ thức uống, trầm thuỷ, chiên đàn; đó nhất; mắt của người, trời không thể gọi là hương trần. thấy; đó là cực vi tế. Bốn, Vị trần. Hai, Sắc biên tế. Những vị lưỡi nếm được do Sắc trần này, phân tích đến ranh những thức ăn uống cao lương, mỹ giới nhỏ nhất của sắc tướng; mắt vị; đó gọi là vị trần. của trời, người không thể thấy Năm, Xúc trần. được; đó là sắc biên tế. Thân thể xúc chạm thân nam, Ba, Cực lược sắc. nữ mềm mại, trơn lán và những Sắc nhỏ nhất này, giản lược đến quần áo cao sang, tốt đẹp; đó gọi là cùng cực, không thể lấy gì để so xúc trần. sánh; mắt của trời, người không thể thấy được; đó là cực lược sắc. LÂN HƯ NGŨ TRẦN Bốn, Vô phương phần. (Quyết định tạng Sắc nhỏ nhất, không có ảnh tượng, không chút chướng ngại. Đó luận) là vô phương trần. Trần tức là sắc trần. Năm,

Lân hư Năm loại căn thắng nghĩa (thần Các sắc của thức và sắc trong kinh) của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân định, không chút chướng ngại, tựa và các pháp sắc, thinh, hương, vị, như hư không, mà thật không phải xúc; cho đến sắc phát ra từ trong là hư không; nên gọi là lân hư. thiền định; cảnh quá khứ, vị lai duyên tưởng của tâm thức, đều là BẠC GIÀ PHẠM LỤC trần. NGHĨA Vì sắc trần này nhỏ bé khó (Hoa nghiêm kinh thấy, không thể chia chẻ, gần giống với hư không; gọi là lân hư. Tuỳ sớ diễn nghĩa sao) Trong cực vi ấy, lại có năm thứ không giống nhau. Không phải mắt

Tiếng Phạn là Bạc già phạm, Phật, ban đầu, từ cung trời Đâu cũng gọi là Bà già bà; một tên có suất, giáng sanh xuống cung vua đủ sáu nghĩa. Tịnh Phạn; rồi sau khi xuất gia tu Luận Phật địa nói: Tự tại, xí hành, chứng được quả vị cao tột; vì thạnh, đoan nghiêm, danh xưng, cát lợi ích chúng sanh mà phương tiện tường, tôn quí; sáu nghĩa viên mãn như thế; nên gọi là tôn quí. như thế, cho nên làm ra tên Bạc già (Tiếng Phạn là Đâu Suất, tiếng phạm. Hoa là tri túc) Nhà Đường, pháp sư Huyền trang nêu rõ năm thứ không phiên NHƯ LAI THẮNG ĐỨC dịch và trường hợp thứ hai chứa LỤC NGHĨA đựng nhiều nghĩa không phiên (A tì đạt ma tạp dịch. Đó chính là Bạc già phạm vậy. tập luận) (năm trường hợp không phiên Một, Tự tánh nghĩa. dịch là bí mật, đa hàm, thử phương Pháp thân của chư Phật, đều vô, thuận cổ, tôn trọng). nương vào lý thể của chân như làm Một, Tự tại nghĩa. tự tánh. Đó gọi là tự tánh nghĩa. Phật hoàn toàn không bị các Hai, Nhân nghĩa. phiền não trói buộc; nên gọi là tự Chư Phật, trong vô lượng vô số tại. kiếp, tu tập cái nhân của thắng quả; Hai, Xí thạnh nghĩa. đó gọi là nhân nghĩa. Lửa trí huệ của Phật hừng hực Ba, Quả nghĩa. sánh tỏ thấu suốt đến vô hạn; nên Chư Phật hoàn toàn đã dứt hết gọi là xí thạnh. chướng ngại của phiền não; chứng Ba, Đoan nghiêm nghĩa. được quả vô thượng Bồ đề; nên gọi Phật có 32 tướng tốt trang là quả nghĩa. nghiêm tuyệt vời; nên gọi là đoan Bốn, Nghiệp nghĩa. nghiêm. Thân nghiệp của chư Phật đã Bốn, Danh xưng nghĩa. thanh tịnh nên hiện thần thông lớn; Phật có đầy đủ công đức thù khẩu nghiệp đã thanh tịnh, nên nói thắng, thế giới mười phương đều pháp nghĩa lớn; ý nghiệp đã thanh nghe, biết đến; nên gọi là danh tịnh, nên điều phục vô số chúng xưng. sanh; dẫn dắt, dạy dỗ chúng sanh, Năm, Cát tường nghĩa. khiến chúng ra khỏi sanh tử, chứng Phật đã đầy đủ đức độ nhiệm được giác ngộ; đó gọi là nghiệp mầu, thù thắng, tất cả thế gian khen nghĩa. ngợi, cúng dường, cũng được sự tốt Năm, Tương ứng nghĩa. đẹp (cát tường); nên gọi là cát Ứng là đáp vậy. tường. Trong tu nhân quả của chư Sáu, tôn quí nghĩa. Phật, hay làm những việc khó làm,

khổ hạnh; đã sanh ra công đức của lên trên Thanh văn, Duyên giác, Bồ mười lực, bốn vô sở uý và cùng với tát; nên gọi là viên mãn. lý của pháp tánh tương ứng; nên Hai, Vô cấu. gọi là tương ứng nghĩa. Do chư Phật đã chứng các đức (mười lực là mười lực về trí của thường, lạc, ngã, tịnh, nên không Phật; tri thị xứ (đạo lý) phi xứ trí còn phiền não ô nhiễm; nên gọi là lực; tri quá hiện vị lai nghiệp báo vô cấu. trí lực; tri chư thiền giải thoát Tam Ba, Bất động. muội trí lực; tri chư căn thắng liệt Do chư Phật sở hữu công đức, trí lực; tri chủng chủng giải trí lực; vì chứng được định đại tịch diệt; tri chủng chủng giới trí lực; tri nhất nên tất cả ma quân của ngoại đạo, thiết chí xứ đạo trí lực; tri thiên thân thuộc giặc cướp, cho đến lửa, nhãn vô ngại trí lực; tri vĩnh đoạn nước, gió, v.v..., đều không thể tập khí trí lực. quấy rối, làm thay đổi hay hư hao; Bốn vô sở uý là

nhất thiết trí vô nên gọi là bất động. sở uý, lậu tận vô sở uý; thuyết Bốn, Vô đẳng. chướng đạo vô sở uý; thuyết tận Phật sở hữu vô số công đức, to khổ đạo vô sớ uý). lớn đáng tôn kính, oai lực tự tại; tất Sáu, sai biệt nghĩa. cả hữu tình cho đến Bồ tát, không Chư Phật nói pháp độ chúng sánh được; nên gọi là vô đẳng. sanh, thị hiện tướng ba thân; pháp Năm, Năng tác hữu tình lợi ích. thân, báo thân, ứng thân khác nhau; Chư Phật thành tựu công đức nên gọi là sai biệt nghĩa. vô thượng, phương tiện thị hiện hạnh lợi tha; cứu độ và giải thoát NHƯ LAI CÔNG ĐỨC LỤC cho chúng sanh; khiến cho thành CHỦNG TƯỚNG thánh đạo; nên gọi là hay làm lợi (Du già sư ích cho chúng sanh. Sáu, Công năng. địa luận) Chư Phật, đối với việc làm lợi Công đức là vạn hạnh của Phật ích cho chúng sanh, không mong là nhân; pháp thân là quả đức. muốn cho mình, không giữ lại, bỏ Vì muốn cho chúng sanh, giống đi vì mình; mà tự nhiên được viên như Phật tu hành, đều được thành mãn và thành tựu; nên gọi là công tựu quả vô thượng; nên nói sáu loại năng. tướng. Một, Viên mãn. LỤC TỨC PHẬT Vạn hạnh của Phật đầy đủ, (Quán vô lượng thọ chủng trí tròn đầy sáng suốt; tất cả công đức ở thế gian và xuất thế Phật kinh sớ diệu tông sao) gian, đều thành tựu hết thảy, vượt

Sáu tức Phật là vì dựa theo sự Năm phẩm là tuỳ hỉ, độc tụng, để nói rõ sáu; vì dựa theo lý để nói thuyết pháp, kiêm hành lục độ, rõ tức. chánh hành lục độ). Tức là thể của nó không hai; Bốn, Tương tự tức Phật. nên gọi nó là tức. Trong quán hạnh tức Phật, thì Nhưng nói rõ sáu tức này thì càng quán càng sáng, càng chỉ càng hoặc là hiển bày sự cao sâu của vắng lặng. Tuy chưa thật chứng lý pháp môn, hoặc trình bày rõ ràng thể ấy; nhưng dường như thật thứ tự tu hành. chứng; đó là tương tự tức Phật, đây Nếu luận về sáu thứ này, vị trí là ngôi vị Thập tín. theo thứ tự từ cao đến thấp, thì (Càng quán càng chỉ là quán người tu hành không sanh thoái tức là soi sáng, dùng quán để soi thác. sáng cái tối tăm; chỉ tức là ngưng Lấy lý mà nói: sáu chỗ luôn là bặc, dùng chỉ để chấm dứt sự tán tức, một chỗ tức luôn là sáu; bởi vì loạn. lý và sự không hai. Thập tín là tín, niệm, tinh tấn, Một, Lý tức Phật. huệ, định, bất thối, hộ pháp, hồi Chúng sanh về lý vốn đủ tánh hướng, giới, nguyện). Phật, cùng với Phật không hai, Năm, Phần chứng tức Phật. không khác. Vô minh hoặc có 41 phẩm, đến Kinh Niết bàn nói: Tất cả chúng như phá được một phẩm vô minh, sanh tức là Phật. Đó là lý tức Phật. thì chứng một phần trung đạo; đó là Hai, Danh tự tức Phật. phần chứng tức Phật, đây là Thập Hoặc từ học hỏi, hiểu biết; hoặc trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, xem trong kinh sách, biết lý tánh Thập địa, đẳng giác. này tức là tên của Phật. Ở trong Sáu, Cứu cánh tức Phật. danh tự hiểu rõ tất cả các pháp đều Diệu giác là tột bực của đạo, là Phật pháp; đó là danh tự tức chủng trí đầy đủ; đó là cứu cánh Phật. tức Phật, đây là quả Phật cuối cùng. Ba, Quán tánh tức Phật. (Chủng trí là nhất thiệt chủng Đã biết tất cả pháp đều là Phật trí. Diệu giác là thể của hiểu biết pháp, ắt phải dùng tâm quán sát rõ tròn đầy, sáng tỏ, không thể nghĩ ràng, lý và huệ tương ứng, nói và bàn). làm như nhau; Đó là quán hạnh tức Phật, đây là ngôi vị của năm phẩm. LỤC NIỆM PHÁP (Lý, huệ tương ứng là: Lý tức (biệt dịch Tạp a hàm đối tượng bị quán sát; huệ là chủ thể quán sát; ứng là đúng. Vì cảnh kinh) và trí tương đương, mới nói và làm Một, Niệm Phật. là một. Niệm đầy đủ mười hiệu của Phật, đại từ, đại bi, trí huệ, sáng

suốt, thần thông vô lượng, hay cứu thân khoái lạc, mà tâm được định. hết khổ cho chúng sanh. Vì được định, mà tâm bình đẳng. Bằng tâm thanh tịnh, ngay Tu tập niệm tăng; quán tưởng, thẳng của ta, được gần gũi Phật, ắt đến Niết bàn; đó gọi là niệm tâm sanh vui mừng. Vì tâm vui tăng. mừng, mà thân được khoái lạc. Vì (Pháp vô lậu là tu giới, định, thân được khoái lạc, mà tâm được huệ thì không rơi rớt vào sanh, tử). định. Vì được định, mà tâm bình Bốn, Niệm giới. đẳng. Nhớ đến các giới cấm, có thể Tu tập niệm Phật, quán tưởng, ngăn chặn các ác, phiền não. ắt đến Niết bàn. Đó gọi là niệm Bằng tâm thanh tịnh, ngay Phật. thẳng của ta được gần gũi giới, tâm (mười hiệu của Phật: Như lai, sanh vui mừng. Vì vui mừng, mà Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh thân được khoái lạc. Vì khoái lạc, hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, mà tâm định. Vì định mà tâm bình Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng đẳng. phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế tôn). Tu tập niệm giới, quán tưởng, Hai, Niệm pháp. ắt đến Niết bàn. Đó là niệm giới. Pháp là công đức của Phật có Năm, Niệm thí. được, tức là mười lực, bốn vô sở Nhớ những gì mình đã cho, được uý, v.v... nhiều điều tốt đẹp. Bằng tâm thanh tịnh, ngay Tất cả những người thế gian bị thẳng của ta, được gần gũi pháp, sự keo kiệt, bỏn xẻn che lấp. Nay ta tâm sanh vui mừng. Vì tâm vui đã xa lìa thói nhơ keo bẩn, tham mừng mà thân được khoái lạc. Vì lam như thế; ở trong tâm buông bỏ, thân được khoái lạc, mà tâm được đối với tất cả các vật, tâm không định. Vì được định mà tâm bình luyến tiếc, mà luôn bố thí. Đã bố đẳng. thí rồi, tâm ta được vui vẻ. Vì vui Tu tập niệm pháp, quán tưởng, vẻ, thân được khoái lạc. Vì được ắt đến Niết bàn; đó gọi là niệm khoái lạc, mà tâm được định. Vì pháp. định, mà tâm bình đẳng. Ba, Niệm tăng. Tu tập niệm thí, quán tưởng, ắt Tăng là đệ tử của Phật, được đến Niết bàn; đó gọi là niệm thí. pháp vô lậu, đầy đủ giới, định, huệ; Sáu, Niệm thiên. hay làm ruộng phước cho chúng Nhớ các trời cõi dục, đều nhờ sanh gieo trồng; đáng được cung nhân kiếp trước là căn lành bố thí, kính. giữ giới mà được sanh lên cõi ấy, Bằng tâm thanh tịnh, ngay hưởng khoái lạc của trời. thẳng của ta, được gần gũi tăng, Ta cũng thấy công đức bố thí, tâm sanh vui mừng. Vì tâm sanh giữ giới như thế, khi chết ắt sanh hoan hỉ, mà thân được khoái lạc. Vì lên cõi trời ấy.

Vì nhớ đến trời mà xa lìa pháp phần ba đức, không thể huỷ hoại, ác, tâm sanh vui mừng. Vì tâm vui nên gọi là đức kiên. mừng, thân được khoái lạc. Vì (ba đức là pháp thân, Bát nhã, được khoái lạc, tâm định. Vì tâm giải thoát) được định mà tâm bình đẳng. Năm, Đỉnh kiên. Tu tập niệm thiên, quán tưởng Đẳng giác Bồ tát thuộc biệt ắt đến thiên đạo; đó gọi là niệm giáo ở ngôi vị Thập địa, phá phiền thiên. não, đức hiện ra, không thể huỷ hoại, nên gọi là đỉnh kiên. LỤC KIÊN PHÁP Sáu, Giác kiên. (Bồ tát anh lạc bổn Phật quả diệu giác của biệt giáo, hiểu rõ tất cả pháp đều là nghiệp kinh). trung đạo, không thể huỷ hoại, nên Một, Tín kiên. gọi là giác kiên. Bồ tát thuộc biệt giáo, ở ngôi vị Thập trụ, tu tập không quán, tin tất LỤC NHẪN PHÁP cả pháp đều là chân đế, không thể (Bồ tát anh lạc bổn huỷ hoại; nên gọi là tín kiên. Hai, Pháp kiên. nghiệp kinh) Bồ tát thuộc biệt giáo, ở ngôi vị Một, Tín nhẫn. Thập hạnh, tu tập giả quán, biết tất Bồ tát thuộc biệt giáo, ở ngôi vị cả pháp đều là tục đế, không thể Thập trụ, tu tập không quán, tin tất huỷ hoại; nên gọi là pháp kiên. cả pháp thảy đều không tịch, hay ở (Không quán là quán tánh và trong không pháp, nhẫn được tướng của tất cả

pháp đều không. chứng được nên gọi là tín nhẫn. Giả quán là quán tất cả pháp Hai, Quán nhẫn. đều vô thường và giả hợp). Bồ tát thuộc biệt giáo, ở ngôi vị Ba, Tu kiên. Thập hạnh, tu tập giả quán; tuy biết Bồ tát thuộc biệt giáo, ở ngôi vị tất cả pháp không, không có sở Thập hồi hướng, tu tập trung quán, hữu; nhưng giả lập tất cả pháp để hiểu rõ tất cả pháp đều là trung đế, giáo hóa chúng sanh; ở trong pháp không thể huỷ hoại; nên gọi là tu giả, nhẫn được chứng được; nên kiên. gọi là pháp nhẫn. (Trung quán là quán tất cả Ba, Tu nhẫn. pháp, chẳng phải không chẳng phải Bồ tát thuộc biệt giáo, ở ngôi vị giả, tức là trung đạo) Thập hồi hướng tu tập trung đạo; Bốn, Đức kiên. biết trung đạo, nhẫn được chứng Bồ tát thuộc biệt giáo, ở ngôi vị được; nên gọi là tu nhẫn. Thập địa, nhờ tu trung quán, phá Bốn, Chánh nhẫn. trừ một phần vô minh, hiện ra một Bồ tát thuộc biệt giáo, ở trong ngôi vị Thập địa đang phá vô minh

hoặc, mà ở trong lý trung đạo, nhẫn Mũi và vật thơm hay thúi, khi được chứng được; nên gọi là chánh tiếp xúc nhau thì sanh ra thọ khổ nhẫn. hay vui. Đó gọi là sự nhận lãnh của Năm, Vô cấu nhẫn. mũi khi tiếp xúc với mùi thơm hay Bồ tát thuộc biệt giáo, ở trong thúi. ngôi vị đẳng giác dứt trừ vô minh Bốn, Thiệt xúc thọ. hoặc nhiễm và đối với thể của tự Lưỡi cùng với vị ngon hay dở, tánh thanh tịnh tâm nhẫn được khi tiếp xúc nhau, thì sanh ra thọ chứng được; nên gọi là vô cấu khổ hay vui. Đó gọi là sự nhận lãnh nhẫn. của lưỡi khi tiếp xúc với vị ngon Sáu, Nhất thiết trí nhẫn. hay dở. Trí là biết. Phật quả diệu giác Năm, Thân xúc thọ. thuộc biệt giáo, đoạn trừ hết 12 Thân cùng với cảnh tốt hay xấu, phẩm vô minh hoặc, biết khắp tất khi tiếp xúc nhau, thì sanh ra thọ cả pháp của trung đạo và đối với khổ hay vui. Đó gọi là sự nhận lãnh pháp này nhẫn được chứng được; của thân tiếp xúc với cảnh khổ hay nên gọi là nhất thiết trí nhẫn. vui. (12 phẩm vô minh hoặc là Sáu, Ý xúc thọ. những hoặc dứt trừ được từ mười Ý phân biệt cảnh của năm trần địa, đẳng giác, diệu giác. Mỗi cấp tốt, xấu, thì sanh ra khổ hay vui. Đó dứt một phẩm). gọi sự nhận lãnh của ý khi tiếp xúc với cảnh khổ hay vui. LỤC THỌ PHÁP LỤC QUÁN PHÁP (Đại tập pháp môn kinh) (Bồ tát anh lạc bổn Một,
Nhãn xúc thọ. nghiệp kinh) Xúc tức là chạm phải, cũng có Một, Trụ quán. nghĩa chống đối. Tâm hiểu được lý là trụ. Thọ là lãnh nạp. Bồ tát thuộc biệt giáo, ở trong Mắt và sắc đẹp hay xấu, khi Thập trụ, tu tập không quán, nên tiếp xúc nhau thì sanh ra khổ hay gọi là trụ quán (không quán là lạc thọ. Đó gọi là sự nhận lãnh của quán tánh và tướng của tất cả pháp mắt khi tiếp xúc với sắc. đều không). Hai, Nhĩ xúc thọ. Hai, Hành quán. Tai và tiếng hay, dở, khi tiếp Hành có nghĩa là tiến lên, tiến xúc nhau, thì sanh ra thọ khổ hay đến. vui. Đó gọi là sự nhận lãnh của tai Bồ tát thuộc biệt giáo, ở ngôi vị khi tiếp xúc với tiếng. Thập hạnh, tu tập giả quán, nên gọi Ba, Tỵ tiếp xúc thọ. là hành quán. Ba, Hướng quán.

Hướng là trở về nhân mà hướng Suy nghĩ trong thân khởi lên đến quả. các tâm (thọ, tưởng, hành), vướng Bồ tát thuộc biệt giáo, ở trong vào tham dục, không thể ra khỏi. Thập hồi hướng, tu tập trung quán, Đó là nhân khổ. nên gọi là hướng quán. Lại nghĩ báo thân trong cõi dục, (Trung quán là quán tất cả chịu đói, khát, lạnh, nóng, đau đớn pháp chẳng phải không chẳng phải vì bệnh, vì dao đâm, roi đánh và giả, tức là trung đạo). bao nhiêu thứ áp bức. Đó là quả Bốn, Địa quán. khổ. Địa là hay sanh trí huệ của Nhân khổ, quả khổ đều đáng Phật, đứng yên, bất động. chán ghét. Bồ tát thuộc biệt

giáo, ở trong Hai, Yếm thô quán. Thập địa, tu tập trung quán, hay Suy nghĩ năm trần cõi dục hay sanh trí huệ của Phật; nên gọi là địa nổi lên các việc ác. Đó là nhân thô. quán. Lại nghĩ về thân này, hợp thành Năm, Vô tưởng quán. từ 36 thứ dơ dáy cức, đái. Đó là Bồ tát thuộc biệt giáo, ở trong quả thô. ngôi vị đẳng giác, tu tập trung Nhân thô, quả thô đều đáng quán, rõ biết tánh, tướng của phiền chán ghét. não nhiễm ô vốn không có; nên gọi (36 vật hợp thành thân: tướng ở là vô tưởng quán. ngoài có 12: tóc, lông, móng, răng, Sáu, nhất thiết chủng trí quán. ghèn, nước mắt, nước dãi, nước Chủng có nghĩa là năng sanh. miếng, cức, đái, cáu bẩn, mồ hôi. Diệu giác Phật quả thuộc biệt Ở thân có 12: da ngoài, da giáo, đã thành tựu trung quán, có trong, máu, thịt, gân, mỡ, lông, não, thể biết tất cả sự sai biệt trong việc mô (màng), mỡ đặc, xương, tủy, giáo hóa và cứu độ chúng sanh; nên mạch máu. gọi là quán nhất thiết chủng. Ở trong thân có 12: gan, mật, ruột, bao tử, lá lách, thận, tim, phổi, LỤC HẠNH QUÁN sanh tạng, thục tạng, đàm đỏ, đàm (Thiền ba la mật thứ đệ trắng). Ba, Yếm chướng quán. pháp môn). Suy nghĩ về phiền não, ngăn Chán ghét những cái thấp kém trở, giao động chân tánh, làm cho như khổ, thô, chướng. chân tánh không thể hiển lộ. Đó là Vui mừng những cái ở trên như nhân chướng, lại suy tư về thân thắng, diệu, lợi. này, trở ngại không thể tự tại. Đó là Mỗi cái đều có nhân có quả, quả chướng. Nhân chướng, quả dựa vào sáu pháp tu hành này. Đó chướng, đều đáng chán ghét. gọi là sáu hạnh quán. Bốn, Hân thắng quán. Một, Yếm khổ quán.

Đã chán cái khổ thấp hèn, tham Pháp hoa là một kinh, nghĩa lý dục ở cõi dục, thì vui với niềm vui mầu nhiệm, huyền vi, người khó tin thiền định của sơ thiền vượt trội. nhận, nên trước tiên hiện thụy Đó là nhân thắng, lại chán những tướng làm thay đổi lòng người. khổ sở đói, khát ở cõi dục, thì vui Lòng người đã thay đổi, giống như với vị của sơ thiền. Đó là quả con trâu khát nước ngóng chờ, thì thắng. Được vui hơn khổ, thật đáng khi nghe pháp sẽ thấm vào lòng, vui mừng. đạo nhiệm mầu dễ dàng nương Năm, Hân diệu quán. theo, tiến lên. Đã chán cái vui năm trần ở cõi Bí mật đã có biểu hiện, nên sáu dục, tâm loạn động, dong rủi, thô thụy tướng làm sáng tỏ điều ấy. tháo; thì vui theo cái vui của thiền Một, Thuyết pháp thụy. định cõi sơ thiền. Tâm yên tĩnh, Khi Phật sắp nói Pháp hoa, không loạn động; đó là nhân mầu trước nói nghĩa vô lượng của kinh nhiệm. làm tựa cho Pháp hoa. Từ một pháp Lại chán cái thô kệch, dơ dáy ở nói nghĩa vô lượng; đưa vô lượng cõi dục, thì vui nhận được thân ở nghĩa trở về một pháp, nên nghĩa cõi sơ thiền; giống như hình ảnh vô lượng của kinh làm thành Pháp trong gương, tuy có hình sắc mà hoa, tập trung tất cả quy về một không trở ngại, đó là quả mầu phẩm tựa. nhiệm. Kinh nói: nói kinh Đại thừa còn Được cái mầu nhiệm hơn cái gọi là vô lượng nghĩa, chính là đây. thô kệch, đều đáng vui mừng. Vả lại, Phật khi nói pháp Sáu, Hân xuất quán. thường có nghi thức, tại sao cho là Đã chán trở ngại, che đậy của điềm lành ? phiền não ở cõi dục, thì vui ở cõi sơ Bởi vì, tuy Phật nói kinh vô thiền, tâm được xa lìa; đó là nhân lượng nghĩa dã xong, nhưng lúc ấy xuất. lại chán cái thân ở cõi dục, mọi người vẫn còn ở đó, đợi nghe vật chất trở ngại, không được tự tại, sau. Đây là điều kỳ lạ, so với thì vui ở cõi sơ thiền, được thân có những thời nói pháp thông thường năm thần thông, tự tại vô ngại; đó thì không giống, nên gọi là điềm là quả xuất, ra khỏi thắng chướng ở lành khi thuyết pháp. trên, đều đáng vui mừng. Hai, Nhập định thụy.

(Năm thần thông là thiên nhãn, Phật sắp nói Pháp hoa, muốn thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần gom hết cả về một, nên trước vào túc). định vô lượng nghĩa xứ. Kinh nói: vào Tam muội vô PHÁP HOA LỤC THỤY lượng nghĩa xứ, chính là đây. (Pháp hoa kinh văn Vả lại nhập định cũng là nghi thức Phật thường làm, tại sao cho là cú). điềm lành.

Bởi vì, tuy Phật nhập khai định, Đại chúng đã thấy mưa hoa, nhưng ý tại hợp định, so với những quả đất rung động, biết đức Thế nhập định khác không giống, nên Tôn sắp nói pháp lớn, vui mừng gọi là điềm lành nhập định. trào dâng, cơ lớn biểu thị sắp xuất (Tiếng Phạn Tam muội, tiếng hiện. Hoa là chánh định. Kinh nói: đại chúng được điều Khai định là vô lượng nghĩa xứ chưa từng có, vui mừng, chấp tay, định. nhất tâm nhìn Phật, chính là đây. Hợp định là định Pháp hoa hội Vả lại, mừng, giận là chuyện tam quy nhất) thường tình của con người, tại sao Ba, Vũ hoa thụy. lại cho là điềm lành ? Phật sắp nói Pháp hoa, nên trời Bởi vì hoa trời làm vui mắt, quả mưa bốn loại hoa để biểu thị Thập đất rung động thì làm động lòng trụ Thập hạnh, Thập hồi hướng, người. Đó là điềm lành ở ngoài. Thập địa; các vị Bồ tát sẽ nhận Tâm mừng là điềm lành ở trong. được nhân của quá trình thành Đó là sự vui mừng không phải bình Phật, nên gọi là điềm lành mưa thường; trước tuy đã có, nhưng hoa. không xúc động đến thế. Nay, sự Kinh nói: Trời mưa bốn loài vui mừng này làm cho xúc động, hoa mạn đà là, chính là đây. nên có thể lắng lòng nhìn Phật; nên (Tiếng Phạn là mạn đà la, tiếng gọi là chúng hỉ thụy. Hoa là thích ý, còn gọi là bạch hoa. Sáu, Phóng quang thụy. bốn loài hoa là mạn đà la, ma Phật sắp nói Pháp hoa, phóng ha mạn đà la, mạn thù sa, ma ha hào quang trước, soi sáng cõi này, mạn thù sa). đến cõi khác, so với phóng quang Bốn, Địa động thụy. bình thường có khác; nên gọi là Phật sắp nói Pháp hoa, nên quả điềm lành phóng quang. đất có sáu loại chấn động, để biểu Kinh nói: Từ sợi lông trắng thị sáu lần phá vô minh hoặc của giữa hai lông mày, Phật phóng Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi quang, soi sáng về phương đông hướng, Thập địa, đẳng giác, diệu 18000 thế giới, chính là đây. giác của Viên giáo; vì vô minh đầy dẫy, chưa từng xâm đoạt, huỷ diệt; VỌNG TẬN HOÀN NGUYÊN sắp phá hoại nó, nên trước tiên biểu QUÁN LỤC MÔN thị địa động. (Hoa nghiêm Kinh nói: chư Phật ở trong thế giới có sáu loại chấn động. hoàn nguyên quán) (Sáu loại chấn động là động, Phương pháp quán này, là của khởi, dũng, chấn, hống, kích). quốc sư Hiền Thủ, đời Đường, Năm, Chúng hỉ thụy. dùng ý nghĩa kinh Hoa nghiêm, cao rộng, phong phú, sâu xa. Ai đã xem

đến rồi, há không nghiên cưu đến động mà thành có. Chân tánh đã nguồn gốc của nó; ai đã tìm được không ranh giới, thì trần cũng theo rồi, ít kẻ nào không đến tận cùng đó; nên trong mỗi trần đều thấy cả giới hạn của nó. pháp giới trong ấy. hai là một trần Do đó quốc sư thâu tóm ý nghĩa sanh ra khắp cả; trần không tự thể, uyên thâm, bao quát nguồn cội để khởi lên phải nương vào chân; chân đưa ra sáu phương pháp này, giúp như vốn đầy đủ, luôn luôn có các người sau có pháp quán tu tập, dứt đức nhiệm mầu. Dựa vào chân như trừ hư vọng, trở lại nguồn chân. khởi lên dụng, muôn pháp sum la, Một, Hiển nhất thể. vô tận. ba là một trần dung hợp cả Nhất thể tức là thể sáng suốt không và hữu: trần không có tự của tự tánh thanh tịnh. tánh, tức là không; ảo tưởng như Vì thể tánh này, từ xưa đến nay, thật, tức là có. sáng suốt, vắng lặng; ở trong phiền

Chân không không phải là não mà không dơ, ở Niết bàn mà không. Diệu hữu không phải là có. chẳng tịnh; ở thánh không tăng, ở Sự, lý bao trùm, dung hợp không phàm không giảm; phiền não che ngại. khuất thì ẩn, trí tuệ tột cùng thì Bốn, Hành tứ đức. hiện; nên gọi là hiển nhất thể. Tứ đức là dựa vào một trần ở Hai, Khởi nhị dụng. trên có thể bao trùm một cõi, mà tu Hai tác dụng là nương vào thể hành theo tứ đức. một là tùy duyên thanh tịnh ở trên, có hai tác dụng: diệu dụng vô phương đức; tùy một là hải ấn sum la thường trụ thuận cơ duyên mà có được ứng dụng: vào chánh định hải ấn, soi dụng nhiệm mầu, ngàn muôn sai chiếu tánh chân như, vọng hết, thì khác, biến hóa khó lường. hai là oai tâm trong, muôn đức cùng hiện ra; nghi trụ trì hữu tắc đức: đi, đứng, giống như biển lớn, gió ngừng thổi, nằm, ngồi oai nghi nghiêm túc, nêu thì nước trong veo, muôn hình vạn cao giáo pháp, dẫn dắt chúng sanh tượng đều soi sáng vào đó, thường mê mờ, kham nhận chức trụ trì, còn, bất động; hai là pháp giới viên đáng làm gương mẫu cho người. ba minh tự tại dụng: vào chánh định nhu hòa chất trực nhiếp sanh đức: Hoa nghiêm, soi sáng thể của pháp từ bi, bình đẳng, điều hòa, nhu giới, muôn đức đầy đủ, muôn hạnh thuận, nói và làm phù hợp, ngay đều trang nghiêm, ánh sáng soi thẳng, không giả dối; chỉ dùng thấu, viên dung không ngại. chánh pháp dạy dỗ, thu nhận chúng Ba, Thị tam biến. sanh. bốn phổ đại chúng sanh thọ Tam biến là dựa vào hai tác khổ đức; chúng sanh chịu khổ vô dụng trên, mỗi tác dụng đều bao lượng, thường mong chờ được trùm khắp pháp giới. một là một thương cảm ra tay cứu giúp; lại còn trần bao trùm khắp pháp giới: trần ra sanh vào tử, vì họ nói pháp, nhẫn không có tự tánh, chân tánh bị quấy nại giúp họ được an vui.

Năm, Nhập ngũ chỉ. chứng được cảnh này mà thành tịnh Ngũ chỉ là nương vào tâm hay độ. Nhưng báo thân của Phật và thực hành bốn đức ở trên, mà tu tập tịnh độ y báo, viên dung vô ngại; năm chỉ. một là chiếu pháp thanh hoặc trong thân hiện ra cõi nước, tịnh ly duyên chỉ: quán chiếu hai đế trong cõi nước hiện ra thân. Tâm và chân, tục; không, hữu không hai; cảnh tan loãng vào nhau, hoàn toàn thanh tịnh rỗng rang; trí năng không cưỡng ép. bốn là trí thân ảnh duyên đã vắng lặng, cảnh sở duyên hiện chúng duyên quán: trí thể chỉ cũng đã mất. hai là quán nhân tịch có một hay làm hiện rõ các duyên. bạc tuyệt dục chỉ: quán thân năm Giống mặt trời chiếu soi vào hư uẩn, các pháp vốn không, vắng lặng không, những loài có mắt đều trông đơn sơ, các dục đều hết, không thấy cả. năm là đa thân nhập nhất mong, không cầu. ba là tánh khởi; cảnh tượng quán: vì nhờ pháp lực ứng dụng vào muôn ngàn sai khác, của đại chỉ diệu quán già trì, mà gọi là phiền hưng; tùy thuận theo tự một thân biến thành nhiều thân; nhiên gọi là pháp nhĩ. bốn là định nhiều thân nhập vào một thân; quang hiển hiện vô niệm chỉ: Vào giống như ảnh tượng hiện trong trong chánh định này, ánh sáng kính, không chút trở ngại. sáu là hiện rõ; trong, ngoài thông suốt; chủ bạn hỗ hiện đế võng quán: tự không nghĩ ngợi. năm là lý, sự thân của đức Tỳ lô giá na là chủ, huyền thông phi tướng chỉ: Lý là còn chư Phật và Bồ tát là bạn; hoặc của chân tánh; sự là thuộc ảo lấy một thân làm chủ, nhiều thân tưởng; ẩn, hiện đều dung thông; làm bạn. Chủ và bạn cùng hiện lẫn tánh, tướng, đều dứt bặc. nhau, lớp lớp không cùng. Giống Sáu, Khởi lục quán. như lưới kết bằng những hạt ngọc Lục quán là nương vào năm chỉ của vua Đế Thích, ánh sáng giao trước mà tụ tập, tức là sáu quán của thoa lẫn nhau, không có cùng tận.

chỉ. một là nhiếp cảnh quy tâm (Tiếng Phạn là Tỳ lô giá na, chân không quán: quán sát tất cả tiếng Hoa là biến nhất thiết xứ). pháp ở thế gian, chỉ do tâm tạo, ngoài tâm không một pháp nào có LỤC SỰ MINH KINH Ý được. Cảnh giới vốn vắng lặng, (Ngũ khổ chương không có thật thể. hai là tùng tâm hiện cảnh diệu hữu quán: dựa vào cú kinh) thể phát khởi tác dụng, tu tập vạn Kinh nói: Phật có ba trí thông hạnh, trang nghiêm cõi Phật, thành đạt: Từ xưa đến nay, không có gì là tựu báo thân. ba là tâm, cảnh bí mật không hiểu thấu; kinh Phật rất viên dung quán: Tâm đề cập ở đây nhiều, có thể dùng hư không để là tâm vô ngại. Chư Phật chứng lường; trí của Phật sâu xa, không được tâm này mà thành pháp thân. dựa vào những thứ được tạo tác Cảnh là cảnh vô ngại. Chư Phật làm căn nguyên; nội dung trong

kinh không thể nghĩ bàn, hoặc có cho chúng buông lung, thì được chỗ xem xét kỹ lưỡng cũng khó quả báo trời, người; an vui lâu dài. hiểu cho rõ ràng. Sơ lược có sáu Đó là phước đức. trường hợp, có thể hiểu được ý Sáu, Cấm giới. kinh. Phật nói kinh và thiết lập các (Ba trí thông đạt là tam minh: giới cấm, để cho tất cả chúng sanh túc mạng, thiên nhãn, lậu tận). giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý Một, Chánh đạo. thanh tịnh, thì có thể ra khỏi ba Kinh do Phật nói, ý chỉ sâu xa, đường khổ. Đó là cấm giới. vô tác vô vi, vô hành vô đắc mà tự (Tam ác thú là địa ngục, ngạ nhiên hợp với đạo. Đó là chánh quỷ, súc sanh). đạo. Hai, Thiện quyền. LỤC LY HỢP THÍCH Phật nói kinh, khéo tùy cơ, (Hoa nghiêm kinh khéo giáo hóa, không có phương thức cố định, tùy lúc mà xuất xử, Tùy sớ diễn nghĩa sao) đều hợp với căn cơ; tùy theo từng Trong một danh từ có năng và loại mà chỉ bày, sao cho con người sở… hổ tương lẫn lộn, nên phải có hiểu rõ, ắt được chứng ngộ. Đó là sáu cách giải thích này mới rõ ràng; thiện quyền. lại còn dùng y và chủ… đều có ý Ba, Chí giáo. nghĩa ly và hợp, nên gọi là sáu Phật nói kinh, vì chúng sanh chỉ cách giải thích ly và hợp của một rõ tội, phước, để cho biết làm nhân danh từ. này, thì được quả này; chưa có làm (Ý nghĩa của ly và hợp là trong lành mà bị tội, làm ác mà được y và chủ giải thích. Ví dụ: phân biệt phước. Điều ấy rõ ràng, thật là dễ nói nhãn và thức là ly; thường nói hiểu. Đó là dạy dỗ đến nơi đến nhãn thức là hợp. chốn. Trong trì nghiệp, ví du: tạng và Bốn, Dụ đạo. thức. Phật nói kinh, chỉ vì con người Trong hữu tài, ví dụ: kim cương u tối, ngu si, khó dạy bảo, nên mới và người. hiện ra bao nhiêu nhân duyên, Trong tương vi, ví dụ: nhãn và phước báo có thể được ở đời, để nhĩ. khuyên răng, dẫn dắt, khiến cho Trong đái và số, ví dụ: ngũ và chúng vui vẻ, thuận theo mà sanh uẩn. chánh tín. Đó là dụ đạo. Trong lân cận, ví dụ: niệm và Năm, Phước đức. huệ). Phật nói kinh là để cho chúng Một, Y chủ thích: sanh tu tập các hạnh bố thí, trì giới, Sở y là chủ: như nói nhãn thức nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí thì nhãn là sở y thì hơn; thức là huệ; điều phục các căn, không để năng y thì kém. Lấy kém nương và

hơn, nên gọi là thức của mắt (nhãn thêm số lượng, nên gọi là đái số chi thức). thích. Ví dụ như tôi dựa vào chủ Sáu, Lân cận thích. (vua), năng và sở làm sáng rõ cho Từ sự gần gũi mà đặt tên. Như nhau; đó là giải thích theo cách y nói tứ niệm trụ, vốn là lấy sự quán chủ. Nếu nói nhãn tức là thức thì đó sát về thân, thọ, tâm, pháp. Nay gọi là giải thích theo cách trì nghiệp). là niệm. Hai, Trì nghiệp thích. Huệ tức là chọn lựa, chiếu soi. Trì nghĩa là giữ gìn, đảm nhận. Niệm tức là nhớ rõ, không quên. Nghiệp nghĩa là cái dụng của Lấy nghĩa gần nhau của niệm và nghiệp. Ví dụ nói thức thứ tám tàng huệ

như vậy, nên giấu tên huệ mà thức thì thức là bản thể, còn tàng là nói tứ niệm. Cái đó gọi là giấu nghiệp dụng. Gom dụng trở về thể. mình theo cái khác. Thể có thể giữ gìn dụng. Tàng tức Lại như ý và thức cũng như thế: là thức, nên gọi là tàng thức. Thể nên gọi là giải thích nghĩa của một hay giữ gìn nghiệp dụng, đó là trì danh từ theo cách có ý nghĩa gần nghiệp thích. gũi của chúng. Ba, Hữu tài thích. Từ sở hữu của cái khác, đem LỤC CHỦNG BỔN TÍCH đặt tên cho nó. Ví dụ: Kim Cang, (Tông cảnh lục) vốn là thần hộ pháp; Vì tay cầm chày báu Kim Cang, mà đặt tên là Bổn nghĩa là rễ và gốc (căn Kim Cang. bổn), như cây có rễ. Tích giống như Lại giống như, tiếng Phạn là dấu chân; như người đang ở một Câu xá, tiếng Hoa là tàng. nơi, thì có dấu chân đi ở đó; nên Tàng có nghĩa của Câu xá, lấy gọi là bổn tích (căn bản và dấu làm văn nghĩa chứa đựng nó. Giống tích). như cái kho chứa ở đời, có thể cất Một, Lý, sự bổn tích. chứa tiền của, nên gọi là (kho) Từ thật tướng của lý chơn đế là tàng. Lấy tên của người kia để hiển gốc, sanh ra tất cả các pháp. thị mình. Đó là hữu tài thích.. Sự của tục đế là (dấu) tích. Tích Bốn, Tương vi thích. này, tuy gọi là sự, chính là trong lý Như nói mắt và tai v.v...mỗi có đầy đủ những gì của sự, nên thứ có thể tánh khác nhau, đều tự cũng thuộc về lý; nên gọi là lý, sự làm chủ. Giống như nước và lửa, bổn tích. không thể hòa hợp, cả hai khác (Chân đế là tất cả pháp hoàn nhau; nên gọi là tương vi thích. toàn vắng bặt. Tục đế là tất cả pháp Năm, Đái số thích. được dựng lên). Pháp có số lượng thì dùng số để Hai, Lý giáo bổn tích. biểu thị. Như nói ngũ uẩn, cho đến nhị đế, v.v... Hình thức danh từ có

Như trên lý đi với sự, đều Dĩ (cái đã qua) tức là tích; trong không thể nói, đều gọi là gốc (bổn); kinh Pháp hoa từ phẩm An lạc hạnh bổn tức là lý vậy. trờ về trước (kể cả Hoa nghiêm, Nói lý, nói sự đều gọi là tích Lộc uyển, Phương đẳng, Bát nhã) (dấu vết). Tích nghĩa là giáo vậy; đã nói sự lý, quyền thật các pháp, nên gọi là lý, giáo bổn tích. đều là tích; nên gọi kim, dĩ bổn Ba, Giáo, hành bổn tích. tích. Như trên giáo của lý và sự đều gọi là gốc (bổn), nương theo giáo LỤC THÀNH TỰU tu hành thì gọi đó là tích; nên gọi (Hoa nghiêm kinh sớ). giáo, hành là bổn tích. Bốn, Thể, dụng bổn tích. Lục thành tựu là sáu sự kiện từ Như trên nương theo giáo tu câu Như thị ngã văn v.v... là thông hành phù hợp với lý, chứng được tự của kinh Phật. thể của pháp thân là bổn. Từ thể Khi Phật sắp nhập diệt, Ngài A của pháp thân mà phát khởi dụng nan hỏi rằng: Sau khi Thế Tôn Diệt của ứng thân là tích, nên gọi thể độ, ở đầu của các kinh, nên để câu dụng bổn tích. gì ? Năm, Quyền thật bổn tích. Phật trả lời rằng: Nên để câu: Ban đầu chứng được hai thân Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại pháp và ứng, đều gọi là bổn, ở mỗ xứ, vị mỗ chúng đẳng; vì ngôn khoảng giữa hóa độ chúng sanh, từ Phật dùng để nói pháp, do sáu muôn lần hóa sanh, muôn lần nhập việc này mới có thể thành tựu; nên diệt, với hai thân pháp, ứng bằng gọi là sáu sự kiện thành tựu. vô số phương tiện thi thiết, đều gọi Một, Tín thành tựu. là tích; nên gọi là quyền thật bổn Tín tức là như thị. Nói như thị tích. là pháp thể của các kinh. (Ban đầu được hai thân pháp, Luận Đại trí độ nói: pháp của ứng là Phật, ở vô số kiếp trước ở Phật rộng lớn như biển, chỉ tin mới quá khứ, ban đầu phá vô minh, có thể vào. chứng được thân pháp tánh rồi khởi Người có lòng tin thì nói là việc lên ứng dụng hóa độ chhúng sanh. ấy như thế. Người không có lòng Trung gian là lúc mới thành Phật ở tin thì nói là việc ấy không như thế. đời quá khứ, cho đến nay thị hiện Vì vậy pháp như thị là những gì thành chánh giác ở cội cây Bồ đề). Phật

nói, tin nhận không nghi ngờ; Sáu, Kim dĩ bổn tích. gọi là tín thành tựu. Kim (cái hiện giờ) là bổn; trong Hai, Văn thành tựu. kinh Pháp hoa từ phẩm Tùng địa Văn tức là ngã văn (tôi nghe). dõng xuất trở về sau, là nói về Người nói tôi nghe, nghĩa là những lý, sự lâu xa, cho đến quyền, pháp đúng như thế. Ngài A nan tự thật đều gọi là bổn.

nói: Ta từng gần gũi theo Phật nghe Luận nói: vì Bồ tát mới thành pháp; nên gọi là văn thành tựu. tựu sáu độ, quyết định phải làm sáu Ba, Thời thành tựu. việc. Thời tức là nhất thời (một thuở Một, Cúng dường. nọ). Cúng dường là do thành tựu bố Nói nhất thời (một thuở nọ) là thí độ (trong lục độ), mà phát tâm khi Phật khai hội nói pháp. Chúng cúng dường. Nếu không cúng sanh có duyên có thể cảm hứng, dường Tam bảo dài lâu, thì bố thí Phật hiện thân đến dạy dỗ. Tâm không được viên mãn. cảm kích của chúng sanh, sự linh (Tiếng Phạn là đàn, tiếng Hoa ứng của đức Phật gặp nhau, không là thí). chút chậm trễ; nên gọi là thời thành Hai, Học giới. tựu. Học giới là do thành tựu trì giới Bốn, Chủ thành tựu. (độ), mà học tập, giữ gìn giới cấm. Chủ tức là Phật. Nếu không giữ giới lâu dài, thì trì Phật là tiếng Phạn, gọi đủ là giới độ không được viên mãn. Phật đà, tiếng Hoa là giác, tức là tự Ba, Tu tuệ. giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tu tuệ là do thành tựu nhẫn độ, Phật là chúa tể của thế gian và mà tu tập tâm đại bi, làm lợi ích xuất thế gian, nói pháp dạy bảo, cho chúng sanh. Nếu không chịu hướng dẫn chúng sanh ra khỏi luân nhẫn lâu dài và không làm lợi ích hồi, sanh tử; nên gọi là chủ thành chúng sanh, thì nhẫn nhục độ tựu. không viên mãn. Năm, Xứ thanh tựu. Bốn, Cần thiện. Xứ tức là chỗ Phật nói pháp. Cần thiện là do thanh tựu tinh Hoặc ở trên trời, hoặc ở nhân gian, tấn độ, mà siêng năng tu các việc hoặc ở nước Ma kiệt đà, hoặc ở lành. Nếu tâm phóng túng, không nước Xá vệ, tiếng Hoa là Văn vật, tu các việc lành, thì tinh tấn độ vì tên của nước này nổi tiếng hơn không viên mãn. những nước khác và của báu ở đây Năm, Ly nghị. cũng nhiều). Ly nghị là nhờ thành tựu thiền Sáu, Chúng thành tựu. định độ, xa lìa huyên náo, cãi cọ. Chúng tức là Bồ tát, Nhị thừa, Nếu ở xóm giềng, cãi cọ, ồn ào, thiên, tiên v.v... Phật nói pháp có náo loạn, thì thiền định không được các Bồ tát đại chúng tập trung cùng viên mãn. nghe; nên gọi là chúng thành tựu. Sáu, Lạc pháp. Lạc pháp là nhờ thành tựu trí LỤC SỰ THÀNH TỰU huệ độ, mến yêu, vui thích Phật (Trang nghiêm luận). pháp. Nếu không trải khắp mười phương vâng làm, như biển nhận

được các sông, không khi nào đầy, được, không sanh giận dữ, buồn thì trí huệ không được viên mãn. rầu. Bốn, Tỳ lê da. LỤC ĐỘ Tiếng Phạn là Tỳ lê da, tiếng (Lục độ tập kinh). Hoa là tinh tấn. Tinh tấn có hai thứ: một thân tinh tấn: Đó là siêng năng Một, Đàn na. tu các việc lành, lễ bái, tụng niện và Tiếng Phạn là Đàn na, tiếng giảng nói Phật pháp không tự dễ Hoa là bố thí. Thí có hai loại: một dãi. hai tâm tinh tấn: siêng năng là tài thí: Lấy thức ăn thức uống, y thực hành đạo đức, chuyên cần phục, ruộng, nhà, ngọc ngà báu vật, không thôi, không tự dễ dãi với cho đến tất cả những gì nuôi sống mình. bản thân, đều có thể cho hết. Hai Năm, Thiền na. pháp thí: Các pháp lành thế gian và Tiếng Phạn là Thiền na, tiếng xuất thế gian do chư Phật và các Hoa là tịnh lự, thúc liễm thân tâm bậc thiện tri thức nói, bằng tâm một nơi, không để tán loạn. thanh tịnh nói lại cho người khác Thiền có hai loại: một là thế nghe. gian thiền: đó là thiền của cõi sắc, Hai, Thi la. cõi vô sắc, phàm phu tu tập. hai Tiếng Phạn là Thi la, tiếng Hoa xuất thế

gian thiền: đó là thiền của là tánh thiện, nghĩa là ham làm việc Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát tu thiện, không để cho mình phóng tập. túng. Đây là căn cứ nghĩa mà dịch. Sáu, Bát nhã. Dịch đúng là chỉ đắc (ngăn được), Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng nghĩa là ngăn ác, làm lành. Lại dịch Hoa là trí huệ. Đó là soi thấu tất cả là giới, nghĩa là giới hay phòng pháp đều không thể được, nhưng có ngừa, ngăn chặn các việc ác do thể hiểu biết tất cả không trở ngại, thân và miệng làm ra. vì các chúng sanh nói vô số pháp Ba, Sạn đề môn tu tập giải thoát khổ đau. Tiếng Phạn là sạn đề, tiếng Hoa là nhẫn nhục. LỤC DIỆU MÔN Nhẫn nhục có hai thứ: một sanh (Pháp giới thứ đệ). nhẫn: Đó là ở trong cảnh được cung kính, cúng dường mà không Diệu gọi là Niết bàn. Môn là có sanh tam kiêu căng, buông thả; ở khả năng thông suốt. trong cảnh bị chửi mắng, đánh đập Tu sáu pháp này có thể đến mà không sanh tâm thù oán. hai là thẳng Niết bàn; nên gọi là lục diệu pháp nhẫn: Đó là gặp lúc nóng, môn. ba môn trước là định, ba môn lạnh gió, mưa, đói, khát, … làm sau là huệ. Định thì ưa thích thiền, cho buồn khổ, bức hại, mà có thể huệ là đốc thúc tu hành chân thực, yên tỉnh tâm hồn và nhẫn chịu

có thể phát khởi sự sáng suốt của tưởng vi tế khởi lên. Nếu muốn tâm chân tánh và ra khỏi sanh tử. trong sạch, an ổn, thì không gì bằng (Định ái huệ sách: ái nghĩa là chỉ; Cho nên tiếp theo là bỏ tùy ưa thích thiền. Sách có nghĩa là theo chỉ; tâm ngưng đọng, suy tư sách tấn tu hành chân thực. Chân vắng vẻ; thiền định, tự nhiên phát minh là sự sáng suốt của chân sanh, nên lấy chỉ làm pháp môn. tánh). Bốn, Quán môn. Một, Tức môn. Quán là tâm phân biệt, quán sát. Sổ tức là người tu hành, điều Người tu hành, tuy được nhờ hòa hơi thở, không gấp không chỉ, chứng được các thiền định, chậm, thư thả đếm chậm rãi, từ một nhưng giải huệ chưa phát. Nếu tâm đến mười, giữ tâm vào số đếm, ở trong định, thì có sự sai lầm là không để cho tán loạn. Vì chúng đắm nhiễm vị của định; vì vậy sanh ở cõi dục, tâm loạn động, không vướng mắc ở chỉ, mà phải không yên, khó kiềm chế; nên tu sổ khởi lên quán sát, phân biệt, thì vô tức (đếm hơi thở) chế phục tâm tán lậu phương tiện, nhờ đó mà phải loạn. Đó là cốt yếu để vào định; sanh, cho nên dùng quán làm pháp nên dùng đếm hơi thở làm pháp môn. môn ban đầu. (Vô lậu phương tiện: Lậu là do Hai, Tùy tức môn. kiến hoặc và tư hoặc mà rơi rớt vào Tùy tức là tâm nhỏ nhiệm trong cảnh sanh tử. Dứt trừ được nương theo hơi thở ra, thở vào; trụ hoặc này, thì chứng vô sanh, nên mà không tán (đứng yên, không tán gọi là vô lậu phương tiện). loạn). Nghĩa là người tu hành, tuy Năm, Hoàn môn. trước nhờ vào sổ tức, tâm tạm được Hoàn là quay tâm soi trở lại. trụ (dừng lại một chỗ), nhưng thiền Người tu hành, tuy trước tu định chưa phát; nếu vẫn tiếp tục quán, phân biệt quán sát, nhưng sự đếm hơi thở, thì tâm không trụ nữa sáng suốt của chân tâm chưa phát khi niệm khởi lên; nên phải bỏ đếm ra, thì phải bỏ quán tu hoàn môn, hơi thở mà tu tùy. Tâm tùy theo hơi soi trở lại tâm năng quán, niệm thở: thở vào biết thở vào, thở ra niệm không thể được, không cần biết thở ra, tâm được an, vắng lặng gắng sức thêm công mà nhậm vận, và sáng suốt; thiền định tự nhiên phản bổn hoàn nguyên; nên lấy phát sanh, nên dùng tùy tức làm hoàn làm pháp môn. pháp môn. Sáu, Tịnh môn. Ba, Chỉ môn. Tịnh là tâm không có chỗ Chỉ là giữ tâm vắng bặc suy tư. nương, không khởi lên cấu nhiễm Người tu hành, tuy trước nhờ tùy của vọng tưởng phân biệt. tức, tâm được an ổn, sáng suốt, Người tu hành, tuy trước tu vắng lặng, mà định còn chưa phát; hoàn, nhưng ánh

sáng của chân tâm nếu tâm nương nơi tùy tức, thì loạn còn chưa phát, thì phải bỏ hoàn tu

tịnh. Tâm tịnh thành tựu, thì phát ra nhỏ, nhỏ có thể biến thành lớn. thánh đạo của Tam thừa, nên lấy Biến hiện tùy ý. Đó gọi là thân như tịnh làm pháp môn. ý thông. Sáu, Lậu tận thông. LỤC THẦN THÔNG Lậu tận là kiến hoặc và tư hoặc (Pháp giới thứ đệ). trong tam giới. A la hán trừ hết kiến hoặc và tư hoặc, không chịu Kinh Anh lạc nói: Thần gọi là sự sanh, tử trong tam giới và chứng thiên tâm (tâm tự nhiên). Thông gọi được thần thông. Đó gọi là lậu tận là huệ tánh. Trí huệ tự nhiên, chiếu thông. khắp vô ngại, nên gọi là thần thông. (Kiến hoặc là ý căn đối pháp Một, Thiên nhãn thông. trần khởi lên phân biệt, gọi là kiến Là có thể thấy chúng sanh trong hoặc. lục đạo, chết đây sanh kia, các Năm căn còn lại mắt, tai, mũi tướng khổ, vui và thấy vô số hình lưỡi, thân đối với năm trần sắc, sắc của tất cả thế gian, không có thinh, hương, vị và xúc khởi lên chướng ngại. Đó gọi là thiên nhãn các tham ái, gọi là tư hoặc). thông. Hai, Thiên nhĩ thông. LỤC TỤ GIỚI DANH Là nghe ngôn ngữ mừng lo, khổ NGHĨA vui của chúng sanh trong lục đạo (Phiên dịch danh cho đến vô số âm thinh trong thế gian. Đó gọi là thiên nhĩ thông. nghĩa) Ba, Tri tha tâm thông. Tụ là tập trung lại một chỗ. Là có thể biết tâm niệm của Tội của chúng sanh có nặng, chúng sanh trong lục đạo. Đó gọi là nhẹ, nên Phật chế ra các giới. tri tha tâm thông. Không có cách định tội cố định mà Bốn, Túc mạng thông. phải dựa vào tội nặng hay nhẹ; tất Là có thể biết đời sống của cả chia ra sáu loại, nên gọi là lục tụ. chính mình trong một, hai, ba đời Một, Ba la di. mà cho đến mười0, ngàn, vạn đời Tiếng Phạn là ba la di, tiếng trước và những việc đã làm; cũng Hoa là khí (bỏ đi). như có thể biết được đời trước của Người phạm tội này, vĩnh viễn chúng sanh lục đạo và những việc bỏ ra ngoài Phật pháp; còn gọi là nó đã làm. Đó gọi là túc mạng cực ác. Giải thích ý nghĩa có ba: thông. 1) là do phạm giới này, đạo quả Năm, Thân như ý thông. không có phần; 2) là không được ở Thân có thể bay dù núi, biển chung trong tăng; 3) là bỏ thân này cũng không trở ngại. Chết ở thế rồi, phải đọa xuống địa ngục; nên giới này thì xuất hiện ở thế giới kia gọi là cực ác. và ngược lại. Lớn có thể biến thành Hai, Tăng già bà thi sa.

Tiếng Phạn là Tăng già bà thi tác. Đó là những điều ác do thân, sa, tiếng Hoa là tăng tàn. miệng làm ra. Người phạm tội này, giống như Tứ phần luật nói: tiếng Phạn người bị người khác làm cho tàn gọi là Thức xoa ca la ni, tiếng Hoa phế; mạng sống tuy chưa hết, mà là ưng đương học. Nghĩa là giới thân thể đã tàn phế rồi. Nhỏ thì còn này khó giữ mà dễ phạm, nên phải có thể cứu chữa, chư tăng tác pháp học tập luôn, nhớ đến luôn; vì vậy trừ bỏ tội của người ấy, nên gọi là không liệt kê tên tội, mà chỉ nói là tăng tàn. ưng đương học (luôn học tập, luôn Ba, Thâu lan giá. nhớ đến). Tiếng Phạn là thâu lan. Thiện kiến luật nói: Thâu lan LỤC CHỦNG TÁNH gọi là đại (lớn); giá là tiếng Hoa, có (Anh lạc bổn nghiệp nghĩa ngăn chặn đường thiện. Đây là trường hợp trong một danh từ có kinh). cả tiếng Phạn và tiếng Hoa. Chủng tánh là phân biệt tánh Người phạm tội này thì trở ngại theo từng loại riêng. rất nhiều trên con đường tu tập Chủng tức là chủng tử (hạt (thiên đạo), rơi xuống ác thú. giống), có nghĩa là phát sanh. (Thiên đạo là trời và người. Ác Tánh là thành phần của tánh, có thú là địa ngục, ngã quỷ, súc sanh). nghĩa là thành phần của riêng nó, Bốn, ba dật đề. không thay đổi được. Tiếng

Phạn là ba dật đề, tiếng Kinh Anh lạc đối với biệt giáo Hoa là đọa. Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi Phạm tội này đọa xuống địa hướng, Thập địa, đẳng giác, diệu ngục bát hàn bát nhiệt. giác mà nói; nên có sáu loại tánh. (Bát hàn là Át phù đà, Nê lại Nhưng tánh thông sáu vị làm nhân; phù đà, A trá trá, A ba ba, ẩu hầu, cho nên bốn vị trước gọi là chủng; Uất ba la, ba đầu ma, Phân đà lợi. đẳng giác tuy tại nhân (ở trong sáu Bát nhiệt là tưởng, hắc thằng, vị), nhưng hơn hẳn các vị ở trước, đôi áp, khiếu hoán, đại khiếu hoán, nên được gọi là giác, mà không gọi thiêu chá, đại thiên chá, vô gián). là chủng. Năm, ba la dật đề xá ni. (Lục tại nhân: sáu bộ phận ở Tiếng Phạn là ba la dật đề xá ni, nhân là Thập trụ, Thập hạnh, Thập tiếng Hoa là hướng bỉ hối. hồi hướng, Thập trụ điều thuộc Tăng kỳ luật nói: tội này nên nhân vị. đến trước chúng bày tỏ rõ ràng sám Một, Tập chủng tánh. hối. Bồ tát ở Thập trụ, nghiên cứu, Sáu, Đột kiết la. tu tập không quán, phá được kiến Thiên kiến luật nói: tiếng Phạn hoặc và tư hoặc, nên gọi là tập gọi là đột kiết la, tiếng Hoa là ác chủng tánh.

Hai, Tánh chủng tánh. thông lẫn nhau, vì một và nhiều Bồ tát ở Thập hạnh, tuy chứng không trở ngại. được lý chân không của bổn tánh, Một, Tổng tướng. mà không kẹt ở không, còn có thể Một mà đầy đủ tất cả là tổng. phân biệt tất cả các pháp, giáo hóa Nghĩa là thể của một pháp giới, có các chúng sanh; nên gọi là tánh thể đầy đủ các nghĩa. Giống như chủng tánh. thân người có đầy đủ mắt, tai v.v... Ba, Đạo chủng tánh. các căn mà là thể; nên gọi là tổng Bồ tát ở Thập hồi hướng, nhờ tướng. tu diệu quán trung đạo, thấu hiểu Hai, Biệt tướng. tất cả Phật pháp; nên gọi là đạo Nhiều tức không phải là một chủng tánh. gọi là biệt. Bốn, Thánh chủng tánh. Nghĩa là lý, thể tuy một, nhưng Các ngôi vị ở trước (trụ, hạnh, ý nghĩa có rất nhiều sự khác nhau. hồi hướng) đều gọi là hiền vị. Giống như thân thể tuy một, nhưng Bồ tát ở Thập địa, do tu diệu các căn mắt, tai, mũi, lưỡi đều quán trung đạo, phá được vô minh không giống nhau; nên gọi là biệt hoặc, chứng vào đất thánh, nên gọi tướng. là thánh chủng tánh. Ba, Đồng tướng. Năm, Đẳng giác tánh. Ý nghĩa không trái nhau gọi là Đẳng giác so với diệu giác còn đồng. Nghĩa là tuy nghĩa có nhiều cách một bậc, nhưng hơn các ngôi khác nhau nhưng cùng duyên khởi vị ở trước, nên được gọi là giác. Đó từ một pháp giới. Giống như mắt, là đẳng giác tánh. mũi, v.v... các căn, tuy không Sáu, Diệu giác tánh. giống nhau, nhưng chung một thân, Diệu giác là tự giác, giác tha, không chống bán nhau; nên gọi là giác hạnh viên mãn, không thể nghĩ đồng tướng. bàn. Đó gọi là diệu giác tánh. Bốn, Dị tướng. Nhiều tướng khác nhau, nhìn LỤC TƯỚNG thấy khác. Nghĩa là ý nghĩa sai biệt (Hoa nghiêm Nhất thừa rất nhiều, tuy cùng một thể, nhưng mỗi nghĩa thích hợp cho một đối giáo nghĩa phân tề chương). tượng, không lộn xộn với nhau. Sáu tướng là thể của nhất chân Giống như mắt, tai, v.v... các căn, pháp giới, mà tướng của danh mỗi căn đều có công dụng riêng, nghĩa có sáu thứ, nhưng thể của mà không lộn xộn; nên gọi là dị pháp giới thì đồng, vốn không có tướng. tướng khác; do pháp vào từ nghĩa Năm, Thành tướng. nên có sáu tên. Tên tuy có sáu, Một, nhiều do duyên khởi hòa nhưng không lìa nhất thể; dung hợp mà thành.

Nghĩa là ý nghĩa duyên khởi pháp hiện tại và thiện pháp vị lai nhiều vô số, hợp thành thể của tổng làm nhân; nên gọi là đồng loại tướng pháp giới. Giống như mắt, nhân. Ác pháp và vô ký pháp cũng tai, v.v... các căn, hợp thành tác như thế. dụng cho một thân

người; nên gọi Bốn, Biến hành nhân. là thành tướng. Các phiền não của hai đế khổ Sáu, Hoại tướng. và tập; các phiền não này có trong Các pháp mỗi thứ trở về vị trí hai đế, nên gọi là biến hành nhân. của nó gọi là hoại. Nghĩa là ý nghĩa (Phiền não trong khổ đế là thập của các pháp, mỗi thứ trở về sử: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, nguyên vị của nó, thì tổng tướng giới cấm thủ, tà kiến, tham, sân, si, không còn. Giống như mắt, tai, mạn, nghi) v.v... các căn, mỗi thứ trở về vị trí Phiền não trong tập đế là bảy sử của nó, thì thân thể không còn; nên (trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ). gọi là hoại tướng. Năm, Dị thục nhân. Nhân làm việc thiện hay việc LỤC NHÂN ác, thì nhận được quả báo thiện hay (Đại trí độ luận) ác ở đời khác (quả đó mới chín); nên gọi là dị thục nhân. Một, Tương ưng nhân. Sáu, Năng tác nhân. Ưng là tương đương, thích ứng. Mắt duyên cùng với sắc thì Nghĩa là tâm vương và tâm sở sanh ra nhãn thức; cho đến ý và cùng tương ứng nhau; giống như pháp duyên nhau, thì sanh ra ý bạn bè thân thích hiếu biết nhau, thức, v.v... đều gọi là năng tác hòa hợp nhau cùng làm nên việc; nhân. nên gọi tương ưng nhân. (Tâm vương tức là thức thứ LỤC CHỦNG NHÂN tám. Tâm sở tức là thọ, tưởng, hành). (Lăng già kinh) Hai, Câu hữu nhân. Câu hữu nhân cũng có tên là Một, Đương hữu nhân. cộng nhân. Nghĩa là tâm và tâm sở giúp đỡ Hiện tại, pháp do sáu căn và cho nhau; giống như anh em sanh sáu trần làm ra là nhân. Nhân đôi giúp đỡ nhau; nên gọi là câu hữu nhân. này hay khiến cho quả, sẽ đến Ba, Đồng loại nhân. vào tương lai; nên gọi là đương Đồng loại nhân cũng gọi là tự chủng nhân. hữu nhân (nhân, quả khác thời). Nghĩa là thiện pháp quá khứ và Hai, Tương tục nhân. thiện pháp hiện tại làm nhân; thiện

Nhân một niệm của tâm làm Vọng tưởng mất rồi thì trở chư căn và trần vướng vít nhau, lại, trở lại rồi lại mất. Nếu niệm để thành nghiệp lành hay dữ và kế tiếp dứt, thì vọng tưởng khiến cho quả chiêu cảm ở vị không sanh ra. Lấy vọng (sai lai; ở quả vị lai, lại khởi lên lầm) đối với bất vọng (không sai nghiệp lành hay dữ, xoay vần lầm); nên gọi là đãi nhân. không dứt, nên gọi là tương tục LỤC CHỦNG ĐIỀU nhân. PHỤC Ba, Tương nhân. (Bồ tát thiện giới Lấy nghiệp lành hay dữ đã kinh) gây ra, cùng nhau làm nhân; do Một, Tánh điều phục. nhân cảm ra quả, không có cắt Vì Bồ tát đời trước có chủng đứt; nên gọi là tương nhân. tánh của căn lành, hay tu tập Bốn, Tác nhân. pháp lành, điều phục phiền não Làm nhân tốt, thì được quả chướng của thân và tâm; nhờ báo tốt. Được quả báo tốt, lại vậy chứng được Bồ đề. Đó gọi càng làm nhân tốt; nên gọi là là tánh điều phục. tác nhân. Hai, Chúng sanh điều phục. Năm, Hiển thị nhân. Bồ tát giỏi điều phục tất cả Nếu một niệm sai lầm sanh chúng sanh. Nếu người có tánh ra, thì đã làm thành tướng Thinh văn, làm cho chứng được nghiệp lành, nghiệp dữ rồi. đạo Thinh văn; nếu người có Giống như đèn soi vật, thì vật tánh Duyên giác, làm cho chứng hiện ra rõ ràng có thể thấy được đạo Duyên giác; cho đến được; nên gọi là hiển thị nhân. những kẻ có tánh trời, người, Sáu, Đãi nhân. làm cho được sự an vui của trời, Đãi là đối đãi.

người. Đó gọi là chúng sanh tựu quả lành. Đó gọi là thục điều phục. (Thinh văn đạo tức là điều phục. Tứ đế. Duyên giác đạo tức là 12 Sáu, Thục điều phục ấn. nhân duyên) Ấn tức là con dấu của pháp, Ba, Hành điều phục. lấy pháp tự in dấu lên tâm mình. Vì Bồ tát dùng vạn hạnh để Ấn có ba loại: 1) Bồ tát điều phục các phiền não và hay chuyên

niệm Bồ đề, tâm đã nhu thực hành đầy đủ Phật đạo; lại nhuyến, nhưng chưa thanh tịnh; vì chúng sanh tu tập khổ hạnh, gọi là ấn thục điều phục hạng tâm không hối hận. Đó gọi là dưới; 2) Bồ tát, tuy đã thanh hành điều phục. tịnh, nhưng chưa đầy đủ sự tịch Bốn, Phương tiện điều phục. tĩnh cao nhất; gọi là ấn điều Bồ tát dùng vô số phương phục hạng trung; 3) Bồ tát tu tiện điều phục chúng sanh. Như hành nhiều kiếp, đầy đủ thanh gặp người mới phát tâm, dạy giữ tịnh, được sự vắng lặng lớn, đạo giới, xa lìa sanh tử; người đã phẩm tròn đầy; gọi là ấn thục phát tâm, dạy họ gần gũi bạn điều phục hạng trên. lành tụng đọc kinh điển. Đó gọi CHỦNG TỬ THỨC LỤC là phương tiện điều phục. NGHĨA Năm, Thục điều phục. (Thành duy thức Bồ tát vì những chúng sanh luận) không có căn lành, nói cho họ Chủng có nghĩa là có khả nghe an lạc của trời, người, năng sanh sản. khiến họ phát Bồ đề tâm; người Trong tám thức, khi một thức có căn lành, nói pháp xuất thế, khởi lên thì có thể sanh tất cả khiến cho họ tăng trưởng, thành

các pháp thiện, ác; nên gọi là thức khi khởi lên, thì chủng tử, chủng tử thức. chuyển biến theo. Như khi nhãn Một, Sát na diệt nghĩa. căn soi cảnh, thì chủng tử của Tiếng Phạn là sát na, tiếng nhãn thức liên tiếp theo, không Hoa là nhất niệm; nghĩa là có cách quảng. Các thức khác chủng tử của các thức, một khi khởi lên cũng như thế, luông niệm vừa sanh, sanh rồi liền theo tương tục. Đó là nghĩa luôn diệt; niệm niệm liên tục không chuyển biến (hằng tùy chuyển ngừng, thay đổi trong từng sát biến). na; chủng tử của các thức cũng Bốn, Tánh quyết định nghĩa. đều như thế. Đó là nghĩa sanh Các thức đều có sở duyên diệt trong một sát na. của nó gồm ba tánh thiện, ác, Hai, Quả câu hữu nghĩa. vô ký; không gián đoạn và lộn Quả là thức và căn. Thức và xộn. Như nhãn thức duyên cảnh căn cùng khởi lên một lúc, mới ác thì thành ác pháp, không thể thành lực dụng (cái dụng của thành thiện pháp được; như lực). Như khi nhãn căn chiếu rọi duyên cảnh thiện thì thành thiện sắc cảnh, thì nhãn thức cùng pháp, không thể thành ác pháp duyên theo; nhĩ căn khi đối với được; như duyên vô ký, thì thinh cảnh (âm thanh), thì nhĩ không thành pháp thiện hay thức cùng duyên theo. Các căn pháp ác được. Các thức khác, khác cũng thế. Đó là đi đôi cả khi khởi lên, đều như thế cả. Đó thức và căn (quả câu hữu là tánh quyết định nghĩa. nghĩa). Năm, Đãi chúng duyên Ba, Hằng tùy chuyển nghĩa. nghĩa. Chủng tử nối nhau tương Thức không phải có một tục, không có cách quảng. Các nhân mà sanh ra, phải nhờ

nhiều duyên, thì sau đó mới Luân có hai nghĩa: 1) vận thành tựu. chuyển; 2) nghiền nát. Như chủng tử của nhãn Phật và Bồ tát chuyển bánh thức, phải có các duyên khoảng xe pháp là để nghiền nát hoặc không, ánh sáng, căn, cảnh,..., nghiệp của chúnh sanh; nên mới hiển lộ và phát ra được. dùng sáu loại bánh xe đối lại lần Chủng tử của các thức khác, lượt với sáu ngôi vị. cũng phải chờ nhiều duyên như Một, Đồng bảo luân đối vậy mới thành tựu. Đó là đãi Thập trụ vị. chúng duyên nghĩa. Đồng có màu vàng, công Sáu, Dẫn tự quả nghĩa. dụng không bằng vàng, tuy Các thức, mỗi thức đều dẫn không có dơ bẩn như sắt, tự thể đến quả, đến dụng, nhưng vẫn còn cặn bã, nếu ra chẳng phải là do sắc, tâm giao công trui rèn, thì có thể thành nhau mà thành. những đồ dùng ích lợi cho đời. Như khi nhãn căn chiếu soi Bồ tát Thập trụ, đã dứt kiến thì nhãn thức liền duyên cảnh hoặc và tư hoặc, như xa lìa thô thật sở đối của nó mà không cấu

(bụi bặm dơ bẩn); đối với 41 hỗn tạp với những thể khác phẩm vô minh, chưa thể dứt thinh hay hương. Các thức của hết, như đồng còn cặn bã. tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như Phiền não đã đoạn từng thế. Đó là dẫn tự quả nghĩa. phần, thì đức cũng từng phần hiển lộ; nên có thể từng thể phát LỤC LUÂN ĐỐI VỊ ra dụng, tùy từng loại mà hiện
(Bồ tát anh lạc bổn ra hình thể, giáo hóa chúng nghiệp kinh) sanh, như dụng cụ giúp ích cho

đời; vì vậy lấy bánh xe báu bằng trong bụi trần, nhưng không bị đồng đối chiếu ngôi vị Thập trụ. bụi trần làm ô nhiễm; tuy ở nơi Hai, Ngân bảo luân đối Thập ngũ dục, mà không bị lửa dục hạnh vị. thiêu đốt. Vì vậy lấy bánh xe Thể của bạc thì sáng sạch, báu bằng vàng đối chiếu với không dính bụi nhơ; tuy trãi qua Thập hồi hướng. tinh luyện, nhưng tánh không Bốn, Lưu ly bảo luân đối biến đổi. Thập địa vị. Bồ tát ở ngôi Thập hạnh, Tiếng Phạn là lưu ly, tiếng không ra sức trong công việc Hoa là thanh sắc bảo (ngọc mà để tự vận hành; dứt trừ từng màu xanh) ở trong núi Tu di, tất phần vô minh thì hiển lộ tánh cả loại ngọc khác không thể làm thanh tịnh vốn có, như màu hư hoại nó. sáng bóng của bạc, dù có tinh Vì cái mà Bồ tát ở ngôi Thập luyện bao nhiêu cũng không địa chứng được như ngọc báu, biến đổi; vậy nên lấy bánh xe không bị quấy động và hư hoại báu bằng bạc đối chiếu ngôi vị bởi các ma quân bên ngoài. Vì Thập hạnh. vậy lấy bánh xe báu bằng lưu ly Ba, Kim bảo luân đối Thập đối chiếu với Thập địa vị. hồi hướng. Năm, Ma ni bảo luân đối Thể của vàng quý trọng, có chiếu đẳng giác vị. công dụng và ích lợi rất lớn, Tiếng Phạn là Ma ni, cũng dùng đất chôn, dùng lửa nung, gọi là Mạt ni, tiếng Hoa là ly sắc của nó không biến đổi. cấu. Bồ tát ở ngôi Thập hồi Ngọc này sáng loáng, không hướng, công hạnh sâu xa, sự bị bụi nhơ dính vào. Nếu lấy hạt giáo hóa rộng lớn; tuy có lẫn ngọc màu xanh bỏ vào nước, thì

nước liền thành màu xanh; ngôi vị đã chứng được của sáu tương tự lấy hạt ngọc màu người này, đều không thoái lui hồng, vàng, đỏ, trắng... thì cũng và mất đi, nên gọi là trú (đứng như vậy. lại). Vì Bồ tát ở ngôi đẳng giác, Một, Chủng tánh trú. vô minh hoặc sắp hết, ngôi vị ở Chủng có nghĩa là hay sanh trên Thập địa; tùy theo loại ra. chúng sanh mà hiện hình, ứng Tánh là tự nó thay đổi. dụng giáo hóa một cách tự tại. Vì Bồ tát biệt giáo, ở ngôi Vì vậy lấy bánh xe báu bằng ma Thập trụ, Thập hạnh, đạo chủng ni đối chiếu ngôi đẳng giác. trí đã thành tựu, không có thối Sáu, Thủy tinh bảo luân đối thất, lần lượt tăng tiến; nên gọi chiếu giác vị. là chủng tánh trú. Thủy tinh trong, ngoài trong Hai, Giải hành trú. suốt, mọi vật đều có thể hiện Giải tức là hiểu thấu. Hạnh vào. tức là tu hành. Vì diệu giác là Phật quả, các Vì Bồ tát biệt giáo, ở ngôi hoặc hoàn toàn hết, muôn đức Thập hồi hướng, tu tập trung tròn sáng, vắng lặng thường trụ, quán, vì vào phương tiện của sơ có cảm thì ứng. vì vậy lấy bánh địa; nên gọi là giải hành trú. xe báu bằng thủy tinh đối chiếu Ba, Tịnh tâm trú. với ngôi diệu giác. Bồ tát biệt giáo, ở sơ địa, dứt trừ căn bổn kiến hoặc, chứng LỤC CHỦNG TRÚ được tâm xuất thế gian, xa lìa
(Bồ tát địa trì kinh) chướng ngại ngã tướng của Lục chủng trú là luận về thứ phàm phu; nên gọi là tịnh tâm tự ngôi vị của biệt giáo. Dùng trú.

(Sơ địa tức là hoan hỷ địa. không thoái lui; nên gọi là cứu
Căn bản kiến hoặc là kiến cánh trụ.

hoặc ở ngoài ba cõi; vì các hoặc
LỤC CHỦNG QUYẾT trong ba cõi từ đây mà sanh ra. ĐỊNH
Ngã tướng của phàm phu là (Đại thừa trang phàm phu chấp thân ngũ ấm là nghiêm kinh luận).
ngã).
Luận nói: Bồ tát từ lục độ
Bốn, Hành đạo tích trụ.
tiến lên được sáu loại quyết
Tích là dấu chân.
định.
Bồ tát biệt giáo từ địa thứ hai
Một, Tài thành quyết định.
đến địa thứ bảy, tu tập trung
Do sức bố thí mà Bồ tát nhất quán, đều dứt căn bản tư hoặc, định có được của cải lớn. Đó gọi mà có dấu vết của việc chứng là chắc chắn thành công về của đắc; nên gọi là hành đạo tích cải.
trú.
Hai, Sanh thắng quyết định.
Năm, Quyết định trú.
Do sức giữ giới mà Bồ tát
Bồ tát biệt giáo, từ địa thứ nhất định có được một gia đình tám, thứ chín đã chứng được giàu sang, hưởng thụ tùy ý. Đó hạnh chân thật, không trở lại, gọi là chắc chắn sống đời tốt không thối lui; nên gọi là quyết đẹp.
định trụ.
Ba, Bất thối quyết định.
Sáu, Cứu cánh trụ.
Do sức nhẫn nhục mà Bồ tát
Đây không phải cứu cánh nhất định không thối lui những
Phật quả của Viên giáo, mà là pháp lành đã tu tập. Đó gọi là
Bồ tát Thập địa của biệt giáo, chắc chắn không thối lui.
học và hành đầy đủ, cuối cùng
Bốn, Tu tập quyết định.
Do sức siêng năng mà Bồ mệt, chán nản; nên gọi là lục tát nhất định không gián đoạn chủng nhiếp. hay ngừng, khi tu tập pháp lành. Một, Đốn nhiếp. Đó gọi là chắc chắn tu tập. Đốn là nhanh chóng. Năm, Định nghiệp quyết Bồ tát từ mới phát tâm, đối định. với tất cả chúng sanh nghĩ đó là Do sức thiền định mà Bồ tát cha mẹ mình, theo khả năng có thành tựu chánh định cho chúng thể, bằng tất cả việc làm hữu sanh, nhất định không thối thất. ích để hướng dẫn, giáo hóa Đó gọi là định nghiệp chắc chúng. Đó gọi là đốn nhiếp. chắn. Hai, Tăng thượng nhiếp. Sáu, Vô công dụng quyết Tăng thượng giống như tăng định. thắng (vượt hơn). Do sức trí huệ mà Bồ tát, Vì Bồ tát đã phát tâm, hoặc

không cần cố gắng, nhất định đối với cha mẹ khởi tâm tôn an nhiên nơi lý tánh. Đó gọi là trọng, bằng nhiều phương pháp, nhất định an trụ, không cần khuyên tu pháp lành, tùy lúc gắng sức. cúng dường để tỏ lòng tri ân và báo ân; hoặc đối với vợ con, LỤC CHỦNG NHIẾP quyến thuộc, dạy tu pháp lành, (Bồ tát địa trì kinh) để cho họ tiến bộ; hoặc Bồ tát Nhiếp tức là nhiếp thủ (chụp làm vua, hướng dẫn, nuôi lấy) hay nhiếp thọ (nhận nuôi). dưỡng nhân dân, giáo hóa bằng Vì Bồ tát dùng có sáu cách chánh pháp, không thêm hình này dìu dắt, hướng dẫn chúng phạt. Lấy tiền của, lấy chánh sanh từ quá khứ đến vị lai, cho pháp mà làm ích lợi cho họ. đến vô số kiếp, không hề mỏi Bằng năng lực của mình, dạy

dỗ chúng sanh tu tập pháp lành. Vì Bồ tát sau năm cách giáo Đó gọi là tăng thượng nhiếp. hóa chúng sanh trên, thì có Ba, Thủ nhiếp. cách hướng dẫn chúng sanh Vì Bồ tát thường dùng hai ngay trong đời sống này, có cách để giáo hóa chúng sanh. được kết quả. Đó gọi là hậu một) dùng tâm xả, bằng tiền của nhiếp. đem đến lợi ích cho tất cả LỤC CHỦNG A LA HÁN chúng sanh, để cho chúng xa (Pháp hoa lìa tham lam, cùng khổ. hai) huyền nghĩa). dùng tâm từ bi, bằng chánh Tiếng Phạn là A la hán, tiếng pháp đem tới lợi ích cho chúng Hoa là vô sanh, hay gọi là vô sanh, nhổ sạch gian ác và hiểu học, vì đã dứt hẳn sống, chết biết sai lầm và dạy cho tu chánh trong ba cõi, nên gọi vô sanh; pháp. Đó gọi là thủ nhiếp. không có pháp nào đáng học, Bốn, Cửu nhiếp. nên gọi là vô học. Vì Bồ tát hướng dẫn, giáo Một, Thối pháp A la hán. hóa chúng sanh, trải qua thời Do gặp duyên chướng ngại, gian dài lâu, mới có kết quả. Đó nên đạo pháp đã bị thối thất, tức gọi là cửu nhiếp. là quả thứ tư thối lui đến sơ quả; Năm, Bất cửu nhiếp. nên gọi là thối pháp. Vì Bồ tát hướng dẫn, giáo (Duyên chướng ngại, kinh Niết hóa chúng sanh trên, thì có bàn nói rõ có năm duyên: 1) lạc cách hướng dẫn chúng sanh đa sự, 2) lạc thuyết thế sự, 3) trong thời gian ngắn có được kết lạc thụy miên, 4) lạc cận tại gia, quả. Đó gọi là bất cửu nhiếp. 5) lạc đa du hành.). Sáu, Hậu nhiếp. Hai, Tư pháp A la hán.

Vì tự mình suy nghĩ pháp đã Vì, đối với diệu pháp, thầy tự được, sợ có sự thối thất; nên gọi thực hành thành tựu, lại hay là tư pháp. dùng diệu pháp hướng dẫn cho Ba, Hộ pháp A la hán. người khác, cho đến một câu, Vì đối với pháp đã chứng một bài kệ lãnh thọ vào tâm; được, tâm sanh ưa thích, vui vẻ, nên gọi là vì tin mà lãnh thọ. nên càng giỏi giữ gìn; nên gọi là Một, Tín lực cố thọ. hộ pháp. Tín là tin theo (về). thọ là Bốn, Trụ pháp A la hán. lãnh nhận. Vì trụ vào pháp đã chứng Vì bằng sức tin tưởng, nghe, được, không lùi không tiến; nên học chánh pháp, cho đến một gọi là trụ pháp. câu, một bài kệ lãnh thọ vào Năm, Tiến pháp A la hán. tâm; nên gọi là vì tin mà lãnh Vì hay gắng sức tiến tu, cho thọ. đến pháp bất động; nên gọi là Hai, Niệm lực cố trì. tiến pháp. Niệm là nhớ đến. Trì là giữ sáu, bất động pháp A la hán. gìn. Vì không bị phiền não quấy Vì pháp đã học, nghe được động và nhiễu loạn; nên gọi là là do sự ghi nhớ, giữ gìn không bất động pháp. mất; nên gọi vì niệm lực mà giữ gìn được. LỤC PHÁP SƯ Ba, Khán văn vi độc (Đại trí độ luận). Vì mắt nhìn kinh văn, dùng Pháp hoa văn cú nói: miệng đọc to lên; nên gọi là Pháp là khuôn khổ, quy tắc. nhìn kinh văn là độc. Sư là lời dạy chuẩn mực, Bốn, Bất vong vị tụng. đúng đắn.

Vì đọc đã thuộc, không còn và trong thì tự biết nhường nhịn; nhìn kinh văn mà tự nhiên đọc nên gọi là hòa và kính. được, không quên mất; nên gọi Ngày nay gọi tăng là lục đọc mà không quên gọi là tụng. hòa, là xuất phát từ đây. Năm, Tuyên truyền vi thuyết. Một, Đồng giới hòa kính. Tuyên là nêu lên cho ai cũng Vì tỳ kheo thông hiểu thật rõ. Truyền là chuyển dịch đến tướng chánh lý, biết tội không các nơi. thể được; vì muốn an ổn cho Vì chính mình đã có được chúng sanh ở trong thật tướng chánh pháp, lần lượt nói cho chánh lý, dùng phương tiện người khác cùng biết; nên gọi là khéo léo, cùng giữ giới phẩm, tuyên truyền cho người khác không hơn thua phải trái; cũng cũng biết như mình. biết rằng chúng sanh, cùng giữ Sáu, Nan hiểu tu thích. giới này, về sau chắc được quả Vì kinh điển do Phật nói, ý Bồ đề lớn. Do vậy, kính chúng nghĩa sâu xa, rất khó hiểu như Phật; nên gọi là kính mến được, nên cần phải giải thích, nhau vì cùng giữ giới của Phật. mới có thể hiểu được; nên gọi là Hai, Đồng kiến hòa kính. nan hiểu tu thích. Vì tỳ kheo thông hiểu thật tướng chánh lý, mà còn có thể LỤC HÒA KÍNH hiểu rõ các pháp vốn không thể (Pháp giới thứ đệ). được (tâm không phân biệt), Hòa kính là hòa đồng, kính cũng chẳng có tri kiến gì. Vì mến nhau. muốn an ổn cho chúng sanh ở Sáu pháp lục hòa này đều trong thật tướng chánh lý, dùng có tên là hòa kính; vì ngoài phương tiện khéo léo, cùng giống sự tốt đẹp của người khác chung với tất cả tri kiến, không

tranh cãi phải trái, cũng biết sanh chắc chắn có tánh Phật, rằng chúng sanh, nhờ tri kiến về sau chắc chứng được thân này, kính chúng như Phật; nên kim cang. Do vậy, kính chúng gọi là cùng hiểu biết kính mến sanh như Phật; nên gọi là thân nhau. từ hòa kính. (chủng trí là nhất thiết chủng (Kim cang là thân pháp tánh, trí; trí của Phật) không thể hư hoại). Ba, Đồng hành hòa kính. Năm, Khẩu từ hòa kính. Vì tỳ kheo thông hiểu thật Vì tỳ kheo ở trong đại từ bình tướng chánh hành, còn thấu đẳng, bằng cách tu tập khẩu hiểu vô tác vô hành, vì muốn an nghiệp, thường cùng chúng ổn chúng sanh ở trong thật sanh nói tất cả pháp, khiến tướng chánh hành, bằng chúng được an vui, không tranh phương tiện khéo léo, cùng tu cãi phải trái, cũng biết chúng các hành, không tranh cãi phải sanh có Phật tánh, về sau chắc trái, cũng biết chúng sanh có chứng được khẩu nghiệp thanh cùng các hành này; từ từ chứa tịnh bậc nhất như Phật. Do vậy, nhóm công đức, sẽ thành Phật kính chúng như Phật, nên gọi là đạo. Do vậy kính chúng như khẩu từ hòa kính. Phật; nên gọi là đồng hành hòa Sáu, Ý từ hòa kính. kính. Vì tỳ kheo ở trong đại từ bình Bốn, Thân từ hòa kính. đẳng, bằng cách tu tập ý Vì tỳ kheo ở trong đại từ bình nghiệp, biết tánh ham muốn ở đẳng, để tu tập thân này, các căn của chúng sanh, cùng thường cùng với chúng sanh vui vẻ với chúng, không tranh làm tất cả việc vui, không tranh cãi phải trái, cũng biết chúng cãi phải trái, cũng biết chúng sanh có tánh Phật, về sau chắc

chứng được tâm giống như tâm rằng: sáu vị Tỳ kheo ở thôn kia, Phật. Do vậy, kính họ như Phật, làm những việc phi pháp. Phật nên gọi là ý từ hòa kính. sai A nan cùng sáu vị Tỳ kheo đến đó, làm phép yết ma trục LỤC QUẦN TỲ KHEO xuất khỏi tăng đoàn.
(Thập trụ tỳ bà sa Có hai người trong đám, biết luận) việc ấy, liền đi ra ngoài cách Tiếng Phạn là Tỳ kheo, tiếng thôn Hắc sơn một do tuần, đón Hoa là khất sĩ. tiếp Ngài A nan và cầu xin sám Vì các tỳ kheo này, khi Phật hối: Tôi đã làm điều không tốt, còn tại

thế, tụ tập thành một từ nay về sau, không dám phạm nhóm, làm những việc trái với nữa; liền cùng Ngài A nan trở về oai nghi; nên gọi là lục quần tỳ chỗ Phật. kheo (nhóm sáu tỳ kheo). Về sau, Ca lưu đà di, do vào Một, Xiển đà. gia đình Bà la môn nói pháp, bị Hay gọi là Xiển na thuộc cướp giết chết. dòng họ Thích , tức là Xa nặc. Ba, Tam văn đà đạt đa, còn Hai, Ca lưu đà di. gọi là Nan đà. Tiếng Hoa là Thô sắc, vì Bốn, Ma dục sa đạt đa, còn hình dung kệch cởm và đen gọi là Bạt nan đà. đúa, thuộc dòng Bà la môn. Tiếng Phạn là Tam văn đà Hai người này, tánh nhiều đạt đa, Ma dục sa đạt đa; hai tham lam và ngu si, không nghe người này thuộc dòng họ Thích, lời người khác, ở xóm Ca thi hắc tánh nhiều ngu si, không chịu sơn, làm các việc sai với oai nghe lời người khác, ở thôn Hắc nghi. Lúc ấy, các Ưu bà tắc ở sơn, làm những việc trái với oai thôn Hắc sơn đến thưa Phật nghi; nghe Phật sai Ngài A nan

đến làm phép yết ma trục xuất. (Tiếng Phạn là Xá lợi phất, hai ông liền ra đi đến thôn tiếng Hoa là Thân tử. Vương đạo. Sau Tam văn đà Tiếng Phạn là Mục kiền liên, đạt đa dùng heo cúng tổ tiên, tiếng Hoa là Thái Thúc thị, đều cầu được sanh lên trời. là đệ tử của Phật) Năm, Mã sư, còn gọi là Mã TAM BẢO HỮU LỤC túc. NGHĨA Sáu, Mãn túc. (Chư kinh yếu Mã sư tánh nhiều ngu si. tập) Mãn túc tánh nhiều nóng nảy. Tam bảo là Phật, Pháp, Hai người này, gốc nông Tăng là người dẫn đường cho dân, cũng thuộc dòng họ Thích, bốn loài, là thuyền cứu khổ cho cùng bàn tính là chúng ta làm sáu nẻo luân hồi, là của quí ở ruộng cực khổ, hãy cùng nhau đời; nên gọi là bảo (báu). xuất gia, ở cùng tăng đoàn, y Một, Hi hữu nghĩa. phục, ăn uống không lo; liền Giống như châu báu trong toan tính, chọn ai đến xuất gia. đời, người nghèo khổ không thể Hai ông đến chỗ Ngài Xá lợi có được. Tam bảo cũng như phất và Mục kiền liên, cầu xin thế, chúng sanh phước mỏng, xuất gia. Đã xuất gia rồi, ở thôn trải qua trăm, ngàn, muôn kiếp Kê trá sơn, hai ông không chịu không thể gặp được; nên gọi là nghe lời người khác, làm các hi hữu. việc trái với oai nghi. Hai, Ly cấu nghĩa. Ở trong sáu Tỳ kheo này, hai Giống như châu báu trong ông là người cầm đầu. Về sau, đời, trong ngoài đều sáng trưng, hai người nhiều ngu si, sân hận, không có rạn, nhơ. Tam bảo đọa vào trong loài rồng.

cũng như thế, phiền não không cả những thứ khác trong thế còn, không một chút cáu bẩn; gian; nên gọi là tối thắng. nên gọi là ly cấu. Sáu, Bất cải nghĩa. Ba, Thế lực nghĩa. Giống như vàng thực trong Giống như châu báu trong đời, dù có thiêu đốt, đập mài, đời, trừ khử nghèo khổ, tai nung luyện không thể biến đổi. ương, như một thế lực lớn. Tam Tam bảo cũng như thế, không bảo cũng thế, đủ sáu thần thông bị tám gió ở thế gian làm thay cứu vớt chúng sanh, ra khỏi sáu đổi; nên gọi là bất cải. nẻo luân hồi; nên gọi là thế lực. (Tám gió là lợi, suy, huỷ, dự, (Sáu thấn thông là thiên xưng, cơ, khổ, lạc). nhãn, thiên nhĩ, túc mạng, tha LỤC DỤC THIÊN tâm, thần túc, lậu tận). (Lăng nghiêm kinh). Bốn, Trang nghiêm nghĩa. Dục tức là sắc dục (ham Giống như châu báu trong muốn thể xác). đời, trang sức trên thân trên Tứ thiên vương dùng hình đầu, làm cho thêm xinh đẹp. thể giao hợp là dục. Đao lợi Tam bảo cũng như thế, có thể thiên dùng phong thái thể hiện dùng chánh pháp trang sức cho là dục. Dạ ma thiên ôm nhau là người tu hành, làm cho thân, dục. Đâu suất thiên nắm tay là tâm thanh tịnh; nên gọi là trang dục. Hóa lạc thiên nhìn nhau nghiêm. cười là dục. Tha hóa tự tại thiên Năm,

Tối thắng nghĩa. chỉ nhìn nhau là dục. Giống như châu báu trong Gọi những cõi ấy là thiên là đời, hơn hẳn các vật khác. Tam tự nhiên, tự tại, quang minh, tối bảo cũng như thế, hơn hẳn tất thắng vì an vui cũng hơn và

thân thể cũng đẹp hơn; nhưng Tiếng Phạn là Đao lợi, tiếng sự ham muốn (dục) không Hoa là (trời) 33. giống nhau, nên gọi là lục dục Luận Đại trí độ nói: Xưa có thiên. vị Bà la môn, họ Kiều thi ca, với Một, Tứ thiên vương thiên. 32 người bạn tri thức cùng tu Vua Trì quốc thiên ở phía phước đức; khi chết tất cả dều Đông, vì có thể giữ gìn bờ cõi sanh lên đỉnh núi Tu di. Kiều thi quốc gia, ở bên hoàng kim của ca làm thiên chủ, gọi là Trời Đế núi Tu di. Thích. 32 người còn lại làm bề Vua Tăng trưởng thiên ở tôi phò tá, ở chung quanh núi Tu phía Nam, vì hay khiến cho căn di, còn Đế Thích ở chính giữa. lành của người khác tăng Lại Tịnh danh lưu truyền trưởng, ở bên lưu ly của núi Tu rằng: Xưa đức Phật Ca Diếp di. sau khi Diệt độ, có một người Vua Quảng mục thiên ở phía nữ, phát tâm sửa chữa tháp, Tây, vì hay dùng mắt tịnh thiên được quả báo làm thiên chủ; lại thường quán sát, ủng hộ cõi có 32 người giúp đỡ làm công Diêm phù đề này, ở bên bạch việc ấy, được quả báo làm phụ ngân của núi Tu di. thần. Vua Đa văn thiên ở phía Vua, tôi hợp lại là 33 vị. Bắc, vì phước đức vang danh (Tiếng Phạn là Bà la môn, bốn phương, ở bên thuỷ tinh của tiếng Hoa là Tịnh hạnh). núi Tu di. Tiếng Phạn là Kiều thi ca, (Tiếng Phạn là Diêm phù đề, cũng gọi là Thích Đề hoàn tiếng Hoa là thắng kim luân). nhân, tiếng Hoa là năng thiên Hai, Đao lợi thiên. chủ. Gọi Đế Thích là cách gọi

gồm cả tiếng Phạn và tiếng chia ra ngày, đêm. Trời này Hoa. nương không trung mà ở. Tên 32 người kinh, luận Bốn, Đâu suất thiên. không ghi. Căn cứ vào kinh Tiếng Phạn là Đâu suất, Chánh pháp niệm xứ thì 33 vị tiếng Hoa là Tri túc. Vì đối năm trời, mỗi vị có chỗ ở riêng, là trời cảnh dục, biết dừng và biết đủ, Thiện pháp đường, trời Sơn trời này nương không trung mà phong, trời Sơn đỉnh, trời Thiện ở. kiến thành, trời Bát tư tha, trời Năm, Hóa lạc thiên. Câu trá, trời Tuyền hành, trời Trời Hóa lạc, tự biến hóa Kim điện, trời Man ảnh, trời Nhu năm dục trần ra mà ưa thích, nhuyến, trời Tạp trang nghiêm, vui vẻ. Trời này nương không trời Như ý, trời Vi tế hạnh, trời trung mà ở. Ca âm hỷ lạc, trời Oai đức luân, Sáu, Tha hóa tự tại thiên. trời Nguyệt hạnh, trời Diêm ma Mượn của người khác biến na bà duy, trời Tốc hành, trời hóa ra để làm thành sự khoái Ảnh chiếu, trời Trí huệ hạnh, trời lạc của mình. Trời này nương Chúng phận, trời Mạn đà la, trời không trung mà ở, tức là Ma Thường hạnh, trời Oai đức vương thiên. nhan, trời Oai đức diễm luân LỤC GIỚI TỤ quang, trời Thanh tịnh). (Trung A hàm kinh)
Ba, Dạ ma thiên. Giới tức ranh giới. Tụ tức tập Tiếng Phạn là Dạ ma, tiếng trung. Hoa là Thiện thời, cũng gọi là Vì thân người, tập trung sáu Thời phần, vì luôn luôn ca hát pháp mà thành. Mỗi pháp có một cách thoả thích, vui sướng. Dùng việc hoa sen nở hay búp

phận sự như nhau; nên gọi là Bốn, Phong giới tụ. lục giới tụ. Gió có tánh là chuyển động. Một, Địa giới tụ. vì thân của con người, thọ nhận Đất có tánh cứng và trở ngại. tính chất của lửa mà sanh ra, Vì thân của con người, thọ nhận tức là thở ra vào và các loại gió tính chất của đất mà được sanh co, rút. Đó gọi là sự tập trung ra; như tóc, lông, móng, răng, của gió. da trong, da ngoài, xương, thịt, (Gió co, rút là khi thân gân, thận,

tim, gan, bao tử, chuyển động co hay duỗi đều phổi. Đó gọi là sự tập trung của do gió tác động) đất. Năm, Không giới tụ. Hai, Thuỷ giới tụ. Không có tánh là không trở Nước có tánh thấm và ướt. ngại. Vì thân của con người, thọ Vì thân của con người, thọ nhận nhận tính chất của khoảng tính chất của nước mà được không mà sanh ra, tức là sanh ra; tức não, tuỷ, nước mắt, khoảng không của mắt, của mồ hôi, nước miếng, mủ, mỡ, mũi, của tai, của yết hầu chuyển máu, nước dãi, nước mũi, đàm. động, thức ăn tiêu hóa đi xuống. Đó gọi là sự tập trung của nước. Đó gọi là sự tập trung của Ba, Hỏa giới tụ. khoảng không. Lửa có tánh khô, nóng. Vì Sáu, Thức giới tụ. thân của con người, thọ nhận Thức có tánh là phân biệt, tính chất của lửa mà được sanh tức là thức của tâm vậy, đó là ra; tức nóng, ấm, phiền muộn, thức vui, thức khổ, thức mừng, sốt, cho đến sự tiêu hóa thức thức lo. Vì vậy gọi là tập trung ăn, thức uống. Đó gọi là sự tập của thức. trung của lửa.

LỤC NAN mất tâm tánh, nên sanh ra các (Niết bàn kinh) tham lam, đắm đuối. Những Một, Phật thế nan ngộ. người ấy, nếu không gặp thiện Vì chư Phật không thường tri thức khuyên răn, dạy bảo, thì xuất thế. Chúng sanh thì cách cuối cùng không thể phát tâm tu trở, xa xôi khó gặp, huống chi tập hạnh lành; nên gọi là thiện còn không tu nhân tốt, không tâm nan sanh. làm việc lành; tuy Phật có xuất Bốn, Trung quốc nan sanh. thế, cũng khó gặp; nên gọi là Thủ đô của nước là nơi Phật ra đời khó gặp. thánh nhân thường sanh ra. Ở Hai, Chánh pháp nan văn. đó nhân nghĩa được biểu Tuy gặp Phật ra đời, hoặc vì dương, Phật pháp lưu hành duyên trái ngược, thân gặp tai rộng rãi. Đúng là đất văn vật, nạn ngăn trở, các căn ngu si, nếu không phải là người giữ chậm chạp, không thể nghe, giới, tu phước không được sanh nhận; hoặc sau khi Phật Diệt ở đó; nên gọi là sanh ở thủ đô độ; hoặc có thuyết chánh pháp, của nước là khó. nhưng bị người khác cấm đoán, Năm, Nhân thân nan đắc. không thể đến nghe được; hoặc Vì nhờ thực hành ngũ sanh tà kiến, tuy có nghe mà thường, ngũ giới mà ra khỏi bốn không tin, nhận; nên gọi là đường, mới được thân người. chánh pháp khó nghe. Kinh nói: Chúng sanh được Ba, Thiện tâm nan sanh. làm thân người, như đất dính Vì người sống ở thế gian, trên móng tay; những chúng kiếp trước đã quen với cấu sanh mất thân người như đất nhiễm quá lớn, duyên ác dễ tập; của địa cầu. lại bị những lầm lẫn, sai trái che

Vì được thì ít mà mất thì Ba, Huynh. nhiều; nên gọi thân người khó Huynh tức là anh của cha, được. đối với mình gọi là bác. Sáu, Chư căn nan cụ Bốn, Đệ. Tuy được thân người, nhưng Đệ tức là em của cha, đối có kẻ đui, điếc, câm, ngọng trở với mình gọi là chú. thành tàn phế. Người có sáu Năm, Nhi. căn đầy đủ là khó được; nên gọi Nhi tức là con của cha, đối là các căn khó đầy đủ. với mình gọi là anh hay em. Sáu, Tôn. PHỤ LỤC THÂN Tôn tức là cháu của cha (là (Thiện kiến tì bà sa con của anh hay em), đối với luật) mình gọi là cháu (gọi mình là Vì Phật dạy các vị Tỳ kheo bác hay chú). tránh lời dị nghị nên không nhờ MẪU LỤC THÂN người nữ ngoài lục thân và Tỳ (Thiện kiến tì bà sa kheo ni giặt giũ y cũ. Nếu là luật) người thân bên cha hay bên mẹ thì có thể nhờ giặt giũ được; nên Một, Cữu. nói phụ lục thân và mẫu lục Cữu tức là cậu của mẹ, là thân. anh em trai của bà ngoại; đối Một, Bá. với mình là ông cậu. Bá tức là bác của cha; đối Hai, Di. với mình gọi là ông bác. Di là chị của mẹ, là chị, em Hai, Thúc. gái của bà

ngoại; đối với mình là Thúc tức là chú của cha, đối bà dì. với mình gọi là ông chú. Ba, Huynh.

Huynh là anh của mẹ; đối Nếu người làm lành, đến khi với mình là cậu. sắp chết, trước lạnh từ chân lên Bốn, đệ. rốn. Ở rốn vẫn còn ấm, rồi mới Đệ là em trai của mẹ; đối với tắt thở, thì người ấy sanh làm mình là cậu. người. Năm, Nhi. Hai, Nghiệm sanh thiên Nhi là con gái của mẹ; đối thượng. với mình là chị hay em. Nếu người làm lành, đến khi Sáu, Tôn. sắp chết, đỉnh đầu còn ấm, rồi Tôn là cháu của mẹ, là con mới tắt thở, thì người ấy sanh của anh hay em trai của mẹ), lên trời. đối với mình là cháu. Ba, Nghiệm sanh ngạ quỷ trung. NHƠN TỬ LỤC NGHIỆM Nếu người làm ác, đến khi (Chư kinh tập yếu) sắp chết, thì lạnh từ đỉnh đầu đến lưng (eo). Dưới eo còn ấm, Vì người sống ở đời, làm rồi mới tắt thở, thì sanh làm ngạ lành, làm ác, tội, phước rõ ràng; quỷ. mảy may không dấu được, đến Bốn, Nghiệm sanh bàn khi chết, quả báo lành, dữ ở sanh. kiếp mai sau cảm ứng hiển Bàn sanh tức là súc sanh. nhiên. Nếu người làm ác, khi sắp Trước xét thấy có sáu trường chết, lạnh từ đỉnh đầu đến gối. hợp. Ở đầu gối còn ấm, sau mới tắt Một, Nghiệm sanh nhân thở, thì sanh làm bàn sanh. trung. Năm, Nghiệm sanh địa ngục.

Nếu người làm điều cực ác, Do quán sát thân chẳng phải khi sắp chết, thì lạnh từ đỉnh thân; quán sát vật chẳng phải đầu đến chân. Ở dưới bàn chân vật, khiến cho tâm bố thí càng còn ấm, sau mới tắt thở, thì rộng rải, càng không gì làm trở sanh vào địa ngục. ngại. Lại còn bố thí chánh pháp Sáu, Nghiệm nhập Niết bàn. rộng khắp mọi nơi, để mở mang Nếu là bậc La hán, thánh tăm tối, ngu si cho nhiều người nhân, khi vào Niết bàn, thân xác khác; nên gọi là quảng thí. nhiều ngày ở tim và đỉnh đầu Hai, Quảng giới. vẫn còn ấm. Giới là luật vậy. Giới phẩm tuy nhiều, không QUẢNG LỤC ĐỘ HẠNH ra ngoài ba nghiệp thân, khẩu, (Thành cụ quang ý. minh định ý kinh, cũng có tên là Khi thấy các thứ vàng, bạc, Lục đức hạnh). châu báu; phần nhiều đều thích Một, Quảng thí. ý. Tuy mình nghèo khổ, thiếu Quảng là rộng rãi, lớn. thốn, cũng không tham lam Thí là buông bỏ tiền của. xằng bậy lấy của người ta. Vì người tu hạnh bố thí, tâm Khi thấy sắc đẹp tuyệt vời, đã rộng rải lắm; lại còn biết thân quán sát sự mục nát ở bên mình không thường còn, bốn đại trong, sanh tâm chán nản, xa dơ bẩn, rốt rồi cũng trở về hư lìa; cho đến các giới không sát hao, mục nát. Đã biết thân hại, không trộm cắp, không dâm không có ngã, tiền của cũng hư dục, đều là giới của thân. ảo; cho nên vạn vật trong đời, Hoặc khi ai nói lời hung ác thảy đều vô thường. cho mình; hay nói lời hòa nhã, hiền lành để trả lời một cách

thành thật; cho đến không nói nhã, xấu hổ, vốn không thực có. dối, không nói thêu dệt, không Được vậy, thì sân hận không nói hai lưỡi, đều là giới của sanh, hạnh nhẫn càng tiến bộ. miệng. Mình đã được như thế, lại Lại hay suy nghĩ về sống, hay dạy bảo người khác, nên tu chết; thường ôm ấp trong lòng nhẫn nhịn; nên gọi là quảng việc giải thoát khổ đau; lại còn nhẫn. tu tập yếu lý của đạo giải thoát; Bốn, Quảng tinh tấn. hiểu sâu nghĩa vô vi; cho đến Vì Bồ tát tu tập đạo phẩm, không tham, không sân, không nên phải siêng năng tinh tấn, si, đều là giới của ý. bớt ăn uống, ngủ nghỉ, ngày Người tu hành, đối với giới đêm tỉnh thức, không nên lười của ba nghiệp, tự mình giữ gìn biếng; cho

đến rộng nói pháp chắc chắn, không phạm, còn yếu cho người khác nghe, đem ra dạy bảo cho người khác, không lấy việc ấy cho là phiền để cho giới pháp của Phật càng phức, mà mở lòng hướng dẫn thêm phổ biến; nên gọi là quảng những kẻ ngu si, ương ngạnh, giới. không từ cực nhọc. Ba, Quảng nhẫn. Tự mình đã được như vậy, Nhẫn là chịu, nhịn. lại còn dạy bảo người khác, làm Khi Bồ tát tu hành, nếu có cho họ tinh tấn trên đường đạo; người mắng chửi mình, nên biết nên gọi là quảng tinh tấn. rằng những lời mắng chửi ấy do Năm, Quảng nhất tâm. âm thanh tạo ra. Quán sát thật Nhất tâm là tâm không tạp sâu như thế, thì thấy tánh của loạn. ngôn ngữ là không, ý cũng như Khi Bồ tát tu hành thiền định, thế. Nhìn ra được những nhục nhất tâm vắng lặng, xa lìa tán

loạn. Đối với cha mẹ thì càng trí huệ soi sáng tất cả. Quán sát cung phụng, hiếu thảo; đối với xem chúng từ đâu nổi lên và thầy, bạn thì cung kính, tôn diệt rồi đi về đâu. trọng. Cắt đứt ái dục, xa lìa Ở trong ái dục mà tâm luôn phàm tục, thảnh thơi vắng vẻ, không rời đạo phẩm, gởi thân đều phải giữ tâm mình chuyên trong cõi ô trược, độc ác, mà nhất. tâm không xa rời quê hương Cho đến ham muốn nhiều, thanh tịnh. Vào đường hiểm trở, tranh cãi nhiều, tạo tác nhiều, gian nguy, mà tâm luôn nghĩ đó não loạn nhiều, hoặc khen hoặc là đường phương tiện độ sanh. chê, hoặc được hoặc mất; đối Vì vậy, có thể dứt hẳn vọng với mọi trường hợp như vậy, đều tưởng của tam giới và chứng phải giữ tâm chuyên nhất, được Niết bàn chân không. Tự không để cho cuống theo loạn mình đã được như vậy, lại luôn động. nghĩ đến công hạnh độ sanh, Tự mình đã được như thế, lại làm cho chúng tu tập trí huệ; còn khéo léo dạy người khác; nên gọi là quảng trí huệ. đối với mọi nơi, mọi lúc đều giữ LỤC CHỦNG GIỚI gìn lấy tâm mình chuyên nhất; (Du già sư địa luận) nên gọi là quảng nhất tâm. Một, Hồi hướng giới.
Sáu, Quảng trí huệ. Hồi hướng giới là Bồ tát có Trí huệ là chiếu soi muôn tâm lợi tha rất lớn, nên lấy lợi lạc pháp, thấu đạt tất cả, không có của việc giữ giới, hồi hướng cho gì làm trở ngại. tất cả chúng sanh, cùng thành Vì khi Bồ tát tu hành, nếu Phật quả. vướng vào kiến văn, thì sẽ bị tất Hai, Quảng bác giới. cả trần cảnh che lấp, phải dùng

Quảng bác là Bồ tát có tâm LỤC TRAI NHẬT

to lớn, rộng rải; tuy giữ một giới (Tứ thiên vương và

mà có thể bao gồm tất cả Tăng nhất A hàm kinh).

những gì mình đã học được của Luận tì bà sa nói: khi gặp các giới khác. ngày ăn chay, thì quá ngọ Ba, Vô tội hoan hỉ giới. không ăn. Vô tội hoan hỉ giới là Bồ tát Một, Mỗi ngoạt sơ bát nhật. xa lìa năm dục, nên đối với các (Ngày mùng tám mỗi tháng) giới của mình dù cho đến chết Đế thích xuống chiếu cho cũng không bỏ đi. bốn Thiên vương cai trị bốn Năm, Kiên cố giới. phương, đến ngày ấy sai các Kiên cố giới là khi Bồ tát trì phụ thần quán sát những người giới, tất cả lợi ích cúng dường, làm lành, làm ác ở thế gian. cung kính và tham lam, sân (Đế thích tức Thích đề hoàn hận, phiền não đều không thể nhân. làm lu mờ, loạn động tâm trí mà Bốn Thiên vương: phía huỷ hoại giới. Đông, vua Trì quốc thiên; phía Sáu, Thi la trang nghiêm cụ Nam, vua Tăng trưởng thiên; tương ưng giới. phía Tây, vua Quảng mục thiên; Tiếng Phạn là Thi la, tiếng phía Bắc, vua Đa

văn thiên). Hoa là thanh lương, vì có thể Hai, Mỗi ngoạt thập tứ nhật. diệt trừ buồn rầu, nóng bức khi (Ngày 14 mỗi tháng) phạm giới. Ngày này, bốn thiên vương Các vị Bồ tát giữ giới có thể sai thái tử đi tuần tra thiên hạ, trang nghiêm tất cả pháp lành xét xem nhân dân ai làm lành, mà mình đã tu, và tương ưng ai làm ác. đầy đủ tất cả giới, pháp.

Ba, Mỗi ngoạt thập ngũ nhật. Ngày này, bốn Thiên vương (Ngày 15 mỗi tháng) sai thái tử quan sát, giống như Ngày này, chính bốn thiên ngày mộtbốn ở trên. vương đi tuần tra thiên hạ, xem Sáu, Mỗi ngoạt tam thập xét có ai thương yêu, hiếu thảo nhật. (Ngày 30 mỗi tháng) cha, mẹ; cung kính Tam bảo và Ngày này, chính bốn Thiên các bậc tôn trưởng; cùng những vương đi quan sát thiên hạ, ai tu lục độ, giữ bát quan trai giống như ngày 15. giới; chư thiên vui mừng ban LỤC CHỦNG XẢO phước lành cho, ban lộc và vận PHƯƠNG TIỆN may cho. (Bồ tát địa trì Nếu như không làm lành, kinh).
không giữ giới, ăn chay; chỉ biết Một, Tuỳ thuận xảo phương tạo nghiệp ác, thì chư thiên lo tiện. lắng, giáng xuống những điều Vì Bồ tát muốn thuyết pháp không tốt, phước lộc giảm, vận cho chúng sanh nghe, trước may cũng giảm. phải dùng đến phương tiện khéo (Trai là quá ngọ không ăn) léo, tuỳ theo đời thường mà dạy Bốn, Mỗi ngoạt nhị thập tam bảo, khiến cho sanh tâm ưa nhật. (Ngày 23 mỗi tháng) thích, tin tưởng. Sau đó mới nói Ngày này, bốn Thiên vương nghĩa lý sâu xa giáo pháp của sai phụ thần quan sát những Phật, làm cho chúng dễ hiểu dễ người làm lành, làm ác ở thế tin tưởng để có nhiều lợi ích. Đó gian, giống như ngày mùng tám gọi là tuỳ thuận xảo phương ở trên. tiện. Năm, Mỗi ngoạt nhị thập cửu nhật. (Ngày 29 mỗi tháng)

Hai, Lập yếu xảo phương Vì Bồ tát đã dạy cho chúng tiện. sanh cúng dường cha, mẹ, Sa Yếu là ước hẹn. môn, bà la môn và giữ gìn giới Nếu có chúng sanh cầu xin cấm. Hoặc có người không ở Bồ tát về tất cả những thứ nghe theo, thì Bồ tát hiện ra nuôi sống như: ruộng, nhà, thức hình tướng quái lạ quở trách, ăn, thức uống, tiền, của… Bồ tát làm cho những người ấy sợ sệt, liền hẹn ước với chúng rằng nếu bỏ ác làm lành. Đó gọi là dị các ngươi hay cúng dường cha, tướng xảo phương tiện. mẹ, Sa môn, Bà la môn và giữ Bốn, Bức bách xảo phương gìn cấm giới, ta sẽ bố thí theo tiện. mong cầu ấy. Còn nếu không Bồ tát đối với thân bằng thể làm những việc trên, thì ta quyến thuộc của mình mà nói không bố thí cho. rằng nếu bà con của tôi, có Các chúng sanh nghe lời người không cúng dường cha hứa khả ấy của Bồ tát, thì liền tu mẹ, cho đến phạm các giới hành theo những lời hướng dẫn cấm, thì tôi sẽ thôi giúp đỡ họ, và đã thoả mãn những gì mong hoặc hơn nữa, quở phạt họ; muốn. Đó gọi là lập yếu xảo hoặc có thể đi đến đuổi ra khỏi phương tiện. dòng họ. (Tiếng Phạn là Sa môn, Những người bà con ấy sợ tiếng Hoa là cần tức. sự quở phạt ấy, nên làm các Tiếng Phạn là Bà la môn, điều thiện, bỏ các điều ác. Họ, tiếng Hoa là tịnh hạnh). tuy không vui, cũng bắt họ phải Ba, Dị tướng xảo phương tu tập pháp lành. Đó gọi là bức tiện. bách xảo phương tiện.

Năm, Báo ân xảo phương chúng sanh tin tưởng vững tiện. chắc, cùng mong cầu Phật đạo, Trước hết, Bồ tát đem ân và sai lầm, nhiễm ô vướng phải, đức ban bố cho chúng sanh. thảy đều thanh tịnh. Đó gọi là Hoặc cho tiền của, hoặc giúp thanh tịnh xảo phương tiện. thoát khỏi khổ nạn; cho đến (Cứu cánh địa tức là Phật không các bệnh tật và lo sợ, địa. Tiếng Phạn là Đâu suất, đem đến sự an lạc cho tất cả tiếng Hoa là tri túc)

chúng sanh. TƯ TU LỤC Ý Nhờ vậy, chúng sanh nhớ (Nhiếp Đại thừa ơn, muốn đền đáp; nhưng Bồ tát luận). không muốn tài sản ở thế gian, Một, Quảng đại ý. mà chỉ quan tâm đến việc cúng Vì Bồ tát tu hành, phát tâm dường cha mẹ, giữ gìn cấm giới. rộng lớn, trải qua vô số kiếp mới Đó gọi là báo ân xảo phương được giác ngộ. Vào thời gian ấy, tiện. thường bỏ thân mạng và vô số Sáu, Thanh tịnh xảo phương bảy thứ báu cúng dường cho tiện. Phật. Từ khi bắt đầu cho đến Vì Bồ tát ở địa cứu cánh, cuối cùng, mà tâm của các vị sanh lên cõi trời Đâu suất. Từ Bồ tát đó vẫn không thấy đủ. Đó cõi Đâu suất đến cõi thế gian, gọi là Bồ tát quảng đại ý. sanh trong cung vua, bỏ những Hai, Trường thời ý. vui thú thượng đẳng, xuất gia Vì, Bồ tát tu hành, từ khi mới học đạo, cốt khiến cho chúng phát tâm, cho đến thành Phật, sanh (thấy điều ấy) bỏ tánh kiêu luôn không buông lung, thường mạn và thành tựu vô thượng Bồ bố thí, giữ giới, trải qua vô số đề. Ngoài ra, còn khiến cho

kiếp, vẫn không thấy chán nản. Vì Bồ tát tu hành, thường tu Đó gọi là Bồ tát trường thời ý. lục độ vạn hạnh, sanh ra căn Ba, Hoan hỉ ý. lành công đức, khiến cho tất cả Vì Bồ tát tu hành, thường tu chúng sanh đều nhận được một lục độ vạn hạnh, làm lợi ích cho cách bình đẳng, và còn làm cho tất cả chúng sanh. Đối mình và chúng hồi hướng vô thượng Bồ người đều sanh hoan hỉ. Đó gọi đề. Đó gọi là Bồ tát thiện hảo ý. là Bồ tát hoan hỉ ý. LỤC CHỦNG Ý LẠC Bốn, Hữu ân đức ý. (Nhiếp Đại thừa Vì Bồ tát tu hành, thường tu luận). lục độ vạn hạnh, đem lợi ích cho Vì Bồ tát tu tập tất cả pháp tất cả chúng sanh. Tuy thấy môn, nên phải vui mừng. người kia đối với ta có nhiều ân Một, Quảng đại ý lạc. đức, mà không thấy mình ban Bồ tát dùng vô số bảy báu ân cho họ. Đó gọi là Bồ tát hữu hiến cúng đức Phật, lại còn có ân đức ý. thể trì giới, nhẫn nhục, thiền Năm, Đại chí ý. định, trí tuệ, cho đến thị hiện đã Vì Bồ tát tu hành, thường tu chứng được quả Phật ở đời, còn lục độ vạn hạnh; những căn không thấy đủ. Đó gọi là quảng lành công đức các Ngài có đại ý lạc. được, không hề chấp trước, mà Hai, Trường thời ý lạc. hướng về bố thí cho tất cả Vì Bồ tát thực hành lục độ, chúng sanh, để cho chúng đều cho đến thị hiện chứng được được quả báo tốt đẹp. Đó gọi là quả Phật ở đời, tâm thường vui Bồ tát đại chí ý. tươi, không có gián đoạn. Đó Sáu, Thiện hảo ý. gọi là trường thời ý lạc.

Ba, Hoan hỉ ý lạc. KHỞI THÁP HỮU LỤC Ý Vì Bồ tát có thể dùng lục độ (Hoa nghiêm làm ích lợi cho chúng sanh. Do kinh sớ). làm việc như thế, tâm sanh vui mừng. Đó gọi là hoan hỉ ý lạc. Một, Vị biểu nhân thắng.

Bốn, Hà ân ý lạc. Vì Phật là bậc chí tôn trong

Hà là đội, vác. ba cõi, hơn hết, không gì so

Vì Bồ tát dùng lục độ này, sánh được, nên xây tháp để nêu

đem đến ích lợi cho chúng cao đức độ, trí huệ của Phật, để

sanh, mà không thấy người làm cho mọi người chiêm ngưỡng, lễ

ân. Đó gọi là hà phụ ý lạc. bái, quy y và cung kính.

Năm, Đại chí ý lạc. Hai, Linh sanh tịnh tín.

Vì Bồ tát dùng việc tích tụ Vì xây dựng tháp Phật là để

công đức thiện căn của lục độ tất cả chúng sanh chiêm

như thế, hướng về bố thí cho tất ngưỡng, đảnh lễ, sanh tâm

cả chúng sanh, để cho chúng chánh tín.

cùng được quả Phật. Đó gọi là Ba, Linh tiêu tâm hữu tại.

đại chí ý lạc. Vì xây dựng tháp Phật, là để

Sáu, Thuần thiện ý lạc. tâm của tất cả chúng sanh có

Vì Bồ tát dùng việc tích tụ chỗ hướng về, mà kính mến,

công đức thiện căn của lục độ nương tựa.

như thế, cùng chúng sanh hồi Bốn, Linh cúng dường sanh

hướng cầu Phật quả, tâm không phước.

gián đoạn, chuyên nhất. Đó gọi Vì xây dựng tháp Phật, là để

là thuần thiện chí lạc. cho tất cả chúng sanh, có nơi chí tâm, cung kính, cúng dường,

thì có thể sanh ra ích lợi và cúng dường; nếu thấy những phước đức. người bệnh khổ, tuỳ lúc cung Năm, Vị báo ân hạnh tất. cấp thuốc thang, thực phẩm để họ được vui mừng. Đó gọi là Vì xây dựng tháp Phật, thân nghiệp hành từ. không chỉ ích lợi cho riêng Hai, Ngữ nghiệp hành từ. mình, mà còn được bốn ân và Đối với các bậc hiền thánh hoàn tất được hạnh nguyện và những người cùng tu phạm rộng lớn. hạnh, khởi tâm từ thiện, dùng lời Sáu, Sanh phước diệt tội. khen ngợi, ca tụng thật đức của Vì xây dựng tháp Phật, các vị ấy. Nếu người khác không chỉ sanh phước, diệt tội không nghe, hãy khiến cho họ cho riêng ta, mà còn cho tất cả được nghe những lời này, ngày chúng sanh, hễ ai chiêm bái, đêm siêng năng để họ vui đảnh lễ đều được tội diệt, phước mừng. Đó gọi là ngữ nghiệp sanh. hành từ. Ba, Ý nghiệp hành từ. LỤC PHÁP LỆNH THA HOAN HỈ Đối với các bậc hiền thánh (Căn bản và những người cùng tu phạm thuyết nhất thiết hữu bộ tì nại da hạnh, khởi tâm từ thiện, không tạp sự). sanh lòng ghen ghét, hảm hại, keo kiệt; đối với chúng sanh, Một, Thân nghiệp hành từ. khởi tâm từ mẫn, tâm đem lại Đối với các bậc hiền thánh ích lợi cho họ, làm cho họ vui và những người cùng tu phạm mừng. Đó gọi là ý nghiệp hành hạnh, khởi tâm từ thiện, lễ bái, từ. đốt hương, rải hoa và vô số Bốn, Như pháp lợi dưỡng.

Khi mình có vật chất cung NGOẠI ĐẠO LỤC SƯ

cấp cho sự sống, cho đến thức (Đà la ni tập kinh,

ăn, thức uống ít nhất, đối với và phiên dịch danh nghĩa).

người cùng tu phạm hạnh, Thấy lý bằng tâm tà, phát ra không nên phân biệt mà phải từ trí tà, vì không nhận ra giáo lý cùng chung sử dụng, làm cho đúng đắn; nên gọi là ngoại đạo. người khác vui mừng. Đó gọi là Phụ hành nói: Lục sư có gốc như pháp lợi

dưỡng. từ một ông tổ, là người ở Ca tì Năm, Thọ trì giới pháp. la, nảy ra thành sáu học phái. Khi đã thọ giới pháp rồi, Một, Phú lan na ca diếp. trước sau đều quyết giữ gìn, Tên là Phú lan na. Ca diếp không chê bai, không vi phạm. là họ mẹ. Đối với người cùng tu phạm Ông này đưa ra tà kiến; tất hạnh với mình, nếu có huỷ cả pháp đoạn diệt; không có phạm, cũng không sanh tâm đạo vua tôi, cha con, trung hiếu; khinh bỉ họ, để họ được vui gọi là tắt không ngoại đạo. Vì mừng. Đó gọi là thọ trì giới lấy sắc phá cái có của dục giới, pháp. lấy cái không phá cái có của Sáu, Năng sanh chánh kiến. sắc giới; nên cho rằng không là Đối với tất cả đạo pháp, phát cao nhất. sanh tâm chánh kiến, không Hai, Mạt già lê câu xa lê. chút nghi ngờ và cùng với người Ông này đưa ra tà kiến: khổ, cùng tu phạm hạnh, chia xẻ sự vui của chúng sanh không do tự hiểu biết này, khiến cho họ mình làm ra, mà do tự nhiên mà được vui mừng. Đó gọi là năng có. Vì cho là tự nhiên, tức là sanh chánh kiến. không có nguyên nhân, nên cũng là tà kiến.

Ba, Sách xà dạ tì la chi. cho rằng nhân này có thể được Tên là Sách xà dạ là tiếng vui. Phạn, tiếng Hoa là Chánh năm hơi nóng là hơi nóng thắng. bốn mặt của lửa và hơi nóng Tiếng Phạn là Tì la chi, tiếng mặt trời trên đầu). Hoa là bất tác. Năm, Ca la cưu đà ca chiên Ông này đưa ra tà kiến: Đạo diên. không cần cầu, trôi qua vô số Tiếng Phạn là Ca la cưu đà, kiếp, khổ hết thì tự nhiên được. tiếng Hoa là Ngưu lãnh (tên). Lại cho rằng mãn tám vạn kiếp, Tiếng Phạn là Ca chiên diên, tự nhiên đắc đạo. tiếng Hoa là Tiễn phát (họ). Bốn, A kỳ đa sí xá khâm bà Ông này đưa ra tà kiến: các la. pháp cũng có tướng mà cũng Tên là A kỳ đa sí xá. Tiếng không có tướng (có tướng là Phạn là Khâm bà la là tên cái thường kiến. không có tướng là áo thô xấu, lấy áo mặc làm tên. đoạn kiến). Ông này đưa ra tà kiến: Sáu, Ni kiền đà nhược đề tử. chẳng có nguyên nhân mà suy Tiếng Phạn là Ni kiền đà, ra được nhân. Mặc áo thô sơ, tiếng Hoa là Ly phiền. Tiếng xấu xí; tự nhổ tóc; lấy khói xông Phạn là Nhược đề là tên của mẹ mũi và năm hơi nóng đốt thân ông. mình; tu theo khổ hạnh; tự cho Ông này đưa ra tà kiến: tội, rằng thân này chịu tất cả khổ thì phước; khổ, vui vốn có nguyên thân sau sẽ được vui. nhân cố định, sẽ phải chịu thôi; (Phi nhân kế nhân là vốn chẳng phải tu mà dứt trừ được. không có nhân vui, nên nhầm

LỤC KHỔ HẠNH Vì tu hành của ngoại đạo, NGOẠI ĐẠO thường cởi trần truồng, không (Đại Niết bàn màn nóng lạnh, ngồi trên đất kinh). trống, cho đó là khổ hạnh và là Một, Tự ngạ ngoại đạo. nguyên nhân để được chứng Vì tu hành của ngoại đạo quả. Đó gọi là tự ngọa ngoại không ưa ăn uống, chịu nhịn đói đạo. lâu dài, cho đó là khổ hạnh và là Năm, Tịch mặc ngoại đạo. nguyên nhân để được chứng Vì tu hành của ngoại đạo, quả. Đó gọi là tự ngạ ngoại đạo. lấy rừng rú, gò mả làm nơi cư Hai, Đầu uyên ngoại đạo. trú, im lặng không nói, cho đó là Vì tu hành của ngoại đạo, khổ hạnh và là nguyên nhân để khi trời lạnh, đi vào trong vực được chứng quả. Đó gọi là tịch sâu, để nhận lấy sự khổ sở vì mặc ngoại đạo. lạnh cóng, cho đó là khổ hạnh Sáu, Ngưu cẩu ngoại đạo. và là nguyên nhân để được Vì tu hành của ngoại đạo, tự chứng quả. Đó gọi là đầu uyên nói rằng đời trước từ bò, chó mà ngoại đạo. ra, nên giữ giới giống như chó, Ba, Phó hỏa ngoại đạo. như bò, gặm cỏ, ăn đồ dơ, chỉ Vì tu hành của ngoại đạo, mong được sanh lên trời; cho đó thường lấy lửa đốt thân và hít là khổ hạnh và là nguyên nhân khói vào mũi v.v... chịu đựng sự để được chứng quả. Đó gọi là khó chịu của hơi nóng và cho đó ngưu

cẩu ngoại đạo. là khổ hạnh, là nguyên nhân để LỤC ĐẠO được chứng quả. Đó gọi là phó (Pháp hoa văn cú). hỏa ngoại đạo. Bốn, Tự tọa ngoại đạo.

Đạo nghĩa là có thể làm cho rồng, làm cho vị của biển không lưu thông. sáu đường sống, chết thay đổi (thành rượu), nên tu la trôi lăng qua lại, nên gọi là lục nổi lên giận dữ, thề bỏ rượu. Vì đạo. vậy gọi A tu la là vô tửu. Một, Thiên đạo. Vô đoan chánh. Loài tu la Thiên tức là thiên nhiên, tự nam xấu; nữ đẹp; nên gọi là vô nhiên. Thân thể và lạc thú đều đoan chánh. tốt đẹp hơn; đó gọi là thiên đạo. Vô thiên hay phi thiên. Tịnh Hai, Nhân đạo. danh sớ nói: Thần này có quả Nhân là chịu đựng vậy. báo rất tốt, gần giống trời mà Những cảnh khổ, vui ở đời đều không phải trời). có thể chịu đựng và an phận; đó Bốn, Ngạ quỷ đạo. gọi là nhân đạo. Đạo này hoặc ở đáy biển, Ba, A tu la đạo. hoặc ở trong núi rừng, hoặc Tiếng Phạn là A tu la, tiếng hình thể giống người, hoặc Hoa là vô đoan (xấu xí), phi giống thú. Người nghiệp nặng thiên (không giống trời). thì không ăn uống được, lửa, Đạo này hoặc ở ven biển, thiêu đốt, không nghe đến tên dưới đáy biển, hoặc ở trong của nước uống. hang lưng chừng núi Tu di; cung Người nghiệp nhẹ hơn thì điện rất đẹp, mà lòng luôn hiềm tìm kiến các thứ dơ bẩn như cứt, nghi, ghen ghét, hay thích đánh máu, mủ, cặn bã của người đời nhau; đó gọi là A tu la đạo. mà ăn uống. (Vô tửu, Pháp hoa kinh sớ Người nghiệp nhẹ hơn nữa, nói; Tu la ở trong bốn thiên hạ thì thường xuyên ăn uống thiếu hái hoa, ngâm vào biển làm thốn. Đó gọi là ngạ quỷ đạo. rượu; vì nghiệp lực của cá và Năm, Súc sanh đạo.

Súc sanh cũng gọi là bàng tu hạnh bố thí, thì cũng không sanh. dùng vật tốt cho người. Đó gọi Đạo này ở khắp mọi nơi, là xan tâm. mang lông đội sừng, vảy mai, Hai, Phá giới tâm. lông lá có rất nhiều loại, ăn thịt Vì tâm của chúng sanh do lẫn nhau, chịu khổ rất nhiều. Đó tham, sân, si, phiền não che gọi là súc sanh đạo. lấp, nên làm những việc ác, (Bàng sanh, Bà sa luận nói: không thể giữ giới cấm. Đó gọi Hình bàng hành bàng. Hình là phá giới tâm. bàng là thân hình nằm ngang Ba, Sân khuể tâm. mặt đất, không thẳng đứng. Vì tâm của chúng sanh do Hành bàng là những điều đã nóng nảy, hờn giận che lấp, nên làm ở kiếp trước tà vạy, bất khi gặp cảnh trái ý, thường rắp chánh). tâm hảm hại người, mà không tu Sáu, Địa ngục đạo. hành nhẫn nhục. Đó gọi là sân Ngục này ở dưới đất, có đủ khuể tâm. nước đồng sôi, dao kiếm nhiều Bốn, Giải đãi tâm. như cây mọc trong rừng hành Vì tâm của chúng sanh do hạ tội nhân chịu biết bao khổ lười biếng che lấp, nên không sở. Đó gọi là địa ngục đạo. thể tinh tấn tu hành thánh đạo. Đó gọi là giải đãi tâm. LỤC TẾ TÂM Năm, Loạn tâm. (Đại trí độ luận). Vì tâm của chúng sanh do Một, Xan tâm. tán loạn che lấp, phương hại Vì tâm của chúng sanh bị thiền định. Giống như đèn bị gió keo kiệt, bủn xỉn che lấp, nên thổi, tuy có sáng, mà không soi không thể tu hạnh bố thí. Dù có rõ vật. Đó gọi là loạn tâm.

Sáu, Si tâm. khởi lên các nhận biết sai lầm, Vì tâm của chúng sanh do nên gọi là kiến hoặc. ngu si che lấp, nên không có trí Tư tức là tư duy, hay tham huệ. Đối với mọi việc, không thể nhiễm gọi là tư; vì năm căn mắt, biết được, chấp chặt pháp tà, tai, mũi, lưỡi, thân tham đắm không mong được chánh kiến. sắc, thanh, hương, vị, xúc và Đó gọi là si tâm. khởi lên tưởng trước (vướng vào nghĩ ngợi), nên gọi là tư hoặc. LỤC NHIỄM TÂM Lục thô là trí tướng, tương (Khởi tín luận). tục tướng, chấp thủ tướng, kế Sáu tâm

nhiễm ô là vì thể danh tự tướng, khởi nghiệp của tâm vốn trong sạch, xa lìa tướng, nghiệp khổ tướng). sai lầm, khởi lên vô minh. Do vô Hai, Bất đoạn tướng ưng minh huân tập, nên có sáu nhiễm. tướng nhiễm ô của tâm. Bất đoạn tức là tương tục. Một, Chấp tướng ưng nhiễm. Đó là tương tục tướng thứ hai Vì đối với cảnh khổ, vui, trong lục thô. không hiểu đó là hư dối, không Ba, Phân biệt trí tướng ưng thật, sai lầm là khởi lên chấp nhiễm. chặt, cùng với tâm tương ưng, Vì hay phân biệt các pháp kiến hoặc và tư hoặc làm nhiễm nhiễm, tịnh của thế gian và xuất ô tâm thanh tịnh ấy; nên gọi là thế gian, nên gọi là trí. chấp tướng liền nhiễm. Đó là Trí phân biệt cũng là sự chấp thủ thứ ba và kế danh tự tương ưng của pháp chấp và tướng thứ tư ở trong lục thô. tâm; nên gọi là phân biệt trí (Kiến, tư là: kiến tức là phân tương ưng nhiễm. Đó là trí biệt; vì ý căn đối với pháp trần tướng thứ nhất trong lục thô.

Bốn, Hiện sắc bất tương ưng Sáu, Căn bản nghiệp bất nhiễm. tương nhiễm. Hiện sắc là nương vào căn Căn bản nghiệp là căn bản bản vô minh, huân tập, khuấy vô minh. động tâm thanh tịnh, khiến cho Vì sức mạnh của vô minh hiện ra tướng của cảnh giới. Tuy mà tâm bất giác (tâm không tỉnh hiện ra tướng của cảnh giới thức) động. Động nên thành nhưng căn bản vô minh rất là tế nghiệp. vi, không cùng với tâm vương, Tuy động thành nghiệp, mà tâm sở tương ưng nên gọi là bất không cùng tâm vương, tâm sở tương ưng nhiễm. Đó là hiện tương ưng; nên gọi là bất tương tướng thứ ba trong tam tế. ưng nhiễm. Đó là nghiệp tướng (Căn bản vô minh là vì nó thứ nhất trong tam tế. hay sanh các phiền não kiến và LỤC TRƯỚC TÂM tư. (Hoa nghiêm khổng Tâm vương là thức thứ tám. mục tinh diễn nghĩa sao). Tâm sở là thọ, tưởng, hành. Một, Tham trước tâm. Tam tế là nghiệp tướng, Tâm dẫn dắt giữ lấy gọi là chuyển tướng và hiện tướng). tham. Năm, Năng kiến tâm bất Vì đối với cảnh vừa ý của tương ưng nhiễm. sáu trần, nó lôi kéo giữ lại cho Năng kiến tâm là vì căn bản được không chán, luyến tiếc vô minh phát động, nên tâm có không bỏ; nên gọi là tâm tham cái thấy. Tuy khiến cho tâm có đắm. cái thấy nhưng không cùng Hai, Ái trước tâm. tương ưng nhiễm. Đó là chuyển tướng thứ hai trong tam tế.

Tâm ham muốn giữ lấy gọi Tâm trạng mình khinh người là ái. gọi là mạn. Vì đối với cảnh vừa ý của Vì tự cho dòng họ cao quý, sáu trần mà sanh ái dục, quyến tài giỏi nhiều, xem nhẹ, miệt thị luyến không bỏ; nên gọi là ái người khác, mà không thể bỏ trước tâm. được; nên gọi là mạn trước tâm. Ba, Sân trước tâm. LỤC TƯƠNG ƯNG Tâm giận dữ gọi là sân. TƯỞNG Vì đối với tất cả cảnh trái ý, (Đại tập pháp môn liền nổi lên giận dữ, không thể kinh). bỏ được; nên gọi là sân trước Một, Nhãn tương ưng tưởng. tâm. Vì khi mắt đối với cảnh, cùng Bốn, Trước si tâm. thức tương ứng, mà khởi lên Tâm mê muội lầm lạc gọi là tưởng niệm; nên gọi là nhãn si. tương ưng tưởng. Vì đối với tất cả sự, lý của Hai, Nhĩ tương ưng tưởng. các pháp, không hiểu biết rõ Vì khi tai đối với tiếng, cùng ràng, lầm sanh tà kiến, cố giữ thức tương ưng mà khởi lên không bỏ; nên gọi là si trước tưởng niệm; nên gọi là nhĩ tương tâm. ưng tưởng. Năm, Dục trước tâm. Ba, Tỵ tương ưng tưởng. Tâm ưa nắm giữ gọi là dục. Vì khi mũi nghe hương, cùng Vì đối với cảnh đáng yêu, thức tương ưng mà khởi lên mà khởi lên ham muốn, quyến tưởng niệm; nên gọi là tỵ tương luyến không bỏ; nên gọi là dục ưng tưởng. trước tâm. Bốn, Thiệt tương ưng tưởng. Sáu, Mạn trước tâm.

Vì khi lưỡi nếm vị cùng thức Vì khi đang tu tập việc lành, tương ưng mà khởi lên tưởng đối với năm cảnh dục, tâm ta niệm; nên gọi là thiệt tương ưng đuổi theo, không thể giữ yên tưởng. lặng; nên gọi là ngoại tán loạn. Năm, Thân tương ưng Ba, Nội tán loạn. tưởng. Vì khi tu thiền định, thì trong Vì khi thân xúc chạm cùng tâm phát khởi lên hôn trầm, trạo thức tương ưng mà khởi lên cử và các phiền não mà sanh tưởng niệm; nên gọi là thân mê mờ chấp chặt, thoái thất tương ưng tưởng. thiền định; nên gọi là nội tán Sáu, Ý tương ưng tưởng. loạn. Vì khi ý phân biệt các pháp (Trầm là hôn trầm; trạo là cùng thức tương ưng mà khởi trạo cử; nghĩa là trạng thái tối lên tưởng niệm; nên gọi là ý tăm; lăng xăng làm tán loạn và tương ưng tưởng. mất yên tĩnh của tâm). Bốn, Tướng tán loạn. LỤC CHỦNG TÁN LOẠN Vì dục vọng khiến cho người (A tì đạt ma tạp tập ta tin rằng mình có đức độ để luận) lừa người bằng cách hiện ra tướng chân tu hiền lành. Do lý Một, Tự tánh tán loạn. do này, những pháp lành đã tu Vì tự tánh của năm thức, được từ từ lụi tàn rồi mất hẳn; đuổi theo ngoại duyên, trái nên gọi là tướng tán loạn. ngược với sự yên tĩnh; nên gọi Năm, Thô trọng tán loạn. là tự tánh tán loạn. Vì khi tu pháp lành, nổi lên Hai, Ngoại tán loạn. chấp lấy ngã và ngã sở và các tà kiến, ngã mạn. Do chấp chặt

lấy tà kiến thô trọng này, nên chúng quá nhỏ bé, nên gọi là ba thiện pháp đã tu được, vĩnh viễn tế) hết thanh tịnh. Đó gọi là thô Một, Trí tướng. trọng tán loạn. Vì nương vào tướng của (Ngã là năm ấm sắc, thọ, cảnh giới thứ ba trong ba tế, tưởng, hành, thức cho đó là không biết rằng biểu hiện đó là ngã. của tự tâm, mà sai lầm khởi lên Ngã sở là sắc thân này, tài phân biệt tướng nhiễm, tịnh. Đối sản, quyến thuộc...) với cảnh tịnh thì yêu; đối với Sáu, Tác ý tán loạn. cảnh nhiễm thì không yêu; đó Hoặc dựa vào dư thừa, hoặc gọi là trí tướng. dựa vào dư định mà móng tâm (Cảnh giới tướng tức là hiện tu tập, không thể chứng ngộ Bồ tướng trong ba tế). đề, lại còn khởi lên tán loạn. Đó Hai, Tương tục tướng. gọi là tác ý tán loạn. Vì nương vào phân biệt của (Dư thừa là nhân thừa và trí tướng ở trước, đối cảnh yêu thiên thừa. thì vui, đối với cảnh không yêu Dư định là thiền định của thế thì khổ. Từ đó niệm niệm nổi lên gian). trong giác tâm liên tục; đó gọi là tương tục tướng. LỤC THÔ TƯỚNG Ba, Chấp thủ tướng. (Khởi tín luận). Vì nương vào tương tục Lục thô là do ba tế nghiệp, tướng ở trước, mà duyên vào chuyển, hiện mà sanh ra, nên các cảnh khổ, vui của niệm, nên gọi là sáu thô. tâm nổi lên đắm nhiễm; đó gọi (Ba tế là ba tướng mới vừa là chấp thủ tướng. phát khởi trong thức thứ tám. Vì Bốn, Kế danh tự tướng.

Vì nương vào vọng chấp ở Hoặc nghĩa là tối tăm, mê trước mà phân biệt tướng ngôn lầm không hiểu rõ lý lẽ. ngữ giả danh; đó gọi là kế danh Vì các hoặc tham, sân, si,... tự tướng. cùng với thân sanh ra; nên gọi (Giả danh là cái danh hời là câu sanh hoặc. vay mượn. vì nương vào chấp Một, Tham hoặc. thủ tướng ở trước, lập nên giả Vì đối với cảnh năm trần vừa danh là bước tiếp theo. ý, muốn giữ lấy không chán, tối Bốn tướng đã nói là nói về tăm, mê lầm không rõ; nên gọi khởi hoặc; sự sai lầm nổi lên). là tham hoặc. Năm, Khởi nghiệp tướng. Hai, Sân hoặc. Vì nương vào danh tự ở Vì đối với cảnh năm trần trái trước, giữ lấy nên sanh ra ý, giận dữ nổi lên, tối tăm, mê vướng mắc, rồi tạo ra vô số lầm không rõ; nên gọi là sân nghiệp; đó gọi là khởi nghiệp hoặc. tướng. Ba, Si hoặc. Sáu, Nghiệp hệ khổ tướng. Vì đối với sự, lý của các Khổ là cái khổ của sống và

pháp, không phân biệt được, chết. vì bị nghiệp trói buộc, nên điên đảo, chấp chặt một cách có cái khổ bức bách của sống sai lầm, nổi lên các tà kiến, tăm và chết; không được tự tại; đó tối, mê lầm không rõ; nên gọi là gọi là nghiệp hệ khổ tướng. si hoặc. Bốn, Mạn hoặc. LỤC CHỦNG CÂU SANH HOẶC Lăng nhục, ngạo nghễ với (Đại thừa bách người, tối tăm mê lầm không rõ; pháp minh môn luận) nên gọi là mạn hoặc. Năm, Nghi hoặc.

Vì tâm không có chánh tín, trí tuệ nên không biết tai họa nên đối với chánh pháp do dự, của nó gây ra mới sanh tâm không quyết định, tối tăm, mê đắm nhiễm. Đó gọi là hình mạo lầm không rõ, nên gọi là nghi dục. hoặc. Ba, Oai nghi tư thái dục. Sáu, Giác hoặc. Vì đi đứng nhẹ nhàng, khoan Vì không có chánh tri kiến, thai; cử chỉ từ hòa, niềm nở mặt nên đối với cảnh năm trần, mày, mỉm cười khoe sắc; người thường khởi lên những hiểu biết ngu si không trí tuệ, không biết sai lầm, đắm nhiễm ái dục, tối tai họa của nó gây ra, mới sanh tăm, mê mờ không rõ, nên gọi là tâm đắm nhiễm. Đó gọi là oai giác hoặc. nghi tư thái dục. Bốn, Ngôn ngữ âm thanh LỤC DỤC dục. (Thích thiền ba la mật Vì nghe được tiếng hay lời thứ đệ pháp môn). đẹp, vừa lòng thích ý, ngôn ngữ Một, Sắc dục. lịch sự, ca tụng khen ngợi; Vì thấy màu xanh, vàng, đỏ, người ngu si, không trí tuệ, nên trắng, và màu sắc của nam không biết tai vạ của nó gây ra thanh, nữ tú; người ngu si, mới sanh tâm đắm nhiễm. Đó không có trí tuệ nên không biết gọi là ngôn ngữ âm thanh dục. tai họa của nó gây ra mới sanh Năm, Tế hoạt dục. tâm đắm nhiễm, ham muốn. Đó Vì thân thể của nam, nữ gọi là sắc dục. mềm mại, trơn láng, mượt mà, Hai, Hình mạo dục. người ngu si, không trí tuệ nên Vì thấy hình dáng đẹp đẽ, không biết tai vạ của nó gây ra đoan trang, người ngu si, không

mới sanh tâm say mê, chìm sanh ra phiền não; nên gọi là đắm. Đó gọi là tế hoạt dục. sân phiền não. Sáu, Nhân tướng dục. Ba, Mạn phiền não. Vì người nam, hay nữ, ai Mạn tức là xem thường coi cũng có người thương yêu mình; nhẹ, người khác. Nghĩa là tự thèm khát, đắm nhiễm với nhau. cho mình là tài giỏi, khinh khi Đó gọi là nhân tướng dục. người khác, đem lòng bất kính. Do ngạo mạn ràng buộc mà LỤC PHIỀN NÃO sanh ra phiền não; nên gọi là (Du già sư địa luận). mạn phiền não . Vì các pháp tham, sân... làm Bốn, Vô minh phiền não. cho tối tăm, buồn bực, và làm Vì đối với tất cả các pháp, cho tâm thần não loạn; gọi là không hiểu biết gì hết, nên gọi phiền não. là vô minh. Vì không hiểu rõ nên Một, Tham phiền não. các phiền não tham, sân, si nổi Tham tức là tham ái. Nghĩa lên; vì vậy gọi là vô minh phiền là đối với các cảnh ngũ dục vừa não. lòng, thích ý, mong cầu mà Năm, Nghi phiền não không được, đắm say không bỏ. Do dự không quyết định là Vì không bỏ được, mới nổi lên nghi. Vì vô minh không hiểu phiền não (buồn bã, bực tức); biết, đã nói ở trên, nên khởi lên nên gọi là tham phiền não. nghi ngờ. Vì chân tâm bị rối Hai, Sân phiền não. loạn, nên hoặc đúng hoặc sai, Vì đối với cảnh ngũ dục trái hoặc thiện hoặc ác, ràng buộc ý, không vừa lòng, liền giận dữ, xoay vần mà sanh ra phiền não; tức tối, rồi ghi nhớ trong tâm mà nên gọi là nghi phiền não.

Sáu, Bất chánh kiến phiền luyến tiếc không rời. Đó gọi là não. nhĩ xúc sanh ái. Vì tâm nghi ngờ và không Ba, Tị xúc sanh ái. hiểu biết, đã nói ở trên, nên kiếu Vì mũi có thể

tiếp xúc vô số thức không đúng. Vì kiến không loại hương có ở thế gian như đúng, nên khởi lên tà kiến và chiên đàn, trầm thuỷ (trầm những ràng buộc chứa chất bên hương)... nên ham muốn, luyến trong, mà sanh ra phiền não; tiếc không rời. Đó gọi là tị xúc nên gọi là bất chánh kiến phiền sanh ái. não. Bốn, Thiệt xúc sanh ái. Vì lưỡi có thể tiếp xúc vô số LỤC XÚC SANH ÁI vị có ở thế gian như, thức ăn quí (A tì đạt ma phát trí hiếm, kỳ lạ, ngon ngọt bậc nhất, luận). nên ham muốn, luyến tiếc Xúc tức là va chạm, cũng gọi không rời. Đó gọi là thiệt xúc là đáp ứng. sanh ái. Một, Nhãn xúc sanh ái. Năm, Thân xúc sanh ái. Vì mắt có thể tiếp xúc với vô Vì thân có thể tiếp xúc với sự số màu sắc có ở thế gian như mềm mại, trơn láng của nam và xanh, vàng, đỏ, trắng; nên tham nữ cũng như tất cả y phục cao lam, luyến tiếc không rời. Đó gọi sang, mát mẻ ở thế gian có là nhãn xúc sanh ái. được nên ham muốn, luyến tiếc Hai, Nhĩ xúc sanh ái. không rời. Đó gọi là thân xúc Vì tai có thể tiếp xúc vô số sanh ái. thứ tiếng có ở thế gian như đàn, Sáu, Ý xúc sanh ái. sáo, ca, vịnh; nên ham muốn, Vì ý có thể tiếp xúc tất cả các pháp ở thế gian như sắc,

thinh, hương, vị, xúc; nên ham Làm những việc tổn hại và muốn, luyến tiếc không rời. Đó gây khổ đau, thường ôm lòng gọi là ý xúc sanh ái. xâm lấn và quấy rối, khiến cho người ta không được an ổn.

LỤC CẤU PHÁP

Năm, Hận.

(Hoa nghiêm khổng

Hận là hờn giận.

mục và Hiển tông luận).

Một lời nói trái ý, liền nổi tâm

Cấu là dơ, bẩn.

giận dữ lên, rồi ôm lòng oán

Vì sáu pháp này làm cho hận.

chân tâm dơ bẩn, nên gọi là

Sáu, Hại cấu.

Hại là tổn thương.

Một, Cuống.

Không có tâm từ thương xót,

Cuống là lừa dối, không thật.

và làm những điều ác độc, thảm

Dùng lời nói không thật để hại tổn thương đến người và vật.

khi mình, dối người.

LỤC LẬU

Hai, Siểm.

(Đại thừa A tì đạt ma

Siểm là nịnh hót.

tạp tập luận).

Dùng lời nói khéo cốt để làm vui lòng người, sao cho mình Lậu là mất, là rơi.
được hậu hĩnh, quen thân. Do phiền não, hoặc nghiệp
Ba, Kiêu. mà rơi rớt xuống ba cõi sống,
Kiêu là ngạo mạn. chết.
Trọng mình, khinh người và Một, Lậu tự tánh.
không có đức nhún nhường. Vì sáu căn đối với sáu trần,
Bốn, Não. khởi lên các phiền não tham,
Não là lấn át quấy rối. sân, si sai lầm. Do hoặc (sai lầm) mà tạo ra nghiệp, rồi dẫn
đến sống, chết trong ba cõi. Đó (Các cõi còn lại là tu la, ngạ là tự tánh sai lầm của nghiệp, quỷ, súc sanh, địa ngục trong làm nguyên nhân của hữu lậu mười cõi). (luân hồi); nên gọi là lậu tự tánh. Năm, Lậu tuỳ thuận. Hai, Tương thuộc. Tuỳ là bị phiền não hữu lậu Vì pháp hữu lậu thuộc tâm, dẫn dắt, nhưng vẫn có thể tuỳ tâm sở và sáu căn tương ứng thuận theo chánh đạo, chọn lựa mà có; nên gọi là lậu tương cách đối trị mà kiến lập vô lậu; thuộc. đó gọi là lậu tuỳ thuận. (Tâm là thức thứ tám. Tâm Sáu, Lậu chủng loại. sở là thọ, tưởng, hành). A la hán, tuy hoặc nghiệp đã Ba, Lậu sở phược. dứt hết ở đời này, nhưng vẫn Vì các pháp lành hữu lậu, còn thân năm uẩn hữu lậu, là do liên tục không đứt đoạn, nên phiền não ở đời trước khởi lên; dẫn đến đời sau; nên gọi là lậu đó gọi là lậu chủng loại. sở phược (sự cột chặt của hữu Y CHÁNH VÔ NGẠI lậu), LỤC CÚ (Các pháp lành hữu lậu là (Hoa nghiêm các pháp lành năm giới, mười
kinh sớ) giới của con người tu tập). Y là y báo, đó là quốc gia, Bốn, Lậu sở tuỳ. lãnh thổ ở thế gian, là chỗ Giống như trời, người sống, nương tựa của thân; nên gọi là y chết trong cõi dục, cũng vậy, ở báo. các cõi còn lại, chúng sanh Chánh là chánh báo, đó là cũng đuổi theo các pháp hữu thân năm uẩn. Thân này chính lậu; đó gọi là lậu sở tuỳ.

là do nghiệp lực cảm báo; nên (Nghiệp hữu lậu là chúng gọi là chánh báo. sanh trong sáu đường, do Đã có thân năng y, thì phải nghiệp mà mình đã làm ra, nên có chỗ sở y là cõi nước (quả đất rơi rớt vào sống, chết. này,...), nên cõi nước cũng gọi Nghiệp vô lậu là hàng Nhị là y báo. thừa va Bồ tát do tu tập nghiệp Chúng sanh trong sáu thanh tịnh là giới, định, huệ, nên đường, vì nghiệp hữu lậu mà không rơi rớt vào sống, chết. cảm nhận cái thân sống, chết Cõi Thường tịch quang: này, thì phải nương vào cõi Thường là pháp thân; Tịch là nước dơ bẩn, gian ác này mà ở. giải thoát; Quang là Bát nhã. Chư Phật và Bồ tát nhờ Ba cõi ở dưới là Đồng cư, nghiệp vô lậu thanh tịnh mà Phương tiện, Thật báo. cảm thọ thân pháp tánh, thì chín cõi là Bồ tát giới, Duyên nương vào cõi nước thanh tịnh giác giới, Thinh văn giới, Thiên mà ở. giới, Nhân giới, A tu la giới, Ngạ Gọi chánh, y vô ngại là nói quỷ giới, Súc sanh giới, Địa Phật ở cõi thường tịch quang, ngục giới. nhưng về sau hiện xuống ba cõi Một, Y nội hiện y. nước và hiện thân trong chín cõi Y nội hiện y là ở trong một dạy dỗ chúng sanh, bằng sức cõi nước, lại hiện ra tất cả cõi thần thông không thể nghĩ bàn. nước. Như kệ của phẩm thành Hoặc trong thân hiện cõi nước, tựu nói rằng: khó nghĩ hết cõi hoặc trong cõi nước hiện thân; nước trong từng hạt bụi; tuỳ tâm thân và cõi nước viên dung của chúng sanh mà hiện ra (trong nhau); biến, hiện tự tại; trước mắt. Tất cả cõi nước nên gọi là y, chánh vô ngại. (nhiều như nước biển) không

một cõi nào là không bao trùm. các cõi ấy không thể đầy khắp Đó chính là phương tiện vô sai cái lỗ của sợi lông. biệt. Bốn, Y nội hiện chánh. (sát là tiếng Phạn, gọi đủ là Y nội hiện chánh là ở trong sát ma, tiếng Hoa là thổ điền, tất cả cõi nước hiện ra tất cả nói gọn là sát tức là cõi nước). thân. Như kệ của hiện tướng Hai, Chánh nội hiện chánh. phẩm nói: Tất cả cõi nước nhiều Chánh nội hiện chánh là ở như số vi trần, thường hiện thân trong một thân lại hiện ra tất cả nhiều như mây đầy khắp. Vì thân. Như kệ của Tăng kỳ phẩm chúng sanh phóng đại hào nói rằng: ở trên đầu một sợi lông quang; mỗi người đều nhận nhỏ xíu, còn không thể nói là được mưa pháp hợp với tâm của bao nhiêu Phổ hiền. Trên đầu mình. một sợi lông như thế, mà tất cả Năm, Y nội hiện y. cũng như vậy. Đó chính là nói Y nội hiện y là ở trong cõi cho đến cả khắp pháp giới cũng nước nhiều như vi trần, hiện vô như thế. số thân Phật, lại hiện tất cả cõi Ba, Chánh nội hiện y. Phật. Như bài kệ hiện tướng Chánh nội hiện y là trong phẩm nói: có vô lượng thân một thân, lại hiện tất cả cõi trong từng hạt bụi, lại hiện vô số nước. Như kinh kệ nói: ở trong cõi trang nghiêm. cái lỗ của một sợi lông rất nhỏ, Sáu, Chánh trung hiện không thể nói được bao nhiêu chánh y. cõi nước lần lượt đi vào trong Chánh trung hiện y chánh là đó. Cái lỗ của sợi lông có thể ở trong tự thân tức là hiện thân nhận được các cõi nước ấy, mà của chư Phật, lại còn hiện cõi nước của Phật. Như kệ của

phẩm thành tựu nói: Tất cả cõi Khởi là từ thấp dần dần lên nước đều vào trong thân tôi, chỗ cao. Khởi có ba tướng: một phía ở của chư Phật cũng như thế. nổi lên gọi là khởi; bốn phía Các ngươi nên quán sát các lỗ cùng nổi lên gọi là biến khởi; chân lông của ta, nay ta bảo tám phía cùng nổi lên gọi là phổ cho các ngươi biết đó chính là biến khởi. cảnh của Phật. Ba, Dũng. Dũng là bỗng nhiên nhảy vọt LỤC CHỦNG CHẤN ĐỘNG lên. Dũng có ba tướng: một phía (Hoa nghiêm kinh vọt lên gọi là dũng; bốn phía
sớ). cùng vọt lên gọi là biến dũng; tám phía cùng một lúc vọt lên Động là biến động về hình gọi là phổ biến dũng. thức. Chấn là biến động về âm Bốn, Chấn. thanh. Mỗi thứ đều có ba loại, Chấn là âm thanh phát ra nên nói chấn động có sáu thứ. chưa rõ. Chấn có ba tướng: một Trong mỗi thứ lại có ba tướng, phía phát ra gọi là chấn; bốn nên thành 18 tướng chấn động. phía cùng phát ra gọi là biến Một, Động. chấn; tám phía đều phát ra gọi Động là dao động, không an là phổ biến chấn. ổn. Động có ba tướng: chỉ có Năm, Hống. một phía động gọi là động; bốn Hống là rống, âm thanh phía đều động gọi là biến động; mạnh mẽ. Hống có ba tướng: tám phía cùng động gọi là phổ một phía kêu lên gọi là hống; biến động. bốn phía đều kêu lên gọi là biến Hai, Khởi. hống; tám phía cùng kêu lên gọi là phổ biến hống.

Sáu, Kích. Thế giới ở phương nam vọt
Kích là tiếng vang do hai vật lên.
đập vào nhau. Kích có ba Bốn, Bắc một.
tướng: một phía va chạm gọi là Thế giới ở phương bắc chìm kích; bốn phía đều chạm nhau xuống.
gọi là biến kích; tám phía cùng Năm, Trung dũng.
va chạm gọi là phổ biến kích. Thế giới ở chính giữa vọt lên.
Sáu, Biên một.

LỤC CHỦNG ĐỘNG
TƯỚNG Thế giới ở biên giới chìm
(Đại thừa đồng xuống.
tánh kinh và Đại trí độ luận).
LỤC CĂN
Tướng là tướng nổi hay (Thủ lăng nghiêm kinh).
chìm. Dũng là tướng nổi lên,
Căn có nghĩa là có thể sanh một là tướng chìm xuống. Vì lấy ra. Vì sáu căn hay sanh ra sáu đông, tây, nam, bắc, chính giữa thức, nên gọi là lục căn.
và chung quanh mà nói, nên
Một, Nhãn căn.
mới có sáu loại tướng động,
Đối với cảnh sắc, mắt có thể cũng gọi là lục chủng chấn thấy hết các sắc.
động).
Luận Du già nói: Năng quán
Một, Đông dũng.
các sắc, chính là nhãn căn vậy.
Thế giới ở phương đông vọt
Hai, Nhĩ căn.
lên.
Tai hay nghe các thứ tiếng.
Hai, Tây một.
Luận Du già nói: vì phần nhiều
Thế giới ở phương tây chìm từ đây mà âm thanh đến với nhĩ xuống.
căn.
Ba, Nam dũng.
Ba, Tị căn.
Vì mũi có thể ngửi được mùi thành; cho nên số lượng có đến hương. Luận Du già nói: Vì 1200. Đó là lý do gọi thế là trôi phần nhiều từ đây, mà hương chảy; giới là vị trí đối với bốn mới được mũi ngửi. phương. Tam thế, tứ phương Bốn, Thiệt căn. qua lại 12, trôi chảy ba lớp, Lưỡi có thể thưởng thức vị chính là mười, trăm, ngàn. của thức ăn. Luận Du già nói: (Tam thế là quá khứ, hiện khả năng nếm các vị, chính là tại, vị lai. Tứ phương là đông, phần nhiều phát xuất ra ngôn tây, nam, bắc). luận. Uyển chuyển 12 là lấy bốn Năm, Thân căn. phương liên hệ với ba đời và Thân là nơi các căn nương ngược lại. vào. Luận Du già sư địa nói: các Lưu biến ba lớp chồng lên. căn tập trung lại, chính là thân Mười trăm ngàn là lấy biến căn. dịch của ba đời đổi thay, mà Sáu, Ý căn. chồng lên thành ba lớp; ban đầu Ý đối với cảnh giới của năm từ tam thế liên hệ với tứ trần, hoặc tốt, hoặc xấu, đều có phương, chồng lên thành số 12. thể phân biệt. Đó là một lần chồng. Lại lấy số 12 này, biến một LỤC CĂN CÔNG ĐỨC thành mười, rồi chồng lên thì (Thủ lăng nghiêm thành 120. Đó là hai lần chồng. kinh). Lại lấy số 120 này, biến

Lục căn công đức là sáu căn mười thành 100, rồi chồng lên có đầy đủ công đức. Công đức thành 1200. Đó là ba lần chồng. tuy đủ ở trong sáu căn, nhưng Cho nên gọi là trôi chảy, biến có liên quan với thế giới mà đổi ba lớp là mười trăm ngàn).

Lấy số 1200 này của Nay nói nhãn căn chỉ có 800 phương, thế mà làm thành công là vì mắt chỉ có thấy phía trước đức của sáu căn. Bởi vì sáu căn 300, bên phải, bên trái, mỗi bên của chúng sanh do tướng sai 250. Cộng thành 800. Đó là lý lầm đan xen nhau mà thành. do, ba phần nói về công, một Thế và giới liên quan nhau, vì phần không có đức, nên biết số lượng cảnh sở duyên không được là nhãn căn chỉ có 800 ra ngoài tam thế, tứ phương. công đức. Nhưng công đức của sáu Hai, Nhĩ căn 1200 công đức. căn này, nếu căn cứ vào thể mà Tai có thể nghe khắp phía nói, thì mỗi căn có đủ 1200; nếu các âm thanh phát ra. Dù xa dù phân biệt công dụng mà mói, thì gần, mười phía không sót một; có hơn, kém; đủ, thiếu không nên nhĩ căn có đầy đủ 1200 giống nhau. công đức. chính vì vậy, ba căn mắt, tai, Ba, Tị căn 800 công đức. thân chỉ có 800 công đức; ba Mũi có thể ngửi được mùi, căn tai, lưỡi, ý thì có đủ 1200 hít, thở thông suốt. Thở ra thì công đức. chọn lựa mùi hương; hít vào Một, Nhãn căn 800 công ngửi mùi hương. Khoảng giữa đức. thở ra, hít vào không thể thẩm Thân của chúng sanh an vị định; nên gọi là trống khoảng trong không gian, có đầy đủ giữa ấy (giữa hai luồng hơi). Đó trước, sau, phải, trái bốn phía. là lý do nói có ba phần công, Nếu lấy 1200 công đức qui mà khoảng giữa thiếu phần đức; định số lượng của nhãn căn, thì nên biết tị căn chỉ có 800 công bốn phía, mỗi phía có đủ 300, đức. cộng lại thành 1200.

Bốn, Thiệt căn 1200 công trùm trong đó; nên biết ý căn có đức. đầy đủ 1200 công đức. Lưỡi tuyên dương các pháp (Pháp thế gian tức là pháp thế gian và xuất thế gian. Tuy của trời, người tu tập. Pháp xuất ngôn thuyết có giới hạn, nhưng thế gian tức là pháp tu của Tam nghĩa lý chuyên chở trong đó thì thừa: Thanh văn, Duyên giác, vô cùng tận. Đây chỉ luận về Bồ tát). ngôn thuyết, không luận về LỤC CĂN HỖ DỤNG thưởng thức mùi vị. Xét về mặt (Lăng nghiêm thưởng thức mùi vị của lưỡi thì kinh). công của lưỡi thua, nhưng về Lục căn hỗ dụng là công ngôn thuyết thì đức của lưỡi dụng của sáu căn tương quan, hơn. Vì vậy biết là thiệt căn đầy xen kẻ nhau. Như kinh Niết bàn đủ 1200 công đức. nói: một căn của Như lai có thể Năm, Thân căn 800 công thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi đức. khác nhau, xúc giác và nhận Khi xúc chạm, thân có thể biết. một căn đã như thế, các nhận biết; hiểu rõ cảnh thuận, căn còn lại cũng như vậy. Đó nghịch; khổ, vui. Khi giao tiếp chính là công dụng hỗ tương với vật thì có tri giác; khi xa lìa của sáu căn. Hoặc căn cứ vào vật thì không có tri giác. Đó là lý phẩm Pháp sư công đức trong do nói ba phần là công, một kinh Pháp hoa càng rõ hơn. Nhờ phần không có đức; nên thân vào sức trì kinh mà người được căn chỉ có 800 công đức. công dụng vượt trội của căn. Sáu, Ý căn 1200 công đức. Tuy chưa vào sơ địa, cũng có Ý căn lặng lẽ, tất cả pháp thể có một căn mà đầy đủ công thế gian và xuất thế đều bao

dụng của năm căn. Ở đây tương Tiếng Phạn là A na luật đà, tự như sáu căn hỗ dụng vậy. tiếng Hoa là Như ý. Hoặc Ngài A na luật đà không Vì ở đời quá khứ, ông cho vị mắt mà thấy,v.v… đều là sáu Bích Chi Phật một bữa ăn, mà căn hỗ dụng. 91 kiếp sau nhận được quả báo Kinh nói: Không có tiền trần an vui như ý. mà khởi lên biết thấy. Phật

tánh Kinh Tăng nhất A hàm nói: không theo căn, gá vào căn mà Phật nói pháp cho đại chúng ở Phật tánh phát khởi. Do vậy mà vườn ông Cấp cô độc, khi ấy dụng của sáu căn hỗ tương với ông Na luật có mặt ở đó nhưng nhau. ngủ không nghe. Phật quở rằng: (Phật tánh không theo căn là Ôi chà ! sao lại ngủ. Phật tánh không theo căn và Là ốc, là trai, là hến sao cảnh, tức là không chạy theo Giấc ngủ kéo dài 1000 năm duyên mà sanh ra, cũng không Tên Phật không thể nào nhờ cảnh mà khởi lên; mà hoàn nghe tới. toàn tự giác. Ông A na luật đà nghe rồi, Phật tánh gá vào căn mà hiểu thấu không ngủ nữa; chẳng phát khởi là Phật tánh không bao lâu sau mất nhãn căn (mù), dựa vào căn và trần mới phát nhưng chứng được nhãn thông; khởi rõ ràng, mà chỉ gá vào căn thấy 3000 thế giới giống như và trần để phát khởi rõ ràng mà thấy trên tay cầm một trái cây; thôi. Do vì gá vào ấy mà công nên gọi là không mắt mà thấy. dụng của các căn hỗ tương). (Bích chi là tiếng Phạn, gọi Một, A na luật đà không mắt đủ là Bích chi ca la, tiếng Hoa là mà thấy. Duyên giác).

Hai, Bạt nan đà long không Bốn, Kiều phạm bạt đề dị tai mà nghe. thiệt tri vị. Tiếng Phạn là Bạt nan đà, Tiếng Phạn là Kiều phạm tiếng Hoa là Thiện hoan hỉ. Vì bạt đề, tiếng Hoa là Ngưu ti. rồng hay hộ trì quốc gia, mưa Kinh Pháp hoa văn cú nói: thuận gió hoà. năm Bình sa Xưa, 500 đời từng làm Ngưu vương tổ chức đại hội để báo vương, sau khi ăn xong thường đáp công ơn cho con rồng ấy, nhai lại. Vì dư báo ấy chưa hết, dân chúng nghe đến, ai nấy đều nên khi lưỡi nếm mùi, thì cũng vui mừng. Vì rồng này không có nhai lại; vì vậy gọi là Ngưu ti, vì tai mà có thể nghe được, nên cái lưỡi kỳ lạ ấy có thể nếm mùi. gọi là vô nhĩ nhi thính. Năm, Thuấn nhã đa thần vô (Tiếng Phạn là Bình sa, còn thân giác xúc. gọi là Tần bà sa la, tiếng Hoa là Tiếng Phạn là Thuấn nhã Mô thật, vì chính ông là mẫu đa, tiếng Hoa là Hư không, tức người có đời sống đầy đủ. thần làm chủ không gian . Ba, Khắc ca thần nữ không Soạn yếu nói: thân không mũi ngửi được hương. có tướng thô, mà lại có màu sắc Tiếng Phạn là Khắc ca, tiếng nhiệm mầu. Hoa Thiên đường lai, tên sông Kinh nói: trong hào quang chảy từ hồ Vô nhiệt não ở đỉnh của Phật, nếu hiện ra trong Tuyết sơn xuống. Người con gái chốc lát, thì bản chất ấy như này là thần của con sông, lấy gió, gió ấy không phải là thân, tên sông làm tên mình. Nữ thần mà có thể biết được xúc chạm. này không mũi nhưng có thể Sáu, Ma ha Ca diếp viên ngửi mùi. minh liễu tri bất nhân tâm niệm.

Tiếng Phạn là Ma ha Ca Chó gặp rùa muốn ăn. Rùa bèn diếp, tiếng Hoa là Đại ẩm rút đầu, đuôi và bốn chân trong quang. Vì Ngài tu định diệt tận, mai, nên chó không ăn được. nên ý căn không còn. Tuy ý căn Khi ấy, đạo nhân hỏi Sa môn không còn, mà có thể rõ biết tất rằng: con rùa này có áo giáp hộ cả các pháp, nên gọi là biết rõ mạng, con chó không thể hại mà không nhờ tâm niệm. được. Sa môn đáp rằng: Ta nghĩ (Diệt tận định là tâm thọ, người đời không bằng con rùa tưởng không còn, mới chứng này, không biết vô thường rình được định này). rập, buông lung theo sáu tình (sáu căn) cho ngoại ma thuận QUY TÀNG LỤC lợi xâm hại; rồi nói bài tụng (Pháp cú thí dụ kinh).
rằng: Dấu sáu căn như con rùa; Khi Phật còn ở đời, có một phòng ngừa ý như thành cao; đạo nhân, ở dưới gốc cây bên Trí tuệ và ma quân cùng chiến sông, học đạo. Trong 12 năm đấu; chiến thắng thì không bị tai không trừ được tưởng, niệm; hại. sáu căn tham lam, nhiễm ô, (Tiếng Phạn là Sa môn, chưa từng dừng lại; không thể tiếng Hoa là

cần tức. sáu tình là vào đạo được ; Phật biết ông ấy sáu căn). có thể độ được, nên hiện thành Một, Đầu dụ nhãn. một Sa môn, đến nơi đạo nhân Đầu dụ nhãn là vì con rùa ấy ở. Trong ánh sáng trăng lờ dấu đầu trong mai, ví như mờ thì chẳng bao lâu, có một chúng sanh thu nhiếp nhãn căn, con rùa từ con sông bò đến không cho nhìn thấy sắc, thì dưới gốc cây, còn có con chó không bị hại bởi sắc trần. nước đói, đi lang thang kiếm ăn. Hai, Tiền tả túc dụ nhĩ.

Tiền tả túc dụ nhĩ là vì con Vĩ dụ ý là vì con rùa dấu rùa dấu chân trái ở trước vào đuôi vào mai, ví như chúng mai, ví như chúng sanh thu sanh thu nhiếp ý căn, không nhiếp nhĩ căn , không cho nghe cho nhận biết các pháp, thì tiếng, thì không bị hại bởi thinh không bị hại bởi pháp trần. trần. LỤC THỨC Ba, Tiền hữu túc dụ tị. (Pháp giới thứ đệ). Tiền hữu túc dụ tị là vì con Lục thức là mắt, tai, mũi, rùa dấu chân phải ở trước vào lưỡi, thân và ý. Mỗi thứ đều có mai, ví như chúng sanh thu thức. Vì nương vào năm căn có nhiếp tị căn, không cho ngửi thể biết năm trần, nên gọi là hương, thì không bị hại bởi năm thức. Đối với cảnh của năm hương trần. trần, khởi lên phân biệt, đó là Bốn, Hậu tả túc dụ thiệt. thức thứ sáu. Hậu tả túc dụ thiệt là vì con Một, Nhãn thức. rùa dấu chân trái ở sau vào mai, Nếu nhãn căn đối với sắc ví như chúng sanh thu nhiếp trần, thì sanh nhãn thức. khi thiệt căn, không cho nếm vị, thì nhãn thức sanh thì chỉ có thể không bị hại bởi vị trần. thấy sắc, nhưng chưa khởi lên Năm, Hậu hữu túc dụ thân. phân biệt. Hậu hữu túc dụ thân là vì Hai, Nhĩ thức. con rùa dấu chân phải ở sau Nếu nhĩ căn đối với thinh vào mai, ví như chúng sanh thu trần, thì sanh nhĩ thức. Khi nhĩ nhiếp thân căn, không cho xúc thức sanh thì chỉ có thể nghe giác, thì không bị hại bởi xúc tiếng, nhưng chưa phân biệt. trần. Ba, Tị thức. Sáu, Vĩ dụ ý.

Nếu tị căn đối với hương vậy, không ra ngoài sáu loại vị trần, thì sanh tị thức. Khi tị thức này. sanh thì chỉ có thể ngửi hương, Tuy là người tiến tu trên nhưng chưa khởi lên phân biệt. đường đạo, trong ăn uống, cũng Bốn, Thiệt thức. không vượt ra ngoài các vị ấy. Nếu thiệt căn đối với vị trần sắc lực có dồi dào cũng từ các thì sanh thiệt thức. Khi thiệt thức vị này, cho nên thân an ổn thì sanh thì chỉ có thể nếm vị đạo lực mới tấn tới; nên có sáu nhưng chưa khởi lên phân biệt. vị thiết yếu. Năm, Thân thức. Một, Đạm vị. Nếu thân căn đối với xúc Đạm là vị lạt. trần thì sanh thân thức. khi thân Vị lạt là thể của các vị khác. thức sanh thì chỉ có thể biết Hai, Hàm vị. đụng chạm, nhưng chưa khởi Hàm là vị mặn. Tánh của vị lên phân biệt. này thấm nhuần, có thể thấm Sáu, Ý thức. vào da thịt; nên nêm nếm lấy Nếu ý căn đối với pháp trần, muối làm đầu. thì sanh ý thức. Khi ý thức sanh Ba, Tân vị. thì, đối với cảnh của năm trần, Tân là vị cay. Tánh của nó phân biệt thiện, ác; tốt, xấu. nóng, có thể làm cho phủ tạng ấm khi bị lạnh. LỤC CHỦNG VỊ Bốn, Toan vị. (A tì đạt ma câu xá Toan là vị chua. Tánh của luận). nó mát, có thể giải các vị độc. Khi nêm nếm gia vị cho thức Năm, Cam vị. ăn, tuỳ theo mỗi loại thức ăn mà thích hợp cho từng vị riêng; dù

Cam là vị ngọt. Tánh của nó Vì nhĩ căn là chỗ nương của dễ hoà tan, có thể hoà tan trong thức, có thể tiếp thu tiếng. tỳ vị. Ba, Tị nhập. Sáu, Khổ vị. Vì tị căn là chỗ nương của Khổ là vị đắng. Tánh của nó thức, có thể tiếp thu tiếng. lạnh, có thể giải nhiệt cho lục Bốn, Thiệt nhập. phủ, ngũ tạng. Vì thiệt căn là chỗ nương (Sáu phủ là vị, đảm, tam

của thức, có thể tiếp thu vị. tiêu, bàng quang, đại trường, Năm, Thân nhập. tiểu trường. Vì thân căn là chỗ nương Ngũ tạng là tâm, can, tỳ, của thức, có thể tiếp thu xúc. phế, thận. Sáu, Ý nhập. Tam tiêu là thượng tiêu, Vì ý căn phân biệt năm trần, trung tiêu và hạ tiêu). có thể tiếp thu các pháp.

LỤC NHẬP LỤC TRẦN (Pháp giới thứ đệ). (Niết bàn kinh).

Nhập có nghĩa là đi vào. Trần có nghĩa là nhiễm ô. Vì Vì sáu căn là chỗ nương của hay nhiễm ô tình thức và làm sáu thức, có thể dẫn sáu trần cho chân tánh không thể phát vào; nên gọi là lục nhập. khởi rõ ràng. Trong kinh Niết Một, Nhãn nhập. bàn gọi đó là sáu trần, hay sáu Vi nhãn căn là chỗ thức tên giặc lớn, vì hay cướp mất nương, có thể dẫn sắc vào; nên các pháp lành. gọi là nhãn nhập. Một, Sắc trần. Hai, Nhĩ nhập.

Là sắc xanh, vàng, đỏ, trắng LỤC CHỦNG LỰC

và kể cả sắc về hình dáng của (Tăng nhất A hàm

trai, gái. kinh).

Hai, Thinh trần Một, Tiểu nhi đề vi lực. Là tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng Vì đức bé muốn một cái gì đồ trang sức va chạm kể cả mà không thể nói lên được, chỉ tiếng ca, vịnh của trai, gái. có việc khóc; nên gọi là tiếng Ba, Hương trần. khóc đứa trẻ là sức mạnh. Là các hương của chiên đàn, Hai, Nữ nhân sân vi lực. trầm hương và các hương của Vì người nữ mềm yếu, khi có thức ăn thức uống, kể cả hương chuyện tranh cãi; tất dựa vào từ trong thân thể của trai, gái. nóng giận mà nổi lên; nên gọi là Bốn, Vị trần. sự nóng giận của người nữ là Là những vị của vô số thức sức mạnh. ăn, thức uống cao sang, bổ Ba, Sa môn nhẫn vi lực. dưỡng. Tiếng Phạn là Sa môn, tiếng Năm, Xúc trần. Hoa là Cần tức. Thân thể của trai, gái mềm Vì Sa môn thường lấy nhẫn mại, trơn láng, và quần áo lụa nhụclàm tâm, nên có thể chế là, nhẹ nhàng, mát mẻ; đó là gọi ngự các cảnh ác, không có là xúc trần. nóng giận; nên gọi sự nhẫn Sáu, Pháp trần. nhục của Sa môn là sức mạnh. Ý căn đối với năm trần ở Bốn, Quốc vương kiêu mạn trên, phân biệt tốt, xấu, mà khởi vi lực. lên các pháp thiện, ác; đó gọi là Vì quốc vương là người có pháp trần. oai, có thế lực và được mọi người tôn trọng, quy phục; nên

sự kiêu ngạo, xem thường mọi Hai, Ngạc mộng. người là sức mạnh. Ngạc mộng là trong tâm có Năm, La hán chuyên tinh vi gì làm cho sợ sệt, mà biểu hiện lực. ra mộng. La hán là tiếng Phạn, gọi đủ Ba, Tư mộng. là A la hán, tiếng Hoa là vô học. Tư mộng là vì trong tâm có Vì La hán tu hành siêng gì đang suy nghĩ, mà biểu hiện năng, mạnh mẽ, tâm không ra mộng. buông lung; nên gọi sự chuyên Bốn, Ngụ mộng. cần, siêng năng của La hán là Ngụ mộng là những gì ban sức mạnh. ngày thấy, đêm biểu hiện ra Sáu, Chư Phật từ bi vi lực. mộng. Phật là tiếng Phạn, nói đủ là Năm, Hỉ mộng. Phật đà, tiếng Hoa là giác. Hỉ mộng là vì trong tâm có gì Vì Phật vận dụng tâm từ bi, vui mừng, mà biểu hiện ra đem đến lợi ích thật nhiều cho mộng. tất cả chúng sanh, không có gì Sáu, Cụ mộng. chướng ngại; nên gọi là tâm từ Cụ mông là vì trong tâm có bi của Phật là sức mạnh. gì sợ hãi, mà biểu hiện ra mộng.

LỤC CHỦNG MỘNG

(Hoa nghiêm kinh LỤC CHỦNG THÂN
PHONG
Tuỳ sớ diễn nghĩa sao).
(Hiển tông luận).
Một, Chánh mộng.
Một, Nhập tức phong.
Chánh mộng là trong tâm
Vì chúng sanh khi ở trong không có gì làm cảm động, mà thai dưới dạng trứng, trước hết tự biểu hiện ra mộng.
trong rún có gió nghiệp khởi lên, Sáu, Động thân phong. xuyên qua thân, hình cái lỗ, Vì mọi chuyển động của giống như rễ sen; lại còn có gió thân, đều thuộc vào gió; nên gọi bên ngoài từ miệng, mũi liên tục là động thân phong. đi vào; nên gọi là nhập tức XẢ DO LỤC DUYÊN phong (hơi thở đi vào). (Câu xá luận). Hai, Xuất tức phong. Cách gọi cũ là xả tâm do lục. Vì hơi thở đi vào đến trong Một, Do thọ tâm đoạn hoại thân, gió tiếp tục đi ra; nên gọi cố xả. là xuất tức phong (hơi thở đi ra). Vì, trước kia, tâm đã nhận tất Ba, Phát ngữ phong. cả pháp ác, nay đã tu được giới, Vì gió từ trong rún sanh ra, định; suy nghĩ và nói rằng ta từ lưu chuyển chung quanh cuống giờ bỏ tất cả những gì đã lãnh họng, làm rung động môi, lưỡi; thọ trước kia; Đó gọi là do tâm do kích động này mà phát ra âm lãnh thọ những điều bại hoại thanh; gọi là phát ngữ phong. nên bỏ. Bốn, Trừ khí phong. Hai, Do thế lực đoạn hoại cố Vì có một loại gió đặc biệt xả. trừ sạch vật ô uế bên trong, nên Vì do tín lực thanh tịnh, nên tâm sanh đau khổ. Muốn trừ nó sức não loạn của phiền não tự đi, phải dùng gió dẫn ra. Nhờ nhiên tiêu hoại. Giống như cung sức gió này, khiến cho thân an bắn tên; tên bay hết sức thì ổn; nên gọi là trừ khí phong. dừng lại. Đó gọi là do thế lực Năm, Tuỳ chuyển phong. tiêu hoại; nên bỏ. Vì có một loại gió đặc biệt Ba, Do tác nghiệp đoạn hoại chạy khắp trong thân, làm cố xả. chuyển động các lỗ chân lông.

Giống như đã thọ các pháp LỤC CHỦNG LUẬN

ác, làm các việc ác. Do cải hối, (Du già sư địa luận).

sau không làm nữa. Đó gọi là Vì chọn lựa, xác định phải do làm nghiệp bại hoại nên bỏ. trái; bàn luận được, mất; nên gọi Bốn, Do sự vật đoạn hoại cố là luận. xả. Một, Ngôn luận. Vì những vật bố thí và các Vì dùng tất cả ngôn thuyết việc bố thí đều bại hoại, vô để chọn lựa, xác định phải, trái; thường. Đó gọi là do sự vật bại bàn luận được, mất; nên gọi là hoại nên bỏ. ngôn luận. Năm, Do thọ mạng đoạn Hai, Thượng luận. hoại cố xả. Thượng là đề cao, tôn trọng. Vì chỗ nương tựa là mạng Vì tất cả sự, lý trong thế gian sống không vững chắc; vì vậy tuỳ theo sự ưa chuộng, tuỳ theo gọi là thọ mạng đoạn hoại cố sự thích hợp mà chọn lựa, xác xả. định đúng, sai; bàn luận được, Sáu, Do thiện căn đoạn hoại mất; nên gọi là thượng luận. cố xả. Ba, Tránh luận. Vì gia hạnh vừa khởi lên; dứt Tránh là can, ngăn. sạch tất cả pháp lành phi sắc ở Vì dùng ngôn luận giúp đỡ, cõi dục; nên gọi là do căn, lành can ngăn sự lỗi lầm. Hoặc vì dứt hết nên bỏ. lòng ham muốn mà nổi lên (pháp lành phi sắc là pháp chiếm đoạt lẫn nhau; hoặc vì lời lành chẳng phải ở cõi sắc mà nói ác, việc làm ác mà nổi lên chính là pháp lành ở cõi dục đã

huỷ báng nhau; hoặc vì cho là dứt hết, thì sanh lên cõi sắc). đoạn, là thường mà kẻ này, kẻ nọ chấp chặt lấy ý kiến của

mình. Tất cả đều vì chưa lìa được giải thoát; nên gọi là giáo hoặc nghiệp tham, sân, si ở cõi đạo luận.

dục, nên cố chấp, trói chặt, rồi

TĂNG DỤNG LỤC VẬT nổi lên giận dữ, đấu tranh nhau,

(Tăng kỳ luật và đề xướng vô số luận nghị; nên

Phiên dịch danh nghĩa).

gọi là tránh luận.

Một, Tăng già lê.

Bốn, Huỷ báng luận.

Tiếng Phạn là Tăng già lê,

Vì lòng người ôm nỗi oán tiếng Hoa là Hợp, hay Trùng; vì hờn nên phát ra giận dữ. Hoặc cắt ra nhiều miếng, rồi hợp lại dùng lời xấu xa; hoặc dùng lời nhiều lớp.

thiếu tôn trọng; hoặc dùng lời

Y tăng già lê mặc khi thuyết nói dối.v.v... để huỷ báng nhau;

pháp.

nên gọi là huỷ báng luận.

Hai, Uất đa la tăng.

Năm, Thuận chánh luận.

Tiếng Phạn là Uất đa la

Người tuỳ thuận theo chánh tăng, tiếng Hoa là Thượng trước pháp, vì chúng sanh nghiên cứu y, vì mặc thêm nó trên chiếc An nghĩa lý, chọn lựa đúng, sai, làm đà hội.

cho dứt trừ nghi ngờ, sai lầm; đó

Y uất đa la mặc khi tụng gọi là thuận chánh luận.

kinh, lễ Phật, họp chúng.

Sáu, Giáo đạo luận.

Ba, An đà hội.

Giáo tức là dạy bảo. Đạo tức

Tiếng Phạn là An đà hội, là hướng dẫn.

tiếng Hoa là Trung túc y.

Vì chọn lựa đúng, sai; biện

Y an đà hội mặc khi ngủ và luận được, mất; dạy dỗ, hướng khi làm việc.

dẫn người, làm cho họ khai ngộ

Bốn, Lộc thuỷ nang.

trí chân thật. Tâm chưa định thì được định; tâm đã định rồi thì

Hội chánh ký nói: Tây Tiếng Phạn là Ni sư đàn, phương dùng len trắng. Đông tiếng Hoa là Tọa cụ, hoặc gọi là phương dùng lụa dày, vi trùng Tọa y.

có thể xuyên qua; xử dụng lụa Nghiệp sớ nói: dài 1,33 m;

chín thì tránh được trường hợp rộng 0,99 m; đó là kích thước đó. Đây là dụng cụ Tỳ kheo của một tọa cụ.
dùng để bảo vệ sự sống của
THẤT PHẬT chúng sanh nhỏ bé.
(Phiên dịch danh
Năm, Bát đa la tăng.
nghĩa).
Tiếng Phạn là Bát đa la,
Thất Phật là ba Phật ở kiếp tiếng Hoa là Ứng khí.
Trang nghiêm thời quá khứ, bốn
Phát chẩn sao nói: vật dụng
Phật ở trong Hiền kiếp thời hiện đúng pháp. Thể và sắc có ba tại.
trường hợp, nhưng đều phải
(Kiếp là tiếng Phạn, gọi đủ là đúng với pháp.
kiếp ba, tiếng Hoa là phân biệt
Thể chất dùng hai thứ là đất thời tiết hay phân biệt thời gian.
và sắc để làm bát, còn sắc thì
Trang nghiêm kiếp là trong đun cho thành màu đỏ sậm, kiếp này hầu hết đều được trang hoặc như màu ở cổ con công, nghiêm.
hoặc như màu con chim bồ câu.
Hiền kiếp là trong kiếp này
Lượng thì lớn chứa được ba hầu hết là người hiền).
đấu, nhỏ chứa được một,năm
Một, Phật Tì bà thi.
đấu; nên gọi là ứng khí hay ứng
Tiếng Phạn là Tì bà thi, tiếng lượng khí.
Hoa là Hữu tứ. Vì đức Phật này
Sáu, Ni sư đàn.
có trí viên mãn, giống như mặt trăng tròn và gọi là Biến kiến
(thấy khắp tất cả); Đức Phật này (Phiên não là vô minh). hoặc nghiệp không còn nữa, Bốn, Phật Câu lưu tôn. giống như phần tối trong mặt Tiếng Phạn là Câu lưu tôn, trăng hết sạch và gọi là Tịnh tiếng Hoa là Sở ưng đoạn; vì tất quán; Đức Phật này có trí tuệ cả phiền não hoàn toàn dứt hết viên mãn, hoặc nghiệp thanh không còn chút nào. Ở kiếp tịnh và gọi là Thắng quán, giảm thứ chín trong hiền kiếp, Thắng kiến. Đó là vị Phật đứng khi mạng sống giảm đến sáu đầu trong bảy vị. vạn tuổi thì Phật Câu lưu tôn ra Hai, Phật Thi khí. đời, tu hành thành Phật, là vị Tiếng Phạn là Thi khí, tiếng Phật đứng đầu của mười00 vị. Hoa là Hỏa, còn gọi là Trí kế, vị Năm, Phật Câu na hàm mâu trí vô phân biệt, được tôn trọng ni. nhất, ở ngay trên đỉnh đầu. Tiếng Phạn là Câu na hàm Ngài Thi khí sau Phật Tì bà mâu ni, tiếng Hoa là Kim tịch. Vì thi ba0 kiếp thì thành chánh kim thì ánh sáng hiện ra; Tịch giác. thì không trở ngại. (Vô phân biệt trí tức là

căn Đại trí độ luận nói còn có tên bản trí, vì trí này là gốc của là Ca na ca mâu ni, tiếng Hoa là những trí khác). Kim tiên nhân, vì thân ông tiên Ba, Phật Tì xá phù. này sắcvàng. Khi thọ mạng của Tiếng Phạn là Tì xá phù, con người giảm đến bốn vạn tiếng Hoa là Biến nhất thiết tự tuổi, thì vị Phật này ra đời ở cõi tại. Vì dứt hết phiền não, tự tại Diêm phù đề thành Phật). đối với tất cả, Tì xá phù là vị Sáu, Phật Ca diếp. Phật cuối cùng của 1000 vị Phật Ca diếp là tiếng Phạn, gọi đủ trong kiếp trang nghiêm. là Ca diếp ba, tiếng Hoa là Ẩm

quang; vì ánh sáng từ thân Kinh nói: Bà già bà, đầy đủ chiếu ra rực rỡ, có thể che lấp có bảy nghĩa; không dịch ra tất cả ánh sáng khác. Khi thọ tiếng Hoa, vì từ này có nhiều mạng con người giảm đến hai nghĩa, tức là một trong năm vạn tuổi, thì vị Phật này ra đời, trường hợp không dịch nghĩa. tu hành thành Phật. (Năm trường hợp không dịch Bảy, Phật Thích ca mâu ni. là Từ có nhiều nghĩa; thần chú; Tiếng Phạn là Thích ca mâu từ của địa phương; thuận theo ni, tiếng Hoa là Năng nhân tịch cách xưa đã có; để người nghe mặc. sanh tâm lành). Năng nhân là họ, Tịch mặc Một, Năng phá phiền não. là tên. Vì Tịch mặc nên không ở Phá là làm rách, làm dứt. trong sanh, tử; vì Năng nhân Phiền não là các pháp làm nên không ở trong Niết bàn. cho nóng nảy, tối tăm, làm buồn Ngài vận dụng cả từ bi và trí phiền, rối loạn tâm thần. huệ để đem đến lợi ích cho Vì Phật dứt hết tất cả phiền muôn loài; nên mới có tên hiệu não, cho đến vô minh hoặc, này. Khi thọ mạng con người hoàn toàn chấm dứt; nên gọi là đến mười0 tuổi, thì Ngài xuất hay phá phiền não. thế làm vị Phật thứ bốn trong Hai, Năng thành tựu chư hiện kiến. thiện pháp. Vì Phật, ở vô lượng kiếp BÀ GIÀ BÀ THẤT NGHĨA trước, cung kính cha mẹ, các (Niết bàn kinh). bậc hòa thượng, thượng tọa; cho đến tu các pháp lục độ, tứ
Bà già bà là tên cao nhất, vô lượng tâm; nên gọi là hay bao trùm vạn đức. thành tựu các pháp lành.

Ba, Thiện giải chư pháp thành tựu tâm đại Bồ đề; nên nghĩa. gọi là có công đức lớn không ai Vì Phật ở trong vô lượng có thể vượt qua. kiếp, tu tập các căn lành: tín, Năm, Hữu đại danh văn biến tấn, niệm, định, tuệ, thường làm thập phương. lợi ích cho Phật pháp, không chỉ Vì Phật có đủ thập lực, tứ vô lo nuôi thân mình. Hoặc đọc sở uý, bốn đức thường, lạc, hoặc tụng, đối với nghĩa lý của ngã, tịnh; chúng sanh trong đại các pháp, Phật đều thông hiểu thiên thế giới đều nghe, biết rốt ráo; nên gọi là khéo giải đến; nên gọi là tiếng tăm to lớn nghĩa các pháp. khắp cả mười phương. (Tín, tấn, niệm, định, tuệ, là (Thập lực là thị xứ phi xứ trí lực, ngũ căn, cũng gọi là ngũ lực; vì quá hiện vị lai nghiệp báo trí tín là tin vào các pháp chánh lực, chư thiền giải thoát Tam đạo và trợ đạo. Tấn là đối với muội trí lực, chư căn thắng liệt chánh đạo và trợ đạo tinh tấn, trí lực, chủng chủng giải trí lực, siêng năng tu hành. Niệm là chủng chủng giới trí lực, nhất quán tưởng, nghĩ nhớ đến thiết chí xứ đạo trí lực, thiên chánh đạo và trợ đạo. Định là nhãn vô ngại trí lực, túc mạng nhiếp tâm một chỗ. Huệ là trong vô lậu trí lực, vĩnh đoạn tập khí tâm tự sáng tỏ). trí lực). Bốn, Hữu đại công đức vô Tứ vô sở uý: Nhất thiết trí vô năng thắng. sở uý, lậu tận vô sở uý, thuyết Vì Phật, ở trong vô lượng chướng đạo vô sở uý, thuyết tận kiếp, thường tu tâm xuất thế khổ đạo vô sở uý. gian và tâm xuất gia, tâm vô vi, Thường, lạc, ngã, tịnh là tâm không tranh cãi; nên có thể không thay đổi gọi là thường. Xa

lìa sanh, tử, gọi là vui: lạc. Tự Một, Thân thắng. tại gọi là ngã. Phiền não, sai Vì thân của Như lai sắc lầm dứt hết gọi là sạch: tịnh). vàng, tướng hảo quang minh, tự Sáu, Năng chủng chủng đại nhiên trang nghiêm đẹp đẽ, huệ thí. không có gì so sánh được. Vì Phật, trong vô lượng kiếp, Chúng sanh thích nhìn thân thường vì chúng sanh tu hạnh Phật, không chán. Đó gọi là bố thí, cho đến y phục, châu thân thắng. ngọc, đầu, mắt, tuỷ não không Hai, Pháp trụ thắng. gì tiếc rẻ; nên gọi là hay bố thí Vì Như lai, đối với các pháp, rộng lớn, vô số. tự mình đã được lợi ích, an trụ ở Bảy, Vô lượng a tăng kỳ kiếp pháp vị chân như, lại thương xót thổ nữ căn. tất cả chúng sanh, muốn cho Tiếng Phạn là a tăng kỳ chúng cũng được an vị ở đó, với kiếp, tiếng Hoa là thời gian vô mình không khác. Đó gọi là số. pháp trụ thắng. Thổ là không nhận, tức là xa (Chân như pháp vị là vì tất lìa. cả các pháp đều lấy chân như Vì Phật, ở vào thời đức Phật là địa vị). Thi khí, a tăng kỳ đầu tiên, đã Ba, Trí thắng. xa lìa thân nữ, vĩnh viễn không Vì Như lai đầy đủ trí huệ, vô thọ sanh thân nữ nhân; nên gọi lượng vô biên, Thanh văn, là xa lìa nữ căn. Duyên giác không sao bằng được. Đó gọi là trí thắng. NHƯ LAI THẤT THẮNG SỰ Bốn, Cụ túc thắng. (Ưu bà tắc giới Vì Như lai, đối với hạnh, kinh). mạng, giới, kiến đều đầy đủ;

Thanh văn, Duyên giác, không các pháp đầy đủ. Thinh văn, sao bằng được. Đó gọi là cụ túc Duyên giác, Bồ tát không thể so thắng. được phần nhỏ. Đó gọi là bất (Hạnh là lục độ phạm hạnh, khả tư nghị thắng. tức là bố thí, trì giới... Mạng là Bảy, Giải thoát thắng. thanh tịnh đầy đủ, viên mãn; Giải thoát là xa lìa ràng Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát buộc, tự tại vô ngại. không sao bằng được. Đó gọi là Vì Như lai tất cả phiền não, hạnh xứ thắng.) hoặc nghiệp đều hết sạch, tự tại Năm, Hành xứ thắng. vô ngại, vượt hơn tất cả. Đó gọi Vì Như lai tu tập 100.000 là giải thoát thắng. Tam muội, chín thứ đại thiền, tất THẤT CHỦNG VÔ cả thắng hạnh đầy đủ, viên THƯỢNG mãn; Thinh văn, Duyên giác, Bồ (Bồ tát địa kinh). tát không sao bằng được. Đó Một, Thân vô thượng. gọi là hạnh xứ thắng). Vì Như lai có 32 tướng tốt, Tiếng Phạn là Tam muội, 80 vẽ đẹp trang nghiêm thân tiêng Hoa là chánh định. mình; Thế, xuất thế gian, không Chín thứ đại thiền là tự tánh có ai hơn Phật. Đó gọi là thân thiền, nhất thiết thiền, nan thiền, vô thượng. nhất thiết môn thiền, thiện nhân Hai, Đạo vô thượng. thiền, nhất thiết hạnh thiền, trừ Vì Như lai lấy từ bi làm đạo phiền não thiền, thử thế tha thế (con đường), tự lợi lợi tha; độ thiền, thanh tịnh tịnh thiền). thoát vô lượng vô biên trời, Sáu, Bất khả tư nghị thắng. người, thế, xuất thế gian. Không Vì Như lai đã viên thành thần thông, đạo lực, vạn hạnh,

có ai hơn Phật. Đó gọi là đạo vô Nhạo thuyết vô ngại là tuỳ thượng. thuận chúng sanh ưa thích pháp Ba, Kiến vô thượng. nào, nói pháp ấy) Vì Như lai lấy các pháp Năm, Thần lực vô thượng. chánh kiến, chánh giới, chánh Vì sức thần thông của Như oai nghi, chánh mạng để thành lai không thể nghĩ bàn. Thần lực tựu thân mình. Với những kiến mà thế gian và xuất thế gian có này thì thế, xuất thế gian, không được, không thể vượt hơn Phật. có ai vượt hơn Phật. Đó là kiến Đó gọi là thần lực vô thượng. vô thượng. Sáu, Đoạn chướng vô Bốn, Trí vô thượng. thượng. Vì Như lai có đầy đử trí pháp Như lai có thể đoạn trừ tất vô ngại, trí nghĩa vô ngại, trí từ cả phiền não, nghiệp chướng, vô ngại, trí nhạo thuyết vô ngại; không còn sót một tí nào. Thế nên có thể biết khắp tất cả gian, xuất thế gian, không có ai pháp, biện thuyết trôi chảy, vượt hơn Phật. Đó gọi là Đoạn

không có gì ngăn ngại. Thế, chướng vô thượng. xuất thế gian, không có ai vượt Bảy, Trụ vô thượng. hơn Phật. Đó gọi là trí vô Vì Như lai vốn ở trong định thượng. đại tịch diệt; nhưng còn ở ba nơi (Pháp vô ngại là thấu hiểu nữa; 1) ở địa vị thánh nhân; 2) nghĩa lý của các pháp, thông phần nhiều ở trên đời; 3) ở trong đạt không vương mắc. tịnh độ. Thế gian và xuất thế Từ vô ngại là đối với nghĩa lý gian, không có ai vượt hơn Phật. các pháp, tuỳ thuận chúng Đó gọi là trụ vô thượng. sanh, diễn thuyết đúng trình độ.

NHƯ LAI HỮU THẤT oai đức tự tại. Với quả báo này, CHỦNG NGỮ đều do người ấy, đời trước, giữ (Niết bàn giới; bố thí, siêng năng; biết tàm kinh). quý; không cố ý sân hận, ghen Một, Nhân ngữ. ghét, là do nhân này. Đó gọi là Vì Như lai ở trong hiện tại, quả ngữ. nói quả vị lai. Như nói: Chúng Ba, Nhân quả ngữ. sanh ưa sát hại, lại thích làm Vì Như lai nói quả lục nhập: theo tà kiến. Với nhân này, thì xúc, …, ở hiện tại, là do nghiệp người ấy chịu quả báo đọa vào nhân ở quá khứ. địa ngục. Ngược lại, nếu không Như lai cũng nói lục nhập, ưa sát sanh, cho đến không xúc… có thể khởi lên hoặc theo tà kiến. Với nhân này, thì nghiệp, làm nhân ở đời vị lai và người ấy sẽ nhận quả báo làm sẽ nhận lấy quả báo ở vị lai. Đó trời, làm người. Đó gọi là nhân gọi là nhân, quả ngữ. ngữ. (Lục nhập là nhãn nhập sắc, Hai, Quả ngữ. nhĩ nhập thinh, tị nhập hương, Vì Như lai ở trong quả hiện thiệt nhập vị, thân nhập xúc, ý tại, nói nhân quá khứ. Như nói: nhập pháp). Chúng sanh tham lam, khốn Bốn, Dụ ngữ. khổ, hình dung xấu xí, không Như lai nói pháp, vì căn cơ được tự tại với quả báo này, là của chúng sanh chậm chạp, do người ấy, ở đời trước, phá nếu không có ví dụ, thì khó lãnh giới, sân hận, ghen ghét, không hội. Như sư tử vương là dụ cho có tâm tàm quý, là do nhân này. Phật thân; cho đến đại tượng Nếu thấy chúng sanh nhiều vương; đại long vương; ba lợi của, giàu có, các căn đầy đủ, chất đa la thọ; thất bảo tụ; đại

hà; tu di sơn; thuyền sư, đạo thế gian. Như nói về nam, nữ, sư;… đều gọi là dụ ngữ. lớn, nhỏ, xe cộ, phòng xá, cho (Tiếng Phạn là Bà lị chất đa đến các loại thành ấp, phòng la, tiếng Hoa là viên sanh, vì xá… Đó gọi là thế lưu bố ngữ. cành, lá cây này đâm ra bốn Bảy, Như ý ngữ. phía: cây có táng rộng). Vì Như lai đối với chúng Năm, Bất ưng ngữ. sanh, khi muốn dạy bảo, đều Vì Như lai nói pháp phải theo ý của chúng, phương tiện nương vào lý hai đế chân và mà nói. Như nói điều mà ta quở tục. trách là người phá giới, phạm Chân đế thì nói tất cả pháp trai, để làm cho họ tự trách ly tướng, ly tánh, đều là trung mình rồi giữ gìn cấm giới; cho đạo. Tục đế thì nói các pháp thế đến nói tất cả chúng sanh đều gian, xuất thế gian y chang như có tánh Phật, là khiến cho thế, không thể nói thường hay không được buông lung. Đó gọi đoạn. là như ý ngữ. Nói pháp như thế, tất cả đều CHU HÀNH THẤT BỘ khế hợp với lý. Còn nói không (Niết bàn kinh). khế hợp với lý, như nói trời và Chu là vòng quanh, bảy là đất có thể họp nhau, nước sông bốn phương, trên, dưới, tứ duy. không chảy vào biển. Nói như Kinh nói: Như lai thị hiện ở thế thì đối với lý không khế hợp; vườn Lâm tì ni trong cõi Diêm nên gọi là bất ưng ngữ. phù đề; từ mẹ Ma Da sanh ra. Sáu, Thế lưu bố ngữ. Sanh xong, Ngài đi vòng bảy Vì Như lai tuỳ thuận chúng bước, nói như vầy: ta là bậc tôn sanh, nên khi muốn nói, thì quý nhất trong cõi trời, người, A dùng ngôn ngữ thông dụng ở

tu la. Cha, mẹ, trời, người đã Đi về phương tây bảy bước thấy ta rồi rất là vui mừng và là thị hiện hết đời sống này, dứt cho rằng đó là việc chưa từng sạch sống, chết. Đây là thân có. cuối cùng. Nhưng những người khác Ba, Bắc hành thất bộ. gọi đó là đứa bé; thân này của Đi về phương bắc bảy bước ta, từ vô lượng kiếp đến nay, đã là thị hiện đã độ các chúng sanh xa lìa pháp ấy lâu rồi. Thân của vượt qua sanh tử. Như lai, chính là pháp thân; Bốn, Đông hành thất bộ. chẳng phải do thịt, gân, xương, Đi về phương đông bảy bước tuỷ... làm nên. Vì tuỳ thuận theo là thị hiện vì chúng sanh làm chúng sanh ở thế gian, mà thị bậc đạo sư. hiện làm đứa bé. Năm, Tứ duy hành thất bộ. (Tiếng Phạn là Lâm vi ni Đi về tứ duy bảy bước là thị hoặc là Lâm tỳ ni, tiếng Hoa là hiện diệt trừ vô số phiền não, giải thoát xứ. bốn chủng tánh ma, thành Như Ma da là tiếng Phạn, nói đủ lai ứng chánh kiến tri. là Ma ha Ma da, tiếng Hoa là (Tứ duy là đông nam, đông Đại thuật, mẹ của Phật. bắc; tây nam, tây bắc. Tiếng Phạn là A tu la, tiếng Tứ ma là: thiên ma, ấm ma, Hoa là vô đoan chánh). tử ma, phiền não. Một, Nam hành thất bộ. Chánh biến tri là một hiệu Đi về phương nam bảy bước trong mười hiệu của Như lai). là thị hiện muốn vì vô lượng Sáu, Thượng hành thất bộ. chúng sanh làm ruộng phước Đi về phương trên bảy bước cho chúng. (đi trong hư không) là không bị Hai, Tây hành thất bộ. nhiễm ô những vật, những nơi

bất tịnh (dơ bẩn), giống như hư Nơi thứ nhất, Bồ đề đạo không. tràng. Bảy, Hạ hành thất bộ. Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hạ hành là từ không trung Hoà là đạo. mà xuống. Vì Phật thành đạo ở Bồ đề Từ không trung xuống đi bảy đạo tràng thuộc nước Ma kiệt bước là thị hiện mưa pháp dập đà. Ở đây nói pháp môn tu y tắt lửa địa ngục, làm cho chúng báo, chánh báo của Như lai, tất sanh được an vui; vì kẻ phá giới, cả là sáu phẩm kinh, 1) phẩm làm mưa để tắm sạch tội lỗi cho Thế chủ diệu nghiêm. 2) phẩm họ. Như lai hiện tướng, 3) phẩm Phổ hiền Tam muội, 4) phẩm HOA NGHIÊM THẤT XỨ THUYẾT Thế giới thành tựu, 5) phẩm (Hoa nghiêm Hoa tạng thế giới, 6) phẩm Tì lô kinh Tuỳ sớ diễn nghĩa sao). giá na. Nơi thứ hai, Điện phổ quang Hoa nghiêm: tu hành là minh. nhân, như hoa, trang nghiêm Điện Phổ quang minh là điện công đức của quả vị. các báu vật làm nên, ánh sáng Bảy chỗ là những nơi Phật rực rỡ. Lại nói rằng Phật nói nói kinh Hoa nghiêm. Ở cõi pháp ở trong điện ấy, phóng người có ba nơi: Bồ đề đạo quang chiếu sáng mọi nơi. Ở tràng, Phổ quang minh điện, đây có ba lần tụ hội, tất cả nói Thệ đa lâm. Ở cõi trời có bốn 18 phẩm kinh. Lần đầu, ở đây, nơi: Trời Đao lợi, trời Dạ ma, trời nói pháp môn Thập tín..., tất cả Đâu suất, trời Tha hóa. là sáu phẩm kinh: 1) phẩm Như lai danh hiệu, 2) phẩm Tứ thánh

đế, 3) phẩm Quang minh giác, Phát tâm công đức, 6) phẩm 4) phẩm Bồ tát vấn minh, 5) Minh pháp. phẩm Tịnh hạnh, 6) phẩm Hiền Nơi thứ tư, trời Dạ ma. thủ. Tiếng Phạn là Dạ ma, tiếng Lần hai, ở đây, nói pháp Hoa là Thiện thời, vì chư thiên ở môn đẳng giác. Tất cả là 11 cõi này luôn hát vang những phẩm kinh. 1) phẩm Thập định, điều vui sướng. Ở đây nói pháp 2) phẩm Thập thông, 3) phẩm môn Thập hạnh, tất cả bốn Thập nhẫn, 4) phẩm A tăng kỳ phẩm kinh. 1) phẩm thăng Dạ kiếp, 5) phẩm Thọ lượng, 6) ma thiên, 2) phẩm Dạ ma kệ phẩm Bồ tát trụ xứ, 7) phẩm tán, 3) phẩm Thập hạnh, 4) Phật bất tư nghì, 8) phẩm Thập phẩm Thập vô tận tạng. thân tướng hải, 9) phẩm Như lai Nơi thứ năm, trời Đâu suất. tuỳ hảo quang minh, 10) phẩm Tiếng Phạn là Đâu suất, Phổ

hiền hạnh nguyện, 11) tiếng Hoa là Tri túc, vì đối cảnh phẩm Như lai xuất hiện. Sau ở ngũ dục biết dừng biết đủ. Ở đây, nói pháp ly thế gian, tức là đây nói pháp môn Thập hồi phẩm ly thế gian ở trong kinh. hướng, tất cả ba phẩm kinh. 1) Nơi thứ ba, trời Đao lợi. phẩm Thăng Đâu suất thiên, 2) Tiếng Phạn là Đao lợi, tiếng phẩm Đâu suất kệ tán, 3) phẩm Hoa là 33, tức là trên đỉnh núi Thập hồi hướng. Tu di, nơi Đế Thích ở. Ở đây nói Nơi thứ sáu, trời Tha hóa. pháp môn Thập trụ, tất cả sáu Tha hóa là các cảnh dục lạc, phẩm kinh: 1) phẩm Thăng Tu không phải cực khổ mới có mà di sơn, 2) phẩm Sơn đỉnh kệ tự hóa hiện ra. Các thứ ấy đều phẩm, 3) phẩm Thập trụ, 4) do các vị trời khác hóa hiện ra phẩm Phạm hạnh, 5) phẩm và thọ dụng tự nhiên, tuỳ ý. Ở

đây nói pháp môn Thập địa, tức Vì duy trì cả thể và tướng; phẩm Thập địa ở trong kinh. mười giới thường theo con Nơi thứ bảy, rừng Thệ đa. đường ấy, hay khiến cho tất cả Tiếng Phạn là Thệ đa, tiếng chúng sanh học theo cách thức Hoa là Thắng lâm, tức là vườn đó mà được giải thoát. của ông Cấp cô độc. Ở nơi đây (Duy trì cả thể và tướng: Thể nói pháp môn nhập pháp giới, tức là tánh nghĩa là giữ cả tánh tức là phẩm nhập pháp giới ở và tướng. trong kinh. mười giới: là Phật giới, Bồ tát giới, Duyên giác giới, Thinh văn HOA NGHIÊM KINH ĐỀ THẤT TỰ NGHĨA giới, Thiên giới, Nhân giới, Tu la

(Hoa giới, Ngạ quỷ giới, súc sanh giới, nghiêm kinh đại sớ quyển địa ngục giới). ba). Ba, Quảng. Quảng là đặt tên theo dụng, Một, Đại. nghĩa là rộng lớn, bao trùm. Đại tức là tên của thể thường Vì xứng tánh mà dùng, nên còn, bao trùm tất cả, là nghĩa dụng ấy không cùng, bao trùm của thể ấy. cả pháp giới, khắp cả mười Vì rộng khắp không có giới phương. hạn, thể không thay đổi, suốt cả Bốn, Phật. ba thời, biến khắp mười phương. Phật là tên đặt theo người, (Ba thời là quá khứ, hiện tại, có nghĩa là tĩnh thức hoàn toàn, vị lai). hiểu biết hoàn toàn. Hai, Phương. Vì hiểu biết được sự huyền Phương là theo pháp mà đặt diệu ấy, là mở ra tất cả, ngộ ra tên, nghĩa là giữ gìn phép tắc. trong đêm trường đen tối, có lúc

mở toan sự thâm thuý của vạn nghĩa huyền vi, thu nhiếp vô pháp. biên vào trong biển cả.

Năm, Hoa.

QUÁN TÂM THÍCH HOA

Hoa là đặt tên theo dụ, nghĩa NGHIÊM KINH ĐỀ THẤT TỰ là cảm thọ quả báo để nghiêm (Hoa sức thân thể. nghiêm kinh sớ).

Vì công hạnh đã đầy đủ,

Một, Đại thị tâm thể.

hiển vinh; tâm giác ngộ đã khai

Đại tức là thường, là biến mở, vạn hạnh thành công trọn khắp.

vẹn, muôn công đức trang bị

Thể tức là thể của tâm.

cho thân thể.

Vì tâm thể này dung chứa

Sáu, Nghiêm.

pháp giới, tánh trùm khắp cả,

Nghiêm là dùng công dụng bình đẳng rộng lớn, không hề đặt tên, nghĩa là trang sức.
đổi thay, không có gì ngoài,
Vì nhiều kiếp tu tập thành không có gì giới hạn; nên gọi là tựu, các pháp đều đầy đủ, giúp lớn là thể của tâm.
đỡ công dụng của thể thêm to
Hai, Phương thị tâm tướng.
lớn, trang nghiêm thân Phật thật
Phương là phương pháp.
hiệu nghiệm.
Tướng là gìn giữ pháp tắc.
Bảy, Kinh.
Vì pháp tướng vô biên, tánh
Kinh là đặt tên theo khả đức vô số đều do tâm này gìn năng diễn bày, nghĩa là hệ giữ pháp thức và bao hàm tất thống nhất quán.
cả; nên gọi phương là tướng của
Vì tánh, tướng sâu kín vô tâm.
cùng, như con suối phun không
Ba, Quảng thị tâm dụng.
thể hút hết nước, thấu suốt ý
Quảng tức là bao quát. Dụng của pháp thân, đều do công vận tức nghiệp dụng. Vì nghiệp dụng của tâm này; nên gọi dụng của tâm này, rộng rãi nghiêm là công dụng của tâm. không cùng và có thể sanh ra Bảy, Kinh thị tâm giáo. muôn pháp, ứng dụng vô cùng; Kinh là tên của cái có khả nên nói quảng là dụng của tâm. năng diễn đạt. Bốn, Phật thị tâm quả. Giáo là lời nói có chọn lựa. Phật tức là giác. Quả là quả Vì trong một lời văn, hay một Bồ đề. câu chữ, chứa đựng bao nhiêu Vì hay xa lìa các phiền não, nghĩa lý của các pháp, để thực thấu hiểu muôn pháp, đầy đủ tất hành rộng rãi, đầy đủ và lập cả trí và chứng được vô thượng thành pháp môn, đều do sự Bồ đề. Đó chính là chứng được diễn đạt thông suốt tất cả của quả của tâm này, chẳng phải tâm này; nên gọi kinh là sự dạy được từ bên ngoài; nên gọi Phật bảo của tâm. la quả của tâm. THẤT CHỦNG LẬP ĐỀ Năm, Hoa thị tâm nhân. (Thiên thai trí giáo Hoa là dụ. Nhân là hạnh. nghi tập chú). Vì lấy hoa dụ cho nhân của Đại sư trí giả, ở núi Thiên vạn hạnh, đều do tâm này mà thai, nhà Tuỳ, cho rằng đầu đề có thể nở hoa giác ngộ; nên gọi của kinh Phật không ra ngoại ba hoa là nhân của tâm. nội dung là nhân (người), pháp Sáu, Nghiêm thị tâm công. và dụ. Nghiêm là trang nghiêm. Vì có đẩy đủ đơn, phức Công là công dụng. không giống nhau, nên lập Vì hay lấy nhân hoa vạn thành bảy loại. hạnh trang nghiêm cho quả thể

Một, Đơn nhân lập đề. Bốn, Nhân pháp lập đề. Đơn nhân, như Phật thuyết Nhân pháp, như Văn thù vấn A di đà kinh. Nghĩa là, ở đề này, Bát nhã kinh. Nghĩa là Văn thù Phật Thích Ca là người nói; là người; Bát nhã là pháp. Góp Phật A di đà là người được nói cả hai để nói; nên gọi là nhân đến. Kinh này lấy người của hai pháp lập đề. cõi đặt tên; nên gọi là đơn nhân (Tiếng Phạn là Văn thù, gọi lập đề. đủ là Văn thù sư lợi, tiếng Hoa

Hai, Đơn pháp lập đề. là Diệu đức). Đơn pháp, như Đại bát Niết Năm, Pháp thí lập đề. bàn kinh. Nghĩa là lấy pháp là Pháp thí, như Diệu pháp liên Đại bát Niết bàn đặt tên; nên gọi hoa kinh. Nghĩa là diệu pháp là là đơn pháp lập đề. pháp, liên hoa là thí. Gọp cả hai (Tiếng Phạn là Bát Niết bàn, để nói; nên gọi là pháp thí lập tiếng Hoa là Diệt độ. Vì hoạ lớn đề. đã dứt sạch, vượt qua sanh tử; Sáu, Nhân thí lập đề. đó là pháp cứu cánh). Nhân thí, Như lai sư tử hống Ba, Đơn thí lập đề. kinh. Nghĩa là Như lai là người; Thí là tỷ dụ, như Phạm võng sư tử là thí. Gọp cả hai để nói; kinh. Vì lấy Phạm võng làm thí gọi là nhân thí lập đề. dụ đặt tên; nên gọi là đơn thí lập Bảy, Cụ túc lập đề. đề. Cụ túc, như Đại phương (Phạm võng là lưới báu của quảng Phật hoa nghiêm kinh. Phạm thiên, các mắt lưới không Nghĩa là Đại phương quảng là giống nhau, lấy để thí dụ những pháp. Phật là nhân. Hoa nghiêm điều mục trong giới luật của là thí. Đủ cả ba nhân, pháp, dụ; Phật cũng không giống nhau). nên gọi là cụ tức lập đề.

PHÁP HOA THẤT DỤ Trung thảo dụ cho Thinh (Pháp hoa văn cú) văn, Duyên giác. Một, Hoả trạch dụ. Đại thảo dụ cho Bồ tát tạng Hỏa là dụ các khổ, năm giáo. trược của chúng sanh. Dược thảo, tuy có lớn nhỏ Trạch là dụ ba cõi. Vì chúng bất đồng, nếu được thấm nhuần sanh trong ba cõi bị thiêu đốt mưa móc, thì đều tươi tốt, sum bởi năm trược, tám khổ, không sê, hay trị được các bệnh. Lấy hề được an ổn; giống như nhà đó để dụ hàng Tam thừa, căn lớn bị lửa thiêu đốt, không thể tánh, tuy cao thấp không giống vào ở yên; nên lấy nhà cháy làm nhau, nếu được thấm nhuần ví dụ. pháp nhũ của Như lai, thì có thể Hai, Cùng tử dụ thành y vương, cứu giúp chúng Vì hàng Nhị thừa, không có sanh; nên lấy cỏ thuốc làm ví pháp tài công đức của Đại thừa dụ. để trang nghiêm, giống như Bốn, Hoá thành dụ. người nghèo hèn cùng cực, Hoá là không mà bỗng nhiên thiếu cả cơm, áo để nuôi thân có. mạng; nên lấy kẻ nghèo hèn Thành là cái để phòng ngừa làm ví dụ. gian manh và chế ngự kẻ thù; Ba, Dược thảo dụ. lấy ví dụ Niết bàn ngăn ngừa sai Dược thảo là dụ căn tánh lầm kiến hoặc và tư hoặc và của hàng Tam thừa. chống lại kẻ thù sanh tử. Thảo có ba loại: tiểu thảo, Ví như có người muốn đến trung thảo, đại thảo. chỗ có nhiều của báu (bảo sở), Tiểu thảo dụ cho trời, người. nhưng được nữa đường quay lại. Người dẫn đường thông

minh, khéo léo hóa ra cái thành Y châu là hạt châu trong áo. để nghỉ ngơi tạm; sau đó, lại Ví như có người đến nhà bảo họ lên đường tiếp tục đến bằng hữu, ăn uống say sưa, bảo sở. Ví dụ này chỉ cho hàng nằm khềnh ra ngủ. Bạn thân Nhị thừa, ban đầu nghe được liền lấy hạt ngọc quý cột vào giáo lý Đại thừa, nữa chừng trong áo, mà người ấy không quên mất nên trôi lăn trong biết, vẫn chịu sống cảnh nghèo sống chết. khổ. Vì vậy, Thế Tôn tạm lập ra Về sau, người bạn thân mới phương tiện khiến cho họ, trước nói: trong chiếc áo anh đang hết, dứt phiền não kiến hoặc và mặc có một viên ngọc báu vô tư hoặc va tạm chứng Niết bàn giá, tại làm sao đói, rách đến chân không, làm nơi nghỉ ngơi như vầy ? Người ấy, từ khi tạm thời, rồi sau đi đến cứu được ngọc, cuộc sống giàu cánh bảo sở; nên lấy hoá thành sang, đầy đủ. làm dụ. Dụ này chỉ cho hàng Nhị (Ý căn đối với pháp trần thừa. Xưa kia, ở chỗ Phật Đại khởi lên các phân biệt gọi là thông, đã từng trồng nhân Đại kiến. thừa, vì vô minh che đậy, hàng Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, Nhị thừa không thể hiểu được. năm căn này đối với sắc, thinh, Về sau, Như lai phương tiện chỉ hương, vị , xúc năm trần, khởi bảo, liền chứng được quả Đại lên các tham lam,

yêu thích gọi thừa, lợi lạc không cùng; nên lấy là tư. ngọc trong áo để dụ. Bảo sở là dụ lý thật tướng, Sáu, Kế châu dụ. tức cứu cánh đại Niết bàn). Kế châu là viên ngọc ở trong Năm, Y châu dụ. búi tóc của luân vương.

Luân vương dụ cho Như lai. khiến cho uống thuốc Đại thừa Kế là dụ cho Nhị thừa quyền pháp, mau trừ khổ não, không giáo. Viên ngọc là dụ cho thật lý trở lại bệnh hoạn; nên lấy tử làm của Nhất thừa. ví dụ. Viên ngọc ở trong búi tóc, THẤT XỨ TRỪNG TÂM giống như thật lý tạm dấu ở đó. (Lăng nghiêm Điều này nói lên rằng, ở trên hội kinh). pháp hoa, Như lai khai mở Thất xứ trừng tâm là ở hội quyền giáo và hiển lộ thật giáo, Lăng nghiêm, Phật hỏi A nan thọ ký cho hàng Nhị thừa được bảy chỗ ở của tâm và mắt, việc thành Phật; giống như luân này xảy ra là do A nan gặp ảo vương mở búi tóc, lấy viên ngọc thuật của Ma đăng già. Phật tặng cho công thần; nên lấy đây bảo Văn Thù đem chú đến cứu làm ví dụ. ra và dẫn A nan về chỗ Phật. Bảy, Y tử dụ. Phật hỏi ông nguyên nhân Y dụ Như lai. Tử dụ hàng nào phát tâm xuất gia. Tam thừa. A nan đáp: vì thấy tướng của Vì các đứa con không biết, của Phật đẹp. uống phải thuốc độc của người Phật liền hỏi tâm và mắt ở khác, tâm liền bị cuồng loạn. chỗ nào ? Cha bày ra phương tiện, bảo A nan đáp: Mắt ở ngoài, tâm cho con uống thuốc hay để khỏi ở trong. bệnh ấy. Phật lại hỏi: tâm của ông ở Thí dụ này là chỉ cho hàng trong sao ? Tam thừa, tin nhận quyền giáo, A nan lại cho rằng tâm ở không chứng được chánh đạo;. ngoài. Cứ như thế hỏi cho đến Như lai bày ra phương tiện,

khi không còn vướng mắc vào bao tử, sau mới thấy cảnh ở chỗ nào nữa, để cho biết vọng ngoài. tâm của ông (A nan) không có Nếu, trước, không thấy các chỗ nương tựa. Lý do là vì A vật ở trong thân, thì tâm của nan không biết tâm diệu tịnh ông ở trong thân sao ? Vì thế minh (tâm mầu nhiệm, lặng lẻ, ông nói rằng tâm hay hiểu biết sáng suốt) trùm khắp mọi nơi, của ông ở trong thân là hoàn không đâu là không có. Do toàn không đúng. nhận lầm trần duyên, phân biệt Hai, Tại ngoại. hình bóng, đó là tướng của tâm. Tại ngoại là vì Phật bảo cho Phật muốn phá vọng tưởng, A nan biết tâm không ở trong tâm duyên ấy, mới hiển lộ thể thân, nên ông lại cho rằng tâm ở mầu nhiệm, vắng lặng sáng bên ngoài thân; nên mới lấy ánh suốt của tâm; nên mới có sáng của đèn làm thí dụ cho chuyện bảy chỗ hỏi tâm. tâm. (Tiếng Phạn là Ma đăng già, Vì tâm của chúng sanh ở tiếng Hoa là Bổn tánh). ngoài thân, nên không thấy bên Một, Tại nội (ở trong). trong của thân được; như đèn Tại nội là do Phật hỏi A nan sáng để ngoài nhà, không thể tâm, mắt ở chỗ nào ? A nan trả soi tỏ bên trong nhà. lời: tâm ở trong thân, mắt ở Phật lại hỏi nếu tâm ở ngoài ngoài. thân, thì thân và tâm là hai cái Phật liền hỏi nếu tâm của khác nhau, không thể biết lẫn ông ở trong thân, thì đúng ra, nhau được. Nếu biết lẫn nhau, trước phải thấy những vật ở thì sao lại nói là tâm ở ngoài trong thân như tim, gan, lá lách, thân cho được; nên ông nói tâm

hiểu biết ở ngoài thân, là hoàn con mắt, là hoàn toàn không toàn không đúng. đúng. Ba, Tiềm căn. Bốn, Tại ám nội. Tiềm căn là vì A nan bị Phật Tại ám nội là vì A nan bị quở rằng tâm không ở ngoài Phật quở rằng tâm không ở thân, lại cho rằng tâm núp trong trong mắt, thì A nan lại cho rằng con mắt (nhãn căn); nên lấy thân thể của chúng sanh, lục chén ngọc lưu ly úp lên mắt làm phủ, ngũ tạng ở bên trong; ví dụ. Nghĩa là mắt hợp

với tâm, khiếu huyệt ở bên ngoài. Như như chén lưu ly úp lên trên con của tôi đây, mở mắt thì thấy mắt. Nếu khi mắt thấy vật, tâm sáng, là thấy ở ngoài, nhắm mắt liền theo đó mà có thể phân thấy tối, là thấy ở trong. biệt, không có chướng ngại nào Phật bèn hỏi A nan: khi ông cả; giống như chén lưu ly hợp nhắm mắt thấy tối. Cái đối diện với mắt, không cản trở cho việc với mắt là cái tối ở ngay trước mắt thấy vật. mắt, sao lại nói là ở trong ? Nếu Phật liền quở rằng pháp và cái tối không đối diện với mắt, dụ của ông không thể như sao lại nói là thấy; vì vậy, ông nhau. Nếu ông lấy chén lưu ly nói thấy tối là thấy bên trong dụ cho mắt, thì mắt cũng có thể thân, là hoàn toàn sai. thấy. Nếu mắt có thể thấy, thì Năm, Tuỳ sở hợp xứ. giống như cảnh rồi. Tuỳ sở nhập xứ là vì A nan Mắt mà, nếu, giống với cảnh, bị Phật quở là tối không ở bên thì tâm, cảnh khác nhau; sao trong, ông lại cho rằng tuỳ theo lại nói tâm núp trong con mắt, chỗ gặp nhau, thì tâm theo đó theo đó liền phân biệt. Vì vậy, mà có. ông nói tâm hiểu biết núp trong

Phật bèn hỏi rằng tuỳ theo tuỳ theo chỗ gặp nhau mà có, chỗ gặp nhau, thì tâm theo đó thì lại cho tâm ở khoảng giữa mà có, nhưng tâm không hình căn và trần. thể, thì làm sao có chỗ gặp Phật lại hỏi rằng nếu tâm nhau. ông ở giữa căn và trần, thì tâm Nếu tâm có hình thể, thì ông thể của nó gồm cả căn và trần lấy tay gải vào thân, tâm của hay không gồm cả căn và trần ? ông chắc chắn nhận biết. Tâm Nếu tâm thể gồm cả căn và nhận biết này, là từ trong ra hay trần thì căn có hiểu biết, còn từ ngoài vào ? trần không hiểu biết. Như thế thì Nếu từ trong ra, thì phải thấy căn và trần hai đối lập (một bên trong thân; nếu từ ngoài vào, thì biết, còn một bên không biết), trước khi gặp nhau phải thấy làm sao gọi là ở giữa. mặt. Nếu tâm thể không gồm cả Tâm nhận biết đã không căn và trần, không thuộc căn phải ở trong, không phải ở cũng không thuộc trần, thì ngoài, thì cũng không có vào, không có thể tánh, thì ở giữa lấy ra. Vào, ra của tâm ấy đã gì làm tương quan. Vì vậy ở không, thì thể tánh làm làm sao khoảng giữa, là hoàn toàn sai. có. Bảy, Vô trước. Nếu không có hình thể, thì Vô trước là vì A nan bị Phật lấy gì để gặp nhau. Vì vậy nói quở là tâm không ở khoảng tuỳ theo chỗ gặp nhau, thì tâm giữa, thì ông lại cho rằng tất cả theo đó mà có, là hoàn toàn sai. những gì không dính mắc gọi đó Sáu, Tại trung gian. là tâm. Tại trung gian là vì A nan bị Phật lại hỏi rằng ông nói Phật quở rằng tâm chẳng phải không dính mắc gọi là tâm; như

thế gian, hư không, tất cả hình còn đem đến lợi ích cho người tượng của vạn vật, nước, đất, khác. Diệu hạnh tự lợi, lợi tha đã bay trên không, đi ở mặt đất; đầy đủ; nên gọi là hạnh đại. tâm ông không dính mắc, thì tất Ba, Trí đại. cả những vật tượng này là có Vì Bồ tát tu hành theo pháp hay là không? Đại thừa, thường dùng trí huệ Nếu nói là không thì giống quán sát, hiểu thấu nhân vô ngã như lông rùa, sừng thỏ thì còn và pháp vô ngã, đối với tất cả nói không dính mắc làm chi. cảnh khéo léo phân biệt; nên Nếu nói có, thì vật có, tâm gọi là trí đại. cũng có, sao lại nói không dính Bốn, Cận đại. mắc. vì vậy, nói tất cả những gì Vì Bồ tát tu hành theo pháp không dính mắc, gọi là tâm hiểu Đại thừa, từ nhiều kiếp trở lại biết, là hoàn toàn sai. đây, phát tâm rộng lớn, siêng năng không ngừng, mong ĐẠI THỪA THẤT CHỦNG ĐẠI NGHĨA chứng quả Phật, thành tựu Bồ (Đại thừa đề; nên gọi là cần đại. trang nghiêm kinh luận). Năm, Xảo đại. Vì
Bồ tát tu hành theo pháp Một, Duyên đại. Đại thừa, do phương tiện khéo Vì Bồ tát tu hành theo pháp léo, dạy dỗ, hướng dẫn được Đại thừa, làm duyên từ pháp người khác,

không lìa sanh tử, nghĩa to lớn của vô lượng khế hiện hình tuỳ theo chúng sanh kinh; nên gọi là duyên đại. trong sáu đường để độ thoát Hai, Hạnh đại. khổ đau; ở trong sanh tử mà Vì Bồ tát tu hành theo pháp vẫn tự tại, nên gọi là xảo đại. Đại thừa, đã có lợi ích cho mình, Sáu, Uý đại.

Uý tức là không có gì để sợ. Vì ở trong một kinh Pháp Vì Bồ tát tu hành theo phép hoa mà có đủ ba phần tự; Đại thừa, trí huệ đầy đủ, quyết chánh, lưu thông; tức là sơ định sáng suốt; ở trong đại thiện, trung thiện, hậu thiện. Vì chúng nói nghĩa lý của tất cả Như lai diễn thuyết pháp Nhất pháp, chắc chắn không sai lạc, thừa viên đốn, tuy bao gồm cả thì không có gì để sợ hãi; nên tự, chánh, lưu thông, nhưng đều gọi là uý đại. đúng lúc đem đến lợi ích cho Bảy, Sự đại. từng căn cơ thích hợp. Đó gọi là Vì Bồ tát tu hành theo pháp thời tiết thiện. Đại thừa, khiến cho tất cả chúng Hai, Nghĩa thiện. sanh hiểu rõ đại sự nhân duyên Vì pháp được nói trong kinh của Phật; nên thị hiện ra thế Pháp hoa, có ý nghĩa sâu xa, đó gian nhiều lần, nói pháp rất mầu là lý rốt ráo của đốn giáo; Thinh nhiệm, rồi vào đại Niết bàn; nên văn, Duyên giác không thể suy gọi là đại sự lường hết được. Đó gọi là nghĩa thiện. ĐẠI THỪA THẤT THIỆN Ba, Ngữ thiện.
(Pháp hoa văn cú). Vì pháp được nói trong kinh Pháp hoa, sử dụng một ngôn Pháp có bảy nghĩa là thông ngữ nhiệm mầu và khéo léo, là cả Đại thừa, Tiểu thừa; nay chỉ Phạm âm từ kim khẩu của Như dựa vào kinh Pháp hoa để làm lai, nói ra những nghĩa lý thâm sáng tỏ, thì đó là bảy nghĩa sâu, các vị Bồ tát đều vui mừng; thuộc Đại thừa viên đốn. tức là văn của giáo nghĩa mầu Một, Thời tiết thiện. nhiệm Nhất thừa viên đốn. Đó gọi là ngữ thiện.

Bốn, Độc nhất thiện. chúng sanh nào, nhưng đối với Vì pháp được nói trong kinh tất cả chúng sanh thì tự nhiên Pháp hoa, thuần nhất không có lợi ích. Đó gọi là vô duyên từ. xen tạp, chỉ cho Bồ tát, không THẤT CHỦNG TÁNH chung với Nhị thừa; tức là giáo TỰ TÁNH lý mầu nhiệm Nhất thừa viên (Nhập Lăng già đốn. Đó gọi là độc nhất thiện. kinh). Năm, Viên mãn thiện. Tánh có nghĩa là không thay Vì pháp được nói trong kinh đổi. Tánh không thay đổi này là Pháp hoa, đầy đủ rõ ràng nghĩa tự tánh của Như lai; nên gọi là lý của thế gian và xuất thế gian; tánh tự tánh (Tuy có bảy tên, tức là giáo lý mầu nhiệm Nhất nhưng không ra ngoài tâm của thừa viên đốn. Đó gọi là viên Như lai). mãn thiện. Một, Tập tánh tự tánh. Sáu, Điều nhu thiện. Tập là nhóm hợp. Cái tánh Vì pháp được nói trong kinh của tự tánh này là do rất nhiều Pháp hoa, thanh tịnh, sạch sẽ; điều lành nhóm họp lại. Đây chỉ nơi đến lý trung đạo, mà nương theo bậc thánh mà luận không đề cập đếng tướng không bàn nên kinh nói: chính là tánh và giả; tức là giáo lý Nhất thừa tự tánh của ba đời Như lai; hay viên đốn, điều hoà, nhu thuận. đệ nhất nghĩa tâm. Đó gọi là điều nhu thiện. Hai, Tánh tự tánh. Bảy, Vô duyên từ thiện. Vì do trước đệ nhất nghĩa Vì pháp nói trong kinh Pháp tâm đã được nhóm họp rất hoa, đầy đủ tướng phạm hạnh, nhiều điều lành; bên trong mỗi tức là vô duyên từ. Nói vô duyên điều lành đều có tự tánh tồn tại. là tâm không vướng mắc bất cứ

Đó gọi là tánh tự tánh (tự tánh (Pháp tánh ngũ ấm là Như của tánh). lai chuyển ngũ ấm sanh tử Ba, Tướng tự tánh. thành pháp tánh ngũ ấm; bởi vì Xem mà có thể phân biệt gọi sắc, bấy giờ, là sắc chân là tướng. thường, cho đến thức cũng là Vì do đệ nhất nghĩa

tâm, ở thức chân thường). trên, đã được nhóm họp rất Năm, Nhân tánh tự tánh. nhiều điều lành làm nhân; mỗi Nhân là có khả năng sanh. điều lành đều có hình tướng Vì trước đã chứng được quả riêng của nó biểu hiện ra ngoài. đại chủng, thì ắt phải có cái Đó gọi là tướng tự tánh (Tự tánh nhân khởi lên, tức đệ nhất nghĩa của tướng). nhân tâm. Đó gọi là nhân tánh Bốn, Đại chủng tánh tự tánh. tự tánh; tự tánh của nhân tánh). Đại chủng là chủng tử của Sáu, Duyên tánh tự tánh. bốn đại: đất, nước, gió, lửa Duyên tức là giúp đỡ. không đâu mà không có; nên Vì đã chứng được quả đức gọi là đại. của tự tánh đệ nhất nghĩa, tuy Nói tự tánh của đại chủng do nhân tâm, nhưng phải nhờ tánh là vì mỗi đại đều có tánh đến nhiều duyên giúp đỡ mới riêng. thành được. Đó gọi là duyên Đại chủng vốn thông với cả tánh tự tánh (Tự tánh của duyên phàm và thánh. Nay chỉ đề cập tánh). đến quả báo của bậc thánh, tức (Nhân tâm là tâm trí tuệ ở là tự tánh của đại chủng tánh trong nhân. Chúng duyên là vạn này. Đó là pháp tánh của quả hạnh). ngũ ấm cũng gọi là tự tánh của Bảy, Thành tánh tự tánh. đại chủng tánh. Thành là thành tựu.

Vì nhân và duyên hợp nhau Đối với tướng của bốn tánh mà thành kết quả, là do thành này, đều không chấp trước; đó tựu tánh đệ nhất nghĩa quả đức. gọi là không). Đó gọi là thành tánh tự tánh (tự Hai, Tánh tự tánh không. tánh của thành tánh). Vì đối với đương niệm quán sát tất cả pháp được sanh ra, THẤT KHÔNG đều do nhân, duyên hòa hợp (Nhập Lăng già kinh). mà thành, vốn không có tánh tự Do phàm phu chấp trước sanh ra. Đó tánh của tự tánh là nên vọng tưởng về tự tánh, Như không. lai nói pháp không để phá chấp Ba, Hành không. trước đó. Các kinh nói về nghĩa Vì thân năm uẩn, vốn không không rất nhiều. Nay chỉ nói bảy có ngã, cũng không ngã sở. nghĩa thôi, để ứng phó với căn Chúng sanh không hiểu điều cơ trong thời điểm ấy, như tuỳ đó, chấp lấy thân năm ấm thành bệnh cho thuốc. ngã. Từ có ngã khởi lên hành Một, Tướng không. động. Nếu thuận tánh tìm tòi, thì Vì tất cả tánh của các pháp, các pháp của năm ấm, cuối tự, tha, cộng, ly đều có tướng là cùng không thể tìm được. Đó là không. Đó là tướng không. hành không. (Tất cả tánh là bốn tánh: tự, (Ngã là ở trong năm ấm tha, cộng, ly. Ví như cho rằng cưỡng lập ra một chủ tể, rồi một niệm của tâm từ căn sanh chấp nó làm ngã. Ngã sở là ra tức là tự tánh; từ trần sanh ra thân năm ấm). tức là tha tánh; căn và trần sanh Bốn, Vô hành không. ra tức là cộng tánh; lìa căn và Vì không xa lìa những gì đã trần sanh ra tức là ly tánh. làm ở trước, mà còn hiểu rõ các

ấm duyên khởi với nhau, không đối với cái kia, mà không thể thể có tự tánh, cũng không có không đối với cái này. Đó gọi là hành nào được làm. Đó là vô bỉ bỉ không. hành không. (Không cái kia, không thể Năm, Nhất thiết pháp ly không với cái này là chỉ không ngôn thuyết không. với cảnh, mà không thể không Vì tất cả pháp đều do vọng với tâm). tưởng mà thành, vốn không có THẤT CHỦNG ĐỆ NHẤT tự tánh, xa lìa nói năng. Đó là NGHĨA CẢNH GIỚI nhất thiết pháp ly ngôn thuyết (Nhập Lăng không. già kinh). Sáu, Đệ nhất nghĩa thánh trí Thất chủng cảnh giới tức là đại không. cảnh giới chư Phật và Bồ tát đã Vì Phật là bậc tự giác thánh chứng được và đều gọi là đệ trí, không có tất cả cái thấy sai nhất nghĩa. lầm và tập khí, cái bị không đã Đệ nhất nghĩa chính là muốn không, cái năng không cũng nói đến chỗ cứu cánh cùng tột. không. Đó là đệ nhất nghĩa Bảy cảnh giới này có chung thánh trí đại không. và riêng

khác nhau. sáu cảnh (Tự giác thánh trí là cái tâm giới sau là cảnh giới tự thân Như đệ nhất nghĩa Phật chứng được. lai chứng được. Kiến quá là sự sai lầm của kiến Một, Tâm cảnh giới. hoặc. Tập khí là khiến hoặc còn Vì lý trung đạo không hai sót lại). không khác, tức là chỗ cùng cực Bảy, Bỉ bỉ không. mà tâm của Phật và Bồ tát tạo Vì cái không do ngoại đạo ra. Đó gọi là cảnh giới của tâm. suy đoán kia, chỉ có thể không

Hai, Huệ cảnh giới. Chấp thường là ngoại đạo Vì lý rốt ráo, tâm đã tạo tác, sai lầm cho rằng thân này chết tức là phát sanh tánh trí tuệ rồi, chắc sẽ sanh lại). thông minh. Dùng tánh trí huệ Sáu, Siêu tử địa giới. này để phân biệt rõ ràng. Đó gọi Tử địa là lên địa vị Bồ tát, vì là cảnh giới của huệ. Bồ tát xem chúng sanh như Ba, Trí cảnh giới. con. Vì đã phát sanh trí huệ sáng Vì chư Phật, Bồ tát hay dùng suốt, thì sẽ thành trí dụng, trí tâm đệ nhất nghĩa, phát sanh trí lực ngay; đối với tất cả pháp huệ sáng suốt, chánh kiến, thì đều hiểu biết. Đó gọi là cảnh vượt lên Thập địa mà thành giới của trí. chánh giác. Đó gọi là siêu tử địa Bốn, Kiến cảnh giới. cảnh giới. Vì trí dụng đã thành tựu, thì (Bồ tát chứng được Thập sẽ phát sanh chánh kiến. Có địa, thì có thể phát sanh Phật chánh kiến thì không có tà pháp, nên gọi là địa). vọng. Đó là cảnh giới của kiến. Bảy, Chư Như lai tự đáo Năm, Siêu nhị kiến cảnh cảnh giới. giới. Vì chư Như lai dùng tâm đệ Vì chánh kiến hiện có thì có nhất nghĩa tự tánh của tánh mà thể vượt lên hai kiến chấp đoạn thành tựu pháp tối thượng của và thường. Đó gọi là cảnh giới thế gian và xuất thế gian. Đó gọi của siêu kiến. là cảnh giới Như lai tự đáo . (Chấp đoạn là ngoại đạo sai (Như lai tánh tự tánh nghĩa lầm cho rằng thân này chết rồi, là tánh có nghĩa không thay đổi. không sanh lại nữa. Vì Như lai dùng tánh này làm tự tánh.

Thành tựu thế gian, xuất thế (không tánh trước sau là vì gian nghĩa là thế gian là thị hiện đối với tất cả hành nghiệp, giống nhân thừa để giáo hóa không xa lìa lý tánh của chân người khác; xuất thế gian là như). giống như ba thừa Thinh văn, Hai, Thật tướng chân như. Duyên giác, Bồ tát. Thật tướng là tướng không Tối thượng pháp là pháp chỉ hư vọng. Vì trong tất cả pháp có Phật với Phật mới có thể đến không chấp nhân, không chấp được rốt ráo). pháp. Chấp nhân là ở trong các THẤT CHÂN NHƯ pháp, suy lường vướng mắc vào (Du già sư địa luận) giả danh rồi chấp là ngã. Một, lưu chuyển chân như. Chấp pháp là, ở trong thân Lưu chuyển có nghĩa là vận năm ấm, chấp là thật pháp, rồi động. cho đó là sở hữu của ngã. Chơn như có nghĩa: chơn là Nếu hiểu rõ hai chấp này không giả dối; như là không đều không, thì đó là lý của thật thay đổi. tướng chân như. Vì các chúng sanh tạo ra tất Luận nói: tất cả pháp bổ đặc cả hành nghiệp, trôi lăn trong già la không có ngã tính và sống chết, nhưng thể của chơn pháp không có ngã tính. như vốn không dao động và (Tiếng Phạn là Bổ đặc già la, cũng không làm trở ngại trong tiếng Hoa là Nhân: người hay việc tùy duyên chuyển biến. còn gọi là số thủ thú). Luận nói: tất cả hành không Ba, Duy thức chân như. có tánh trước sau. Thức tức là tâm.

Vì tất cả hành nghiệp đều do Luận nói: Đó chính là lý do, thức tâm khởi lên; nhưng thức ta nói tập đế. tâm này hoàn toàn do sự biến (Tập là chiêu tập. Vì hoặc hiện của lý chân như. Đó gọi là nghiệp chiêu tập cái khổ sanh duy thức chân như. tử). Luận nói: Phân biệt rạch ròi Sáu, Thanh tịnh chân như. tất cả hành, chính là tánh của Thanh tịnh

là không dơ dáy, thức. không ô nhiễm. Bốn, An lập chân như. Vì Như lai nói lý Niết bàn An lập có nghĩa là kiến lập thanh tịnh, tịch diệt, vốn không (xây dựng lên). có nhiễm ô. Đó gọi là thanh tịnh Vì những pháp hữu vi, chân như. nghiệp hành, sắc thân của tất Luận nói: Đó chính là lý do, cả chúng sanh, Như lai nói ra, ta nói diệt đế. đều do mê mờ chân tánh, đuổi Bảy, Chánh hạnh chân như. theo hư vọng, chịu khổ sanh tử, Tất cả pháp đạo phẩm là nương vào sự kiến lập của chánh hạnh, đều nương vào lý thể tánh chân như. Đó gọi là an thể của chân như mà lập ra. Đó lập chân như. gọi là chánh hạnh chân như. Luận nói: Đó chính là lý do, Luận nói: Đó chính là lý do, ta nói khổ đế. ta nói đạo đế. Năm, Tà hạnh chân như. (Đạo phẩm là 37 phẩm trợ Vì Như lai nói tất cả các đạo, tóm lại không ra ngoài giới, pháp tà hạnh, vọng hoặc, phiền định, huệ) não, tuy hư dối, không xa lìa thể THẤT THƯỜNG TRỤ của chân như. Đó gọi là tà hạnh QUẢ chân như. (Lăng nghiêm kinh)

Thường trụ là không diệt đức chân thật mà chư Phật không sinh, không thay đổi. chứng được. Vì đức ấy không Quả là khi tu gọi là nhân, khi diệt không sanh, không thay chứng gọi là quả. đổi; nên gọi là quả thường trụ. Vì bảy thức này là quả đức Bốn, Phật tánh. của pháp thân mà chư Phật Phật tánh là tánh giác, tức là chứng được. Quả này thanh tịnh tánh sáng suốt chân giác mà tròn đầy, tánh thể chắc chắn, Phật chứng được. Tánh ấy gọi là quả thường trụ. không sanh không diệt, ly quá Một, Bồ đề. tuyệt phi, không dơ, không Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng sạch, không thay đổi. Đó là Hoa là Đạo, tức là lý rốt ráo thường trụ quả. thanh tịnh mà chư Phật chứng Năm, Am ma la thức. được, vì lý ấy không diệt không Tiếng Phạn là am ma la, sinh, không thay đổi; nên gọi là tiếng Hoa là thanh tịnh hay bạch thường trụ quả. tịnh vô cấu. Hai, Niết bàn Thức này là tâm thể cội Tiếng Phạn là Niết bàn, nguồn thanh tịnh của chư Phật, tiếng Hoa là Diệt độ, tức là quả vắng lặng như thái hư, mảy pháp thân cứu cánh mà Như lai trần không dấy lên, không dính chứng được. Vì pháp thân mắc vào sanh tử, không vướng không diệt không sinh, không di vào tịch tịnh Niết bàn. chuyển không biến đổi. Đó gọi Sáu, Không Như lai tạng. là quả thường trụ. Không Như lai tạng là bao Ba, Chân như. hàm vạn pháp mà không pháp Xa lìa sai lầm gọi là chân. nào bị chất chứa; tức là thể Không đổi khác là như. Tức là chân thanh tịnh mà Phật chứng

được, phiền não không còn, ứng nhanh nhạy, giống như thác dụng vô cùng. Vì thể này không nước; nên gọi là tấn biện. diệt không sanh, không đổi dời, Ba, Ứng biện. nên gọi là quả thường trụ. Vì Bồ tát dùng tất cả ý nghĩa Bảy, Đại viên cảnh trí. của văn tự trang nghiêm cho Đại viên cảnh trí là trí chiếu pháp ngữ, đúng thời đúng cơ rõ vạn pháp, không gì không không chút sai khác, tuỳ theo biết; tức là trí viên minh giác câu hỏi mà giải đáp; nên gọi là chiếu vốn có mà Phật đã chứng ứng biện. được. Trí này ứng vật không lưu Bốn, Vô sơ mậu biện. dấu, thể không lay động, không Vì Bồ tát tuỳ theo căn tánh diệt không sanh, không đổi dời; của chúng sanh, thích nghe đó là quả thường trụ. pháp gì thì nói pháp nấy, đều hợp với chân lý, không hề sai THẤT BIỆN lầm; nên gọi là vô sở mậu biện. (Hoa nghiêm kinh sớ) Năm, Vô đoạn tận biện. Một, Tiệp biện. Vì Bồ tát trong một một chữ Vì Bồ tát có đầy đủ trí huệ, có thể nói tất cả chữ, trong một thông hiểu danh tự của các ngôn ngữ có thể nói tất cả ngôn pháp, phân biệt nhanh chóng ngữ, trong một pháp có thể nói như hình với ảnh, như âm với tất cả pháp, liên tục

không đứt vang. đoạn; nên gọi là vô đoạn tận Hai, Tấn biện. biện. Vì Bố tát hiểu rõ sự lý, tâm Sáu, đa phong nghĩa vị biện. không nghi ngờ, khéo đối phó Vì Bồ tát có thể biết sự lý và với từng căn cơ, tuỳ theo câu ý vị của nó, không chút trở ngại hỏi trả lời rõ ràng, nói năng và hỏi, đáp, biện thuyết không

hạn lượng; nên gọi là đa phong Thiền xuất thế gian là bát bối nghĩa vị biện. xả, bát thắng xứ). Bảy, Tối thượng diệu biện. Một, Tam ma tư đa. Vì các pháp do Bồ tát nói, Tiếng Phạn là Tam ma tư phân biệt rõ ràng, thấu suốt đa, tiếng Hoa là Đẳng dẫn. nghĩa lý, vang vọng khắp nơi, Xa lìa hôn trầm và trạo cử âm thinh như tiếng ca lăng tần gọi là đẳng. Phát sanh công đức già, chúng sanh thích nghe, gọi là dẫn. siêu việt không có gì so sánh Vì tu định này thì xa lìa các được; nên gọi là tối thượng diệu phiền não và phát sanh công biện. đức nhiệm mầu cùng cực. (Tiếng Phạn là Ca lăng tần Hai, Tam ma địa. già, tiếng Hoa là Diệu thinh Tiếng Phạn là Ma địa, tiếng điểu). Hoa là Đẳng trì, hay là chánh tâm hành xứ. THẤT CHỦNG ĐỊNH DANH Vì tâm hành của chúng (Phiên dịch danh sanh, từ xưa đến nay, thường nghĩa) cong không thẳng. Nếu tu định này thì tâm đoan chánh, an trụ Định tức là thiền định. ở một cảnh không dao động. Thiền có hai thứ: một thế Ba, Tam ma bát để. gian thiền; hai xuất thế gian Tiếng Phạn là Tam ma bát thiền, nhưng tên định thì không để, tiếng Hoa là Đẳng chỉ. ra ngoài bảy thứ định này. Vì tu định này thì Tam muội (Thiền thế gian là tứ thiền hiện tiền, quang minh lớn phát cõi sắc, bốn định vô thức cõi vô sanh, vui mừng không xiết, ở sắc.

chỗ nhiễm ô mà không ô nhiễm, (Pháp hỷ là vì nghe pháp mà tâm không thối chuyển. được hoan hỷ) Bốn, Đà na diễn na. THẤT PHƯƠNG TIỆN hay Tiếng Phạn là Đa na diễn Thất hiền na, tiếng Hoa là Tịnh hư, nghĩa (Thiên thai tứ giáo là thanh lọc tinh thần, chận nghi tập chú). đứng lo nghĩ, chuyên tâm vắng lặng mọi suy tưởng. Phương là phương pháp. Năm, Chất đa ế ca a yết la Tiện là tiện nghi. Giống như đa. thiện xảo (khéo léo) Tiếng Phạn là Chất đa ế ca Vì tất cả chúng sanh muốn a yết la đa, tiếng Hoa là Tâm ra ngoài ba cõi phải đoạn trừ nhất cảnh tánh. Nghĩa là nhiếp phiền não, hoặc nghiệp để tâm vào một cảnh, siêng năng chứng lý Bát nhã chân không; gắng sức tu tập. trước hết phải dùng bảy pháp Sáu, Xa ma tha. môn này làm phương tiện. Tiếng Phạn là Xa ma tha, Một, Ngũ đình tâm. tiếng Hoa là Chỉ. Nghĩa là chận Đình là chỉ, ngưng, dừng. đứng các căn ác và pháp bất Tâm tức là tâm suy lường. thiện, diệt trừ tất cả tán loạn, Ví chúng sanh tham lam phiền não. nhiều thì dùng quán bất tịnh để Bảy, Hiện pháp lạc trú. trị; sân hận nhiều thì dùng quán Hiện pháp lạc trú, nghĩa là tu từ bi để trị; tán loạn nhiều thì tập thiền định, xa lìa tất cả vọng dùng quán sổ tức để trị; ngu si tưởng, thân tâm vắng lặng, hiện nhiều thì dùng quán nhân duyên tại hưởng thọ niềm vui của pháp để trị; chướng ngại nhiều thì hỷ mà an trú không loạn động. dùng quán niệm Phật để trị.

Tu năm pháp này thì đình phiền não, mê lầm và chứng chỉ năm thứ vọng tâm; nên gọi được phần nhỏ Phật pháp. là ngũ đình tâm. Giống như dùi cây tìm lửa, lửa Hai, Biệt tướng niệm. tuy chưa hiện ra, mà trước hết Biệt là khác nhau. Tướng là nhận được hơi ấm của nó; nên hành tướng. Niệm tức là quán. gọi là noãn vị. Đó là tứ niệm xứ: quán thân (Tương tự chỉ giải là đối với bất tịnh; quán thọ thị khổ; quán lý chơn không, tuy

chưa thực tâm vô thường; quán pháp vô chứng, nhưng đã có sự hiểu biết ngã. bốn hành tướng này, mỗi tương tự). thứ khác nhau; nên gọi là biệt Năm, Đỉnh vị. tướng niệm. Đỉnh là vì tu pháp Tứ đế đã Ba, Tổng tướng niệm. có được sự hiểu biết tương tự, Tổng tướng là lấy bốn thứ dần dần đi lên đỉnh núi, nhìn thân, thọ, tâm, pháp quán khắp bốn phương đều đã thấy chung trong một niệm. Như rõ ràng; nên gọi là đỉnh vị. quán thân bất tịnh thì nhận biết Sáu, nhẫn vị. thọ, tâm, pháp đều bất tịnh; cho Nhẫn là chịu đựng được. đến quán pháp vô ngã; nên gọi Vì do trước đã có được sự là tổng tướng niệm. hiểu biết tương tự, tăng tiến căn Bốn, Noãn vị. lành, đối với bốn cảnh Tứ đế, có Noãn là theo ví dụ mà đặt thể chịu đựng được lạc dục; nên tên. gọi là nhẫn vị. Lấy biệt tướng, tổng tướng Bảy, Thế đệ nhất vị. niệm xứ ở trước, quán cảnh của Thế tức là thế gian. Tứ đế, hay phát sanh sự hiểu Vì tu Tứ đế, đến đây đã đần biết giống nhau, để chế phục dần thấy được pháp tánh, sắp

vào sơ quả. Tuy chưa được dối; nên gọi là trạch pháp giác thánh đạo, nhưng đối với thế phần. gian đáng gọi là đệ nhất; nên Hai, Tinh tấn giác phần. gọi là thế đệ nhất vị. Không tạp là tinh. Không (Sơ quả là quả tu đà hoàn). gián đoạn là tiến. Khi tu các pháp, phải hiểu THẤT GIÁC PHẦN rõ, không làm những việc khổ (Pháp giới thứ đệ). hạnh vô ích; mà ở trong pháp Giác là hiểu rõ. Vì hiểu rõ chân chánh; thường dụng tâm các pháp tu là đúng hay sai. chuyên nhất, không để gián Phần là phân chia ra. Vì bảy đoạn; nên gọi là tinh tấn giác pháp này, mỗi thứ đều phân phần. chia như nhau, không lộn xộn; Ba, Hỉ giác phần. nên gọi là thất giác phần, cũng Hỉ là vui vẻ. gọi là thất giác chi. Vì tâm ngộ được chân pháp, Ba giác phần: trạch, tiến, hỷ là lúc được hoan hỉ và hiểu rõ thuộc huệ. ba giác phần trừ, xả, nhất, niềm vui này không từ các định thuộc định. Niệm giác phần pháp điên đảo sanh ra, mà ở thuộc định và huệ. Vì vậy Ma ha trong niềm vui chân pháp; nên chỉ quán nói: tu bảy giác phần gọi là hỉ giác phần. này, chính là để được vào đạo. Bốn, Trừ giác phần. Một, Trạch pháp giác phần. Trừ tức là đoạn trừ. Trạch là kén chọn. Vì khi đoạn trừ các kiến Khi dùng trí tuệ quan sát các hoặc, phiền não và hiểu rõ nhất pháp, giỏi phân biệt thật, giả và là trừ bỏ các pháp hư dối, tăng không lầm lẫn chọn lấy pháp hư trưởng căn lành chân chánh; nên gọi là trừ giác phần.

Năm, Xả giác phần. tán loạn, khiến cho không còn
Xả tức là xa lìa. giao động. Đó gọi là niệm giác
Vì xa lìa cảnh do thấy nghĩ phần.
chấp chặt và hiểu rõ rằng chúng
THẤT TRI cũng gọi là Đại hư dối, không thật, vĩnh viễn thừa thất trượng phu không thể truy tìm trong trí nhớ;
(Niết bàn kinh).
nên gọi là xả giác phần.
Thất tri là vì Phật, ở trên hội
Sáu, Định giác phần.
Niết bàn bảo các Bồ tát, đối với
Định tức là thiền định.
Đại thừa, biết bảy pháp lành,

Vì khi phát sanh thiền định gọi là phạm hạnh đầy đủ.
và hiểu rõ các thiền định, không
Một, Tri pháp.
sanh phiền não vọng tưởng; đó
Tri pháp là biết 12 bộ kinh gọi là định giác phần.
nói về các pháp.
Bảy, Niệm giác phần.
(12 bộ kinh là khế kinh; trùng
Niệm tức là nghĩ nhớ và hiểu tụng; phúng tụng; nhân duyên;
rõ thường sử dụng quân bình bổn sự; bổn sanh; hy hữu; thí định và tuệ.
dụ; luận nghị; tự thuyết; phương
Nếu lúc tâm mờ tối, phải nhớ quảng; thọ ký) sử dụng ba giác phần trạch
Hai, Tri nghĩa.
pháp, tinh tấn, hỉ, để quan sát
Tri nghĩa là biết nghĩa lý các pháp, làm cho không còn được chuyên chở bằng văn tự, mờ tối nữa.
ngôn ngữ trong 12 bộ kinh.
Nếu lúc tâm dao động, phải
Ba, Tri thời.
nhớ sử dụng trừ giác phần để
Tri thời là biết rõ khi nào có trừ sai lầm của thân, miệng; sử thể tu tịch tĩnh; có thể tu tinh dụng xả giác phần để vào thiền tấn; có thể tu xả định; có thể định chân chánh, thu nhiếp tâm
cúng dường Phật; có thể cúng Loại có đức tin là người lành, dường thầy; có thể tu bố thí, biết họ là người đáng tôn trọng. nhẫn nhục cho đến Bát nhã. Loại không có đức tin là người Bốn, Tri túc. ác, biết họ là người thấp hèn. Tri túc là thường biết dừng, Giống như bậc Nhị thừa, chỉ có biết đủ về ăn uống, y phục, thể tự độ, không thể độ người; thuốc thang, đi lại, ngồi nằm, biết Nhị thừa là thấp kém. Nếu ngủ thức, nói năng im lặng… là bậc Bồ tát, không mong độ Năm, Tri tự. mình, chỉ muốn độ người và còn Tri tự là biết rõ mình có đức dùng tâm từ bi đem đến lợi ích, tin như thế, giữ giới như thế, học an vui cho tất cả chúng sanh, lực như thế, xả bỏ như thế, trí thì phải biết tôn trọng hàng Bồ huệ như thế, chánh niệm như tát. thế, làm lành như thế. THẤT TỊNH HOA Sáu, Tri chúng. (Phiên dịch danh Tri chúng là biết rõ chúng nghĩa) sát lợi, bà là môn,
cư sĩ, Sa môn Không nhơ là sạch, Hoa là và phải biết đi, đứng thuyết đối với quả mà nói, tức là nhân pháp, hỏi đáp như thế nào. của hạnh tu. (Tiếng Phạn là sát lợi, nói đủ Vì Nhị thừa tu tập nghiệp vô là sát đế lợi, tiếng Hoa là điền lậu, lấy bảy thứ tịnh hành làm chủ thuộc vương gia). hoa (nhân), mà chứng được đạo Bảy, Tri nhân tôn ty. quả; nên gọi là thất chủng hoa. Người có hai loại: loại một có Kinh Duy ma nói: Nước định đức tin; loại hai không có đức vắng lặng, đó chính là bảy loài tin. hoa thanh tịnh đầy khắp.

(Vô lậu nghiệp là tu giới, Kiến tịnh hoa là chánh kiến, định, huệ, không rơi vào ba cõi chánh tư duy. sống chết). Vì hàng Nhị thừa tu hạnh vô Một, Giới tịnh hoa. lậu, thường suy nghĩ chân Giới tịnh hoa là nuôi dưỡng chánh, thì chánh kiến hiện ra luật nghi các giới, tức là chánh trước mặt. Nếu sở kiến đã thanh ngữ, chánh nghiệp, chánh tịnh, thì đạo quả tự nhiên thành. mạng. Bốn, Đoạn nghi tịnh hoa. Vì hàng Nhị thừa giữ gìn giới Đoạn nghi tịnh hoa là kiến pháp, giữ gìn nghiệp thân, khẩu, đạo vậy. ý. Nếu giới hạnh thanh tịnh, thì Vì sở quả tu đà hoàn tu quán đạo quả tự nhiên thành. vô lậu hạnh, đoạn trừ nghi ngờ (Nhiếp luật nghi là giữ gìn, sai lầm; khi thấy đạo rõ ràng thì nuôi dưỡng tất cả giới pháp. nội tâm thanh tịnh, đạo quả tự Chánh ngữ, chánh nghiệp, nhiên thành. chánh mạng là ba nghiệp của (Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, thân, miệng, ý. tiếng Hoa là dự lưu. Nếu ba nghiệp không sai trái Nghi hoặc tức là kiến hoặc, thì giới thể thanh tịnh). nghĩa là ý căn đối với pháp trần Hai, Tâm tịnh hoa. khởi lên phân biệt). Tâm tịnh hoa tức là tinh tấn, Năm, Phân biệt tịnh hoa. chánh niệm, chánh định. Phân biệt tịnh hoa là nhị quả Vì hành Nhị thừa tu tập thiền Tư đà hàm, tam quả A na hàm, định, phải siêng năng, chánh tu hạnh vô lậu, đoạn trừ tư niệm. Nếu nội tâm thanh tịnh, hoặc. Đối với lý chân không, giỏi thì đạo quả tự nhiên thành. phân biệt, thì nội huệ thanh tịnh, Ba, Kiến tịnh hoa. đạo quả tự nhiên thành.

(Tiếng Phạn là Tư đà hàm, Tài là bảy thứ pháp tài ra khỏi thế gian. tiếng Hoa là Nhất lai. Tất cả chúng sanh thực hành Tiếng Phạn là A na hàm, bảy pháp này, nhờ đó mà thành đạo quả; nên gọi là tài. tiếng Hoa bất lai. Một, Tín tài. Tư hoặc là năm căn mắt, tai, Tín tức là lòng tin. Vì lòng tin quyết định thọ trì mũi, lưỡi, thân đối với sắc, thinh, chánh pháp và giúp đỡ thành Phật; hương, vị, xúc năm trần khởi lên nên gọi là tín tài (lòng tin là tiền của, tài sản). các tham ái). Hai, Tiến tài. Sáu, Hạnh tịnh hoa. Tiến tức tinh tiến (siêng năng). Vì chưa thể thấy được lý của Hạnh tịnh hoa là quả thứ hai chân đế, nhưng một lòng siêng năng cầu đạo xuất ly (ba cõi). Đó là và quả thứ ba, tu vô lậu hạnh, điều cốt yếu để thành Phật; nên gọi đoạn trừ tư hoặc, thì tri kiến rõ là tiến tài. Ba, Giới tài. ràng, huệ, hạnh thanh tịnh, đạo Giới tức là giới luật. quả tự nhiên thành. Vì giới là căn bản của giải thoát, có thể ngăn ngừa những sai Bảy, Niết bàn tịnh hoa. trái của thân, miệng, ý; chặn đứng Tiếng Phạn là Niết bàn, những việc ác của thân, miệng, ý; đó là điều cốt yếu để thành Phật; tiếng Hoa là Diệt độ. nên gọi là giới tài. Niết bàn tịnh hoa là vô học Bốn, Tàm quý tài. Tàm là hổ thẹn với mình. Quý đạo. Vì quả thứ bốn A la hán đã là hổ thẹn với người. dứt hai hoặc kiến, tư không còn Vì đã biết tàm quý, thì không còn làm các việc ác; đó là cốt yếu pháp gì để học; tri kiến thanh để thành Phật; nên gọi là tàm quý tịnh, thì quả Niết bàn tự nhiên tài. Năm, Văn tài. thành. Văn đứng đầu trong tam huệ. Nghe rồi ắt suy nghĩ; suy nghĩ rồi THẤT TÀI ắt thực hành. (Thập tụng luật và vị tằng Nếu hay nghe giáo lý của Phật, thì sẽ mở ra sự hiểu biết và theo đó hữu nhân duyên kinh). mà thực hành; đó là điều cốt yếu để thành Phật, nên gọi là văn tài.

Sáu, Xả tài. thề nguyện dứt. Đây là quán sát Xả tức là bỏ ra bố thí cho người cảnh của Tập đế. khác. Ba là người chưa an ổn, khiến Nếu hay vận dụng tâm bình cho được an ổn; tức là pháp môn vô đẳng, không yêu không ghét. Từ lượng thề nguyện học. Đây là quán mạng sống đến tiền của, tùy theo sát cảnh của Đạo đế. yêu cầu mà cấp cho, không

chút Bốn là người chưa chứng được tiếc rẻ. Đó là điều cốt yếu để thành Niết bàn, khiến cho chứng được Phật; nên gọi là xả tài. Niết bàn; tức là Phật đạo vô thượng Bảy, Định huệ tài. thề nguyện thành. Đây là quán sát Định huệ tức là chỉ quán. cảnh Diệt đế. Định thì giữ tâm không để tán Hai, Tam kỳ tu lục độ. loạn, dừng các vọng niệm. Huệ thì Tam kỳ là ba a tăng kỳ kiếp. soi sáng các pháp, phá các tà kiến. Lục độ là bố thí, trì giới, tinh Đó là điều cốt yếu để thành Phật; tấn, thiền định, trí tuệ. nên gọi là định huệ tài. Độ là vượt. Vượt dòng sống chết, đến bờ Niết bàn. TẠNG GIÁO THẤT Vì Bồ tát đã phát tâm rồi, ắt GIAI phải tu hạnh Lục độ, mới hoàn tất (Thiên thai tứ giáo bổn nguyện. Đó là ba A tăng kỳ kiếp tu lục độ. nghi tập chú) (Tiếng Phạn là A tăng kỳ kiếp, Tạng giáo là ba tạng giáo kinh, tiếng Hoa là Vô số thời. một A tăng luật, luận của Tiểu thừa. kỳ kiếp là 1 và 47 số 0 tiếp theo). Giai là giai cấp trước sau. Ba, Tam bách kiếp chủng Thứ lớp tu hành của Bồ tát theo tướng hảo. Tạng giáo: Bách kiếp chủng tướng hảo là Một, Tứ hoằng thệ nguyện. một tăng một giảm là một tiểu kiếp. Hoằng là lớn. Thệ là sự bó buộc Trải qua 20 lần tăng giảm là một của tâm mình. Nguyện là mong cầu trung kiếp. 80 lần tăng giảm là một đầy đủ. đại kiếp. Vì Bồ tát từ mới phát tâm, quán Vì Bố tát, ở trong 100 kiếp, vun sát bốn cảnh Tứ đế, phát bốn thệ trồng các tướng tốt. Cứ 100 phước nguyện lớn: đức thành một tướng tốt. Như thế Một là người chưa vượt thoát cho đến 32 tướng tốt đầy đủ và đau khổ, khiến cho họ được độ; tức thân thể hoàn toàn thanh tịnh. là chúng sanh vô biên thệ nguyện (Tuổi thọ của con người từ độ. Đây quán cảnh Khổ đế. mười tuổi tăng đến tám vạn bốn Hai là người nào chưa giải ngàn tuổi, gọi là tăng kiếp). thoát, khiến cho họ được giải thoát Một tăng một giảm như thế gọi phiền não; tức là phiền não vô số là một tiểu kiếp.

20 tiểu kiếp là một trung kiếp. Tiếng Phạn là Đâu suất, tiếng 80 tiểu kiếp là đại kiếp). Hoa là Tri túc. Giáng sanh là Bồ tát Bốn, Lục độ tướng mãn. sắp đến nơi thay thế Phật, xuất thế Lục độ tướng mãn là vì Bồ tát độ sanh, thì từ trời Đâu suất giáng tu hành tướng của lục độ đầy đủ. sanh xuống thế gian. Đó gọi là Đâu Như vua Thi tỳ lóc thịt từ thân suất giáng sanh. mình cho chim ưng ăn, đó là bố thí Sáu, Giáng thần xuất gia. vượt qua tất cả. Vua Phổ minh bỏ Vì Bồ tát đã giáng thần và sanh nước để giữ đúng lời hứa, đó là giữ ra từ bào thai, chán cái khổ sanh, giới vượt qua tất cả. Tiên nhân Sạn lão, bệnh, tử, muốn xa lìa, nên cần đề bị vua Ca lợi cắt đứt thân thể, xuất gia. nhờ lòng từ bi nhận chịu mà tâm Bảy, Bồ đề thọ hạ thành đạo. không khộng. Máu biến thành sửa, Vì Bồ tát tự biết giờ thành đạo đó là nhẫn nhục vượt qua tất cả, đã đến, ở dưới cây Bồ đề phá các Thái tử Đại thí tát cạn nước biển để chúng ma. Ma vương thua, quỷ tìm ngọc; tức là tinh tấn vượt qua binh chạy tán loạn, không dám trở tất cả. Xà Lê Thượng để chim sẻ lại. Bồ tát ngồi yên bất động, và làm tổ trên đầu; tức là thiền định thành Phật. Đó là thành Phật dưới vượt qua tất cả. Đại thần Cù tần cội Bồ đề. chia Diêm phù đề ra làm bảy phần thành, ấp, núi, sông bằng nhau, để BỒ TÁT THẤT TƯỚNG không tranh cãi nữa; tức là trí tuệ LÂN MẪN vượt qua tất cả. (Du già sư địa (Tiếng Phạn là Thi tỳ, tiếng Hoa là Dữ: cho. luận) Tiếng Phạn là Sạn đề, tiếng Một, Vô úy lân mẫn. Hoa là nhẫn nhục. Vì Bồ tát, đối với chúng sanh, Tiếng Phạn là Ca lợi, tiếng Hoa dùng sức vô úy, khởi tâm thương là Ác thế vô đạo. xót; tùy theo nghiệp thân, miệng, ý Xà Lê Thượng là tên của tiên của chúng sanh, mà đem lại lợi ích, nhân Loa kế. Vị này tu chứng được

an vui. Đó gọi là vì thương xót mà bốn thiền định. Nhập hay xuất thiền không biết sợ. trong vòng hơi thở, nên chim sẻ Hai, Như lý lân mẫn. tưởng đó là cây, làm tổ, đẻ trứng Lý tức là pháp. trên đầu. Khi xuất định, muốn đi, Vì Bồ tát, đối với chúng sanh, sợ chim mẹ không tới được, liền như pháp thương xót, đem lại lợi vào định lại, chờ chim nở bay đi, ích cho tất cả. Bồ tát, trọn không mới ra định. dùng phi pháp, phi luật và chẳng Tiếng Phạn là Diêm phù đề, phải hạnh lành của bậc hiền, dạy tiếng Hoa là Thắng kim châu). bảo chúng sanh sai trái với đạo lý. Năm, Đâu suất giáng sanh. Đó gọi là như lý lân mẫn.

Ba, vô nguyện lân mẫn. (Bồ tát địa trì kinh). Vì Bồ tát, đối với chúng sanh, thương xót, chăm sóc. Tùy theo Một, Pháp đại. nhu cầu của chúng, Bồ tát làm công Pháp tức là giáo pháp Phật đã việc lợi ích cho tất cả, chưa từng nói. chán nản, mỏi mệt. Đó gọi là Vì Bồ tát hay thọ trì các pháp thương xót không biết mỏi mệt. rất cao siêu rộng lớn trong 12 bộ Bốn, vô cầu lân mẫn. kinh; nên gọi là pháp đại. Vì Bồ tát, đối với chúng sanh, Hai, Tâm đại. không đợi thỉnh cầu, tự khởi lên Tâm tức là tâm rộng lớn của lòng thương xót, làm lợi ích cho chư Phật. chúng. Đó gọi là thương xót giúp Vì Bồ tát hay phát tâm vô đỡ không đợi thỉnh cầu. thượng chánh đẳng chánh giác; nên Năm, vô nhiễm lân mẫn. gọi là tâm đại. Vì Bồ tát, đối với chúng sanh, Ba, Giải đại. không tâm ái nhiễm mà khởi lòng Giải là hiểu rõ. thương xót, đem đến lợi ích cho Vì Bồ tát, do hiểu rõ 12 bộ chúng, mà không mong đợi được kinh, thấu suốt nghĩa lý các pháp báo ân, cũng không hy vọng vào nên không có nghi ngờ. Đó là giải kết quả ở tương lai. Đó gọi là đại. thương xót mà không chút nào tự Bốn, Tịnh tâm đại. lợi. Vì Bồ tát đã hiểu rõ 12 bộ kinh, Sáu, quảng đại lân mẫn. nương theo đó mà tu hành, thì có Vì Bồ tát, đối với chúng sanh, thể xa lìa sai lầm, ô nhiễm; vượt khởi lên tâm thương xót rất là to qua tất cả trí giải và tu hành, tâm lớn. Tuy gặp nhiều việc không được thanh tịnh. Đó gọi là tịnh tâm thuận lợi, thà để mình chịu khổ, đại. cuối cùng Bồ tát không bỏ cuộc, Năm, Chúng cụ đại. cốt sao chúng sanh được an vui. Đó Ví phước đức, trí tuệ mà Bồ tát gọi lòng thương xót rộng lớn. tu tập được, đều đầy đủ để thành Bảy, bình đẳng lân mẫn. Phật, cuối cùng chứng được vô Vì Bồ tát, bằng tướng trạng thượng Bồ đề. Đó gọi là chúng cụ công đức thương xót chúng sanh đại. như trên, phổ cập lợi ích cho tất cả Sáu, Thời đại. lợi ích một cách bình đẳng, không Thời tức là thời số. phân biệt hay giới hạn. Đó gọi là Vì Bồ tát trải qua ba A tăng kỳ lòng thương xót bình đẳng. kiếp tu hành Lục độ, cuối cùng chứng được vô thượng Bồ đề. Đó BỒ TÁT HỮU THẤT CHỦNG là gọi là thời đại. ĐẠI (Tiếng Phạn là A tăng kỳ kiếp, tiếng Hoa là vô số thời.

A tăng kỳ kiếp đầu từ cổ Phật phước đức vốn đầy đủ; Từ xưa đến Thích ca đến Phật Thi khí. nay, bị khách trần phiền não che A tăng kỳ kiếp thứ hai từ Phật đậy, không thể hiển lộ, nên bằng Thi khí đến Phật Nhiên đăng. mọi cách nói cho biết, khiến cho A tăng kỳ kiếp thứ ba từ Phật chúng sanh trừ bỏ, phát huy bổn Nhiên đăng đến Phật Tỳ bà thi). tánh. Đó là nói cho nhau nghe Bảy, Đắc đại. những điều bí mật. Vì Bồ tát, do sáu thứ công thức (Khách trần là vô minh, bỗng từ làm nhân ở trên, chứng được quả ngoài đến nên gọi là khách và hay vô thượng bồ đê. Đó là đắc đại. nhiễm ô chân tánh nên gọi là trần). Bốn, Đệ tương phú tàng. THIỆN HỮU THẤT SỰ Vì Bồ tát thấy căn lành của (Lăng nghiêm kinh chúng sanh chưa chín, chưa thể tin sâu đạo chân thật, nên

chưa chỉ bày sớ) lý chân thật, mà chỉ bày pháp Các vị Bồ tát thường vì lợi ích phương tiện. Đến khi căn lành đã của chúng sanh, thị hiện ra đời làm chín, đủ sức nhận sự dạy dỗ về thật bạn lành để khuyên bảo, hướng lý, thì lúc ấy mới dùng lý chân thật dẫn, chỉ dạy cho họ. giáo hóa cho chúng sanh ấy. Đó là Một, Tao khổ bất xả. đệ tương phú tàng (quyền, thật theo Vì Bồ tát vận dụng tâm đại bị, thứ lớp hay giáo hóa theo thứ lớp). thương xót chúng sanh trong sáu Năm, Nan tác năng tác. đường chịu khổ não, nên hiện hình Bồ tát chỉ vì muốn luôn hướng tùy loại và bằng nhiều cách chỉ bày, dẫn chúng sanh, nên những gì làm cho chúng xa lìa khổ đau. Tuy chúng sanh làm không được, thì Bồ Bồ tát chịu khổ thế cho chúng sanh, tát đều làm được. Vì vậy, tuy mặc nhưng không bao giờ bỏ chúng áo dơ cũ mà không cho là nghèo, sanh. Đó là tao khổ bất xả. tay cầm vật dụng bẩn thỉu mà Hai, Bần tiện bất khinh. không cho là hèn. Đó là việc khó Vì Bồ tát vận dụng tâm bình làm mà có thể làm. đẳng, nhìn thấy tất cả chúng sanh, Sáu, Nan dữ năng dữ. tuy thiếu thốn công đức, pháp tài để Vì Bồ tát tự mình ngộ được lý tự trang nghiêm cho mình, nhưng chân thật, dùng phương tiện dạy biết rằng pháp thân vốn có của bảo cho tất cả chúng sanh cũng chúng đầy đủ công đức; do đó tâm được tánh chân thật vốn có. Giống thường thương nhớ, không sanh như mở búi tóc ra, tìm được hạt khinh mạng. Đó là nghèo nàn mà minh châu, rồi đem tặng cho người, không khinh. tâm không tiếc rẻ; đó là khó cho mà Ba, Mật sự tương cáo. cho được. Vì Bồ tát thấy bổn tánh của tất Bảy, Nan nhẫn năng nhẫn. cả chúng sanh tròn đầy sáng suốt,

Vì Bồ tát thấy chúng sanh làm vào tu đạo; tánh chậm chạp, nhờ những việc ngược lại với lời dạy vào tín lực mà hiểu được đúng đắn của Phật. Như làm các nghiệp ác giáo lý Phật đà; nên gọi là tín giải. nên sanh vào trong đường ác, thì (Tu đạo là quả thứ hai Tư đà Bồ tát sanh tâm thương xót, tìm hàm, quả thứ ba A na hàm). cách cứu độ, giải thoát cho; tuy trải Bốn, Kiến đắc. qua nhiều kiếp, cũng không thoái Trước đã nói, người tu hành lui. Đó là những việc khó nhẫn theo chánh pháp, bắt đầu vào tu nhịn cũng có thể nhẫn nhịn được. đạo, vì căn tánh nhanh nhẹn, hiểu rõ các pháp, chứng được lý thể; nên TIỂU THỪA THẤT gọi là kiến đạo. CHỦNG TÁNH Năm, Thân chứng. (Thiên thai tứ giáo Vì tâm thọ, tưởng hết, thì ngay thân này chứng được định vắng nghi tập chú). lặng của Niết bàn; nên gọi là thân Thất chủng tánh cũng gọi là chứng. thất sĩ phu thú, hay là thất trượng Sáu, Thời giải thoát. phu. Vì người có căn tánh chậm Thánh là chánh. Bỏ tánh phàm chạp mà đã tin tưởng và tu hành phu đi vào tánh chân chánh, thì gọi theo chánh pháp, như đã nói ở trên; là thánh. phải chờ thời gian và đủ duyên mới Tông Hiền thủ lập ra thất sĩ phu có thể vào đạo; nên gọi là có thời thú, cũng gọi là thất trượng phu. gian tu tập đủ mới giải thoát. Tên khác mà nghĩa đồng. (Đủ duyên có sáu: y phục, thức Một, Tùy tín hành. ăn, giường nằm, nơi chốn, người Hành tức là tiến tới, tiến nhanh. nói pháp và người cùng học). Vì người có căn tánh chậm Bảy, Bất thời giải thoát. chạp, phải nhờ người khác giảng Trên đã nói, người có căn tánh giải kỷ lưỡng, mới tin và làm theo, lanh lẹ, đã tu tập theo Phật pháp. hầu tiến nhanh trên đường đạo; nên Người này luôn luôn tu theo nghiệp gọi là nương theo niềm tin mà tu lành, không chờ thời gian và đủ hành. duyên mới vào đạo; nên gọi giải Hai, Tùy pháp hành. thoát không chờ thời gian. Vì người có căn tánh nhanh nhẹn, bằng sự hiểu biết của mình, THẤT LƯU nương theo pháp Phật mà tu hành, (Hoa nghiêm khổng mục). tiến nhanh

trên đường đạo; nên gọi là nương theo pháp mà tu hành. Lưu tức là kiến hoặc và tư Ba, Tín giải. hoặc. Người đã tin và tu tập theo Phật pháp, như đã nói ở trên, bắt đầu

Hai hoặc này hay làm cho không) và hai hoặc kiến, tư đều hết chúng sanh trôi nổi trong biển sống sạch, không trở lại trôi lăn trong ba chết. cõi; nên gọi là số sự sở diệt lưu. Vì hàng tứ quả, nhờ tu pháp Tứ Năm, Xả sở diệt lưu. đế, có thể dứt trừ hai hoặc kiến, tư Vì quả thứ bốn A la hán đã mà không trôi nổi trong ba cõi; nên chứng được tính không năm uẩn và hai hoặc mới có bảy nghĩa. các pháp; cái không của pháp đã (Ý căn đối với pháp trần khởi không, cái năng không của tâm lên các phân biệt gọi là kiến hoặc. cũng bỏ. Năng, sở cả hai đều Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân năm buông; thương, ghét không còn, chỉ căn đối với năm trần sắc, thinh, có một vị bình đẳng, chứng được hương, vị, xúc khởi lên các tham ái bậc vô học; không trôi lăn trong ba gọi là tư hoặc). cõi nữa; nên gọi là xả sở diệt lưu. Một, Kiến đế sở diệt lưu. (Vô học là vì A la hán không Bậc sơ quả thấy được lý chân còn kiến, tư hoặc nên không có đế, dứt được kiến hoặc ở dục giới. pháp nào nữa đáng học). Nhờ diệt hoặc này, không trôi Sáu, hộ sở diệt lưu. lăn trong cõi dục; nên gọi là kiến đế Vì bậc A la hán kiến, tư hoặc sở diệt lưu. đã hết, chứng được vô học. Đối với (Sơ quả tức là quả Tu đà hoàn). thành quả đã chứng đắc, e ngại còn Hai, Tu đạo sở diệt lưu. chỗ thoái thất nên khéo giữ gìn để Các bậc ở quả thứ hai và thứ cho tập khí của kiến, tư không còn ba, nhờ tu quán Tứ đế, dứt trừ được trở lại lần nữa, không còn lưu tư hoặc ở dục giới. chuyển trong tam giới; nên gọi là Nhờ diệt hoặc này, không bị hộ sở diệt lưu. trôi lăn trong cõi dục; nên gọi là tu (Kiến, tư tập khí là phần tập khí đạo sở diệt lưu. còn sót lại của kiến hoặc và tư (Quả thứ hai là quả Tư đà hàm. hoặc). Quả thứ ba là quả A na hàm). Bảy, Chế phục sở diệt lưu. Ba, Viễn ly sở diệt lưu. Vì bậc A la hán, ràng buộc của Các bậc ở quả thứ bốn, nhờ tu kiến, tư hoặc đã dứt xong, nhưng quán Tứ đế mà dứt hết kiến hoặc và quả là sắc thân này vẫn còn, nên tư hoặc, xa lìa ba cõi, không bị trôi phải chế phục tập khí của kiến, tư lăn trở lại trong biển sống chết; nên vĩnh viễn không cho tái phát. Nhờ gọi là viễn ly sở diệt lưu. vậy, trôi lăn trong ba cõi tức thì Bốn, Số sự sở diệt lưu. dừng lại; nên gọi là chế phục sở Số sự là năm uẩn; 12 nhập; 18 diệt lưu. giới. Vì bậc A la hán quán các pháp năm uẩn, 12 nhập, 18 giới tất cả đều không tịch (vắng lặng như hư

HOA NGHIÊM TÔNG Vân hoa là tên chùa. Sư ở chùa THẤT TỔ ấy, nên có tên như vậy. Họ là Triệu, húy là Trí nghiễm, chính tổ (Phật tổ thống ký). thứ ba truyền thọ
cho pháp yếu. Một, Mã minh tôn giả. Ngài lại nhận Hiền thủ dạy dỗ Mã Minh là tổ 11 ở Ấn độ, làm bậc đại hạnh. Đó là tổ thứ bốn. người nước Đông thiên trúc, khi Năm, Hiền thủ pháp sư. nói pháp cảm động bầy ngựa kêu Hiền thủ là thụy hiệu, húy là vang bi thảm, nên gọi là Mã Minh. Pháp tạng. Ngài vốn là người Ngài dựa vào kinh Bách bổn Khang cư. Đời Đương, hoàng hậu Đại thừa làm ra Luận khởi tín. Đó Võ tắc thiên triệu Ngài vào chùa là sơ tổ. Thái Nguyên thuyết giảng cảm ứng Hai, Long thọ tôn giả. đến nỗi, luồng ánh sáng trắng từ Long thọ là tổ mộtba ở Ấn độ, miệng Ngài vọt ra, trong chốc lát dòng dõi Phạm chí nước Nam thiên tạo thành cái lọng. Mọi người thấy trúc. Sanh Ngài ở dưới gốc cây, vậy đều vui mừng. nhờ vào long cung mà chứng được Ngài được triệu đến điện đạo, nên có hiệu là Long Thọ, Trường An, chỉ con sư tử bằng giảng rõ ý nghĩa của Khởi tín luận. vàng đứng ở góc điện làm ví dụ để Đó là tổ thứ hai. giảng

về thể, dụng của pháp giới. (Tiếng Phạn là Phạm chí, tiếng Hoàng hậu Tắc thiên lãnh hội được Hoa là Tịnh duệ). ý chỉ kinh Hoa nghiêm, bèn viết bài Ba, Pháp sư Đế tâm. thuyết pháp ấy thành chương Kim Đế tâm là hiệu, họ là Đỗ, húy là sư tử. Đó là tổ thứ năm. Pháp thuận. Người điếc, câm gặp Sáu, Thanh lương pháp sư. Ngài thì nói, nghe được. Thanh lương là hiệu, họ là Hạ Đường Thái tông triệu Ngài vào hầu thị, húy là Trừng quán, người ở cung, hỏi: Trẩm khổ tâm, mệt mỏi Cối kê, làm ra Hoa nghiêm đại sớ. quá, thầy có thần lực gì trừ cho ta Đời Đường, vào ngày lễ sinh không ? nhật của vua Đức tông, triệu Ngài Ngài đáp: Đức của vua cai trị vào nội điện, làm cho tâm vua thiên hạ lớn biết chừng nào, bệnh trong sáng bằng pháp mầu nhiệm; xoàng có gì để lo. Chỉ cần bệ hạ do đó Ngài được ban hiệu Thanh ban lệnh đại xá cho tội nhân, thì lương. long thể tự nhiên an ổn. Vua Hiến tông hỏi Ngài về tông Vua làm theo lời nói của Ngài, chỉ Hoa nghiêm, khoát nhiên có bệnh liền hết. Vua ban cho hiệu là chỗ sở đắc, nên vua ban thêm hiệu Đế tâm. Ngài làm ra quán môn là Đại thống Thanh lương quốc sư. pháp giới, chuyên hoằng dương năm khai thành thứ ba, đời vua Văn Hoa nghiêm. Đó là tổ thứ ba. tông, Ngài thị tịch; trải qua chín Bốn, Vân hoa pháp sư.

triều đại, làm thầy cho bảy ông vua. Vì người ở trong cõi Dục, nếu Đó là tổ thứ sáu. vừa thọ thai, thì thức này thác sanh Bảy, Pháp sư Khuê phong. vào trong thai mẹ, rồi nương hơi Khuê Phong là tên khác của núi thở ra vào của của mẹ, đến sau khi Chung nam. Sư ở tại núi này, nên sinh ra thì nương thân thể mà ở. có tên ấy. Sư họ Hà, húy là Tông Nếu người tu theo năm giới và mật, người Quảng châu. Tổ thứ sáu mười giới, thì cảm thọ quả báo thường bảo Ngài rằng Tỳ lô hoa sanh lên Lục dục thiên. Thức này tạng hay cùng ta đi đây đó, còn ông nương nơi thân hóa sanh mà ở. Đó thì sao ? Vì thế, Khuê phong làm là thức trụ của người, trời ở cõi các sớ Viên giác, Hoa nghiêm. Vua dục. Văn tông, đời Đường xuống chiếu Hai, Sơ thiền thiên thức trụ. hỏi Ngài về đại ý Phật pháp và ban Khi tu tập thiền định ở Dục cho hiệu là Đại đức. Đó là tổ thứ giới, bỗng nhận ra thân tâm ngưng bảy. đọng lại, chuyển động xoay vòng (Tiếng Phạn là Tỳ lô, nói đủ là như mây như bóng, cảm thọ quả Tỳ lô giá na, tiếng Hoa là Biến nhất báo mà sanh lên trời sơ thiền ở cõi thiết xứ. sắc. Hoa tạng tức là hoa tạng thế Thức này nương nơi thân hóa giới). sanh mà ở. Đó gọi là thức trụ ở trời sơ thiền. THẤT THỨC TRỤ Ba, Nhị thiền thiên thức trụ. (A tỳ đàm luận). Vì chán giác quán của sơ thiền lúc đọng lúc tan,
nhờ nhiếp tâm đại Thức tức là tâm thức. Trụ là vì định một cách yên tĩnh trong veo, thức này tùy theo kết quả của nó nên giác quán liền diệt, rồi phát mà an trụ. khởi niềm vui của thắng định, cảm Trong luận không đề cập đến nhận quả báo sanh lên trời nhị thiền tâm thức trời tứ thiền, trời Phi ở cõi sắc. tưởng phi phi tưởng. Thức này nương nơi thân hóa Kệ nói: chỗ lành ở cõi dục, sanh mà ở. Đó là thức trụ của trời Và ba địa ở sắc giới, nhị thiền. Vô sắc giới cũng vậy, (Giác quán: giác gọi là tâm mới Đó là nói về chỗ ở của thức. duyên; quán là tâm vi tế phân biệt). (Sắc giới tam địa là sơ thiền, Bốn, Tam thiền thiên thức trụ. nhị thiền, tam thiền. Vô sắc giới Vì chán tâm vui mừng lao chao cũng có ba địa là không xứ, thức của nhị thiền làm cho định không xứ, vô sở hữu xứ). kiên cố, nhờ nhiếp tâm quán sát kỹ Một, Dục giới nhân thiên thức lưỡng, hỷ tâm liền mất, hoàn toàn trụ. vào trong định; niềm vui nhè nhẹ từ

trong phát ra, cảm nhận quả báo THẤT CHÚNG sanh lên trời tam thiền ở cõi Sắc. (Nhân vương hộ pháp Thức này nương vào thân hóa sanh mà ở. Đó là thức trụ của trời kinh và Phiên dịch danh nghĩa). tam thiền. Bảy chúng là xuất gia có năm: Năm, Không xứ thiên thức trụ. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni Đã chứng được định tam thiền và thức xoa ma na; tại gia có hai: thiên, còn chán cái sắc thân trói ưu bà tắc, ưu bà di. buộc, lại càng cố công thêm, quán Một, Tỳ kheo. sát sắc thân, giống như mạng lưới, Tiếng Phạn là Tỳ kheo, tiếng trong ngoài thông suốt. một tâm Hoa là khất sĩ; nghĩa là trên xin niệm cũng không, không có các sắc giáo pháp của Phật để nuôi huệ tướng; cảm nhận quả báo mà sanh mạng, dưới xin thức ăn của đàn na lên không xứ thiên ở cõi Vô sắc. để nuôi thân mạng; cũng gọi là bậc Thức này thì nương vào không sô. xứ mà ở. Đó là thức trụ của trời Bậc sô là tên một loài cỏ thơm không xứ. trên Tuyết sơn. Cỏ có năm nghĩa để Sáu, Thức xứ thiên thức trụ. ví dụ năm đức của Tỳ kheo (năm Vì đã chứng được định không nghĩa là năm đức). xứ thiên. Thức duyên không xứ, 1) Thân mềm mại, dụ cho việc định tâm còn tán loạn, thì bỏ hư Tỳ kheo khuất phục được không, chuyển tâm sang duyên hành động, ngôn ngữ thô ác thức. Định tâm không còn động, của mình. cảm nhận quả báo sanh lên Thức 2) Bò lan khắp mặt đất, dụ cho xứ thiên ở cõi Vô sắc. Thức này việc Tỳ kheo độ người nương thức xứ mà ở. Đó là thức trụ không ngừng nghỉ. của trời Thức xứ 3) Hương thơm bay xa, dụ cho Bảy, Vô sở hữu xứ thiên thức việc giới hạnh của Tỳ kheo trụ. thơm tho. Vì đã chứng được định thức xứ 4) Chữa hết bệnh khổ, dụ cho thiên. Tâm này duyên thức, vô việc Tỳ kheo dứt trừ phiền lượng vô biên, hay làm hư hoại não. định. Chỉ có cõi vô thức tâm không 5) Luôn hướng về ánh sáng có nơi nương tựa, mới là an ổn. mặt trời, dụ cho việc Tỳ Cảm nhận quả báo sanh lên trời vô kheo thường hướng về đức sở hữu xứ, ở vô sắc; thức này Phật. nương vào vô sở hữu xứ mà ở. Đó Hai, Tỳ kheo ni, cũng gọi là là thức trụ của trời vô sở hữu xứ. Bậc sô ni. Tiếng Phạn là ni, tiếng Hoa là nữ.

Đại trí độ luận nói: Ni giữ vô Cận sự nam. Nghĩa là tự mình tu lượng luật nghi, vì thế phải ở sau hành thanh tịnh, gần gũi gánh vác Tỳ kheo. Nói cách khác, Phật chế công việc Phật pháp. định luật nghi đủ cho ni không tiện, Bảy, Ưu bà di. vì vậy để ni ở sau Tỳ kheo. Tiếng Phạn là ưu bà di, tiếng Ba, Sa di. hoa là thanh tịnh nữ; tiếng Phạn Tiếng Phạn là Sa di, còn gọi là còn gọi là Ổ bà tư ca, tiếng Hoa là Thất ma lý lạc ca, tiếng Hoa là tức cận sự nữ. Nghĩa là tự mình tu hành từ. Nghĩa là dứt trừ tình nhiễm ô thanh tịnh, gần gũi gánh vác công của thế gian, từ bi cứu giúp chúng việc Phật pháp. sanh. Khi mới vào Phật pháp, phần lớn còn lại tình cảm của thế tục, THẤT CHỦNG NHÂN nên phải bỏ ác làm lành. Đó gọi là (Niết bàn kinh). Sa di. Bốn, Sa di ni. Bồ tát Sư tử hống thưa Phật Tiếng Phạn là Sa di ni, còn gọi rằng: nếu tất cả chúng sanh đã có là Thất lợi ma lý ca, tiếng Hoa là Phật tánh, thì sao phải tu tập bát cần sách nữ. Nghĩa là siêng năng chánh đạo ? tinh tấn về công hạnh đối với Phật Phật trả lời: tánh tuy đầy đủ, pháp. còn cần phải tu tập thánh đạo, Phật Năm, Thức xoa ma na. tánh mới hiển lộ. Ví như dọc sông Tiếng Phạn là Thức xoa ma na, Hằng có bảy loại người: có người tiếng Hoa là Học pháp nữ. xem sông Hằng là chỗ tắm rửa; có Hành sự sao nói: Thức xoa ni người sợ giặc cướp ở bên sông học đủ ba pháp: 1) học căn bản; 2) Hằng; có người hái bảy loài tịnh học sáu pháp; 3) học hành pháp. Đó hoa ở hai bên sông; giống như ở gọi là học pháp

nữ. trong sanh tử mà cầu mong Niết (Căn bản là không sát, không bàn. trộm, không dâm, không vọng ngữ. Sông là dụ cho con sông sống Sáu pháp là không có tâm đắm chết to lớn. nhiễm khi tiếp xúc, không trộm của Tắm là dụ người xuất gia giữ người dù chỉ bốn tiền, không giết giới thanh tịnh. Giặp cướp dụ cho súc sanh, không tiểu vọng ngữ, phiền não. không ăn phi thời, không uống Hái hoa là dụ cho bảy loại hoa rượu. thanh tịnh để làm nhân, cầu quả Hành pháp là giới hạnh của đại Niết bàn. ni). (Sông Hằng, tiếng Phạn còn gọi Sáu, Ưu bà tắc. là Căng già, tiếng Hoa là thiên Tiếng Phạn là Ưu bà tắc, tiếng đường lai. Nghĩa là con sông này Hoa là Thanh tịnh sĩ, tiếng Phạn chảy từ trên cao xuống. còn gọi là Ổ bà tác ca, tiếng Hoa là

Bảy loài tịnh hoa là giới tịnh Thứ ba, Nhân một dĩ tức xuất, hoa, tâm tịnh hoa, kiến tịnh hoa, xuất cánh bất một. đoạn nghi tịnh hoa, phân biệt tịnh Đây là hạng người, ví dụ người hoa, hạnh tịnh hoa, Niết bàn tịnh đã vào nhà Phật pháp mà chưa tu hoa. Lấy bảy loài tịnh hoa làm nhân chứng, phát tâm muốn vượt qua mà tu hành để cầu quả Niết bàn). sông sanh tử, vì trước kia, đã dứt Thứ nhất, Nhân nhập thủy tắc bỏ căn lành nên chìm vào trong đó; một. nay được gần gũi bạn lành, sanh tín Đây là một loại người gầy còm, tâm Phật pháp, nên tuy chìm, mà có không có sức khỏe; không tập nổi ngày ra khỏi dòng sông ấy. trên mặt nước. Hạng người này còn hay giữ Lấy loại người này để ví dụ cho gìn tịnh giới, đọc tụng, sao chép nhất xiển đề. Người nhất xiển đề kinh điển giải thoát, về sau chứng thân cận với bạn ác, nghe nhận tà được đạo quả, nên đã ra rồi không pháp; vì ác nghiệp chồng chất, lại chìm lại dòng sông ấy. không tin Phật pháp; ngụp chìm Thứ tư, Nhân nhập dĩ tiện một, trong sông sống chết, không thể ra một dĩ hoàn xuất, xuất dĩ tức trụ, khỏi; nên gọi là rơi xuống sông thì biến quán tứ phương. chìm. Đây là dụ cho hàng tứ quả. (Tiếng Phạn là Nhất xiển đề, Trước dứt bỏ căn lành, nên chìm tiếng Hoa là tín bất cụ, vì quá khứ vào sanh tử; nay gần gũi bạn lành không có thiện nhân, nên ví dụ là mà được tín tâm, giữ gìn, ghi chép gầy còm, không có sức khỏe; hiện kinh điển giải thoát, tu tập trí huệ; tại không tin Phật pháp, nên không vì căn tánh lanh lợi, hàng tứ quả có thiện nhân, không có đức tin này, tâm không thoái chuyển, Phật pháp thì không thể ra khỏi chứng được bốn quả Thinh văn. biển lớn sống chết). (Dứt bỏ căn lành nên chìm vào Thứ hai, Nhân tuy một hoàn sanh tử: một. xuất, xuất dĩ hoàn một. Gần gũi bạn lành có được tín Đây là một loại người vừa tiến tâm: xuất. lại thoái, ví dụ như trời, người, vì Tâm không thối chuyển: trụ. dứt hết các căn lành nên chìm vào Chứng được bốn quả: biến quản dòng sông sanh tử; lại có thể gần tứ phương). gũi bạn lành, tín tâm này sanh, tuy Thứ năm, Nhân nhập dĩ tức chìm mà lại được ra khỏi dòng một, một dĩ hoàn xuất, xuất dĩ tức sông ấy. Rồi lại gặp bạn ác, hạng trụ, trụ dĩ quán phương, quán dĩ tức người này, nghe và làm theo tà khứ. pháp, lại chìm vào dòng sông này Đây là hàng Duyên giác. Ý trở lại; nên mới gọi là chìm rồi ra nghĩa một, xuất, trụ… giống như và ra rồi lại chìm vào sanh tử đại hà trường hợp thứ bốn, nên chỉ nói ý ấy. nghĩa của khứ thôi.

Khứ là vì căn tánh các vị này hạnh thanh tịnh; nên gọi trượng lanh lẹ, vượt qua bốn quả, tâm phu. mong tiến lên chứng được quả Hai, Diệu sắc. Duyên giác, không có thối chuyển. Diệu sắc là hình thể oai nghi, to Duyên giác chỉ tự độ, không thể độ đẹp, sắc tướng đoan trang, hay tu người, sợ sệt sanh tử, nên gọi là hạnh thanh tịnh; nên gọi là

trượng một đi không trở lại. phu. Thứ sáu, Nhân nhập dĩ tức Ba, Vô bệnh. khứ, thiển xứ tắc trú. Vô bệnh là phước đời trước sâu Đây là hàng Bồ tát, do căn tánh dày, không bệnh đau, ít buồn phiền, lanh lẹ, tín tâm kiên cố và dứt các hay tu hạnh thanh tịnh; nên gọi là phiền não. trượng phu. Nói vào rồi thì ra đi là vì Bồ tát Bốn, Phi bán trạch ca. độ sanh, tuy vào nơi sanh tử mà Tiếng Phạn là Bán trạch ca, không ở trong sanh tử. tiếng Hoa là Biến, nghĩa là có thể Thiển xứ tắc trụ (chỗ cạn thì ở) biến ra thân thể nam, nữ; tức là tuy vào trong sanh tử mà không không phải nam, chẳng phải nữ. bị nhận chìm bởi sống chết. Những phi bán trạch ca ấy hay tu Thứ bảy, Nhân ký chí bỉ ngạn, hạnh thanh tịnh; gọi là trượng phu. đăng thượng đại sơn, ly chư oán Năm, Trí huệ. tặc, thọ đại khoái lạc. Vì có thể mới tin và làm theo Đây là Phật, do căn tánh lanh chánh pháp, đem lại lợi ích rất lẹ, tín tâm vững chắc, không có nhiều cho thân, tâm, hay tu hạnh thối chuyển và càng tiến lên, vượt thanh tịnh; nên gọi là trượng phu. qua sanh tử, đến bờ bên kia, thẳng Sáu, Oai túc. lên núi lớn Niết bàn, xa lìa giặc Oai túc là hình dung đầy đủ oai phiền não, được an vui vô lượng. nghi, tề chỉnh, lời nói người ta tin theo, hay tu hạnh thanh tịnh; nên THẾ GIAN THẤT gọi là trượng phu. TRƯỢNG PHU Bảy, Đại tông diệp. (Hoa nghiêm kinh Đại tông diệp là gia thế giàu có, sang trọng, dòng dõi đông đúc, sớ) vinh hiển lâu dài, hay tu hạnh thanh Vì có thể giữ tâm xa lìa dục tịnh; nên gọi là trượng phu. vọng, thân không tội ác, tâm luôn nuôi dưỡng đạo đức, tu các hạnh THẤT PHÁP BẤT KHẢ thanh tịnh. Đầy đủ bảy pháp này, TỊ thì gọi là trượng phu ở đời. (Pháp uyển châu Một, Trường thọ. Trường thọ là mạng sống dài lâm). lâu, ở lâu trong cõi thế gian, hay tu Một, Sanh bất khả tỵ.

Người khi sanh ra đều do trung thực, không hiếu thảo, tạo nghiệp lành hay dữ đời trước. Nếu nhiều nghiệp ác, sống chịu pháp đời trước làm việc lành, thì đời này luật thế gian, chết đọa xuống đường sanh vào chỗ lành. Nếu đới trước ác, như bóng theo hình, muốn làm việc ác, thì đời này sanh vào mong thoát khỏi, không thể nào chỗ ác. được; nên gọi là tội đã làm không Nếu muốn tránh quả báo ác mà thể tránh. mong chỗ lành; hoặc muốn từ bỏ Sáu, Phước bất khả tỵ. chỗ lành mà theo quả báo ác, đều Vì người đời trước kính trọng không thể được. Đó gọi khi sanh Tam bảo, giữ giới, tu thiện, thường không thể tự chọn lựa. hay bố thí, trung hiếu vẹn toàn. Hai, Lão bất khả tỵ. Nhờ vậy, giàu sang, hưởng thọ tùy Khi trẻ tuổi, nhan sắc con người ý. xinh đẹp, tóc đen răng trắng, sức Phước báo như thế, tợ vang khỏe kiên cường. một ngày kia, con theo tiếng, không mất mảy may; người già cả, tóc trắng răng rụng, nên gọi là phước không thể tránh. sức khỏe hao mòn, bệnh tật khổ sở Bảy, Nhân duyên bất khả tỵ. rên rỉ, tinh thần quờ quạng, muốn Cái gì có khả năng sanh ra là không già rốt không thể được; nên nhân. gọi là già không thể tránh. Cái gì giúp đỡ đi đến kết quả là Ba, Bệnh bất khả tỵ. duyên. Khi người khỏe mạnh, đi lại Do nhân đời trước như thế, nên nhanh nhẹn nhẹ nhàng, ăn uống đời này gặp duyên như thế. chính thoải mái. Nếu thân tứ đại không an vì vậy mà cha mẹ, anh em, vợ ổn, hoặc quả báo do nghiệp duyên chồng, nhà cửa, sản nghiệp v.v…, cảm nhận, cuối cùng tật bệnh cũng hoặc vừa lòng, hoặc không vừa đến. Khi ngủ nghỉ thì nằm vùi trên lòng, đều do nghiệp nhân đời trước giường gối, không sao thức dậy, của mình thiện hay ác; cho nên đời bước ra khỏi được. Dẫu muốn an này chiêu cảm quả báo của duyên ổn, không đau bệnh, nào đâu có nghiệp nghèo, giàu, khổ,

vui khác được; gọi là bệnh không thể tránh. nhau. Vì vậy gọi là nhân duyên Bốn, Tử bất khả tỵ. không thể tránh. Người sống ở đời, quả báo trong một đời, hoặc yểu hoặc thọ, THẤT CHỦNG BẤT đều do nghiệp ở đời trước, không TỊNH sai chạy mảy may. Nghiệp hết quả (Thiên thai tứ giáo báo kết thúc, làm sao chạy trốn; nên gọi là chết không thể tránh. nghi tập chú). Năm, Tội bất khả tỵ. Người tu hành sợ rằng sẽ khởi Vì con người ngu si hiểu biết lên tâm tham đắm đối với thân sai lầm, không tin Tam bảo, không phận của mình và người, nên giả

lập khái niệm (tưởng) bất tịnh này, đại tiện, tiểu tiện đều dơ dáy, chảy để phá bỏ tâm vướng mắc ấy; vì tràn ra ngoài, sình to rệu rã, xương vậy mà có bảy loại: thịt vung vãi khắp nơi; nên gọi cuối Một, Chủng tử, có hai: cùng (của thân xác này) cũng bất 1) Nội chủng là cái thân của tịnh. con người, từ nghiệp nhân phiền não xa xưa mà sanh ra. 2) ngoại THẤT CHỦNG LỄ chủng là cái thân do di thể của cha PHẬT mẹ mà sanh ra; nên gọi là hạt giống (Pháp uyển châu không sạch. Hai, Thọ sanh bất tịnh. lâm). Vì sanh mạng của con người là Vì tam tạng Lặc na, người do tinh cha huyết mẹ giao hợp mà Thiên trúc, thấy phong tục ở xứ có thân này; nên gọi là thân mạng này, không biết cách lễ Phật, nên không sạch. dạy cho dân chúng bảy cách lễ Ba, Trụ xứ bất tịnh. Phật. Vì thân thể của người nữ là nơi Tuy thông thường gọi là lễ tập trung những thứ bất tịnh, ở Phật, nhưng khi thực hành đúng, trong thai mười tháng, giữa hai cơ sai, cạn, sâu không giống nhau. Bởi quan sống và chín; nên gọi là chỗ ở muốn cho người ta biết rằng có hai bất tịnh. cách lễ Phật sai là ngã mạn và cầu (Sanh thục nhi tạng là thức ăn, danh và năm cách lễ Phật đúng là uống mới vừa ăn vào thì còn sống; đem cả thân tâm mà lễ. thức ăn, uống ấy tiêu hóa là chín). Từ cạn đến sâu, việc tu hành Bốn, Thực hám bất tịnh. dần dần đem lại lợi ích; nên có bảy Vì ở trong thai, chỉ uổng (ăn) cách lễ Phật. máu của mẹ để nuôi thân mình; nên (Tiếng Phạn là Lặc na, gọi đủ là gọi là ăn (uống) không sạch. Lặc na ma đề, tiếng Hoa là Bảo ý, Năm, Sơ sanh bất tịnh. người trung Ấn độ). Khi đủ mười tháng, đầu của Một, Ngã mạn lễ. thai nhi hướng xuống âm hộ (cửa Người lễ Phật, thân tuy lễ bái, mình của mẹ), máu chảy dầm dìa, tâm không cung kính; bề ngoài tỏ tanh hôi khôn xiết; nên gọi mới ra cung kính, bên trong ôm lòng sanh bất tịnh. ngã mạn. Đó gọi là ngã mạn lễ. Sáu, Cử thể bất tịnh. Hai, Cầu danh lễ. Thân này được bao phủ bởi lớp Còn gọi là xướng họa lễ. Vì da mỏng, từ đầu đến chân, toàn là người lễ Phật, chỉ vì danh dự về thứ ô uế; nên gọi toàn thân bất tịnh. việc tu hành của mình, làm bộ tỏ ra Bảy, Cứu cánh bất tịnh. có oai nghi, thường thực hành lễ Nghiệp hết quả báo kết thúc, bái, nhưng thật ra không có tâm ân vứt ra bãi tha ma, như cây gỗ mục, cần đúng mức. Đó gọi là cầu danh

lễ, còn gọi là xướng họa lễ. Nghĩa Người lễ Phật, nhiếp tâm chánh là tuy miệng xưng tụng tên Phật, niệm, tuy đối trước thân Phật tức là nhưng tâm chạy theo và mong cầu tự lễ Phật thân của mình. Bởi tất cả ngoại cảnh; nên gọi là xướng họa chúng sanh, vốn có tánh giác, bình lễ. đẳng với Phật; vì chạy theo các Ba, Thân tâm lễ. duyên nhiễm ô, mê lầm bản tánh Người lễ Phật, miệng xướng tên của chính mình, nhận thức sai về Phật, tâm nhớ đến tướng tốt của nó. Phật, thân nghiệp siêng năng cung Vì vậy, từ xưa đến nay, chưa kính cúng dường, nhất tâm bất từng cúng dường Phật tánh của loạn. Đó gọi là thân tâm lễ. mình một cây đèn, một nén hương, Bốn, Phát trí thanh tịnh lễ. hay

dâng một lễ mọn. Nếu người Người lễ Phật tâm trí huệ sáng nào trở về soi sáng bản giác của suốt lanh lẹ, thấu hiểu cảnh giới mình thì giải thoát, chắc chắn, có Phật, thanh tịnh cả trong lẫn ngoài, ngày. thông suốt không trở ngại. Kinh Duy ma nói: Quán thật Khi lễ một Phật là lễ tất cả Phật tướng của thân mình, quán Phật và ngược lại. Vì pháp thân của chư cũng như vậy; đó gọi là chánh quán Phật vốn dung thông, nên lễ một tu thành lễ. lạy thông suốt cả pháp giới. Bảy, Thật tướng bình đẳng lễ. Lễ Phật như thế, lễ pháp, tăng Người lễ Phật, trước đã đề cập cũng như thế; đó là lễ phát sanh trí trong chánh quán vẫn còn có đối huệ thanh tịnh. tượng lễ và quán; tự, tha khác nhau. Năm, Biến nhập pháp giới lễ. Nay trong một lễ không mình Người lễ Phật, nghĩ rằng thân không người; phàm, thánh là một; tâm của mình và các pháp, từ xưa thể, dụng không hai. Nếu còn thấy đến nay, không xa lìa pháp giới; Phật đáng tôn kính thấy phàm đáng chư Phật không lìa tâm ta; tâm ta xem thường, hèn kém; khởi lên tâm không xa lìa chư Phật; tánh, tướng này, tức là tà chấp. bình đẳng; không hề tăng, giảm. Kinh Kim cang nói: Pháp ấy Nay ta lễ Phật tức là lễ khắp tất bình đẳng, không có cao hay thấp. cả Phật, tựa như trong một căn nhà Người lễ và đối tượng được lễ, cả có treo trăm ngàn tấm kiếng, một hai tánh ấy đều vắng lặng. Đó gọi người soi gương, trong tất cả kiếng là thật tướng bình đẳng lễ. đều có bóng. Không kiếng nào không soi, không ảnh nào không THẤT CHỦNG SÁM hiện. Chánh quán như thế thì công HỐI TÂM lao ấy qui về với pháp giới và đức (Từ bi thủy sám). dụng vô biên; đó gọi là biến nhập pháp giới lễ. Sáu,
Chánh quán tu thành lễ.

Sám là tiếng Phạn, gọi đủ là khổ chúng sanh. Đối với thân sám ma, tiếng Hoa là hối quá; gọi mạng, tiền của không hề tiếc nuối; chung là sám hối. phải bằng tâm này mà thực hành Sám là tu sửa những việc sắp sám hối. tới; hối là thay đổi những việc đã Năm, Oán thân bình đẳng. qua. Đối với tất cả chúng sanh Nếu người muốn sám hối, trước không thấy có thù oán, không thấy tiên phải khởi lên bảy thứ tâm. có thương yêu, mở tâm từ bi, không Một, Sanh đại tàm quý. thấy có ta, có người, cứu độ một Tàm tức là thẹn với mình, quý cách bình đẳng, phải bằng tâm này, là xấu hổ với người. vì tất cả mà sám hối. Ta tự nghĩ rằng Đức Thích Ca Sáu, Niệm báo Phật ân. với mình đều là phàm phu, đến giờ Trong vô lượng kiếp trước, thì đức Thế tôn đã thành đạo, trải Như lai vì tất cả chúng ta, tu tập qua vô số kiếp; mà chúng ta vẫn khổ hạnh, xả bỏ thân thể. Với ân còn trôi lăn trong sanh tử, chưa có đức này, thật khó đền đáp. ngày ra khỏi. Đây thật là đáng xấu Muốn báo đền ân đức của Như hổ, phải dùng tâm này mà thực lai phải, ở trong đời này, dũng hành sám hối. mãnh, tinh tấn, không tiếc thân Hai, Khủng bố tâm. mạng, rộng độ chúng sanh, cùng Chúng ta đã là phàm phu, ba vào chánh giác. Phải bằng tâm này nghiệp thân, miệng, ý thường gây mà thực hành sám hối. ra tội lỗi. Vì nhân duyên này, sau Bảy, Quán tội tánh không tâm. khi chết, rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, Tội của ta, tánh của nó vốn súc sanh chịu vô lượng khổ. Đây không có thật thể, chỉ sanh ra từ thật là đáng sợ vô cùng phải dùng những nhân duyên điên đảo. Phải tâm này mà thực hành sám hối. biết tánh của tội không trong không Ba, Yếm ly tâm. ngoài, cũng không ở giữa, từ trước Chúng ta phải xem xét trong đến giờ vốn không, thì tội dựa vào sanh tử hư dối, không thật, giống đâu để có. như bọt nước, lúc hiện lúc tan, trôi Nếu vận dụng tâm này quán sát, lăn qua lại, xoay vòng như bánh xe. tức là chân sám

hối. Thân này là nơi tu tập các khổ, tất cả đều dơ bẩn, thật đáng chán THẤT CHU HÀNH TỪ ghét, xa lìa; phải bằng tâm này thực (Thiên thai tứ giáo hành sám hối. Bốn, Phát Bồ đề tâm. tập chú). Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa Chu là bao trùm. là đạo. Phật vì chúng sanh nhiều sân Người muốn được thân của hận dạy cho chúng tu quán duyên Như lai, phải phát tâm Bồ đề cứu từ để trị bệnh sân ấy. Pháp quán

này không ra ngoài bảy trường hợp Trung phẩm oan là anh em trai, sau: Trước thân mà sau thù, từ dễ chị em gái từng hại ta. đi khó đến; nếu dùng tâm bình Bảy, Thượng phẩm oan. đẳng quán sát dựa vào bảy cảnh Thượng phẩm oan là cha mẹ, sư huống ấy, thì đâu có gì là thân với trưởng từng hại ta. thù. Mỗi cảnh huống đem cho ba NGOẠI ĐẠO THẤT niềm vui, để cho thân, thù không có CHỦNG VÔ THƯỜNG khoảng cách, nên ban đầu lập tạm (Nhập Lăng già quán này để phá chướng ngại từ sân hận, nhưng đối với chúng sanh, kinh). thật ra, chưa được niềm vui đó. Một, Tác dĩ nhi xả vô thường. (Nhiều sân hận là đối với cảnh Tác là tạo: làm nên, làm ra. trái ý sanh ra nhiều giận dữ. Xả là bỏ cái tướng trước khi Chúng sanh duyên từ là nghĩ làm ra. rằng tất cả chúng sanh như cha mẹ, Vì ngoại đạo cho rằng đất, thương mến và đem cho họ niềm nước, lửa, gió, hòa hợp mà tạo vui. thành; sau thấy tướng của tứ đại Từ dễ đến khó là đem niềm vui khác nhau, như đất thì cứng, nước đến người thân thì dễ, nhưng đem thì ướt, lửa thì ấm, gió thì động liền đến cho kẻ thù thì khó. chấp là vô thường; nên gọi là tác dĩ Tam lạc: ba niềm vui là niềm nhi xả vô thường. vui của Phật; niềm vui của Bồ tát; Hai, Hình xứ hoại vô thường. niềm vui của trời. Sắp theo thứ tự Hình xứ tức là hình trạng (bề là thượng lạc, trung lạc, hạ lạc). ngoài của vật thể). Một, Thượng phẩm thân. Vì ngoại đạo cho rằng tứ đại Thượng phẩm thân là cha, mẹ, tạo ra hình thể, gồm tạo và bị tạo. sư trưởng. Sắc thể cuối cùng không hư hoại, Hai, Trung phẩm thân. chỉ thấy tướng của hình trạng dài, Trung phẩm thân anh em trai, ngắn, thay đổi, hư hỏng rồi cho là chị em gái. vô thường; nên gọi là hình xứ hoại Ba, Hạ phẩm thân. vô thường. Hạ phẩm là bạn bè hiểu biết. Ba, Sắc vô thường. Bốn, Trung nhân. Vì ngoại đạo cho hình trạng, đề Trung nhân là người không thù cập ở trên, thay đổi, hư hoại cho là oán với ta, không gần gũi (thân vô thường, nay cho hình thể này thuộc) với ta. tức là vô thường; nên gọi là sắc vô Năm, Hạ phẩm oan. thường. Hạ phẩm oan là bằng hữu tri Bốn, Sắc chuyển biến trung thức từng hại ta. gian vô thường. Sáu, Trung phẩm oan.

Sắc chuyển biến là sanh, trụ, dị, chánh đáng cho là sai trái; nên có diệt. Sanh tức là sanh tướng. Trụ bảy thứ phân biệt. tức là thành tướng. Dị tức là biến Một, Tà kiến. tướng. Diệt tức là hoại tướng. Vì không chánh tín, phỉ báng Như vàng làm đồ trang sức. chánh pháp, cho đến đối với quả Tánh vàng không hư hoại; tướng đồ báo thiện, ác và nhân duyên đúng trang sức thay đổi, vô thường; nên đắn sanh ra pháp lành, đều bát là gọi là sắc chuyển biến trung gian không. Đó là tà kiến. vô thường. (Nhân duyên đúng đắn là sáu Năm, Tánh vô thường. căn là nhân, sáu trần là duyên có Vì ngoại đạo cho rằng vọng khả năng sanh ra tất cả các pháp; tưởng của tự tâm không phải chứ không phải như ngoại đạo cho thường, không phải vô thường. Tự rằng các pháp sanh ra từ Phạm tánh của tánh không hư hoại, nhưng thiên, hoặc từ vi trần. Đây là tà có thể làm hư hoại tự tánh của các nhân duyên). pháp, nên gọi là tánh vô thường. Hai, Ngã kiến. (Tự tánh của tánh là tự tánh của Vì không biết thân này do năm bản thể). uẩn mà

thành, hư dối, không thật, Sáu, Tánh vô tánh vô thường. lầm cho đó là thân, cưỡng lập ra Vì ngoại đạo cho tánh của tứ chủ tể, luôn chấp làm ngã. Đó là đại, đều không có tự tánh, tướng ngã kiến. tạo và tướng bị tạo đều biến đổi , Ba, Thường kiến. hư hoại; nên gọi là tánh vô tánh vô Vì không biết thân mình và thường. ngoại vật đều là vô thường, rốt (Năng tạo là địa, thủy, hỏa, cùng hoại diệt (hư hoại, không phong. Sở tạo là sắc, hương, vị, còn). Ngược lại, sai lầm cho là xúc). thường còn; đó là thường kiến. Bảy, Nhất thiết pháp bất sanh Bốn, Đoạn kiến. vô thường. Vì không biết bản tính không Vì ngoại đạo cho rằng tất cả tịch của các pháp, thường còn pháp đều vốn không sanh; nên gọi không hư hoại, mà lại cho là đoạn nhất thiết bất sanh vô thường. diệt, lầm lẫn cho rằng thân này chết rồi không sanh lại nữa. Đó là đoạn THẤT KIẾN diệt. (Hoa nghiêm khổng mục). Năm, Giới đạo kiến hay là kiến thủ. Phân biệt gọi là kiến. Vì không biết giới luật đúng Ở trong các pháp, ngoại đạo đắn của Như lai, mà ở trong tà giới chấp mình là phải, cho đúng là trái, tự mình phân biệt sai lầm, rồi giữ mê lầm không hiểu, đối với lý lấy thực hành, như giới trâu, giới chó v.v... chấp chặt cho là đúng và

tự lấy làm đủ. Thiết nghĩ đó là tà Nhân, quả không mất gọi là vạy, mà lại không chịu tu nhân hữu. chân chánh. Đó là giới đạo kiến. Vì do nhân thiện, ác của thân, (Giới trâu, chó là vì ngoại đạo miệng ý làm ra, hay chiêu cảm quả cho rằng, đời trước, từ loài trâu, báo của sáu đường sanh, tử. Nhân, loài chó mà đến, nên lấy cỏ, vật ô quả liên tục, nên gọi là thất hữu. uế làm thức ăn cho là giữ giới và tu Một, Địa ngục hữu. khổ hạnh). Cũng gọi là bất khả hữu. Địa Sáu, Quả đạo kiến. ngục là ngục này ở dưới đất. Vì không biết chánh nhân Vì nhân, ở đời trước, ác nghịch chánh quả, đối với việc bất thiện, của chúng sanh; cảm quả, hiện tại lại sanh ra tư tưởng cho là điều là địa ngục. Nhân, quả không mất; thiện huyền diệu, rồi siêng năng nên gọi là địa ngục hữu. tinh tấn, như lấy việc chịu đựng Hai, Súc sanh hữu. lạnh, nóng, lấy than thoa lên người Súc sanh là loài cầm thú. ngồi trên gai nhọn chấp cho là cách Vì nhân, ở đời trước, ngu si của tu hành đúng đắn. Tu hành như thế chúng sanh; cảm quả, hiện tại, là chẳng được lợi ích bao nhiêu, thiết súc sanh. Nhân quả không mất; nên nghĩ, đó là sai lầm mà cho là cực gọi là súc sanh hữu. quả. Đó là quả đạo kiến. Ba, Ngạ quỷ hữu. (Lạnh, nóng, lấy than thoa lên Ngạ quỷ là loài thường chịu đói người, ngồi trên gai nhọn là mùa khát. lạnh thì ở trần chịu lạnh; mùa nóng Vì nhân, ở đời trước, keo kiệt thì dùng năm sức nóng đốt thân; của chúng sanh; cảm quả, hiện tại, hoặc lấy than thoa lên người; hoặc là đói khát. Nhân, quả không mất; ngủ trên gai nhọn, tự cho là khổ nên gọi là ngạ quỷ hữu. hạnh, mong cầu chứng quả. Bốn, Thiên hữu. Năm sức nóng là bốn phương Thiên là thiên nhiên, tự nhiên. dùng lửa và phía trên là mặt trời). Cuộc sống an vui hơn, thân hình Bảy, Nghi kiến. đẹp đẽ hơn. Đối với các pháp hoặc chấp có, Vì nhân, ở đời trước, tu giới, tu hoặc chấp không, hoặc chấp định của chúng sanh; cảm quả, hiện thường, hoặc chấp đoạn v.v... sanh tại, an vui súng sướng. Nhân, quả tâm do dự, không thể quyết đinh. không mất; nên gọi là thiên hữu. Đó là nghi kiến. Năm, Nhân hữu. Nhân là nhẫn (chịu, nhịn). Đối THẤT HỮU với cảnh vừa lòng hay trái ý ở đời (Trường A hàm thập báo có thể chấp nhận. Vì nhân, ở quá khứ, gìn giữ pháp kinh). thiên giới của chúng sanh; cảm quả,

hiện tại, làm loài người. Nhân, quả Đề bà đạt đa, sau đó, đọa vào địa không mất; nên gọi là nhân hữu. ngục. Sáu, Nghiệp hữu, cũng gọi là Hai, Thí phụ. hành hữu. Thí là kẻ dưới giết người trên. Nghiệp là nghiệp nhân thiện, ác Cha là ông trời của con, phải do thân, miệng, ý làm ra; có khả hết sức nuôi dưỡng hiếu thảo, báo năng chiêu cảm nghiệp quả thiện, đền ân đức; sao lại làm điều ngược ác ở đời sau. Nhân, quả không mất; lại, giết hại cha mình ? nên gọi là nghiệp hữu. Kinh Địa tạng nói: nếu có Bảy, Trung hữu. chúng sanh bất hiếu với cha mẹ, Trung hữu cũng gọi là trung hoặc giết hại cha mẹ, sẽ đọa xuống ấm. địa ngục vô gián. Vì các chúng sanh, thân này sau Ba, Thí mẫu. khi chết, thần thức chưa đầu thai, Vì ân đức của mẹ, không khác hiện tại làm nghiệp nhân lành, dữ ắt với cha, thì phải cung kính cúng phải nhận lấy quả báo lành, dữ ở dường, trông mong được báo đền; đời sau. Nhân, quả không mất; nên sao lại làm điều ngược lại, giết hại gọi là trung hữu. mẹ mình. Kinh nói: Kẻ phạm vào tội này THẤT GIÀ TỘI cũng gọi là bị tội ba la di (tội cực ác). Thất nghịch tội. Bốn, Thí hòa thượng. ` (Pham võng kinh). Tiếng Phạn là Ô ba già ca, nước Già là ngăn che thánh đạo. Vu điền dịch là hòa thượng, tiếng Nghịch là không thuận với lý. Hoa là lực sanh, tức thân giáo sư Làm bảy tội này thì thiện căn (thầy gần gũi dạy dỗ). không thành tựu trở lại được. Vì người xuất gia, nhờ sự giúp Kinh nói: Pháp sư không được đỡ của thầy mà pháp thân sanh ra cho người phạm tội bảy ngỗ nghịch và lớn lên, có tài sản công đức, này thọ giới ngay đời này. nuôi dưỡng thân mạng trí tuệ. Công Một, Xuất Phật huyết thân. lao ấy rất là lớn, nên phải cung Phật là cha lành của tất cả kính, cúng dường để báo đền ân đó; chúng sanh, có khả năng làm cho há lại làm ngược lại giết hại thân chúng sanh hiểu rõ tự tâm, xa lìa giáo sư ? Nếu kẻ giết vị ấy vì tâm đường khổ. Trải qua nhiều kiếp, ác, tâm sân thì mắc vào tội ba la di. chúng sanh cúng dường để báo đền Năm, Thí A xà lê. ân đức ấy; sao lại làm cho thân Tiếng Phạn là A xà lê, tiếng Phật chảy máu. Hoa là Quỹ phạm, nghĩa là đủ khả Kinh Hưng khởi hành nói: Đề năng làm khuôn phép cho kẻ hậu bà đạt đa lấy đá ném Phật, một học, tức là bậc thầy dạy bảo, trao mảnh đá nhỏ trúng chân, chảy máu. truyền cấm giới; nên phải cung phụng, cung kính, cúng dường để

đáp đền ân đức ấy. Sao lại làm những đạo quả mất phần, mà còn ngược lại, giết hại thầy dạy bảo không được ở chung trong cuộc mình ? Nếu người vì tâm ác, tâm họp nói giới yết ma tăng; 3) Đọa sân mà giết, thì bị tội ba la di. lạc: bỏ thân này rồi, rơi vào địa Sáu, Phá yết ma tăng. ngục a tỳ. Tiếng Phạn là yết ma, tiếng Hai, Tăng tàn. Hoa là tác pháp. Tàn như người bị chém, tuy Vì Tỳ kheo tập trung một chỗ, chưa chết, nhưng thân thể bị hòa hợp để bàn bạc, thi hành Phật thương tích, tàn phế. Nếu phạm vào sự, gọi chung là tác pháp. Nếu kẻ vì tội này, chư tăng làm pháp yết ma, tâm ác, tâm sân phá tác pháp ấy, sám hối trừ bỏ lỗi lầm ấy; nên gọi làm cho không hòa hợp được thì bị là tăng tàn. tội ba la di. Ba, Thâu lan già. Bảy, Thí A la hán. Tiếng Phạn là thâu lan, tiếng Tiếng Phạn là A la hán, tiếng Hoa là đại; Già là ngăn che thiện Hoa là vô học, vì không còn pháp đạo. Tội này chướng ngại rất lớn để học; còn có tên là ứng cúng, vì cho căn lành. thọ sự cúng dường của trời, người. Bốn, ba dật đề. Vì vậy, phải cung kính, cúng Tiếng Phạn là ba dật đề, tiếng dường bậc A la hán để trồng nhân Hoa là đọa. phước đức cho mình; há nào lại Vì phạm tội này, chết đọa vào làm ngược lại, giết hại các vị ấy? địa

ngục. Nếu kẻ giết bậc La hán bằng ác Năm, Đề xá ni. tâm, sân tâm, thì đọa vào vô gián Tiếng Phạn là Đề xá ni, tiếng địa ngục, không mong ngày ra Hoa là hướng bỉ hối. khỏi. Luật tăng kỳ nói: tội này nên đối trước chúng tăng sám hối. THẤT TỤ Sáu, Đột kiết la. (Phiên dịch danh nghĩa) Tiếng Phạn là Đột kiết la, tiếng Hoa là Ác tác ác thuyết, nghĩa là Tụ tức là tích tụ (chứa nhóm), thân làm ác, miệng nói ác. Luật căn nghĩa là tập trung các luật lại để bổn tứ phần còn gọi tội này là Thức làm thành từng loại. Tùy theo xoa ca la ni, tiếng Hoa là Ưng trường hợp sai phạm mà chế ra; đươmg học. Vì tội này rất nhỏ nên gọi là thất tụ. nhiệm khó giữ, nên tùy theo sức Một, Ba la di. học mà giữ. Đó gọi là Ưng đương Tiếng Phạn là ba la di, tiếng học. Hoa là cực ác; có ba nghĩa: 1) thối Bảy, Ác thuyết. một: do pham tội này, đạo quả Ác thuyết là miệng ưa nói ác, không có phần, đắm chìm vào thích luận bàn, tức là từ tội đột kiết đường ác; 2) bất cộng trụ: chẳng la mà ra.

THẤT CHI Một, Dục cấu. Dục tức là mong cầu. (Pháp giới thứ đệ). Cấu là bụi bặm, dơ bẩn. Chi là chi phần (chia ra từng Người, những công đức có phần). được, không mong người khác biết; Thân có ba là sát, đạo, dâm; nếu làm cho người khác biết, ta miệng có bốn là vọng ngôn, ỷ ngữ, thành tựu công đức như thế, thì đó lưỡng thiệt, ác khẩu. là dục cấu. Một, Sát sanh. Hai, Kiến cấu. Nghĩa là cắt dứt mạng sống của Kiến là chấp trước (vướng tất cả chúng sanh; nên gọi là sát mắc), phân biệt và hay phân biệt sanh. làm cho vướng mắc. Hai, Thâu đạo. Người đối với công đức mình Nghĩa là ác tâm che kín đã nổi có, không thấy có sự phân biệt, lên muốn lấy của cải người khác; chấp trước; nếu sanh ra chấp trước nên gọi là thâu đạo. thì đó là kiến cấu. Ba, Tà dâm. Ba, Nghi cấu. Nghĩa là không phải vợ của Nghi là mê mờ, sai lầm, không mình mà giao hợp với người khác; hiểu rõ. nên gọi là tà dâm. Người, đối với công đức mình Bốn, Vọng ngôn. có, hoặc nghi ngờ, hoặc chấp chặt, Nói lời hư dối, lừa lọc với hoặc bỏ qua, nghi ngờ như thế, người khác; nên gọi là vọng ngôn. không quyết định được, thì đó là Năm, Ỷ ngữ. nghi cấu. Ỷ tức là vẽ vời, văn hoa, che Bốn, Mạn cấu. đậy sự thật. Dùng lời nói văn Mạn là trọng mình khinh người. chương bóng bẩy cốt cho vừa lòng Người luôn lấy công đức của người; nên gọi là ỷ ngữ. mình có được đem so với công đức Sáu, Ác khẩu. của người khác mà sanh tâm khinh Dùng lời nói ác đối với người thường; nếu sanh tâm khinh thường khác, khiến họ đau buồn; nên gọi là người khác thì đó là mạn cấu. ác khẩu. Năm, Kiêu cấu. Bảy, Lưỡng thiệt. Kiêu là khoe khoang, tự cao. Nói lời phải, trái không rõ ràng; Người luôn lấy công đức của gặp người này nói xấu người kia và mình có được mà sanh ra vui ngược lại, làm cho đôi bên bất hòa, mừng; nếu sanh tâm vui mừng đến cãi cọ; nên gọi là lưỡng thiệt. cống cao, thì đó là kiêu cấu. Sáu, Tùy miên cấu. THẤT CẤU Nương tựa không rời xa là tùy (theo). (Du già sư địa luận).

năm tình (năm căn) mờ tối là Bốn, Ngã mạn. miên (ngủ). Ngã mạn là cậy mình khinh Người, đối với công đức có người. Cậy tài năng của mình, xem được, luôn nhớ nghĩ không để cho thường ngời khác. ngủ nghỉ, phiền não che khuất; nếu Năm, Tăng thượng mạn. phiền não chưa dứt hết, thì đó là Tăng thượng mạn là chưa được tùy miên cấu. mà nói là được. Chưa được pháp Bảy, Xan cấu. của bậc thánh mà tự cho mình Người, đối với công đức mình được, chưa chứng thánh quả mà tự có, đem bố thí cho tất cả chúng cho mình đã chứng. sanh, không có tâm keo kiệt; nếu Sáu, Ty liệt mạn. sanh tâm

keo kiệt, thì đó là xan cấu. Ty liệt mạn là thấp kém mà còn khoe khoang. Khả năng mình thấp THẤT CHỦNG MẠN kém lại cho rằng mình hơn người (Lăng nghiêm kinh và gấp nhiều lần và họ không bằng mình. luận Tỳ bà sa). Bảy, Tà mạn. Vô minh lầm lạc che khuất, Tà mạn là không có đức độ mà chướng ngại tâm của chúng sanh, cho mình có đức độ, ôm chặt kiến mới sanh ra chấp thủ, cậy mình thức sai lầm, không lễ tháp, miếu, khinh người, tự đại cống cao. Ở không kính Tam bảo, không trọng trong Phật pháp, tự cho mình đầy kinh điển. đủ. Ước khoảng có bảy thứ không giống nhau: XAN PHÁP THẤT BÁO Một, Mạn. (Thành thật luận) Mạn là kiêu căng với đồng loại; như ở trong hình thức tương tự thì Tài sản và chánh pháp không nhận, mình tương tự, ở trong hình thể bố thí thì gọi là xan. Đây chỉ đề thức kém cỏi lại cho mình là hơn cập không bố thí pháp cho người hẳn. thì bị bảy thứ quả báo. Hai, Quá mạn. Một, Sanh manh báo. Quá mạn là ở trong đồng loại Vừa sanh ra khỏi bụng mẹ, đã giống nhau, cho mình là hơn; hoặc không thể thấy ánh sáng mặt trời, rõ ràng người khác hơn mà cho là mặt trăng, gọi là sanh ra đã mù. giống nhau. Vì đời trước keo kiệt chánh Ba, Mạn quá mạn. pháp với người, nên sanh ra trong Mạn quá mạn là người khác đời này bị quả báo như thế. hơn mình mà mình đòi hơn người. Hai, Ngu si báo. Người khác vốn đã hơn mình, Là ở trong các pháp mê mờ, mà lại cho mình hơn người ấy và lầm lạc, không hiểu rõ gọi là ngu si. khẳng định rằng hơn người ấy.

Vì đời trước keo kiệt chánh (A tỳ đạt ma tỳ bà sa pháp với người, nên sanh ra trong luận) đời này bị quả báo như thế. Ba, Sanh ác gia báo. Phiền não mê lầm nương tựa Vì không tin Tam bảo, làm không lìa xa gọi là tùy. năm tình tối nhiều tội nặng nên gọi là ác gia; tăm gọi là miên. Vì chủng tử của oan gia củng gọi là ác gia. Do đời vô minh núp ẩn trong thức thứ tám, trước keo kiệt chánh pháp với nên sanh ra tất cả kết nghiệp phiền người, mà sanh ra trong đời này, bị não; nên gọi là tùy miên, còn gọi là quả báo như thế. thất sử. Sử là sai khiến; vì do vọng Bốn, Thai yểu báo. hoặc này sai khiến tâm thần trôi lăn Thai yểu là chết ở trong thai; do trong ba cõi. đời trước keo kiệt chánh pháp với Một, Tham tùy miên. người, nên sanh ra trong đời này bị Tham là tìm kiếm, gom góp, quả báo như thế. nắm giữ mọi thứ không biết chán. Năm, Vật khủng báo. Đây là sự mê lầm do tham dục (Vật khủng là bị tất cả mọi thứ ham muốn), núp sâu trong tạng làm cho sợ sệt; do đời trước keo thức, đeo đẳng không rời trở thành kiệt chánh pháp với người, nên chủng tử, có khả năng sanh ra tất cả sanh ra trong đời này bị quả báo ham muốn tham nhiễm; nên gọi là như thế. tham tùy miên. Sáu, Thiện nhân viễn ly báo. Hai, Sân tùy miên. Thiện nhân viễn ly báo là người Sân là giận dữ không thôi. Đây hiền, người thiện đều xa lánh, là phiền não thuộc về sân hận, chìm không muốn gần gũi. Do đời trước sâu trong tạng thức, đeo đẳng keo kiệt chánh pháp với người, nên không rời trở thành chủng tử; có sanh ra trong đời này chịu quả báo thể sanh tất cả phẩn nộ thô lỗ ra như thế. ngoài; nên gọi là sân tùy miên. Bảy, Vô ác bất tác báo. Ba, Ái tùy miên. Vô ác bất tác là, đối với mọi Ái là đối với tình cảnh thuận việc ác, không việc ác nào là không lòng yêu mến, giữ lấy không bỏ. làm. Do đời trước tự mình keo kiệt Vì chủng tử yêu thương lầm lẫn chánh pháp với người, cũng không này, chìm sâu trong tạng thức, đeo dạy giáo pháp cho người, làm cho đẳng không buông, hay sanh ra ái hạt giống Phật pháp không còn; dục thô trọng trong ba cõi; nên gọi chư Phật ba đời mười

phương cho là ái tùy miên. đó là oán tặc, do đó sanh ra trong Bốn, Mạn tùy miên. đời hiện tại bị quả báo như thế. Mạn là ỷ mình khinh người. Vì chủng tử sai lầm của mạn THẤT TÙY MIÊN còn gọi là chìm sâu trong tạng thức, đeo đẳng Thất sử không buông, hay sanh ra nhiều

kiêu mạn thô trọng; nên gọi là mạn Sau đó, trải qua 100 năm lại tùy miên. tăng lên một tuổi, cứ như thế tăng Năm, Vô minh tùy miên. đến 84000 tuổi thì gọi là tăng kiếp. Vô minh là không hiểu biết rõ Lúc ấy có Kim luân vương xuất ràng cái gì cả. hiện, sanh ra trong vương gia, tiếp Vì chủng tử vô minh này chìm nối ngôi vị quán đỉnh. Trong 15 sâu trong tạng thức, đeo đẳng ngày, tắm gội bằng hương thơm, không buông ra, hay sanh nhiều giữ gìn trai giới, lên ngồi trên đài phiền não thô trọng; nên gọi là vô cao của cung điện, quần thần phò minh tùy miên. tá, phía đông bỗng có kim luân bảo Sáu, Kiến tùy miên. hiện ra, với ánh sáng huyền diệu Kiến là phân biệt giữ lấy. nhẹ nhàng, đến chỗ vua. Vì chủng tử phân biệt sai lầm Nếu vua muốn đi về phía đông, này chìm sâu trong tạng thức, đeo thì về hướng ấy. Vương dẫn binh đẳng không buông, hay sanh ra lính đi theo sau. Kim luân bảo ở nhiều phân biệt sai lầm trong ba trước, có bốn thần dẫn đường. Đến cõi; nên gọi là kiến tùy miên. chỗ của luân thì vua liền dừng lại. Bảy, Nghi tùy miên. Phía nam, tây, bắc, chỗ nào Nghi là do dự không quyết. luân đến cũng đều như thế. Khuyên Vì chủng tử nghi ngờ sai lầm răng nhân dân trong bốn thiên hạ, này, núp sâu trong tạng thức, đeo tu thập thiện đạo. Đó gọi là Kim đẳng không buông, hay sanh ra luân vương, cũng gọi là Chuyển nghi ngờ sai lầm thô trọng trong ba luân thánh vương, có đầy đủ bảy cõi; nên gọi là nghi tùy miên. báu. Một, Kim luân bảo. LUÂN VƯƠNG THẤT Cũng gọi là Thắng tự tại. Kim BẢO luân là bánh xe có 1000 nang hoa (Tu hành bổn khởi (cây căm), đường kính một trượng bốn thước kể cả bầu và vành, ở trên kinh) vành có chạm trổ văn vẻ và nạm Kinh Trường A hàm nói: Trong nhiều châu báu xen kẻ, ánh sáng thời kỳ kiếp tăng, Luân vương xuất chói lòa. hiện ra đời. Bánh xe ấy do thợ trời làm ra, Vì một lần tăng một lần giảm là trần gian nào có được. Vì chuyển một tiểu kiếp. luân thánh vương đã có bánh xe Tuổi thọ của con người tăng này, nên tùy theo ý nghĩ của vua đến 84000 tuổi trải qua 100 năm mà bánh xe chuyển động, để xem giảm đi một tuổi, cứ như thế giảm xét trong thiên hạ, trong chốc lát đã còn mười tuổi thì gọi là giảm kiếp. đi hết một vòng; đó là kim luân bảo. Hai, Bạch tượng bảo.

Còn gọi là Thanh sơn. Bạch châu bảo bỗng nhiên xuất hiện, tượng là vì sáng sớm chuyển luân màu sắc trong suốt, không tỳ vết. thánh vương lên điện, có con voi ban đêm treo ngọc ấy giữa trời, trắng bằng châu báu, bỗng nhiên nước nào của trông thấy, ánh sáng xuất hiện. Thân nó toàn màu trắng, của nó chiếu cả trong và ngoài đầu có màu sắc xen kẻ, miệng có nước như ban ngày không khác. Đó sáu cái ngà, răng có màu sắc bảy gọi là thần châu bảo. báu, sức có thể bay lên không. Khi Năm, Ngọc nữ bảo. vua cưỡi nó, trong một ngày, đi Cũng gọi là Tịnh diệu đức. khắp thiên hạ, sáng đi chiều về Ngọc nữ là vì nhan sắc, hình dung không chút mệt nhọc. Nếu voi qua đoan chánh, sắc tướng đầy đủ. sông, nước sông không lay động, Thân thể thì mùa đông ấm, mùa hạ chân cũng không ướt. Đó gọi là mát; các lỗ chân lông tỏa ra mùi bạch tượng bảo. hương chiên đàn; miệng thở ra mùi Ba, Cám mã bảo. hương hoa sen xanh; nói năng uyển

Cũng gọi là dũng tật phong. chuyển lịch sự; cử động nhẹ nhàng. Cám mã là con ngựa màu tím. Khi ăn thì thức ăn tự tiêu hóa, Vì Chuyển luân thánh vương, không giống con gái ở thế gian có sáng sớm, lên điện. Có con ngựa nhiều thứ bất tịnh. Đó gọi là ngọc màu tím bằng châu báu, bỗng nhiên nữ bảo. xuất hiện, trên bờm nó có đeo hạt Sáu, Điển tài bảo. ngọc. Khi nào tắm và chải bờm cho Cũng gọi là Đại tài bảo. Điển nó những hạt ngọc rơi xuống, trong tài còn gọi là Điển bảo tàng thần. chốc lát, lại sanh ra như cũ. Những Vì chuyển luân thánh vương khi hạt châu sau trong sáng, sắc đẹp muốn có bảy báu, thì Điển tàng hơn trước. Tiếng ngựa hí lên vang thần toàn thân hướng xuống đất, xa một do tuần; sức của nó có thể đất vọt bảy báu lên; hướng xuống bay trong không trung. nước, nước vọt bảy báu lên; hướng Nếu vua cưỡi nó, đi xem xét lên núi, núi vọt bảy báu ra; hướng trong thiên hạ, sáng đi chiều về, đá, đá vọt bảy báu ra. Đó là Điển không chút mỏi mệt, chân ngựa tài bảo. Kinh A hàm còn gọi là cư chạm đến đất; đất biến thành vàng. sĩ báo. Người này phước đời trước Đó gọi là cám mã bảo. rất sâu dày, mắt nhìn thấu những gì (Do tuần là tiếng Phạn, tiếng chứa trong lòng đất mà có chủ hay Hoa là hạn lượng. Có ba trường không chủ, đều thấy và biết. Những hợp không giống nhau. Một do tuần của báu có chủ thì người này giữ = 80 dặm = 60 dặm = 40 dặm). dùm; của báu không chủ lấy cung Bốn, Thần châu bảo. cấp cho vương dùng. Cũng gọi là Quan tạng vân. Bảy, Chủ binh bảo. Thần châu là vì Chuyển luân thánh Cũng gọi là Ly cấu nhãn. Chủ vương, sáng sớm lên điện, có thần binh cũng gọi là Điển binh thần. Vì

Chuyển luân thánh vương, nảy ý Đại trí độ luận nói: bạc ấy lấy muốn có bốn loại binh chủng, hoặc ra từ trong đá đốt cháy, người đời 1000 hoặc 10.000 cho đến vô số, gọi là bạch kim, cũng có bốn nghĩa chỉ trong nháy mắt, thì binh chủng giống như vàng đã nói ở trên; nên đã sẵn sàng, dàng hàng ra trận gọi là bảo. nghiêm chỉnh. Đó gọi là chủ binh Ba, Lưu ly. bảo. Tiếng Phạn là lưu ly, tiếng Hoa Kinh A hàm còn nói: người này là thanh sắc bảo. Quán kinh sớ lại trí mưu hùng dũng, thao lược hơn gọi là Phệ lưu ly da, tiếng Hoa là người, đi đến chỗ vương nói rằng bất viễn. Vì ở Tây vức có ngọn núi đại vương có chỗ này cần thảo cách thành ba la nại không xa (bất phạt, chớ có lo, nếu muốn có bốn viễn). Báu vật này lấy từ núi ấy, binh chủng tượng, mã, xa, bộ, thì nên đặt tên như vậy. tôi có đủ khả năng cung cấp và Vật báu này có màu xanh, tất cả trừng phạt. báu vật khác không thể làm hư hoại nó. Hình thể và màu sắc của nó rất THẤT BẢO cứng và trong sáng; ở đời ít ai có, (Phiên dịch danh nghĩa). nên gọi là bảo. (Tiếng Phạn là ba la nại, tiếng Bảy báu các kinh đề cập không Hoa là Lộc uyển). giống nhau. Xưa nêu ra hai thứ; tên Bốn, Pha lê. của hai thứ báu ấy giống mà tiếng Tiếng Phạn là pha lê, hoặc gọi Hoa, tiếng Phạn gọi không giống là Cơ pha chi ca, tiếng Hoa là thuỷ nhau. ngọc, tức là ngọc xanh sẫm; hoặc Nay dựa vào Phiên dịch danh gọi là thủy tinh, hình sắc trong nghĩa cũng nêu ra hai thứ, đều có bóng, ở đời ít ai có; nên gọi là bảo. tên bằng tiếng Phạn và dùng tiếng Năm, Mâu bà lạc yết lạp bà. Hoa giải thích. Tiếng Phạn là Mâu bà lạc yết Một, Tô phạt la. lạp bà, tiếng Hoa là thanh sắc bảo Tiếng Phạn là Tô phạt la, tiếng (ngọc có sắc xanh và trắng), tức là Hoa là kim (vàng). xa cừ. Hình dạng giống như bánh Đại trí độ luận nói: Vàng lấy ra xe, chung quanh màu trắng ngà. từ trong núi, đá, cát, đồng đỏ và có Thể của nó cứng, màu của nó sáng, bốn đặc tính: sắc không đổi;

không ở đời ít người có; nên gọi là bảo. thể nhuộm; làm vật dụng khác dễ Sáu, Ma la ca lệ. dàng; làm cho con người giàu có. Tiếng Phạn là Ma la ca lệ, tiếng Vì ý nghĩa ấy, nên gọi là vàng là Hoa là mã não, có màu đỏ trắng, bảo. giống như mão của ngựa. Loại này Hai, A lộ ba. có thể mài làm đồ dùng, ít có ở đời; Tiếng Phạn là A lộ ba, tiếng nên gọi là bảo. Hoa là ngân (bạc). Bảy, Bát ma la già.

Tiếng Phạn là Bát ma la già, Tiếng Phạn là Chân thúc ca, tiếng Hoa là xích chân châu (châu tiếng Hoa là xích sắc bảo (ngọc màu đỏ). màu đỏ). Phật địa luận nói: sâu bọ có Tây vực truyền rằng Chân thúc màu đỏ được sanh ra từ đây. ca, tên cây có hoa sắc đỏ, to bằng Đại trí độ luận nói: ngọc này từ bàn tay. Ngọc này có sắc như màu trong bụng cá, trong nảo của con của hoa ấy, nên đặt tên như vậy. rắn. Sắc của nó long lanh trong Năm, Thích ca tỳ lăng già. sáng, rất là đẹp; nên gọi là bảo. Tiếng Phạn là Thích ca tỳ lăng già, tiếng Hoa là năng thắng. Vì LẠI THẤT BẢO ngọc báu này hơn hẳn tất cả ngọc (Phiên dịch danh nghĩa) báu khác trong thế gian, ít có ở đời, nên gọi là bảo. Một, Bát la sa. Sáu, Ma la già đà. Tiếng Phạn là Bát la sa, tiếng Tiếng Phạn là Ma la già đà; Đại Hoa là san hô. trí độ luận gọi là ngọc màu xanh Đại trí độ luận nói: cây bằng đá (lục sắc châu). Ngọc này lấy ra từ ở trong biển. Vì phía tây nam, trong miệng kim xí điểu, có thể trừ tất cả chỗ nước biển tràn qua, cách chất độc, ít có ở thế gian, nên gọi là khoảng bảy, tám dặm, có bãi san bảo. hô, ở chỗ thấp có tảng đá, trên tảng Bảy, Bạt chiết la. đá mọc cây san hô, người ta lấy Tiếng Phạn là Bạt chiết la, tiếng lưới sắt cột giữ lại. Ở trên đời ít có Hoa là kim cương. Ngọc này lấy ra cây này, nên gọi là bảo. từ vàng, màu tím, nấu lên 1000 lần Hai, A thấp ma yết ba. không chảy, rất cứng, rất bén, có Tiếng Phạn là A thấp ma yết ba, thể cắt đứt ngọc, ít có ở đời, nên tiếng Hoa là hổ phách. Sắc của nó gọi là bảo. óng ánh màu hồng, ở đời ít có, nên gọi là bảo. THẤT KIM SƠN Ba, Ma ni. (Phiên dịch danh Tiếng Phạn là Ma ni, còn gọi là Mạt ni, tiếng Hoa là ly cấu, tức là nghĩa). ngọc báu. Ngọc này sáng bóng sạch Thất kim sơn là vì núi có sắc sẽ, không dính vật ô uế. Viên giác vàng sáng rỡ. bảy lớp vòng ngoài sao gọi nó là như ý châu. Nghĩa là núi Tu di; hình thể cao, rộng, giảm ý muốn tiền của châu báu, y phục, dần một nửa theo thứ tự; như núi thức ăn, nước uống, tất cả mọi vật Tu di cao 84000 do tuần thì núi thiết yếu, viên ngọc này đều hiện ra song trì chỉ cao 42000 do tuần. được cả, làm vừa lòng của con (một lý: dặm = 500 m. Một do người; nên gọi là bảo. tuần = 80 dặm; 60 dặm). Bốn, Chân thúc ca. Một, Song trì sơn.

Song trì sơn là hai núi dựa vào Một, Diêm thủy hải. nhau, còn gọi là trì song. Cao và Kinh Kim cương Tam muội rộng của núi này, mỗi chiều 42000 nói: Biển có bánh xe kim cương, do tuần. chuyển động theo thời, làm cho Hai, Trì mục sơn. nước trong biển có cùng một vị; Trì mục sơn là ngọn núi cao vọt nên gọi là diêm thủy hải. lên trời, có hình như cái trục của Hai, Nhũ hải. xe. Cao, rộng mỗi chiều 2100 do Vì trên đời có một cái biển, vị tuần. của nó giống như sữa; nên gọi là Ba, Diêm mộc sơn. nhũ hải. Diêm mộc sơn tên cây, hình thù Ba, Lạc hải. của núi giống cây này, nên đặt tên Vì trên đời có một cái biển, vị như vậy. Cao, rộng mỗi chiều 1500 của nó giống lạc (chất kết tinh từ do tuần. sữa: phó mát) nên gọi là lạc hải. Bốn, Thiện kiến sơn. Bốn, Tô hải. Thiện kiến sơn là vì người thấy Vì trên đời có một cái biển, vị nó đều khen là thiện. Cao, rộng mỗi của nó giống tô (bơ); nên gọi là tô chiều 5250 do tuần. hải. Năm, Mã nhĩ sơn. Năm, Mật thủy

hải. Mã nhĩ sơn là núi hình thù như Vì ở đời có một cái biển, vị của cái tai con ngựa. Cao, rộng mỗi nó giống mật; nên gọi là mật thủy chiều 2625 do tuần. hải. Sáu, Chướng ngại sơn. Sáu, kiết tường thảo hải. Chướng ngại sơn là vì núi này Vì ở đời có một cái biển, mọc có thần chướng ngại, cũng có tên là ra cỏ kiết tường; nên gọi là kiết tượng tỵ sơn, vì hình nó giống như tường thảo hải. mũi con voi. Cao, rộng mỗi chiều Bảy, Tửu hải. 1312 do tuần. Vì ờ đời có một cái biển, vị của Bảy, Trì địa sơn. nó giống rượu; nên gọi là tửu hải. Trì địa sơn là đứng vững trên đất, lại có tên là địa trì, cũng có tên THẤT ĐẠI ngư chủy sơn. Vì trong núi có con (Lăng nghiêm kinh). cá mỏ nhọn, núi này giống như con cá; cũng có tên là trì biên sơn, vì Đại tức là thể tánh viên dung, núi này bao quanh sáu núi ở bên bao trùm khắp cả không có gì ra trong. Cao, rộng mỗi chiều 656 do ngoài. tuần. Vì muôn pháp không rời đất, nước, gió, lửa mà thành, nương vào THẤT HẢI không thành lập. Nhờ thấy có giác; (Pháp tập danh số kinh). nhờ thức có biết. Tất cả gồm bảy

thứ, mà tự tha, y chánh, sắc tâm, tất theo nghiệp hiện ra, đâu có phương cả vạn pháp không ra ngoài vậy. sở; nên gọi là hỏa đại. Nhưng do chúng sanh lầm lẫn (Tánh của lửa vô ngã là ý nói đánh mất bản tâm; căn và trần đối tánh của lửa không có hình thể). đãi khởi lên; thấy biết do phân biệt Ba, Thủy đại. sai lầm; nghe không ra ngoài tiếng; Tánh của nước bất định, trôi thấy không vượt qua khỏi sắc. Chỉ chảy hay đọng lại không thường thấy lửa bốc lên cao ở chỗ gương xuyên. Nhờ có viên ngọc để trên và ánh nắng mặt trời gặp nhau; chỉ mâm, ánh sáng mặt trăng rọi xuống thấy nước sanh ra ở chỗ ánh sáng mà nước xuất hiện. Chúng sanh mê của mặt trăng và hạt châu gặp nhau. mờ, chỉ thấy tướng của nó, không Mỗi thứ ấy không dung hợp nhau. biết tánh của nước dung thông, bao Chỉ vì chấp tướng mà thành ra trở trùm khắp pháp giới, tùy tâm của ngại. Đâu có biết rằng, trong Như chúng sanh theo nghiệp hiện ra, lại tạng, nước lửa tánh vốn không, đâu có phương sở, nên gọi là thủy bao trùm pháp giới, tùy tâm chúng đại. sanh, theo nghiệp hiện ra. Vì vậy, ở Bốn, Phong đại. hội Lăng nghiêm, Thế tôn khai ngộ Tánh của gió không có hình cho A nan và đại chúng: hiểu rằng thể, động hay tịnh không thường. thất đại hình thành muôn pháp đều Như khi người giũ áo tạo ra chút trở về Như lai tạng; nên nói tướng gió. Chúng sanh hôn mê, chỉ biết của bảy đại. chút gió nhẹ nhàng phe phẩy, Một, Địa đại. không biết tánh của gió dung Lớn là toàn thế giới, nhỏ là vi thông, bao trùm khắp pháp giới, tùy trần (hạt bụi); phân tích mãi thành tâm của chúng sanh theo nghiệp không, tập hợp lại thành đất. hiện ra, đâu có phương sở; nên gọi Chúng sanh tối tăm, lầm lẫn, là phong đại. chỉ thấy có tướng của nó, không Năm, Không đại. biết tính của đất dung thông, khắp Tánh của hư không không có cả pháp giới; tùy tâm của chúng hình thể, không màu sắc. Như sanh, theo nghiệp hiện ra; vốn hoàn giếng được đào lên, lấy ra một mba toàn thanh tịnh, nào có phương sở; đất, thì liền có một khoảng hư nên gọi là địa đại. không y như vậy lấp đầy. Chúng Hai, Hỏa đại. sanh hôn mê, chỉ thấy khoảng hư Tánh của lửa vô ngã, nhờ vào không ấy, không biết tánh giác các duyên; như nhờ vào kiếng, bùi chân không, bao trùm khắp pháp nhùi, ánh nắng mặt trời mà lửa giới, tùy tâm của chúng sanh theo sanh ra. Chúng sanh hôn mê, chỉ nghiệp hiện ra, đâu có phương sở; thấy tướng của nó, không thấy tánh nên gọi là không đại. dung thông của lửa, bao trùm khắp Sáu, Kiến đại. pháp giới, tùy tâm

của chúng sanh

Thấy giác tánh không phải là Linh chúng sanh tâm bất tán cái biết (tầm thường). Nhờ sắc và loạn là khi Phật sắp nói pháp, đất không mà có. Như sớm sáng chiều rung động trước, khiến cho chúng tối, tất cả tướng của sắc nhờ vào cái sanh cung kính, trang nghiêm, tâm thấy phân biệt, chúng sanh hôn mê, không tán loạn, để mà tin và nhận chỉ thấy được tướng sáng, tối mà lời Phật nói. không biết tánh thấy sáng tỏ, bao Ba, Linh phóng dật giả sanh trùm khắp pháp giới, tùy tâm chúng giác tri. sanh theo nghiệp hiện ra. Khiến cho chúng sanh buông Vì do sắc và không đã bao quát, lung sanh tâm hiểu biết là khi Phật nên tánh thấy cũng bao trùm. Công nói pháp, hoặc có người buông dụng của sáu căn không cố định; lung không thể tập trung, nên đất nghe, thấy, hay, biết cũng như thế phải rung động để khiến họ nhận khắp cả mười phương, đâu có ra, trở về lắng nghe. phương sở; nên gọi là kiến đại. Bốn, Linh chúng sanh tri pháp Bảy, Thức đại. tướng. Tánh của thức không có nguồn Khiến cho chúng sanh biết (gốc), nhờ sáu căn, sáu trần mà tướng của các pháp là vì pháp Phật xuất hiện. Khi căn và trần gặp nhau nói ra vi diệu, khó hiểu, đất rung thì phân biệt sai lầm sanh ra. Chúng động trước, khiến cho tâm của tất sanh mê mờ, chỉ theo phân biệt, mà cả chúng sanh bừng tỉnh, hiện rõ không biết tánh của thức hiểu biết tướng của các pháp. rõ ràng, khắp cả pháp giới, tùy tâm Năm, Linh chúng sanh quan của chúng sanh theo nghiệp hiện ra. thuyết pháp xứ. Vì do căn và cảnh không giới Khiến cho chúng sanh quán sát hạn, thức cũng không cùng, bao chỗ (nơi) thuyết pháp là khi Phật trùm mười phương, đâu có phương nói pháp muốn cho mười phương sở; nên gọi là thức đại. thế giới trở thành một cõi nước Phật, trước đất rung động, khiến ĐỊA ĐỘNG THẤT NHÂN cho chúng sanh thấy được nơi thù (Pháp hoa kinh sớ). thắng Phật đang nói pháp. Sáu, Linh thành thục giả đắc Một, Linh chư ma sanh bố. giải thoát. Ma có nhiều loại, nên nói là Khiến cho người đã chín mùi chư ma. được giải thoát là khi Phật nói Linh sanh bố là khi Phật thành pháp, nếu có chúng sanh căn duyên đạo, đất rung động, làm cho tà ma đã thành thục (chín mùi), đến nghe sợ hãi, mà trở về chánh niệm. chánh pháp, trước đất rung động, Hai, Linh chúng sanh tâm bất khiến cho họ giác ngộ và được giải tán loạn. thoát.

Bảy, Linh tùy thuận vấn chánh lấy nạn gió trong nạn la sát và cho nghĩa. là nạn thứ tám, không đúng. Tùy thuận người muốn hỏi Một, Hỏa nạn. nghĩa của chánh pháp là khi Phật Kinh Quán âm nói: nếu có nói pháp, vì những chúng sanh người nào niệm danh hiệu Bồ tát không hiểu nghĩa của chánh pháp, Quan thế âm, giả sử vào trong lửa ắt phải đất rung động, khiến cho họ dữ, lửa không thể đốt cháy. bừng tỉnh, tùy những nghi vấn, giải Vì người niệm danh hiệu này, thích đều được hiểu rõ. miệng niệm tụng, tâm nhớ nghĩ, nói năng không rời danh hiệu và không THẤT NẠN chút lười nhác. (Quán âm huyền nghĩa Nếu có người gặp tai nạn này, nhất tâm xưng danh hiệu Bồ tát sớ). Quan thế âm, thì được giải thoát. Nạn tức là gặp phải rủi ro khổ Truyện ứng nghiệm kể rằng: não. Trong niên hiệu Nguyên khang Vì lửa làm cho lo sợ thiêu, mất nhà Tấn có người tên là Trúc mạng, nên nó là nạn đầu tiên. trường thư, khi ở Lạc dương, có Vì nước có lúc chìm, lúc nỗi, đám cháy, dưới gió, ngọn lửa sắp nên nó là nạn thứ hai. bò đến nhà tranh của ông. Không Còn la sát, tuy có hung tợn, biết làm cách nào để tránh khỏi, chậm rãi hơn lửa, nước, cũng là nạn ông nhất tâm niệm danh hiệu Bồ tát

thứ ba. Quan thế âm, gió liền đổi chiều, Dao, gậy không phải cứ có là ngọn lửa chuyển đi hướng khác và đưa đến giết hại, nhưng phải dùng mái nhà tranh của ông, nhờ vậy, nó để tra xét tội phạm hư thật, nên tránh được hỏa hoạn. gọi là nạn thứ bốn. Thấy như thế, người kiến thức Quỷ bắt vô cớ, làm cho tính hẹp hòi cho là tình cờ. mạng hao mòn, gặp phải tai hại, Sau đó, nhân một luồn gió của nên nó là nạn thứ năm. một ngày hanh khô, nên đã bốc lửa Gông cùm, xiềng xích cột chặt thiêu cháy chiếc nhà tranh. Ngọn vào thân, tuy chưa mất mạng, cũng lửa ba lần bốc lên, ba lần tắt ngúm. gọi là nạn thứ sáu. Người ấy liền khấu đầu, lạy tạ tội, Giặc cướp tìm kiếm của báu, vì sự hiểu biết nông nổi của mình. đưa cho nó thì thoát khỏi tai nạn, Ưng nghiệm như thế không bằng không thì nguy nàn, nên là phải một lần. nạn thứ bảy. Hai, Thủy nạn. Bảy tai nạn này đều có ba thứ Kinh nói: Nếu bị nước lớn cuốn quả báo, ác nghiệp, phiền não. Nay đi, xưng danh hiệu Bồ tát Quán thế chỉ nói rõ về quả báo thôi. Có chỗ âm, liền gặp được chỗ cạn. Truyện ứng nghiệm kể rằng:

ở quận Hải diêm, có người bị bắt chước niệm theo và cũng được chìm dưới nước. Người này niệm thoát nạn. danh hiệu Quán thế âm Bồ tát, Bốn, Đao trượng nạn. bỗng gặp một tảng đá, mệt mỏi ngủ Kinh nói: Nếu có người, đang thiếp, mộng thấy có hai người bơi bị hại, niệm danh hiệu Bồ tát Quán thuyền kêu lên, liền thức giấc, mở thế âm, thì dao, gậy đang trong tay mắt, quả nhiên, thấy có ông bơi kẻ kia, từ từ gãy từng khúc, vô hiệu thuyền, đưa người ấy lên bờ, thì và được giải thoát. không còn thấy ông bơi thuyền đâu Truyện ứng nghiệm kể rằng: nữa. Trong niên hiệu Thái nguyên, Ba, La sát nạn. nhà Tấn, ở huyện Bành thành có Tiếng Phạn là la sát, tiếng Hoa một người bị ép cung cho là làm là bạo ác (hung dữ). giặc nên bị kết án tử hình. Người Kinh nói: Nếu có chúng sanh, ấy mới đem tượng Quán âm bằng vì muốn tìm vàng, bạc, châu báu, vàng cột trong búi tóc, sau đó chịu vào trong biển lớn. Giả sử có gió chém đầu, nhưng chỉ vang lên tiếng lớn thổi ghe thuyền, trôi giạt vào kim thuộc và cái dao bị mẽ ba chỗ nước của la sát. Trong đám đông mà đầu của người ấy không bị ấy, nếu có một người niệm danh thương. Mở búi tóc ra, thấy có hiệu Bồ tát Quán thế âm, thì cả tượng Bồ tát còn in ba dấu dao. đoàn người ấy đều được giải thoát Nhờ vậy mà được thoát nạn. tai nạn của la sát. Năm, Quỷ nạn. La sát là quỷ ăn thịt người. Kinh nói: Nếu trong 3000 đại một người niệm danh hiệu Bồ thiên cõi nước có đầy dạ xoa, la sát tát, cả đoàn đều được giải thoát là muốn đến làm não loạn người, vui buồn, tốt xấu mọi người cùng nghe tiếng người niệm Bồ tát Quán chịu, nên miệng không cùng niệm thế âm; các loài ác quỷ đó còn nhưng tâm cũng có phước và đều không thể nhìn người ấy bằng con được cứu giúp như nhau. mắt ác độc, huống là làm hại sao Truyện ứng nghiệm kể rằng: được. Có hơn 100 người nước ngoài, Lý do quỷ sợ danh hiệu Quán từ nước Sư tử trôi giạt vào đến âm là vì đức Quán âm có oai lực, nước Phù nam, bỗng gặp trận gió có ân đức. Nếu không cảm ân đức dữ, chòng chành chìm xuống quỷ thì sợ oai lực của Ngài. Nghe danh quốc. Qủy la sát ấy muốn ăn tươi hiệu của Bồ tát thôi còn không thể nuốt sống cả đoàn người ấy. Tất cả nhìn nhau bằng con mắt hung ác, truyền nhân đều niệm Quán âm, chỉ há lại có thể sanh tâm làm tổn hại có một Sa môn (tu theo Tiểu thừa) sao ? không tin có Bồ tát Quán âm và (Ba ngàn đại thiên là tiểu thiên, nhất định không niệm. Ác quỷ liền trung thiên và đại thiên. tìm vị Sa môn ấy, vì quá sợ, ông

Tiếng Phạn là Dạ xoa, tiếng (oán thù là giặc cướp) nên âm mưu Hoa là dũng kiện). cả hai. Sáu, Già tỏa nạn. Nhờ sức của Bồ tát, nên được Kinh nói: Nếu có người, hoặc thoát nạn. có tội, hoặc vô tội, thân bị gông, Truyện ứng nghiêm kể rằng: cùm, xiềng, xích; niệm danh hiệu Tăng sĩ Huệ đạt ở nước Tấn, niên Bồ tát Quán thế âm thì những thứ hiệu Long an năm thứ hai; vào lúc ấy đều dứt, hư hết, liền được giải ấy, rợ Khương bị nạn đói, bắt thoát. người ăn thịt. Thầy Đạt bị rợ Vì gông, cùm, xiềng, xích là Khương bắt, nhốt thầy trong khu dụng cụ tra tấn người phạm tội. đất có rào chung quanh và đóng kín (khẩn là buộc chặt. Kiểm là cửa để chọn người nào mập ăn nhốt lại và tra xét). trước. Người này, nếu niệm Bồ tát Thầy Đạt nhất tâm niệm danh Quán thế âm, thì cửa nhà tù nhiều hiệu Bồ tát Quán thế âm và tụng lớp tự mở, gông cùm bằng sắt và kinh. Những người còn lại đã bị gỗ tự gãy ra từng khúc và hư hoại. chúng làm thịt ăn hết, chỉ còn lại Truyện ứng nghiệm kể rằng: thầy và một cậu bé. Tính ra là sáng Cái hộ là người ở Sơn dương, phạm ngày cả hai phải chết, thầy Đạt suốt tội nặng đáng chết , bị nhốt. ba đêm niệm Bồ tát, tụng kinh không ngày ba đêm, ông niệm danh hiệu nghỉ. Bồ tát Quán thế âm, tâm không Trời sắp sáng, rợ Khương đến gián đoạn, thì thấy Bồ tát phóng bắt hai thầy trò, thì bỗng thấy một quang chiếu sáng ông, rồi gông con cọp từ trong bụi rậm nhảy bổ cùm tự nhiên cởi, cửa tự nhiên mở, ra, gầm thét. Rợ Khương quá sợ bỏ theo ánh sáng mà đi ra, đi được 12 chạy. Nhờ cọp cắn đứt vòng rào tạo dặm thì ánh sáng tắt. thành một lỗ lớn để chạy thoát, mà Bảy, Oán tặc nạn. thầy Đạt dẫn cậu bé chạy thoát Kinh nói: có một thương chủ được nạn. dẫn các thương nhân đem theo nhiều của báu, đi qua con đường THẤT TAI NẠN nguy hiểm, gặp những kẻ oán tặc (Nhân vương hộ quốc (giặc cướp). một người trong chúng nói to lên rằng: các thiện nam tử: kinh). chớ có sợ hãi; các ông nhất tâm Thất tai nạn là Phật vì 16 quốc niệm danh hiệu Bồ tát Quán thế vương, trong đó có vua ba tư nặc âm; đoàn thương nhân cùng niệm mà nói. Nếu trong nước có bảy thứ danh hiệu ấy, nên liền được thoát tai nạn này, nên thuyết giảng hay nạn. đọc tụng kinh Nhân vương Bát nhã Vì oán chỉ cướp mạng sống; tặc ba la mật, thì bảy nạn kia liền mất, chỉ kiếm tiền của. Ở đây oán là tặc và muôn dân an lạc.

(Tiếng Phạn là Ba tư nặc, tiếng Sông ngòi nước chảy xiếc. Đó là Hoa là Thắng quân). những tai nạn kỳ lạ, ấy là vũ thuỷ Một, Nhật nguyệt thất độ nạn. biến dị nạn. Nhật nguyệt thất độ là sự Năm, Ác phong nạn. chuyển động vòng quanh mặt trời Khi gió lớn nổi lên, núi, sông, của mặt trăng đã bị xáo trộn, thứ tự cây cối bị gió thổi hư đổ trong chốc về thời gian không thích hợp. Hoặc lát. Hoặc gió đen, gió đỏ, gió xanh, có khi mặt trời màu đỏ xuất hiện; gió trời, gió đất, gió lửa. Những tai có khi mặt trời màu đen xuất hiện ; nạn kỳ lạ như thế đó là ác phong có khi hai, ba, bốn, năm mặt trời nạn. xuất hiện; có khi nhật thực mất ánh Sáu, Kháng dương nạn. sáng của mặt trời; có khi một mặt Kháng là rất vậy. trời nữa hiện chồng lên, cho đến Vì trời đất quá nóng, lửa bốc bốn, năm mặt trời hiện chồng lên. cháy ngút trời, cây cỏ khô héo, ngũ Đó là nhật nguyệt thất độ nạn. cốc không mọc lên nổi. Những tai Hai, Tinh tú thất độ nạn. nạn kỳ lạ như thế, đó là kháng Tinh tú thất độ là haitám vì sao dương nạn. và sao kim, sao thuỷ, sao hỏa, sao (Ngũ cốc là hòa: lúa, ma: vừng, chỗi, sao phong, sao đao, sao nam, thử: lúa nếp; mạch: lúa mì; thúc: sao bắc đẩu; mỗi sao này đã vận đậu) hành sai tiến

độ, nên gọi là tinh tú Bảy, Ác tặc nạn. thất độ nạn. Giặc dã tới từ bốn phương, xâm (28 vì sao là giác, cang, đê, lăng quấy phá bờ cõi. Giặc trong phòng, tâm, vỹ, cơ, đẩu, ngưu, nữ, giặc ngoài cùng nổi lên: giặc lửa, nguy, thất, bích, khuê, lân, vỵ, mão, giặc nước, giặc gió, giặc quỷ. tất, tuỷ, sâm, tỉnh, quỷ, liễu, tinh, Muôn dân kinh hoàng, chiến tranh trương, dực, chẩn) đua nhau nổi lên. Tai nạn kỳ lạ Ba, Tai hỏa nạn. nhiều thứ như thế, đó là ác tặc nạn. Khi hỏa tai nổi lên, muôn dân bị chết cháy hết, hoặc là lửa của THẤT CHỦNG THỌ quỷ, lửa của rồng, lửa của trời, lửa THAI của sơn thần, lửa của người, lửa (Thiện kiến tỳ bà sa của cây cối, lửa của giặc cướp. Các thứ nạn kỳ lạ như thế, đó là hỏa tai luận). nạn. Một, Tướng xúc thọ thai. Bốn, Vũ thuỷ biến dị nạn. Khi người nữ có kinh nguyệt, Âm, dương không điều hòa, lụt thích thú với người nam. Nếu lội cuốn trôi hết và nhận chìm tất người nam dùng thân mình xúc cả. Mùa đông mưa đổ, mùa hạ chạm phần thân thể của người kia tuyết rơi. Hoặc nước mưa màu đỏ, thì sanh ham muốn, liền có mang. màu đen; hoặc mưa đất đá, cát sỏi. Đó gọi có mang khi chạm nhau.

Hai, Thủ y thọ thai. Như cò trắng chỉ có con mái Như trường hợp Ưu đà di cùng không có con trống. Khi mùa xuân vợ xuất gia xa cách nhau đã lâu; đến, dương khí lan ra khắp nơi, một hôm Ưu đà di đến chỗ vợ. hai tiếng sấm vừa phát ra, con cò mái người gặp nhau tình cảm dâng tràn chú ý nghe, liền có mang. không ngăn được, tinh dịch dính Con gà mái nghe tiếng gà cồ áo; sau đó cô ni liền có mang. Đó gáy mà có thai. Đó gọi là có mang gọi là mang thai vì chiếc áo. bằng cách nghe tiếng. (Tiếng Phạn là Ưu đà di, tiếng Bảy, Khứu hương thọ thai. Hoa là Xuất hiện, vì ông sanh khi Như trâu mẹ tần ngưu, chỉ ngửi mặt trời mọc). mùi trâu con cũng có mang. Đó gọi Ba, Há tinh thọ thai. là thọ thai bằng cách ngửi hương. Ngày xưa, có một vị đạo sĩ, khi tiểu tiện xuất luôn tinh, con nai THẤT CHỦNG SANH uống nhầm nước ấy, liền có mang, TỬ sanh ra đạo sĩ là nai con. Đó gọi là (Phiên dịch danh có mang vì uống phải nước tiểu có tinh. nghĩa).
Bốn, Thủ ma thọ thai. Một, Phần đoạn sanh tử. Như trường hợp cha mẹ của Phần là một đoạn giới hạn. Thiểm Bồ tát đều mù. Đế thích biết Đoạn là một khúc, một đoạn. việc đó từ lâu, mới xuống tận nơi, Vì quả báo trong ba cõi về tuổi vì họ nói rằng: âm dương nên hợp thọ có giới hạn dài, ngắn; về thân lại thì mới sanh con được. hai hình có lớn nhỏ, nhưng đều không người trả lời rằng: vợ, chồng đều thoát khỏi sanh tử. Đó là phần đoạn đã xuất gia, vì giới luật mà không sanh tử. được làm như thế. Hai, Biến dịch sanh tử. Đế thích lại nói: âm, dương Nhân dời quả đổi, gọi là biến không hợp nhau thì hãy tay xoa dịch. dưới rún, thì liền có mang. Đúng Vì A la hán, Bích chi Phật, Bồ như vậy và đã sanh ra Thiểm tử. Đó tát đã xa lìa sanh tử trong ba cõi, gọi là có mang bằng cách dùng tay được sanh lên cõi Phương tiện hữu xoa dưới rún. dư và Phương tiện hoá thân, đến Năm, Kiến sắc thọ thai. lúc đoạn hoặc chứng quả. Có một người nữ đã đến tuổi Nhân dời quả đổi, xét về sanh dậy thì, mà không có được người tử; đó là biến dịch sanh tử. nam để giao hợp. Khi dục tình lên (Nhân dời quả đổi là như sơ quá mức, chỉ thấy người nam thì quả là nhân, nhị quả là quả; nhị quả liền có mang. Đó gọi là có mang là nhân, tam quả là quả; tam quả là chỉ cần thấy khác phái. nhân, tứ quả là quả. Sáu, Văn thinh thọ thai.

Cõi phương tiện là hàng Nhị vĩnh viễn dứt sạch, vào ngôi vị diệu thừa, tu đạo phương tiện, dứt kiến, giác, không chịu thân đời sau. Đó tư hoặc nên ở cõi ấy). là không sanh tử ở đời sau. Ba, Lưu nhập sanh tử. Vì chúng sanh vừa có ý thức THẤT NHẬT LUÂN mê mờ chân tánh, chạy theo vọng XUẤT tình, trôi vào biển khổ sanh tử, (Pháp uyển châu chìm nổi không ngừng. Đó là trôi vào biển khổ sanh tử. lâm). Bốn, Phản xuất sanh tử. Bảy mặt trời xuất hiện là tướng Nếu chúng sanh phát tâm tu của kiếp mạt: Từ khai thiên lập địa hành, bỏ vọng về chân, thì có thể ra cho đến kết thúc là một kiếp. khỏi sanh tử, đến thẳng Niết bàn. Khi đến cuối cùng hư hoại hoàn Đó gọi là ra ngoài sanh tử. toàn, thì hỏa tai sắp nổi lên. Tất cả Năm, Nhân duyên sanh tử. mọi người đều làm nghiệp ác, Các vị Bồ tát từ hoan hỉ địa trở khiến cho lâu ngày không mưa. về sau, đều lấy lý bất tư nghì là đối Trồng trọt cây cối ngũ cốc không tượng để làm nhân quán sát; lấy trí sống nổi. Suối, sông, mương, rạch vô lậu chân thật là chủ thể quán sát đều khô hết nước. làm duyên; cùng với việc phá vô Rất lâu về sau, gió thổi vào đến minh hoặc; lại vì công hạnh giáo đáy biển, bốc tung cung điện mặt hóa chúng sanh, nên thị hiện có trời ở trên núi tu di, đặt ra ngoài sanh có tử. Đó gọi là sanh tử vì có đường, chiếu khắp cả thế gian, cây nhân duyên. cỏ đều khô héo. Từ một mặt trời (Trí vô lậu chân chánh là trí tuệ cho đến bảy mặt trời tuần tự xuất của Bồ tát. Nhờ trí tuệ này mà dứt hiện, nước biển cũng khô hết. Đất trừ được hoặc, nghiệp để không rơi liền khô đến bốc khói, trời đất vào sanh tử; đối với trí của Nhị trống không, đến thẳng Phạm thiên, thừa thì trí huệ này là chân chánh). tất cả không còn gì, trống trơn; cho Sáu, Hậu hữu sanh tử. nên có thuyết bảy mặt trời xuất Vì Bồ tát ở pháp vân địa thứ hiện. mười, do một phẩm vô minh chưa (Đến thẳng Phạm thiên là khi dứt cuối cùng, nên còn một lần biến hỏa tai khởi lên thiêu đốt đến trời dịch sanh tử. Đó là sanh tử lần sơ thiền ở cõi sắc). cuối. Một, Một mặt trời xuất hiện. (Phẩm vô minh hoặc cuối cùng Khi một mặt trời xuất hiện, cây là vô minh hoặc có bốnhai phẩm, cỏ héo khô tức thì. đây là phẩm cuối cùng). Hai, Hai mặt trời xuất hiện. Bảy, Vô hậu sanh tử. Khi hai mặt trời xuất hiện, nước Vì Bồ tát ở vị đẳng giác, phá trong bốn biển lớn, từ 100 do tuần phẩm cuối cùng vô minh phiền não, đến 700 do tuần, tự nhiên khô hết.

Ba, Ba mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất hiện thì Khi ba mặt trời xuất hiện, nước quả đất, núi Tu di từ từ rệu rã, hư trong bốn biển, từ 1000 do tuần đến hoại, 100.000 do tuần không còn 7000 do tuần, đều khô hết . sót một cái gì; núi non trống rổng; Bốn, Bốn mặt trời xuất hiện. châu báu bể nát; sấm vang lửa chớp Khi bốn mặt trời xuất hiện, cho đến trời Phạm thiên; tất cả ác nước trong bốn biển, sâu mười00 đạo đều trống không, chẳng còn gì. do tuần, cũng đều khô hết. Năm, Năm mặt trời xuất hiện. PHÁP MỘT THỜI THẤT Khi năm mặt trời xuất hiện, UẾ HÀNH nước trong bốn biển, ngang dọc (Xuất hiện 7000 do tuần, cũng đều khô hết. Kinh Trường A hàm nói: khi kinh). năm mặt trời xuất hiện, nước trong Một, Bách tuế trì giới vị ác sở biển, từ đó, giảm dần, giống như phá. sau cơn mưa mùa xuân, nước còn Vào thời kỳ pháp Phật sắp diệt đọng lại trong lỗ chân trâu, cho đến (mất), có người giữ giới, đã tròn khô hết, không đủ nuôi sống người 100 tuổi; chỉ trong chốc lát, đã bị và vật. phá hoại bởi kẻ ác tri thức. Đó gọi Sáu, Sáu mặt trời xuất hiện. là việc làm bất tịnh khi Phật pháp Khi sáu mặt trời xuất hiện thì mai một. trái đất này, dày 68000 do tuần, đều Hai, Cửu

hạnh từ tâm vị sân sở trở thành khói, bốc hơi, từ núi Tu di hoại. đến 3000 đại thiên thế giới và tám Vào thời Phật pháp sắp diệp, có địa ngục lớn đều cháy rụi, trở thành người thực hành bình đẳng, từ bi, tro bụi. Nhân dân, trời lục dục đều nhẫn nhục từ lâu, chưa từng ngừng chết hết; cung điện không còn gì, nghỉ. Sân hận bỗng nổi lên, thiện tất cả đều đổi thay, không giữ được căn ấy bị tiêu mất. Đó là việc làm lâu. bất tịnh khi Phật pháp mai một. (Tám địa ngục lớn là hoạt địa Ba, Bạc tiện bất tuỳ sư giáo. ngục, hắc thằng địa ngục, hợp hội Vào thời pháp Phật sắp diệt, địa ngục, khiếu hoán địa ngục, đại hạnh lành ít ỏi. Vì người đi theo khiếu hoán địa ngục, nhiệt địa con đường này (đạo nghiệp) đều là ngục, đại nhiệt địa ngục, A tỳ địa hạng khinh bạc, ô uế, đê tiện; ngục. không tu tập oai nghi, không chí Lục dục thiên là Tứ thiên tiến thủ; không nghe lời dạy bảo vương, Đao lợi thiên, Dạ ma thiên, của sư trưởng; ham mê theo đám hạ Đâu xuất thiên, Hóa lạc thiên, Tha lưu; không hiểu biết gì. Đó là việc hóa tự tại thiên). làm bất tịnh khi Phật pháp mai một. Bảy, Bảy mặt trời xuất hiện. Bốn, Hỗ tranh thắng phụ.

Vào thời Phật pháp sắp diệt, làm nhục. Đệ tử đã bị làm nhục thì chánh pháp không còn lưu hành; giáo lý của Phật đà còn gì. Đó là nhân, ngã sai lầm nổi lên, đúng đây việc làm bất tịnh khi Phật pháp mai sai kia và ngược lại, bêu xấu lẫn một. nhau; mong mình thắng người thua; chỉ so đo tốt xấu, giỏi dở; không NHƯ LAI BÁT TƯỚNG suy tư bỏ tà về chánh. Đó là việc (Thích ca phổ). làm bất tịnh khi Phật pháp mai một. Năm,
Đấu loạn bỉ thử. Như lai bát tướng là, trong kinh Vào thời pháp Phật sắp diệt, Pháp hoa nói rõ đức Thích Ca Như người xuất gia, hoặc ở thành phố lai ở vô lượng kiếp trước đã thành hay thôn quê, tham cầu lợi dưỡng; chánh giác. Vì tâm từ và nguyện ngã mạn cống cao; trái ngược đạo lực lợi ích cho chúng sanh, nên thị lý; rối loạn luân thường; tranh hiện sanh, diệt ở vô số cõi nước giành phải trái, tốt xấu; nói xấu lẫn trong mười phương, không chỗ nào nhau; đấu tranh không thôi. giống ở chỗ nào, đâu chỉ Ngài thị Những người ấy chỉ biết kết bè hiện ở cõi Diêm phù đề này. làm điều sai trái, chẳng nghĩ đến Nay luận về sự thị hiện của việc hoằng dương, giữ gìn giáo Phật từ trước đến giờ thì phải có đủ pháp. Đó là việc làm bất tịnh khi tám tướng. Đó là nguyên nhân thị Phật pháp mai một. hiện sự giống nhau của nhân và Sáu, Tham trước lợi dưỡng. pháp. Vào thời pháp Phật sắp diệt, Một, Giáng Đâu suất tướng. người xuất gia, phần nhiều tham Tiếng Phạn là Đâu suất, tiếng lam lợi dưỡng, mở rộng ruộng Hoa là Tri túc, vì các vị trời ở cõi vườn canh tác, chỉ lo bồi đắp cho này, đối với năm cảnh dục, biết đủ thân thể, không để tâm đến lao biết dừng. nhọc, nên bệnh hoạn ùa đến, không Vì Bồ tát, từ trời Đâu suất, sắp thể xiển dương Phật pháp. Đó là giáng thần, quán sát nước Ca tỳ la việc làm bất tịnh khi Phật pháp mai ở trong cõi Diêm phù đề, là nơi một. trung tâm mà chư Phật từ xưa đều Bảy, Phàm thánh giai bị huỷ chọn sanh ra ở đấy. Lúc bấy giờ, nhục. Bồ tát hiện ra năm điềm lành: 1) Vào thời pháp Phật sắp diệt, Phóng ra ánh sáng lớn; 2) Đại địa việc dạy bảo về đạo lý không rõ chấn động; 3) Cung điện bị che ràng; lấy ngụy làm loạn chân; lấy tà khuất; 4) Mặt trời, mặt trăng, tinh làm bẩn chánh; phải, trái không rõ tú không còn sáng tỏ nữa; 5) Các ràng; phàm, thánh không phân biệt. chúng trời, rồng đều sợ hãi hết. Vì vậy cho nên, từ phàm phu Hiện năm điềm lành rồi thì hạ tăng cho đến bậc A la hán đều bị sanh. Đó gọi là giáng Đâu suất người khinh thường, nhạo báng, tướng.

(Bồ tát tức là Thích ca Như lai. Khi Thái tử tuổi đến mộtchín, Tiếng Phạn là Ca tỳ la, tiếng Hoa là đi du ngoạn bốn cửa thành, gặp các Hoàng sắc). cảnh già, bệnh, chết, sanh chán Hai, Thác thai tướng. cuộc đời vô thường, suy nghĩ muốn Khi Bồ tát sắp thác thai, quan xuất gia, đến thưa với vua cha: Cầu sát vua Tịnh phạn tánh hạnh nhân xin được xuất gia. Vua cha không từ, phu nhân là Ma da, 500 đời đồng ý. trước, đã từng là mẹ của Bồ tát, nên Vào ngày bảy tháng hai, thân ứng hiện đến bà để thác thai. Bậc phóng ra ánh sáng lớn, chiếu đến đại cơ thì thấy ở trong chiên đàn cung điện Tứ thiên vương, cho đến lâu các; bậc tiểu cơ thì thấy cưỡi cung điện trời Tịnh cư. Các trời đều voi trắng sáu ngà, cùng vô lượng nhìn thấy và đến chỗ của Thái tử chư thiên hòa tấu kỹ nhạc, từ hông lạy xuống chân Ngài và thưa rằng: phải đi vào, thân sáng chiếu ra Hạnh nguyện tu hành từ vô lượng ngoài như lưu ly. Đó gọi là thác kiếp, nay lực đã thành thục. Vào thai tướng. lúc nửa đêm, Thái tử cưỡi ngựa (Tiếng Phạn là Ma da, gọi đủ là vượt thành, đến rừng khổ hạnh của Ma ha Ma da, tiếng Hoa là Đại tiên nhân Bạt già, cắt bỏ râu tóc. thuật). Đó là tướng xuất gia. Ba, Giáng sanh tướng. (Trời Tịnh cư tức là trời sắc Vào lúc mặt trời mới mọc, ngày giới). mùng tám tháng bốn, phu nhân Ma Năm, Hàng ma tướng. da tại vườn Tỳ lam, tay bà vịn cành Tiếng Phạn là Ma, gọi đủ là Ma vô ưu thì Bồ tát đi ra từ hông phải. la, tiếng Hoa là Năng đoạt mạng. Lúc ấy, dưới gốc cây vô ưu Khi Bồ tát, ở dưới cội cây Bồ mọc lên bảy cành hoa sen lớn như đề, sắp thành đạo thì quả đất rung bánh xe. Bồ tát đứng trên hoa ấy, đi động, phóng ra ánh sáng lớn, che vòng bảy bước, tay phải chỉ lên trời khuất cung ma. và nói: Ở trong tất cả trời và người, Lúc ấy Ma ba tuần liền lệnh ba ta là tôn thắng nhất. cô gái đến nơi phá hoại hạnh thanh Lúc bấy giờ long vương mưa tịnh của Bồ tát. Bồ tát dùng thần xuống hai thứ nước ấm và mát, tắm lực biến ma nữ thành bà già. Ma gội thân thể thái tử. Thân của Bồ vương giận lắm, ra lệnh thuộc hạ, tát sắc vàng có 32 tướng tốt, phóng trên thì thiên lôi làm sấm vang ra ánh sáng lớn, chiếu khắp tam động, mưa xuống bằng viên sắc thiên đại thiên thế giới. Đó là tướng nóng, dao mác gậy gộc, giương giáng sanh. cung bắn tên, tất cả đều ở lại không (Tiếng Phạn là Tỳ lam, gọi đủ trung, không thể rơi xuống đất và là Lam tì ni, tiếng Hoa là Giải thoát biên thành hoa sen. Bằng mọi cách xứ). như vậy mà không hại được Bồ tát, Bốn, Tướng xuất gia.

ma quân lo sợ chạy tán loạn. Đó là Như lai độ người đã xong, sắp tướng hàng phục ma. vào Niết bàn. Ngày rằm tháng hai, (Tiếng Phạn là ba tuần, tiếng giữa hai cây Ta la, ở thành Ca thi Hoa là Ác, tức là tên của ma na, nằm trên giường thất bảo. Rừng vương). cây bỗng nhiên, biến thành sắc Sáu, Thành đạo tướng. trắng, giống như chim hạc trắng; Bồ tát hàng phục ma rồi, phóng lúc ấy Phật dùng bữa cúng dường ra ánh sáng lớn thì liền nhập định, cuối cùng của ông Thuần đà đã biết tất cả những việc sống, chết, xong; nói với Văn thù sư lợi… thiện, ác đã làm ở quá khứ. rằng: Thiện nam, chỉ có tự tu lấy Vào ngày mùng tám tháng tâm mình; cẩn thận, chớ có buông chạp, lúc sao mai vừa mọc, hoát lung. nhiên đại ngộ đạo vô thượng, thành Đến giữa đêm, Phật vào Niết vô thượng chánh giác. Đó gọi là bàn. Trời, người… dùng hàng ngàn thành đạo tướng. thước vải len quấn quanh thân Phật Bảy, Thuyết pháp tướng. và để vào chiếc quan tài bằng thất Bồ tát đã thành đạo rồi, thì bảo, dầu thơm, gỗ thơm tẩm ướp muốn nói pháp độ cho chúng sanh, rồi thiêu. Xá lợi thu được chia làm nhưng suy tư rằng: Không ai có

khả tám phần, dựng tháp cúng dường. năng tin và nhận, nếu ta ở đời thì Đó là tướng Niết bàn. cũng vô ích, chi bằng vào Niết bàn. (Tiếng Phạn là Câu thi la, tiếng Lúc bấy giờ Phạm thiên, tiến Hoa là Giác thành, vì thành này có đến thưa Phật rằng: Bạch Thế tôn, ba góc. hôm nay biển pháp đã bày, cờ pháp Tiếng Phạn là Ta la, tiếng Hoa đã dựng, đúng là lúc mở đạo tràng là Kiên cố, vì vào mùa đông lạnh tiếp độ chúng sanh, vào Niết bàn và mùa hạ nóng mà cây này không mà không nói pháp? thay đổi sắc. Như lai nhận lời Phạm vương Tiếng Phạn là Văn thù sư lợi, thỉnh cầu liền đến vườn Lộc uyển, tiếng Hoa là Diệu đức. nói pháp Tứ đế độ năm anh em Chia xá lợi Phật làm tám phần: Kiều trần như và nói vô số giáo thành Câu thi la một phần; nước ba pháp Đại thừa và Tiểu thừa. Đó là kiên la bà một phần; nước Sư già tướng nói pháp. na bà một phần; nước A lặc giá một (Năm người nghe pháp đầu tiên phần; nước Tỳ nậu một phần; nước ở vườn Nai là Kiều trần như, Mã Tỳ ly một phần; nước Giá la ca la thắng, Bạt đề, Thập lực ca diếp, một phần; nước Ma già đà một Câu lợi thái tử). phần). Tám, Niết bàn tướng. Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng BÁT ĐẠI TỰ TẠI NGÃ Hoa là Diệt độ. (Niết bàn kinh)

Ngã có nghĩa là tự tại. Hằng mà không thấy có chướng Vì Phật có thần lực lớn, có trí ngại. huệ lớn, nên có thể tuỳ cơ thị hiện, Bốn, Hiện vô lượng loại thường tự tại khéo léo mầu nhiệm. Trong cư nhất độ. kinh nói ngã của Phật là thường, Như lai, tuy là vì chúng sanh, lạc, ngã, tịnh. hiện thân chúng sanh, mà vẫn ở Lạc là không có cái khổ của một cõi nước, tự tại vô ngại. sống, chết. Kinh nói: Tâm của Như lai an Ngã là tám tự tại. trụ bất động mà có thể tuỳ theo Tịnh là phiền não, nghiệp quả chúng sanh hiện ra vô lượng hình hoàn toàn hết. thể. Lại nói thân của Như lai Thường là không thay đổi. thường ở trong một cõi, mà chúng Đầy đủ tám tự tại này, nên gọi sanh tất cả cõi khác đều thấy được. là ngã đức. Năm, Chư căn hỗ dụng. Một, Có thể hiện một thân Vì các căn của Như lai, xử thành nhiều thân. dụng lẫn nhau, tự tại vô ngại. Một thân nhiều thân là ở trong Kinh nói: một căn của Như lai một thân hiện ra vô số thân. có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi Kinh nói: Thân của Như lai mùi, phân biệt các vị, hiểu rõ xúc nhiều như vi trần, đầy cả mười giác và biết được pháp trần. một phương thế giới không thể tính hết. căn đã vậy, các căn khác cũng vậy. Bởi vì cái thể của pháp thân mà Sáu, Nhất thiết pháp như vô Như lai chứng được, khắp tất cả pháp tưởng. mọi nơi. Toàn bộ cái thể này, đem Vì Như lai biết tánh của tất cả ra ứng dụng, cho nên có khả năng pháp vốn vắng lặng; nếu nói có một và nhiều đều tự tại. pháp có thể chứng đắc là hư vọng Hai , Thị nhất trần thân mãn đại (giả dối không thật). chính vì vậy, thiên giới. tuy là có sở chứng, nhưng chớ Thân nhỏ như hại bụi mà đầy tưởng có cái năng chứng; đối với cả đại thiên giới là vì thể pháp tánh các pháp dung thông, tự tại vô ngại. của Như lai bao hàm tất cả hai mặt Kinh nói: Nếu có thì mới gọi là không gian và thời gian. Vì vậy được; thật sự không có, sao gọi là một thân nhỏ như vi trần cùng với được; vì tự tại nên chẳng được mà cái lượng của pháp thân to lớn như gọi là được. nhau, cho nên đầy khắp cả đại thiên Bảy, Thuyết nhất kệ nghĩa kinh thê giới và tự tại vô ngại. vô lượng kiếp. Ba, Đại thân khinh cử viễn đáo. Vì trí huệ biện tài của Như lai, Vì thân to lớn của Như lai, bay, diễn nói ý nghĩa của một bài kệ, dù đi, cử động nhẹ nhàng bay lên trải quả nhiều kiếp cũng không hết không trung và đi qua thế giới chư được; tự tại vô ngại, nói năng hợp Phật bằng hai mươi lần số cát sông lý tánh.

Kinh nói: Như lai nói ý nghĩa cho người nghe tâm được thoải của bài kệ, trãi qua vô lượng kiếp, mái, cởi mở và hiểu rõ nghĩa lý; nghĩa ấy cũng không hết. nên gọi là hòa thích âm. Tám, Thân biến chư xứ du như Bốn, Tôn huệ âm. hư không. Vì ngôi vị của Phật rất quý Bởi Như lai, vì các chúng sanh, trọng và cao cả, tâm trí huệ thông hiện thân ra mọi nơi, nói pháp, suốt, âm thanh được nói ra, có thể giống như hư không; không có hình khiến cho người nghe tôn trọng, tướng cố định, tuỳ duyên giáo hóa, mở mang trí huệ và sáng suốt, nên tự tại vô ngại. gọi là tôn huệ âm. Kinh nói: Tánh của hư không Năm, Bất nữ âm. không thể thấy được, Như lai cũng Vì Phật ở định Thủ lăng như thế, không thể thấy được; vì tự nghiêm, có đức đại hùng, âm thanh tại mà làm cho tất cả thấy được. nói ra, có thể khiến cho tất cả người nghe kính trọng, khâm phục; trời, BÁT ÂM ma, ngoại đạo đều quy phục; nên (Pháp giới thứ đệ) gọi là bất nữ âm.
(Tiếng Phạn là Thủ lăng Âm thanh của Như lai nói ra nghiêm, tiếng Hoa là Kiện tướng ngôn từ thanh nhã, làm cho chúng phân biệt, nghĩa là có thể hàng sanh nghe được liền hiểu thấu phục được tất cả ma). nghĩa lý. Có tám loại âm thanh. Sáu, Bất ngộ âm. Một, Cực hảo âm. Vì trí của Phật viên mãn sáng Tất cả trời, Nhị thừa, Bồ tát đều suốt, chiếu soi vô ngại, âm thanh có âm thanh hay đẹp, nhưng chưa nói ra là sự thật chắc chắn, không đến tuyệt đỉnh, chỉ có âm thanh của có sai lầm, có thể khiến cho người Phật đạt đến tuyệt hảo mà thôi. nghe thu thập được những hiểu biết Âm thanh mà người nghe chân chánh; nên gọi là bất ngộ âm. không chán, đi vào đạo nhiệm mầu Bảy, Thâm viễn âm. được, nên gọi là cực hảo âm. Trí của Phật sâu rộng, hành vi Hai, Nhu nhuyến âm. rất siêu việt, âm thanh nói ra, từ Vì Phật lấy từ thiện làm tâm, gần đến xa, thấu đến mười âm thanh nói ra, khéo léo vừa lòng phương, khiến cho gần nghe không mọi người, có thể làm cho người lớn, xa nghe không nhỏ, đều hiểu nghe vui vẻ, bỏ đi tâm ương ngạnh; được rõ ràng, sâu sắc nghĩa lý nên gọi là nhu nhuyến âm. huyền diệu; nên gọi là thâm viễn Ba, Hòa thích âm. âm. Vì Phật thường ở trong trung Tám, Bất diệt âm. đạo, hiểu biết sâu sắc và ung dung Vì hạnh nguyện của Như lai vô với mọi sự việc, nên âm thanh nói tận, ở trong kho pháp vô tận, âm ra hòa nhã, đúng đắn, có thể khiến thanh nói ra, người nghe tìm ra

nghĩa lý trong ngôn ngữ vô tận vô Bảy, Bất nghịch ngữ. cùng (không bao giờ hết; nên gọi là Vì Phật nói pháp khế lý và khế bất diệt âm). cơ, không trái lại với thực tế, khiến cho mọi người đều có ích lợi; nên BÁT CHI NGỮ gọi là bất nghịch ngữ. (Hiển dương thánh giáo Tám, Vô biên ngữ. Vì Phật nói pháp, có đầy đủ trí luận) huệ, biện tài, hợp với lý tánh của Một, Thượng thủ ngữ. muôn vật và đi đến cứu cánh; nên Thủ là bắt đầu. gọi là vô biên ngữ. Vì, tất cả những gì, Phật nói, trước hết, đều hướng đến con BÁT PHẦN PHÂN NHƯ đường dẫn đến Niết bàn, nên gọi là LAI XÁ LỢI thượng thủ ngữ.

(Niết bàn Hai, Mỹ diệu ngữ. Vì pháp Phật nói ra với ngôn từ kinh luận phần).
mềm mại, đẹp đẽ vi diệu, khiến cho Đức Thích Ca, sau khi trà tì ở người thích nghe; nên gọi là mỹ thành Câu thi na, thì các nước đem diệu ngữ. binh đến để giành xá lợi. Lúc ấy, có Ba, Hiển liễu ngữ. người Bà la môn để chấm dứt việc Vì Phật nói pháp tuỳ căn cơ của tranh giành ấy và phân xá lợi Phật chúng sanh mà trình bày về sự và làm tám phần cho tám nước xây lý một cách minh bạch; nên gọi là tháp cúng dường. hiển liễu ngữ. (Tiếng Phạn là trà tì, tiếng Hoa Bốn, Dị giải ngữ. là phần thiêu. Vì Phật nói pháp

bằng phương Tiếng Phạn là Xá lợi, tiếng Hoa tiện khéo léo, khiến cho chúng sanh là Cốt thân. liền được hiểu rõ; nên gọi là dị giải Một, Câu thi thành. ngữ. Các lực sĩ ở thành Câu thi nhận Năm, Nhạo văn ngữ. một phần xá lợi, đó là nước ở chính Vì Phật nói pháp thích hợp với giữa, để xây tháp cúng dường. trình độ của chúng sanh bằng ngôn Hai, Ba kiên la bà quốc. ngữ bao quát cả sự và lý đều minh Lực sĩ của nước nầy nhận một bạch; thích hợp với mọi người, ai phần xá lợi, đem về nước dựng nấy cũng muốn nghe; nên gọi là tháp cúng dường xá lợi Phật. nhạo văn ngữ. Ba, Sư già na bà quốc. Sáu, Vô y ngữ. Chúng Câu lâu la của nước này Vì Phật nói pháp tùy căn cơ chỉ nhận một phần xá lợi, đem về nước bày đạo lý, không bị vướng mắc dựng tháp cúng dường. vào bất cứ cái gì; nên gọi là vô y Bốn, A lặc già quốc. ngữ.

Các vị Sát đế lợi của nước này tháp được xây dựng ấy là những nhận một phần xá lợi, đem về nước nơi Phật đã giáng sanh. xây tháp cúng dường. Một, Ca tỳ la thành Long di nễ (Tiếng Phạn là Sát đế lợi, tiếng viên. Hoa là Điền chủ). Tiếng Phạn là Ca tỳ la, tiếng Năm, Tỳ nậu quốc. Hoa là Hoàng sắc. Các vị Bà la môn của nước Tỳ Tiếng Phạn là Long di nễ, còn nậu nhận một phần xá lợi, đem về gọi là Lâm tì ni, tiếng Hoa là Giải nước xây tháp cúng dường. thoát xứ. Phật giáng sinh ở vườn Sáu, Tỳ ly quốc. này, thì phải xây tháp để biểu Các Lê xa của nước Tỳ ly nhận tượng di tích linh thiêng. một phần xá lợi, đem về nước xây Hai, Ma già đà viên Ni liên hà tháp cúng dường. viên. Bảy, Già la ca la quốc. Tiếng Phạn là là Ma già đà, Các vị Thích tử của nước này tiếng Hoa là Thiện thắng. Phật ngồi nhận một phần xá lợi, đem về nước dưới cây Bồ đề, bên bờ sông này xây tháp cúng dường. mà thành chánh giác, nên xây tháp Tám, Ma già đà quốc. ở đây cúng dường. Vua A xà thế nhận một phần xá Ba, Ba la nại thành. lợi, đem về nước xây tháp cúng Tiếng Phạn là ba la nại, tiếng dường. Hoa là Lộc uyển. Phật, vì Thinh (Tiếng Phạn là Ma già đà, tiếng văn, Duyên giác, nói pháp Tứ đế, Hoa là Thiện thắng. nên xây tháp cúng dường. Tiếng Phạn là A xà thế, tiếng Bốn, Xá vệ quốc kỳ đà viên. Hoa là Vị sanh oán) Tiếng Phạn là Xá vệ , tiếng Hoa là Phong đức. BÁT ĐẠI LINH THÁP Tiếng Phạn là Kỳ đà, tiếng Hoa (Bát đại linh tháp là Chiến thắng. Phật nói pháp độ chúng sanh ở tại vườn này, nên xây kinh). tháp để cúng dường. Linh tháp của Phật có tám. Năm, Khúc nữ thành. Kinh nói: Nếu người phát khởi Ngày xưa, ở thành này có tiên tín tâm to lớn, xây dựng tháp, miếu, nhân tên là Đại thọ nguyền rũa đúng mực cúng dường, thì được lợi chínchín cô gái bằng một yêu khúc, ích rất nhiều, được quả báo lớn, nên gọi là khúc nữ. tiếng tăm vang lừng, ai cũng khen Phật nói pháp từ trời Đao lợi, ngợi. Người này khi chết thì được giáng xuống cõi này, nên xây tháp sanh lên trời. để cúng dường. Nhưng xá lợi của Phật, ở cõi Sáu, Vương xá thành. người và trên cõi trời, xây tháp rất Ngày xưa có 1000 vị vua đã nhiều. Kinh này còn ghi những từng ở đây, nên gọi là Vương xá.

Phật ở đây nói pháp độ chúng sanh, (Tiếng Phạn là A hàm, tiếng nên xây tháp để cùng dường. Hoa là vô tỉ pháp, nghĩa là các pháp Bảy, Quảng nghiêm thành. ở thế gian không thể đem ra so Thành này rộng rãi thanh tịnh, sánh được. trang nghiêm, nên có tên là Quảng Bốn kinh A hàm là Tăng nhất A nghiêm. Phật suy niệm về thọ hàm, Trường A hàm, Trung A hàm, lượng ở nơi này, nên xây tháp để Tạp A hàm). cúng dường. Hai, Luật tạng. Tám, Câu thi na thành. Luật tạng tức là Tứ phần luật, Giữa hai

cây Song thọ, ở thành Thập tung luật v.v… Sa la, Phật đi vào Niết bàn, nên xây (Tứ phần luật là bốn phần sau: tháp để cúng dường. một) Tỳ kheo pháp, hai) Tỳ kheo ni pháp, ba) Thọ giới pháp, bốn) Diệt BÁT TẠNG tránh pháp. (Hoa nghiêm kinh Tuỳ sớ Thập tụng luật là bộ luật mà Ngài Ưu ba ly, đệ tử của Phật, đã diễn nghĩa sao). tụng mười lần) Tạng có nghĩa là chứa đựng. Ba, Luận tạng. Vì chứa đựng nghĩa lý, văn Luận tạng tức là các luận A tỳ chương các pháp, mà có được kinh, đàm. luật, luận, chú khác nhau. (Tiếng Phạn là A tỳ đàm, tiếng Kinh là pháp, là thường vậy. Hoa là Vô tỷ pháp, vì sự phân biệt Nguyên tắc của tất cả thánh nghĩa lý các pháp của thánh nhân nhân gọi là pháp. Các ma bên ngoài không thể so sánh với bất cứ sự không thể làm hư hoại được gọi là phân biệt nào khác được). thường. Bốn, Chú tạng. Luật là pháp. Chú tạng tức là tạng Đà la ni Vì phân chia các tội nặng, nhẹ, chuyên trị tất cả bệnh tật. trì, phạm, giống như pháp luật ở (Tiếng Phạn là Đà la ni, tiếng đời. Hoa là Chú, cũng gọi là Năng trì, Luận là bàn luận nghĩa lý thâm nghĩa là giữ gìn điều lành không để sâu của các pháp. cho mất và ngăn chặn điều ác Chú là nguyện (mong ước) vậy. không cho sanh ra. Vì mong ước mọi việc đều tốt Trên đây là bốn tạng của Thinh đẹp, như ý. văn). Vì Thinh văn, Duyên giác, Tiểu Năm, Kinh tạng. thừa, Đại thừa không giống nhau, Kinh tạng tức là Diệu pháp liên nên có tên là tám tạng. hoa kinh, Đại phương quảng Phật Một, Kinh tạng. hoa nghiêm kinh v.v… Kinh tạng tức là bốn kinh A Sáu, Luật tạng. hàm.

Luật tạng là Bồ tát thiện giới Các kinh Đại thừa đức Phật đã kinh, Phạm võng giới v.v… nói rõ các pháp nhân tu tập, quả Bảy, Luận tạng. chứng đắc của các vị Bồ tát; đó là Luận tạng tức là luận Đại trí độ, Bồ tát tạng. luận Thập địa kinh v.v… Sáu, Tạp tạng. Tám, Chú tạng. Các kinh đai thừa, Tiểu thừa và Chú tạng tức là Lăng nghiêm nói rõ các pháp tu nhân, chứng quả chú, Đại bi chú v.v.. của Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát, (Bốn tạng sau là bốn tạng của trời, người; đó là tạp tạng. Bồ tát). Bảy, Kim cang tạng. Các pháp Phật nói về tu nhân, BÁT TẠNG chứng quả của Đẳng giác Bồ tát, (Tạng có nghĩa là chứa bằng trí huệ sắc bén phá trừ hoặc nghiệp, có thể dứt hết vi tế vô minh đựng. cuối cùng; nên gọi là tâm Kim cang Vì sau khi Phật Diệt độ, Ngài A của Đẳng giác Bồ tát. nan kết tập tất cả kinh pháp mà Tám, Phật tạng. Phật đã nói, tám tạng này thu nhiếp Các kinh Đại thừa Phật nói rõ tất cả không để sai sót: pháp của tất cả Phật nói ra và thần Một, Thai hóa tạng. thông biến hiện các việc lợi ích cho Là Phật nói những việc hóa chúng sanh. hiện ở trong thai, như kinh Bồ tát xử thai nói. BÁT BỘ BÁT NHÃ Hai, Ma ha diễn tạng. (Bát nhã kinh). Tiếng Phạn là Ma ha diễn, tiếng Hoa là Đại thừa.
Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng Ma ha diễn tạng là các kinh Đại Hoa là Trí huệ. thừa: Pháp hoa, Niết bàn, Hoa Vào thời thứ tư trong một đời nghiêm mà Phật đã nói. nói pháp của Phật, kinh đã nhiều và Ba, Trung ấm tạng. pháp cũng nhiều; nên đặt tên làm Sắc thân này sau khi chết, trước tám bộ. khi đầu thai, gọi là trung ấm. Một, Đại phẩm Bát nhã. Trung ấm tạng là như Phật đã Vì Phật nói năm uẩn, 12 nhập, nói các kinh trung ấm. 18 giới, 37 phẩm đạo phẩm đều từ Bốn, Giới luật tạng. sáu Ba la mật sanh ra. Bát nhã ba la Là các giới pháp đã được Phật mật này là số một, rất lớn rất siêu chế ra cho tại gia, xuất gia, Đại việt. Ngoài năm bộ ra, nếu không thừa, Tiểu thừa; như bộ luật Tăng có Bát nhã hướng dẫn thì không để kỳ v.v… gọi là Ba la mật, hơn nữa kinh Bát Năm, Bồ tát tạng. nhã có số lượng nhiều; nên gọi là đại phẩm Bát nhã.

(37 đạo phẩm là bốn niệm xứ, khó cắt đứt của chúng sanh. Đó là bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm Kim cang Bát nhã. căn, năm lực, bảy giác phần, tám Bảy, Thắng thiên vương Bát chánh đạo). nhã. Hai, Tiểu phẩm Bát nhã. Vua Thắng thiên hỏi Phật rằng So với đại phẩm Bát nhã thì yếu Bồ tát ma ha tát làm cách nào tu chỉ giống nhau, vì số lượng ít hơn; học một pháp mà thông hiểu được gọi là tiểu phẩm Bát nhã. tất cả pháp. Ba, Phóng quang Bát nhã. Phật trở lời: Bồ tát ma ha tát tu Đức Thế tôn vào Tam muội, học kinh Bát nhã ba la mật thì có phóng đại quang từ chân đến nhục thể thông hiểu được đàn ba la mật kế và các lỗ chân lông, soi sáng cho đến trí huệ ba la mật. khắp cõi nước ở mười phương, vì Kinh này do vua Thắng thiên các vị Bồ tát mà nói kinh này; nên hỏi Phật mà có; nên gọi là Thắng gọi là phóng quang Bát nhã. thiên vương Bát nhã. (Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Tám, Văn thù vấn Bát nhã. Hoa là chánh định). Văn thù sư lợi thưa Phật rằng Bốn, Quang tán Bát nhã. con có thể quan sát các tướng bất Quang tức là ánh sáng. Tán tức dị, bất động, bất tác, vô sanh, vô là giảng thuyết. diệt, bất hữu, bất vô của Như lai Vì từ lưỡi của Phật phóng ra vô được không ? số ánh sáng, chiếu khắp 3000 thế Phật trả lời: Nếu có thể thấy giới. Trong ánh sáng ấy, tự nhiên Như lai như vậy, tâm không vướng hiện ra vô số hoa sen màu vàng rực mắc, cũng không có gì không rõ. Trên mỗi hoa sen, có các đức vướng mắc. Đó thật là điều ít có. Phật giảng nói kinh này. Đó gọi là Kinh này do đức Văn thù hỏi quang tán Bát nhã. mà có; nên gọi là Văn thù vấn Bát Năm, Đạo hạnh Bát nhã. nhã. Phật nói Pháp khiến cho chúng sanh nghe được vui thích, trao đổi BÁT HOÀN BIỆN KIẾN lẫn nhau, cùng nhau học hỏi, thành (Lăng nghiêm kinh). tựu đạo hạnh. Đó gọi là đạo hạnh Bát nhã. Hoàn là trả về. Biện là phân Sáu, Kim cang Bát nhã. biệt. Kim cang là dụ. Bát nhã là Kiến tức là tánh thấy. pháp. Bát hoàn biện kiến là dùng tám Lấy Kim cang chắc chắn, sắc trường hợp cảnh có thể trả về, mà bén có thể cắt đứt những thứ khó tánh thấy phân biệt không thể trả cắt đứt, có thể nghiềng nhỏ muôn về. vật để thí dụ cho không huệ Bát Nguyên do này là vì Ngài A nhã, có thể cắt đứt những mê lầm nan không biết trần thì có sanh có

diệt; thấy thì không giao động, mà Nếu tánh thấy cũng có thể trả lầm nhận vướng vào trần và theo về, thì lúc không có bóng tối, cũng trần phân biêt. Vì vậy Phật dùng sẽ không thấy ánh sáng; nên gọi là hai tâm và cảnh, phân biệt đúng và ám hoàn hắc ngoạt. sai. Ba, Thông hoàn hộ dũ. Đề cập về tâm thì nói, nay sẽ Kinh nói: Cửa mở ra thì lại thấy chỉ cho ông biết, không có chỗ trả thông nên nói là trả về. Cửa có mở về. thì thấy thông; nếu không mở thì Đề cập đến cảnh thì nói mỗi không thấy thông. Đó là thông cảnh trả về chỗ bắt đầu của nó. thuộc về cửa mở, nên trả về cho Việc làm rõ cảnh bị thấy này có cửa mở. Phải biết rằng khoảng thể trả về mà tánh thấy không thể thông được thấy thì có thể trả về; trả về, hoàn toàn dựa vào tám thứ còn tánh thấy thì không thể trả về. tướng biến hóa để phân biệt chúng. Nếu tánh thấy cũng có thể trở Một, Minh hoàn nhật luân. về, thì không có chỗ thông, cũng Kinh nói: Giảng đường lớn này chẳng thấy chỗ lập lại (chặn lại); các cửa mở toang, mặt trời mọc lên nên mới gọi là thông trả về cho cửa từ phương đông, thì có ánh sáng. mở. Nay nói trả về: nghĩa là giảng Bốn, Ủng hoàn tường vũ. đường có mặt trời mọc lên thì sáng, Kinh nói: Trong khoảng tường không có mặt trời thì tối. Điều ấy nhà thì tầm nhìn bị ngăn chặn, nên cho ta biết sáng là

nhờ ở mặt trời; nói là trả về. Vì có tường nhà nên nên trả ánh sáng về với mặt trời thì nhìn thấy bị chặn lại. Nếu không tối. Nhưng ánh sáng là trần cảnh tường thì cái thấy không bị chặn lại thì có sanh có diệt, còn tánh thấy . Như vậy sự chặn lại là thuộc về vốn không sanh, không diệt. Vì vậy tường nhà; nên trả lại tường vách, ánh sáng bị thấy có thể trả về, còn thì nhận ra chặn lại cái bị thấy có tánh thấy không trả về. thể trả về, còn tánh thấy không thể Nếu tánh thấy cũng có thể trả trả về. về, thì khi không ánh sáng, sẽ Nếu tánh thấy cũng có thể trả không thấy tối; cho nên nói là ánh về thì chỗ chặn lại không có và lại sáng trả về mặt trời. không thấy có chỗ không chặn. Vì Hai, Ám hoàn hắc ngoạt. vậy, gọi là chặn lại trả về cho tường Kinh nói: Giữa đêm tối cuối nhà. tháng, mây mờ u ám, đó là trả về Năm, Duyên hoàn phân biệt. cho bóng tối. Vì rằng nửa tháng Kinh nói: Ở chỗ phân biệt, thì đầu thì sáng, nửa tháng sau thì tối; thấy duyên. Nói trả duyên về, nghĩa thế là tối là do nửa tháng sau, nên là có đối tượng phân biệt thì có biết rằng bóng tối bị thấy thì có thể tướng bị phân biệt. trả về, còn tánh thấy thì không thể Nếu không có cảnh năm trần trả về. làm đối tượng, thì không có tướng

của duyên để có thể phân biệt. Đó Kinh nói: hiện tượng mù mịt chính là duyên thuộc về phân biệt, bốc lên là bụi trần mờ tối đang cho nên trả duyên về cho phân biệt. xoay vầng; nói trả nó về là vì có Phải biết rằng cái tướng phân biệt bụi trần, mới thấy mù mịt. Không của sở duyên thì có thể trả về, có bụi trần thì không thấy tối tăm; nhưng tánh năng phân biệt thì do đó mù mịt là thuộc về bụi trần, không thể trả về. cho nên nói trả về cho bụi trần. Nếu tánh năng phân biệt mà Phải biết rằng cái đối tượng mù cũng có thể trả về, thì khi không mịt ấy thì có thể trả về, còn tánh duyên cảnh, thì cũng không thể biết thấy thì không thể trả về. được là vô phân biệt; nên nói duyên Nếu tánh thấy cũng trả về cho trả về cho phân biệt. bụi bặm, thì khi không có bụi bặm, (Duyên tức là nói buộc, nghĩa không thấy trong sáng được nữa; là tâm bị trói buộc vào năm trần. nên nói mù mịt trả về cho bụi bặm. Đối tượng là năm trần). Tám, Thanh minh hoàn tễ. Sáu, Ngoan hư hoàn không. Kinh nói: Mưa tạnh trời trong Ngoan là không biết gì (mà làm thì lại thấy trong trẻo yên tĩnh, nên càn) nói trong trẻo trả về cho mưa tạnh Ngoan hư là không có hình trời trong. Vì mưa tạnh thì thấy tướng gì, hoàn toàn không có tri trong trẻo yên tỉnh, tối tăm không giác. thấy được sự trong sáng đó. Đó là Kinh nói: Trong khoảng không trong sáng thuộc về mưa tạnh, nên có hình tướng, tánh không bao trùm nó lại trả về cho mưa tạnh. tất cả, nên nói là trả về. Vì không Phải biết rằng hiện tượng trong có trở ngại của hình tướng, thì hư sáng được thấy có thể trả về, nhưng không bao trùm tất cả. tánh thấy thì không thể trả về. Nếu có hình tướng, thì không Nếu tánh thấy cũng có thể trả thấy hư không, cho nên không hình về, thì khi không sáng, không thấy tướng là hư không, nên trả lại cho tối tăm được; nên gọi là trong sáng hư không. Phải biết rằng hư không trả về cho mưa tạnh. bị thấy, thì có thể trả về; còn tánh thấy thì không thể trả về. NIẾT BÀN BÁT VỊ Nếu tánh thấy cũng có thể trả (Phương đẳng bát nê về, khi không có hư không, thì không thấy hình tướng;
nên gọi là hoàn kinh). không có hình tướng (ngoan hư) Tiếng Phạn là Niết bàn, gọi đủ trả về hư không. là Ma ha bát Niết bàn na, tiếng Hoa Bảy, Uất bột hoàn trần. là Đại Diệt độ. Đại là pháp thân. Uất là đọng. Bột là hơi bốc lên Diệt là giải thoát. Độ là Bát nhã. thành hình dáng. Đây là ba lý tàng bí mật của tam đức.

Lý thể hàm tàng này ở, Phật ĐẠI HẢI BÁT BẤT TƯ NGHÌ không tăng, ở chúng sanh không DỤ NIẾT BÀN giảm, nhưng có tám thứ pháp vị, (Niết nên kinh
Nê hoàn lập ra tên của tám vị. bàn kinh). (Pháp vị là ý nghĩa và hương vị Một, Tiệm tiệm chuyển thâm. của các pháp). Như lai nói pháp Niết bàn, tuỳ Một, Thường trụ. thuận theo căn tánh của chúng Lý Niết bàn này còn mãi suốt sanh, dù lợi, dù độn, dù đại, dù tiểu, ba thời, luôn có trong mười tất cả đều thu hoạch được ích lợi, phương; nên gọi là thường trụ. lần lượt tu chứng mà đến chỗ cứu Hai, Tịch diệt. cánh. Lý Niết bàn này vắng lặng vô Như kinh đã nói: giới ưu bà tắc, vi, sanh tử hoàn toàn tiêu diệt; nên giới Sa di, giới Tỳ kheo, giới Bồ gọi là tịch diệt. tát, quả tu đà hoàn cho đến quả Bồ Ba, Bất lão. tát, quả Phật giống như các dòng Lý Niết bàn này không thay chảy của biển lớn, từ cạn đến sâu. đổi, không tăng giảm; nên gọi là Hai, Thâm nan đắc để. bất lão. Vì Như lai nói pháp Niết bàn, Bốn, Bất tử. viên dung lý, trí; nhiệm mầu không Lý Niết bàn này từ trước không xác định được. Tất cả Nhị thừa, Bồ sanh đến nay không diệt; nên gọi là tát đều không thể suy lường nỗi. bất tử. Như Kinh nói: hoặc nói ngã, vô Năm, Thanh tịnh. ngã; hoặc nói thường, vô thường; Lý Niết bàn này an trụ trong hoặc nói tịnh, bất tịnh; hoặc nói suốt, các chướng đều lặng im; nên không, bất không; cho đến nói năm gọi là thanh tịnh. ấm tức là Phật tánh. Đối với các Sáu, Hư thông. pháp như thế, nói không cùng tận. Lý Niết bàn này thấu suốt linh Giống chiều sâu của biển lớn, khó thông, viên dung vô ngại; nên gọi mà đến đáy được. là hư thông (thông suốt như hư Ba, Đồng nhất hàm vị. không). Vì Như lai nói pháp Niết bàn, Bảy, Bất động. tuy bốn giáo khác nhau, nhưng Lý Niết bàn này vắng lặng bất chúng sanh thảy đều cùng chứng động, mầu nhiêm vô vi, nên gọi là được lý thật tướng, cùng đến bậc bất động. đại học. Như Kinh nói: tất cả chúng Tám, Khoái lạc. sanh đều có tánh Phật, có chung Lý Niết bàn này không bị cái một con đường giải thoát, có chung khổ sanh tử bức bách, có cái vui một định luật nhân quả; cho đến tất chân thường vắng lặng; nên gọi là cả đều có thường, lạc, ngã, tịnh. khoái lạc.

Giống như biển lớn, tuy nhận 100 cá côn cá kình đều nương biển cả sông, cùng một vị mặn. mà ở. Bốn, Triều bất quá hạn. Bảy, Bất túc tử thi. Như lai nói thời Niết bàn, giúp Như lai nói pháp Niết bàn chỉ đỡ luật lệ thông thường, chế ra giới vì giữ gìn giới luật và bàn bạc về cấm, khiến cho các đệ tử như pháp thường trụ (không sanh diệt), làm thọ trì, không được vượt qua. cho chúng sanh không khởi lên tà Như kinh đã nói: Cấm các Tỳ kiến đoạn diệt. Ở thời mạt pháp, kheo không được cất chứa tám thứ chúng sanh sanh tâm thanh tịnh bất tịnh, giống như thuỷ triều lên chánh tín, xa lìa người tà ác. xuống sớm tối không trể hẹn. Như kinh nói: Xiển đề dèm pha (Tám vật bất tịnh là: 1) mua Đại thừa; phi pháp nói là pháp phi bán ruộng nhà, 2) trồng trọt, 3) pháp; thọ nhận và chứa cất tám thứ chứa lúa gạo, 4) nuôi đầy tớ, 5) vật bất tịnh; sử dụng vật dụng của nuôi súc vât, 6) chứa của quý, 7) Phật, của tăng tuỳ ý; hoặc Tỳ kheo, ngà voi chạm khắc, 8) chứa nồi niu Tỳ kheo ni làm những việc phi xoang chảo bằng đồng bằng sắt). pháp đều là những thây ma. Kinh Năm, Hữu chủng chủng bảo này xa lìa tất cả những thứ như vậy, tàng. giống như biển lớn không chứa tử Như lai nói pháp Niết bàn là thi. trân bảo của thế gian rất đáng tôn Tám, Vạn lưu đại vũ bất tăng quý. Tất cả chúng sanh thiếu thốn bất giảm. pháp tài, làm cho họ tu tập, đều Như lai nói pháp Niết bàn, rộng

được thoát khỏi khổ nạn bức bách, bàn về tánh Phật, nói nhiều về viên mà trở thành an vui, đầy đủ của thường, thanh tịnh bình đẳng, người xuất thế. không sanh không diệt. Chúng sanh Như kinh đã nói về các thứ và chư Phật cùng một nguồn giác, châu báu: Tứ niệm xứ, tứ chánh không có gì sai khác. cần cho đến trí huệ, công đức của Như kinh nói: Vì không giới Như lai, tất cả đều đầy đủ; giống hạn về thời gian và không gian; vì như biển lớn chứa vô số châu báu. không bắt đầu không kết thúc; vì Sáu, Đại thân chúng sanh cư thường còn không sanh không diệt; trú. vì tất cả chúng sanh đều bình đẳng; Như lai nói pháp Niết bàn sâu vì tất cả tánh Phật cùng một tánh xa vô lượng. Tất cả Phật và Bồ tát giống như vạn sông mưa lớn chảy đều nương đây mà ở. về biên cả mà biển không tăng Như kinh nói: Phật, Bồ tát có trí không giảm. huệ lớn, có thần thông lớn cho đến có từ bi lớn, tất cả giáo pháp của Phật đều được gìn giữ ở đây; giống như biển lớn, tất cả loài to lớn như

BÁT BỐI XẢ cũng gọi là Đây là vị bối xả đầu tiên ở trong Bát giải thoát định trời sơ thiền. (Tám màu sắc ánh sáng là thấy (Thiền ba la mật). màu của đất như đất sạch màu vàng Bối là trái ngược. Xả là vứt bỏ. trắng; thấy màu nước như nước Đại trí độ luận nói: Trái ngược sach trong vực sâu; thấy màu lửa với năm dục trong sạch, vứt bỏ tâm như khói là lửa của củi sạch; thấy chấp trước, nên gọi là bối xả. Tu màu gió như gió sạch không có bụi; tập pháp quán này thì phát sanh trí thấy sắc xanh như núi kim tinh; huệ vô lậu, dứt sạch kiến hoặc và tư thấy màu vàng như hoa đảm bặc; hoặc trong ba cõi, chứng quả A la thấy màu đỏ như ráng buổi sáng hán, thì đổi tên thành bát giải thoát. mùa xuân; thấy màu trắng như (Năm dục trong sạch là, nếu ở ngọc kha). cõi dục thì sắc, thinh, hương, vị, Hai, nội vô sắc tướng ngoại xúc là năm dục thô xấu nên gọi là quán sắc. bất tịnh; nếu ở sắc và vô sắc thì gọi Người tu hành vào nhị thiền thì là năm dục trong sạch. sắc tướng trong thân đã diệt trừ, Trí vô lậu là do trí huệ này của nên gọi là nội vô sắc tướng. Lại vì Nhị thừa dứt trừ hoặc nghiệp, tham dục ở dục giới khó dứt, còn không rơi vào sanh, tử. quán tưởng bất tịnh ở ngoài làm Kiến, tư hoặc là ý căn đối với cho sanh tâm chán ghét mong dứt pháp trần khởi lên các phân biệt gọi trừ cho được, nên nói là ngoại quán là kiến hoặc; năm căn đối với năm sắc. Đây là vị bối xả thứ hai ở trong trần khởi lên tham ái gọi là tư định của trời nhị thiền. hoặc). Ba, Tịnh bối xả thân tác chứng. Một, Nội hữu sắc tướng ngoại Tịnh tức là duyên với tướng quán sắc. sạch sẽ. Người tu hành, trước, quán sát Người tu hành sau bối xả thứ tướng trạng của sắc thân mình mục hai, trừ bỏ tướng bất tịnh của sắc nát, dơ dáy không thể yêu thương bên ngoài, chỉ ở trong định luyện được. Định tâm suy tưởng nhận ra tập tám màu sắc ánh sáng trong rằng một khi da thịt rã rời, thì chỉ trẻo sạch sẽ, như màu sắc của ngọc còn lại bộ xương trắng tám màu. Vì báu, nên gọi là tịnh bối xả. Tâm đã vậy, nói trong đã có sắc tướng, lại trong sáng, niềm vui từ từ tăng lên còn ham muốn ở cõi dục khó dứt khắp cả châu thân đều được an lạc, trừ, tuy là tự mình quán sát sự bất nên gọi là thân tác chứng. tịnh của thân này, lại còn phải quán Đây là vị bối xả thứ ba, ở trong sát người khác để nhàm chán cái định trời tam thiền. sắc thân ấy thì mới mong dứt trừ nó Bốn, Hư không xứ bối xả. được, nên gọi là ngoại quán sắc. Người tu hành sau khi ở cõi dục, đã trừ sạch sắc giới bất tịnh

của tự thân. Sau bối xả đầu tiên, lại Bảy, Phi hữu tưởng phi vô trừ bỏ sắc xương trắng trong thân. tưởng xứ bối xả. Sau bối xả thứ hai, lại trừ bỏ tất cả Người tu hành nếu bỏ vô sở sắc bất tịnh ở ngoài thân. Còn tám hữu xứ, chuyên tâm duyên phi hữu thứ tịnh sắc đều dựa vào tâm mà an tưởng phi vô tưởng. Khi vào thiền trụ. định thì quán sát định này, nương Nếu tâm bỏ sắc, sắc liền tiêu nơi năm ấm đều là vô thường, khổ, diệt. Chuyên tâm duyên vào không, không, vô ngã, giả dối không thật, cùng với không tương ứng, liền vào tâm sanh chán ghét, không chạy định vô biên hư không xứ, nên gọi theo nên không ái nhiễm, chấp là hư không xứ bối xả. trước; nên gọi là phi hữu tưởng phi Đây là vị bối xả thứ tư ở trong vô tưởng xứ bối xả. định trời tứ thiền. Tám, Diệt thọ tưởng xứ bối xả. Năm, Thức xứ bối xả. Thọ là lãnh nhận. Tưởng là tư Người tu hành nếu bỏ hư không tưởng, tức là thọ và tưởng trong xứ, chuyên tâm duyên thức; khi năm ấm. nhập định, quán sát định này, Người tu hành chán ghét, lo sợ nương vào năm ấm đều là vô hai tâm gây ra tán loạn này, muốn thường, khổ, không, vô ngã giả dối vào định để chấm dứt nó, nên xoay không thật, tâm sanh chán ghét lại tiêu diệt các tâm thọ, tưởng. Đó không chạy theo nên không ái gọi là diệt thọ, tưởng bối xả. nhiễm, chấp trước; gọi là thức xứ bối xả. BÁT THẮNG XỨ (Vô thường là thân năm ấm (Thiền ba la mật) cuối cùng hư hoại không còn. Khổ là thân có sống chết bức Bát thắng xứ là sau khi tu bát bách gây ra khổ sở. bối xả, quán tâm thuần thục, từ từ Không là thân do bốn đại giả tự tại; hoặc nhơ hoặc sạch tuỳ ý hợp mà có, nên vốn là không. phá bỏ. Vô ngã là khi bốn đại phân ly Thiền ba la mật nói: Bắt đầu vị thì ai là ngã). thắng xứ thứ hai ở sơ thiền. Vị Sáu, vô sở hữu xứ bối xả. thắng xứ thứ ba, thứ tư ở nhị thiền. Người tu nếu bỏ thức xứ, Vị thắng xứ từ thứ năm đến thứ tám chuyên tâm duyên sở hữu xứ. Khi ở tứ thiền. nhập định thì quán sát định này, Tam thiền không lập thắng xứ nương vào năm ấm, đều là vô là vì trời tam thiền nhiều vui, tâm thường, khổ, không, vô ngã giả dối chậm chạp, nên không lập. không thật, tâm sanh chán ghét, Một, Nội hữu sắc tướng, ngoại không chạy theo nên không ái quán sắc thiểu, nhược hảo nhược nhiễm, chấp trước; gọi là vô sở hữu xú, thị danh thắng tri thắng kiến. bối xả.

Người tu hành trước quán sát xương trắng tám màu; nên gọi là tướng trạng của sắc thân mình rêu sắc tướng bên trong. rã bất tịnh, không thể yêu thích Đã quán sát sắc tướng bên được. Chuyên tâm thiền định, trong thuần thục, thì quán sắc ở tưởng tượng đến khi thịt da tan rã, ngoài, tuy nhiều, cũng không trở chỉ còn đống xương trắng tám màu, ngại gì. Đó gọi là quán sát kỹ lưỡng nên nói: Trong có sắc tướng. Lại một tử thi, cho đến mười, 100, công phu chưa tăng trưởng, nếu 1000 ... tử thi. quán sắc nhiều, e khó giữ vững, Nếu khi quán sát một tử thi nên quán sắc ít. Đó là quán bản sưng phù lên, thì sẽ thấy tất cả cái thân bất tịnh, cũng là quán thân khác cũng đều phù trương lên, cho người được yêu thích cũng bất tịnh, đến lúc hư hoại tan rã, máu mủ nên gọi là quán sắc bên ngoài ít. chảy ra, thì cũng thấy những cái Hoặc tốt hoặc xấu là quán các khác như vậy; nên gọi là quán sát sắc ở ngoài, do quả báo của nghiệp sắc bên ngoài nhiều. lành nên gọi là tốt; quả báo của Hoặc tốt hoặc xấu là quán sát nghiệp ác nên gọi là xấu. Hoặc khi các sắc bên ngoài, quả báo của cột tâm một chỗ quán sắc ở trong nghiệp lành gọi là tốt; quả bảo của dục giới hay sanh tham muốn thì đó nghiệp ác gọi là xấu. là tịnh sắc, gọi là tốt, hay sanh giận Hoặc cột tâm vào một chỗ, dữ thì đó là sắc bất

tịnh, gọi là xấu. quán sắc ở trong dục giới, hay sanh Thắng tri thắng kiến là quán ham muốn thì đó là tịnh sắc, gọi là tâm thuần thục, ở trong sắc tốt, tâm tốt; hay sanh giận dữ thì đó là sắc không tham ái; ở trong sắc xấu, tâm bất tịnh, gọi là xấu. không giận dữ. Thắng tri thắng kiến là quán (Ánh sáng của tám sắc là màu tâm thuần thục, ở trong sắc đẹp, trắng của đất, màu trong xanh của tâm không ham muốn; ở trong sắc nước, màu trong trẻo của lửa, màu xấu, tâm không giận dữ. trong sạch của gió, màu núi kim Ba, Nội vô sắc tướng, ngoại tinh của sắc xanh, màu hoa chiêm quán sắc thiểu, nhược hảo nhược bặc của sắc vàng, màu ráng buổi xú, thị danh thắng tri thắng kiến. sáng mùa xuân của sắc đỏ, màu Người tu hành vào tam thiền đã tuyết ngọc hà của sắc trắng). diệt tướng sắc trong tâm, nên gọi là Hai, Nội hữu sắc tướng, ngoại nội vô sắc tướng. Hay vì pháp quán quán sắc đa, nhược hảo nhược xú, chưa tăng trưởng, nếu quán sắc thị danh thắng tri thắng kiến. nhiều, e khó duy trì, nên quán sắc Người tu hành trước quán ít. Đó là quán sát cái bất tịnh của tướng trạng của sắc thân mình, rệu thân mình, cũng là quán cái bất tịnh rã bất tịnh không thể yêu thích, của người mình thương yêu, nên chuyên tâm thiền định, lại tưởng gọi là quán sắc bên ngoài ít. tượng da thịt tan rã, chỉ thấy bộ

Nhược hảo nhược xú là quán thắng xứ thứ ba và thứ bốn, để diệt sắc bên ngoài, quả báo của nghiệp trừ phiền não ở cõi dục không cho lành nên gọi là tốt; quả báo của sót lại, cũng làm cho tu quán tăng nghiệp ác nên gọi là xấu. tiến, vững chắc không mất, công Hoặc cột tâm vào một chỗ, phu có chuyển biến tốt đẹp. quán sắc ở trong cõi dục, hay sanh Năm, Thanh thắng xứ. ham muốn thì đó là tịnh sắc, gọi là Người tu hành quán sắc xanh tốt; hay sanh giận dữ thì đó là sắc rạng rỡ hơn cả bối xả. Trong tám bất tịnh, gọi là xấu. sắc ánh sáng, thấy được tướng sắc Thắng tri thắng kiến là quán màu xanh, mà không khởi lên ái tâm thuần thục, ở trong sắc đẹp, nhiễm, nên gọi là thắng xứ. tâm không ham thích; ở trong sắc Sáu, Hoàng thắng xứ. xấu, tâm không giận dữ. Người tu hành quán sắc vàng Bốn, Nội vô sắc tướng, ngoại rạng rỡ hơn cả bối xả. Trong tám quán sắc đa, nhược hảo nhược xú, sắc ánh sáng, thấy được tướng sắc thị danh thắng tri thắng kiến. màu vàng, mà không khởi lên ái Người tu hành vào nhị thiền đã nhiễm, nên gọi là thắng xứ. diệt sắc tướng trong thân, nên gọi Bảy, Xích thắng xứ. là nội vô sắc tướng. Quán sắc Người tu hành quán sắc đỏ rạng tướng trong thân đã không có, thì rỡ hơn cả bối xả. Trong tám sắc của quán sắc tướng ở ngoài, tuy nhiều, ánh sáng, thấy được sắc tướng màu cũng không trở ngại. Đó gọi là đỏ, mà không khởi lên ái nhiễm, quán kỹ lưỡng một tử thi cho đến nên gọi là thắng xứ. ngàn, vạn tử thi. Nếu một tử thi Tám, Bạch thắng xứ. sình lên thì thấy tất cả đều sình lên Người tu hành quán sắc trắng cho đến thịt da tan rã cũng lại như rạng rỡ hơn cả bối xả. Trong tám vậy. sắc của ánh sáng, thấy được tưởng Hoặc tốt hoặc xấu là quán các sắc đỏ, mà không khởi lên ái sắc ở ngoài, quả báo của nghiệp nhiễm, nên gọi là thắng xứ. lành gọi là tốt, quả báo của nghiệp ác gọi là xấu. Hoặc khi cột tâm vào BÁT CHÁNH ĐẠO một chỗ, quán sắc trong cõi dục, (Pháp giới thứ đệ). hay sanh ham muốn thì đó là tịnh sắc gọi là tốt; hay sanh giận dữ thì Tám pháp này không dựa vào đó là sắc bất tịnh gọi là xấu. thiên lệch, tà vạy mà đi, nên gọi là Thắng tri thắng kiến là quán chánh; lại còn dẫn thắng đến Niết tâm thuần thục, ở trong sắc tốt, tâm bàn, nên gọi là đạo. không ham thích; ở trong sắc

xấu, Một, Chánh kiến. tâm không sân hận. Vì người tu Người tu đi theo con đường vô hành khó phá được phiền não ở cõi lậu, thấy rõ Tứ đế, phá bỏ các tà dục, nên ở trong đệ nhị thiền, tu lại

kiến có, không của ngoại đạo; đó là Người siêng tu giới, định, huệ; chánh kiến. một lòng tinh cần, không chút gián (Con đường vô lậu tức là giới, đoạn; đó là chánh tinh tấn. định, huệ. Người tu đi theo con Bảy, Chánh niệm. đường này có thể diệt trừ sống chết Người suy nghĩ chánh đạo giới, rơi rớt trong ba cõi). định, huệ và trợ đạo ngũ đình tâm Hai, Chánh tư duy. chắc chắn tiến thẳng đến Niết bàn; Người khi thấy Tứ đế, suy nghĩ đó là chánh đạo. chân chánh, quán sát kỹ lưỡng, làm (Ngũ đình tâm là: 1) tán loạn cho sức quán tăng trưởng; đó là nhiều thì quán sổ tức; 2) tham chánh tư duy. nhiều thì quán bất tịnh; 3) sân Ba, Chánh ngữ. nhiều thì quán từ bi; 4) ngu si thì Người dùng trí huệ vô lậu, luôn quán nhân duyên; 5) chướng ngại giữ gìn khẩu nghiệp, xa lìa tất cả nhiều thì quán niệm Phật). lời nói dối trá, không chân thật; đó Tám, Chánh định. là chánh ngữ. Người gìn giữ tâm không để tán Bốn, Chánh nghiệp. loạn, thân tâm vắng lặng, ở trong lý Người dùng trí huệ vô lậu, tu chân không chắc chắn không dời tập giữ gìn tâm mình, ở trong đổi; đó là chánh định. chánh nghiệp trong sạch, dứt trừ tất cả việc làm gian dối, tà vạy; đó là BÁT TRÍ chánh nghiệp. (Tứ giáo nghi tập chú). (Chánh nghiệp trong sạch là nghiệp lành xuất thế gới, định, Một, Khổ pháp trí. huệ). Khổ là cái khổ sống, chết ở cõi Năm, Chánh mạng. dục. Pháp là lý chân như mà Phật Người xuất gia phải xa lìa năm đã chứng. Đó gọi là khổ pháp trí. thứ lợi dưỡng tà mạng, phải xin ăn Hai, Khổ loại trí. để nuôi sống qua ngày; đó là chánh Vì sau khi quán sát khổ đế ở cõi mạng. dục, lại quán sát khổ đế ở sắc giới (Năm thứ lợi dưỡng tà mạng là: và vô sắc giới, nên phát minh ra 1) biểu hiện tướng lạ để lừa gạt chân trí. Lưu loại khổ pháp trí ở cõi người; 2) tự khoe công đức, tài dục này, gọi là khổ loại trí. năng; 3) coi tướng, xem bói; 4) lớn Ba, Tập pháp trí. tiếng ra oai; 5) nói ích lợi sẽ được Vì quán sát kiến hoặc của tập để làm động lòng người). đế ở cõi dục nên phát minh chân trí Sáu, Chánh tinh tấn. mà chứng được lý chân như. Đó Tinh là không tạp nhạp, lộn gọi là tập pháp trí. xộn. Tiến là không gián đoạn. Bốn, Tập loại trí. Vì sau khi quán sát tập đế ở cõi dục, lại quán sát tập đế ở cõi sắc và

cõi vô sắc nên phát minh chân trí. Một, Niệm Phật. Lưu loại tập pháp trí ở cõi dục này, Vì người tu thiền quán, nếu gặp gọi là tập loại trí. sợ hãi, chướng nạn, nên niệm chư Năm, Diệt pháp trí. Phật từ bi, cứu giúp chúng sanh, Vì quán sát diệt đế ở dục giới, công đức vô lượng. Nhất tâm như tiêu diệt khổ, tập ở trước nên phát thế, niệm niệm không rời thì sợ hãi, minh ra chân đế mà chứng được lý chướng ngại liền trừ hết. chân như. Đó gọi là diệt pháp trí. Hai, Niệm pháp. Sáu, Diệt loại trí. Vì người tu thiền quán, nếu gặp Vì sau khi quán sát diệt đế ở cõi sợ hãi, chướng nạn, nên niệm pháp. dục, lại quán sát diệt đế ở cõi sắc Pháp lực to lớn, thấu suốt không trở và cõi vô sắc, nên phát minh chân ngại, hay diệt trừ phiền não. Nhất trí. Lưu loại diệt pháp trí ở cõi dục tâm như thế, niệm niệm không rời này, gọi là diệt loại trí. thì sợ hãi, chướng ngại liền trừ hết. Bảy, Đạo pháp trí. Ba, Niệm tăng. Vì quán sát đạo đế ở cõi dục, tu Vì người tu thiền quán, nếu gặp 37 phẩm trợ đạo, nên phát minh sợ hãi, chướng nạn, nên niệm tăng. chân trí mà chứng được lý chân Tăng là đệ tử của Phật, có khả năng như. Đó gọi là đạo pháp trí.

tu tập chánh đạo và chứng được Tám, Đạo loại trí. quả thánh, là ruộng phước của đời. Vì sau khi quán sát đạo đế ở cõi Nhất tâm như thế, niệm niệm dục, lại quán sát Đạo đế ở cõi sắc không rời thì sợ hãi, chướng ngại và cõi vô sắc nên phát minh chân liền trừ hết. đế. Lưu loại đạo pháp trí ở cõi dục Bốn, Niệm giới. này, gọi là đạo loại trí. Vì người tu thiền quán, nếu gặp sợ hãi, chướng nạn, nên niệm giới. BÁT NIỆM Giới là gốc của vô thượng Bồ đề, (Đại trí độ luận). có thể ngăn chặn các việc ác, được nơi an ổn. Nhất tâm như thế, niệm Niệm là trong tâm còn nhớ. niệm không rời thì sợ hãi, chướng Luận nói: Các đệ tử của Phật ở ngại liền trừ hết. nơi vắng vẻ, cho đến trong rừng Năm, Niệm xả. sâu, đồng rộng, giỏi tu các quán bất Người tu thiền quán, nếu gặp sợ tịnh..., chán ghét thân này, bỗng hãi, chướng nạn, nên niệm xả. Xả sanh sợ hãi; đến bị ác ma gây ra có hai thứ: 1) xả thí hay sanh công nhiều việc ác, làm cho tâm mình đức lớn; 2) xả phiền não là nhân buồn phiền, rối loạn, lo lắng, sợ sệt được trí huệ lớn. Nhất tâm như thế, từ từ tăng lên. Đó là lý do Như lai niệm niệm không thôi thì sợ hãi và nói tám niệm pháp. Nếu giữ ở pháp chướng ngại liền dứt trừ. này ở trong tâm, thì sợ sệt liền trừ Sáu, Niệm thiên. sạch.

Người tu thiền quán, nếu gặp sợ Ngài A na luật đà ở bờ nước hãi và chướng nạn, nên niệm trời Chi đề sấu, trong rừng, ngồi thư Tứ thiên vương, cho đến trời Tha giản suy tư. Tâm nghĩ như thế này: hóa tự tại. Các trời như thế, quả báo Đạo có là từ vô dục. Không phải từ thanh tịnh, đem lại lợi ích, an ổn hữu dục mà có, cho đến đạo có là cho tất cả. Nhất tâm như thế, niệm từ trí huệ, không phải ngu si mà có. niệm không rời thì sợ hãi, chướng Vì đức Thế tôn có tha tâm ngại liền trừ. thông, biết được những suy tư (Tứ thiên vương là: Đông là Trì trong tâm ông, nên hiện ra trước quốc thiên vương, nam là Tăng mặt ông, vì ông mà nói tám điều trưởng thiên vương, tây là Quảng nhớ nghĩ của bậc đại nhân. mục thiên vương, bắc là Đa văn (Tiếng Phạn là A na luật đà, thiên vương. tiếng Hoa là Vô diệt, là đệ tử của Trời Tha hóa tự tại tức là tầng Phật). trời thứ sáu ở cõi dục). Một, đạo tùng vô dục, phi hữu Bảy, Niệm xuất nhập tức. dục đắc. Tức là hơi thở ra vào trong mũi. Vì Tỳ kheo tu đạo, đối với tất Niệm xuất nhập tức là người tu cả cảnh trần, không nên sanh tâm thiền quán, nếu gặp sợ hãi, nên nhớ mong cầu. Tuy mình đã được vô đến hơi thở, là loại thuốc hay nhất dục, không nên cho người khác trị bệnh tán loạn, là đường tắt vào biết. Đây là nguyên nhân có thể thiền định. Niệm niệm như thế chứng được đạo; đó là đạo tùng vô không ngưng, tâm không còn dong dục, phi hữu dục đắc. ruỗi, tán loạn, sợ hãi, chướng ngại Hai, đạo tùng tri túc, phi vô liền trừ được. yếm đắc. Tám, Niệm tử. Vì Tỳ kheo tu đạo, áo mặc chỉ Người tu thiền quán, nếu gặp sợ để che thân, ăn chỉ đủ sống qua hãi, chướng nạn, nên nhớ đến chết. ngày, tất cả nhu cầu của đời sống Chết có hai thứ: 1) Tự tử: quả báo đều phải biết tri túc. Đây là nguyên hết thì chết; 2) chết vì duyên khác: nhân đắc đạo; nên gọi là đạo tùng gặp duyên ác mà chết. tri túc, phi hữu yếm đắc (chứng Từ khi sanh ra đến giờ, thường được đạo là từ biết đủ, chẳng phải cùng với sắc thân này, không trốn không biết chán ghét nhu cầu cho nơi nào được. Nhất tâm như thế, sự sống mà được). niệm niệm không dừng, thì sợ hãi, Ba, Đạo tùng viễn ly, phi tụ hội chướng ngại liền trừ được. đắc. Vì Tỳ kheo tu đạo, đối với các ĐẠI NHÂN BÁT NIỆM pháp ở thế gian và thân tâm của (Trung A hàm kinh) mình, đều phải xa lìa. Đây là nguyên nhân đắc đạo; nên gọi là đạo tùng viễn ly,

phi tụ hội đắc.

Bốn, Đạo tùng tinh cần phi giải thấu hiểu. Đó là lý do chứng được đãi đắc. đạo, nên gọi là đạo tùng bất hí lạc, Vì Tỳ kheo tu đạo, thường phải phi hí hạnh đắc. siêng năng tu tập, dứt bỏ việc bất thiện, tu các pháp lành, luôn tự BÁT GIÁC cảnh giác, chuyên nhất vững chắc, (Hoa nghiêm kinh sớ) không bỏ phương tiện lợi tha. Đây là nguyên nhân chứng được đạo; Giác giống như niệm. Có thứ nên gọi là đạo tùng tinh tấn, phi giác hướng dẫn, phát sanh tất cả giải đãi đắc. phiền não, tứclà ác giác. Năm, Đạo tùng chánh niệm phi Một, Dục giác. tà niệm đắc. Dục tức là tham dục. Tâm khởi Vì Tỳ kheo tu đạo, phải quán lên tham dục, thường nhớ đến sát các pháp trong, ngoài thân, tâm những việc thích ý; nên gọi là dục thảy đều không tịch, không có tà giác. niệm. Đây là nguyên nhân chứng Hai, Sân giác. được đạo; nên gọi là đạo tùng Sân tức sân hận. Tâm khởi lên chánh niệm, phi tà niệm đắc. sân hận thường nghĩ nhớ tức giận Sáu, Đạo tùng định ý phi loạn ý đến người khác, nên gọi là sân giác. đắc. Ba, Não giác. Vì Tỳ kheo tu đạo, nên xa lìa Não tức là não hại (tức giận, các pháp ác, chuyên tâm thiền định, buồn phiền làm cho hao tổn). Tâm không để cho tán loạn. Đây là khởi lên ghen ghét thường nghĩ nhớ nguyên nhân đắc đạo; nên gọi là đến làm tổn hại, buồn bực cho đạo tùng định ý, phi loạn ý đắc. người khác; nên gọi là não giác. Bảy, Đạo tùng trí huệ phi ngu si Bốn, Thân lý giác. đắc. Thường nghĩ nhớ bà con thân Vì Tỳ kheo tu đao, nên quán sát thích, xóm làng, nên gọi là thân lý các pháp thạnh, suy ở thế gian, mà giác. chứng được trí huệ sáng suốt, phân Năm, Quốc độ giác. biệt rõ ràng, đều dứt trừ được hoặc Thường nghĩ nhớ an nguy của nghiệp, không còn khổ của sanh, đất nước, nên gọi là quốc độ giác. tử. Đây là nguyên nhân có thể Sáu, Bất tử giác. chứng được đạo; nên gọi là đạo Vì có nhiều tiền của cung cấp, tùng trí huệ, phi ngu si đắc. nuôi dưỡng, nên gọi là bất tử giác Tám, Đạo tùng bất hí lạc phi hí (nhớ nghĩ đến việc sống mãi). hạnh đắc. Bảy, Tộc tánh giác. Vì Tỳ kheo tu đạo, nên ở nơi Tộc tức là dòng họ. Tánh tức là vắng vẻ, xa lìa đùa giỡn vui vẻ, họ hàng, dòng dõi. Tâm khởi lên tham quan du lịch, an trụ trong lý khoe khoang, thường nhớ nhĩ đến vô vi, bằng ý nghĩ chân chánh mà

dòng họ ở đời từ cao đến thấp, nên ý căn đối với pháp trần khởi lên các gọi là tộc tánh giác. phân biệt. Tư hoặc là năm căn đối Tám, khinh vũ giác. với năm trần khởi lên các tham ái) Vũ tức là kiêu ngạo. Ỷ mình có Bốn, Tập loại nhẫn. tài đức thường nghĩ đến xem Sau khi quán tập đế ở cõi dục, thường người, nên gọi là khinh vũ lại quán tập đế ở cõi sắc và vô sắc, giác. sanh ra pháp nhẫn vô lậu. Đó là phân phái tập pháp nhẫn ở cõi dục, BÁT NHẪN nên gọi là tập loại nhẫn. (Tứ khoa nghi tập chú) Năm, Diệt pháp nhẫn. Diệt có nghĩa là tắt ngúm. Một, khổ pháp nhẫn. Vì quán diệt đế trong cõi dục, Khổ tức là cái khổ sống, chết ở trước đã diệt khổ và tập, nên lý cõi dục. chân như hiển bày, sanh ra pháp Pháp tức là lý chân như. nhẫn vô lậu. Đó gọi là diệt pháp Nhẫn tức là có thể nhịn, cũng nhẫn. có nghĩa là ấn chứng. Sáu, Diệt loại nhẫn. Vì ở trong ngôi vị tứ thiện căn, Vì sau khi quán diệt đế ở cõi do quán cái khổ sống, chết của cõi dục, lại quán diệt đế ở cõi sắc và vô dục cho đến sau tâm thế đệ nhất thì sắc, nên sanh ra pháp nhẫn vô lậu. lý chân như mới hiển bày, sanh ra Đó là một loại khác của diệt pháp pháp nhẫn vô lậu. Đó gọi là khổ nhẫn ở cõi dục, nên gọi là diệt loại pháp nhẫn. nhẫn. (Tứ thiện căn tức là tứ gia hạnh: Bảy, Đạo pháp nhẫn. noãn, nhẫn, đảnh, thế đệ nhất). Đạo tức là 37

đạo phẩm. Hai, Khổ loại nhẫn. Vì quán đạo đế ở cõi dục, tu tập Khổ tức là cái khổ sống, chết ở theo những đạo phẩm này, nên lý sắc giới và vô sắc giới. Loại tức là chân như hiển bày, sanh ra pháp dòng (hay phái). nhẫn vô lậu. Đó gọi là đạo pháp Vì sau khi quán khổ để ở cõi nhẫn. dục, lại quán khổ đế ở sắc giới và Tám, Đạo loại nhẫn. vô sắc giới, cũng sanh ra pháp nhẫn Vì sau khi quán đạo đế ở cõi vô lậu. Đó là phân phái của khổ dục, lại quán đạo đế ở cõi sắc và vô pháp nhẫn ở cõi dục, nên gọi là khổ sắc, sanh ra pháp nhẫn vô lậu. Đó loại nhẫn. là loại khác của đạo pháp nhẫn ở Ba, Khổ tập pháp nhẫn. cõi dục, nên gọi là đạo loại nhẫn. Tập có nghĩa là chiêu tập. Vì quán các hoặc kiến, tư của Tập đế ở BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC cõi dục mà lý chơn như được hiển
(Phật di giáo kinh hiện, sanh pháp nhẫn vô lậu. Đó gọi là tập pháp nhẫn. (kiến hoặc là luận).

Giác tức là giác ngộ. trước mặt. Đó gọi là biết chánh Vì tám pháp này chính là nội định. dụng các vị Bồ tát, Duyên giác, Sáu, Tinh tấn giác. Thinh văn đã giác ngộ được, nên Vì người siêng năng dũng gọi là tám điều giác ngộ của bậc đại mãnh, tu tập pháp lành, không để nhân. cho gián đoạn, nên đạo nghiệp mỗi Một, Thiểu dục giác. ngày một tiến bộ, không hề thoái Vì người ít ham muốn thì tâm lui. Đó là biết siêng năng. được an ổn. Đó là nằm chỉ cần một Bảy, Chánh huệ giác. cái giường nhỏ; mặc chỉ cái chăn Vì người muốn vào đạo, ắt phải đủ ấm; ăn chỉ cần một bữa đủ no; từ văn đến tư (từ học đến suy nghĩ), ở chỉ cần một nơi nhỏ gọn vừa đủ. từ tư đến tu (từ suy nghĩ đến tu Tâm không mong muốn nhiều. Đó tập). Bằng ba điều này, từ từ tăng gọi là biết đủ ít muốn. trưởng lợi ích, trí huệ chân chánh, Hai, Tri túc giác. xa lìa tà kiến, dứt trừ hoặc nghiệp, Vì người, tuy nghèo thiếu, chứng được chánh quả. Đó gọi là thường biết dừng lại, vừa đủ, thì biết chánh huệ. tuy mặc y phục thô sơ mà vẫn ấm Tám, Vô hí luận giác. như mặc áo hồ cừu; tuy ăn dưa Dùng lời nói để bông đùa cười muối mà vẫn có hương vị của cao cợt, gọi là hí luận. lương; tuy ở nhà tranh vách lá mà Vì người muốn được an vui vẫn an nhàn như ở nhà cửa cao Niết bàn tịch tĩnh, nên tu khẩu sang. Đó gọi là biết tri túc. nghiệp thanh tịnh, bỏ xa các hí Ba, Tịch tĩnh giác. luận, một mực nói năng chân Vì người xa lánh nơi đông đúc, chánh. Đó gọi là biết không hí ồn ào, sống thanh thản một mình, luận). chán cuộc đời trói buộc, lo dứt trừ gốc khổ là tham dục, thì có thể cắt BÁT THỨC đứt phiền não, vắng lặng tâm hồn. (Tông cảnh lục) Đó gọi là biết vắng lặng.
Bốn, Chánh niệm giác. Một, Nhãn thức. Vì người suy nghĩ nhớ đến Vì mắt lấy sắc làm duyên mà chánh đạo, một lòng chuyên chú, sanh ra nhãn thức. không để gián đoạn, không khởi lên Nhãn thức nương nơi căn mà ý tưởng tà vạy. Đó gọi là biết chánh sanh ra. niệm. Nhãn căn do thức có khả năng Năm, Chánh định giác. thấy mà có thể thấy. Đó gọi là nhãn Vì người tu tập thiền định, thu thức. phục các loạn tưởng, nên thân tâm Hai, Nhĩ thức. được vắng lặng, Tam muội hiện ra Vì tai nhờ âm thanh làm duyên mà sanh ra nhĩ thức.

Nhĩ thức nương nơi căn mà Tiếng Phạn là mạt na, tiếng sanh ra. Hoa là ý, cũng gọi là tương tục Nhĩ căn nhờ thức có khả năng thức hay gọi là phân biệt thức. nghe mà có thể nghe. Đó gọi là nhĩ Thức này không có thể nhất thức. định, mà là phần nhiễm của thức Ba, Tỵ thức. thứ tám; nương vào tự chứng phần Vì mũi nhờ nương mùi làm của thức thứ tám mà sanh ra; duyên duyên mà sanh ra tỵ thức. kiến phần của thức thứ tám

chấp Tỵ thức nương vào căn mà sanh làm ngã; là chủ của thức thứ sáu; ra. chấp và chuyển cảnh thiện, ác mà Tỵ căn nhờ thức có khả năng thức thứ sáu duyên thành cảnh ngửi mà có thể ngửi. Đó gọi là tỵ nhiễm, tịnh đều do thức này. thức. Thức thứ sáu ở trước gọi là ý Bốn, Thiệt thức. thức; thức này cũng gọi là ý; như Vì lưỡi nhờ vị làm duyên mà vậy thức thứ sáu dựa nơi căn mà sanh ra thiệt thức. đặt tên, còn thức thứ bảy này mới Thiệt thức nương vào căn mà chính hiệu là ý thức. sanh ra. Thức thứ sáu, tuy có thể phân Thiệt căn nhờ thức có khả năng biệt sự tốt, xấu của năm trần, nhưng nếm mà có thể nếm. Đó gọi là thiệt đều do thức thứ bảy truyền mệnh thức. lệnh và chấp giữ không gián đoạn. Năm, Thân thức. Tám, A lại da thức. Vì thân lấy va chạm làm duyên Tiếng Phạn là A lại da, tiếng mà sanh ra thân thức. Hoa là tàng thức; bởi vì thức này Thân thức nương vào căn mà bao hàm tất cả pháp, tất cả sự. sanh ra. Thức này nhiễm, tịnh cùng một Thân căn nhờ thức có khả năng nguồn; sanh, diệt cùng chung và biết mà có thể biết. Đó gọi là thân đầy đủ bốn phần. Thức này giống thức. như ngọc ma ni, thể của nó vốn Sáu, Ý thức. thanh tịnh; lại giống như gương Vì ý lấy pháp làm duyên sanh sáng có thể chứa muôn hình vạn ra ý thức. tượng. Ý thức nương nơi căn mà sanh Nếu đứng về mặt nhiễm mà nói ra. thì vô minh nương đây mà khởi Ý căn nhờ thức mà có khả năng lên; kết quả của nghiệp do đây mà phân biệt. Vì có phân biệt năm trần sanh có đầy đủ phiền não trần lao, sắc, thinh, hương, vị, xúc... là sở hiện ra căn thân và thế giới tức là duyên của năm căn trước. Đó gọi là cảnh của bảy thức trước đều từ đây ý thức. mà có. Bảy, Mạt na thức. Nếu đứng về mặt tịnh mà nói bổn giác nguồn tâm, xa lìa niệm

tưởng, thanh tịnh; ở thánh không BÁT THỨC DUYÊN CẢNH tăng, ở phàm không giảm. QUẢNG HIỆP (bốn phần là: (Tông cảnh lục 1) Tướng phần tứclà hình tướng. Vì thức này có khả năng và Du già địa luận) biến hiện căn thân, thế giới và Một, Nhãn thức duyên duy tướng trạng, danh nghĩa của các thực duy lượng cảnh. pháp đều do phần này của thức thứ Vì khi mắt thấy sắc thì có thức tám sanh ra, giống như ảnh tượng sanh duyên các sắc có thực xanh, hiện ra trong gương. vàng, đỏ, trắng, gọi là tánh cảnh. 2) Kiến phần có nghĩa soi xét Thức này đối cảnh gọi là hiện cặn kẻ. Vì thức này có khả năng soi lượng. Vì mắt chỉ thấy sắc, chưa xét tất cả các pháp và giảng giải khởi lên phân biệt, nên cảnh sở nghĩa lý của các pháp, giống như duyên của nó hẹp. ánh sáng của cái gương có thể (Tánh cảnh là cảnh thấy có chiếu soi muôn vật. thực. Hiện lượng là thấy sắc trước 3) Tự chứng phần, tự nó có đầy mặt và có thể ước lượng mức độ đủ các pháp. được) Vì thức này có khả năng gìn giữ Hai, Nhĩ thức duyên duy thực kiến phần và tướng phần, thân duy lượng cảnh. chứng không trở ngại; giống như Vì khi tai nghe tiếng thì có thức hình thể tròn trịa của cái gương có sanh, có thể nghe các tiếng thực có thể giữ được ánh sáng của nó, có như ngôn ngữ... gọi là tánh cảnh. thể chứa đựng mọi hình tướng. Thức này đối cảnh gọi là hiện 4) Chứng tự chứng phần. lượng. Vì tai chỉ có thể nghe tiếng, Chứng tức là thể năng chứng. chưa khởi lên phân biệt, nên cảnh Tự chứng tức là đầy đủ các sở duyên của nó hẹp. pháp. Phần này có khả năng duy trì Ba, Tỷ thức duyên duy thực tự chứng phần, kiến phần, tướng duy lượng cảnh. phần. ba phần trước không xa lìa Vì khi mũi ngửi hương thì có phần thứ tư này). thức sanh, có thể ngửi hương có Bản thể của thức thứ tám như thực thơm hay thúi, gọi

là tánh cái lưng của một cái gương. cảnh. (Tiếng Phạn là Ma ni; tiếng Thức này đối với cảnh gọi là Hoa là ly cấu. hiện lượng. Vì mũi chỉ có thể ngửi Căn thân là các căn của thân mùi chưa khởi lên phân biệt, nên thể). cảnh sở duyên của nó hẹp. Bốn, Thiệt thức duyên duy thực duy lượng cảnh. Vì khi lưỡi nếm mùi vị thì có thức sanh, có thể nếm các vị có

thực mặn, chua, đắng, lạt gọi là Vì thức này không có tưởng thể tánh cảnh. riêng biệt, dựa vào thức thứ tám Thức này đối cảnh gọi là hiện làm nhân mà khởi ra, lại duyên lượng. Vì thức này chỉ có thể nếm kiến phần của thức thứ tám làm vị, chưa nổi lên phân biệt, nên cảnh tướng phần của nó thể phân biệt, sở duyên hẹp. suy nghĩ, so lường. Năm, Thân thức duyên duy Thức này thường chấp thức thứ thực duy lượng cảnh. tám làm ngã; tâm năng duyên của Vì khi thân biết xúc chạm thì có nó là giả; cảnh sở duyên của nó là thức sanh, có thể duyên những xúc thật. chạm thực có như nhẹ nhàng, trơn Vì thức này chỉ khởi lên ngã láng, thô nhám, cứng cỏi gọi là chấp mà sanh ra tập khí, nên không tánh cảnh. thể duyên khắp các cảnh; vì vậy Sở duyên của thức này gọi là cảnh sở duyên của nó rất hẹp. hiện lượng. Vì thức này chỉ có thể (Kiến phần là thức năng kiến. biết xúc chạm, chưa khởi lên phân Tướng phần là cảnh tướng bị thấy. biệt, nên cảnh sở duyên của nó hẹp. Sanh ra các tập khí là ngã Sáu, Ý thức biến duyên nhất kiến… hoặc khí phần huân tập mà thiết thông triệt giả, thật nhị lượng. sanh ra). Vì tâm thức này duyên khắp Tám, Đệ bát thức duyên căn cảnh thực có hiện tiền. Đối với thân khí giới duy thật duy lượng. cảnh thực ấy phân biệt các tướng Căn thân là mắt, tai, mũi, lưỡi, dài, ngắn, vuông, tròn gọi là giả thân các căn. Khí giới là cho rằng (dối). Vì thế thức này duyên đủ cả thế giới như một dụng cụ. ba cảnh và ba lượng nên có thể Vì thức căn bản này cùng một phân biệt cả cảnh thật và cảnh giả, nguồn nhiễm, tịnh; tất cả căn thân, nên cảnh sở duyên của nó rộng. khí giới nương vào thức này mà (Ba cảnh là: 1) tánh cảnh, 2) sanh ra. Căn thân và thế giới này là độc ảnh cảnh là suy lường cảnh tướng phần của thức thứ tám đều là thuộc quá khứ, chỉ còn hình bóng ở đối tượng nó duyên. Đó là hiện tâm, 3) bản chất cảnh là chất và lượng có thật, nên cảnh sở duyên tướng của cảnh đối với thân hiện của thức thứ tám rất rộng. tại này . Ba lượng là: 1) hiện lượng, 2) tỉ BÁT NGHĨA CHỨNG HỮU lượng là vật hiện tiền bằng so sánh, BẢN THỨC suy lường mà biết, như cách tường (Du già sư địa thấy khói, biết bên kia tường có lửa, 3) phi lượng là truy tìm duyên luận) cớ các việc thuộc quá khứ, vị lai). Vì thức thứ tám là nơi phát Bảy, Đệ thất thức kiến phần sanh tất cả căn bản các pháp thiện, duy giả duy thực. ác; nên gọi là bản thức.

Nay luận dùng tám nghĩa này lộn xộn quá mức. Vì vậy gọi là chứng minh tướng của thức thứ thân thọ (nhận, lãnh) khác nhau. tám. Bảy, xứ vô tâm định. Một, Y chỉ chấp thọ. Vì vào định vô tưởng hoặc định Vì thức này là chỗ nương tựa diệt tận, tuy tâm thọ tưởng không của các nhiễm tịnh, giữ gìn không còn, hơi thở ra vào đều dứt, nhưng để cho mất; nên gọi là ý chỉ chấp thức thứ tám vẫn còn; vì vậy gọi là thọ. ở định vô tâm. Hai, Tối sơ sanh khởi. (Định vô tâm là định vô tưởng Vì thức này đầu thai vào bụng thiên. mẹ đầu tiên, giống như đá nam Diệt tận định là diệt hết tâm châm hút sắt, nên gọi là đầu tiên thọ, tưởng; thân chứng định này tức sanh khởi. là định mà các vị A la hán chứng (Từ thạch dụ cho thức. Sắt dụ được). cho tinh huyết của cha mẹ). Tám, mạng

chung thời thức. Ba, Hữu minh liễu tánh. Vì khi sắp chết, cảm giác lạnh Vì thức này đối với ba tánh từ từ khởi lên; chỉ khi thức này rời thiện, ác, vô ký của các pháp đều bỏ cái thân thì bốn đại rã rời; nên phân biệt rõ ràng, không chút mờ gọi là thức lúc mạng chung. tối. Đó gọi là tánh sáng suốt rõ ràng. BÁT KIỀN ĐỘ (Tánh vô ký là tánh không (Bát kiền độ luận) thiện, không ác). Bốn, hữu chủng tử tánh. Tiếng Phạn là Kiền độ, tiếng Vì thức này có khả năng duy trì Hoa là Pháp tụ; vì đệ tử của Phật là các chủng tử thế gian, xuất thế Ngài Ca chiên diên dùng các pháp gian, làm cho không mất; nên gọi là môn, chia ra từng loại, phân ra làm có tánh chứa đựng các chủng tử. tám nhóm; nên gọi là Bát kiền độ Năm, nghiệp dụng sai biệt. luận. Vì thức này theo nhiễm duyên (Tiếng Phạn là Ca chiên diên , thì tạo ra nghiệp ác; theo tịnh tiếng Hoa là Bất định là một trong duyên thì tạo ra nghiệp lành, sai mười đệ tử lớn của Phật). khác không giống nhau; nên gọi là Một, Tạp kiền độ. nghiệp dụng sai biệt. Như kinh vì Thinh văn nói về Sáu, Thân thọ sai biệt. tứ thiện căn, tứ thánh quả, hữu dư Thân có nghĩa là chứa nhóm. Niết bàn, vô dư Niết bàn v.v... các Vì thức này chứa đựng tất cả pháp không cố định; nên gọi là tạp pháp, nên gọi là thân; do có khả kiền độ. năng lãnh thọ duyên nhiễm, tịnh (Tứ thiện căn là noãn, đảnh, được thức thứ bảy huân tập, nên nhẫn, thế đệ nhất vị, tức là tứ gia đối với các pháp thiện, ác không hạnh.

Tứ thánh quả là sơ quả Tu đà ngại do mê lầm gây ra, chứng được hoàn, nhị quả Tư đà hàm, tam quả trí huệ vô lậu. A na hàm, tứ quả A la hán. Bốn, Hành kiền độ. Hữu dư Niết bàn là quả A la Hành tức là ba nghiệp thân, hán thứ tư, tuy phiền não, hoặc đã miệng, ý khởi lên các hành thiện, hết, còn lại thân, trí chưa diệt. ác. Vô dư Niết bàn là hoặc chướng Thiện hành thân không sát đã hết; thân, trí cũng diệt, không sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng còn sót lại gì cả). không nói dối, lời thêu dệt, hai Hai, Kết sử kiền độ. lưỡi, nói ác; ý không tham, sân, si. Kết tức là bó buộc. Ác hành là ngược lại ở trên; Sử tức là sai khiến. nên gọi là hành kiền độ. Vì tam kết, ngũ cái, năm phần ở Năm, tứ đại kiền độ. trên, năm phần ở dưới các hoặc. Bốn đại là đất, nước, gió, lửa. Nói tóm lại, không ra ngoài 18 Vì không nơi nào mà không có phiền não trói buộc, sai khiến tâm bốn thứ này, nên gọi là đại. Trong thần người tu hành trôi lăn trong ba ba cõi quá khứ, hiện tại, vị lai đều cõi; nên gọi là kết sử kiền độ. luận bàn thiện sắc và ác sắc do tứ (Tam kết là thân kiến, giới thủ, đại tạo ra, nên gọi là tứ đại kiền độ. nghi kết. Sáu, Căn kiền độ. Ngũ cái là tham, sân, thụy Căn tức là sáu căn, năm căn các miên, trạo hối, nghi cái. pháp, căn cứ vào tứ quả và tam thế Năm phần ở trên là hoặc nghiệp mà nói, nên gọi là căn kiền độ. của sắc giới và vô sắc giới: Sắc ái, (sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, vô sắc ái, trạo, mạn, vô minh. thân, ý. năm căn là tín, tấn, niệm, Năm phần ở dưới là hoặc định, huệ tức là pháp môn tu tập nghiệp của cõi dục: tham, sân, thân của Thinh văn). kiến, giới thủ, nghi. Bảy, Định kiền độ. 18 phiền não là 6 căn đối với 6 Định tức là các định ở cõi dục, trần. Trong 6 trần, mỗi trần chia ra cõi sắc, cõi vô sắc và các định của tốt, xấu, trung bình, nên 3 x 6 = 18. Thinh văn, Duyên giác tu tập có rất Tương tự sự thọ nhận của 6 căn nhiều không giống nhau; nên gọi là cũng vậy, nên 3 x 6 = 18. Sáu căn, định kiền độ. sáu trần cộng thành 18+18=36. Tám, Kiến kiền độ. Lạy lấy ba đời hiện tại, quá Kiến tức là nhị kiến của phàm khứ, vị lai nhân ba thành mườitám phu và ngoại đạo, cho đến sáuhai phiền não). kiến rất nhiều không giống nhau; Ba, Trí kiền độ. nên gọi là

kiến kiền độ. Trí tức là trí huệ. (Đoạn kiến là ngoại đạo sai lầm Vì bốn bậc bốn quả Thinh văn cho rằng thân này chết rồi không tu giới, định, huệ, đoạn trừ chướng tái sanh nữa.

Thường kiến là sai lầm cho Phật vì đệ tử nói xong phần rằng thân này tuy chết, sau sống lại. trường hàng của kinh, nhưng có 62 kiến là, ở trong năm ấm, mỗi người căn tánh chậm chạp không ấm khởi lên bốn thứ tà kiến. Như thể hiểu rõ, vì họ mà dùng kệ tụng vậy là thành 20 tà kiến và trong ba nói lại. đời thì được 60 cộng với hai tà kiến Bốn, Vị hậu lai chi đồ. căn bản là thường và đoạn là 62 tà Phật vì đệ tử nói xong phần kiến). trường hàng của kinh, hoặc có người tới sau, không nghe được LẬP TỤNG BÁT Ý phần đầu, Phật dùng kệ tụng nhắc (Hoa Nghiêm kinh lại. Năm, Vị tuỳ hỷ lạc. sớ).
Vì Phật theo căn cơ của người Một, thiểu tự nhiếp đa nghĩa. nghe ưa thích kệ tụng, nên vì họ Nghĩa là trong một chữ chứa nói bằng kệ tụng. đựng nhiều nghĩa. Như phần trường Sáu, Vị dị thọ trì. hàng trong kinh Viên giác, Phật vì Vì văn trường hàng dài và phức Bồ tát Phổ nhãn nói về hoà hợp của tạp, e khó thọ trì, (đọc tụng) nên bốn đại mà tướng mỗi thứ xa lìa nói kệ tụng để dễ nhớ. Như vì ông nhau, văn nghĩa rất dài. Đến phần Bàn đặc mà nói kệ rằng: trùng tụng thì dùng bốn câu thu Thủ khẩu nhiếp ý thân mạc tóm nhiều nghĩa. Kệ rằng: phạm, Thân tướng thuộc tứ đại, Như thị hành giả đắc độ thế Tâm tánh quy lục trần. đẳng dã. Tứ đại thể các ly, Nghĩa: Thuỳ vi hoà hợp giả đẳng thị Giữ miệng, nhiếp ý, thân chớ dã. phạm, Nghĩa: Người tu như vậy, vượt qua cõi Thân tướng thuộc bốn đại đời. Tâm tánh trở về sáu trần (Bàn đặc là tiếng Phạn, gọi đủ Thể bốn đại lìa nhau là Bàn đà già, tiếng Hoa là Kế đạo). Ai hòa hợp, ai không hòa hợp ? Bảy, Tăng minh tiền thuyết. (Trường hàng là phần tản văn Vì ở văn trường hàng ban đầu trong kinh. Trùng tụng là phần kệ nói chưa hết nghĩa. Phần trùng tụng văn). ở sau, nói rộng và rõ nghĩa ấy ra. Hai, Tán thán đa dĩ kệ tụng. Tám, Trường hàng vị thuyết. Vì trong kinh, hầu hết Bồ tát Vì phần tường hàng không nói đều khen ngợi công đức tốt đẹp của mà nói thẳng ở phần kệ tụng; như ở Phật, phần nhiều bằng kệ tụng. phẩm Không trong kinh Kim quang Ba, Vị độn căn trùng thuyết. minh.

BÁT THÀNH LẬP Không nên ở trong pháp hiện NHÂN tại chưa mất, hiển bày tướng đã diệt (mất) của quá khứ. Nếu xa lìa hiện (A tỳ đạt ma tạp tập tại thì không lấy gì để hiển bày luận) tướng của quá khứ. Nhưng tướng Một, Lập tông. của quá khứ đã không còn nữa lấy Tông giống như chủ, quan đâu hiển bày tướng có. Đây là nói trọng, tông chỉ; bằng cách dùng tướng của quá khứ không thể có pháp lập nên thành tông chỉ. được, để ví dụ cho trong các pháp Vì như các pháp năm uẩn đều mà tìm cầu cái ngã, nhất định do nhân duyên giả hợp mà sanh ra, không thể có được. Đó gọi là lập thật sự không có tự tánh, nên ở dụ. trong đó mà tìm ngã nhất định Bốn, hợp. không có. Vì vậy nói các pháp Hợp tức là hợp nhau. Dẫn ra không có ngã. Lập luận này là để nghĩa còn lại của chữ hợp, ấy là căn phá bỏ chấp ngã. Đó gọi là lập cứ về lý mà nói. tông. Ví như trong năm uẩn vốn Hai, lập nhân. không có ngã, mà con người điên Nhân tức là nguyên do, cái mà đảo, lầm chấp có ngã. Đã ngăn nghĩa nương vào. chặn và phá bỏ cái chấp ấy đi rồi, Lập nhân là để lý luận phá bỏ thì biết là không có ngã. Đã biết ngã chấp. không có ngã, thì biết chấp thường Vì nếu, đối với các pháp năm cũng không. Đó gọi là hợp. uẩn, giả sử có ngã thật; thân năm Năm, kết. uẩn này đã từ các duyên mà sanh Vì

trước liên kết lý cứu cánh ra, thì đó là pháp sanh diệt. Uẩn đã của vô ngã, chắc chắn không có gì sanh diệt, ngã không thể thành tựu khác đi, thì biết năm uẩn đều là vô được. ngã, cho đến vô thường. Đó là kết. Nếu lìa năm uẩn, mà còn có chỗ Sáu, Hiện lượng. khác, giả sử, có ngã ấy không có Hiện tức là hiện ra. Lượng tức nhân, cũng không có dụng . Thế đủ là liều lượng, có nghĩa là toan tính biết không có ngã, nên gọi là lập quyết định. nhân. Vì nhãn thức cho đến thân thức Ba, lập dụ. đối với cảnh trước mắt của năm Dụ tức là thí dụ. trần, xa lìa phân biệt sai lầm, không Lấy một pháp khác để dụ cho có tâm toan tính, thì có thể, đối với pháp được lập nên. Ví như trong cảnh, suy xét tướng của tự tánh các tướng của hiện tại, hiển bày tướng pháp chắc chắn không sai lầm. Đó có thực của quá khứ. Vì tướng của gọi là hiện lượng. hiện tại này đã sanh ra chưa chấm Bảy, Tỉ lượng. dứt. Tỉ tức là loại suy.

Vì thức thứ sáu ý thức suy Hơi ấm trong thân gọi là hoả lường mới biết có các cảnh. Như ở đại. xa thấy khói, biết ở đó có lửa. Đó Kinh Viên giác nói: Hơi ấm trở gọi là tỉ lượng. về với lửa. Tám, Thánh giáo lượng. Bốn, Phong đại. Phật nói hiện lượng, tỉ lượng Gió, có tánh chuyển động. nhằm giáo hóa chúng sanh đều Hơi thở ra, vào và thân chuyển không mâu thuẩn quyết định có thể động gọi là phong đại. tin tưởng, làm theo. Đó gọi là thánh Kinh Viên giác nói: Chuyển giáo lượng. động trở về với gió. Năm, Sắc vi. BÁT PHÁP Vô số màu sắc mà mắt thấy (Thủ lăng nghiêm kinh được đều rất vi tế, nên gọi là sắc vi. Sáu, hương vi. nghĩa hải) Vô số hương mà mũi ngửi được Tám pháp là đất, nước, lửa, gió, đều rất là vi tế, nên gọi là hương vi. gọi là bốn đại, vì bốn thứ này có Bảy, Vị vi. mặt ở mọi nơi sắc, hương, vị, xúc Vô số vị mà lưỡi nếm được đều là tứ vi, vì bốn thứ này có tánh thể rất vi tế, nên gọi là vị vi. vi tế. Tám, Xúc vi. Thân con người nhờ bốn đại giả Vô số xúc chạm mà thân tiếp hợp mà có. bốn đại này lại do tứ vi xúc được đều rất vi tế, nên gọi là làm thành. Nói tổng quát là tám xúc vi. pháp. Một, Địa đại. BÁT CHỦNG DỤ Đất có tánh cứng chắc và trở (Niết bàn kinh) ngại, nên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, … gọi là địa đại. Một, Thuận dụ. Kinh Viên giác nói: Tóc, lông, Vì Phật nói pháp, tuỳ thuận móng, răng, da, thịt, gân, xương theo thứ bậc của đời sống (thế đế), v.v… đều trở về với đất là ý này. đưa ra ví dụ từ nhỏ đến lớn. Hai, Thuỷ đại. Như kinh nói: Trời mưa lớn Nước có tánh thấm ướt. ngòi rãnh đều đầy, vì ngòi rãnh đầy Vì đàm dãi, nước mắt, nước được nên hầm hố đầy, như thế cho miếng, các loại nước trong thân gọi đến biển cả đầy nước. là thuỷ đại. Như mưa pháp cũng như thế, Kinh Viên giác nói: nước bọt, chín giới chúng sanh đầy, cho đến nước miếng, máu, mủ, đàm dãi, giải thoát đầy mưa pháp của Phật, tinh khí,… đều trở về với nước. nên Niết bàn đầy. Đó gọi là thuận Ba, Hoả đại. dụ. Lửa có tánh khô và nóng. Hai, Nghịch dụ.

Vì Phật nói pháp, ngược lại thứ của chúng sanh, thường đến bức bậc của cuộc đời (thế đế), đưa ra ví bách con người; tại sao đại vương dụ từ lớn đến nhỏ. không tu tập giữ giới và bố thí Như kinh nói: Biển cả là gốc v.v… Đó gọi là phi dụ. lớn nên có sông lớn. Vì có sông lớn (Tiếng Phạn là ba tư nặc, tiếng mà có sông nhỏ. Vì có sông nhỏ mà Hoa là Thắng quân). có ao lớn… Như thế cho đến ngòi Năm, Tiên dụ. rãnh cũng có nguồn gốc, đó là mưa Vì Phật chỉ bày cho chúng lớn. sanh, trước đưa ví dụ, sau dùng Phật cũng như thế, Niết bàn có giáo pháp khế hợp. gốc lớn mới có giải thoát, cho đến Như kinh nói: Ví dụ có người, giữ giới có gốc, đó là mưa pháp. ham muốn hoa đẹp, đi hái hoa ấy,

Đó là nghịch dụ. bị nước cuốn trôi. Chúng sanh cũng Ba, Hiện dụ. như thế ham mê ngũ dục, bị dòng Vì Phật nói pháp, muốn cho sông sanh tử cuốn trôi. Đó gọi là chúng sanh dễ hiểu, lấy ví dụ bằng tiên dụ. việc trước mắt. Sáu, Hậu dụ. Như kinh nói: Tâm tánh của Vì Phật chỉ bày cho chúng chúng sanh giống như con khỉ. sanh, trước nói pháp sau đưa ra ví Tánh khỉ bỏ đây bắt kia, chạy nhảy dụ làm rõ ý nghĩa của pháp. liên tục, tánh chúng sanh cũng như Như kinh nói: Chớ xem thường vậy, nắm bắt sắc, thinh, hương, vị, tội nhỏ cho là không có tai họa. xúc, pháp không ngơi nghỉ một Từng giọt, tuy không đáng kể, mà chút nào. Đó gọi là hiện dụ. từ từ đầy tràn cái bồn lớn. Đây gọi Bốn, Phi dụ. là hậu dụ. Vì Phật nói pháp đặt ra ví dụ Bảy, Tiên hậu dụ. bằng chính ngôn từ của Ngài mà Vì Phật chỉ bày cho chúng thực sự không có việc ấy (chỉ giả sanh, những gì nói trước và nói sau thiết thôi), đều có ý ví dụ. Như kinh nói: Phật nói với vua Như kinh nói: Ví như cây chuối ba tư nặc rằng: Có người thân tín, ra trái thì chết, kẻ ngu được lợi từ bốn phương tới đều nói như vầy: dưỡng cũng giống như thế. Hay Có bốn quả núi từ bốn phương đi như con la có thai thì tính mạng tới, sắp gây tai hại cho nhân dân. không được bảo toàn. Đó là tiên Nếu vua nghe điều ấy, thì phải tính hậu dụ. như thế nào? Tám, Biến dụ. Vua trả lời: Thưa Thế tôn, giả Vì Phật nói pháp, đầu cuối đều sử có việc ấy thật, thì không còn dùng ví dụ để nghĩa lý được rõ chỗ nào để chạy thoát. ràng. Phật lại nói rằng: bốn núi tức là Như kinh nói: ở tầng trời thứ 33 bốn sự kiện sanh, già, bệnh, chết có cây ba lợi chất đa la, rễ của nó

đâm sâu xuống đất dài đến năm do đời này, nhân làm thiện, ác không tuần, cành lá xum xuê bốn phía, lá giống nhau, đời sau quả báo thiện, khô ngã màu vàng rơi xuống. Sắc ác thành thục cũng khác nhau. Đây lá rơi xuống thay đổi thành những là lý do nhân quả dị thục, có tất cả túi nhỏ. Túi nhỏ sanh ra có mỏ, mổ tám thứ. làm vỡ túi, làm cho hương thơm Một, Thọ lượng viên mãn. chứa trong ấy bay khắp nơi; ánh Việc tu hành của các vị Bồ tát, sáng rạng ngời, các trời nhìn thấy đối với chúng sanh khởi lên lòng bi nhau, sanh tâm vui vẻ. mẫn to lớn, không có tâm sát hại; Vào tháng ba mùa hạ, ở dưới Đây là tu nhân của Bồ tát. Quả báo gốc cây có nhiều an vui là dụ cho sẽ cảm thọ ở đời khác, thọ mạng đệ tử của Phật. của các Ngài được dài lâu, không Lá vàng là dụ cho người sắp có các tổn hại. Tu tập pháp lành lợi xuất gia. mình, lợi người, đó là thọ mạng Lá vàng rơi xuống dụ cho việc viên mãn. cạo bỏ râu tóc. Tháng ba mùa hạ là Hai, Sắc tướng viên mãn. dụ cho ba Tam muội. Bồ tát tu hành, đối trước tượng Trời thứ 33 hưởng thọ an vui là Phật và Bồ tát, gặp chỗ tối tăm, dụ cho chư Phật ở trong Niết bàn không đèn đuốc, thì bố thí đèn đuốc lớn, được bốn đức thường, lạc, ngã, để thắp sáng các hình tượng ấy. tịnh. Đó gọi là biến dụ. Đây là tu nhân của Bồ tát. Quả báo (Trời thứ 33 tức là trời Đao lợi. sẽ cảm thọ ở đời khác, thì được sắc Tiếng Phạn là Ba lợi chất đa la, tướng đầy đủ, kiến thức cao minh, tiếng Hoa là Viên sanh, tức là mọi người thương mến, kính trọng Thiên thọ vương. mà không sanh tâm khinh mạn. Đó Tiếng Phạn là do diên hay do gọi lá sắc tướng viên mãn. tuần, tiếng Hoa là hạn lượng. Ba, Chủng tộc viên mãn. Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Vì Bồ tát tu hành, đối với đồng Hoa là Chánh định. loại nhẫn nhục, mềm mỏng, tâm luôn khiêm tốn, lấy đó làm nhân. BÁT CHỦNG DỊ THỤC Quả báo sẻ cảm thọ ở đời khác, NHÂN QUẢ được đời tôn trọng, khiến cho

(Hoa nghiêm chúng sanh nghe theo lời dạy bảo. Đó gọi là chủng tộc viên mãn. kinh)

Bốn, Tự tại viên mãn. Cái nhân làm ở đời này, đến đời Vị Bồ tát tu hành, đối với người khác, quả của nó mới chín, bởi vì nghèo khó, tùy theo nhu cầu của nghiệp liên thông trong ba đời. Như họ, cấp phát của bố thí. Lấy điều nhân làm ở đời trước đều lành, thì này làm nhân, quả báo sẽ cảm thọ ở đời này hưởng thọ phước báo của đời khác, có nhiều của cải địa vị và nhân ấy; hoặc ngược lại. Lại như bà con đông đảo. Tuỳ ý làm bất cứ

việc gì cũng đều tự tại. Đó gọi là tự thể giáo hóa tất cả chúng sanh tại viên mãn. siêng năng dũng mãnh cầu đạo vô Năm, Tín ngôn viên mãn. thượng. Đó gọi là dũng lực viên Vì Bồ tát tu hành, thường lấy mãn. lời chân thật, hoà thuận, mềm mỏng giáo hóa chúng sanh. Lấy BỒ TÁT BÁT CHỦNG đây làm nhân, quả báo sẽ cảm thọ ở NHÂN QUẢ đời khác, lời nói ra thành sự thật, (Địa trì kinh) mọi nghi ngờ đều quyết định được,
ai ai cũng tín nhiệm. Đó gọi là tín Một, thọ nhân thọ quả. ngôn viên mãn. Thọ là mạng sống. Sáu, Đại thế viên mãn. Vì không giết chết mạng sống Vì Bồ tát tu hành, ở trước Tam của sinh vật, không có tâm làm tổn bảo, cha mẹ, sư trưởng, thường hại chúng. Đó là thọ nhân. Do sanh khiêm nhường, cung kính hiếu không giết hại nên được sống lâu ở thảo nuôi dưỡng. Lấy việc này làm đời. Đó là thọ quả. nhân, quả báo sẽ cảm thọ ở đời Hai, sắc nhân sắc quả. khác, thì được giàu sang, tự tại, có Sắc tức là sắc thân. thế lực lớn, khiến cho chúng sanh Vì bố thí đèn đuốc cúng Phật và đều theo sự giáo hóa đúng đắn. Đó dùng tịnh vật cho người. Đó gọi là gọi là đại thế viên mãn. sắc nhân. Do bố thí đèn đuốc và Bảy, Trượng phu tướng viên tịnh vật nên được nhan sắc đẹp đẽ, mãn. sáng sủa, thân hình đoan chánh. Đó Vì Bồ tát tu hành, đối với chư gọi là sắc quả. Phật và Bồ tát, sanh tâm cung kính, Ba, chủng tánh nhân chủng vui vẻ, đối với thân người nữ, tâm tánh quả. thường chán ghét. Lấy việc này làm Chủng tức là chủng loại. Tánh nhân, quả báo sẽ cảm thọ ở đời tức là dòng họ. khác, được nam thân, đầy đủ các Vì xa lìa tâm kiêu mạn, đó là căn, không có tàn phế, khiếm chủng tánh nhân. Do xa lìa kiêu khuyết. Đó là tướng viên mãn của mạn được sanh vào dòng họ cao bậc trượng phu. sang, đó là chủng tánh quả. Tám, Dũng lực viên mãn. Bốn, tự tại nhân tự tại quả. Vì Bồ tát tu hành, luôn lấy Vì hay dùng giường chiếu, tọa chính sức lực của mình, đem ra cụ, thức ăn thức uống, thuốc thang phụng sự cho tất cả chúng sanh và và tất cả những vật nhu yếu đem bố bố thí thức ăn thức uống để cho sức thí cho người làm cho họ được khoẻ của chúng tăng trưởng. Lấy thoải mái. Đó là nhân tự tại. Do bố việc này làm nhân, quả báo sẽ cảm thí rộng rãi nên được giàu sang, bà thọ ở đời khác, được đạo lực dũng con sum vầy đông đúc. Làm bất cứ mãnh, tu tập tất cả pháp lành, lại có

việc gì cũng đều vừa ý, được tự tại, BÁT CHỦNG BIẾN HÓA thoải mái. Đó là tự tại quả. (Pháp giới thứ đệ). Năm, tín ngôn nhân tín ngôn quả. Một, Năng tác tiểu. Vì miệng
không nói dối, không Vì Bồ tát dùng sức biến hóa, có thêu dệt, không hai lời, không nói thể biến thân mình, thân người to ác; đó là nhân của lời đáng tin cậy. thành nhỏ, hoặc biến thế giới thành Do xa lìa các lỗi của miệng, nên một vật nhỏ như hạt bụi. Đó gọi là nói ra là người ta tin tưởng, đó là năng tác tiểu. quả của lời nói có uy tín. Hai, Năng tác đại. Sáu, đại lực nhân đại lực quả. Vì Bồ tát dùng sức biến hóa, có Lực tức là lực dụng (sức đem ra thể biến thân mình, thân người nhỏ sử dụng). thành to, hoặc biến hóa thế giới Vì làm công đức lớn, lập thệ thành một vật to lớn đầy khắp hết nguyện lớn, cung

kính Tam bảo, hư không. Đó gọi là năng tác đại. hiếu dưỡng cha mẹ. Đó là đại lực Ba, Năng tác khinh. nhân. Do cung kính Tam bảo v.v... Vì Bồ tát dùng sức biến hóa, có nên được tiếng tăm, phước đức, trí thể biến thân mình, thân người từ huệ, thế lực to lớn làm cho mọi nặng thành nhẹ, hoặc biến hóa thế người kính trọng. Đó là đại lực quả. giới và các vật trong đó nhẹ như Bảy, Trượng phu nhân trượng lông hồng. Đó gọi là năng tác phu quả. khinh. Vì ưa pháp của bậc trượng phu Bốn, Năng tác tự tại. nên chán pháp của nữ nhân; lại hay Vì Bồ tát dùng sức biến hóa, có nói pháp của trượng phu để đem lại thể biến hóa lớn thành nhỏ, nhỏ lợi ích cho người khác. Đó là thành lớn, dài thành ngắn, ngắn trượng phu nhân. Do thành tựu thành dài các tướng như thế một pháp trượng phu, đời sau được thân cách tự tại vô ngại. Đó gọi là năng nam tử, có khả năng đảm đương tác tự tại. làm pháp khí cho tất cả công đức. Năm, năng hữu chủ. Đó là trượng phu quả. Chủ tức là chủ tể, hàng phục, Tám, Lực nhân lực quả. thu nhiếp tất cả chúng sanh đều Vì đối với tha nhân, như pháp được tự tại. Đó gọi là năng hữu phụng sự, tuỳ theo năng lực giúp chủ. đỡ, lo liệu. Đó là lực nhân. Do Sáu, năng viễn đáo. thành tựu lực nhân nên được ít Vì Bồ tát dùng sức biến hóa có bệnh tật, ít buồn phiền, có sức đảm thể từ xa đến. Tất cả có bốn cách: đương tu các pháp lành. Đó là lực 1) bay từ xa đến; 2) mất đây hiện quả. kia; 3) từ xa khiến cho gần, không đi mà tới; 4) một niệm biến khắp

mười phương. Đó gọi là năng viễn ràng; lại mở bày nghĩa nông cạn ở đáo. bề mặt để hiểu được sự mầu nhiệm Bảy, năng động địa. bên trong làm cho căn cơ nhỏ, lớn Vì Bồ tát dùng sức biến hóa, có đều có lợi ích; nên gọi là lời nói mở thể cho đại địa hiện ra sáu cách bày chân lý. chấn động. Đó gọi là năng động Ba, thiện thích nan ngôn. địa. Thích tức là giải thích. (Sáu cách chấn động là động, Nan tức là nghi nạn (bị nghi khởi, dũng, chấn, hống, kích). vấn). Tám, tuỳ ý sở dục tận năng Vì pháp sư nói pháp, nếu có đắc. người muốn hỏi vì nghi ngờ thì Vì Bồ tát dùng sức biến hóa, có phải khéo giải thích, khiến cho sự thể làm cho một thân thành nhiều nghi ngờ ấy được giải tỏa và rõ thân và nhiều thân thành một thân, ràng, dễ dàng nhận ra nghĩa lý; nên xuyên núi qua tường, đi trên nước, gọi là lời nói khéo léo giải thích bay trên không, biến đất thành những nghi nạn. nước và ngược lại, nước thành gió, Bốn, Thiện phân tích ngôn. gió thành lửa, vàng thành đá, đá Vì pháp sư nói pháp, biện tài vô thành vàng. Đó là ý muốn như thế ngại, hay dùng ngôn từ khéo léo, ở nào thì đều được như thế này. trong một pháp mà phân tích ra vô lượng nghĩa lý; nên gọi là lời nói BÁT CHỦNG NGÔN phân tích khéo léo.
(Du già sự địa luận). Năm, Thiện thuận nhập ngôn. Vì pháp sư nói pháp, phải tuỳ
Ngôn tức là giọng nói, ngôn thuận kinh Phật, trình bày, giải âm. thích, làm cho người nghe, ai nấy Luận du già nói: Làm pháp sư, đều tin theo và vào chánh đạo, nói năng ở giữa mọi người, nên có không bị dư luận của tà đạo dẫn dụ, đủ tám thứ ngôn phong. làm mê hoặc; nên gọi là lời nói Một, khả hỉ lạc ngôn. khéo léo, tuỳ thuận đưa vào chánh Vì pháp sư nói pháp, phải căn đạo. cứ vào kinh văn. Nếu chúng chưa Sáu, Dẫn dư chứng ngôn. hiểu nên dùng ví dụ mà nói. Câu Vì pháp sư nói pháp, nghĩa lý văn thanh nhã, ngôn từ rõ ràng, trong kinh có thể chưa thông suốt, thấu đáo. Người nghe rồi, ai ai phải dẫn thêm các kinh khác để cũng vui mừng, thích thú; nên gọi chứng minh điều mình nói, làm cho là lời nói có thể làm cho vui mừng. người nghe tín thọ; nên gọi là

dẫn Hai, khai phát ngôn. dư chứng ngôn. Vì pháp sư nói pháp, phải mở Bảy, Thắng biện tài ngôn. ra nghĩa sâu xa còn ẩn dấu trong Vì pháp sư thuyết pháp dùng tài kinh văn, khiến cho nghĩa ấy rõ biện luận sắc sảo để phân biệt tất cả

nghĩa lý một cách dễ dàng; nên gọi chỗ Phật. Ngoài những lúc ấy, là thắng biện tài ngôn. không đến thăm Phật. Tám, Tuỳ tông thú ngôn. Bốn, Kiến nữ nhân bất sanh Tông tức là chủ yếu. dục tâm. Thú tức là lý thú. Vì A nan hầu Phật, xa lìa tham Vì pháp sư nói pháp, phải tuỳ ái, không chút ham muốn. Theo theo tông chỉ và nghĩa lý để giải hầu Phật ở những nơi có thí chủ thích đúng đắn, làm cho chúng cúng dường, vào ra cung điện, đền sanh ngộ được pháp yếu; nên gọi là đài thấy các nữ nhân và người nữ tuỳ tông thú ngôn. trời, rồng mà không sanh tâm nhiễm trước. A NAN BÁT BẤT TƯ Năm, Pháp bất tái vấn. NGHỈ Vì A nan hầu Phật, được nghe (Niết bàn kinh). Phật nói 12 bộ kinh. một lời kinh vào tai thì liền hiểu rõ, không đợi Tiếng Phạn là A nan, tiếng Hoa hỏi lần thứ hai, giống như rót nước là Khánh hỷ. vào bình, không rơi ra ngoài một Kinh nói: Phật nói với Văn thù giọt nào. sư lợi rằng: A nan hầu ta hơn 20 Sáu, Tri Phật sở nhập định. năm có đầy đủ tám điều không thể Vì A nan hầu Phật, tuy chưa nghĩ bàn. Vì vậy ta khen A nan là chứng được trí tha tâm thông, Tỳ kheo đa văn cường ký. nhưng luôn biết chỗ Phật nhập định Một, Bất thọ biệt thỉnh. để xem xét căn cơ thích hợp nói Vì A nan hầu Phật hơn 20 năm, pháp này cho thích hợp. tuy được khen tăng là đa văn đệ Bảy, Tri chúng hội đắc ích. nhất, đứng đầu các đệ tử của Phật, Vì A nan hầu Phật, tất cả chúng nhưng mọi hành động đều theo sanh đến chỗ Phật nghe nói pháp chúng, chưa từng nhận sự cung yếu, có người chứng quả ngay hiện thỉnh riêng của thí chủ, bỏ chúng tại, có người sau mới chứng quả, có mà thọ thực riêng. chúng sanh được làm người, làm Hai, Bất thọ cố y. trời, tuỳ theo lợi ích mà thọ nhận Vì A nan hầu Phật, tuy là y được, nên chứng đắc không giống phục cũ, Phật cho, cũng không dám nhau; A nan đều biết hết. nhận. Tám, Tất tri Phật sở thuyết Ba, Kiến bất phi thời. pháp. Vì A nan là thị giả của Phật, Vì A nan hầu Phật, nghe được nhưng gặp Phật cũng phải đúng pháp Phật nói, tuy căn khí lớn, nhỏ lúc. Ví dụ khi Phật thuyết pháp, khác nhau và giáo pháp cũng khác hoặc khi chúng nhờ Phật giải thích nhau, nhưng ý nghĩa bí mật bên những vấn đề thắc mắc thì mới đến trong A nan đều biết rõ.

A NAN CỤ BÁT PHÁP không để quên mất; nên gọi là cụ túc niệm tâm. (Niết bàn kinh) Sáu, Tâm vô kiêu mạn. Một, Tín căn kiên cố. Vì A nan nghe Phật nói 12 bộ Tín tức là tin thuận. Căn là cái kinh, đều hay ghi nhớ, giữ gìn nên có khả năng sanh ra. tâm không buông lung, cũng không Vì A nan nghe Phật nói 12 bộ dám kiêu mạn với mọi người, nên kinh, tin tưởng vững chắc. Do tín gọi là tâm không kiêu mạn. tâm, nên có thể sanh trưởng tất cả Bảy, Thành tựu định ý. công đức pháp lành. Vì A nan đã nghe Phật nói 12 Kinh Hoa nghiêm nó: Tin là mẹ bộ kinh, hay nương vào pháp này, của nguồn suối công đức, tưới tẩm, tu tập, nhiếp phục tâm mình, chứng nuôi lớn tất cả pháp lành. được thiền định; nên gọi là thành Hai, Kỳ tâm chất trực. tựu định ý. Chất là mộc mạc. Tám, Tùng văn sanh trí. Vì A nan nghe Phật nói 12 bộ Vì A nan nghe Phật nói 12 bộ kinh, tâm của ông mộc mạc ngay kinh, nghĩa lý vô lượng nên trí huệ thẳng, thường nương vào chánh tăng trưởng, sáng suốt, hiểu biết tất pháp mà an trụ, hoàn toàn xa lìa cả; nên gọi là tùng văn sanh trí. những hiểu biết sai trái, cong vẹo, giả dối;

nên gọi là kỳ tâm chất trực. NI BÁT KÍNH GIỚI Ba, Thân vô bệnh khổ. (Phiên dịch danh Nếu người đời đem thuốc thang nghĩa dẫn hội chánh ký). cho người khác thì sẽ được quả báo một đời ít bệnh tật; huống gì A nan Kinh Trung bản khởi nói: Sau nhiều kiếp tu tập, hạnh lợi tha của khi Phật thành đạo, di mẫu Đại ái ông không thể suy lường mà biết đạo xin xuất gia, học đạo. Phật được, há lại thân hiện tại này lại bị không đồng ý. bệnh khổ sao; nên gọi là thân vô A nan thưa Phật: Xin cho phép bệnh khổ. lệnh bà được xuất gia. Bốn, Thường cần tinh tấn. Phật nói: đừng, đừng. Chớ để Tin là không xen tạp. Tấn là người nữ đi vào giáo pháp của ta, là không gián đoạn. pháp môn vi diệu. Ví như gia đình Vì A nan nghe Phật nói 12 bộ một dòng họ nhiều nữ ít nam, thì kinh, một lòng thọ trì, như pháp tu biết dòng họ ấy suy yếu, không thể tập, không chút lười biếng, nên gọi phát triển mạnh mẽ. là luôn luôn siêng năng. A nan xin Phật một lần nữa. Năm, Cụ túc niệm tâm. Phật liền nói bát kính pháp. Nếu ai Vì A nan nghe Phật nói 12 bộ có thể y cứ vào đây thì cho phép kinh, tâm luôn ghi nhớ suy nghĩ, xuất gia.

Đại ái đạo đảnh lễ tuân thuận, Tự là tự mình trình bày lỗi lầm như thế là Phật độ cho người nữ của mình. làm ni giới. Tứ là để cho người khác nêu Một, Ni bách tuế lễ sơ hạ Tỳ lên tội của mình. kheo túc. An cư bắt đầu từ mộtnăm tháng Tỳ kheo ni, tuy mười0 tuổi, nếu bốn đến mộtnăm tháng bảy (Âm gặp Tỳ kheo vừa thọ giới mới trải lịch) là kết thúc, phải theo chúng qua một hạ, cũng phải lễ dưới chân. Tỳ kheo xin làm pháp tự tứ, có lỗi Hai, Bất đắc mạ báng Tỳ kheo. đứng trước chúng sám hối. Tỳ kheo ni phải kính trọng Tỳ kheo, không được dựng chuyện NI BÁT KHÍ GIỚI gièm pha, nói xấu. (Lăng nghiêm kinh Ba, Bất đắc cử Tỳ kheo quá. Tỳ kheo có lỗi, Tỳ kheo ni nghĩa hải). không được chỉ trích hay nêu ra. Ni phạm tám tội này cho ra Nếu Tỳ kheo ni có lỗi thì xin ngoài Phật pháp. Tỳ kheo chỉ cho dùm; tự mình xem Một, Sát. xét và tỉnh giác. Giết tức là làm thương tổn Bốn, Tùng tăng thọ cụ túc giới. mạng sống. Tỳ kheo ni thọ trì giới cấm cụ Vì tất cả loài hữu tình đều túc, phải đến chỗ Tỳ kheo ở xin muốn luyến tiếc mạng sống của thọ. mình. Nếu nữ tu không có tâm từ, Năm, Hữu quá tùng tăng sám. mà ngược lại còn giết hại chúng; Tỳ kheo ni có lỗi lầm, nên ở nên bị đuổi ra khỏi ni giới. trong chúng Tỳ kheo sám hối, tự Hai, Đạo. thú, để trừ bỏ tâm kiêu mạn. Trộm là lén lấy tài vật của Sáu, Bán nguyệt tùng tăng giáo người khác. giới. Vì nữ tu, đối với tài vật của Mỗi tháng hai lần Tỳ kheo ni người khác, sanh tâm ham muốn, phải đến chỗ đại đức Tỳ kheo cầu không cho mà lấy; nên bị đuổi ra xin nhắc nhở, dạy bảo giới cấm và khỏi ni giới. giáo pháp để tự mình tiến lên trên Ba, Dâm. đường đạo hạnh. Dâm tức là ham muốn, đắm Bảy, Y tăng tam nguyệt an cư. chìm. Tỳ kheo ni kiết hạ ba tháng, Vì nữ tu không thể dùng lễ nghi cấm túc an cư, phải cùng một nơi tự mình phong ngừa, dùng giới luật với Tỳ kheo để sớm, tối hỏi han tự giữ mình, ham muốn sắc dục, nghĩa lý của giáo pháp và kiến giải làm dơ bẩn tịnh hạnh, nên bị đuổi thêm ích lợi để tu tập. ra khỏi ni giới. Tám, Hạ ngật tùng tăng tự tứ. Bốn, Vọng. Vọng là giả dối, không thật.

Vì nữ tu che giấu sự thật, nói Vì người, ở trong cõi dục, khi lời giả dối, xảo trá với người khác; tu tập thiền định, bỗng nhận ra thân nên bị đuổi ra khỏi ni giới. tâm ngưng đọng, chuyển động êm Năm, Xúc. đềm, đồng bộ như mây trên không Xúc tức là vuốt ve, xúc chạm. và bóng soi dưới nước; lại nhận ra Vì nữ tu nếu vuốt ve, xúc chạm khắp lỗ chân lông trên thân thể hơi với thân thể người nam, tâm ham thở ra vào. Vào không tích tụ,

ra muốn nhiễm ô khởi lên; nên bị đuổi không phân tán. Đó là định ở cõi ra khỏi ni giới. trời sơ thiền. Sáu, Bát. Hai, Định trời nhị thiền. Bát là tám việc. Vì đã được định sơ thiền thiên, Vì nữ tu cùng với người nam có tâm chán sơ thiền, giác quán lúc tâm ô nhiễm; nắm tay nhau; hoặc động lúc tán, nhờ nhiếp tâm tại nắm áo nhau; hoặc cùng ở ngồi chỗ định một cách bình thản, trong khuất; hoặc cùng nói chuyện với suốt, vắng lặng. Giác quán liền diệt nhau; cùng đi với nhau; cùng thì phát sanh niềm vui thắng định. khiêng, vác chung; hoặc ở chung Giống như người đi từ nhà tối ra với nhau một thời gian. Phạm tám thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng việc này, bị đuổi ra khỏi ni giới. bàng bạc khắp mọi nơi. Đó gọi là Bảy, Phú. định ở cõi trời nhị thiền. Phú tức là che đậy. (Giác quán: Sơ tâm tại duyên Vì nữ tu, khi cùng đại chúng gọi là giác; tế tâm phân biệt thiền vị tụng giới, tác pháp mà che đậy tội gọi là quán). của người khác, không dám trình Ba, Định trời tam thiền. bày trước chúng; nên bị đuổi ra Vì đã được định nhị thiền thiên, khỏi ni giới. lại chán nhị thiền. Vui làm cho tâm Tám, Tuỳ. động, nên định không vững chắc. Tùy là nương theo. Nhờ nhiếp tâm quán sát kỷ, hỉ tâm Vì nữ tu, ở trong tăng chúng, liền ngừng, bây giờ nhập định một chưa làm phép cộng trụ mà nương cách hoàn toàn. một niềm vui nhè theo ở chung; nên bị đuổi khỏi ni nhẹ, từ trong tâm phát ra. So với giới. cái vui ở đời, niềm vui ấy là số một. Đó gọi là định của trời tam BÁT ĐỊNH thiền. (Thiền ba la mật) Bốn, Định trời tứ thiền. Vì đã được định trời tam thiền, Thiền tức là thu tâm tán loạn về lại biết niềm vui của tam thiền làm tĩnh lặng. quấy động tâm, làm cho tâm không Sắc giới và vô sắc giới, mỗi thanh tịnh nên quyết tâm xa lìa giới có bốn loại định. không luyến tiếc, rồi gắng sức Một, Định trời sơ thiền. không ngừng liền được an ổn. Hơi

thở ra, vào im bặc, một bầu trời khứ, vị lai rộng lớn vô cùng hay trong sáng, vắng lặng hiện ra, giống làm hư hỏng định lực, chỉ cho thức như tấm gương sáng không gợn tí xứ vô tâm là không chỗ nương tựa, sóng. Vắng lặng và chiếu soi, muôn nên được an ổn; vì thế, liền bỏ thức vật ở trong đó. Vọng tưởng không xứ, chỉ cột tâm vào chỗ không chỗ, còn, chỉ còn chánh niệm vững siêng năng không lười biếng, trong vàng. Đó gọi là định trời tứ thiền. tâm trong veo, vui vẻ vắng lặng, Năm, Định trời không vô biên các tưởng không nổi lên. Đó gọi là xứ. định trời vô sở hữu xứ. Không tức là hư không. Tám, Định trời phi tưởng phi Vì đã được định trời tứ thiền, phi tưởng. còn chán sắc thân ràng buộc, không Vì ở trước thức xứ có tưởng, vô được tự tại, càng thêm ra công quán sở hữu xứ thì không có tưởng; đến sát thân thể của mình, trong ngoài đây, bỏ có tưởng ở trước nên gọi là thấu suốt, chuyên tâm niệm không, phi phi tưởng. Bởi ở tầng trời này chỉ thấy có hư không, sắc tướng đã được định trời vô sở hữu xứ, lại không còn nữa. Lúc ấy, tâm được còn biết xứ này như mê, như say, sáng suốt, trong veo, tự tại vô ngại; như ngủ, như tối tăm bởi vô minh giống như chim bay ra khỏi lồng, che lấp, không hiểu rõ gì hết, bay liệng tùy thích. Đó gọi là định không thể yêu thích sự an lạc. Vì trời không xứ. thế nhất tâm tinh ròng, đối với phi Sáu, Định trời thức xứ. hữu phi vô, luôn nhớ không bỏ, thì Thức tức là tâm. định vô sở hữu xứ tự nó biến mất. Vì đã được định trời không xứ, Nỗ lực không ngừng, bỗng nhiên tức là tâm thức duyên khắp hư định chân thật phát ra mà không không, nhưng hư không không có thấy tướng mạo có hay không, vắng giới hạn. Vì vô biên nên định tâm lặng hoàn toàn, thanh tịnh vô vi. lại tán loạn,

nên mới bỏ hư không, Tướng định trong ba cõi, không quay tâm về duyên thức. Cùng ngoài những tướng định này; đó gọi tương ưng với thức, định tâm là định trời phi tưởng phi phi tưởng không động. Thức của quá khứ, xứ. hiện tại, vị lai đều hiện ra trong định. Cùng định tương ứng, tâm PHÀM TIỂU BÁT ĐẢO không phân tán. Định này an ổn, (Niết bàn kinh) thanh tịnh, vắng lặng; đó gọi là định trời thức xứ. Phàm tức là phàm phu. Tiểu tức Bảy, Định trời vô sở hữu xứ. là Tiểu thừa. Đảo tức là điên đảo. Vì xa lìa thức xứ của không xứ Vì phàm phu chấp có, đối với ở trên, nên gọi là không có chỗ nào pháp vô thường sai lầm cho là hết. Đã được định trời thức xứ, thường; khổ cho là vui; vô ngã cho dùng tâm duyên thức hiện tại, quá là có ngã; bất tịnh cho là tịnh.

Còn Tiểu thừa lại chấp không: Vì Thinh văn, Duyên giác, bị Thường cho là vô thường; vui cho vô minh che đậy, đối với pháp thân là chẳng vui; có ngã cho là chẳng thường trụ của Như lai, lầm cho có ngã; tịnh cho là bất tịnh; vì vậy rằng là tướng có sanh, có diệt nên phàm phu và Tiểu thừa có tám điều thay đổi; đó là điên đảo. điên đảo. (Vô minh là không có sáng Một, Phi thường kế thường. suốt, hiểu biết). Vì các việc hữu vi của thế gian Sáu, Lạc kế phi lạc. đều là vô thường, giả dối, không Lạc là cái vui của Niết bàn thật có, há có thể lâu dài. Phàm phu thanh tịnh. lầm cho những thứ ấy là thường; đó Phi lạc tức là khổ. là điên đảo. Vì bậc Nhị thừa bị vô minh che Hai, Phi lạc kế lạc. đậy, đối với Niết bàn thanh tịnh của Vì năm thứ dục của thế gian là Như lai, lầm cho là khổ, đó là điên cái nhân đem đến đau khổ. Phàm đảo. phu không hiểu rõ, lầm cho là vui; Bảy, Ngã kế vô ngã. đó là điên đảo. Ngã tức là cái ngã của tánh Ba, Phi ngã kế ngã. Phật chân thật. Vì thân này do bốn đại giả hợp Vô ngã tức là trong tánh Phật mà thành, vốn không có cái ngã. không có ngã (hiểu theo nghĩa Nếu một đại là ngã thì ba đại riêng biệt). còn lại chẳng phải là ngã. Nếu bốn Vì hàng Nhị thừa, bị vô minh đại đều là ngã thì hóa ra có nhiều che đậy không hiểu rằng trong pháp ngã. Rốt lại cái gì là ngã ? Nên biết vô ngã có cái ngã chân thật. ngã không thể có được. Phàm phu Vì vậy, ở trong chân ngã của không hiểu rõ, ở trong thân mình, Phật tánh, lầm cho là vô ngã, đó là cưỡng sanh ra chủ tể, lầm cho đó là điên đảo. ngã. Đó là điên đảo. Tám, Tịnh kế bất tịnh. Bốn, Bất tịnh kế tịnh. Tịnh tức là thân thường trụ của Vì ở thân mình và thân người Như lai, chẳng phải là cái thân do đều có năm thứ không sạch. Phàm ăn tạp mà có, chẳng phải là cái thân phu không hiểu rõ nên lầm sanh do máu thịt làm thành, chẳng phải tham đắm, cho đó là sạch. Đó là là cái thân ràng buộc trong gân cốt. điên đảo. Hàng Nhị thừa bị vô minh che đậy, (năm thứ không sạch là chủng chỉ quán sát tất cả các sắc của thế tử không sạch; thân thể không sạch; gian, đều cho là bất tịnh, không tướng bên ngoài không sạch; chỗ ở hiểu pháp thân thường còn thanh không sạch; cứu cánh không sạch). tịnh của Như lai, đó là điên đảo. Năm, Thường kế vô thường. Thường có nghĩa là thường trụ của pháp thân.

BÁT VỊ THAI TẠNG Vì khi thọ thai được 42 ngày, lông, tóc, móng, răng vừa đầy đủ, (Pháp uyển châu nên gọi là mao, phát, trảo, xỉ, vị. lâm). Bảy, Căn vị. Một, Yết la lam. Vì thọ thai được 49 ngày, mắt, Tiếng Phạn là Yết la lam, tiếng tai, mũi, lưỡi đầy đủ, nên gọi là căn Hoa là Ngưng hoạt. vị. Vì khi mới thọ thai được bảy Tám, Hình vị. ngày, khí huyết của cha mẹ ngưng Vì thọ thai được 56 ngày trở về tụ, dạng tựa như lớp váng sữa, nên sau, ở trong thai tạng của thai nhi gọi là Yết la lam. đã đầy đủ, nên gọi là hình vị.

Hai, Át bộ đàm. Tiếng Phạn là Át bộ đàm, tiếng VĂN KINH BÁT CHỦNG Hoa là Bào. ĐỨC Vì khi thọ thai được mộtbốn (Đại trang nghiêm ngày, dạng tựa cái mụn, nên gọi là kinh). Át bộ đàm. Ba, Bế thi. Một, Đoan chánh hảo sắc. Tiếng Phạn là Bế thi, tiêng Hoa Vì người dùng tâm chánh tín để là Ngưng kết. làm trong sạch và trang nghiêm Vì khi thọ thai được 21 ngày, thân thể của mình và để nghe kinh dạng tựa cục máu, hoặc tựa cục thịt Phật, công đức này, được quả báo mềm, nên gọi là Bế thi. sắc thân đẹp đẽ và không có tướng Bốn, Kiện nam. xấu, ác. Tiếng Phạn là Kiện nam, tiếng Hai, Lực thế cường thạnh. Hoa là Ngưng hậu. Vì người, bằng sự siêng năng, Vì khi thọ thai được 28 ngày, dũng mãnh, nghe kinh Phật, nhờ cục thịt mềm từ từ cứng lại. Lúc công đức này nên được quả báo này, tuy có hai căn thân và ý, còn phước lực, uy thế và hàng phục bốn căn kia chưa có đầy đủ, nên được tất cả mà không còn hèn nhát. gọi là Kiện nam. Ba, Tâm ngộ thông đạt. Năm, Bát la xa khư. Vì người nghe kinh Phật, nên Tiếng Phạn là Bát la xa khư, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, lý và tâm tiếng Hoa là Hình vị. hợp nhau, thông suốt tất cả. Nhờ Vì khi thọ thai được 35 ngày, công đức này mà có thể hiểu biết cục thịt lớn dần, tứ chi và thân bắt đến nơi tướng của tất cả pháp, hoàn đầu hiện ra, nên gọi là Bát la xa toàn không chút trở ngại. khư. Bốn, Đắc diệu biện tài. Sáu, mao phát trảo xỉ vị. Vì người nghe kinh Phật, nên hiểu rõ và thấu đáo tướng của tất cả pháp. Nhờ công đức này mà có tài

biện luận tuyệt vời. Có thể chỉ cần Quan là cấm (không được ý nghĩa trong một câu mà diễn phép). thuyết đến vô cùng. Vì ngăn cấm tám tội: sát, đạo, Năm, Hoạch chư phước định. dâm v.v... để cho không phạm Vì người nghe kinh Phật, nên phải. tâm suy nghĩ đến ý nghĩa sâu xa, vi Luận nói: Trai là không ăn quá diệu. Nhờ công đức này, có thể thu ngọ. nhiếp tâm niệm, tướng giả dối Dùng tám giới giúp đỡ, thành không sanh ra nữa, im lặng đi vào tựu trai pháp, cùng nhau giữ gìn, định. nên còn có tên là bát chi trai pháp. Sáu, Trí huệ minh liễu. Mỗi tháng vào ngày mồng tám, Vì người nghe kinh Phật, nên 14, 15, 23, 29, 30 là ngày của lục rộng hiểu ý nghĩa trong lời nói của trai. Phật. Nhờ công đức này, mở mang Vào sáu ngày này, nên tu tập trí huệ vốn có, thấu suốt không có bát quan trai giới. Chư thiên thấy gì trở ngại. vậy cùng chung vui, tức là gia hộ Bảy, Xuất gia thù thắng. phước lộc, tuổi thọ tăng thêm. Vì người nghi kinh Phật, nên Một, Không được sát sanh. chán ghét trần tục. Nhờ công đức Không sát sanh là không cắt đứt này, liền xuất gia học đạo; lại lấy mạng sống của tất cả chúng sanh; những giáo pháp nghe được đem tự mình không giết cũng không sai giảng dạy cho người khác, làm khiến người giết. người hướng dẫn trong đời. Hai, Không được trộm cắp. Tám, Quyến thuộc cường Bất thâu đạo là không lén lấy mạnh. tài sản của người khác, tự minh Người hiểu được giáo pháp gọi không trộm cắp, cũng không sai là quyến thuộc (bà con, dòng họ). khiến người trộm. Vì người nghe kinh Phật, lại Ba, Không được tà dâm. dựa vào đó mà diễn giảng cho Bất tà dâm là không phải thê, người khác nghe, nhờ công đức làm thiếp của mình không được làm sanh ra thân chánh pháp cho người việc dâm dục. khác, tức là đã biến họ thành bà Bốn, Không được vọng ngữ. con trong dòng họ Phật đà. Cứ như Bất vọng ngữ là tự mình không thế, từ từ lan khắp, mỗi ngày một được nói dối, cũng không thể dùng lớn mạnh. lời dối trá để lường gạt người khác. Năm, Không được uống rượu. BÁT QUAN TRAI GIỚI Vì rượu là gốc làm rối loạn tâm (Luận Tì

bà sa và tánh, là cửa dẫn lỗi lầm vào trong hành xử, nên không thể đắm chìm, kinh Tạp A hàm). say sưa vì rượu.

Sáu, Không được ngồi (nằm) Một, Lập xuân (ngày bốn, năm trên giường cao rộng lớn. tháng hai dương lịch). Kinh A hàm nói: Giường cao Là sự yên bình hòa hợp trong một thước sáu tất thì không phải là tháng giêng. Khí trời hạ xuống, khí cao; rộng bốn thước không phải là đất bốc lên, vạn vật nẩy mầm; ngày rộng; dài tám thước không phải là này giữ giới, ăn chay tu tập thì có lớn. Chỉ khi nào vượt quá kích phước lớn. thước này mới gọi là cao quảng đại Hai, Xuân phân (ngày 12, 22 sàng, không nên ngồi trên đó (một tháng ba dương lịch). xích # 0.33 m). Khí ấm áp của trời đất giao hòa, Bảy, Không được lấy hoa và muôn vật tăng trưởng, tốt tươi; anh lạc trang sức lên đầu lên người. ngày này giữ giới, ăn chay, tu tập Nghĩa là không lấy hoa trang thì được phước lớn. điểm lên tóc, không lấy châu ngọc Ba, Lập hạ (ngày sáu, bảy trang sức lên thân thể. tháng năm dương lịch). Tám, Không được ca, múa, hát Lập hạ cây cỏ sum suê phát xướng. triển, trăm vật hoài thai, ôm ấp Nghĩa là tự mình không được mầm sống trong lòng; ngày này giữ tập luyện ca, múa, hát xướng và giới, ăn chay, tu tập thì được phước cũng không đến những nơi có ca, lớn. múa, hát xướng để xem và nghe và Bốn, Hạ chí (ngày 20, 21 tháng cũng không được bảo người khác sáu dương lịch). ca, múa, hát xướng. Hạ chí thì ngày rất dài, sinh vật phát triển hết mức; ngày này giữ XUÂN THU BÁT giới, ăn chay, tu tập thì được phước VƯƠNG NHẬT lớn. (Pháp uyển châu
Năm, Lập thu (ngày chín, mười tháng tám dương lịch). lâm dẫn đề vị kinh). Lập thu là tiết thu bắt đầu, sinh Tám ngày quan trọng trong vật sắp sửa phát triển; ngày này giữ mùa xuân và mùa thu, đó là những giới, ăn chay, tu tập thì được phước ngày trời đất, âm dương giao thoa lớn. với nhau. Sáu, Thu phân (ngày 23, 24 Tám ngày này, phụ thần của Đế tháng chín dương lịch). thích đi tuần trong thiên hạ; so sánh Thu phân là ngày và đêm bằng thiện, ác quyết định sống, chết; nhau, vạn vật đã phát triển hoàn tăng, giảm tội, phước. chỉnh; ngày này, giữ giới, ăn chay, Người ưa làm điều lành, nếu tu tập thì được phước lớn. hay giữ gìn giới cấm, trì trai thì cho Bảy, Lập đông (ngày bảy, tám sanh về nơi hiền lành. tháng 11 dương lịch).

Lập đông thì khí trời bắt đầu se chúng sanh, hay còn gọi là Giác lạnh, vạn vật thu mình lại và giấu hữu tình. kín; ngày này giữ giới, ăn chay, tu Vì Bồ tát trên cầu Phật đạo, tập thì được phước lớn. dưới giáo hóa chúng sanh, thương tám, Đông chí (ngày 20, 21 yêu muôn vật, tùy loại hiện thân, tháng 12 dương lịch). độ thoát chúng sanh khổ đau vô Đông chí thì tháng 11 bắt đầu, lượng vô biên; nên sau khi nhập cũng là lúc sự vận hành dài của vạn diệt đáng được dựng tháp cúng vật bắt đầu; ngày này giữ giới, ăn dường. chay, tu tập thì được phước lớn. Ba, Duyên giác tháp. Vì quán sát 12 nhân duyên, BÁT CHỦNG NHÂN hiểu rõ lý chân đế; nên gọi là KHỞI THÁP Duyên giác. (Phiên dịch
danh Duyên giác đã dứt sống, chết trong ba cõi, hay vì trời, người mà nghĩa). làm ruộng phước, nên đáng dựng Một, Như lai tháp. tháp cúng dường. Như lai có ba nghĩa: Không từ Bốn, A la hán tháp. đâu đến, cũng không đi về đâu; đây Tiếng Phạn là A la hán, tiếng là nghĩa pháp thân. Hoa là Vô sanh, lại gọi là Vô học, Nghĩa đế thứ nhất gọi là như, Ứng cúng. chánh giác gọi là lai; đây là nghĩa Vì đã dứt hẳn sống, chết trong báo thân. ba cõi, nên gọi là Vô sanh; vì phiền Nương theo đạo chân thật, đi não của các vị ấy đã hết,

không có đến thành tựu chánh giác; đây là pháp nào đáng học, nên gọi là Vô nghĩa ứng thân. học; vì xứng đáng cho trời, người Vì Như lai đầy đủ muôn đức; cúng dường, làm ruộng phước cho ba giác ngộ tròn đầy; trời, người đời, nên gọi là Ứng cúng; nên sau đều tôn kính, ngưỡng mộ; nên sau khi nhập diệt đáng được dựng tháp khi nhập diệt đáng được dựng tháp cúng dường. cúng dường. Năm, A na hàm tháp. (Nghĩa đế thứ nhất là lý thật Tiếng Phạn là A na hàm, tiếng tướng trung đạo, không hai không Hoa là Bất lai. khác. Vì các vị này đã dứt hết phiền Muôn đức là công đức vạn não ở cõi dục, không còn sanh vào hạnh tròn đầy. cõi này; nên gọi là Bất lai (không Ba giác là tự giác, giác tha, giác trở lại). Các vị xứng đáng được hạnh viên mãn). trời, người cúng dường, làm ruộng Hai, Bồ tát tháp. phước cho nhân gian, nên sau khi Tiếng Phạn là Bồ tát, gọi đủ là nhập diệt đáng được dựng tháp Bồ đề tát đỏa, tiếng Hoa là Giác cúng dường.

Sáu, Tư đà hàm tháp. BÁT PHƯỚC ĐIỀN Tiếng Phạn là Tư đà hàm, tiếng (Phạm võng kinh và Bồ Hoa là Nhất lai. Vì các vị này, chín phẩm tư tát giới nghĩa sớ). hoặc ở cõi dục, đã dứt trừ trước sáu Tám ruộng phước gồm Phật, phẩm, còn lại ba phẩm, nên phải thánh nhân, chư tăng là kính điền; thọ sanh ở cõi dục một lần nữa nên Hòa thượng, A xà lê là những gọi là Nhất lai. người sanh ra pháp thân của ta; Các vị này đáng được trời, cha, mẹ là người sanh ra nhục thân người cúng dường và làm ruộng của ta là ân điền; người cứu giúp kẻ phước cho nhân gian; nên sau khi có bệnh là bệnh điền hay là bi điền. nhập diệt đáng được dựng tháp Tám hạng người này đều là cúng dường. ruộng trồng phước đức, nên gọi là Bảy, Tu đà hoàn tháp. điền. Nếu người nào, bằng hết sức Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, tiếng mình, thờ phụng tám hạng người Hoa là Dự lưu. trên, cũng giống như ra làm ruộng, Vì các vị này đã dứt hết kiến thì sẽ thu hoạch lợi ích. hoặc trong ba cõi, được dự vào Một, Phật điền. dòng thánh, nên gọi là Dư lưu. Phật là tiếng Phạn, gọi đủ là Các vị này đáng được trời, Phật đà, tiếng Hoa là Giác; vì giác người cúng dường và làm ruộng ngộ đạo pháp hoàn toàn đầy đủ; phước cho nhân gian, nên sau khi quả vị tối thượng; so với thế gian nhập diệt đáng được dựng tháp và xuất thế gian, không ai sánh cúng dường. bằng; người hay cung kính, cúng Tám, Chuyển luân vương tháp. dường, đâu phải chỉ được phước Vì Chuyển luân thánh vương, mà còn có thể diệt tất cả tội; nên tuy chưa dứt phiền não (hoặc), gọi là phước điền. chưa ra khỏi ba cõi. Nhưng phước (Thế là trời, người. Xuất thế là và đức rất lớn, cai trị bốn châu Bồ tát, Thinh văn, Duyên giác). thiên hạ, lại dùng thập thiện dạy dỗ Hai, Thánh nhân điền. quần chúng, nhân dân, nên được Vì Bồ tát, Duyên giác, Thinh đời tôn kính. Do đó sau khi nhập văn ra khỏi ba cõi, chứng ngộ thánh diệt đáng được dựng tháp cúng đạo, đầy đủ công đức, trí huệ vô dường. lượng, người nào hay cung kính, (bốn thiên hạ là phía đông: Phất cúng dường thì được phước lớn; vu đãi; phía nam: Diêm phù đề; nên gọi là thánh nhân điền. phía tây: Cù da ni; phía bắc: Uất Ba, Tăng điền. đơn việt). Tăng là tiến Phạn, gọi đủ là Tăng già, tiếng Hoa là Hòa hợp chúng.

Vì mọi người hòa đồng trong Vì Mẹ hoài thai bảo dưỡng từ ăn, ở; cung kính, hòa thuận, không đầu cho đến cho bú sửa, mớm cơm, tranh cải; đó là đệ tử của Phật. nuôi nấng, giữ gìn bồng ẳm đến khi Người nào hay cung kính, cúng trưởng thành, bằng tấm lòng dường chư Tăng thì được phước thương yêu với muôn vàn khó nhọc đức và lợi lạc; nên gọi là Tăng chỉ vì con. Ân ấy vô cùng to lớn. điền. Làm con phải hết sức cung phụng,

Bốn, Hòa thượng điền. nuôi dưỡng từ mẫu, há còn lòng Hòa thượng, tiếng Phạn là Ô ba nào cầu mong phước đức. Nếu thật giá ca, ở nước Vu điền dịch là Hòa sự tâm ta chí thành, lòng ta hiếu thượng, tiếng Hoa là Lực sanh. Vì thảo thuần nhất, thì tự nhiên phước hòa thượng sanh ra và nuôi lớn đức đến; nên gọi là Mẫu điền. pháp thân của ta nên ân đức rất Tám, Bệnh điền. nặng, người nào hay cung kính Vì thấy người mắc bệnh, liền cúng dường thì được phước đức và nghĩ đến sự khổ sở của họ, tận tâm lợi lạc; nên gọi là Hòa thượng điền. cứu giúp, ban tặng thuốc thang thì Năm, A xà lê điền. được phước đức; đó gọi là Bệnh Xà lê là tiếng Phạn, gọi đủ là A điền. xà lê, tiếng Hoa là Chánh hạnh, vì hay chỉnh đốn đạo hạnh của đệ tử, HỰU BÁT PHƯỚC ĐIỀN tức là thầy giáo thọ truyền giới,… Nhờ nương vào giới luật được thiền định, trí huệ phát sanh. Ân ấy nặng Tám ruộng phước này là hoặc lắm, người nào hay cung kính cúng cứu người khi gặp nguy hiểm, giúp dường thì được phước đức, lợi lạc; đỡ người khi thiếu thốn, cung kính nên gọi là Xà lê điền. Tam bảo, hiếu thảo phụng dưỡng Sáu, Phụ điền. cha mẹ, rộng độ chúng sanh chốn u Vì Cha là người đầu tiên cho linh thoát khỏi cảnh khổ, cũng đều mình cái hình hài, nên có đức của là việc gieo trồng phước đức. bậc sanh thành. Từ trẻ con cho đến Một, Khoáng lộ nghĩa tĩnh. lớn khôn, trải qua dạy bảo, nuôi Dọc theo con đường xa vắng dưỡng hết lòng, ân ấy vô cùng to vẻ, đào giếng giúp người qua lại, lớn. Làm con phải hết sức cung khát nước dọc đường. Đó là ruộng phụng, nuôi nấng nghiêm đường, phước. há còn lòng dạ nào cầu mong Hai, Kiến tạo kiều đường. phước đức. Nếu thật sự tâm ta chí Ở những nơi đò đưa, bến cảng, thành, lòng ta hiếu thảo thuần nhất, sửa sang, xây dựng cầu cống để thì phước đức tự nhiên đến; nên gọi giúp cho người qua lại bớt cái khổ là Phụ điền. lặn lội. Đó là ruộng phước. Bảy, Mẫu điền. Ba, Bình trị hiểm ải.

Con đường qua chỗ hiểm nguy BÁT THỨC SANH XỨ lồi lõm, lấp lại cho bằng phẳng, (Du già sư địa luận) rộng ra để người qua lại tránh khỏi tai nạn té ngả. Đó là ruộng phước. Tu ngũ giới, thập thiện và làm Bốn, Hiếu dưỡng phụ mẫu. các nghiệp lành bố thí… phước đức Cha, mẹ là nguồn gốc làm nên hơn, kém không bằng nhau nên nơi thân hình mạng sống của ta, nuôi chốn sanh ra là quả báo cao thấp nấng dạy dỗ, thương yêu hết mực, không giống nhau, nên gọi chỗ con phải hết sức phụng dưỡng, làm sanh ta ra là do quả báo của tám cho cha mẹ vừa lòng để báo đáp ân phước điền từ đời trước. khó nhọc. Đó là ruộng phước. Một, Nhân trung phú quí. Năm, Cung kính Tam bảo. Sinh vật trong khoảng trời đất, Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng người là quí. Đã được làm người lại đáng tôn đáng quí nên gọi là báu. giàu sang là do tu nghiệp lành, nên Tam bảo có đầy đủ công đức lớn, có phước hơn hẳn những người cứu giúp muôn loài, vượt lên bờ khác và kiếp này được quả báo như giác, nên phải quay về nương tựa thế. cung kính. Đó là ruộng phước. Hai, Tứ thiên vương thiên. Sáu, Cấp sự bệnh nhân. Bốn thiên vương thiên là phía Người bị bệnh hoạn, mọi khổ đông vua Trì quốc thiên, phía nam đau kéo đến thân thể, thật đáng vua Tăng trưởng thiên, phía tây vua thương xót, nên cung cấp thuốc Quảng mục thiên, phía bắc vua Đa thang và những vật cần thiết để bốn văn thiên. đại điều hòa, thân được an lạc. Đó Bốn thiên vương này ở lưng là phước điền. chừng núi Tu di, do tu hai loại Bảy, Cứu tế bần cùng. phước hơn hết là trì giới và bố thí, Người nghèo khổ thiếu thốn nên quả báo được sanh vào bốn cõi mọi

bề, đói khát bức bách, không ai ấy. để kêu cứu, nên có tâm thương xót, Ba, Đao lợi thiên. tùy theo nhu cầu giúp đỡ cho họ. Tiếng Phạn là Đao lợi, tiếng Đó là phước điền. Hoa là 33. Tám, Thiết vô giá hội. Xưa có 33 người cùng tu Vô giá tức là khắp cả. nghiệp lành, cùng sanh lên trời này Tổ chức trai đàn chẩn tế, để cho ở trên đỉnh núi Tu di, bốn phía có tất cả cô hồn vất vưởng nương nhờ tám cung, chính giữa có điện Đế từ lực Tam bảo, đều được thoát thích. khỏi đường khổ mà vượt lên đường Đế thích là thiên chủ, do tu trì lành. Đó là phước điền. giới và bố thí có phước hơn Tứ thiên vương thiên, nên quả báo được sanh vào chính giữa. Bốn, Dạ ma thiên.

Tiếng Phạn là Dạ ma, tiếng Hoa BÁT BỘ QUỶ CHÚNG là Thiện thời, vì luôn luôn ca ngợi (Phiên dịch danh khoái lạc. Trời này do tu bố thí và giữ giới nghĩa). hơn trời Đao lợi, nên quả báo được Một, Càn thát bà. sanh vào cõi ấy. Tiếng Phạn là Càn thát bà, tiếng Năm, Đâu suất thiên. Hoa là Hương âm, vì không ăn thịt Tiếng Phạn là Đâu suất, tiếng uống rượu, chỉ ngửi mùi hương trên Hoa là Tri túc, vì đối với năm dục thân, là nhạc thần của trời Đế thích. thượng hạng, biết dừng biết đủ. Hai, Tỳ xá xà. Trời này do tu bố thí và giữ giới Tiếng Phạn là Tỳ xá xà, tiếng có phước hơn trời Dạ ma, nên quả Hoa là Hám tinh khí, vì loài này ăn báo được sanh vào cõi ấy. cái khí sạch nhất của con người và Sáu, Hóa lạc thiên. của ngũ cốc. Trời Hóa lạc là khi muốn vui (Ngũ cốc là hòa, ma, mạch, thử, thích với năm dục đều tự mình hóa thúc). ra rồi vui sướng năm dục lạc ấy. Ba, Cưu bàn trà. Trời này do tu giữ giới và bố thí Tiếng Phạn là Cưu bàn trà, có phước hơn trời Đâu suất, nên tiếng Hoa là Ứng hình, vì thân hình quả báo được sanh vào cõi ấy. giống như cái vò, tức là quỷ Yếm Bảy, Tha hóa thiên. mị. Trời Tha hóa là khi muốn có Bốn, Tiết lệ đa. cảnh vui, trời khác vì họ mà biến Tiếng Phạn là Tiết lệ đa, tiếng ra, rồi mượn sự thành tựu ấy của Hoa là Ngạ quỷ, vì loài này nhiều trời khác lấy làm sự lạc thú của kiếp không nghe đến cái tên của mình. nước uống. Trời này là chủ cõi dục, do tu Năm, chư Long chúng. giữ giới và bố thí có phước hơn Vì rồng có bốn loài: 1) trông Hóa lạc nên quả báo được sanh vào coi cung điện của trời, thi hành cõi ấy. mệnh lệnh không thiếu sót; 2) tụ Tám, Phạm thiên. mây làm mưa, đem lại lợi ích cho Vì xa lìa dơ dáy, nhiễm ô ở cõi thế gian; 3) địa long: thông sông dục, lên cõi sắc, nên gọi là tịnh khai ngòi; 4) phục tàng long: hộ vệ (Phạm: trong sạch). chuyển luân vương, người có Nếu trời Đại phạm là chủ ở thế phước hơn và kho báu. giới Ta bà, do tu giữ giới và bố thí Sáu, Phú đơn na. có phước hơn cõi Tha hóa và còn Tiếng Phạn là Phú đơn na, tiếng tu thiền định nữa, nên quả báo được Hoa là Xú ngạ quỷ, là quỷ chủ sanh vào cõi ấy. nhiệt bệnh. Bảy, Dạ xoa.

Tiếng Phạn là Dạ xoa, tiếng thịt những tội nhân ấy trở lại như Hoa là Dũng kiện. Có ba loại: 1) trước và sống lại; nên gọi là tưởng Địa dạ xoa; 2) Hư không dạ xoa; 3) địa ngục. Thiên dạ xoa. Hai, Hắc thằng địa ngục. Tám, La sát. Vì ngục tốt trong ngục này Tiếng Phạn là La sát, tiếng Hoa dùng dây sắt nóng cột chặt tội nhân là Tốc tật quỷ, còn gọi là Khả uý, kéo đi, sau đó đem chém, cưa vì rất hung ác. những tội nhân ấy. Rồi luồng gió dữ thổi bùng những dây sắc nóng BÁT NHIỆT ĐỊA NGỤC ấy và buộc chặt thân thể tội nhân (Hiển tông luận). đốt cháy đến thịt, xương tủy sống sôi lên. Đau khổ không kể xiết, nên Ở dưới đất nên gọi là địa ngục. gọi là địa ngục Hắc thằng. Luận Bà sa nói: Ở dưới cõi Ba, Đôi áp địa ngục. Nam thiệm bộ châu hơn 500 do Ngục này cũng gọi là địa

ngục tuần có địa ngục. Địa ngục này có Chúng họp. Trong ngục có núi đá lớn, có nhỏ. Địa ngục lớn có tám lớn, tội nhân đi vào bên trong, núi cái lạnh, tám cái nóng. ấy tự nhiên khép lại, ép vào thân Mỗi địa ngục lớn có bốn cửa. thể, thịt xương nát tan; nên gọi là Mỗi cửa có bốn địa ngục nhỏ. Tổng địa ngục Đôi áp. cộng mộtsáu địa ngục nhỏ, gọi là Bốn, Khiếu hoán địa ngục. địa ngục Du tăng, vì chúng sanh Vì chúng sanh chịu tội đã đến chịu tội, khi đến ngục ấy, tội khổ ngục này, ngục tốt dích tội nhân bỏ tăng lên. vào cái vạc lớn nước đang sôi sùng (Tiếng Phạn là Thiệm bộ châu, sục, chịu biết bao đau đớn, khổ sở, còn gọi là Diêm phù đề, tiếng Hoa kêu gào khóc lóc; nên gọi là địa là Thắng kim châu. ngục Khiếu hoán. Tiếng Phạn là Du thiện na, còn Năm, Đại khiếu hoán địa ngục. gọi là Do tuần, tiếng Hoa là Hạn Vì sau khi ngục tốt đã bỏ tội lượng). nhân vào nước sôi nấu nhừ, thì gió Một, Tưởng địa ngục. nghiệp thổi tới làm tội nhân ấy Ngục này trong luận Câu xá có sống lại. tên là địa ngục Đẳng hoạt. Ngục tốt tiếp tục bắt tội nhân Luận Hiển tông nói: Chúng bỏ vào chảo sắt lớn, rang khô, lửa sanh ở trong địa ngục này, tay mọc đốt, thống khổ không thể nói hết, la ra móng sắt dài và bén nhọn, giận lớn kêu cứu, hoàn toàn vô ích; nên dữ nhau, trong lòng nuôi hận thù gọi là địa ngục Đại khiếu hoán. hại nhau, dùng móng vuốt ấy vồ Sáu, Thiêu chích địa ngục. nhau đến thịt rơi máu đổ, hoặc bị Vì địa ngục này lấy sắt làm đâm chém nghiền giã tưởng là đã thành, lửa dữ hừng hực, thiêu đốt chết. Luồng gió lạnh thổi tới, da cả trong lẫn ngoài, da thịt tội nhân

cháy rụi, thống khổ vô cùng; nên Một, Át phù đà địa ngục. gọi là Thiêu chích địa ngục. Phạn ngữ là Át phù đà hoặc là Bảy, Đại thiêu chích địa ngục. Át bộ đà, tiếng hoa là Pháo. Vì chúng sanh chịu tội, do lạnh Vì ngục tốt đem bỏ tội nhân lẽo làm khổ sở, khó chịu nên da thịt trong thành bằng sắt, thì lửa dữ đốt dộp phồng lên. thành, trong ngoài đỏ rực, đốt cháy Hai, Nê lại phù đà địa ngục. tội nhân. Lại có hầm lửa đang cháy Tiếng Phạn là Nê lại phù đà phừng phực. hai bờ trong hầm lại hoặc Nê thích phù đà, tiếng Hoa là có núi lửa, ngục tốt bắt lấy tội Pháo liệt. nhân, dùng cây sắt xuyên ngang Vì chúng sanh chịu tội, do lạnh thân mình rồi treo lên ngọn lửa, da lẽo bức bách, khổ sở, những mụt vỡ thịt cháy tan nát, thống khổ không máu mủ ra. cùng; nên gọi là địa ngục Đại thiêu Ba, A trá trá địa ngục. chích. Vì chúng sanh chịu tội, do khí Tám, Vô gián địa ngục. lạnh cực độ, môi không thể cử Vì chúng sanh có tội, đến đây động được, chỉ nhờ lưỡi khua nên chịu khổ không chút gián đoạn, nên tạo ra âm thinh như vậy. gọi là Vô gián. Bốn, A ba ba địa ngục. Luận Thành thật nói rõ năm Vì chúng sanh chịu khổ, do khí loại địa ngục Vô giác: 1) thú quả vô lạnh cực độ, lưỡi không thể cử gián: Người phạm tội quá nặng động, chỉ nhờ môi mấp máy nên (sau khi chết) liền đến ngục ấy chịu tạo ra âm thinh như vậy. quả báo, không có khoảng cách; 2) Năm, Ẩu hầu địa ngục. thọ khổ vô gián: Đến ngục ấy (sau Vì chúng sanh chịu khổ, do khí khi chết) chịu khổ sở, không có lạnh cực độ, môi và lưỡi không thể khoảng cách; 3) thời vô gián: Thời cử động, chỉ nhờ yết hầu tạo ra âm gian chịu khổ trong địa ngục ấy thinh như vậy. không có khoảng cách; 4) mạng vô Sáu, Uất ba la địa ngục. gián: Ở trong địa ngục ấy sống 20 Tiếng Phạn là Uất ba la hay tiểu kiếp trong đau khổ không Xướng bát la, tiếng Hoa là Thanh ngừng nghỉ trong giây lát; 5) hình liên hoa. vô gián: Chúng sanh chịu tội trong Chúng sanh chịu tội, do khí ngục ấy, sống chết liên tục, không lạnh cực độ, da thịt

nức nẻ từng gián đoạn. Đó là nói về tám địa mảng giống như những cánh hoa ngục nóng. sen xanh. Bảy, Ba đầu ma địa ngục. BÁT HÀN ĐỊA NGỤC Tiếng Phạn là Ba đầu ma hay (Phiên dịch danh Bát đặc ma, tiếng Hoa là Hồng liên hoa. nghĩa).

Chúng sanh chịu tội, do khí Ba, Phú kiêu như điêu (chim lạnh cực độ, thịt nứt ra tựa những diều). cánh hoa sen hồng. Người dựa vào sự giàu có tiền Tám, Phân đà lợi địa ngục. của, xúc phạm, xem thường người Tiếng Phạn là Phân đà lợi, tiếng khác, giống như con điêu dựa vào Hoa là Bạch liên hoa. sức khoẻ, mạnh mẽ của nó, bắt các Chúng sanh chịu khổ, do khí giống chim khác tùng phục; nên gọi lạnh cực độ, da thịt bóc ra, màu sắc là phú kiêu như điêu. của xương lộ ra giống như cánh Bốn, Tự tại kiêu như thứu hoa sen trắng. (chim ó). Hoặc gọi là Ma ha bát đặc ma Người dựa vào thân thể to lớn, địa ngục, tiếng Hoa là Đại hồng làm theo ý mình, không kiêng dè liên hoa, vì da, thịt của tội nhân gì, xúc phạm, xem thường người đông cứng, nứt ra giống như cánh khác, giống như con chim thứu ăn hoa sen hồng lớn. ở trong rừng sâu, đi lại tự do; nên gọi tự tại kiêu như thứu. BÁT KIÊU PHỐI BÁT Năm, Thọ mạng kiêu như ô ĐIỂU (chim quạ). (Pháp hoa văn Người dựa vào tuổi thọ cao của cú). mình, xúc phạm, khinh thường người khác, giống như con quạ Kiêu là khoe khoang. sống lâu; nên gọi là thọ mạng kiêu Vì người khoe khoang rằng như ô. mình hơn người khác, như con Sáu, Thông minh kiêu như chim bay lên nhìn xuống những gì thước (chim khách). đã đi qua, nên mới dẫn ra kinh Văn Người dựa vào sự thông minh, thù vấn so tám thứ kiêu căng với lanh lợi của mình, xúc phạm, khinh tám loài chim. thường người khác, giống như con Một, Thạnh tráng kiêu như si thước rất thông minh, có thể cho (chim cắt). người biết trước lành, dữ; nên gọi Vì ỷ mình cường tráng khoẻ là thông minh kiêu như thước. mạnh, ăn hiếp kẻ yếu đuối, giống Bảy, Hành thiện kiêu như cưu như loài diều; nên gọi là thạnh (chim tu hú). tráng kiêu như si. Người dựa vào khả năng làm Hai, Tánh kiêu như kiêu (chim chút ít việc lành, bèn xúc phạm, vọ). khinh thường người có đức độ, Người dựa vào thanh thế của giống như con cưu, tánh nó tuy dòng họ mình, xúc phạm, xem thuần nhưng không biết khiêm thường người khác, giống như nhường; nên gọi là hành thiện kiêu chim kiêu bất hiếu, ăn thịt mẹ; nên như cưu. gọi là tánh kiêu như chim kiêu.

Tám, Sắc kiêu như cáp (chim cầu canh thừa, cơm cặn, máu mủ, bồ câu) cức đái nhơ uế cho sự sống; 3) loài Người dựa vào nhan sắc, hình này nghiệp nhẹ, thỉnh thoảng mới dung đẹp đẻ của mình, xúc phạm, có bửa no bụng, đổi lại phải chịu khinh thường người khác, giống dao, gậy đánh đập, bức bách, làm như bồ câu (có nhiều loại) có sắc việc cực nhọc, chịu khổ vô lượng; đẹp hơn các loài chim khác, lại còn trở ngại không gặp Phật, nghe đa dâm; nên gọi sắc kiêu như cáp. pháp; nên gọi là ngạ quỷ nạn. Bốn, Tại trường thọ thiên nạn. BÁT NẠN Những vị trời này sống lâu đến (Duy ma sở thuyết kinh). 500 kiếp, tức là trời Vô tưởng đệ tứ thiền của cõi Vô sắc. Tám nạn là tám chỗ gây khó Nói vô tưởng là tưởng tâm của khăn, chướng ngại. các vị này không hiện hành, như cá Tám chỗ này, tuy quả báo khổ, trong nước, sâu trong đất. Đây là vui khác nhau, đều không gặp được kết quả tu tập của ngoại đạo, phần Phật, không nghe chánh pháp; nên nhiều sanh ở cõi này; trở ngại gọi là chung là nạn. không gặp Phật, nghe pháp; nên gọi Một, Tại địa ngục nạn. là Trường thọ thiên nạn. Dưới cõi Nam thiệm bộ

châu, Năm, Tại bắc Uất đơn việt nạn. hơn 500 do tuần, có tám địa ngục Tiếng Phạn là Uất đơn việt, lạnh, tám địa ngục nóng. Do ác tiếng Hoa là Thắng xứ, vì quả báo nghiệp của chúng sanh cảm thọ quả của xứ này hơn ba châu ở phía báo mà đọa vào đây. Đêm dài tăm đông, tây, nam. tối, chịu khổ không ngừng, trở ngại Người ở châu này sống đến không thấy Phật, nghe pháp; nên 1000 tuổi, không chết yểu; vì ham gọi là địa ngục nạn. mê vui sướng, không chịu giáo hóa, Hai, Tại súc sanh nạn. cho nên thánh nhân (Phật) không Chủng loại của súc sanh nhiều xuất hiện trong cõi này, vì vậy lắm. chúng tùy nhân mà nhận quả không gặp Phật, nghe pháp; nên gọi báo; hoặc được người nuôi dưỡng; là bắc Uất đơn việt nạn. hoặc ở trong núi, dưới biển, thường Sáu, Manh lung ám á nạn. bị đánh đạp, giết hại; hoặc ăn lẫn Những người này, tuy sanh nhau, chịu khổ vô cùng; trở ngại sống ở nơi phồn hoa đô hội, nghiệp không gặp Phật, nghe pháp; nên gọi chướng sâu nặng, đui, mù, câm, là súc sanh nạn. ngọng các căn không đầy đủ; gặp Ba, Tại ngạ quỷ nạn. Phật ra đời mà không thể thấy Phật; Ngạ quỷ có ba loại: 1) loại tuy có nói pháp cũng khô thể nghe; nghiệp quá nặng, già, trẻ đều không nên gọi là manh, lung, ám, á nạn. nghe tên nước để uống; 2) loài Bảy, Thế trí biện thông nạn. nghiệp vừa, chỉ ở cõi người, tìm

Những người thế gian, tài trí Nhân phẩm có sang, giàu, nghèo, thông minh tuy có ham mê kinh hèn; tướng mạo có tàn tật, đẹp, xấu. sách ngoại đạo, không tin chánh năm thứ trên nói gần hết về sanh pháp xuất thế; nên gọi là thế trí khổ. biện thông nạn. Hai, Lão khổ. Tám, Sanh tại Phật tiền Phật Già khổ có hai thứ: 1) tăng hậu nạn. trưởng: Từ tuổi trẻ đến trai tráng, từ Phật xuất hiện ở đời, làm bậc trai tráng đến suy đồi, sức khoẻ hao đạo sư, dẫn dắt chúng sanh lìa xa mòn, đi đứng không an toàn; 2) diệt khổ sanh, tử, được an vui Niết bàn. hoại: Thời cường tráng đã qua, thời Người có duyên thì gặp được Phật. già yếu kéo đến, tinh thần mòn Còn những người sanh trước khi mỏi, mạng sống bị thúc bách từng Phật ra đời hay sau khi Phật nhập ngày, từ từ đi đến tàn tạ; đó gọi là diệt, đều do nghiệp nặng, duyên lão khổ. mỏng, đã không gặp Phật, cũng Ba, Bệnh khổ. không nghe được pháp; nên gọi là Bệnh khổ có hai thứ: 1) thân sanh tại Phật tiền Phật hậu nạn. bệnh: bốn đại chống nhau, bệnh hoạn giằn xé. Nếu địa đại không BÁT KHỔ hòa hợp thì thân thể nặng nề; thủy (Niết bàn kinh). đại không hòa hợp thì toàn thân phù thủng; hỏa đại không hòa hợp Một, Sanh khổ. thì cả người nóng bừng; phong đại Sanh khổ có năm thứ: 1) thọ không hòa hợp thì thân mình cứng thai: Khi thức nương vào thai mẹ, ở đơ. 2) tâm bệnh: tâm ôm mối khổ trong bụng mẹ chật hẹp, bất tịnh; 2) sầu, rầu rỉ buồn bực; đó gọi là bệnh chủng tử: Thức nương vào di thể khổ. của cha mẹ, chủng tử của thức ấy Bốn, Tử khổ. theo hơi thở của mẹ mà thở ra hay Chết khổ có hai thứ: 1) chết vì hít vào, không được tự tại; 3) tăng bênh: vì bệnh hoạn, tuổi thọ hết mà trưởng: Ở trong bụng me, trải qua chết; 2) chết vì ngoại duyên: hoặc chín tháng mười ngày, bên trong gặp tai nạn: Nước, lửa mà chết; đó nóng bức, thân hình từ từ lớn lên (ở gọi là tử khổ. dưới cơ quan chứa thức ăn sống, ở Năm, Ái biệt ly khổ. trên cơ quan chứa thức ăn chín) Những người mình thương yêu trong một khoảng trống nhỏ hẹp mà lại hay xa cách, không thể ở như ngục tù; 4) xuất thai: Khi vừa chung; đó là ái biệt ly khổ. sanh ra có gió lạnh, nóng thổi vào Sáu, Oán tắng hội khổ. thân, áo quần và các vật đụng vào Những người mình thù oán mà cơ thể, da thịt mềm mại, yếu ớt, lại gặp nhau, vốn

muốn xa cách mà tươi non như bị nhiều vật đâm, lại tụ họp; đó gọi là oán tắng hội chích vào thân thể; 5) chủng loại: khổ.

Bảy, Cầu bất đắc khổ. Chúng sanh ở trong thân năm Tất cả những vật mình ham ấm, lầm cho đời này chết đi sau muốn ở đời mà không thể được; đó sanh lại, liên tục không gián đoạn; gọi là cầu bất đắc khổ. đó gọi là thường kiến. Tám, Ngũ ấm thạnh khổ. Sáu, Đoạn kiến. năm ấm là sắc, thọ, tưởng, Chúng sanh ở trong thân năm hành, thức. ấm, lầm cho đời này chết đi không Ấm có nghĩa là che đậy, vì năm sanh lại ở đời sau; đó gọi là đoạn thứ này hay che đậy chân tánh, kiến. không cho hiển lộ. Bảy, Hữu kiến. Thạnh có nghĩa là lớn mạnh; vì Chúng sanh lầm cho rằng tất cả các khổ sanh, già, bệnh, chết ở trên pháp thật sự từ nhân duyên hòa hợp tụ tập, nên gọi là ngũ ấm thạnh khổ. mà sanh ra, chấp cho là có; đó là hữu kiến. BÁT BẤT CHÁNH KIẾN (Nhân duyên là nhãn, … sáu (Đại tập kinh) căn là nhân; sắc,… sáu trần là duyên). Một, Ngã kiến. Tám, Vô kiến. Chúng sanh ở trong năm ấm, Đối với tất cả pháp, chúng sanh lầm cho là ngã và ngã sở, chấp chặt nhầm cho rằng không có tự tánh, là có thật, rồi dựng càng lên chủ tể; chấp cho là không; đó gọi là vô đó gọi là ngã kiến. kiến. Hai, Chúng sanh kiến. Chúng sanh lầm cho rằng năm BÁT VỌNG TƯỞNG ấm hòa hợp mà có thật sanh; đó gọi (Tông cảnh lục). là chúng sanh kiến. Ba, Thọ mạng kiến. Một, Tự tánh vọng tưởng. Vì chúng sanh, ở trong năm ấm, Lầm chấp các pháp căn và trần lầm cho là quả báo mà ngã lãnh đều có thể tánh, không lộn xộn với chịu trong một thời gian nhất định nhau; đó gọi là tự tánh vọng tưởng. (từ sanh đến chết). Hai, Sai biệt vọng tưởng. Thọ mạng có dài có ngắn, đó Vì lầm cho sắc, thinh, hương, gọi là thọ mạng kiến. vị, xúc là sắc có thể thấy, có thể Bốn, Sĩ phu kiến. làm đối tượng của thấy; không thể Chúng sanh lầm cho rằng ngã thấy, không thể làm đối tượng của có cái dụng của sĩ phu mới có thể thấy. Đó gọi là vọng tưởng sai biệt. làm các việc như buôn bán, viết (Khả kiến khả đối sắc là các sắc văn, kế toán, kinh doanh, nông xanh, vàng, đỏ, trắng,…, mắt có thể nghiệp; đó gọi là sĩ phu kiến. thấy và các màu sắc ấy cũng có thể Năm, Thường kiến. làm đối tượng.

Bất khả kiến khả đối sắc là bốn BÁT BỘ thứ: thinh, hương, vị, xúc, tuy (Phiên dịch danh nghĩa). không thể thấy mà có thể làm đối tượng của tai, mũi, lưỡi, thân. Phật từ bi giáo hóa chúng sanh, Bất khả kiến vô đối sắc là cảnh cứu giúp hàm linh bách tánh, chánh ở quá khứ mà ý thức duyên lấy đều pháp truyền lại cho đời, từ bi nuôi không thể thấy cũng không biểu dưỡng vạn loài. hiện làm đối tượng) Hiền, Thánh trong ba thừa cung Ba, Nhiếp thọ tích tụ vọng kính quy y, tám bộ quỷ thần cùng tưởng. trang nghiêm hộ vệ, nên trong hầu Vì lầm cho rằng năm uẩn sắc, hết các kinh đều nêu tên tám bộ thọ, tưởng, hành, thức nương tựa, chúng. kết hợp nhau mà thành tất cả chúng (Ba thừa là Thinh văn, Duyên sanh. Đó gọi là vọng nhiếp thọ tích giác, Bồ tát). tụ (về thân năm uẩn). Một, Thiên. Bốn, Ngã kiến vọng tưởng. Thiên là thiên nhiên, tự nhiên, Vì ở trong năm uẩn, lầm cho có nhạc vui hơn, thân thể đẹp hơn, ngã, nên gọi là vọng tưởng về ngã thanh tịnh quang minh, quí trọng kiến. hơn hết không thể so sánh; nên gọi Năm, Ngã sở vọng tưởng. là thiên. Vì ở trong năm uẩn, lầm cho Kể ra tuy nhiều có Đại phạm, rằng thân ta và các thứ phục vụ cho Đế thích đứng đầu, vì Đại phạm là thân đều là ngã (của thân ta); nên chủ của đại thiên thế giới và Đế gọi là lầm tưởng ngã sở. thích là chủ của trời 33. Sáu, Niệm vọng tưởng. (Đại phạm tức là trời Sắc giới. Vì lầm

phân biệt cảnh đáng Đế thích, tiếng Phạn là Thích yêu, nhớ nghĩ không ngừng, nên đề hoàn nhân, tiếng Hoa là Năng gọi là niệm vọng tưởng. thiên chủ. Bảy, Bất niệm vọng tưởng. Chủ của trời 33 là vì Đế thích Vì lầm phân biệt cảnh đáng cùng tu với 32 người, sanh lên trời ghét, không khởi niệm duyên, nên Đao lợi và Đế thích làm chủ). gọi là bất niệm vọng tưởng. Hai, Long. Tám, Niệm bất niệm câu tương Rồng là con vật thần linh. vi vọng tưởng. Kinh Khổng tước và kinh Đại Vì nhớ và không nhớ đối với vân, ..., có nói đến rồng và vua cảnh yêu và ghét, phân biệt trái rồng, tên gọi không giống nhau, ngược với lý, nên gọi là niệm bất nhưng đều nói là loài này có thể hộ niệm câu tương vi vọng tưởng. trì Phật pháp. Ba, Dạ xoa. Tiếng Phạn là Dạ xoa, tiếng Hoa là Dũng kiện, cũng gọi là Bạo

ác. Có ba thứ: 1) ở đất; 2) ở hư Tiếng Phạn là Ma hầu la già, không; 3) ở trên trời. tiếng Hoa là Đại phúc hành. Pháp Dạ xoa ở đất không thể bay. Dạ sư La thập nói đó là rồng đất đi xoa ở hư không và ở trên trời đều bằng bụng, lại nói đó là đại mãn có thể bay. thần (con trăn lớn) cũng đi bằng Bốn, Càn thát bà. bụng. Tiếng Phạn là Càn thát bà, tiếng Hoa là Hương âm- âm là thân- ĐỊA ĐỘNG BÁT DUYÊN không ăn thịt uống rượu, chỉ dùng (Tăng nhất A hàm hương thơm nuôi thân, nên gọi là hương âm (thân), là nhạc thần của kinh). thiên chủ Đế thích, ở phía nam núi Một, Nhân thủy hỏa phong Tu di, trong hang Kim cang; khi động cố địa động. thiên chủ muốn chơi nhạc thì liền Kinh nói: Đất Diêm phù đề này, lên trời. phía nam, phía bắc rộng hai vạn Năm, A tu la. một ngàn do tuần; phía đông, phía Tiếng Phạn là A tu la, tiếng tây rộng bảy ngàn do tuần; dày sáu Hoa là Vô đoan chánh, phần nhiều vạn tám ngàn do tuần; dưới đất có nam xấu, nữ đẹp; còn gọi là Phi nước dày tám vạn bốn ngàn do thiên. tuần; dưới nước có lửa dày tám vạn Vị thần có quả báo rất tốt, láng bốn ngàn do tuần; dưới lửa có gió giềng với các trời, mà không phải dày sáu vạn tám ngàn do tuần; dưới trời. Chỗ ở, cung điện, thành quách, gió có một vòng kim cang, xá lợi vật dụng thấp hơn trời Địa cư một của các Phật quá khứ đều ở trong bậc, cách thức hôn nhân tư tượng đó. Có khi phong đại thình lình như thế gian. động thì hỏa đại, thủy đại động (Trời Địa cư là trời 33 và bốn theo và địa đại cũng động theo; nên thiên vương thiên). gọi là vì thủy, hỏa, phong động nên Sáu, Ca lâu la. địa động. Tiếng Phạn là Ca lâu la, tiếng Hai, Bồ tát xử mẫu thai cố địa Hoa là Kim xí, tức là thần Kim xí động. điểu, vì lông cánh màu vàng. Chiều Kinh nói: Bồ tát từ trời Đâu ngang hai cánh 336 vạn lý, trên cổ suất giáng trần đến ở trong thai mẹ, có châu như ý, bắt rồng làm thức lúc ấy đất cũng chấn động. ăn. Ba, Bồ tát xuất mẫu thai cố địa Bảy, Khẩn na la. động. Tiếng Phạn là Khẩn na la, tiếng Kinh nói: Khi Bồ tát ra khỏi Hoa là Nghi thần, giống người thai mẹ, lúc ấy đất chấn động. nhưng đầu có sừng, cũng là nhạc Bốn, Bồ tát thành đạo cố địa thần của thiên chủ Đế thích. động. Tám, Ma hầu la già.

Kinh nói: Bồ tát xuất gia học Châu này tức là thần châu trong đạo, thành vô thượng chánh giác bảy thứ châu báu của chuyển luân gọi là Phật, lúc ấy đất chấn động thánh vương, vì nó có đầy đủ tám lớn. công đức, nên phân biệt nó với các Năm, Phật nhập Niết bàn cố địa thứ châu khác. động. (Bảy báu của Luân vương là Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng kim luân bảo, bạch tượng bảo, cám Hoa là Diệt độ, lúc ấy đất cũng mã bảo, thần châu bảo, ngọc nữ chấn động lớn. bảo, điển tài bảo, chủ binh bảo). Sáu, Tỳ kheo

dục hiện thần Một, Năng tác quang minh. thông cố địa động. Ngọc này, ở trong đêm tối, hay Kinh nói: Vị Tỳ kheo có đại phát ra ánh sáng, soi sáng 100 do thần thông, muốn hiện ra nhiều thứ tuần, giống như mặt trăng mùa thu biến hóa, hoặc phân một thân thành lơ lửng trên bầu trời, xa cách mây 100, 1000 thân, rồi thu về một thân, mù, trong ngày nóng bức, phóng ra bay trên không trung, xuyên qua ánh sáng lạnh giảm trừ sự nóng bức núi, đi qua đá tảng dễ dàng, nổi khó chịu, tạo ra sự mát mẻ. chìm trong nước sâu như ý, lúc ấy Hai, Năng tế khát phạp. đất cũng chấn động. Ngọc này, ở giữa đồng trống Bảy, Chư thiên xả bổn hình vị không có nước, mọi người đều đắc tác thiên chủ cố địa động. khát, có thể phát sanh nước trong Kinh nói: Các trời có thần sạch, giải khát cho mọi người. thông lớn, sức thần thông to; thân Ba, Tùy thuận vương ý. này chết đi, lại sanh ở xứ khác. Do Ngọc này, nếu chuyển luân đức của Phật, bỏ hình thể trời vốn vương nhớ đến nước, thì có thể có, được làm Đế thích, hoặc làm theo ý vua, nước trong vắt chảy ra Phạm chủ; lúc ấy đất cũng chấn để giúp đỡ cho trần gian thiếu thốn động. nước. Tám, Cơ cẩn đao binh tương Bốn, Thể cụ chúng sắc. khởi cố địa động. Ngọc này có đủ tám góc (cạnh), Kinh nói: Nếu phước hết, mỗi góc phóng ra vô số màu sắc chúng sanh chết, hoặc đánh giết xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... rực rỡ. nhau, hoặc gặp phải đói khát, hoặc Năm, Năng ly bệnh khổ. gặp binh đao; lúc ấy đất cũng chấn Ngọc này có thể làm cho người, động. ở trong vòng 100 do tuần, đều xa lìa bệnh hoạn và làm cho tâm hành CHÂU BÁU BÁT CÔNG ngay thẳng, tất cả ham muốn đều ĐỨC theo ý hiện ra. (Chánh pháp niệm Sáu, Năng giáng cam vũ. Thế lực của ngọc này có thể xứ kinh) làm cho ác long không thể giáng

mưa độc xuống. Nếu nó giáng mưa ổn, điều hòa, đó là công đức an thì phải là mưa sạch trong ngon hòa. ngọt. Bảy, Trừ hoạn. Bảy, Năng sanh chư vật. Nước này, khi người uống vào, Ngọc này, ở chỗ không nước và trừ được tai nạn đói khát, đó là không có cây cỏ, có thể làm cho công đức trừ tai nạn. cây cỏ tốt tươi, nước trong ao đầy Tám, Tăng ích. tràn, muốn gì được nấy. Nước này, khi người uống vào, Tám, Tại xứ lợi ích. thì hay nuôi lớn căn lành, tứ đại Ngọc này ở đâu thì ở đó không khỏe mạnh, đó là công đức tăng ai chết yểu, không giết hại nhau, xa ích. lìa sân hận, thường cùng nhau vui vẻ. BÁT PHONG hay Bát pháp (Phật địa kinh luận) BÁT CÔNG ĐỨC THỦY (Xưng tán tịnh độ Tám pháp này, ở thế gian, có người yêu có người ghét, nhưng kinh). đều làm tâm người giao động, nên Nước tám công đức là nước gọi là gió. Nếu ai làm chủ được tâm trong ao ở cõi rất vui tịnh độ của mình thì an trụ trong chánh pháp, Phật A di đà. Nước này có tám không bị yêu, ghét làm rối loạn, tức công đức. là tám gió không thể làm loạn Một, Trừng tịnh. động. Nước này sạch sẽ trong veo, đó Một, Lợi. là công đức trong sạch. Lợi là lợi ích. Hai, Thanh lãnh. Hễ những gì có ích cho ta đều Nước này trong trẻo, mát mẻ, gọi là lợi. đó là công đức trong mát. Yếu lãm nói: Việc gì vừa ý gọi Ba, Cam mỹ. là lợi. Nước này ngọt ngào ngon lành, Hai, Suy. đó là công đức ngọt ngào. Suy là giảm (sút) vậy. Bốn, Khinh nhuyến. Hễ những gì làm suy yếu, tổn Nước này nhẹ nhàng, mềm mại, hại đối với ta đều gọi là suy. đó là công đức mềm nhẹ. Yếu Lãm nói: Việc gì không Năm, nhuận trạch. vừa ý gọi là suy. Nước này thấm nhuần nuôi lớn Ba, Hủy. vạn vật, đó là công đức thấm Hủy là nói xấu vậy. nhuần. Vì ghét người ấy, nói ra ngôn Sáu, An hòa. ngữ kỳ lạ lén lút bêu rếu người. Nước này, khi người ta uống Yếu

Lãm nói: Lén lút nói xấu vào, cảm thấy thân, tâm được an người gọi là hủy.

Bốn, Dự. Phật ở trong vườn Trúc, nước Dự tức là ca tụng. Ca thi, an cư một chỗ cùng với các Vì ưa thích người ấy, dù chưa vị Tỳ kheo. Lúc bấy giờ các vị cư gặp mặt, cũng xì xầm bằng những sĩ làm ra nhiều loại cháo, đem đến lời nói tốt đẹp để ca ngợi. vườn Trúc, để cúng dường Phật và Yếu Lãm nói: Âm thầm khen chư Tăng; nên mới có tên tám loại ngợi gọi là dự. cháo. Năm, Xưng. (Cư sĩ là thanh tịnh ở một Xưng tức là xưng tụng. mình). Vì tôn trọng người ấy, hễ gặp Một, Tô chúc. mọi người là ca tụng cái hay, cái tốt Tô chúc là lấy váng sữa của của người ấy. ngựa hay trâu trộn với gạo nấu Yếu lãm nói: Đưa lên bằng thành cháo. cách khen ngợi ca tụng việc tốt của Hai, Du chúc. người gọi là xưng. Du chúc là lấy dầu mè, váng Sáu, Ky. đậu trộn với gạo nấu thành cháo. Ky là chê. Ba, hồ ma chúc. Vì ghét người ấy, vốn chẳng có Hồ ma chúc là lấy hạt mè trộn chuyện gì, dựng chuyện lên cho là với gạo nấu thành cháo. có thật, gặp ai cũng luyên thuyên to Bốn, Nhũ chúc. tiếng chê bai. Nhũ chúc là lấy sữa ngựa,... Yếu lãm nói: Bày đặt nhằm để trộn với gạo nấu thành cháo. chê bai người gọi là ky. Năm, tiểu đậu chúc. Bảy, Khổ. Tiểu đậu chúc là lấy đậu xanh, Khổ có nghĩa là khó chịu, ép đậu đỏ, ... trộn với gạo nấu thành buộc. cháo. Hoặc gặp phải duyên xấu, cảnh Sáu, Ma sa đậu chúc. xấu, thân, tâm chịu đựng bao nhiêu Ma sa đậu là, có lẽ đậu loại lớn, bức bách. vì tiếng Phạn ma ha là lớn. Gọi ma Yếu lãm nói: Bức bách, não sa có âm tương tự. Lấy đậu này loạn thân, tâm gọi là khổ. trộn với gạo nấu thành cháo. Tám, Lạc. Bảy, Ma tử chúc. Lạc, có ý là vui vẻ. Ma tử chúc là lấy hạt mè vàng Hoặc gặp duyên tốt, cảnh tốt, trộn với gạo nấu thành cháo. thân, tâm đều được vui vẻ. Tám, Bạc chúc. Yếu lãm nói: Thân, tâm thỏa Bạc chúc là dùng gạo nấu thành thích, vui vẻ gọi là lạc. cháo sơ sài.

BÁT CHỦNG CHÚC (Thập tụng luật)

BÁT BẤT TỊNH VẬT nhơ uế phạm hạnh, đó là việc làm bất tịnh. (Hoa nghiêm kinh Sáu, Tàng tích kim ngân tiền Tùy sớ diễn nghĩa sao). bảo. Khi Phật ở đời dạy các đệ tử Tỳ kheo lấy cuộc đời thanh nhã khất thực tự nuôi sống, ít muốn biết làm cao trọng, an bần lạc đạo, bản đủ, không được phép nuôi thú vật, thân không nuôi, trồng và giữ gìn vì nó hay sanh tâm tính toán, tham bất cứ gì; nếu tham lam cất giữ lam, làm cho phạm hạnh ô uế, nên những vật thế gian coi trọng như có tên của tám thứ bất tịnh này. vàng, bạc, châu báu để nuôi sống Một, Trí mãi điền trạch. cầu lợi, tính toán vào, ra là sai với Tỳ kheo phải nương theo chúng đạo hạnh, đó là việc làm bất tịnh. mà ở, siêng tu đạo vô vi, thanh tịnh, Bảy, Tàng tích tượng nha khắc xuất thế; nếu mua riêng nhà, ruộng lũ đẳng vật. để mưu toan cho mình được đầy Tỳ kheo phải giữ gìn, vâng theo đủ, đó là việc làm bất tịnh. giới luật của Phật, tâm thường ưa Hai, Chủng thực căn tài. thích sự tiết kiệm, trong sạch; đối Tỳ kheo phải siêng tu đạo với các vật quí báu, tâm không ham nghiệp, đối với việc kiếm sống ở muốn; áo vải, tòa cỏ thường nhận thế gian, không sanh tâm tham thấy đủ; nếu tham đắm các vật quí đắm; nếu không phải vì chúng, mà hiếm, chạm khắc của thế gian, đó là tự mình trồng trọt ruộng, vườn là việc làm bất tịnh. làm phương hại đến đạo nghiệp, đó Tám, Tàng tích đồng thiết phủ là việc làm bất tịnh. hoạch dĩ tự chữ thoán. Ba, Trữ tụ cốc túc. Tỳ kheo phải cùng chúng ở, Tỳ kheo phải khất thực nuôi phải ăn cùng chúng, xin ăn tự nuôi thân, sống cuộc đời thanh tịnh;

nếu sống, gắng sức tu phạm hạnh, cho không phải vì chúng mà cất giữ đạo nghiệp thành tựu; nếu chứa riêng cho mình ngũ cốc, lúa, gạo, đựng xoang, nồi để tự nấu, ăn riêng đó là việc làm bất tịnh. với chúng, đó là việc làm bất tịnh. Bốn, Súc dưỡng nô tỳ. Tỳ kheo phải ở nơi thanh tịnh, BÁT Y nhàn hạ để tu nhiếp lấy tâm mình, (Du già sư địa luận). thực hành hạnh an lạc; nếu không vì chúng mà nuôi dưỡng nô tỳ để Một, Thi thiết y. sai bảo công việc, đó là việc làm Vì người dựa năm uẩn, mượn bất tịnh. ngôn ngữ xây dựng nên ngã và Năm, Súc dưỡng quần súc. chúng sanh khác nhau, loài vật loại Tỳ kheo phải giữ gìn giới cấm, như thế, chủng tánh như thế, tên vì tâm từ không sát sanh; nếu nuôi gọi như thế, ăn uống như thế, vui nấng các hoài trâu, bò v.v... làm khổ yểu thọ...

Hai, Nhiếp thọ y. Vì người nương nơi cõi dục, Nhiếp thọ là gôm hết cả lại và lãnh chịu tất cả sầu khổ, không tiếp nhận. sanh tâm chán ghét, xa lìa; nên gọi Vì người nương vào cha me, vợ là khổ não y. con, nô tỳ,... cho là của mình (ngã Bảy, Thích duyệt y. sở) mà gìn giữ nhận lấy, nên gọi là Vì người nương nơi thiền định, nhiếp thọ y. dứt hết các suy tư, thân tâm được Ba, Trụ trì y. vắng lặng, chứng được pháp hỉ lạc; Vì người dựa bốn cách ăn đoạn, nên gọi là thích duyệt y. xúc, tư, thức có thể nuôi dưỡng duy Tám, Hậu biên y. trì các căn, đứng vững, chống đỡ, Vì A la hán, hoặc nghiệp trong nên gọi là trụ trì y. ba cõi đã hết lại không sanh ra nữa, (Đoạn thực: Đoạn là phân đoạn; thân này là cuối cùng, nương vào lấy hương, vị, xúc, ba trần làm thể, Niết bàn hữu dư mà an trụ; nên gọi đưa vào bụng tiêu tan, biến hóa là hậu biên y. nuôi các căn. Xúc thực là nhãn thức,... có đối PHẬT CỤ CỬU NÃO tượng là sắc trần,... mềm mại, trơn (Đại trí độ luận và lán từ nhiều xúc chạm mà sanh ra vui thích, nuôi dưỡng các căn. Hưng khởi hành kinh). Tư thực là ý thức suy tư về Như lai đã xa lìa tất cả chướng cảnh ưa thích đáng yêu, sanh ý hy ngại, thành tựu vô lượng công đức vọng, mà thấm nhuần các căn. tuyệt vời. Há lại có thật các nghiệp Thức thực: Thức là thức thứ báo như vậy sao ? Chỉ vì phương tám; do ba thức ăn ở trước nuôi tiện khéo léo để cho chúng sanh dưỡng cách phần tương ưng nên biết rằng tạo ra nghiệp nhân lành, khiến cho thức này tăng trưởng hơn dữ, ắt phải có quả báo khổ, vui; nên lên, gìn giữ lấy các căn). nói chín thứ phiền não. Bốn, Lưu chuyển y. Một, Lục niên khổ hạnh. Vì người dựa vào năm uẩn, bốn Phật nói: Ngày xưa, ở trong tâm thọ, tưởng, hành, thức, khởi lên thành Ba la nại, có con của một Bà nghiệp nhân các phiền não, trôi lăn la môn tên là Hỏa man và con của trong ba cõi sống, chết; nên gọi là một thợ gốm, tên là Hộ hỷ. hai đứa lưu chuyển y. bé thương mến nhau. Hộ hỷ nói với Năm, Chướng ngại y. Hỏa man rằng hãy cùng đến thăm Vì các thiên, ma, ngoại đạo đức Ca diếp Như lai. Hỏa man trả theo đến nơi người tu tập thiện lời: Thăm ông thầy tu đầu trọc ấy pháp; đến đó trước, gây chướng có lợi gì ? Nói như thế đến ba lần. ngại; nên gọi là chướng ngại y. Ngày sau, Hộ hỷ lại nói: Có thể Sáu, Khổ não y. cùng nhau đến thăm Ca diếp Như lai trong chốc lát không ? Đáp:

Thăm ông thầy tu đầu trọc ấy có lợi Tịnh nhãn thấy vậy, khởi lòng từ và gì ? Đạo Phật có cái gì ? nói rằng: chính tôi làm việc ấy, tôi Vì thế, Hộ hỷ nắm lấy đầu Hỏa xin chịu hoàn toàn trách nhiệm. Vì man rồi nói: Người cùng ta đến vậy tự kể hết tội lỗi ra, nhân đó thăm Như lai, Hỏa man sợ hãi và quốc vương liền giết Tịnh nhãn. nghĩ rằng: Đây chẳng phải là việc Tịnh nhãn, lúc ấy, là chính ta nhỏ, chắc có việc hay đây. Liền đây;

Lộc tướng kia là Tôn đà lợi. nói: Giờ, hãy thả đầu tôi ra đi, tôi Vì lý do ấy trải qua hàng ngàn năm, cùng anh đi. ta chịu nhiều đau khổ. Nay, tuy ta Khi cả hai đã đến chỗ Phật, lễ chứng được quả Phật nhưng do oan dưới chân đức Ca diếp. Hộ hỷ thưa trái còn sót lại, nên nhận lấy lời phỉ Phật rằng: Hỏa man chẳng biết báng của Tôn đà lợi. Tam bảo, xin Phật chỉ dạy cho. Hỏa (Bích chi Phật, tiếng Phạn là man thấy tướng hảo của Phật, tâm Bích chi ca la, tiếng Hoa là Duyên sanh vui mừng xin xuất gia học giác). đạo. Ba, Mộc thương. Hỏa man lúc ấy chính là ta đây. Phật ở tinh xá Trúc viên, thành Hộ hỷ, khi ta là thái tử vượt thành La duyệt kỳ, vào thành khất thực, xuất gia, là trời Tịnh cư ở cõi sắc bỗng có cây thương bằng gỗ chận dẫn đường cho ta. trước mặt. Phật tự nghĩ rằng đây là Ngày xưa ta dùng lời nói ác với duyên của đời trước, ta phải lãnh Phật Ca diếp, nên chịu các quả báo lấy. Mọi người thấy đều kinh ngạc, khổ. Vì tai họa ấy còn sót lại, nay Phật lại nghĩ rằng giờ đền trả duyên sắp thành Phật, còn chịu sáu năm đời trước để cho mọi người thấy khổ hạnh. không dám làm việc ác, bên thân (Tiếng Phạn là Ba la nại, tiếng mình vọt lên hư không, cách mặt Hoa là Giang nhiễu thành). đấy một nhận (một nhận # 7m), cây Hai, Tôn đà lợi báng. thương đuổi theo Phật, đến bảy do Phật nói: Ngày xưa, ở thành Ba tuần, cây thương cũng đuổi theo. Ở la nại, có người nghệ sĩ tên là Tịnh trong không trung, Phật hóa thành nhãn và dâm nữ tên là Lộc tướng. một tảng đá màu xanh, dày, rộng Tịnh nhãn dụ dỗ cô gái này cùng 12 do tuần. Phật ngồi trên tảng đá, lên xe đi xa khỏi thành, vào trong cây thương đâm xuyên qua đá xuất vườn cây cùng vui thú. hiện trước mặt Phật. Lúc ấy ở trong vườn kia có một Phật lại hóa ra đất, nước, gió, vị Bích chi Phật đang tu. Tịnh nhãn lửa, mỗi thứ dày, rộng 12 do tuần, chờ vị Bích chi Phật vào thành khất Phật đứng lên trên, cây thương thực, bèn giết Lộc tướng, chôn cũng xuyên qua. Phật lại lên tầng trong lều của Bích chi Phật. trời Tứ thiên vương, lần lượt cho Sau đó, sự việc liên lụy tới vị đến trời Phạm thiên, cây thương Bích chi Phật đưa đến chỗ chết. cũng lần lượt lên đến đó. Trong

những cõi trời Phật đi qua đều nói Tiếng Phạn là Đề bà đạt đâu, về duyên đời trước. Phật lại từ trời cũng gọi là Đề bà đạt đa, còn gọi là Phạm thiên trở xuống đến thành La Điều đạt, tiếng Hoa là Thiên nhiệt). duyệt, cây thương cũng lần lượt Bốn, Mã mạch. xuống. Những người dân tùy tùng, Phật nói: Ở đời quá khứ có Như thấy nhân duyên như vậy. Phật lo lai Tỉ bà diệp, ở trong thành Bàn cho mọi người thấy được việc đền đầu ma bạt cùng chúng đại Tỳ trả duyên này, buồn rầu mà chết. Vì kheo. vậy, Phật nói với mọi người: Ai trở Vua Bàn đầu cùng các thần, về nhà nấy và ra lệnh các vị Tỳ dân thỉnh Phật và Tỳ kheo tăng kheo: Ai trở về phòng nấy. cúng dường. Phật mặc nhiên đồng Phật tâm niệm rằng phải đền trả ý. Vua trở về cung, trai soạn đã duyên đời trước, bèn lấy đại y trải xong, tay cầm hương thưa rằng: lên tòa và ngồi trên đó, rồi giơ chân Xin đức Thế tôn đến nhà con thọ bên phải, cây thương liền đâm cúng dường. Phật dạy đại chúng đi xuyên qua chân ấy. Ngài Xá lợi đến vương cung, ăn xong trở về phất và chúng đều đến chỗ Phật, lễ tinh xá. bái, hỏi han, xin Phật nói cho biết Lúc ấy, có một vị Tỳ kheo bị nhân duyên đời trước. bệnh ăn xong trở về; trong thành có Thuở trước, có hai thương chủ một Bà la môn dạy 500 đứa trẻ. dẫn hai đoàn buôn, vào biển chọn Phật theo Bà la môn đi ngang qua mua châu báu; sau gặp nước thủy chỗ ấy. Bà la môn thấy thức ăn triều dâng cao, giành thuyền nhau, hương vị thơm ngon, bèn khởi tâm hai

đoàn đánh xáp lá cà; ông chủ đố kỵ và nghĩ rằng: Sa môn đầu đoàn thuyền thứ hai chặt đứt chân trọc này, đáng cho ăn thóc của ông chủ đoàn thuyền thứ nhất, ngựa ăn, không đáng cho ăn thức chẳng bao lâu ông này chết, vì máu ăn thịnh soạn, rồi lại bảo cho các ra quá nhiều. đứa trẻ nói rằng: Các ông thầy này Phật bảo Xá lợi phất rằng: Lúc đều ăn thóc cho ngựa ăn. ấy, chủ đoàn thuyền thứ hai là ta Bà la môn, lúc ấy, tức là ta đây, đây, còn chủ của đoàn thuyền thứ 500 đứa trẻ tức là 500 La hán đó. nhất là Đề bà đạt đâu. Vì ta nói người kia ăn thóc ngựa, Lúc ấy, ta chặt đứt chân của nên chịu các quả báo khổ đau. Nay, người kia, vì nhân duyên ấy, chịu tuy thành Phật, do duyên kiếp trước các quả báo khổ đau. Giờ, tuy còn sót lại, mà ta và đại chúng, ở ấp chứng được Phật quả, do duyên Tì lan, ăn thóc ngựa ăn 90 ngày. thừa ấy, nên chịu cây thương đâm Năm, Lưu ly vương sát Thích vào chân. chủng. (Tiếng Phạn là La duyệt thành, Phật ở tại thế thì vua ba tư nặc tiếng Hoa là Vương xá thành. mới lên ngôi, sai cận thần đến nhà họ Thích, nước Ca tì la, cầu thân.

Lúc ấy thị tì của Ma ha nam sanh Đứa nhỏ tức là ta đây. Vì nhân một cháu gái, nhan sắc xinh đẹp duyên ấy nên vua Lưu ly giết dòng dung mạo đoan dung, đem tặng cho họ Thích. vua ba tư nặc. Sau đó, vua sanh ra (Tiếng Phạn là Ba tư nặc, tiếng một đứa con trai, đặt tên là Lưu ly, Hoa là Thắng quân; Tiếng Phạn là đến năm tám tuổi, cùng con của Ca tì la, tiếng Hoa là Hoàng sắc). Phạm chí là Hảo khổ đến nhà Ma Sáu, Khất thực không bát. ha nam. Lúc ấy, nước Ca tì la mới Phật thường vào các xóm Bà la xây một giảng đường, muốn thỉnh môn khất thực, không có được gì, Như lai đến đó cúng dường. Lúc ôm bát về không. bấy giờ thái tử Lưu ly đến giảng Bảy, Chiên đồ nữ báng. đường, lên tòa sư tử ngồi. Các Phật nói: Thời xưa có Phật tên người trong dòng họ Thích thấy là Tận thắng Như lai, trong chúng vậy, buông lời mắng nhiếc: Con vật có hai loại Tỳ kheo: một gọi là Vô thấp hèn này, dám ngồi vào trong thắng; hai là Thường hoan. Lúc ấy, tòa. Với những lời lẽ như thế, con ở thành ba la nại có Bà là môn Đại trai của Phạm chí là Hảo khổ nói: ái trưởng giả tên là Thiện xảo. hai Các người dòng họ Thích này làm hạng Tỳ kheo này đến nhà bà đàn nhục ta đến thế, sau khi ta lên ngôi, việt Thiện xảo. Tỳ kheo Vô thắng, mấy ông phải nói cho ta biết việc vì đã trừ phiền não nên được cúng này. dường đầy đủ. Tỳ kheo Thường Thái tử Lưu ly, sau khi lên hoan phiền não chưa trừ, nên được ngôi, Hảo khổ lấy việc trước thưa cúng dường sơ sài. lại. Lưu ly tập trung binh lính đi Tỳ kheo Thường hoan nổi lên đến trừng phạt dòng họ Thích. tâm ganh tức, dèm pha, nói xấu Vô Phật nói với các vị Tỳ kheo thắng và Thiện xảo thông đồng với rằng ngày xưa ở thành La duyệt nhau, cúng dường không theo pháp này có một thôn chuyên môn bắt mà do ân ái mới có như vậy. cá. Gặp lúc đói khổ, mất mùa, ở Lúc ấy, Thường hoan là ta đây. thôn ấy có một cái ao rất nhiều cá. Bà Thiện xảo, giờ là Chiên đồ (hay Người trong thành, rũ nhau đến ao, Chiên sa). Vì lúc ấy ta nói xấu Vô bắt cá. Trong ao có hai loại cá: thắng, nên chịu các quả báo khổ. Loại một tên là Phu; loại hai tên là Nay tuy thành Phật, do oan trái này Đa thiệt, cả hai đều nuôi lòng báo còn sót lại, nên khi vì ngoại đạo, Tỳ oán. kheo, vua tôi nói pháp, thì bị cô gái Lúc ấy có một đứa nhỏ, đứng tên Đa thiệt cột cái bát vào bụng, trên bờ thấy cá nhảy mà vui, lấy đến trước mặt nói xấu rằng: Sa cây đập đầu cá. Người thành La môn, tại sao không nói việc của duyệt lúc ấy, nay là dòng họ Thích. mình, mà lại nói việc của người Cá Phu, nay là vua

Lưu ly. Cá Đa khác. Ông thì vui thú, đâu có biết ta thiệt, nay là Phạm chí Hảo khổ. khổ. Trước kia, ông cùng ta thông

dâm, làm cho ta có mang; nay sắp Tiếng Phạn là Kỳ xà quật, tiếng đến ngày hạ sanh, phải có dầu, sữa Hoa là Thứu đầu, tức là Linh thứu để nuôi đứa nhỏ và gắng sức cung sơn). cấp cho ta. Chín, Hàn Phong sách y. Lúc ấy, chúng hội cuối đầu, im Phật ở trong rừng A la bà ca, lặng. Thích đề hoàn nhân hóa ra mùa đông đến, trước sau tám đêm, con chuột, vào trong áo của cô gái gió lạnh thổi gảy cây tre, làm cho kia, cắn đứt dây, cái bát rơi xuống áo ngự hàn cả ba cái đều rách. đất. Mọi người đều thấy vậy, rất đổi vui mừng. ĐẠI THỪA CỬU BỘ (Chiên đồ, tiếng Phạn gọi đủ là (Đại trí độ luận).
Chiên đồ la, tiếng Hoa là Nghiêm xí. Phật nói các kinh Đại thừa, Đàn là tiếng Phạn, tiếng Hoa là không ngoài ba bộ nhân duyên, thí. Đàn việt là hay bố thí thì vượt luận nghị, thí dụ. qua biển nghèo khổ. Lý do nói là chín bộ là vì Đại Tiếng Phạn là Thích đề hoàn thừa nói thẳng đến pháp lớn, không nhân, tiếng Hoa là Năng thiên chủ). qua nhân duyên, chỉ nói lý tánh Tám, Điều đạt thôi sơn. viên dung, nên dứt hết bàn luận, chỉ Thuở xưa, Phật ở thành La hiển bày chân thường, không cậy duyệt kỳ, có trưởng giả tên Tu đàn, vào thí dụ. Vì thế các kinh Đại nhà giàu nhiều của, con của ông tên thừa, chỉ còn lại chín bộ phương Tu ma đề. Sau khi cha của nó chết, quảng. Nói riêng thì chỉ có vậy, Ma đề có đứa em khác mẹ tên là Tu nhưng nếu nói chung thì gồm có da xá. Ma đề không muốn chia của kinh Đại thừa, Tiểu thừa. Tất cả cho em. không ngoài 12 bộ. Một ngày kia, cùng em, nắm Một, Tu đa la. tay nhau lên núi Kỳ xà quật, sắp Tiếng Phạn là Tu đa la, tiếng đến bờ cao, xô xuống rồi lấy đá Hoa là Khế kinh. Khế là trên phù chọi đến chết đứa em ấy. hợp với lý của chư Phật, dưới phù Phật nói với Xá lợi phất: hợp căn cơ của chúng sanh. Kinh là Trưởng giả Tu đàn là phụ vương pháp, là thường; gọi chung là lời Bạch tịnh của ta. Tu ma đề là chính dạy của Phật. ta. Tu da xá, nay là Đề bà đạt đa. Nay nói Tu đa la là chỉ cho văn Vì nhân duyên ấy, ta đi kinh hành ở trường hàng trong các kinh. Vì nói núi Kỳ xà quật, bị Đề bà đạt đa lấy thẳng tướng của các pháp, tùy theo đá ném trúng đầu ta. Sơn thần, thấy nghĩa lý ngắn, dài không kể đến vậy, vung tay đón hòn đá. Hòn đá câu, chữ; đó là trường hàng. nát ra từng mảnh nhỏ trúng ngón Hai, Kỳ dạ. tay cái của ta, trầy da chảy máu. Tiếng Phạn là Kỳ dạ, tiếng Hoa là Ứng cúng, còn gọi là Trùng tụng

hay là Kệ. Vì ứng với phần trường Tiếng Phạn là A phù đạt ma, hàng ở trên mà nói lại nghĩa của tiếng Hoa là Vị tằng hữu, cũng gọi phần ấy, dưới hình thức hai câu, là Hi hữu. Như khi Phật vừa sanh bốn câu, sáu câu, tám câu cho đến ra, liền đi bảy bước, chân bước đến nhiều câu, đều gọi là tụng. đâu có hoa sen mọc lên đở chân ở Ba, Già đà. đó, ánh sáng lớn tỏa ra, soi sáng Tiếng Phạn là Già đà, tiếng Hoa khắp cả mười phương thế giới, và là Phúng tụng. Không nói lại phần nói như vầy: Ta là người độ tất cả văn trường hàng, mà nói thẳng ra sanh, lão, bệnh, tử của chúng sanh. dưới hình thức kệ, như Không Lúc ấy đại địa chấn động, trời mưa phẩm của kinh Kim quang minh, hoa xuống, cây phát ra âm thinh cũng gọi là Cô khởi; như trong kinh làm thành nhạc trời. Những việc hy Lăng nghiêm, kệ của A nan khen hữu vô lượng như thế, đó gọi là ngợi Phật: Diệu trạm tổng trì bất chưa từng có và bốn chúng nghe động tôn,... điều chưa từng nghe, thấy điều (Lăng nghiêm là tiếng Phạn, gọi chưa từng thấy, đều gọi là chưa

đủ là Thủ lăng nghiêm, tiếng Hoa từng có. là Kiện tướng phân biệt). Bảy, Ưu đà na. Bốn, Y đế mục đa. Tiếng Phạn là Ưu đà na, tiếng Tiếng Phạn là Y đế mục đa, Hoa là Tự thuyết. Vì không có ai tiếng Hoa là Bổn sự. Như lai nói về hỏi, Như lai dùng trì tha tâm, quán nhân địa của các vị Bồ tát đã làm. sát căn cơ của chúng sanh mà tự Như trong kinh Pháp hoa nói Bồ tát thuyết giảng. Như ở hội Lăng Dược vương đã từng ở chỗ đức nghiêm, nói 50 việc của ma, mà Phật Nhật nguyệt tịnh minh đức, không chờ A nan hỏi; lại như kinh chứng được pháp hoan hỷ, tự đốt A di đà, không có duyên cớ gì, mà cánh tay cúng dường Phật, tu tập tự Phật kêu Xá lợi phất,... để nói. các khổ hạnh để cầu đạo Bồ đề. (50 thứ ma sự là trong năm ấm, Năm, Xà đa ca. mỗi ấm có mười thứ ma sự. Tổng Tiếng Phạn là Xà đa ca, tiếng cộng là 50 ma sự. Hoa là bổn sanh. Phật nói về sự thọ Tiếng Phạn là Xá lợi phất, tiếng sanh đời trước của các Bồ tát và tự Hoa là Thứu tử). nói khi Phật còn là Bồ tát, tu các Tám, Tì Phật lược khổ hạnh. Như kinh Niết bàn nói: Tiếng Phạn là Tì Phật lược, Tỳ kheo nên biết, ở đời quá khứ, ta tiếng Hoa là Phương quảng. đã làm con nai, con mang, con heo, Lý đúng đắn gọi là phương. bao con thỏ, Túc tán vương, Chuyển quát gọi là quảng. luân vương, rồng, xí điểu... để thực Vì các kinh điển Đại thừa hành Bồ tát đạo phải làm nhiều phương đẳng có ý nghĩa to lớn, bao thân như vậy. quát tất cả, giống như hư không, Sáu, A phù đạt ma. tức là lý thể của các kinh.

Chín, Hòa ca la. về pháp môn Thập tín- từ quyển 12 Tiếng Phạn là Hòa ca la, tiếng đến quyển 15- có sáu phẩm. Hoa là Thọ ký. Như lai vì Bồ tát, (Điện Phổ quang minh là điện Thinh văn, Duyên giác thọ ký làm được làm thành do các thứ châu Phật sau này. Như kinh Pháp hoa báu, ánh sáng rạng ngời, có Phật ở nói: Này ông A dật đa, ở đời tương giữa nói pháp, ánh sáng phóng ra lai, ông sẽ thành Phật, hiệu là Di khắp bốn phía chung quanh. Lặc... Tiếng Phạn là Văn thù sư lợi, (Tiếng Phạn là A dật đa, tiếng tiếng Hoa là Diệu đức. Thập tín là Hoa là Vô năng thắng. Tiếng Phạn tín tâm, niệm tâm, tinh tấn tâm, huệ là Di lặc, tiếng Hoa là Từ thị). tâm, định tâm, bất thối tâm, hộ pháp tâm, hồi hướng tâm, giới tâm, HOA NGHIÊM CỬU nguyên tâm. HỘI THUYẾT Sáu phẩm là Như lai danh hiệu (Hoa nghiêm kinh phẩm, Tứ thánh đế phẩm, Quang minh giác phẩm, Bồ tát vấn minh Tùy sớ diễn nghĩa sao) phẩm, Tịnh hạnh phẩm, Hiền thủ Hoa nghiêm là Như lai lấy vạn phẩm). hạnh làm nhân của hoa, trang Đệ tam hội. nghiêm pháp thân làm quả đức. Hội này ở cung trời Đao lợi, Bồ chín hội nói kinh Hoa nghiêm tát Pháp Huệ nói pháp môn Thập là Như lai cùng Bồ tát, bốn chúng trụ- từ quyển 16 đến quyển 18- có thiên, long, bát bộ ở đạo tràng Bồ sáu phẩm). đề, ... chín lần hội họp để rộng nói (Tiếng Phạn là Đao lợi, tiếng pháp này. Hoa là 33, tức là chỗ ở của Đế Đệ nhất hội. thích là tầng trời thứ 33. Hội này ở đạo tràng Bồ đề, Bồ Thập trụ là phát tâm trụ, trị địa tát Phổ hiền nói về pháp môn nhân trụ, tu hành trụ, sanh quán trụ, quả, y báo của Như lai- từ quyển phương tiện cụ túc trụ, chánh tâm thứ một đến quyển thứ 11- có sáu trụ, bất thối trụ, đồng chân trụ, phẩm. pháp vương tử trụ, quán đảnh trụ. (Y báo là đất nước đang ở. sáu Sáu phẩm là Thăng Tu du sơn phẩm là Thế chủ diệu nghiêm đảnh phẩm, Tu di sơn đảnh kệ tán phẩm, Như lai hiện tướng phẩm, phẩm, Thập trụ phẩm, Phạm hạnh Phổ hiền Tam muội phẩm, Thế giới phẩm, Sơ phát tâm công đức phẩm, thành tựu phẩm, Hoa nghiêm thế Minh pháp phẩm), giới phẩm, Tỳ lô giá na phẩm). Đệ tứ hội. Đệ nhị hội. Hội này ở cung trời Dạ ma. Bồ Hội này ở điện Phổ

quang tát Công đức lâm nói pháp môn minh, Bồ tát Văn thù sư lợi, ... nói Thập hạnh- từ quyển 19 đến quyển 21- có bốn phẩm.

(Tiếng Phạn là Dạ ma, tiếng mới có, đều do cái khác hóa hiện Hoa là Thiện thời phân, vì trời này ra, mình dùng thoải mái, tức là trời lúc nào cũng an vui, khoái lạc. Tha hóa tự tại. Thập hạnh là Hoan hỉ hạnh, Thập địa là Hoan hỉ địa, Ly cấu Nhiêu ích hạnh, Vô sân hận hạnh, địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Vô tận hạnh, Ly si loạn hạnh, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn Thiện hiện hạnh, Vô trước hạnh, hành địa, Bất động địa, Thiện huệ Tôn trọng hạnh, Thiện pháp hạnh, địa, Pháp vân địa. Chân thật hạnh. Một phẩm tức là Thập địa Bốn phẩm là Thăng Dạ ma phẩm). thiên cung phẩm, Dạ ma thiên cung Đệ thất hội. trung kệ tán phẩm, Thập hạnh Hội này lại ở điện Phổ quang. phẩm, Thập vô tận tạng phẩm). Như lai Tỳ lô giá na nói pháp môn Đệ ngũ hội. A tăng kỳ số lượng; Bồ tát Phổ Hội này ở cung trời Đâu suất. hiền nói pháp môn mười đại tam Bồ tát Kim cang tràng nói pháp muôi và đẳng giác- từ quyển 40 môn Thập hồi hướng- từ quyển 22 đến quyển 52- có 11 phẩm. đến quyển 33- có ba phẩm. (Tiếng Phạn là Tỳ lô giá na, (Tiếng Phạn là Đâu suất, tiếng tiếng Hoa là Biến nhất thiết xứ. Hoa là Tri túc vì các vị trời này, đối Tiếng Phạn là A tăng kỳ, tiếng với năm dục, biết đủ, biết dừng. Hoa là Vô số. Thập hồi hướng là Cứu hộ Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng chúng sinh ly chúng sanh tướng hồi Hoa là Chánh định. hướng, Bất hoại hồi hướng, Đẳng Đẳng giác là ngôi vị cách Diệu nhất thiết Phật hồi hướng, Chí nhất giác (Phật) một bậc. thiết xứ hồi hướng, Vô lượng công Mười đại Tam muội là Thứ đệ đức hồi hướng, Tùy thuận đẳng biến vãng chư Phật quốc độ đại quán nhất thiết chúng sanh hồi Tam muội, Thanh tịnh tâm nhập hướng, Chơn như tướng hồi hướng, hạnh đại tâm muội, Tri quá khứ Vô phược giải thoát hồi hướng, trang nghiêm tạng đại Tam muội, Pháp giới vô lượng hồi hướng. Trí quang minh tạng đại Tam muội, ba phẩm là Đâu suất thiên cung Liễu tri nhất thiết thế giới Phật phẩm, Đâu suất thiên cung kệ tán trang nghiêm đại Tam muội, Chúng phẩm, Thập hồi hướng phẩm). sanh sai biệt thân Tam muội, Pháp Đệ lục hội. giới tự tại đại Tam muội, Vô ngại Hội này ở cung trời Tha hóa. luân đại Tam muội. Bồ tát Kim cang tạng nói pháp môn 11 phẩm là Thập định phẩm, Thập địa- từ quyển 34 đến quyển Thập tụng phẩm, Thập nhẫn phẩm, 39- có một phẩm. A tăng kỳ phẩm, Như lai thọ lượng (Tha hóa là các cảnh dục lạc tự phẩm, Chư Bồ tát trụ xứ phẩm, hóa hiện ra, không cần cực nhọc Phật bất tư nghì pháp phẩm, Như

lai thập thân tướng hải phẩm, Như nhiệm mầu, tư duy pháp tu trì, lai tùy hảo quang minh công đức phương tiện lợi sanh, đều từ trong phẩm, Phổ hiền hạnh phẩm, Như thiền mà ra. Vì vậy nói chín tướng lai xuất hiện phẩm). thiền định. Đệ bát hội. Một, Tự tánh thiền. Hội này lại ở điện Phổ quang Vì đối với Bồ tát tạng, văn và minh. Bồ tát Phổ hiền nói pháp tư là từ các việc thiện đã làm, ở môn xa lìa thế gian- từ quyển 53 trước, trong thế gian và xuất thế đến quyển 59- có một phẩm. gian, nhất tâm an trụ, hoặc chỉ một (Pháp xa lìa thế gian là pháp phần, hoặc quán một phần hoặc chỉ, Đại thừa siêu việt khỏi thế gian. quán cả hai, đều nhiếp trì đầy đủ. Một phẩm là phẩm Ly thế (Bồ tát tạng là pháp tạng mà Bồ gian). tát đã tu. Đệ cửu hội. Văn tư tùng tiền sở hành thế Hội này ở rừng Thệ đa. Bồ tát gian xuất thế gian thiện là văn thì Văn thù sư lợi nói về pháp môn gìn giữ, suy tư thì nhớ nghĩ tất cả Nhập pháp giới- từ quyển 60 đến các pháp lành

đã làm, ở trước, quyển 80- có một phẩm. trong thế gian và xuất thế gian. (Tiếng Phạn là Thệ đa, tiếng Chỉ phần là vì nhiếp tâm không Hoa là thắng lâm, tức là vườn của tán loạn, tức là định. ông Cấp cô độc. Quán phần là vì phân biệt soi Pháp giới là kết hợp, hòa quyện tỏ, tức là huệ. với nhau hoàn toàn, tức là lý bình Câu phần là chỉ, quán song tu, đẳng pháp thân của chư Phật. tức định, huệ bình đẳng. Một phẩm là phẩm Nhập pháp Phần là vị vậy, vì chỉ, quán giới). tương ưng là an lập vị phần rồi vậy. Đối với pháp tạng mà Bồ tát đã CỬU CHỦNG ĐẠI tu, nghe, giữ, suy tư nhớ tất cả pháp THIỀN lành đã làm ở quá khứ, nhất tâm an (Địa trì kinh) trụ trong đại trí huệ bình đẳng
của chỉ quán, làm lợi ích cho chúng Thiền là tiếng Phạn, nói đủ là sanh. Thiền na, tiếng Hoa là Tịnh lự. Nói tự tánh là vì thiền là pháp Vì Bồ tát đã nương vào nguyện mà Bồ tát tu tập, quán thật tướng lớn đem lại lợi ích cho chúng sanh, của tâm không từ bên ngoài mà thì phải tu tập hạnh rộng lớn. được, tức là định vốn có). Nhưng hạnh rộng lớn thì không gì Hai, Nhất thiết thiền. bằng thiền định. Vì tu tập thiền định này thì Nói thiền là thu tóm tất cả. Vì mình tu hành và giáo hóa tất cả các Bồ tát thành đạo, quay bánh xe pháp cho người khác, nhiếp trì đầy pháp, vào Niết bàn, công đức đủ. Tên có ba thứ: 1) Hiện pháp lạc

trú thiền, nghĩa là xa rời tất cả vọng Vì tất cả thiền định đều từ cửa tưởng, thân tâm ngừng bặc. Đây là này mà ra. Tên có bốn thứ: 1) Hữu sự vắng lặng bậc nhất. Xa lìa tham giác hữu quán thiền: Vì tâm mới đắm về vị và tất cả tướng; hiện tại bắt đầu duyên gọi là giác; tâm vi tế được niềm vui của pháp hỷ mà trụ phân biệt thiền vị gọi là quán, tức ở định. 2) Xuất sanh Tam muội là sơ thiền ở cõi sắc. 2) Hỷ câu công đức thiền, nghĩa là sanh ra vô thiền: Vì được thiền định này thì lượng vô số công đức của tất cả trạng thái vui mừng của tâm cùng Tam muội. 3) Lợi ích chúng sanh phát ra, tức là nhị thiền. 3) Lạc câu thiền, nghĩa là những việc làm của thiền: Vì được thiền định này thì chúng sanh đều cộng tác, lại dùng ý trạng thái vui mừng mầu nhiệm nghĩa của chánh pháp dạy bảo, vượt trội phát ra, tức là tam thiền. hướng dẫn và đem lại lợi ích cho 4) Xả câu thiền: Vì vào thiền này chúng, khiến cho tất cả lìa khổ thì tâm bình đẳng, không có các ý được vui. lành, dữ, thương, ghét, tức là tứ Ba, Nan thiền. thiền. Nan thiền là vì thiền định này Năm, Thiện nhân thiền. khó tu. Tên có ba thứ: một) Nan Vì tất cả pháp lành thu nhiếp thiền: Nan thiền thứ nhất là tu tập hết, chính là căn lành lớn cùng tu lâu thiền định nhiệm mầu vượt của chúng sanh. Tên có năm thứ: 1) thắng, đối với các Tam muội tâm Bất vị trước: Đối với vị của thiền được tự tại, thương xót chúng sanh định không ham thích, vướng mắc. muốn cho chúng được thành tựu. 2) Từ tâm câu: Tâm thương nhớ Xả bỏ thiền lạc thứ nhất mà sanh chúng sanh với thiền cùng phát ra. vào cõi dục. 3) Bi tâm câu: tâm thương xót Nan thiền thứ hai là nương vào chúng sanh với thiền cùng phát ra. định này sanh ra vô số các Tam 4) Hỉ tâm câu: Tâm vui mừng muội sâu xa, không thể nghĩ bàn, chúng sanh lìa khổ được vui với vượt lên trên cả Thinh văn, Bích thiền cùng phát ra. 5) Xả tâm câu: chi Phật. Tâm bình đẳng không yêu không Nan thiền thứ ba là nương vào ghét với thiền cùng phát ra. định này, chứng được Bồ đề vô Sáu, Nhất thiết hành thiền. thượng. Vì tất cả pháp tu hành của Đại (Đệ nhất thiền lạc tức là niềm thừa đều chứa đựng, gìn giữ. Tên vui của thắng diệu thiền định. có 13 thứ: 1) Thiện thiền: Vì thiền Tiếng Phạn là Bích chi, gọi đủ định này hay gìn giữ tất cả pháp

là Bích chi ca la, tiếng Hoa là lành. 2) Vô ký hóa hóa thiền: Vì Duyên giác). không đợi móng tâm, suy tưởng tự Bốn, Nhất thiết môn thiền. nhiên, trong định, có thể làm vô số Môn có nghĩa là cái để ra, vào. biến hóa. 3) Chỉ phần thiền: Vì giữ tâm không tán loạn cùng với định

tương ưng. 4) Quán phần thiền: Vì dụng sức mạnh của chú thuật, trừ phân biệt rạch ròi cùng với huệ các độc hại của sương, mưa đá, tương ưng. 5) Tự tha lợi thiền: Đã lạnh, nóng và các bệnh do ma quỷ đạt được chánh định thì tự lợi và lợi gây ra. 2) Trừ bệnh thiền: Vì nhờ tha có khả năng thực hiện. 6) định này có thể trừ các bệnh do đất, Chánh niệm thiền: Vì ở trong định nước, gió, lửa nổi lên. 3) Vân vũ thì suy tư, nghĩ nhớ chân chánh, thiền: Nhờ định này có thể gây ra không có tạp tưởng xen vào. 7) mưa lành (hợp thời), tiêu diệt hạn Xuất sanh thần thông lực công đức hán, cứu giúp những người đói khổ thiền: Vì chứng được thiền định lớn vì mất mùa. 4) Đẳng độ thiền: Vì này, thì tất cả công đức, thần thông nhờ định này, cứu giúp các tai nạn, đều từ đây mà sanh ra. 8) Danh khủng bố của những người ở trên duyên thiền: Vì đối với tất cả các nước, trên đất liền. 5) Nhiêu ích pháp danh, tướng, nhân, duyên đều thiền: Vì nhờ định này, có thể dùng hiểu rõ không có gì trở ngại. 9) thức ăn, thức uống giúp đỡ cho Nghĩa duyên thiền: Vì đối nghĩa lý, chúng sanh đói khát ở những nơi nhân duyên của tất cả các pháp đều hẻo lánh, hoang sơ. 6) Điều phục thông đạt, thấu hiểu. 10) Chỉ tướng thiền: Vì nhờ định này mà có thể duyên thiền: Vì đối với tướng nhân dùng tiền của hướng dẫn, dạy bảo duyên vắng lặng, tròn sáng thấu chúng sanh theo chánh pháp. 7) triệt, xa lìa vĩnh viễn tất cả tán loạn. Khai giác thiền: Vì nhờ định này 11) Cử tướng duyên thiền: Vì hay hay làm cho chúng sanh mê mờ soi rõ nhân duyên khởi lên và diệt được giác ngộ Phật lý. 8) Đẳng tác đi của các pháp, đều trong vắt thiền: Vì nhờ định này có thể khiến không ngại. 12) Xả tướng duyên tất cả những việc chúng sanh làm thiền: Vì đối với nhân duyên của tất đều được thành tựu. cả pháp tướng thiện, ác đều vứt bỏ Tám, Thử thế tha thế lạc thiền. hết, trong veo không chút vướng Vì tu tập thiền định này, hay mắc nhiễm ô. 13) Hiện pháp lạc trú làm cho chúng sanh được an lạc đệ nhất nghĩa thiền: Vì nhờ định hiện tại hay tương lai. Tên có chín này, hiện giờ được niềm vui của thứ: 1) Thần túc biến hiện điều pháp hỷ mà an trú trong nghĩa đệ phục chúng sanh thiền: Vì nhờ vào nhất. định này mà có thể biến hiện nhiều (Đệ nhất nghĩa là lý thật tướng thần túc thông điều phục được tất của trung đạo, không hai không cả chúng sanh; 2) Tùy thuyết điều khác). phục chúng sanh thiền: Vì nhờ định Bảy, Trừ não thiền. này mà có thể tùy thuận nói pháp, Vì tu thiền định này, có thể trừ điều phục tất cả chúng sanh; 3) hết khổ não vô số của chúng sanh. Giáo giới biến hiện điều phục Tên có tám thứ: 1) Chú thuật sở y chúng sanh thiền: Vì nhờ vào định thiền: Vì nhờ định này mà có thể sử này, có thể dùng chánh pháp dạy

bảo, điều phục được tất cả chúng nên, làm phong phú giáo nghĩa sanh. 4) Vi ác chúng sanh thị ác thú giống như là gốc cây, là bà mẹ). thiền: Vì nhờ vào định này, có thể Chín, Thanh tịnh tịnh thiền: vì chúng sanh làm ác mà thị hiện Vì nương vào thiền định này, các nẻo tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa tất cả phiền não, hoặc nghiệp đều ngục… để khiến cho chúng bỏ ác dứt trừ hết và được quả đại Bồ đề làm lành. 5) Thất biện chúng sanh thanh tịnh. Tên có mười thứ: 1) Thế dĩ biện nhiêu ích thiền: Vì nhờ vào gian thanh tịnh

tịnh bất vị bất định này, mà đối với chúng sanh nhiễm ô thiền: Vì nương vào định không có thể biện luận về chánh này, tất cả thiền định mà trời, người pháp, thì dùng biện tài đem lại ích tu tập, đều không mắc míu vào lợi cho chúng và làm cho tâm thức thiền vị, cũng không thấy có tướng của chúng khai ngộ vậy. 6) Thất nhiễm ô, nên gọi là thanh tịnh. Lập niệm chúng sanh dĩ niệm nhiêu ích lại chữ tịnh là ý nói rằng tướng tịnh thiền: Vì nhờ vào định này, mà đối này cũng không thể hiện hữu. 2) với chúng sanh mất chánh niệm, có Xuất thế gian thanh tịnh tịnh thiền: thể dùng chánh niệm mà đem lại Vì nương vào định này, đối với ích lợi cho chúng và kiến cho tà thiền định mà tất cả Thinh văn, kiến không sanh. 7) Tạo bất điên Duyên giác tu tập, đều không ô đảo luận vi diệu tán tụng Ma đắc nhiễm, trở ngại, gọi là thanh tịnh. lặc già vi lịnh chánh pháp cửu trụ 3) Phương tiện thanh tịnh thiền: Vì thế thiền: Vì nhờ vào định này, nương vào định này, có thể phương khai phát trí huệ nhiệm mầu, tâm tiện khéo léo, nói năng vô lượng không điên đảo, hay làm ra những pháp nhiệm mầu, hóa độ tất cả lời tán tụng vi diệu cho luận tạng, chúng sanh, đều không ô nhiễm và để cho chánh pháp lưu thông lâu trở ngại, gọi là thanh tịnh. 4) Căn dài trong cõi đời. 8) Thế gian kỹ bổn thanh tịnh tịnh thiền: Vì dựa thuật nghĩa nhiêu ích nhiếp thủ vào định này, đối với định căn bổn chúng sanh thiền: Vì nhớ vào định của Tứ thiền ở cõi sắc, đều không này, có thể dùng bói toán làm nhiễm ô và trở ngại, gọi là thanh phương pháp sanh sống. Nhiều tài tịnh. 5) Căn bổn thượng thắng tiến năng như thế đem đến lợi ích cho thanh tịnh tịnh thiền: Vì nương vào tất cả chúng sanh. 9) Tạm tức ác định này, đối với tứ thiền ở Sắc thú phóng quang minh thiền: Vì giới tuy được định tối thượng thù nhờ vào định này, phóng ánh sáng thắng vượt bậc, đều không ô nhiễm lớn, tạm khiến cho các nẻo Tu la… và trở ngại, gọi là thanh tịnh. 6) dừng các khổ não. Nhập trụ khởi lực thanh tịnh tịnh (Thần túc là thần thông đầy đủ. thiền: Vì nhờ vào định này, hoặc Ma đắc lặc già cũng gọi là Ma vào hoặc ở hoặc khởi lên lực dụng đát ký già, tiếng Hoa là Bản mẫu, đều tự tại, không nhiễm ô, trở lại, tức là Luận tạng. Vì nó có thể lập gọi là thanh tịnh. 7) Xả phục nhập

lực thanh tịnh tịnh thiền: Vì nương thiền lại vào một thiền. Tuần tự vào định này, xả rồi lại vào, lực như thế mà vào, tâm trước tâm sau dụng tự tại, không nhiễm ô, không tương tục, không sanh niệm khác, trở ngại, gọi là thanh tịnh. 8) Thần không gián đoạn, không xen tạp. thông sở tác lực thanh tịnh tịnh Định là giữ tâm không loạn. thiền: Vì nương vào định này, có Sơ thiền thứ đệ định. thể dùng nhiều thứ lực dụng của Vì người tu thiền định, xa lìa thần thông, biến hóa tự tại, lợi ích cái ác ở cõi Dục và pháp chẳng cho tất cả, đều không nhiễm ô, lành, có giác có quán, xa lìa sanh không trở ngại, gọi là thanh tịnh. 9) hỷ lạc, định và quán bằng nhau, Ly nhất thiết kiến thanh tịnh tịnh tâm của người ấy lần lượt vào định, thiền: Vì dựa vào định này, nên đối không có tạp niệm làm gián cách. với tất cả nhận thức đoạn thường, (Có giác có quán là tâm vừa hữu vô đều lìa bỏ hết mà không duyên gọi là giác, tâm vi tế phân nhiễm ô, không trở ngại, gọi là biệt thiền vị gọi là quán, tức là thanh tịnh. 10) Phiền não trí tướng của định sơ thiền. chướng đoạn thanh tịnh tịnh thiền: Xa lìa sanh hỷ lạc là tâm mừng Vì nương vào định này, đối với các vui là hỷ; tâm điềm đạm gọi là lạc, phiền não mê lầm kiến, tư và trí vì sơ thiền đã lìa cái ác của cõi dục làm chướng ngại lý tánh đều đã dứt và pháp chẳng

lành. hết, không có nhiễm ô, không trở Định và quán bằng nhau là ngại, gọi là thanh tịnh. Chữ tịnh thứ quán tức huệ, chính là định huệ hai (kể cả ở trên) là ý nói cho đến bình đẳng vậy). tưởng tịnh này cũng không thể có Nhị thiền thứ đệ định. được. Vì người tu thiền định, khi từ (Căn bổn định là định của tứ sơ thiền vào nhị thiền, nhất tâm thiền, vì căn bổn của các thiền là không giác không quán, do định mà hay sanh ra tất cả thiền định. sanh ra hỉ lạc, tâm của người ấy lần Chướng lý chi trí: Thinh văn lượt vào định, không có tạp niệm tuy chứng được trí nhân không, làm gián đoạn. nhưng nếu Đại thừa Bồ tát dùng trí (Không giác không quán là đã này tức là mê lầm và chướng ngại vào nhị thiền tứ là xa giác, quán về lý). động và tán của sơ thiền. Định sanh hỷ lạc là đã không CỬU THỨ ĐỆ ĐỊNH giác không quán, nhiếp tâm tại định
(Pháp giới thứ đệ) thì sanh mừng vui; đây là tướng định của nhị thiền). Chín là từ sơ thiền đến định diệt Tam thiền thứ đệ định. thọ tưởng. Tất cả là chín thứ. Vì người tu thiền định, khi từ Thứ đệ là khi người vào thiền nhị thiền vào tam thiền, xa lìa hỷ thì trí huệ rất lanh lợi, có thể từ một hành xả mà thọ nhận thân lạc, chỉ

có thánh mới có thể nói được, (Diệt hết tất cả tướng của sắc là phàm phu không thể biết; lại bỏ diệt căn thấy và cảnh đối tượng của niệm hành lạc, tâm của người ấy tướng tất cả sắc. Đã chứng được lần lượt vào định, không có tạp định của tứ thiền, còn chán ghét sắc niệm làm gián đoạn. chất của cõi sắc làm trở ngại, (Xa lìa hỷ hành xả là chán ghét không được tự tại. Do đó tâm mong và xa lìa cái mừng lớn của nhị thiền xa lìa và diệt tướng của tất cả sắc làm cho tâm xúc động và tán loạn, mà tu định hư không xứ, tâm và hư nên nhiếp tâm không thọ nhận cái không tương ưng, thì không nhớ mừng ấy. nghĩ bất cứ tướng nào khác). Thọ nhận thân lạc là đã lìa cái Sáu, Thức xứ thứ đệ định. mừng của nhị thiền và thân nhận Vì người tu tập thiền định, đã cái vui của tam thiền. được định hư không xứ rồi, tâm Thánh nhân có thể nói là niềm duyên hư không, hư không vô biên; vui này rất vượt trội, vượt qua tất duyên nhiều thì tán định hay bị phá, cả niềm vui khác, chẳng phải là chỗ liền bỏ hư không, chuyên tâm biết của phàm phu. duyên thức. Tâm và thức tương Bỏ niệm hành lạc là có thể bỏ ưng, thì vượt qua hư không xứ; vào cái niệm mừng của nhị thiền mà vô biên thức xứ, tâm của người ấy thực hành cái vui của tam thiền). tuần tự vào định, không có tạp Tứ thiền thứ đệ định. niệm làm gián cách. Vì người tu thiền định, khi từ (Vượt qua hư không xứ là đã tam thiền vào tứ thiền , vì dứt hỷ vào thức xứ thì siêu việt hư không lạc, không mừng không vui, tâm xứ). của người ấy lần lượt vào định, Bảy, Vô sở hữu xứ thứ đệ không có tạp niệm làm gián cách. định. (Dứt mừng vui là dứt tâm mừng Vô sở hữu xứ là không duyên của nhị thiền và dứt tâm vui của tất cả cảnh giới trong, ngoài. tam thiền. Vì người tu thiền định đã được Không mừng không vui là tâm định thức xứ rồi, tâm thức ba đời, không thiện, ác, vắng lặng bình vô lượng vô biên, duyên nhiều thì đẳng, đó là tướng định của tứ thiền. tán, định hay bị phá thì bỏ cái sở Năm, Hư không xứ thứ đệ duyên của thức, chuyên tâm duyên định. vô sở hữu xứ, tâm của người ấy Vì người tu thiền định, từ Sắc tuần tự vào định, không có tạp giới vào Vô sắc giới thì diệt hết tất niệm làm gián cách. cả tướng của Sắc, không nhớ bất cứ (Cảnh giới trong, ngoài là nội tướng nào khác, vào xứ vô biên của tức là thức xứ, ngoại tức là hư hư không, tâm của người ấy lần không xứ). lượt vào định, không có tạp niệm Tám, Phi tưởng phi phi tưởng

làm gián cách. thế đệ định.

Phi phi tưởng là chẳng phải chính là năng kiến, gọi là nhãn không có tướng của vô sở hữu xứ. thức. Vì người tu thiền định đã được Hai, Nhĩ thức. định vô sở hữu xứ rồi, hiểu biết sâu Vì tai và tiếng làm duyên mà xa xứ vô tưởng giống như si mê, xứ sanh ra nhĩ thức. Nhĩ thức nương hữu tưởng giống như ung như nhọt vào căn mà sanh. Nhĩ căn dựa vào liền bỏ xứ vô sở hữu, duyên các thức mới có thể nghe. Đó chính là pháp phi hữu tưởng, phi vô tưởng. năng thính, gọi là nhĩ thức. Tâm của người ấy lần lượt vào Ba, Tị thức. định, không có tạp niệm làm gián Vì mũi và hương làm duyên mà cách. sanh ra tị thức. Tị thức nương vào (Giống như si mê là dường như căn mà sanh. Tị căn dựa vào thức không có tâm tưởng. mới có thể ngửi. Đó chính là năng Giống như ung, như nhọt là có khứu, gọi là tị thức. sự khổ sở liền biết, dường như có Bốn, Thiệt thức. tâm tưởng). Vì lưỡi và vị làm duyên mà Chín, Diệt thọ tưởng thứ đệ sanh ra thiệt thức. Thiệt thức nương định. vào căn mà sanh. Thiệt căn nương Diệt thọ tưởng là tâm thọ, vào thức mới có thể nếm. Đó chính tưởng diệt đi rồi không nổi lên trở là năng thường, gọi là thiệt thức. lại nữa. Năm, Thân thức. Vì người tu thiền định, từ phi Vì thân và xúc làm duyên mà hữu tưởng phi vô tưởng vào diệt sanh ra thân thức. Thân thức nương thọ tưởng định, tâm ấy sáng suốt, vào căn mà sanh. Thân căn nương lanh lẹ, tuần tự vào định, không có vào thức mới có thể biết. Đó chính tạp niệm làm gián cách. Đó là định là năng giác, gọi là thân thức. diệt thọ tưởng thứ đệ. Nếu được Sáu, Ý thức. định này thì không bao lâu thì Vì ý và pháp trần làm duyên mà chứng quả A la hán. sanh ra ý thức. Ý thức dựa vào căn mà sanh. Ý căn dựa vào thức- tức CỬU THỨC là năng phân biệt- lấy cái sở duyên (Tông cảnh lục). năng phân biệt của năm thức trước, tức là cảnh giới của năm trần: sắc, Thức có nghĩa là phân biệt, vì thinh hương, ... Đó gọi là ý thức. nó hay phân biệt tất cả các pháp. Nếu dứt được thức này thì một, Nhãn thức. thành Thinh văn, Duyên giác. Vì mắt và sắc làm duyên mà Bảy, Mạt na thức. sanh ra nhãn thức. Nhãn thức Tiếng Phạn là Mạt na, tiếng nương vào căn mà sanh. Nhãn căn Hoa là Ý, cũng gọi là Tương tục dựa vào thức mới có thể thấy. Đó thức, lại có tên là Phân biệt thức.

Thức này không có thể cố định thức và cảnh (hay thức cảnh) ở mà là nhiễm phần của thức thứ tám; trước. nương vào tự chứng phần của thức Nếu căn cứ vào phần tịnh của thứ tám mà sanh ra; duyên kiến thức này mà nói thì nó là nguồn phần của thức thứ tám chấp làm tâm, bổn giác, lìa niệm thanh tịnh ngã; là chủ (nhân ông) của thức thứ bằng với cõi hư không; tức, sau sáu; chuyên chấp vào cảnh lành, dữ này, là thức Yêm ma la; không sở duyên của thức thứ sáu mà thành pháp nào là không bao hàm, không nhiễm hay tịnh đều do thức này. việc gì là không nhiếp thọ. Đó gọi Thức thứ sáu ở trước gọi là ý là tàng thức. thức. Giờ thức này cũng gọi là ý, vì Nếu chuyển thức này thì thành thức thứ sáu nương căn mà đặt tên. Phật quả. Còn thức này đương thể mà đặt tên. (bốn phần là: Thức thứ sáu, tuy hay phân biệt 1) Tướng phần: Tướng tức là năm trần tốt, xấu mà còn do thức hình tướng. này tống đạt mệnh lệnh. Vì thức này có khả năng biến Nếu dứt được thức này thì hiện căn thân, thế giới và danh, thành Bồ tát. nghĩa, tướng trạng của các pháp, (Thức thứ sáu nương căn: Căn, đều do phần này của thức thứ tám ở đây, là ý căn. sanh ra; giống như những cảnh Đương thể là thể phân

biệt – tượng hiện ra ở trong gương. phân biệt là cái thể hiện của chính 2) Kiến phần: Kiến có nghĩa là nó). chiếu rọi rõ ràng. Tám, A lại da thức. Vì thức này có khả năng soi Tiếng Phạn là A lại da, tiếng sáng tất cả pháp và giảng giải rõ Hoa là Tàng thức. ràng nghĩa lý của các pháp. Giống Thức này cùng một nguồn của như ánh sáng của cái gương có khả nhiễm, tịnh; hòa hợp của sinh, diệt năng chiếu sọi muôn hình vạn và có đủ bốn phần: Tướng phần, tượng. kiến phần, tự chứng phần, chứng tự 3) Tự chứng phần: Pháp của tự chứng phần. Giống như ngọn ma chứng phần có đầy đủ. ni, thể vốn trong sạch; hay giống Vì thức này có khả năng duy trì như tấm gương sáng có thể bao tướng phần và kiến phần, thân hàm vạn tượng. chứng không trở ngại. Giống như Nếu căn cứ vào phần nhiễm của cái gương hình tròn có khả năng thức này mà nói thì vô minh nương giữ gìn ánh sáng của nó, có khả vào đó mà nỗi lên; kết nghiệp do năng bao hàm mọi hiện tượng. thức này mà sanh ra, có đầy đủ 4) Chứng tự chứng phần: phiền não, trần lao rồi biến hiện ra Chứng tức là thể của năng chứng. căn thân, thế giới- tức là bảy loại Tự chứng tức là pháp của tự chứng phần có đầy đủ. Phần thứ tư

có khả năng duy trì tự chứng phần, thức thứ tám sanh ra, nắm lấy các kiến phần, tướng phần ở trước, đều cảnh minh, không làm tướng. không lìa phần thứ tư này. Đó là Thức thứ sáu duyên tướng phần bản thể của thức thứ tám. Giống của thức thứ tám mà được sanh ra, như mặt sau của cái gương. giữ lấy cảnh giới của năm trần mà Tiếng Phạn là ma ni, tiếng Hoa phân biệt, nương vào thức thứ bảy là ly cấu. mà có khả năng chấp thủ. Căn thân là các căn và sắc Thức thứ bảy duyên tướng phần thân). của thức thứ tám mà khởi lên, Chín, Am ma la thức. chuyển tính chất nhiễm hay tịnh Tiếng Phạn là Am ma la, tiếng của thức thứ sáu mà làm chỗ dựa Hoa là thanh tịnh thức, cũng gọi là vào. bạch tịnh vô cấu thức. Thức thứ tám là căn bổn của Thức này là tâm địa bổn các thức khác, bao hàm chủng tử nguyên thanh tịnh của tất cả chúng của các pháp, nương vào thức thứ sanh; là quả đức pháp thân mà chư bảy mới có thể truyền đạt, nâng đỡ Phật Như lai chứng được, tại thánh cho thức của năm căn mà cho là không tăng, tại phàm không giảm, tướng. chẳng phải sinh tử mà có thể kiềm Do đó nên biết thức nhờ duyên chế được, chẳng phải Niết bàn mà mà sanh; duyên nhờ thức mà có, có thể làm cho vắng lặng, nhiễm nương tựa, nâng đỡ nhau, nên mới tịnh đều không còn, mảy trần có nhiều, ít không giống nhau; vì không lập, sáng tựa vầng trăng vậy nói chín duyên sanh ra thức. tròn, trong veo như bầu trời. Đó là (Tướng phần: Tướng tức là thức thanh tịnh. hình tướng. Phần nghĩa là phận. Vì thế gian có vô số cảnh giới, CỬU DUYÊN SANH màu sắc hình tướng. Hễ những gì THỨC có danh, tướng đều là tướng phần (Thành duy thức luận của thức thứ tám). Một, Minh duyên. và Tông cảnh lục). Minh tức là ánh sáng của mặt Duyên là giúp đỡ đưa đến thành trời, mặt trăng có thể làm rõ tướng tựu. của màu sắc. Cửu duyên sanh là minh, Vì mắt nhờ ánh sáng mà thấy, không, căn, cảnh,... có chín thứ không có ánh sáng thì nhãn thức duyên để sanh ra nhãn, nhĩ, tỷ, không thể phát ra, nên ánh sáng là thiệt, ... tám thứ thức. duyên của nhãn thức. Vì năm thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, Hai, Không duyên. thân, dựa vào tướng phần của thức Không là bao la, không có trở thứ tám lập nên, do chủng tử của ngại, và có thể làm hiển lộ tướng của sắc.

Vì mắt nhờ khoảng trống mới (Tâm sở là thọ, tưởng, hành đối có thể thấy được; tai cũng vậy mới với năm uẩn). có thể nghe được. Không có Sáu, Căn bản y duyên. khoảng trống thì thức của mắt, tai Căn bản tức là thức thứ tám A không thể phát ra tác dụng; nên lại da. khoảng không là duyên của nhãn Y tức là nương tựa, ủy thác. thức là nhĩ thức. Vì thức thứ tám là căn bản của Ba, Căn duyên. các thức. Tướng phần của thức thứ Căn là năm căn mắt, tai, mũi, tám là nơi ủy thác sáu thức đầu mà lưỡi, thân. khởi lên, nên căn bản y là duyên Vì nhãn thức nương vào nhãn của thức thứ sáu và thức thứ tám. căn mới có thể thấy; nhĩ thức Bảy, Nhiễm tịnh y duyên. nương vào nhĩ căn mới có thể Nhiễm, tịnh y là thức thứ bảy nghe; tỷ thức nương vào tỉ căn mới Mạt na. có thể ngửi; thiệt thức nương vào Vì tất cả các pháp ô uế, trong thiệt căn mới có thể nếm; thân thức sạch đều nương vào thức này mà nương vào thân căn mới có thể biết. chuyển động. Nếu không có năm căn thì năm Vì sáu thức đầu, đối với cảnh thức không có chỗ nương, nên năm của sáu trần, khởi lên các phiền căn là duyên của năm thức. não, hoặc nghiệp, thì chuyển các Bốn, Cảnh duyên. pháp ô uế phiền não này trở về thức Cảnh là năm trần sắc, thinh, thứ tám mà trở thành hữu lậu. hương, vị, xúc. Nếu sáu thức trước theo các đạo Vì năm căn, tuy có đủ năm phẩm (37 phẩm trợ đạo) tu tập thức, nhưng nếu không có năm trần nghiệp trong sạch, thì chuyển các cảnh làm đối tượng thì năm thức pháp trong sạch này trở về thức thứ cũng không nguyên do để phát hiện tám mà trở thành vô lậu. Vì vậy gọi ra; nên cảnh là duyên của năm là nhiễm tịnh y; nhưng thức thứ bảy thức. cũng dựa vào thức thứ tám mới có Năm, Tác ý duyên. thể chuyển động được; thức thứ Tác ý là tâm sở, có nghĩa là tám dựa vào thức thứ bảy mà tùy cảnh sát. duyên (thuận theo hoàn cảnh, luân Vì khi mắt vừa đối diện với sắc, phiên dựa vào, ủy thác cho nhau. liền có thể hiểu ra, dẫn đến cảnh Vì vậy nhiễm tịnh y là duyên của hướng tới, khiến cho thức thứ sáu tám thứ thức. liền khởi lên niệm phân biệt tốt, Tám, Phân biệt y duyên. xấu hay thiện, ác. bốn thức còn lại Phân biệt là thức thứ sáu. Thức cũng như vậy hiểu ra và dẫn đến này có khả năng phân biệt các pháp cảnh hướng tới. Vì vậy tác ý có mặt thiện ác, hữu lậu vô lậu, sắc tâm. tất cả các cảnh của thức; cho nên Vì năm căn tuy là có khả năng nhận tác ý là duyên của sáu thức đầu. lấy cảnh, nhưng đều dựa vào thức

này mới có thể phân biệt, nên biết chứng được tạng tâm này mới đem rằng cảnh đối với năm căn có tốt, đến lợi ích cho mọi loài được và xấu do phân biệt mà sanh ra. ứng dụng của tâm ấy vô tận. Chúng Nhiễm, tịnh của thức thứ bảy do sanh mê lầm tạng tâm này nên luôn phân biệt mà biết. Tướng phần của bị vô minh phiền não làm trở ngại, thức thứ tám do phân biệt mà hiển quấy nhiễu và bị hoặc nghiệp trói lộ. Vì vậy phân biệt y là duyên của buộc mới không chứng được tâm tám thứ thức. ấy. Phật bảo chúng sanh tu hành tất Chín, Chủng tử duyên. cả pháp lành, dứt trừ phiền não, vô Chủng tử tức là chủng tử của minh để hiển lộ thể của pháp thân tám thứ thức. thanh tịnh Như lai tạng của chính Vì nhãn thức dựa vào chủng tử mình; nên nói chín thứ thí dụ này. của nhãn căn mới có thể thấy sắc; (Không hiểu biết rành rẽ gọi là nhĩ thức dựa vào chủng tử của nhĩ vô minh. căn mới có thể nghe tiếng; tỷ thức Tối tăm, rối rắm đối với các dựa vào chủng tử của tỷ căn mới có pháp; buồn bực, rối loạn đối với thể nghe (ngửi) hương; thiệt thức tâm thần, nên gọi là phiền não). dựa vào chủng tử của thiệt căn mới Một,

Nuy hoa Phật thân dụ. có thể nếm vị; thân thức dựa vào Nuy là khô héo. Nuy hoa ví dụ chủng tử của thân căn mới có thể vô minh, phiền não. Phật thân ví dụ nhận ra khi tiếp xúc; ý thức nương Như lai tạng. vào chủng tử của ý căn mới có thể Vì tất cả phiền não trong thân phân biệt; thức thứ bảy nương vào của chúng sanh là công đức trang chủng tử nhiễm, tịnh mới có thể nghiêm vốn có của tạng thân Như tương tục; thức thứ tám nương vào lai, nhưng bị vô minh tham đắm chủng tử của nó chứa đựng mới có che khuất nên không thể thấy được. thể sanh tất cả các pháp. Luận nói: Công đức trang Vì các thức, mỗi thứ, đều dựa nghiêm của Phật vốn ở trong đóa vào chủng tử mà sanh, nên chủng hoa khô héo, chính là ý này. tử là duyên của tám thức. Hai, Nham phong thuần mật dụ. NHƯ LAI TẠNG CỬU Nham phong ví dụ phiền não. DỤ Mật ví dụ Như lai tạng. (Bảo tánh luận). Vì con Ong khi bị người ta đụng tới, thì nó đốt và nhả nọc
độc Như lai tạng tức là tâm địa ra làm cho đau nhứt. Người gặp thanh tịnh cội nguồn của chúng phải cảnh khó chịu ấy, thì tâm sanh sanh, là quả đức của pháp thân chư nóng giận và thương tổn. Phật. Bởi vì trong Như lai tạng của Như lai tạng đầy đủ các pháp, tất cả chúng sanh có đầy đủ pháp vị bao hàm vạn tượng, chư Phật của công đức, nhưng bị vô minh,

sân hận ràng buộc, không thể sử Vì vô minh phiền não ở trong dụng pháp vị ấy được, giống như vì thân của tất cả chúng sanh, mà còn tham mật ong ngon ngọt kia mà bị có tánh Như lai tạng; giống như bầy ong vây khốn, không thể nhắm trong nhà người nghèo mà có kho được vị ngon của mật ấy. chứa châu báo. Người nghèo tuy có Luận nói: Vì vị mật ngon ngọt kho châu báu mà bị đất vùi lấp nên tuyệt hảo mà bị bầy ong vây khốn, không thể thấy. Chúng sanh cũng chính là ý này. vậy, tuy có đầy đủ pháp thân, bị vô Ba, Khang lư canh mễ dụ. minh, phiền não che khuất, nên Khang là cám; lư là trấu, ví dụ không thể hiển lộ. phiền não. Canh mễ (gạo lúa) ví dụ Luận nói: Ví như nhà người thể của pháp thân Như lai tạng. nghèo, trong đất có kho châu báu, Vì thể của pháp thân Như lai chính là ý này. tạng, ẩn trong vô minh, si mê của Sáu, Am la nội thật dụ. chúng sanh, không thể sử dụng Am la là tiếng Phạn, gọi đủ là được. Giống như lúa gạo vì ở trong Am ma la, tiếng Hoa là Nại, tên cám trấu mà không thể ăn nó được. một loại trái cây. Nội thật là cái hạt trong quả. Luận nói: Hạt gạo ở trong vỏ Quả ví dụ phiền não, mê lầm. trấu, không ai có thể sử dụng được, Nội thật ví dụ chủng tử (cái hạt) chính lày ý này. trong Như lai tạng. Bốn, Phẩn uế chân kim dụ. Vì chúng sanh ở trong phiền Phẩn uế (phân dơ) ví dụ phiền não, mê lầm nhưng có hạt Bồ đề não. Chân kim (vàng ròng) ví dụ trong Như lai tạng, nằm yên bất Như lai tạng. động; giống như trong quả Am ma Vì pháp thân vốn sạch; giống la mà có cái hạt chứa ở trong. như vàng ròng bị phiền não (như Luận nói: Như trong nhiều trái phân dơ) che phủ và làm cho nhớp cây có mầm non không mục nát, nhúa nên không thể sáng trong và chính là ý này. sạch sẽ. Bởi tất cả chúng sanh trôi Bảy, Tệ y kim tượng dụ. nổi trong ba cõi nên lầm lạc Như Tệ y tức là áo cũ rách ví dụ lai tạng tánh ở trong phiền não; phiền não. Kim tượng tức là tượng giống như người rơi mất vàng ròng Phật ví dụ Như lai tạng. trong phân dơ. Vì pháp thân thanh tịnh của Luận nói: Như người đi đường Như lai tạng bị vô minh, dơ dáy xa, bỏ mất vàng ròng trong phân che khuất, buộc ràng, và rơi vào dơ, chính là ý này. trong đường sanh tử; ví dụ cái áo Năm, Bần gia bảo tạng dụ. rách bẩn che lấp, phủ

kín cái tượng Nhà nghèo ví dụ chúng sanh. bằng vàng ròng, vứt ra ngoài Bảo tạng ví dụ Như lai tạng tánh. đường.

Luận nói: Áo cũ phủ kín lên Chín thứ ví dụ này nằm trong tượng bằng vàng vứt ở ngoài văn bản được dịch vào đời Ngụy. đường, chính là ý này. Đó là: Nhất thiết hữu vi pháp, như Tám, Bần nữ quý thai dụ. tinh, ế, đăng, ảo, lộ, bào, mộng, Bần nữ ví dụ vô minh, phiền điện, vân, ưng tác như thị quán. não. Quý thai tức là cô gái nghèo Tất cả pháp hữu vi giống như có bầu quý nhân ví dụ Như lai tạng. tinh tú, vảy cá, ánh đèn, ảo ảnh, Vì tất cả chúng sanh ở trong vô giọt móc, bọt nước, mộng cảnh, minh, phiền não, mà có thể của điện chớp, mây trời. pháp thân thanh tịnh, nhưng không (Tiếng Phạn là Cưu ma la thập, thể thấy được như cô gái nghèo có tiếng Hoa là Đồng thọ. Tiếng Phạn bầu quý nhân, mà không tự biết. là Bồ đề lưu chi, tiếng Hoa là Giác Luận nói: Ví như cô gái cô độc hy). mà có bầu chuyển luân vương, Một, Tinh dụ. chính là ý này. Vì tinh tú đêm thì sáng láng, Chín, Tiêu mô chú tượng dụ. ngày mặt trời chiếu soi thì muôn Tiêu mô là dùng đất nung làm sao đều dấu mình để ví dụ sự tối cái khuôn, ví dụ phiền não. Chú tăm của chúng sanh, vướng mắc tượng là dùng vàng đúc thành vào các kiến thức rồi tự cho là sáng tượng, ví dụ Như lai tạng. tỏ. Nếu dùng tâm chánh trí chiếu Vì Như lai tạng tánh ở trong rọi vào thì các kiến thức ấy đều tiêu chúng sanh mờ ám mê lầm, giống diệt. như nấu chảy vàng ròng rót vào Luận nói: Ví như tinh tú bị ánh khuôn đất đúc thành tượng, nhưng sáng mặt trời chiếu soi mà không dường như không sao thấy rõ (hình hiện ra được, mặt trời trí huệ chiếu dạng của tượng ấy). vào tâm và pháp cũng như thế. Luận nói: Giống như người nấu Hai, Ế dụ. chảy vàng ròng rót vào khuôn đất Vì người có vảy cá trong mắt, để đúc tượng, chính là ý này. thì hay thấy hoa đóm giữa hư không, để ví dụ chúng sanh bị vô KIM CANG CỬU DỤ minh che lấp và chướng ngại thì (Kim cang kinh luận thấy tất cả cảnh giới vốn hư vọng của pháp hữu vi. thích)
Luận vân: Ví như mắt bị vảy cá Kim cang cửu dụ là chín ví dụ thì thấy hoa đóm giữa hư không, trong kinh Kim cang. chúng sanh thấy các pháp hữu vi Kinh này có ba bản dịch: 1) cũng như thế. Pháp sư Cưu ma la thập, đời Diêu Ba, Đăng dụ. tần, dịch; 2) Pháp sư Bồ đề lưu chi, Vì đèn nhờ dầu mà cháy liên đời Ngụy, dịch; ba) Pháp sư Chân tục, để ví dụ vọng thức của chúng đế, đời Trần, dịch.

sanh nương vào tham ái cảnh giới Vì ban ngày duyên các cảnh thì mà liên tục sanh sanh không dứt. ban đêm ngủ thấy mộng, vốn Luận nói: Ví như ánh sáng đèn, không có thật, chỉ nhờ tưởng tượng vọng thức của chúng sanh cũng mà sanh ra, để ví dụ chúng sanh như thế, nương vào tham ái các duyên những nhớ nghĩ ở quá khứ, pháp mà hiện hữu. tạo ra các việc, cảnh tuy đã mất, Bốn, Ảo dụ. duyên tưởng thì còn. Bởi vì các Vì các việc do ảo thuật làm ra, pháp hữu vi, đều do vọng tưởng không có mà bỗng nhiên có, thể làm nên, cũng như cảnh trong vốn không thật có, đều do ảo sư mộng. làm ra vô số hình tướng, ví dụ sông Luận nói: Giống như cảnh núi, đất đai ở thế gian đều là ảo hóa trong mộng, các pháp ở quá khứ hư vọng, chỉ vì do nghiệp cảm mê cũng y như thế. mờ của chúng sanh mà có vô số Tám, Điện dụ. cảnh giới không thật. Vì ánh sáng của điện chớp Luận nói: Ví như trò ảo thuật không tồn tại trong một sát na, để biểu diễn mọi thứ, cảnh giới nơi ví dụ tất cả các pháp hiện tại, giống chốn cũng giống như vậy, vì thể như điện chớp giữa bầu trời, có đó của khí thế gian vốn không có thật. bỗng nhiên mất

đó. Năm, Lộ dụ. Luận nói: Ví như điện chớp, Vì hạt móc đọng trên cây, cỏ không tồn tại được một sát na, các chẳng được bao lâu thì bị gió thổi pháp hiện tại cũng như thế. rơi xuống đất, để ví dụ thân giả dối (Tiếng Phạn là sát na, tiếng Hoa của chúng sanh, tuy là ở tạm cõi là nhất niệm). đời mà gió vô thường thổi rơi Chín, Vân dụ. xuống không biết lúc nào, biến mất Vì mây trời có thể làm mưa rơi, trong chốc lát. lại hay biến hiện không lường, để Sáu, Bào dụ. ví dụ thức A lại da chứa đựng các Bào là bọt nước. pháp của chúng sanh, có khả năng Vì bọt nước do ba yếu tố tụ giữ gìn vô số cảnh giới tương lai, điểm, nước và gió hợp lại thành, để biến hiện bất định. ví dụ căn, cảnh, thức là ba pháp hòa Luận nói: Ví như bóng mây, hợp thành chúng sanhh, mà có thọ các pháp ở tương lai, cũng như vậy dụng cảnh khổ, vui. đó; vì thức A lại da và tất cả pháp Luận nói: Ví như bọt nước và là căn bản chủng tử. những thọ, dụng của chúng sanh cũng như thế, do ba pháp căn, cảnh, TIỂU THỪA CỬU BỘ thức hợp thành. (Đại trí độ luận) (Căn, cảnh, thức là sáu căn, sáu trần, sáu thức tức là 18 giới). Bộ tức là bộ phận (môn, loại). Bảy, Mộng dụ.

Vì Phật nói kinh có Đại thừa, Tiếng Phạn là Kỳ dạ, tiếng Hoa Tiểu thừa không giống nhau, nên là Ứng cúng, còn gọi là Trùng tụng, chia ra 12 bộ và chín bộ riêng biệt. hoặc gọi là Kệ. Các kinh Tiểu thừa, ở trong 12 Vì ứng với văn trường hàng ở bộ, không có ba bộ: Phương quảng, trên, lặp lại nghĩa lý của phần ấy thọ ký, vô vấn tự thuyết; nên gọi là bằng hai câu, bốn câu, sáu câu, tám chín bộ. câu cho đến nhiều câu, đều gọi là Kinh Pháp hoa nói rằng: Pháp tụng. ta có chín bộ này, tùy thuận chúng Ba, Già đà. sanh mà nói, chính là ý này. Tiếng Phạn là Già đà, tiếng Hoa Tuy phân biệt nói là như thế, là Phúng tụng. nhưng nếu nói chung thì tất cả kinh Vì không tụng văn trường hàng đại, Tiểu thừa đều có đầy đủ 12 bộ. mà đọc thẳng vào phần kệ. Như (Không có kinh Phương đẳng là phẩm Không trong kinh Kim quang vì Phương đẳng là lý thường trụ minh, chính là ý này; còn gọi là Cô của Đại thừa; còn Tiểu thừa chỉ nói khởi, như phần A nan dùng kệ khen pháp sanh, diệt. ngợi Phật trong kinh Lăng nghiêm: Không có thọ ký là vì bậc Tiểu Diệu trạm tổng trì bất động tôn, … thừa chưa được làm Phật. chính là ý này. Không có vô vấn tự thuyết là vì (Vắng lặng, nhiệm mầu giữ gìn đối với bậc Tiểu thừa khi nói pháp tất cả của bậc đáng tôn quý Bất chỉ là mượn cớ. động). Mượn cớ: giả duyên làm bộ có Bốn, Ni đà la. hỏi, có đáp để mượn cớ mà nói). Tiếng Phạn là Ni đà la, tiếng Một, Tu đa la. Hoa là Nhân duyên. Tiếng Phạn là Tu đa la, tiếng Như trong các kinh, có người Hoa là Khế kinh. Khế là trên hợp hỏi nên Phật mới nói về việc ấy; với lý của chư Phật, dưới hợp với như trong luật có người phạm, Phật căn cơ của chúng sanh. mới đặt ra luật ấy. Tất cả những lời Kinh là pháp, là thường, là tên Phật nói đều có duyên sự khởi đầu chung của thánh giáo. Nay nói Tu thì gọi là nhân duyên; như phẩm đa la là văn trường hàng trong kinh. Hóa thành dụ trong kinh Pháp hoa Trường hàng là nói thẳng tướng nói về nhân duyên đời trước,… của các pháp, tùy theo nghĩa lý mà chính là ý này. có dài có ngắn, không ràng buộc Năm, Y đế mục đa. vào câu, chữ. Tiếng Phạn là Y đế mục đa, (Pháp là chúng sanh mười cõi tiếng Hoa là Bổn sự. đều tuân theo. Thường là ba đời Vì đức Như lai về các việc không thay đổi). nguyên nhân, sở hành của các vị Hai, Kỳ dạ. Bồ tát. Như trong kinh Pháp hoa nói về Bồ tát Dược vương đã từng

ở chỗ Phật Nhật nguyệt tịnh minh Vì Như lai nói pháp, vì những đức, vui mừng vì chứng được pháp, kẻ căn tánh chậm chạp, chưa thể nên mới đốt thân mình, đốt cánh hiểu ngay, nên mượn ví dụ để trình tay để cúng dường và thực hành bày rõ ràng hơn cho những người nhiều khổ hạnh để cầu đạo Bồ đề, ấy dễ hiểu. Đó gọi là ví dụ. Như chính là ý này. trong kinh Pháp hoa có hỏa trạch, Sáu, Đồ đa già. dược thảo, ... là ví dụ, chính là ý Tiếng Phạn là Đồ đa già, tiếng nghĩa này. Hoa là Bổn sanh. Chín, Ưu ba đề xá. Vì Như lai nói các việc thọ Tiếng Phạn là Ưu ba đề xá, sanh, nơi chốn của các vị Bồ tát và tiếng Hoa là Luận nghị. tự nói về việc tu khổ hạnh của Vì trong các kinh có việc vấn chính mình, khi còn làm Bồ tát. đáp, biện luận về các pháp; đó là Như kinh Niết bàn nói: Các vị Tỳ luận nghị. Như trong phẩm Đề bà kheo nên biết, ở quá khứ, ta làm đạt đa của kinh Pháp hoa, Bồ tát nai, làm beo, làm hươu, làm thỏ, Trí tích và Văn thù sư lợi gặp nhau làm vua nước nhỏ, làm chuyển luân luận bàn về diệu pháp, chính là ý thánh vương, làm rồng, làm xí điểu nghĩa này. để tu tập đạo Bồ tát phải thọ thân các loài như thế, chính là ý này. BỒ TÁT TU HÀNH CỬU Bảy, A phù đạt ma. CHỦNG SAI BIỆT Tiếng Phạn là A phù đạt ma, (Đại thừa tiếng Hoa là Vị tằng hữu, cũng gọi là Hy hữu. Như khi Phật vừa sanh trang nghiêm kinh luận). ra, liền đi bảy bước, chân vừa tiếp Một, Thiện hành sanh tử. đất thì có hoa sen mọc lên đỡ, Đạo nghiệp của Bồ tát được phóng ra ánh sáng lớn, chiếu khắp thành tựu là do giáo hóa hướng dẫn mười phương thế giới và nói lên lời loài hữu tình, tuy vào, ra trong sanh này: chính ta độ tất cả chúng sanh tử mà không bị sanh tử ô nhiễm và vượt qua sanh, lão, bệnh, tử. vướng mắc; ví như người bệnh Lúc ấy đại địa chấn động, trời uống thuốc đắng cay, chỉ vì trừ mưa nhiều loại hoa, cây cối phát ra bệnh tật mà không sanh lòng chán âm thanh tạo nên nhạc trời. Vô số ghét, vứt bỏ. những việc hy hữu như vậy, gọi là Hai, Thiện hành chúng sanh. chưa từng có. Lại nữa, bốn chúng, Đối với chúng sanh, Bồ tát khởi tất cả nghe những điều chưa từng tâm đại bi, nếu có bệnh khổ thường thấy, đều gọi là chưa từng có. hay cứu giúp, không lòng mỏi mệt; Tám, Bà đà. ví như lương y gần gũi người bệnh, Tiếng Phạn là Bà đà, tiếng Hoa tâm không chán nản và ghét bỏ. là Thí dụ. Ba, Thiện hành tự tâm.

Bồ tát có khả năng điều phục Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng tâm mình, phá trừ phiền não, tăng Hoa là Trí tuệ. trưởng bồ đê; ví như người có trí Bồ tát dùng trí thanh tịnh, chiếu giỏi dạy dỗ nô bộc ở trong nhà. soi tất cả các pháp ở thế gian, tâm Bốn, Thiện hành dục trần. không chút nghi ngờ; ví như những Bồ tát, tuy ở cõi trần nhiều ham người làm xiếc, biết tất cả việc ảo, muốn, nhưng không nhiễm ô và đều do ảo thuật mà thôi, tìm tòi sự vướng mắc, siêng năng tu tập phạm chân thật của những trò ảo thuật, hạnh, tăng trưởng giáo pháp; ví như không thể có được. thương nhân giỏi buôn bán, thu hoạch được nhiều lợi ích. CỬU BỆNH Năm, Thiện hành tam nghiệp. (Trường A hàm kinh). Bồ tát siêng năng tu tập ba nghiệp thân, khẩu, ý, suy tư, cố Kinh nói: Tuổi thọ của người khi gắng sao cho thanh tịnh; ví như tăng đến bốn vạn tuổi, thì người ấy người giặt y phục giỏi, không còn nghĩ rằng: do chúng ta tu tập việc dơ dáy, cáu bẩn. lành nên tuổi thọ mới lâu dài. Giờ Sáu, Thiện hành bất não chúng làm thêm một ít việc lành, như hiếu sanh. thảo, nuôi dưỡng cha mẹ, cung Đối với chúng sanh, Bồ tát kính, phụng sự sư trưởng thì tuổi thường khởi tâm thương xót. Tuy thọ kéo dài đến tám vạn

tuổi. Ngay có chúng sanh đối xử không tốt mà lúc ấy, con người đã có chín loại Bồ tát vẫn không sân hận, buồn bệnh. phiền; ví như cha lành thương yêu Một, Hàn bệnh. con nhỏ, tuy nó có làm cho dơ dáy, Vì con người, lạnh, ấm phải bẩn thỉu mà người cha vẫn không thích hợp, thì thân thể mới an vui. chán ghét. Nếu bị lạnh nóng bức bách thì con Bảy, Thiện hành tu tập. người bệnh hoạn sẽ rất nhiều. Bồ tát tu tập đạo Bồ đề, siêng Hai, Nhiệt bệnh. năng, hăm hở, tâm không gián Vì con người ấm, mát phải đoạn; ví như dùi cây tìm lửa, chưa thích nghi, thì thân thể mới ôn hòa, nóng thì không ngừng. khỏe mạnh. Nếu trúng phải nóng Tám, Thiện hành Tam muội. bức, độc hại thì con người bệnh Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng hoạn sẽ rất nhiều. Hoa là Chánh định, nghĩa là không Ba, Cơ bệnh. loạn động, không u mê, nên khiến Vì con người nhờ ăn uống mới cho công đức tăng trưởng; ví như nuôi thân thể được và các căn khỏe lấy tiền của cho người và người ấy mạnh. Nếu thiếu ăn thì con người giữ gìn lấy được lời về sau, mới thu suy yếu và rất nhiều bệnh hoạn. hoạch được lợi ích. Bốn, Khát bệnh. Chín, Thiện hành Bát nhã.

Vì con người phải nhờ nước thủ sự giáo hóa của tổ quốc, không uống mới nuôi dưỡng được thân làm những điều xấu, hay làm thể. Nếu thiếu nước uống, thì ruột, những điều lành thì mới có thể gan,… khô kiệt, con người mắc sống hết tuổi trời. Không như thế, nhiều bệnh hoạn. hay gặp phải những cái chết bất Năm, Đại tiện bệnh. ngờ. Có chín thứ chết này. Vì người nhờ ăn, uống mà giúp Một, Đắc bệnh vô y. ích cho các căn. Đưa thức ăn vào Vì người mắc bệnh tuy nhẹ, bụng thì thức ăn biến đổi, tiêu hóa, nhưng không thể chữa trị, không có trong thời gian ngắn có ích lợi cho thầy xem mạch; hoặc gặp lang thân thể. Nếu ăn, uống quá mức thì băm, bốc thuốc không đúng bệnh; sẽ sanh ra nhiều bệnh hoạn cho con lại còn không biết chánh pháp, chỉ người. tin vào tà ma ngoại đạo ở thế gian; Sáu, Tiểu tiện bệnh. thầy tà gian ác nói bậy họa phước Con người nên uống nước đung rồi sanh tâm sợ hãi; bói toán tốt, sôi để nguội để nuôi dưỡng sắc xấu giết chết chúng sanh cầu thần thân tươi nhuận. Sau khi uống vào linh, mong phước báo, muốn được bụng, chẳng bao lâu sẽ có ích lợi. sống lâu, rốt cùng chẳng được. Mất Nếu uống quá mức, thì sẽ sanh ra mạng như thế, đều gọi là hoạnh tử nhiều bệnh hoạn. (chết bất ngờ). Bảy, Dục bệnh. Hai, Vương pháp tru lục. Vì con người tham lam dâm Người làm việc sai trái, phạm dục thì hay bị ho lao, gầy yếu và vào luật pháp quốc gia, bị giết chết bệnh hoạn. bởi luật lệ của vua. Đó là hoạnh tử. Tám, Thao thiết bệnh. Ba, Phi nhân đoạt tinh khí. Thao thiết là tham ăn. Người, hoặc vui thú săn bắn, Người ta ăn uống để nuôi hoặc đam mê nhậu nhẹt, phóng dưỡng thân thể; nếu tham ăn quá túng vô độ; bất ngờ bị loài quỷ độ, thì hay sanh nhiều bệnh. quái, phi nhân hút hết tinh khí mà Chín, Lão bệnh. chết. Đó là hoạnh tử. Khi người tuổi đã cao thì sức Bốn, Hỏa phần. lực suy yếu; ăn, ở, nghỉ ngơi không Có người bị lửa đốt cháy mà hợp với thời tiết thì sanh ra nhiều mất mạng; đó là hoạnh tử. bệnh hoạn. Năm, Thủy nịch. Có người rơi xuống nước, chìm CỬU CHỦNG HOẠNH lĩm mất mạng; đó là hoạnh tử. TỬ Sáu, Ác thú đạm. (Kinh Dược sư). Có người vào trong rừng, bị cọp, beo, ác thú ăn thịt; đó là hoạnh Vì người sanh ra ở đời, thường tử. siêng năng tu tập pháp Phật, tuân Bảy, Đọa nhai.

Có người, từ bờ vực sâu, núi đức thiền định vắng lặng, trở thành cao rơi xuống đất mất mạng; đó là hoan lạc an trú. hoạnh tử. Năm, phục trú tâm. Tám, Độc dược chú trớ. Người tu hành, khi tu tập thiền Có người bị trúng độc, bị định, tâm không vắng lặng, lâu nguyền rủa, bị quỷ ma hảm hại mà sanh chán nản, tùy theo đó mà uốn mất mạng; đó là hoạnh tử. nắn cho thích hợp để càng thêm Chín, Cơ khát sở khốn. siêng năng. Có người bị đói khát bức bách, Sáu, Tức trụ tâm. khổ sở, không được ăn uống mà Người tu hành, khi tu tập thiền chết; đó là hoạnh tử. định, bỗng nhận ra trong tâm loạn động mà sanh ra lầm lỗi, trong thời CỬU TRÚ TÂM gian một niệm liền ngưng và dứt (Đại trang nghiêm kinh loạn động ấy. Bảy, Diệt trụ tâm. luận). Người tu hành, khi tu tập thiền Một, An trú tâm. định, hoặc do ngoại duyên, bỗng Người tu hành, khi tu tập thiền những niệm tham ái khởi lên, phải định hoặc sổ tức hoặc quán tâm, liền tỉnh táo, diệt đi bằng mọi cách, phải cốt vào một cảnh, niệm niệm không để cho chúng tăng trưởng. tương tục để tâm được an trú, Tám, Tánh trụ tâm. không cho tán loạn. Người tu hành, khi tu tập thiền Hai, Nhiếp trụ tâm. định, đã hay dứt hết các niệm sai Người tu hành, khi tu tập thiền lầm, thì biết tâm tánh xưa nay vốn định, nhiếp tâm an tịnh thì thiền thanh tịnh, sáng suốt an trụ một định có thể thành tựu. Nếu nhận ra cách tự nhiên. một niệm vừa máy động, liền nắm Chín, Trì trụ tâm. giữ lấy, khiến tâm được an trú. Người tu hành, khi tu tập thiền Ba, Giải trú tâm. định công hạnh đã thuần thục, an Người tu hành, khi tu tập thiền trú vào chánh định, không theo vận định, đã hiểu rõ tâm giác quán, hành của tác ý mà gìn giữ điều vướng mắc bên ngoài rất nhiều, thiện cho không mất và gìn giữ liền thu lại cho tâm được an trụ. việc ác cho không sanh. (Tâm vừa mới duyên với cảnh gọi là giác. CỬU TRAI NHẬT Tâm nhỏ nhiệm phân biệt thiền (Thích thị yếu lãm và vị gọi là quán). Bốn, Chuyển trụ tâm. kinh Tứ thiên vương). Người tu hành, khi tu tập thiền Trai giống như giới. Quá ngọ định, giác tâm đã dứt, không còn không ăn là trai. dao động lầm lạc, chứng được công

Vì ngoại đạo cho rằng suốt để quán sát việc làm thiện, ác của ngày không ăn là giới. Người ở đời con người. ăn uống vô độ, buông lung xả láng. ở phía bắc có vua trời Tì Sa Cả hai đều không phải là trung đạo. môn tuần sát bốn châu; tháng năm Phật dạy Tỳ kheo: một ngày ăn đến châu phía nam, cũng dùng kính một bữa để đời sống thanh tịnh, như thế chiếu soi, nên người ở châu thân tâm ngay thẳng trang nghiêm, này, vào tháng này, nên ăn chay, tập thiền, tu đạo là những pháp tu giữ giới, làm lành. thông thường hàng ngày, không kể (Tiếng Phạn là Thiện bộ, tức ngày, tháng. châu Diêm phù đề, tiếng Hoa là Nay đề cập đến ba tháng: châu Thắng kim. Giêng, năm, chín và mỗi tháng sáu Tiếng Phạn là Tì Sa môn, tiếng ngày và chín ngày trai là vì lý do Hoa là Đa văn. sau: Trời Đế thích và Tứ thiên Bốn châu là phía đông, châu vương vào ngày, tháng đó đi thị sát Phất vu đãi, phía nam, châu Diêm việc thiện, ác của con người. Người phù đề; phía tây, châu Cù da ni; nên ăn chay, giữ giới để tu phước phía bắc, châu Uất đơn việt. lành; đó cũng là lúc Như lai tùy cơ Tiếng Phạn là Cù da ni, tiếng duyên mà giáo hóa cho chúng sanh Hoa là Ngưu hóa. Tiếng Phạn là bằng phương tiện khéo léo. Uất đơn việt, tiếng Hoa là Thắng Một, Tháng giêng. xứ. Tiếng Phạn là Phất vu đãi; tiếng Trời Đế thích dùng kính báu Hoa là Thắng. lớn, vào thánh giêng, rọi xuống Ba, Tháng chín. châu phía nam Thiệm bộ để quan Trời Đế thích dùng kính báu sát việc lành, việc dữ do

con người lớn, từ tháng chín chiếu xuống châu làm ra. ở phương bắc, lại có vua phía nam Thiệm bộ, ba châu còn lại trời Tì Sa môn tuần tra bốn châu, tuần tự chiếu rọi vào tháng sáu, cũng dùng kính như trên soi rọi bảy, tám đến tháng chín lại chiếu kiểm tra, nên người cõi nam châu, xuống châu phía bắc để xem xét vào tháng này, nên ăn chay, giữ việc thiện ác, của con người. giới, làm việc lành. Vua trời Tì Sa môn, phía bắc, Hai, Tháng năm. tuần tra bốn châu, cũng dùng kính Trời Đế thích dùng kính báu như thế để quan sát, nên người ở lớn, từ tháng giêng rọi xuống châu những châu này, trong những tháng Nam thiệm bộ; tháng hai rọi xuống này phải ăn chay, giữ giới, làm châu phía tây Cù da ni; tháng ba rọi lành. xuống châu phía bắc Uất đơn việt, (Phần trên là ba tháng trường tháng bốn rọi xuống châu phía trai của một năm). đông Phất vu đãi; cho đến tháng Bốn, Mỗi nguyệt sơ bát nhật. năm lại chiếu xuống châu phía bắc Trời Đế thích xuống chiếu Tứ thiên vương, mỗi vị cai trị một

phương, đến ngày này truyền cho như ngày rằm (Phần trên là sáu các phụ thần đi quan sát thiện, ác ngày trai). người dân ở thế gian. Vào ngày này, con người nên làm lành. Đó NGOẠI ĐẠO KẾ CỬU CHẤP gọi là trai nhật. SANH THẾ GIAN Năm, Mỗi nguyệt thập tứ nhật. (Hoa Ngày này, Tứ thiên vương truyền cho bốn thái tử đi
quan sát nghiêm kinh Tùy sớ diễn nghĩa thiên hạ, xem xét việc thiện, ác của sao). nhân dân. Vì ngoại đạo không hiểu pháp Vào ngày này, người nên làm vốn không sanh, cũng không diệt; lành. Đó gọi là trai nhật. nhân, duyên hợp tạm gọi có sanh, Sáu, Mỗi nguyệt thập ngũ nhật. diệt là tùy duyên, vốn không có tự Vào ngày này, Tứ thiên vương tánh; chẳng phải theo tình cảm, tính tự mình đi xem xét thiên hạ coi có toán mà chỉ là chấp chặt lấy giả kẽ nào thương yêu, hiếu thảo với danh, rồi cho rằng mộtvật mà có cha mẹ, cung kính Tam bảo và tôn thể sanh ra muôn vật trong thế gian. trọng bậc trưởng thượng và những Vì vậy có chín loại nghị luận về tà người tu hành theo lục độ, thì chư kiến. thiên rất mừng vui, ban cho điềm Một, Chấp thời. lành, cho phước lộc và tăng thêm Thời tức là thời gian. tuổi thọ. Ngược lại, người nào Vì ngoại đạo chấp rằng muôn không tu tập việc lành, không giữ vật sanh ra đều theo thời gian; như giới, chỉ biết tạo nghiệp ác, thì chư trồng cây cối phải có thời gian; mới thiên buồn phiền, giáng xuống sanh ra quả, có thời gian không những điềm chẳng lành, giảm bớt sanh; rồi cho rằng do thời gian tác phước lộc, trừ đi tuổi thọ. dụng vào. Khi chậm khi nhanh, Bảy, Mỗi nguyệt nhị thập tam cành nhánh của những cây ấy, theo nhật. thời gian mà tốt tươi hay khô héo. Vào ngày này, Tứ thiên vương Thời gian rất là vi tế, không thể sai phụ thần quán sát thế gian, thấy được, nhờ thời tiết, hoa quả giống như ngày mùng tám. các loại cây, nên biết có thời gian. Tám, Mỗi nguyệt nhị thập cửu Vì thế, chấp thời gian là thường nhật. còn, là duy nhất, là nguyên nhân Vào ngày này, Tứ thiên vương của vạn vật, là nguyên nhân của sai thái tử quán sát thế gian, giống Niết bàn. như ngày mộtbốn. Hai, Chấp phương. Chín, Mỗi nguyệt tam thập Phương tức là phương sở (nơi nhật. chốn). Vào ngày này, chính Tứ thiên Vì luận sư về phương sở cho vương đi tuần tra, quan sát, giống rằng, bốn phương đông, tây, nam,

bắc đều có thể sanh ra con người; Vì ngoại đạo Thuận thế chấp người sanh ra trời đất. Sau khi diệt bốn đại là đất, nước, gió, lửa là mất rồi trở về nhập vào phương sở. chủng tử là nguyên nhân sanh ra Bởi vậy, gọi là khắp cõi hư vạn vật, nên cho là vạn vật trong

không, chính là phương, là sở. Tất thế gian từ bốn đại sanh ra, sau khi cả con người, sinh vật, hoặc sống, mất đi trở về với bốn đại. Như hoắc chết, không rời khỏi phương tướng rắn cứng của thân căn là đất, sở. Ví thế, chấp phương là thường tướng ẩm thấp là nước, tướng nóng còn, là duy nhất, là nguyên nhân là lửa, tướng động là gió, mới biết của vạn vật, là nguyên nhân của rằng thân thể và vạn vật không xa Niết bàn. lìa bốn đại. Vì thế, chấp bốn đại là Ba, Chấp vi trần. thường còn, là duy nhất, là nguyên Vi trần là hạt bụi rất nhỏ. nhân của vạn vật, là nguyên nhân Vì luận sư Lộ già da cho rằng của Niết bàn. các pháp sắc, tâm… đều được sanh Sáu, Chấp thần ngã. ra từ vi trần. Tứ đại nhỏ nhất là Thần ngã là ngoại đạo chấp thường còn, có thể sanh ra thô sắc. thức thứ tám tàng thức làm thần Tuy là ở nhỏ nhất mà thể thì thật ngã. có. Các vật to lớn ở thế gian thì vô Vì ngoại đạo Ca tì la luận về thường nhưng cái nhân nhỏ nhất thì chủ của 25 đế, cho rằng vừa bắt không hư hoại. Vì thế, chấp cực vi đầu tối tăm tức là minh đế sanh ra là thường còn, là duy nhất, là giác (hiểu biết, tứ giác sanh ra ngã nguyên nhân của vạn vật, là nguyên tâm (tâm của ta), từ ngã tâm sanh nhân của Niết bàn. ra năm trần: Sắc, thanh, hương, vị, (Tiếng Phạn là Lộ già da, tiếng xúc; từ năm trần sanh ra năm đại: Hoa là thuận thế). Đại, thủy, hỏa, phong, không; từ Bốn, Chấp không. năm đại sinh ra 11 căn nhãn, nhĩ, tỉ, Không tức là hư không. thiệt, thân, ý, thủ, túc, khẩu, đại di, Vì luận sư Khẩu lực chấp hư tiểu di và thần ngã, công lại 25 đế. không là nguyên nhân của vạn vật, 24 đế ở trước từ thần ngã sanh ra, cho rằng từ hư không sanh ra gió, dựa vào thần ngã làm chủ. Vì thần từ gió sanh ra lửa, từ lửa sanh ra ngã thường hiểu biết rõ ràng, an ổn ấm, từ ấm sanh ra nước, từ nước ở đó, thường còn không hư hoại, sanh ra băng, băng cứng thành đất, giữ gìn các pháp. Vì thế chấp thần đất sanh ra ngũ cốc, ngũ cốc sanh ngã là thường còn, là duy nhất, là ra mạng sống, mạng sống mất rồi nguyên nhân của vạn vật, là nguyên trở về hư không. Vì thế, chấp hư nhân của Niết bàn. không là thường còn, là duy nhất, (Tiêng Phạn là Ca tì la, tiếng Hoa là nguyên nhân của vạn vật, là là Hoàng sắc, vì đầu của ông màu nguyên nhân của Niết bàn. vàng, tác giả của Tăng khư luận. Năm, Chấp đại chủng.

Minh sơ cũng gọi là Minh đế; trời Tự tại là nguyên nhân sanh ra vì ông tu theo ngoại đọa, có thể vạn vật. Vì trời này có bốn đức: 1) quán sát thấy việc của tám vạn Thể chân thật; 2) Biến (bao trùm); kiếp, tám vạn kiếp về trước thì mờ 3) Thường; 4) Hay sanh ra các mịt không thấy được. pháp. Lại rằng trời này có ba thân: Giác tức là tri giác. Ngã tâm tức 1) Pháp thân: thể bao trùm tất cả, là tâm ngã mạn của ngoại đạo). lượng bằng hư không; có khả năng Bảy, Chấp thắng diệu. sanh ra vạn vật; 2) Thọ dụng thân: Thắng diệu là trời Na la diên rất vì ở trên cõi sắc; 3) Biến Hóa thân: là tuyệt vời. vì tùy theo hình tướng của chúng Vì luận sư Vi đà cho rằng trời sanh trong sáu đường mà biến hiện Na la diên có thể sanh ra bốn chủng thân hình để giáo hóa chúng. Vì tánh. Bà la môn sanh ra ở miệng, thế, chấp trời này là thường còn, là Sát lợi sanh ra ở hai cánh tay, Tì xá duy nhất, là nguyên nhân của vạn sanh ra ở hai bắp đùi, Thủ đà la vật, là nguyên nhân của Niết bàn. sanh ra ở hai ống chân. (Trời Sắc cứu cánh là trời thứ Vì ở trong rốn Na la diên mọc 18 ở cõi sắc. lên hoa sen lớn. Trên hoa sen sanh Đồ thán là lấy than tro trét vào ra Phạm thiên. Phạm thiên có khả thân mình, một hình thức tu khổ năng sanh ra vạn vật, ông trời này hạnh). là chủ cõi Phạm thiên, rất là vượt Chín, Chấp Đại phạm

thiên. bậc và tuyệt vời. Vì thế cho ông Đại Phạm thiên là trời Sơ thiền trời này là thường còn, là duy nhất, ở cõi sắc, tức là ông trời mà luận sư là nguyên nhân của vạn vật, là Vi đà chấp ở trên. nguyên nhân của Niết bàn. Trời Na la diên có khả năng (Tiếng Phạn là Na la diên, tiếng sanh bốn chủng tộc, lại từ rốn mọc Hoa là Câu tỏa lực, còn gọi là Kiên lên hoa sen lớn. Trên hoa sen là cố. ông tổ của Phạm thiên. Phạm thiên Tiếng Phạn là Vi đà, tiếng Hoa hay sanh các vật có mạng sống và là Trí luận. không có mạng sống. Vì thế cho Tiếng Phạn là Bà la môn, tiếng trời này là thường còn, là duy nhất, Hoa là Tịnh hạnh. Tiếng Phạn là là nguyên nhân của vạn vật, là Sát đế lợi, tiếng Hoa là Điền chủ. nguyên nhân của Niết bàn. Tiếng Phạn là Tì xá, tiếng Hoa là Thương cổ. Tiếng Phạn là Thủ đà CỬU CHỦNG CHUYỂN la, tiếng Hoa là Nông dân). BIẾN Tám, Chấp tự tại thiên. Tự tại thiên là trời Sắc cứu (Lăng già kinh). cánh, làm chủ 3000 thế giới.
Trời này đồ thán ngoại đạo và Chuyển tức là vận động. Biến giai cấp Bà la môn đều cho rằng tức là thay đổi. Đó là ngoại đạo lầm

lẫn cho rằng chín loại hình tướng nhân sẽ vẫn như cũ, bèn cho là biến đều thay đổi, không hề bất động. đổi. Vì ngoại đạo không hiểu vạn Năm, Kiến chuyển biến. pháp từ duyên sanh, vốn chẳng có Mắt có khả năng thấy sắc gọi là tự tánh. Tất cả cảnh giới sanh, diệt Kiến. đều do tâm, lại cho rằng có, không Ngoại đạo cho rằng thấy theo rồi thành tà chấp. vật mà thay đổi, chưa hề đứng yên, Như lai lo cho chúng sanh vào rồi cho cái thấy biến đổi. thời mạt thế rơi vào những hiểu Sáu, Tánh chuyển biến. biết lầm lạc này, nên ở hội Lăng Tánh tức là căn tánh. già, đáp lại Bồ tát Đại huệ mà nói Ngoại đạo cho rằng tự tánh theo chín loại tướng do tà chấp mà có. nghiệp trôi lăn, sanh hoài không (Tiếng Phạn là Lăng già, tiếng ngừng, vô cùng vô tận, rồi cho rằng Hoa là Bất khả vãng: Không thể tánh ấy biến đổi. đến). Bảy, Duyên phần minh chuyển Một, Hình xứ chuyển biến. biến. Hình xứ tức là nơi hình thể của Duyên tức là tất cả những gì các căn do tứ đại hợp thành. vướng mắc vào tự tướng. Phần Ngoại đạo thấy hình thể ấy, minh là thấy đến chỗ sáng suốt. thay đổi theo thời, tàn tạ không Ngoại đạo thấy tất cả sự tướng thường còn, rồi cho là chúng biến nhân duyên, rành rẽ, thấu hiểu, rồi đổi. cho rằng có sự biến đổi. Hai, Tướng chuyển biến. Tám, Sở tác phần minh chuyển Tướng tức là tướng sanh, diệt biến. của các pháp. Sở tác tức là tất cả những gì Ngoại đạo thấy khoảng giữa hai được làm ra. niệm, tướng sanh, trụ, diệt trôi mãi Ngoại đạo thấy tất cả những gì không ngừng, rồi cho rằng đó là được làm ra ở thế gian một cách rõ biến đổi. ràng, thấu suốt; sanh diệt không Ba, Nhân chuyển biến. chừng, rồi cho rằng những thứ ấy Nhân tức là nguyên nhân làm biến đổi. ra. Chín, Sự chuyển biến. Ngoại đạo nhận thấy tất cả Sự tức là những thứ hữu vi ở nguyên nhân làm ra, từ từ đưa đến đời. kết quả, rồi lại trợ giúp cho nhân, Ngoại đạo thấy việc đời thay cho đó là biến đổi. đổi không lường, rồi cho đó là Bốn, Thành chuyển biến. chúng luôn đổi mới. Thành tức là quả đã thành tựu. Ngoại đạo thấy quả nhờ nhân mà thành, thành rồi ắt phải hư hoại;

QUỶ PHẦN CỬU LOẠI Loại quỷ này hơi thở trong miệng ra rất hôi thúi hơn cả phẩn (A tì đạt ma thuận dơ, tự xông ướp mùi hôi thúi, nôn chánh lý luận). mửa vung
vãi. Nếu gặp thức ăn, Thẳng xuống phía nam của thức uống cũng không thể ăn được, châu Nam thiệm bộ, sâu hơn 500 thường bị đói khát, làm cho chúng do tuần, có đô thị của vua Diễm buồn bực, tức giận. (ba loại trên là ma, chiều đứng cũng như chiều quỷ

không có tài sản). ngang như nhau. Ở đó có ba loại Bốn, Châm mao quỷ. quỷ: 1)Vô tài (không tiền của); 2) Lông của loài quỷ này, rất Thiểu tài (ít tiền của); 3) Đa tài cứng, rất sắc bén, không thể lại gần (nhiều tiền của). và đụng vào, lông ấy tự đâm vào Vô tài lại có ba thứ: 1) Cự thân thể nó, ngoài thể bắn vào thân khẩu; 2) Châm khẩu; 3) Xú khẩu. thể kẻ khác, giống như con nai Thiểu tài cũng có ba thứ: 1) Châm trúng tên, chất độc làm cho chạy mao; 2) Xú mao; 3) Anh quỷ. Đa điên cuồng, đau nhứt không chịu tài cũng có ba thứ: 1) Hy tự; 2) Hy nổi, khi gặp phải dơ dáy, thiếu khí;) Đại thế. Tổng có chín loại. người giúp đỡ, đói, khát. (Tiếng Phạn là Thiệm bộ, tức Năm, Xú mao quỷ. Diêm phù đề, tiếng Hoa là Thắng Lông của loài quỷ này thúi còn kim châu. hơn phân ô uế, xông ướp vào thịt, Tiếng Phạn là Diễm ma, tiếng xương, chưng cất vô tận ruột gan, Hoa là Tịnh tức). ộc hơi lên cổ họng, nôn ọe ra tràn Một, Cự khẩu quỷ. lan, độc hại khó chịu; bị chộp lấy Vì trong miệng của quỷ này thân thể, vặn tréo nhổ lông, do thịt thường phun ra lửa dữ, bừng bừng rách nát tổn thương, càng thêm khổ không thôi. Còn thân hình của nó sở; luôn gặp dơ dáy, đói khát không thì bị đốt cháy phừng phừng, như ai giúp đỡ. cây cọ khô; bởi nhân kiếp trước của Sáu, Anh quỷ. nó quá bỏn xẻn, nên chịu quả khổ Quỷ này do nghiệp ác, ở yết như thế. hầu mọc ra một cái bướu, giống Hai, Châm khẩu quỷ. như mục ghẻ, nóng bức đau đớn. Vì quỷ này bụng lớn như hang hai tay bị thúc ké lại, mùi hôi thúi của quả núi, cổ nhỏ như lỗ kim; tuy xông lên, giành nhau mà ăn, nhưng trông thấy nhiều thứ thức ăn, thức ít khi được no đủ. uống cao lương, mỹ vị, nhưng Bảy, Hy tự quỷ. không thể nuốt qua khỏi cổ, nên đói Vì loại quỷ này luôn chờ mong khát khôn cùng, phải tự chịu khổ các nơi thờ tự người ta cúng tế cho, sở. từ nhiều nơi đi đến, giống như chim Ba, Xú khẩu quỷ. bay liệng trong bầu trời, đi, về, thoải mái, không chút trở ngại. Nhờ

đời trước cất giữ tài sản, mà tâm Vì tâm trong một niệm của thường keo kiệt, không hay bố thí, chúng sanh, duyên với cảnh trần, nên sanh vào loài quỷ này. Lại do tùy theo tướng mà có chín loại, đời trước có sự mong cầu rằng nếu giống như bánh xe xoay vòng; giáp chết đi thì con, cháu cúng giỗ để ta vòng trở lại khởi điểm, không chút có đủ thức ăn, thức uống, nên làm dừng nghỉ; nên gọi là chín thứ tâm quỷ này. Chỗ ở của chúng thì dơ xuất hiện thành một vòng tròn bánh bẩn, xa xôi, chỉ mong sao con cháu xe. nhớ đến ngày cúng tế, giỗ chạp. Một, Hữu phân tâm Tám, Hy khí quỷ. Hữu phân tức là tâm vốn có sự Vì loài quỷ này mong cầu phân chia. người ta vứt đồ ăn thừa thải để Vì chúng sanh, khi vừa thọ được ăn no bụng; vì đời trước keo sanh, tâm tuy chưa có thể phân kiệt, nên mới ăn, uống những nơi biệt, cũng có phần nhậm vận duyên như vậy; hoặc thấy những thứ bẩn cảnh một cách tự nhiên. thỉu, hoặc lại không thấy những gì Hai, Năng dẫn phát tâm. hết, hoặc thích những đồ vật sạch Vì tâm trong một niệm này, đối sẽ, rồi lại thấy chúng dơ dáy. với cảnh bị duyên đã có thể dẫn Loại quỷ này, tùy theo nghiệp đến phân biệt, thì đã soi rõ trong, đời trước nhiều, ít khác nhau, thức ngoài, nên mọi thứ đều thấy rõ ăn mong cầu có khi được đầy đủ. ràng. Chín, Đại thế quỷ. Ba, kiến tâm. Vì các Dược xoa, La lỵ bà, Vì tâm của một niệm này đối Cung bàn trà hoặc nương rừng cây, với cảnh sở duyên đã có thể đưa hoặc ở trong đình miếu, hoặc ở đến phân biệt thì soi thấu trong trong hang núi, hoặc ở cung điện ngoài và thấy rõ tất cả. trong không, hưởng thọ giàu có vui Bốn, Tầm cầu tâm. vẻ bằng với trời. Thế lực của

loài Vì trong một niệm, đối với cảnh này lớn lắm. đã thấy rõ ràng, thì khởi lên mong (Tiếng Phạn là Dược xoa, cũng mỏi, tìm kiếm. gọi là Dạ xoa, tiếng Hoa là Dũng Năm, Quán triệt tâm. kiện. Vì tâm trong một niệm, đối với Tiếng Phạn là Cung bàn trà, tức cảnh đã hay tìm kiếm, thì quán là Cưu bàn trà, tiếng Hoa là Ứng thông, toàn triệt, biết thiện, ác, tốt, hình) xấu. Sáu, An lập tâm. CỬU TÂM THÀNH Vì tâm trong một niệm, đối với LUÂN cảnh đã thấu rõ thiện, ác mới có (Tông cảnh lục) khả năng thiết lập ngôn ngữ, phân biệt phải, trái. Bảy, Thế dụng tâm.

Vì tâm trong một niệm, đối với tà mạn, làm nhiều việc ác; nên bị thiện, ác đã an lập, mới khởi lên tác khổ sống, chết ở đời sau vây hảm, dụng. trôi nổi trong ba cõi, không thể xa Tám, Phản duyên tâm. lìa. Đó gọi là kiêu ngạo cột chặt. Vì tâm trong một niệm này, tác (Mạn là cùng loại kiêu căng. động đã nổi lên, liền bỏ bê đạo Quá mạn là tương tợ nhau mà cho nghiệp, quay lại duyên với việc đã mình hơn. Mạn quá mạn là kẻ kia làm. vốn hơn mình mà cố cho mình hơn. Chín, Hữu phân để tâm. Ngã mạn là ỷ minh hơn xem Vì tâm trong một niệm đã xoay thường người. Tăng thượng mạn là lại duyên với việc đã làm, lại trở về pháp chưa chứng được mà cho thể hữu phân như lúc ban đầu, và mình chứng được. Hạ liệt mạn là nhậm vận duyên cảnh một cách tự mình vốn không có khả năng mà lại nhiên, tương tục không ngừng. khoe khoang. Tà mạn là chấp chặt những hiểu biết sai trái, khinh CỬU KẾT thường, kiêu ngạo với người khác). (A tì đạt ma tập luận). Bốn, Vô minh kết. Vì các chúng sanh bị vô minh Kết tức là cột. che lấp, đối với khổ đế, tập đế Vì tất cả chúng sanh, do phiền không thể hiểu nổi, làm nhiều việc não lầm lạc này, làm nên các ác; nên bị khổ sống, chết đời sau nghiệp mà thành khổ đau trói buộc vây hảm, trôi nổi trong ba cõi, trôi nổi trong ba cõi, không thể xa không thể xa lìa. Đó gọi là vô minh lìa, nên gọi là cột. cột chặt. Một, Ái kết. Năm, Kiến kết. Vì các chúng sanh bị tham lam, Vì các chúng sanh bị thân kiến, ái nhiễm, làm nhiều việt chẳng biên kiến, tà kiến khởi lên sai lầm, lành; nên bị khổ sống, chết ở đời chấp trước, làm nhiều việc ác; nên sau vây hảm, trôi nổi trong ba cõi, bị khổ sống, chết đời sau vây hảm, không thể xa lìa. Đó gọi là yêu trôi lăn trong ba cõi, không thể ra thương cột chặt. khỏi. Đó gọi là kiến cột chặt. Hai, Khuể kết. (Thân kiến là ở trong thân năm Vì các chúng sanh bị sân hận, ấm, cố dựng lên chủ tể rồi cho đó là làm nhiều việc ác; nên bị khổ sống, ngã (ta) và dính chặt lấy. Biên kiến chết ở đời sau vây hảm, trôi nổi là với những gì thấy trong thân cho trong ba cõi, không thể xa lìa. Đó là chết rồi hết hay chết rồi còn mãi. gọi là nóng giận cột chặt. Chấp như vậy gọi là chấp một bên. Ba, Mạn kết. Tà kiến là chấp có, chấp không Vì các chúng sanh bị kiêu ngạo hoặc không tin nhân quả). (mạn), quá mạn, mạn quá mạn, ngã Sáu, Thủ kết. mạn, tăng thượng mạn, hạ liệt mạn, Thủ tức là giữ lấy.

Vì các chúng sanh, đối với kiến TAM GIỚI CỬU ĐỊA thủ, giới thủ sai lầm chấp trước, (Thích thị yếu lãm). làm nhiều việc ác; nên bị khổ sống, chết ở đời sau vây hảm, trôi lăn trong ba cõi, không thể ra khỏi. Đó Năm cõi ở Dục giới gọi là Tạp gọi là thủ cột chặt. cư một địa. (Kiến thủ là thân kiến, biên Tứ thiền ở Sắc giới chia ra làm kiến, tà kiến. Ngoại đạo vướng mắc bốn địa. các tà kiến này cho là chánh kiến. Tứ không ở Vô sắc giới chia ra Giới thủ là ngoại đạo lầm cho làm bốn địa. Tổng cộng là chín địa. rằng thân này từ trâu, cho đời trước Địa có nghĩa là giữ gìn, chuyên đến đầu thai, nên ăn cỏ,

đồ dơ bẩn; chở. Chúng sanh nương đây mà ở. cứ như thế mà lầm cho đó là giữ chín địa này từ trời Đao lợi xuống giới). đến bốn cõi (thú) đều ở trên mặt Bảy, Nghi kết. đất; từ trời Dạ ma lên đến trời Phi Vì các chúng sanh, đối với Tam phi tưởng đều có trong không bảo Phật, Pháp, Tăng, sanh tâm trung. Theo chỗ ở đặt tên, nên gọi nghi ngờ lầm lạc, không tu hạnh là địa. chân chánh, làm nhiều việc ác; nên Một, Ngũ thú tập cư địa. bị khổ sống, chết ở đời sau vây Ngũ thú tức là Dục giới có sáu: hảm, trôi lăn trong ba cõi, không trời, người, ngạ quỷ, súc sanh, địa thể ra khỏi. Đó gọi là nghi cột chặt. ngục. Vốn là sáu cõi, nhưng A tu la Tám, Tật kết. chung với những cõi khác, nên chỉ Vì các chúng sanh ham mê lợi nói có năm. dưỡng, thấy người khác giàu sang, Tạp cư là năm thú, tuy quả báo tâm nổi lên ganh ghét, làm nhiều khổ, vui không giống nhau, nhưng việc ác; nên bị khổ sống, chết ở đời đều ở Dục giới. sau vây hảm, trôi lăn trong ba cõi, (sáu trời ở Dục giới là trời Tứ không thể ra khỏi. Đó gọi là tật kết. thiên vương, trời Đao lợi, trời Dạ Chín, Xan kết. ma, trời Đâu suất, trời Hóa lạc, trời Vì các chúng sanh ham mê lợi Tha hóa tự tại. dưỡng, với cuộc sống đầy đủ, sung Tiếng Phạn là A tu la, tiếng túc mà tâm keo kiệt, không hề bố Hoa là Vô đoan chánh). thí, lại làm nhiều việc ác; nên bị Hai, Ly sanh hỷ lạc địa tức là khổ sống, chết ở đời sau vây hảm, trời Sơ thiền ở Sắc giới. Vì trời này trôi lăn trong ba cõi, không thể ra đã xa lìa ác pháp ở Dục giới; chứng khỏi. Đó gọi là xan kết. được thiền định giác quán; thân tâm vắng lặng nên sanh hỷ lạc. Ở trong này, tất cả khổ não đều không thể bức bách các vị trời ấy.

(Tâm ban đầu vừa duyên với trong định này, tâm sáng suốt, cảnh gọi là giác. Tâm tinh tế phân thanh tịnh, vô ngại tự tại. biệt thiền vị gọi là quán). Bảy, Thức vô biên xứ địa. Ba, Định sanh hỷ lạc địa. Thức vô biên xứ địa là trời Đệ Định sanh hỷ lạc địa tức là trời nhị ở Vô sắc giới. Vì trời này chán Nhị thiền ở Sắc giới. Vì trời này đã không xứ vô biên, chuyển tâm sang xa lìa động và tán của giác quán, duyên thức, cùng với thức tương nhiếp tâm tại định lặng lẽ, yên tịnh, ưng, tâm an định không động. Thức nên sanh được niềm vui an lạc của của ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) định lực vượt bực. Ở trong định đều hiện trong định. Ở trong định này, giống như từ trong nhà tối đi này thanh tịnh, vắng lặng. ra, thấy được ánh sáng mặt trời, Tám, Vô sở hữu xứ địa. mặt trăng, bàng bạc thấu suốt. Vô sở hữu xứ địa tức là trời Đệ Bốn, Ly hỷ diệu lạc địa. tam ở Vô sắc giới. Vì trời này chán Ly hỷ diệu lạc địa tức là trời không vô biên thức xứ, ba đời trôi Tam thiền ở Sắc giới. Vì trời này lăn trong giới hạn; buông bỏ hai xứ đã xa lìa cái vui của trời Nhị thiền này, và vào định vô sở hữu xứ. Ở (vui đến độ làm cho bất giác nhảy trong định này, vắng lặng yên vui, cẳng lên); nhờ nhiếp tâm để quán các tưởng không nổi lên. (quán sát thật kỹ) hoàn toàn vào Chín, Phi phi tưởng xứ địa. định và chứng được niềm vui vượt Phi phi tưởng xứ địa là chẳng bậc mầu nhiệm. Ở trong định này, phải có tưởng trước thức xứ, chẳng các pháp an vui lớn mạnh, lan tỏa phải không tưởng vô sở hữu xứ; tức khắp châu thân. là trời Đệ tứ ở Vô sắc giới. Vì trời Năm, Xả niệm thanh tịnh địa. này chán vô sở hữu xứ, giống như Xả niệm thanh tịnh địa là trời si mê, nên buông bỏ mà vào định Tứ thiền ở Sắc giới. Vì trời này đã phi phi tưởng xứ. Ở trong định này, buông bỏ hỷ của nhị thiền và lạc không thấy tướng có, tướng không, của tam thiền, tâm không còn vắng lặng hoàn toàn, thanh tịnh vô thương, ghét, một niệm bình đẳng, vi. trong veo không xen tạp. Ở trong định này như bầu trời sáng

trưng, CỬU TƯỞNG vắng lặng, vạn tượng đều rõ ràng (Thiền ba la mật môn). trước mắt. Sáu, Không vô biên xứ địa. Phật vì chúng sanh tham đắm Không vô biên xứ địa tức là trời năm dục ở thế gian, cho đó là tốt Đệ nhất ở Vô sắc giới. Vì trời này đẹp nên đam mê, lầm lạc, sống chết đã chán sự trở ngại của sắc chất ở luân hồi, không có ngày ra khỏi. Vì Sắc giới, không được tự tại, nên vậy, bảo tu chín thứ pháp bất tịnh gắng công tu hành, diệt trừ tất cả sở này, khi tưởng và niệm đã thuần tướng và vào định hư không xứ. Ở thục, thì tâm không còn phân tán.

Nếu được Tam muội thành tựu, thì Bốn, Huyết đồ mạn tưởng. ham muốn, tự nhiên, hết sạch; hoặc Vì người tu hành đã quán sát nghiệp không còn, chứng được đạo thây ma tan rã, lại quán cái thây ấy quả. từ đầu tới chân, khắp thân máu hôi Chín loại này, tuy là tưởng hám chảy tràn ra, tanh dơ vương tượng không thật, mượn làm cớ vãi. Đó là tưởng thây ma máu mủ quán sát; nhưng công dụng của nó chảy tràn lan, mùi hôi tanh nồng thì rất to lớn. Ví như thây ma trong nặc xông lên. biển cả, người sắp chết chìm, nhờ Năm, Nùng lạn tưởng. bám vào nó, mà được cứu thoát. Vì người tu hành đã quán sát dơ Một, Phàng trướng tưởng. bẩn, tanh hôi rồi, quán sát lại thây Vì người tu hành, tâm tưởng ma nữa, chín lỗ trên thân, giòi, mủ thây ma, thấy nó phình to, giống chảy ra; da, thịt, tan rã, thịt vung như cái túi bằng da gió thổi vào, vãi khắp nơi, hôi tanh khó ngửi mỗi phồng to lên; khác hẳn tướng ban lúc một tăng lên. Đó là mủ tanh hôi đầu. Đó là tưởng thây ma sình lên. của thây ma. Hai, Thanh ứ tưởng. (chín lỗ là hai mắt, hai lỗ tai, Vì người tu hành, đã quán thây hai lỗ mũi, đại tiện, tiểu tiện, ma sình chương lên rồi, lại tiếp tục miệng). quán sát, gió thổi, ánh nắng mặt Sáu, Trùng hám tưởng. trời rọi xuống cái thây ấy, da, thịt Vì người tu hành đã quán sát biến dần từ vàng sang đỏ; bên trong máu mủ tanh hôi rồi, quán sát lại ứ ra từ màu đen, sang màu xanh thây ma nữa thấy trùng giòi lúc đến màu chàm. Đó là tưởng máu nhúc tranh nhau ăn; chim, thú cắn biến thành màu xanh đọng trong xé nhau ăn, tan nát chẳng còn gì. thây ma. Đó là tưởng trùng, giòi; chim, thú Ba, Hoại tưởng. tranh nhau ăn trên xác chết. Vì người tu hành đã quán sát Bảy, Tán tưởng. thây ma sình lên và gió, nắng đã Vì người tu hành đã quán sát làm cho nó biến sang màu xanh. trùng giòi tranh nhau ăn, lại quán Lại tiếp tục quán sát thây ma nữa, sát thây ma bị chim, thú ăn; xẻ nát đã bị gió, nắng làm biến đổi, da, thân thể tan tành; xương, thịt vung thịt đã tan rữa; sáu bộ phận đã rã vãi; đầu, chân lộn xộn, nằm la liệt rời, năm tạng đã hư nát; hôi thúi trên mặt đất. Đó là tưởng thây ma nồng nặc; máu mủ chảy tràn lan tan nát ra từng mảnh. trên mặt đất. Đó là tưởng thây ma Tám, Cốt tưởng. hư hoại. Vì người tu hành, đã quán sát (Sáu bộ phận là đầu, thân mình, sự tan rã, lại quán sát thây ma da, hai tay, hai chân. năm tạng là lá thịt không còn, xương cốt phơi ra, lách: tỳ; phổi: phế; gan: can; tim: chỉ còn thấy màu trắng vương vãi tâm; trái cật: thận).

khắp nơi. Đó là tưởng xương trắng Xúc là đụng chạm. rải rác trên mặt đất. Vì sáu thức có đối tượng là sáu Cửu, Thiêu tưởng. trần. Các trần này mềm mại có, nhỏ Vì người tu hành đã quán sát nhiệm có, trơn láng có, lạnh nóng xương trắng, lại còn quán sát thây có… Chạm vào thì sanh vui thích, ma bị lửa đốt cháy, phừng phừng đều có khả năng giúp ích cho các khói tỏa hôi tanh, xương trắng cũng căn, nên gọi là xúc thực. chẳng còn. Đến khi củi hết, lửa tắt Lại thức thứ sáu đối với cảnh giống như tro, đất không còn

thấy đáng yêu, liền sanh vui thích, nuôi gì. Đó là tưởng thây ma thiêu cháy lớn các căn, nên cũng gọi là xúc hết không còn, ngoài nắm tro tàn thực. nhợt nhạt. Ba, Tư thực. Tư tức là suy nghĩ của ý. CỬU CHỦNG THỰC Vì thức thứ sáu suy nghĩ về (Tăng nhất A hàm). cảnh đáng yêu, sanh ra ý mong chờ làm cho các căn tươi nhuận lợi ích. Thực có nghĩa là nuôi lớn lên Giống như người đói, khát đến nơi và đem lại lợi ích. có thức ăn, thức uống, mong được Nói chín loại là thức ăn của ăn uống để thân không chết; nên người thế gian; tìm tòi thức ăn của gọi là tư thực. người xuất thế gian; mà phải dạy (Các căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, cho chúng sanh biết, chỉ dùng thức thân). ăn người thế gian, để nuôi dưỡng Bốn, Thức thực. sắc thân thì chớ tham đắm, mà phải Thức lấy chấp trì (giữ chặt) làm tìm cầu pháp thực của người xuất tướng, tức là thức thứ tám. thế gian, để tăng trưởng Bồ đề, huệ Do ba loại ăn trước có phần mạng. hành riêng biệt (nhiệm vụ khác Một, Đoạn thực. nhau), hay làm cho thức này tăng Đoạn là khúc, phần. Thực có trưởng vượt trội, giữ chặt các căn; nghĩa là đem lại ích lợi. nên gọi là thức thực. Vì lấy ba trần hương, mùi, đụng (Bốn loại thức ăn trên gọi là chạm làm thể, đưa vào bụng tiêu thức ăn của người thế gian. hóa nuôi dưỡng các căn; nên gọi là Thức thứ tám tức là tàng thức. đoạn thực. Theo Phiên dịch danh nghĩa chú Luận Phật địa nói: có nhiệm vụ thích nói: Thức gọi là thức ăn của gìn giữ sự sống gọi là thực. Vì ăn thức. Chúng sanh trong địa ngục và có thể gìn giữ sự sống cho sắc thân, các trời Vô biên thức xứ trong Vô không để hư hoại vậy. sắc giới, đều dùng thức để duy trì Xưa dịch là bác thực: ăn từng sinh mạng, dùng làm thức ăn). nắm. Năm, Thiền duyệt thực. Hai, Xúc thực.

Vì người tu hành lấy pháp thiền Chín, Giải thoát niệm. nuôi tâm thần của mình và chứng Giải thoát có nghĩa là tự tại. được niềm vui của thiền định, thì Vì người tu hành, nhờ tu theo căn lành có thể tăng trưởng lên, đạo xuất thế của Phật, cắt đứt trói giúp ích thêm cho huệ mạng. Giống buộc của phiền não, hoặc nghiệp, như thức ăn của người thế gian có không chịu các khổ sống, chết rượt thể nuôi dưỡng các căn và duy trì đuổi (bức bách), căn lành được được mạng sống; nên gọi là niềm tăng trưởng, duy trì mạng sống; nên vui trong khi thiền định là thức ăn. gọi là thức ăn giải thoát. (năm loại Sáu, Pháp hỷ thực. thức ăn trên là của người xuất thế Vì người tu hành nghe pháp vui gian). mừng, căn lành liền được tăng trưởng, giúp ích cho huệ mạng. CỬU TỊNH NHỤC Giống như thức ăn của người thế (Niết bàn kinh) gian hay nuôi dưỡng các căn, giữ gìn tính mạng nên gọi là thức ăn Chín loại thịt sạch (tịnh nhục) pháp hỷ. thì trong luật chỉ cho phép ba loại Bảy, Nguyện thực. là không thấy, không nghe, không Nguyện tức là thệ nguyện. nghi (con vật bị giết). Kinh Lăng Vì người tu hành, phát thệ nghiêm yếu giải thêm hai loại nữa nguyện rộng lớn độ thoát chúng là tự tử, thịt do chim giết. Cộng lại sanh, nên muốn dứt trừ phiền não thành năm loại. Kinh này còn thêm để chứng Bồ đề. Lấy nguyện duy không vì mình mà giết con trì thân mạng, phải tu vạn hạnh, thì vật…Đó là chín loại tịnh nhục (thịt thiện căn được tăng trưởng, giúp sạch). Đức Như lai chế ra giới sát ích cho huệ mạng. Giống như thức là để giúp đỡ mạng sống của chúng ăn của người đời hay nuôi các căn, sanh, khi để các Tỳ kheo ăn tịnh duy trì mạng sống; nên gọi là nhục này là vì đất có nhiều cát đá, nguyện thực. rau cỏ không sống được, nên cho Tám, Niệm thực. phép dùng để nuôi sống thân này. Niệm tức là hộ niệm, cũng gọi Đó cũng là phương tiện khéo léo là ức niệm (nhớ nghĩ). vậy. Nếu có tâm từ lớn muốn

đem Vì người tu hành thường phải đến lợi ích cho muôn loài thì nên nhớ nghĩ, gìn giữ pháp lành xuất dứt hết các thứ thịt ấy; nên kinh thế đã có, gìn tâm giữ ý, nghĩ nhớ này dạy các Tỳ kheo chớ có ăn không quên, thì căn lành được tăng những thứ ấy là vậy. trưởng, giúp ích cho huệ mạng. Một, Bất kiến sát. Giống như thức ăn của người thế chính mắt mình không thấy con gian, hay nuôi dưỡng các căn, duy vật bị giết. trì mạng sống; nên gọi là thức ăn Hai, Bất văn sát. ức niệm hay hộ niệm.

Chính tai mình không nghe NHƯ LAI THẬP THÂN tiếng con vật bị giết, cũng không (Hoa nghiêm giáo nghe nói vì mình mà nó bị giết. Ba, Bất nghi vị kỷ sát. môn chỉ chưởng). Tăng kỳ luật nói: Tỳ kheo ở nhà Một, Bồ đề thân. thí chủ thấy con dê, sau trở lại đó, Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa thấy đầu, chân con dê ấy trên mặt là Đạo. đất, liền sanh nghi hỏi rằng con vật Vì Như lai ở dưới cội cây Bồ thấy lúc trước, bây giờ ở đâu ? Nếu đề, hàng phục các ma bên ngoài, nói vì A xà lê mà giết nó để cúng bừng sáng đại ngộ, thành Đẳng dường, thì không được ăn. chánh giác (chánh biến tri). Đó gọi Bốn, Bất vị kỷ sát. là thân Bồ đề. Vì việc khác hay vì người khác Hai, Nguyện thân. mà giết, không phải chỉ vì ta mà Vì bổn nguyện của Như lai, giết con vật; đó gọi là không vì ta rộng khắp pháp giới, thề độ tất cả mà giết. chúng sanh, nên từ Đâu suất giáng Năm, Tự tử. sanh xuống thế gian, nói pháp đem Không phải do người cố sát, lại lợi ích cho chúng sanh, đáp lại cũng không phải vì con vật khác nguyện từ nhiều kiếp trước. Đó gọi làm bị thương tổn, mà do mạng của là nguyện thân. nó hết, quả báo của nó kết thúc. Ba, Hóa thân. Sáu, Điểu tàn. Vì Như lai tùy loại chúng sanh Ở nơi rừng núi hay bị những mà hóa thân, thích hợp căn cơ của con chim dữ làm tổn hại, bắt ăn. Do mọi loài, giống như bóng trăng chết lâu ngày, thịt con vật ấy phải chìm xuống muôn vàn sông rạch. khô dưới ánh nắng mặt trời. Đó gọi là hóa thân. Bảy, sanh càn. Bốn, Lực trì thân. Không do nước sôi, lửa mà nấu Vì thần lực của Như lai duy trì chín, cũng không do các loài chim một thân hay nhiều thân luôn luôn độc làm bị thương, mà chết vì lâu không hư hoại, làm ruộng phước ngày dưới ánh nắng mặt trời làm cho chúng sanh. Đó gọi là thần lực cho khô đi. thân. Tám, Bất kỳ ngộ. (Một thân là thân chân thật của Không hẹn trước mà ngẫu Như lai. Nhiều thân là hóa thân của nhiên gặp thì ăn được. Như lai, sau khi tịch diệt còn lại xá Chín, Tiền dĩ sát. lợi). Chẳng phải bây giờ vì ta mới Năm, Tướng hảo trang nghiêm giết, mà đã giết con vật từ trước rồi. thân. Vì Như lai đã chứng được thân thật báo có vô số tướng tốt trang

nghiêm. Đó gọi là thân trang Gọi là Như lai vì là ruộng tốt nghiêm bằng tướng tốt. của phước đức. Ứng cúng là bậc Sáu, Oai thế thân. xứng đáng nhận cúng dường của Như lai ở giữa đạo tràng, đại trời, người. Chánh biến tri vì biết chúng, oai đức của Ngài rất lớn, tất cả pháp giới. Minh hạnh túc vì đầy cả trời, ma, ngoại đạo đều quy đủ ba minh. Thiện thệ vì không trở phục. Giống như ánh sáng mặt lại. Thế gian giải vì biết quốc độ trăng che khuất tia sáng lẽ loi của của chúng sanh. Vô thượng sĩ vì các vì sao. Đó gọi là oai thế thân. không có ai bằng. Điều ngự trượng Bảy, Ý sanh thân. phu vì điều hợp với tâm người Vì Như lai tùy theo ý mình hay khác. Thiên nhân sư là con mắt của ý của người khác,có thể thọ sanh chúng sanh. Phật, Thế tôn vì biết ba mọi nơi, độ các loài hữu tình. Ý tụ. Phật vì đủ mười đức này, nên vừa móng tới thì thân đã đến nơi. được thế gian tôn trọng. Đó gọi là ý sanh thân. Kinh giáo được tổ sư thuật lại, Tám, Phước

đức thân. đều dựa vào ý nghĩa này mà giải Vì phước đức của Như lai đầy thích. Nay trong kinh này hợp Thế đủ. Giống như biển cả, nước có gian giải và Vô thượng sĩ làm một khắp mọi nơi. Đó gọi là phước đức hiệu. Tuy không giống về hình thức thân. mà nghĩa thì giống nhau. Chín, Pháp thân. (Ba tụ là chánh định tụ, tà định Vì pháp tánh của Như lai chân tụ, bất định tụ). thật, thường còn, vắng lặng, trong Một, Như lai. veo, bao trùm pháp giới. Như lai có ba nghĩa, đó là pháp Kinh nói: Phật lấy pháp làm thân, báo thân, ứng thân. thân, thanh tịnh như hư không. Đó Kinh Kim cang nói: Không từ gọi là pháp thân. đâu đến cũng không đi về đâu. Đây Mười, Trí thân. là Như lai. Vì trí huệ của Như lai nhiệm Luận Chuyển pháp luân nói: Đệ mầu, viên minh, quyết định các nhất nghĩa đế gọi là Như; chánh pháp, thông suốt không chút giác gọi là Lai. Đây là Như lai theo chướng ngại. Đó gọi là trí thân. nghĩa báo thân. Luận Thành thật nói: Nương THẬP HIỆU vào đạo như thật, đi đến thành (Phật thuyết thập hiệu chánh giác. Đây là Như lai theo nghĩa ứng thân. kinh). Hai, Ứng cúng. Ý nghĩa của mười hiệu này, nếu Vạn hạnh hoàn thành, đầy đủ giải thích sơ lược thì chẳng có gì phước, huệ đáng được trời, người sai. cúng dường, đem đến lợi ích cho loài hữu tình; nên gọi là ứng cúng.

Ba, Chánh biến tri cũng gọi là lớn; nên gọi là điều ngự trượng Chánh đẳng giác. phu. Vì đầy đủ tất cả trí, đối với tất Tám, Thiên nhân sư. cả pháp đều hiểu biết rõ ràng; nên Vì không phải chỉ làm thầy của gọi là chánh biến tri. bốn chúng mà còn có trời, rồng , Vì tất cả pháp bình đẳng, mở ra người, ma vương, ngoại đạo, Đế sự giác ngộ cho tất cả chúng sanh thích, Phạm thiên đều trở về nương thành được vô thượng giác; nên gọi tựa, dựa theo giáo lý mà tu hành và là chánh đẳng giác. làm đệ tử của Phật; nên gọi là thiên Bốn, Minh hạnh túc. nhân sư. Minh tức là tam minh. Hạnh túc Chín, Phật. là ba nghiệp thân, miệng ý thanh Phật, tiếng Phạn gọi đủ là Phật tịnh, chân chánh. Đối với tất cả đà, tiếng Hoa là Giác. hạnh xuất phát từ nguyện lực đều Vì trí huệ đầy đủ, ba giác tròn giỏi tu tập đầy đủ; nên gọi là minh đầy nên gọi là Phật. hạnh túc. (Ba giác là tự giác, giác tha, Năm, Thiện thệ. giác hạnh viên mãn). Thiện thệ có nghĩa là đi khỏi, đi Mười, Thế tôn. đến một cách mầu nhiệm. Vì bằng các pháp trí huệ, ..., Vì bằng trí huệ vô lượng có khả phá trừ pháp chẳng lành tham, sân, năng dứt trừ các mê lầm, ra khỏi si,..., diệt trừ cái khổ sống, chết, thế gian một cách mầu nhiệm, có được giác ngộ vô thượng. Trời, khả năng đến quả Phật; nên gọi là người, phàm, thánh, thế gian, xuất thiện thệ. thế gian đều tôn trọng Phật; nên gọi Sáu, Thế gian giải vô thượng là Thế tôn. sĩ. Thế gian giải là các pháp nhân, quả của thế gian, xuất thế gian đều NHƯ LAI THẬP LỰC hiểu rõ ràng. Vô thượng sĩ là phiền (Viên giác lược sao não mê lầm đã hoàn toàn hết, không còn gì để trừ bỏ. Trời người, và Đại trí độ luận). phàm thánh trong ba cõi là cao tột, Như lai chứng được trí của thật không có ai cao bằng; nên gọi là tướng, thông hiểu tất cả, không có thế gian giải vô thượng sĩ. gì có thể làm hư hoại, không có gì Bảy, Điều ngự trượng phu. có thể hơn; nên gọi là lực. Vì có đầy đủ lực dụng của bậc Một, Tri thị xứ phi xứ trí lực. đại trượng phu mà có thể nói vô số Vì Như lai, đối với tất cả nhân các pháp để điều phục và chế ngự duyên, quả báo, thật sự có thể phán tất cả chúng sanh, khiến cho xa lìa xét và hiểu biết. Như làm nghiệp nhơ bẩn, nhiễm ô, được Niết bàn ác, mà được quả báo vui không có cái lý ấy. Đó gọi là tri phi xứ (biết

cái không đúng lý). Muôn vạn cái Bảy, Tri nhất thiết chí xứ đại trí như vậy, đều biết hết cả; nên gọi trí lực. lực biết được cái đúng hay cái sai). Vì Như lai; đối với chỗ đến là Hai, Tri quá hiện vị lai nghiệp sáu đường của hữu lậu hạnh, chỗ báo trí lực. đến là Niết bàn của vô lậu hạnh; Như lai, đối với nơi sanh ra, biết đầy đủ như thật; nên gọi là trí nghiệp duyên, quả báo trong ba đời lực biết tất cả nơi những con đường quá khứ, hiện tại, vị lai của tất cả dẫn đến. chúng sanh; đều biết hết thảy; nên (Hữu lậu hạnh là các nghiệp gọi là trí lực biết được nghiệp báo ở thân, miệng, ý của chúng sanh quá khứ, hiện tại, vị lai. trong sáu đường làm ra và rơi rớt Ba, Tri chư thiền giải thoát vào đường sống, chết. Tam muội trí lực. Vô lậu hạnh là hạnh tu đạo Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng phẩm giới, định, huệ của Nhất thừa Hoa là Chánh định. và không rơi rớt vào đường sống, Vì Như lai, đối với các thiền chết). định, tự tại vô ngại, từ cạn đến sâu Tám, Tri thiên nhãn vô ngại trí đều biết hết thảy như thật; nên gọi lực. là trí lực về các thiền, giải thoát Vì Như lai chứng được tri thiên Tam muội. nhãn thanh tịnh, thấy nghiệp duyên Bốn, Tri chư căn thắng liệt trí lành, dữ, tốt, xấu khi sanh, khi chết lực. của các chúng sanh, không có gì trở Vì Như lai; đối với căn tánh ngại; nên gọi là trí lực vô ngại của hơn, kém, quả chứng được lớn, nhỏ tri thiên nhãn. của tất cả chúng sanh; thực sự biết Chín, Tri túc mạng vô lậu trí đầy đủ; nên gọi là trí lực biết các lực. căn hơn, kém. Vì Như lai, đối với vô số túc Năm, Tri chủng chủng giải trí mạng, một đời cho đến 100, 1000, lực. vạn đời; một kiếp cho đến 100, Vì Như lai; đối với ham muốn 1000, vạn kiếp; chết ở đây, sanh ở khoái lạc, thiện, ác không giống kia và ngược lại; họ tên, thức ăn, nhau của các chúng sanh; biết một thức uống; sống đời đau khổ hay cách đầy đủ như thật; nên gọi là trí vui sướng; biết hết như thật; nên lực biết tất cả. gọi là trí lực vô lậu biết nhiều đời Sáu, Tri chủng chủng giới trí được. lực. Mười, Tri vĩnh đoạn tập khí trí Vì Như lai, đối với chúng sanh lực. trong ba cõi không giống nhau, biết Vì Như lai, đối với tất cả tập đầy đủ như thật; nên gọi là trí lực khí sai lầm còn sót lại, hoàn toàn biết chúng sanh khắp ba cõi. dứt sạch, không cho sanh lại, biết

tất cả như thật; nên gọi là trí lực hưởng khắp hết. Đó là dụng chu vô biết hoàn toàn dứt hết tập khí. ngại (công dụng trùm khắp không có chướng ngại). PHẬT THẬP VÔ NGẠI Hai, Tướng biến vô ngại. (Hoa nghiêm kinh Vì Phật, đối với tất cả thế giới trong mười phương, thần biến cõi Tùy sớ diễn nghĩa sao). Phật vô lượng; đều có Như lai thị Vì Phật Lô xá na nói ra kinh hiện thọ sanh. Hiện một tướng hay Hoa nghiêm, hiện ra thân bằng mây hiện nhiều tướng đều đầy đủ muôn khắp pháp giới vô tận, chân thân và đức viên mãn như thế. Đó là tướng ứng thân tương dung (hòa hợp với biến vô ngại (Tướng biến ra khắp nhau), một nhiều không trở ngại, nơi không có gì trở ngại). tuy luôn ở chỗ này mà không rời Ba, Tịch dụng vô ngại. chỗ kia, tuy ở xa phương này mà Vì Phật thường ở trong chánh luôn ở phương kia. Thân tuy chẳng định, đó là vắng lặng; không làm khác mà cũng chẳng một cùng một tổn thương, không làm lợi lạc cho lúc ở hai nơi khác nhau, mà là một vạn vật, đó là dụng. Ấy chính là thân. định, chính là dụng, tự tại vô ngại. Bởi thể và dụng của Phật cùng Kinh nói: Cảnh giới của Như với pháp giới giống nhau, nên hỗn lai không thể lường, tịch tĩnh mà có tạp muôn loài mà là chân thực, tinh thể vươn rộng khắp mười phương. và thô cùng chung mà đi đến một, Đó là tịch, dụng vô ngại (vô ngại viên dung không chướng ngại, tùy trong vắng lặng và động dụng). theo

căn cơ mà dạy bảo khác nhau. Bốn, Y khởi vô ngại. (Tiếng Phạn là Lô xá na, tiếng Vì Phật tuy tịch và dụng vô Hoa là Tịnh mãn, cũng gọi là tâm, mà có thể nương vào sức Quang minh biến chiếu). chánh định hải ấn để khởi lên công Một, Dụng chu vô ngại. dụng vô ngại. Vì Phật, đối với cõi nước nhiều Kinh nói: Chúng sanh hình như vi trần, hiện thân bằng mây tướng không giống nhau, hạnh khắp pháp giới, khởi lên nghiệp nghiệp, âm thanh cũng vô lượng. dụng vô biên; nên kinh nói: Trong Tất cả biểu hiện như thế đều có thể mỗi vi trần, hay chứng tất cả pháp. thị hiện vào sức oai thần chánh Như thế không có gì trở ngại, đi định hải ấn. Đó là y khởi vô ngại khắp quốc độ mười phương. Lại (nương vào Tam muội hải ấn khởi nói: Phật nói bằng một âm thanh vi lên công dụng một cách vô ngại). diệu mà quốc độ mười phương đều (Hải ấn Tam muội: Vì biển nghe, có đầy đủ các âm thanh khác hương hải nước trong vắng lặng, và mưa pháp rất dồi dào. Các công không chút gợn sóng, tất cả hình dụng như thế vô lượng vô biên. tượng đều có thể hiện vào trong đó. Pháp giới nhiều như vi trần đều ảnh Giống như cái ấn in lên công văn,

lấy để ví dụ trí hải vô tâm của Như Kinh nói: Phật dùng bổn lai, tất cả chúng sanh bỗng hiện vào nguyện hiện thần thông, soi sáng trong đó). trong tất cả mười phương. Như Năm, Chân ứng vô ngại. kiếp trước những hạnh Phật đã tu Chân tức là thân chân thật của tập, như từng hạt châu sáng soi Giá na. Ứng tức là ứng thân của trong lưới báu đều diễn nói pháp Thích ca. âm. Đó là nhân quả vô ngại. Chân thân là thể. Ứng thân là Tám, Y chánh vô ngại. dụng. Toàn thể khởi lên dụng thì Y là y báo tức là quốc độ Phật dụng, lúc ấy, là thể; nên Thích ca, đang ở. Giá na viên dung, tự tại, vốn không Chánh là chánh báo tức là sắc hai thể. thân của Phật. Y báo và chánh báo Kinh nói: Chân thân của Như hòa quyện vào nhau, cả hai không lai vốn không hai, tùy vật hiện hình trở ngại. khắp thế gian. Đó là chân, ứng vô Kinh nói: Hoặc làm mặt trời, ngại. mặt trăng ngao du trong không (Giá na là tiếng Phạn, gọi đủ là gian, hoặc làm sông, ao, suối, giếng Tỳ lô giá na, tiếng Hoa là Biến nhất và các con nước. Đó là y báo và thiết xứ). chánh báo vô ngại. Sáu, Phân viên vô ngại. Chín, Tiềm nhập vô ngại. Phân tức là phân chia. Viên tức Vì trí của Phật chìm vào trong là toàn thân. tâm của chúng sanh thì gọi là Như Vì phân chia không trở ngại lai tạng. Tuy làm chúng sanh mà tự toàn thân. Toàn thân không làm trở tánh không mất. Giống như nước ngại cho phân chia; nên mỗi thân trong biển cả, do gió thành sóng, của Giá na chia ra chân, tay, mắt, mà tánh ướt không mất. Phật cũng mũi cho đến một sợi lông đều toàn như thế, tùy theo sự cảm thọ của thân của Giá na. chúng sanh, muôn hình vạn loại Kinh nói: Tất cả tướng của thân khác nhau, mà tự tánh không mất. Phật, đều hiện vô lượng Phật. Đó là Kinh nói: Ông nên quán trong bộ phận và toàn thân vô ngại. một lỗ chân lông của Phật, tất cả Bảy, Nhân quả vô ngại. chúng sanh đều ở trong đó. Đó là Vì đời sống kiếp trước của tiềm nhập vô ngại. Phật, tu tập theo hạnh Bồ tát, tu tập Mười, Viên thông vô ngại. nhân ba la mật, nên chứng được Vì Phật lấy đại pháp giới làm quả Phật Giá na. Báo thân đã thọ thân của mình và đã hòa tan vào được và sự nghiệp đã được thành trong đó; không lý nào là không đủ, tựu ấy cũng hiện ra thân tất cả Bồ không sự nào là không thu nhiếp, tát nhiều như mây trong mười cho nên một nhiều, y chánh, nhân phương, một cách tự tại vô ngại. pháp, nhân quả, đây kia đều vô ngại.

Kinh nói: một thân là vô hiện thần lực giáo hóa chúng sanh thường (thân), vô lượng (thân) trở đúng lúc. lại là một (thân). Hiểu rõ các thế Năm, Thị hiện Phật thân hóa gian, hiện hình khắp tất cả. Đó là bất thất thời. viên thông vô ngại. Vì Như lai tùy theo sự thích hợp của chúng sanh mà hiện ra thân PHẬT THẬP CHỦNG tướng tốt đẹp, khiến cho chúng HÓA BẤT THẤT THỜI được nhiều lợi ích. Đó là thị hiện (Hoa nghiêm thân Phật đúng lúc giáo hóa chúng sanh. kinh). Sáu, Trụ đại xả hóa bất thất Một, Thành đẳng chánh giác thời. hóa bất thất thời. Vì Như lai tu hạnh không chấp Vì Như lai xuất hiện ở thế gian, trước, có đủ tâm đại xả (buông bỏ), đã thành Phật đạo rồi, tùy theo căn tùy duyên đúng lúc dạy bảo những cơ của chúng sanh mà ứng hiện, điều lợi ích cho tất cả chúng sanh, chọn thời gian thích hợp với chúng mà không thấy người giáo hóa và mà dạy bảo, hướng dẫn. Đó là người được giáo hóa. Đó là bằng hướng dẫn chúng sanh đúng lúc. tâm đại xả (buông bỏ), mà giáo hóa Hai, Thành thục hữu duyên hóa chúng sanh đúng lúc. bất thất thời. Bảy, Nhập chư tụ lạc hóa bất Vì Như lai biết rõ căn lành của thất thời. chúng sanh đã chín mùi, tùy thời Vì Như lai bằng tâm đại bi, giáo hóa, cứu giúp đều được giải đúng lúc thuận duyên, giáo hóa tất thoát. Đó là giáo hóa đúng lúc cả chúng sanh, đi vào các thôn những chúng sanh có duyên đã chín xóm, làng mạc, thành thị, làm mùi. nhiều việc lợi ích cho mọi người. Ba, Thọ Bồ tát ký hóa bất thất Đó là vào các tụ lạc giáo hóa đúng thời. lúc. Vì Như lai có thể biết Bồ tát tu Tám, Nhiếp chư tịnh tín hóa phạm hạnh rất lâu; khi công nghiệp bất thất thời. thành tựu thì được thọ ký Bồ đề. Vì Như lai có đủ trí vô ngại, có Đó là thọ ký, giáo hóa cho Bồ tát thể biết tín tâm của chúng sanh, tùy đúng lúc. duyên đúng lúc, dạy bảo hướng dẫn Bốn, Thị hiện thần lực hóa bất chúng. Đó là giáo hóa chúng sanh thất thời. có tâm thanh tịnh, chánh tín đúng Vì Như lai tùy theo sự thích lúc. hợp của chúng sanh, thị hiện sức Chín, Điều ác chúng sanh hóa oai thần, khiến cho tin tưởng, an bất thất thời. vui mà được mở mang trí tuệ và Vì Như lai, bằng sức oai thần giải thoát khổ đau. Đó gọi là thị lớn, uốn nắn và làm cho những

chúng sanh cực ác phục tùng, khiến Hội Đao lợi thiên, 4) Hội Dạ ma cho chúng bỏ ác làm lành đúng lúc. thiên, 5) Hội Đâu suất thiên, 6) Hội Đó là giáo hóa chúng sanh bỏ ác Tha hóa thiên, 7, 8) đều ở Quang làm lành đúng lúc. minh điện, 9) Hội Thệ đa lâm). Mười, Hiện Phật thần thông Hai, Thuyết biến bách ức đồng hóa bất thất thời. loại nhất giới. Vì Như lai, bằng sức không thể Đồng loại nhất giới là 100 ức nghĩ bàn, thị hiện thần thông, trong thế giới và một thế giới đồng loại. một niệm mà làm lợi ích tất cả Vì khi Như lai nói pháp cho chúng sanh rất là đúng lúc. Đó là mười0 ức thế giới, mà trong mỗi giáo hóa chúng sanh bằng cách thế giới ấy đều có 100 ức cõi Diễm hiện sức thần thông đúng lúc. phù đề, cho đến 100 ức trời sắc cứu cánh; vào lúc ấy, đều thấy Như lai THUYẾT BIẾN THẬP ngồi trên tòa sư tử của Liên hoa XỨ tạng diễn thuyết pháp mầu, vì các (Hoa nghiêm kinh chúng Bồ tát, nhiều như số vi trần đang đi nhiểu, ở trong mười cõi Tùy sớ diễn nghĩa sao). Phật; nên nói rằng nói khắp 100 ức Vì Tỳ lô giá na Như lai hiện ra đồng loại nhất giới. thân như mây nhiều vô tận pháp (Trời Sắc cứu cánh tức là trời giới, biến khắp sát hải nhiều như vi thứ 18 cõi sắc. mười cõi Phật tức là trần, thường nói kinh Hoa nghiêm mười phương Phật độ). lớn, khiến cho các chúng sanh đều Ba, Thuyết biến dị loại thọ hình trở về tánh hải. đẳng sát. Một, Thuyết biến Diêm

phù đề. Vì sự hình thành thế giới như Tiếng Phạn là Diêm phù đề, sông ngòi, thay đổi nhiều thể khác tiếng Hoa là Thắng kim châu. nữa. Tất cả hình tướng của các loại Vì Như lai, ở Diêm phù đề bảy khác nhau, nhưng Như lai có mặt chỗ, chín hội, vì các đại chúng rộng khắp trong đó để diễn nói pháp nói pháp này và khắp hết mười này; nên gọi là nói pháp cho các phương pháp giới trong Diêm phù loài khác nhau, các cõi nước khác đề cũng đồng thời nói pháp này; nhau. nên nói rằng nói pháp này khắp cõi Bốn, Thuyết biến sát chủng. Diêm phù đề. Sát là tiếng Phạn, gọi đủ là Sát (Bảy chỗ là: 1) Bồ đề tràng, 2) ma, tiếng Hoa là Thổ điền. Phổ quang minh điện, 3) Đao lợi Vì ở chính giữa biển Vô biên thiên, 4) Dạ ma thiên, 5) Đâu suất diệu hoa quang hương thủy, có thế thiên, 6) Tha hóa thiên, 7) Thệ đa giới tên là Phổ chiếu thập phương lâm. xí nhiên bảo quang minh. Loại thế Chín hội là: 1) Hội Bồ đề tràng, giới này bao hàm 20 cõi Phật với 2) Hội Phổ quang minh điện, 3) thế giới nhiều như vi trần, cho đến

không thể nói hết cõi Phật và thế thuyết kinh này khắp các thế giới giới nhiều như vi trần, mà Như lai hoa tạng. có mặt khắp trong đó thường diễn Sáu, Thuyết biến dư sát hải. nói chánh pháp; nên nói thuyết Vì ngoài Hoa tạng thế giới, pháp khắp các cõi nước và thế giới. mười phương có sát hải vô tận. Mỗi (Thế giới chủng. Chủng giống sát hải, Như lai đều thị hiện trong như bổn: gốc, vì bao hàm vô số các ấy để nói kinh này; nên nói là diễn cõi nước. thuyết kinh này khắp các thế giới 20 cõi Phật là: 1) Tối thắng còn lại. quang biến chiếu, 2) Chủng chủng Bảy, Thuyết biến tiền lục loại hương liên hoa diệu trang nghiêm, sát trần. 3) Nhất thiết bảo trang nghiêm phổ Vì sáu thứ ở trên đều là một chiếu quang minh, 4) Chủng chủng loại. Các cõi ấy đều do vi trần (bụi quang chiếu trang nghiêm, 5) Phổ bặm) mà thành. Trong mỗi vi trần phóng diệu hoa quang, 6) Tịnh diệu đều có một cõi Phật. Vì vậy, Như quang minh, 7) Chúng hoa diệm lai thị hiện thường xuyên nói pháp trang nghiêm, 8) Xuất sanh oai lực ấy trong các cõi đó. địa, 9) Xuất diệu âm thanh,10) Kim Kinh nói: Tất cả vi trần có cang tràng, 11) Hằng xuất hiện đế trong Hoa tạng, trong mỗi vi trần thanh bảo quang minh, 12) Quang ấy đều hiện ra thế giới; nên nói minh chiếu diệu, 13) Sa bà, 14) rằng thuyết kinh này khắp sáu cõi ở Tịch tịnh ly trần quang hoa, 15) trên. Chúng diệu quang minh đăng, 16) Tám, Thuyết biến trần hư Thanh tịnh quang biến chiếu, 17) không giới. Bảo trang nghiêm tạng, 18) Ly trần, Đối với trần sát ấy, không kể 19) Thanh tịnh quang phổ chiếu, đến; dù lấy hết cõi hư không đem 20) Diệu bảo diệm). chứa trên đầu một sợi lông cũng Năm, Thuyết biến hoa tạng. vẫn đủ, không dư không thiếu. Mỗi Hoa tạng là trên hoa sen, ở trên đầu sợi lông có vô lượng vô trong biển hương hải, chứa đựng biên sát hải, Như lai ở trong đó, các thế giới. thường chuyển pháp luân. Vì mỗi thế giới hoa tạng có Kinh nói: Cõi nước có trên đầu mười cõi Phật không thể nói hết thế mỗi sợi lông, số lượng ấy rất nhiều, giới chủng nhiều như vi trần. Mỗi không thể nói hết. Số lượng sợi thế giới chủng bao hàm 20 cõi Phật lông nhiều như hư không; từng cõi thế giới nhiều như vi trần, cho đến nước cũng đều như thế; nên nói vô lượng vô biên thế giới như thế. khắp cả cõi hư không, Như lai nói Từ trong nhân ở kiếp trước, Như lai kinh này. tu hành trang nghiêm, thanh tịnh, Chín, Thuyết biến du đế võng. nên thường nói kinh này ở trong Vì Như lai nói pháp này khắp những cõi ấy; vì vậy nói diễn các cõi trần, giống như lưới báu của

Đế thích vô tận. Mỗi vi trần các đem thân mình cho cọp ăn; Tuyết loại ở trên, đều thu nhiếp vô biên sơn mất mạng. Những việc khó sát hải. Đây là số vi trần có trong làm, cực khổ như thế đã nhiều kiếp sát hải, kia là sát hải lại có trong vi thực hành, đều vì lợi ích, an vui trần. Đó là vi trần nhiều vô tận, cõi cho chúng sanh. Đó là ân làm việc nước nhiều vô cùng. Giống như khó làm và khổ hạnh. ánh sáng giao nhau của lưới báu ở (Khoét thân mình 1000 lỗ làm trên điện Đế thích, chập chùng đèn, trong kinh Bồ tát bổn hạnh nhiều lớp và Như lai biến hiện ở nói: Kiếp trước, Phật dùng dao trong đó diễn thuyết pháp mầu khoét lên thân mình 1000 lỗ, rót cũng lại như thế; nên nói biến hiện dầu vào, đốt lên làm thành 1000 thuyết pháp giống như lưới báu của ngọn đèn để cầu được nghe một bài Đế thích. kệ. Lúc ấy, Bà la môn, vì Phật, mà Mười, Dư Phật đồng. nói bài kệ này: Vì Như lai biến hiện chín loại Thường giả giai tận, vi trần sát hải ở trên, thường diễn Cao giả giai đọa, thuyết pháp này để điều phục Hội hợp hữu ly, chúng sanh, khiến cho chúng trở về Sanh giả hữu tử. tánh hải. Nghĩa: Một Phật đã như vậy, mười Còn mãi rồi cũng hết, phương khác Phật cũng như vậy, Cao ngất rồi cũng rơi, biến khắp sát hải thường nói pháp Hợp rồi cũng phải tan, này; nên nói Phật ở các phương Sanh rồi cũng phải chết. khác cũng giống như vậy. Đem mình cho cọp ăn. Kiếp trước, Phật làm thái tử Tát đỏa, đi NHƯ LAI THẬP ÂN chơi trên núi thấy con cọp sắp chết (Hoa nghiêm kinh đói, liền đi đến trước miệng cọp để cứu nó thoát chết.
Tùy sớ diễn nghĩa sao). Mất mạng trên Tuyết sơn là Một, Phát tâm phổ bị ân. kiếp trước, Phật làm Bà la môn tu Vì Như lai ban đầu phát tâm Bồ hành trên núi Tuyết, có La sát nói đề, tu tập hạnh vượt trội, thành tựu lớn rằng: công đức, đều vì chúng sanh khắp Chư hành vô thường, cả pháp giới, đều được lợi ích, an Thị sanh diệt pháp. lạc. Đó là phát tâm vì tất cả chúng Nghĩa: sanh. Các hành đều vô thường, Hai, Nan hành khổ hạnh ân. Đó là pháp sanh, diệt. Vì nhân trong kiếp trước của Vị Bà la môn ấy nghe được hai Như lai, xả bỏ đầu, mắt, tủy não, câu rồi, cầu xin nghe hết bài kệ. La thành quách, quốc gia, vợ con; sát đói khát đòi ăn thịt sống, uống khoét thân mình 1000 lỗ làm đèn;

máu tươi, mới chịu nói hai câu còn việc lành, Như lai rất vui mừng. Đó lại. Vì muốn được nửa sau bài kệ: là ân sâu nặng của tâm đại bi. Sanh diệt diệt dĩ, Bảy, Ẩn thắng chương liệt ân. Tịch diệt vi lạc. Vì căn cơ Đại thừa và Tiểu thừa Nghĩa: mà Như lai có ứng dụng lúc hơn Hết sanh, diệt rồi, lúc kém cho thích hợp. Như khi nói Niết bàn là vui. Hoa nghiêm là vì Phổ hiền và các Liền đem bài kệ ấy viết lên cây, vị đại Bồ tát mà thị hiện hoa tạng, lên đá, rồi đem thân thí cho La sát). tướng hảo vi diệu nhiều như vi trần, Ba, Nhất hướng vị tha ân. đức thắng vô tận. Vì Như lai, nhiều kiếp, tu hành Nếu như nói giáo pháp cho các công đức, không cho riêng hàng Tam thừa thì tướng vi diệu mình, mà chỉ vì độ thoát tất cả dấu kín, chỉ còn 32 tướng của ứng chúng sanh; chưa từng, dù trong thân; như thế hàng Nhị thừa và một niệm, làm vì mình. Đó là ân Tiểu thừa giáo Bồ tát mới mong có một mực làm vì người khác. lợi ích. Bốn, Thùy hình lục đạo ân. Kinh Pháp hoa nói: Cởi bỏ cẩm Vì Như lai hóa hiện vào sáu bào quý báu, mặc vào áo rách dơ đường trời, người, tu la, địa ngục, bẩn, tay cầm đồ đựng phân, đi đến súc sanh, ngạ quỷ để cứu giúp bao chỗ của đứa con. Đó là ân dấu cái nhiêu khổ đau, khiến cho chúng tốt, bày cái xấu để thích hợp cứu được an vui. Đó là ân hóa hiện chúng

sanh. xuống sáu đường cứu giúp khổ đau. (Tam thừa là Thinh văn, Duyên Năm, Tùy trục chúng sanh ân. giác, Bồ tát). Vì Như lai thấy tâm của chúng Tiểu giáo Bồ tát tức là một sanh không muốn xa lìa sanh tử, trong năm giáo: Tiểu, Thỉ, Chung, muôn kiếp không bỏ, nên vận dụng Đốn, Viên). tâm đại từ bình đẳng, theo đuổi cứu Tám, Ẩn thật thi quyền ân. giúp, khiến cho chúng lìa khổ được Vì Như lai quan sát căn cơ nhỏ vui. Đó là ân theo đuổi cứu giúp hẹp của các chúng sanh, che lấp khổ đau. giáo lý Đại thừa thật pháp mà chỉ Sáu, Đại bi thâm trọng ân. đưa ra Tam thừa quyền pháp cho Vì Như lai thấy chúng sanh làm người, trời để dẫn dụ chúng sanh ác, đau đớn như tự cắt chân, tay đến khi thành thục. Sau đó, Phật mình, tâm vô cùng thống khổ, mới dùng Đại thừa độ chúng giải không sao an ổn được; lại thấy thoát. Đó là ân che lấp thật giáo thi chúng sanh rơi vào ba đường ác, hành quyền giáo của Phật. chịu khổ vô số, tâm rất lo buồn; Chín, Thị diệt linh mộ ân. liền khởi tâm đại bi để cứu giúp Nếu Như lai sống lâu ở đời, chúng. Nếu thấy chúng sanh làm những người phước mỏng không trồng căn lành, nghĩ rằng gặp Phật

quá dễ, nên Phật thị hiện Diệt độ, Phật nói với Xá lợi phất: Ông khiến cho chúng sanh biết rằng gặp quán sát thấy các việc ác của Như được Phật ra đời là khó, ôm lòng lai làm đều đã dứt hết, muôn việc luyến tiếc, mới trồng căn lành. Đó lành đã đầy đủ, mà còn không khỏi là ân thị hiện Diệt độ. những nhân duyên gây ra từ kiếp (Diệt độ là vĩnh viễn không còn trước; đó chỉ vì muốn chỉ cho con hoạn nạn sanh tử luân hồi; vượt ra người biết rằng hễ đã tạo nghiệp ác, ngoài ba cõi). thì khó trốn được quả báo; nên nói Mười, Bi niệm vô tận ân. về nhân duyên ở kiếp trước. Vì Như lai bi niệm tất cả chúng (Tiếng Phạn là Ma kiệt đề, sanh, nên để lại phước giáo hóa còn tiếng Hoa là Thiện thắng. Tiếng dư của mình để cứu giúp chúng. Phạn là A nậu, nói đủ là A nậu đạt, Như thị hiện sống 100 tuổi, nhưng tiếng Hoa là Vô nhiệt não, tên cái khi 80 tuổi thì nhập diệt, là để lại ao. Tiếng Phạn là Xá lợi phất, tiếng phước ấm 20 năm cho đệ tử vào Hoa là Thân tử hay Thu tử). thời mạt pháp cho chúng sanh Một, Tôn đà lợi báng Phật nương vào đó mà tu hành, đều duyên. được thành tựu quả thánh. Với lòng Kiếp trước ở thành Ba la nại có từ bi vô lượng của Phật, đem lại lợi người đánh bạc, tên là Tịnh nhãn ích vô lượng cho chúng sanh. Đó là và khi ấy có một dâm nữ, tên là ân tâm từ vô tận, luôn nghĩ nhớ về Lộc tượng. Tịnh nhãn dụ cô gái này chúng sanh của Phật. lên xe, đi vào trong một vườn cây để cùng nhau vui thú. Ở trong vườn PHẬT THẬP TÚC đó, lúc ấy có một Bích chi Phật DUYÊN đang đi vào thành khất thực. Tịnh (Kinh Phật thuyết nhãn thấy vậy liền giết Lộc tượng, chôn trong lều của vị Bích chi Phật. hưng khởi hành). Sau đó, vị Bích chi Phật bị liên lụy Khi Phật ở trong vườn Trúc, có đến việc ấy mới chỉ chỗ chôn xác suối lớn A nậu, tại nước Ma kiệt đề dâm nữ. Tịnh nhãn nhìn lại hiện và chúng đại Tỳ kheo. Lúc ấy Xá trường, lòng thương xót nổi lên, lợi phất hỏi Phật về các chuyện của nhận lấy tất cả tội lỗi mình đã làm, Tôn đà lợi và nhân duyên ở kiếp nên bị vua nước ba lai nại giết chết. trước về mười việc đã xảy ra. Tịnh nhãn, lúc ấy, chính là ta Phật đáp: Tất cả đều do tạo đây, còn Lộc tượng là Tôn đà lợi. nhiều ác nhân ở kiếp trước, chiêu Vì tội duyên đó, trải qua hàng ngàn quả báo khổ hàng ngàn năm mà tàn năm chịu vô lượng khổ, nay tuy đã dư ấy chưa hết. Sau khi thành đạo, chứng được Phật quả, do tai họa ấy Phật còn đền trả những việc của đời còn sót lại, nên phải nhận

những lời trước. bêu rếu của Tôn đà lợi.

(Tiếng Phạn là ba la nại, tiếng rễ cỏ cây mà ăn để nuôi mạng sống Hoa là Lộc uyển. Tiếng Phạn là mỏng manh qua ngày. Lúc ấy, ở Bích chi, nói đủ là Bích chi ca la, phía đông của thành là thôn Chi tiếng Hoa là Duyên giác). việt dân chúng khá đông. Thôn Hai, Xa di bạt báng Phật duyên. Đông có nhiều ao cá, nên những Phật nói: Kiếp quá khứ xa xôi, người ở thôn kia dẫn vợ con đến có Bà la môn tên là Diên như đạt bắt cá trong ao để ăn. Khi đó trên hay dạy dỗ 500 đứa trẻ; lại có bà vợ bờ ao có con cá nhỏ đang giẫy đành của Phạm thiên bà la môn tên là đạch, ta (là một đứa nhỏ) cầm gậy Tịnh âm, vì Diên như đạt mà trở đập vào đầu con cá. thành đàn việt. Cả hai cúng dường Trong ao có hai loại cá có tên là thức ăn, thức uống, y phục cho Phật Phu ngư và Đa thiệt, chúng nói với và chúng hội. nhau rằng: Chúng ta chẳng có tội Về sau có một vị Bích chi Phật gì, con người ngang ngược làm khổ vào thành khất thực. Tịnh âm gặp chúng ta. Đời sau, chúng ta phải vị này và cung thỉnh cúng dương. báo thù. Từ đó về sau, mỗi ngày Tịnh âm Người thôn Chi việt lúc ấy, nay cúng dường đầy đủ thức ăn ngon là dòng họ Thích. Đứa nhỏ ấy là ta cho vị Bích chi Phật. Diên như đạt đây. Phu ngư là vua Lưu ly đó. Cá nhận ra với mình thì lơ là, với Đa thiệt là Bà la môn nói xấu ta người kia thì nồng hậu, bèn nỗi bây giờ. lòng ghen ghét; rồi khiến đám trẻ Khi con cá đang giẫy trên bờ, ta nói xấu đạo sĩ ấy rằng ông ta lén lấy nhánh cây nhỏ đáng trúng đầu lúc với Tịnh âm, không có tịnh nó, vì nhân duyên ấy mà giờ ta hạnh. nhận nhiều quả báo khổ đau. Nay Sau Bích chi Phật thị hiện thần tuy thành Phật, do duyên thừa còn biến nhập diệt, mọi người mới biết sót lại, nên vua Lưu ly xua quân Diên như đạt nói láo, không đúng đánh dòng họ Thích, còn ta thì bị sự thật. nhứt đầu. Diên như đạt lúc ấy chính là ta (La duyệt kỳ là tiếng Phạn, nói đây, còn Tịnh âm là Xa di bạt. 500 đủ là La duyệt kỳ già la, tiếng Hoa đứa trẻ ấy là 500 vị A la hán đây. là Vương xá thành.). Khi ta nổi lên tâm ghen ghét, chịu Bốn, Phật hoạn cốt tiết phiền nhiều quả báo khổ, nên tuy đã đông duyên. thành Phật, do tai họa ấy còn sót lại Phật nói: Vào thời quá khứ, ở nên phải nhận những lời bêu rếu thành La duyệt kỳ có ông trưởng của Xa di bạt. giả bị bệnh rất nguy khốn, kêu một Ba, Phật hoạn đầu thống duyên. thầy thuốc giỏi ở trong thành và Phật nói: Vào đời xa xưa ở quá nói: Hãy trị cho ta hết bệnh đi, ta sẽ khứ, có người giàu sang bị đói khát tặng ông một số tiền của lớn. Thầy trong thành La duyệt kỳ, phải đào thuốc liền trị bệnh cho và bệnh đã

khỏi, nhưng ông trưởng giả không môn yêu cầu như trước, được trả tiền công như đã hứa. Ít lâu sau, thưởng như trước, nhưng anh ta ông lại bị bệnh nữa, lại mời thầy không giữ lời. Đến lần thứ ba, lực chữa trị hết bệnh, như vậy đến lần sĩ người Sát đế lợi thầm nhủ: thứ ba cũng chẳng trả công. Người này đã nhiều lần lừa gạt ta, Sau mắc bệnh trở lại, tiếp tục nay phải cho nó chết, rồi dùng tay gọi thầy thuốc ấy chữa cho. Thầy phải đè đầu, tay trái nắm lấy eo thuốc nói rằng ba lần trước đều ếch, chân đá lên một cái vào người chữa khỏi bệnh cả ba mà chẳng hắn, xương sống gãy rụng, nằm dài thấy báo đền gì hết. Ta bị lừa đến xuống đất chết liền. thế, nay ta trị cho hắn, ta sẽ làm Thấy vậy, vua rất vui mừng, cho hắn mất mạng; nên bốc thuốc tặng cho mười vạn vàng bạc. Sát đế giả, bệnh tình tăng lên nhanh chóng lợi lúc ấy, là ta đây bây giờ; còn Bà rồi trưởng giả ấy chết. la môn là Đề bà đạt đâu đó. Thầy thuốc lúc ấy là ta đây. Khi ấy ta

tham của, nổi giận, Người bệnh, nay là Đề bà đạt đâu đánh chết lực sĩ Bà la môn, vì tội đó. Khi đó ta bốc thuốc giả cho ông duyên ấy, chịu nhiều quả báo khổ chết, vì nhân duyên ấy, ta chịu đau. Nay, tuy ta đã thành Phật, do nhiều quả báo khổ đau. Nay, tuy đã nhân duyên đó còn sót lại, nên mắc thành Phật, do duyên thừa còn sót chứng đau lưng. lại, nên gân cốt ta đau nhứt khó (Tiếng Phạn là Sát đế lợi, tiếng chịu. Hoa là Điền chủ). (Tiếng Phạn là Đề bà đạt đâu, Sáu, Phật bị mộc thương thích tức là Điều đạt, tiếng Hoa là Thiên cước duyên. nhiệt). Phật ở trong Trúc viên tinh xá, Năm, Phật hoạn bối thống tại La duyệt kỳ, đi vào thành khất duyên. thực, bỗng có cây thương bằng gỗ Phật nói: Kiếp trước, vào ngày đến trước mặt Phật. Phật tự nói quốc khánh của nước La duyệt rằng đây là nhân duyên từ kiếp thành, mọi người hội họp có hai lực trước, ta phải nhận lấy. Chúng thấy sĩ: một thuộc dòng Sát đế lợi, một vậy, kinh ngạc. Phật lại tâm niệm, thuộc dòng Bà la môn. Trong cả hai giờ ta đền lại những gì đã làm ở đang đánh nhau, người Bà la môn kiếp trước, để cho mọi người thấy nói với người Sát đế lợi rằng: Anh đó mà không dám làm ác. Phật liền đừng vật tôi ngã, tôi sẽ cho anh tiền vọt lên hư không, cách mặt đất một của. Nghe vậy, anh chàng Sát đế lợi nhận (tương đương 6m5), cây không cố sức và cả hai đều được thương đuổi theo; cho đến bảy do khen và nhận phần thưởng của vua. tuần, cây thương cũng theo. Phật Sau đó, người Bà la môn không giữ hóa ra một tảng đá xanh lớn, mỗi lời hứa; rồi buổi lễ lần sau đến và chiều 20 do tuần rồi đứng trên đó. cùng đấu nhau trở lại. Người Bà la

Cây thương đâm xuyên tảng đá, tuy đã thành Phật, vì duyên thừa ấy hiện ra trước mặt Phật. còn, nên chịu cây thương đâm vào Phật lại hóa ra nước, lửa, gió bàn chân. tương tự như thế, cây thương vẫn Bảy, Phật bị trịch thạch xuất xuyên tất cả và hiện trước mặt huyết duyên. Phật. Phật nói: Kiếp trước ở thành La Phật lại lên đến cung Tứ thiên duyệt kỳ, có trưởng giả Tu đàn, con vương dần dần lên đến Phạm thiên, của ông tên là Tu ma đề. Sau khi cây thương cũng lần lượt lên theo. cha mất, Tu ma đề có em trai cùng Phật nói cho chư thiên nghe về mẹ khác cha tên Tu da xá. Khi ấy duyên cớ của việc này. Tu ma đề bày kế, không chia gia Phật lại từ Phạm thiên đi xuống sản cho em, nên nói với em trai đến thành La duyệt kỳ, cây thương rằng chúng ta cùng lên núi Kỳ xà cũng lần lần xuống theo. Quốc dân quật để bàn việc. hai anh em cùng tùy tùng đếu chứng kiến nhân nắm tay nhau đi, đến một sườn núi duyên này. cao thì người anh đẩy em mình E ngại rằng mọi người thấy như xuống và lăn đá lấp lại. Tu da xá vậy rồi buồn rầu quá mức, Phật nói chết ngay tại chỗ. với đại chúng: Ai về chỗ nấy và Khi ấy Tu ma đề chính là ta bảo các Tỳ kheo trở về Tăng đây, còn Tu da xá, nay là Đề bà đạt phòng. Phật liền tâm niệm phải đền đâu. Lúc ấy, ta tham của hại em trai trả nhân duyên từ kiếp trước, bèn mình, vì nhân duyên đó, chịu quả đắp đại y, ngồi lên tòa, rồi đưa chân báo nhiều đau khổ. Nay, tuy thành phải ra, cây thương bằng gỗ đâm Phật, không tránh khỏi cái duyên xuyên từ lòng bàn chân lên. xưa còn sót lại ấy nên, khi đi kinh Ngài Xá lợi phất và một số vị hành ở núi Kỳ xà quật, ta bị Đề bà nữa đến chỗ Phật, lễ bái, thăm hỏi, đạt đâu lấy đá ném vào đầu ta. chia xẻ và xin Phật được nghe túc Thần núi thấy vậy, dùng tay bắt lại, duyên của sự việc. Kiếp trước có làm cho khối đá bể nát, rớt xuống, hai đoàn khách buôn, vào bể để tìm vung vãi khắp nơi. Trong đó còn chân báu. Sau đó gặp sóng to gió một viên nhỏ trúng ngón chân ta lớn tranh giành thuyền,

hai ông chủ chảy máu. Đây là nguyên nhân của của hai đoàn đánh nhau kịch liệt. quả báo ấy. Ông thứ hai đâm ông thứ nhất chết (Tiếng Phạn là Kỳ xà quật, liền tại chỗ. tiếng Hoa là Thứu đầu). Phật bảo Xá lợi phất ông chủ Tám, Phật bị Chiên sa hệ vu thứ hai lúc ấy chính là ta đây, còn báng duyên. ông chủ thứ nhất, nay là Đề bà đạt Phật nói: Kiếp trước có Phật tên đâu. Khi đó ta đâm gảy chân ông là Tận thắng Như lai, trong tăng ấy, do nhân duyên như thế mà ta đoàn có Tỳ kheo: một tên là Vô chịu nhiều quả báo đau khổ. Nay, thắng, một tên là Thường hoan.

Lúc ấy ở thành ba la nại có bà vợ Chín, Phật thực mã mạch của trưởng giả Đại ái, tên là Thiện duyên. ảo. hai ông Tỳ kheo hay lui tới nhà Phật nói: Vào đời quá khứ, có bà, vì bà là thí chủ. Tỳ kheo Vô Như lai Tỳ bà diệp ở trong thành thắng đã dứt phiền não, nên cúng Hàn đầu ma bạt và đầy đủ các đại dường đầy đủ; còn Tỳ kheo Tỳ kheo. Vua Hàn đầu cùng quần Thường hoan phiền não chưa hết, thần, nhân dân thỉnh Phật và chư nên cúng dường đơn sơ, đạm bạc. tăng cúng dường. Tỳ kheo Thường hoan nổi lên Lúc ấy, trong thành có Bà la lòng ghen ghét, bêu xấu rằng Vô môn dạy cho 500 đứa nhỏ. Vua tổ thắng và Thiện ảo làm điều xằng chức lễ lạc trang nghiêm, trước tiên bậy, cúng dường không đúng đạo mời Phật. Phật mặc nhiên chấp pháp mà xuất phát từ ân ái nhau. nhận. Lúc ấy, Thường hoan là ta đây, Vua về hoàng cung, chuẩn bị còn bà Thiện ảo, giờ Chiên sa đó. thức ăn thịnh soạn đã xong. Tay Khi ấy ta nói xấu Vô thắng, nên nâng lư hương, vua bạch Phật rằng: chịu quả báo nhiều khổ đau. Nay, Kính xin đức Thế tôn đến cung tuy thành Phật, do tai họa đó còn điện và thọ nhận cúng dường của sót lại, nên lúc ta nói pháp cho thần con. dân, vua chúa, ngoại đạo nghe, lại Phật bảo đại chúng đi đến cung bị cô gái Đa nhiệt giả có thai đến vua, thọ thực xong, trở về tinh xá. trước mặt ta bêu rếu rằng: Sa môn Khi ấy các Tỳ kheo trên đường trở vì sao không nói việc nhà của về, đi qua chỗ Bà la môn. Ông này mình, mà lại nói việc của người thấy vậy, sanh tâm ganh ghét, nói khác; giờ thì mình ông vui thú, đâu các Sa môn đầu trọc này, đáng cho biết tôi đau khổ; trước kia ông cùng ăn thóc ngựa, không đáng cho thức tôi chăn gối, khiến cho tôi có thai; ăn thơm ngon; và dạy cho các đứa nay đến tháng sanh nở, phải lo thức trẻ cũng nói như thế. ăn, thuốc thang để nuôi nấng con Người Bà la môn lúc ấy chính nhỏ, cung cấp cho ta thật đầy đủ. là ta đây, còn 500 đứa trẻ là 500 vị Lúc ấy, chúng hội cúi đầu im A la hán. Vì khi ấy ta nói người lặng, thì Thích đề hoàn nhân hóa ra khác ăn thóc ngựa, nên chịu quả con chuột chui vào trong áo, cắn báo khổ đau. Nay, tuy thành Phật, đứt dây buộc cái bát vào bụng cô do duyên cũ còn sót lại, nên ta và ta. Bỗng nhiên cái bát rơi xuống đại chúng, ở ấp Tì lan, ăn thóc đất, mọi người đều thấy rõ sự việc, ngựa trong 90 ngày, đền trả quả nên rất vui mừng. báo ấy. (Tiếng Phạn là Chiên sa, tiếng Mười, Phật kinh khổ hạnh Hoa là Nghiêm xí, tức cô gái tên duyên. Đa nhiệt). Phật nói: Kiếp trước, bên thành Ba la nại có đứa con của Bà la môn

tên là Hỏa man và con của một thợ Bồ tát tu tập hạnh thù thắng, xa gốm tên là Hộ hỷ. lìa chướng ngại, khen ngợi hạnh Hai đứa trẻ này thân thiết với Phật đã làm, được thấy mười Phật nhau. Hộ hỷ nói với Hỏa man rằng: phân minh rõ ràng. Ai thấy như Hãy cùng đến yết kiến Ca diếp Như vậy, gọi là thấy chân chánh, nên lai. Hỏa man nói: Sao phải mắc gọi là mười cách thấy Phật. công đến thăm ông đạo đầu trọc đó Một, An trụ

thế gian thành ? và nói đến ba lần. chánh giác Phật vô trước kiến. Ngày hôm sau, Hộ hỷ lại nói: Vì Như lai nương theo đạo như Đôi ta có thể thăm Như lai trong thật, thị hiện thành chánh giác, an chốc lát không? Hỏa man trả lời: trụ ở trong thế gian, mà không đắm Cần gì đến thăm ông đạo đầu trọc, nhiễm Niết bàn; không vướng vào ông ấy có tu theo Phật đạo đâu? Vì sống chết. Bồ tát khen ngợi sự thị thế, Hộ hỷ nắm đầu của Hỏa man hiện mà không vướng mắc của Phật nói: Chúng ta hãy cùng đến yết nên gọi là an trụ ở trong thế gian kiến Như lai. Hỏa man hoảng sợ, thành chánh giác; đó là sự thị hiện nghĩ thầm: Đây không phải là mà không vướng mắc của Phật. chuyện nhỏ, chắc là việc tốt. Hỏa Hai, Nguyện Phật xuất sanh man nói: Hãy bỏ đầu tôi ra, tôi kiến. cùng đi với bạn. Cả hai đến nơi, lễ Vì Như lai nương theo nguyện dưới chân đức Ca diếp. Hộ hỷ thưa mà ra đời, chỗ nào cũng thị hiện. Phật: Hỏa man thấy tướng tốt của Bồ tát khen ngợi sự ra đời của Phật. Phật, lòng tràn ngập vui mừng, xin Đó gọi là nguyện thấy được Phật ra xuất gia học đạo. đời. Hỏa man lúc ấy chính ta đây. Ba, Nghiệp báo Phật thâm tín Hộ hỷ tức là Bình thiên nữ dẫn kiến. đường khi ta vượt thành xuất gia. Vì Như lai tu nhân muôn hạnh Vì khi đó, ta nói xấu Phật Ca diếp, nghiệp lành, cảm nhận quả báo nên chịu quả báo nhiều khổ đau. tướng tốt trang nghiêm. Bởi quả Do tai họa này còn sót lại, nay dù báo của nghiệp thanh tịnh này đều thành Phật, còn chịu sáu năm khổ từ trong nhân tin sâu chánh pháp hạnh, để đền nghiệp cũ sót lại. mà ra. Bồ tát khen ngợi tâm tin sâu (Bình thiên tử tức là Tịnh cư chánh pháp của Phật. Đó gọi là thiên ở cõi Sắc). thấy nghiệp báo thâm tín của Phật. Bốn, Trú trì Phật tùy thuận THẬP CHỦNG KIẾN kiến. PHẬT Vì Như lai tùy thuận chúng (Hoa nghiêm kinh sanh, lấy xá lợi của thân mình để lại cho thế gian, vĩnh viễn không sớ). hư hoại. Bồ tát khen ngợi hạnh tùy thuận của Phật. Đó gọi là sự thị

hiện hạnh tùy thuận của Phật để lại thấu suốt. Bồ tát khen ngợi sự thị xá lợi cho chúng sanh. hiện sáng suốt của Phật. Năm, Niết bàn Phật thâm nhập Mười, Tùy lạc Phật phổ thọ kiến. kiến. Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng Vì Như lai tùy theo ý ham thích Hoa là Diệt độ. của mình và người, hướng dẫn, dạy Vì hóa thân của Như lai thì thị bảo cho tất cả. Bồ tát khen ngợi sự hiện Diệt độ, đều do vào sâu trong thị hiện của Phật như thế. Đó gọi là cảnh giới sống chết và Niết bàn, sự thị hiện giáo hóa cho tất cả nên có thể thị hiện như vậy. Bồ tát chúng sanh của Phật. khen ngợi công hạnh như thế của Phật. Đó gọi là sự thị hiện đi sâu DUNG TAM THẾ GIAN vào Niết bàn của Phật. THẬP THÂN Sáu, Pháp giới Phật phổ chí (Hoa nghiêm kiến. Vì thân của Như lai thanh tịnh, kinh sớ).
đầy khắp pháp giới, không nơi nào Dung là thông suốt, hợp nhau. là không đến. Bồ tát khen ngợi sự Tam thế gian là: 1) Hữu tình thị hiện ấy của Phật. Đó gọi là sự thế gian, 2) Khí thế gian, 3) Trí thị hiện khắp pháp giới của Phật. cháng giác thế gian. Bảy, Tâm Phật an trụ kiến. Vì Bồ tát biết tâm niệm của các Vì tâm của Như lai vắng lặng, chúng sanh, tùy theo sự ưa thích trong suốt, an trụ nơi chân tánh. Bồ của chúng mà hòa hợp vào trong ba tát khen ngợi sự thị hiện mà an trụ loại thế gian để hóa hiện ra mười của Phật. Đó gọi là sự thị hiện an thân. Lại dùng mười thân và thân trụ của tâm Phật. mình, lần lượt tác động lẫn nhau, Tám, Tam muội Phật vô lượng dung thông không chướng ngại. Đó vô y kiến. gọi là mười thân hòa hợp với ba Vì Tam muội của Như lai thanh loại thế gian. tịnh, vô lượng, vắng lặng mà (Thế là cách biệt, mọi thứ đều thường chiếu soi,

không suy niệm, có một khoảng cách với nhau. Gian không nương tựa, luôn hiện tiền là sự khác nhau về thời gian. trước mặt. Bồ tát khen ngợi sự thị Hữu tình thế gian tức là chúng hiện không thể lượng định, không sanh ở trong thế gian. Khí thế gian nương tựa vào đâu của Phật. Đó gọi tức là cõi nước, quốc gia, thế giới; là sự thị hiện vô lượng, vô y Tam vì thế giới giống như một dụng cụ. muội của Phật. Trí chánh giác thế gian tức là Phật Chín, Bổn tánh Phật minh liễu ở trong thế gian. Vì mỗi thứ thế kiến. gian đều có ranh giới, khác biệt nên Vì bổn giác, chân tánh của Như gọi chung là thế gian. lai trong veo, vắng lặng, sáng tỏ,

Đệ hỗ tương tác: Lần lượt tác sanh làm thân mình, cho đến thân động lẫn nhau là vì Bồ tát hoặc lấy hư không làm thân mình. thân hình chúng sanh làm thân Năm, Độc giác thân. mình, hay thân cõi nước, cho đến Độc giác thân là những người thân hư không các loại. mười thân sinh ra đời không gặp Phật xuất như thế cùng với thân của Bồ tát thế, một mình ở trong núi cao cô lần lượt tác động lẫn nhau, dung quạnh, quán sát sự biến hóa của thông không trở ngại). vạn vật, không có thầy mà tự mình Một, Chúng sanh thân. liễu ngộ thì chứng được thân Độc Chúng sanh thân là thân do năm giác. Bồ tát biết những ước muốn ở uẩn hòa hợp mà sanh ra, tức là thân trong tâm của chúng sanh, nên lấy của chúng sanh hữu tình ở thế gian. thân Độc giác làm thân mình, thân Bồ tát biết những ước muốn trong chúng sanh làm thân mình, cho đến tâm của chúng sanh, nên lấy thân thân hư không làm thân mình. chúng sanh là thân mình, lấy thân Sáu, Bồ tát thân. quốc độ, cho đến làm thân hư Bồ tát là tiếng Phạn, gọi đủ là không. Bồ đề tát đỏa, tiếng Hoa là Giác Hai, Quốc độ thân. hữu tình. Quốc độ thân là thân của cõi Vì Bồ tát ở trong hữu tình tự nước của khí thế gian như sông núi, mình đã giác ngộ, cũng có thể giác đất đai,...Bồ tát biết những ước ngộ cho kẻ khác, chứng được thân muốn trong tâm của chúng sanh, Bồ đề. Bồ tát tùy theo tâm ước nên lấy thân quốc độ làm thân muốn của những kẻ ấy, nên lấy mình, làm thân chúng sanh, cho thân mình hiện ra thân chúng sanh, đến làm thân hư không. cho đến thân hư không. Ba, Nghiệp báo thân. Bảy, Như lai thân. Nghiệp báo thân là bắt đầu từ Như lai thân là nương vào đạo phiền não để cảm nhận thân quả như thật, đi đến thành tựu chánh báo. Bồ tát biết những ước muốn giác là thân của Như lai. Bồ tát tùy trong tâm của chúng sanh, nên lấy những ước muốn trong tâm của thân nghiệp báo làm thân mình, chúng sanh, thì lấy thân Như lai làm thân chúng sanh, cho đến làm làm thân mình, thân chúng sanh thân hư không. làm thân mình, cho đến thân hư Bốn, Thinh văn thân. không. Thinh văn thân là nghe giáo lý Tám, Trí thân. của Phật, ngộ được lý chân đế mà Trí thân là trí huệ hoàn toàn chứng được thân Thinh văn. Bồ tát sáng suốt có thể quyết định được biết những ước muốn ở trong tâm tất cả các pháp là thân của trí tuệ. của chúng sanh, nên lấy thân Thinh Bồ tát tùy những ước muốn trong văn làm thân mình, thân chúng tâm của chúng sanh, thì lấy thân trí huệ làm thân mình, lấy thân chúng

sanh làm thân mình, cho đến thân Tam, Nghiệp báo Phật. hư không. Vì Phật tu nghiệp nhân là vạn Chín, Pháp thân. hạnh, thanh tịnh, cảm được quả báo Pháp thân là đã chứng được thể là tướng tốt, trang nghiêm. Đó gọi vô lậu của pháp giới mà thành thân. là nghiệp báo Phật. Bồ tát tùy theo những ước muốn Bốn, Trụ trì Phật. của chúng sanh, lấy thân pháp giới Vì thân Phật và xá lợi của Phật làm thân mình, lấy thân chúng sanh

trụ trì ở thế gian, vĩnh viễn dài lâu. làm thân mình, cho đến thân hư Đó gọi là trụ trì Phật. không. Năm, Niết bàn Phật. (Vô lậu là phiền não dứt trừ hết, Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng không rơi vào sống chết trong ba Hoa là Diệt độ. cõi). Vì ứng thân của Phật để giáo Mười, Hư không thân. hóa chúng sanh đã xong thì thị hiện Hư không thân là thân chẳng Diệt độ. Đó gọi là Phật vào Niết phải chúng sanh, cõi nước mà là bàn. thân không tên gọi, không hình Sáu, Pháp giới Phật. tướng thuộc hư không. Bồ tát tùy Vì Phật chứng được thể vô lậu theo ước muốn của kẻ kia thì lấy của pháp giới nhất chân, có trí huệ thân hư không làm thân mình, lấy lớn, tỏa ra ánh sáng lớn chiếu khắp thân chúng sanh làm thân mình, tất cả. Đó gọi là pháp giới Phật. cho đến pháp thân. Bảy, Tâm Phật. Vì tâm thể của Phật xa lìa vọng THẬP CHỦNG PHẬT niệm, thông suốt, ứng nghiệm khắp (Hoa nghiêm kinh). hư không, xưa nay vốn tỉnh thức, vắng lặng chiếu soi. Đó gọi là tâm Phật, tiếng Phạn gọi đủ là Phật Phật. đà, tiếng Hoa là giác; nghĩa là tự Tám, Tam muội Phật. mình giác ngộ, giác ngộ cho người Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng khác và công hạnh giác ngộ ấy đã Hoa là Chánh định. đầy đủ hoàn toàn. Vì Phật thường trong đại định, Một, Thành chánh giác Phật. như như bất động, rõ biết tất cả. Đó Vì Phật ở dưới cội cây Bồ đề gọi là Tam muội Phật. hàng phục các ma, sáng tỏ đại ngộ, Chín, Bản tính Phật. chứng quả vô thượng. Đó gọi là Vì Phật có đầy đủ trí huệ, soi thành chánh giác Phật. sáng tự tánh xưa nay là Phật, công Hai, Nguyện Phật. đức và tánh mầu nhiệm luôn luôn Vì Phật từ Đâu suất hạ sanh cõi đầy đủ. Đó gọi là bản tính Phật. người, nói pháp, độ sanh, đáp lại Mười, Tùy nhạo Phật. ước nguyện ban đầu ở kiếp trước. Vì Phật tùy theo căn cơ và ước Đó gọi là nguyện Phật. muốn của chúng sanh, nhanh chóng

như ý nghĩ, liền hiện thân nói pháp, (Đại bất tư nghì kinh là kinh khiến cho hạnh nghiệp của chúng Hoa nghiêm). thành tựu. Đó gọi là tùy nhạo Phật. Ba, Trung bổn kinh. Kinh này Long thọ thấy được ở HOA NGHIÊM THẬP Long cung có 8800 kệ, 12 phẩm; LOẠI KINH nên gọi là bổn kinh giữa. (Hoa nghiêm kinh Bốn, Thượng bổn kinh. Kinh này Long thọ thấy được ở sớ). long cung, có mười bộ kinh này Vì Như lai Tỳ lô giá na bằng chứa số kệ như vi trần trong 3000 nguyện lực vốn có, thị hiện thân vô đại thiên thế giới, số phẩm như vi lượng pháp giới nhiều như mây, trần trong bốn thiên hạ; nên gọi là khắp tất cả chỗ, thường chuyển bổn kinh ở trên. pháp luân vô thượng, làm cho (Bốn thiên hạ là phía đông châu chúng sanh vào biển Hoa nghiêm Phất vu đãi, phía nam châu Diêm rộng lớn không giới hạn. Nên biết phù đề, phía tây Cù đà ni, phía bắc kinh này, khó suy lường giới hạn, châu Uất đơn việt). nhưng từ hẹp đến rộng, tóm tắt vào Năm, Phổ nhãn kinh. mười loại. Vì vậy phẩm Hiện tướng Trong kinh này nói về pháp nói rằng: Phật Tỳ lô giá na nguyện môn Phổ nhãn. Với pháp môn này lực bao trùm khắp pháp giới, trong ở trong một pháp có thể thấy vô tất cả cõi nước, thường chuyển lượng pháp, là pháp môn Tỳ kheo pháp luân vô thượng. Hải vân đang tu trì. Lấy nước biển Một, Lược bổn kinh. lớn làm mực, lấy núi Tu di làm bút Kinh này một bộ 39 phẩm, 80 viết một môn trong một phẩm của quyển, hiện lưu hành ở đời: ấy là các pháp môn này, một pháp trong bốn vạn 5000 kệ trong mười vạn kệ một môn, một nghĩa trong một của bổn hạ chưa được đầy đủ; nên pháp, một câu trong một nghĩa còn gọi là bổn kinh tóm lược. không được một phần nhỏ, huống Hai, Hạ bổn kinh. chi

viết được hết nghĩa lý trong đó; Kinh này do Văn thù và A nan nên gọi là kinh Phổ nhãn. kết tập, Long thần đem về Long (Tỳ kheo Hải vân là nơi tham cung. Sau, nhân Bồ tát Long thọ kiến thiện tri thức thứ ba của Thiện vào Long cung, xem kinh này có ý tài đồng tử. Tỳ kheo này dùng pháp nghĩa không thể nghĩ bàn, có tất cả môn Phổ nhãn hướng dẫn cho là ba bổn (quyển) thượng, trung, Thiện tài). hạ. Bổn hạ có mười vạn kệ, 48 Sáu, Đồng thuyết kinh. phẩm; Long thọ ghi chép rồi đem Vì Phật ước chừng 100 ức thế về lưu truyền trên đời, nên gọi là giới đồng loại, trùm khắp hư bổn kinh sau. không, đều có chủ và bạn, cùng nói pháp luân vô tận.

Phẩm Bất tư nghì nói: Giống lý Tam thừa, là phương tiện tối ưu như một thân Phật, chuyển pháp dẫn vào cửa này. luân vô tận như thế. Cõi nước nhiều Kinh nói: Kinh Phổ nhãn lấy như hư không cũng chuyển pháp kinh của cõi Phật nhiều như vi trần luân như thế. Số lượng nơi chốn cho quyến thuộc; nên gọi là quyến phân chia ở mỗi đầu sợi lông, có thuộc kinh. một hóa thân Phật đều nói pháp Mười, Viên mãn kinh. như thế. Âm thanh, văn tự và nghĩa Kinh này có tên là Viên mãn lý trong từng câu thuyết giảng như nhân luân, dung hợp chín kinh trên thế đầy ắp cả pháp giới; nên gọi là làm một. Biến kế kinh vô tận, tùy kinh chư Phật cùng nói. theo từng hội, từng phẩm, từng câu Bảy, Dị thuyết kinh. đều thu nhiếp vào biển pháp vô tận, Vì Phật phỏng chừng các loại viên mãn đầy đủ. hình thức thế giới khác, quả báo Kinh nói: Thị hiện rõ ràng sức của chúng sanh ở trong đó cũng tự tại là nói kinh viên mãn, tất cả khác nhau; Phật thị hiện thân hình chúng sanh đều được thọ ký Bồ đề; nói pháp trong các nơi ấy, hướng nên gọi là kinh viên mãn. dẫn giáo hóa dân cư ở đó cũng (Nhân luân tức là căn bổn của không giống nhau; nên gọi là dị pháp luân nếu căn bổn pháp luân thuyết kinh. chuyển thì tất cả pháp luân đều (Thọ hình là hình thức thế giới chuyển). giống như thân cây). Tám, Chủ bạn kinh. THẬP CHỦNG GIÁO Tì lô giá na và mười phương THỂ Phật luôn làm chủ, bạn cho nhau (Hoa nghiêm kinh trong lâu đài hết mức mà nói kinh này. Như ở phương này, Giá na làm sớ). chủ, khi nói pháp này, thì mười Giáo là đại tạng giáo lý mà Như Phật làm bạn và ngược lại. Như khi lai đã nói. ở phương này nói Thập trụ thì Thể tức thể tánh là gốc của giáo mười phương Phật đến chứng minh lý vậy. Nhưng giáo lý mà Như lai và ngược lại; nên gọi là chủ bạn đã nói, ý vị về nghĩa lý có thuyên, kinh. hiển, quyền, thật cạn sâu không Chín, Quyến thuộc kinh. giống nhau; nên chia ra mười thể Phật tùy theo căn cơ của chúng loại, tóm thu tất cả giáo pháp. sanh mà giáo hóa cho thích hợp. Một, Âm thinh ngữ ngôn thể. Chúng sanh ấy là quyến thuộc của Âm thinh, ngôn ngữ là thể của kinh này. Vì căn cơ thấp kém giáo lý, nên hiệu lệnh, ngôn từ, không thể nghe được pháp Đại thừa phẩm bình, luận nghị, giáo thuyết Viên đốn, nên Phật theo đó nói giáo của Phật, đó là giáo thể.

Kinh Lăng nghiêm nói: Ở đây mà Tam muội hiển bày. Nước Cực có giáo thể chân chánh, thanh tịnh lạc của Phật Di đà, nước, chim, cây ngay từ âm thinh. chính là ý này. rừng đều nói pháp mầu. Biển tánh Hai, Danh cú văn thân thể. Hoa nghiêm, lưới báu Vân đài cùng Danh là dựa vào sự việc đặt tên. nói pháp âm. Ánh sáng từ lỗ chân Cú là do nhiều tiếng hợp thành. lông đều làm Phật sự. Văn là nối liền các nghĩa lại, (Hương tích là tên cõi Phật. nhằm nói người đang hoài thai. Hương phạn tức là Ngài Duy ma Thân là nơi nghĩa lý tụ tập lại. Ba cật hóa thân đến nước ấy xin cơm hình thức trên có

dài ngắn, cao hương phạn). thấp, lưu hành rộng khắp dần dần, Sáu, Nhiếp cảnh duy tâm thể. nhưng đều có thể giải bày rõ ràng Vì tất cả pháp của năm loại trên thể của giáo pháp. đều là biểu hiện của tâm, nên đều là Ba, Thông thủ tứ pháp thể. giáo thể. Sử dụng thông thạo bốn phép Luận Khởi tín nói: Cái được gọi thanh, danh, cú, văn và có thể giải là pháp là vì chúng sanh ra từ tâm. bày được giáo thể vậy. chính vì tâm ấy thu nhiếp tất cả Kinh Tịnh danh nói: Sử dụng pháp thế gian và xuất thế gian. thông thạo được bốn phép: danh, Bảy, Hội duyên nhập thật thể. cú, văn, thân, đó chính là đủ khả Hợp sáu môn duyên khởi giáo năng trình bày giáo thể của Phật. pháp sai biệt ở trước, cùng vào một Bốn, Thông nhiếp sở thuyên thật thể chân như; bởi vì các giáo lý thể. của Phật đều từ chân như mà ra. Vì Văn trong kinh truyền đạt, hàm vậy nhân duyên, sự tướng vốn là chứa nghĩa lý được trình bày, đó là không mà hoàn toàn là thể tánh của giáo thể. chân như vậy. Vì văn là nơi được dựa vào, Tám, Lý sự vô ngại thể. nghĩa là (năng) dựa vào; văn là Chân như là lý, giáo pháp là sự, trình bày, nghĩa được trình bày; đây cả hai điều này không trở ngại chính là sự hình thành hỗ tương nhau, là giáo thể vậy; bởi vì, tuy tất giữa văn và nghĩa vậy. cả giáo pháp, toàn thể là chân như Kinh nói: Văn tùy theo nghĩa, mà sự, tướng không chút trở ngại; nghĩa tùy theo văn, chính là ý này. tuy chân như toàn thể là tất cả giáo Năm, Chủ pháp hiển nghĩa thể. pháp mà sự hiển hiện rõ ràng lý, Tất cả các pháp của thế gian có tánh cũng không hề trở ngại. Cả hai thể hiển bày nghĩa lý, đều là giáo giao thoa, quán triệt, dung thông thể vậy. không trở ngại. Kinh Tịnh danh nói: Hoặc có Chín, Sự sự vô ngại. cõi Phật, dùng ánh sáng của Phật Vì văn và nghĩa của tất cả pháp mà làm Phật sự. Thế giới Hương viên dung (hòa tan hoàn toàn), lấy tích, ăn cơm hương thơm ngào ngạt pháp giới không chướng ngại làm

giáo thể vậy; bởi vì giáo được lập vào sức oai thần của Hải ấn Tam nên, hợp với tánh dung thông, sự sự muội. chính là ý này đây. vô ngại. Cho đến một lời nói, một (Ma hầu là già là tiếng Phạn, âm thanh, một câu văn, một ý tiếng Hoa là Đại phúc hành: rồng nghĩa, một nhân, một quả, một sợi đất). lông, một hạt bụi bao hàm trong pháp giới, viên dung vô ngại, hỗ GIÁO KHỞI THẬP tương giao thoa với nhau, lớp lớp NHÂN không cùng. (Hoa nghiêm kinh Kinh nói: Phật dùng một diệu âm mà mười phương cõi nước đều sớ). nghe hết, đầy đủ tất cả âm thinh, Vì Như lai xuất hiện, nói kinh mưa pháp thấm nhuần khắp nơi. Hoa nghiêm ắt phải có nhân duyên; chính là ý này đây. nên phẩm Xuất hiện nói: Không vì Mười, Hải ấn bình hiện thể. một duyên cớ, không vì một sự Vì Hải ấn Tam muội là giáo việc, mà Như lai xuất hiện, Như lai thể. Hải ấn là dụ, Tam muội là xuất hiện vì vô lượng nhân duyên định. Khi Như lai nói kinh Hoa mới thành tựu được. nghiêm thì vào Tam muội này. Tất Nay phát khởi giáo pháp này, cả các pháp cùng hiện ra một cách chỉ vì có hai chữ nhân duyên. Mỗi rõ ràng trong định hoàn toàn vắng chữ mở ra mười nghĩa, để hiển thị ý lặng. Giống như Hương hải lặng nghĩa vô tận. Trước bàn rõ mười trong, tịch tịnh không gợn sóng. nhân; sau trình bày mười duyên; Tất cả sắc thân của chúng sanh, nên gọi là nhân duyên mở đầu giáo hình tượng của vạn vật ở trong bốn pháp. thiên hạ đều hiện ra rõ ràng trong Một, Pháp ưng nhĩ. ấy; giống như con dấu trên công Pháp ưng nhĩ là lý vốn như thế. văn. Căn cơ giáo hóa và giáo pháp Vì Như lai xuất hiện, pháp phải sai biệt thì rất nhiều, tuy lớn, nhỏ nói

là kinh Hoa nghiêm này. Đó là không giống nhau, nhưng đều hiện nguyên nhân chư Phật ở vô tận thế ra trong định ấy rất rõ ràng và có giới đều thường chuyển pháp luân cùng duyên khởi. vô tận, khiến cho chúng sanh trở về Kinh nói: Hoặc hiện hình thể gốc, quay lại nguồn. Phật này đến đồng nam, đồng nữ, trời, rồng, A tu Phật kia, đạo vốn như nhau, pháp la, cho đến Ma hầu la già..., tùy đều như thế. theo sự ưa thích đều hiện ra hết. Hai, Thù túc nhân. Hình tướng của chúng sanh không Thù túc nhân là Như lai nói giống nhau, hạnh nghiệp và âm pháp để đáp ứng cái nhân nguyện thinh cũng không giống nhau. Tất từ đời trước vậy. Bởi Như lai ở cả như thế đều có thể hiện ra nhờ trong nhân ấy mà siêng năng tu tập đạo hạnh, nguyện độ chúng sanh.

Nay đã thành Phật, phải đáp lại Vì kinh này trình bày rõ ràng nguyện xưa; cho nên vận dụng cả địa vị tu hành của Bồ tát, từ nhân bi và trí, đầy đủ cả hạnh và nguyện, đến quả, cấp bậc khác nhau. Có hai để nói pháp rộng lớn độ các chúng loại: 1) Nhất hạnh bố vị tức là có sanh. thứ lớp và sắp đặt thăng tiến rõ Ba, Thuận cơ cảm. ràng; 2) Tam viên dung vị tức là Vì Như lai nói pháp, đều do cơ địa vị thu nhiếp tất cả địa vị. Như duyên mà cảm nhận. Nếu không sơ địa..., trong một địa thu nhiếp thích hợp căn cơ của chúng sanh, công đức tất cả các địa. có nói cũng vô ích; cho nên nói (Sơ địa tức là Hoan hỉ đại trong pháp phải tùy thuận cơ duyên. mười địa). Bốn, Vi giáo bổn. Bảy, Thuyết thắng hạnh. Trước tiên, Như lai nói pháp Vì Như lai rộng nói các hạnh Viên đốn Nhất thừa này, đây là gốc thù thắng, mầu nhiệm, khiến cho của các giáo pháp; nhưng về sau, con người tin tưởng, hướng về. Bởi nói Tiểu giáo của Thinh văn và muốn lên ngôi vị nhiệm mầu, Duyên giác, để thích hợp với căn không thực hành không bước lên cơ nhỏ. Khi căn khí đã chín muồi, được, nên nói vô lượng hạnh thù thì khiến cho Nhị thừa đi vào trí thắng, để cho tất cả Bồ tát và các huệ của Như lai. chúng sanh nương vào giáo pháp Năm, Hiển quả đức. lập nên hạnh nguyện, đi đến tu Như lai nêu lên quả mầu nhiệm, hành, chứng đắc và thâm nhập vào đức thù thắng làm cho mọi người kinh tạng. tin tưởng, ham thích Phật quả. Nếu Tám, Thị chân pháp. không biết quả đức của Phật thì Vì Như lai ra đời dạy bảo pháp làm sao có lòng khao khát mong lớn chân thật, khiến cho người hiểu cầu, vì thế Phật mới nêu lên quả rõ. Bởi muốn tu hạnh thù thắng, đức, y báo, chánh báo của mười phải quyết hiểu rõ lý của pháp. thân vi diệu trong thế giới hoa tạng, Không hiểu lý của pháp, có làm cho chúng sanh thấy. chính là ý cũng chẳng đúng. này. Kinh nói: Vì chúng sanh không (Y chánh quả đức có hai loại: hiểu rõ pháp chân thật, nên chư 1) Y quả tức là thế giới Hoa Phật mới ra đời. nghiêm; 2) Chánh quả tức là mười Chín, Khai nhân tín. thân của Như lai: Bồ đề thân, Như lai cho tất cả chúng sanh Nguyện thân, Hóa thân, Lực trì tánh đức vốn có vậy. Bởi như trên thân, Tướng hảo trang nghiêm thân, đã nói nhân quả của pháp chân Oai thế thân, Ý sanh thân, Phước chánh, hạnh thù thắng, trong bổn đức thân, Pháp thân, Trí thân). tánh của chúng sanh vốn có rồi; chỉ Sáu, Chương địa vị. vì tướng biến đổi, thể đã khác, sanh tính, xa trí không thể giác ngộ rốt

ráo. Vì vậy đàm luận kinh này để loại giới thời, bỉ thử tương nhập chúng sanh liễu ngộ tánh đức vốn thời, dĩ bổn thu mạt thời). có ấy. Hai, Y xứ. (Tướng biến đổi, thể đã khác là Xứ tức là chỗ nói kinh. tướng Phật của chúng sanh đã biến Vì chư Phật và Bồ tát, đối với đổi, thể của lý tánh cũng khác xa). mười phương cõi nước nhiều như Mười, Lợi kim

hậu. vi trần, trùm khắp pháp giới, hết cả Như lai nói pháp đem đến lợi hư không; cho đến từng nơi nhỏ bé ích cho chúng sanh đời này, đời như trên đầu sợi lông, đều có bảy sau. chỗ, chín hội để nói kinh đốn giáo Kinh nói: Chư Phật của chúng này. Giống như cái lưới của Đế ta giúp đỡ, gìn giữ pháp này, để thích, những hạt châu trong ấy cho tất cả Bồ tát, đời sau đều nghe chiếu ánh sáng lẫn nhau muôn lớp được pháp, và thu hoạch được không thể lường; nên nói là y xứ. nhiều lợi ích. (bảy chỗ là: 1) Bồ đề tràng, 2) Phổ quang minh điện, 3) Trời Đao GIÁO KHỞI THẬP lợi, 4) Trời Dạ ma, 5) Trời Đâu DUYÊN suất, 6) Trời Tha hóa, 7) Rừng Thệ (Hoa nghiêm kinh đa. Chín hội là sáu chỗ, mỗi chỗ sớ) nói một hội; riêng điện Phổ quang Một, Y thời. minh nói ba hội). Thời tức là thời gian nói kinh. Ba, Y chủ. Vì tâm của Như lai đến chỗ tận Chủ tức là giáo chủ nói kinh. cùng sâu xa của đạo thì bao quát cả Vì Phật Tì lô giá na hiện ra thân xưa, nay; thời gian trong một niệm nhiều như mây trong pháp giới vô và nhiều kiếp là một, thời gian ấy tận, trùm khắp sát hải như vi trần vốn không thể phân chia hay hạn trong mười phương, thường nói lượng. Nay lấy thời gian không thể kinh Hoa nghiêm. phân chia ấy, trình bày tóm lược Kinh nói: Như có người ở đây thành mười, mà kinh này thường mà thấy Phật ngồi đang nói pháp, nói. thì chúng sanh ở trong vô số thế Kinh nói: Chư Phật chứng được giới khác cũng thấy y như vậy; nên Bồ đề, thật sự, không thể tính bằng gọi là y chủ. ngày. chính là ý này. Bốn, Y Tam muội. (mười thời là nhất niệm thời, Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng tận thất nhật thời, biến tam tế thời, Hoa là Chánh định. nhiếp đồng loại kiếp thời, thu dị Vì Phật nói kinh, trước tiên loại kiếp thời, dĩ niệm nhiếp kiếp phải vào Tam muội, im lặng quan thời, kiếp niệm trùng thu thời, dị sát lý tính của các pháp; quyền, thật rõ ràng; sau đó từ trong định mà

khởi dụng, nói pháp đúng căn cơ huệ của ông thanh tịnh; bảo Bồ tát của chúng sanh; nên gọi là nương Phổ hiền rằng cũng vì ông tu tập vào chánh định. các hạnh nguyện của Bồ tát, ông (Quyền, thật rõ ràng là nói pháp mới vào được chánh định mà diễn Tiểu thừa là Quyền, nói pháp Đại nói pháp mầu; nên gọi là y đức thừa là Thật). bổn. Năm, Y hiện tướng. Chín, Y thỉnh nhân. Hiện tướng là tướng lành hiện Thỉnh nhân tức là người thỉnh ra khi sắp nói kinh. cầu pháp nhiệm mầu. Hoặc là chiếu hào quang, hoặc Vì người nói pháp có tâm từ bi là đất rung động, hoặc là mưa hoa, sâu rộng, tuy không người mời, hỏi mây thơm đều là điềm lành báo mà vẫn tự hỏi. Nếu có người kính trước khi Phật nói pháp. Vì vậy ở trọng giáo pháp và pháp sư, thì phải các pháp hội, sắp sửa nói pháp, thành tâm cung thỉnh rồi sau mới trước tiên đều có phóng quang làm nói; nên gọi là y thỉnh nhân. cho vạn vật chú ý; nên gọi là y hiện Mười, Y năng gia. tướng. Năng gia là Như lai dùng thần Sáu, Y thuyết nhân. lực gia bị cho Bồ tát để các vị ấy Thuyết nhân tức là người nói nói pháp. Gia bị có hai thứ: một) pháp. Hiển gia là Phật dùng thân của ba Vì pháp không có suy tàn, nghiệp giúp đỡ hiển nhiên; hai) không có hưng thịnh; mà suy tàn Minh gia là Phật bí mật ban cho trí hay hưng thịnh là do người. huệ giúp cho người kia nói pháp; Kinh nói: Pháp của Phật không nên nói là y năng gia. có người thuyết giảng, dù có trí huệ nào ai có thể hiểu thấu được. Vì GIÁO BỊ THẬP CƠ vậy mà nói là y nhân thuyết. (Hoa nghiêm kinh Bảy, Y thính nhân. Thính nhân tức là người nghe sớ). pháp. Giáo là giáo pháp viên đốn Vì Phật nói, nếu không có Nhất thừa của kinh Hoa nghiêm. người nghe thì nói để làm gì; nên Vì Như lai Tì lô giá na

diễn gọi là y thính nhân. thuyết kinh này là dạy bảo cho mọi Tám, Y đức bổn. căn cơ của chúng sanh. Thông Đức bổn là người đàm luận về thường có mười loại, nên gọi là dạy kinh, phải có trí huệ, hạnh, nguyện bảo khắp mười căn cơ của chúng làm căn bổn. sanh. Nếu, bên trong, không có căn Một, Bị vô tín cơ. bổn về đức, bên ngoài làm sao có Vì chúng sanh có tà kiến, thể đàm luận được. Vì vậy Phật bảo không có căn lành, không thể tin và Bồ tát Kim cang tràng rằng do trí nhận giáo pháp của Phật; hoặc

được nghe rồi mà lại sanh tâm dèm cuối cùng có thể tỉnh ngộ. Đó gọi là pha, nên rơi vào các đường ác. Dù thủ quyền cơ. rơi vào đường ác, nhưng do nghe Sáu, Bị chánh vi cơ. được tên kinh, huân tập thành Phật, thực sự, chỉ vì căn cơ chủng tử. Đó gọi là bị vô tín cơ. Viên đốn Nhất thừa, mới nói giáo Hai, Bị vi chân cơ. lý đầy đủ công đức này để cho Vì người làm trái với chân pháp những chúng sanh ấy nghe rồi tin Viên giáo mà còn dựa vào kinh này hiểu, tu hành giác ngộ sâu vào kinh để cầu danh lợi; nói pháp như vậy tạng; tức là vận dụng Đại thừa mầu là bất tịnh. Tu tập nhân lành mà nhiệm, không thể nghĩ bàn, đưa không đúng cách, nên tuy sai trái chúng sanh ngao du vào biển liên với giáo lý chân chánh, Phật vẫn hoa tạng. Đó gọi là bị chánh vi cơ. cho được có ích lợi, còn hơn để cho (Ngao du vào biển liên hoa tạng hạng người ấy chán bỏ pháp Phật. là ví dụ đã chứng được lý tính của Đó gọi là bị vi nhân cơ. pháp giới, bao hàm tất cả, chẳng sót Ba, Bị quai thật cơ. một cái gì). Vì người mắc chặt vào văn từ, Bảy, Bị kiêm bị cơ. ngôn ngữ là sai trái với thật lý, nên Người nghe kinh, dù chưa ngộ nghĩa lý viên diệu không vào được nhập, nhưng có thể tin tưởng, thọ tâm của họ. Dù sai với thật lý, trì thành chủng tử vững chắc. nhưng nhờ nghe được giáo pháp Kinh nói: Giống như người ăn mà huân tập thành chủng tử. Đó gọi một ít kim cương, rốt cuộc không là bị quai thật cơ. tiêu mất. Đây là so sánh với người Bốn, Bị hiệp liệt cơ. chưa chứng ngộ được lý tính của Vì hạng Nhị thừa, căn cơ, nhận kinh này, thì gọi người ấy là kiêm thức nhỏ bé; tuy ở trong pháp hội (gồm cả). Đó gọi là bị kiêm vi cơ. mà như câm, như điếc không nghe Tám, Bị dẫn vi cơ. được kinh này. Căn tuy nhỏ hẹp, Vì Bồ tát Quyền giáo nói trên, nhưng chủng tử đã huân tập từ kiếp không tin giáo pháp Viên dung đầy trước. Đó gọi là bị hiệp liệt cơ. đủ công đức, nên ở trong Thập địa, Năm, Bị thủ quyền cơ. dùng nghĩa của sáu tướng Viên Quyền tức là phương tiện khéo dung, mượn tên của Tam thừa hành léo tạm thời. bố, gởi gắm ngôi vị để được tăng Cơ tức là động cơ thị hiện ra trưởng tốt đẹp, giảng giải để giáo hóa. khuyên răn, khiến cho chúng tin và Vì người tu theo Quyền giáo, nhận, tức là vào được viên dung. chấp chặt giáo pháp của ba thừa, tu (Hành bố là thứ tự tu tập của và chứng theo thứ tự, không tin vào Bồ tát viên dung tức là vô ngại, phi giáo lý viên dung. Tuy chấp vào nhất phi dị. giáo pháp nhỏ hẹp, tạm thời, nhưng Sáu tướng là tổng, biệt, đồng, vẫn mong cầu sự lợi ích của Phật, dị, thành, hoại).

Chín, Bị quyền vi cơ. mười tông bao gồm hết một đời nói Hàng Nhị thừa bị mù, điếc pháp của Phật. không nghe hiểu được kinh này, vì Một, Ngã pháp câu hữu tông. thế các vị đại Bồ tát thị hiện hạnh Tông này chấp trước có thật Thinh văn, ở trong pháp hội, làm ngã và cho rằng các pháp hữu và vô bộ nói không nghe, không hiểu; vi đều thật có. Đó là tông chấp thật cho đến trong rừng Thệ đa, từ chối có ngã và thật có pháp. đốn ngộ pháp giới, thị hiện căn cơ Hai, Pháp hữu ngã vô tông. Tiểu thừa, cũng có thể hiểu được,

Tông này cho rằng thật có các vào thâm lý Đại thừa được. Đó gọi pháp, sắc và tâm không xa lìa; là bị quyền vi cơ. nhưng đối với ngã tướng, thì hoàn (Tiếng Phạn là Thệ đa, tiếng toàn không thật có. Đó là tông pháp Hoa là Thắng lâm). hữu ngã vô. Mười, Bị viễn vi cơ. Ba, Pháp vô khứ lai tông. Vì căn cơ của chúng sanh xa Tông này cho rằng tất cả pháp cách quá lâu Phật pháp, khiến cho hiện tại là thật có, còn các pháp ở chúng được thành thục. Bởi phàm quá khứ, vị lai thì không thật có. phu, ngoại đạo không có tánh xiển Đó gọi là tông vô khứ lai pháp. đề, cho đến tất cả chúng sanh đời Bốn, Hiện thông giả thật tông. sau, đều có tánh Phật, nhưng đều bị Tông này cho rằng các pháp vô minh che lấp. Nay, tuy không hiện tại vừa thật vừa giả. tin, sau, ắt sẽ vào được Phật đạo, vì Thật là năm uẩn. Giả là 12 xứ, huân tập lâu xa thành chủng tử. Đó 18 giới. Đó là tông hiện thông giả gọi là bị viễn vi cơ. thật. Năm, Tục vọng chân thật tông. THẬP TÔNG THÂU Tông này cho rằng các pháp thế GIÁO tục đều là giả rồi; các pháp xuất thế
(Hoa nghiêm kinh đều là chân thật. Đó là tông tục vọng chân thật. sớ). Sáu, Chư pháp đản danh tông. Đời Đường, quốc sư Hiền thủ Tông này cho rằng tất cả pháp và Pháp tạng lập tông không giống đều là giả danh, không có tánh thể nhau, nên mới mở ra mười tông, thật. Đó là tông chư pháp đản danh. chia ra năm giáo, bao gồm thánh Bảy, Tam tánh không hữu tông. giáo một đời của Phật. Về lý đã đến Tông này cho rằng trong ba cùng cực; nên trước chia ra sáu tánh chỉ có tánh biến kế là không tông bao gồm hết giáo lý Tiểu thừa, có, hai tánh còn lại y tha, viên tông thứ bảy đưa Thỉ giáo vào, tông thành thì có. Đó là tông không có thứ tám đưa Đốn giáo vào, tông thứ tánh thứ ba (biến kế). chín đưa Chung giáo vào, tông thứ (Biến kế tánh là vì chúng sanh mười đưa Viên giáo vào; nên gọi mê lầm, không hiểu các pháp vốn

không, lầm cho là có ngã và tất cả Huyền môn tức là mười huyền pháp, rồi suy ra tất cả đều như thế. môn, lấy mười tánh đức của mười Y tha tánh là tất cả pháp, thật pháp này làm nhân, dựng lên công sự, chỉ nương vào các duyên tương dụng của nghiệp lớn, khiến cho các ứng mà khởi lên (có mặt), đều pháp trong huyền môn, dung hợp không có tự tánh (tánh của riêng vô ngại, muôn lớp không cùng; nên nó). gọi là mười nhân vô ngại của huyền Viên thành thật tánh là tánh môn. chân như, không thay không đổi (Huyền là diệu: nhiệm mầu). theo không gian và thời gian, thành Một, Duy tâm sở hiện. tựu viên mãn). Vì tất cả pháp trong thế gian và Tám, Chơn không tuyệt tướng ngoài thế gian, đều do chân tâm tông. hiện ra. Như vậy, pháp do tâm hiện, Tông này nói rằng trong chân nên toàn thể các pháp là tâm, mà không thật tướng, hoàn toàn không tâm đã viên dung thì pháp cũng có các tướng của giả danh, của hư không chướng ngại. vọng. Đó là tông chơn không tuyệt Kinh nói: Biết tất cả pháp tức là tướng. biết tự tánh của tâm. chính là ý này. Chín, Không hữu vô ngại tông. Hai, Pháp vô định tánh. Tông này nói không, đó tức là Vì tất cả pháp chỉ do tâm hiện không trong hữu, nên hữu không ra, tùy duyên mà khởi lên, nên làm trở ngại. Nói hữu tức là nói không có tánh cố định. chính vì hữu trong không, nên không không vậy, gọi là nhỏ chẳng phải (nhất làm trở ngại. Cả hai tướng hỗ tương định) nhỏ, nên mới nói trong một không chút trở ngại. Đó là tông hạt bụi chứa cả bầu trời; lớn chẳng không hữu vô ngại. phải lớn (nhất định) lớn, nên mới Mười, Viên dung cụ đức tông. nói đến vô số núi Tu di đặt trên đầu Tông này nói tất cả pháp viên một sợi lông. dung đúng với lý tánh, có đầy đủ Kinh nói: Lấy

vô lượng núi kim công đức, bao quát tất cả, muôn sự cang luân vi, có thể đặt được trên không trở ngại, chủ và bạn nhiều đầu một sợi lông. chính là ý này. vô cùng. Đó là tông viên dung cụ (Luân vi là núi Kim cang luân đức. vi) (Chủ tức là Phật. Bạn tức là Bồ Ba, Duyên khởi tương do. tát). Vì pháp duyên khởi nương tựa lẫn nhau; song về pháp giới duyên HUYỀN MÔN VÔ NGẠI khởi thì nghĩa lý vô lượng, chỉ nói THẬP NHÂN sơ qua mười nghĩa duyên khởi (Hoa nghiêm thành tựu; nên gọi là duyên khởi tương do. kinh sớ).

(mười nghĩa là chư duyên các Kinh nói: Vật ở gần hay vật ở dị nghĩa, hỗ tương tư nghĩa, câu tồn xa đều có ảnh hiện vào trong vô ngại nghĩa, dị thể tương nhập gương, mà không tùy thuộc vị trí nghĩa, đồng thể tương tức nghĩa, của vật. chính là ý này. câu dung vô ngại nghĩa, thể dụng Bảy, Nhân vô hạn. song dung nghĩa, dị thể tương tức Vì trong nhân ở kiếp trước, nghĩa, đồng dị viên mãn nghĩa, xứng hợp với tánh của pháp giới, tu đồng thể tương tức nghĩa). vô lượng nhân thù thắng (rất tốt Bốn, Pháp tánh dung thông. đẹp), nên đời này chứng được quả Vì tánh của pháp giới viên có công dụng mầu nhiệm vô biên. dung, thấu suốt, không trở ngại; Tám, Phật chứng cùng. song tất cả sự pháp giới phải nương Phật chứng cùng là quả Phật vào tánh pháp giới mới lập thành chứng được là rốt ráo (cùng cực), được. Sự này không khác chơn nên tam giác (tự giác, giác tha, giác tánh; mà tánh đã dung thông thì sự hạnh viên mãn) hoàn toàn sáng cũng như vậy, nên mỗi vi trần chứa suốt, sáu thần thông tự tại, hợp với cả pháp giới. tánh của pháp giới, nói kinh viên Kinh nói: bao nhiêu vi trần có mãn. trong thế giới hoa tạng, mỗi vi trần Kinh nói: Phật an trụ trong hiện cả pháp giới. chính là ý này. pháp tánh chân thật sâu xa, dòng Năm, Như ảo mộng. sông chánh pháp viên mãn chảy Ảo là giống như nhà ảo thuật có mãi không ngừng. thể biến hóa một vật thành ra nhiều (sáu thần thông là thiên nhãn, vật và biến hóa nhiều vật thành một thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thân vật. như ý, lậu tận). Mộng là như thấy trong giấc Chín, Thâm định dụng. mộng sự nghiệp lẫy lừng, rồi cho Thâm định dụng là diệu dụng rằng trải qua thời gian biết bao khởi lên khi vào sâu trong đại định. nhiêu lâu xa. Bởi bằng sức các Tam muội hải ấn, Kinh nói: Giống như giấc mộng khiến cho tất cả pháp cùng hiện ra người đang ngủ, thấy làm vô số rực rỡ, viên dung, vô ngại. việc, dường như trải qua ngàn, vạn Kinh nói: Vào các Tam muội năm, mà thực sự; một đêm chưa nhiều như vi trần, rồi từ mỗi vi trần hết. chính là ý này. sanh ra các định nữa. chính là ý Sáu, Như ảnh tượng. này. Vì tất cả các pháp hiện ra từ (Tam muội hải ấn: Tam muội là tâm và có thể bao hàm tánh sáng chánh định; hải ấn là dụ. Tất cả suốt, giống như cái gương sáng, pháp cùng hiện ra trong đại định ảnh tượng của các pháp hiện vào vắng lặng một cách rực rỡ; giống trong đó. như Hương hải vắng lặng, tất cả sắc tướng xuất hiện trong ấy một cách

rõ ràng, như hình con dấu đóng lên đầu sợi lông mà không thiếu. Nhỏ văn bản). chẳng phải nhất định nhỏ, bao hàm Mười, Thần thông giải thoát. cả bầu trời mà không dư; như vậy Giải thoát có nghĩa là tự tại. gọi là sự và lý dung thông, tự tại vô Vì Phật dùng sức thần thông ngại. giải thoát không thể nghĩ bàn, Kinh nói: Có thể lấy tiểu thế khiến cho trong một pháp mà dựng giới làm thành đại thế giới và lên tất cả pháp một cách rõ ràng, ngược lại. chính là ý này. viên dung, tự tại. Ba, Nhất đa trương dung bất Kinh nói: Thiết lập tất cả Phật đồng môn. pháp ba đời ở trong một hạt bụi. một cõi Phật cùng với

mười chính là ý này. phương tất cả cõi Phật dung nạp hỗ tương, nhưng không làm mất tướng THẬP HUYỀN MÔN một và nhiều, nên gọi là không (Hoa nghiêm kinh Tùy giống nhau. Kinh nói: Lấy một cõi Phật làm sớ diễn nghĩa sao). đầy khắp mười phương cõi; lấy Huyền là nhiệm mầu (diệu). mười phương cõi Phật đem vào Môn nghĩa là có khả năng thông một cõi cũng chẳng thừa. chính là ý suốt. này. Vì cửa huyền diệu có thể thông Bốn, Chư pháp tương tức tự tại suốt vào biển Liên hoa tạng. mười môn. môn này là do tôn giả Vân hoa, đời Vì tất cả các pháp chan hòa vào Tấn, dựa vào kinh Hoa nghiêm lập nhau, không phân ly nhau, không ra. trở ngại nhau. Một, Đồng thời cụ túc tương Kinh nói: một tức là nhiều, ưng môn. nhiều tức là một. chính là ý này. Khi nêu lên một pháp thì liền Năm, Bí mật ẩn hiển câu thành đầy đủ các pháp. một pháp đã đầy môn. đủ, pháp pháp cũng như thế, kết Vì tất cả các pháp thu nhiếp lẫn hợp lẫn nhau cùng lúc, đều được nhau không trở ngại. Như một pháp tương ưng, đầy đủ viên mãn. nhiếp nhiều pháp, thì một pháp Kinh nói: Tất cả pháp môn như hiển bày, còn nhiều pháp ẩn đi. biển không cùng, cùng tụ hội trong Như nhiều pháp nhiếp một pháp, một pháp tràng. thì nhiều pháp hiển bày, còn một Hai, Quảng hiệp tự tại vô ngại pháp ẩn đi. Trong hiển lộ có phần môn. ẩn đi và ngược lại, gọi là cùng Lớn mà không có gì ở ngoài thì thành tựu. Do ẩn và hiển này, mà gọi là rộng. Nhỏ mà không có gì ở thể không có trước sau, không hề trong thì gọi là hẹp. Nhưng lớn có trở ngại, gọi là bí mật. chẳng phải nhất định lớn, để trên

Sớ nói: Giống như mặt trăng Kinh nói: Chư Phật biết tất cả trong tám ngày đầu, nửa ẩn nửa thế giới, giống như thế giới trong hiện, ẩn hiện cùng lúc không giống tấm lưới xâu vô số hạt minh châu như trăng cuối tháng hoàn toàn ẩn của trời Đế thích. chính là ý này. và không hiện, hay trăng rằm hoàn tám, Thác sự hiển pháp sanh toàn hiện và không ẩn. Nhưng giải môn. trăng nửa ẩn nửa hiện không phải Ủy thác cho một công việc là sáng, tối đều nhau, mà sáng giảm làm hiển lộ lòng tin và hiểu sâu xa thì tối tăng và tối giảm thì sáng pháp môn ấy. tăng. Sớ nói: Tự tại gọi là vua. Thấm Sáu, Vi tế tương dung an lập nhuần ích lợi gọi là mây pháp. Thế môn. giới sắc vàng là bổn tánh. Lầu các Vì một có khả năng bao hàm Di lặc là cửa pháp. Bà la môn nhiều, gọi là tương dung. Vì một và Thắng nhiệt, núi Hỏa tụ đao là Bát nhiều không lẫn lộn gọi là an lập. nhã. Song những vật vi tế được chứa (Bà la môn Thắng nhiệt tức là đựng, như bình lưu ly chứa đầy lần thứ chín tham vấn thiện tri thức những hạt cải, như những cây đèn trong năməba lần tham vấn của cùng đốt lên một lượt, ánh sáng của Thiện tài đồng tử). chúng chan hòa không chút trở Chín, Thập thế cách pháp dị ngại. thành môn. Kinh nói: Ở trong một hạt bụi, Vì ba đời thì khác nhau, một tất cả cõi nước ở yên trong đó một niệm thì bao gồm, nên gọi là mười cách thoải mái (rộng rãi). chính là ý đời, ba đời là phân chia ra, để này. không lộn xộn. Đó là pháp phân Bảy, Nhân đà la võng cảnh giới cách. ba đời tồn tại hỗ tương, tuần môn. tự thành lập, nên gọi là dị thành Tiếng Phạn là Nhân đà la, tiếng (thành lập riệng). Hoa là thiên châu. Thiên tức là trời Kinh nói: Bồ tát có mười thứ Đế thích. Châu tức là cái lưới bằng thuyết về tam thế. Quá khứ thuyết hạt châu. Bởi trên điện của Đế quá khứ, quá khứ thuyết hiện tại, thích có một cái lưới bằng hạt châu quá khứ thuyết vị lai. Hiện tại che phủ. Cứ trong mỗi hạt minh thuyết bình đẳng, hiện tại thuyết vị châu đều hiện ra muôn vàn hiện lai, hiện tại thuyết quá khứ. Vị

lai tượng. Tất cả những hạt châu hỗ thuyết hiện tại, vị lai thuyết quá tương trong nhau, trùng trùng vạn khứ, vị lai thuyết vô tận, hay còn lớp không cùng. Pháp môn này gọi là vô lượng vô số kiếp. Hiểu ra cũng như vậy. Trong từng pháp, là một niệm. trong từng ngôi vị, trong từng thế (Bình đẳng là hiện tại trong giới tương giao với nhau, trùng hiện tại; trông về quá khứ trước, vị trùng vô tận. lai sau thì được bình đẳng.

Vô tận là vị lai trong vị lai; ở nhau, cần phải phân biệt thể và ranh giới của vị lai, không có chỗ dụng, không hề lộn xộn, duyên chấm dứt). khởi mới thành được. Mười, Chủ bạn viên minh cụ Kinh nói: Trong nhiều không đức môn. có tánh một, trong một cũng không Vì Như lai nói pháp Viên giáo, có tánh nhiều. có lý do không phải là cô khởi, ắt Hai, Hỗ biến tương tư nghĩa. quyến thuộc theo đó sanh ra. Vì Hỗ biến tương tư là sự khởi lên vậy mười phương chư Phật, Bồ tát của các pháp bao quát, hỗ tương, hay làm chủ, bạn cho nhau nhiều giúp đỡ lẫn nhau thì duyên khởi vô số kể và đồng thời cùng nói mới thành. Đây chính là trong một pháp môn Viên giáo. Giống như duyên có đầy đủ nhiều duyên. Nếu bầu trời trong vắt, ánh sáng trăng trong một mà không có nhiều, thì vằng vặc, những vì sao la liệt vây một không thể biến khắp và duyên quanh. Như cái bình trắng sạch khởi không thành. Phải biết trong chứa nước trăm sông, hình ảnh pháp giới này, từ một duyên có đủ muôn vật xa gần đều hiện rõ trong nhiều duyên. Mọi pháp đều như ấy, gọi là chủ, bạn sáng suốt tròn thế, đều biến khắp, trợ giúp lẫn đầy. Pháp môn được nói trong tất nhau. cả pháp hội đều luận bàn cùng cực Kinh nói: Biết có một vì có về lý tánh, đầy đủ công đức. nhiều, có nhiều vì có một. Kinh nói: Khế kinh Phật nói Ba, Câu tồn vô ngại nghĩa. trong pháp giới, nhiều vô số như vi Câu tồn vô ngại là hễ có một trần của cõi Phật. Quyến thuộc của duyên thì chắc chắn trước đó phải Phật cũng như vậy. có hai nghĩa, mới thành duyên khởi vô ngại. Nhưng vì mỗi nghĩa khác DUYÊN KHỞI THẬP nhau, nên phải chờ duyên; vì ứng NGHĨA hiện trùm khắp, nên phải tự có đủ (Hoa nghiêm kinh công đức. Vì vậy từ một trong nhiều và nhiều trong một, tự tại vô sớ). ngại. Duyên khởi là nhân duyên khởi Kinh nói: Các pháp không có lên của các pháp, tuần tự nhiếp trì chỗ nương, chỉ do hòa hợp mà khởi lẫn nhau, thấm sâu vào nhau không lên. trở ngại. Chia ra mười thứ để giải Bốn, Dị thể tương nhập nghĩa. thích nghĩa của mười huyền môn ở Dị thể tương nhập là thể của trên. các pháp khác nhau, tuần tự thẩm Một, Chư duyên các dị nghĩa. thấu vào nhau. Bởi lực dụng của Chư duyên các dị là duyên khởi các pháp, duy trì, nương tựa lẫn ra các pháp không giống nhau. Vì nhau mới thành được duyên khởi. các pháp tuần tự nương tựa vào

Năm, dị thể tương tức nghĩa Tám, Đồng thể tương tức Dị thể tương tức là thể của các nghĩa. pháp khác nhau, lại càng hướng về Đồng thể tương tức là một hay nhau, để có hình thể quyết định; nhiều đều cùng một thể, nên gọi là song vừa có thể, vừa không thể, thì tương tức. mới thành được duyên khởi. Nếu Chín, Câu dung vô ngại nghĩa. một duyên có hình thể thì có khả Câu dung vô ngại là hòa hợp năng khởi lên các duyên, đó là một hoàn toàn hai thứ tương tức tương duyên. Nếu một duyên không hình nhập của thể giống nhau đã đề cập thể, thì duyên khởi lên là nhiều ở trên, đều không có trở ngại. Vì duyên. một duyên vừa có hình thể thể không thể không có dụng thì vừa không có hình thể đã như thế, không có nghĩa tương tức mà chỉ thì nhiều duyên có hình thể và

có nghĩa tương nhập. Nay toàn thể không có hình thể cũng như thế. đã là toàn dụng thì tương nhập Kinh nói: một tức là nhiều, cũng là tương tức. nhiều tức là một Mười, Đồng dị viên mãn nghĩa. Sáu, Thể dụng song dung Nghĩa của chín trường hợp trên nghĩa. có khác, đến đây tổng hợp lại thành Thể, dụng song dung là hai thứ một, thành đại duyên khởi, làm cho tương nhập, tương tức của khác thể nhiều nghĩa đồng thời đầy đủ, viên vừa đề cập ở trên, đều dung thông mãn. cả hai. Bởi vì thể, dụng của các pháp có liên quan mật thiết vô ngại, THẬP DIỆU mới thành duyên khởi. Vì không (Pháp hoa huyền nghĩa). thể nào mà không có dụng, nên tất cả thể là dụng. Vì không dụng nào Không thể nghĩ bàn gọi là diệu là là không có thể, nên tất cả dụng (nhiệm mầu), tức là lý của thật là thể, hỗ tương vô ngại, quan hệ tướng. Lý của thật tướng thì tinh vi, với nhau hoàn toàn. huyền diệu, thanh tịnh, vắng lặng Bảy, Đồng thể tương nhập tuyệt đối. nghĩa. Kinh nói: Pháp ấy không thể Đồng thể tương nhập là dù một biết, tướng của ngôn từ vắng bặc. duyên hay nhiều duyên cũng không Khái quát thì vì nhân quả, tự tha có thể khác, nên gọi là đồng thể. đều soi sáng bởi thập diệu, không Nếu một duyên có đủ sức mạnh, thì khác lý thể của diệu. có thể duy trì được những duyên Một, Cảnh diệu. còn lại. Nếu những duyên còn lại Cảnh tức là lý cảnh. Vì cảnh không có đủ lực thì phải nương vào của mười như thị gồm tâm, Phật, một duyên kia. Đó là một có thể chúng sanh không khác nhau, thu nhiếp nhiều, nhiều có thể nhập không thể nghĩ bàn. vào một và ngược lại.

Kinh nói: Chỉ có Phật với Phật Kinh nói: chính Phật ở trong mới có thể thấu suốt hết thật tướng Đại thừa, như pháp Ngài chứng của các pháp, đó gọi là tướng như được, sức trang nghiêm của định, thế của các pháp. huệ. (mười như thị là: như thị tướng, Sáu, Cảm ứng diệu. như thị tánh, như thị thể, như thị Cảm tức là chúng sanh. Ứng lực, như thị tác, như thị nhân, như tức là Phật. Vì chúng sanh dùng tất thị quả, như thị báo, như thị bản cả căn cơ có được để cảm Phật; còn mạt cứu cánh). Phật dùng ứng hóa nhiệm mầu để Hai, Trí diệu. ứng với chúng sanh. Giống như Trí tức là trí phát hiện ra toàn nước không đi lên được, mặt trăng cảnh. Vì cảnh mầu nhiệm nên trí không đi xuống được, mà mặt trăng cũng nhiệm mầu theo. Cảnh và trí hiện khắp sông ngòi, không thể tương ứng không thể nghĩ bàn. nghĩ bàn. Kinh nói: Trí huệ mà ta chứng Kinh nói: Tất cả chúng sanh được là nhiệm mầu số một. đều là con của ta. Ba, Hành diệu. Bảy, Thần thông diệu. Hành là hạnh tu tập. Vì trí Tâm tự nhiên gọi là thần. Tánh nhiệm mầu mà trí hướng dẫn hành, trí huệ gọi là thông. Tánh trí huệ tự nên hành cũng mầu nhiệm theo nhiên chiếu suốt mọi phương, vô không thể nghĩ bàn. ngại với mọi vật, gọi là thần thông. Kinh nói: Tu hành các đạo lý Vì Như lai ứng hóa tất cả, với này rồi, đã thành đạo quả ở đạo phương tiện khéo léo. Thích hợp tràng. với mọi căn cơ, biến và hiện tự tại Bốn, Vị diệu. không thể nghĩ bàn. Vị là thứ lớp ngôi vị khi tu Kinh nói: Nay đức Thế tôn vào hành trải qua, như Thập trụ, Thập Tam muội; đó là việc ít có, không hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa. Vì thể nghĩ bàn. hạnh mầu nhiệm nên vị chứng được Tám, Thuyết pháp diệu. cũng mầu nhiệm, không thể nghĩ Vì nói pháp Đại thừa, Tiểu bàn. thừa, Viên, Thiên đều làm cho Kinh nói: Đi trên xe quý báu, chúng sanh ngộ, vào được tri kiến ngao du khắp bốn phương (tượng của Phật. Một âm thanh mà Phật trưng cho tứ thập vị). nói ra không thể nghĩ bàn. Năm, Tam pháp diệu. Kinh nói: Như lai có thể phân Tam

pháp là chân tánh, quán biệt tất cả mọi thứ, nói pháp một chiếu, tư thành. cách khéo léo, ngôn từ uyển Chân tánh là lý. Quán chiếu là chuyển làm vui lòng mọi người. huệ. Tư thành là định. ba pháp này (Thiên, Viên là lý bàn bạc trong Phật đã chứng, không thể nghĩ bàn. pháp Tiểu thừa chẳng phải là trung đạo, nên gọi là Thiên: Lệch; lý bàn

bạc trong Đại thừa đầy đủ viên mãn trong một niệm, tâm khai mở, hiểu nên gọi là Viên: Tròn) rõ lẽ nhiệm mầu, lập nên diệu hạnh. Chín, Quyến thuộc diệu. Vì vậy nói rằng không thể không Khi Phật ra đời, các vị đại Bồ hiểu giềng mối của thập diệu, nên tát trong mười phương đều đến tóm tắt thập diệu làm thành đại thể khen ngợi, phụ giúp, hoặc bằng của quán pháp. Nhưng mười môn thần thông mà đến, hoặc do túc này dùng Bất nhị để đặt tên. Bởi nguyện mà đến, hoặc bằng ứng kinh Pháp hoa, tứ thời, tam giáo trở hiện mà đến. Những vị Bồ tát ấy về trước, luận bàn về mười sắc, tâm đều là quyến thuộc của Phật, đồng riêng biệt, khác nhau, gọi đó là hai. không thể nghĩ bàn. Đến khi kinh Pháp hoa mở bày Tứ Kinh nói: Các vị Bồ tát cùng thời, Tam giáo, luận bàn về pháp với Phật giáo hóa chúng sanh, Thiên, Quyền đều là lý chân thật không có đệ tử là Thinh văn. tròn đầy, đã nói rõ các pháp sắc và Mười, Lợi ích diệu. tâm viên dung, tự tại, thu nhiếp lẫn Phật nói Pháp tất cả chúng sanh nhau, không có gì ngoài, đều gọi là đều được hiểu rõ bổn tánh, vào tri Bất nhị. kiến của Phật. Giống như mưa Thập môn đối với thập diệu mà đúng lúc mát khắp mọi nơi, đất đai lập; diệu tức là không hai, không đều được hưởng ích lợi, không thể hai tức là diệu; nên thập môn này nghĩ bàn. lấy Bất nhị làm mắt. Môn có nghĩa Kinh nói: Hiện tại hay tương là thông suốt, vì muốn dùng sự dễ lai, nếu ai nghe được một câu kinh dàng của thập môn để thông hiểu hay một bài kệ, ta đều thọ ký cho được sự khó khăn của thập diệu. người ấy chứng được vô thượng (Tứ thời là Hoa nghiêm thời, chánh đẳng chánh giác. Lộc uyển thời, Phương đẳng thời, Bát nhã thời. THẬP BẤT NHỊ MÔN Tam giáo là Tạng giáo, Thông
(Pháp hoa huyền giáo, Biệt giáo. Thiên, Quyền, Viên, Thật. ba nghĩa thích thiêm). giáo Tạng, Thông, Biệt là Thiên, là Lập ra thập môn để làm gì ? Quyền. Viên giáo là Viên, là Thật). Bởi vì đại sư Kinh khê khi giải Một, Sắc tâm bất nhị môn. thích Pháp hoa huyền nghĩa, trong Pháp có hình tướng, vật thể trở đó ý nghĩa của thập diệu rất là rộng ngại mà không có tri giác, khác với sâu, bao trùm pháp tướng, học giả tâm, nên gọi là sắc. Có tri giác mà khó hiểu được; nên ở trong hai môn không vật thể trở ngại, có khả năng Tích và Bổn, đối với thập diệu ở duyên lự (suy gẫm) gọi là tâm. trước mà lập ra thập môn này. Lại Trong kinh văn thường gọi là nữa, từng môn dưới đây qui kết về danh sắc. Tâm không thể thấy, chỉ một niệm, làm cho người tu học, ở có tên thôi, nên danh là tâm vậy.

Luận Trí độ nói: Trong tất cả Ba, Tu tánh bất nhị môn. các pháp, chỉ có danh và sắc, không Tu là sửa chửa, tạo tác, tùy có pháp nào ra ngoài danh và sắc. duyên mà làm ra mọi việc. Tánh là Nhưng về tình mà nói thì sắc, tâm cái vốn có, không thay đổi, tức là lý là hai pháp có khác nhau; về lý mà chân như bất biến. Tánh đức chính bàn thì tất cả pháp vốn đầy đủ trong là Tam quán. Nay nói bằng toàn tâm. Tức là diệu sắc, diệu tâm; tâm tánh bắt đầu tu, thì các hành là vô tức là sắc, sắc tức là tâm; ngoài tâm tác; hoàn toàn tu tại tánh thì một không sắc, ngoài sắc không tâm; niệm là viên thành (kết quả hoàn tương quan tương liên, nên gọi là toàn). Cho nên tu không ngoài tánh, Bất nhị.

ngoài tánh không tu, liên hệ mật Bất nhị này không ra ngoài một thiết với nhau, nên gọi là Bất nhị. niệm, cho nên lấy cái nhiệm mầu Bất nhị này không ra ngoài một của tâm pháp làm cửa. niệm, vì vậy lấy tâm pháp nhiệm Hai, Nội ngoại bất nhị môn. mầu làm cửa. Lấy hai cảnh trong, ngoài để Bốn, Nhân quả bất nhị môn. bàn hai quán trong, ngoài. Nhân là từ mê mà nói, còn quả Vì chúng sanh, chư Phật và y là đứng trên quá trình giác ngộ mà báo gọi là ngoại cảnh. Tâm pháp nói. của mình gọi là nội cảnh. Đối với Ban đầu từ trời, người, cuối hai cảnh nội, ngoại này, đều dùng cùng là Đẳng giác, Bồ tát đều gọi là tam quán mà quán sát, tức gọi là nhân; chỉ đến Diệu giác hay Phật hai quán nội, ngoại. Nhưng nếu bàn mới gọi là quả. Bởi vì chúng sanh về thứ lớp tu quán, thì trước phải trong chín cõi bị vô minh che lấp, quán nội tâm; nếu luận về căn cơ lý thật tướng chưa hiển lộ nên gọi thâm nhập không giống nhau, thì là nhân; chỉ có Diệu giác, Phật đã nên quán nội, ngoại song song; để hoàn toàn không còn vô minh, lý làm hiển lộ nghĩa nhiệm mầu của thật tướng hoàn toàn hiển lộ, theo nó, thì phải thấu đạt lý tương dung cơ mà ứng hiện, hóa độ không giới của nội, ngoại. Tuy là quán một hạn, nên gọi là quả. cảnh mà có khả năng bao hàm tất Mười cõi, tuy mê, ngộ khác cả, nên gọi là Bất nhị. nhau, nhưng thật tướng trước sau Bất nhị này không ra ngoài một chỉ có một, nên gọi là Bất nhị. niệm, nên lấy sự nhiệm mầu của Bất nhị này không ra ngoài một tâm pháp làm cửa vậy. niệm, cho nên vì sự nhiệm mầu của (Y báo là quốc độ nơi thân thể tâm pháp mà lấy làm cửa. nương tựa. Tam quán là không (chín cõi là Bồ tát, Duyên giác, quán, giả quán, trung quán. Lìa Thinh văn, Thiên, Nhân, Tu la, Ngạ tánh, lìa tướng gọi là không; có mà quả, Súc sanh, Địa ngục và Phật). không thật gọi là giả; chẳng phải Năm, Nhiễm tịnh bất nhị môn. không chẳng phải giả gọi là trung).

Dụng của vô minh là lây nhiễm. vốn không hai, nên có thể nói trong Dụng của pháp tánh là trong sạch. y có chánh, trong chánh có y. Quả Thể của vô minh và pháp tánh vốn đã là y, chánh, không hai, nhân không hai, nhưng dụng thì có khác. cũng như thế, do lý giống nhau Mê thì toàn pháp tánh trở thành vô vậy, nên phải biết, chư Phật và minh. Dụng của vô minh khi khởi chúng sanh, thể và dụng không hai. lên do tâm ràng buộc tạo tác, biến Lý không hai này không ra ngoài đổi các pháp; niệm niệm liên tục một niệm, vì vậy, lấy sự mầu vướng mắc, nên gọi là nhiễm. Ngộ nhiệm của tâm pháp làm cửa. thì toàn thể vô minh trở thành pháp (ba cõi ở dưới là cõi Đồng cư, tánh. Dụng của pháp tánh khởi lên cõi Phương tiện, cõi Thật báo, đối do xa lìa tâm chướng ngại, ứng phó với cõi Thường tịch quang ở trên, với các duyên; niệm niệm liên tục nên ba cõi ấy gọi là dưới). rời bỏ, nên gọi là tịnh. Bảy, Tự tha bất nhị môn. Nhưng khi tâm bị ràng buộc, ô Tự tức là tự mình. Tha tức là nhiễm mà lý mầu nhiệm vốn có đầy căn cơ của người khác. Đây chính đủ, so với tịnh không khác, nên gọi là Tam pháp luận; Phật, Pháp, là bất nhị. Bất nhị này không ra chúng sanh đều gọi là tha (cái khác, ngoài một niệm; vì vậy, lấy sự mầu người khác); chỉ có tâm pháp là tự nhiệm của tâm pháp làm cửa. (ta). Vì do mười giới đầy đủ hỗ (Tâm ràng buộc là tâm thức của tương thì tâm, Phật và chúng sanh, chúng sanh bị hoặc nghiệp trói mỗi thứ đều có thể sanh ra Phật. buộc. Nếu tâm mình sanh ra Phật thì hiển Xa lìa tâm chướng ngại là tâm nhiên rồi, với Phật do tâm người tưởng của Phật hoàn toàn dứt sạch khác sanh ra như nhau, đều là khả hoặc nghiệp, đâu còn chướng ngại năng thay đổi tự nhiên; chỉ khi tâm gì nữa). của

những chúng sanh khác sanh ra Sáu, Y chánh bất nhị môn. Phật, đó là được thay đổi. Cho nên Y là nơi được nương tựa, tức nói rằng người khác sanh ra Phật xứ sở đang ở. Chánh là kẻ đang khác còn đồng với tâm, huống nữa nhận quả báo của mình, tức là thân là tâm ta sanh ra Phật, lại trái với thể đang nương tựa một nơi nào đó; nhất niệm sao ? Đã đồng một niệm như Phật thị hiện ba cõi nước ở thì ta và kia đâu có khác; nên gọi là dưới, gọi là y báo; thị hiện ba giáo Bất nhị. chủ và thân trong chín cõi ở trên Bất nhị này không ra ngoài một gọi là chánh báo. niệm, nên lấy sự nhiệm mầu của Kinh Pháp hoa chỉ rõ ba cõi, tâm pháp làm cửa. tức là Tịch quang, chín giới đều là Tám, Tam nghiệp bất nhị môn. viên Phật (pháp thân). Tịnh quang Tam nghiệp là sau khi Như lai là cõi sở y, viên Phật là thân năng chứng quả rồi giáo hóa chúng sanh y. Vì Tịch quang, viên Phật về lý

thanh tịnh các nghiệp thân, miệng, (bảy phương tiện là phương là ý. pháp; tiện là tiện nghi. Vì hai giáo Vì thân thể đang ổn định hòa Nhị thừa Tạng, Thông là bốn và ba hợp, miệng đang thuyết pháp, ý giáo Tạng, Thông, Biệt Bồ tát công đang xem xét căn cơ, còn phải biết lại là bảy, do cùng tu theo đường rằng thân chẳng phải là thân, nói lối phương tiện). chẳng phải là nói. Thân, miệng Mười, Thọ nhuận bất nhị môn. bình đẳng cùng với ý luân. Tâm, Thọ nhuận là từ dụ mà đặt tên. sắc như một, nên gọi là Bất nhị. Bất Thọ tức là lãnh nạp, dùng ba cỏ, ba nhị này không ra ngoài một niệm, cây dụ bảy phương tiện chúng sanh vì vậy lấy sự nhiệm mầu của tâm có thể lãnh nạp. Nhuận tức thấm pháp làm cửa. nhuần. Vì bốn thời ba giáo trước (Thân, khẩu, ý luân là vì luân: của Như lai, như mây gặp lạnh kết Bánh xa có công dụng nghiền nát, thành mưa, nên cây, cỏ được thấm dụ cho Phật quan sát căn cơ hiện nhuần. Pháp hoa trình bày trước thân thuyết pháp, có thể nghiền nát bốn thời, ba giáo là pháp viên mãn. hoặc nghiệp của chúng sanh, nên bảy phương tiện chúng sanh đều gọi là luân. mong được thọ ký thành Phật; Tâm, sắc như một là tâm tức ý, giống như ba cỏ hai cây đều sống sắc tức thân, miệng. Vì ba nghiệp trên một mảnh đất, được thấm thân, miệng ý đều cùng một tánh nhuần một trận mưa, không hề sai không khác nhau). khác, nên gọi là Bất nhị. Chín, Quyền thật bất nhị môn. Bất nhị này không ra ngoài một Quyền là mưu kế để đối phó niệm, nên lấy sự mầu nhiệm của với hoàn cảnh bất thường, tức là tâm pháp làm cửa. chín giới, bảy phương tiện. Thật là (Ba cỏ hai cây dụ cho bảy chân thật, tức cõi Phật, pháp viên phương tiện là hạ thảo dụ cho thừa. người, trời; trung thảo dụ cho Bởi từ Pháp hoa về trước, bốn Thinh văn, Duyên giác; thượng thời Quyền, Thật chưa từng hòa thảo dụ cho tạng giáo Bồ tát. Tiểu hợp, đến thời Pháp hoa mở ra thì thọ dụ cho Thông giáo Bồ tát; đại chín giới, bảy phương tiện tức là thọ dụ cho Biệt giáo Bồ tát. chân thật viên thừa Phật giới. Thật Bảy, Phương tiện này, do đối tức Quyền, Quyền tức Thật. Thật với hạ thảo, nên lấy trời, người hợp không ngoài Quyền, Quyền không với bậc Nhị thừa Tạng, Thông. Đối ngoài Thật đều gọi là nhiệm mầu, pháp Quyền, Thật không đề cập bí mật, nên gọi là Bất nhị. Bất nhị đến trời, người). này không ra ngoài một niệm. Vì vậy, lấy sự nhiệm mầu của tâm THẬP THỪA pháp làm cửa. (Ma ha chỉ quán).

Thập thừa là mười thừa quán chân này thành vọng. Nay thấu pháp. Thừa có nghĩa là chuyên chở. được vọng tức là chân. Trong vọng Vì người tu hành nương vào tâm này đầy đủ các pháp, không mười pháp này tu tập thì có thể chút nào sứt mẻ. Đó là tâm là

tất cả chuyên chở ra khỏi sống, chết, qua pháp và tất cả pháp là tâm; chẳng bên kia bờ Niết bàn. Có đến mười phải một chẳng phải khác; không pháp, do người tu quán căn cơ có trước không có sau; nhiệm mầu không giống nhau gồm thượng, tuyệt đối vắng lặng; Thức chẳng trung, hạ. Đối với bậc thượng căn, hiểu được; lời chẳng thể nói được; ban đầu, chỉ quán cảnh bất tư nghì, nên bảo rằng tâm này là cảnh thì phá được hoặc, hiển được lý. không thể nghĩ bàn. Bậc kế, đối với quán pháp ban đầu, Đối với một tâm này, trong tu tập mà không vào được, mà phải từng niệm có đầy đủ ba quán: phát tâm lần thứ hai, cho đến lần Không, giả , trung. Nếu quán một thứ tám, mới có thể phá được hoặc, pháp tức là quán tất cả pháp, đó là hiển được lý. Bậc kế tiếp nữa, đối giả quán; quán tất cả pháp tức là với bảy cách quán ở trước không quán một pháp, đó là không quán; vào được, phải dùng đến tri vị thứ chẳng phải một chẳng phải tất cả, tám, cho đến ly pháp ái thứ mười, mà một mà tất cả, đó là trung quán. mới có thể phá được hoặc, hiển Không quán phá trừ kiến, tư được lý. hoặc chứng được đức Niết bàn. Giả Chỉ quán đại ý nói: Bậc thượng quán phá trừ trần sa hoặc, chứng căn chỉ có một pháp; bậc trung căn được đức giải thoát. Trung quán phải có hai hoặc bảy pháp; hạ căn phá trừ vô minh hoặc, chứng được phải đủ mười pháp, mới biết được đức pháp thân. Ba quán đã là một cảnh mầu nhiệm, là gốc của chín mà là ba; há ba hoặc lại có phá trừ thừa. Theo đúng căn bổn tu tập trước, sau; ba đức chẳng phải theo chín thừa, mới có thể vào sơ trụ. Vì tuần tự mà chứng. Nói thì có tuần vậy luận bàn đầy đủ mười thừa này. tự, nhưng lý thì không. Vì chứng Một, Quán bất tư nghì cảnh. được ba đức là vào được sơ trụ. Vì Quán tức là năng quán (người vậy nói người thượng căn chỉ dùng quán). Cảnh tức là sở quán (cảnh bị một pháp, tức là chỉ cho sơ pháp quán). Năng quán, sở quán đâu có này. ra ngoài sắc tâm. Sắc từ tâm tạo ra, (Lìa tánh, lìa tướng là không; nên cả hai đều là tâm. không pháp nào là không duyên Kinh nói: Trong ba cõi không sanh là Giả; chẳng phải không có pháp nào khác, chỉ một tâm tạo chẳng phải giả là Trung). tác thôi. Đó tức là công việc hằng Hai, Phát chân chánh Bồ đề ngày của chúng sanh khi căn đối tâm. với trần, vọng tâm khởi lên trong Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa một niệm vậy. Lúc ấy, tâm toàn là Đạo. Ý chí to lớn mới khởi lên,

tạo nên hứng thú trong một thời Ngôi vị Phàm, Thánh: Phàm là gian, gọi là phát. Không dựa vào năm Phẩm trong ngôi vị Thập tín; giáo lý Thiên, Quyền, mà chỉ dựa Thánh là các ngôi vị của Thập trụ). vào cảnh mầu nhiệm của trung đạo, Ba, Thiện xảo an tâm. Viên, Thật, gọi là chân chánh. Bồ Thiện là dựa vào pháp tánh để đề là quả có được trong thời gian tu tự an tâm mình, vì pháp tánh là đối tập nhất định. Cảnh nhiệm mầu là tượng được an, vì tịch chiếu là con đường đã chọn đi. Tâm tức là năng an. Tịch tức là chỉ (định). tâm có khả năng thực hành, có khả Chiếu tức là quán. năng hướng tới. Nếu tin tâm này chỉ là pháp Bởi bậc trung căn quán cảnh tánh, thì khởi lên là pháp tánh khởi mầu nhiệm trên không ngộ, lại lên, diệt đi là pháp tánh diệt, rốt ráo càng thêm phát tâm. Ở trong tâm không khởi không diệt. Tạm gọi là thanh tịnh, suy nghĩ về ta, người, có sanh có diệt, khi tu hành hiểu thương xót mình, người, từ vô được thể tánh như thế thì pháp giới lượng kiếp chìm nổi trong sống, đều vắng lặng; đó gọi là chỉ. chết, chưa hề phát lên tâm chí dù là Nếu quán sát tâm thể này là vô nhỏ hẹp, lờ mờ về tâm Bồ đề. Nay, minh, thì vô minh tức là pháp tánh, ta tuy biết ra điều ấy, nhưng thực vô

minh và pháp tánh, từ xưa đến hành chưa đến nơi, chưa đầy đủ, nay, vốn không, và cái không ấy nên nương vào cảnh mầu nhiệm cũng không thể được (có) thì pháp trước, phát lên bốn lời thệ rộng lớn giới sáng trưng; gọi đó là quán. là: Thề nguyền độ chúng sanh Nếu lìa pháp tánh thì không có nhiều vô số; Thề nguyền dứt hết chỗ an tâm; nếu lìa chỉ, quán thì phiền não nhiều vô số. hai nguyện không có pháp an tâm. Vì như trên, này là dưới giáo hóa chúng sanh. phát tâm không hiểu rõ, nên phải Thề nguyền hiểu biết tất cả pháp dùng đến phương tiện khéo léo để môn; Thề nguyền thành được Phật làm cho tâm được an. đạo cao siêu. hai nguyện này là trên Bốn, Phá pháp biến. mong cầu Phật đạo. Phá pháp biến là dùng ba quán Phát nguyện này xong, như lý suy là pháp năng phá, phá hết các hoặc tư, bỗng rõ lẽ đạo, vào được ngôi vị (phiền não). phàm, thánh. Đó là phát tâm Bồ đề Hai giáo Tạng, Thông chỉ dùng chân chánh. không quán phá kiến, tư hoặc nên (Thiên, Quyền, Viên, Thật: ba không thể gọi là khắp (hết) được. giáo Tạng, Thông, Biệt là Thiên, là Biệt giáo trước dùng không quán Quyền; Viên giáo là Viên, là Thật. phá kiến, tư hoặc; kế đến dùng giả Hoằng thệ: Hoằng là rộng. Thệ quán phá trần sa hoặc; sau cùng là chế ngự. Vì phát nguyện là chế dùng không quán phá vô minh ngự rộng khắp tâm mình. hoặc. Vô minh chưa hết sạch, cũng không thể nói là khắp. Nay giáo

pháp Viên đốn thì cho rằng tam thông, nên lập ra pháp thông tắc quán chỉ ở nhất tâm. này, giúp cho Phá pháp biến từ tắc Tâm không nên một không thì được thông và từ thông không tắc, tất cả không, tức là các pháp đều nên gọi là thức thông tắc. không. Không thì ba hoặc đều phá. (Phiền não: Mờ ám, buồn rầu là Tâm giả nên một giả thì tất cả phiền; Tâm thần tức giận, buồn giả, tức là các pháp đều giả. Giả thì bực, không yên là não. ba đế đều thành tựu. sáu tế là xan tham, phá giới, sân Tâm trung nên một trung thì tất nhuế, giải đãi, tán loạn, ngu si). cả trung, tức là các pháp đều trung. Sáu, Đạo phẩm điều thích. Trung thì phá tất cả hoặc, hiển lộ Đạo có nghĩa là thông suốt. tất cả lý; nên gọi là biến (khắp, Thứ, loại không giống nhau, nên hết). gọi là đạo phẩm. Vì 37 đạo phẩm Nếu trên nhờ thiện xảo an tâm có khả năng dẫn đến Niết bàn. Điều thì hoặc bị phá, lý được hiển, thích là giải bày thỏa mãn, đúng không đợi phá nữa vì chưa an, nên đắn. Nói cách khác, đó là 37 phẩm phải tu theo phá pháp biến. trợ đạo. Nếu nói tổng quát thì 37 Năm, Thức thông tắc. phẩm trợ đạo này không ra ngoài Thông tức là thông đạt (biết hết giới, định, huệ; tức là lấy giới, mọi việc). định, huệ điều hòa một cách thích Vì các pháp Bồ đề, Niết bàn, đáng. Lục độ, tánh của nó thông suốt và Nếu tu tứ niệm xứ thì có thể có thể làm hiển lộ lý của thật sanh chánh cần, chánh cần phát tướng, nên gọi là thông. sanh như ý túc. Như ý túc sanh ra Tắc tức là ngăn lấp. Vì các ngũ căn. Ngũ căn sanh ra ngũ lực. pháp sống chết, phiền não, sáu tế, Ngũ lực sanh ra thất giác. Thất giác tánh của nó tối tăm, hay che lấp ý vào bát chánh đạo. Đó là điều hòa của thật tướng và không thể hiển lộ một cách thích đáng. được, nên gọi là tắc. Hoặc khái Nếu tùy theo căn tánh của con quát mà nói, như trong Phá pháp người, đối với các đạo phẩm, biến ở trước hoặc bị phá là tắc, không căn tánh nào là không khế pháp năng phá là thông; hoặc nói hợp, thích ứng để có thể vào đạo, riêng đối với quán pháp năng phá, thấm lý. Đó là điều hợp có thích lại khởi lên tham đắm, cũng gọi là nghi. Phải biết rằng 37 phẩm trợ tắc. Đó là vì đối với thông mà khởi đạo là Đạo đế trong Tứ đế. Nay lên tắc. Tắc này

phải phá thì tắc sẽ nương vào vô tác Tứ đế của Viên được thông. Thông này phải được giáo, thì 37 phẩm trợ đạo thành hỗ trợ, chỉ phá tắc còn lại thông. Vì nhất niệm tam quán. Ở trên đã đề trong Phá pháp biến ở trên tu tập cập Phá pháp biến và Thức thông chưa ngộ, lại sợ từ thông đạt khởi tắc, nếu không dùng 37 phẩm trợ lên che lấp; che lấp thì không đạo điều hợp thích đáng, thì có thể

làm thế nào cùng chân pháp tương lại nổi lên, kích động quán tâm, chỉ ứng. biết ôm ấp tiền của, gìn giữ cho Đại luận nói: 37 phẩm trợ đạo riêng mình thì phải dùng phương là phương pháp tu hành. Người tu, pháp bố thí để đối trị. nếu muốn phá trừ được phiền não, Nếu sân hận, hung hăng, tâm thâm nhập vào lý đạo, phải thực thường sanh giận dữ thì phải dùng hành 37 phẩm trợ đạo này một cách phương pháp nhẫn nhục để đối trị. thích hợp. Nếu người móng tâm phá giới, (37 phẩm trợ đạo là Tứ niệm sai phạm giới cấm, phải bền vững xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, giữ giới luật để đối trị. Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Nếu buông lung, lười biếng thì Bát chánh đạo). phải dùng siêng năng để đối trị. Bảy, Đối trị trợ khai. Nếu dong ruổi đây đó, lông Đối tức là đối đãi. Trị tức là sửa bông cả ngày, tán loạn bất định thì trị. phải dùng thiền định để đối trị. Vì người tu hành khi đang tu Nếu tăm tối, ngu si, lầm lẫn, mê quán, bỗng tâm gian tà nổi lên, mờ thì phải dùng trí huệ để đối trị. ngăn trở việc tu hành, không thể sáu pháp quán ở trên gọi là tiến triển. Tùy theo sự vướng mắc chánh hạnh lục độ có tên là trợ đạo. của tâm, phải dùng đến pháp tương Kinh Niết bàn nói: Phiền não ứng để đối trị, phá trừ. Tâm vướng của chúng sanh không phải một mắc đã ngưng, thì việc tu hành có thứ, nên Phật nói vô lượng pháp thể tiến bộ, lý chân thật có thể hiển môn đối trị. lộ. Giống như thầy thuốc ở đời Tám, Tri vị thứ. dùng phương thuật trị bệnh. Thuốc Vị tức là những nơi đã trải qua. thì tùy bệnh mà dùng. Mắc bệnh Thứ tức là lớp lang. Vì những ngôi cảm lạnh thì dùng thuốc có tính vị đã trải qua, cao thấp, nông sâu có nóng để trị, v.v... Nếu thuốc có thứ lớp, không lộn xộn; nếu người hiệu nghiệm thì bệnh bớt dần và lúc tu hành không biết thứ lớp, căn cơ ấy thân thể khỏe mạnh; vì vậy mà thấp kém, chướng ngại nặng nề, gọi là trợ khai. không chỉ các pháp chánh trợ đạo Vì tâm tà vạy làm chướng ngại không rõ mà còn sanh tâm kiêu tu hành nên làm cho cửa giải thoát mạn với bậc trưởng thượng: Tự cho không mở. Nay tu tập pháp trợ đạo mình bằng Phật, chưa chứng cho là đối trị này, giúp cho hạnh chánh chứng, chưa đắc cho là đắc; nên quán, mở cửa giải thoát ấy ra; nên trong kinh Tiểu thừa nói rằng có Tỳ gọi là đối trị trợ khai.Có thể lấy lục kheo tu Tứ thiền cõi trời Sắc giới tế và lục độ để so sánh. mà cho là chứng tứ quả Thinh văn; Nếu người tu đạo phẩm đã đề kinh Đại thừa kể rằng ma giả làm cập ở trên mà cửa giải thoát không Bồ tát thọ ký. Nếu biết thứ lớp thì mở ra, ngược lại tham lam, bỏn xẻn không bị lỗi lầm như thế.

(Chánh, trợ đạo: Chánh là hạnh (Ngũ phẩm là Tùy hỷ, Độc tu chỉ quán; trợ lục độ giúp cho tụng, Thuyết pháp, Kiêm hành lục chánh. Tứ thiền là thiền thứ tư cõi độ, Chánh hành lục độ. sắc. Tứ quả là Tu đà hoàn, Tư đà Mười, Ly pháp ái. hàm, A na hàm, A la hán của Thinh Vì đối với pháp trung đạo xa lìa văn tu chứng. tâm ái nhiễm, đó gọi là ly pháp ái. Thọ ký là lời Phật nói ra cho đệ Bởi người tu hành, tu tập chín loại tử gọi là thọ (trao), kết quả đến pháp quán ở trước, đã vượt qua hai đúng thời gian của tâm gọi là ký chướng ngại trong và ngoài, nên đi (ghi). vào sơ trụ, mà không vào là do ở Chín, An

nhẫn. ngôi vị sáu căn thanh tịnh rồi mê An tức không động. Nhẫn tức đắm pháp tương tự với trung đạo. chịu đựng. Vì người tu quán, ban Đó là nguyên nhân không thể thẳng đầu quán cảnh không thể nghĩ bàn, vào sơ trụ. cho đến Tri thứ vị thứ tám, hoặc là Ngôi vị tương tự này không có vào Ngũ phẩm thì nghiệp chướng chướng ngại trong và ngoài, chỉ có chuyển biến, trí huệ mở mang, tinh đắm nhiễm pháp mà thôi. Nếu thần và trí huệ trong sáng, nhanh chấm dứt đắm nhiễm pháp thì được nhẹn. Dù vốn không học hành trung đạo chân thật phát sanh và nhưng có thể hiểu được kinh luận; vào sơ trụ, nên gọi là ly pháp ái. muốn giảng giải một nghĩa mà nói Thứ tám, chín, 13 đều người có không hết lời. Hoặc nói một, hai căn cơ thấp kém, tu tập bảy loại câu kệ Phật pháp, hoặc nói một, hai quán pháp ở trên mà không thể hiểu tắc thiền (thoại tắc). nổi lý, nên phải nói rõ ràng để cho Ban đầu chỉ có một người, sau kẻ hạ căn phải tu đủ cả mười thừa truyền tụng rộng dần ra, thì danh, quán pháp. lợi bên ngoài chiêu cảm, chướng (Chướng ngại trong, ngoài. ngại đời trước làm cho tâm loạn Trong là chỉ cho hoặc nghiệp; động. Chướng ngại đời trước dù ít, ngoài là chỉ cho danh, lợi..., vì đều danh lợi lại càng kéo đến, bao vây, có thể làm trở ngại, che lấp chánh bỏ mất công hạnh của mình; chẳng hạnh. những việc tu hành không tiến lên, Pháp tương tợ là đối với lý của mà chướng ngại đường đạo càng trung đạo, chưa thực chứng, nhưng nhiều. Chỉ có tự nỗ lực, đối với đã hiểu lờ mờ). danh lợi, tâm an nhiên bất động. Lại còn chịu đựng sự vinh, nhục ở THẬP CẢNH ngoài và trong, gắng sức bằng cả (Ma ha chỉ quán). tâm hồn mới hòng tiến tới; nên gọi là an nhẫn. Thập cảnh đều là những cảnh mà thập thừa quán pháp đã quán.

Nếu luận về sự sanh khởi của xứ. Trong kinh lại nói: Tất cả pháp mười cảnh thì đều do quán năm ấm môn đều lấy năm ấm làm đầu; nên và 12 nhập mà phát sanh chín cảnh đó cũng là đối tượng của pháp quán ở dưới, năng, sở giúp đỡ lẫn nhau; đầu tiên. Đây là đề cập chung về lần lượt sanh ra, mới thành được năm ấm, nếu nói riêng về cảnh sở mười cảnh. quán, thì phải trừ bốn ấm trước Nếu luận về chín cảnh ở dưới, trong năm ấm, chỉ dùng cảnh sở phát sanh lẫn nhau không ngừng, quán cả thức ấm thứ năm. thì không còn theo thứ lớp, nên biết Hai, Phiền não cảnh. cảnh của năm ấm thường tự hiện ra Tối tăm, bức rức, não loạn tâm trước mặt. Nếu phát hay không thần, lại tham lam, giận dữ... đó là phát cũng luôn thực hành quán phiền não. Vì từ xưa đến nay chất pháp về các cảnh ấy. Chín cảnh ở chứa vô số lầm lạc, nay nhờ quán dưới phát sanh nên dùng Thập thừa sát cảnh năm ấm thì phiền não liền quán pháp để quán, nếu không phát phát sanh. Giống như dòng sông sanh thì không quán. chảy bình thường không biết được (Năng, sở giúp đỡ lẫn nhau là sự gấp gáp, nhanh chóng của nó. như cảnh của ấm đầu tiên sanh Nếu dùng cây chặn nó lại thì dòng phiền não; các cảnh còn lại lần lượt nước sẽ vọt tung lên, không sao cũng như thế). ngăn chặn được. Lúc ấy, nên bỏ Một, Ấm cảnh. cảnh năm ấm mà quán cảnh phiền Ấm có nghĩa là che đậy, tức là não. năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức Ba, Bệnh hoạn cảnh. cũng gọi là năm uẩn. Uẩn có nghĩa Nguyên nhân sanh ra tuy nhiều, là chứa nhóm. không ra ngoài bốn đại thịnh, suy; Nếu nói che đậy tất cả pháp hoặc do quán sát phiền não, năm lành thì đây là đứng về nhân mà đặt ấm làm kích động bốn đại đưa đến tên; nếu nói chứa nhóm sự sống, sinh mệnh. Nếu thân đã nhiễm chết không cùng thì đây là đứng về bệnh thì bỏ nửa

chừng tu tập thánh quả mà đặt tên. đạo. Nếu có quán sát lại càng phải Mười cảnh lấy ấm đứng hàng dụng tâm, phải hiểu rõ nguyên do đầu, có hai ý nghĩa hiện tiền và dựa của bệnh, nên dùng phương pháp theo kinh. Hiện tiền là cái thân chịu nào để trị nó; hoặc là bằng sức quả báo trong một giai đoạn thời quán bên trong, hoặc là bằng y gian, tức là năm ấm. năm ấm nhiều thuật, thì bệnh có thể bớt và thánh lớp che phủ thường hiện tiền, nên đạo mới có thể tu. Ấy là nên quán lấy nó làm đối tượng pháp quán sát cảnh bệnh hoạn. ban đầu. Dựa vào kinh thì Đại Bốn, Nghiệp tướng cảnh. phẩm kinh Bát nhã nói: Thinh văn Nghiệp tức là hành động của nương Tứ niệm xứ mà tu tập, năm thân và miệng làm ra. ấm là cảnh sở quán của Tứ niệm

Vì người tu hành, từ vô lượng không cho vào. hai, phải quán sát kiếp đến nay, làm ra các nghiệp thật kỹ lưỡng từ đầu đến chân, thân thiện, ác; hoặc đã đến lúc thọ báo, và tâm hoàn toàn không thể nắm lại không phát ra; hoặc chưa đến bắt được (hiểu được) thì ma từ đâu lúc thọ báo, ở trong tâm yên lặng mà đến, sẽ não loạn cái gì. Giống bỗng phát ra. Bởi vì nghiệp lành như kẻ ác vào nhà phải theo dõi nó sắp thọ báo phát ra, thì nghiệp dữ mọi nơi mọi lúc, không để nó ở lại lại đến đòi trả báo cũng phát ra. trong nhà. ba, quán sát nó mà Khi hai nghiệp thiện, ác này hiện ra không trừ được, thì bằng tâm lực cùng lúc, đừng mừng cũng đừng sợ vững chãi chống cự nó, cho đến mà lại càng tu tập quán pháp hơn chết mới thôi. Nhất tâm dùng quán thì nghiệp từ từ tiêu diệt, một lòng pháp để cho đạo hạnh thành tựu, giữ đạo là phải quán sát cảnh tướng hay là phải quán sát cảnh của ma của nghiệp. sự. Năm, Ma sự cảnh. (Thiên ma tức là thời thứ sáu Ma là tiếng Phạn, gọi đủ là Ma Tha hóa tự tại, cõi Dục. la, tiếng Hoa là kẻ sát hại, vì hay Sáu, Thiền định cảnh. cướp mất đời sống trí tuệ của con Thiền là tiếng Phạn, gọi đủ là người. Thiền na, tiếng Hoa là Tịnh lự. Nói ma sự thì luận Đại trí độ Vì ma sự đã qua mà sự sáng nói rằng ma lấy việc phá hoại pháp suốt thật sự chưa hiển lộ, nên phải lành của con người làm sự nghiệp; tu quán; phát hiện ra nhiều loại lại nữa Thiên ma lấy việc làm thối thiền tu tập từ kiếp trước, phải vứt lui tâm Bồ đề của chúng sanh thuận bỏ ma sự, dùng quán pháp để quán dòng sinh, tử, tham đắm năm dục, sát nó, mới mong niềm vui mầu làm sự nghiệp; nên gọi là ma sự. nhiệm của thiền phát sanh sự đam Đây là do quán các cảnh trước, mê thiền vị. Tuy tránh được nguy nếu chưa phá được, Thiên ma, càng hại của ma cảnh, lại bị cột vào sợ, làm xuất hiện cảnh giới ấy, mà định. Giống như tránh lửa lại rơi còn dạy dỗ kẻ khác thoát khỏi cảnh xuống nước, chẳng có ích gì cho sanh tử, mất dân chúng, quyến chánh hạnh, vì thể phải quán cảnh thuộc của nó và cung điện của nó thiền định. trống không. Lại nữa, người tu tĩnh (Nhiều loại thiền là sơ thiền, lự chứng được thần thông lớn, trí nhị thiền, tam thiền, tứ thiền trong huệ lớn, thì ta sẽ bị điều phục và cõi sắc). khống chế. Nay, ta phải phá hoại Bảy, Chư kiến cảnh. căn lành kẻ ấy trước, nên phải phát Hiểu sai lệch là kiến. Vì suy lý động ma sự. không đúng, hiểu biết lệch lạc rồi Pháp trị mà có ba cách: ban đầu lại cho đó là hiểu biết chắc chắn, quát mắng, đuổi đi. Giống như nên gọi là kiến. Các kiến giải này, người canh cửa, chận kẻ bất lương hoặc do thiền mà có, hoặc do nghe

(học tập) mà có. Do thiền mà có; vì học cái hạnh của Thinh văn, Duyên ban đầu nhờ tâm yên lặng, sau do giác; nên nếu cảnh giới của Nhị quán mà dần dần sáng suốt, hiểu thừa nổi lên, phải dùng quán pháp biết thông thạo, thấu đáo, dường để quán sát, chớ

sanh đắm nhiễm, như có ngộ ra sự nhiệm mầu. Do thì phải quán cảnh của Nhị thừa. học hỏi mà có; vì học hỏi không Mười, Bồ tát cảnh. nhiều, mà có khả năng thấu ngộ, Bồ tát là tiếng Phạn, gọi đủ là hiểu biết rành mạch, hỏi đáp rành Bồ đề tát đỏa, tiếng Hoa là Giác rẽ, thông minh. Tuy nhờ thiền, nhờ hữu tình. Đại sư Thiên thai giải học hỏi mà có sự thông đạt như rằng dùng Phật đạo hướng dẫn cho vậy, nhưng vì suy lý đã sai thì đều chúng sanh thành tựu. Do ở trên thuộc tà kiến. Thật chẳng phải sự tâm tà kiến và kiêu mạn đã chấm hiểu biết thấu triệt. Với những kiến dứt, hoặc phát sanh do tu tập ở đời giải này, thì phải dùng quán pháp trước, hoặc nhớ đến nguyện cũ, thì để quán sát chúng, hầu mong thông không rơi vào cảnh của Nhị thừa, đạt chánh đạo để không bị chướng mà phát tâm của cảnh giới tam giáo ngại, nên phải dùng quán cảnh các Bồ tát. Nay tu quán là đã nương kiến giải này. vào giáo lý mầu nhiệm Viên, Đốn Tám, mạn cảnh. của Đại thừa để mở mang, hiểu biết Tâm trọng mình khinh người và lập hạnh. Vì vậy nếu cảnh giới gọi là mạn. Bồ tát của ba giáo phát ra, cũng Vì đã khuất phục được các tà phải quán sát, đừng để sanh tâm kiến và tâm lầm chấp đã chấm dứt; đắm nhiễm, thì phải quán sát cảnh người vô trí cho đó là Niết bàn, lạm Bồ tát. dụng cho rằng địa vị đã chánh hạnh, nên phải quán sát cảnh kiêu THẬP NHƯ THỊ mạn. (Pháp hoa kinh huyền Chín, Nhị thừa cảnh. Thinh văn, Duyên giác tu tập nghĩa). theo pháp Tứ đế, thì có khả năng ra Không khác là Như. Không sai khỏi khổ sống, chết; nên gọi là là Thị. Vì mười pháp giới, từ địa thừa. ngục cuối cùng đến Phật giới, mỗi Vì tâm tà kiến và kiêu mạn, đã giới đều có mười như thị pháp nhân nhờ tu quán mà chấm dứt. Đó là chí quả; Đại sư Thiên thai nương vào ý nhỏ ở đời trước đã ôm ấp, tu tập; nghĩa của kinh văn, chia ra ba cách: dựa vào im lặng mà sanh ra chí ấy. một là Thị tướng như, Thị tánh Vì chí nhỏ ưa chìm đắm vào không như, cho đến Thị báo như. Như gọi tịch, nên không thể vươn lên mãnh là không khác, lạ tức là nghĩa của đất cứu cánh của Đại thừa. Vì vậy Không. hai là Như thị tướng, Như mà nói rằng thà khởi lên cái tâm thị tánh, cho đến Như thị báo là của con chồn ghẻ hủi, chớ không hình thức của văn tự, ngôn ngữ,

không có cái gì đồng nhất tức là dụng tạo tác. Đó gọi là tạo tác như nghĩa của Giả. ba là Tướng như thị, thế. Tánh như thị, cho đến báo như thị Sáu, Như thị nhân. giống như sự thật của thật tướng Nhân tức là tập nhân (nhân kế Trung đạo, tức là nghĩa của Trung. tiếp nhau). Vì bắt đầu từ địa ngục (mười pháp giới là Địa ngục, đến cuối cùng là cảnh Phật, nghiệp Súc sanh, Ngạ quỷ, Tu la, Nhân, nhân thiện, ác đều do từ chủng tử Thiên, Thinh văn, Duyên giác, Bồ mà sanh ra, liên tiếp không dứt. Đó tát, Phật giới. gọi là nhân như thế. Lìa tánh, lìa tướng là không. Bảy, Như thị duyên. Không pháp nào mà không vay Duyên tức là duyên trợ (nương mượn mà có là Giả. Chẳng phải nhờ). Vì từ Địa ngục đến cuối cùng không, chẳng phải Giả là Trung). là cảnh của Phật, mỗi cảnh đều có Một, Như thị tướng. pháp duyên khởi, giúp nên tập Tướng tức là tướng mạo, biểu nhân. Đó gọi là duyên như thế. hiện ra bên ngoài, ngắm nhìn có thể Tám, Như thị quả. phân biệt được. Quả tức là tập quả. Vì bắt đầu Vì bắt đầu từ Địa ngục đếu cuối từ Địa ngục đến cuối cùng là cảnh cùng là cảnh giới của Phật, tướng giới của Phật đều do tập nhân tiếp mạo không giống nhau. Đó gọi là nối từ trước, nên tập quả chắc chắn Tướng như thế. về sau thu hoạch được. Đó gọi là Hai, Như thị tánh. quả như thế. Tánh là tánh phần, tự chia ra Chín, Như thị báo. mà không thay đổi. Vì bắt đầu từ Báo tức là quả báo. Vì bắt

đầu địa ngục đến cuối cùng cảnh giới từ cảnh giới Địa ngục đến cuối của Phật, tánh của mỗi giới không cùng là cảnh giới của Phật đều do giống nhau. Đó gọi là Tánh như thế tập nhân tập quả mà chiêu cảm báo Ba, Như thị thể. quả. Đó gọi là báo như thế. Thể tức là thể chất. Vì bắt đầu Thập, Như thị bổn mạt cứu từ cảnh Địa ngục đến cảnh Phật cánh đẳng. cuối cùng, đều lấy sắc thân làm thể Vì bắt đầu tướng là bổn, cuối chất. Đó gọi là Thể như vậy. báo là mạt. Bổn và mạt này giống Bốn, Như thị lực. nhau, nhất lý của thật tướng, bình Lực tức là dùng sức. Vì bắt đầu đẳng không hai. Đó gọi là gốc, từ Địa ngục đến cuối cùng là cảnh ngọn cứu cánh như thế. Phật có công năng lực dụng. Đó gọi là Lực như thế. THẬP PHỔ MÔN Năm, Như thị tác. (Quán âm huyền Tác tức là tạo tác (làm ra). Vì bắt đầu từ Địa ngục cho đến cuối nghĩa). cùng là cảnh Phật đều có thể vận

Phổ là khắp nơi. Môn có nghĩa Ba, Minh tu hạnh phổ. là thông suốt. Hạnh có năm thứ không giống Vì Bồ tát lấy pháp quán nhiệm nhau. 1) Thánh hạnh đó là giới, mầu trung đạo viên dung để đi vào định, huệ; 2) Phạm hạnh đó là từ, lý địa thật tế thường trụ mà lập nên bi, hỷ, xả; 3) Thiên hạnh đó là mười môn này. chứng đệ nhất nghĩa thiên, từ lý mà Một, Từ bi phổ. thành được hạnh; 4) Anh nhi hạnh Từ là cho vui. Bi là làm cho hết đó là hạnh người tu về ba thừa bảy khổ. phương tiện; 5) Bệnh hạnh đó là thị Vì trong một niệm của Bồ tát, hiện thân trong lục đao, hiện ra quán khắp mười cõi khổ vui, thiện, tướng ba chướng ngại. Đó là tuần ác mà khởi lên tưởng ban vui, cứu tự của năm hạnh. Tuy là hạnh tu khổ, khiến cho chúng sanh lìa tất cả của Bồ tát, nhưng chưa thể gọi là khổ, được tất cả vui; nên gọi là từ trùm khắp (phổ). bi phổ. Kinh Niết bàn nói: Còn một Hai, Hoằng thệ phổ. hạnh nửa, gọi là Như lai hạnh, đó là Hoằng là rộng. Thệ là ngăn Đại thừa Đại bát Niết bàn. Đại thừa ngừa, chế ngự. Mong cầu những là nguyên nhân tròn đầy; Niết bàn pháp thù thắng để chế ngự tâm là quả báo tròn đầy. Bồ tát có thể tu mình. hạnh này, nên gọi tu hạnh phổ. Vì Bồ tát nương vào cảnh của (Từ, bi, hỷ, xả là bốn tâm vô Tứ đế, phát nguyện rộng lớn: Nếu lượng. Đệ nhất nghĩa thiên: Thiên thấy tướng bức bách, khổ sở của có nghĩa là thiên nhiên, tự nhiên, khổ đế, theo đó mà khởi lên thệ đó gọi là lý trung đạo không hai nguyện, nên nói người nào chưa không khác, tự nhiên như thế hoàn được độ thì làm cho được độ; nếu toàn không có tác động bên ngoài, thấy sự ràng buộc, mê lầm của tập cũng chẳng do tạo tác mà có. đế rất đáng thương xót, từ đó mà Bảy phương tiện là ngũ đình khởi lên thệ nguyện, nên nói người tâm, biệt tướng niệm xứ, tổng chưa hiểu thì làm cho hiểu; nếu tướng. ba ngôi vị này gọi là ngoại thấy đạo thanh tịnh, có thể ra khởi phàm. Noãn vị, đỉnh vị, nhẫn vị, sanh, tử đến chỗ an vui, muốn chỉ thế đệ nhất vị. bốn ngôi vị nội bảo cho chúng sanh thực hành đạo phàm. Đó là bảy phương tiện vị. ấy, nên nói người nào chưa an Ba chướng là nghiệp chướng, khiến cho được an; nếu thấy rõ diệt báo chướng, phiền não chướng). hết phiền não, gọi là Niết bàn, từ đó Bốn, Đoạn hoặc phổ. khởi lên thệ nguyện, nên nói rằng Vì Bồ tát thuộc Viên giáo quán người nào chưa chứng được Niết trung đạo phá vô minh. Khi vô bàn, làm cho chứng được, do đó minh đã phá thì tất cả kiến hoặc, tư nói thệ nguyện rộng lớn, trùm hoặc, trần sa hoặc tự nhiên dứt trừ khắp. trước; nên gọi là đoạn hoặc phổ.

(Ý căn đối với pháp trần nổi lên Phương tức là phương pháp. phân biệt gọi là kiến hoặc. năm căn Tiện tức là tiện nghi (thích đáng, còn lại đối với năm trần còn lại nổi vừa phải). Tu tập đạo phương tiện, lên tham lam, ái nhiễm gọi là tư giáo hóa rộng khắp chúng sanh. hoặc. Kiến, tư hoặc của chúng sanh Vì hàng Nhị thừa và Bồ tát tiểu rất nhiều chủng loại giống như cát, giáo, phương tiện giáo hóa người như bụi nên gọi là trần sa hoặc). khác thì dừng ở chỉ thôi, nên sở đắc Năm, Nhập pháp môn phổ. của họ chưa gọi là phổ. Hàng Bồ Vì bậc Nhị thừa, nếu vào một tát Viên giáo, lấy chân đế và tục đế pháp môn thì không thể vào hai làm phương tiện. Soi rọi chân thì pháp môn. Đây tức là hạnh phân dùng thân chân thật làm lợi ích mọi biệt rõ ràng và chứng đắc có cấp loài. Soi rọi tục thì dùng ứng thân bậc khác nhau. Nay Bồ tát tu tập đủ thích hợp với căn cơ của chúng ba đế thì pháp môn vô lượng đều sanh để nuôi dưỡng trung đạo, đem vào trong ấy, nên gọi là nhập pháp đến ích lợi cho chúng sanh trong môn phổ. mười cõi; nên gọi là phương tiện Sáu, Thần thông phổ. phổ. Thần gọi là tâm tự nhiên. Tám, Thuyết pháp phổ. Thông gọi là tánh trí huệ. Tánh tự Hàng Nhị thừa và Bồ tát tiểu nhiên chiếu soi không chướng ngại, giáo không thể trong một lúc mà gọi là thần thông. đáp ứng mọi thắc mắc của chúng Vì thiên nhãn của La hán thấy sanh, chưa được gọi là trùm khắp đại thiên thế giới. Bích chi Phật (phổ). Giờ Bồ tát Viên giáo dùng thấy trăm cõi nước của Phật. Bồ tát một âm thinh nói pháp mà nhiều Tiểu giáo thấy hà sa cõi Phật. loài khắp nơi đều có thể hiểu được; Những khả năng thấy đó đều là nên gọi là thuyết pháp phổ. thần thông có hạn lượng. Bồ tát Chín, Cúng dường chư Phật Viên giáo thấy khắp cả pháp giới phổ. không có hạn lượng, phát ra lục Bồ tát cúng dường không chỉ thông, biến hiện tự tại; nên gọi là một Phật, một cõi mà cúng dương thần thông phổ. vô số Phật vô số cõi bằng tiền của, (La hán tiếng Phạn gọi đủ là A và thân mạng, không thể nói xiết; la hán, tiếng Hoa là Vô học hay Vô nên gọi là cúng dường chư Phật sanh. phổ. Bích chi là tiếng Phạn gọi đủ là Mười, Thành tựu chúng sanh Bích chi ca la, tiếng Hoa là Duyên phổ. giác). Bồ tát Viên giáo đem lại lợi ích, Tiểu giáo Bồ tát là Bồ tát thuộc giáo hóa chúng sanh đến thành thục Thông giáo và Tạng giáo). nhiều vô số. Giống như mưa lớn Bảy, Phương tiện phổ. làm tươi tốt cây cỏ khắp nơi, khiến cho nở hoa kết trái và thành tựu

hoàn toàn; nên gọi là thành tựu cho quát, không có gì gây chướng ngại tất cả chúng sanh. được. Phẩm này có đầy đủ hỏi và trả THẬP SONG THIẾP lời. Nương theo trên hỏi và đáp mà THÍCH QUÁN THẾ ÂM PHỔ luận về nhân vật Quán thế âm. Vì MÔN vậy kinh nói: Vì nhân duyên ấy, gọi (Quán âm là Quán thế âm. Nương theo dưới hỏi
và đáp mà luận về sự thị hiện huyền nghĩa). phổ môn bằng nhiều cách thuyết Đại sư Trí giả tông Thiên thai, pháp. Vì vậy kinh nói: Sức phương giải thích bộ kinh Pháp hoa, ngoài tiện. Việc ấy như thế nào ? Vì ra còn giải thích phẩm Phổ môn người có khả năng nắm vững chính Quán thế âm, vì ở đời có nhiều pháp nên nói là nhân và pháp. người trì tụng, giải thích riêng ý (Hỏi và đáp trước sau là ban nghĩa mầu nhiệm của phẩm này đầu Vô tận ý hỏi: Vì nhân duyên gì một cách rõ ràng. gọi là Quán thế âm ? Phật đáp rằng: Trong đề tựa của phẩm đã đề Nếu có 100, 1000, vạn, ức chúng mười cặp nhân và pháp đều được sanh… Lại hỏi: Làm thế nào đi giải thích tường tận. Vì Quán thế khắp cõi Ta bà và các thế giới khác âm phổ môn có đầy đủ mười cặp ? Đáp rằng: Nếu có

chúng sanh ở nghĩa lý này, bao quát tự lợi và lợi trong các cõi nước cần dùng thân tha, các pháp nhân, quả trước sau Phật…). được tuần tự trình bày một cách Hai, Từ bi. sáng tỏ. Người học cảm thấy không Từ tức là ý niệm yêu thương. còn gì uẩn khúc nữa. Vì bằng yêu thương hoan hỉ khởi (Huyền tức là ý nghĩa mầu lên tâm đại từ, có khả năng ban cho nhiệm, khó hiểu được. Sớ tức là người khác sự an vui. chú thích sơ lược ý nghĩa của văn Bi tức là lo lắng. Vì bằng tâm bản một cách thông suốt, xác trắc ẩn, lo lắng khởi lên tâm đại bi, đáng). có khả năng tiêu trừ khổ đau cho Một, Nhân pháp. người khác. Nhân tức là Bồ tát Quán âm. Nay nương theo trên hỏi và trả Pháp tức là phổ môn. Bồ tát Quán lời, luận về tâm đại bi của Bồ tát âm bằng trí trung đạo mầu nhiệm, Quán thế âm diệt trừ khổ não vô quán sát âm thinh kêu cứu của biên của chúng sanh và tất cả đều chúng sanh chịu khổ ở thế gian và được giải thoát. Nương theo dưới chúng được giải thoát tức thì. hỏi và trả lời và luận về sự thị hiện Phổ là khắp. Môn nghĩa là có của phổ môn. Đại từ là cho vui, tức khả năng thông suốt. Vì lý nhiệm là chúng sanh cần được độ thì nói mầu của thật tướng liên thông bao pháp độ cho. Nguyên nhân làm người Quán âm là đối với pháp phổ

môn thấu suốt được lý thật tướng, chân thân và ứng thân rồi mới đến thương cho chúng sanh lý tính đầy phước, huệ là vậy. đủ mà tình cảm thì mê lầm, phải Năm, Dược châu. chịu bao nhiêu đau khổ, làm mất đi Dược là cây thuốc (trị bệnh). sự an vui của bổn tánh. Vì vậy liền Châu là hạt ngọc như ý. Thuốc có khởi lên tâm từ bi, thệ nguyện diệt khả năng trị hết bệnh, dụ chân thân trừ hết khổ, đem đến an vui cho Quán thế âm đem lợi ích cho muôn chúng sanh, nên từ Từ bi đến nhân loài. Dùng lý mầu nhiệm của chân pháp là vậy. thân và lý hiển lộ thì hai hoặc tiêu Ba, Phước huệ. trừ. Châu có khả năng mưa xuống Phước là phước đức, đó là kết châu báu, dụ ứng thân phổ môn quả của thực hành năm độ: Bố thí, đem đến lợi ích cho muôn loài. trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền Dùng ứng thân đối cơ; cơ cảm thì định. Huệ là trí huệ, đó là kết quả mọi điều lành tụ họp; nên từ dược, thực hành Bát nhã độ. châu đến chân, ứng thân là vậy. Năm độ nuôi dưỡng trí huệ; trí (Ngọc như ý là loại hơn hết ở huệ hướng dẫn năm độ. Giống như trên trời, hình dạng như hạt lúa, có mắt và chân không thể khuyết một. khả năng sanh ra nhiều châu báu, Nay Quán thế âm dùng trí huệ mưa theo ý muốn. trang nghiêm, còn phổ môn dùng Lý mầu nhiệm: Minh lý là khế phước đức trang nghiêm, thì thệ hợp với lý. nguyện đại bi được viên mãn và Ba hoặc là Kiến tư hoặc, vô dứt trừ khổ ách cho chúng sanh minh hoặc, trần sa hoặc). được thành tựu. Trang nghiêm bằng Sáu, Minh hiển. phước đức, thì thệ nguyện đại từ Minh tức là kín đáo. Hiển là được viên mãn và đem an vui đến hiển hiện. cho chúng sanh được thành tựu. Đó Vì chân thân Quán thế âm bao là từ phước huệ đến từ bi, hiển trùm vạn vật, âm thanh làm lợi ích nhiên như vậy. cho chúng sanh không thấy không Bốn, Chân ứng. biết, nên gọi là kín đáo. Ứng thân Chân tức là chân thật, còn gọi phổ môn đối cơ nói pháp, đem đến là chân thân vậy. Ứng tức là dụng. lợi ích một cách công nhiên, chúng Nay Quán âm đạt được trí nhiệm sanh đều thấy, đều biết, nên gọi là mầu trung đạo, hợp với cảnh thật hiển rõ ràng, nên từ minh, hiển đến tướng, tức là chân thân. Nói pháp dược, châu là vậy. phổ môn, tùy lúc tùy nơi ứng hiện, Bảy, Quyền thật. tức là ứng thân. Nếu phước được Quyền tức là quyền xảo, quyền nuôi dưỡng bởi huệ thì xuất hiện trí. Thật tức là chân

thật, thật trí. chân thân; còn huệ hướng dẫn Nay Quán thế âm tùy theo ý phước thì xuất hiện ứng dụng; nên mình dùng thật trí chiếu rọi chúng sanh liền được lợi ích một cách âm

thầm. Phổ môn tùy theo ý kẻ khác đức; ứng thân, phước đức, từ thệ dùng quyền trí chiếu rọi chúng sanh đến pháp phổ môn đều là sự phát liền được lợi ích một cách rõ ràng. hiện rõ ràng của chủng tử duyên Như thế minh, hiển được lợi ích nhân tánh đức. không giống nhau, dương như do Tự tu tập đã như vậy, giáo hóa sức của hai trí, quyền xảo, ứng cơ chúng sanh tiếp theo cũng như vậy. đầy đủ, luôn luôn thích đáng, nên Vì vốn chứng được lợi ích kin đáo từ quyền, thật đến minh, hiển là của thật trí, cây thuốc thuộc loại vậy. liễu nhân. Quyền trí giáo hóa sự lợi (hai trí quyền, thật là nhất thiết ích rõ ràng, châu ngọc trở về với trí, đạo chủng trí là quyền trí; nhất duyên chủng; nên duyên, liểu đến thiết chủng trí là thật trí). tám cặp sau đó là như vậy. Tám, Bổn tích. (Nương nhờ là dùng duyên nuôi Bổn giống như căn bổn. Tích dưỡng liễu nhân. Vốn có đầy đủ hai giống như dấu chân. Ví như chỗ nhân duyên và liễu, đó là bản tánh người ta cư trú thì ắt có dấu chân của tất cả chúng sanh. Nếu thuận đi. Nay Quán thế âm, trong quá tánh tu tập thì liễu nhân hiển lộ, đi trình tu tập, đến ngôi vị bất động, đến quả thì thành trí đức; duyên mà có thể bằng thật trí làm lợi ích nhân hiển lộ, đi đến quả thì thành mọi vật; phổ môn tùy nghi giáo hóa đoạn đức. hai nhân duyên, liễu đều và đem đến lợi ích cho mọi vật gọi là chủng tử. Chủng có nghĩa là bằng năng lực quyền trí. Quán âm, phát sanh, vì kết quả hai đức trí, ở quá khứ, đã là Phật chánh pháp đoạn ở trên hiển lộ đều từ hai nhân minh. Gốc ấy vốn cao nên dấu tích duyên, liễu phát sanh ra). của quyền, thật làm ra rất là nhiệm Mười, Trí đoạn. mầu; nên từ bổn, tích đến quyền, Trí có khả năng soi sáng lý. thật là như vậy. Đoạn có khả năng dứt trừ phiền Chín, Duyên liễu. não, tức là kết quả trên hiển lộ hai Duyên là nương nhờ. Liễu là rõ đức trí và đoạn. Trí đức tức là Bát ràng, tức là tánh đức vốn đủ hai nhã, đoạn đức tức là giải thoát, nhân duyên và liễu. tám cặp đã đề cũng là Niết bàn. Trước nói rõ về cập ở trước từ nhân, pháp đến chân, duyên và liễu, tức là từ chối thảo ứng. Đó là thứ tự tu tập. Thuốc luận về nguyên nhân. Ở đây nói rõ uống và châu ngọc đến bổn, tích; về trí và đoạn, là thuận bàn về cứu đó là thứ tự giáo hóa chúng sanh. cánh. Đó gọi là bắt đầu từ liễu Đây là luận theo sanh khởi thuận. nhân, kết thúc là đại trí Bồ đề; bắt Giờ theo dòng nước tìm đến nguồn; đầu từ nhân duyên, kết thúc là đoạn đó là suy theo sanh khởi nghịch, thì đức Niết bàn. Nếu vào Niết bàn các chân thân, trí huệ, bi thệ đến Ngài đạo hạnh ngưng nghỉ, nên trụ ở Quán âm, đều là sự phát hiện rõ Thập địa. ràng của chủng tử liễu nhân tánh

THUẬN LƯU THẬP Vì chúng sanh, tuy tội ác tạo ra TÂM không rộng lớn, nhưng tâm ác bao trùm khắp mọi nơi, muốn đem đến (Ma ha chỉ quán). phiền não, tổn hại cho người, nên Thuận tức là đi theo. Chuyển trôi lăn trong sống, chết. tức là trôi nổi. Vì do mười tâm này Sáu, Ác tâm tương tục. mà chúng sanh chạy theo phiền Vì chúng sanh chỉ khởi tâm ác, não, trôi nổi trong sống chết. tăng trưởng việc ác ngày đêm liên Một, Vô minh hôn ám. tục, không chút gián đoạn, nên trôi Chúng sanh, từ vô thỉ đến nay, lăn trong sống, chết. hiểu biết lầm lạc, tối tăm; say đắm Bảy, Phú húy quá thất. trong phiền não, đối với tất cả pháp Chúng sanh làm việc ác, e dè, đều cho là có nhân, có ngã;

rồi khởi sợ sệt người khác biết được, không lên kiến chấp yêu ghét, ý tưởng đảo tự thổ lộ, không có tâm ăn năn, sửa điên; nổi lên tham, sân, si và tạo ra đổi, nên trôi lăn trong sống, chết. vô số nghiệp; cho nên trôi lăn trong Tám, Bất úy ác đạo. sống, chết. Vì tâm tánh của chúng sanh Hai, Ngoại gia ác hữu. gian ác, không biết đến giới luật; Vì chúng sanh trong thì chứa đối với các việc ác giết hại, dâm đầy phiền não, ngoài thì giao du dục, nói dối v.v... không việc gì là với bạn ác, khơi dậy các pháp tà, dụ không làm và không hề sợ sệt rơi dỗ, lầm lạc ta những sai lầm ấy gấp vào đường ác, nên trôi lăn trong trăm ngàn lần, không còn cơ hội sống, chết. hiểu ra, tiến tu nghiệp lành; cho nên Chín, Vô tàm vô quý. trôi lăn trong sống, chết. Vì chúng sanh bị ngu si che lấp, Ba, Thiện bất tùy hỷ. làm các nghiệp ác, trên không sợ Vì chúng sanh, trong tâm ngoài trời, dưới không xấu hổ với người, cảnh, ác duyên vây kín, nên trong khó mà che giấu, nên trôi lăn trong thiện tâm bị tiêu diệt, bên ngoài sống, chết. việc lành chẳng thể phát sanh, nên Mười, Bát vô nhân quả. thấy người khác làm việc lành, Vì chúng sanh không có đầy đủ không sanh tâm tùy hỉ; cho nên trôi tâm chánh tín, chỉ sanh ra kiến giải lăn trong sống, chết. tà vạy, độc ác; đối với tất cả thiện Bốn, Tam nghiệp tạo tội. ác, nhân duyên, quả báo đều gạt Vì chúng sanh buông lung ba phăng cho rằng chẳng có gì, nên nghiệp thân, miệng, ý, khởi lên các trôi lăn trong sống, chết. tội lỗi giết hại, trộm cắp, nói dối, tham lam, nóng nảy v.v...; không NGHỊCH LƯU THẬP việc ác nào không làm, nên trôi lăn TÂM trong sống, chết. (Ma ha chỉ quán). Năm, Ác tâm biến bố.

Vì người tu hành, do thuận theo thì phải thành thật nói ra sám hối. mười tâm ở trên, u mê, điên đảo tạo Đây là cách phá trừ tâm che đậy lỗi các việc ác chồng chất nhiều lớp, lầm. sanh tử vô cùng tận. Nay muốn sám Năm, Đoạn tương tục tâm. hối, thì phải đi ngược lại dòng sông Người tu hành, những việc ác tội lỗi ấy, bằng cách dùng mười thứ đã làm, đã sám hối rồi, thì nhất tâm này để trừ sạch ác pháp. quyết dứt hẳn không làm trở lại. Một, Thâm tín nhân quả. Đây là cách phá trừ niệm ác tiếp Người tu hành, trước hết phải nối trong tâm. chánh tín nhân quả. Nghiệp chủng Sáu, Phát Bồ đề tâm. tuy lâu xa, nhưng không hề mất đi Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa chút nào. Vả lại, ta làm há người là Đạo. khác chịu quả báo sao ? Nên tin sâu Vì người tu hành, đời trước chỉ quả báo của việc thiện, việc ác, chớ khởi lên niệm ác, gây nên bao sanh tâm nghi ngờ. Nhờ như vậy nhiêu là bực bội tức giận; nay phát phá trừ hết tâm bài bác không nhân tâm rộng lớn cứu giúp mọi người, không quả. to lớn khắp hư không, đem đến lợi Hai, Sanh trong tàm quý. ích cho người khác. Đây là cách Người tu hành tự trách mình phá trừ tâm ác phổ biến. một cách nghiêm khắc không biết Bảy, Đoạn ác tu thiện. xấu hổ từ đời trước, bỏ mất tịnh Vì người tu hành, nhân ở đời nghiệp, tập tành các việc ác; trời trước buông lung nghiệp thân, thấy ta giấu giếm tội lỗi, đó là xấu miệng, ý, làm ra các việc ác không với trời; người biết ta phô bày điều kể ngày đêm; nay nỗ lực không ác, đó là thẹn với người, nên nay ngừng, trừ các hạnh ác, ra sức tu trì quyết trừ bỏ tâm không biết xấu hổ bồi đắp lỗi lầm, việc nào cũng làm. ấy. Đây là cách trừ tâm tạo tội của ba Ba, Sanh đại bố úy. nghiệp. Người tu hành, luôn nhớ thân Tám, Thủ hộ chánh pháp. người vô thường, một hơi thở Vì người tu hành, kiếp trước tự không còn thì ngàn năm mất hút; mình tiêu diệt việc lành, thấy người đường tối tăm xa tắp, mà không khác làm lành sanh tâm ghen ghét; một chút tư lương; biển khổ thẳm đời này giữ gìn chánh

pháp, tu tập sâu vạn dặm, há chẳng sợ sao ? theo chánh pháp dần dần rộng lớn. Nhờ đó cần cầu sám hối thiết tha, Đây là cách phá trừ cái tâm không không tiếc đến thân mạng, nên nay biết tùy hỉ điều lành. quyết trừ bỏ tâm không sợ đường Chín, Niệm thập phương Phật. ác. Vì người tu hành, kiếp trước Bốn, Phát lồ sám hối. gần gũi bạn ác, tin tưởng lời nói Vì người tu hành, đã phạm phải của hạng người ấy, khởi lên các tà lỗi lầm không thể che giấu được, kiến; đời này nghĩ nhớ mười

phương Phật, có được phước huệ Một, Lý biến ư sự môn. lớn, có thể cứu vớt được ta ra khỏi Lý biến ư sự môn là lý của nhất tà kiến. Đây là cách phá trừ tâm tùy môn pháp giới biến khắp tất cả thuận bạn ác. pháp sự; nhưng lý không phân chia, Mười, Quán tội tánh không. giới hạn mà sự thì có phân chia, Vì người tu hành, từ kiếp trước giới hạn. Sự đã tức là lý thì cũng đến giờ, không biết bổn tính của không phân chia, giới hạn; nên mọi các pháp vắng lặng, làm nhiều việc vi trần đều đầy đủ chân lý. ác; nay biết rõ tất cả ác hạnh tham, Kinh nói: Pháp tánh biến khắp sân, si... khởi lên từ vọng niệm, mà tất cả chúng sanh và cõi nước, ba vọng niệm khởi lên từ điền đảo, đời đều không thiếu sót, không dư điên đảo khởi lên từ kiến chấp về thừa, cũng không có hình tướng để nhân và ngã; nay đã hiểu tâm của ta có thể được. vốn không, tánh của tội không chỗ Hai, Sự biến ư lý môn. nương tựa; đây là cách phá trừ tâm Vì lý đã bao trùm sự và sự cũng mê mờ vô minh. bao trùm lý, lấy có phân chia, giới hạn của sự mà bao dung với cái không có ranh giới của lý, nên một SỰ LÝ VÔ NGẠI THẬP vi trần tức là bao quát pháp giới MÔN vậy. (Hoa nghiêm Ba, Y lý thành sự môn. Nương vào lý chân như mà
kinh sớ). thành sự việc của thế gian; sự Lý là tánh của nhất chân pháp không thể riêng biệt hoàn toàn giới, là tướng của tất cả thế gian; vì thành được mà là từ lý; giống như chân như không giữ chặt tự tánh sóng nương nước mà thành. mà tùy duyên thành ra tất cả pháp, Bốn, Sự năng hiển lý môn. cho nên tất cả pháp hoàn toàn là lý, Vì lý không có hình tướng, nhờ thì đâu có chướng ngại muôn tướng sự mà rõ ra. Sự đã nương nơi lý mà nảy sanh; chân lý hoàn toàn là sự, thành, lý lại nhờ sự mà hiển lộ; thì đâu có chướng ngại sự biểu hiện giống như hết sóng thì nước hoàn của một tánh. toàn hiện ra. Phẩm Thập hồi hướng nói: Ở Năm, Dĩ lý đoạt sự môn. trong cõi hữu vi hiện diện có pháp Vì tướng của sự đã không thực, vô vi, mà tướng hữu vi không hoại toàn thể là lý nên tất cả pháp sự diệt; ở trong cõi vô vi hiện diện hoàn toàn không thể được. pháp hữu vi, mà không phân biệt Bát nhã tâm kinh nói: Cho nên tánh của vô vi. Lý và sự cùng xuất trong không không có sắc, không hiện dung thông không chướng có thọ, tưởng, hành, thức, là vậy. ngại, cùng hiện hữu mà không Sáu, Sự năng ẩn lý môn. giống nhau, nên mở ra mười môn.

Vì chân lý đã tùy duyên mà THẬP MÔN THÍCH thành sự tướng, nên làm cho sự KINH hiển lộ mà lý không hiện ra; giống (Hoa nghiêm kinh như nước thành sóng,
động thì hiện, tĩnh thì ẩn. sớ). Kinh nói: Pháp thân trôi lăn Quốc sư Thanh lương, nhà trong năm đường, gọi là chúng Thanh, khi sắp sửa giải thích Đại sanh, là vậy. kinh Hoa nghiêm, trước hết trình Bảy, Chân lý tức sự môn. bày tổng quát mười nghĩa cốt yếu Vì lý tánh của chân như tức là của một quyển kinh để biết giáo pháp sự, không thể có lý ở ngoài pháp phát sanh xuất xứ từ đâu, bởi sự; giống như nước tức là sóng, vì lới nói của thánh nhân là chân không có sóng ở ngoài nước. thật, nói ắt có nguyên do, không có

Bát nhã tâm kinh nói: Không nhân duyên thì không nói kinh này. tức là sắc, là vậy. Vì vậy: 1) Bàn về nhân duyên giáo Tám, Sự pháp tức lý môn. pháp phát sanh. Nhân duyên đã đầy Tất cả pháp sự ở thế gian vốn đủ thì giáo pháp xuất hiện, không không có tự tánh, đều do nhân ra ngoài ba tạng, 12 phần giáo; 2) duyên kết hợp mà có. Toàn thể tức Bàn về nơi thu nhiếp của Tạng là chân tánh mà không ra ngoài giáo. Nhưng Tạng giáo đều thông pháp sự. suốt Quyền và Thật, giờ rút gọn Bát nhã tâm kinh nói: Sắc tức là Quyền còn giữ Thật và kết thúc vào không, là vậy. Viên giáo; 3) Bàn về nghĩa lý. Đã Chín, Chân lý phi sự môn. biết nghĩa của Viên giáo bao hàm Vì sự tức là chân lý, nhưng rộng lớn. Chưa xem xét căn cơ như không phải là sự, vì lý thì dứt hết thế nào; 4) Bàn về giáo pháp đáp các tướng. Chân, vọng khác nhau; ứng mọi căn cơ; tuy biết Viên giáo vọng từ chân mà ra vì khác với ứng hợp mọi căn cơ, nhưng chưa vọng; giống như tính ướt của nước biết nói về giáo thể ra sao; 5) Bàn thì chẳng phải là tướng động của về giáo thể sâu, cạn. Đã biết giáo sóng. thể bao quát, chưa biết nghĩa nào Mười, Sự pháp phi lý môn. mà tông phái tôn sùng; 6) Bàn về Vì toàn lý là sự mà chẳng phải đường hướng của tông phái. Đã là lý, vì sự thì có sai biệt nên tánh, biết tôn chỉ cao sâu, chưa thể nói tướng khác nhau, vì vậy toàn lý là hết ngôn từ rộng hẹp; 7) Bàn về bộ, thể mà sự, tướng dường như nhau; phẩm. Đã biết bộ rộng vô tận, lược giống như tướng động của sóng thì còn 100.000 và cũng chưa biết không phải là tánh ướt của nước. truyền bá dịch phẩm từ năm nào, có cảm ứng gì, khiến cho tông môn có đầu mối; 8) Bàn về sự cảm thông của việc truyền bá dịch phẩm. Tông

chỉ quan yếu đã trình bày, giải thích Kinh này và tam tạng, 12 phần theo văn mạch, trước nắm rõ mục giáo thu nhiếp lẫn nhau. Nếu tam lục tổng quát. 9) Bàn về tổng quát tạng, 12 phần giáo thu nhiếp kinh đề kinh. Ý chính tuy đã biết, nhưng này thì ở trong tam tạng thuộc Kinh văn mạch khó hiểu; 10) Bàn riêng tạng thu nhiếp; ở trong 12 phần về nghĩa của văn, nên nói rằng có giáo thì thuộc khế kinh phương mười cách giải thích kinh. quảng thu nhiếp. Nếu kinh này thu (100.000 = mười vạn. Kinh này nhiếp tam tạng, 12 phần giáo thì có mười vạn kệ, nên Nhiếp luận gọi tam tạng, 12 phần giáo đều thuộc kinh này là 100.000 kinh). kinh này thu nhiếp. Bởi vì một Một, Giáo khởi nhân duyên. pháp của kinh này có thể chứa Làm sáng tỏ nhân duyên hứng đựng vô tận pháp môn; lại còn các khởi giáo pháp kinh này. Vì Như pháp đều viên dung, muôn lớp lai xuất hiện, đầu tiên muốn nói đại không cùng. pháp sâu thẳm, lông trắng giữa mày Kinh nói: Tất cả pháp môn liền phóng ra ánh sáng lớn để trí nhiều như nước biển vô tận, cùng nhãn thanh tịnh, quán sát khắp hợp vào trong đạo tràng của một pháp giới tất cả chúng sanh có đầy pháp, là vậy. đủ đức tướng trí tuệ của Như lai, (Khế kinh là tản văn trường chỉ vì vướng mắc vọng tưởng, hành. Trùng tụng là văn nhắc lại không biết không thấy. Vì thế, Như phần trường hàng. Thọ ký là văn lai nói Kinh này là xứng hợp với ghi nhớ Phật thọ ký cho Bồ tát tánh của pháp giới. Nay các chúng thành Phật. Phúng tụng là không sanh tu tập Thánh đạo, xa hẳn phải văn nhắc lại nội dung trong vướng mắc vọng tưởng, tự trong trường hàng mà là những bài kệ nói thân mình thấy được trí huệ to lớn trực tiếp. Tự thuyết là Phật tự nói, của Như lai, cùng với Phật không không chờ người khác hỏi. Nhân khác. Đây là chỉ bày cho chúng duyên là có người hỏi về một vấn sanh biết là có nhân duyên Phật trí đề nào đó, Phật nói cho họ biết. Thí và

khiến cho giáo pháp này được dụ là mượn thí dụ để nói. Bổn sự là nói ra. nói các việc tu tập của Bồ tát. Hai, Tạng giáo sở nhiếp. Phương quảng là nói nghĩa lý to Tạng có nghĩa là chứa đựng. Vì lớn của chánh pháp. Hy hữu là Phật ba tạng Kinh, Luật, Luận đều bao hiện thần lực và các việc ít có xảy hàm nghĩa lý vô lượng. Giáo tức là ra. Luận nghị là biện luận, chọn khế kinh. 12 phần giáo: Trùng tụng, lựa, xác quyết nghĩa lý của tất cả thọ ký, phúng tụng, tự thuyết, nhân pháp). duyên, thí dụ, bổn sự, bổn sanh, Ba, Nghĩa lý phân tề. phương quảng, hy hữu, luận nghị Nghĩa tức là nghĩa mầu nhiệm đều thu hết vào đây. của Viên giáo. Lý tức là lý viên dung của pháp giới hiển thị. Vì

nghĩa lý mà kinh này trình bày, (Hải ấn Tam muội là biển lớn thuộc hoàn toàn về Viên giáo. Nói nước trong im lặng, vạn hình tượng một pháp thì tất cả pháp đều bao đều hiện vào đó, giống như có dấu gồm; bàn một ngôi vị thì các vị đều đóng lên trên văn bản. Trí hải của hiện diện; nên nói một hạt bụi chứa Như lai trong veo vắng lặng, tất cả cả pháp giới, một niệm thu vào cả tâm niệm của chúng sanh, đều ở A tăng kỳ, tất cả pháp môn đều trở trong trí Tam muội của Như lai, về tánh hải của Hoa nghiêm. giống như hiện tượng soi bóng Phân tề là dùng Viên giáo để trong biển cả. làm sáng tỏ pháp giới sự sự vô ngại Mười thể là âm thanh ngữ ngôn và hiển thị lý xứng tánh viên dung thể, danh cú văn thân thể, thông thủ của tất cả những gì nhỏ bé như hạt tứ pháp thể, thông nhiếp sở thuyên bụi, lông hồng. chính kinh này đề thể, chư pháp hiển nghĩa thể, nhiếp cập đến phân tề: viên dung, viên cảnh duy tâm thể, hội duyên nhập mãn. thật thể, lý sự vô ngại thể, sự sự vô Bốn, Giáo sở bị cơ. ngại thể, hải ấn bính hiện thể). Vì giáo này đầy đủ đức viên Sáu, Tông thú thông cục. dung, đúng là cơ cảm viên đốn bao Cái mà tôn sùng lên bằng ngôn quát Nhất thừa, thu nhiếp các loại ngữ gọi là tông. Chỗ mà tông đi Bồ tát và chúng sanh không có đến gọi là thú. Thông là bàn luận niềm tin vào chánh pháp. Sơ lược giáo pháp một đời của Phật. Từ hẹp có mười cơ, khiến cho chúng sanh đến rộng có mười tông. Cục là bộ tin, rõ, hiểu, vào cùng ngao du phận riêng biệt của một kinh; bằng trong tánh hải Hoa nghiêm. ngôn ngữ bàn luận và hướng đến Kinh nói: Chư Phật của ta giữ không ra ngoài chỗ này là để khiến gìn chánh pháp này, khiến cho tất cho con người tìm cội quay về hợp cả Bồ tát ở đời vị lai, chưa từng tánh tu tập, chứng được pháp giới, nghe được đều được nghe hết, cho kết quả thành Phật. đến vào sâu cảnh giới Như lai, là (mười tông là ngã pháp câu hữu vậy. tông, pháp hữu ngã vô tông, pháp (Mười cơ là vô tín cơ, vi chân vô khứ lai tông, hiện thông giả thật cơ, đại thật cơ, hiệp liệt cơ, thủ tông, tục vọng chân thật tông, chư quyền cơ, chánh vi cơ, kiêm vi cơ, pháp đản danh tông, tam tánh dẫn vi cơ, quyền vi cơ, viễn vi cơ). không hữu tông, chân không tuyệt Năm, Giáo thể thiển thâm. tướng tông, không hữu vô ngại Vì Như lai thuyết giáo, ắt có thể tông, viên dung cụ đức tông). tánh của nó. Nếu nói giáo lý Hoa Bảy, Bộ loại phẩm hội. nghiêm thì phải dùng hải ấn Tam Vì từ trong kinh này mà có các muội và sự sự vô ngại làm thể. Nay lưu hành khác. Giáo lý trong kinh bàn đến giáo lý trong đại tạng, từ này sâu rộng như biển cả khó nghĩ cạn đến sâu, có mười thể.

bàn, từ hẹp đến rộng, lược nêu ra Cảm thông là khi Phật độ Bạt mười loại. đà la dịch kinh này, cảm động Long Một sơ lược về nguồn gốc của vương sai hai đồng tử mặc áo xanh, kinh, tức là sự truyền bá của kinh. mỗi ngày cung cấp nước, mực cho một bộ có 39 phẩm 80 quyển, chín Ngài. Còn khi Thực xoa nan đà hội nói về bốn vạn năm ngàn

kệ. dịch kinh này, cảm động chư thiên Ngoài ra có chín loại mà bộ, phẩm, ban cho cam lộ. hội không giống nhau. (Tiếng Phạn là Phật độ bạt đà (mười loại kinh là Lược bổn la, tiếng Hoa là Giác hiền. Tiếng kinh, Hạ bổn kinh, Trung bổn kinh, Phạn là Thực xoa nan đà, tiếng Hoa Thượng bổn kinh, Phổ nhãn kinh, là Hỷ học). Đồng thuyết kinh, Dị thuyết kinh, Chín, Tổng dịch kinh đề. Chủ bạn kinh, Quyến thuộc kinh, Vì giải thích nghĩa mầu nhiệm Viên mãn kinh. một cách tổng quát đề kinh: Đại Chín hội là Bồ đề tràng, Phổ phương quảng Phật hoa nghiêm quang minh điện, Đao lợi thiên kinh. cung, Dạ ma thiên cung, Đâu suất Đại phương quảng là pháp thiên cung, Tha hóa thiên cung, hội chứng được. Phật hoa nghiêm là bảy, tám Phổ quang minh điện, Thệ người chứng được. Còn nói Đại là đa lâm). thể tánh bao hàm. Phương quảng là Tám, Truyền dịch cảm thông. nghiệp dụng trùm khắp. Phật là quả Vì từ Ấn độ truyền đến Trung giác ngộ tròn đầy. Hoa là dụ cho hoa, dịch kinh ấy bằng tiếng Phạn vạn hạnh đầy đủ. Nghiêm là lấy sang tiếng Hoa. Kinh này trước sau chánh pháp trang sức nên người. có hai bản dịch. một là nhà Tấn, Kinh là xâu (hệ thống) chánh pháp Nghĩa hy năm 14, tăng nhân Bắc lại. Thiên trúc tên Phật độ bạt đà la, ở Vì vậy, thể dụng của một kinh Dương châu, chùa Tạ tư không, mà trùm khắp ngũ châu nhân quả, dịch từ bổn tiếng Phạn, thành ba đều Phật hoa nghiêm. Đây là nhân vạn sáu mươi ngàn kệ, hợp thành và pháp cùng nêu; pháp và dụ cùng 60 quyển. một là nhà Đường, nêu; đủ thể, đủ dụng; có quả, có Chứng thánh năm đầu, tăng nhân nhân; lý rốt ráo, nghĩa tròn đầy; thu nước Vu điền tên là Thực xoa nan nhiếp đầy đủ không sót. Đúng là đà, ở Đông đô, chùa Phật thọ ký, một bộ kinh bao quát tất cả chánh dịch lại từ bổn tiếng Phạn cũ và pháp Phật nói trong một đời . thêm vào chỗ còn thiếu thêm lên (Nghiệp dụng là công đức đến chín ngàn kệ, cộng với trước không thể nghĩ bàn của Phật, sức được bốn vạn năm ngàn kệ, hợp sử dụng đúng với thể tánh. thành 80 quyển, đó là bản kinh lưu Ngũ châu nhân quả là sở tính hành đến nay. nhân quả sai biệt nhân quả, bình

đẳng nhân quả, thành hạnh nhân Tâm bao quát gọi là bố. Hẹp quả, chứng nhập nhân quả). với mình, rộng với người gọi là thí. Mười, Biệt giải văn nghĩa. Kinh nói: Bồ tát muốn cho tâm Đã giải thích tổng quát đề kinh chúng sanh đầy đủ, trong ngoài đều thì giải tới kinh văn để làm cho buông, không vướng mắc cái gì. nghĩa nhiệm mầu được thông suốt. Đó gọi là Bố thí đáo bỉ ngạn. Kinh này văn nhiều nghĩa rộng, (Trong tức là đầu, mắt, thân một câu một chữ bao hàm pháp mạng,....; ngoài tức là tiền của, giới, giải thích không hết. Tóm vàng bạc...). lược như vầy: Đại khoa có ba phần, Hai, Thi la ba la mật. đó là giáo nghĩa Phật trình bày, có Tiếng Phạn là Thi la, tiếng Hoa thứ lớp khi sắp nói lời vi diệu, thì là Thanh lương. Vì xa lìa nóng bức trước tiên nêu rõ nguyên do, nên não loạn nên được mát mẻ; còn gọi kinh này lấy phẩm Thể chủ diệu là ngăn ngừa, vì rèn luyện ba nghiêm làm tựa. Nhân duyên đã rõ, nghiệp không để phát sanh tội lỗi, theo căn cơ mà lãnh thọ giáo pháp, thích đi trên đường lành, không để nên từ phẩm Như lai hiện tướng mình buông lung. đến phẩm Nhập pháp giới làm phần Giới kinh nói: Bồ tát giữ đủ các chánh tông. Chánh tông đã trình giới mà không vướng mắc, đó gọi bày thì đến Lưu thông để cho đời là Trì giới đáo bỉ ngạn. sau theo đó truyền thừa, đèn pháp Ba, Sằn đề ba la mật. sáng mãi, nên kinh này từ phẩm Tiếng Phạn là Sằn (sàn) đề, Nhập pháp giới, lúc ấy, Văn thù sư tiếng hoa là nhẫn nhục. lợi từ lâu các Thiện

trụ về sau làm Người khác đem đến sự phiền phần Lưu thông, nên các tổ sư làm phức, bực bội là nhục; nhận lấy sớ, thuật, sao dựa vào đó để giải nhục là nhẫn; nội tâm có khả năng thích ý nghĩa của kinh. nhận lấy sự phiền nhiễu ở bên ngoài tác động. Kinh nói: Bồ tát có thể chịu tất THẬP BA LA MẬT cả xấu ác, đối với chúng sanh tâm (Hoa nghiêm kinh). của các Ngài luôn bình đẳng, không hề dao động. Đó gọi là Nhẫn Tiếng Phạn là ba la mật, tiếng nhục đáo bỉ ngạn. Hoa là đáo bỉ ngạn. Bốn, Tỳ lê da ba la mật. Vì Bồ tát tu mười pháp này, Tiếng Phạn là Tỳ lê da, tiếng giáo hóa cứu độ chúng sanh, vượt Hoa là tinh tấn. Đối với chánh pháp qua biển sanh tử đến bờ Niết bàn. tâm luyện tập đến chỗ tinh anh, gọi Một, Đàn na ba la mật. là tinh. Tâm chuyên nhất cố đạt Tiếng Phạn là Đàn na, tiếng thành gọi tấn. Đó gọi là tâm không Hoa là bố thí. lười biếng, siêng tu tập pháp lành vậy.

Kinh nói: Bồ tát nguyện rộng Vì vận dụng phương tiện khéo lớn, luôn luôn tu tập không biết léo, tùy theo căn cơ giúp đỡ chúng lười biếng, những gì làm được, sanh, đúng lúc đúng duyên. luôn không thối lui. Đó gọi là Tinh Kinh nói: Bồ tát giáo hóa chúng tấn đáo bỉ ngạn. sanh không biết mỏi mệt, nhàm Năm, Thiền na ba la mật. chán, tùy theo sự ưa thích của Tiếng Phạn là Thiền na, tiếng chúng sanh mà hiện thân thích hợp Hoa là tịnh lự. nói pháp. Đó là Phương tiện đến bờ Niệm và lự (nghĩ và suy) đều bên kia. quên, an tâm vào lý cảnh, còn có Tám, Nguyện ba la mật. tên là trí sanh; vì dựa vào định mà Nguyện tức là thệ nguyện, chí sanh trí. mong được đầy đủ. Trên cầu Phật Kinh nói: Bồ tát đối với cảnh đạo, dưới giáo hóa chúng sanh đến ngũ dục, không thèm muốn, vướng hết vị lai hạnh nguyện thành tựu. mắc; thiền định theo thứ lớp đều Kinh nói: Bồ tát thành tựu cho thành tựu được. Đó gọi là Tịnh lự tất cả chúng sanh, cúng dường tất đáo bỉ ngạn. cả Phật, đến hết kiếp vị lai, chứng (Thiền định theo thứ lớp là sơ được trí huệ của Như lai. Đó gọi là thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ Nguyện đến bờ bên kia. thiền… tuần tự mà vào). Chín, Lực ba la mật. Sáu, Bát nhã ba la mật. Lực tức là lực dụng (tác dụng Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng của lực). Vì hạnh viên mãn, công Hoa là trí huệ. hoàn thành đối với vạn cảnh không Quyết định rõ ràng, xem xét kỹ động, có khả năng làm tốt nhiều lưỡng gọi là trí; bắt đầu tâm phân việc vậy. biệt gọi là huệ. Vì chiếu soi hết các Kinh nói: Bồ tát tâm lực đầy đủ pháp, đều không thể có được (thật sâu thẳm, không có tạp nhiễm, cho có), nên hiểu biết vô ngại. đến đầy đủ sức gia trì để tin, hiểu Kinh nói: Bồ tát ở chỗ Phật, và lãnh thọ. Đó gọi là Lực đến bờ giỏi quán sát các pháp, được ấn thật bên kia. tướng, đi vào tất cả trí. Đó gọi là Mười, Trí ba la mật. Trí huệ đến bờ bên kia. Trí tức trí huệ. Vì quyết đoán (Thật tướng là tướng thật. Ấn không lầm lạc, chứng pháp làm cho tức là vô tướng nên gọi là thật tinh thần an vui, giỏi vào huệ của tướng. Ấn tức là ấn định (gắn chặt) Phật, thấu suốt vô ngại. rằng tất cả pháp đều vô tướng. Kinh nói: Bồ tát biết tất cả pháp Bảy, Phương tiện ba la mật. chân thật, biết tất cả Như lai lực, Phương tức là phương pháp. hiểu rộng khắp pháp giới môn. Đó Tiện tức là thích đáng (tiện nghi). gọi là Trí huệ đến bờ bên kia.

THẬP CHỦNG TRÍ giới. Đó gọi là trí chiếu khắp tất cả thế gian. (Hoa nghiêm kinh).
Bảy, Trụ trì nhất thiết thế gian Thập chủng trí tức là nhất thiết trí. chủng trí của ba đời chư Phật. Như Vì Như lai có thần lực lớn, an lai làm cho tất cả Bồ tát phải tu học trụ và hộ trì chánh pháp trong thế để được mở mang, thấu hiểu. giới, biết rõ căn cơ lớn, nhỏ

của Một, Tam thế trí. chúng sanh mà giáo hóa. Đó gọi là Đối với các pháp trong ba đời trí an trụ hộ trì chánh pháp trong tất quá khứ, hiện tại, vị lai đều thông cả thế giới. hiểu rõ ràng. Đó gọi là Tam thế trí. Tám, Tri nhất thiết chúng sanh Hai, Phật pháp trí. trí. Phật là tiếng Phạn, gọi đủ là Như lai biết được nhân duyên Phật đà, tiếng Hoa là Giác. thiện, ác của tất cả chúng sanh mà Vì thấy được tự tánh của pháp, nên dạy cái gì cho chúng và khiến khéo ra khỏi thế gian, biểu hiện các cho chúng thấu hiểu rõ ràng. Đó oai nghi, nói pháp độ sanh. Đó gọi gọi là trí biết tất cả chúng sanh. là Phật pháp trí. Chín, Tri nhất thiết pháp trí. Ba, Pháp giới vô ngại trí. Như lai đã biết phải dạy chúng Biết tất cả chúng sanh vốn đầy sanh như thế nào, lại còn rành biết đủ thể của pháp giới, sự và lý dung sử dụng pháp nào để giáo hóa thông, hoàn toàn không trở ngại. chúng. Đó gọi là trí biết tất cả pháp. Đó gọi là trí không trở ngại đối với Mười, Tri vô biên chư Phật trí. pháp giới. Vì Như lai biết việc thuyết pháp Bốn, Pháp giới vô biên trí. giáo hóa tất cả chúng sanh của vô Biết các pháp sắc và tâm của số chư Phật, một cách rõ ràng; đó chúng sanh, tức là pháp giới, đầy gọi là trí biết vô số chư Phật. khắp tất cả thế gian không có giới hạn. Đó là trí vô biên đối với pháp giới. THẬP CHỦNG TRÍ Năm, Sung mãn nhất thiết thế MINH giới trí. Vì Như lai từ định khởi lên diệu (Hoa nghiêm kinh). dụng to lớn, khắp cả thế gian, soi Trí minh là trí huệ sáng suốt sáng khắp hết. Đó gọi là trí biết đầy hoàn toàn. Vì bằng mười trí thiện đủ tất cả thế giới. xảo này để hiểu rõ, thấu suốt cảnh Sáu, Phổ chiếu nhất thiết thế giới của tất cả chúng sanh, để mà gian trí. giáo hóa, điều phục, khiến cho ra Vì Như lai có trí huệ quang khỏi biển sanh tử và thành tựu minh lớn, chiếu khắp vô lượng thế chánh giác.

Một, Tri chúng sanh nghiệp Sáu, Năng dĩ phương tiện thọ báo trí minh. sanh trí minh. Bồ tát, bằng trí thiện xảo sáng Bồ tát, dùng trí sáng suốt khéo suốt, am tường các nghiệp ác chúng léo, đối với mười phương thế giới, sanh làm ra mà phải chịu quả báo bằng vô số phương tiện, thị hiện, khổ đau; đó gọi là trí sáng suốt biết thọ sanh, hóa đạo loài hữu tình. Đó nghiệp báo của chúng sanh. gọi là trí sáng suốt có khả năng Hai, Tri nhất thiết cảnh giới dùng phương tiện thọ sanh để giáo tịch diệt trí minh. hóa loài hữu tình. Bồ tát, bằng trí sáng suốt khéo Bảy, Xả ly tưởng thọ cảnh giới léo, am tường tất cả cảnh giới thanh trí minh. tịnh, vắng lặng của thế gian, không Bồ tát dùng trí sáng suốt khéo có các tạp nhiễm. Đó là trí sáng léo, đối với tất cả cảnh giới nhớ suốt biết tất cả cảnh giới vắng lặng. tưởng, thọ dụng, đều có thể xa lìa, Ba, Tri nhất thiết sở duyên duy buông bỏ. Đó gọi là trí sáng suốt xả thị nhất tướng trí minh. bỏ cảnh giới của tưởng, thọ. Bồ tát, bằng trí sáng suốt khéo Tám, Tri nhất thiết pháp vô léo, biết rõ các pháp mà chúng sanh tướng vô tánh trí minh. bị ràng buộc, nhờ vào lý của nhất Bồ tát dùng trí sáng suốt khéo thật tướng, giống như kim cương léo, hiểu tất cả pháp của thế gian, không thể hư hoại. Đó gọi là trí biết đều chẳng phải tướng, chẳng phải tất cả sở duyên chỉ là nhất tướng. không có tướng, một tánh hay Bốn, Năng dĩ diệu âm phổ văn không tánh, xa lìa các phân biệt. thập phương trí minh. Đó gọi là trí sáng suốt biết tất cả Bồ tát, bằng trí sáng suốt khéo pháp không có tướng, không có léo, hiểu rõ chúng sanh (tuy không tánh. thực có) mà các Bồ tát có khả năng (Phi tướng là tất cả pháp vốn dùng âm thanh nhiệm mầu nói tất không. Phi vô tướng là tất cả pháp cả pháp, trùm khắp mười phương, thì có. Nhất tánh vô tánh là căn cứ chúng sanh đều nghe và biết. Đó vào lý

không quyết định được, tuy gọi là trí sáng suốt có thể dùng âm nói là một tánh mà không chắc là thanh mầu nhiệm nói pháp nghe một tánh). hiểu khắp mười phương. Chín, Tri chúng sanh duyên Năm, Phổ hoại nhiễm trước khởi bổn vô hữu sanh trí minh. tâm trí minh. Bồ tát dùng trí sáng suốt khéo Bồ tát, bằng trí sáng suốt khéo léo, hiểu rõ pháp được phát khởi từ léo, có khả năng to lớn tiêu trừ tâm nhân duyên thọ sanh của tất cả ô nhiễm, tham đắm ái dục của chúng sanh, thảy đề vắng lặng, xưa chúng sanh; đó gọi là trí sáng suốt nay vốn không sanh. Đó gọi là trí diệt trừ tâm nhiễm trước ái dục. sáng suốt hiểu rõ duyên khởi vốn không có sanh của chúng sanh.

Mười, Dĩ vô trước tâm tế độ Bốn, Trí kiếp thông. chúng sanh trí minh. Vì thế giới vô lượng, số kiếp vô Bồ tát dùng trí sáng suốt khéo cùng, không có giới hạn; hoặc là léo, hiểu rõ tất cả chúng sanh, tuy nhân duyên hiện tại, hoặc quả báo là vắng lặng, nhưng luôn khởi tâm sắp xảy ra, đều biết chắc chắn. Đó không vướng mắc nói pháp dạy dỗ, gọi là tri kiếp thông. khiến cho chúng vượt qua biển khổ Năm, Thiên nhĩ trí thông. sanh tử, thành vô thượng Chánh Vì mười phương ba đời, ngôn đẳng chánh giác. Đó gọi là trí sáng ngữ, âm thinh, một khi nhận được suốt dùng tâm không vướng mắc để đều hiểu ra xuất phát từ đâu một cứu độ chúng sanh. cách rõ ràng, không hề trở ngại. Đó gọi là thiên nhĩ trí thông. Sáu, Vô thể tánh trí thông. THẬP CHỦNG THÔNG Vì bằng công dụng tác động (Hoa nghiêm kinh sớ). của vô tác, vô thể, bình đẳng cùng lý tánh có khả năng trùm khắp, nên Thông tức thần thông. Diệu tùy niệm hiện hình làm nên tác dụng khó lường gọi là thần. Tự tại dụng mà vẫn không động đến thể không ngăn che gọi là thông. tánh, tùy nơi đi đến, làm lợi ích cho Một, Tha tâm thông. chúng sanh. Đó gọi là vô thể tánh Vì các pháp có trong thế gian trí thông. và xuất thế gian, hoặc giống hoặc Bảy, Thiện phân biệt ngôn âm loài và cùng với người khác khởi thông. lên tâm niệm, đều có khả năng biết Tất cả ngôn từ hoặc tốt hoặc được. Đó gọi là tha tâm thông. xấu, hoặc gần hoặc xa đều có khả Hai, Thiên nhãn tự tại thanh năng hiểu hết. Đó gọi là thiện phân tịnh thông. biệt ngôn âm thông. Vì thiên nhãn xa lìa các chướng Tám, Sắc thân trí thông. ngại, dơ bẩn, thanh tịnh vô ngại, tự Vì biết sắc tức là không nên tại đối với cảnh, thấy được tướng hiện ra nhiều sắc tướng; không tức sai biệt của vô số thế giới; hoặc nhơ là sắc nên không có sắc mà hiện hoặc sạch, tất cả chủng loại đều được sắc, hoàn toàn không trở ngại. thấy rõ ràng. Đó gọi là thiên nhãn Đó gọi là sắc thân trí thông. thanh tịnh thông. Pháp tức là các pháp sự, lý. Vì Ba, Túc trụ trí thông. thường sự tức là lý, nên không có Túc tức là quá khứ. Trụ tức là công dụng của vật. Vì lý tức là hiện tại. thường sự, nên không có lý duyên Vì những việc đã qua ở quá khởi. Công dụng vắng lặng vô ngại. khứ đều nhớ biết rõ ràng như thấy Thể không đến hay đi. Không pháp trước mắt, chẳng có gì khác lạ. Đó gì là không biết. Đó gọi là nhất gọi là túc trụ trí thông. thiết pháp trí thông.

Mười, Diệt định trí thông. Ở trong định này dùng lại Bát Diệt tức là tịch diệt. Nếu sự hết, bối xả, thấy được sắc xanh trong thì không thể từ định khởi lên công Bát thắng xứ, làm cho khắp cả xứ dụng. Nay chứng được lý diệt, nên đều màu xanh; nên gọi là Thanh được định dù có tan ra cũng không biến nhất thiết xứ định. ngại, vì sự tức lý và cũng không Hai, Hoàng biến nhất thiết xứ ngại diệt, vì lý tức sự, nên không định. ngại dụng, khởi niệm đi vào niệm Ở trong định dùng lại Bát bối đều không chướng ngại. Khởi định

xả, thấy được sắc vàng trong Bát vắng lặng, hiện ra các oai nghi; đó thắng xứ, làm cho khắp cả xứ đều gọi là diệt định trí thông. màu vàng; nên gọi là Hoàng biến nhất thiết xứ định. Ba, Xích biến nhất thiết xứ THẬP BIẾN XỨ ĐỊNH định. (Pháp giới thứ đệ).
Ở trong định dùng lại Bát bối xả, thấy được sắc đỏ trong Bát Trí độ luận nói: Bát bối xả là sơ thắng xứ, làm cho khắp tất cả xứ môn, Bát thắng xứ là trung hạ, Biến đều màu đỏ; nên gọi là Xích biến nhất thiết xứ là thành tựu. Quán ba nhất thiết xứ định. thứ đầy đủ, thiền thể mới thành tựu. Bốn, Bạch biến nhất thiết xứ Định này gọi là Biến nhất thiết xứ, định. theo cảnh sở quán rộng khắp đầy Ở trong định dùng lại Bát bối đủ mà đặt tên như vậy. xả, thấy được sắc trắng trong Bát (Bát bối xả là 1) Nội hữu sắc thắng xứ, làm cho khắp tất cả đều tướng ngoại quán sắc, 2) Nội vô màu trắng; nên gọi là Bạch biến sắc tướng ngoại quán sắc, 3) Tịnh nhất thiết xứ định. bối xả thân tác chứng, 4) Hư không Năm, Địa biến nhất thiết xứ xứ bối xả, 5) Thức xứ bối xả, 6) Vô định. sở hữu bối xả, 7) Phi hữu tưởng phi Ở trong định dùng lại Bát bối vô tưởng bối xả, 8) Diệt thọ tưởng xả, thấy được màu đất trong Bát bối xả. thắng xứ, làm cho tất cả mọi nơi Bát thắng xứ là 1) Nội hữu sắc đều trùm khắp màu ấy; nên gọi là tướng ngoại quán sắc thiểu, 2) Nội Địa biến nhất thiết xứ định. hữu sắc tướng ngoại quán sắc đa, 3) Sáu, Thủy biến nhất thiết xứ Nội vô sắc tướng ngoại quán sắc định. thiểu, 4) Nội vô sắc tướng ngoại Ở trong định dùng lại Bát bối quán sắc đa, 5) Thanh thắng xứ, 6) xả, thấy được màu nước trong Bát Hoàng thắng xứ, 7) Xích thắng xứ, thắng xứ, làm cho tất cả mọi nơi 8) Bạch thắng xứ). đều trùm khắp màu ấy; nên gọi là Một, Thanh biến nhất thiết xứ Thủy biến nhất thiết xứ định. định.

Bảy, Hỏa biến nhất thiết xứ Tăng và tất cả chúng sanh mới khởi định. tâm cung kính được. Ở trong định dùng lại Bát bối Hai, Tri ân niệm báo. xả, thấy được màu lửa trong Bát Vì người tu hành phải được thắng xứ, làm cho tất cả mọi nơi trời, đất che chở, vua chúa nước đều trùm khắp màu ấy, nên gọi là nhà, cha mẹ nuôi dưỡng, thầy tổ Hỏa biến nhất xứ định dạy bảo đều là ân đức đối với mình, Tám, Phong biến nhất thiết xứ luôn luôn không quên báo đền ân định. ấy. Ở trong định dùng lại Bát bối Ba, Tâm vô tật đố. xả, thấy được màu gió trong Bát Người tu hành, gần gũi, giáo thắng xứ, làm cho tất cả mọi nơi hóa mọi người, không có tâm thiên đều trùm khắp màu ấy; nên gọi là vị; đối với tiền của, danh dự của Phong biến nhất xứ định. người khác coi như của mình; Chín, Không biến nhất thiết xứ không sanh lòng ghen ghét, tỵ định. hiềm. Ở trong định dùng lại Bát bối Bốn, Đoạn trừ nghi hoặc. xả, thấy được màu sắc của không Người tu hành phải lấy sự hiểu gian trong Bát thắng xứ, làm cho biết chân chánh của chư Phật để tất cả mọi nơi đều bao trùm màu dứt trừ nghi ngờ, thì đối với các ấy; nên gọi là Không biến nhất thiết cảnh lành, dữ đều không trở ngại. xứ định. Năm, Thâm tín bất hoại. Mười, Thức biến nhất thiết xứ Người tu hành phải phát tâm tin định. sâu chánh pháp, ghi nhớ, suy tư, Ở trong định dùng lại Bát bối giữ gìn vững chắc như kim cương xả, thấy được màu sắc của thức bất hoại. trong Bát thắng xứ, làm cho tất cả Sáu, Tinh cần vô quyện. mọi nơi đều bao trùm màu ấy; nên Người tu hành phải siêng năng, gọi là Thức biến nhất thiết xứ định. đừng mỏi mệt, lười nhác, để đạo quả được thành tựu. Bảy, Thường hành khất thực. THẬP CHỦNG TU TAM Người tu hành phải đi khất thực MUỘI PHÁP để khuất phục tâm ngã mạn thì (Đại tập hiền hộ phước đức càng

nhiều; nếu có tín thí cung thỉnh cúng dường thì đi kinh). đến đúng giờ, không được tự tiện đi Một, Tồi chiết ngã mạn. một mình. Ngã tức là ngã kiến. Mạn tức là Tám, Thiểu dục tri túc. kiêu mạn. Vì người tu hành, trước Người tu hành phải xa lìa trần hết phải tiêu diệt tâm ngã mạn, thì tục, ít ham muốn, không được tìm đối trước Tam bảo Phật, Pháp, kiếm của cải cho nhiều để sanh tâm

đắm nhiễm; thường tự biết đủ, điều chân thường của pháp thân. Đó gọi phục các căn để cho pháp lành tăng là quán tất cả pháp vô thường. trưởng. (Tiếng Phạn là Sát na, tiếng Chín, Nhạo vô sanh pháp nhẫn. Hoa là nhất niệm). Vô sanh pháp tức là lý bất sanh Hai, Quán nhất thiết pháp khổ. bất diệt. Nhẫn tức là an nhẫn (nhận Vị Bồ tát này quán các pháp chịu). năm uẩn, có sanh có diệt đều có thể Người tu hành, đối với pháp bất làm bức bách con người, chưa sanh bất diệt, khởi tâm mong cầu, chứng được an vui của Niết bàn. ưa thích, không thối lui, chờ đến Đó gọi là quán tất cả pháp khổ. khi chứng được mới thôi. Ba, Quán nhất thiết pháp Mười, Thường niệm Tam không. muội. Vị Bồ tát này quán tất cả các Người tu hành phải phụng sự pháp đều vắng lặng, mà chưa thể người có khả năng chứng pháp chứng được pháp chân thiện. Đó Tam muội, tức là mong muốn gọi là quán tất cả pháp không. thành Phật; luôn nhớ đến Tam (Pháp chân thiện tức là pháp muội này trong từng niệm, siêng lành xuất thế, không phải cái thiện năng tu tập, không để thối lui. của người, trời ở thế gian). Bốn, Quán nhất thiết pháp vô ngã. THẬP CHỦNG HẠNH Vị Bồ tát này quán tất cả pháp QUÁN NHẤT THIẾT PHÁP đều không (thật) thì có thể đi vào (Hoa nghiêm cảnh vô ngã, nhưng
chưa chứng được chân ngã của bát tự tại. Đó kinh). gọi là quán tất cả pháp vô ngã. Trong phẩm Thập trụ của kinh (Bát tự tại là: 1) Hiện một thân Hoa nghiêm, trong trụ thứ ba là Tu thành nhiều thân, 2) Hiện một trần hành, ngôi vị Bồ tát này dùng mười thân mà đầy đại thiên giới, 3) Thân thứ hạnh để quán tất cả pháp. lớn nhẹ nhàn đi đến nơi xa, 4) Hiện (Thập trụ là Phát tâm, Trị địa, vô số loài thường ở một chỗ, 5) Tu hành, Sanh quý, Phương tiện cụ Các căn hỗ dụng, 6) Được tất cả túc, Chánh tâm, Bất thối, Đồng pháp tướng như không có pháp, 7) chân, Pháp vương tử, Quán đảnh). Nói ý nghĩa một bài kệ đến vô Một, Quán nhất thiết pháp vô lượng kiếp, 8) Thân trùm khắp thường. muôn nơi như hư không). Vị Bồ tát này chỉ quán tất cả Năm, Quán nhất thiết pháp vô pháp không ngưng nghỉ dù trong tác. một niệm, sanh và diệt trong từng Vì Bồ tát này quán tất cả pháp sát na mà chưa từng chứng được lý đã biết niệm niệm vô thường, vì thế hiểu rõ các pháp không có tướng

tạo tác. Đó gọi là quán nhất thiết Nhẫn tức là nhận chịu, có khả pháp vô tác. năng chịu được. Sáu, Quán nhất thiết pháp vô Vì Bồ tát đã dứt vô minh hoặc, vị. chứng được lý vô sanh, hiểu rõ các Vì Bồ tát này quán tát cả pháp pháp xưa nay vắng lặng, nên thấy đều là khổ thì không có ý vị vui sắc nghe tiếng như ảo như hóa, sướng, dứt hết các niệm tham ái. không khởi vọng niệm phân biệt. Đó gọi là nhất thiết pháp vô vị. Nhưng nhẫn thể này tuy một mà Bảy, Quán nhất thiết pháp bất tùy sự đặt tên, nên có mười thứ. như danh. Một, Âm thinh nhẫn. Vì Bồ tát này quán tất cả pháp Nghe giáo lý sâu xa của Phật có không có thật thể, chỉ là giả danh. thể hiểu rõ và nhận lãnh được mà Đó gọi là quán nhất thiết bất như không sợ hãi. danh. Hai, thuận nhẫn. Tám, Quán nhất thiết pháp vô Đối với lý, sự đều tùy thuận, xứ sở. thẩm xét lãnh nhận, mà không trái Vì Bồ tát quán

các pháp trong ngược. năm uẩn để tìm kiếm ngã tướng, Ba, Vô sanh nhẫn. trọn không thể được, vì năm pháp Vì hiểu rõ các pháp đều từ nhân uẩn ấy cũng không có nơi chốn. Đó duyên hòa hợp mà sanh ra, giống gọi là quán tất cả pháp vô xứ sở. như ảo hóa, tánh vốn vắng lặng, Chín, Quán nhất thiết pháp ly xem xét kỹ lưỡng nhận lãnh mà phân biệt. không sanh chấp trước. Vì Bồ tát này quán tất cả pháp, Bốn, Như ảo nhẫn. hiểu rõ là không, lìa xa các tướng Như ảo nhẫn là thông đạt các hư vọng, phân biệt, chấp trước. Đó pháp đều từ nhân duyên hòa hợp gọi là quán tất cả pháp ly phân biệt. mà sanh ra, giống như ảo hóa, tánh Mười, Quán nhất thiết pháp vô vốn vắng lặng, suy xét kỹ lưỡng có kiên thật. thể nhịn được mà không chấp Vì Bồ tát này quán tất cả pháp trước. đã lìa xa phân biệt thì biết các Năm, Như diệm nhẫn. pháp ấy đều là hư vọng, không Vì hiểu rõ tất cả cảnh giới đều chắc thật. Đó gọi là quán nhất thiết như bóng nắng, không có chân thật, pháp vô kiên thật. xem xét kỹ lưỡng nhận lãnh mà không sanh chấp trước. Sáu, Như mộng ảo nhẫn. THẬP CHỦNG NHẪN Thấu rõ các vọng tâm đều như (Hoa nghiêm chỉ cảnh mộng, không có chân thật, xem xét kỹ lưỡng nhận lãnh mà chưởng). không chấp trước. Bảy, Như hưởng nhẫn.

Âm thinh, ngôn ngữ của thế hiện nhiều cảnh sắc trong ấy; giống gian đều do nhân duyên hòa hợp như cõi hư không bao quát tất cả mà thành, giống như tiếng vang khiến cho chúng sanh vượt khỏi trong hang núi, không có thực sự, phân biệt, xa lìa nghi ngờ và hối xem xét kỹ lưỡng nhận ra mà hận; tin tưởng thấu hiểu trong sáng; không sanh chấp trước. phát sanh ý tưởng hy hữu; nên gọi Tám, Như ảnh nhẫn. là Thân tướng tuyệt vời không thể Vì đã thấu hiểu sắc thân, do nghĩ bàn. năm uẩn tập hợp mà thành, vốn Hai, Diệu hảo âm thinh bất tư không có thật thể, xem xét kỹ nghì. lưỡng nhận ra mà không sanh chấp Âm thinh Như lai nói ra ở trong trước. pháp hội đều để điều phục chúng Chín, Như hóa nhẫn. sanh nên tùy nghi thuyết giảng, làm Các pháp ở thế gian từ không nhiều việc thiện đem lại lợi ích cho bỗng có, có lại hoàn không, không mọi người; khiến cho ai nấy cũng có thể chân thật, quán sát kỹ lưỡng đều hiểu được, sanh tâm yêu nhận ra mà không chấp trước. thương, vui vẻ, thích thú; giống Mười, Như không nhẫn. như tiếng rống của sư tử; nên gọi là Hiểu rõ các pháp thế gian và Âm thinh tuyệt hảo không thể nghĩ xuất thế gian đều như hư không, bàn. không có sắc tướng, quán sát kỹ Ba, Tối thượng đại trí bất tư lưỡng nhận ra mà không chấp nghì. trước. Như dùng đại trí tối thượng, tri kiến vô ngại nói tất cả pháp, khiến cho chúng sanh tin, hiểu hoàn toàn, THẬP CHỦNG BẤT TƯ phát sanh ý tưởng ít có; nên gọi là NGHÌ PHÁP Trí lớn cao siêu không thể nghĩ (Bồ tát tạng bàn. Bốn, Vi diệu quang minh bất tư chánh pháp kinh). nghì. Tư tức là tâm suy nghĩ. Nghị Ánh sáng của Như lai, to lớn tức là miệng bàn bạc. Vì mười loại nhiệm mầu, chiếu khắp mười pháp này không thể dùng tâm để phương thế giới, vượt xa ánh sáng suy nghĩ, miệng để bàn bạc. của các vị trời, khiến cho chúng Một, Tối thắng thân tướng bất sanh nào thấy được ánh sáng ấy thì tư nghị. tin, hiểu hoàn toàn, vượt ra khỏi Thân tướng của Như lai thanh phân biệt, xa lìa các nghi ngờ, hối tịnh siêu việt, chứa nhóm phước hận; thân tâm vui tươi, phát sanh ý đức vô lượng, trang nghiêm đầy đủ tưởng ít có; nên gọi là Ánh sáng bằng tất cả công đức nhiệm màu mầu nhiệm không thể nghĩ bàn. hơn hết. Giống như các gương lớn

Năm, Viên mãn giới định bất tư không hạn lượng; nhưng các chúng nghì. sanh không ở trong chánh pháp thì Thân, miệng, ý nghiệp của Như không thể hiểu được. Như lai vận lai đều thanh tịnh, định vắng lặng dụng tâm đại bi khiến cho chúng lớn, luôn luôn an trụ, đầy đủ viên đều hiểu biết được, tin tưởng, hiểu thành, khiến cho chúng sanh phát rõ hoàn toàn, phát sanh ý tưởng hy sanh ý tưởng ít có, cũng có khả hữu; nên gọi là Tâm đại bi không năng làm cho ba nghiệp thanh tịnh, thể nghĩ bàn. tu các thiền định, được ba la mật đa Mười, Bất cộng pháp bất tư tối thượng; nên gọi là Giới định nghì. tròn đầy không thể nghĩ bàn. Như lai đầy đủ công đức, trí Sáu, Quảng đại thần túc bất tư huệ, ở trong đại chúng, chuyển nghì. pháp luân nhiệm mầu, như sư tử Như lai có thần thông đầy đủ, rống. Các Sa môn, Bà la môn, ma đứng bậc nhất trong chúng sanh. vương, phạm thiên không thể Thần lực của Ngài Mục liên, Thinh chuyển được như vậy, làm cho văn, Bồ tát đều không thể bằng chúng sanh vượt lên phân biệt, xa thần lực của Phật; nên gọi là Thần lìa nghi hoặc, tin hiểu hoàn toàn, túc to lớn không thể nghĩ bàn. phát sanh ý tưởng chưa từng có; Bảy, Như lai trí lực bất tư nghì. nên gọi là Pháp bất cộng không thể Như lai có đầy đủ sức trí huệ nghĩ bàn. tối thắng, ở trong cõi trời, người chuyển pháp luân như tiếng sư tử gầm. Những gì mà trời, người, ma THẬP VÔ TẬN CÚ vương, phạm thiên vương có được (Hoa nghiêm kinh không thể so sánh bằng trí lực của Như lai, làm cho tất cả chúng sanh sớ). hiểu biết như thật, vượt lên trên Trong phẩm Thập địa của kinh phân biệt, xa lìa các nghi ngờ sai Hoa nghiêm nói: ban đầu là Hoan lầm; nên gọi là Trí lực của Như lai hỷ địa, Bồ tát phát nguyện to lớn không thể nghĩ bàn. như pháp giới, dùng mười vô tận Tám, Vô sở úy bất tư nghì. mới được thành tựu. Nếu câu này Như lai thành tựu vô thượng chấm dứt thì nguyện của tôi cũng chánh giác, đầy đủ thắng trí vô chấm dứt. Nếu mười câu này không thượng, ở trong các đám đông chấm dứt thì nguyện lớn của tôi chuyển diệu pháp luân, như sư tử cũng không chấm dứt. Đó gọi là gầm, được đại tự tại; nên gọi là vô mười câu vô tận. úy không thể nghĩ bàn. Một, Chúng sanh giới vô tận. Chín, Đại bi tâm bất tư nghì. Vì các chúng sanh đều nương Như lai không bỏ bất cứ chúng vào thế giới mà ở. Trong những sanh nào, tâm thường thương xót chúng sanh ấy, có chúng sanh vô

tận, nên gọi là thế giới của chúng không có cùng tận; nên gọi là sở sanh vô tận. duyên của tâm không cùng tận. Hai, Thế giới vô tận. Chín, Phật trí sở nhập cảnh giới Vì tất cả thế giới đều nương vô tận. vào hư không mà trụ. Trong những Vì trí của Phật tức là chân tánh, thế giới ấy, không có thế giới hữu luôn nhận biết một cách rõ ràng, có tận, nên gọi là thế giới vô tận. khả năng vào vô tận cảnh giới; nên Ba, Hư không thế giới vô tận. gọi là cảnh giới mà trí Phật đi vào Vì mười phương tất cả hư thì vô tận. không, trùm khắp tất cả nơi có sắc Mười, Thế gian chuyển, pháp và chẳng có sắc, đều có hư không chuyển, trí chuyển vô tận. vô giới hạn; nên gọi là Cõi hư Thế gian chuyển là thu gồm cõi không không có tận cùng. chúng sanh đã nói ở trên, thế giới Bốn, Pháp giới vô tận. và hư không giới. Vì pháp giới chân thật, thể tánh Pháp chuyển là thu gồm pháp không cùng tận. Tương ưng với thể giới, Niết bàn giới, cõi Phật xuất này, pháp nói ra cũng vô lượng, hiện đã đề cập ở trên. giáo hóa chúng sanh an định vào Trí chuyển là thu gồm Như lai Niết bàn cũng không cùng tận, nên trí giới tâm sở duyên và cảnh giới gọi là pháp giới vô tận. mà trí của Phật đi vào đã đề cập ở (Nhất chân pháp giới tức là

trên. Vì ba loại chuyển này đều nói nhất chân thật lý). là vô tận; dùng ba loại trí của thế Năm, Niết bàn giới vô tận. gian thu gôm, bao hàm hết cả, Vì Như lai đã độ chúng sanh không có cùng, tận; nên gọi là Thế xong, vào cõi Niết bàn, vào rồi lại gian chuyển, pháp chuyển, trí ra, ra rồi lại vào vô cùng vô tận; chuyển vô tận. nên gọi là cõi Niết bàn vô tận. Sáu, Phật xuất hiện giới vô tận. Như lai xuất hiện, nói pháp độ THẬP CHỦNG NHÂN sanh, phương tiện khéo léo, thần (Du già sư địa luận). thông trí huệ không có cùng tận; nên gọi là cõi Phật xuất hiện vô tận. Một, Tùy thuyết nhân. Bảy, Như lai trí giới vô tận. Vì đối với tất cả pháp ràng buộc Vì trí huệ của Như lai có khả của hoặc nghiệp ở trong Dục giới, năng biết được pháp giới tự tâm Sắc giới và Vô sắc giới và các pháp duyên lự không có cùng tận; nên không ràng buộc, tùy theo chỗ thấy, gọi là cõi trí huệ của Như lai vô nghe, hay, biết mà nói lên các ngôn tận. ngữ; đó gọi là tùy theo nhân mà Tám, Tâm sở duyên vô tận. nói. Vì sở duyên của tâm Như lai, (Pháp không ràng buộc tức là tức là cảnh được trí huệ chiếu soi, pháp xuất thế).

Hai, Quán đãi nhân. sắc và các pháp lành không trói Đãi có nghĩa là đối đãi. buộc, cho đến trói buộc vào các Vì các loài hữu tình mong cầu pháp lành ở cõi Vô sắc, có thể đem dục lạc trói buộc trong ba cõi và đến các pháp lành ở cõi Vô sắc và những an lạc không trói buộc xuất các pháp lành khác không trói thế gian. Từ các duyên này, hoặc buộc... Đó là nhân dẫn phát. cầu được, hoặc được thọ dụng, Bảy, Định dị nhân. quán sát dục lạc và an lạc đối đãi Vì các pháp trói buộc và không nhau; đó gọi là quán đãi nhân. trói buộc trong ba cõi có sự khác Ba, Khiên dẫn nhân. nhau giữa tự tánh và công năng; Vì do tịnh nghiệp hay nghiệp nên gọi là nhân của định khác nhau. bất tịnh mà huân tập thiện, ác các Tám, Đồng sự nhân. hành trong ba cõi. Ở trong các cõi Vì do tự tánh và công năng hòa khả ái và không khả ái đều do tự hợp mà sanh ra các pháp trói buộc thể của hành nghiệp dẫn dắt; đó gọi và không trói buộc trong ba cõi, là nhân dẫn dắt. cũng được thành tựu hòa hợp; nên (Thú tức là lục thú: sáu cõi. gọi là đồng sự nhân. Trong sáu cõi thì hai thú thiên, Chín, Tương vi nhân. nhân là khả ái; bốn thú Tu la, ngạ Vì các pháp trói buộc và không quỷ, súc sanh, địa ngục là bất khả trói buộc trong ba cõi, khi sắp sửa ái). sanh; nếu có chướng ngại trước Bốn, Sanh khởi nhân. mắt, thì không thể sanh được; nên Tất cả pháp khả ái, bất khả ái gọi là nhân trái ngược nhau. do hoặc nghiệp trói buộc trong ba Mười, Bất tương vi nhân. cõi, đều từ tự chủng mà sanh ra. Ái Vì các pháp trói buộc và không là năng nhuận. Chủng là sở nhuận trói buộc ở ba cõi, khi sắp sanh ra, này mà tự thể của khả ái, bất khả ái nếu không có trở ngại trước mắt thì bị dẫn dắt trước tiên, rồi mới sanh liền sanh ra. Đó gọi là nhân không ra. Đó gọi là nhân sanh khởi. trái ngược nhau. (Tự thể là tự thể của hành nghiệp). Năm, Nhiếp thọ ái. THẬP TƯỞNG Các pháp trói buộc và không (Đại trí độ luận). trói buộc trong ba cõi đều nương vào cái thấy chân thật mà nhiếp Một, Vô thường tưởng. thọ. Đó gọi là nhân nhiếp thọ. Tưởng là quán tưởng. Sáu, Dẫn phát nhân. Vì chúng sanh và tất cả pháp Pháp lành ràng buộc ở cõi Dục, hữu vi trong các thế giới trôi chảy có thể đem đến sự trói buộc của các liên tục, thảy đều vô thường. Hãy pháp lành hơn ở cõi Dục, lại có thể quán tưởng như vậy sẽ phát sanh trí đem đến sự trói buộc ở cõi Sắc, Vô tuệ tương ứng thì dứt được sanh

diệt. Đó gọi là quán tưởng vô Vì quán tưởng thân này, từng thường. niệm vô thường, sanh diệt trong Hai, khổ tưởng. từng sát na, thay đổi không ngừng. Vì quán thân năm uẩn và tất cả Quán tưởng như thế thì phát sanh pháp hữu vi luôn bị các khổ bức trí huệ tương ứng, tiêu diệt được bách. Hãy quán tưởng như vậy sẽ tướng chết. Đó gọi là quán tưởng phát sanh trí huệ tương ứng thì diệt cái chết. được các khổ. Đó gọi là quán tưởng Bảy, Bất tịnh tưởng. về đau khổ. Vì quán tưởng thân này, nhân là Ba, Vô ngã tưởng. phiền não, tinh huyết của cha mẹ Vì quán tất cả pháp đều rốt ráo bất tịnh là duyên hòa hợp mà thành vắng lặng, đều không có ngã. Hãy tựu. Trong thân có 36 thứ; ngoài quán tưởng như vậy sẽ sanh trí huệ thân có chín lỗ chất dơ bẩn thường tương ứng, diệt được ngã tưởng. chảy ra đều là thứ bất tịnh. Quán Đó gọi là quán tưởng về vô ngã. tưởng như thế, trí huệ sẽ phát sanh, Bốn, Thực bất tịnh tưởng. xa lìa dơ bẩn. Đó gọi là quán tưởng Vì quán sát các thức ăn uống bất tịnh. đều sanh ra từ các nhân duyên bất (36 thứ là tóc, lông, móng, tịnh; như thịt từ tinh huyết mà sanh răng, ghèn, nước mắt, nước dãi, ra, đúng là chỗ vi trùng ở; lại như nước miếng, nước tiểu, phân, cáu, sữa, phô mai... đều do máu biến mồ hôi, da (có lông), da (không có thành, so với hôi thúi không khác; lông), máu, thịt, gân, mạch, xương, mồ hôi dơ bẩn của người đầu bếp tủy, mỡ miếng, mỡ nước, não, và bao nhiêu thứ nữa. Hãy quán sát màng, gan, mật, ruột, dạ dày, lá như thế, trí huệ tương ứng phát lách, thận, tim, phổi, sanh tạng, sanh, dứt trừ được thức ăn bất tịnh. thục tạng, đờm đỏ, đàm trắng. Đó gọi là quán tưởng thức ăn bất chín lỗ là hai mắt, hai tai, hai tịnh. mũi, miệng, đại tiện, tiểu tiện). Năm, Thế gian bất khả lạc Tám, Đoạn tưởng. tưởng. Vì quán tưởng tướng Niết bàn Vì quán sát tất cả sắc dục ở thế hữu dư, dứt trừ các kiết sử, được gian đầy thú vị như xe cộ, y phục, đạo vô lậu. Quán tưởng như thế, trí nhà cửa, ruộng vườn đều là việc huệ phát sanh tương ứng, dứt được xấu, tâm sanh chán ghét, xa lìa ba độc. Đó gọi là đoạn tưởng. không thể vui đắm vướng mắc. (Niết bàn hữu dư là bậc Nhị Quán tưởng như thế thì trí huệ thừa, tuy dứt hết kiến hoặc và tư tương ứng phát sanh, dứt trừ tham hoặc, nhưng sắc thân vẫn còn. trước. Đó gọi là quán tưởng những Kiết là trói buộc. Sử là sai vui thú không thể của thế gian. khiến. Phiền não trói buộc, sai Sáu, Tử tưởng. khiến chúng sanh đi vào biển khổ). Chín, Ly tưởng.

Quán tưởng tướng Niết bàn, xa chung, hoặc trên tràng phan, hoặc lìa phiền não, kiết sử không trói trên giấy, vải, lụa, trúc; có chúng buộc, sai khiến nữa. Quán tưởng sanh nào thấy được các Đà la ni ấy, như thế, trí huệ tương ứng phát hoặc dùng tay đụng vào, hoặc đội sanh sẽ xa lìa được ái dục. Đó gọi lên đầu; cho đến viết lên chuông, là ly tưởng. trống, linh, khánh các chú ấy, nếu Mười, Tận tưởng có người nghe được âm thanh các Quán tưởng vô dư Niết bàn, pháp khí trên, dù bị năm tội vô gián diệt hết tất cả khổ và kiết sử cũng cũng đều tiêu diệt và quỷ thần, chẳng còn. Tất cả phiền não không thiên ma cũng chạy khỏi, không thể sanh lại được. Quán tưởng như thế, hại người ấy được. trí huệ tương ứng phát sanh, các lậu (năm tội vô gián là năm địa không còn. Đó gọi là tận tưởng. ngục tội nhân chịu khổ không gián đoạn; 1) Thú quả vô gián, 2) Thọ khổ vô gián, 3) Thời vô gián, 4) THẬP MÔN TỰ MẬT Mạng vô gián, 5) Hình vô gián). CHÚ CÔNG ĐỨC THÂM Ba, Trừ thân tâm bệnh tăng QUẢNG trưởng phước huệ môn.

(Hiển Kinh Thánh lục tự đà la ni đẳng nói: Người tu hành trì tụng Đà la mật viên

thông thành Phật tâm yếu ni, có thể trừ được bao nhiêu khổ tập). bệnh của thân, tâm và tất cả tâm Một, Hộ trì quốc vương an lạc tham, sân, si tự nhiên tiêu hết. Hễ nhân dân môn. người ấy nói ra, ai ai cũng tin Kinh Bảo tinh đà la ni nói: tưởng, làm theo; tất cả kinh, luận Trong tất cả quốc độ, nơi nào có Đà và điển tịch của thế gian, tự nhiên la ni lưu hành, thì nhân dân và quốc thông hiểu; dù cho tự mình không vương ở đó thường được ủng hộ, làm phước nghiệp, mười phương quyền lực tự tại, cũng hay giúp sự Như lai đem công đức của mình cai trị của vua; tất cả việc xấu đều đem cho người này để phước huệ không thể phát sanh, mùa màng tài được tăng trưởng. sản dồi dào, nhân dân an lạc. Bốn, Phàm sở cầu sự giai bất tư (Tiếng Phạn là Đà la ni, tiếng nghì môn. Hoa là chú. Chú tức là nguyện, Các kinh Quán tự tại nghi quỹ cũng gọi là Tổng trì; tức là chơn đều nói: Người tu hành muốn thành ngôn). tựu những gì mong cầu, phải dùng Hai, Năng diệt tội chướng viễn bốn thứ vật: 1) Cung tên và một vài ly quỷ thần. cà sa bằng ngọc; 2) Con gà mã Kinh Bồ đề tràng trang nghiêm vàng và các thứ cỏ thuốc; 3) Lấy đà la ni nói: Nếu viết Đà la ni vào đất trên bờ sông nắn hình thù cầm trong tượng Phật, chày dộng hồng thú như sư tử, con công; 4) Nắn,

vẽ, điêu khắc tượng Phật, Bồ tát, vô thượng chánh đẳng chánh giác. minh vương để trên đài, như pháp Kể cả Tam tạng giáo điển cũng từ tụng chú. Nếu gặp núi lửa phun, Đà la ni mà ra. hoặc bị trói tay, hoặc bị vùi lấp... Kinh Nghi quỹ nói: Chữ Úm liền bay được lên không trung, rong tức là pháp giới vô tướng. Vô chơi các thế giới, cúng dường chư tướng pháp giới hoàn toàn là chân Phật, an vui như ý, thảy đều thành ngôn. Từ đó mà biết chân ngôn bao tựu, không thể nghĩ bàn. hàm vạn hạnh, là cội nguồn của Năm, Lợi lạc hữu tình cứu Tam tạng. thoát u linh môn. Bảy, Chúng dị tu kim cang thủ Các kinh Đại bảo lâm lâu các hộ môn. đều nói: Nếu có chúng sanh thấy Vì tất cả bốn chúng, trong bốn được người đang trì chú hoặc nghe oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi dễ được âm thinh của họ, hoặc đi dàng đọc tụng và thực tập Đà la ni, ngang qua bóng của họ thì diệt mà không đợi thông thạo giáo điển. được tội thập ác và ngũ nghịch, đời Cho nên Mạn đồ la sớ nói: Niệm sau sanh vào cõi Phật. Các kinh Vô thần chú của Như lai, tâm mình khế cấu tịnh quang đều nói: Nếu người hợp với tâm Như lai; đọc mật ngôn tạo nhiều ác nghiệp, chết đọa vào của Bồ tát, nguyện của mình phù ba đường dữ, được người trì chú hợp với nguyện của của Bồ tát. gọi tên người chết, nhất tâm tụng Sanh tử nào mà không thoát khỏi, các chú Tôn thắng, tùy cầu thì Niết bàn nào mà không chứng đắc. người chết liền rời khỏi đường ác, Kinh Đại bi tâm đà la ni nói: sanh lên cõi trời. Người tụng đọc Đà la ni thì thiện (Thập ác là 1) Sát sanh, 2) thần Vô úy tạng, Long vương, Kim Trộm cắp, 3) Tà dâm, 4) Vọng ngữ, cang tích thường theo hộ vệ, không 5) Lưỡng thiệt, 6) Ác khẩu, 7) Ỷ rời nửa bước. ngữ, 8) Tham dục, 9) Sân khuể, 10) Tám, Lệnh phàm đồng Phật Tà kiến. Như lai quy mạng môn. Ngũ nghịch là 1) Giết cha, 2) Kinh Đại bi tâm đà la ni nói: Giết me, 3) Giết A la hán, 4) Phá Người tụng trì Đà la ni, miệng nói hòa hợp Tăng, 5) Làm thân Phật ra ngôn ngữ hoặc thiện hoặc ác, tất chảy máu. cả Thiên, Long nghe được đều là Tam đồ là 1) Đao đồ, 2) Huyết pháp âm thanh tịnh. Lại có kệ rằng: đồ, 3) Hỏa đồ). Thí như linh đơn dược Sáu, Thị chư Phật mẫu giáo Điểm thiết thành kim bảo hạnh bổn nguyện môn. Tụng trì Đà la ni Kinh Lâu các nói: Chân ngôn là Biến phàm tác hiền thánh. mẹ của chư Phật, là hạt giống để Nghĩa: thành

Phật. Nếu không có chân Giống như thuốc linh đơn ngôn thì cuối cùng không thể thành Điểm sắt thành vàng quý

Trì tụng Đà la ni ích cho tất cả chúng sanh, bởi vì Biến phàm hóa thành thánh. các vị ấy đều có thể được chứa Lại có kệ Phật đỉnh rằng: mười đựng trong biển pháp vô tận; nên phương thế giới các Như lai, hộ gọi là vô tận tạng. niệm cho người trì chân ngôn. Một, Tín tạng. Chín, Cụ tự tha lực hiện thành Vì Bồ tát tin tưởng Phật pháp Bồ đề môn. chắc chắn, hiểu các pháp không, Luận Thập trụ nói: 1) Tự lục tâm không thối chuyển, sanh vào môn nói: Lục độ vạn hạnh v.v... nhà Như lai, tâm tin tưởng, hiểu như người đi bộ trên đất liền ngàn biết được tăng trưởng; nghe và giữ dặm, có đến nơi cũng chậm. 2) Tha gìn tất cả pháp của Phật, vì chúng lực môn nói: Niệm Phật... như sanh mà nói, khiến cho chúng đều người đi đường thủy bằng thuyền tin, hiểu. Đó gọi là tín tạng. ngàn dặm, đến nơi nhanh hơn. Nay Hai, Giới tạng. trong chân ngôn có đầy đủ hai lực Vì Bồ tát phụng trì vô tận tịnh tự, tha. Lại trong các kinh cũng nói: giới của ba đời chư Phật, đầy đủ Người tu tập chân ngôn, đời này có hoàn toàn, không hề phá hay phạm thể thành vô thượng Bồ đề, nên giới; nhớ nghĩ đến các chúng sanh kinh Lân các nói: Ta, ở trong vô phá giới và điên đảo; khi thành Bồ lượng trăm ngàn kiếp, tuy tu khổ đề, ta nói pháp chân thật, làm cho hạnh, còn không chứng được Bồ chúng xa lìa điên đảo, cùng chứng đề; nhưng mới nghe Đà la ni và gia được giới thanh tịnh này. Đó gọi là hạnh tương ứng, thì liền thành giới tạng. chánh giác. Ba, Tàm tạng. Mười, Chư Phật Như lai Vì các vị Bồ tát nhớ về quá khứ thượng nãi cầu học môn. không biết xấu hổ với mọi người, Kinh Đại thừa trang nghiêm đối với quyến thuộc làm nhiều việc bảo vương nói: Chư Phật cũng cầu ác. Nay chư Phật đã biết điều ấy, thần chú, huống gì phàm phu mà sanh tâm xấu hổ, nên phát lồ sám không trì tụng sao ?. hối, tu tập phạm hạnh, chứng được Bồ đề, vì các chúng sanh nói pháp chân thật, vì sự xấu hổ ấy mà sửa THẬP VÔ TẬN TẠNG đổi. Đó gọi là Tàm tạng. (Hoa nghiêm kinh). Bốn, Quý tạng. Vì Bồ tát tự thấy xấu hổ những Tạng là chứa đựng. mười tạng việc sai trái đã qua; và các chúng này là do Bồ tát Công đức lâm ở sanh đối với năm cảnh dục làm hội Hoa nghiêm và các Bồ tát mà nhiều việc ác, cảm thấy thân thể dơ diễn nói, muốn làm cho các vị ấy đi bẩn. Nay chư Phật biết việc ấy nên vào tất cả cửa Phật pháp để thành sanh tâm xấu hổ; vì vậy phát lồ sám tựu Bồ đề vô thượng, đem đến lợi hối, tu tập phạm hạnh, mau thành

tựu Bồ đề; vì các chúng sanh nói Phật xuất thế, danh hiệu của mỗi vị pháp chân thật, làm cho sửa đổi thọ ký, 12 phần khế kinh, cho đến điều hổ thẹn ấy. Đó gọi là Quý căn tánh của chúng hội đều nhớ hết tạng. thảy. Đó gọi là Niệm tạng. Năm, Văn tạng. (Thành, trụ, hoại, không là tên Vì Bồ tát nghe tất cả pháp thế của bốn trung kiếp. Hợp bốn trung gian và xuất thế gian, nên đối với kiếp này thành một đại kiếp). chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Chín, Trì tạng. Thinh văn, xuất hiện, nhập diệt đều Vì Bồ tát đủ oai lực lớn, đối với biết hết. Nhớ đến các chúng sanh các pháp Phật nói ra, nghĩa lý văn không nghe nhiều thì không thể chương, một đời thọ trì cho đến vô biết rõ tất cả pháp này, ta phải trì số đời thọ trì và danh hiệu, kiếp số tụng thật nhiều văn tạng, chứng thọ ký, vô lượng kinh điển, không được Bồ đề, vì chúng sanh mà quên, không sót. Đó gọi là Trì tạng. thuyết pháp. Đó gọi là Văn tạng. Mười, Biện tạng. Sáu, Thí tạng. Vì Bồ tát đầy đủ

biện tài, vì Vì Bồ tát bẩm tánh nhân từ, chúng sanh rộng nói các pháp, hoặc thường thực hành mười bố thí, nói một phẩm hoặc nói vô số phẩm không hề có tâm hối hận, cũng pháp, hoặc nói trong một ngày hoặc không mong được quả báo, chỉ vì nói trong vô số kiếp. Kiếp số có thể lợi ích của chúng sanh trong pháp hết, mà văn cú, nghĩa lý không thể giới. Đó gọi là Thí tạng. hết. Tùy theo căn của chúng sanh, (mười thí là phân biệt thí, kiệt làm cho đều được đầy đủ. Đó gọi là tận thí, nội thí, ngoại thí, nội ngoại Biện tạng. thí, nhất thiết thí, quá khứ thí, vị lai thí, hiện tại thí, cứu cánh thí). Bảy, Huệ tạng. ĐẠI THỪA THẬP DỤ Vì Bồ tát trí huệ đầy đủ, hiểu rõ (Pháp giới thứ đệ). tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, đều từ nghiệp báo, các hành, Một, Như ảo dụ. nhân duyên tạo ra đều là hư dối, Như nhà ảo thuật biến hóa vô không chắc chắn. Bồ tát muốn cho số vật kể cả tướng người nam, chúng sanh biết thật tánh các pháp, người nữ. Tuy không thật thể, nên rộng nói nghĩa lý. Đó gọi là nhưng nhờ ảo sắc có thể thấy được. Huệ tạng. Tất cả các pháp cũng giống như Tám, Niệm tạng. thế, do vô minh ảo hóa, mê tâm Vì Bồ tát bỏ ngu si, mê lầm, không biết, lầm chấp là thật. Người được sự ghi nhớ đầy đủ, có thể biết tu không quán, đối với các pháp ảo, một đời cho đến vô lượng trăm tâm không bị vướng, nên được ngàn đời thành, trụ, hoại, không, không tịch; nên nói là như ảo. một kiếp cho đến vô số kiếp; tất cả

(Không quán là quán tất cả ngu không biết việc ấy cho là có pháp đều không). thật. Tất cả âm thinh, ngữ ngôn Hai, Như diệm dụ. cũng giống như thế. Nếu người trí Vì người không có trí, vừa thấy thì biết ngôn ngữ, âm thinh không sóng nắng lầm cho là nước. Các thật, tâm không vướng mắc; nên pháp phiền não cũng giống như nói là như hưởng. vậy. Kẻ vô trí không hiểu ở trong Sáu, Như càn thành dụ. kiết sử lầm cho là ngã tướng. Càn thành tức là Càn thát bà Người trí hiểu rõ thứ ấy, giả dối thành. Tiếng Phạn là Càn thát bà, không thật, đều là vọng tưởng; nên tiếng Hoa là Hương ấm. Vì khi mặt nói như diệm. trời mới mọc thấy thành quách, (Kết sử là phiền não, vì do cung điện, người vào người ra; khi phiền não ràng buộc, sai sử chúng mặt trời lên cao thì biến mất dần. sanh rơi vào sanh tử). Chỉ có mắt thấy mà không thật có. Ba, Như thủy trung nguyệt dụ. Tất cả các pháp cũng giống như Trăng ở trên bầu trời mà bóng vậy. Nếu người trí thì mới có thể hiện ở trong nước. Những đứa trẻ hiểu rõ các pháp đều là hư dối, ngu si thấy trăng trong nước, vui không sanh tâm chấp trước; nên nói mừng muốn bắt lấy. Người trí thấy Như càn thành. vậy mắc cười. Để dụ cho người Bảy, Như mộng dụ. không có trí, ở trong năm ấm, lầm Vì người trong mộng thấy khởi lên thấy có ngã và ngã sở, rồi những việc vốn không có thật mà chấp là có thật. Ở trong pháp khổ lại cho là thật. Đến khi thức dậy, tự mà sanh tâm vui mừng; nhưng với cười lấy mình về những việc ấy. người đắc đạo, thấy vậy, thương Tất cả các pháp cũng giống như xót và cười chê; nên nói là giống thế. Tất cả kết sử, phiền não đều là như trăng trong nước. hư vọng, mà người không biết, cho Bốn, Như hư không dụ. đó là thật. Nếu chứng được đạo Vì hư không chỉ có tên mà giác ngộ mới biết là giả dối rồi tự không có thật thể. Người ngu cười mình; nên nói như mộng. không biết, chấp là hư không thật Tám, Như ảnh dụ. có. Tất cả các pháp cũng đều như Vì ảnh chỉ có thể thấy mà thế không có sở hữu. Nếu người vô không thể nắm bắt được. Tất cả các trí, ở trong hư không, cho là thật pháp cũng giống như thế; mắt, có, khởi lên ngã chấp đều có sở tai... các căn, tuy có thấy,

nghe, hữu; nên nói như hư không. hay biết, tìm thật thể của nó thì Năm, Như hưởng dụ. không thể được nên nói là như ảnh. Trong rừng sâu, hố thẳm, nhà Chín, Như kính trung tượng dụ. trống, nếu có tiếng nói hay tiếng va Vì bóng trong kính chẳng phải chạm, tùy theo tiếng ấy mà có tiếng kính làm, chẳng phải mặt (người) vang tương ứng phát sanh. Người làm, chẳng phải kinh, mặt hòa hợp

làm, cũng chẳng phải không có Ba, Bình đẳng nghĩa. nhân duyên làm; tuy là chẳng thật Vì thể tánh của chân như, đối có nhưng có thể thấy được. Vì vậy với tất cả pháp đều bình đẳng kể vô trí không hiểu cho là có thật, không sai khác. mà sanh tâm phân biệt. Tất cả các Bốn, Quảng đại nghĩa. pháp cũng đều như vậy, từ nhân Vì thể của chân như rộng không duyên sanh, không có thật thể, chỉ giới hạn, lớn không gì ngoài. có tên gọi thôi, mà khởi tâm phân Năm, Vô tướng nghĩa. biệt, lừa dối kẻ phàm phu, sanh các Vì thể tánh của chân như tròn phiền não. Nếu người có trí huệ, đầy sáng suốt, vắng lặng hoàn toàn, tuy có thấy, nghe nhưng biết rõ xa lìa các sắc tướng. không thật mà không chấp trước; Sáu, Thanh tịnh nghĩa. nên nói là bóng trong gương. Vì thể tánh của chân như vắng Mười, Như hóa dụ. lặng, trong sáng, không có gì ô Nếu các bậc tiên thiên chứng nhiễm. được thần thông, biến hóa ra các Bảy, Bất động nghĩa. vật, tuy có tướng nam, nữ nhưng Vì thể tánh của chân như tròn không có khổ, vui, sanh, già, bệnh, đầy trong veo, không chút thay đổi. chết thật sự. Tất cả các pháp cũng Tám, Hữu không nghĩa. lại như thế, không có sanh, diệt như Vì thể tánh của chân như xưa biến hóa mà có cũng không có thật. nay vắng lặng, hay diệt trừ tất cả Như con người sanh ra chỉ từ nhân pháp hữu vi. ở kiếp trước mà có cái thân ở đời Chín, Không không nghĩa. này, đều là giả dối, có gì là thật Vì thể tánh của chân như xưa đâu? Nên nói như hóa. nay vốn lặng im, đối với tướng không cũng không thể có. Mười, Vô đắc nghĩa. TÁNH HƯ KHÔNG Vì thể tánh của chân như chư THẬP NGHĨA Phật và chúng sanh xưa nay vốn (Tông kính lục). đầy đủ, tuy có trí năng chứng, nhưng lý sở chứng thể vốn vắng Vì thể của chân như rộng rãi lặng hoàn toàn cũng không thể không lường, giống như hư không. được. Nó có mười nghĩa: Một, Vô chướng ngại nghĩa. Thể tánh của chân như, đối với THỦY DỤ CHÂN TÂM tất cả pháp viên dung thông đạt, HỮU THẬP NGHĨA không hề chướng ngại. Hai, Chu biến nghĩa. (Tông kính Vì thể tánh của chân như, đối lục). với mọi nơi đều trùm khắp. Một, Thủy thể trừng thanh.

Vì tâm chân như của chúng khởi lên những công dụng ô nhiễm, sanh, tự tánh thanh tịnh, vắng lặng nhưng tức sự là lý, tánh của nó sáng suốt hoàn toàn, xưa nay không chưa hề biến đổi, chưa từng không ô nhiễm, giống như nước trong. tồn tại; giống như nước tuy thành Hai, Đắc nê thành trọc. băng cứng, rắn, nhưng tánh ướt của Vì tâm chân như của chúng nó chưa từng mất. sanh, tánh tuy thanh tịnh, nhưng bị Bảy, Noãn dung thành nhu. vô minh làm ô nhiễm, giác thành Vì tâm chân như của chúng bất giác, giống như nước vốn trong sanh, tùy duyên của vô minh mà sạch, bị bùn làm đục. khởi lên cái dụng ô nhiễm, nhưng Ba, Tuy trọc bất thất tịnh tánh. nếu vô minh hết thì thức thứ tám Vì tâm chân như của chúng trở lại trong sạch; giống như nước sanh, tuy bị vô minh làm ô uế, như thành băng gặp hơi nóng chảy ra, tánh trong sạch vốn có ban đầu tánh ướt tự nhiên thành vậy. không thay đổi; giống như nước tuy Tám, Tùy phong ba động bất đục như tánh trong của nó không cải tịnh tánh. mất. Vì tâm chân như của

chúng Bốn, Nê trừng tịnh hiện. sanh, tuy theo gió vô minh thổi lên Vì tâm chân như của chúng có sóng chao động, nhưng tánh của sanh bị vô minh che lấp, thể của nó thì không sanh, không diệt, tự nói tối tăm. Nếu trừ bỏ mê lầm của nhiên không thay đổi; giống như vô minh, thì tánh xưa nay trong nước theo gió nổi sóng, nhưng tánh sạch của nó hiện ra; giống như im lặng của nó không thay đổi. nước tuy đục, lọc bỏ bùn nhơ thì Chín, Cao hạ lưu chú bất động thể trong sạch hiện ra. tự tánh. Năm, Ngộ lãnh thành băng nhi Vì tâm chân như của chúng hữu ngạnh dụng. sanh, tùy duyên trôi chảy, nhưng Vì tâm chân như của chúng tánh thường vắng lặng không động; sanh cùng vô minh hợp lại, thì có giống như nước tùy mặt đất cao, thể theo các nhiễm duyên, tạo ra thấp mà trôi chảy theo, nhưng tánh các pháp của chín cõi thành cái của nó bất động. dụng của thức thứ tám; giống như Mười, Tùy khí phương viên bất nước gặp lạnh thành băng nên công thất tự nhiên. dụng vững chắc hơn. Vì tâm chân như của chúng (chín cõi là Bồ tát, Duyên giác, sanh, trùm khắp các pháp hữu vi, Thinh văn, trời, người, A tu la, ngạ nhưng tự tánh không mất; giống quỷ, súc sanh, địa ngục). như nước tùy theo vật chứa có hình Sáu, Tuy thành ngạnh dụng bất vuông hay tròn, nhưng cũng không thất nhu tánh. mất tự tánh. Vì tâm chân như của chúng sanh, tuy theo duyên của vô minh,

HẢI ẤN TAM MUỘI một niệm. Đó gọi là năng hiện sở HỮU THẬP NGHĨA hiện phi dị. Năm, Vô khứ lai. (Tông kính Vì Tam muội của Như lai, lục). muôn pháp hiện ở
tự tâm; kẻ kia Hải ấn là ví dụ. Tiếng Phạn không lại, thân tướng bao trùm Tam muội, tiếng Hoa là Chánh pháp giới, ta cũng không đi. Đó gọi định. Theo dụ đặt tên, nên gọi là là vô khứ lai. Hải ấn Tam muội. Sáu, Quảng đại. Vì biển lớn nước trong veo Vì Tam muội của Như lai bao đứng yên, vạn tượng đều hiện bóng hàm tất cả, đầy đủ muông pháp, vào đấy, như con dấu in lên tờ giấy. chúng sanh và thế giới không lìa Trí huệ như biển của Như lai thanh một tâm. Đó gọi là quảng đại. tịnh vắng lặng, tất cả tâm niệm, dục Bảy, Phổ hiện. tình của chúng sanh đều ở trong trí Vì Tam muội của Như lai, tất Tam muội của Như lai, giống như cả thế giới ở trong nhất tâm, không hình bóng của vạn tượng hiện trong có khoảng cách lớn, nhỏ đều có thể biển cả. hiện hữu được. Đó gọi là phổ hiện. Một, Vô tâm năng hiện. Tám, Đốn hiện. Vì Tam muội của Như lai, pháp Vì Tam muội của Như lai, tất tánh bình đẳng, xa lìa mọi danh, cả thế giới hiện hữu trong đương tướng, không cần gắng sức, mà có niệm, không trước không sau, sắc thể hiện rõ tất cả các tướng. Đó gọi và tướng rõ ràng. Đó gọi là đốn là vô tâm năng hiện. hiện. Hai, Hiện vô sở hiện. Chín, Thường hiện. Vì Tam muội của Như lai tùy Vì Tam muội của Như lai, đối tâm của chúng sanh hiện ra vô số với các pháp tướng, không một lúc tướng, như ánh sáng, như bóng nào không hiện hữu; chẳng khác hoàn toàn không thể có được. Đó như gương sáng, hình tượng đối gọi là hiện cái không thể hiện. diện hiện ra, không có đối tượng thì Ba, Năng hiện sở hiện phi nhất. không thể hiện. Đó gọi là thường Vì Tam muội của Như lai, có trí hiện. năng hiện và có cảnh sở hiện, tròn Mười, Phi hiện hiện. đầy trong một niệm, mười phương Vì Tam muội của Như lai vắng đều ứng. Đó gọi là năng hiện sở lặng bất động, vì chúng sanh, tùy hiện phi nhất. cảm có ứng; giống như gương sáng Bốn, Năng hiện sở hiện phi dị. vô tâm hiện vật, có đối tượng là có Vì Tam muội của Như lai có trí hiện. Đó gọi là phi hiện hiện. năng hiện và cảnh sở hiện, tuy mười phương đều cảm ứng không giống nhau, như không gì ra ngoài

THẬP PHÁP GIỚI Thiên là thiên nhiên, tự nhiên. An vui vượt trội, thân thể vượt trội, (Phật tổ thống ký). anh sáng thanh tịnh, thế gian Pháp giới là bản thể của chư không thể so sánh. Phật và chúng sanh. Nhưng bốn Ba cõi tổng cọng có batám thánh, sáu phàm cảm báo giới phận cõi trời, nhờ tu mười điều thiện và không giống nhau, nên mới có tu thiền định, cảm nhận quả báo mà mười pháp giới. sanh ra. Đó gọi là pháp giới của (bốn thánh là Phật, Bồ tát, Trời. Duyên giác, Thinh văn. (38 cõi trời là cõi Dục có sáu: sáu phàm là trời, người, A tu la, Trời Tứ thiên vương, trời Đao lợi, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục). trời Dạ ma, trời Đâu suất, trời Hóa Một, Phật pháp giới. lạc, trời Tha hóa tự tại. Phật là tiếng Phạn, gọi đủ là Cõi Sắc có 18: Sơ thiền có ba Phật đà, tiếng Hoa gọi là Giác. trời là trời Phạm chúng, trời Phạm Giác có ba nghĩa: 1) Tự giác: Ngộ phụ, trời Đại phạm. Nhị thiền có ba được tánh chân thường, dứt hết mê trời là trời Thiểu quang, trời Vô lầm hư vọng; 2) Giác tha: Vận lượng quang, trời Quang âm. Tam dụng lòng từ bi không có điều kiện thiền có ba trời là trời Thiểu tịnh, độ chúng hữu tình; 3) Giác hạnh trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh. viên mãn: Muôn hạnh đều đầy đủ Tứ thiền có chín trời là trời Vô vân, là thầy của ba cõi. Đó gọi là pháp trời Phước sanh, trời Quảng quả, giới của Phật. trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Hai, Bồ tát pháp giới. Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Bồ tát, tiếng Phạn gọi đủ là Bồ Thiện hiện, trời Sắc cứu cánh. đề tát đỏa, tiếng Hoa là Giác hữu Cõi Vô sắc có bốn trời: trời tình: Tự mình tu tập đã thành tựu, Không xứ, trời Thức xứ, trời Vô sở còn có khả năng giác ngộ tất cả hữu xứ, trời Phi phi tưởng xứ. chúng sanh. Đó gọi là pháp giới Thượng phẩm là khi làm việc của Bồ tát. thiện thì lúc sắp làm, đang làm, đã Ba, Duyên giác pháp giới. làm; trong ba thời gian ấy, tâm Duyên giác là vâng theo lời dạy hoàn toàn không ăn năn). của Phật tu quán 12 nhân duyên, Sáu, Nhân pháp giới. giác ngộ được chân không. Đó gọi Nhân (người) là nhẫn (chịu là pháp giới của Duyên giác. đựng, nhịn), ở trong đời, gặp cảnh Bốn, Thinh văn pháp giới. thuận hay nghịch đều có thể chịu Thinh văn là nghe lời dạy của đựng. Phật, nương vào pháp Tứ đế mà tu Vì người ở trong bốn châu hay tập và chứng được chân không. Đó thực hành nhân, nghĩa, lê, trí, tín gọi là pháp giới của Thinh văn. (năm nguyên tắc làm người không Năm, Thiên pháp giới. thể thiếu); hay giữ năm giới: không

sát sanh, không trộm cặp, không tà lẫn nhau chịu khổ vô cùng, do đời dâm, không nói dối, không uống trước ngu si, tham dục làm những rượu và tu đủ mười điều thiện ở cấp ngũ nghịch, thập ác ở bậc trung trung phẩm, cảm ứng quả báo mà phẩm, cảm ứng quả báo mà sanh được sanh ra. Đó gọi là pháp giới ra. Đó gọi là pháp giới súc sanh. của người. (Bàng sanh là loài có thân hình Bảy, A tu la pháp giới. nằm ngang. Trung phẩm là làm ác Tiếng Phạn là A tu la, tiếng rồi khởi tâm hối hận chút ít). Hoa là Phi thiên. Mười, Địa ngục pháp giới. Tịnh danh sớ nói: Quả báo của Địa ngục ở dưới đất. Vì tám địa thần này, tối thắng, đứng sau các ngục lạnh, tám địa ngục nóng, trời, nhưng không phải trời, vì chúng sanh ở trong đó chịu khổ vô nguyên nhân là ôm lòng nghi kỵ. cùng, trải qua vô lượng kiếp; bởi Tuy loài này thực hành ngũ thường, làm ngũ nghịch, thập ác trọng tội nhưng vì muốn hơn người, nên làm vào bậc thượng phẩm, cảm ứng quả mười việc lành mà ở hạ phẩm, cảm báo mà sanh ra. Đó gọi là pháp giới ứng quả báo mà sanh ra. Đó gọi là của địa ngục. pháp giới của A tu la. (tám ngục lạnh là Át phù đà

(Hạ phẩm là khi làm việc thiện ngục, Lại phù đà ngục, A trá trá thì sanh tâm hối hận). ngục, A ba ba ngục, Ẩu hầu ngục, Tám, Quỷ pháp giới. Uất ba la ngục, ba đầu ma ngục, Loại quỷ này có khắp trong các Phân đà lợi ngục. tám ngục nóng là nẻo (thú). Loại có phước đức là Tưởng ngục, Hắc thằng ngục, Đôi thần rừng núi, mồ mã, miếu đền. áp ngục, Khiếu hoán ngục, Đại Loại vô phước ở chỗ bẩn thỉu, khiếu hoán ngục, Thiêu chá ngục, không được ăn uống, chịu khổ vô Đại thiêu chá ngục, Vô gián ngục). lượng vì nhân ban đầu tâm ý nịnh nọt, dối láo, làm năm điều nghịch ác hạ phẩm, cảm ứng quả báo mà BỒ TÁT TU THẬP PHÁP sanh ra. Đó gọi là pháp giới của KIẾN NIẾT BÀN quỷ. (Niết bàn (Hạ phẩm ngũ nghịch giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hòa hợp kinh). tăng, làm thân Phật chảy máu). Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng Chín, Súc sanh pháp giới. Hoa là Diệt độ. Súc sanh cũng gọi là bàng sanh. Kinh nói: Sư tử hống hỏi Phật Loại này có khắp mọi nơi, mang rằng Bồ tát thành tựu bao nhiêu lông, đội sừng, vảy mai, lông lá, pháp có thể thấy được Niết bàn vô bốn chân, nhiều chân, có chân tướng như thế, cho đến vô sở hữu không chân, đi dưới nước, đi tên (tánh không). Phật nói: Thành tựu đất, bay trên không trung, ăn thịt mười pháp thì thấy rõ ràng Niết bàn vô tướng, cho nên đến vô sở hữu cúng dường thiện tri thức. Đó gọi là xứ. gần gũi bạn thiện tri thức. (Diệt độ là đại hoạn hoàn toàn Bốn, Nhạo ư tịch tĩnh. diệt hết, vượt ra ngoài ba cõi. Vì tu hạnh Bồ tát phải xa cách Vô tướng Niết bàn là Niết bàn những chỗ ồn ào, ngưng lắng tâm xa lìa sắc tướng). thần, suy tư để cầu Phật đạo; như Một, Tín tâm cụ túc. kinh đã nói: Thân, tâm vắng lặng, Vì tu hạnh Bồ tát phát khởi tâm quán sát cảnh giới của các pháp chánh tín viên thường. Tin tất cả một cách thấu đáo. Đó gọi là nhạo pháp đều là Phật pháp, tất cả chúng ư tịnh tĩnh. sanh đều có tánh Phật; như kinh đã Năm, Tinh tấn. nói: Tin sâu chư Phật mười phương Vì tu hạnh Bồ tát thì phải một phương tiện thị hiện, tất cả chúng lòng dũng mãnh an trụ tại chỉ quán sanh và nhất xiển đề đều có tánh không để cho lui, mất; như kinh đã Phật. Tín sâu Như lai hoàn toàn nói: cột tâm quán sát vào chân đế, không sanh, già, bệnh, chết; cho ví cho lửa cháy trên đầu, mãi mãi đến tin sâu Như lai không vào bất không buông bỏ. Đó gọi là siêng cứ Niết bàn nào. Đó gọi là tín tâm năng. đầy đủ. (Chỉ quán: Chỉ là ngưng bặc tán Hai, Tịnh giới cụ túc. loạn; quán là quán chiêu sự tối tăm. Tu hạnh Bồ tát, thân tâm phải Chân đế là thẩm xét thật kỹ các thường thanh tịnh, giữ gìn cấm pháp đều là không). giới, chuyên chú tu tập sao cho Sáu, Niệm cụ túc. thành tựu Phật quả Bồ đề; như kinh Vì tu Bồ tát hạnh phải giữ Tam đã nói: Thanh tịnh giữ giới mà bảo; tư duy thật lý; không quên giữ không vì giới, không vì lợi dưỡng, giới, bố thí; như kinh đã nói: niệm cho đến không vì Thinh văn, Bích Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm chi Phật, chỉ vì tối thượng đệ nhất giới, niệm thiên, niệm xả. Đó gọi là nghĩa mà giữ gìn cấm giới. Đó gọi niệm cụ túc. là tịnh giới cụ túc. Bảy, Nhuyến ngữ. (Tiếng Phạn là Bích chi, gọi đủ Vì tu hạnh Bồ tát phải thanh là Bích chi ca la, tiếng Hoa là tịnh khẩu nghiệp, nói năng chân Duyên giác). thật, dịu dàng hòa ái, xa lìa dối trá, Ba, Thân cận thiện tri thức. nịnh nọt; như kinh đã nói: Nói lời Vì tu hạnh Bồ tát phải xa lìa các chân thật, nói lời có ý nghĩa sâu xa, ác và tà kiến, gần gũi bạn thiện tri trước tiên tỏ lòng cung kính thăm thức; như kinh đã nói: Nếu có thể hỏi. Đó gọi là nhuyến ngữ. nói lòng tin, giữ gìn, nghe nhiều, bố Tám, Hộ pháp. thí, trí huệ khiến cho người làm Vì tu hạnh Bồ tát phải giữ gìn theo, thì phải gần

gũi, cung kính, và hoằng dương chánh pháp, nói rộng nghĩa nhiệm mầu, lưu truyền

khắp nơi để không dứt mất giống TU THẬP CHỦNG Phật; như kinh nói: Nếu yêu chánh THIỆN PHÁP NHƯ SƯ TỬ pháp hay ưa diễn thuyết, đọc tụng, VƯƠNG viết lách, suy nghĩ nghĩa lý, truyền (Bảo vũ bá rộng khắp, làm cho ai ai cũng biết đến. Đó
gọi là hộ pháp. kinh). Chín, Cung cấp đồng hành. Bồ tát nhờ tu pháp lành, chứng Vì tu hạnh Bồ tát, hễ những được đạo vô thượng chánh chân, người đồng sự, có gì không đủ, thì làm thầy của trời, người, khiến cho nên chia xẻ của mình cho họ, để họ tất cả tà ma ngoại đạo đã gặp rồi được an tâm thành tựu đạo nghiệp, đều được thuần phục; giống như sư bớt khổ vất vả mong cầu; như kinh tử chúa có oai đức lớn, có khả năng đã nói: Nếu thấy người đồng học, làm cho các con thú khác sợ hãi, đồng tu có gì thiếu thốn thì chia xẻ quy phục, hướng về; nên lấy ý ấy như y, bát, thăm lom khi bệnh đau làm ví dụ. và cung cấp y phục, ăn uống, ngọa Một, Đắc bất kinh bố. cụ, phòng xá. Đó gọi là giúp đỡ bạn Vì Bồ tát bằng tinh tấn dũng đồng tu. mãnh, được tối thượng thừa, ở Mười, Cụ túc trí huệ. trong các pháp không gì sánh bằng; Vì tu hạnh Bồ tát thường dùng nên có khả năng vui chơi trong trí diệu quán để quán sát tất cả pháp sanh tử không chút sợ hãi, được đại đều hiểu được rõ ràng, thấu đáo tự tại; giống như sư tử chúa, ở không có trở ngại; như kinh đã nói: trong trăm thú, không con nào sánh Bằng các đức thường, lạc, ngã, tịnh bằng, đi khắp mọi nơi, không sợ sệt của Như lai, quán tất cả chúng sanh chỗ nào. đều có tánh Phật, cho đến quán hai Hai, Đắc vô khiếp cụ. tướng của pháp là không và bất Bồ tát có đủ trí huệ, biện tài, không, thường và vô thường, lạc và đối với bất cứ cuộc tranh luận nào, bất lạc, ngã và vô ngã, tịnh và bất không chút sợ sệt, cũng không kêu tịnh. Đó gọi là cụ túc trí huệ. căng khi chiến thắng; giống như sư (Không thay đổi gọi là thường. tử chúa không hề khiếp sợ khi nghe Xa lìa sanh tử là lạc. Vào đại tự tại tiếng kêu của loài thú dữ và dã can. là ngã. Xa lìa các hoặc nhiễm là (Dã can giống như chồn mà tịnh. Đó là bốn đức của Phật). nhỏ hơn chồn, lông có màu vàng xanh, đi từng bầy, ban đêm kêu lên tiếng sói). Ba, Tâm vô thối khuất. Bồ tát có đầy đủ trí huệ, biện tài và tâm tinh tấn dũng mãnh, như núi kim cang không thể di chuyển, rung động. Nếu trong chúng có xảy

ra tranh luận, bằng tâm, dũng mãnh không có hai, đẩy lùi ma quân; ấy, nhất định không lùi bước, khuất giống sư tử chúa thế lực dũng mãnh phục, giống như sư tử chúa, tuy cận có khả năng thu phục các loài ác kề với người mà không chạy trốn. thú. Bốn, Như sư tử hống. Mười, Thủ hộ pháp miêu. Bồ tát vì các loài hữu tình nói Bồ tát đối với nơi thị hiện, pháp Đại thừa, hay làm cho tất cả những pháp lành vừa manh nha do ngoại đạo, thiên ma, sợ hãi giải tán, chúng sanh vun trồng đều giữ gìn, giống như sư tử chúa khi gầm lên, bảo hộ, không để cho tà ma, ngoại làm các loài ác thú, dã can đều đạo làm hư hại; giống như sư tử khiếp sợ, bỏ chạy. chúa, những nơi nó đi đến thì tất cả Năm, Đắc vô sở úy. ác thú không thể mon men đến, làm Bồ tát có đầy đủ trí bình đẳng, hư hại hoa màu của dân chúng. được đại tự tại, ở trong giới hữu tình oai nghi tịch tĩnh, được vô sở úy. Như sư tử chúa rong chơi mọi BỒ TÁT TU THẬP nơi, một mình không bạn, mà tâm CHỦNG ĐẮC ĐỊA TAM MUỘI không chút sợ hãi. (Bảo vũ Sáu,
Du hành viên lâm. Tự tánh của Bồ tát vắng lặng, kinh). trí huệ viên dung, luôn có khả năng Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng rong chơi trong rừng pháp lành Hoa là Chánh

định. Vì cái đức của không trở ngại. Như sư tử chúa đất là rộng, dày, bình phẳng, an ổn, tánh vốn không sợ hãi, hay biểu chuyên chở mọi vật, sanh ra, nuôi hiện thế lực, oai hùng đi trong khu nấng mà không cho đó là công của rừng rong chơi. mình, bao dung tất cả dù dơ dù Bảy, Y chỉ nham quật. sạch, hoàn toàn không thương, Bồ tát dùng thiền định, trí huệ ghét. Việc tu hành của Bồ tát chứng làm hang sâu trú ẩn, đi, đứng, nằm, được Tam muội này tương tự như ngồi đều nương tựa vào đó; giống đất; nên gọi là đắc địa Tam muội. như sư tử chúa thường nương tựa Một, Quảng đại vô biên. vào núi cao hang sâu vậy. Vì công đức, trí huệ của Bồ tát Tám, Đắc vô sở thủ. không thể nghĩ bàn; dùng đó để Bồ tát dùng tâm tinh tấn, dũng trang nghiêm cho hạnh nguyện vô mãnh, buông bỏ tất cả phiền não, lượng vô biên; giống như đại địa vĩnh viễn không vướng vào; giống bào trùm khắp mười phương, như sư tử chúa xóa bỏ tàng tích không có giới hạn. không sao theo dõi được. Hai, Tồn tế chúng sanh. Chín, Năng phá chư ma. Vì Bồ tát dùng tâm từ bi rộng Bồ tát thành đẳng chánh giác, lớn thể hiện bằng lục độ, đối với tất ngồi ở Bồ đề đạo tràng, chỉ có một cả hữu tình trong pháp giới, đều

được cứu giúp và có nơi nương tựa. giống trên thế gian, đều nương nơi Tất cả nhu cầu, hoặc là giáo pháp, đất mà được sanh trưởng. hoặc là tiền của, đều được như ý, Bảy, Như đại bảo khí. tùy lúc tùy nơi không lo giới hạn. Bồ tát dùng sức phương tiện, có Như đất to lớn không có hạn định, thể làm cho tất cả loài hữu tình tu có thể dung nạp tất cả chúng sanh, tập tất cả pháp lành công đức quý tùy theo từng loại đều có chỗ thích báu. Tùy theo tánh và khí lượng hợp mà sanh trưởng. của từng loài đều nhờ Bồ tát giúp Ba, Ân bất vọng báo. đỡ mà được thành tựu. Ví như mặt Bồ tát bằng tâm từ bi lân mẫn đất rộng lớn là nơi chất chứa nhiều đem lợi ích cho tất cả chúng sanh. loại quý báu. Chúng sanh nào chưa hiểu biết thì Tám, Năng xuất chúng dược. giúp cho hiểu biết; chúng sanh nào Vì Bồ tát khéo léo nói pháp có chưa giải thoát thì giúp cho được khả năng trừ tất cả bệnh phiền não giải thoát; ân đức của Bồ tát bao của chúng sanh. Giống như mặt đất trùm tất cả, nhưng tâm không mong rộng lớn sanh trưởng nhiều cây đợi đáp đền; như đất lớn rộng sanh thuốc quý, có khả năng chữa tất cả ra, nuôi nấng muôn vật mà cũng bệnh). không mong cầu báo đáp. Chín, Bất khả khuynh động. Bốn, Phổ năng dung thọ. Vì Bồ tát dùng sức thiền định, Bồ tát ở chỗ Phật nói pháp, tuy nhịn được hai cảnh thuận và nghịch là vô lượng vô biên không thể nghĩ nên không sanh tâm nóng giận và bàn, nhưng có khả năng nhất tâm quyến luyến; đối các duyên trong thọ trì, không chút thiếu sót. Giống hay ngoài không thể khuấy động như đất bằng to lớn, trời đổ mưa to, được. Giống như đất liền rộng lớn trùm khắp tất cả, đều có thể dung yên tĩnh từ ngàn xưa, không vì một chứa trọn vẹn. lý do gì làm cho nghiêng lệch, dao Năm, chúng sanh y chỉ. động. Bồ tát có khả năng làm chỗ cho Mười, Bất kinh bất úy. chúng sanh trở về, nương tựa. Tất Vì Bồ tát dùng sức thiền định cả pháp lành những ai đang tu tập, và trí tuệ, tâm luôn vắng lặng, an cho đến vào được Niết bàn, đều trú vào chánh lý. Nếu gặp tà ma, nương tựa nơi Bồ tát được. Giống ngoại đạo dùng vô số yêu thuật như đất bằng rộng lớn là nơi muôn xâm hại, quấy phá, cho đến làm vật có thể nương tựa. thương tổn, nguy hại, Bồ tát an Sáu, Năng sanh thiện chủng. nhiên, không chút sợ hãi. Giống Bồ tát dùng sức phương tiện, như đất bằng rộng lớn, tuy gặp gió làm cho chủng tử thiện căn của tất dữ, sấm sét, núi lở, biển trào mà đất cả chúng sanh, nương nhờ mưa thì

cũng như thế. pháp mà sanh sôi nảy nở. Giống như đất bằng rộng lớn, tất cả hạt

BỒ TÁT TU THẬP nhóm tất cả các pháp thiện, ác. Đối CHỦNG NIỆM XỨ với tất cả pháp ấy, tâm hay lường liệu, suy nghĩ mà hiểu biết. Bồ tát (Trừ cái tư duy tâm, thật sự, là vô thường chướng Bồ tát sở vấn kinh). mà lại cho là thường, vô ngã mà Niệm tức là trí năng niệm. Thân cho là ngã, bất tịnh mà cho là tịnh. là nơi bị niệm. Trí tức là cái năng Đó là tâm dao động, giống như gió, quán. Xứ tức là cảnh bị quán. Bồ như lửa không thể dừng trong giây tát, đối với mười loại pháp, luôn tự lát. Trong tất cả pháp, tâm là dẫn mình quán sát. Đó gọi là mười loại đạo trước tiên; nếu tâm được điều niệm xứ. phục thì tất cả pháp điều phục Một, Thân niệm xứ. được. Thân có nghĩa là chứa nhóm, vì Bốn, Pháp niệm xứ. bao gồm các căn mà thành thân. Bồ Pháp tức là cái pháp do ý căn tát quán các pháp bất thiện khởi lên khởi lên (tâm pháp). Bồ tát, đối với từ ngã sở là những sở hữu ở trong các pháp bất thiện: Tham, sân, si..., thân, đều xa lìa hết thảy. Bồ tát lại hiểu nó, thật sự là tai họa, lỗi lầm quán sát từ đầu đến chân, không nên đã siêng năng dứt trừ và đối tìm đâu ra ngã. Thân này là bất với các thiện pháp, tâm sanh yêu tịnh, ô uế đáng ghét. Khi quán như mến, vui vẻ, an trụ nơi chánh niệm. vậy, thì trong thân nổi lên các dục Với các thiện pháp ấy, Bồ tát mong tham lam, yêu thương cho đến các cầu thành tựu. Tự mình đã thực chấp về ngã tưởng, đều không thể hành xong, các Ngài còn dạy người được. Được vậy thì có khả năng khác cũng tu tập như thế. thành tựu tất cả pháp lành, xa lìa tất Năm, Cảnh giới niệm xứ. cả các pháp ác. Vì Bồ tát ở trong các cảnh giới Hai, Thọ niệm xứ. vừa ý và không vừa ý về sắc, thinh, Thọ có nghĩa chấp nhận (lãnh hương, vị, xúc quán sát, suy nghĩ nạp). Vì sáu căn lãnh nạp sáu trần. đều là hư dối, không sanh tâm tham Bồ tát tư duy về những lãnh nạp ấy, lam, oán giận. Lại suy nghĩ như đều là khổ cả; kẻ ngu mới cho đó là vầy nay ta không thể ở trong pháp vui rồi tham đắm, vướng mắc, không này mà khởi lên tham lam, không chút ngừng nghỉ. Bồ tát tự oán giận. Khi quán sát như vậy, mình siêng năng tu hành, dứt trừ không vì cảnh hư hoại, không hết khổ thọ, còn dạy cho người vướng mắc vào sở đắc, tự mình đã khác quán sát như thế. Biết thọ là tu tập, lại dạy cho người khác cũng khổ, không sanh tâm tham đắm. tu tập như vậy. Ba, Tâm niệm xứ. Sáu, A lan nhã niệm xứ. Tâm cũng có nghĩa là tích tụ Tiếng Phạn là A lan nhã hoặc A (chứa nhóm), lại còn có nghĩa là lo luyện nhã, tiếng Hoa là Nhàn tịnh toan, suy nghĩ. Vì tâm có thể chứa xứ. Vì không làm việc gì gọi là

nhàn; chỗ không náo loạn gọi là tập cũng thành tựu được so với chư tịnh, hoặc phiên âm là Vô tránh Phật không khác. nghĩa là không cùng thế gian tranh Mười, Đoạn chư phiền não cãi. niệm xứ. Bồ tát tu hạnh Vô tránh (không Bồ tát bằng chánh niệm nên có tranh cãi và hạnh tịch tĩnh, thì đó thể biết rõ các pháp phiền não tạp gọi là A lan nhã xứ. Phải xa lìa tác nhiễm đều xuất phát từ sáu căn làm ý không đúng lý, ở trong pháp như nhân, sáu trần làm duyên mà sanh lý tâm sanh yêu mến, thích thú, ra. Vì hiểu rõ như vậy nên xa lìa tăng trưởng tu tập; tự mình đã làm hết để sáu căn thanh tịnh, không xong lại dạy người khác cũng tu tập còn nhiễm trước. như vậy. Bảy, Đô ấp tụ lạc niệm xứ. Bồ tát nếu vào kinh thành, làng THẬP THỌ SANH xóm luôn phải chuyên cần thực TẠNG hành hạnh Bồ tát, đối với cờ bạc, (Hoa nghiêm kinh). rượu chè, yến tiệc, ca múa và tất cả những nơi không lành mạnh khác Thọ sanh tức là sanh vào nhà thì phải

xa lánh. Vì vậy, Bồ tát Như lai. Tạng có nghĩa là chứa không bị thinh sắc làm sai lầm, đựng. Chứa đựng lý được tu được không bị ô nhiễm vì bụi trần. chứng. Tám, Danh văn lợi dưỡng niệm Vì ở hội Hoa nghiêm, Thiện tài xứ. đồng tử lần thứ 39 tham học với Đạo đức của Bồ tát đã đầy đủ, Diệu đức dạ thần (Văn thù sư lợi) vững vàng, tiếng tăm bay xa, nên và hỏi rằng: Sao nói là tu hạnh Bồ có nhiều người hướng về; thường tát, sanh vào nhà Như lai ? Đáp nhớ rằng các việc lợi dưỡng được rằng: Này thiện nam tử, Bồ tát có thọ hưởng chỉ vì làm phước điền mười thọ sanh tạng, nếu tu tập đầy cho thí chủ mới lãnh thọ, không đủ thì vào tạng hải thọ sanh vô nên tham đắm, ôm lấy làm của lượng của Như lai Tỳ lô giá na. riêng mình mà chia xẻ cho lại Mong cầu tất cả Bồ tát thị hiện thọ chúng; chớ để tâm bỏn sẻn nổi lên. sanh, tôi đều được gần gũi. Đó gọi Chín, Như lai học môn niệm là thọ sanh tạng. xứ. Một, Cúng dường chư Phật thọ Bồ tát tư duy ba đời chư Phật sanh tạng. quá khứ, hiện tại, vị lai đều học Vì Bồ tát luôn nguyện cung như thế mà thành chánh giác, kính, cúng dường tất cả chư Phật, chuyển pháp luân lớn, rồi vào Niết tin sâu, mến thương, ưa thích tu tập bàn. Ta phải phát tâm tin tưởng các công đức, không hề nhàm chán, hoàn toàn, tôn kính, siêng năng tu thì được sanh vào nhà Như lai. Đó

là cúng dường chư Phật thọ sanh được lợi ích, thì được sanh vào nhà tạng. Như lai. Đó gọi là bình đẳng quang Hai, Phát Bồ đề tâm thọ sanh minh thọ sanh tạng. tạng. (Pháp nhẫn của chư Phật là đối Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa với các pháp của chư Phật có khả là Đạo. năng lãnh thọ và ấn chứng). Vì Bồ tát phát tâm Bồ đề vô Sáu, Sanh Như lai gia thọ sanh lượng, luôn mở lòng đại bi cứu tạng. giúp chúng sanh, giáo hóa đến Đi theo các đức Phật, chứng thành tựu, thì được sanh vào nhà được pháp môn sâu xa, hạnh Như lai. Đó là phát Bồ đề tâm thọ nguyện to lớn, cùng thể tánh và căn sanh tạng. lành của Phật. Đó gọi là sanh Như Ba, Quán chư pháp môn tu lai gia thọ sanh tạng. hành thọ sanh tạng. Bảy, Phật lực quanh minh thọ Vì Bồ tát quán sát tất cả pháp sanh tạng. môn, tu học các hạnh nguyện to lớn Vì Bồ tát sanh vào nhà Như lai, của Ngài Phổ hiền, giáo hóa, uốn vào trong trí lực của Phật, chứng nắn tất cả chúng sanh, thì sanh được ánh sáng to lớn, đi khắp vô số được vào nhà Như lai. Đó gọi là cõi nước, cúng dường, vâng lời tất quán chư pháp môn tu hành thọ cả chư Phật. Đó là Phật lực quang sanh tạng. minh thọ sanh tạng. Bốn, Thâm tâm phổ chiếu tam (Tiếng Phạn là Sát, gọi đủ là giới thọ sanh tạng. Sát na, tiếng Hoa là ruộng đất, quốc Vì Bồ tát có đầy đủ tâm thanh gia). tịnh tăng thượng sâu xa, được ánh Tám, Quán phổ trí môn thọ sánh Bồ đề của Như lai, chiếu soi sanh tạng. các ngọn núi chướng ngại ba đời Vì Bồ tát sanh vào nhà Như lai, quá khứ, hiện tại, vị lai, thì được ở ngôi vị Đồng chân, có khả năng sanh vào nhà Như lai. Đó gọi là quán sát mọi pháp môn trí huệ, đến thâm tâm phổ chiếu tam giới thọ vô lượng kiếp, diễn thuyết hạnh Bồ sanh tạng. tát. Đó gọi là Quán phổ trí môn thọ (Núi chướng ngại là dụ về hoặc sanh tạng. nghiệp của chúng sanh, cao dày (Đồng chân vị là vị thứ tám như nuối, không dễ lung lay, dời trong Thập trụ). chuyển). Chín, Phổ hiện trang nghiêm Năm, Bình đẳng quang minh thọ sanh tạng. thọ sanh tạng. Vì Bồ tát vào nhà Như lai, có Vì Bồ tát thành tựu pháp nhẫn khả năng trang nghiêm vô lượng của chư Phật, ánh sáng bình đẳng cõi Phật, biến hóa tất cả thân, đi chiếu sáng tất cả thế gian; hễ ai khắp pháp giới, dạy dỗ thành tựu thấy được đều vui mừng và đều

tất cả chúng sanh. Đó gọi là phổ Vì Bồ tát dùng nhiều thiện căn hiện trang nghiêm thọ sanh tạng. tu hành, đều hồi hướng về quả Phật Mười, Nhập Như lai địa thọ giác ngộ và khắp cả pháp giới sanh tạng. chúng sanh, nên gọi là thiện căn hồi Vì Bồ tát vào nhà Như lai, vào hướng. chỗ của Như lai, chịu pháp quán Năm, Phụng sự đại sư. đảnh, tham dự vào vận mệnh của Đại sư tức là Phật. Vì Bồ tát lấy Phật, có thể biết tất cả hạnh và biết công đức do tu thiện mà có, vâng tất cả chúng sanh đã được tùy lời cúng dường vô lượng vô biên thuận, điều phục. Đó gọi là nhập chư Phật, nên gọi là phụng sự đại Như lai địa thọ sanh tạng. sư. (Quán đỉnh pháp là vị thứ mười Sáu, Thật chứng chư pháp. của Bồ tát trong Thập trụ). Vì Bồ tát đối với lý thật tướng của các pháp, chẳng phải có, chẳng pháp không đều hiểu biết đúng đắn, THẬP KIM CANG TÂM nên gọi là thật chứng chư pháp. (Hoa nghiêm kinh). Bảy, Quảng hành nhẫn nhục. Vì Bồ tát,
hoặc bị người trách Kim cang là ví dụ. Kim cang mắng, hoặc bị đánh đập, hoặc bị cắt tâm là tâm vững chắc, bất động của chân tay, hoặc bị cắt tai, mũi, hoặc Bồ tát, giống như kim cang. bị móc mắt, hoặc chặt đầu. Tất cả Một, Giác liễu chư pháp. những việc như thế đều có thể chịu Vì Bồ tát phát tâm đại nguyện, đựng mà không giận dữ, hối hận, mong muốn biết rõ tất cả pháp môn nên gọi là quảng hành nhẫn nhục. vi diệu, nên gọi là biết rõ các pháp. Tám, Trường thời tu hành. Hai, Hóa độ chúng sanh. Bồ tát nói vào kiếp đời vị lai, Vì Bồ tát dùng đạo vô thượng vô lượng vô biên, không thể nào Niết bàn độ thoát vô lượng vô biên hết, ta phải thực hành đạo Bồ tát chúng sanh trong mười phương, cho đến tận cùng kiếp ấy, giáo hóa đều được xa lìa các đường dữ, nên chúng sanh mà không chút mỏi gọi là hóa độ chúng sanh. mệt, nên gọi là trường thời tu hành. Ba, Trang nghiêm thế giới. Chín, Tự hành mãn túc. Vì mười phương thế giới vô Vì Bồ tát xây dựng diệu hạnh lượng vô biên, nên Bồ tát phải lấy tâm làm gốc, thể của tâm thanh dùng những vật trang nghiêm tối tịnh thì có khả năng hoàn thành tất thượng của cõi nước chư Phật mà cả công đức, thiện căn, đầy đủ đạo trang nghiêm cho mười phương thế vô thượng Bồ đề, nên gọi là tự giới ấy, nên gọi là trang nghiêm thế hành mãn túc. giới. Mười, Linh tha nguyện mãn. Bốn, Thiện căn hồi hướng. Vì Bồ tát tự mình tu hành đã đầy đủ, tâm từ mẫn càng thêm tăng

trưởng, nên người cầu mong giải Vì Bồ tát có thể tùy các nghiệp, thoát thì nói đạo Niết bàn, người thị hiện đúng lúc, nhân các quả báo cầu mong Phật pháp thì nói pháp không hề chướng ngại. Đó gọi là Đại thừa, khiến cho tất cả tâm nghiệp tự tại. nguyện ấy đều được đầy đủ, nên Năm, Thọ sanh tự tại. gọi là linh tha nguyện mãn. Vì Bồ tát tùy theo tâm niệm thị hiện thọ sanh ở trong thế giới mà không có gì chướng ngại. Đó gọi là THẬP CHỦNG TỰ TẠI thọ sanh tự tại. (Hoa nghiêm kinh). Sáu, Giải tự tại. Vì thắng
giải (hiểu biết đúng Tự tại là thần thông vô ngại. đắn) của Bồ tát thành tựu, có thể Vì Bồ tát tu hành chứng được hiện nhiều loại sắc thân, nói rộng mười loại pháp, nên ở thế gian, diệu pháp, không chướng ngại. Đó giáo hóa, điều phục tất cả chúng gọi là giải tự tại. sanh, viên mãn Bồ đề to lớn của Bảy, Nguyện tự tại. chư Phật, thị hiện ra thần thông tự Vì Bồ tát tùy theo ý nguyện của tại. mình, ở trong các cõi, xuất hiện Một, Mạng tự tại. đúng lúc thành tựu bậc chánh giác, Vì Bồ tát chứng được huệ mạng không có trở ngại gì. Đó gọi là trường thọ, trải qua vô lượng A nguyện tự tại. tăng kỳ kiếp, ở thế gian, không có Tám, Thần lực tự tại. chướng ngại. Đó gọi là mạng tự tại. Vì thần thông của Bồ

tát to lớn, (A tăng kỳ kiếp là tiếng Phạn, oai lực khó lường, thị hiện, biến tiếng Hoa là vô số thời: thời gian hóa ở trong thế giới không chút trở không đếm được). ngại. Đó gọi là thần lực tại tại. Hai, Tâm tự tại. Chín, Pháp tự tại. Vì trí huệ và phương tiện của Vì Bồ tát được biện tài giỏi, ở Bồ tát có thể điều phục tự tâm nên trong các pháp, có thể rộng nói vô có thể đi vào vô lượng các Tam biên pháp môn, không trở ngại. Đó muội lớn, thần thông đi khắp nơi gọi là pháp tự tại. không có chướng ngại. Đó gọi là Mười, Trí tự tại. tâm tự tại. Vì Bồ tát đầy đủ trí huệ, ở trong Ba, Tư cụ tự tại. một niệm có thể hiện ra mười lực, Tư cụ tức là dụng cụ nuôi sống. vô úy của Như Iai, thành tựu chánh Vì Bồ tát có thể dùng vô lượng giác vô thượng, không trở ngại. Đó các dụng cụ quí báu để trang gọi là trí tự tại. nghiêm tất cả thế giới thanh tịnh vô (mười lực là tri thị xứ phi xứ trí ngại. Đó gọi là tư cụ tự tại. lực, tri quá hiện vi lai nghiệp báo Bốn, Nghiệp tự tại. trí lực, tri chư thiền giải thoát Tam muội trí lực, tri chư căn thắng liệt

trí lực, tri chủng chủng giải trí lực, trời lưu hành trên không ánh sáng tri chủng chủng giới trí lực, tri nhất chiếu khắp mười phương, tất cả vạn thiết chí xứ đạo trí lực, tri thiên vật đều được hưởng thụ, ấm áp. nhãn vô ngại trí lực, tri túc mệnh Bốn, Xuất hiện thiện pháp. vô lậu trí lực, tri vi đoạn tập khí trí Bồ tát xuất hiện ở đời, dùng sức lực). trí huệ, mở bày thiện pháp, dẫn dắt chúng sanh, đều lên bậc chánh giác; giống như mặt trời lưu chuyển NHẬT DỤ BỒ TÁT trên không, dùng ánh sáng chiếu THẬP CHỦNG THIỆN PHÁP soi khắp tất cả, muôn ngàn sinh vật (Bảo vũ từ lớn đến nhỏ,
đều được sanh trưởng. kinh). Năm, Chư lậu diệt tận. Bồ tát xuất thế có thể dùng trí Lậu tức là rơi rớt, nghĩa là rơi huệ, phương tiện khiến cho các hữu rớt vào sanh tử. tình bỏ ác làm lành, bỏ mê lầm đến Bồ tát dùng sức trí huệ, tất cả với giác ngộ; giống như mặt trời phiền não đều diệt trừ hết nên vĩnh xuất hiện ở thế gian, soi sáng đến viễn không còn rơi vào sinh tử nữa; vạn vật, tất cả những nơi tối tăm giống như khi không có mặt trời, đều được sáng tỏ, nên lấy mặt trời ánh sáng cũng tắt luôn thì muôn làm ví dụ. ngàn động vật đều ngừng nghỉ. Một, Phá vô minh ám. Sáu, Năng tác quang minh. Bồ tát xuất hiện ra đời, dùng Bồ tát xuất hiện ra đời, phóng ánh sáng trí huệ phá bỏ tối tăm, vô ra ánh sáng trí huệ, nói nhiều loại minh của chúng sanh; giống như pháp phá sạch ngu si, tối tăm, trở mặt trời, lưu chuyển trên không, ngại của tất cả loài hữu tình; giống chiếu ánh sáng chói chang làm cho như mặt trời lưu chuyển trên không những nơi u ám đều sáng tỏ. chiếu ra vô số ánh sáng, trừ sạch u Hai, Năng giác ngộ hữu tình. ám và soi rõ đến vạn vật. Bồ tát xuất hiện ra đời dùng trí Bảy, Ánh tế ngoại đạo. huệ, phương tiện, dẫn dắt chúng Ánh là ánh sáng chiếu soi. Tế là sanh vào đạo để được giác ngộ; che đậy, ngăn cản. giống như mặt trời lưu chuyển trên Bồ tát xuất hiện ở đời, tất cả không, ánh sáng chan hòa đẹp đẽ, giáo pháp nói ra, đều khiến cho làm cho hoa sen trong các ao đều chúng sanh bỏ tà về chánh và soi nở hoa xinh đẹp. sáng các luận điểm kỳ lạ, bất chánh Ba, Quang diệu thập phương. của ngoại đạo; giống như mặt trời Bồ tát xuất hiện ở đời dùng ánh lưu chuyển trên không, chiếu ánh sáng trí huệ soi chiếu khắp mười sáng xuống một cách dữ dội thì lửa phương thế giới, tất cả loài hữu tình đom đóm biết mất. đều được lợi ích; giống như mặt Tám, Năng thị cao hạ.

Bồ tát xuất hiện ra đời, đối với Bồ đề tâm, thành tựu chủng trí. loài hữu tình, hoặc thiện hoặc ác, Giống như Nguyệt thiên tử (ở trong đều được nhiếp thọ và chiêm cung trăng),

xa lìa các sự che lấp ngưỡng để dạy dỗ cho chánh pháp; của ô nhiễm, tròn trịa sáng trưng, giống như mặt trời lưu hành trên ánh sáng chiếu khắp tất cả, vô biên không, chiếu sáng xuống vạn vật, công đức; nên lấy làm ví dụ. hoặc cao hoặc thấp, đều được thấy Một, Giai sanh hoan hỉ. rõ. Bồ tát khi mới xuất thế, làm Chín, Phát khởi thiện pháp. cho các loài hữu tình đều xa lìa Bồ tát xuất hiện ra đời, phương phiền não, sanh tâm vui vẻ. Giống tiện chỉ bày làm cho tất cả loài hữu như mặt trăng mới mọc, ai thấy đều tình phát khởi thiện tâm, tu hành được mát mẻ, sanh tâm vui mừng. thiện nghiệp; giống như khi mặt Hai, Chúng sở nhạo kiến. trời xuất hiện, khiến cho mọi người Bồ tát khi mới xuất thế các căn có cơ hội kiếm sống và kinh doanh thanh tịnh, chủng tử trong trắng, sự nghiệp. đầy đủ tất cả oai nghi, làm cho loài Mười, Thiện nhân ái nhạo. hữu tình mắt thấy tâm vui. Giống Bồ tát xuất hiện ở đời, tất cả như mặt trăng mới mọc ánh sáng người thông huệ đều biết rằng đây trắng nỏn, người nào thấy cũng đều là cơ hội đem đến lợi ích cho mình vui tươi. nên sanh tâm thương mến và thích Ba, Thiện pháp tăng tưởng. thú, luôn luôn muốn quay về nương Bồ tát từ mới phát tâm, đối với tựa. Còn những kẻ ngu si, không có tất cả pháp lành đều siêng năng tu trí huệ và tà ma, ngoại đạo thì chắc tập, tăng trưởng dần dần, cho đến là sanh tâm ghen ghét; giống như khi ngồi ở đạo tràng, tất cả tướng mặt trời lưu hành trên không, trong tốt đều được viên mãn, trí huệ ngoài đều sáng trưng và tất cả thành tựu. Giống như trăng từ người hiền vui tươi, nhưng còn bọn mùng một đến rằm, ánh sáng tăng trộm cắp ác nhân chưa chắc đã vừa dần đến khi tròn trịa. lòng. Bốn, Ác pháp tổn diệt. Khi Bồ tát xuất thế đầy đủ trí huệ, tất cả pháp ác ngày càng giảm NGUYỆT DỤ BỒ TÁT bớt đến tiêu diệt, đến khi ngồi ở THẬP CHỦNG THIỆN PHÁP đạo tràng thì hoàn toàn dứt sạch,

(Trừ cái không để sót chút gì, tức là thành tựu đoạn đức. Giống như trăng còn chướng Bồ tát sở vấn kinh). một nửa đen, ánh sáng của nó, mỗi Bồ tát đã dứt hết trần duyên, thể ngày, giảm dần đi, cho đến ngày tánh viên minh, ánh sáng trí tuệ cuối tháng, tất cả không hiện ra chiếu khắp mọi nơi làm cho loài nữa. hữu tình quay về ngưỡng mộ, phát Năm, Hàm giai xưng tán.

Bồ tát mới vừa ra đời, tất cả rong chơi trong bầu trời, xa lìa trời, người, A tu la v.v...thảy đều những trở ngại, ô nhiễm. khen ngợi. Giống như trăng vừa Mười, Cụ đại thần thông. mọc lên, mọi người lớn, nhỏ đến Thần thông của Bồ tát tự tại, chiêm ngưỡng, vui mừng. oai đức vô lượng, làm cho các loài Sáu, Thể tướng thanh tịnh. hữu tình lìa xa dơ dáy, tối tăm. Bồ tát tu hạnh viễn ly, thể và Giống như mặt trăng sáng trong tướng đều không ô nhiễm, do hóa thanh tịnh, thần thông to lớn, oai sanh nên thanh tịnh, không nhờ tinh đức bao trùm khắp, trong bốn thiên cha huyết mẹ sanh ra; Giống như hạ, vật nào cũng soi thấu. mặt trăng cảm được quả báo từ nghiệp tốt nên thể và tướng đều tróng sạch không ô nhiễm. HẢI ĐẠO SƯ DỤ BỒ Bảy, Thừa tối thượng thừa. TÁT THẬP CHỦNG THIỆN Tối thượng tức là vô thượng PHÁP (cao nhất). Thừa giống như xe

(Trừ chuyên chở. Bồ tát chuyên chở chúng sanh bằng xe lớn nên gọi là chướng Bồ tát sở vấn kinh). tối thượng. Biển cả mênh mông không biết Bồ tát chứng được tối thượng đâu là bờ, phải nhờ người hướng thừa, vì tất cả loài hữu tình mà dẫn, mới có thể đi qua được. chuyển bánh xe pháp, khiến cho Nhưng đám người buôn không một chúng được khai ngộ, vượt ra ngoài lòng tin tưởng nghe theo lời nói của ba

cõi. Giống như mặt trăng, chiếu người hướng dẫn mà làm theo ý khắp bốn thiên hạ, làm cho ai thấy riêng thì làm sao sự an ổn và lợi ích được xa tối gần sáng. có được. Bồ tát, ở trong biển cả (bốn thiên hạ là bốn châu). sanh tử, làm người hướng dẫn tài Tám, Thường tự trang nghiêm. giỏi, làm cho các loài hữu tình đều Công đức tu được của Bồ tát rất được xa lìa hiểm nguy, tai nạn và nhiệm mầu, thường tự trang ác thú, chứng được Niết bàn chân nghiêm mà không mượn ở ngoài để không, nên lấy hải đạo sư làm dụ. trang sức. Giống như mặt trăng, Một, Đắc tha tín hứa. tướng vốn trong trẻo, trang nghiêm, Đối với tất cả pháp lành, Bồ tát không chờ gội rửa mới sạch sẽ. đều có khả năng thấu hiểu, siêng Chín, Du hí pháp lạc. năng tu tập; được chư Phật, Duyên Pháp lạc là mình tự an vui với giác, Thinh văn và các đệ tử đều tin Phật pháp. tưởng, chấp nhận và làm theo; Bồ tát luôn an vui với pháp giống như ông thầy hướng dẫn nhiệm mầu của chư Phật, không thuyền bè qua lại trên biển cả đã nhiễm cảnh dục giới ở thế gian. được quốc vương, tể tướng và tất Giống như mặt trăng thương vui vẻ

cả nhân dân tin tưởng, giao phó Sáu, Thiện bị tư lương. trọng trách. Bồ tát chuẩn bị phước, trí, các Hai, Vi tha sở kính. hành tư lương, vì muốn nhiếp thọ Đạo hạnh của Bồ tát đầy đủ nhiều loài hữu tình phát tâm Bồ đề, mới được tất cả Thinh văn, Duyên tích tụ hạnh lành, ra khỏi đường ác giác, trời, người, rồng, quỷ, dạ xoa, sanh tử, đến được thành nhất thiết Càn thát bà v.v… cung kính, cúng trí. Giống như người thầy dẫn dường. Giống như người thầy đường trên biển cả, giỏi chuẩn bị hướng dẫn trên biển cả được vua, tể đầy đủ lương thực, làm cho những tướng và tất cả nhân dân cung kính, người thương buôn ra khỏi đường cúng dường. ác, nguy hiểm, đến được đất liền, Ba, Thiện tác chỉ dẫn. hoàn toàn an ổn. Bồ tát có thể, ở trong sanh tử Bảy, Phú hữu tài bảo. nguy hiểm, gian nan, vì loài hữu Bồ tát muốn dừng lại tất cả trí tình phương tiện hướng dẫn, dạy thành (thành trì trí tuệ), tập hợp bảo, làm cho ra khỏi tất cả phiền rộng rãi pháp bảo tối thắng vô não, đường ác để được an ổn. thượng của chư Phật, làm cho loài Giống như người thầy dẫn đường hữu tình tùy nguyện đều được giàu trên biển cả, ở trong nguy nan, có có to lớn. Giống như ông thầy thể hướng dẫn chúng ta thoát khỏi hướng dẫn trên biển, tùy theo chỗ và được an ổn. dừng nghỉ có nhiều của báu và các Bốn, Vi tha y chỉ. thứ nuôi sống hằng ngày. Tất cả Bồ tát có phương tiện khéo léo, những gì thiếu thốn, đều được cung có thể làm nơi nương tựa cho trời, cấp đầy đủ. người khiến cho họ ra ngoài biển Tám, hy thủ vô túc. lớn sanh tử và đường ác, hiểm Bồ tát, đối với pháp tài của nguy. Giống như người thầy dẫn Phật, có khả năng chứa nhóm to đường trên biển cả, làm nơi nương lớn, mong mỏi tiến lên, tâm không tựa cho những thương buôn lâm biết đủ. Giống như người thầy vào cảnh khốn khổ, lạc đường, trên hướng dẫn trên biển cả, đối với tất biển cả. cả của báu, luôn sanh tâm mong Năm, Năng vi tế mạng. cầu, chưa bao giờ biết đủ. Bồ tát có khả năng, vì những Chín, Vi tác tiên đạo. loài hữu tình đắm chìm trong sanh Bồ tát, đối với tất cả pháp lành tử, bằng phương tiện, làm cho công đức tự làm cho tăng trưởng và chúng khởi phát tâm Bồ đề, tiếp tục bằng lời nói chân thật tướng dẫn tất huệ mạng. Giống như người thấy cả loài hữu tình ra khỏi biển khổ dẫn đường trên biển, có thể vì sanh tử, qua bên kia bờ Niết bàn. những người phàm phu ở đời có Giống như ông thầy hướng dẫn trên nhu cầu cần kiếp đều giúp đỡ, cứu biển, tinh tường đường biển, bằng với mạng sống của họ. lời nhu

nhuyến, dạy bảo đoàn

thương buôn trở lại làm người dẫn chúng đều được tăng trưởng. Vì đường và tất cả những gì hướng như nước lớn mênh mông khắp trên dẫn đều đem lại lợi ích. mặt đất, chảy xuống chỗ thấp, tất Mười, Thiện đáo nhất thiết trí cả mầm non đều được tăng trưởng thành. và thấm nhuần. Bồ tát đối với tất cả pháp, đều Hai, Thực hiện pháp chủng. hiểu biết hết, gọi là đến thành nhất Thực là trồng. Bồ tát gieo rất thiết trí. Vì trí có thể phá mê lầm, nhiều hạt giống Bồ đề, thường hiển lộ lý lẽ; thành có thể ngăn ác, dùng nước thiền định tưới tẩm, làm người thù, nên Bồ tát chứa nhóm cho chúng tăng trưởng để thành tựu vô lượng công đức, năng lực thù Phật quả. Ví như đất liền gieo trồng thắng để đến được thành nhất thiết cây trái ngũ cốc, nhờ nước tưới tẩm trí. Giống như người hướng dẫn mà tăng trưởng rồi sau mới sum trên biển, đầy đủ năng lực, nên đến suê, tươi tốt và ra trái. được thành ấp kia. Ba, Tín nhạo hoan hỉ. Tự tánh của Bồ tát tín thuận Tam bảo, ưa cầu pháp xuất thế THỦY DỤ BỒ TÁT gian, vì tâm thanh tịnh nên sanh vui THẬP CHỦNG THIỆN PHÁP mừng; lại còn có thể làm cho tất cả
(Trừ cái loài hữu tình khác cũng đều tin tưởng và ưa thích nên sanh tâm vui chướng Bồ tát sở vấn kinh). mừng. Giống như nước lớn, tánh Tánh của nước là trong trẻo, nó trôi chảy, thấm nhuần, và còn yên tĩnh, ngưng đọng có khả năng tưới tẩm cho cây cối. thấm nhuần, làm cho vạn vật sinh Bốn, Hoại phiền não căn. trưởng, rửa sạch dơ bẩn; nóng bức Bồ tát dùng nước thiền định, gặp nước thì mát mẻ, khô héo gặp tưới tẩm cội rễ phiền não của tất cả nước thì tươi tốt. Vì vậy, lấy nước loài hữu tình, khiến cho tiêu hoại, làm ví dụ. Hoặc nghiệp của Bồ tát không sống lại được. Ví như nước trong sạch, thân tâm vắng lặng, hay lớn ngâm thấm cội rễ của cây cỏ lấy nước pháp cứu giúp chúng làm cho mụt nát, hư thối. sanh, làm cho mầm non của việc Năm, Tự thể vô tạp thanh tịnh. lành tăng trưởng, tội ác trừ hết, xa Bồ tát xa lìa các pháp tạp nhiễm lìa nóng bức, não phiền của sanh tham, sân, si, giữ gìn các căn cho tử, dứt sạch khát khao về tham ái, được thanh tịnh. Ví như nước lớn, thành tựu Bồ đề, vượt lên bờ giác. ở nguồn nó không có tạp chất (dơ) Một, Lưu nhuận phó hạ. mà là trong sạch vốn có. Bồ tát thường thực hành tâm từ Sáu, Tức phiền não nhiệt. bình đẳng, tùy thuận mềm dẻo, hay Bồ tát dùng nước pháp trong lấy nước pháp thanh tịnh điều trị sự mát nên trừ bỏ được các khổ bức nóng làm cho tất cả căn lành của bách, cực nóng về phiền não của tất

cả loài hữu tình. Ví như mùa hạ, LIÊN HOA DỤ BỒ TÁT mặt đất rất nóng, khô khan, con THẬP CHỦNG THIỆN PHÁP người cũng bực bội nóng nảy, có (Trừ cái được
nước để giải trừ thì mọi thứ đều được tươi mát. chướng Bồ tát sở vấn kinh). Bảy, Chỉ dục khát ái. Một, Ly chư nhiễm ô. Dục là năm dục. Khát ái là đối Bồ tát tu hành hay dùng trí huệ với trần cảnh sanh tâm yêu mến quan sát các cảnh, đối với tất cả vấn vương. Ví như nước trong mát pháp không sanh tham đắm; tuy ở có khả năng trừ cái khổ khát nước. trong dòng sông sanh tử năm trược, Tám, Thâm quảng vô nhai. nhưng vẫn không bị lỗi lầm của Bồ tát do tu tất cả pháp lành, sanh tử làm nhiễm ô. Ví như hoa chứa nhóm được trí huệ thù thắng, sen từ trong nước mọc lên mà bùn sâu rộng không giới hạn, các ma, nhơ không làm ô nhiễm. ngoại đạo không thể suy lường Hai, Bất dữ ác câu. được giới hạn. Ví dụ như nước lớn, Bồ tát tu hành chỉ muốn tiêu do nhiều dòng chảy hợp lại nên đã diệt tất cả ác, sanh ra tất cả việc sâu lại còn rộng lớn, không ai có

lành, đối với thân, miệng, ý giữ gìn thể biết đâu là bờ bến. thanh tịnh, không cùng lân la với Chín, Cao hạ sung mãn. ác, cho dù nhỏ nhất. Ví như hoa sen Bồ tát dùng tâm đại bi, đối với dù cho một giọt nước nhỏ cũng tất cả hữu tình, tùy theo căn khí cao không giữ lại. thấp phương tiện chỉ bày đều được Ba, Giới hương sung mãn. lợi ích đầy đủ. Ví như nước lớn, Bồ tát tu hành, đối với giới luật, chảy khắp trăm nơi, tùy theo cao quyết giữ không phạm. Vì giới hay thấp đều được đầy đủ. diệt trừ được cái ác của thân và Mười, Tức chư trần bộn. miệng, giống như hương thơm trừ Bộn là bụi bặm nhiều thành được mùi hôi hám, nên kinh nói đống. rằng: Hương thơm của giới rộng Bồ tát dùng nước trí huệ tưới khắp muôn nơi, gống như hoa sen tẩm tất cả hữu tình làm cho bỏ đi nở ra, hương thơm tỏa ra khắp nơi, việc làm theo những điều thô ác và xa gần đều nghe biết. phát tâm nhu nhuyến, dứt hẳn bụi Bốn, Bản thể thanh tịnh. trần phiền não, cùng vào cảnh Bồ tát nhờ giữ giới, thân tâm thanh tịnh. Ví như nước lớn trôi thanh tịnh, tuy ở trong năm trược, chảy tất cả bụi bặm trên mặt đất, mà không đắm nhiễm. Ví như khi làm cho thấm nhuần và trở lại trong hoa sen sanh ra, tuy ở trong bùn sạch. nhơ nước đục mà tự nhiên sạch sẽ không dính ô uế. Năm, Diện tướng hy di.

Hy là dáng mạo vui vẻ, hài hòa. Mười, Sanh dĩ hữu tưởng. Di là vui tươi, thỏa thích. Bồ tát khi mới sanh, trời, Tâm của Bồ tát thường vui với người... đều vui vẻ giúp đỡ, vì tâm thiền định thì vẻ mặt không u buồn, của Bồ tát hay tu tập hạnh lành, tướng mạo tươi sáng, ai thấy cũng chứng được quả bồ đê. Ví như hoa đều vui vẻ. Ví như khi hoa sen nở, sen khi mới sanh ra, tuy chưa thấy ai nhìn thấy được trong lòng phơi hoa mà mọi người đều nghĩ nhớ phới, vui tươi. đến hình dáng của hoa. Sáu, Nhu nhuyến bất sáp. Nhu nhuyến thì tùy theo, tùy thuận. Bất sáp là không ứ trệ, thông HỎA DỤ BỒ TÁT THẬP suốt. CHỦNG THIỆN PHÁP Vì Bồ tát tu hành từ thiện, đối (Trừ cái
với các pháp đều thông suốt, dồi dào bên trong thì hình thức hiện ra chướng Bồ tát sở vấn kinh). bên ngoài luôn thanh tịnh, nhỏ Nung nấu, tôi luyện phải nhờ nhiệm không có thô kệt, rít rắm. Ví đến sức khởi lên, tiêu diệt, biến hóa như thể và tánh của hoa sen mềm không sao lường được nguyên do, mại, lại còn thắm nhuần. cho đến mọi hiện hữu không còn, Bảy, Kiến gia giai kiết. trở về với khoảng không, phá tan Hạnh lành của Bồ tát thành tựu, bóng tối, soi rõ vạn tượng đều là hình tướng tuyệt vời tươi đẹp. Hễ ai bản chất của lửa. trông thấy đều nhận được điềm Bồ tát tu hành dùng lửa trí huệ, lành. Ví như hoa sen thơm tho, tươi dứt vọng là chân, trui rèn phàm phu đẹp, người nào nhìn thấy hoặc thành bậc thánh, phá tan chấp hữu mộng thấy đều được điềm tốt đẹp. trở về không, soi chỗ tối tăm thành Tám, khai phu cụ túc. nơi sáng tỏ, nên lấy lửa làm ví dụ. Hạnh tu của Bồ tát đã thành Một, Thiêu phiền não tận. công, trí huệ, phước đức trang Trí huệ như lửa. Phiền não như nghiêm đầy đủ. Ví như hoa sen nở củi. Bồ tát dùng trí huệ quán sát, ra đầy đặn và hoa, quả đều có đầy diệt trừ hết các phiền não tham, đủ. sân, si. Ví dụ như lửa lớn có thể đốt Chín, Thành thục thanh tịnh. cháy hết cây cối, thảo mộc các loại Tu nhân quả của Bồ tát đã viên mọc lên từ mặt đất. mãn, quả nhiệm mầu đã chín và Hai, Thành thục Phật pháp. ánh sáng trí huệ hiện ra, có thể làm Bồ tát tu hành dùng trí huệ cho tất cả hữu tình nghe thấy được quán sát thành thục tất cả Phật đều được sáu căn thanh tịnh. Ví pháp. Đã thành thục rồi thì trải qua như hoa sen nở bung, nên mắt thấy muôn kiếp không hư hoại. Ví dụ sắc của nó, mũi ngửi

hương của nó như tánh nóng của lửa có thể làm thì các căn cũng được thanh tịnh.

cho tất cả cây cỏ, thảo dược mọc Bảy, Năng tác an ủy. lên từ mặt đất đều được thành thục. Vì các loài hữu tình tối tăm bất Ba, Càn phiền não ứ nê. giác, lặn hụp trong các đường, chịu Nếu tâm vướng mắc bởi phiền đau khổ, vô cùng. Bồ tát có thể nói não thì tánh tối tăm không sáng pháp an ủi cho chúng, làm cho xa suốt, giống như thân mình dính đầy lìa vô số phiền não, đi theo con bùn nhơ thì thân thể dơ bẩn không đường giác ngộ. Ví như người đi sạch sẽ được; nên gọi là phiền não xa, ban đêm đi trong đồng không ứ nê. mông quạnh, thất lạc phương Bồ tát tu hành hay dùng trí huệ hướng, đâm ra lo sợ. Nếu thấy quán sát dứt trừ phiền não dơ bẩn, được đóm lửa thì liền đến đó, tâm hồi phục tánh vốn trong sáng. Ví dụ được an ổn. như lửa lớn có thể làm khô cạn tất Tám, Lợi dữ chúng cộng. cả vật ẩm thấp và bùn nhơ. Bồ tát tùy theo sự thọ dụng lợi Bốn, Như đại hỏa dụ. dưỡng thiếu đủ đều đem chia xẻ Các loài hữu tình bị phiền não với đại chúng, hoặc sang hoặc hèn làm đau khổ, nếu bị bệnh lạnh bức đều không phân biệt. Ví như đống bách, Bồ tát dùng sức trí huệ chỉ lửa lớn, ánh sáng chiếu soi tất cả, bày cho tất cả, làm cho lìa khổ không chút phân biệt chỗ này hay được vui. Giống như đống lửa lớn, chỗ kia. nếu ai đến gần thì thoát khỏi khổ sở Chín, Nhân sở cúng dường. của giá rét bức bách và có được Bồ tát có tâm từ bi vô lượng, niềm vui của ấm áp. giáo hóa rộng rãi gồm tất cả trời, Năm, Tác quang minh chiếu. người, A tu la đều cúng dường, Bồ tát tu hành dùng ánh sáng trí cung phụng như chư Phật. Ví dụ huệ chiếu khắp mọi nơi, làm cho như lửa trong thế gian, các Bà la các loài hữu tình ở nơi tối tăm, môn, Sát đế lợi, dân thường đều chưa từng giác ngộ, đều được giác phụng sự theo nhu cầu. ngộ. Ví như có người ở trên đỉnh Mười, Nhân bất khinh mạng. núi Tuyết sơn, đốt lên đống lửa lớn, Vì Bồ tát ở trong Đại thừa, tuy ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, mới phát tâm, nhưng có thể khiến không chỗ tối tăm nào mà không cho trời, người, A tu la không dám được soi tới. xem thường. Vì những loài ấy biết Sáu, Năng sử kinh bố. rằng vị Bồ tát kia, chẳng bao lâu Bồ tát có oai đức của trí huệ nữa, sẽ thành Phật quả. Ví như đóm lớn, ánh sáng rạng ngời bao phủ, lửa nhỏ, không dám xem thường. hay làm cho thiên ma, ngoại đạo Vì đóm lửa tuy nhỏ nhưng có thể đều sanh lòng lo sợ, lìa bỏ chỗ ở, cháy lan cả cánh đồng, chớ có sơ rút lui về nơi xa xôi. Ví như lửa lớn xuất. làm cho các loài ác thú đều sợ hãi, lánh xa hang ổ, chạy trốn khắp nơi.

THẬP TÍN Hiểu rõ Phật pháp, phân biệt rạch ròi, vì tâm tinh tấn đã có sẵn (Lăng nghiêm kinh). trước mắt thì trí huệ chân thật tự Thập tín đứng đầu của Tam nhiên hiển hiện. hiền, hạnh trước tiên của muôn Kinh nói: Tâm tinh tấn hiện hạnh. Nhưng muốn từ phàm vào tiền, thuần bằng trí huệ, gọi là huệ thánh thì tín dẫn đầu, lòng tin trước tâm. hết, cuối cùng đến tâm nguyện. Nói Năm, Định tâm. tóm Thập tín là phương tiện chân Vì niệm, lự đều quên hết, hiệu chánh tu hành của Bồ tát. dụng vắng lặng, vô tâm thì huệ tánh (Tam hiền là Thập trụ, Thập sáng suốt, yên lặng bất động. hạnh, Thập hồi hướng là các địa vị Kinh nói: Vắng lặng cùng khắp, của Bồ tát). lắng đọng nhiệm mầu, gọi là định Một, Tín tâm. tâm. Vì tâm cùng với lý sâu xa hiểu Sáu, Bất thối tâm. biết một cách chắc chắn không chút Vì định quang phát hiện, tâm trí trở ngại. Niềm tin mầu nhiệm, hoàn huệ sáng soi, biết đạo không còn toàn chân chánh, luôn ở trung đạo. xa, tinh tấn tu tập. Kinh nói: Luôn tồn tại đức tin Kinh nói: Ánh sáng của định đã mầu

nhiệm thì tất cả vọng tưởng tỏa sáng, đi sâu vào tánh sáng suốt, diệt sạch không còn, trung đạo chỉ có tiến mà không lui, gọi là hoàn toàn chân thật, gọi là tín tâm. không thối lui. Hai, Niệm tâm. Bảy, Hộ pháp tâm. Vì tin tưởng một cách chân Vì tâm chỉ tiến không lui, thì có chánh, hiểu biết một cách rõ ràng thể giữ gìn, gánh vác tất cả Phật trong kiếp quá khứ, vị lai vào tử ra pháp, là một phần phong thái của sanh, ghi nhớ không quên. Phật, cùng với ta gặp nhau. Kinh nói: Trong vô số kiếp, bỏ Kinh nói: Tâm tiến lên bình thân này nhận thân kia đều có thể yên, giữ gìn không để mất, là sự ghi nhớ, không hề quên sót, gọi là giao tiếp khí phần của mười niệm tâm. phương Như lai, gọi là tâm hộ Ba, Tinh tấn tâm. pháp. Tâm không tạp loạn gọi là tinh. Tám, Hồi hướng tâm. Không đứt quãng gọi là tiến. Vì chỉ Hồi là quay lại. Hướng là dùng tâm niệm tinh chuyên, sáng hướng tới. Vì dùng sức vi diệu của suốt, hướng thẳng về mảnh đất tâm hộ pháp, cảm nhận được ánh thanh tịnh hoàn toàn. sáng của Phật chiếu soi, rồi xoay Kinh nói: Chỉ bằng tinh chuyên ánh sáng hướng về với Phật, giống sáng suốt, hướng về thanh tịnh như hai cái gương chiếu vào nhau, hoàn toàn gọi là tâm tinh tấn. ánh sánh giao thoa trong cả hai. Bốn, Huệ tâm.

Kinh nói: Giữ gìn ánh sáng giác Kinh nói: Bằng phương tiện ngộ, bằng sức nhiệm mầu xoay về chân thật, phát sanh mười tâm này, từ quang của Phật, hướng về Phật tâm tánh đã phát huy, mười công mà ở yên, gọi là tâm hồi hướng. dụng hòa nhập trọn thành nhất tâm, Chín, Giới tâm. gọi là phát tâm trụ. Vì tâm đã quay về với Phật, thì (mười dụng là công dụng của tịnh giới được an toàn không bị mất Thập tín) mát. Hai, Trị địa trụ. Kinh nói. Ánh sáng của tâm kín Do phát tâm ở trước, trong sạch đáo, thu hoạch được thể tánh của như lưu ly, lý tánh đã chứng được, chư Phật, sự thanh tịnh nhiệm mầu hiển hiện như vàng ròng. Nhờ vào vô lượng, an trụ trong cõi vô vi, tâm mầu nhiệm này, hợp với lý không còn sai sót, gọi là giới tâm. tánh. Mười, Nguyện tâm. Kinh nói: Phát minh ở trong Vì tâm an trụ ở tịnh giới mà tâm, giống như trong lòng lưu ly được tự tại, nên có thể đi khắp cả trong sạch hiện ra vàng ròng. Dùng mười phương thế giới, giáo hóa tâm nhiệm mầu ở trước, tạo thành chúng sanh, tùy theo nguyện vọng đất bằng, nên gọi là trị địa trụ. đều được thỏa mãn. Ba, Tu hành trụ. Kinh nói: Ở trong giới được tự Tu hành là khởi lên hạnh tạo ra tại, đi khắp mười phương, tùy nơi tâm. Vì trước đã phát ra trí trị địa muốn đến, gọi nguyện tâm. của trụ thứ hai, hoàn toàn sáng tỏ; do sáng tỏ nên tu khắp các hạnh đều không trở ngại. THẬP TRỤ Kinh nói: Tâm địa am tường đã (Lăng nghiêm kinh). được sáng tỏ hoàn toàn, rong chơi khắp mười phương đều không trở Vì con dường tiến tu của Bồ tát ngại, nên gọi là tu hành trụ. lấy đích đến là quả Diệu giác. Quả Bốn, Sanh quý trụ. này do tín mà vào, vào rồi thì ở lại, Do diệu hạnh ở trước, khế hợp nên tự phát tâm ở lại cho đến Quán sâu xa với diệu lý, sắp sanh vào nhà đỉnh trụ. Tất cả có mười loại: Phật, làm con vua pháp, nên gọi là Một, Phát tâm trụ. sanh quý. Vì do Thập tín ở trước, tiếp tục Kinh nói: Hạnh cùng với Phật tiến tu, làm nên phương tiện, phát giống nhau, nhận một phần tính ra tâm Thập trụ. Tâm này tinh ròng, cách của Phật, như thân trung ấm phát ra ánh sáng vốn có, làm cho tự tìm phụ mẫu. Thân trung ấm, công dụng của Thập tín kia, ở trong thật sự, có một sự hiểu biết kỳ diệu ánh sáng chói lòa ấy hỗ tương quan vào dòng giống Như lai, nên gọi là hệ, trọn thành đức của nhất tâm. sanh quý trụ. Năm, Phương tiện cụ túc trụ.

Do diệu hạnh trước đã cùng với thế thân, ý sanh thân, phước đức Phật giống nhau thì tự mình làm thân, pháp thân, trí thân). việc lợi tha bằng phương tiện khéo Chín, Pháp vương tử trụ. léo, đầy đủ không thiếu. Vì từ phát tâm cho đến sanh Kinh nói: Đã đầu thai vào Phật quý gọi là nhập thánh thai. Từ đạo, làm thân thuộc của dòng dõi phương tiện cụ túc đến đồng chân giác ngộ, khi thai đã hình thành gọi là nuôi lớn thành thai. Đến đây nhân tướng đầy đủ, gọi là phương trưởng dưỡng đã thành công gọi là tiện cụ túc trụ. xuất thánh thai. Đã ra khỏi thánh Sáu, Chánh tâm trụ. thai rồi thì đó đích thực là con của Vì hạnh và tướng ở trước, tuy Phật mà nối dòng dõi giống Phật. cùng với Phật giống nhau. Tâm và Kinh nói: Thân hình hoàn thành tướng còn khác nhau, chưa gọi là ra khỏi thai là con Phật, gọi là pháp chánh tâm. Đến khi tâm và tướng vương tử trụ. không khác nhau nữa thì mới gọi là Mười, Quán đảnh trụ. chánh. Vì Bồ tát đã hoàn toàn thành Kinh nói: Dung mạo giống Phật tử, kham làm Phật sự; Phật Phật, tâm và tướng cũng giống, gọi dùng nước trí huệ gội lên đỉnh đầu, là chánh tâm trụ. giống như con của Sát lợi, Chuyển Bảy, Bất thối trụ. luân vương nhận chức vụ, và vua Vì hai tướng tâm và hành ở cha dùng nước của biển cả gội lên trước đã cùng với Phật giống nhau đầu con mình. thì Phật thân và Phật tâm hai thứ Kinh nói: Hoàn toàn đã thành hợp thành càng ngày càng thêm ích người, như vua một nước lớn đem lợi, từ từ tăng trưởng, chỉ có tiến việc nước giao phó cho thái tử. Khi không lùi. con của vua Sát lợi lến lên, sắp Kinh nói: Thân và tâm hợp hàng ngay thẳng để được gội đầu, thành ngày ngày tăng trưởng, gọi là gọi là quán đảnh trụ. bất thối trụ. Tám, Đồng chân trụ. Hình thể nhỏ gọi là đồng. Vì DIỆU CAO THẬP hình thể tuy nhỏ mà thật ra có đầy NGHĨA DỤ THẬP TRỤ BỒ đủ chân tướng mười thân linh diệu TÁT HẠNH của Phật. (Hoa
Kinh nói: Linh tướng của mười thân, đầy đủ trong một giờ, gọi là nghiêm kinh sớ). đồng chân trụ. Diệu cao tức là núi Tu di, do (mười thân là Bồ đề thân, bốn loại báu vật làm nên, vượt lên nguyện thân, hóa thân, lực trì thân, trên Thất kim sơn, nên gọi là Diệu tướng hảo trang nghiêm thân, oai cao.

Khi Như lai nói kinh Hoa Bốn, Đức diệu. nghiêm dùng thần lực tự tại, lên Vì núi này tám hướng có gió dữ đỉnh núi này, gia bị cho Bồ tát Pháp thổi mạnh mà không thể lay động; huệ, nói pháp hạnh của mười trụ dùng để ví dụ tám pháp đối với Bồ Bồ tát, nên mới có mười ví dụ này. tát không thể nào làm cho lay động (bốn loại báu vật là kim, ngân, được. lưu ly, thủy tinh. (tám pháp là lợi, suy, hủy, dự, Thất kim sơn là Song trì, Trì xưng, cơ, khổ, lạc). trục, Thiềm mộc, Thiện kiến, Mã Năm, Quyến thuộc diệu. nhĩ, Chướng ngại, Trì địa; đều gọi Vì thất Kim sơn có bảy lớp vây là Kim, vì bảy núi này có ánh sáng quanh và bảy biển Hương thủy. màu vàng). Nước biển Hải ấn chảy vòng Một, Thể diệu. quanh, giống như quyến thuộc quây Vì núi này do bốn báu vật làm quần; dùng để ví dụ sự phụng trì nên, hình thể của nó rất tốt đẹp; bảy chi giới của Bồ tát và ý thức dùng để ví dụ diệu thể được làm lưu chuyển như nước xoay vòng bởi bốn pháp văn, tư, tu, giải của trong Hải ấn. Bồ tát. Bảy chi giới là không sát sanh, Hai, Tướng diệu. không thâu đạo, không tà dâm, Vì núi này có tám phương, bốn không vọng ngữ, không ỷ ngữ, tầng, hình tướng của nó rất đẹp; không ác khẩu, không lưỡng thiệt). dùng để ví dụ diệu tướng đầy đủ Sáu, Y trì diệu. bát chánh, tứ đức của Bồ tát. Vì núi này chỉ có các trời và (Bát phương là đông, tây, nam, chúng sanh có thần thông nương bắc và tứ duy.

tựa vào đây mà ở, dùng để ví dụ Tứ đức là thường, lạc, ngã, tịnh. Bồ tát đã đạt được lý này mà an trụ, Bát chánh là bát chánh đạo). chỉ có thể bằng thần lực đến được, Ba, Sắc diệu. chẳng có loài hữu tình nào lên tới. Vì núi này phía bắc màu vàng, Bảy, Tác nghiệp diệu. phía đông màu bạc, phía nam màu Vì núi này không lìa vị trí của lưu ly, phía tây màu thủy tinh. Tất mình mà giữ vững được bốn châu, cả cây cỏ, thú vật tùy theo màu sắc che khuất ánh sáng mặt trời, mặt mà đến đúng chỗ ở của nó, không trăng làm thành ngày và đêm; dùng bao giờ thay đổi; dùng để ví dụ bốn để ví dụ Bồ tát không lìa bổn xứ biện tài của Bồ tát. Vì màu sắc sai mà ứng biến mười phương, che khiến cây cỏ và thú vật, nhưng sự khuất, ánh sáng Phật nhật và ánh hiểu biết của chúng thì không giống trăng Bồ tát mà biến đêm sanh tử nhau mà bản tính trí huệ thì không thành ngày Niết bàn. thay đổi. Mặt trời, mặt trăng ở lưng (bốn biện tài là nghĩa biện, chừng và xoay quanh núi Tu di làm pháp biện, từ biện, thuyết biện).

thành ngày đêm, nên nói là che Tam tai là phong tai, thủy tai, khuất ánh sáng mặt trời, mặt trăng. hỏa tai). (Ngày, đêm là Niết bàn, sanh tử). Tám, Sanh quả diệu. THẬP HẠNH Vì núi này có cây ba lợi chất đa (Lăng nghiêm kinh). la có thể đem đến lợi ích cho thiên chúng và có quả rất nhiệm mầu; Vì do tiến tu viên mãn Thập trụ dùng để ví dụ về đời sống, giáo ở trước, đã thành con Phật, tự lợi đã hóa, công hạnh, kết quả của Bồ tát, được, nhưng lợi tha chưa xong. Vì giống như cây huyền diệu này. thế Bồ tát phải thực hành lợi ích Ba lợi chất đa la là tiếng Phạn, nhiều hơn, tùy thuận chúng sanh, tiếng Hoa là Viên sanh. Vì cành lá làm cho chúng vui vẻ, nhưng vì của cây sum suê bốn hướng, hương hạnh có cạn, sâu, nên bắt đầu là thơm ngào ngạt đến 50 do tuần, ở hoan hỉ (vui vẻ), rồi kết thúc là phía đông bắc Thiện pháp đường chân thật mới đủ mười loại. cõi trời 33, trên đỉnh núi Tu di. Chư Một, Hoan hỉ hạnh. thiên hay vui chơi ở dưới cây này, Vì tiến tu viên mãn Thập trụ ở nên gọi là làm lợi ích cho chư trước, đã thành con Phật, đầy đủ thiên. đức độ nhiệm mầu của Phật, hay ở Chín, Vi thủ diệu. mười phương cõi nước để, tùy Vì vào thời kỳ thế giới hình thuận đem đến lợi ích cho chúng thành thì núi này hình thành trước sanh, mình và người đều vui. tiên trong bốn châu. Đó gọi là Thủ Kinh nói: Đã thành con Phật diệu (Khởi đầu mầu nhiệm); dùng rồi, đầy đủ đức độ nhiệm mầu vô để ví dụ Bồ tát ở thời kỳ mới hình lượng của Như lai, mười phương thành của thế giới. Đầu tiên, các đều tùy thuận, gọi là hạnh hoan hỉ. Ngài xuất hiện ở thế gian, vì chúng Hai, Nhiêu ích hạnh. sanh thị hiện vô số sự giúp đỡ. Vì giỏi thi hành đức độ huyền Mười, Kiên cố diệu. diệu, đem lại lợi ích cho chúng Vì núi này, vào thời kỳ thế giới sanh, làm cho chúng được sự ích tiêu hoại, núi Thiết vi và các núi lợi của Phật pháp, mà tâm không khác đều không còn,, mà nó thì tiêu nhàm chán. hoại sau cùng, gọi là kiên cố; dùng Kinh nói: Khéo đem lại lợi ích để ví dụ Bồ tát, nếu như thế giới cho tất cả chúng sanh, gọi là nhiêu sắp tiêu hoại, Bồ tát Diệt độ sau ích hạnh. cùng, vì chúng sanh mà trở lại để Ba, Vô sân hận hạnh. nói Thượng định, khiến chúng Vì sân hận sanh ra thì trái tránh khỏi tam tai. ngược với tự giác, giác tha đã đầy (Thượng định là Vô sắc giới đủ thành tựu nên sân hận không định. còn nữa.

Kinh nói: Tự giác và giác tha đầy ắp trong hư không. Trong mỗi không trái ngược nhau, gọi là hạnh vi trần đều có đủ mười phương thế không sân hận. giới mà hình tướng của vi trần Bốn, Vô tận hạnh. không hư nát; vi trần giao thoa Vì tùy theo từng loại chúng

nhau, lớn nhỏ không trở ngại. sanh mà hóa hiện thân thích hợp để Kinh nói: Vi trần hiện diện làm chuyển biến, dạy dỗ chúng và trong thế giới và ngược lại mà đem đến lợi ích cho chúng vô tận. không chút trở ngại, gọi là vô trước Thời gian suốt tam tế, không gian hạnh. khắp mười phương, công hạnh lợi Tám, Tôn trọng hạnh. sanh của Bồ tát không hề chướng Vì đã ở trong vô trước hạnh, vi ngại. trần hiện trong thế giới và thế giới Kinh nói: bao nhiêu chủng loại hiện trong vi trần, đều là sức quán hữu tình sanh ra, cùng tận đến vị chiếu của Bát nhã. Nhưng Bát nhã lai, ba đời bình đẳng, bao trùm trong sáu độ được gọi là đệ nhất, mười phương, Bồ tát cũng đều giáo thật đáng tôn trọng. hóa, đem đến lợi ích cho chúng, gọi Chín, Thiện pháp hạnh. là hạnh vô tận. Vì ở trong quán sát nhiệm mầu Năm, Ly si loạn hạnh. của trí huệ, mọi vật hiện ra rõ ràng, Tất cả pháp môn, tuy không đã phô bày đức tính viên dung. giống nhau, nhưng đã được diệu trí mười phương chư Phật đều nương thông suốt một cách tường tận và vào tính viên dung này mà làm đều quy về một lý duy nhất không pháp tắc. có sai biệt, ngộ nhận. Kinh nói: Viên dung như thế Kinh nói: Tất cả đều hòa hợp hay làm quỹ tắc của chư Phật, gọi cùng nhau, đối với vô số pháp môn, là thiện pháp hạnh. không sai biệt và lầm lẫn, gọi là ly Mười, Chân thật hạnh. si loạn hạnh. Vì đức tướng viên dung ở Sáu, Thiện hiện hạnh. trước, tất cả đều là tánh chân thật Do vô si loạn hạnh nên ở trong vô vi. Nương vào tánh này mà tu đồng loại mà hiện ra dị tướng, ở thì công hạnh tu được đều là chân trong dị tướng mà không thấy có thật. khác. Đồng, dị viên dung, tự tại hóa Kinh nói: Tất cả đều là vô lậu hiện. thanh tịnh. Nhất chân vô vi, tánh Kinh nói: Ở trong cái đồng mà vốn như thế, gọi là chân thật hạnh. hiện ra cái khác. Trong từng tướng dị mà ai ai đều thấy đồng, gọi là thiện hiện hạnh. THẬP HỒI HƯỚNG Bảy, Vô trước hạnh. (Lăng nghiêm kinh). Vô hạnh thiện hiện đã được tu tập rộng rãi, viên dung như vi trần

Hồi là xoay về. Hướng là (Trong một niệm không có hướng tới. Vì khởi lên tâm đại bi tướng gọi là không. Không pháp cứu độ chúng sanh, hồi chuyển nào mà không đầy đủ gọi là giả. mười hạnh lành, để hướng tới ba Không một không khác gọi là nơi là 1) Chân như thật tế là cái trung. phải chứng; 2) Bồ đề vô thượng là Bổn giác là tánh chân như mà cái mong cầu; 3) Tất cả chúng sanh tất cả chúng sanh có đủ, xưa nay là đối tượng phải độ. Dùng những đều giác ngộ). việc ấy hồi chuyển tâm và hướng Ba, Đẳng nhất thiết Phật hồi tới hạnh lành. Hướng tới muôn hướng. loài, viên mãn phạm hạnh, cùng Vì trước đã có trí năng giác, vào pháp giới. trùm khắp mọi nơi, bằng với tính Một, Cứu nhất thiết chúng sanh giác của Phật, thì đó là lý địa của ly chúng sanh tướng hồi hướng. chân như chứng được, bằng với Vì trước tu Thập hạnh, thần Phật không khác. thông đầy đủ, đã thành tựu các Kinh nói: Bổn giác vắng lặng, hạnh của Phật, lại còn phải tu hạnh giác ngộ bằng sự giác ngộ của Phật, hồi hướng này. Nhưng hạnh hồi gọi là đẳng nhất thiết Phật hồi hướng, lấy tâm bi nguyện là trước hướng. hết, hóa độ chúng sanh, mà không Bốn, Chí nhất thiết xứ hồi thấy có tướng năng độ (người độ). hướng. Hồi chuyển tâm vô vi này hướng Vì trước đã có trí năng giác, tới cõi Niết bàn. trùm khắp mọi nơi, bằng sự giác Kinh nói: Độ chúng sanh mà ngộ của Phật, là lý chân như chứng phải diệt trừ tướng độ, hồi chuyển được, như Phật không khác. Kinh tâm vô vi, hướng tới Niết bàn, gọi nói: Phát minh ra cái tinh túy chân là cứu nhất thiết chúng sanh ly

thật, có địa vị bằng địa vị của Phật, chúng sanh tướng hồi hướng. gọi là chí nhất thiết xứ hồi hướng. Hai, Bất hoại hồi hướng. Năm, Vô tận công đức tạng hồi Vì trước xa lìa tướng chúng hướng. sanh, thì việc ấy có thể hư hoại. Vì trước đã nói đến tất cả hạt Nay trở lại cái hoại ở trước có thể bụi bặm là thế giới, cũng như tất cả hoại; xa lìa cái xa lìa, thì đó là bất Phật là Như lai. Nhưng Như lai là hoại. Như lai của tất cả thế giới; thế giới Hoại là không, bất hoại là giả, tức là thế giới của Như lai. Thế giới không và giả không hai, chính là và Như lai hòa hợp vào nhau không hiển bày trung đạo, mà trở về với trở ngại, công đức vô tận. bổn giác. Kinh nói: Thế giới và Như lai Kinh nói: Hư hoại cái có thể hỗ tương đi vào nhau, không có gì hoại, xa lìa các sự xa lìa, gọi là bất trở ngại, gọi là vô tận công đức hoại hồi hướng. tạng hồi hướng.

Sáu, Tùy thuận bình đẳng thiện Kinh nói: Tức tất cả pháp (tính căn hồi hướng. của tất cả pháp) là lìa tất cả tướng. Vì đối với lý tánh của chư Phật, Chỉ có tức và ly, cả hai đều không khởi lên nhân chân thật về vạn bị vướng mắc, gọi là chân như hạnh, chứng nhận rõ ràng đạo Nhất tướng hồi hướng. thừa vắng lặng. Hạnh từ lý mà có, Chín, Vô phược giải thoát hồi nên gọi là tùy thuận bình đẳng, hay hướng. sanh ra đạo quả, nên gọi là thiện Vì tướng chân như trước mắt, căn. thì trí huệ sáng suốt triệt để, mười Kinh nói: Ở trong địa vị bằng giới nương vào các pháp y và với địa vị của Phật, tất cả đều sanh chánh viên dung lẫn nhau, vô ngại nhân thanh tịnh. Nương vào nhân tự tại. mà phát huy, chọn lựa đạo Niết Kinh nói: Được sự chân thật bàn, gọi là tùy thuận bình đẳng như thế thì mười phương vô ngại, thiện căn hồi hướng. gọi là vô phược giải thoát hồi Bảy, Tùy thuận đẳng quán nhất hướng. thiết chúng sanh hồi hướng. (mười giới là Phật giới, Bồ tát Vì đã tu tập nhân chân chánh, giới, Duyên giác giới, Thinh văn căn lành thành tựu thì biết chúng giới, Thiên giới, Nhân giới, Tu la sanh trong mười phương đều là bổn giới, Ngạ quỷ giới, Súc sanh giới, tánh của ta. Tánh đã bình đẳng, nên Địa ngục giới. có thể thành tựu căn lành của tất cả Y tức là quốc độ, nơi được chúng sanh, không có sang hèn, nương tựa. Chánh tức là sắc thân cũng chẳng cao thấp. của mười giới nương tựa vào quốc Kinh nói: Căn lành đã thành tựu độ ấy). thì chúng sanh trong mười phương Mười, Pháp giới vô lượng hồi đều là bổn tánh của ta. Thành tựu hướng. tánh viên mãn rồi thì không thể mất Vì đã chứng ngộ được lý tánh một chúng sanh nào, gọi là tùy đức chân như, thành tựu viên mãn, thuận đẳng quán nhất thiết chúng bao hàm tất cả, không gì ra ngoài. sanh hồi hướng. Dùng tướng sai biệt mười giới để Tám, Chân như tướng hồi lãnh hội, hoàn toàn không thể hướng. được. Lìa vọng (sai lầm) gọi là chân Kinh nói: Tánh đức tròn đầy, (đúng đắn). thành tựu, số lượng của pháp giới Không đổi khác gọi là như. cũng mất luôn, gọi là pháp giới vô Vì tánh của tất cả pháp vốn là lượng hồi hướng. chân như, chẳng phải tức chẳng phải ly, cả hai không vướng mắc, thì tướng chân như hiện ra.

THẬP ĐỊA (Tình kiến là nương phân biệt của tình mà thấy). (Lăng nghiêm kinh). Bốn, Diệm huệ địa. Thập địa là địa vị Bồ tát chứng Ánh sáng của trí huệ đã đến được, tất cả Phật pháp nương đây cùng cực thì giác ngộ về Phật tánh mà sanh ra. Nhưng địa vị có cạn tròn đầy. Giác ngộ đã tròn đầy thì sâu, nên bắt đầu vào hoan hỉ địa, ánh sáng của trí huệ phát ra rực rỡ, cuối cùng là pháp vân địa. giống như ngọn lửa lớn phá tan tất Một, Hoan hỉ địa. cả tình kiến. Vì trí của Bồ tát bằng trí Phật, Kinh nói: Ánh sáng của

trí huệ lý bằng lý Phật, thấy suốt đạo lớn đến cùng thì sự ngộ viên mãn. và tận cùng cảnh giới của Phật mà Năm, Nan thắng địa. có được niềm vui của pháp, bước Do diệm huệ (ngọn lửa trí huệ ở lên bậc sơ địa. trước) phá tan tất cả tình kiến, Kinh nói: Đối với đại Bồ đề đã tướng đồng, dị của chúng đều khéo thấu đạt, giác ngộ Như lai tính không thể được, tức là cảnh giới và tận cùng cảnh giới của Phật, gọi của chư Phật, không gì có thể hơn là hoan hỉ địa. được. (Đắc pháp hỉ là đối với pháp Kinh nói: Tất cả những tướng chứng được mà sanh tâm vui dị, đồng không thể đạt đến được, mừng). gọi là nan thắng địa. Hai, Ly cấu địa. Sáu, Hiện tiền địa. Do tận cùng cảnh giới của Phật, Do tướng dị, đồng ở trước đã thấu rõ tánh khác nhau của các không thể được, thì chân như tánh pháp mà vào được tánh giống nhau. thanh tịnh hiển hiện một cách rõ Nếu thấy tính giống nhau thì không ràng. xa lìa dơ bẩn nên tánh giống nhau Kinh nói: Tánh của chân như cũng chẳng còn. Đó là xa lìa dơ vô vi thanh tịnh, sáng rõ, hiện tiền, bẩn. gọi là hiện tiền địa. Kinh nói: Tánh khác nhau đi Bảy, Viễn hành địa. vào tánh giống nhau. Tánh giống Vì cảnh của chân như rộng nhau cũng không còn, gọi là ly câu không có ranh giới. Tuy chân như địa. hiện tiền như vậy nhưng phần Ba, Phát quang địa. chứng có giới hạn, nếu hết ranh Cái thấy bằng tính dơ bẩn có giới của nó thì mới là đến nơi. giống có khác đã không còn nữa thì Kinh nói: Tận cùng ranh giới trí huệ của bổn giác khai phát. của chân như, gọi là viễn hành địa. Kinh nói: Thanh tịnh cùng cực (Phần chứng là, đối với lý chân thì ánh sáng phát sanh, gọi là phát như, Bồ tát tuần tự chứng từng quang địa. phần). Tám, Bất động địa.

Vì lý chân như đã tận cùng ranh tâm, tu hạnh xả bỏ, đối với thân thể giới, chứng được hoàn toàn thể và tiền của không chút keo kiệt. Do tánh của nó, thì im lặng rốt ráo, nhân mà cảm quả báo, chứng được không còn dao động. sơ địa, tâm sanh hoan hỉ, liền dứt Kinh nói: Nhất chân như tâm, được chướng ngại dị sanh tánh và gọi là bất động địa. chứng được chân như tánh trùm Chín, Thiện huệ địa. khắp. Đó gọi là hoan hỉ địa đoạn Vì đã chứng được thể của chân chướng chứng chân. như liền phát công dụng nhiệm (Chướng ngại dị sanh tánh; mầu, những gì được chiếu soi tới Tánh tức là tánh phàm phu; chướng đều là chân như. tức là chấp trước ngã, pháp; Kinh nói: Phát ra công dụng chướng ngại cho công đức sơ địa. của chân như, gọi là thiện huệ địa. Chân như tánh trùm khắp; chân Mười, Pháp vân địa. như này do nhân, pháp đã hiển lộ Vì Bồ tát đến địa thứ mười này, tính không hoàn toàn, không có công tu hành đã đầy đủ, chỉ còn một pháp nào mà không tồn tại). việc giáo hóa, đem lại lợi ích cho Hai, Ly cấu địa đoạn chướng chúng sanh, lòng từ lớn như mây chứng chân. trời, có thể che mát cho tất cả, chỉ Vì Bồ tát thấy chúng sanh tạo còn làm những lợi ích cho chúng ra mười nghiệp ác, tâm của chúng sanh mà luôn vắng lặng. rơi vào tà hạnh, nên Bồ tát phát tâm Kinh nói: Đám mây lành của từ, tu mười nghiệp lành, xa lìa dơ lòng từ che mát tất cả, bao trùm hết bẩn của dục, bỏ niệm thanh tịnh thì biển Niết bàn, gọi là pháp vân địa. liền dứt được chướng ngại của tà (Niết bàn là tiếng Phạn, tiếng hạnh, chứng được chân như tối Hoa là Diệt độ; gọi là biển vì nó thắng. Đó gọi là ly cấu địa đoạn sâu rộng, tất cả pháp chứa trong chướng chứng chân. ấy). (Chân như tối thắng là chân như này có đức độ vô biên, đối với tất cả pháp, chân như này là hơn THẬP ĐỊA ĐOẠN hết). CHƯỚNG CHỨNG CHÂN Ba, Phát quang địa đoạn (Hoa nghiêm chướng chứng chân. Vì Bồ tát

thấy chúng sanh lầm thôn hải tập và Hoa nghiêm kinh lạc, tối tăm, chướng ngại các pháp sớ). lành, do vô minh mà không thấu Một, Hoan hỷ địa đoạn chướng hiểu; nên các Ngài cố công tu hành, chứng chân. phát tâm sâu rộng như pháp tu Vì Bồ tát thấy chúng sanh, tâm hành, trí huệ phát sanh dứt trừ rơi vào tà kiến nên gây ra chướng chướng ngại tối tăm, chứng được ngại; vì vậy phát đại nguyện từ chân như thắng lưu. Đó gọi là phát

quang địa đoạn chướng chứng (Hạ thừa là Thinh văn và chân. Duyên giác thừa. (Ám độn chướng: Chướng tối Hữu dư Niết bàn là đã dứt hết tăm là quên mất ba huệ văn, tư, tu, hai hoặc kiến, tư còn sắc thân chưa quán chiếu các pháp mà không hiển Diệt độ. hiện. Chân đế là đối với tất cả pháp Chân như thắng lưu là chân như suy xét đều là không, không pháp này từ giáo pháp mà ra và hơn hết nào có thể được. so với các giáo pháp khác). Tục đế là đối với tất cả pháp Bốn, Diệm huệ địa đoạn suy xét mọi pháp dường như có. chướng chứng chân. Trí vô sai biệt tức là bình đẳng Vì Bồ tát thấy chúng sanh rơi trí. vào trong phiền não, nên phát tâm Chân như loại vô sai biệt là đại từ, tu đủ 37 phẩm trợ đạo, phát sanh tử, Niết bàn đều bình đẳng, khởi ngọn lửa trí huệ liền trừ được không có sai biệt). chướng ngại hiện hành của phiền Sáu, Hiện tiền địa đoạn chướng não vi tế, chứng chân như vô nhiếp chứng chân. thọ. Đó gọi là diệm huệ địa đoạn Vì Bồ tát thấy các chúng sanh chướng chứng chân. (37 phẩm trợ rơi vào sanh, tử, phát tâm đại bi, tu đạo là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, thêm hạnh lợi sanh bình đẳng, với bốn như ý túc, năm căn, năm lực, trí huệ hiện tiền dứt trừ chướng bảy giác phần, tám thánh đạo). hiện hành của tướng thô, chứng Vi tế phiền não hiện hành là được chân như vô nhiễm tịnh. Đó hiện khởi sự lầm lạc của vô minh vi gọi là hiện tiền địa đoạn chướng tế. chứng chân. Chân như vô nhiếp thọ là chứng (Thô tướng là ở trong Tứ đế, được chân như này không còn bị mà chấp Khổ, Tập là nhiễm; chấp ràng buộc vào cái gì nữa). Đạo, Diệt là tịnh. Năm, Nan thắng địa đoạn Chân như vô nhiễm, tịnh là chướng chứng chân. chân như này tánh vốn không Vì Bồ tát thấy bậc hạ thừa kẹt nhiễm, nên không thể nói, về sau, vào hữu dư Niết bàn, thích an vui là tịnh). yên tĩnh một mình, nên phát tâm từ Bảy, Viễn hành địa đoạn tu tập thêm hạnh bình đẳng, ngộ chướng chứng chân. được trí vô sai biệt hai đế chân và Vì Bồ tát thệ nguyện độ chúng tục, không có gì vượt hơn, liền dứt sanh, phát tâm từ bi, tu thêm tất cả được chướng ngại của Niết bàn hạ pháp Bồ đề phần, ngộ được Tam thừa và chứng chân như loại vô sai muội không, vô tướng, vô nguyện, biệt. Đó gọi là nan thắng địa đoạn liền dứt tế tướng hiện hành của chướng chứng chân. chướng, chứng được chân như vô

sai biệt pháp. Đó gọi là viễn hành Vì Bồ tát dùng trí vô lượng địa đoạn chướng chứng chân. quán sát cảnh giới của chúng sanh, Không là tất cả pháp đều đều biết chắc chắn như thế, được trí không. huệ vô ngại, nói tất cả pháp cho Vô tướng là không thấy tướng mọi loài đều được lợi ích, chứng khác nhau nam, nữ ở thế gian. được trí chân như tự tại. Đó gọi là Vô nguyện là đối với ba cõi thiện huệ địa đoạn chướng chứng không hề mong cầu. chân. Tế tướng hiện hành là vì đối (Trí chân như tự tại là vì có với tất cả giáo pháp cùng một chân được chân như này, đối với bốn trí như, không có tướng phân biệt). vô ngại đã được tự tại). Tám, Bất động địa đoạn Mười, Pháp vân địa đoạn chướng chứng chân. chướng chứng chân. Vì Bồ tát không bỏ độ sanh, tu Vì Bồ tát dùng trí huệ

vô lượng, thêm đạo hạnh thanh tịnh, lìa tâm, quán sát hết Tam muội tức thì nên ý, thức chứng được vô sanh pháp được pháp lớn. Lấy Pháp thân làm nhẫn, không bị tất cả phiền não lay mây bao trùm tất cả chúng sanh, động, liền dứt chướng ngại vô đầy đủ tự tại, liền dứt trừ hết những tưởng trung tác gia hạnh, chứng pháp không tự tại, chứng được được chân như bất tăng bất giảm. nghiệp chân như tự tại. Đó gọi là Đó gọi là bất động địa đoạn chướng Pháp vân địa đoạn chướng chứng chứng chân. chân. (Tâm, ý, thức. Kinh nhập Lăng (Nghiệp chân như tự tại là vì tất già nói: Tâm có khả năng tích tụ cả nghiệp hoặc đều được giải thoát nghiệp; ý có khả năng tích chứa và cùng với lý chân như tương rộng rãi tập khí. ưng). Phân biệt chi ly gọi là thức. Sai biệt có ba mà chỉ một tâm. Vô sanh pháp nhẫn là vì tất cả THẬP ĐỊA KỲ THỪA các pháp, tánh vốn không sanh, (Hoa nghiêm kinh nhưng đối với pháp này nhẫn được là ấn chứng. sớ). Vô tướng trung tác gia hạnh là Thập địa ký thừa là vì Bồ tát vô tướng: Địa thứ bảy ở trên; vì ở Thập địa gởi gắm ở các thừa nhân, trong vô tướng mà gia công dụng thiên… tu tập tinh tấn lấy đó làm hạnh. nhân hạnh, để hiển bày quả phần Bất tăng bất giảm chân như là chứng được trí chân thật. Nguyên vì với chân như này không tùy theo nhân của ba địa Hoan hỉ, Phát tịnh nhiễm mà có tăng, giảm). quang, Ly cấu gởi gắm vào thiên, Chín, Thiện huệ địa đoạn nhân thừa ở thế gian; còn bốn địa chướng chứng chân. Diệm huệ, Nan thắng, Hiện tiền,

Viễn hành gởi gắm vào ba thừa (Câu sanh thân kiến là vì kiến xuất thế; chỉ có ba địa Bất động, hoặc và hình thù cùng sanh một Thiện huệ và Pháp vân vượt ra lượt, tức là lúc thác thai vào bụng ngoài thế gian và xuất thế gian, tức mẹ). là rõ ràng gởi gắm pháp Nhất thừa. Năm, Nan thắng địa ký A la Một, Hoan hỉ địa ký nhân thừa. hán thừa. Vì Bồ tát sơ địa hiểu rõ hạnh tu Tiếng Phạn là A la hán, tiếng bố thí, mà còn thị hiện sanh vào cõi Hoa là Vô học, cũng gọi là Vô đời làm vua, nên nói là Hoan hỉ địa sanh. gởi gắm cho nhân thừa. Vì Bồ tát ngũ địa, quán hạnh Hai, Ly cấu địa ký dục giới Tứ đế đã xong bằng với bốn quả A thiên thừa. la hán, nên gọi là nan thắng địa gởi Vì nhị địa Bồ tát, hiểu rõ hạnh gắm vào A la hán thừa. tu thập thiện mà còn thị hiện sanh ở Sáu, Hiện tiền địa ký Duyên cõi trời Dục giới làm vua, nên nói giác thừa. là Ly cấu địa gởi gắm cho thiên Duyên giác là do quán nhân thừa Dục giới. duyên mà giác ngộ được chân Ba, Phát quang địa ký Sắc giới, không. Vô sắc giới thiên thừa. Vì lục địa Bồ tát quán 12 nhân Vì tam địa Bồ tát hiểu rõ tu duyên sanh diệt, giống với Duyên hạnh bát thiền định, bằng với tứ giác nên nói rằng hiện tiền địa gởi thiên ở Sắc giới, tứ không xứ ở cõi gắm Duyên giác thừa. Vô sắc giới, nên nói là Pháp quang Bảy, Viễn hành địa ký Bồ tát địa gởi gắm vào thiên thừa ở cõi thừa. Sắc, cõi Vô sắc. Bồ tát là tiếng Phạn, gọi đủ là (Bát thiền định là sắc giới, vô Bồ đề tát đỏa, tiếng Hoa là Giác sắc giới mỗi thứ đều có bốn thiền hữu tình. định. Đó là sơ thiền, nhị thiền, tam Vì Bồ tát thất địa hiểu rõ và tu thiền, tứ thiền; tứ không là không tập 37 đạo phẩm Bồ đề, phương xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi phi tiện thiệp hữu, không bỏ độ sanh, tưởng xứ). giống với Bồ tát, nên gọi là viễn Bốn, Diệm huệ địa ký Tu đà hành địa ký Bồ tát thừa. hoàn thừa. (Thiệp hữu, hữu có nghĩa là Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, tiếng không quên nhân quả. Vì Bồ tát Hoa là Dự lưu. hòa nhập vào ba cõi giáo hóa chúng Vì tứ địa Bồ tát mới dứt trừ câu sanh). sanh thân kiến, đối chiếu 37 đạo Tám, Bất động địa ký hiển phẩm, thì bằng sơ quả Tu đà hoàn, Nhất thừa. nên gọi

là diệm huệ địa gởi gắm Tu Nhất thừa là Phật thừa. Vì Bồ đà hoàn thừa. tát bát địa vừa chứng được đức A hàm và không trụ trong đạo Niết

bàn mà bỏ hạnh đã tu để hợp với Tiếng Phạn là Diêm phù đề, thật lý, xa lìa hình tướng, ngôn ngữ tiếng Hoa là Thắng kim châu. vượt ra ngoài thế gian và xuất thế Vì Hoan hỉ địa Bồ tát tu hành gian. Đó là pháp Nhất thừa, nên gọi pháp môn sơ địa, thành tựu công là bất động địa ký hiểm Nhất thừa. đức to lớn, phần nhiều làm vua cõi (A hàm là tiếng Phạn, tiếng Diêm phù đề, hộ trì chánh pháp, Hoa là Vô tỉ). niệm Phật, Pháp, Tăng, bố thí rộng Chín, Thiện huệ địa ký hiển rãi, cấp dưỡng kẻ cô độc, dùng Nhất thừa. cháng pháp giáo hóa tất cả chúng Vì cửu địa Bồ tát dùng trí vô sanh, khiến cho tu các hạnh lành, lượng, quán sát vô số cảnh giới, thống lãnh cõi Diêm phù, nên gọi là thuyết pháp giáo hóa chúng sanh vua cõi Diêm phù đề. vượt ra ngoài thế và xuất thế gian. Hai, Chuyển luân thánh vương. Đó là Nhất thừa pháp, nên gọi là Vì Ly cấu địa Bồ tát tu hành nhị thiện huệ địa ký hiển Nhất thừa. địa pháp môn, thành tựu công đức, Mười, Pháp vân địa ký hiển phần nhiều làm chuyển luân thánh Nhất thừa. vương, làm đại pháp vương cai trị Vì Thập địa Bồ tát lấy pháp bốn thiên hạ, có sức tự tại, có khả thân làm mây bao trùm khắp chúng năng trừ sạch dơ bẩn do chúng sanh sanh, quán sát hiểu rõ, lãnh nhận phá giới, khéo dùng phương tiện chức vị vượt trội, ý nghiệp tự tại, làm cho ở trong thập thiện đạo một vượt ra ngoài thế và xuất thế gian. cách an ổn; làm đại thí chủ, giúp đỡ Đó là Nhất thừa pháp, nên gọi là khắp tất cả chúng sanh, niệm Phật, Pháp vân địa ký hiển Nhất thừa. Pháp, Tăng, đứng đầu trong đại (Chức vị vượt trội là ngôi vị chúng, nhận kim luân bảo thống Phật). lãnh bốn châu, nên gọi là Chuyển luân thánh vương. Ba, Đao lợi thiên vương. THẬP ĐỊA KÝ BÁO Tiếng Phạn là Đao lợi, tiếng (Hoa nghiêm kinh). Hoa là 33, tức vua trời Đế thích, ở trên đỉnh núi Tu di. Thập địa ký báo là vì Bồ tát Vì Phát quang địa Bồ tát, tu tập Thập địa có quả báo sanh làm các pháp môn tam địa, thành tựu công vua trời. Xưa Bồ tát Kim cang tạng đức lớn, phần nhiều làm chúa cõi vì mọi người nói pháp môn tu hành trời 33, dùng phương tiện lớn giáo của Thập địa Bồ tát tự lợi, lợi tha hóa các trời và chúng sanh, xả bỏ thành tựu công đức lớn, cảm quả tham dục, an ổn ở trong đường báo làm các vua trời có oai lực tự lành, nên gọi là Đao lợi thiên tại, dạy bảo chúng sanh, tu các vương. pháp lành. (Đế thích là tiếng Phạn, còn gọi Một, Diêm phù đề vương. là Thích đề hoàn nhân, tiếng Hoa là

Năng thiên chủ. Đế thích là cách tâm ngã mạn, nên gọi là Thiện hóa nói cả Hoa và Phạn). thiên vương. Bốn, Dạ ma thiên vương. Bảy, Tự tại thiên vương. Tiếng Phạn là Dạ ma, tiếng Hoa Vì Viễn hành địa Bồ tát tu tập là Thời phân, vì lúc nào cũng có pháp môn của thất địa, đầy đủ Bồ đờn ca vui vẻ. đề, công đức, đại nguyện, hầu hết Vì Diệm huệ địa Bồ tát tu hành làm vua trời tự tại, khéo vì chúng pháp môn địa thứ tư, đầy đủ công sanh nói pháp mình đã chứng được, đức, phần nhiều làm vua trời Dạ khiến cho chúng đi vào chánh pháp ma, giỏi dùng phương tiện trừ bỏ mà không thối lui, thống lãnh thiên mê lầm của chúng sanh, làm cho an chúng, khéo léo giáo hóa đều được trụ vào chánh kiến; những việc đã tự tại, nên nói là Tự tại thiên làm là niệm Phật, Pháp, Tăng, vương. thống lãnh thiên chúng, tùy theo Tám, Đại phạm thiên vương. hoàn cảnh mà hóa độ một cách Phạm là tiếng Phạn, gọi đủ là thích hợp, nên nói là vua trời Dạ Phạm ca di, tiếng Hoa là Tịnh thân. ma. Vì Bất động địa Bồ tát tu tập Năm, Đâu suất đà thiên

vương. pháp môn của bát địa, thành tựu Tiếng Phạn là Đâu suất đà, công đức lớn, hầu hết là làm trời tiếng Hoa là Tri túc, đối với ngũ đệ nhị thiền Đại phạm thiên, chủ dục có thể biết đủ. của 1000 thế giới, hay vì Thinh Vì Nan thắng địa Bồ tát tu tập văn, Bích chi khéo nói nghĩa lý, pháp môn của địa thứ năm, đầy đủ nhiệm mầu, vận dụng, tâm từ rộng công đức, phần nhiều làm vua trời lớn, phóng đại quang minh soi sáng Đâu suất đà, có khả năng thuần 1000 thế giới, khiến cho chúng phục ngoại đạo, tà kiến, khiến cho sanh được tự tại; nên gọi là Đại chúng sanh an trụ trong thật đế, phạm thiên vương. niệm Phật, Pháp, Tăng và thống (Bích chi là tiếng Phạn, gọi đủ lãnh thiên chúng, luôn nhớ đến tri là Bích chi ca la, tiếng Hoa là túc, nên gọi là Đâu suất đà thiên Duyên giác). cung. Chín, Đại phạm thiên vương. Sáu, Thiện hóa thiên vương. Vì Thiện huệ địa Bồ tát tu tập Vì Hiện tiền địa Bồ tát tu tập pháp môn của cửu địa được đại pháp môn của ngội vị thứ sáu, thần thông, hầu hết làm vua trời đệ thành tựu công đức, phần nhiều làm tam thiền Đại phạm thiên, chủ của vua trời Thiện hóa, tự tại trong mọi 2000 thế giới, hay vì Thinh văn, việc làm, tất cả chúng Thinh văn Duyên giác và Bồ tát phân biệt khó lường, không thể nào thối lui, rộng nói hạnh ba la mật; thân thống lãnh thiên chúng, giáo hóa phóng ra ánh sáng chiếu soi 2000 giỏi, khiến cho người khác trừ sạch thế giới, trừ hết tối tăm, mê muội,

đem lại lợi ích cho chúng sanh; nên nghi, xông tỏa hương thơm khắp gọi là Đại phạm thiên vương. mọi nơi, giống như Hương sơn Mười, Ma ê thủ la thiên vương. vương. Tiếng Phạn là Ma ê thủ la, tiếng Ba, Bề đà lê sơn vương. Hoa là Đại tự tại. Tiếng Phạn là Bề đà lê, tiếng Vì Pháp vân địa Bồ tát tu hành Hoa là Chúng chủng trì. pháp môn của Thập địa, đầy đủ đức Vì núi này toàn báu vật làm độ, phần nhiều làm vua trời đệ tứ thành, giữ gìn vô số báu vật, để ví thiền Ma ê thủ la, chủ của 3000 thế dụ Bồ tát ở địa Phát quang, có đủ giới, tự tại đối với các pháp, hay các pháp thiền định, thần thông, trao truyền cho Thinh văn, Độc giải thoát, Tam muội là của báu giác, tất cả Bồ tát đạo ba la mật, đáng quý, giống như núi chúa Bề dùng ánh sáng của chính mình, có đà lê. thể làm cho thân tâm của chúng Bốn, Thần tiên sơn vương. sanh trong sạch, mát mẻ đều được Vì ở trong núi này có nhiều an ổn; nên gọi là Ma ê thủ la thiên thần tiên ở, để ví dụ Bồ tát ở địa vương. Diệm huệ, vượt ra khỏi thế gian, được đại tự tại, giống như núi chúa Thần tiên. THẬP SƠN VƯƠNG Năm, Do càn đà sơn vương. (Hoa nghiêm kinh sớ). Tiếng Phạn là Do càn đà, tiếng Hoa là Trì song. Mười núi này đều gọi là (núi) Vì núi này do vật báu làm vua vì tất cả từ biển trồi lên, những thành, các vua Dạ xoa ở trong đó, núi cao còn lại gọi núi nhỏ, lấy làm để dụ cho Bồ tát ở địa Nan thắng, ví dụ việc tu hành của mười địa Bồ có thần thông như ý, khéo léo tự tát, cùng vào biển trí huệ của Như tại, giống như núi chúa Do càn đà. lai, vượt hẳn hạnh của Nhị thừa. Sáu, Mã nhĩ sơn vương. Một, Tuyết sơn vương. Vì núi này do vật báu làm nên, Vì ở trong núi này có đầy đủ tất cả các loại quả đều có trong núi thảo dược hay trị hết các bệnh, này, để ví dụ Bồ tát ở địa Hiện tiền, dùng không thể hết, lấy để ví dụ Bồ từ lý thể mà khởi lên diệu dụng để tát ở Hoan hỉ địa. Pháp dược của hướng dẫn chúng sanh chứng được bậc thánh trí sử dụng không cạn để quả Thinh văn, giống như núi chúa phá vô minh, vượt lên hạnh vị ở Mã nhĩ. trên, giống như Tuyết sơn vương. Bảy, Ni dân đà la sơn vương. Hai, Hương sơn vương. Tiếng Phạn là Ni dân đà la, Vì ở trong núi này tất cả hương

tiếng Hoa là Trì biện. thơm đều có đầy khắp để dụ Bồ tát Vì núi này do toàn vật báu làm ở Địa ly cấu với hương thơm nhiệm nên, long thần đại lực đều ở trong mầu của công đức về giới hạnh, oai núi này để dụ Bồ tát ở địa Viễn

hành, phương tiện, trí huệ giáo hóa (Bất cộng pháp vì pháp của chúng sanh tu chứng được quả Như lai so với pháp của Tam thừa Duyên giác, giống như núi chúa Ni rất khác nhau). dân đà la. Tám, Chước ca la sơn vương. Tiếng Phạn là Chước ca la, ĐẠI HẢI THẬP TƯỚNG tiếng Hoa là Luân vi. (Hoa nghiêm kinh Vì núi này kim cương bao bọc xung quanh, toàn là vật báu làm sớ). nên, các tiên tự tại đều ở trong đó, Vì sâu và rộng mà gọi là biển để ví dụ Bồ tát ở địa Bất động, vô để ví dụ trí của Như lai cũng sâu và công dụng đạo được tâm tự tại, rộng không có bờ bến, nên trong giáo hóa chúng Bồ tát, giống như kinh lấy mười tướng của biển để ví núi chúa Chước ca la. dụ mười hạnh tu của Bồ tát Thập (Vô công dụng đạo: Vô công địa, đi vào được biển trí huệ của dụng hạnh vì Bồ tát thuận tánh mà Phật. tu, tuy có nỗ lực, cố gắng mà có thể Một, Thứ đệ tiệm thâm. lìa xa các hành tướng). Vì dụ này cho hạnh tu của Bồ Chín, Kế đô mạt để sơn vương. tát Hoan hỉ địa, đi vào biển trí, tuần Tiếng Phạn là Kế đô mạt để, tự mà tiến và có khả năng thành tựu tiếng Hoa là Tràng huệ. đại nguyện. Vì núi này toàn do vật báu làm Hai, Bất thọ tử thi. nên, A tu la vương đại oai đức ở Vì dụ này cho hạnh tu của Bồ trong đó để dụ Bồ tát ở địa Thiện tát Ly cấu địa, đi vào biển trí của huệ, khéo thu phục chúng sanh, sức Phật, thu hoạch công đức thanh trí hành to lớn, giống như núi chúa tịnh, xa lìa các nhiễm ô, dơ bẩn. Kế đô mạt để. Ba, Dư thủy nhập thất bổn (Tiếng Phạn là A tu la, tiếng hạnh. Hoa là Vô đoan chánh: dung mạo Ví dụ này cho hạnh tu của Bồ xấu xí). tát Phát quang địa, đi vào biển trí Mười, Tu di sơn vương. huệ của Phật, thu hoạch công đức Tiếng Phạn là Tu di lô, tiếng bình đẳng, lìa bỏ giả danh ở thế Hoa là Diệu cao. gian. Vì núi này toàn vật báu làm Bốn, Phổ đồng nhất vị. nên, trời Đại oai đức ở trong ấy, để Ví dụ này cho hạnh tu của Bồ ví dụ Bồ tát ở địa Pháp vân, đầy đủ tát diệm huệ địa, đi vào biển trí huệ Như lai lực, thành tựu vô úy, dùng của Phật, thu hoạch công đức vô sai pháp bất cộng vì mọi người mà biệt, cùng thể tướng với Phật. tuyên thuyết có tài vấn, đáp giỏi Năm, Vô lượng trân bảo. giống như núi chúa Tu di lô. Ví dụ này cho hạnh tu của Bồ tát Nan thắng địa, đi vào biển trí

huệ của Phật, thu hoạch phương tiện to lớn vô lượng, đem đến lợi ích cho chúng sanh. THÔNG GIÁO THẬP Sáu, Vô năng chí để. ĐỊA Ví dụ này cho hạnh tu của Bồ (Thiên thai tứ giáo tát Hiện tiền địa, đi vào biển trí huệ của Phật, thu hoạch được công đức nghi). thâm sâu, làm lợi ích vô cùng, tận Thông giáo là một trong bốn cho chúng sanh. giáo của tông Thiên thai. Bảy, Quảng đại vô lượng. Trước thông Tạng giáo, sau Ví dụ này cho hạnh tu của Bồ thông Biệt giáo, Viên giáo, nên gọi tát Viễn hành địa, đi vào biển trí là thông. huệ của Phật, thu hoạch được công Một, Càn huệ địa. đức vô lượng, bằng trí huệ giác ngộ Vì tâm của hàng Tam thừa còn to lớn quán sát các pháp không có ở lý ngoài, chưa được lý chân cùng tận. không thấm nhuần, nên gọi là Càn Tám, Đại thân sở cư. huệ địa. Đại thân tức là loại cá to. Ví dụ (Tam thừa là Thinh văn, Duyên này cho Bồ tát Bất động địa, tu vô giác, Bồ tát. Ở lý ngoài là tâm ở công dụng hạnh, đi vào biển trí huệ ngoài lý). của Phật, thu hoạch tất cả công Hai, Tánh địa. đức, bằng thân vô lượng, biểu hiện Vì hàng Tam thừa, tuy ở nội trang nghiêm to lớn. phàm vị, đối với lý

pháp tánh chân (Vô công dụng hạnh là tuy gắng không vô lậu, tâm có phần hiểu sức tu hành, nhưng vì thuận tánh thấu, nên gọi là tánh địa. mà tu, nên tướng tu dường như (Nội phàm vị là tâm ở trong lý không thấy). mà chưa chứng được. Chín, Triều bất quá hạn. Vô lậu là dứt hết kiến hoặc và Ví dụ này cho hạnh tu của Bồ tư hoặc nên không ở trong ba cõi tát Thiện huệ địa, đi vào biển trí sanh tử). huệ của Phật, thu hoạch công đức Ba, Nhập nhân địa. do cứu độ thế gian, đem lợi ích cho Vì hàng Tam thừa đã thể nhập thế gian, tùy căn cơ trao truyền được kiến hoặc trong ba cõi vốn chánh pháp một cách đúng đắn. không, luôn ở trong chánh định, Mười, Phổ thọ đại vũ. thâm nhập vào tám pháp nhẫn đầy Ví dụ này cho hạnh tu của Bồ đủ. tát Pháp vân địa, đi vào biển trí huệ Chỉ quán nói: Nhân là nhẫn của Phật, thu hoạch và giúp đỡ thế (chịu đựng), nên gọi là nhập nhân gian bằng công đức, có khả năng địa (đi vào cõi người). lãnh thọ đại pháp vũ của Như lai Bốn, Kiến địa. mà không biết chán.

Vì hàng Tam thừa đều hiểu lý Tiếng Phạn là Bích chi, nói đủ đệ nhất nghĩa vô sanh Tứ đế, nên là Bích chi ca la, tiếng Hoa là gọi là Kiến địa. Duyên giác. (Đệ nhất nghĩa là chân đế và Vì hàng Duyên giác phát sanh tục đế không hai. vô lậu chân thật, sức mạnh của Vô sanh là hiểu tất cả pháp đều công đức to lớn, phước huệ sâu không sanh). rộng, có thể trừ dần tập khí của Năm, Bạc địa. kiến hoặc, tư hoặc; nên gọi là Bích Vì hàng Tam thừa dứt hết sáu chi Phật. phẩm tư hoặc ở cõi Dục. Mê lầm ở Chín, Bồ Tát địa. cõi Dục nhẹ bớt đi, hiểu được lý Tiếng Phạn là Bồ tát, nói đủ là chân đế, nên gọi là Bạc địa. Bồ đề tát đỏa, tiếng Hoa là Giác (sáu phẩm là vì tư hoặc ở Dục hữu tình. giới chia ra làm chín phẩm. Đây là Vì Bồ tát từ không đi vào giả, nói sáu phẩm đầu. quán kỹ hai đế chân và tục, dần dứt Tứ hoặc là sự tham ái của năm trừ kiến, tư tập khí và trần sa hoặc, căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đối với chứng được pháp nhãn thanh tịnh, năm trần sắc, thinh, hương, vị, xúc. thành tựu đạo chủng trí; nên gọi là Kiến hoặc sự phân biệt của ý Bồ tát địa. căn đối với pháp trần). (Từ không đi vào giả là Bồ tát Sáu, Ly dục địa. từ Niết bàn đi vào sanh tử để giáo Vì hàng Tam thừa dứt hết ba hóa chúng sanh, thị hiện cùng với phẩm tư hoặc sau ở cõi Dục, tức xa sanh tử, nên gọi là giả. lìa sanh tử ở cõi Dục; nên gọi là Ly Chân đế là quên hết tất cả pháp. dục địa. Tục đế là kiến lập tất cả pháp. Bảy, Dĩ biện địa. Trần sa hoặc là vì tư hoặc và Vì hàng Tam thừa đã dứt hết tư kiến hoạc của chúng sanh, số loại hoặc ở Sắc giới và Vô sắc giới, của nó nhiều, giống như bụi, như phát sanh vô lậu thật sự, trí đoạn cát. hoặc đã hết, công đoạn hoặc đã Pháp nhãn thanh tịnh là mắt của xong, nên gọi là Dĩ biện địa. Bồ tát quán sát tất cả pháp mà (Vô lậu thật sự là quả thứ bốn không thấy ô uế, trở ngại. A la hán đã chứng được. Các quả Đạo chủng trí là Bồ tát giáo hóa trước tuy có chứng được nhưng kẻ khác, bằng tất cả các phương sanh, tử vẫn chưa dứt hết, nên chưa pháp để khơi mở hạt giống lành của gọi là chân (thật sự). chúng sanh). Trí đoạn công tất là trí huệ phá Mười, Phật địa. hoặc, đoạn là hoặc nghiệp dứt trừ. Tiếng Phạn là Phật, nói đủ là Nhờ trí này nên công năng dứt trừ Phật đà, tiếng Hoa là Giác. hoặc đã xong). Vì Phật có công đức lớn, được Tám, Bích chi Phật địa. nuôi dưỡng bằng trí huệ tương ưng

trong từng niệm, quán chân đế rốt Tiếng Phạn là Tu Bồ đề, tiếng ráo, tập khí cũng rốt ráo, quả giác Hoa là Thiện cát, cũng gọi là ngộ viên mãn; nên gọi là Phật địa. Không sanh. Ngày sanh của Ngài, của báu chứa trong nhà đều trống rổng, cha, mẹ của Ngài

lấy làm lạ THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ và sợ hãi, mời thầy tướng đến xem (Phiên tập danh quẻ và nói rằng: đây là tướng tốt (điềm tốt), nhân đó đặt tên là Thiện nghĩa). cát, cũng gọi là Không sanh. Bẩm Một, Ma ha Ca diếp thượng tánh thông huệ, Ngài xuất gia, liễu hạnh đệ nhất. ngộ lý không mà đắc đạo, nên gọi Tiếng Phạn là Ma ha Ca diếp, Thông đạt lý không số một. tiếng Hoa là Đại quy thị. Tổ tiên Năm, Phú lâu na thuyết pháp đời trước của Ngài học đạo thì có đệ nhất. con linh quy đội trên lưng bức tiên Tiếng Phạn là Phú lâu na, tiếng đồ báo ứng, nên lấy họ là Đại quy. Hoa là Mãn nguyện. Cha Ngài cầu Ngài tu hạnh đầu đà số một, nên đảo Phạm thiên xin có con ở sông gọi là thượng hạnh đệ nhất. Mãn. Gặp lúc sông ấy nước dâng (Tiếng Phạn là Đầu đà, tiếng đầy, lại mộng bảy báu chứa đầy Hoa là Đẩu tẩu, rủ bỏ). trong ấy thì thấy thần thức của Hai, A nan đà đa văn đệ nhất. Ngài vào bụng mẹ, mong muốn của Tiếng Phạn là A nan đà, tiếng cha đã toại, nên gọi là Mãn nguyện. Hoa là Khánh hỷ. Khi Phật thành Trong hàng đệ tử của Phật, Ngài là đạo thì vua Hộc phạn sai sứ đến, vị nói pháp giỏi, nên gọi là Nói thưa vua Tịnh phạn rằng: Em sanh pháp số một. được một cháu trai. Tịnh phạn nghe Sáu, Mục kiền liên thần thông điều ấy vui mừng và nói với sứ giả đệ nhất. rằng nên đặt tên cho cháu là Khánh Tiếng Phạn là Mục kiền liên, hỷ. Khánh hỷ sau theo Phật xuất Tiếng Hoa là Hồ đậu. Đời xưa có gia, có khả năng giữ gìn Tam tạng tiên nhân thích ăn đậu này và lấy giáo lý, nên gọi là Đa văn đệ nhất. nó làm họ. Mục kiền liên là họ vậy. Ba, Xá lợi phất trí huệ đệ nhất. Dựa theo họ đặt tên nên có hiệu là Tiếng Phạn là Xá lợi phất, tiếng Mục kiền liên. Trong hàng đệ tử Hoa là Thu tử. Mắt của mẹ Ngài của Phật, chứng được thần thông, giống như mắt chim Thu lộ, theo nên gọi là Thần thông số một. đó mà đặt tên như vậy. Ngài hiểu Bảy, Ca chiên diên luận nghĩa rõ các pháp nên gọi là Trí huệ thứ đệ nhất. nhất. Tiếng Phạn là Ca chiên diên, Bốn, Tu Bồ đề giải không đệ tiếng Hoa là Bất không. nhất. Thầy La thập nói: thuộc họ Bà la môn, ở Nam thiên trúc, luận nghị

rất giỏi, nên gọi Ngài là Nghị luận hạnh nguyện, làm đại pháp sư, giỏi số một. giữ gìn, bảo vệ pháp tạng của Như Tám, A na luật, tiếng Hoa là lai, bằng vô lượng trí huệ, biện tài Vô diệt. Ngày xưa nhờ nhân bố thí hay cùng đại chúng diễn thuyết các thức ăn, được sanh lên làm trời, pháp, làm cho chúng sanh được an làm người hưởng thọ vui thú, đến vui lớn, có đủ mười đức này gọi là nay chưa hết, nên gọi là Vô diệt. pháp sư. Ngài chứng được thiên nhãn thông Một, Thiện tri pháp nghĩa. chỉ đứng sau Phật, nên trong hàng Thiện tri pháp nghĩa là vì Bồ tát đệ tử, Ngài được gọi là Thiên nhãn có trí vô ngại, giỏi biết các ý nghĩa số một. khác nhau chứa trong câu trong Chín, Ưu ba ly trì giới đệ nhất. chữ. Tiếng Phạn là Ưu ba ly, tiếng Hai, Năng quảng tuyên thuyết. Hoa là Thượng thủ, hoặc gọi là Cận Năng quảng tuyên thuyết là vì chấp. Khi Phật còn là thái tử, ông là Bồ tát dùng trí huệ rộng nói pháp vi bề tôi thường gần gũi, giúp đỡ mọi diệu của Phật cho tất cả chúng sanh việc. Khi xuất gia giữ gìn giới luật nghe. tinh chuyên, làm kỷ cương trong Ba, Xử chúng vô úy. chúng tăng, nên gọi là Trì giới số Xử chúng vô úy là vì Bồ tát ở một. trong chúng hội, giỏi nói pháp yếu, Mười, La hầu la mật hạnh đệ tùy theo sự thắc mắc của người nhất. khác, trả lời thỏa đáng, không hề sợ Tiếng Phạn là La hầu la, tiếng sệt. Hoa là Cung sanh, là con của Phật. Bốn, Vô đoạn biện tài. Khi Phật xuất gia, lấy tay chỉ vào Vô đoạn biện tài là vì Bồ tát bụng vợ, nhân đó mà có thai. Khi biện tài vô ngại, nói tất cả pháp trải Phật xuất gia rồi, ông sanh ra ở qua vô lượng kiếp

không chút gián trong cung, nên gọi là Cung sanh. đoạn. Trong hàng đệ tử của Phật, ông tu Năm, Xảo phương tiện thuyết. mật hạnh, nên gọi là Mật hạnh số Xảo phương tiện thuyết là vì một. Bồ tát bằng phương tiện khéo léo, (Mật hạnh là việc làm bí mật, tùy theo căn cơ nói tất cả pháp môn con người không thể biết được). Đại thừa hay Tiểu thừa, làm cho người khác thấu hiểu chánh pháp. PHÁ SƯ THẬP ĐỨC Sáu, Pháp tùy pháp hành. (Hoa nghiêm kinh Pháp tùy pháp hành là vì Bồ tát nói pháp khiến cho tất cả chúng sớ). sanh nghe và làm theo các hạnh tối Trong phẩm thứ mười của kinh thắng. Hoa nghiêm, Bồ tát Thiện huệ ở địa Bảy, Oai nghi cụ túc. thứ chín, tu tập tất cả công đức,

Oai nghi cụ túc là vì Bồ tát, tu hành và tu tập đúng với lý, thì trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, mới có thể mang chánh pháp và ngồi thật đáng kính đáng nể. Có oai chứng được Bồ đề, như đệ tử của nghi thì đúng pháp tắc, nên đối với Phật là Ca chiên diên giỏi giảng giới luật, không sai phạm. giải ý nghĩa của khế kinh vậy. Tám, Dũng mãnh tinh tấn. Ba, Tập thiền. Dũng mãnh tinh tấn là vì Bồ tát Thiền là tiếng Phạn gọi đủ là phát tâm dũng mãnh, siêng năng tu Thiền na, tiếng Hoa là Tịnh lự. tập tất cả pháp lành, dạy bảo chúng Vì con người từ vô thủy đến sanh, không có thối lui. nay, chạy theo lầm lạc, mê mờ chân Chín, Thân tâm vô nguyện. tánh nên khởi lên sai lầm và tạo ra Thân tâm vô nguyện là vì Bồ các nghiệp, xoay vần chìm nổi tát nghiêm túc thân tâm, tu tập các trong khổ đau, sống chết. Nếu có hạnh tối thắng, luôn khởi tâm từ khả năng dứt tâm lăng xăn, ngưng giáo hóa chúng sanh, không có lười hết lo nghĩ, tu tập thiền định một biếng, mỏi mệt. ngày kia ánh sáng trí huệ phát sanh Mười, Thành tựu nhẫn lực. thì vọng chấm dứt, chân hiển bày Thành tựu nhẫn lực là vì Bồ tát và trở về với cội nguồn. tu tập tất cả hạnh nhẫn nhục, thành Bốn, Minh luật. tựu được sức vô sanh pháp nhẫn. Minh luật là hiểu rõ luật pháp (Vô sanh pháp nhẫn là vì tất cả của Phật chế ra, ngăn ngừa sai trái, pháp, xưa nay không sanh, ở trong lỗi lầm, rèn luyện ba nghiệp thân, pháp này mà nhận được thì có thể miệng ý. ấn chứng). Vì người tu hành phải am tường các tướng trì, phạm của giới luật, THẬP KHOA quyết chí giữ gìn và bảo vệ, không (Tục cao tăng truyện). để sai phạm thì có thể bỏ ác làm lành, xa lìa đường dữ, sanh vào Một, Phiên dịch. đường lành. Phiên dịch là tiếng Phạn đổi Năm, Cảm thông. thành tiếng Hoa (phiên); dịch là ý Cảm thông là thần diệu không nói biến đổi; nghĩa là dùng tiếng lường được, có cảm thì có ứng. Hoa đổi tiếng Phạn, để cho giáo Vì người tu hành đã chứng đạo pháp của Phật lưu thông rộng rải quả, ở trong tánh đã sáng, không trên đất Trung hoa; giống như Ngài cảm thì không thông. Trí luận nói: Ma đằng khi mới tới nhà Hán thì Thông có bốn nghĩa: 1) Thân có thể dịch kinh Tứ thập nhị chương vậy. bay được; 2) Dời vật ở xa lại gần; Hai, Giải nghĩa. 3) Biến mất ở đây hiện ra ở nơi kia; Giải nghĩa là giảng giải rõ ràng 4) Trong một niệm đã đến nơi, nghĩa lý sâu xa các pháp do Phật giống như Vạn hồi ở đời Đường và nói. Bởi nương vào giảng giải mà thiền sư Nguyên khuê đó vậy.

(Anh của Vạn hồi đi lính biên Tịch diệt vi lạc. phòng ở Tây an, lâu ngày không có Người Bà la môn nghe xong bài tin tức, mẹ ở nhà lo, Hồi sáng ra đi kệ, ghi chép lên thân cây và đá tảng chiều về đến nhà, cầm thư của anh xong, leo lên cây cao nhảy xuống báo cho biết là bình an, vô sự. Đi tự vẫn để bố thí thân xác của mình và về hàng ngàn dặm,

nên gọi là cho La sát, đúng như đã hứa. Vạn hồi. Truyền đăng lục nói rằng: Thầy Khi thiền sư Nguyên khuê ở Đạt ma khi ở chùa Thiếu thất, Thần Tung sơn hay, truyền ngũ giới cho quang đêm ngày cầu pháp của thầy. sơn thần, vì cảm ân đức sơn thần Thầy nói: Đạo nhiệm mầu của dùng thần lực di chuyển cây cối ở chư Phật nhiều kiếp siêng năng, há núi phía bắc đem chồng ở núi phía trí nông cạn tâm xem thường mà đông để làm bức bình phong nơi ở muốn được chân thừa sao? Quang của thiền sư mà tạ ân). liền lấy dao chặt đứt cánh tay dâng Sáu, Di thân. lên trước mặt thầy. Thầy hứa và đổi Di thân là trọng pháp mà quên tên Thần quang thành Huệ khả. thân mình, phát tâm dũng mãnh, ra Khả nói: Tâm con chưa an, xin sức siêng năng, chỉ cần phật đạo, thầy an cho con. nên bỏ thân mạng coi như không Thầy nói: Đem tâm đến đây ta có. Giống như kiếp trước Thế tôn an cho ngươi. bỏ thân cầu nửa bài kệ, tổ Thần Khả nói: Con tìm tâm không ra. quang chặt tay cầu Đạt ma ấn tâm. Thầy nói: Ta đã an tâm cho (Kinh Niết bàn nói: Ngày xưa, ngươi rồi. khi Phật còn làm một Bà la môn tu Bảy, Độc tụng. hành trong núi Tuyết. Thích đề Xem chữ gọi là đọc. Không Hoàn nhân biến ra thành La sát và xem chữ mà đọc gọi là tụng. nói rằng Phật ở thời quá khứ có nói Vì một tạng giáo lý vĩ đại, Phật bài kệ rằng: Chư hành vô thường; tổ đã nói hết lời, nếu có người đọc, thị sanh diệt pháp. tụng, thọ trì có thể tội diệt phước Bà la môn nghe hai câu kệ ấy, sanh, hoặc nhờ ngôn ngữ mà ngộ tâm rất vui mừng và nói với La sát nhập được ý chỉ và đất tâm được rằng: Ngươi nói bài kệ ấy còn mở mang, sáng tỏ, trí huệ được thiếu, xin nói đầy đủ cho. hiển bày. La sát trả lời: Tôi đói quá Tám, Hộ pháp. không thể nói nổi, nếu được ăn thịt Hộ pháp là giáo pháp đức Phật và uống máu nóng của ông thì tôi nói ra phải được con người truyền mới có thể nói hết bài kệ được. Bà bá và bảo vệ, nên Như lai ở trên hội la môn đồng ý với đề nghị của La Linh sơn phó thác cho các quốc sát. La sát liền nói nữa bài kệ còn vương, đại thần hộ trì Phật pháp. lại, như sau: Còn những người xuất gia theo Sanh diệt diệt dĩ; Phật càng nỗ lực, siêng năng trở

thành con thuyền độ thế, vượt qua Tiếng Phạn là Bổ đặc già la, biển trầm luân để hộ trì Phật pháp tiếng Hoa là Hữu tình, còn gọi là có mặt trên cuộc đời thật lâu. nhân (người). Chín, Hưng phước. Phật vì loài hữu tình, tội nghiệp Hưng là tạo ra phước lợi, tu tập sâu nặng, sanh tử luân hồi, khó không phải chỉ có một đời. Như lai được thân người, nên mới nói mười nhiều kiếp tu khổ hạnh, tu cả phước loại khác nhau. và huệ, xưng là bậc đầy đủ cả hai. Một, Bất chủng thiện căn. Mười khoa này, từ thứ tám trở Vì các loài hữu tình, ở đời trước về trước, phần nhiều đề cập đến tu và đời hiện tại, không trồng căn huệ. Đến thứ chín thì đề cập tu lành Bồ đề mà chỉ làm việc ác, nên phước; nên người tu hành, nên tu luân hồi trong sáu nẽo. tập tám ruộng phước, cho đến viết Hai, Vị tu phước nghiệp. kinh, tạo tượng. Hễ cái gì có lợi Vì các loài hữu tình, ở đời trước cho mọi người thì không sợ gian và đời hiện tại, chưa từng tu tập các lao cực khổ, cố gắng thực hành cho nghiệp lành bố thí, trì giới mà còn bằng được. Phước đức từ đó mà làm nhiều việc ác, nên luân hồi phát khởi lên. trong sáu nẻo. (tám ruộng phước là làm Ba, Tạp nhiễm tương tục. đường, đào giếng, xây dựng cầu Vì các loài hữu tình, ở đời trước cống, sửa sang chỗ lưu thông nguy và đời hiện tại, bị các tạp loạn hiểm, hiếu dưỡng cha mẹ, cung tham, sân, si,... làm cho nhiễm ô kính Tam bảo, giúp đỡ người bệnh, liên tục không ngừng. Do ác hạnh giúp đỡ người nghèo nàn, thiết lập này, nên luân hồi sáu nẻo.

hội vô già: Bố thí cả pháp và tiền Bốn, Tùy ác hữu hành. của). Vì các loài hữu tình, ở đời trước Mười, Tạp khoa. và đời hiện tại, bắt chước bạn ác Vì chín khoa trước, mỗi khoa tập tành theo các việc ác, nên luân đề cập một vấn đề. Đến khoa này hồi trong sáu nẻo. thì tu tập luân cả chín khoa trước, Năm, Bất úy hậu thế khổ quả. dựa vào kinh thư của thế gian, nắm Vì loài hữu tình, ở đời hiện tại, vững ngôn ngữ, lễ nhạc, văn chỉ tại nghiệp ác, không sợ quả báo chương, chế độ, điển cố tất cả đều khổ đau ở đời sau. Do ác hạnh này thông suốt. nên luân hồi trong sáu nẻo. Sáu, Mãnh lợi tham dục. THẬP CHỦNG BỔ ĐẶC Vì loài hữu tình không biết các GIÀ LA ham muốn ở thế gian, đó là cái gốc (Địa tạng thập của bao nhiêu khổ đau, mà chi háo hức tham cầu, không biết đủ. Do luận kinh). hạnh ác này nên luân hồi trong sáu nẻo.

Bảy, Mãnh lợi sân khuể. Đại phú là của báu dồi dào, nhu Vì loài hữu tình, đối với tất cả cầu đầy đủ. cảnh trái ngược ở thế gian, không Bốn, Oai mãnh. thể ôm lòng chịu đựng mà chỉ nổi Oai mãnh là oai nghiêm, trọng nóng giận dữ, không biết ngăn thị được mọi người kính nể. chặn. Do ác hạnh này nên luân hồi Năm, Trí thâm. trong sáu nẻo. Trí thâm là suy nghĩ sâu xa, Tám, Mãnh lợi ngu si. siêu việt hơn mọi người, mưu toan Vì loài hữu tình, không hiểu rõ chính xác. đối với cảnh mê lầm, nên nổi lên tà Sáu, Niên kỳ. kiến, xem thường chánh pháp. Do Niên kỳ là tuổi cao được kính hạnh ác này, nên luân hồi trong sáu trọng làm khuôn thước cho mọi nẻo. người, ai cũng kinh trọng. Chín, Kỳ tâm mê loạn. Bảy, Hạnh tịnh. Vì loài hữu tình, không làm chủ Hạnh tịnh là tự mình tuân thủ tâm được, mê lầm cuồng loạn, luật lệ cho chính mình, thanh liêm, buông thân, miệng, ý làm các công bằng, trong sạch, nói cũng nghiệp ác. Do ác hạnh này, nên như làm, không có chút nào khuyết luân hồi trong sáu nẻo. điểm. Mười, Thủ ác tà kiến. Tám, Lễ bị. Vì loài hữu tình không tin Lễ bị là oai nghi đúng mức, đời chánh giáo của Như lai, chấp chặt lấy đó làm khuôn mẫu chiêm tà kiến của ngoại đạo. Do hạnh ác ngưỡng. này, luân hồi trong sáu nẻo. Chín, Thượng thán. Thượng thán là tài năng và TRƯỞNG GIẢ THẬP phước đức đầy đủ, lời nói, việc làm ĐỨC có thể làm quy tắc, được bậc (Phiên dịch danh trưởng thượng kheo ngợi. Mười, Hạ quy. nghĩa). Hạ quy là đối xử với mình thì Một, Quý tánh. khiêm cung, dạy bảo chúng thì Quý tánh là dòng họ tôn quý. khoan hòa nên người ở dưới đều Đời gọi là dòng tộc phiệt duyệt: muốn quay về. dòng họ danh giá. Hai, Vị cao. BỒ TÁT THẬP THÍ Vị cao là ở ngôi khanh tướng (Hoa nghiêm kinh). cận kề bên vua trong việc trị nước, là bậc trưởng thượng đứng trên cả Một, Phần giảm thí. trăm người. Vì Bồ tát nhân từ, ưa bố thí Ba, Đại phú. rộng rãi, nên nếu có thức ăn ngon thì phân chia cho chúng sanh rồi

mình mới ăn. Lại nghĩ rằng trong nghèo khổ tất cả của cải có được thân có tám vạn vi trùng, mong mà không chút hối tiếc. Đó gọi là chúng được no đủ; bất cứ thọ nhận ngoại thí. thứ gì, Bồ tát cũng đều làm y như Năm, Nội ngoại thí. vậy, nên gọi là phần giảm thí. Vì hình tướng của Bồ tát đoan Hai, Kiệt tận thí. chánh, ở ngôi vị Luân vương; hoặc Vì Bồ tát có được đầy đủ thức có người nói: ngôi vị luân vương ăn uống, y phục, nếu có người nói: này muốn bỏ để cho tôi, kể cả đem Ngài cho tôi tất cả những gì đang thân thể khỏe mạnh làm tôi tớ cho có. Bồ tát tự nghĩ nên đáp ứng tôi. Bồ tát suy nghĩ nói rằng thân ta những lợi ích cho chúng sanh, nên ngồi trên ngai vàng rồi cũng đều vô đem tất cả những gì có được cho thường, bèn đem bố thí, cho đến hết, cho đến thân

mạng, cũng chính mình siêng năng cung kính không tiếc rẻ. Đó gọi là kiệt tận thí. phục dịch mà tâm không chút hối Ba, Nội thí. tiếc. Đó gọi là nội, ngoại thí. Vì Bồ tát ở tuổi thiếu niên sung Sáu, Nhất thiết thí. mãn đoan chánh đẹp tươi, sớm Vì thân thể của Bồ tát tráng nhận vương vị chuyển luân, đầy đủ kiện, tươi đẹp, ở ngôi Luân vương; bảy báu, làm vua trong bốn châu hoặc có vô số người nghèo khổ nói thiên hạ; hoặc có người nói: Nay ta rằng Đại vương thương xót, theo sự già yếu, cô độc gầy còm; hoặc mong cầu của từng người, hoặc xin được thân hình to lớn, vạm vở khỏe lãnh thổ, hoặc xin vợ con, hoặc xin mạnh. Bồ tát suy tư và nói rằng về chân tay, máu thịt, gan não. Bồ tát sau, ta cũng phải chết, nên nay bố suy niệm: tất cả ân ái, hội họp rồi thí nó đi để cứu giúp chúng sanh cũng chia ly, liền đem tất cả bố thí mà tâm không hối tiếc. Đó gọi là hết cho mà tâm không ân hận. Đó nội thí. gọi là nhất thiết trí. (bảy báu là kim luân, cám mã: Bảy, Quá khứ thí. ngựa màu đỏ tía, thần châu, ngọc Vì Bồ tát nghe được công đức nữ, điển tài, chủ binh, bạch tượng). của chư Phật, Bồ tát ở thời quá Bốn, Ngoại thí. khứ, không tham lam, không vướng Vì Bồ tát, ở tuổi thanh niên, sắc mắc, thấy các pháp như mộng ảo, vóc tươi đẹp, khỏe mạnh, tướng tốt chỉ vì giáo hóa những chúng sanh đầy đủ bắt đầu lãnh thọ ngôi vị chấp trước, am hiểu, hành trì Phật chuyển luân vương, thất bảo không pháp đến kết quả, mà mới nói ra. thiếu; hoặc có người nói tôi nay Quán sát pháp ở thời quá khứ đều khổ cực, xin nhân từ thương xót, bố không thể được, nên buông hết tất thí cho tôi. Bồ tát suy tư nói rằng cả. Đó gọi là quá khứ thí. vinh hoa phú quý rồi cũng suy tàn, Tám, Vị lai thí. ta nên đáp ứng theo ý mong cầu Vì Bồ tát nghe được hạnh tu của người ấy, liền bố thí cho người của chư Phật ở tương lai, thấu rõ

chẳng phải là có thật nên không lấy BỐ THÍ THẬP CHỦNG căn lành của mình hồi hướng về LỢI ÍCH những vị ấy, cũng không vì những (Nguyệt đăng vị ấy mà thối lui căn lành của mình, luôn siêng tu hành, dạy bảo chúng Tam muội kinh). sanh. Quán sát pháp ở vị lai đều Bố thí là bước đầu tiên phá bỏ không thể được, nên buông hết tất tham lam, keo kiệt, là cửa đầu tiên cả. Đó gọi là vị lai thí. đi vào chánh đạo. Bồ tát hay làm Chín, Hiện tại thí. việc này, nên được mười thứ lợi Vì Bồ tát nghe được đầy đủ ích. công đức của các vị trời Tứ thiên Một, Hàng phục xan lận. vương, trời Đao lợi, cho đến các Vì người tu hạnh Bồ tát, nếu trời Sắc cứu cánh, Thinh văn, hay bố thí thì khinh thường tâm keo Duyên giác. Nghe xong mà không kiệt, luyến tiếc, và những tâm ấy bị bị mê hoặc, chỉ quán các hạnh như khuất phục, không phục hồi lại mộng ảo, không có thật, không được. sanh tâm tham trước, chỉ làm cho Hai, Xã tâm tương tục. chúng sanh xa lìa đường ác, theo Vì người tu hạnh Bồ tát, thực chánh đạo tu hành, thành tựu Phật hành bố thí, tiền của tuy có thiếu pháp. Đó gọi là hiện tại thí. thốn, nhưng tâm hỉ xả không bao (Sắc cứu cánh thiên là trời thứ giờ gián đoạn. 18 ở cõi Sắc) Ba, Đồng kỳ tư sản. Mười, Cứu cánh thí. Vì người tu hạnh Bồ tát, có tâm Vì Bồ tát thấy vô lượng chúng bố thí vô lượng, quán các chúng sanh không có mắt, tai, mũi, lưỡi, sanh cùng với mình không khác, chân tay đến nói rằng thân tôi vô những của cải có được đều sử dụng phước, các căn không đủ, xin chút bình đẳng không có phân biệt. lòng nhân từ, buông bỏ những gì Bốn, Sanh hào phú gia. đang có của mình. Bồ tát nghe Vì người tu hạnh Bồ tát, đối với xong, liền bố thí các căn của minh tất cả tiền của, thường thực hành bố cho những người bạc phước ấy. thí, tâm không bỏn xẻn, thì quả báo Dẫu

có trải qua A tăng kỳ kiếp về sau, phải sanh vào nhà giàu có, cũng không sanh tâm hối tiếc, mà của báu đầy đủ thọ dụng không hết. chỉ nghĩ rằng thân này mỏng manh Năm, Sanh xứ thí tâm hiện tiền. đâu có bền chắc, nên bố thí đi để Vì người tu hạnh Bồ tát, đời mong được thành tựu thân trí huệ này đã có khả năng tu hạnh bố thí, thanh tịnh. Đó gọi là cứu cánh thí. thì theo đó sẽ cảm thọ được chỗ (Tiếng Phạn là A tăng kỳ kiếp, sanh ở đời sau và người khác sẽ bố tiếng Hoa là Vô số thời: Thời gian thí lại cho mình mà tâm không chút dài không có số đếm được). keo kiệt. Sáu, Tứ chúng ái lạc.

Vì người tu hạnh Bồ tát thường, tịnh. Đó gọi là mười giới của Bồ nuôi lòng bố thí rộng rãi, không tát. bủn xỉn, ghen ghét nên tâm của bốn Một, Phổ nhiêu ích giới. chúng thường sanh mến yêu, vui vẻ Vì Bồ tát thọ trì giới pháp thanh và không có ngờ vực, hận thù. tịnh, là vì lợi ích cho tất cả chúng Bảy, Nhập chúng bất khiếp. sanh rộng lớn. Vì người tu hạnh Bồ tát đã hay Hai, Bất thọ giới. bố thí, lại được bốn chúng kính Vì Bồ tát không thọ giới của mến, nên khi đi vào trong đại ngoại đạo, chỉ bản thân siêng năng, chúng tự mình không sợ sệt. cung kính giữ giới pháp bình đẳng, Tám, Thắng danh lưu bố. thanh tịnh của chư Phật. Vì người tu hạnh bố thí không Ba, Bất trụ giới. mong cầu gì khi thực hành bố thí, Vì khi Bồ tát thọ trì giới pháp, nên được nhiều người khen tặng và không cầu sanh vào ở các cõi Dục tiếng tăm vang lừng khắp cả xa giới, Sắc giới, Vô sắc giới. gần. Bốn, Vô hối hận giới. Chín, Thủ túc nhu nhuyến. Vì Bồ tát không phạm tội nặng, Vì người tu hạnh bố thí, ưa làm không ninh hót, gian xảo, không việc bố thí, giúp người thiếu thốn, phá tịnh giới, an trú nơi chánh giới, nên cảm được quả báo tướng hảo tâm không hối hận. viên mãn, chân tay mềm mại. Năm, Vô vi tránh giới. Mười, Bất ly tri thức. Vì Bồ tát, đối với giới cấm Phật Vì người tu hạnh Bồ tát, từ khi chế ra tâm luôn giữ gìn và bảo vệ, mới phát tâm thực hành bố thí cho không hề vi phạm, cũng không đấu đến nay thường được gần gũi các tranh xúc phạm, gây bực bội cho tất bậc thiện tri thức như Phật, Bồ tát, cả chúng sanh, chỉ mong muốn nghe được pháp yếu và chưa từng thường tạo ra sự vui vẻ, giữ gìn cẩn xa cách những vị ấy. trọng giới cấm. Sáu, Bất não hại giới. BỒ TÁT THẬP GIỚI Vì Bồ tát không học chú thuật (Hoa nghiêm kinh). giả dối, tà vạy và tạo ra phương thuốc làm bực tức có hại cho chúng Vì Bồ tát cung kính giữ gìn sanh mà chỉ vì cứu giúp, bảo vệ tất mười giới thanh tịnh của ba đời chư cả nên giữ gìn giới cấm. Phật, hoàn toàn trong trắng không Bảy, Bất tạp giới. chút hủy phạm; nhớ nghĩ đến Vì Bồ tát không vướng vào chúng sanh điên đảo phá giới, ta biên kiến, không bị mê hoặc bởi thành tựu chánh giác, vì chúng mà mưu kế của ngoại đạo, mà chỉ quán nói pháp chân thật, khiến cho xa lìa các pháp do duyên sanh không thật điên đảo, có được giới pháp thanh có, một lòng tinh chuyên giữ gìn giới cấm để ra khỏi sanh tử.

(Biên kiến là ngoại đạo, trong khởi lên tâm từ bi, tâm hiếu thuận hai kiến đoạn và thường, chấp chặt để cứu giúp tất cả chúng sanh. một bên. Ngược lại giết hại sự sống cho Mưu kế của ngoại đạo là cho thích ý thỏa lòng, thì bị tội ba la di. rằng thân này sanh ra từ Phạm (Tiếng Phạn là ba la di, tiếng thiên hoặc từ vi trần. Hoa là Cực ác). Các pháp duyên khởi là tất cả Hai, Bất đạo giới. pháp đều do sáu căn làm nhân và Giới không trộm cắp là không sáu trần làm duyên mà sanh ra). lén lấy tiền của của người khác. Tám, Bất tham cầu giới. Kinh nói: một cây kim, một Vì Bồ tát không biểu hiện

ngọn cỏ không được trộm cắp, nên tướng kỳ lạ, khoe mình có đức để phát sanh tánh Phật, tâm hiếu tâm tham cầu khởi lên mà chỉ vì thuận, tâm từ bi luôn giúp mọi làm đầy đủ pháp xa lìa sanh tử, nên người phát sanh phước đức và an giữ gìn giới cấm. lạc; ngược lại, lén lấy tiền của của Chín, Vô quá thất giới. người thì mắc tội ba la di. Vì Bồ tát không cống cao khoe Ba, Bất dâm giới. rằng mình giữ gìn giới, cho đến Giới không dâm dục là giữ lễ thấy người phá giới cũng không nghi tự phòng ngừa, không nên làm khinh thường làm cho họ hổ thẹn việc dâm dục. mà chỉ một lòng giữ gìn cấm giới. Kinh nói: Nên sanh tâm hiếu Mười, Vô hủy phạm giới. thuận, cứu độ tất cả chúng sanh, Vì Bồ tát thọ trì tịnh giới, đem tịnh pháp đến cho người; không phá không phạm cấm giới, ngược lại, nổi lên dâm dục với mọi vĩnh viễn trừ hết mười điều ác, đầy người, bất kể bà con thân thích. Đó đủ mười điều lành, luôn nhớ chúng là phạm tội ba la di. sanh, đều do điên đảo, hủy phạm Bốn, Bất vọng ngữ giới. giới cấm, nên ta luôn nhớ, vì họ, Giới không nói dối là nói ra nói pháp nhiệm mầu chân thật, làm phải thành thật, không nên dối trá cho họ xa lìa điên đảo, thành tựu gạt người. Bồ đề. Kinh nói: Bản thân mình phải nói đúng, hiểu đúng và làm cho tất BỒ TÁT THẬP GIỚI. cả chúng sanh nói đúng hiểu đúng; (Phạm võng kinh). ngược lại nói những lời không đúng đắn, hiểu biết không đúng Một, Bất sát giới. đắn, làm việc không đúng đắn đối Giới không giết hại là vì lòng từ với tất cả chúng sanh. Đó là phạm thương xót, không làm mất mạng tội ba la di. sống của bất cứ sinh vật nào. Năm, Bất cô tửu giới. Kinh nói: Tất cả loài có mạng Giới không được mua bán rượu sống không được cố giết, phải luôn là vì rượu có thể làm mờ tối, rối

loạn tinh thần, nên không được kim, cọng cỏ; có người cầu pháp mua, bán. Phật mà không nói cho một câu, Kinh nói: Tất cả loại rượu một bài kệ cho họ nghe; ngược lại, không được mua hay bán rượu và còn mắng chửi, làm nhục họ. Đó là nhân duyên gây ra rượu, Bồ tát làm phạm tội ba la di. cho tất cả chúng sanh phát huy Chín, Bất sân giới. được trí huệ thông đạt; ngược lại là Giới cấm nóng nảy là không phát sanh tâm điên đảo của tất cả nên sanh tâm giận hờn. chúng sanh. Đó là phạm tội ba la Kinh nói: Nên làm cho tất cả di. chúng sanh sanh căn lành, đừng Sáu, Bất thuyết quá tội giới. tranh cãi nhau, thường sanh tâm từ Giới không được kể tội, nói xấu tâm hiếu thuận; ngược lại, ở trong người khác là không nên nói người tất cả chúng sanh, dùng lời ác mắng khác là xấu hay tốt, là giỏi hay dở. chửi, nhục mạ, cho đến dùng tay, Kinh nói: Nghe kẻ ngoại đạo ác gậy đánh đập người khác mà vẫn nhân nói rằng trong Phật pháp không vừa ý, không dừng; đến không có giới luật, phép tắc, luôn trước mặt xin ăn năn, lời chân thật sanh tâm từ dạy bảo những người xin tha lỗi, mà lòng sân hận chưa ấy để họ sanh đức tin tốt đẹp; nguôi. Đó là phạm tội ba la di. ngược lại mình nói lỗi lầm, tội ác Mười, Bất báng Tam bảo giới. của người khác. Đó là phạm tội ba Giới không được gièm pha Tam la di. bảo là đối với Phật, Pháp, Tăng Bảy, Bất tự tán hủy tha giới. phải luôn cung kính, tôn trọng, Giới không được khen mình không nên gièm pha. chê người là không tự khoe Kinh nói: Thấy người ngoại đạo khoang, phách lối, không nói xấu và kẻ ác, buông lời hủy báng, chê người khác. bai Phật như trăm ngàn cây gươm Kinh nói: Nếu tự khoe mình đâm vào tim mình, huống hồ tự hay, giấu cái tốt của người khác, miệng mình thốt lời chê bai, không làm cho người khác chịu gièm pha, sanh tâm tin

tưởng, hiếu thuận; chê trách. Đó là phạm tội ba la di. ngược lại còn giúp kẻ ác, người tà Tám, Bất xan giới. kiến chê bai Tam bảo. Đó là phạm Giới không được keo kiệt, bủn tội ba la di. xỉn là tâm đừng hẹp hòi, nhỏ mọn mà phải biết buông bỏ sở hữu của ĐẠI LUẬN THẬP mình ra cho người khác. CHỦNG GIỚI Kinh nói: Gặp những người
(Đại trí độ luận). nghèo khổ cùng cực đến xin mình, tùy theo nhu cầu cần thiết mà cung Một, Bất khuyết giới. cấp cho họ; nhưng vì tâm ác, tâm Vì người tu hành xâm phạm sân cho đến không cho một cây giới luật như vật dụng đã bị sứt mẻ,

không còn dùng được nữa; nếu gian mà được tự tại vô ngại. Đó gọi luôn tự mình giữ gìn giới cấm, như là tự tại giới. yêu quý minh châu, thì có thể nhiếp Tám, Trí sở tán giới. trì được tất cả giới. Đó gọi là bất Đối với việc giáo hóa, hướng khuyết giới. dẫn chúng sanh trong thế giới của Hai, Bất phá giới. các vị Bồ tát, được chư Phật khen Vì người tu hành xâm phạm ngợi. Đó gọi là trí sở tán giới. cấm giới như vật dụng bị vỡ, rách, Chín, Tùy định giới. không còn dùng được nữa; nếu hay Vì Bồ tát theo định Thủ lăng giữ gìn không phạm, không bị hư nghiêm, hiện ra các oai nghi, hao, rách nát. Đó gọi là bất phá hướng dẫn chúng sanh được lợi lạc; giới. tuy bề ngoài oai nghi có thay đổi, Ba, Bất xuyên giới. nhưng luôn thường vắng lặng một Vì người tu hành xâm phạm cách tự nhiên. Đó gọi là tùy định giới cấm như vật dụng thủng lỗ, giới. làm rơi rớt ra ngoài, không thể giữ (Tiếng Phạn là Thủ lăng gìn những thứ đựng bên trong; nếu nghiêm, tiếng Hoa là Kiện tướng đủ sức giữ gìn, không xâm phạm phân biệt. giới cấm. Đó là bất xuyên giới. Mười, Cụ túc giới. Bốn, Bất tạp giới. Vì Bồ tát giữ gìn giới đệ nhất Vì người tu hành mà phá định nghĩa đế trung đạo, dùng trí huệ cộng giới và nhớ việc phá giới ấy trung đạo, vào tất cả pháp, đầy đủ thì gọi là tạp; nếu hay hộ trì không các giới. Đó gọi là cụ túc giới. phạm, ý niệm cũng không nổi lên. (Đệ nhất nghĩa đế là lý thật Đó gọi là bất tạp giới. tướng trung đạo, không hai không (Định cộng giới là thiền định và khác, hoàn toàn không hư dối). giới pháp tương ưng). Năm, Tùy đạo giới. SA DI THẬP GIỚI Vì bậc sơ quả Thinh văn Tu đà (Phiên dịch danh hoàn tùy thuận lý Tứ đế, có khả năng
phá kiến hoặc không còn phân nghĩa và Sa di thập giới pháp). biệt. Đó gọi là tùy đạo giới. Tiếng Phạn là Sa di, tiếng Hoa Sáu, Vô trước giới. là Tức từ. Ban đầu thọ mười giới Vì bậc Nhị thừa thấy được lý gọi là Sa di, sau thọ giới cụ túc là chân đế, có khả năng thành thánh Tỳ kheo. đạo, đối với các tư hoặc, không còn Một, Bất sát giới. nhiễm trước (dính vào). Đó gọi là Luôn nhớ rằng các loài hữu tình vô trước giới. đều luyến tiếc thân mạng, nên phải Bảy, Tự tại giới. thương xót, cẩn thận chớ có làm Vì Bồ tát có vô số diệu dụng tổn thương; Đó gọi là giới không giáo hóa chúng sanh, đối với thế giết.

Hai, Bất đạo giới. Vì Phật chế giờ ngọ là giờ ăn, Vì vật nào cũng có chủ, tuy là nếu quá giờ ngọ không nên ăn; đó cây kim cọng cỏ cũng đừng lén lấy; gọi là giới không ăn phi thời. Đó gọi là giới không trộm cắp. Ba, Bất dâm giới. TRÌ GIỚI THẬP CHỦNG Vì tự minh giữ gìn sự trong LỢI ÍCH sạch, không phạm sắc dục. Đó gọi (Kinh nguyệt là
giới không dâm dục. Bốn, Bất vọng ngữ. đăng Tam muội). Vì lời nói ra thành thật, không Giữ giới là gốc rễ của Bồ đề, là nói lời giả dối, lừa gạt người. Đó cửa quan trọng vào đạo. Bồ tát có gọi là giới không nói dối. khả năng giữ gìn vững chắc giới Năm, Bất ẩm tửu giới. cấm, nên được mười thứ lợi ích. Vì rượu có khả năng làm mờ Một, Mãn túc trí nguyện. ám, rối loạn tâm thần, tăng trưởng Vì người tu hạnh Bồ tát có khả ngu si,

không nên uống; Đó gọi là năng giữ gìn giới cấm, thì thân tâm giới không uống rượu. được thanh tịnh, tánh trí huệ sáng Sáu, Ly cao quảng đại sàng tỏ nên tất cả trí hạnh và tất cả thệ giới. nguyện đều trọn vẹn đầy đủ. Vì giường nằm, không cao hơn Hai, Như Phật sở học. một thước sáu, rộng không hơn bốn Vì khi Phật mới tu lấy giới làm thước; nếu vượt quá kích thước này gốc mà chứng được quả. Bồ tát tu thì gọi là giường lớn cao rộng, hành, nếu có khả năng giữ gìn vững không nên ngồi (nằm); Đó gọi là chắc tịnh giới thì cũng giống như giới tránh xa giường lớn cao rộng. những gì Phật đã được . (một thước = 0.33m). Ba, Trí giả bất hủy. Bảy, Ly hoa man đẳng giới. Vì người tu hạnh Bồ tát giới Vì không cài hoa lên tóc, không hạnh thanh tịnh, thân, miệng không đeo chuỗi ngọc lên cổ, không thoa lỗi lầm; hễ gặp người trí thì vui vẻ dầu thơm lên thân; đó gọi là giới xa khen ngợi, mà không chê bai. lìa hoa, hương, chuỗi ngọc. Bốn, Bất thối thệ nguyện. Tám, Ly ca vũ đẳng giới. Vì người tu hạnh Bồ tát kiên trì Vì không tự mình ca, múa cũng tịnh giới, cầu chứng Bồ đề, thệ không đi xem, nghe; đó gọi là giới nguyện sâu rộng, mạnh mẽ siêng lìa xa ca múa. năng và không thối lui. Chín, Ly kinh bảo vật giới. Năm, An trụ chánh hạnh. Vì không nên cất chứa vàng, Vì người tu hạnh Bồ tát kiên trì bạc, châu báu, cùng không được giới luật thì nghiệp thân, miệng, ý phép cầm giữ; đó gọi là giới lìa bỏ đều được thanh tịnh và an trụ ở vàng, bạc, châu báu. chánh hạnh không lìa bỏ. Mười, Ly phi thực thời giới. Sáu, Khí xã sanh tử.

Vì người tu hạnh Bồ tát thọ trì Chỉ là dừng việc làm ác của tịnh giới thì không có các nghiệp mình, không gây cho người bực sát sanh, trộm cướp, dâm dục, nối bội, tức tối. Hành là tu tập đức tốt, dối... và có khả năng xa lìa sanh đem đến lợi ích, an lạc cho tất cả. tử, vĩnh viễn ra khỏi khổ luân hồi. Một, Bất sát sanh. Bảy, Mộ nhạo Niết bàn. Không sát sanh là không làm Tiếng Phạn là Niết bàn, tiếng tổn hại sinh mạng của tất cả loài Hoa là Diệt độ. vật, đó là điều thiện ngưng làm việc Vì người tu hạnh Bồ tát kiên trì ác. Đã không giết hại còn phải làm tịnh giới, cắt đứt các vọng tưởng, điều thiện phóng sanh. nên có khả năng chán ghét cái khổ Hai, Bất thâu đạo. sanh tử và ưa thích cái vui Niết Không trộm cắp là không lén bàn. lấy của cải của người khác. Đó là Tám, Đắc vô triền tâm. điều thiện ngưng trộm cắp. Đã Vì người tu hạnh Bồ tát giới, ngưng trộm cắp còn phải làm điều đức rạng ngời, tâm thể sáng trong, thiện bố thí. giải thoát tất cả phiền nao, nghiệp Ba, Bất tà dâm. duyên nên không cái lo âu của ràng Không tà dâm là không làm buộc, cột chặt. việc dâm dục sai trái. Đó là điều Chín, Đắc thắng Tam muội. thiện ngưng dâm dục sai trái. Đã Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng ngưng dâm dục sai trái còn phải Hoa là chánh định. Vì người tu thực hành điều thiện Phạm hạnh. hạnh Bồ tát, giữ giới thanh tịnh, Bốn, Bất vọng ngữ. tâm không tán loạn thì thành tựu Không nói dối là không nói giả được Tam muội. Định tánh hiện dối, lừa gạt người khác. Đó là điều tiền, vượt ra khỏi các phiền não. thiện ngưng nói dối. Đã ngưng nói Mười, Bất phạp tín tài. dối còn phải thực tập điều thiện nói Vì người tu hạnh Bồ tát, giữ gìn chân thật. giới luật, đầy đủ tâm chánh tín đối Năm, Bất lưỡng thiệt. với Phật, Pháp thì có thể sanh ra tất Không nói hai lời là không đến cả pháp tài công đức mà không người này nói xấu người kia và thiếu thốn. ngược lại, làm cho họ cãi vã nhau mất đoàn kết. Đó là điều thiện THẬP THIỆN ngưng nói hai lời. Đã không nói hai (Pháp giới thứ đệ). lời còn phải làm điều thiện nói lời hòa hợp, đem đến lợi ích cho nhau. Thiện có nghĩa là thuận

lý Sáu, Bất ác khẩu. (tánh), vì thực hành mười pháp này Không nói lời hung ác là không là thuận lý. Nhưng có hai loại: 1) nói thô tục, độc ác, nhục mạ người Chỉ, 2) Hành. khác. Đó là điều thiện ngưng nói ác. Đã không nói ác, còn phải làm

điều thiện nói lời ôn hòa, nhu thì tất cả tội được tiêu trừ, tăng tất nhuyến, ái ngữ. cả phước. Bảy, Bất ỷ ngữ. Ngày mồng tám. Không nói lời thêu dệt là không Ngày này, vua trời Ma ê thủ la lời bay bướm, ưởm ờ, ngon ngọt giáng thế, xem xét thế gian, quan làm cho người bùi tai. Đó là điều sát thiện, ác. Nếu niệm danh hiệu thiện ngưng không nói lời thêu dệt. Phật Dược sư lưu ly quang, thì tất Đã không nói lời thêu dệt còn phải cả tội tiêu diệt, tăng tất cả phước. làm điều thiện nói lời chân thật, (Hiền kiếp là trong kiếp này có đúng đắn. nhiều người hiền). Tám, Bất tham dục. Thập ngũ nhật (ngày rằm). Không tham dục là không tham Ngày này, Thái tử của vua trời lam, vướng mắc vào dục tình của Tứ thiên vương xuống thế, xem xét sáu trần. Đó là điều thiện ngưng người đời, quan sát thiện, ác. Niếu tham dục. Đã ngưng tham dục còn niệm danh hiệu Phật A di đà thì phải làm điều thiện hạnh thanh diệt trừ tội sanh, tử, được niềm vui tịnh. vắng lặng. Chín, Bất sân khuể. Thập bát nhật (ngày 18). Không hờn giận là không sanh Ngày nay, sứ giả Thái tử của tâm phẩn nộ, thù hận với người. Đó trời Tứ thiên xuống trần, quan sát là điều thiện ngưng nóng nảy. Đã người đời, so sánh thiện, ác. Nếu ngưng hờn giận còn phải làm điều niệm danh hiệu Bồ tát Địa tạng thì thiện từ bi nhẫn nhịn. diệt trừ tội nghiệp, tuổi thọ dài Mười, Bất tà kiến. thêm. Không hiểu biết sai trái là Nhị thập tam nhật (ngày 23). không có cái thấy thiên lệch, quái Ngày này, vua trời Ma ê thủ la đản cho trái là phải. Đó là điều xuống thế, quán sát người đời, so thiện ngưng tà kiến. Đã ngưng tà sánh thiện, ác. Nếu niệm danh hiệu kiến còn phải làm điều thiện chánh Bồ tát Đại thế chí thì phước đức, tín, chánh kiến. lợi ích được tăng trưởng, diệt trừ tội ác. MỖI NGOẠT THẬP Nhị thập tứ nhật (ngày 24). TRAI NHẬT Này này, Thái tử của vua Tứ
(Pháp uyển châu thiên xuống thế, xem xét người đời, quán sát thiện, ác. Nếu niệm danh lâm). hiệu Bồ tát Quán thế âm thì diệt trừ Ngày mồng một. các tội, nuôi lớn căn lành. Ngày này, Thái tử của vua Tứ Nhị thập bát nhật (ngày 28). thiên vương giáng thế, đi xem xét Ngày này, sứ giả vua Tứ thiên nhân gian, so sánh thiện, ác. Nếu xuống thế quán sát người đời, đối niệm danh hiệu Phật Định quang, chiếu thiện, ác. Nếu niệm danh hiệu

Phật Lô xá na thì diệt được phiền Do quán thức ấm biết rõ đúng, não tội, được niềm vui trí huệ. sai của tất cả pháp đều từ tâm thức (Tiếng Phạn Lô xá na, tiếng sanh ra, thì được tri kiến nhẫn, vì Hoa Tịnh mãn). thức liễu biệt và tri kiến này cùng Nhị thập cửu nhật (ngày 29). một thứ. Ngày này, vua trời Ma ê thủ la (Thức liễu biệt là ý thức, vì xuống thế chính mình xem xét thức có nghĩa là phân biệt). người đời, đối chiếu thiện, ác. Nếu Ba, Định nhẫn. niệm danh hiệu Bồ tát Dược vương Do quán tưởng ấm nên không thì diệt được tất cả ác, sanh tất cả khởi lên suy nghĩ tạp loạn thì được thiện. định nhẫn, vì từ vọng tưởng điên Tam thập nhật (ngày 30). đảo hay đi vào định này. Ngày này, sứ giả vua Tứ thiên Bốn, Huệ nhẫn. xuống trần xem xét người đời, Do quán thọ ấm, không có chính mình quan sát thiện, ác. Nếu tướng khổ, tướng vui thì được trí niệm danh hiệu Phật Thích ca mâu huệ nhẫn, vì phân biệt các pháp đều ni thì phước lợi được thêm lớn, Bồ là không tịch nên sanh ra trí huệ. đề được thành tựu. Năm, Giải

thoát nhẫn. Do quán hành ấm, không có THẬP NHẪN tướng tạo tác, thì được giải thoát (Nhân vương hộ quốc Bát nhẫn, vì các hành đều vô thường nên không có ràng buộc. nhã kinh sớ). Sáu, Không nhẫn. Nhẫn là chịu đựng hay cam Do quán quả khổ trong ba cõi chịu. không có thật thể thì được không Vì Bồ tát của Thông giáo quán nhẫn, vì khổ đế về sanh, tử, tánh năm ấm trong ba cõi và nhân quả của nó vốn không tịch (vắng lặng). các pháp thuộc hai đế, thành tựu Bảy, Vô nguyện nhẫn. được mười nhẫn. Do quán nhân khổ của ba cõi Một, Giới nhẫn. đều là không, thì được vô nguyện Vì do quán sắc ấm nên không nhẫn, vì tập đế về phiền não tánh phạm giới cấm, thì được giới nhẫn, của nó vốn thanh tịnh. vì thể của tác vô tác giới đều thu Tám, Vô tướng nhẫn. nhiếp vào sắc ấy. Do quán pháp nhân, quả trong (Tác vô tác giới là khi mới thọ ba cõi đều không thì được vô tướng giới thì có thấy có gìn giữ giới, gìn nhẫn, vì tướng nhân, quả vốn giữ vững chắc thì gọi là tác; khi gìn không có. giữ đã lâu tuy không tác ý giữ, Chín, Vô thường nhẫn. nhưng âm thầm không phạm cấm Do quán cảnh của tục đế, tất cả giới, thì gọi là vô tác). pháp hữu vi đều giả dối, mộng ảo Hai, Tri kiến nhẫn. thì được vô thường nhẫn, vì tất cả

pháp đổi thay, sinh diệt không từ nhẫn, hoặc có người muốn hại ngừng. mình, hiểu rõ thân, tâm vốn không, (Tục đế là kiến lập tất cả pháp). không quan tâm tới nên thuốc độc Mười, Vô sanh nhẫn. tham, sân không thể trúng được. Do quán cảnh của chân đế là Bốn, Thủy bất năng phiêu. pháp vô vi các niệm không sanh thì Người tu hạnh Bồ tát chỉ vì lợi được vô sanh nhẫn, vì lý chân ích chúng sanh thường ấp ủ tâm từ không vốn không sanh diệt. nhẫn, đối với tất cả cảnh vừa lòng, (Chân đế là tất cả pháp hoàn hiểu rõ các pháp vốn không nên toàn vắng bặt). không tiêm nhiễm, vì vậy nước tham ái không thể nhận chìm. TỪ NHẪN THẬP Năm, Vị phi nhân hộ. CHỦNG LỢI ÍCH Phi nhân là loài quỷ thần. (Nguyệt đăng Người tu hạnh Bồ tát chỉ vì lợi ích chúng sanh, thường ôm ấp lòng từ Tam muội kinh). nhẫn, ở mọi lúc mọi nơi đều được Từ là niệm thương mến, thương quỷ thần hộ vệ. yêu. Nhẫn là cam chịu. Sáu, Thân tướng trang nghiêm. Vì người tu hạnh Bồ tát, đối với Người tu hạnh Bồ tát chỉ vì lợi tất cả cảnh thuận, nghịch đều vui vẻ ích chúng sanh, luôn ôm ấp tâm từ cam chịu, nên có được mười thứ lợi nhẫn, nhớ thương đến người khác, ích. nên hay cảm được quả báo sắc thân Một, Hỏa bất năng thiêu. tốt đẹp trang nghiêm. Vì người tu hạnh Bồ tát chỉ vì Bảy, Bế chư ác đạo. lợi ích cho chúng sanh luôn hoài Người tu hạnh Bồ tát chỉ vì lợi bảo tâm từ nhẫn, đối với tất cả cảnh ích chúng sanh, thường ôm ấp tâm trái ngược, hiểu rõ tự tánh của thân, từ nhẫn, thành tựu pháp lành, nên tâm vốn không nên không bị bực các cửa ác đạo tự nhiên đóng kín, bội, buồn phiền, nên lửa sân hận không mở ra nữa. không có cơ hội đốt cháy. Tám, Tùy nhạo Phạm thiên. Hai, Đao bất năng cát. Phạm thiên là trời sơ thiền cõi Người tu hạnh Bồ tát, chỉ vì lợi Sắc. Người tu Bồ tát hạnh từ bi đầy ích chúng sanh luôn hoài bảo tâm đủ, phạm hạnh tròn đầy, nên quả từ nhẫn, đối với tất cả cảnh trái báo hết thân mạng không còn, tùy nghịch, hiểu rõ thể tánh của tự thân theo ý thích được sanh lên cõi vắng lặng nên hoàn toàn không sợ Phạm thiên. sệt và dao bén sân hận không thể Chín, Trú dạ thường an. cắt được. Người tu hạnh Bồ tát luôn có Ba, Độc bất năng trúng. tâm làm việc từ nhẫn, lợi ích hữu Người tu hạnh Bồ tát chỉ vì lợi tình và không phiền phức, tổn hại ích chúng sanh, luôn hoài bảo tâm

nên được thân tâm thanh tịnh, đêm nản, nên trước kia những pháp nào ngày thường an ổn. chưa nghe thì nay được nghe đầy Mười, Bất ly hỷ lạc. đủ. Người tu hạnh Bồ tát luôn ôm Sáu, Tăng trưởng biện tài. ấp tâm từ nhẫn, lợi ích chúng sanh, Vì Bồ tát, đối với các tịnh hạnh, khiến cho chúng được an ổn, nên siêng năng không lười nên thông thân tâm của mình cũng được an hiểu ý nghĩa của các pháp, biện tài ổn. tăng trưởng, giải đáp mọi nghi vấn đều không nghi ngờ, trở ngại. TINH TẤN THẬP Bảy, Đắc Tam muội tánh. CHỦNG LỢI ÍCH Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng (Nguyệt đăng Hoa là Chánh định. Vì Bồ tát đối với các phạm hạnh siêng năng Tam muội kinh). không lười nên thân tâm vắng lặng, Người tu Bồ tát hạnh, đối với định tánh hiện ra trước mắt, không các phạm hạnh, luôn luôn siêng bị tướng thế gian làm thay đổi. năng tu hành, không lười biếng, Tám, Thiểu bệnh thiểu não. nên có mười thứ lợi ích. Vì Bồ tát, tuy ngày đêm không Một, Tha bất chiết phục. ngưng nghỉ mà luôn điều tiết thân Vì Bồ tát chuyên tu trí huệ tâm nên luôn được nhẹ nhàng, an thâm sâu, hạnh nghiệp thành tựu, ổn, ít bệnh ít buồn lo. nên không bị tất cả tà luận sai lầm Chín, Đắc thực năng tiêu. khuất phục. Vì Bồ tát, đối với các phạm Hai, Đắc Phật sở nhiếp. hạnh, siêng năng, không lười và đối Vì Bồ tát, đối với các tịnh hạnh, với việc ăn uống không điều độ siêng năng không lười biếng thì nhưng khi đã ăn rồi đều tiêu hóa được chư Phật ấn chứng, nhiếp thọ. hết, không bị bội thực. Ba, Vị phi thiên hộ. Mười, Như Ưu bát la. Vì Bồ tát, đối với các tịnh hạnh, Tiếng Phạn là Ưu bát la, tiếng siêng năng, không lời biếng nên bất Hoa là Thanh liên hoa. Hoa này cứ lúc nào và ở đâu đều được quỷ mọc lên từ bùn mà không dính dơ thần giúp đở, bảo vệ. bẩn. Người đời thấy vậy, cho là Bốn, Văn pháp bất vong. điều ít có. Vì Bồ tát đối với các tịnh hạnh, Vì Bồ tát, đối với các phạm siêng năng không lười biếng nên hạnh, siêng năng, không lười, tuy ở pháp đã được nghe luôn luôn ghi trong sanh tử mà không bị phiền nhớ không sao quên mất. não ô nhiễm, giống như hoa sen ấy, Năm, Vị văn năng văn. người nào thấy được cũng cho là Vì Bồ tát, đối với các tịnh hạnh, việc ít có. dũng mãnh, tinh tấn, có tâm ưa thích các pháp không sanh chán

THIỀN ĐỊNH THẬP Vì Bồ tát tu tập thiền định, nhất CHỦNG LỢI ÍCH tâm vắng lặng, không để cho tán loạn, thì tất cả cảnh ái dục đều (Nguyệt đăng không đắm nhiễm. Đói là xa lìa ái Tam muội kinh). dục. Người tu Bồ tát hạnh có khả Bảy, Tu thiền bất không. năng giỏi tu tập thiền định thì vạn Vì Bồ tát tập các thiền định nên duyên đều dứt bặt, định tánh hiện được các công đức thiền. Tuy ra trước mặt, nên thu thập mười thứ chứng lý chân không, mà không rơi lợi ích. vào các không đoạn diệt. Đó là tu Một, An trú nghi thức. thiền bất không. Vì Bồ tát tu các thiền định oai Tám, Giải thoát ma quyến. nghi phải nghiêm túc. Thực tập như Vì Bồ tát tập các thiền định thì vậy lâu thì các căn thuần thục, tịch có khả năng xa lìa sanh tử, tất cả tĩnh, chánh định liền hiện ra, an trú lưới ma không thể giăng mắc ràng tự nhiên không chút gắng gượng. buộc. Đó là giải thoát ma quyến. Đó là an trú đúng nghi thức. Chín, An trú Phật cảnh. Hai, Hành từ cảnh giới. Vì Bồ tát tập các thiền định, mở Vi Bồ tát tu tập các thiền định, mang vô lượng trí huệ, thông suốt ý luôn giữ gìn tâm từ ái và không có nghĩa sâu xa của các pháp, đối với ý niệm giết hại, làm tổn thương tri kiến của Phật, tự nhiên sáng tỏ. sinh vật. Đối với các chúng sanh Tâm luôn vắng lặng, an trú không đều làm cho chúng an

ổn. Đó là lay động. Đó là an trú Phật cảnh. hành từ cảnh giới. Mười, Giải thoát thành thục. Ba, Vô phiền não. Vì Bồ tát tập các thiền định, tất Vì Bồ tát tu tập các thiền định, cả hoặc nghiệp không thể quấy các căn tịch tĩnh thì các phiền não nhiễu, thực hành đã lâu thì giải tham, sân, si... tự nhiên không còn thoát vô ngại, thành tựu tự nhiên. sanh ra nữa. Đó là vô phiền não. Đó là giải thoát thành thục. Bốn, Thủ hộ chư căn. Vì Bồ tát tập các thiền định, TỌA THIỀN NHÂN thường phải phòng vệ các căn, THẬP CHỦNG HẠNH không để cho các trần quấy động. (Giải thoát đạo Đó là thủ hộ các căn.
luận). Năm, Vô thực hỷ lạc. Vì Bồ tát tập các thiền định đã Một, Linh quán xứ minh tịnh. được vị của thiền duyệt để nuôi Vì người tu hành muốn tu thiền dưỡng đạo thể. Tuy không ăn uống, định, trước hết phải thích nghi với vẫn vui tươi một cách tự nhiên. Đó việc ăn, uống, không đói không no; là không ăn mà vẫn vui vẻ. kể đến tùy thuận thời tiết, không Sáu, Viễn ly ái dục. sớm không muộn; lại phải oai nghi

chỉnh tề, không được lười biếng. thiếu sự giúp đỡ, không có được Tu ba hạnh này, áp dụng quán sát tịch tĩnh, nên đối với thắng định phân minh thì các duyên bặt dứt, không có chút ưa thích. Đó là tâm tâm luôn vắng lặng, trụ ở thiền vô vị trước. định. Đó là quán xứ minh tịnh. Bảy, Tâm hoan hỉ. Hai, Biến khởi quán chư căn. Vì người tọa thiền, đối với các Vì người tọa thiền muốn tu thắng định, nếu tâm không có gì thiền định, luôn quán sát đầy đủ các thú vị thì phải quán sanh, lão, bệnh, căn: tín, tấn, niệm, định, huệ đừng tử và các đường ác để sanh tâm sợ để cho tiêu mất, cùng ới định tương hãi. Sau đó, niệm các công đức của ưng, tâm không lười biếng thì liền Phật, Pháp, Tăng, thôi thúc thân xa lìa năm cái và chánh định hiện tâm ưa thích có được thiền định. tiền. Đó là biến khởi quán chư căn. Đó là tâm hoan hỉ. Ba, Hiểu liễu ư tướng. Tám, Tâm định thành xả. Vì người tọa thiền muốn tu Vì người tọa thiền, muốn tu thiền định phải hiểu rõ tướng của ý, thiền định, phải điều phục các căn, tưởng, niệm khiến cho chúng suy tư đúng lý, ở nơi vắng vẻ, bỏ không gấp không khoan mà vừa tất cả hạnh sai, đúng. Đó là tâm phải ở bậc trung thì vọng tưởng định thành xả. không sanh, thiền định dễ vào. Đó Chín, Cận học định nhân. là hiểu rõ các tướng. Vì người tọa thiền xa lìa người Bốn, Chế linh tâm điều. không có oai nghi và tu tập tịch Vì người tọa thiền muốn tu tĩnh mà nên gần gũi người có oai thiền định, phải rất siêng năng chế nghi nghiêm túc và nguồn tâm phục tâm mình ở vào bậc trung, trong sạch; luôn theo sự dạy dỗ của đừng để quá độ tăng trưởng làm rối người ấy thành tựu đạo nghiệp loạn tâm ý, thì định tướng xuất hiện chánh định. Đó là cận học định ngay và thành tựu Tam muội. Đó là nhân (gần gũi người có định để chế linh tâm điều. học). Năm, Chiết phục giải đãi. Mười, Lạc trước an định. Vì người tọa thiền, nếu không Vì người tọa thiền muốn tu được định, làm cho tâm chán nản thiền định, đối với người đã vào nên sanh lười biếng chỉ muốn ngủ được trạng thái tịch tĩnh và định, nghỉ. Gặp phải như vậy, phải quán thấu hiểu các pháp duyên khởi, thì sát kỹ các công đức của thiền, cố nên yêu mến, cung kính, cầu được gắng siêng năng thì định tướng chỉ bảo, hướng dẫn để tâm định xuất hiện và được chánh định. Đó khởi lên cho mình. gọi là chiết phục giải đãi. Sáu, Tâm vô vị trước. Vì người tọa thiền muốn tu thiền định, vì huệ căn chậm lụt và

BÁT NHÃ THẬP xét mà không thấy có tướng của CHỦNG LỢI ÍCH thân và tâm siêng năng. Đó là hành ư tinh tấn nhi ly thân tâm. (Nguyệt đăng Năm, Tu thiền nhi

vô sở trụ. Tam muội kinh). Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã, tuy ở Tiếng Phạn là Bát nhã, tiếng trong thiền định, nhưng bằng không Hoa là Trí huệ. Vì Bồ tát do trí huệ huệ soi xét, đối với tất cả công đức này hiểu biết vô ngại, nên được của thiền, không sanh tâm vướng mười thứ lợi ích. mắc. Đó là tu thiền nhi vô sở trụ. Một, Nhất thiết xả bất thủ thí Sáu, Ma bất năng nhiễu. tưởng. Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã, hay Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã soi dùng không huệ soi xét các pháp thấy muôn pháp đều vắng lặng, nên tánh vốn không tịch, lại biết Phật, tuy thực hành bố thí mà không có ý ma thể vốn không khác; nên ma, tưởng mình là người cho, không tuy có hiện ra, cũng không sợ sệt. chấp vào vật cho, không thấy người Đó là ma bất năng nhiễu. nhận. Đó là bỏ tất cả, ngay cả ý Bảy, Ư tha ngôn luận kỳ tâm tưởng bố thí. bất động. Hai, Trì giới bất khuyết nhi bất Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã, đối y giới. với tất cả pháp ở thế gian và xuất Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã, tuy thế gian, đều thấu hiểu rõ ràng, vì quyết chí giữ tịnh giới và không thế đối với việc nói năng của người phạm vào, nhưng bằng không huệ khác đều có khả năng phân biệt tà, soi xét thì không thấy có tướng chánh, đúng, sai không bị lầm lạc. người giữ giới, có người phạm giới. Đó là đối với việc nói năng, bàn Đó là giữ giới không phạm mà luận của người khác, tâm không không dựa vào giới. xao động. Ba, Trụ ư nhẫn lực nhi bất trụ Tám, Đạt sanh tử hải để. chúng sanh tưởng. Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã, soi Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã, an xét các pháp thấu suốt nguyên do trụ bằng nhẫn lực, độ các chúng của sanh tử, không bị trôi lăn chìm sanh, nhưng bằng không huệ soi đắm. Đó là đạt sanh tử hải để. xét, cuối cùng không khởi lên ý Chín, Khởi tăng thượng bi. tưởng chúng sanh được độ. Đó là Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã, tuy trụ ư nhẫn lực nhi bất trụ chúng quán tất cả tánh không, thường sanh tưởng. dùng tâm từ bi rộng lớn, thề dứt trừ Bốn, Hành ư tinh tấn nhi ly khổ đau của tất cả chúng sanh để thân tâm. chúng được giải thoát. Đó là khởi Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã, đối tăng thượng bi. với tịnh hạnh, tuy dũng mãnh siêng Mười, Bất nhạo Nhị thừa đạo. năng, nhưng bằng không huệ soi

Vì Bồ tát tu hạnh Bát nhã và có Ba, Tạo tu ích. khả năng hiểu rõ các pháp Tiểu Vì nghe Như lai nói kinh lớn thừa Thinh văn, Duyên giác chìm này, phát khởi nghiệp lành trí huệ đắm vào không tịch, chưa phải là thích hợp với căn cơ của chúng cứu cánh nên không vui mừng, ưa sanh, khiến cho tất cả chúng sanh thích mà chỉ cầu đạo vô thượng Đại tiến tu như pháp, thành tựu ích lợi thừa để được giải thoát. Đó là của việc tu tập. không ưa đạo Nhị thừa. Bốn, Đốn đắc ích. Vì nghe Như lai mới thành VĂN KINH THẬP ÍCH chánh giác, liền nói kinh này là (Hoa nghiêm kinh pháp luân căn bản, nghĩa lý nhiệm mầu, đầy đủ các đức, khiến cho các sớ). chúng sanh liền được khai, ngộ, Vì Như lai Tỳ lô giá na hiện thành tựu ích lợi. thân vô tận pháp giới nhiều khắp Năm, Diệt chướng ích. như mây, bao dung mọi nơi, cùng Vì nghe Như lai nói kinh lớn Phật trong mười phương làm chủ, này, càng rõ trang nghiêm thắng bạn với nhau, khế hợp với tánh đức của hai quả y và chánh, vì vậy viên dung mà nói kinh này, khiến tin tưởng, vui thích tu hành, diệt cho tất cả đại chúng Bồ tát và chướng ngại do phiền não gây ra, chúng sanh đời vị lai trong pháp thành tựu ích lợi do diệt được giới đều được nghe, tin, hiểu, ngộ, chướng ngại. và sanh vào nhà Như lai, cho đến đi (hai quả là y và chánh. Y quả vào biển tánh Tỳ lô. Nếu người nào là thế giới trang nghiêm hoa tạng; nghe kinh này thì được lợi ích vô chánh quả là mười thân Như lai). lượng vô biên. Nay tóm lại có

mười Sáu, Nhiếp vị ích. thứ, nên gọi là nghe kinh được Vì nghe kinh này nói rõ địa vị mười điều lợi ích. viên dung, là một trong những vị, Một, Kiến văn ích. thu nhiếp công đức các vị khác, hạn Kiến, văn là thấy, nghe. Như lai kỳ chứng nhập của tâm, thành tựu luôn luôn nói kinh này ở mọi nơi, lợi ích từ địa vị. Phật trước Phật sau giống nhau, Bảy, Khởi hạnh ích. pháp là như thế. Nay chúng sanh Vì nghe kinh này nói rộng hạnh vào cảnh giới Phật, thành tựu ích mầu nhiệm viên dung, tức là một lợi do thấy và nghe kinh này. hạnh liền thành các hạnh nên tin Hai, Phát tâm ích. sâu, hiểu thấu, phát tâm tu hành, Vì nghe Như lai nói cái nhân thành tựu ích lợi của việc hành trì. ban đầu của đại nguyện, đại hạnh là Tám, Xứng tánh ích. thề độ chúng sanh, vì thế phát tâm Vì nghe kinh này, luận bàn tin tưởng, học hạnh nguyện của cùng tột xứng hợp với tánh của Phật, thành tựu ích lợi do phát tâm. pháp chân thật, nhất quyết thấu rõ,

nương tánh mà tu, thành tựu lợi ích Bốn, Tác chánh trực kiến. khế hợp với tánh. Vì người tu hạnh Bồ tát, do Chín, Chuyển lợi ích. nghe nhiều, thì đối với tất cả pháp Vì nghe kinh này nói rằng tất cả tà hay chánh đều thấu suốt rõ ràng. chúng sanh đều có đầy đủ trí huệ Nếu có chúng sanh vướng vào tà của Như lai rồi mở rộng đến con kiến, tà luận, thì Bồ tát bằng tri người đều được lợi ích. kiến chánh trực uốn nắn tâm sai Mười, Tốc chứng ích. trái. Tổng kết các pháp môn ở trước, Năm, Viễn ly phi đạo. rộng tu về đức thì mau ra khỏi sanh Vì người tu hạnh Bồ tát, do tử, mau chứng Bồ đề. nghe nhiều thì đối với quả báo thiện hay ác, các pháp có cùng ĐA VĂN THẬP CHỦNG duyên thì đều hiểu rõ, nên các pháp LỢI ÍCH sai trái giết hại, trộm cắp… đều có
(Nguyệt chứng thể lánh xa, không làm. Sáu, Tu trú chánh lộ. Tam muội kinh). Vì người tu hạnh Bồ tát, do Vì người tu hành Bồ tát, đối với nghe nhiều thì đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, tất cả các tà, chánh đều hiện rõ, nên không pháp tà, chánh đều nghe, biết nên mê mờ làm theo các đạo sai trái và thu thập mười thứ lợi ích: đến với chánh pháp của Như lai Một, Tri phiền não trợ. luôn an trú không lui. Vì người tu hạnh Bồ tát, do Bảy, Khai cam lộ môn. nghe nhiều, thì biết mình và các Vì người tu hạnh Bồ tát, do chúng sanh sở hữu tất cả lầm lạc nghe nhiều thì có thể vào sâu Như phiền não, đều hay giúp đỡ nghiệp lai tạng, hiểu được pháp vị vô nhân mà chịu quả báo mai sau, nên thượng, rồi lại dùng pháp vị ấy tưới mong ra khỏi hầu không bị sai lầm. tẩm cho chúng sanh, làm cho căn Hai, Thanh tịnh trợ. lành thêm lớn. Đó là mở cửa cam Vì người tu hạnh Bồ tát, do lộ. nghe nhiều, nên biết tất cả phạm Tám, Cận Phật Bồ đề. hạnh đều có thể giúp đỡ đạo Bồ đề, Vì người tu hạnh Bồ tát, do vì vậy siêng năng tu tập để chứng nghe nhiều, luôn siêng tu tập, thì quả Phật vô thượng. biết thực hành giới, định, huệ có Ba, Viễn ly nghi hoặc. khả năng dẫn đến thánh quả, vì vậy Vì người tu hạnh Bồ tát, do tâm luôn theo đạo, siêng năng, nghe nhiều, thì đối với tất cả pháp không lười nên đối với Phật quả Bồ thế gian và xuất thế gian và các đề không còn xa nữa. luận bàn của tà ma, ngoại đạo, đều Chín, Vi tác quang minh. thấu rõ ngọn ngành, không còn chỗ Vì người tu hạnh Bồ tát, do mê mờ. nghe nhiều, biết rằng chúng sanh bị

vô minh che lấp, nên chịu khổ suốt Giáo pháp đức Phật nói ra, theo đêm dài. Bồ tát có năng lực dùng thầy học hỏi, thọ trì để không thất đèn trí huệ soi sáng khắp nơi, khiến lạc. cho chúng ra khỏi tối tăm và có Bảy, Khai diễn. được niềm vui trong sạch, vươn Chánh pháp do Như lai nói ra, lên. luôn nên chỉ bày, diễn thuyết để Mười, Bất úy ác

đạo. cho người khác tinh hiểu. Vì người tu hạnh Bồ tát, do Tám, Phúng tụng. nghe nhiều, hiểu rõ muôn pháp, thể Tất cả đạo pháp Như lai nói ra vốn vắng lặng, không khổ, không luôn nên phúng tụng, tán thán với vui. Vì vậy phát tâm rộng lớn, giáo giọng đọc trong trẻo làm cho người hóa chúng sanh theo từng loại và khác nghe được vui vẻ. đối với hiểm nạn, ác đạo không Chín, Tư duy. chút sợ hãi. Tất cả pháp nghĩa do Như lai nói ra, suy nghĩ kỹ lưỡng, ghi nhớ THẬP PHÁP HÀNH không quên. (Biện trung biên luận). Mười, Tu tập. Nương theo pháp Như lai nói Một, Thư tả. ra, luôn tinh tấn tu tập để thành đạo Đối với kinh, luật, luận Phật nói quả. ra ghi chép để lưu hành rộng rãi và không để cho mai một. THẬP CHỦNG HẠNH Hai, Cúng dường. NGUYỆN Đối với chỗ nào có kinh điển (Phẩm hạnh nguyện của Phật như tháp, miếu thờ Phật đều nên cung kính tôn trọng cúng trong kinh Hoa nghiêm). dường. Ở trong rừng Thệ đa, trên hội Ba, Thí tha. Linh sơn, Bồ tát Phổ hiền tán thán Đối với pháp đã nghe được nên công đức của Như lai xong, nói với nói cho người khác nghe hoặc là ấn các Bồ tát và Thiện tài rằng công tống kinh sách, đừng giữ cho riêng đức của Như lai, mười phương chư mình mà còn làm cho người khác Phật, trải qua vô số cõi nước như vi có lợi ích. trần, cũng không thể nói hết. Nếu Bốn, Đế thính. muốn thành tựu công đức này phải Nghe người khác tụng kinh, tu mười hạnh nguyện to lớn. thuyết pháp, tâm sanh ưa thích sâu (Phổ hiền là đức bao trùm pháp xa và lắng lòng suy nghĩ. giới là phổ; nhu nhuyến, tùy thuận Năm, Phi đọc. là hiền). Kinh do Phật nói luôn dành thì Một, Lễ kính chư Phật. giờ đọc tụng. Nhất tâm tưởng nhớ đến mười Sáu, Thọ trì. phương chư Phật như đang đứng

trước mặt, cung kính sâu xa, năm cả Bồ tát, con đều tùy thuận, tán vóc gieo xuống đất, nên gọi là lễ thán, vui mừng, nên gọi là tùy hỷ kính chư Phật. công đức. Hai, Xưng tán Như lai. (Tiếng Phạn là Bích chi, gọi đủ Yêu mến công đức mầu nhiệm là Bích chi ca la, tiếng Hoa là của Phật bằng lời nói , xưng tán Duyên giác). khen ngợi, nên gọi là xưng tán Như Sáu, Thỉnh chuyển pháp luân. lai. mười phương cõi nước của chư Ba, Quảng tu cúng dường. Phật thành chánh đẳng chánh giác, Chư Phật Như lai là phước điền bằng ba nghiệp thân, miệng, ý của tối thượng nên khởi tâm tin tưởng, con ân cần khuyến thỉnh chuyển đều là pháp tài tối thượng đáng gọi pháp luân nhiệm mầu, mưa pháp là những tràng hoa và hương thơm muôn nơi, mình và người đều được tuyệt đẹp, tiền của dồi dào và siêng lợi ích, nên gọi là thỉnh chuyển tu diệu pháp Bồ đề cho căn lành pháp luôn. nhiều lên vô số kể. Dùng những thứ (Tiếng Phạn là sát, gọi đủ là sát ấy cúng dường, nên gọi là quảng tu ma, tiếng Hoa là thổ điền, quốc, cúng dường. xứ). Bốn, Sám trừ nghiệp chướng. Bảy, Thỉnh Phật trụ thế. Tiếng Phạn là Sám, gọi đủ là Chư Phật, Bồ tát, Thinh văn, Sám ma, tiếng Hoa là hối quá. Nay Duyên giác, các thiện tri thức sắp gọi là sám hối là nói chung cả tiếng nhập diệt con đều khuyến thỉnh ở Hoa và tiếng Phạn. lại cuộc đời này lâu hơn để làm lợi Sám là trình bày tội lỗi đã làm; ích cho chúng sanh, nên gọi là hối là sửa đổi những sai lầm đã xảy thỉnh Phật trụ thế. ra và tu tập những việc tốt đẹp sắp Tám, Thường tùy Phật học. tới. Nếu muốn sám trừ tội chướng Phật từ lúc mới phát tâm, siêng thì phải nhớ lại trong vô số kiếp do năng không thối lui, không tiếc tham, sân, si gây ra các nghiệp ác, thân mạng, lột da làm giấy, lấy che lấp chân tánh. Nay phải thanh xương làm bút, chích huyết làm tịnh ba nghiệp, đối trước Phật, Bồ mực để viết kinh điển, chất cao tựa tát và đại chúng, thành tâm sám hối núi Tu di;

cho đến thuyết pháp độ nghiệp chướng. sanh bằng bao nhiêu pháp lành, con Năm, Tùy hỉ công đức. đều nguyện tùy thuận tu học, nên Công đức có được của Phật từ gọi là thường tùy Phật học. khi mới phát tâm, không tiếc thân Chín, Hằng thuận chúng sanh. mạng, buông bỏ đầu, mắt, não, tủy, Thường đối với chúng sanh tu các khổ hạnh, cho đến khi thành cung phụng cúng dường như sư đạo rồi Diệt độ. Và rất nhiều công trưởng của mình, như cha mẹ mình; đức, việc lành có được của lục thú, hễ ai có bệnh xin làm lương y, cho tứ sanh, Thinh văn, Duyên giác, tất đến kẻ nghèo khổ, khiến cho được

giàu sang. Đem đến lợi lạc như thế 1) Nhiếp luật nghi giới là giữ gìn cho tất cả một cách bình đẳng, nên giới luật của Phật, có đầy đủ oai gọi là là hằng thuận chúng sanh. nghi. 2) Nhiếp thiện pháp giới là Mười, Phổ giai hồi hướng. pháp lành do thân, miệng, ý làm ra Phát tâm rộng lớn, bắt đầu từ lễ đều được giữ gìn. 3) Nhiêu ích hữu kính chư Phật cho đến hằng thuận tình giới là dùng tâm từ bi, hỉ xả chúng sanh. Với tất cả công đức to đem an vui cho chúng sanh và trừ lớn này hồi hướng cho tất cả chúng hết khổ đau của chúng sanh, lợi ích sanh trong pháp giới, nguyện cho bình đẳng. Đó là ba hành của độ thi luôn được an lạc, cho đến cuối la. cùng thành tựu Bồ đề, nên gọi là Ba, Nhẫn độ tam hành. phổ giai hồi hướng. Nhẫn độ này có ba thứ: 1) Nại oán hại nhẫn là nếu gặp oán, ghét, THẬP ĐỘ CÁC HỮU độc hại thì an nhiên chịu đựng, TAM HÀNH không dụng tâm trả thù. 2) An thọ (Thành duy khổ nhẫn là nếu gặp lửa, nước, dao, gậy, khổ đau do những thứ ấy bức thức luận). bách thì điềm nhiên chịu đựng. 3) Độ là vượt qua. Vì mười độ Đế sát pháp nhẫn là quan sát thật này, mỗi độ đều có ba thứ hạnh kỹ các pháp, thể tánh của chúng hư môn thù thắng. Bồ tát tu hành pháp ảo (không thật, giả dối). mà vốn này thì có khả năng lợi mình, lợi không sanh, diệt thì an nhiên chấp người khác, độ các chúng sanh lìa nhận. Đó là ba hành của nhẫn độ. xa bờ sanh tử bên này, vượt qua Bốn, Tiến độ tam hành. dòng sông phiền não ở giữa, đến bờ Tinh tấn này có ba thứ: 1) Bị Niết bàn bên kia, cùng lên Bồ đề vô giáp tinh tấn là phát đại tâm thệ thượng. nguyện, tu tập các thắng hạnh (áo Một, Thí độ tam hành. giáp tinh tấn). 2) Nhiếp thiện tinh Bố thí có ba thứ: 1) Tài thí là tấn là tu hạnh phương tiện, tiến lấy của cải của mình đem cho thắng vô thượng Bồ đề. 3) Lợi lạc người khác để họ được an vui. 2) tinh tấn là siêng năng giáo hóa Pháp thí là vì chúng sanh diễn chúng sanh đều tu tập theo đạo thuyết Phật pháp để họ được mở pháp. Đó là ba hành của tinh tấn mang, hiểu biết. 3) Vô úy thí là nếu độ. chúng sanh không có tâm sát hại thì Năm, Thiền độ tam hành. không có gì làm cho họ sợ hãi. Đó Tiếng Phạn là Thiền, gọi đủ là là ba hành của độ bố thí. Thiền na, tiếng Hoa là Tĩnh lự. Hai, Thi độ tam hành. Thiền độ này có ba thứ: 1) An trụ Tiếng Phạn là Thi, gọi đủ là Thi tĩnh lự là loạn tưởng không nổi lên, la, tiếng Hoa là Thanh lương, còn đi sâu vô thiền định. 2) Dẫn phát gọi là Giới. Giới độ này có ba thứ: tĩnh lự là trí huệ hiện ra, sanh các

công đức. 3) Biện sự tĩnh lự là công của thần thông, hóa độ chúng sanh. hạnh viên thành đem đến lợi ích Đó là ba hành của lực độ. cho chúng sanh. Đó là ba hành của Mười, Trí độ tam hành. thiền độ. Trí độ này có ba thứ: 1) Vô Sáu, Huệ độ tam hành. tướng trí là quán sát, thấu hiểu các Huệ độ này có ba thứ: 1) Sanh pháp, tánh vốn là không. 2) Thọ không vô phân biệt huệ là soi xét dụng pháp lạc trí là tu hành chứng

bình đẳng. 2) Pháp không vô phân được trí nhất thiết chủng, luôn tự biệt huệ là soi xét bình đẳng pháp thọ dụng được tự tại lớn. 3) Thành chân đế, ngộ được tánh vốn không. thục hữu tình trí là dạy bảo, đem lại 3) Câu không vô phân biệt huệ là lợi ích cho tất cả chúng sanh thành soi tỏ hoàn toàn trung đạo, vượt lên tựu đạo quả. Đó là ba hành của trí trên hai không ở trước đều bình độ. đẳng. Đó là ba hành của huệ độ. (Trí nhất thiết chủng là biết tất Bảy, Phương tiện độ tam hành. cả đạo, biết tất cả loại, đó là trí của Phương tiện độ này có ba thứ: Phật). 1) Tiến thú quả hướng phương tiện là tu các công đức hồi hướng quả THẬP CHỦNG HỮU Y Phật. 2) Xảo hộ hữu vô phương tiện HÀNH LUÂN là có khả năng khéo léo dung hợp (Địa tạng thập lý của hai đế chân và tục. 3) Xả tất thọ phương tiện là cứu giúp chúng luân kinh). sanh mà hiểu thấu năng và sở đều Hữu y hành là chỗ nương tựa không mà không lìa bỏ. Đó là ba của hành nghiệp. Luân có nghĩa là hành của độ phương tiện. nghiền nát. Tám, Nguyện độ tam hành. Phật là chỗ nương tựa của hành Nguyện độ này có ba thứ: 1) nghiệp chúng sanh mà tu tập đạo Mong cầu Bồ đề là mình phải Bồ đề thì có thể tiêu trừ hoặc mong cầu quả Phật. 2) Lợi lạc tha nghiệp phiền não, nên gọi là luân. nguyện là cứu độ tất cả chúng sanh. Một, Cụ túc tịnh tín. 3) Mong muốn giáo hóa hữu tình Vì chúng sanh có đầy đủ tín và mong muốn tự lợi và lợi tha. Đó tâm thanh tịnh thì đối với tất cả là ba hành của nguyện độ. nghiệp duyên thiện ác, nhân quả Chín, Lực độ tam hành. của việc chịu quả báo, đều không Lực tức là công dụng của lực. nghi ngờ. Đây là hành nghiệp có Lực độ có ba hành: 1) Tư trạch lực chỗ nương tựa. là suy nghĩ, chọn lựa tất cả pháp Hai, Cụ túc tàm quý. lành mà được lực này. 2) Tu tập lực Chúng sanh có tâm tàm quý đầy là tu hành, luyện tập hạnh nhiệm đủ, tất cả những sai trái do thân, mầu, thù thắng mà chứng được lực miệng làm ra, tự mình biết xấu hổ này. 3) Biến hóa lực là lực dụng và nó cho người khác biết không

che giấu. Đây là hành nghiệp có thuận tu học, mạnh dạng siêng chỗ nương tựa. năng, trước sau không trễ nãi, lười Ba, An trụ luật nghi. biếng. Đây là chỗ nương tựa của Chúng sanh, nếu có thể giữ gìn hành nghiệp. nghiệp thân, miệng, ý, an trú vào Mười, Thường lạc tịch tĩnh. tịnh giới thì các luật nghi sát, đạo, Chúng sanh tu tập thiền định, dâm, vọng… đều không vi phạm. phải xa lánh chỗ ồn ào, náo nhiệt, Đây là hành nghiệp có chỗ nương nhất tâm yên lặng, như lý suy tư, tựa. dứt mọi vọng tưởng. Đây là chỗ Bốn, An trụ từ tâm. nương tựa của hành nghiệp. Chúng sanh, nếu có thể an trụ tâm bình đẳng từ ái, thì đối với tất THẬP CHỦNG PHÁT cả chúng hữu tình; đem cho chúng TÂM sự an vui, không làm cho chúng tổn (Hoa nghiêm kinh hại, bức bách. Đây là hành nghiệp có chỗ nương tựa. Tùy sớ diễn nghĩa sao). Năm, An trụ bi tâm. Mười thứ phát tâm là vì các Chúng sanh, nếu có thể an trụ chúng sanh mê lầm đánh mất chân tâm bình đẳng bi mẫn, thì đối với tánh, từng niệm của tâm khởi lên tất cả hữu tình thấy chúng chịu khổ, tham đắm các cảnh, nghiệp báo cứu vớt cho tránh khỏi, để chúng không giống nhau, khổ, vui cũng được an ổn. Đây là hành nghiệp có khác là vì phát tâm không thuần chỗ nương tựa. nhất. Sáu, An trú hỉ tâm. Một, Phát địa ngục tâm. Chúng sanh, nếu có thể an trụ Vì chúng sanh tâm niệm liên tâm xả ly (xa lìa), thì đối với tất cả tục nổi lên tham lam, sân hận, càng loài hữu tình có oán, thân cũng đều ngày càng tạo thành thập ác thượng bình đẳng không ghét, không phẩm, đi vào hỏa đồ đạo

(địa thương. Đây là chỗ nương tựa của ngục). Đó là phát tâm địa ngục. hành nghiệp. (Thượng phẩm là con người Tám, Cụ chánh quy y. làm ác gồm ba giai đoạn: Sắp làm, Chúng sanh khi vừa phát tâm tu đang làm, đã làm mà không biết hối hành phải trở về nương tựa Tam hận). bảo Phật, Pháp, Tăng thì việc tu, Hai, Phát súc sanh tâm. việc chứng của mình mới có chỗ Vì chúng sanh khởi tâm liên căn cứ mà không bị tà ma, ngoại tục, muốn có nhiều quyến thuộc đạo mê hoặc. Đây là chỗ nương tựa như biển cả nuốt chửng ngàn sông, của hành nghiệp. ngu si tham đắm, khởi lên thập ác Chín, Cụ túc tinh tấn. trung phẩm, đi vào huyết đồ đạo Chúng sanh, đối với tất cả pháp (súc sanh). Đó là phát tâm súc lành của Như lai, nếu có thể tùy sanh.

(Trung phẩm là làm ác xong Thượng phẩm là đối thập thiện, rồi, tâm hối hận chút đỉnh). sắp làm, đang làm, đã làm tâm Ba, Phát ngạ quỷ tâm. không hối hận. Vì từng niệm của chúng sanh Vì trong từng niệm của chúng đều muốn danh tiếng vang xa, mọi sanh biết rõ ba ác đạo là khổ, nhân người khen ngợi mà bên trong gian có khổ có vui, chỉ có cõi trời không có thật chất, chỉ toàn là lừa là toàn vui mà mong cầu về đó, nội dối, nịnh bợ, khởi lên thập ác hạ căn đóng kín, không dính mắc phẩm, đi vào đao đồ (ngạ quỷ). Đó ngoại trần, tu tập thiên đạo. Đó gọi gọi là phát tâm ngạ quỷ. là phát tâm thượng phẩm thập (Hạ phẩm là khi làm ác thì liền thiện. hối hận). (Nội căn là ý căn. ba ác đạo là Bốn, Phát hạ phẩm thập thiện Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). tâm. Bảy, Phát dục giới chủ tâm. Hạ phẩm là khi làm điều thiện, Dục giới chủ là chủ của trời liền sanh tâm hối hận. Tha hóa tự tại ở cõi Dục. Thập thiện là không sát sanh, Nếu từng niệm của chúng sanh không trộm cắp, không tà dâm, mở rộng uy thế, đoạt lấy sở hóa của không nói dối, không nói hai lời, người khác để làm niềm vui của không nói ác, không thêu dệt, mình mà thực hành Ma la đạo. Đó không tham dục, không sân hận, là phát tâm làm chủ cõi Dục. không tà kiến. Vì từng niệm của (Tiếng Phạn là Ma la, tiếng Hoa chúng sanh đều muốn hơn người, là Năng đoạt mạng, nghĩa là hay trọng mình xem thường kẻ khác mà lấy mạng trí huệ của người nên gọi lại rêu rao nhân nghĩa ra ngoài, làm là Thiên ma tức là trời này). theo Tu la đạo. Đó là phát tâm hạ Tám, Phát thế trí tâm. phẩm thập thiện. Vì trong từng niệm của chúng (Tiếng Phạn là A tu la, tiếng sanh muốn được thế trí biện thông, Hoa là Phi thiên). bác lãm đông tây, kim cổ mà không Năm, Phát trung phẩm thập tin vào giáo pháp xuất thế nên thực thiện tâm. hành đạo Ni kiền. Đó gọi là phát Trung phẩm là sau khi làm việc tâm thế trí. thiện xong, tâm hối hận khởi lên (Tiếng Phạn là Ni kiền, tiếng chút đỉnh. Hoa là Ly hệ, tức là Ngoại đạo). Vì chúng sanh, trong từng Chín, Phát Phạm tâm. niệm, vui thích cõi đời, tu tập năm Vì chúng sanh chán cảnh trần giới, thực hành nhân đạo. Đó gọi là cõi Dục ở hạ giới mà thích thú sự phát tâm trung phẩm thập thiện. vui vẻ tuyệt diệu của Phạm thiên Sáu, Phát thượng phẩm thập nên thực hành đạo sắc và vô sắc. thiện tâm. Đó gọi là phát Phạm tâm.

(Sắc, vô sắc là sắc giới và vô chuyên tâm tưởng nhớ, tường niệm sắc giới) không quên. Đó là niệm tăng. Mười, Phát vô lậu tâm. Bốn, Niệm giới. Vô lậu là không rơi rớt vào Giới Phật chế ra có khả năng sanh tử. dứt ác, thành tựu đạo phẩm, giống Vì trong từng niệm của chúng như anh lạc có thể dùng trang sanh, chán ghét, muốn xa lìa cái nghiêm thân thể, nên luôn chuyên khổ sanh tử ở thế gian, dứt trừ mê tâm tưởng nhớ, từng niệm không lầm của tham, sân, si, luôn tu thân quên. Đó là niệm giới. vô lậu và thực hành

đạo Nhị thừa. Năm, Niệm thí. Đó là phát tâm vô lậu. Vì bố thí có khả năng trừ bỏ keo kiệt, sanh trưởng quả phước và THẬP NIỆM sau khi bố thí, tâm không hối hận (Chư kinh yếu tập). cũng không mong đáp trả nên luôn chuyên tâm tưởng nhớ, từng niệm Vì đối với mười cảnh mà khởi không quên. Đó là niệm thí. tu mười niệm để nhiếp phục loạn Sáu, Niệm thiên. tâm, đừng để vọng động thì chánh Chư thiên là do thiện nghiệp niệm hiện tiền, Phật đạo có ngày thành tựu có được thân thể tốt đẹp, thành tựu vậy. đầy đủ phước đức, ta nên tu nghiệp Một, Niệm Phật. lành như thế sẽ cảm quả báo như Vì đối với công đức, tướng hảo thế, luôn chuyên tâm tưởng nhớ, của Như lai, luôn chuyên tâm từng niệm không quên. Đó gọi là tưởng nhớ, từng niệm không quên. niệm thiên. Đó gọi là niệm Phật. Bảy, Niệm hưu tức. Hai, Niệm pháp. Ở chỗ yên tĩnh, nhàn hạ biệt Giáo pháp của chư Phật là lập, dứt hết các duyên bên ngoài thì nguyên tắc tu hành, có khả năng trừ tu tập được thánh đạo nên luôn ái dục, trần lao là những thứ ràng chuyên tâm tưởng nhớ, từng niệm buộc sai khiến chúng sanh nên luôn không quên. Đó là niệm hưu tức chuyên tâm tưởng nhớ, niệm niệm (nghỉ ngơi). không quên. Đó gọi là niệm pháp. Tám, Niệm an ban. (Kết sử: những thứ ràng buộc, Tiếng Phạn là An ban, gọi đủ là sai khiến là sự ràng buộc của tất cả An na ban na, tiếng Hoa là Khiển hoặc nghiệp, có khả năng sai khiến lai khiển khứ, tức là Thở ra thở chúng sanh chịu khổ sống, chết). vào. Ba, Niệm tăng. Vì nhiếp tâm yên tĩnh, đếm hơi Các vị thánh tăng Bồ tát, La thở ra vào, nhận biết dài ngắn, thì hán có đầy đủ vô số công đức, là có khả năng trừ các vọng tưởng nên phước điền của thế gian nên luôn luôn chuyên tâm tưởng nhớ, từng

niệm không quên. Đó là niệm an Người niệm Phật, thân tâm ban. được an tịnh, đối với chúng sanh Chín, Niệm thân. thường khởi tâm đại bi, thương xót Vì thân này gồm có đầu, mắt, làm cho chúng được giải thoát. Đó tay, chân, da, thịt, xương, tủy..., là không có tâm làm cho chúng như vậy cái gì là thân ? Từ đâu đến sanh buồn khổ bức bách. đây ? Ai tạo nó ra ? Sau khi chết sẽ Ba, Lạc thú thủ hộ tâm. sanh về đâu ? Hiểu rõ sự giả hợp ấy Người niệm Phật, đối với chánh là do nhân duyên nên chắc chắn pháp Phật nói ra, phải tu tập theo không có thật, thì ngày đêm siêng không tiếc thân mạng, mà còn giữ năng tu tập tịnh hạnh, luôn chuyên gìn, bảo vệ, yêu mến chánh pháp tâm tưởng nhớ, niệm niệm không ấy. Đó là tâm yêu mến, giữ gìn, bảo quên. Đó là niệm thân. vệ chánh pháp. Mười, Niệm tử. Bốn, Vô chấp trước tâm. Vì một đời người giống như Người niệm Phật thường dùng mộng ảo, các căn không bền vững, trí huệ để quán sát, đối với tất cả cuối cùng cũng hư hỏng thì phải pháp không sanh chấp trước. Đó là ngày đêm tinh tấn, cầu mong xa lìa, tâm không chấp trước các pháp. nên luôn chuyên tâm tưởng nhớ, Năm, Khởi tịnh ý tâm. niệm niệm không quên. Đó là nhớ Người niệm Phật hay xa lìa các đến chết. pháp tạp nhiễm của thế gian và đối các việc lợi dưỡng luôn có tâm biết NIỆM PHẬT THẬP đủ. Đó là khởi tâm ý thanh tịnh. CHỦNG TÂM Sáu, Vô vong thất tâm.

(Đại bảo tích Người niệm Phật mong cầu sanh về cõi tịnh, thành tựu giống kinh). Phật đầy đủ trí huệ, đối với thời Bồ tát Di lặc bạch Phật rằng lợi gian luôn niệm Phật không bỏ. Đó ích công đức ở thế giới Cực lạc của là tâm không quên mất. Phật A di đà, nếu có chúng sanh Bảy, Vô hạ liệt tâm. phát mười thứ tâm, tùy theo mỗi Người niệm Phật thường thực tâm niệm Đức Phật ấy thì người đó hành tâm bình đẳng, đối với chúng khi chết sẽ được đi về nước Cực sanh tôn trọng cung kính, không lạc. sanh tâm

xem thường. Đó là không Một, Vô tổn hại tâm. có tâm xem thường chúng sanh. Người niệm Phật, đối với chúng Tám, Sanh quyết định tâm. sanh thường khởi tâm đại từ, không Người niệm Phật không vướng làm cho chúng tổn hại mà còn làm mắc vào ngôn luận ở thế gian, đối cho chúng an vui. Đó là không có với đạo vô thượng Bồ đề sanh lòng tâm làm cho chúng sanh tổn hại. chánh tín thì không bị lầm lạc. Đó Hai, Vô bức não tâm. là sanh tâm quyết định.

Chín, Vô tạp nhiễm tâm. Vì người tu hạnh Bồ tát, đối với Người niệm Phật tu tập công các phạm hạnh, ra sức chịu đựng hạnh, trồng các căn lành, tâm luôn gian lao, khổ sở, mạnh mẽ không xa lìa tất cả phiền não, tạp nhiễm. lười biếng, cho đến khi đắc pháp, Đó là tâm không tạp nhiễm. từng niệm tư duy không để quên Mười, Khởi tùy niệm tâm. mất. Đó là phương tiện tinh tấn. Người niệm Phật, tuy quán Năm, Thiền định phương tiện. tướng hảo của Như lai, mà tâm Vì người tu hạnh Bồ tát xa lìa không sanh yêu mến vướng mắc, ở năm dục và các phiền não và đối trong vô niệm, luôn nhớ đến Phật với các pháp thiền định, giải thoát ấy. Đó là khởi tâm tùy niệm. quyết tâm tu tập, cầu chứng quả Phật. Đó là phương tiện thiền định. THẬP CHỦNG Sáu, Trí huệ phương tiện. PHƯƠNG TIỆN Vì người tu hạnh Bồ tát xa lìa (Tấn dịch Hoa ngu si, phiền não, nuôi lớn tất cả công đức, vui mừng, an vui, tâm nghiêm kinh). không biết chán, mở mang trí huệ, Một, Bố thí phương tiện. thành tựu Bồ đề. Đó là phương tiện Vì người tu hạnh Bồ tát tâm trí huệ. không keo kiệt, bủn xỉn, đối với Bảy, Đại từ phương tiện. thân mạng, tài sản đều vui vẻ Vì người tu hạnh Bồ tát vận buông bỏ, chỉ muốn lợi ích cho dụng tâm đại từ bình đẳng, đem lợi chúng sanh và không mong sự báo ích đến cho tất cả chúng sanh, dù đáp của người. Đó là phương tiện cho trải qua số kiếp như vi trần bố thí. cũng không mỏi mệt. Đó là phương Hai, Trì giới phương tiện. tiện đại từ. Vì người tu hạnh Bồ tát giữ Tám, Đại bi phương tiện. vững cấm giới tu hạnh đầu đà, oai Vì người tu hạnh Bồ tát, tuy nghi đầy đủ, không xem thường hiểu rõ các pháp vốn không có tự người khác, đối với cảnh trần, tâm tánh và có khả năng dùng tâm đại không vướng mắc. Đó là phương bi bình đẳng thay đổi, chịu đau khổ tiện giữ giới. cho tất cả chúng sanh, dù trải qua Ba, Nhẫn nhục phương tiện. số kiếp như vi trần. Đó là phương Vì người tu hạnh Bồ tát xa lìa tiện đại bi. điên đảo, sân hận và không có tư Chín, Giác ngộ phương tiện. tưởng phân biệt ta người, đối với Vì người tu hạnh Bồ tát, dùng các chúng sanh, giả sử, có kẻ trí huệ vô ngại, chỉ bày cho tất cả nghịch xâm hại đến mình cũng đều chúng sanh hiểu được giác tánh nhận chịu, tâm không bị động. Đó vốn có không còn nghi ngờ gì nữa. là phương tiện nhẫn nhục. Đó là phương tiện giác ngộ. Bốn, Tinh tấn phương tiện.

Mười, Chuyển bất thối pháp Loại này có khả năng đánh luân phương tiện. trống miệng uống các chất nước Vì người tu hạnh Bồ tát vận trong thân thể, không giao du với chuyển bánh xe pháp vô thượng, thế tục, nên gọi là thiên hành tiên. giáo hóa, hướng dẫn tất cả chúng Sáu, Thông hành tiên. sanh, nương vào đó mà tu học, tăng Loài này ăn tinh hoa của mặt trưởng Bồ đề, hạnh vị không thối trời mặt trăng, biến hóa theo ý lui. Đó là phương tiện vận chuyển muốn, kéo dài mạng sống nhiều bánh xe pháp không để thối lui. năm nên có sự hiểu biết với thường tình của con người, nên gọi là THẬP HÀNH TIÊN thông hành tiên. (Lăng nghiêm kinh). Bảy, Đạo hành tiên. Loại này có thể

dùng chú thuật Một, Địa hành tiên. giữ gìn thân mạng, nên gọi là đạo Loại này cũng ăn, mặc, thuốc hành tiên. thang và có thể sống lâu trong một Tám, Chiếu hành tiên. thời gian mà không thể bay lên Loại này hay cột niệm vào một được, nên gọi là tiên đi trên mặt cảnh giới, suy nghĩ ngưng đọng, đất. chứa đựng lâu năm đến thành công, Hai, Phi hành tiên. chiếu soi vạn vật, nên gọi là chiếu Loại này ăn uống bằng hoàng hành tiên. tinh, tùng bách, lâu ngày thân nhẹ Chín, Tinh hành tiên. nên gọi là tiên đi bằng cách bay. Loại này, bên trong phối hợp (Hoàng tinh là tên loại thuốc bằng cách giấu nam cách nữ, bên bắc. Tùng bách là lá cây tùng, cây ngoài gom góp khí âm trợ giúp khí bách). dương để thu tóm, bảo vệ tinh khí, Ba, Du hành tiên. nên gọi là tinh hành tiên. Loại này uống hoàn đan lâu Mười, Tuyệt hành tiên. ngày, xương cốt, hình thể biến đổi Loại này còn giữ lại ý tưởng thế và rong chơi ở cõi người, nên gọi là gian làm công dụng hữu vi, vận tiên du hành. dụng tư tưởng theo lý biến hóa để (Hoàn đan là thuốc của thần vượt ra ngoài thế gian, nên gọi là tiên). tuyệt hành tiên. Bốn, Không hành tiên. Loại này nương theo sự động THẬP MA tĩnh của âm dương, điều hòa khí (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ huyết cho tinh cô đặc, thân vọt lên cao đi trên không, nên gọi là tiên đi diễn nghĩa sao). trên không. Tiếng Phạn là Ma, gọi đủ là Ma Năm, Thiên hành tiên. la, tiếng Hoa là Năng đoạt mạng, vì nó có khả năng cướp mất mạng trí

huệ của chúng ta; còn có phiên âm lo sợ làm mất quyến thuộc của hắn, là Tác chướng, vì đối với người tu đưa đến cung điện trống không, hành có khả năng gây ra chướng liền phấn khởi làm việc sai trái là ngại, hoạn nạn. não loạn người tu hành, gây Một, Uẩn ma. chướng ngại đường đạo rồi đưa đến năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, mất trí huệ mạng. Đó gọi là thiên thức là ma. Vì thâm đắm năm pháp ma. uẩn mà khởi lên mê lầm rồi tạo ra Bảy, Thiện căn ma. nghiệp, làm chướng ngại chánh Vì vướng vào tất cả pháp lành đạo, và mất huệ mạng. Đó gọi là tu tập được là ma, do người tu uẩn ma. hành, nếu có được một việc lành, Hai, Phiền não ma. liền sanh tâm chấp lấy rồi chẳng Vì tất cả mê lầm của phiền não tiến tu. Do vậy làm chướng ngại là ma bởi tham đắm cảnh của năm chánh đạo rồi dần mất trí huệ trần, nổi lên các phiền não xa lìa mạng. Đó gọi là thiện căn ma. chánh đạo rồi làm mất trí huệ Tám, Tam muội ma. mạng. Đó gọi là phiền não ma. Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Ba, Nghiệp ma. Hoa là Chánh định. Vì tất cả ác nghiệp là ma, do Vì mắc vào những chứng đắc các nghiệp bất chính, ác độc sát trong khi thiền định là ma. Do sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ người tu thiền được một Tam muội làm chướng ngại chánh đạo rồi đưa rồi đắm vào trong thiền vị ấy quá đến mất trí huệ mạng. Đó gọi là lâu, không mong tiến lên, làm nghiệp ma. chướng ngại chánh đạo, dần mất trí Bốn, Tâm ma. huệ mạng. Đó gọi là Tam muội ma. Vì tất cả tâm ngã mạn là ma, do Chín, Thiện tri thức ma. tâm ôm ấp cống cao, luôn sanh kiêu Vì đối với chánh pháp keo kiệt mạn làm chướng ngại chánh đạo không giúp đỡ cho người khác là rồi đưa đến mất trí huệ mạng. Đó ma. Do đối với tất cả pháp khởi gọi là tâm ma. tâm chấp trước, không vì người Năm, Tử ma. giảng giải, hướng dẫn, làm chướng Vì người tuổi thọ không còn, ngại chánh đạo, khiến cho người mạng sống chấm dứt gọi là ma, do dần mất trí huệ mạng. Đó gọi là nghiệp báo đã xong, bỏ đi chỗ đang thiện tri thức ma. sống làm chướng ngại cho việc tu Mười, Bồ đề pháp trí ma. hành, rồi đưa đến mất trí huệ mạng. Vì vướng vào tất cả pháp nên Đó là tử ma. gọi là ma. Do người tu

hành, đối Sáu, Thiên ma. với pháp Bồ đề, khởi lên tâm chấp Vì trời Tha hóa tự tại ở tầng thứ trước, giữ lấy không buông, làm sáu cõi Dục là ma, do trời này làm chướng ngại chánh đạo rồi dần mất chủ ở cõi Dục thấy người tu hành

trí huệ mạng. Đó gọi là Bồ đề pháp liền nhập vào người ta, gây ra trí ma. những đau khổ như các loại bệnh truyền nhiễm. THẬP CHỦNG QUỶ Sáu, Ngạ quỷ. (Lăng nghiêm kinh). Loài quỷ này đời trước có nhân ngã mạn nhiều (kiêu ngạo), trong Một, Quái quỷ. không có thật đức mà bụng rỗng Loài quỷ này có nhân đời trước lòng cao ngạo, làm nhục người, là tham lam nhiều, hay lấy những ngạo vật, nên chịu quả báo này; vật phi nghĩa, nên chịu quả báo nhờ không khí làm thức ăn, không này, trở lại nương gởi vào vật ấy người cúng giỗ, luôn khốn khổ vì như vàng, bạc, cây cỏ v.v... mà trở đói khát. Đó là ngạ quỷ. thành tinh quái núp trong những Bảy, Yểm quỷ. thứ này. Loại quỷ này đời trước có nhân Hai, Bạt quỷ. nói láo nhiều, thường ôm ấp mưu Loài quỷ này có nhân đời trước tính kỳ lạ, lừa gạt kẻ khác bằng là dâm dục nhiều, bị sắc dục làm cách tỏ ra bề ngoài có đức độ để cho thân tâm rối loạn như gió mạnh lừa dối người, nên chịu quả báo đập vào vật nên chịu quả này; rồi này; nương vào chỗ tối tăm làm trở lại gá vào gió và thành bạt quỷ. lầm lạc người ngủ say. Đó là yếm (Bạt tức là hạn bạt: nắng hạn). (ếm) ma. Ba, Mị quỷ. Tám, Võng lượng quỷ. Loài quỷ này có nhân kiếp Loài quỷ này đời trước có nhân trước nhiều gian dối, chỉ dựa vào tà kiến. Sanh ra chấp trước sai lầm, gian dối lừa gạt người khác, nên cho mình đã giác ngộ sáng suốt, chịu quả báo này; rồi nương dựa nên chịu quả báo này; là loài quỷ vào loài súc sanh trở thành tính quái của cây, đá. Đó là võng lượng chất, có thể lừa gạt người. quỷ. Bốn, Cổ độc quỷ. Chín, Dịch sử quỷ. Loài quỷ này có nhân đời trước Loài quỷ này đời trước có nhân nhiều thù hằn, kết thành hờn giận là nhiều oan uổng, lao tâm khổ tứ, trong tâm, ôm ấp điều ác không thường làm việc bất chánh, hại buông bỏ được, nên chịu quả báo người không có tội mắc tội, nên này; mới nương vào loài vật ác độc chịu quả báo này, gá nương cảnh biến thành tính chất như rắn, rít, có ánh sáng, mượn làm hình hài để độc trùng có thể giết hại người. làm các việc khuân vác cát đá. Đó Năm, Lệ quỷ. là dịch sử quỷ. Loài quỷ này có nhân đời trước Mười, Truyền tống quỷ. nhiều sân hận, tâm luôn nổi nóng, Loài quỷ này đời trước hay kiện nên chịu quả báo này; gặp người nhau, giấu giếm tội lỗi của mình, bị thân mạng suy yếu, năm hạn vận người kiện cáo, nên chịu tội này,

nương gá vào người nói ra những đối với thiền quán không sao thành điều cát hung, họa phước. Đó là tựu được. quỷ truyền tống. Tám, Hôn trầm. Hôn trầm là tối tăm, chậm chạp, THẬP TRIỀN chìm lắng xuống. Vì thần thức hôn (Phiên dịch danh nghĩa). trầm, mờ mịt không biết gì; nếu không gắng sức siêng năng thì sẽ Triền là cột. Vì tất cả chúng chìm sâu vào biển khổ. sanh đều bị mười pháp này trói Chín, Sân phẩn. buộc, không thể ra khỏi khổ sanh Sân phẩn là giận hờn. Vì người tử, chứng được cái vui của Niết gặp tình cảnh trái ngược không bàn. theo ý muốn liền phát tức giận mà Một, Vô tàm. quên mất chánh niệm. Tàm là thẹn, xấu hổ với trời, vì Mười, Phú. người ở chỗ kín đáo, làm những Phú là cất giấu. Vì giấu nhẹm điều sai trái, ác ôn không tự biết hổ những việc xấu ác, sai trái, sợ thẹn. người khác biết, không thể hối hận Hai, Vô quý. lỗi lầm mà làm theo điều thiện. Quý là xấu hổ với người. Vì người đã thấy những lầm lỗi

của THẬP SỬ mình mà mình không biết xấu hổ. (Pháp giới thứ đệ). Ba, Tật. Tật là ghen ghét. Vì khi thấy Sử là sai bảo, phục dịch. Vì người khác giàu sang, tâm sanh tham… mười sử đều có thể sai bảo ghen ghét. tâm thần của hành giả, lưu chuyển Bốn, Xan. trong ba cõi sanh tử. Xan là keo kiệt, bủn xỉn. Đối Một, Tham sử. với tiền của ở thế gian, giáo pháp Tâm dẫn dắt sự nhận lấy gọi là xuất thế gian không sẵn lòng bố thí. tham. Vì đối với tất cả vật và cảnh Năm, Hối. thuận lòng dẫn đến sự nhận lấy Hối là hối hận. Vì những việc không biết chán; đó gọi là sự sai sử làm lầm lỗi còn vướng mắc trong của tham. lòng không sao an nhàn được. Hai, Sân sử. Sáu, Thụy miên. Tâm giận dữ gọi là sân. Vì đối Thụy miên là người hôn trầm, với tất cả cảnh trái ngược, liền khởi không tỉnh, thường thích ngủ nghỉ lên phẩn nộ; đó gọi là sự sai khiến thì không tỉnh táo. của giận dữ. Bảy, Trạo cử. Ba, Si sử. Trạo cử là dao động. Vì tâm Tâm mê lầm là si. Vì đối với tất niệm dao động không thể kiềm giữ, cả sự lý không hiểu biết rõ ràng,

sanh ra tà kiến sai lầm rồi làm các tâm sanh ra chấp trước, đến khi việc sai; đó là sự sai khiến của si. hành đạo, tuy vào nhiều loại quán Bốn, Mạn sử. pháp môn, mà chân minh chưa Trọng mình khinh người là phát, lại lầm cho là chứng được, là mạn. Vì do ỷ vào dòng giống mình đúng là hơn rồi tâm sanh chấp phú quý, tài hoa xem thường người trước; đó là chấp lấy kiến thức sai khác; đó là mạn sử. lầm. Năm, Nghi sử. Mười, Giới thủ sử. Tâm mờ mịt, lý sai trái là nghi Chẳng phải giới mà cho là giới, (ngờ). Nếu tu các pháp giới, định, chấp lấy mà hành trì. Như ngoại huệ không phân biệt rõ ràng đúng đạo hành trì giới gà, giới chó v.v… sai, vô minh mờ tối, do dự không cho đó là những giới chân chánh; quyết; đó là nghi sử. đó là giới thủ sử. Sáu, Thân kiến sử. (Giới gà, giới chó là ngoại đạo Vì ở trong danh sắc, ấm, nhập, lầm cho từ gà, chó từ kiếp trước mà giới nhầm cho là có thân, mạo sanh ra, nên đứng một chân, ăn vật xưng là chủ tể nên luôn khởi lên dơ để thực hành khổ hạnh). ngã kiến; đó là bị thân kiến sai sử. (Ấm tức là năm ấm: sắc, thọ, THẬP ÁC tưởng, hành, thức. Nhập tức là 12 (Pháp giới thứ đệ). nhập: sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Giới tức là 18 giới: sáu căn, sáu Ác là làm trái lý. Vì chúng sanh trần, sáu thức). gặp cảnh điên đảo, buông thả theo Bảy, Biên kiến sử. tình cảnh sai lầm này, đưa đến mọi Vì ở trong thường và đoạn, động tác của thân, miệng, ý đều sai chấp đoạn chẳng phải thường, chấp trái với lý lẽ và hình thành mười thường chẳng phải đoạn chỉ chấp điều ác. một bên; đó là biên kiến. Một, Sát sanh. (Đoạn, thường là ngoại đạo lầm Sát sanh là tự mình giết hay bảo cho thân này chết rồi không tái người khác giết, cắt đức mạng sống sanh, nên gọi là đoạn kiến; cho thân của tất cả chúng sanh. này chết rồi, sau sẽ tái sanh, nên Hai, thâu đạo. gọi là thường kiến). Thâu đạo là lén lấy tiền của của Tám, Tà kiến sử. người khác. Tâm tà (cong, quẹo) giữ lấy lý, Ba, Tà dâm. không tin nhân quả, dứt hết các căn Tà dâm là không phải thê thiếp lành, thực hành hạnh nhất xiển đề; của mình mà làm việc dâm dục. đó là tà kiến sử. Bốn, Vọng ngữ. Chín, Kiến thủ sử. Vọng ngữ là ưa nói giả dối, Vì ở trong tà pháp mà cho là không thật lừa bịp người khác. chánh pháp, lầm cho là Niết bàn, Năm, Lưỡng thiệt.

Lưỡng thiệt là đến người này Hai, Tham tập nhân. nói chuyện người kia và ngược lại Tham tập nhân là tâm tham lam làm cho cả hai xích mích lẫn nhau. tích tụ, tính toán tới lui, rồi hấp dẫn Sáu, Ác khẩu. lẫn nhau, không có lúc ngưng Ác khẩu là nói lời hung dữ, thô dừng, thì cảm đến nước, nhóm gió tục, làm nhục người khác, làm cho thành

lạnh, nước đóng thành băng, họ bực bội, khổ não. nên có quả báo địa ngục hàn băng. Bảy, Ỷ ngữ. Ba, Mạn tập nhân. Ỷ ngữ là nói lời sai trái với sự Mạn tập nhân là kiêu căng tích thật bằng ngôn từ bay bướm cốt lũy lấn áp người khác, ỷ mình kiêu làm người vui lòng. ngạo, buông lung, phóng túng Tám, Tham dục. không biết ngừng nghỉ, chất chứa Tham dục là gặp cảnh vừa lòng, đến ác độc, nên có quả báo tắm gội tham lam dục lạc, tâm không biết và phải uống sông máu, biển độc. chán. Bốn, Sân tập nhân. Chín, Sân khuể. Sân tập nhân là giận dữ tích tụ Sân khuể là gặp cảnh trái ý, xung đột lẫn nhau, sinh ra chống không vừa lòng, sanh tâm nóng báng lẫn nhau, nên tâm nhiệt phát nảy, giận dữ. hỏa, nóng bức không ngừng, khi Mười, Tà kiến. tức giận kết thành kiên cố. Đây là Tà kiến là bác bỏ nhân quả, do nghiệp cảm báo, nên mới có quả thực hành tà đạo, tâm không có báo cung hình, chặt chém thân thể, chánh tín. v.v... Năm, Trá tập nhân. THẬP TẬP NHÂN Trá tập nhân là gian dối dụ dỗ (Lăng nghiêm kinh). nhau, phát sinh tâm lừa dối, đưa đến không an trụ. Nghiệp này cảm Một, Dâm tập nhân. thọ nên có quả báo gông cùm, roi Tập là số lần tập luyện. Dâm vọt. tập nhân là hai bên trai gái giao tiếp Sáu, Cuống tập nhân. trong việc dâm dục, cọ xác nhau Cuống tập nhân là lừa dối, không thôi, nên có ánh sáng lửa khinh khi nhau, phát sinh ra sự vu phát ra trong khi cử động. hai bên khống không ngừng. Tâm của họ giao tiếp như thế, nên phải có bay bổng, như gió thổi bụi mù, làm giường sắt, trụ đồng và quả báo của cho không còn thấy gì, nên có quả bát nhiệt địa ngục. báo quăng ném, tung hứng, vùi (Bát nhiệt là tưởng ngục, hắc dập, lênh đênh. thằng ngục, đôi áp ngục, khiếu Bảy, Oan tập nhân. hoán ngục, thiêu chích ngục, đại Oan tập nhân là oan uổng, nghi thiêu chích ngục, vô gián ngục, đại ngờ, sanh oán giận trong lòng. Như khiếu oán ngục). âm mưu đầu độc người, tâm ôm

độc ác, cảm lấy nghiệp này nên có Hai, Biên chấp kiến. quả báo đánh đập, bắn giết... Vì người ngoại đạo, đối với Tám, Kiến tập nhân. thân năm uẩn, chấp đoạn, chấp Kiến tập nhân là trao đổi kiến thường. Vì chấp một bên mà ngã thức cho nhau một cách rõ ràng về kiến tăng trưởng. Đó là kiến chấp sự hiểu biết sai lầm và mỗi người một bên. giữ chặt lấy ý kiến của mình, phải, Ba, Tà kiến. trái lẫn lộn. Việc làm của họ sanh Vì người ngoại đạo, không hiểu ra chống đối nhiều hơn, nên có quả rõ pháp nhân quả của Tứ đế. Tâm báo tra hỏi, dằn vặt. tà vạy cho rằng không có lý này. Vì Chín, Uổng tập nhân. dứt mất căn lành xuất thế, nên gọi Uổng tập nhân là ép uổng lẫn là tà kiến. nhau, rồi sanh gièm pha, như nói (Nhân quả Tứ đế là khổ đế, tập xấu, chửi rủa người, ép buộc người đế là nhân quả ở thế gian. Diệt đế, lành. Nghiệp này phát hiện nên đạo đế là nhân quả xuất thế gian). cảm thọ quả báo câu lưu, giam giữ, Bốn, Kiến thủ. kiềm kẹp, bức bách thân thể, vắt Vì người ngoại đạo, đối với 62 kiệt máu huyết. kiến, cho đặc biệt, tối thượng, hơn Mười, Tụng tập nhân. hết ra sức giữ lấy, dựa theo cách Tụng tập nhân là cãi cọ huyên diễn đạt, cho đây là sự thật duy náo, sự việc do giấu giếm, che đậy, nhất, còn lại là giả dối. Tự cho từ như gương soi đuốc sáng làm sao cái thấy này có thể được thanh tịnh, che được, nên có quả báo sáng rở giải thoát mà được ra khỏi khổ đau. như cái hỏa châu trước kính sáng, Đó là kiến thủ. hiển bày nghiệp trước để chiêm (62 kiến là trong năm ấm và nghiệm. mỗi ấm lại có bốn kiến thì thành 20 kiến, rồi ba đời quá khứ, hiện tại, vị THẬP CHỦNG KIẾN lai thì thành 60 kiến. Lấy hai kiến (Du già sư

địa luận). đoạn, thường làm căn bản thì tổng cộng là 62 kiến). Một, Tát ca da kiến. Năm, Giới cấm thủ. Tiếng Phạn là Tát ca da, tiếng Vì người ngoại đạo, đối với Hoa là Thân kiến. Vì pháp đầu tiên những gì đã được thọ trì, hoặc giới trong năm uẩn, lần sau chấp lấy, rồi hoặc cấm, cho là tối thượng, là hơn cho là có ngã và ngã sở. Đó là Tát hết và dựa theo ngôn thuyết cho ca da kiến. rằng đây là chân thật, ngoài ra đều (Ngã là trong năm uẩn, cưỡng giả dối. Tự cho rằng do giới cấm lập ra chủ tể: ông chủ rồi lầm cho này có thể được ra khỏi khổ đau. là ngã. Đó là giới cấm thủ. Ngã sở tức là sắc thân của năm Sáu, Tham kiến. uẩn).

Vì ở Dục giới, Sắc giới, Vô sắc Tội sát sanh có thể làm cho giới, tất cả cảnh thuận tình thì đam chúng sanh rơi vào ba đường ác. mê, say đắm cố giữ lấy và khởi lên Nếu sanh làm người thì chịu hai các kiến giải này nọ. Đó là tham loại quả báo: một) Chết yểu, hai) kiến. Nhiều bệnh. Đó là quả báo sát Bảy, Khuể kiến. sanh. Vì đối với tất cả cảnh trái Hai, Thâu đạo quả báo. nghịch làm cho tâm tức giận, làm Tội trộm cắp cũng khiến cho tổn hại loài hữu tình khác và cả chúng sanh rơi vào ba đường ác. những cái người khác yêu mến Nếu sanh làm người chịu hai thứ không đem lại lợi ích, ngược lại đối quả báo: 1) Nghèo khổ, 2) Của với những gì người khác không yêu chung không trọn quyền sử dụng. mến mà lại làm cho lợi ích. Đó là Đó là quả báo trộm cắp. khuể kiến. Ba, Tà dâm quả báo. Tám, Mạn kiến. Tội tà dâm cũng làm cho chúng Vì tâm sanh kiêu mạn, cho ta là sanh rơi vào ba đường ác. Nếu sanh hơn hết, xem người khác là thấp làm người thì chịu hai thứ quả báo: hèn. Đó là mạn kiến. 1t) Vợ không trinh tiết, 2) Họ hàng Chín, Vô minh kiến. không được vừa lòng. Đó là qủa Vì đối với lý chân thật vững báo tà dâm. chắc không chút hiểu biết rõ ràng, Bốn, Vọng ngữ quả báo. chấp trước tà kiến. Đó là vô minh Tội vọng ngữ cũng khiến cho kiến. chúng sanh rơi vào ba đường ác. Mười, Nghi kiến. Nếu sanh làm người thì chịu hai Đối với các lý của Tứ đế, tâm thứ quả báo: 1) Bị gièm pha nhiều, luôn do dự, không có nhận thức 2) Bị người khác lừa bịp. Đó là quả chắc chắn. Đó nghi kiến. báo vọng ngữ. Năm, Lưỡng thiệt quả báo. THẬP ÁC QUẢ BÁO Tội lưỡng thiệt cũng làm cho (Hoa nghiêm kinh). chúng sanh rơi vào ba đường ác.
Nếu được làm người thì chịu hai Vì chúng sanh, ở kiếp trước, tạo thứ quả báo: 1) Họ hàng phân tán, mười nghiệp ác nên bị quả báo 2) Thân tộc xấu ác. Đó là quả báo trong ba đường ác: Ngạ quỷ, súc lưỡng thiệt. sanh, địa ngục. Chịu hết khổ rồi, Sáu, Ác khẩu quả báo. hoặc sanh làm người, dư nghiệp Tội ác khẩu cũng làm cho chưa hết, trong mỗi nghiệp ác lại chúng sanh rơi vào ba đường ác. chia ra hai tội, nên gọi là mười quả Nếu làm người thì chịu hai thứ quả báo ác. báo: 1) Thường nghe lời ác, 2) Nói Một, Sát sanh quả báo. ra là cãi cọ. Đó là quả báo ác khẩu. Bảy, Ỷ ngữ quả báo.

Tội ỷ ngữ cũng khiến cho Hai, Vô tri sở tác nghiệp. chúng sanh rơi vào ba đường ác. Vô tri sở tác là người không có Nếu làm người thì chịu hai thứ quả tri giác cái nghiệp họ làm ra, không báo: 1) Nói không ai tin, 2) Nói phải do ý thức khởi động. Đó là không rõ ràng. Đó là quả báo ỷ nghiệp không tăng trưởng. ngữ. Ba, Vô cố tư sử tác nghiệp. Tám, Tham dục quả báo. Vô cố tư sở tác là nghiệp do Tội tham dục cũng khiến cho thân, miệng làm ra mà không cố ý. chúng sanh rơi vào ba đường ác. Đó là nghiệp không tăng trưởng. Nếu làm người thì chịu hai thứ quả Bốn, Bất lợi bất sở tác nghiệp. báo: 1) Tâm không biết đủ, 2) Bất lợi bất sở tác là không vì lợi Muốn hoài không chán. Đó là quả

dưỡng mà làm, cũng không làm báo tham dục. thường xuyên. Đó là nghiệp không Chín, Sân khuể quả báo. tăng trưởng. Tội nóng giận cũng khiến cho Năm, Cuồng loạn sở tác chúng sanh rơi vào ba đường ác. nghiệp. Nếu được làm người thì chịu hai Cuồng loạn sở tác là người ngu thứ quả báo: 1) Thường bị người si cuồng loạn, với những việc do khác moi móc, yêu sách, 2) thân, miệng làm ra, vốn không cố Thường bị người khác làm phiền ý, cũng chẳng tri giác. Đó là nghiệp phức, tổn hại. Đó là quả báo sân bất tăng trưởng. khuể. Sáu, Thất niệm sở tác nghiệp. Mười, Tà kiến quả báo. Thất niệm sở tác là người đã Tội tà kiến cũng khiến cho mất chánh niệm thì giống như si chúng sanh rơi vào ba đường dữ. mê. Tất cả nghiệp làm ra đều không Nếu được làm người thì chịu hai do ý thức, phát khởi. Đó là nghiệp thứ quả báo: 1) Sanh vào nhà tà không tăng trưởng. kiến, 2) Tâm nịnh nọt, cong quẹo. Bảy, Phi lạc dục sở tác nghiệp. Đó là quả báo tà kiến. Phi lạc dục sở tác là tất cả những nghiệp làm ra ắt từ tâm ham THẬP BẤT NĂNG muốn khởi lên. Nếu làm những TRƯỞNG NGHIỆP việc không phải xuất phát từ lòng
(Du già sư địa ham muốn thì đó là nghiệp không tăng trưởng. luận). Tám, Tự tánh vô ký nghiệp. Một, Mộng sở tác nghiệp. Tự tánh vô ký là những động Mộng sở tác nghiệp là hành vi tác của tánh vô ký, không phải trong mộng không phải do ý thức nhân duyên bất thiện. Đó là nghiệp khởi động, cũng không phải do không tăng trưởng. thân, miệng tác động. Đó là nghiệp (Tánh vô ký là tánh không thiện không tăng trưởng. không ác).

Chín, Hối sở tổn nghiệp. Bốn, Vị lai thế thuyết quá khứ Hồi sở tổn nghiệp là trước làm thế. ra nghiệp, rồi sanh hổ thẹn, sửa ác Trong đời vị lai nói việc của làm lành, thì nghiệp ấy liền giảm. đời quá khứ. Đó là nghiệp không tăng trưởng. Năm, Vị lai thế thuyết hiện tại Mười, Đối trị sở tổn nghiệp. thế. Đối trị sở tổn là nghiệp làm ra Trong đời vị lai nói việc hiện là phương tiện đối trị. Như tâm sân tại. nổi lên thì phải dùng từ bi trị nó, Sáu, Vị lai thế thuyết vô tận. nghiệp ấy sẽ giảm dần. Đó là Trong đời vị lai nói việc đời vị nghiệp không tăng trưởng. lai và sau cả vị lai, vô cùng tận vị lai. THẬP CHỦNG THUYẾT Bảy, Hiện tại thế thuyết quá TAM THẾ khứ thế. (Hoa nghiêm
Trong đời hiện tại nói việc quá khứ. kinh). Tám, Hiện tại thế thuyết vị lai Thập chủng thuyết tam thế là thế. trong mỗi tam thế có ba nên chia Trong đời hiện tại nói việc vị làm chín trường hợp riêng biệt. lai. Họp lại những khác nhau trở về cái Chín, Hiện tại thế thuyết bình chung và thu vào một niệm. Vì lấy đẳng. một hòa tan trong chín, nên tuy Trong đời hiện tại nói việc hiện chín mà thường một, tuy một luôn tại, lấy hiện tại làm bình đẳng, theo chín. một và chín không trở ngại, lệ của hiện tại cho quá khứ, vị lai, mười đời viên dung. trước sau bằng nhau. Kinh nói: Vô lượng vô số kiếp, Mười, Hiện tại thế thuyết tam hiểu ra là trong một niệm. Trí niệm thế tức nhất niệm. cũng là vô niệm, thấy thế gian như Thế do tích tụ niệm mà thành, thế. Đó gọi là mười thứ nói về ba nên ba đời, mỗi đời đều có ba mà đời. thành chín thu nhiếp chín đời thành Một, Quá khứ thế thuyết quá ba đời, thu nhiếp ba đời thành một khứ thế. niệm; nên luận nói rằng: mười đời Trong đời quá khứ nói về việc xưa nay, trước sau không lìa đương của đời quá khứ. niệm (niệm hiện tại). Hai, Quá khứ thuyết vị lai thế. Trong đời quá khứ nói về việc CHÚC HỮU THẬP LỢI của đời vị lai. (Ma ha Tăng kỳ Ba, Quá khứ
thuyết hiện tại thế. Trong đời quá khứ nói việc của luật). đời hiện tại.

Luật nói: Khi Phật ở thành Xá Đó gọi vị thuốc Phật đã nói ra. vệ, mỗi lần Ngài A nan làm cơm, Muốn sanh làm trời, người luôn trước hết các Tỳ kheo ăn, sau đó hưởng an vui, nên dùng cháo bố thí Ngài mới ăn. Lại còn nấu một nồi cho tăng chúng. cơm và lấy nước cơm uống thì có Một, Tư sắc. cảm giác trừ được bệnh trúng gió ở Thân thể mập mạp, dung nhan trong người, tiêu hóa nhanh thức ăn đẹp đẽ, nên gọi là tư sắc. buổi tối. Do vậy, Ngài để nước Hai, Tăng lực. nhiều, gạo ít vào nồi nấu chúng, Bổ dưỡng gầy còm, tăng trưởng còn gia vị thêm hồ tiêu và tất bạc khí lực, nên gọi là tăng lực. để dâng lên Thế tôn. Từ ngày hôm Ba, Ích thọ. ấy về sau, Phật cho phép các vị Tỳ Bổ dưỡng nguyên khí, tuổi thọ kheo ăn cháo. Ăn cháo có mười kéo dài, nên nói là ích thọ. điều lợi, Phật nói kệ: Bốn, An lạc. Trì giới thanh tịnh nhân sở Thân tâm thanh tịnh, nhu phụng, nhuyến, ăn vào thì được an lạc, nên Cung kính tùy thời dĩ chúc thí. nói là an lạc. Thập lợi nhiêu ích ư hành giả, Năm, Biện thuyết. Sắc lực thọ lạc từ thanh biện. Giọng nói trong trẻo, rõ ràng, Túc thực phong trừ cơ khát luận bàn không trở ngại, nên gọi là tiêu, biện thuyết. Thị sanh nhân thiên thường thọ Sáu, Trừ phong. lạc, Điều hòa khí huyết, tiêu trừ gió Thị danh vi dược Phật sở độc, nên gọi là trừ phong. thuyết. Bảy, Tiêu túc thực. Dục sanh nhân thiên thường thọ Tỳ, vị ôn hòa, ấm áp thức ăn dễ lạc, tiêu hóa (về đêm), nên gọi là tiêu Ưng đương dĩ chúc thí chúng túc thực. tăng. Bát, Từ thanh. Nghĩa là: Khí trong thân bị ngưng trệ, lời Thứ mà người giữ giới thanh nói trong trẻo, vang xa, nên gọi là tịnh tuân theo, cung kính, tùy thời từ thanh. dùng để bố thí là cháo. Chín, Trừ cơ. Người tu hành ăn cháo được Được ăn vừa miệng, no bụng, mười điều lợi ích: thân thể hồng trừ hết đói khổ, nên gọi là trừ cơ. hào, sức khỏe tăng thêm, tuổi thọ Mười, Tiêu khát. càng lâu, an ổn vui vẻ, nói năng lưu Cuống họng tươi mát, đượm loát, biện thuyết khéo léo, tiêu hóa nhuần, cơn khát tiêu tan, nên gọi là dể dàng, trừ phong thông khí, tiêu khát. chống đói, giải khát.

ẨM TỬU THẬP QUÁ Người uống rượu tối tăm, mê muội, điên khùng, lẩn thẩn, ngu si (Tứ phần luật tạng). và trí huệ giảm dần. Một, Nhan sắc ố. Mười, Mạng chung đọa ác đạo. Người uống rượu, dung mạo, Người uống rượu bị bạn bè nhan sắc thay đổi, không còn tướng khinh thường, không tu tập việc tốt. lành, ác nghiệp mỗi ngày một tăng, Hai, Hạ liệt. sau khi chết, rơi vào đường ác. Người uống rượu, oai nghi không trang nghiêm, cử chỉ hay THỰC NHỤC THẬP khinh bạc, bị người khác xem QUÁ thường, khinh rẽ. (Pháp uyển châu Ba, Tương thị bất minh. lâm). Uống tràn (vô kể) điên loạn, ngu si, mắt nhìn không thấy, chẳng Một, Chúng sanh thị kỷ thân. phân biệt được cảnh sắc. Tất cả chúng sanh luân hồi Bốn, Hiện sân khuể tướng. trong năm đường, lấy lẫn nhau, làm Người say rượu, thực hành bà con lẫn nhau. Vì nhân duyên pháp bất thiện, không đoái hoài đến này, nay dùng thịt làm thức ăn thì thân thuộc, bạn bè, buông lung, sân đều là thịt của bà con mình, nên gọi hận. chúng sanh là bà con của mình. Năm, Hoại điền nghiệp tư sanh. Hai, Kiến sanh kinh bố. Uống tràn, buông lung, phung Tất cả chúng sanh đều giữ gìn phí sản nghiệp, tiền của tan nát, và luyến tiếc thân mạng, so với con mất mát. người đâu có khác. Nếu thấy người Sáu, Trí tật bệnh. ăn thịt nên sợ sệt, xa lánh, nên gọi Uống rượu quá độ, thân thể mất là kiến sanh kinh bố. điều hòa đưa đến bệnh tật. Ba, Hoại tha tín tâm. Bảy, Ích đấu tụng. Người thực hành việc thiện ở Người say rượu phát cuồng, thế gian, thấy Sa môn ăn thịt thì hung dữ, hay

cạnh tranh với người chê bai và nói rằng trong Phật pháp khác, không tiếc thân mạng tranh không có Sa môn chân chính tu giành, kiện tụng. phạm hạnh, nên nói là phá hoại tín Tám, Ác danh lưu bố. tâm của người khác. Buông lung, đam mê uống Bốn, Hành nhân bất ưng thực. rượu, bỏ mất pháp lành và để lại Bồ tát vì cầu xa lìa sanh tử, nên tiếng xấu, danh nhơ đến mọi nơi xa tu hạnh từ bi, ít muốn biết đủ. Nếu gần. vị nào ăn thịt thì không thể xa lìa Chín, Trí huệ giảm thiểu. đường sống chết, nên nói người hành hạnh Bồ tát không nên ăn thịt. Năm, La sát tập khí.

Tiếng Phạn là La sát, tiếng Hoa sanh vào đường ác, nên nói chết rơi là Tốc tật quỷ. Tập khí là phần tập vào đường ác. khí còn lại của đời trước. Vì đời trước Sa môn từng làm THẬP ĐẠI SỐ quyến thuộc với La sát, đời này tuy (Hoa nghiêm kinh). xuất gia ở trong Phật pháp; do tập khí còn sót lại từ trước nên thấy Mười con số lớn là kinh Hoa người ăn thịt, thích được gần gũi; nghiêm ở phẩm A tăng kỳ. Bồ tát nên gọi là tập khí của La sát. Tâm vương hỏi Phật: Thế nào là A Sáu, Học thuật bất thành. tăng kỳ cho đến không thể nói Người học đạo, nếu thích ăn không thể nói ? Phật liền vì Bồ tát thịt thì làm ô nhiễm phạm hạnh; đối Tâm vương nói phương pháp tính với thánh đạo vô thượng của Như toán vô tận, gom lại thành mười lai, xuất thế giải thoát không thành con số lớn. Nhưng số pháp có ba tựu được; nên gọi là học thuật bất bậc: 1) Số pháp bậc hạ lấy 10, 10 thành. biến ra. Như 10 x 10 biến thành Bảy, Sanh mạng đồng kỷ. 100, 100 x 10 thành 1000; 1000 x Người học đạo nên khởi lên 10 biến thành 10.000 (vạn) v.v...; tâm từ, xem xét kỹ lưỡng tất cả 2) Số pháp bậc trung là lấy 100, chúng sanh ham sống sợ chết, so 100 biến ra. Như 100 x 100.000 với mình không khác nhau, nên (100 x lạc xoa) thì thành 100 ức phải bảo vệ cho chúng, vì mạng (một câu chi) v.v...; 3) Số pháp bậc sống giống nhau. thượng là lấy 100 ức x 100 ức (câu Tám, Thiên thánh viễn ly. chi x câu chi) thì thành A du đa, Người ăn thịt các bậc trời, v.v... thánh, người đều chán ghét, xa lìa, Với những số pháp này chỉ có không muốn gần gũi, nên gọi là Phật mới hiểu rõ, nên Phật tự nói thiên thánh viễn ly. phương pháp tính toán về những Chín, Bất tịnh sở xuất. con số vô cùng vô tận dùng để tính Tất cả súc sanh, nhân đời trước công đức thanh tịnh của chư Phật làm nghiệp bất tịnh, nên thành thân và các hạnh nguyện to lớn mà các bất tịnh; những thứ ăn uống của vị Bồ tát đi vào, cho đến các pháp chúng, phần nhiều cũng là bất tịnh. vô tận của thế gian. Người học đạo muốn tu phạm hạnh (Tiếng Phạn là Lạc xoa, tiếng mà ăn thịt ấy cũng là bất tịnh; nên Hoa là mười vạn. Tiếng Phạn là gọi là chỗ xuất phát bất tịnh. Câu chi, tiếng Hoa là bách ức. Mười, Tử đọa ác đạo. Tiếng Phạn là A du đa, cũng gọi là Người ăn thịt chắc chắn phần Na do tha, tiếng Hoa là vạn ức). nhiều làm tổn hại mạng sống của Một, A tăng kỳ. sinh vật, nhiệp ác mỗi ngày một Tiếng Phạn là A tăng kỳ, tiếng chồng chất, nên sau khi chết, ắt Hoa là vô số.

Từ 100 lạc xoa = một câu chi chuyển x bất khả tư chuyển = một cho đến chí chí là một A tăng kỳ bất khả lượng (1 bất khả lượng = (vạn vạn = một ức. Vạn ức = triệu. 10442388). một A tăng kỳ = 47 chữ số 0 đứng Chín, Bất khả thuyết. sau số một). Từ bất khả lượng x bất khả Hai, Vô lượng. lượng = một bất khả lượng chuyển. Từ A tăng kỳ x A tăng kỳ = Bất khả lượng chuyển x bất khả một A tăng kỳ chuyển. A tăng kỳ lượng chuyển = một bất khả thuyết. chuyển x A tăng kỳ chuyển = một Mười, Bất khả thuyết bất khả vô

lượng (một vô lượng = 10108). thuyết. Ba, Vô biên. Từ bất khả thuyết x bất khả Từ vô lượng x vô lượng = một thuyết = một bất khả thuyết vô lượng chuyển. vô lượng chuyển chuyển. Bất khả thuyết chuyển x x vô lương chuyển = một vô đẳng. bất khả thuyết chuyển = một bất Bốn, Vô đẳng khả thuyết bất khả thuyết. Từ vô biên x vô biên = 1 vô biên chuyển. PHẬT THẬP NHẤT Vô biên chuyển x vô biên CHỦNG TRÌ chuyển = 1 vô đẳng (Hoa nghiêm kinh (1 vô đẳng = 10 1728) và Hoa nghiêm kinh sớ). Năm,
Bất khả số. Một, Phật trì. Từ vô đẳng x vô đẳng = một vô Thân sắc tướng của Như lai ở đẳng chuyển. Vô đẳng chuyên x vô lại thế gian có khả năng làm cho đẳng chuyển = một bất khả số (1 hạt giống Phật của chúng sanh bất khả số = 106912). không dứt. Đó gọi là Phật trì. Sáu, Bất khả xưng. Hai, Pháp trì. Từ bất khả số x bất khả số = Pháp tánh của Như lai ở tại thế một bất khả số chuyển. Bất khả số gian có khả năng làm cho hạt giống chuyển x bất khả số chuyển = một pháp của chúng sanh không dứt. bất khả xưng (1 bất khả xưng = Đó là pháp trì. 1027648). Ba, Tăng trì. Bảy, Bất khả tư. Ứng, hóa thân của Như lai và Từ bất khả xưng x bất khả xưng Thánh Tăng, Bồ tát ở tại thế gian = một bất khả xưng chuyển. Bất có khả năng khiến cho hạt giống khả xưng chuyển x bất khả xưng tăng của chúng sanh không dứt. Đó chuyển = một bất khả tư (1 bất khả là tăng trì. tư =10110562). Bốn, Nghiệp trì. Tám, Bất khả lượng. Như lai thấy các chúng sanh tạo Từ bất khả tư x bất khả tư = một tác nghiệp ác, nên hiện ra thế lực bất khả tư chuyển. Bất khả tư oai nghi, mạnh mẽ để bắt buộc

chúng tu tập việc lành, như vua Vô Đời trước Như lai siêng tu tất yểm túc giả hiện làm nghiệp ác để cả hạnh nhiệm mầu, thù thắng vô giáo hóa chúng sanh. Đó là nghiệp lượng vô biên, luôn không thấy đủ. trì. Đó là hành trì. (Vua Vô yểm túc là trong Mười, Kiếp trì. nămba tham của kinh Hoa nghiêm, Như lai, ở trong vô lượng kiếp, lần thứ 17 thiện trí thức, Thiện tài tu đầy đủ công đức, phạm hạnh và đồng tử yết kiến vua, hiện ra thế chứng được đạo quả, trụ trì trong lực mạnh mẽ, oai nghiêm để hướng nhiều kiếp, dạy dỗ chúng sanh. Đó dẫn các tội nhân, bằng cách, hoặc là kiếp trì. chặt tay chân, hoặc vạc nước sôi, lò Mười một, Trì trì. lửa đỏ, làm các nghiệp ác để uốn Như lai tu hành công đức đầy nắn, khuất phục chúng sanh). đủ, chứng được trí nhất thiết chủng, Năm, Phiền não trì. lại còn dùng trí huệ biện tài nói vô Như lai thấy các chúng sanh, số pháp để điều phục chúng sanh, làm theo các hạnh tà, tham đắm làm cho không thối lui, không mất trong phiền não, nên tùy theo loại đi hạnh nguyện giải thoát. Đó là trì ấy, thị hiện làm việc tham dục, như trì. Bà tu mật đa nữ, giả làm việc dâm (Trí nhất thiết chủng là biết tất dục để khiến cho người khác nhập cả đạo pháp của chư Phật, biết tất vào Tam muội mà dứt trừ phiền cả nhân chủng của chúng sanh). não. Đó là phiền não trì. (Bà tu mật đa nữ, tức là trong NGUYỆT HỮU THẬP năмba tham kinh Hoa nghiêm, thứ NHẤT SỰ DỤ NHƯ LAI hainăm thiện trí thức). (Đại Niết Sáu,
Thời trì. Như lai khi mới phát tâm lấy bàn kinh). Bồ đề đại nguyện làm thể của Một, Năng phá ám. mình, luôn luôn thấm nhuần, không Trăng khi tròn, ánh sáng mát để gián đoạn. Đó là thời trì. dịu, chiếu khắp nơi, làm đại địa Bảy, Nguyện trì. sáng trưng. Giống Như lai nói vô Trong nhân đời trước của Như số pháp, có khả năng pháp tan vô lai phát thệ nguyện lớn, tu tập các minh tối tăm của chúng sanh. công đức, giữ gìn không để cho Hai, Linh kiến đạo phi đạo. mất. Đó là nguyện trì. Trăng khi tròn chiếu

sáng khắp Tám, Cúng dường trì. nơi. Tất cả đường sai hay đường Việc tu hành của Như lai ở kiếp đúng chúng sanh đều thấy rõ. trước, bằng cách cung cấp, cúng Giống Như lai nói pháp chỉ rõ dường mười phương Như lai. Đó là thánh đạo, tà đạo, ai cũng phân biệt cúng dường trì. được mà biết là nên làm hay không Chín, Hành trì. nên làm.

Ba, Linh kiến đạo tà chánh. nói pháp, chỉ bày chánh kiến cho Trăng khi tròn chiếu sáng khắp chúng sanh thì phiền não che lấp, nơi, tất cả những con đường tà, trở ngại đều diệt trừ hết. chánh, nguy hiểm, an toàn để cho Tám, Khai phu ưu bát la hoa. chúng sanh thấy rõ. Giống Như lai Tiếng Phạn Ưu bát la, tiêng chỉ rõ đường sinh tử, tà hiểm và Hoa Thanh liên. làm cho chúng sanh hướng theo Khi trăng tròn, vì có ánh trăng con đường đến Niết bàn bằng soi sáng, nên hoa Ưu bát la nở ra. phẳng. Giống Như lai nói pháp, chỉ bày rõ Bốn, Trừ uất chứng đắc thanh ràng: tất cả hoa tâm của chúng sanh lương. đều nở ra tươi đẹp. Trăng khi tròn, tuy gặp nắng tốt Chín, Hiệp liên hoa. khí nóng kết tụ, nhưng vẫn được Khi trăng tròn, vì ánh trăng soi khí mát bao quanh. Giống Như lai sáng, nên hoa sen nở rồi lại búp. nói pháp, khiến cho mọi người xa Giống Như lai nói pháp, chỉ bày rõ lìa cái khổ tham dục, sân hận và ràng, tâm của chúng sanh bị năm ngu si mà có được niềm vui mát mẻ dục che lấp, không thể bung nở thì của Niết bàn. sẽ nở bung ra. Năm, Phá hoại đăng hỏa cao Mười, Phát hành nhân tiến lộ tâm. tâm. Mặt trăng khi tròn tất cả núi Khi trăng tròn, tất cả những con rừng, sông biển đều được soi sáng đường bằng phẳng, gồ ghề, nguyên và lửa đom đóm không thể xuất hiểm, an toàn đều được soi sáng; hiện. Giống Như lai ra đời chánh tất cả bộ hành yên tâm tiến bước. pháp chiếu sáng, tất cả ánh sáng Giống Như lai nói pháp, chỉ bày rõ của ngoại đạo, tà kiến đều bị dập ràng, khiến cho chúng sanh dũng tắt, không thể lóe lên được. mãnh tiến tu, hướng về con đường Sáu, Tức đạo tặc tưởng. dẫn đến đại Niết bàn. Trăng khi tròn, tất cả tối tăm, Mười một, Linh chúng sanh không có ánh sáng, ý tưởng trộm thọ lạc. cắp, cướp giật, tự nhiên tắt ngúm. Khi trăng tròn, người ta thưởng Giống Như lai nói pháp khiến cho ngoạn sanh tâm vui mừng. Giống chúng sanh phá tan tối tăm của vô Như lai nói pháp, chỉ bày rõ ràng, minh và tất cả phiền não đều không khiến cho chúng sanh tu tập thiền thể phục sanh. định, phá các phiền não, mà có Bảy, Trừ úy ác thú tâm. được cái vui giải thoát. Khi trăng tròn tất cả tối tăm, không có ánh sáng đèn đuốc, khiến cho người đi trong giữa đồng trống, ác thú rình rập, đều có thể thấy rõ, nên không sợ hãi. Giống Như lai

SƯ TỬ HỐNG DỤ THẬP Như lai nói pháp mà không sợ, NHẤT SỰ chỉ làm cho tất cả chúng sanh ra khỏi sanh tử mà không sợ hãi. (Niết bàn Giống như sư tử gầm vang thì cả kinh). bầy của nó cũng không lo sợ gì. Như lai nói pháp, mỗi lần lấy Sáu, Miên giả đắc giác ngộ. tiếng sư tử gầm làm ví dụ để nói Như lai thuyết pháp mà không lên rằng Như lai ở trong đại chúng sợ, là làm cho tất cả chúng sanh, bị nói mà không sợ. che lấp, chướng ngại bởi vô minh Một, Phá hoại trá sư tử. lầm lạc, đều được hiểu rõ. Giống Như lai tuyên thuyết chánh như sư tử gầm vang, làm cho cả pháp mà không sợ, những lời nói bầy của nó đang say ngủ, đều thức của tà ma ngoại đạo tư nhiên sụp dậy. đổ. Giống như tiếng gầm của con Bảy, Linh chư thú bất phóng sư tử chúa vang dội và lấn át tiếng dật. gầm của con sư tử giả dối. Như lai nói pháp mà không sợ Hai, Thí tự thân lực. là để khiến cho tất cả chúng sanh Như lai nói pháp mà

không sợ, giữ gìn hành động và ngôn ngữ, để biểu thị công dụng của trí như tâm không buông lung. Nếu có thật, thông đạt tất cả, phân minh rõ người làm các việc ác, đều biết xấu ràng, không gì có thể làm hư, hổ mà sanh tâm sám hối. Giống không có gì có thể hơn. Giống như như sư tử gầm vang làm cho tất cả tiếng rống vang rền của sư tử, những con thú khác không dám muốn thử sức của chính mình. chạy lung tung. Ba, Linh trụ tịnh xứ. Tám, Linh chư thú y phụ. Như lai nói pháp mà không sợ, Như lai dùng sức vô úy, tuyên chỉ vì chỉ rõ tất cả tà kiến cho thuyết cháng pháp, vì muốn chỉ bày chúng sanh, để bỏ tà về chánh và tất cả tà kiến cho chúng sanh, để có nơi nương tựa. Giống như sư tử được chánh tín, không bị ngoại đạo gầm vang, cũng là làm cho các con lừa bịp. Giống như sư tử gầm vang, vật khác biết nơi nó đang ở. có thể làm cho các con thú khác xa Bốn, Linh chư tử chi sở xứ sở. lìa hang ổ, trở về nương tựa. Vì Như lai nói pháp không chút Chín, Điều đại hương tượng. sợ hãi mà chỉ vì muốn mở bày, dạy Như lai nói pháp mà không sợ, bảo tất cả tà kiến của chúng sanh để là để phá tan tâm kiêu mạn của bọn bỏ tà trở về chánh pháp. Đó là nơi Phú lan na, điều phục để chúng có trở về nương tựa giống như sư tử chánh tín. Giống như sư tử gầm gầm vang cho các con của nó biết vang, điều phục đại hương tượng. chỗ trở về. Mười, Giáo cáo tử tức. Năm, Linh quần bối vô úy. Như lai nói pháp mà không sợ để khiến cho Thinh văn, Duyên

giác tự thấy xấu hổ đã chứng quả quán sát. Từ dứt trừ kiến hoặc ở hai Tiểu thừa mà hướng lòng ưa thích giới trên (sắc, vô sắc giới) phát về Đại thừa. Giống như sư tử gầm sanh ra trí huệ vô lậu về khổ, tập, vang, dạy bảo con cái nhảy nhót diệt, đạo, nên gọi là loại trí. Trí này làm cho chúng khỏe mạnh. cùng loại với pháp trí). Mười một, Trang nghiêm Bốn, Khổ trí. quyến thuộc. Khổ có nghĩa bức bách. Vì Như lai nói pháp mà không sợ, quán sát năm ấm, nhận ra được vô dạy các Bồ tát phát tâm to lớn, đầy thường, khổ, không, vô ngã mà đủ mười lực và làm cho bốn chúng chứng được trí vô lậu, nên gọi là xa lìa tà kiến, không sanh lo sợ. khổ trí. Giống như sư tử gầm vang là tự (Vô thường là thân năm ấm trang nghiêm quyến thuộc mình. cuối cùng hoại diệt. Khổ là thân (mười lực là: 1) Thị xứ phi xứ này chịu các khổ bức bách sanh, tử. trí lực, 2) Quá hiện vị lai nghiệp Không là thân này do bốn đại giả báo trí lực, 3) Chư thiền giải thoát hợp mà thành, cuối cùng chẳng Tam muội trí lực, 4) Chư căn thắng còn. Vô ngã là bốn đại mỗi thứ đi liệt trí lực, 5) Chủng chủng giải trí về một nẻo của nó thì cái gì là ngã). lực, 6) Chủng chủng giới trí lực, 7) Năm, Tập trí. Nhất thiết chí xứ đạo trí lực, 8) Tập có nghĩa là nhóm hợp. Vì Thiên nhãn vô ngại trí lực, 9) Túc quán sát nhân phiền não kiến hoặc mạng vô ngại trí lực, 10) Vĩnh đoạn và tư hoặc mà có khả năng nhóm tập khí trí lực). hợp quả sanh tử, được trí vô lậu, nên gọi là tập trí. THẬP NHẤT TRÍ Sáu, Diệt trí. (Đại Bát nhã kinh). Diệt có nghĩa là dứt hết (đoạn diệt). Vì dứt hết phiền não kiến, tư Một, Thế tục trí. được trí vô lậu, nên gọi là diệt trí. Trí hữu lậu của thế gian không Bảy, Đạo trí. thể ra ngoài sanh tử, nên gọi là thế Đạo là có thể thông suốt. Vì tục trí cũng gọi là danh tự trí. Vì trí con đường giới, định, huệ có khả này chỉ có tên mà không có lý. năng dẫn đến Niết bàn. Nương vào Hai, Pháp trí. đó mà tu thì được trí vô lậu, nên Tứ đế khổ, tập, diệt, đạo ở dục gọi là đạo trí. giới; trí vô lậu về các pháp này Tám, Tha tâm trí. (khổ, tập, diệt, đạo) có khả năng Muốn biết pháp tâm và tâm sở dứt trừ kiến hoặc phiền não ở dục ở dục giới, sắc giới và biết pháp giới, nên gọi là pháp trí. tâm và tâm sở

vô lậu, nên gọi là tha Ba, Loại trí. tâm trí. Tứ đế ở sắc giới, vô sắc giới; Chín, Tận trí. lấy Tứ đế ở dục giới so sánh mà

Vì ta đã thấy khổ rồi, đã dứt tập Quý với lý và sự của tất cả các rồi, đã chứng diệt rồi, đã tu đạo rồi. pháp, đều hiểu rõ ràng, xác quyết, Khi nhớ như thế thì được trí vô lậu, không bị lầm lạc. nên gọi là tận trí. Bốn, Vô tham. Mười, Vô sanh trí. Đối với năm cảnh dục thuận Vì ta đã thấy khổ rồi, không lòng, tâm sanh chán ghét, muốn xa còn thấy nữa. Ta đã dứt tập rồi, lìa, không để cho bị ô nhiễm, không còn dứt nữa. Ta đã chứng vướng mắc. diệt rồi, không còn chứng nữa. Khi Năm, Vô sân. tưởng như thế thì được trí vô lậu, Đối với năm cảnh dục trái lòng, nên gọi là vô sanh trí. tâm luôn nhịn nhục, không giận Mười một, Như thật trí. hờn. Vì đối với tất cả pháp biết đúng Sáu, Vô si. đắn như thật, không có trở ngại. Đó Đối với lý và sự của tất cả các là trí Phật, nên gọi là trí như thật. pháp, điều hiểu rõ ràng, xác quyết, không bị lầm lạc. THẬP NHẤT THIỆN Bảy, Cần. (Thành duy thức luận). Đối với tất cả pháp lành siêng năng, tu tập, không lười biếng để Một, Tín. thiện nghiệp hoàn thành. Tín là đối với tất cả pháp lành Tám, An. ham thích nhận lấy không nghi An tức là khinh an (nhẹ nhàng, ngờ. Có ba loại: 1) Tín thật hữu: an ổn). Xa lìa tham, sân, si... và Đối với các pháp có lý thật sự thì các pháp tán loạn; điều hòa, vui vẻ phải tin tưởng vững chắc; 2) Tín thân tâm hướng đến thoải mái. hữu đức: Ở trong đức thanh tịnh Chín, Bất phóng dật. chân thật của Tam bảo phải tin Ba nghiệp siêng năng đối với tưởng, ham thích; 3) Tín hữu năng: các hoặc phải trừ, với các pháp Đối với tất cả pháp lành của thế lành phải tu, gắng sức, dũng mãnh, gian, và xuất thế gian, phải nỗ lực mau chóng thành công tất cả thiện tin tưởng có khả năng thành công, pháp thế gian và xuất thế gian mà khởi lên hy vọng. Đó gọi là tín. không buông lung. Hai, Tàm. (Thiện pháp thế gian là năm Tàm là hổ thẹn với chính mình. giới cấm, thập thiện. Thiện pháp Tâm luôn biết hổ thẹn, tôn trọng xuất thế gian là các pháp giới, định, hiền thánh, thiện nhân, xấu hổ với huệ mà hàng Thinh văn tu tập). lỗi lầm, tội ác đã qua, thì đủ sức đối Mười, Hành xả. trị với tâm không biết hổ thẹn, dứt Ba nghiệp siêng năng làm cho hết các hạnh ác. tâm bình đẳng, an trụ trong vắng Ba, Quý. lặng. Tất cả các chướng do trạo cử, hôn trầm gây ra đều xả bỏ, xa lìa.

Mười một, Bất hại. Ngũ tác nghiệp căn tức miệng, tay, Đối với tất cả hữu tình chúng chân, đại tiện, tiểu tiện; Tâm bình sanh không làm cho nó tổn hại, đẳng căn đế; Thần ngã đế; Thần buồn phiền, không làm cho giận ngã tức thức thần). hờn, thường vận dụng tâm từ bi Hai, Vệ thế sư kế lục cú sanh. làm cho nó bớt đau khổ và cho Tiếng Phạn là Vệ thế, tiếng Hoa thêm an vui. là Vô thắng. Người này sanh trước đức Phật 800 năm. Ban ngày, ông HỢP CỬU THẬP NGỦ này tránh tiếng hay, sắc đẹp, trốn ở CHỦNG NGOẠI ĐẠO THẬP rừng núi, chằm ao, ẩn dấu tông NHẤT TÔNG tích; ban đêm dứt hẳn nghe, nhìn mới đi khất thực, tựa như chim hưu lưu (cú tai mèo), nên có tên là tiên (Hoa nghiêm kinh Tùy sớ diễn nhân Hưu lưu và có được năm thần nghĩa sao). thông, bèn nói luận mười vạn kệ, Tông là phái (nhánh chẻ ra). chứng được Bồ đề, vui vẻ nhập Giáo lý của ngoại đạo truyền vào diệt. Tây vức không hơn 11 tông, nhưng Lục cú sanh là: 1) Thật: Thể 95 thứ ngoại đạo là thâu tóm hết. của các pháp là thật, vì đó là chỗ Một, Số luận sư kế minh đế nương tựa của đức, nghiệp. 2) Đức: sanh. tức là đạo đức. 3) Nghiệp: tức là tác Từ số mà có luận nên gọi là số dụng. 4) Đại hữu: thật, đức,

nghiệp luận; lại luận có thể sanh ra số, nên qui về nhất hữu. 5) Đồng, dị: như gọi là số luận. Người tạo ra số luận đất đối chiếu với đất là đồng mà đất và học số luận gọi là luận sư. Cái đối chiếu với nước là dị. Đến nước, minh đế sanh ra, theo Bách luận lửa, gió cũng như thế. 6) Hòa hợp: nói: từ minh (mờ tối) sanh ra giác Các pháp hòa hợp như chim bay (hiểu biết) cho đến thần ngã, cộng lên không trung, bỗng đến cành thành 25 đế. Lấy 24 đế ban đầu, từ cây, đậu ở đó không hay đi. Các thần ngã sanh ra, nương vào thần pháp cũng như thế, do hòa hợp làm ngã làm chủ. Vì thần ngã thường cho an trú. hiểu biết rõ ràng, thường trụ (còn) (năm thần thông là chân đi không mất, thu nhiếp các pháp, cho hỏng mặt đất; biết được tâm và nên chấp thần ngã là thường còn, là mạng của người; mắt trông ngàn duy nhất, là nguyên nhân của vạn dặm; kêu lên liền tới; đi xuyên qua vật, là nguyên nhân của Niết bàn. tường, đá). (25 đế là Minh sơ tự tánh đế tức Ba, Đồ khôi kế tự tại thiên sinh là Minh đế; Trí đại đế tức là giác; vạn vật. Ngã tâm đế; Ngũ duy đế từ địa, Đồ khôi tên của ngoại đạo. thủy, hỏa, phong, không; Ngũ tri Ngoại đạo này cho rằng trời thứ sáu căn đế tức nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân;

Tự tại ở cõi dục có khả năng sanh nhỏ nhiệm, không thể thấy được, ra vạn vật. nhưng vì những hiện tượng hoa Bốn, Vi đà luận sự kế Na la sanh, trái kết v.v... mà biết là có diên thiên sanh tứ tánh. thời gian. Tiếng Phạn là Vi đà, tiếng Hoa Bảy, Phương luận sư kế là Trí luận. Tiếng Phạn là Na la phương sanh nhân nhân sanh thiên diên, tiếng Hoa là Câu tỏa lực sĩ. Vị địa. này gân cốt chắc chắn, khỏe mạnh. Phương tức bốn phương. Vì Trời Na la diên có khả năng sanh ra ngoại đạo này cho rằng bốn bốn chủng tánh như sau: Miệng phương có thể sanh ra người, người sanh Bà la môn; hai cánh tay sanh có thể sanh ra trời, đất. Sau khi Sát đế lợi; hai bắp đùi sanh Tỳ xá; những thứ này tiêu diệt thì trở lại hai chân sinh Thủ đà. nhập vào phương. (Tiếng Phạn là Bà la môn, tiếng Tám, Lộ già da kế sắc tâm Hoa là Tịnh hạnh. Tiếng Phạn là pháp giai cực vi tác. Sát đế lợi, tiếng Hoa là Điền chủ, Tiếng Phạn là Lộ già da, tiếng tức là giai cấp làm vua. Tiếng Phạn Hoa là Thuận thế. Vì ngoại đạo này là Tỳ xá, tiếng Hoa là Thương cổ. cho rằng các pháp sắc, tâm đều từ Tiếng Phạn là Thủ đà, tiếng Hoa là tứ đại cực vi sanh ra; còn có thể Nông dân). sanh ra thô sắc. Tuy là cực vi Năm, An đồ luận sư kế bổn tế nhưng thể của nó nó thật. Những sanh. vật thô ở thế gian thì vô thường, Tiếng Phạn là An đồ. Bổn tế nhưng cái nhân cực vi thì không tức là lúc đầu của đời quá khứ. hoại diệt. Ngoại đạo này cho rằng lúc ban Chín, Khẩu lực luận sư kế hư đầu trên thế gian có đại thủy (nước không vi vạn vật nhân. lớn); lúc ấy có Đại An đồ ra đời Vì ngoại đạo này cho rằng từ hình dạng như quả trứng gà. Sau không sanh gió, từ gió sanh lửa, từ khi chia ra hai phần: Phần trên là lửa sanh ấm, từ ấm sanh nước, từ trời, phần dưới là đất, ở giữa sanh nước sanh băng cứng thành đất, đất ra một Phạm thiên, có thể sanh ra sanh ngũ cốc, ngũ cốc sanh mạng tất cả vật có mạng sống và không sống, mạng sống chết trở về với hư có mạng sống, vì vậy cho rằng không. Phạm thiên là chủ của vạn vật. (Ngũ cốc là lúa, mè, lúa mạch, Sáu, Thời tán ngoại đạo kế vật lúa nếp, đậu). tùng thời sanh. Mười, Túc tác luận sư kế khổ Vì ngoại đạo này, tự thấy cây, lạc tùy nghiệp. cỏ các vật có lúc nở hoa, có lúc kết Vì ngoại đạo này cho rằng tất quả, có lúc tác dụng, hoặc nhặc cả nhân quả báo khổ, vui đều do hoặc khoan khiến cho cành lá tùy nghiệp đời trước làm ra. Nếu giữ lúc tươi tốt, héo khô. Thời gian, tuy giới siêng năng mà thân, tâm chịu

khổ thì nghiệp đời trước có thể tiêu Tiếng tơ, trúc, ngọc đúng là có hoại. Nghiệp đời trước đã hết, các thể nghe được, nên gọi là sắc. khổ cũng không còn. Vì các khổ đã Tám, Hương. hết liền chúng được Niết bàn; nên Các thứ hương của thức ăn, gọi là Túc thế sở tác (những việc đã thức uống, chiên đàn, trầm thủy làm ở đời trước) là cái nhân của tất đúng là có thể ngửi được, nên gọi cả. là sắc. Mười một, Vô nhân luận sư kế Chín, Vị. tự nhiên sanh. Các vị ngọt, lạt, mặn, đắng thực Vì ngoại đạo này cho rằng tất là có thể nếm biết, nên gọi là sắc. cả vạn vật không có nhân không có Mười, Xúc. duyên đều do tự nhiên sanh, đều do Các xúc chạm trơn, lán, mềm tự nhiên diệt. mại, nhẹ nhàng do quần áo cực tốt mặc lên người v.v... đúng là có sự THẬP NHẤT SẮC tiếp của thân thể với sự vật, nên gọi (Đại thừa quảng ngũ là sắc. Mười một, Vô biểu. uẩn luận). Vô biểu là sắc không thể hiển Sắc có nghĩa là chất làm trở thị, như sắc ỏ trong định của thời ngại. Vì sáu thứ mắt, tai, mũi, lưỡi, Tứ thiền, một phần tịnh sắc ở trong thân, vô biểu. Đó là sắc ở ngoài. mắt đều không thể thấy, không thể Tất cả có 11 thứ riêng biệt: hiển thị; cũng như ý thức duyên Một, Nhãn. tướng của vô số cảnh giới ở quá Nhãn căn có hình dạng, thể chất khứ. Tuy đối tượng không biểu có thể thấy được, nên gọi là sắc. hiện nhưng thật sự có thấy tưởng Hai, Nhĩ. cảnh, nên gọi là vô biểu sắc. Nhĩ căn có hình dạng, thể chất (Trời Tứ thiền là sơ thiền, nhị có thể thấy được, nên gọi là sắc. thiền, tam thiền, tứ thiền ở cõi sắc. Ba, Tỷ. Một phần tịnh sắc ở trong mắt Tỷ căn có hình dạng, thể chất tức là nhãn thức). có thể thấy được, nên gọi là sắc. Bốn, Thiệt. THẬP NHẤT THINH Thiệt căn có hình dạng, thể chất (Hoa nghiêm kinh Tùy có thể thấy được, nên gọi là sắc. Năm, Thân. sớ diễn nghĩa sao). Thân căn có hình dạng, thể chất Một, Chấp thọ đại chủng thinh. có thể thấy được, nên gọi là sắc. Chấp tức là nắm bắt, giữ gìn. Sáu, Sắc. Thọ là lãnh thọ. Vì người ở trong Màu sắc xanh, vàng, đỏ v.v... bốn đại có cái giữ gìn và lãnh thọ, mà nhãn căn thấy, gọi là sắc. nên nói là âm thinh. Như hai tay vỗ Bảy, Thinh. vào nhau và nói năng tạo ra âm

thinh, đều ở trong bốn đại mà ra, thinh vừa ý, không vừa ý ở trước nên gọi là chấp thọ âm thinh của tương phản nhau, nên gọi là câu bốn đại. tương vi thinh. Hai, Bất chấp thọ đại chủng Chín, Biến kế sở chấp thinh. thinh. Ngoại đạo, đối với tất cả pháp, Vì người ở ngoài bốn đại, so đo cho rằng có, không; thường, không có cái gì chấp thọ mà nói là vô thường, v.v... rồi chấp trước âm thinh. Như âm thinh gió thổi những gì nói ra đã thành âm thinh, rừng cây, dòng nước chảy nhanh, nên gọi là biến kế (so đo) sở chấp đều do bốn đại ở ngoài mà xuất ra, thinh. nên gọi là không chấp thọ âm thinh Mười, Thánh ngôn thinh. của bốn đại. Thánh tức là chánh. Thấy nói là Ba, Chấp thọ bất chấp thọ đại thấy, không thấy nói là không thấy. chủng thinh. Nghe nói là nghe, không nghe nói Nhưng những âm thanh do là không nghe v.v... Từ cái nhân dùng tay đánh trống. Tay thuộc ngay thẳng này mà thành âm thinh, chấp thọ bốn đại, còn trống không nên gọi là thánh (chánh) ngôn thuộc chấp thọ bốn đại, nên gọi là thinh. âm thinh chấp thọ và không chấp Mười một, Phi thánh ngôn thọ bốn đại. thinh. Bốn, Thế sở cộng thành thinh. Thấy nói không thấy, không Người thế tục, hoặc do nói năng thấy nói thấy; nghe nói không hoặc do vấn đáp mà thành âm nghe, không nghe nói nghe v.v... thinh, nên gọi là âm thinh gọp lại Từ nguyên nhân không ngay thẳng mà có ở đời. này mà thành âm thinh, nên gọi là Năm, Thành sở dẫn thinh. phi thánh (chánh) ngôn thinh. Những

âm thinh do thánh nhân nói pháp đều để hướng dẫn chúng DƯỢC SƯ NHƯ LAI sanh ra khỏi sanh tử mà thành âm THẬP NHỊ ĐẠI DUYÊN thinh, nên gọi âm thinh có được là (Dược sư do hướng dẫn chúng sanh. Sáu, khả ý thinh. Như lai bổn nguyện công đức Âm thinh vui vẻ có thể làm cho kinh). thích ý của mình, nên gọi là khả ý Bồ tát Văn thù sư lợi thưa Phật thinh. rằng xin nói rộng danh hiệu của Bảy, Bất khả ý thinh. chư Phật và nguyện lớn thù thắng Âm thinh sầu khổ, trái ngược đã phát ở đời trước. Phật nói: Qua tình ý, nên gọi là bất khả ý thinh. phương đông, ngoài mười hằng sa Tám, Câu tương vi thinh. cõi Phật này, có thế giới là Tịnh lưu Âm thinh không khổ không vui, ly. Cõi ấy có Phật tên là Dược sư không trái không vừa ý, so với âm lưu ly quang Như lai, vốn thực

hành hạnh Bồ tát có phát 12 đại có chúng sanh, ở trong pháp của ta, nguyện. tu hành phạm hạnh thì tất cả những (Tiếng Phạn là Lưu ly, tiếng chúng sanh này, giới cấm không bị Hoa là Thanh sắc bảo). khuyết giảm, tam tụ tịnh giới đầy Một, Nguyện: Ta nguyện đời đủ, không có ai phá giới, làm ác. sau, khi chứng được chánh giác Bồ (Tam tụ giới là nhiếp luật nghi đề của Phật, tự thân ánh sáng chiếu giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiêu soi rực rỡ vô lượng, vô số, vô biên ích hữu tình giới). thế giới, có 32 tướng tốt, tám0 vẻ Sáu, Nguyện: Ta nguyện đời đẹp để trang nghiêm thân ta và cho sau, khi chứng được đạo Bồ đề, nếu tất cả chúng sanh cũng như vậy, có chúng sanh, thân thể của nó thấp không khác. kém, các căn không đầy đủ, xấu xí, Hai, Nguyện: Ta nguyện, đời ngu si, điếc, mù, què quặc, thân sau, khi chứng được Bồ đề, thân quắp, lưng còng, ghẻ lác, cuồng như lưu ly, ngoài trong đều thanh điên v.v... khi được nghe đến tên tịnh, không có vết nhơ, ánh sáng tôi rồi thì những chúng sanh ấy các rộng lớn, oai đức vô cùng rực rỡ, căn đầy đủ và hoàn hảo như ý thân được an ổn, ánh sáng bao bọc mong muốn. chung quanh hơn cả mặt trời, mặt Bảy, Nguyện: Ta nguyện đời trăng. Nếu có chúng sanh tối tăm sau, khi chứng được đạo Bồ đề, nếu và ban đêm không biết nơi nào ở có chúng sanh bị tai họa vây bủa đâu, nhờ ánh sáng của ta đi đến chỗ mà không người giúp đỡ, không mình muốn, và làm mọi công việc. chỗ nương tựa, không nơi tá túc, Ba, Nguyện: Ta nguyện đời thức ăn, thức uống đều không có gì, sau, khi chứng được Bồ đề, dùng lại không có bà con, nghèo khổ vô biên, vô hạng trí huệ, phương cùng cực đáng thương. Người này tiện, làm cho vô lượng chúng sanh nếu nghe được danh hiệu của ta, thọ dụng vô tận, không để cho một các tai họa đều diệt trừ hết, không ai thiếu thốn. còn đau khổ, cho đến chứng được Bốn, Nguyện: Ta nguyện đời cứu cánh Bồ đề vô thượng. sau, khi chứng được Bồ đề, có các Tám, Nguyện: Ta nguyện đời chúng sanh tu tập đạo khác thì tất sau, khi chứng được Bồ đề. Nếu có cả đứng vững trong đạo Bồ đề, tu người nữ, bị các đều xấu bức bách, hành theo hạnh của Thinh văn, phiền muộn, chán ghét muốn bỏ Bích chi Phật đều đứng vững trong thân hình người nữ, nghe được tên Đại thừa giáo. ta thì chuyển nữ thành thân tướng (Tiếng Phạn là Bích chi, nói đủ trượng phu, cho đến được rốt ráo là Bích chi ca la, tiếng Hoa là vô thượng Bồ đề. Duyên giác). Chín, Nguyện: Ta nguyện đời Năm, Nguyện: Ta nguyện đời sau, khi chứng được Bồ đề; khiến sau, khi chứng được đạo Bồ đề, nếu cho tất cả chúng sanh thoát khỏi

lưới ma. Nếu có ai rơi vào rừng tà Tiếng Phạn là Tu đa la, tiếng kiến, đều được đứng vững nơi Hoa là Khế kinh. Khế là trên hợp chánh kiến, lần lược biểu lộ hạnh với lý của chư Phật, dưới hợp với Bồ tát. căn cơ của chúng sanh. Pháp là Mười, Nguyện: Ta nguyện đời thường. mười cõi noi theo gọi là sau, khi chứng được Bồ đề, nếu có pháp; ba đời không thay đổi gọi là chúng sanh bị phép vua hành hạ thường. Đây là tên chung của Phật như trói buộc, đánh đập, tù đày đến giáo. Lại nữa, Tu đa la chính là chết, chịu quá nhiều tai nạn, đau trường hàng, nói thẳng pháp tướng, buồn khôn xiết, thân tâm chịu khổ. tùy theo nghĩa lý dài hay ngắn, Với những chúng sanh này, bằng không ràng buộc vào số chữ. phước lực của ta, đều được giải Hai, Kỳ dạ. thoát tất cả khổ đau, phiền não. Tiếng Phạn là Kỳ dạ, tiếng Hoa Mười một, Nguyện: Ta nguyện là Ưng tụng, còn gọi là Trùng tụng, đời sau, khi chứng được Bồ đề; nếu vì tương ưng với văn trường hàng ở có chúng sanh đói khổ cùng cực, vì trước, nói lại nghĩa của đoạn trường mong có ăn mà làm các nghiệp ác. hàng ấy bằng sáu, bốn, ba, hai câu Ta đến nơi ấy, dùng thức ăn ngon đều gọi là tụng. nhất cho chúng được ăn uống đầy Ba, Ca đà. đủ; rồi sau dùng pháp vị cho chúng Tiếng Phạn là Ca đà, tiếng Hoa sanh ấy thưởng thức, cuối cùng là Phúng tụng, vì không qua văn thảy đều an lạc. trường hàng mà nói thẳng kệ cú, Mười hai, Nguyện: Ta nguyện như phẩm không ở trong kinh Kim đời sau, khi chứng được Bồ đề; nếu quang minh. có chúng sanh nghèo khổ không có Bốn, Ni đà la. quần áo, lạnh nóng, ruồi nhặng Tiếng Phạn là Ni đà la, tiếng ngày đêm bức bách khổ sở. Ta sẽ Hoa là Nhân duyên, như trong kinh cho những người ấy y phục tốt đẹp có người hỏi nên mới nói việc ấy, tùy tiện sử dụng, cũng như dùng tất như trong luật có người phạm việc cả của báu trang nghiêm đầy đủ ấy mới chế ra giới ấy. Như lai nói như hoa man, đồ hương, âm nhạc, tất cả duyên khởi đầu đuôi của mọi ca hát, tùy theo nhu cầu của chúng việc, đều gọi là nhân duyên. Trong sanh mà cung cấp đầy đủ và thỏa kinh Pháp hoa nói về phẩm Hóa mãn. thành dụ, đó là nhân duyên đời trước. THẬP NHỊ PHẦN KINH Năm, Y đế mục đa. cũng gọi là Thập nhị bộ kinh Tiếng Phạn là Y đế mục đa, (Đại trí độ luận). tiếng Hoa là Bổn sự. Nói về nhân địa của các đệ tử là Bồ tát và việc Một, Tu đa la. mà những vị ấy đã làm, như phẩm Bổn sự trong kinh Pháp hoa nói Bồ

tát Dược vương ở chỗ Phật Nhật đạt đa trong kinh Pháp hoa, Bồ tát nguyệt tịnh minh đức, được pháp Trí tích cùng Văn thù sư lợi luận vui mừng, liền đốt cánh tay cúng thuyết về diệu pháp v.v... dường, tu các khổ hạnh, cầu đạo Bồ Mười, Ưu đà na. đề v.v... Tiếng Phạn là Ưu đà na, tiếng Sáu, Xà đa ca. Hoa là Tự thuyết. Không có người Tiếng Phạn là Xà (đồ) đa ca, hỏi mà Như lai có tha tâm thông, tiếng Hoa là Bổn sanh. Nói về viêc quán sát căn cơ của chúng sanh rồi thọ sanh, bổn địa của Phật, Bồ tát; tự tuyên thuyết. Như ở trên hội như kinh Niết bàn nói: Tỳ kheo nên Lăng nghiêm nói 50 thứ ma sự, biết, ở quá khứ, ta đã từng làm nai, không chờ Ngài A nan hỏi. Như gấu, thỏ, rồng... và kim xí điểu, kinh Di đà không có duyên khởi, tự Túc tán vương, Chuyển luân thánh Phật bảo xá lợi Phất v.v... rồi tuyên vương. thuyết. Bảy, A phù đạt ma. (50 loại ma là năm ấm sắc, thọ, Tiếng Phạn là A phù đạt ma, tưởng, hành, thức, mỗi ấm có mười tiếng Hoa là Vị tằng hữu, cũng gọi loại). là Hy hữu. Như khi Phật vừa sanh Mười một, Tỳ Phật lược. ra, liền đi bảy bước, mỗi bước đi có Tiếng Phạn là Tỳ Phật lược, một hoa sen đỡ chân, phóng ra ánh tiếng Hoa là Phương quảng. sáng lớn, soi khắp mười phương

Phương là pháp vậy. Quảng là thế giới và nói ra lời này: Ta là lớn vậy. Còn nói chánh lý gọi là người độ tất cả chúng sanh vượt phương. Phong phú bao hàm gọi là qua sanh, già, bệnh, chết. Khi ấy quảng. đại địa chấn động, trời mưa các loại Các kinh điển Đại thừa phương hoa, cây cối reo mừng làm thành quảng có ý nghĩa rộng rãi, tựa như nhạc trời. bao nhiêu việc ít có như hư không. vậy. Mười hai, Hòa ca la. Tám, ba đà. Tiếng Phạn là Hòa ca la, tiếng Tiếng Phạn là ba đà, nói đủ là Hoa là Thọ ký. Như lai vì các vị Bồ A ba đà na, tiếng Hoa là Thí dụ. tát, Bích chi, Duyên giác thọ ký Như lai nói pháp, vì những kẻ căn làm Phật cho các vị này. Như kinh tánh chậm lụt, mượn thí dụ để chỉ Pháp hoa nói: ông A dật đa, đời sau bày cho chúng dễ hiểu. Như trong ông sẽ thành Phật hiệu là Di lặc. kinh Pháp hoa có các thí dụ Hỏa (Tiếng Phạn là Di lặc, tiếng trạch, Dược thảo. Hoa là Từ thị). Chín, Ưu bà đề xá. Tiếng Phạn là Ưu ba đề xá, tiếng Hoa là Luận nghị. Đó là các việc vấn đáp, biện luận về các pháp trong các kinh. Như phẩm Đề bà

THẬP NHỊ NHÂN gọi là hình vị, sanh ra các căn hình, DUYÊN bốn chi rõ ràng. Đó gọi là sắc. Năm, Lục nhập. (Thiên thai tứ giáo Từ danh sắc về sau đến bảy nghi). ngày lần thứ sáu (42 ngày) gọi là Vì vô minh, hành, thức,... xoay phát mao trảo xỉ vị, bảy ngày lần chuyển đến cảm quả gọi là nhân, thứ bảy (49 ngày) gọi là cụ căn vị. nương tựa vào nhau là duyên, ba sáu căn khai triển có công năng thu đời liên tục, không gián đoạn. nhập sáu trần. Đó gọi là sáu nhập. (Ba đời liên tục không gián Sáu, Xúc. đoạn là do quá khứ có vô minh, Từ lúc sanh ra về sau, cho đến hành làm nhân cảm quả đời hiện tại ba, bốn tuổi, sáu căn tuy tiếp xúc là thức, danh sắc, lục nhập: sáu căn sáu trần chưa thể hiểu rõ khái niệm và sáu trần tiếp xúc. Do quả hiện khổ và vui. Đó gọi là xúc. tại này, khởi lên thọ, ái, thủ, hữu Bảy, Thọ. làm nhân hiện tại. Do nhân hiện tại Từ năm, sáu tuổi đến 12, 13 cảm quả đời vị lai là sanh, lão, tử. tuổi, nhân sáu trần tiếp xúc sáu căn Cứ xoay vòng như thế không gián liền nạp thọ tốt, xấu; ưa, ghét của đoạn). cảnh đối tượng, tuy có khả năng Một, Vô minh. phân biệt nhưng chưa có thể khởi Vì phiền não (hoặc ở đời quá động lòng tham quá mức. Đó gọi là khứ che lấp bổn tánh, không còn thọ. sáng suốt, nên gọi là vô minh. Tám, Ái. Hai, Hành. Từ 14, 15 tuổi đến 18, 19 tuổi Ở đời quá khứ thân, miệng, tạo tham lam của cải và dâm dục, tác nghiệp lành và không lành, nên nhưng vì chưa thể tìm tòi rộng khắp gọi là hành. cho bằng được. Đó gọi là ái. Ba, Thức. Chín, Thủ. Do hoặc và nghiệp ở quá khứ Từ 20 tuổi về sau tham dục lớn dẫn dắt khiến cho thức này đến đầu mạnh, đối với năm trần, tìm kiếm thai vào bụng mẹ. Trong khoảng khắp nơi cho bằng được. Đó gọi là một sát na nhiễm ái làm giống, nạp thủ. tưởng thành thai, nên gọi là thức. Mười, Hữu. (Tiếng Phạn là Sát na, tiếng Vì dong ruổi tìm kiếm các cảnh Hoa là một niệm). nên khởi lên nghiệp thiện, ác tích tụ Bốn, Danh sắc. dẫn dắt sẽ sanh ra quả của ba hữu. Danh tức là tâm, vì chỉ có tên Đó gọi là hữu. mà không có hình chất. Sắc tức là (Nhân quả không mất là hữu. sắc chất, là cái thân này. ba hữu là Dục hữu, sắc hữu, vô sắc Vì từ khi thác thai về sau đến hữu tức là ba cõi). bảy ngày lần thứ năm (35 ngày) thì Mười một, Sanh.

Từ nghiệp lành, dữ đời này, đời Tất cả hương có thể ngửi được sau trở lại thọ sanh trong lục đạo, đối với mũi. Đó là hương nhập. tứ sanh. Đó gọi là sanh. Mười, Vị nhập. Mười hai, Lão tử. Tất cả mùi có thể nếm được đối Từ đời sau thọ sanh về sau, với lưỡi.

Đó gọi là vị nhập. thân năm ấm già rồi đến hoại. Đó Mười một, Xúc nhập. gọi là lão tử. Tất cả xúc có thể cảm giác được đối với thân. Đó gọi là xúc THẬP NHỊ NHẬP nhập. (Pháp giới thứ đệ). Mười hai, Pháp nhập. Tất cả pháp có thể phân biệt Nhập có nghĩa thấm vào. sáu được đối với ý. Đó gọi là pháp căn, sáu trần lần lược thâm nhập nhập. vào nhau, nên gọi là 12 nhập. Một, Nhãn nhập. THẬP NHỊ ĐẦU ĐÀ Nhãn căn đối với sắc, liền thấy HẠNH được sắc. Đó gọi là nhãn nhập. (Thập nhị đầu đà Hai, Nhĩ nhập. Nhĩ căn đối với tiếng, liền nghe kinh). được tiếng. Đó gọi là nhĩ nhập. Tiếng Phạn là Đầu đà, tiếng Ba, Tị nhập. Hoa là Đẩu tẩu, nghĩa là có khả Tị căn đối với hương liền ngửi năng rủ sạch bụi dơ phiền não. Bởi được hương. Đó là tị nhập. Tỳ kheo phải lìa xa sự ồn ào, bận Bốn, Thiệt nhập. bịu, không ưa trang sức đẹp đẽ, tâm Thiệt căn đối với vị liền nếm dứt hết tham cầu, không còn kiêu được mùi. Đó là thiệt nhập. mạn, cuộc sống thanh tịnh để cầu Năm, Thân nhập. đạo vô thượng chánh giác, nên mới Thân căn đối với xúc liền cảm có 12 thứ hạnh này đây. giác được xúc (chạm vào). Đó gọi Một, Trụ A lan nhã xứ. là thân nhập. Tiếng Phạn là A lan nhã, tiếng Sáu, Ý nhập. Hoa là Tịch tịnh xứ. Vì Tỳ kheo Ý căn đối với pháp liền phân phải ở chỗ yên lặng, vắng vẻ, thân biệt được pháp. Đó gọi là ý nhập. lìa chỗ ồn ào, tâm xa dục trần, cắt Bảy, Sắc nhập. đứt hết mội vướng mắc để cầu đạo Tất cả sắc có thể thấy được đối vô thượng. Đó là hạnh đầu đà. với mắt. Đó gọi là sắc nhập. Hai, Thường hành khất thực. Tám, Thinh nhập. Vì Tỳ kheo xa lìa mọi tham Tất cả tiếng có thể nghe được cầu, không nhận lời mời cúng đối với tai. Đó gọi là thinh nhập. dường của người khác, thường đi Chín, Hương nhập. xin ăn để nuôi sắc thân, giúp thành đạo nghiệp. Khi nhận được thức ăn

cúng dường của đàn na, hoặc ngon Tương tức là nước trái cây, hoặc dở, không khởi niệm phân nước mật các loại. Vì Tỳ kheo tu biệt tăng giảm; kể cả khi không hành, đối với các thứ nước uống, nhận được thức ăn cúng dường nếu đã quá ngọ, thì không được cũng không giận hờn, tâm luôn uống. Nếu vị nào uống thì sẽ bị bình đẳng dù có hay không. Đó là ghiền, mong muốn mãi không hạnh đầu đà. chán, không thể nhất tâm tu tập Ba, Thứ đệ khất thực. pháp lành. Do đó, quá ngọ không Khi Tỳ kheo đi khất thực, uống nước trái cây, nước sữa… trừ không ưa thích món ngon, không nước trong, nước trà, là hạnh đầu xem thường chúng sanh, không đà vậy. chọn giàu nghèo, tâm luôn bình Bảy, Trước tệ nạp y. đẳng, tuần tự mà đi không hề phân Tỳ kheo không ham mặc y phục biệt. Đó là đầu đà hạnh. đẹp, không cầu áo tốt, chỉ lượm Bốn, Nhất thực. những miếng vải cũ nát vứt bỏ, rồi Vì Tỳ kheo tu hành nên suy giặt giũ cho sạch may thành phấn nghĩ thế này ta xin ăn một bữa còn tảo y để ngăn che lúc trời lạnh lẽo trở ngại quá nhiều, huống còn có mà thôi. Nếu vị nào ham y mới, tốt tiểu thực, hậu thực; nếu không làm thì phải tìm tòi làm hao tổn đạo hao tổn thì giờ cho mình thì mất hạnh; còn có thể rù quến trộm cắp. nửa ngày cho công việc chuẩn bị, Do vậy mặc áo phấn tảo, đó là hạnh nấu nướng, đâu có thể nhất tâm đầu đà. hành đạo. Vì vậy dứt hết các bữa ăn Tám, Đản tam y. khác, chỉ ăn một bữa đúng pháp mà Ba y là ba áo ca sa: chín điều, thôi. Đó là hạnh đầu đà. bảy điều, năm điều. Vì Tỳ kheo Năm, Tiết lượng thực. thiểu dục tri túc, áo là cốt để che Thức ăn vị Tỳ kheo xin được thân, không nhiều không ít. Như phải chia ba phần: nếu thấy ai thiếu người bạch y cất chứa vô số y thốn thì cho họ một phần: lại có thể phục, cho đến ngoại đạo tu khổ để một vắt cơm trên một tảng đá hạnh

trần truồng không biết xấu hổ; sạch cho cầm thú hay chim muông; hai trường hợp này đều không hợp nếu không gặp kẻ nghèo khổ cũng với trung đạo. Vì vậy, đệ tử của chỉ ăn hai phần ba phần mà thôi, Phật không theo hai cực đoan ấy phải để lại một phần không được ăn mà chỉ có ba y là thích hợp. Đó là hết. Như thế thì thân thể được nhẹ hạnh đầu đà. nhàng và an ổn, dễ tiêu hóa, không (Tiếng Phạn là Ca sa, tiếng Hoa mắc bệnh, phòng ngừa hao tổn đạo là Bất chánh sắc. Nói chín điều, nghiệp, nên tiết thực là hạnh đầu bảy điều, năm điều, đây là theo thứ đà. lớp thượng, trung, hạ về áo ca sa). Sáu, Quá trung bất ẩm tương. Chín, Trủng gian tọa.

Quán vô thường, khổ, không, Nếu lười biếng, ngủ nghỉ, thì các đó là bước đầu tiên của Phật pháp, giặc phiền não luôn rình rập xâm có khả năng lánh xa, chán ghét ba hại; nếu đi, nếu đứng tâm động khó cõi. Tỳ kheo ở trong nghĩa trang, nhiếp phục; cho nên Tỳ kheo thường thấy thây ma, hôi hám, thương phải ngồi yên, lưng không nhớp nhúa, lửa đốt, chim mổ thì ý dính chiếu là hạnh đầu đà. tưởng về vô thường, bất tịnh dễ hình thành. Vì vậy ở nơi bãi tha ma THẬP NHỊ ÁC LUẬT là hạnh đầu đà. NGHI (Vô thường là thân năm ấm (Tạp A tỳ đàm tâm cuối cùng tiêu hoại. Khổ là do thân này mà chịu khổ đau bức bách của luận). sống và chết. Không là thân này do Ác luật nghi là luật nghi về bốn đại giả hợp mà thành, chắc pháp không nên làm. chắn là không thật có). Một, Đồ dương. Mười, Thọ hạ tọa. Đồ là giết. Người hoặc mình ăn Tỳ kheo ở bãi tha ma mà không thịt con vật mà giết nó, hoặc để bán chứng đạo được thì phải đến dưới thịt nó mà giết. Đó là ác luật nghi. gốc cây, tư duy tìm tòi về lẽ đạo. Hai, Dưỡng kê. Như khi Phật còn sanh thời: Thành Vì thích mùi vị của thịt nó, để đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết ăn cho ngon miệng, thường tự mình bàn đều ở dưới gốc cây. Vì nhân nuôi dưỡng với ý đồ giết nó để ăn. duyên như thế, cho nên Tỳ kheo Đó là ác luật nghi. làm theo như Phật, ở dưới gốc cây Ba, Dưỡng trư. là hạnh đầu đà. Hoặc chính muốn thỏa mãn lỗ Mười một, Lộ địa tọa. miệng và bao tử, hoặc muốn mua Tỳ kheo ở dưới gốc cây tựa như bán kiếm lời mà nuôi dưỡng nó. Đó ở trong nhà, tàn cây che mưa nắng là ác luật nghi. mát mẻ dễ chịu, nên sanh lòng lưu Bổn, Bổ điểu. luyến; hoặc là lo mưa rơi thấm Vì tâm chứa sự giết hại nên mới lạnh, chim chóc tè phải dơ người, lưới thú bắt chim hoặc để ăn hoặc độc trùng quấy phá. Suy tư như để bán, làm tổn hại mạng sống. Đó vậy, nên đến chỗ đất trống ở, thỏa ý là ác luật nghi. vừa lòng, ánh trăng soi khắp, làm Năm, Bổ ngư. cho tâm xán lạn, dễ vào không Vì tâm chứa sự giết hại nên mới định, nên đến chỗ đất trống ở là giăng lưới thả câu bắt cá, hoặc để hạnh đầu đà. ăn hoặc để bán, làm tổn hại mạng Mười hai, Đản tọa bất ngọa. sống của con vật. Đó là ác luật Trong bốn oai nghi của Tỳ kheo nghi. thì ngồi là số một, ăn dễ tiêu hóa, Sáu, Lạp sư. hơi thở điều hòa, dễ đi vào đạo.

Vì tâm chứa sự sát hại nên mới Kinh nói: Phải nói tự tánh của săn bắt tất cả cầm thú, hoặc để ăn vọng tưởng là phân biệt, tùy theo hoặc để bán, làm tổn hại mạng sống cảnh có khác nhau. Tất cả kẻ ngu của chúng. Đó là ác luật nghi. đều chấp chặt có, không, nên mới Bảy, Tác tặc. có 12 loại. Vì thấy bất cứ vật gì của người Một, Ngôn thuyết vọng tưởng. khác, cũng luôn nuôi lòng trộm Vì chấp chặt âm thinh của các cắp, không nghĩ rằng vật nào chủ ngôn ngữ ca vịnh tuyệt vời, cho là nấy lén lấy gây tai hại cho người. nó có tính chất. Đó gọi là vọng Đó là ác luật nghi. tưởng về ngôn thuyết. Tám, Khôi

khoái. Hai, Sở thuyết sự vọng tưởng. Khôi khoái là ông quan cầm Phàm sự việc được nói đến kỳ dao hành hình người có tội. Vì cùng tự tánh của nó thì có thánh trí người này vốn đồng loại nên kẻ mới biết được, còn những kẻ ngu kia, tuy phạm pháp, theo lý thì phải không hiểu thấu mà chỉ dựa vào sự chết, nhưng thói quen thành nghiệp việc ấy nói năng bàn luận thôi. Đó chém người là làm hại đến sự sống, gọi là vọng tưởng về những gì được đúng là một việc làm ác. Đó là ác nói đến. luật nghi. Ba, Tướng vọng tưởng. Chín, Thủ ngục. Cái thấy khởi lên tùy theo sự Vì làm kẻ giữ ngục thì dùng việc, giống như con hươu khát gông cùm, xiềng xích, ngược đãi nước chạy đuổi theo bóng dương tội nhân, làm mất dần tâm từ. Đó là diệm, vì tưởng đó là nước. Cũng ác luật nghi. vậy, đối với đất, nước, gió, lửa Mười, Chú long. chấp cho là có tánh cứng, thấm, Tập tành các tà pháp chú thuật động, ấm; nhưng đâu biết tánh vốn trù ếm rồng, rắn để dùng nó làm trò dung thông. Đối với tướng của tất mua vui. Đó là ác luật nghi. cả pháp lầm lạc chấp trước. Đó gọi Mười một, Đồ khuyển. là vọng tưởng về tướng. Giết chó để ăn thịt hay để buôn Bốn, Lợi vọng tưởng. bán. Đó là ác luật nghi. Ham muốn vàng, bạc, châu báu Mười hai, Tứ lạp. vô kể ở thế gian mà không biết Chủ trì việc săn bắn, rình mò những vật ấy vốn là hư ảo. Phàm bắt cầm thú để làm nghề sanh lợi là phu không thấu mới khởi tâm tham tự mình chất chứa tội nghiệp. Đó là đắm. Đó là vọng tưởng về lợi. là ác luật nghi. Năm, Tự tánh vọng tưởng. Cố giữ các pháp nên khởi lên THẬP NHỊ VỌNG cái thấy có tự tánh, chính mình cho TƯỞNG là đúng, những gì còn lại là sai. Đó (Lăng nghiêm kinh). gọi là vọng tưởng về tự tánh. Sáu, Nhân vọng tưởng.

Đối với các pháp do nhân Vì đối với tất cả pháp vướng duyên sinh khởi lên bao nhiêu cái mắc vì tình nên thành ràng buộc, thấy có không, rồi vọng tưởng phân nếu lìa vọng tưởng thì không còn biệt thành cái nhân của sinh tử. Đó ràng buộc. Phàm phu không thấu, ở là vọng tưởng về nhân. trong cái không ràng buộc này mà Bảy, Kiến vọng tưởng. sanh ra vướng mắc. Đó gọi là vọng Đối với các pháp năm ấm v.v... tưởng về vướng mắc và không lầm cho là có, không, một, khác rồi vướng mắc. khởi lên các tà kiến, chấp trước phân biệt. Đó gọi là vọng tưởng về THẬP NHỊ TÙY MIÊN kiến (thấy). (Chúng sự phần A tỳ Tám, Thành vọng tưởng. Đối với giả danh và thật pháp đàm luận). cho là có ngã và ngã sở rồi nói lên Vì các phiền não dục vân vân rằng quyết định là thật có (thành). luôn luôn đeo đuổi con người, nằm Đó gọi là vọng tưởng về thành. sâu trong tàng thức, nên gọi là tùy (Giả danh là danh tự hư dối, miên. vay mượn. Thật pháp là pháp năm Một, Dục tham. ấm có thật. Ngã, ngã sở là Ngã tức Đối với cảnh vừa ý sanh tâm ái là giả danh; ngã sở tức là sắc thân nhiễm chấp trước và ham thích. năm ấm...). Hai, Sân khuể. Chín, Sanh vọng tưởng. Đối với cảnh không vừa ý Vì cho rằng tất cả pháp, hoặc có không có gì thích thú thì tâm sanh hoặc không, đều từ duyên khởi giận giỏi, tức tối. sanh ra có khác nhau. Đó gọi là Ba, Sắc tham. vọng tưởng về sanh. Ở cõi sắc mà yêu thích tịnh Mười, Bất sanh vọng tưởng. pháp, vướng mắc thiền vị. Vì cho rằng tất cả pháp có hữu Bốn, Vô sắc tham. thể từ ban đầu, không nhờ nhân Đối với các định thức và định duyên mà sanh. Đó gọi là vọng xứ ở cõi vô sắc, yêu thích vừa ý, tưởng về sanh. tâm vướng mắc vào thiền vị. Mười một, Tương tục về vọng Năm, Vô minh. tưởng. Đối với các pháp sự và lý Đối với tất cả pháp nắm giữ cái không hiểu rõ được, chướng ngại, này cho đi cái kia, bó buộc, lệ che đậy chân tánh. thuộc lẫn nhau,

chấp trước phân Sáu, thân kiến. biệt, không có đoạn tuyệt. Đó gọi là Ở trong các pháp năm ấm vọng tưởng về tương tục. cưỡng lập ra chủ tể lầm cho là thân. Mười hai, Phược bất phược Bảy, Biên kiến. vọng tưởng.

Đối với thân kiến đã đề cập, Noãn sanh là từ trứng mà sanh cho là ngã hoặc đoạn hoặc thường ra. rồi chấp chặt một bên. Đây là loài hữu tình mê lầm do (Đoạn kiến là ngoại đạo cho hư vọng, điên đảo mà khởi lên rằng thân này chết rồi không sanh nghiệp loạn tưởng bay lên trời hay lại. Thường kiến là ngoại đạo cho lặn xuống nước, hoặc nghiệp hòa rằng thân này chết rồi sanh trở lại). hợp, nên cảm quả báo sanh vào loài Tám, Tà kiến. này, tức là các loại cá, chim, rùa, Do cho rằng hoặc đoạn hoặc rắn. thường, không tin nhân quả, cho là (Loài bay lên hay lặn xuống không làm không được, nổi lên chê nếu niệm tưởng nhẹ nổi thì làm loài bai. chim. Nếu tình niệm chìm nặng thì Chín, Kiến thủ. quả báo làm loài cá, rắn). Do cái kiến này mà có thể lên Hai, Thai sanh. đến trời Phi phi tưởng. Tin điều này Thai sanh là từ bào thai mà là đúng còn những điều khác là sai, sanh ra. Loài hữu tình này mê lầm chấp lấy cái kém cho là hơn. do ái dục tạp nhiễm mà ra rồi khởi Mười, Giới thủ. lên nghiệp loạn tưởng hoành thụ. Chấp chặt sự sai trái cho là Hoặc và nghiệp tương quan cho đường đúng, chẳng phải nguyên nhau, nên cảm quả báo sanh ra loại nhân cho là nguyên nhân. Như giữ này, tức là các loại người, súc sanh, giới gà, giới chó v.v... mà cho là có rồng, tiên. thể được thanh tịnh, giải thoát. (Hoành thụ là thân người thẳng Mười một, Mạn. đứng, súc sanh nằm ngang. Vì tu Cống cao tự khoe mình, xem tập chánh đạo mà được làm thân thường người khác. người, nên thân thẳng đứng. Vì làm Mười hai, Nghi. theo tà đạo mà cảm quả báo làm Đối với đế lý không thể hiểu loài súc sanh, nên thân nằm ngang). nỗi, nên sanh tâm do dự, không Ba, Thấp sanh. quyết được phải, trái. Thấp sanh là từ chỗ ẩm thấp mà (Đế lý là lý Tứ đế). sanh ra. Vì loài hữu tình này mê lầm do chấp trước, khởi lên nghiệp THẬP NHỊ LOẠI SANH loạn tưởng phiên phúc. Hoặc và (Lăng nghiêm kinh). nghiệp hòa hợp, nên cảm quả báo mà sanh ra loại này, tức là loài ngọ Các loài hữu tình do điên đảo, ngoạy cử động. vọng tưởng khởi lên hoặc (mê (Phiên phúc tức là phi phục lầm), tạo ra nghiệp. Tùy theo loại: Loài bay lên và loài nằm ở nghiệp mà cảm thọ quả báo không trong đất). giống nhau, nên có 12 loại. Bốn, Hóa sanh. Một, Noãn sanh.

Hóa sanh là không mà bỗng có, báo sanh ra loài này, tức là loài quả hoặc là lìa hình cũ này mà đổi sang thần tinh linh. chất mới kia là hóa sinh vậy. Vì (Võng tượng dường có dường loài hữu tình này mê lầm do biến không.Tiềm kết tức là ẩn phục: núp dịch điên đảo mà khởi lên nghiệp kín; kết tức ngưng đọng). loạn tưởng bỏ cũ theo mới. Hoặc và Tám, Vô tưởng. nghiệp hòa hợp, nên cảm quả báo Vô tưởng là tâm tưởng hôn mê, sanh ra loại này, tức là loại lột xác không biết gì hết. vì loại hữu tình bay lên không trung. này, mê lầm do ngu si, ương ngạnh (Lột xác bay lên không trung là rồi khởi lên nghiệp khô cảo loạn như con tằm lột xác thành con tưởng. hoặc và nghiệp hòa hợp nên Ngài, như chim sẻ hóa ra con sò). cảm quả báo sanh ra loại này, tức Năm, Hữu sắc. loài đất, cây, vàng, đá do tinh thần Hữu sắc là của vật hữu tình làm hóa ra. trở ngại sự phát ra ánh sáng. Vì loài (Tinh thần: linh hồn. Gọi chung hữu tình này mê lầm do điên đảo những cái thuộc về vô hình. chướng ngại khởi lên nghiệp tinh Tinh thần hóa ra đất, cây, vàng, diệu loạn tưởng. Hoặc và nghiệp rõ đá là như hoa biến sanh tinh, như ràng,

nên cảm quả báo sanh ra loài ngoại đạo Hoàng đầu hóa ra đá). này, tức là loại hưu cữu tinh minh. Chín, Phi hữu sắc. (Hưu cữu tinh minh là các sao, Phi hữu sắc là tuy có hình sắc như sao tốt gọi là hưu, sao xấu gọi nhưng vay mượn cái khác mà làm là cữu. Đoạn đóm, ngọc trai đều là nên. Vì loại hữu tình này, mê lầm loài tinh minh). do dối trá tương đãi (tự và tha đối Sáu, Vô sắc. đãi nhau, nhờ đó tồn tại), khởi lên Vô sắc là không có hình sắc. Vì nghiệp nhân y loạn tưởng. Hoặc và loài hữu tình này mê lầm do điên nghiệp tương nhiễm, nên cảm quả đảo tỏa tán khởi lên nghiệp âm ẩn báo phi hữu sắc tướng thành sắc, loạn tưởng. Hoặc và nghiệp tối tức loài sứa lấy con tôm làm mắt. tăm, nên cảm quả báo sanh ra loài (Phi hữu sắc tướng thành sắc, này, tức là loài không tán tỏa trầm. như con sứa vốn không phải loài (Không tán tỏa trầm là sắc hết sắc tướng, nên nói chẳng có sắc tâm mất, chán không, dứt hết tướng mà lấy bọt nước làm thân, tướng, chìm trong tối tăm u ẩn, tức lấy con tôm làm mắt, nên gọi là là loài ngoại đạo ở cõi vô sắc). thành sắc). Bảy, Hữu tưởng. Mười, Phi vô sắc. Hữu tưởng là từ ức tưởng sanh Phi vô sắc là vì dùng âm thinh ra. Vì loài hữu tình này mê lầm do trù ếm mà có khả năng thành hình. điên đảo vọng tưởng, khởi lên Vì loài hữu tình này, mê lầm do nghiệp tiềm kết loạn tưởng. Hoặc điên đảo về tướng dẫn đến sai lầm và nghiệp hòa hợp, nên cảm quả về tánh, rồi khởi lên nghiệp nương

tựa vào nhau, nên cảm quả báo phi Mười hai, Phi vô tưởng. vô sắc tướng vô sắc, tức là loài trù Phi vô tưởng là tuy là người ếm cầu đảo sự sống. thân thuộc mà trở thành kẻ thù giết (Phi vô sắc tướng vô sắc là như hại lẫn nhau. Vì loài hữu tình này con tôm, con ểnh ương từ chính sai lầm do oán hận điên đảo, khởi loại nó sanh ra, không mượn ở loài lên nghiệp sát hại vọng tưởng. khác, nên gọi là không phải là Hoặc và nghiệp hòa hợp mà cảm không có sắc tướng. nhờ âm thinh quả báo phi vô tưởng tướng vô mà sanh ra, nên gọi là vô sắc. tưởng, tức là loài chim thổ Trù ếm cầu đảo sự sống: Chú kiêu…dựa vào cục đất mà làm trớ yếm sanh là chú trớ tức kêu gọi; thành con của mình, và chim phá yếm tức đảo: khấn vái, cầu đảo. kính lấy trái độc ấp thành con của Như con ểnh ương nhờ âm thinh mình. Khi con lớn lên thì cha mẹ phụ vào với trứng sau đó sanh ra và đều bị con ăn. lớn lên; nếu không có âm thinh thì (Phi vô tưởng tướng vô tưởng hư hoại. Chim khổng tước mái là cha mẹ có tình thương nên gọi là nghe tiếng khổng tước trống kêu thì phi vô tưởng tướng, về sau lớn lên, có mang sanh chim con. Các loài cha mẹ bị ăn, nên gọi là vô tưởng. vật này đều do khẩn cầu mà sanh Thổ kiêu là loài chim ăn thịt vậy. cha. Hình thù của nó giống chồn Mười một, Phi hửu tưởng. còn mắt thì giống cọp; nay gọi là Phi hữu tưởng là mượn thân chim). của người khác làm thân của mình. Vì loài hữu tình này, sai lầm do THẬP TAM SỰ PHÁP điên đảo vu oan cho người, khởi lên nghiệp hồi hỗ loạn tưởng. Hoặc và nghiệp hòa hợp, nên cảm quả báo phi hữu tưởng tướng thành Một, Trụ chánh giới. tưởng. Vì người xuất gia vào làng xóm (Vu võng là vu oan, vu cáo: nói xin ăn phải thu nhiếp thân tâm, an sai sự thật. Hồi hổ giống như thay trụ trong chánh giới, chớ có phá đổi cho nhau. Bồ lư tức con tò vò, giới. lấy con trùng xanh mà cho là con Hai, Trụ chánh oai nghi. của mình; đó là nghĩa lộng giả Người xuất gia, khi xin ăn, thành chân, chuyển đổi cho nhau. dung mạo phải đoan chánh, oai Phi hữu tưởng tướng thành nghi phải nghiêm túc, làm cho mọi tưởng là như con trùng xanh không người sanh tâm kính, tín. phải loài tò vò, nên gọi là phi hữu Ba,

Trụ chánh mạng. tưởng tướng mà có thể trở thành Người xuất gia phải nương vào con của mình, nên gọi là thành theo lời Phật dạy, xin ăn để nuôi tưởng). sống thân mạng mà tu hành tinh tấn

trên đường đạo, xa lìa năm thứ thức người thọ giới sau ngồi sau. (bốn ăn tà mạng. việc trên là đề cập oai nghi). (năm thứ thức ăn tà mạng là lừa Chín, Ly tham. người hiện ra tướng kỳ lạ; khoe Người xuất gia đã ở trong khoang tài năng của mình; xem chánh giới, phải ngăn chặn năm căn ngày tốt xấu, xem tướng xem bói; chớ có buông lung, nguy hại của lên giọng tỏ ra oai quyền; nói điều năm dục còn hơn cả rắn độc, không lợi mình bằng cách làm động tâm nên tham lam. người). Mười, Ly sân. Bốn, Trụ chánh giác. Người xuất gia nên lấy từ bi Người xuất gia phải biết rõ ràng làm gốc, nhịn chịu những độc hại thân là gốc khổ, rất nên ghét giận, về chửi mắng xấu xa, như uống vì chánh đạo mà xin ăn để giữ gìn nước cam lồ, không để cho sân hận thân này chống đỡ đói khát, chớ có nỗi lên. Nguy hại của sân hận còn tham nhiều làm hại đến đạo nghiệp. hơn cả lửa dữ, luôn phải phòng (bốn việc trên là đề cập đến ngừa, chớ có đi vào đó. khất thực). Mười một, Lý thủ trước. Năm, Y pháp. Người xuất gia nên dùng trí huệ Người xuất gia, hoặc kinh hành quán sát thân mình và vạn vật bên trong đạo tràng hoặc khất thực ở ngoài đều là hư ảo, không nên lầm trong thôn xóm, nên đi chậm rãi, lạc ôm giữ. Kinh Di giáo nói: tuân theo phép tắc. Người giữ tịnh giới không được Sáu, Y thời. buôn bán, trao đổi, mua nhà sắm Người xuất gia phải nhớ vô vườn ruộng và những của báu đều thường nhanh chóng, ngày đêm tự phải xa lìa. lo nhắc nhở, chớ có ngủ vùi làm Mười hai, Ly thô khuếch. tổn thương đạo nghiệp. kinh Di Người xuất gia phải dịu dàng giáo nói ban ngày thì siêng năng tu hòa thuận để trở thành đức thanh tập thiện pháp, chớ để mất thời gian, nhã, chớ có thô bạo, ngang ngược, đầu hôm sớm mai cũng chớ bỏ phế. làm mất oai nghi hòa kính. Bảy, Y xứ. (Hòa kính là bên ngoài tốt đẹp Người xuất gia mong cầu niềm với mọi người; bên trong khiêm tốn, vui tịch tĩnh vô vi, phải xa lìa chỗ nhún nhường). ồn ào, ở một mình thanh thản, suy Mười ba, Ly kiêu mạn. nghĩ diệt trù gốc khổ. Người xuất gia phải khiêm Tám, Y thứ. nhường, kính trọng, không dơ cao Người xuất gia, ở trong đại cây cờ ngã mạn mà phải siêng năng chúng, phải nương theo giới, lạp tu tập, không nên tự cho mình có mà ngồi đúng chỗ, chớ có ngồi lộn đức, kiêu ngạo xấc láo, xem thường vượt bực. Kinh Pham võng nói: người khác. (trên là năm việc xa lìa Người thọ giới trước ngồi ở trước, phiền não).

NHẬT LÃNH THẬP tuần. Dòng nước này sanh ra các TAM DUYÊN loài hoa, ánh sáng soi sáng lẫn nhau và phản chiếu vào ánh sáng mặt (Trường A hàm trời do vậy mà mát lạnh. kinh). Sáu, Duyên. Một, Duyên. Giữa núi Mã tự và núi Ni di đà Giữa núi Tu di và núi Khư đà la la có một dòng nước, rộng 1200 do có một dòng nước rộng 84000 do tuần. Dòng nước này sanh ra các tuần. Nước này sanh ra các loại hoa loài hoa, ánh sáng soi sáng lẫn nhau Ư bát la ánh sáng soi chiếu lẫn và phản chiếu vào ánh sáng mặt nhau và phản chiếu vào ánh sáng trời do vậy mà mát lạnh. mặt trời do vậy mà mát lạnh. (Tiếng Phạn là Ni di đà la, tiếng (Tiếng Phạn là Ưu bát la, tiếng Hoa là Bảo trì). Hoa là Thanh liên). Bảy, Duyên. Hai, Duyên. Giữa núi Ni di đà la và núi Điều Giữa núi Khư đà la và Y sa đà phục có một dòng nước rộng 300 là có một dòng nước rộng, bề do tuần. Dòng nước này sanh ra các ngang bề dọc 42000 do tuần. Dòng loài hoa, chiếu

sáng lẫn nhau và nước này sanh ra các loài hoa có phản chiếu ánh sáng mặt trời do ánh sáng soi chiếu lẫn nhau và vậy mà mát lạnh. phản chiếu vào ánh sáng mặt trời Tám, Duyên. do vậy mà mát lạnh. Giữa núi Điều phục và núi Kim (Tiếng Phạn là Y sa đà la, tiếng cang luôn có dòng nước rộng 300 Hoa là Trì trục). do tuần. Dòng nước này sanh ra các Ba, Duyên. loài hoa, chiếu sáng lẫn nhau và Giữa núi Y sa đà la và núi Thọ phản chiếu vào ánh sáng mặt trời đề đà la có một dòng nước, rộng do vậy mà mát lạnh. 2000 do tuần. Dòng nước này sanh Chín, Duyên. ra các loài hoa, ánh sáng chiếu soi Giữa núi Kim cang và núi Diêm lẫn nhau và phản chiếu vào ánh phù đề địa có một dòng nước, ánh sáng mặt trời do vậy mà mát lạnh. sáng mặt trời rọi vào mà mát lạnh. Bốn, Duyên. (Tiếng Phạn là Diêm phù đề, Giữa Thiện kiến sơn và núi Thọ tiếng Hoa là Thắng kim châu hay đề có một dòng nước, rộng 12000 Nam thiệm bộ châu). do tuần. Dòng nước này sanh ra Mười, Duyên. các loài hoa, ánh sáng chiếu soi lẫn Nam diêm phù đề thì ít sông, nhau và phản chiếu vào ánh sáng Tây câu da ni thì nhiều nước. mặt trời do vậy mà mát lạnh. Những dòng nước này chiếu vào Năm, Duyên. ánh sáng mặt trời mà ánh sáng mặt Giữa núi Thiện kiến và núi Mã trời mát lạnh. tự có một dòng nước rộng 6000 do

(Tiếng Phạn là Câu da ni, tiếng không khởi lên thấy biết thì không Hoa là Ngưu hóa). sai lầm. Phản chiếu tự tánh thì tất Mười một, Duyên. cả vắng lặng, phiền não không trở Tây câu da ni ít sông, Đông lại. Vì vậy làm cho chúng sanh chịu Phất vu đãi sông nhiều. Ánh sáng khổ, mong được chân quán này thì mặt trời chiếu vào những dòng liền được giải thoát. Đó là vô úy. nước ấy làm cho ánh sáng mặt trời Kinh nói: Quán sát âm thinh ấy mát lạnh. liền được giải thoát, là vậy. (tiếng phạn là Phất vu đãi, tiếng Hai, Tri kiến toàn phú. Hoa là Thắng). Tại tâm gọi là tri. Tại mắt gọi là Mười hai, Duyên. kiến. Tánh của tri kiến nóng lên Đông Phất vu đãi sông ít, Bắc thuộc hỏa. Vì Bồ tát có thể làm cho Uất đơn việt sông nhiều. Những chúng sanh, nếu bị hỏa hoạn thì dòng nước này rọi vào ánh nắng không bị cháy. Đó là vô úy. mặt trời làm cho ánh sáng mặt trời Ba, Quán thanh toàn phú. mát lạnh. Tánh của quán thanh là động (Uất đơn việt là tiếng Phạn, nên thuộc nước. Vì Bồ tát có thể tiếng Hoa là Thắng xứ). xoay chuyển quán thanh trở về Mười ba, Duyên. chân không, có thể làm cho chúng Cung điện Mặt trời ánh sáng sanh, nếu bị nước lớn cuốn đi, thì chiếu xuống nước biển cả, nước không thể chìm được. phản chiếu vào ánh sáng mặt trời Bốn, Đoạn diệt vọng tưởng tâm làm cho ánh sáng mặt trời mát lạnh. vô sát hại. Vọng tưởng làm ra nghiệp, THẬP TỨ VÔ ÚY đứng đầu là sát. Vì Bồ tát chứng (Lăng nghiêm kinh). ngộ thật tánh, dứt trừ hết vọng tưởng, phát tâm đại từ nên không Đức Bồ tát Quán âm dùng có niệm sát hại, có thể làm cho chánh định Kim cang và vô tác chúng sanh vào nước của quỷ La diệu lực cùng với tất cả chúng sanh sát mà quỷ không hãm hại được. trong mười phương ba đời sáu nẻo Đó là vô úy. đồng một bi ngưỡng khiến cho các Kinh nói: Vào trong nước của chúng sanh có được mộtbốn thứ quỷ mà quỷ không thể hại, là vậy. công đức vô úy. Năm, Huân văn thành văn lục (Vô tác diệu lực là sức mầu căn tỏa phục đồng ư Thinh văn. nhiệm của không tác ý). Huân (tập) thuộc về tư (suy Một, Bất tự Quán âm dĩ quán nghĩ). Suy nghĩ những gì đã nghe quán giả. không có tánh có thể được thì thành Bất tự Quán âm là không theo chân văn (nghe thật). sáu căn hại thinh trần khởi lên mà thấy

biết. Dĩ người không khác binh đao. sáu quán quán giả là phản chiếu tự tánh căn của Bồ tát đã đóng kín hoàn

toàn để trở lại với chân không. Tất Bồ tát tiêu diệt âm thinh, hoàn cả cảnh trần giống như âm thinh, có thành văn huệ thì biến thành từ lực, thể khiến cho chúng sanh đang bị có thể làm những lợi ích to lớn, làm dao búa xâm hại, liền gãy từng cho người khác được vui. Vì thế khúc. Đó là vô úy. chúng sanh đi qua những con Kinh nói: Người sắp bị xâm hại đường nguy hiểm mà giống như đi thì dao búa gãy từng khúc, là vậy. trên đường bằng phẳng, hoặc gặp Sáu, Văn huân tinh minh, minh phải cướp giựt gian ác cũng không biến pháp giới. thể lấy mất của cải, là vậy. Bồ tát từ nghe mà huân tập để Chín, Huân văn ly trần sắc thành huệ tánh; đã được sáng suốt, không năng kiếp. ánh sáng chiếu khắp mười phương, Bồ tát lấy tư huệ huân tập nghe tròn cả pháp giới. Tối tăm liền tiêu thành tánh, xa lìa các vọng trần, hết có thể làm cho chúng sanh, tuy không bị sắc trần cướp mất, có thể bị Dược xoa và các thứ tối tăm đến làm cho những người có tánh đa gần một bên, cướp mất ánh sáng dâm, lòng tham dục không sanh của mắt, cũng không thể thấy được. được. Đó là vô úy. Đó là vô úy. Kinh nói: Có khả năng làm tất Kinh nói: Dược xoa la sát, Cưu cả chúng sanh nhiều dâm dục, xa bàn trà quỷ, tuy ở gần kế trên, mắt lìa tham dục, là vậy. không thể thấy được, là vậy. Mười, Thuần âm vô trần căn (Tiếng Phạn là Dược xoa, cũng cảnh viên dung. nói là Dạ xoa, tiếng Hoa là Dũng Tính âm thanh của Bồ tát thuần kiện. Tiếng Phạn là Cưu bàn trà, tịnh, xa lìa các vọng trần, căn và tiếng Hoa là Ung hình: hình cái vò). cảnh đi vào nhau, viên dung không Bảy, Âm tính viên tiêu quán trở ngại; có thể khiến cho người ta thính phản nhập. nuôi lòng giận hờn sự nóng nảy Chịu sự ràng buộc của thinh không sanh ra được. Đó là vô úy. trần hư vọng không khác gì bị gông Kinh nói: Có thể khiến cho tất cùm trói buộc. Bồ tát, vì thấy tính cả chúng sanh giận dữ, xa lìa nóng động, tịnh đều diệt nên khi quán sát nảy, là vậy. âm thinh, bỏ vọng về chân, giải Mười một, Tỏa trần toàn minh. thoát được thinh trần và có thể làm Bồ tát trừ bỏ bụi trần vây phủ cho chúng sanh, các việc ràng buộc, tối tăm trở về với tánh sáng suốt, có không thể trói vào thân. Đó là vô thể khiến cho tâm hồn những người úy. đen tối, chậm chạp, bất thiện, ngu Kinh nói: Gông cùm trói buộc si xa lìa. Đó là vô úy. không thể vướng mắc, là vậy. Kinh nói: Có thể khiến cho tất Tám, Diệt âm viên văn biến cả những người có tánh chậm lụt, sanh tử lực. chướng ngại và tâm bất thiện vĩnh

viễn xa lìa si mê, ám chướng, là hiệu của ta là niệm danh hiệu của vậy. vô số Bồ tát. So sánh hai trường (Tiếng Phạn là A điên ca, tiếng hợp trên phước đức không khác Hoa là vô thiện tâm). nhau. Mười hai, Dung hình phục văn. Kinh nói: Có thể khiến cho Dung hình là tiêu diệt chướng chúng sanh niệm danh hiệu của ta ngại. Phục văn là chân tánh. Vì vậy và người khác niệm 62 hằng sa các hòa nhập vào thế gian mà không pháp vương tử, thì phước đức của làm hư hoại tướng thế gian, có thể hai trường hợp này hoàn toàn trùm khắp mười phương, cúng không khác nhau, là vậy. dường số Phật nhiều như vi trần, nhận lãnh chánh pháp và làm pháp NIỆM TỤNG KỴ THẬP tử của Phật. Bằng tâm vô úy này, NGŨ ĐỊA bố thí cho những chúng sanh không (Nhất
tự Phật con, muốn cầu con trai thì được con trai. đỉnh luân vương kinh). Kinh nói: Có thể khiến cho Niệm tụng là tưởng niệm, trì chúng sanh không có con, ai muốn tụng

thần chú. Kỵ là không thích cầu con trai thì sanh được con trai hợp. phước đức, trí huệ. Kinh nói: Như lai bảo Bồ tát Mười ba, Lục căn viên thông Kim cang mật tích vương, nếu có minh chiếu nhị. các loài hữu tình, vì chúng mà dạy Bồ tát sáu căn viên thông, dỗ cho tâm oán trách, ác độc quay thông đạt vô ngại bao hàm pháp lại, muốn diệt trừ tất cả tai nạn, khó giới, giống như kính lớn, ảnh soi khăn, hoặc là cầu đầy đủ như ý, trung thật. Do vậy mà có thể nhận muốn thì nên tìm chỗ yên lặng, lãnh pháp môn, giữ gìn không thể vắng vẻ kết giới kiến đàn để thanh mất. Bằng sự vô úy này bố thí cho tịnh thân, miệng, ý, cúng dường những chúng sanh không có con, ai thánh tượng, trì tụng chú Phật đỉnh muốn con gái thì sanh được con gái. luân vương gia hộ việc tu tập. Nếu Kinh nói: Có thể khiến cho được thành tựu thì mọi mong muốn chúng sanh không có con ở trong được đầy đủ. Không thể dùng nơi pháp giới, ai muốn cầu con gái thì Long thần, Dạ xoa, La sát mà kết sanh con gái đầy đủ phước đức, giới tác pháp. Nếu dùng những nơi diệu hiền và xinh đẹp, là vậy. bất thiện này thì quỷ thần có cơ hội Mười bốn, Ngã nhất danh dữ đến phá hoại, làm cho việc tu tập lục thập nhị hằng sa danh đẳng vô không thành tựu. Vì vậy phải kiêng hữu dị. 15 chỗ. Bồ tát chứng được viên thông Một, Thần long sở hộ địa. chân thật có thể khiến cho chúng Chỗ có thần long hộ trì (bảo vệ) sanh cầu phước, chỉ cần niệm danh thì không được kết giới, kiến đàn,

tụng chú, e sẽ có khó khăn, phiền Chỗ gió hay nổi lên, kiêng kết não, làm cho việc tác pháp không giới, kiến đàn, tụng chú, tác pháp. thể thành tựu. Vì ở đó gió lộng lạnh lùng, làm tổn Hai, Dạ xoa, La sát trụ địa. hại việc hành đạo, tu tập khó thành. Chổ có Dạ xoa và quỷ thần ở Chín, Tặc trụ địa. thì không được kết giới, kiến đàn, Chỗ có trộm cướp, giặc dã, tụng chú, e rằng thừa cơ hội ấy kiêng kết giới, kiến đàn, tụng chú, nhiễu loạn việc tu hành, làm cho tác pháp. Vì ở đó phần nhiều làm không thành tựu. cho tâm bị tổn thương và làm Ba, Thi đà lâm địa. phương hại đến đạo hạnh, khó ở Tiếng Phạn là Thi đà lâm địa, yên làm việc Phật sự. tiếng Hoa là Hàn lâm là nơi bỏ tử Mười, Đồ sát trú địa. thi, kiêng kết giới, kiến đàn, tụng Chỗ có kẻ đồ tể ở, kiêng kết chú, tác pháp. Vì nơi đây hôi thúi giới, kiến đàn, tụng chú, tác pháp. không sạch, phương hại đến tịnh Vì ở đó không có tâm từ bi, chẳng hạnh nên tác pháp khó thành. phải chỗ tốt đẹp và yên tĩnh, thực Bốn, Vô Phật pháp địa. hành Phật pháp khó thành. Chỗ chánh pháp Như lai không Mười một, Cô tửu trú địa. có, kiêng kết giới, kiến đàn, tụng Chỗ bán rượu, kiêng kết giới, chú, tác pháp. Vì không có Phật kiến đàn, tụng chú, tác pháp sợ làm pháp thì thiện thần không đến ủng tổn thương đạo hạnh, làm việc Phật hộ, thực hành giáo pháp khó thành. pháp khó thành. Năm, Hổ lang trú địa. Mười hai, Mại kinh tượng địa. Chỗ có hổ, lang thú dữ, kiêng Chỗ bán kinh điển, Phật tượng, kết giới, kiến đàn, tác pháp. Vì đó kiêng kết giới, kiến đàn, tụng chú, là chỗ độc hại, hung tợn, khó ở yên tác pháp. Vì ở chỗ này không tin làm việc Phật pháp. nhân quả, không có tâm lành, Sáu, Đa văn trùng địa. chẳng phải là chỗ tốt đẹp, yên tĩnh, Nơi tụ tập nhiều muỗi mòng, khó ở yên làm Phật sự. kiêng kết giới, kiến đàn, tụng chú, Mười ba, Mại hung cụ địa. tác pháp. Vì nơi ấy ồn ào hay hút Chỗ bán dao, gậy, cung tên, máu người không được yên tĩnh dụng cụ giết hại sự sống, kiêng kết nên tác pháp khó thành. giới, kiến đàn, tụng chú, tác pháp. Bảy, Vô vũ địa. Vì ở đó tâm sát hại rất nhiều, chẳng Chỗ nhiều năm không mưa, phải là chỗ tốt đẹp, yên tĩnh, khó ở hạn hán, kiêng kết giới, kiến đàn, yên làm Phật sự. tụng chú, tác

pháp. Vì ở đó nước Mười bốn, Mại nữ địa. sông, suối khô kiệt, phần nhiều Chỗ bán buôn, khoe khoang sắc người khát và thiếu nước uống, trợ đẹp của nữ giới, kiêng kết giới, duyên chấm hết, tu tập khó thành. kiến đàn, tụng chú, tác pháp. Vì Tám, Nhiêu phong địa. chỗ này dơ dáy, không sạch sẽ, làm

tổn thương đạo hạnh, Phật sự khó (Thức thứ bảy tức là ý thức. Vô thành. lậu là không rơi vào sanh, tử). Mười lăm, Chúng nạn địa. Năm, Tương ưng vô minh. Chỗ có nhiều lụt lội, hỏa tai, Vì thức thứ bảy luôn cùng bốn đao binh hiểm nguy, kiêng kết giới, hoặc tham, si, kiến, mạn tương ưng kiến đàn, tụng chú, tác pháp. Vì (đồng bộ) khởi lên. Đó là tương chỗ có nhiều nguy hiểm và tai nạn, ưng vô minh. chẳng phải là chỗ tốt đẹp, yên tĩnh, Sáu, Bất tương ưng vô minh. khó ở yên làm Phật sự. Vì thức thứ bảy không cùng với các thức còn lại duyên với cảnh THẬP NGŨ CHỦNG VÔ tướng thô xuất. Đó là bất tương MINH ưng vô minh. (Tỳ bà sa luận). (Cảnh tướng thô thiển tức là cảnh năm trần; sắc, thinh, hương, vị, Một, Căn bản vô minh. xúc). Vì một niệm bất giác từ vô thỉ Bảy, Mê lý vô minh. mà đêm dài tăm tối sai lạc, không Vì vô minh căn bản làm trở thấu rõ chân lý, hay sanh ra tất cả ngại lý trung đạo không thể hiển lộ. phiền não mê lầm. Đó là vô minh Đó là mê lý vô minh. căn bản. Tám, Mê sự vô minh. (Tâm, tâm sở: Tâm tức là tâm Vì phiền não kiến, tư ngăn chặn, vương, tâm sở là thọ, tưởng, hành). che lấp việc sanh, tử, không thể ra Hai, Chi mạt vô minh. khỏi. Đó là mê sự vô minh. Vì các pháp tâm vương và tâm Chín, Độc đầu vô minh. sở tương ưng khởi lên. Tức là Vì tâm hiểu biết mê lầm không những phiền não tham, sân, mạn, duyên cảnh bên ngoài, đơn độc nghi. Đó là vô minh chi mạt. sanh khởi, sanh rồi tăng lớn ra. Đó Ba, Cộng vô minh. là độc đầu vô minh. Vì tất cả kết sử, tướng chung Mười, Câu hành vô minh. của nó là tạo ra các nghiệp. Đó là Vì các pháp tâm và tâm sở cộng vô minh. thường đi chung với nhau, chưa (Kết sử là tất cả phiền não có từng xa lìa. Đó là câu hành vô minh. khá năng trói buộc, sai khiến con Mười một, Phú nghiệp vô minh. người đi vào trong sanh tử). Vì tất cả kết sử che lấp các Bốn, Bất cộng vô minh. nghiệp, không để cho người ta biết, Vì thức thứ bảy không có thể sợ mất danh dự, lợi dưỡng, cung tướng riêng mà do tâm ô nhiễm kính… Đó là phúc nghiệp vô minh. khởi lên sai lầm, ngăn che pháp Mười hai, Phát nghiệp vô minh. Phật vô lậu một cách miên tục. Đó Vì các phiền não tham, sân, si, là bất cộng vô minh. ngã kiến, mạn đều có khả năng

sanh ra tất cả ác nghiệp. Đó là phát chánh báo của đức Phật A Di Đà. nghiệp vô minh. Mượn cảnh biểu hiện tánh, rõ cảnh Mười ba, Chủng tử tý thời vô chỉ là tâm, thì được vãng sanh. Đó minh. là nguyên nhân nói 16 quán môn. Chủng tử là tất cả hạt giống (Tiếng Phạn là Vi đề hy, tiếng nhiễm, tịnh chứa trong thức thứ Hoa là Tư duy. Y báo cõi nước tám. Tý thời là giờ đầu tiên của 12 Phật A di đà. Chánh báo là thân giờ; lấy để ví dụ tàng thức là thức tướng tốt đẹp của Phật A di đà). dẫn đầu của các thức. Bởi chủng tử Một, Nhật quán. tập nhiễm cất giấu ở trong tàng Ngồi ngay thẳng hướng mặt về thức, khi chưa phát hiện ra. Đó là phương tây, quán sát kỷ lưỡng mặt Chủng tử tý thời vô minh. trời lặng, khiến cho tâm an trụ Mười bốn, Hành nghiệp quả vô vững chắc và chuyên tưởng về y và minh. chánh báo ấy mà tâm không di Vì ở trong 12 nhân duyên thì vô động. Khi thấy mặt trời sắp lặn, to minh hành, ái, thủ, hữu là năm thứ như cái trống treo giữa không trung, phiền não. Đó là nghiệp nhân. Còn dù nhắm mắt hay mở

mắt cũng đều lại bảy chi phần là khổ quả. Đó là thấy một cách rõ ràng. Đó gọi là hành nghiệp quả vô minh. nhật quán. Mười lăm, Hoặc vô minh. Hai, Thủy quán. Vì các hoặc câu sanh, phân biệt, Tưởng tượng ra nước; khi tùy phiền não, căn bản, đó là hoặc tưởng nước đã thành thì tưởng vô minh. tượng ra băng. Khi thấy băng rồi (Câu sanh phân biệt là một thì tưởng tượng ra lưu ly. Tưởng niệm của thức khi mới thác thai lưu ly đã thành thì thấy đất là lưu ly, cùng với hình thù cùng sanh, tức là trong ngoài phản ảnh một cách nhẹ sự phân biệt. Căn bản, tùy phiền nhàn, tinh vi. Đó gọi là thủy quán. não tức là căn bản vô minh ở trước). (Tiếng Phạn là Lưu ly, tiếng Hoa là Thanh sắc bảo). THẬP LỤC QUÁN MÔN Ba, Địa quán. Quán vô lượng thọ Khi tưởng ở trước đã thành thì mở mắt nhắm mắt đều không làm Phật kinh. cho mất đi. Người mà tưởng được như thế thì đó là đất của nước Cực Phu nhân Vi đề hy nguyện sanh lạc một cách thô sáp đã thấy rõ về thế giới Tây phương Cực lạc và ràng. Đó là địa quán. vì chúng sanh đời vị lai cũng muốn Bốn, Bảo thọ quán. vãng sanh về đó, thỉnh Phật Thế tôn Tưởng tượng bảy lớp hàng cây, nói về phương pháp tu hành để mỗi cây đều cao 8000 do tuần, bảy được về cõi Tịnh độ. Vì vậy đức báu chiếu soi đẹp đẽ, dây ngọc bao Thế tôn làm cho bà quan sát y, trùm trên ngọn. Hàng hàng giống

nhau, theo thứ lớp, nở hoa vi diệu, Vì cõi nước có nhiều châu báu, kết quả thành bảy báu. Lá của cây mỗi cõi nước có 500 ức lâu đài có 1000 màu. Ánh sáng của những bằng châu ngọc. Trong lâu đài có lá lớn chiếu khắp 3000 thế giới, vô lượng chư thiên đánh nhạc, ca mười phương quốc độ, đều hiện múa. Lại có nhạc khí treo giữa hư trong hoa ấy. Đó gọi là thọ quán. không, giống như tràng phan bằng (Do tuần có thể là 80, 60, 40 châu báu của trời, không đánh tự dặm không thống nhất. bảy báu là kêu, trong âm thanh vang dội ấy kim ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã đều là tiếng niệm Phật, niệm Pháp, nảo, xích chân châu. Tam thiên là niệm Tăng. Sự quán tưởng này đã đại thiên, trung thiên, tiểu thiên). thành tựu thì gọi là thấy thế giới Năm, Bát công đức thủy quán. cực lạc với cây báu, đất báu, ao báu. Nước tám công đức là 1) trừng Đó là tổng quán. tịnh, 2) thanh lãnh, 3) cam mỹ, 4) Bảy, Hoa tòa quán. khinh nhuyến, 5) nhuận, 6) An hòa, Phải quán tưởng hoa sen bảy 7) trừ hoạn, 8) tăng ích. Vì tưởng báu, mỗi cánh hoa, sắc đẹp của tượng ở nước Cực lạc có ao bát hàng trăm châu báu, tỏa ra, ngang, thủy. Từng giọt nước trong ao đó dọc 250 do tuần. Mỗi cánh hoa có chia ra 14 nhánh. Mỗi chi xuất hiện mười0 ức viên ngọc lớn dùng để màu sắc vi diệu của bảy báu. Vàng trang sức, phóng ra hàng ngàn ánh ròng làm ao, kim cương nhiều màu sáng. Ngọc tỳ lăng già dùng làm làm cát nền. Mỗi giọt nước trong đài cho hoa. Trên đài ấy có bốn ấy có 60 ức hoa sen bằng bảy báu. tràng phan bằng châu báu. Trên Mỗi hoa tròn trịa bằng 12 do tuần. tràng có mạn bằng châu báu, giống Trong từng đóa có nước như ý rót như cung trời Dạ ma. Đó là hoa tòa vào, tiếng róc rách biến thành pháp quán. âm vi diệu về các ba la mật khổ, (Tiếng Phạn là Tì lăng già, nói không, vô thường, vô ngã. Nước đủ là Thích ca tì lăng già, tiếng Hoa trong ao này đều đầy đủ tám thứ là Năng thắng. Tiếng Phạn là Dạ công đức. ma, tiếng Hoa là Thiện thời phân). (Khổ là thân năm ấm chịu các Tám, Tượng quán. khổ bức bách của sống chết. Không Tượng quán là Phật tượng, vì là thân do bốn đại giả hợp mà thành, muốn quán tưởng Phật A di đà, rốt cùng chẳng có. Vô thường là trước hết phải quán tưởng tượng ra thân này và tất cả cái khác cuối Phật

ấy, sắc vàng tươi đẹp như núi cùng đều hoại diệt. Vô ngã là tứ đại vàng Diêm phù đàn, ngồi trên hoa phân rã, cái gì là ngã. Tiếng Phạn là kia. Khi đã thấy tượng Phật như Ba la mật, tiếng Hoa là Đáo bỉ vậy thì mắt tâm mở ra, thấy rõ cõi ngạn). nước Cực lạc trang nghiêm bằng Sáu, Tổng quán. bảy báu và đất báu, ao báu, cây báu được, sắp xếp theo đúng hàng lối.

Lại quán tưởng một hoa sen lớn ở Mỗi ánh sáng ấy lại chiếu khắp bên trái đức Phật và một hoa sen mười phương thế giới. lớn ở bên phải đức Phật. hai vị Bồ Người muốn quán tưởng Phật tát Quán thế âm, Đại thế chí, ngồi vô lượng thọ từ một tướng tốt đi trên hai hoa sen bên trái, bên phải vào. Chỉ quán lông trắng giữa hai ấy, đều phóng hòa quang. lông mày, đến cùng cực sáng chói. Ở dưới mỗi cây ấy cũng có ba Người thấy được lông trắng giữa hoa sen và một tượng Phật hai hai mày thì tám vạn bốn ngàn tượng Bồ tát đang an tọa đầy khắp tướng hảo, tự nhiên, hiện ra trước trong cõi nước ấy thì quán tưởng mắt. Người thấy Phật Vô lượng thọ này đã thành tựu. thì liền thấy mười phương vô lượng (Tiếng Phạn là Diêm phù, tiếng chư Phật. Đó gọi là Phật chân thân Hoa là Thắng kim, tên cây. Trong quán. rừng mọc cây này có sông. Đáy (Tiếng Phạn là Na do tha, cũng sông là cát màu vàng, gọi là Diêm gọi là A du đa, tiếng Hoa là vạn ức). phù đàn kim). Mười, Quán thế âm quán. Chín, Phật chân thân quán. Quán tưởng Bồ tát Quán thế âm, Quán tưởng tượng quang minh thân cao 80 vạn ức na do tha do của Phật thân vô lượng thọ (sống tuần và có màu vàng tía, trên đỉnh lâu vô lượng). Thân ấy sắc vàng đầu có nhục kế, ở gáy có vòng ánh như 100, 1000, 10000, 100000000 sáng. Trong áng sáng ấy có 500 hóa (trăm, ngàn, vạn, ức) Diêm phù đàn Phật. Mỗi hóa Phật có 500 hóa Bồ ở cõi trời Dạ ma. tát và vô lượng các vị trời làm thị Thân Phật cao 60 vạn ức na do giả. Toàn thân trong ánh sáng, tha do tuần, ở giữa hai mi có lông chúng sanh trong năm đường, tất cả trắng, xoay vòng theo chiều từ phải sắc tướng đều hiện trong đó. Mũ sang trái, giống như năm núi Tu di. trời bằng ngọc Tỳ lăng già. Trong Mắt của Phật như nước bốn biển mũ có một vị hóa Phật cao 25 do lớn, xanh, trắng rõ ràng. Các lỗ tuần. Mặt Bồ tát có sắc vàng như chân lông trên thân ánh sáng của diêm phù đàn. Tướng lông trắng Phật ấy rộng to như trăm ức ba giữa hai chân mày tỏa ra tám vạn ngàn đại thiên thế giới. Trong áng bốn ngàn thứ ánh sáng. Trong ánh hào quang có trăm ức na do tha sáng ấy có vô lượng hóa Phật. Mỗi hằng hà sa hóa Phật có thị giả là hóa Phật có vô số hóa Bồ tát làm các Bồ tát đang giáo hóa, phần thị giả. Cánh tay màu hoa sen hồng. nhiều. Phật vô lượng thọ có tám Bàn tay biến ra 500 ức hoa sen có vạn bốn ngàn tướng. Mỗi tướng lại nhiều màu sắc. Mỗi đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn tướng tốt đi có tám vạn bốn ngàn vạch nhỏ theo. Mỗi một tướng tốt đi theo ấy (đường chỉ), giống như hoa văn dấu lại có tám vạn bốn ngàn ánh sáng. ấn. Bàn tay châu ngọc này để tiếp dẫn chúng sanh. Ở bàn chân cũng

có 1000 tướng luân xa. Ngoài chiếu đến thân tướng, làm cho mắt những thân tướng ấy, các vẻ đẹp mở ra thấy Phật, Bồ tát đầy trong đều đầy đủ như Phật không khác, hư không. Sông suối, chim muông, chỉ có nhục kế trên đầu và tướng vô cây rừng và cùng với chư Phật diễn kiến đỉnh thì không bằng Thế tôn. thuyết diệu pháp. Đã thấy việc này Đó là quán tưởng Quán thế âm. xong, thì gọi là thấy thế giới Cực Mười một, Đại thế chí quán. lạc của Phật Vô lượng thọ. Đó là Bồ tát Đại thế chí, thân thể phổ tưởng quán. cũng

giống như Bồ tát Quán thế âm Mười ba, Tạp tưởng quán. với hào quang tròn sáng, mỗi mặt Nếu người chí tâm muốn sanh rộng 125 do tuần. Toàn thân chói về Tây phương, trước quán sáu sáng, chiếu mười phương cõi nước, tượng Phật ở trên ao nước. Phật A biến ra sắc màu vàng tía; chúng di đà thần thông như ý, đối với sanh có duyên đều thấy được Ngài. mười phương cõi nước biến hiện tự Chỉ thấy hào quang, từ một ánh tại. hoặc hiện thân lớn đầy cả hư sáng vi diệu của vô lượng chư Phật không, hoặc hiện thân nhỏ, khoảng trong mười phương, vì vậy gọi là sáu, tám thước. Các thân hình hiện vô biên quang (ánh sáng vô biên). ra đều sắc vàng ròng. Hào quang Dùng ánh sáng trí huệ khắp soi tất hóa Phật và hoa sen báu, như trên cả chúng sanh, làm cho chúng xa đã nói, có Quán thế âm, Đại thế chí, lìa ba đường dữ, được vô thượng ở khắp nơi, thân hình giống như lực, nên gọi là Bồ tát Đại thế chí. chúng sanh. Chỉ quán tưởng thì biết Mũ trời có 500 hoa bằng châu ngọc là Quán thế âm, biết là Đại thế chí. đính vào. Trên mỗi hoa có 500 lâu Đó gọi là tạp tưởng quán. đài bằng ngọc quý; Phật trong Mười bốn, Thượng bối sanh mười phương quốc độ, với thân quán. tướng cao lớn, đều xuất hiện trong (Quán này ở trong thượng đó. Ở trên nhục kế có chiếc bình phẩm, lại chia ra ba phẩm thượng, báu chứa đầy ánh sáng hiện ra các trung, hạ). việc làm của Phật. Ngoài các thân Thượng bối thượng sanh là tướng như đức Quán thế âm thì muốn sanh về nước Cực lạc thì không có gì sai khác. Đó gọi là phải phát ba tâm: 1) Tâm chí thành; quán tưởng Đại thế chí. 2) Thâm tâm; 3) Hồi hướng phát Mười hai, Phổ tưởng quán. nguyện tâm. Đầy đủ ba tâm thì Đã thành tựu các quán tưởng chắc sanh về nước Cực lạc. Lại có trên, tự tâm nên khởi lên muốn ba loại chúng sanh sẽ được vãng sanh về thế giới Tây phương cực sanh về nước ấy: 1) Từ tâm bất sát, lạc, ngồi kiết già trong hoa sen, đầy đủ giới hạnh; 2) Đọc tụng kinh cùng với hoa sen hợp, tưởng, cùng điển Đại thừa; 3) Tu hành lục niệm hoa sen khai tưởng. Khi hoa sen nở hồi hướng, phát nguyện muốn về thì quán tưởng có 500 ánh sáng nước ấy.

Vì người này siêng năng dũng được nghe pháp thậm thâm; trải mãnh thì Phật A di đà, cùng Quán qua ba tiểu kiếp mới ở Hoan hỉ địa. âm, Thế chí, vô lượng hóa Phật, (sáu niệm là niệm Phật, niệm trăm ngàn Tỳ kheo cầm đài Kim Pháp, niệm Tăng, niệm thiên, niệm cang, đến trước hành giả. Phật A di thí, niệm giới. đà phóng ra ánh sáng lớn, chiếu Vô sanh pháp nhẫn là tất cả từ thân hành giả, cùng các Bồ tát đưa xưa đến nay không sanh, ở trong tay đón tiếp. Hành giả tự thấy thân pháp này mà có khả năng chứng mình ngồi đài Kim cang, đi theo được. sau Phật, trong thời gian ngắn, sanh Tiểu kiếp là khi người sống lâu về nước Cực lạc. Sanh vào nước ấy 84000 tuổi, 100 năm, giảm một tuổi rồi, hành giả thấy Phật, nghe pháp cứ như thế giảm cho đến 10 tuổi; thì liền ngộ vô sanh pháp nhẫn. rồi tăng dần lên, đến 84000 tuổi. Thượng phẩm trung sanh thì có một lần tăng một lần giảm như vậy khả năng đối với đệ nhất nghĩa, tâm là một tiểu kiếp). không sợ hãi, tin sâu nhân quả, Mười lăm, Trung bối sanh không chê Đại thừa. Nhờ công đức quán. này, cầu sanh về nước Cực lạc, khi (Pháp quán này ở trong trung sắp chết, Phật A di đà, Quán thế âm, phẩm, cũng chia làm ba phẩm Đại thế chí và vô lượng đại chúng, thượng, trung, hạ). bưng đài màu vàng tía đến trước Trung phẩm thượng sanh là giữ hành giả, đưa tay đón tiếp. Hành năm giới và tám giới chay tịnh, giả thấy mình ngồi trên đài màu không phạm năm tội đại nghịch, vàng tía, chấp tay khen

Phật, thời không nhiều lỗi lầm, hoạn nạn. Với gian trong một niệm, liền sanh về thiện căn này, cầu sanh về thế giới Cực lạc và ở trong ao bảy báu. Phật Cực lạc; khi sắp chết, Phật cùng Tỳ và Bồ tát cùng lúc phóng quang, soi kheo phóng quang màu vàng đến lên thân hành giả, trải qua bảy ngày chỗ người ấy, nói pháp khổ, không, thì chứng được vô sanh nhẫn. vô thường, vô ngã, khen ngợi việc Thượng phẩm hạ sanh là cũng xuất gia, xa lìa được các khổ. Hành tin nhân quả, không chê Đại thừa, giả vui mừng, thấy mình ngồi trên chỉ phát tâm vô thượng đạo. Nhờ đài sen, chấp tay làm lễ Phật, liền công đức này, cầu sanh về nước được vãng sanh thế giới Cực lạc. Cực lạc. Khi sắp chết, Phật A di đà, Chẳng lâu sau, hoa sen nở, hành giả Quán thế âm, Đại thế chí và các Bồ nghe âm thanh của đại chúng khen tát cầm hoa sen vàng đến đón tiếp ngợi Tứ đế, thì chứng được quả A hành giả. Khi hành giả ngồi vào la hán. hoa sen rồi thì hoa búp lại, liền Trung phẩm trung sanh là, nếu sanh vào trong ao bảy báu, bảy một ngày một đêm giữ tám giới ngày sau mới được thấy Phật, chay tịnh,hoặc giữ giới Sa di, hoặc haimột ngày kế tiếp, ở trước Phật, giữ giới cụ túc, cầu sanh về thế giới

Cực lạc thì lúc sắp chết, thấy Phật đều không nghe đến danh từ bất A di đà phóng ánh sáng màu vàng, thiện; 10) Nguyện trong nước ta, ai tay cầm hoa sen bảy báu đến trước cũng biết thân là hư ảo, không có hành giả, đưa tay tiếp dẫn. Hành tâm tham đắm; 11) Nguyện trong giả thấy mình ngồi trên hoa sen. nước ta, trời, người có hình thể sắc Hoa sen liền búp lại, sanh ra trong vàng; 12) Nguyện thế giới mười ao báu. bảy ngày sau hoa nở, hành phương, những vi sinh vật bò, bay, giả chấp tay khen Phật, vui mừng máy cựa đều được làm người; 13) nghe pháp, chứng quả Tu đà hoàn, Nguyện chư thiên, nhân dân trong trải qua nửa kiếp thành A la hán. mười phương đều trở thành Thinh Trung phẩm hạ sanh là hoặc có văn, Duyên giác; 14) Nguyện trong chúng sanh hiếu dưỡng cha mẹ, nước ta, người sống lâu vô lượng; sống nhân từ ở đời. Người này, khi 15) Nguyện trong nước ta, người sắp chết, gặp thiện tri thức, vì hưởng thọ an vui, như Tỳ kheo hết người ấy, nói về những an lạc ở phiền não; 16) Nguyện trong nước nước Phật, và nói 48 lời nguyện ta, người ở vào vị chánh tín, lìa xa của đức Phật A di đà. Nghe xong phiền não tưởng; 17) Nguyện trong rồi chết thì hành giả liền sanh về nước ta, nói kinh, hành đạo gấp thế giới Tây phương Cực lạc. Trải mười lần hơn các cõi Phật khác; 18) qua bảy ngày thì được nghe pháp, Nguyện trong nước ta, mọi người hành giả chứng được quả Tu đà đều biết rõ kiếp trước của mình; 19) hoàn qua một tiểu kiếp, chứng quả Nguyện trong nước ta, mọi người A la hán. đều được thiên nhãn; 20) Nguyện (48lời nguyện của Phật A di đà trong nước ta, mọi người đều được là 1) Nguyện trong nước ta không thiên nhĩ; 21) Nguyện trong nước có địa ngục, ngạ quỷ súc sanh; 2) ta, mọi người đều được tha tâm trí; Nguyện trong nước ta không có 22) Nguyện trong nước ta, mọi người nữ; 3) Nguyện trong nước ta, người đều được thần túc thông; 23) khi người muốn ăn có đầy đủ 100 Nguyện chúng sanh trong mười vị; 4) Nguyện trong nước ta, y báo phương, nghe đến danh hiệu của Ta mà người ước muốn tùy ý có liền; đều được sanh về nước ta. 24) 5)Nguyện trong nước ta, từ mặt đất Nguyện ánh sáng trong đỉnh của ta đến hư không, cung điện làm bằng gấp 100, 1000, 10000 ánh sáng mặt 100 châu báu; 6) Nguyện trong trời, mặt trăng; 25) Nguyện tất cả nước ta, người thương kính lẫn chúng sanh ở nơi u ám đều thấy nhau, không tâm ganh tị, ghen ghét;

ánh sáng của ta, sanh về nước ta; 7) Nguyện trong nước ta, sự ngu si 26) Nguyện chúng sanh trong mười không có quá nhiều; 8) Nguyện phương, được ánh sáng của ta xúc trong nước ta, người cùng một lòng chạm vào thân thể hơn cả trời và lành; không có ý niệm khác; 9) người; 27) Nguyện chúng sanh Nguyện trong nước ta, mọi người trong mười phương, người nào

muốn sanh vào nước ta, khi chết thân hình màu sắc vàng tía, so với được rước về nước ta; 28) Nguyện Phật không khác; 40) Nguyện Bồ chúng sanh trong mười phương, tát trong nước ta, muốn ở trong cây người nào chuyên niệm đến ta báu mà thấy cõi Phật khác mười trong một ngày đêm, chắc được phương liền ứng hiện ra; 41) sanh về nước ta; 29) Nguyện chúng Nguyện Bồ tát trong nước ta, tuy sanh trong mười phương, niệm công đức ít, cũng có thể thấy cây danh hiệu ta mười lần, chắc được đạo tràng của ta cao 4000 do tuần; sanh về nước ta, trừ kẻ phạm ngũ 42) Nguyện trời, người trong nước nghịch và chê bai Phật pháp; 30) ta đều có hình sắc tuyệt đẹp. người Nguyện chúng sanh trong mười được thiên nhãn không thể kể hết; phương, đời trước làm ác, nghe 43) Nguyện người ở trong nước ta, danh hiệu ta, khi chết sanh thẳng về khi muốn nghe pháp, tự nhiên được nước ta; 31) Nguyện chúng sanh nghe; 44) Nguyện Bồ tát trong trong mười phương lễ lạy danh nước ta, trên đỉnh đầu có ánh sáng, hiệu ta, cảm động đến trời, người, không khác với Phật; 45) Nguyện không ai mà không kính trọng; 32) Bồ tát ở nơi khác, nghe danh hiệu Nguyện người nữ trong mười ta đều được Tam muội giải thoát; phương, nghe danh hiệu ta, sau khi 46) Nguyện Bồ tát ở nơi khác, nghe chết, không trở lại làm người nữ danh hiệu ta đều được thành Phật nữa; 33) Nguyện chúng sanh trong và luôn yết kiến tất cả Phật; 47) mười phương, người nào sanh về Nguyện Bồ tát ở nơi khác, nghe nước ta thì liền cử làm Phật ở nơi danh hiệu ta, liền được bất thối khác, khi sắp đến đó hóa độ chúng chuyển; 48) Nguyện Bồ tát ở nơi sanh, ta dùng oai lực giúp đỡ; 34) khác, nghe danh hiệu ta, liền được Nguyện người ở trong nước ta, ai vô sanh nhẫn, đối với Phật pháp muốn đến nơi khác thì đúng như sự vĩnh viễn không thối chuyển). mong muốn; 35) Nguyện Bồ tát ở Mười sáu, Hạ bối sanh quán trong nước ta, muốn đến nơi khác Quán này ở trong hạ phẩm cũng cúng dường chư Phật, trong một chia ra ba phẩm thượng, trung, hạ. bữa ăn, thì liền đến đó; 36) Nguyện Hạ phẩm thượng sanh là hoặc Bồ tát ở trong nước ta, khi đến có chúng sanh làm các nghiệp ác, cúng dường chư Phật trong mười tuy không chê bai kinh điển mà làm phương đã xong, chưa đến ngọ của nhiều pháp ác, không có tàm quý. ngày ấy, liền trở về nước ta; 37) Khi sắp chết gặp thiện tri thức nói Nguyện Bồ tát trong nước ta, tụng cho nghe tên tựa 12 bộ kinh , dù kinh, nói pháp ắt được trí huệ biện hơn 1000 kiếp tạo nghiệp cực trọng tài; 38) Nguyện Bồ tát trong nước mà lại được dạy chấp tay xưng ta, có khả năng nói pháp bằng trí Nam mô A di đà Phật. Vì xưng tên huệ biện tài không giới hạn; 39) Phật mà trừ được tội sanh tử của 50 Nguyện Bồ tát trong nước ta, có ức kiếp. Lúc bấy giờ Phật A di đà

sai hóa Phật và hóa Bồ tát đến đau khổ bức bách, không thể nào trước hành giả, đưa tay nghinh tiếp. niệm Phật được. Người bạn lành ấy Hành giả liền thấy ánh sáng cả hóa báo cho biết rằng nếu không thể Phật, chiếu khắp căn nhà của mình niệm Phật đó được thì nên gọi lên thì mạng chung ngay và ngồi trên Phật Vô lượng thọ. Chí tâm niệm

hoa sen báu sanh vào trong ao báu, như thế miên tục không dứt đủ đến trải qua bốnchín ngày ngày, hoa mười niệm. Trong từng niệm ấy trừ sen mới nở. Hai vị Bồ tát lớn phóng được 80 ức kiếp tội sanh tử, hoa ánh sáng lớn, vì người ấy, nói 12 sen màu vàng hiện ra, to bằng vầng bộ kinh sâu xa, nhiệm mầu. Hành mặt trời, đứng trước người ấy thì giả nghe rồi tin sâu, hiểu chắc nên chỉ trong một niệm, người ấy liền phát tâm vô thượng, trải qua mười sanh về thế giới Cực lạc. Tròn 12 tiểu kiếp thì được vào Sơ địa. đại kiếp, hoa sen mới nở và có hai Hạ phẩm trung sanh là hoặc có vị đại Bồ tát dùng âm thinh đại từ chúng sanh phạm năm giới, tám nói cho người ấy nghe về các thật giới, cụ túc giới, nói pháp bất tịnh tướng, trừ hết tội liền phát tâm Bồ mà không biết xấu hổ. Với ác đề. nghiệp này đáng đọa địa ngục, khi (Sơ địa là Hoan hỉ địa, địa thứ sắp chết, lửa trong địa ngục cùng nhất trong mười địa) ùa đến một lược; gặp thiện tri thức, bằng tâm đại từ bi, vì người ấy, THẬP LỤC ĐẶC khen ngợi và nói mười oai đức lực THẮNG của đức Phật ấy. Người ấy nghe rồi, (Pháp giới thứ đệ. trừ 80 ức kiếp tội sanh tử và lửa địa ngục hóa thành gió mát, thổi các Mười sáu pháp đặc biệt hơn hết hoa trời. Trên mỗi hoa đều có hóa thiền quán như Tứ niệm xứ… ban Phật và Bồ tát tiếp đón người này. đầu là từ điều tâm đến cuối cùng Chỉ trong một niệm người này ở phi tưởng địa. Từng địa đều có trong hoa sen sanh trong ao bảy quán chiếu hay phát sanh nghiệp báu. Trải qua sáu kiếp, hoa sen ấy lành vô lậu, mà không chán, ghét mới nở, hai đại Bồ tát bằng âm các lỗi lầm tự hại, nên có tên là đặc thinh thanh tịnh, vì người ấy, nói thắng. kinh điển Đại thừa sâu xa, khi ấy Một, Tri tức nhập đặc thắng. liền phát tâm vô thương đạo. Tức là hơi thở trong mũi. Hạ phẩm hạ sanh là hoặc có Phương pháp điều tâm bằng cách chúng sanh làm nghiệp bất thiện đếm hơi thở. Nếu đếm khi tâm mờ ngũ nghịch, thập ác, đáng đọa ám thì quán huệ không sáng. Nay đường ác chịu vô cung khổ đau. đã biết hơi thở vào thì xem xét nó Đến khi sắp chết, gặp thiện tri thức rõ ràng, nên giải huệ dễ phát sanh. vì người ấy, nói pháp mầu và dạy Đó là đặc thắng. bảo niệm Phật. Nhưng người ấy Hai, Tri tức xuất đặc thắng.

Vì phương pháp điều tâm bằng hỷ chi này thì không có lỗi lầm. Đó cách đếm hơi thở, nếu đếm khi tâm là đặc thắng. (chi là phần) mờ ám thì quán huệ không sáng. Bảy, Thọ lạc đặc thắng. Nay đã biết hơi thở ra thì xem xét Vì đã cùng tương ưng với quán nó rõ ràng, nên giải huệ dễ phát huệ; nếu chứng sơ thiền. Khi có sanh. Đó là đặc thắng. được một phần vui thì có thể hiểu Ba, Tri tức trường đoản đặc rõ đối với một phần vui không khởi thắng. lên kiến chấp. Lấy cái không thọ Vì điều tâm đã êm dịu là xem mà được tiếp xúc với niềm vui. Đó xét hơi thở từ từ rõ ràng, thì liền là đặc thắng. biết tướng dài, ngắn, của hơi thở ra, Tám, Thọ chư tâm hành đặc vào. Đó là đặc thắng. thắng. Bốn, Tri tức biến thân đặc Vì đã cùng với quán huệ giúp thắng. đỡ lẫn nhau; nếu chứng được một Vì từ định ở Dục giới chứng vị phần nhất tâm của sơ thiền thì có đáo địa định, tức là biết thân và thể soi xét nhất tâm, không khởi lên định pháp đều là hư giả. Hơi thở điên đảo. Ở trong nhất tâm thì được vào, ra từ từ khắp thân thể, như có chánh thọ (chánh định). Đó là đặc như không. Đó là đặc thắng. thắng. (Vị đáo địa định là ở Dục giới Chín, Tâm tác hỷ đặc thắng. tu định ở Sắc giới, thân tuy chưa Vì khi rời sơ thiền vào nhị thiền đến đó, mà tâm thì đã chứng định liên tục xem xét; nếu phát ra niềm ấy trước rồi). vui do bên trong thanh tịnh của nhị Năm, Trừ chư thân hành đặc thiền thì tâm

này là niềm vui thật thắng. sự, từ quán huệ mà sanh ra. Đó là Vì từ vị đáo địa, nếu phát sanh đặc thắng. Sơ thiền giác quán thì thân tâm mở Mười, Tâm tác nhiếp đặc thắng. mang khai sáng, cảnh vô ngã, vô Vì nhờ quán huệ mà được một thân. Đã không, vô ngã, vô nhân thì phần nhất tâm của nhị thiền tức là ai làm việc này việc nọ, ai được soi xét nhất tâm, thu nhiếp các loạn thiền định. Nhờ đó nguyên nhân tưởng, điên đảo, không để nổi lên. thân nghiệp khởi lên đều tiêu diệt Đó là đặc thắng. hết. Đó là đặc thắng. Mười một, Tâm tác giải thoát (Giác quán là tâm ban đầu tiếp đặc thắng. xúc với duyên gọi là giác; tế tâm Vì khi rời nhị thiền vào tam phân biệt thiền vị gọi là quán). thiền thường có quán huệ nên có Sáu, Thọ hỷ đặc thắng. thể chiếu soi, xem xét, tuy có được Vì đã cùng tương ưng với quán niềm vui mầu nhiệm mà tâm không huệ; nếu chứng hỷ chi của sơ thiền tham đắm, tự tại không bị ràng thì có thể xem xét rõ ràng, nhưng buộc. Đó là đặc thắng.

Mười hai, Quán vô thường đặc thể thấu hiểu phi tưởng xứ còn có thắng. tế tưởng hư dối, không thật. Đó Vì khi lìa tam thiền vào tứ thiền không phải là Niết bàn an lạc nên thười tu quán huệ, phát ra bất động tâm không nhiễm trước; đó là đặc định, thấu rõ trong định, tâm thức thắng. hư dối, niệm niệm sanh diệt. Đó là đặc thắng. THẬP LỤC ĐẠI LỰC Mười ba, Quán xuất tán đặc (Tam muội hoằng thắng. Vì khi từ tứ thiền vào hư không đạo chủng hiển định ý kinh). xứ, càng tu quán huệ, soi xét trong Phật đến chỗ long vương A nậu ngoài mà chứng được không định, đạt mời, vì ông mà nói pháp vô dục có thể lìa bỏ thức duyên hư không để cho các Bồ tát tu hạnh thanh tịnh, ở Sắc giới, tự nhiên tiêu tan, tức là rõ được mộtsáu đại lực, điều phục, có thể thấu hiểu sự không thật, hư giữ gìn thân tâm và giáo hóa chúng dối của không định, tâm không ái sanh. nhiễm. Đó là đặc thắng. (Tiếng Phạn là A nậu đạt, tiếng Mười bốn, Quán ly dục đặc Hoa là Vô nhiệt não). thắng. Một, Chí lực. Vì lìa bỏ định hư không xứ vào Vì tâm chí của Bồ tát có khả thức xứ, thường dùng quán huệ, năng giỏi giữ gìn tất cả pháp Phật đắn đo bên trong, lìa hư không xứ, đã nói, hướng dẫn chúng sanh. Đó lìa dục tâm. Vì thế phát sanh thức là chí lực. xứ định, tức là có thể thấu rõ thức Hai, Ý lực. định hư dối, không thật, tâm không Vì Bồ tát tâm ý giống như tham đắm. Đó là đặc thắng. những gì Phật đã làm. Đối với Mười lăm, Quán diệt đặc thắng. chúng sanh chưa được độ, các Ngài Vì khi lìa bỏ thức xứ vào vô sở đều nguyện độ thoát khổ đau. Đó là hữu xứ, thường dùng quán huệ xem ý lực. xét cảnh sở tu và tâm năng tu. Do Ba, Hạnh lực. đó phát sanh định vô sở hữu xứ, thì Hạnh có nghĩa là tiến tới. Vì Bồ có thể thấu hiểu vô sở hữu xứ là hư tát hay bằng hạnh tinh tấn, thông dối, là không thật có nên tâm không hiểu ý nghĩa sâu xa của tất cả pháp. ái nhiễm. Đó là đặc thắng. Đó là hạnh lực. Mười sáu, Quán khí xả đặc Bốn, Tàm lực. thắng. Vì Bồ tát có khả năng tàm quý Vì khi lìa vỏ vô sở hữu xứ tu nên xa lìa tất cả việc ác, hăng say tập định phi hữu tưởng phi vô làm tất cả pháp lành. Đó là tàm lực. tưởng, thường dùng quán huệ quán Năm, Cường lực. sát pháp sở tu và tâm năng tu. Do Vì Bồ tát đối với tất cả trở ngại, đó phát sanh định phi tưởng thì có gian nan đều có thể kiên quyết chịu

đựng, không làm việc phi pháp. Đó Vì Bồ tát biết tánh dục của là cường lực. chúng sanh nên chỉ bằng một tâm Sáu, Trì lực. niệm là thuần hóa chúng sanh ngay. Đối với tất cả pháp đã được thọ Đó gọi là tâm lực. trì, Bồ tát đều có khả năng giảng Mười bốn, Thần

túc lực. giải, hướng dẫn mà không quên, sót. Vì Bồ tát giáo hóa, hướng dẫn Đó là trì lực. chúng sanh hay dùng thần thông, Bảy, Huệ lực. biến hóa để cứu độ chúng sanh. Đó Vì Bồ tát có đại trí huệ, hiểu gọi là thần túc lực. thấu các pháp đều không, tuy binh Mười lăm, Hoằng pháp lực. ma vô số nhưng không thể não hại. Đối với Phật pháp, Bồ tát, vì tất Đó là huệ lực. cả chúng sanh, giảng nói rộng rãi Tám, Đức lực. để chúng nghe thấu không đoạn Vì Bồ tát tu hạnh vô dục đầy đủ tuyệt duyên lành và tin, làm theo, công đức, lìa mọi tham đắm. Đó là trừ tất cả khổ. Đó là hoằng pháp lực. đức lực. Mười sáu, Hàng ma lực. Chín, Biện lực. Vì Bồ tát tu thiền định, tuân Vì Bồ tát có đại biện tài, ở theo lời Phật dạy, có khả năng hành trong 100, 1000 kiếp, tùy ý giải phục các ma. Đó là hàng ma lực. nghĩa các pháp được Phật nói ra, không chút trở ngại. Đó gọi là biện THẬP LỤC TRI KIẾN lực. (Đại trí độ luận). Mười, Sắc lực. Vì sắc tướng của Bồ tát đoan Người chưa thấy (hiểu) chánh chánh. Nếu Đế thích, Phạm vương đạo, ở trong năm ấm, cưỡng lập và Tứ thiên vương đến chỗ Bồ tát, chủ tể (ông chủ) và lầm cho là có nhìn trong thoáng chốc, buồn thiu ngã, ngã sở. Tâm so đo là có ngã, thất thần. Đó là sắc lực. trãi qua các duyên thì có mộtsáu sự Mười một, Thân lực. hiểu biết khác nhau: Vì thân của Bồ tát vững chắc, Một, Ngã. trong sạch, giống như kim cương, Vì ở trong năm ấm, vô minh lửa không thể cháy, dao không thể không hiểu rõ nên lầm cho ngã và chặt, đối với ngoại đạo là hơn hết, ngã sở là có thật. Do vậy gọi là ngã. là duy nhất được tôn quý. Đó là Hai, Chúng sanh. thân lực. ở trong năm ấm hòa hợp, lầm Mười hai, Tài lực. cho năm ấm ấy hợp lại mà có sự Vì vàng ngọc, châu báu đối với sống, nên gọi là chúng sanh. Bồ tát, có theo ý muốn, trong mọi Ba, Thọ giả. lúc. Đó gọi là tài lực. Ở trong năm ấm, lầm cho có Mười ba, Tâm lực. ngã, chịu quả báo trong một thời

gian nhất định, mạng sống có dài, Ở trong năm ấm lầm cho ngã có ngắn, nên gọi là Thọ giả. thể khiến người khác tạo ra nghiệp Bốn, Mạng giả. phước, tội ở đời sau, nên gọi là sử Ở trong năm ấm lầm cho có ngã, khởi giả. mạng căn duy trì liên tục không đứt Mười ba, Thọ giả. quảng, nên gọi là mạng giả. Ở trong năm ấm lầm cho thân Năm, Sanh giả. sau của ngã sẽ chịu quả báo tội, Ở trong năm ấm lầm cho có ngã phước, nên gọi là thọ giả. có thể khởi lên nhiều việc và cho Mười bốn, Sử thọ giả. rằng ngã đến trong loài người để Ở trong năm ấm lầm cho ngã sẽ thọ sanh, nên gọi là sanh ngã. khiến cho người khác chịu các quả Sáu, Dưỡng dục. báo khổ, vui, nên gọi là sử thọ giả. Ở trong năm ấm lầm cho là ngã Mười lăm, Tri giả. có thể dưỡng dục người khác và Ở trong năm ấm lầm cho ngã có cho là ngã từ khi sanh ra đến giờ năm căn có thể biết năm trần, nên được cha mẹ nuôi dưỡng, nên gọi gọi là tri giả. là dưỡng dục. Mười sáu, Kiến giả. Bảy, Chúng số. Ở trong năm ấm lầm cho ngã có Ở trong năm ấm làm cho có ngã nhãn căn có thể thấy tất cả tướng, có năm ấm, 12 nhập, 18 giới, … lại lầm cho ngã có thể nổi lên tà các pháp số, nên gọi là chúng số. kiến, chánh kiến, nên gọi là kiến Tám, Nhân. giả. Ở trong năm ấm lầm cho là ngã, là người có thể tu hành, khác với THẬP LỤC ĐẠI A LA người không thể tu hành và cho ngã HÁN sanh ra trong nhân đạo không giống (Pháp trụ ký). với loài khác, nên gọi là nhân. Chín, Tác giả. Tiếng Phạn là A la hán, tiếng Ở trong năm ấm lầm cho ngã có Hoa là Vô học, vì những vị này thân, lực, chân, tay có thể làm việc không còn sống, chết, không có được, nên gọi là tác giả. pháp để học; cũng nói là Vô sanh, Mười, Sử tác giả. vì những vị này dứt hết kiến, tư Ở trong năm ấm lầm

cho ngã có hoặc không sanh trở lại ba cõi; thể sai khiến người khác, nên gọi là cũng gọi là Ứng cúng, vì những vị sử tác giả. này đáng được sự cúng dường của Mười một, Khởi giả. trời, người; cũng gọi là Sát tặc, vì Ở trong năm ấm lầm cho ngã có những vị này có khả năng giết giặc thể tạo ra nghiệp tội, phước ở đời phiền não. Các vị này đều đủ tam sau, nên gọi là khởi giả. minh, lục thông và vô lượng công Mười hai, Sử khởi giả. đức, nên gọi là đại.

Những vị A la hán này, vì vâng Tiếng Phạn là Nặc cư la, tiếng lời Phật dạy, bằng sức thần thông Hoa là Thử lang sơn. Tôn giả này tự kéo dài tuổi thọ ở đời để giữ gìn cùng 800 A la hán hầu hết ở Thiệm chánh pháp, dường như đến giờ bộ phía Nam. chưa vào Niết bàn. Nếu gặp người (Tiếng Phạn là Thiệm bộ, cũng đời tổ chức hội đại thí vô già (Hội gọi là Diêm phù đề, tiếng Hoa là bố thí tài, pháp bình đẳng) thì hòa châu Thắng kim). đồng vào những người bà con bằng Sáu, Bạt đà la tôn giả. cách giấu đi oai nghi của bậc thánh, Tiếng Phạn là Bạt đà la, tiếng hoặc hòa đồng vào những người Hoa là Hảo hiền. Tôn giả này cùng dân thường, bí mật nhận sự cúng 900 A la hán, hầu hết ở châu Đam dường, để cho người bố thí được một la. quả báo tốt đẹp, đem đến lợi ích Bảy, Ca ly ca tôn giả. cho hữu tình. Đó là 16 đại A la hán. Tiếng Phạn là Ca ly ca (không Một, Tân độ la bạt la noa đồ dịch nghĩa). Tôn giả này cùng 1000 tôn giả. A la hán, hầu hết ở châu Tăng già Tiếng Phạn là Tân độ la, tiếng trà. Hoa là Bất động (tên). Tiếng Phạn Tám, Phạt đồ la phất đa la tôn là Bạt la noa đồ, tiếng Hoa là Tiệp giả. tật (họ). Tiếng Phạn là Phạt đồ la phất Tôn giả này cùng 1000 A la hán, đa la (không dịch nghĩa). Tôn giả hầu hết đều ở Châu cù da ni ở phía này cùng 1100 A la hán, hầu hết ở Tây. Tiếng Phạn là Cù da ni, tiếng châu Bát lạt noa. Hoa là Ngưu hóa. Chín, Thú bác ca tôn giả. Hai, Ca nặc ca phạt sa tôn giả. Tiếng Phạn là Thú bác ca Tiếng Phạn là Ca nặc ca phạt sa (không dịch nghĩa). Tôn giả này tôn giả (không dịch nghĩa). Tôn giả cùng 900 A la hán, hầu hết ở trong này cùng 500 A la hán, hầu hết ở núi Hương túy. phía Bắc nước Ca thấp di la. Mười, Bán thác ca tôn giả. Ba, Ca nặc ca bạt ly nọa đồ tôn Tiếng Phạn là Bán thác ca giả. (không dịch nghĩa). Tôn giả này Tiếng Phạn là Ca nặc ca bạt ly cùng 1300 A la hán, hầu hết ở cõi nọa đồ (không dịch nghĩa). Tôn giả trời thứ 33. này cùng 600 A la hán hầu hết ở Mười một, La hỗ la tôn giả. châu Thắng thần ở phía Đông. Tiếng Phạn là La hỗ la, tiếng Bốn, Tô tần đà tôn giả. Hoa là Chất nhật. Tôn giả này cùng Tiếng Phạn là Tô tần đà (không 1100 A la hán, hầu hết ở châu Tất dịch nghĩa). Tôn giả này cùng 700 lợi dương cù. A la hán hầu hết ở châu Câu lô phía Mười hai, Na già tê na tôn giả. Bắc. Tiếng Phạn là Na già tê na Năm, Nặc cư la tôn giả. (không dịch nghĩa). Tôn giả này

cùng 1200 A la hán, hầu hết ở núi ngục này; lại vào địa ngục Phất Bán độ ba. niệu. Mười ba, Nhân yết đà tôn giả. Hai, Phất niệu địa ngục. Tiếng Phạn là Nhân yết đà Vì nước phân, sắt cục tự nhiên (không dịch nghĩa). Tôn giả này đầy khắp trước mặt, rượt theo bén cùng 1300 A la hán, hầu hết ở trong gót tội nhân, khiến cho tay ôm sắt núi Quảng hiếp. nóng cháy đỏ, lại bắt phải ngậm Mười bốn, Đại na bà tư tôn giả. vào trong miệng và nuốt xuống Tiếng Phạn là Đại na bà tư bụng. Tội nhân, vì vậy, đau đớn (không dịch nghĩa). Tôn giả này không cùng. Lại có loài côn trùng cùng 1400 A la hán, hầu hết ở trong bằng sắt mổ thịt, hút máu, thống núi Khả trụ. khổ không gì bằng. Tội

nhân chịu Mười lăm, A thị đa tôn giả. khổ đau một thời gian dài, mới ra Tiếng Phạn là A thị đa (không khỏi địa ngục này, lại vào Thiết dịch nghĩa). Tôn giả này cùng 1500 đinh địa ngục. A la hán, hầu hết ở trong đỉnh núi Ba, Thiết đinh địa ngục. Thứu. Ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa Mười sáu, Chú trà bán thác ca trên tấm sắt nóng, di chuyển thân tôn giả. mình từ từ, rồi dùng đinh đóng vào Tiếng Phạn là Chú trà bán thác tay chân, khắp cả thân mình, tất cả ca (không dịch nghĩa). Tôn giả này 500 cái đinh, đau đớn không lường. cùng 1600 A la hán, hầu hết ở núi Chịu như vậy trong thời gian dài, ra Trì trục. khỏi địa ngục này, lại vào địa ngục đói khát. THẬP LỤC DU TĂNG Bốn, Cơ ngạ địa ngục. ĐỊA NGỤC Ngục tốt xô tội nhân vào sắt (Kinh luật dị nóng, rót nước đồng sôi vào miệng, đớn đau, bỏng rát từ cổ họng đến tướng và chư kinh tập yếu). bụng. Tội nhân chịu thống khổ một Vì địa ngục bát hàn và bát nhiệt, thời gian lâu như vậy, mới ra khỏi mỗi ngục đề có cửa. Mỗi cửa có địa ngục này, lại vào khát địa ngục. bốn ngục chúng sanh chịu khổ. Ở Năm, Khát địa ngục. các ngục này, lần lượt đi qua, thì Ngục tốt bỏ sắt nóng vào miệng đau khổ của chúng tăng lên, nên tội nhân, cháy hết môi lưỡi. Tội gọi là mộtsáu du tăng địa ngục. nhân chịu đau khổ một thời gian Một, Hắc sa địa ngục. dài mới ra khỏi ngục này, lại vào Vì gió nóng thổi bay cát nóng nhất đồng hoạch địa ngục. màu đen. Cát dính vào người, Sáu, Nhất đồng hoạch địa ngục. xương thịt cháy đen. Sau khi chịu Ngục tốt nhúng tội nhân vào khổ đau thật lâu, mới ra khỏi địa vạc nước đồng sôi ùn ục, chịu đau đớn một thời gian dài, thân thể nhừ

nát, mới ra khỏi ngục này, lại vào là rừng kiếm, cành, lá, hoa đều dao địa ngục đa đồng hoạch. bén với kiếm nhọn. Tội nhân xô Bảy, Đa đồng hoạch địa ngục. vào sông, theo sóng lên xuống, Ngục tốt bắt phạm nhân bỏ vào xoay tròn chìm nổi, sắt nhọn đâm trong vạc, toàn thân tan rã, lấy móc vào người từ trước ra sau, từ phải sắt móc ra đau đớn không cùng. sang trái, đau đớn không lường. Chịu khổ như vậy một thời gian dài, Khi tội nhân vừa ra khỏi địa ngục vừa ra, tội nhân lại vào địa ngục hôi hà, đến bờ bên kia, kiếm bén mới có tên là địa ngục thạch ma. đâm, chặt thân thể nát tan, còn có Tám, Thạch ma địa ngục. chó sói cắn xé tội nhân ăn tươi nuốt Ngục tốt bắt người phạm tội, xô sống. Chạy thoát thân trên rừng vào tảng đá nóng, xoay nhẹ chân kiếm thì mũi nhọn đâm xuống, khi tay, dùng tảng đá nóng lớn hơn đè chạy dưới rừng kiếm thì bị chặt đứt, lên thân mình; tảng đá xoay tròn, đoạn lìa, thịt da rêu rã. Chim sắt mổ thịt xương tan nát. Phạm nhân đau xé gân mạch, não, tủy, tội nhân trở khổ vô cùng trong một thời gian lâu, lại hôi hà, theo sóng xuống lên, sắt mới ra khỏi địa ngục ấy, lại vào địa nhọn đâm thân, da thịt nát tan, máu ngục nùng huyết. mủ chảy tràn, chỉ còn xương trắng Chín, Nùng huyết địa ngục. bồng bềnh trên mặt. Gió lạnh thổi Máu mủ sôi sùng sục, tội nhân qua từ từ đứng dậy, dắt đi trong chạy tới chạy lui trong đó; thân thể đêm dài, thình lình, tội nhân đến nấu nhừ, mặt mày rửa nát, hoặc lấy thiết hoàn địa ngục. máu mủ ăn, đau đớn không chịu Mười hai, Thiết hoàn địa ngục. nỗi. Tội nhân chịu khổ một thời Có viên sắt nóng, ngục tốt bắt gian lâu mới ra khỏi ngục này, lại tội nhân ôm lấy, chân tay rã rời, lửa vào địa ngục lượng hỏa. cháy toàn thân. Chịu khổ như vậy Mười, Lượng hỏa địa ngục. một thời gian dài, mới ra khỏi ngục Vì có nhiều lửa nhóm lại, lửa này, lại vào địa ngục cân phủ. nóng hừng hực. Ngục tốt xua đuổi Mười ba, Cân phủ địa ngục. tội nhân, tay cầm cấy giơ lên lửa Ngục tốt bắt tội nhân kia ôm sắt cháy

ngùn ngụt, đốt cả thân thể, nóng vào người. Vì sắt nóng quá nóng bức đau khổ vô cùng kêu rào, sức làm cho tay chân đứt đoạn kể khóc lóc. Chịu khổ như thế trong cả tai, mũi, thân thể, đau đớn vô một thời gian lâu, mới ra khỏi ngục lượng, tội nhân chịu như vậy một này, lại vào địa ngục hôi hà. thời gian dài, mới ra khỏi ngục này, Mười một, Hôi hà địa ngục. lại vào địa ngục sài lang. Ngang, dọc mỗi bề 500 do tuần, Mười bốn, Sài lang địa ngục. sông tro sôi sùng sục, hơi độc bốc Chó sói tranh nhau chạy đến ngất trời, vầng vũ xoay vòng, âm cắn xé tội nhân, thịt rơi, xương gãy, thanh đáng sợ, từ thấp đến cao, sắt máu mủ linh láng khổ đau không nhọn đâm ngang đâm dọc. Trên bờ xiết. Tội nhân chịu như vậy trong

một thời gian lâu, mới khỏi ngục Hai, Tối thắng tu đa la. này, lại vào địa ngục kiếm thọ. Vì kinh Pháp hoa chỉ nói một lý Mười lăm, Kiếm thọ địa ngục. thật tướng ở trong Tam tạng nhiệm Tội nhân đi vào rừng kiếm, có mầu, vượt hơn tất cả, không có gì ngọn gió dữ nổi lên, thổi tung lá để so sánh; nên gọi là Tối thắng tu cây trong rừng kiếm rơi lên thân đa la. thể tội nhân, đầu mặt tổn thương Ba, Đại phương quảng. tan nát. Lại có chim sắt mổ mắt tội Không gì ở ngoài gọi là đại. nhân, đau khổ không lường. Khi ra Chánh lý (lý đứng đắn), gọi là khỏi ngục này, tội nhân lại vào hàn phương. bao gồm nhiều thứ gọi là băng địa ngục. quảng. Mười sáu, Hàn băng địa ngục. Vì kinh Pháp hoa chỉ nói thật Có ngọn gió to lạnh giá thổi tướng nhật thừa, có đủ hai nghĩa vào người tội nhân, toàn thân đông trên nên gọi là đại, phương, quảng. cứng, da thịt rã rời, khổ sở kêu la, Bốn, Giáo Bồ tát pháp. rồi sau mới chết. Tất cả đều do Vì kinh Pháp hoa chỉ nói một lý chúng sanh tạo nghiệp lực ác, nên Nhất thừa thật tướng. Như lai dùng đọa vào các địa ngục như thế. kinh này dạy bảo tất cả các bậc có thiện căn tu hành thành thục trở ĐẠI THỪA TU ĐA LA thành Bồ tát, tùy theo khả năng HỮU THẬP THẤT CHỦNG từng vị, khiến cho chứng được quả DANH Phật, nên gọi là pháp dạy Bồ tát.
(Diệu Năm, Phật sở hộ niệm. Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý pháp liên hoa kinh luận). Nhất thừa thật tướng. Đó là cái mà Đại thừa tức là Phật thừa. Tiếng chính Phật đã chứng được, tuy Phạn là Tu đa la, tiếng Hoa là Khế muốn dạy bảo, chỉ vì các căn của kinh. chúng sanh chậm lụt, tối tăm không Pháp hoa văn cú nói: Luận nêu thể nói sớm, nên gọi là Phật sở hộ ra 17 thứ, đều là tên khác của Pháp niệm. hoa, vì muốn làm sáng tỏ lý nhiệm Sáu, Chư Phật bí mật pháp. mầu, sâu xa của kinh này, không Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý thể nghĩ bàn. Nhất thừa thật tướng. Pháp này rất Một, Vô lượng nghĩa kinh. sâu chỉ Phật mới có thể biết, nên Vì Phật sắp nói một lý thật gọi là pháp bí mật của chư Phật. tướng của Pháp hoa, nên nói vô Bảy, Nhất thiết Phật tạng. lượng nghĩa này trước; bởi đem cái Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý nghĩa vô lượng đều trở về cái lý Nhất thừa thật tướng và công đức, thật tướng. Trong thật tướng, nghĩa Tam muội của tất cả Như lai đều mầu nhiệm vô cùng, nên gọi là kinh chứa đựng trong kinh này; nên gọi Vô lượng nghĩa. là nhất thiết Phật tạng.

Tám, Chư Phật bí mật xứ. Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý Nhất thừa thật tướng, chư Phật do Nhất thừa thật tướng. Phật vì căn pháp môn này đã thành quả đại Bồ lành của chúng sanh chưa chín, đề, lại dùng phương tiện khéo léo, chẳng phải là đối tượng lãnh thọ rộng lớn, vì các chúng sanh trời, pháp này, không vì họ mà nói; nên người, Thinh văn, Duyên giác, Bồ gọi là Chư Phật bí mật xứ. tát mà nói rộng

pháp này, khiến cho Chín, Năng sanh nhất thiết chư chúng ngộ, nhập cảnh giới của Phật; Phật kinh. nên gọi là Kinh phương tiện khéo Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý léo của chư Phật. Nhất thừa thật tướng, chư Phật Mười bốn, Thuyết Nhất thừa trong ba đời, không một vị nào kinh. không do đây mà thành tựu được Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý quả đại Bồ đề; nên gọi là năng sanh Nhất thừa thật tướng, chỉ rõ thể cứu nhất thiết chư Phật kinh. cánh của Phật và Bồ tát mà Thinh Mười, Nhất thiết chư Phật chi văn, Duyên giác không thể chứng đạo tràng. được; nên gọi là nói kinh Nhất thừa. Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý Mười lăm, Đệ nhất nghĩa trụ. Nhất thừa thật tướng, người nghe Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý pháp này thì có thể thành tứ quả Bồ Nhất thừa thật tướng, tức là chỗ ở đề của Phật; nên gọi là đạo tràng cứu cánh pháp thân Như lai; nên của chư Phật. gọi là Đệ nhất nghĩa trụ. Mười một, Chư Phật sở chuyển Mười sáu, Diệu pháp liên hoa. pháp luân. Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý Nhất thừa thật tướng; Diệu pháp Nhất thừa thật tướng. Chư Phật ra này chỉ dùng hoa sen làm ví dụ. Vì đời đều dùng pháp môn này tiêu diệu pháp thì quyền, thật là một thể diệt phiền não, chướng ngại của tất và hoa sen thì hoa và hạt có cùng cả chúng sanh, để chúng được giải một lúc, nên gọi là Diệu pháp liên thoát; nên gọi là chư Phật sở hoa. chuyển pháp luân. Mười bảy, Tối thượng pháp Mười hai, Chư Phật kiên cố xá môn. lợi kinh. Kinh Pháp hoa chỉ nói lý Nhất Vì kinh Pháp hoa chỉ nói lý thừa thật tướng, tất cả ngôn ngữ, Nhất thừa thật tướng, chính là chân văn chương diễn bày pháp nghĩa như, pháp thân, xá lợi của chư Phật, đều bao hàm pháp tối thắng tối từ xưa đến nay không hề thay đổi, thượng trong kinh; nên gọi là tối không có hư hỏng, nên gọi là kinh thượng pháp môn. Xá lợi vững chắc của chư Phật. Mười ba, Chư Phật đại xảo phương tiện kinh.

THẬP BÁT BẤT CỘNG hiểu mà xả. Đó gọi là vô bất tri dĩ PHÁP xả. Bảy, Dục vô giảm. (Pháp giới thứ đệ). Vì Phật có đầy đủ các điều Bất cộng pháp là trí của chư thiện, thường muốn độ các chúng Phật, ở trong thời sung mãn, biểu sanh, tâm không biết đủ. Đó gọi là hiện ở ngoài là vô úy. Tất cả công dục vô giảm. đức, trí huệ của Phật vượt xa mọi Vì thân tâm của Phật tinh tấn tiêu biểu, không cùng chung với đầy đủ, thường độ tất cả chúng phàm phu, Nhị thừa và Bồ tát. sanh, không chút nghỉ ngơi. Đó gọi Một, Thân vô thất. là tinh tấn vô giảm. Vì Phật từ vô lượng kiếp đến Chín, Niệm vô giảm. giờ thường bằng giới, định, trí huệ, Vì Phật, đối với pháp của ba từ bi để tu thân. Các công đức này đời chư Phật có tất cả trí huệ tương đầy đủ nên tất cả phiền não đều dứt ứng với pháp ấy một cách đầy đủ, hết. Đó gọi là thân vô thất. không hề thoái lui. Đó gọi là niệm Hai, Khẩu vô thất. vô giảm. Vì Phật có đủ trí huệ vô lượng Mười, Huệ vô giảm. và biện tài, nên pháp nói ra, tùy Vì Phật có đầy đủ trí huệ rộng theo căn cơ của chúng sanh, đều lớn vô cùng, không thể cùng tận; được chứng ngộ. Đó gọi là khẩu vô tùy theo trí huệ mà thuyết pháp, thất. nên nói pháp cũng vô tận. Đó gọi là Ba, Niệm vô thất. huệ vô giảm. Vì Phật tu các thiền định sâu Mười một, Giải thoát vô giảm. thẳm, tâm không tán loạn, ở trong Vì Phật xa lìa tất cả vướng mắc, các pháp mà tâm không vướng mắc, có đầy đủ hai thứ giải thoát: 1) Hữu đạt đến chỗ an ổn bậc nhất; nên gọi vi giải thoát nghĩa là vô lậu trí huệ, là Niệm vô thất. tương ứng với giải thoát; 2) Vô vi Bốn, Vô dị tưởng giải thoát nghĩa là tất cả phiền não Vì Phật, đối với tất cả chúng hết sạch không còn. Đó gọi là giải sanh, cứu độ bình đẳng, không có thoát vô giảm. tâm lựa chọn. Đó

gọi là Vô dị Mười hai, Giải thoát trí kiến vô tưởng. giảm. Năm, Vô bất định tâm. Vì Phật, ở trong tất cả giải thoát, Vì Phật, đi đứng, năm ngồi; thấy biết rõ ràng, phân biệt không luôn không rời thắng định sâu thẳm. trở ngại. Đó gọi là giải thoát tri Đó gọi là tâm luôn luôn định. kiến vô giảm. Sáu, Vô bất tri dĩ xả. Mười ba, Nhất thiết thân Vì Phật, đối với tất cả pháp, nghiệp tùy trí huệ hành. hiểu biết thấu suốt rồi mới xả; Vì Phật hiện ra các tướng tuyệt không có một pháp nào không thấu vời, điều phục chúng sanh, diễn

thuyết các pháp xứng hợp với trí không thuộc chúng sanh đều biết huệ khiến mỗi chúng sanh ấy giải, hết không trở ngại. Đó gọi là trí huệ ngộ, chứng, nhập. Đó gọi là thân hiện thế vô ngại. nghiệp tùy trí huệ hành. Mười bốn, Nhất thiết khẩu THẬP BÁT KHÔNG nghiệp tùy trí huệ sanh. (Đại trí độ luận). Vì Phật dùng ngôn ngữ vi diệu thanh tịnh, tùy theo trí huệ của Một, Nội không. người nghe mà diễn đạt giáo hóa, Nội tức là nội thân. Vì có 36 hướng dẫn, làm lợi ích cho tất cả thứ không sạch chứa đầy trong thân, chúng sanh. Đó gọi là nhất thiết nước trong chín lỗ luôn rò rỉ, không khẩu nghiệp tùy trí huệ hành. cách nào có được sạch sẽ; đó gọi là Mười lăm, Nhất thiết ý nghiệp nội không. tùy trí huệ hành. (36 thứ là lông, tóc, móng, răng, Vì Phật dùng ý nghiệp thanh ghèn, nước mắt, nước dãi, nước bọt, tịnh, tùy theo trí huệ của chúng nước tiểu, phân, cáu bẩn, mồ hôi, sanh mà diễn đạt đi vào trong tâm da, da dẻ, máu, thịt, gân, mạch, chúng sanh mà nói pháp cho chúng xương, tủy, mỡ, dầu, não, mô, gan, để trừ diệt màng vô minh tăm tối. mật, ruột, bao tử, lá lách, thận, tim, Đó gọi là ý nghiệp tùy trí huệ hành. phổi, sanh tạng, thục tạng, xích Mười sáu, Trí huệ tri quá khứ đàm, bạch đàm). thế vô ngại. Hai, Ngoại không. Vì Phật dùng trí huệ biết rõ tất Ngoại tức ngoại sắc. Vì kẻ ngu cả những gì ở đời quá khứ, hoặc là bị đắm nhiễm bởi ham muốn, khi pháp thuộc chúng sanh, hoặc là quán sát bị vướng vào sắc mới lầm pháp không thuộc chúng sanh, đều cho sắc là sạch, tìm cầu cái tướng biết hết không trở ngại. Đó là trí sạch của nó. Cũng như cái thân, sao huệ tri quá khứ thế vô ngại. có tướng sạch được. Đó gọi là Mười bảy, Trí huệ tri vị lai thế ngoại không. vô ngại. Ba, Nội ngoại không. Vì Phật dùng trí huệ biết rõ tất Vì thân ta không sạch, ở ngoài cả những gì có ở đời vị lai, hoặc cũng như thế. Ngoài thân không pháp thuộc chúng sanh hoặc pháp sạch, ta cũng như thế, như nhau không thuộc chúng sanh đều biết không khác. Tướng sạch không thể hết không trở ngại. Đó gọi là tri vị có được. Đó gọi là nội, ngoại lai thế vô ngại. không. Mười tám, Trí huệ tri hiện tại Bốn, Không không. thế vô ngại. Vì trong thân; ngoài thân; trong, Vì Phật dùng trí huệ biết rõ tất ngoài thân đều không, mà dường cả những gì có ở đời hiện tại, hoặc như chấp không đã thành bệnh, nên là pháp thuộc chúng sanh, hoặc

dùng pháp không để phá ba không có nhân duyên từ đời trước nữa. Cứ ở trên. Đó gọi là không không. như thế dần lên đến vô thỉ, cũng Năm, Đại không. không thể có được. Đó là vô thỉ Vì mười phương thế giới là sắc, không. tạo nên bởi tứ đại. Giả gọi chỗ mặt Mười một, Tán không. trời mọc là phương đông; chỗ mặt Vì do năm ấm hòa hợp nên có trời lặn là phương tây. Tướng của thân tướng. Nếu dùng trí huệ phân phương hướng là như thế. Vì thế biệt, phá tan năm ấm tạo nên thân tục cố chấp; nên căn cứ vào đệ nhất tướng thì không có gì hết. Như căm, nghĩa thì một pháp không thể được. đùm, gọng, càng, nhíp hợp lại Đó gọi là đại không. thành xe; nếu tháo rời mỗi nơi một Sáu, Đệ nhất

nghĩa không. thứ thì tên xe đâu còn nữa. Đó gọi Vì trong các pháp, pháp tối đệ là tán không. nhất gọi là Niết bàn. Pháp của Niết Mười hai, Tánh không. bàn có tướng là không vô. Đó gọi Vì tất cả pháp vốn không có tự là đệ nhất nghĩa không. tánh, đều do nhân duyên hòa hợp Bảy, Hữu vi không. mà sanh. Nếu không hòa hợp thì Vì trong các pháp năm ấm không có pháp ấy. Các pháp như không ngã, ngã sở, cho đến thường thế, tánh đâu thể có. Đó gọi là tướng cũng không thể có. Đó gọi là không tánh. hữu vi không. Mười ba, Tự tướng không. (Ngã tức là cái giả danh mà Vì tất cả pháp có hai thứ tướng: chúng sanh chấp chặt. Ngã sở tức 1) Tổng tướng: Sanh, diệt không là thân năm ấm). dừng, không phải bây giờ mới có, Tám, Vô vi không. có rồi lại không đều là vô thường; 2) Vì không được làm ra thì chẳng Biệt tướng: như đất có tướng cứng, có tướng, đối với hữu vi mà nói vô nước có tướng ướt, lửa có tướng vi. Nếu hữu vi pháp đã không thể nóng, gió có tướng động. hai tướng được thì vô vi pháp lấy gì để vướng như thế của các pháp đều không. vào. Đó gọi là vô vi không. Đó gọi là tự tướng không. Chín, Tất cánh không. Mười bốn, Chư pháp không. Vì tám không ở trước phá tất cả Vì năm ấm, 12 nhập, 18 giới, pháp, không sót một pháp nào. Các các pháp ấy không có thật tướng, pháp đã không thì có thể vướng vào tất cả đều không. Không giữ không cái không không. Đó là tất cánh buông, có thể xa lìa tất cả kiến chấp. không. Đó gọi là chư pháp không. Mười, Vô thỉ không. Mười lăm, Bất khả đắc không. Vì chúng sanh trong thế gian Vì tất cả pháp kể cả nhân duyên, không có tướng bắt đầu. Như đời rốt ráo đều không, không thể có. này sanh là do từ nhân duyên của Đó gọi là bất khả đắc thông. đời trước mà có; đời trước sanh lại

(Nhân duyên là sáu căn là nhân; (Sắc khai triển mười phần là sáu trần là duyên). năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; Mười sáu, Vô pháp không. năm trần: Sắc, thanh, hương, vị, Vì các pháp đã diệt, cái diệt ấy xúc đều thuộc về sắc. cũng không nên gọi là vô pháp Tâm mở ra tám phần là nhãn không. Lại vì pháp ở quá khứ, vị lai thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, gọi là vô pháp. Như thế vô pháp thân thức, ý thức, ý căn và pháp cũng không. Đó gọi là vô pháp trần đều thuộc về tâm). không. Một, Nhãn giới. Mười bảy, Hữu pháp không. Vì căn có khả năng thấy nên Vì các pháp từ nhân duyên hòa gọi là nhãn giới (giới hạn của mắt). hợp nên có pháp sanh ra. Pháp ấy Hai, Nhĩ giới. thể vốn không thật, gọi là hữu pháp Vì căn có khả năng nghe nên không. Lại vì tất cả pháp hiện tại và gọi là nhĩ giới (giới hạn của tai). pháp vô vi, gọi là hữu pháp. Như Ba, Tỵ giới. thế hữu pháp đều không, cũng gọi Vì căn có khả năng ngửi nên là hữu pháp không. gọi là tỵ giới. (giới hạn của mũi). Mười tám, Vô pháp hữu pháp Bốn, Thiệt giới. không. Vì căn có khả năng nếm vị nên Vì tướng của vô pháp và hữu gọi là thiệt giới (giới hạn của lưỡi). pháp đều không thể có được, gọi là Năm, Thân giới. vô pháp, hữu pháp không. Lại vì tất Vì căn có khả năng biết khi xúc cả pháp ở quá khứ, vị lai, hiện tại chạm nên gọi là thân giới (giới hạn đều không thể có được cũng gọi là của thân). vô pháp, hữu pháp không. Sáu, Ý giới. Vì căn có khả năng hiểu biết THẬP BÁT GIỚI nên gọi là ý giới (giới hạn của ý). (Pháp giới thứ đệ). Bảy, Sắc giới. Vì cái mà mắt có khả năng thấy Giới tức là giới hạn. Vì chúng được là tất cả cảnh sắc nên gọi là sanh đối với sắc và tâm đều mê, sắc giới. nên sắc khai triển mười phần, tâm Tám , thinh giới. mở ra tám phần, để cho chúng quán Vì cái mà tai có khả năng nghe sát hai pháp sắc và tâm này đều từ được là tất cả

âm thanh, nên gọi là nhân duyên hư vọng mà sanh ra, rồi thinh giới. khởi hoặc (mê lầm), tạo ra nghiệp Chín, Hương giới. xoay vần trong sống chết. Vì cái mà mũi có khả năng ngửi Nếu thấu rõ nguồn gốc của sai được là mùi, nên gọi là hương giới. lầm này không có thật thể, dứt danh Mười, Vị giới. lìa tướng thì không bị lầm lạc bởi Vì cái mà lưỡi có khả năng nếm tiêm nhiễm sự mê hoặc này. được là vị, nên gọi là vị giới.

Mười một, Xúc giới. (ngôi vị chính thức), nhưng đã Xúc tức là xúc chạm (đụng vào). hướng về quả này. Vì cái mà thân biết được là xúc (Tiếng Phạn là Tu đà hoàn, chạm vào lạnh, ấm, trơn, mịn..., gọi tiếng Hoa là Dự lưu). là xúc giới. Hai, Sơ quả. Mười hai, Pháp giới. Sơ quả là vì người này dứt hết Vì cái mà ý biết được là tất cả kiến hoặc trong ba cõi, dự vào dòng pháp, nên gọi là pháp giới. thánh, tức là chứng được quả này. Mười ba, Nhãn thức giới. (Kiến hoặc là ý căn đối với Vì thức nương vào nhãn căn mà pháp trần thì phân biệt khởi lên). có thể thấy được sắc, gọi là nhãn Ba, Nhị quả hướng. thức giới. Nhị quả tức quả Tư đà hàm Mười bốn, Nhĩ thức giới. chứng được vì người này tu học sắp Vì thức nương vào nhĩ căn có vào nhị quả; tuy chưa đến bổn vị thể nghe được các thứ tiếng, gọi là (ngôi vị chính thức), nhưng đã nhĩ thức giới. hướng về quả này. Mười lăm, Tỵ thức giới. (Tiếng Phạn là Tư đà hàm, Vì thức nương vào tỵ căn có thể tiếng Hoa là Nhất lai). ngửi được các thứ mùi, gọi là tỵ Bốn, Nhị quả. thức giới. Nhị quả là vì người này, trong Mười sáu, Thiệt thức giới. chín phẩm tư hoặc cõi Dục, đã dứt Vì thức nương vào thiệt căn có được sáu phẩm trước thì chứng quả thể nếm được các thứ vị, gọi là này. thiệt thức giới. (Tư hoặc là năm căn đối với Mười bảy, Thân thức giới. năm trần tham ái khởi lên). Vì thức nương vào thân căn có Năm, Tam quả hướng. thể biết được các xúc chạm, gọi là Tam quả tức là quả A na hàm thân thức giới. chứng được. Vì người này tu học Mười tám, Ý thức giới. sắp vào tam quả; tuy chưa đến bổn Vì thức nương vào ý căn (mạt vị (ngôi vị chính thức), nhưng đã na thức) mà có thể phân biệt tướng hướng về quả này. của tất cả pháp, gọi là ý thức giới. (Tiếng Phạn là A na hàm, tiếng Hoa là Bất lai). THẬP BÁT HỌC NHÂN Sáu, Tam quả. (Thiên thai tứ giáo Tam quả là vì người này, đối với chín phẩm tư hoặc ở cõi Dục nghi tập chú). đều đã dứt hết thì chứng quả này. Một, Sơ quả hướng. Bảy, Tứ quả hướng. Sơ quả tức quả Tu đà hoàn Tứ quả là quả A la hán chứng chứng được. Vì người này tu học được. Vì người này tu học sắp vào sắp vào sơ quả; tuy chưa đến bổn vị tứ quả; tuy chưa đên bổn vị (quả vị

chính thức), nhưng đã hướng về Trung tức là trung ấm. Bát tức quả này. là Bát Niết bàn. Bì người này đã (Tiếng Phạn là A la hán, tiếng chết ở cõi Dục, chưa đến cõi Sắc Hoa là Vô học). tức là ấm thân trung gian mà Thánh Tám, Tùy tín hành. đạo được hiển phát rồi vào Niết bàn. Tùy tín hành là vì người này Mười lăm, Sanh bát. căn tánh chậm chạp, nương vào Sanh bát là vì người này, chết những gì người khác nói mới tin từ cõi Dục, sanh vào cõi Sắc rồi tưởng rồi thực hành, hướng về với vào Niết bàn. đạo. Mười sáu, Hữu hành bát. Chín, Tùy pháp hành. Hữu hành bát là vì người này Tùy pháp hành là vì người này sanh cõi Sắc rồi, lại còn gắng sắc căn tánh lanh lẹ, bằng sức hiểu biết dụng công, dứt hết tư hoặc ở cõi của mình theo pháp tu hành, hướng Dục rồi vào Niết bàn. về với đạo. Mười bảy, Vô hành bát. Mười, Tín giải. Vô hành bát là vì người này đã Tín giải là vì người này căn sanh cõi Sắc rồi, không cố công tánh chậm chạp nhưng có

tín tâm gắng sức tu hành, tự nhiên dứt trừ nên sự hiểu biết đúng đắn. tư hoặc phiền não còn lại ở cõi Dục Mười một, Kiến đắc. rồi vào Niết bàn. Kiến đắc là vì người này căn Mười tám, Thượng lưu bát. tánh lanh lợi, nếu thấy nghe được Lưu tức là lưu hành (phổ biến). pháp thì có thể nhận ra lý. Vì người này thứ tự mà đi lên: Mười hai, Gia gia. Sanh làm trời ở cõi Sắc, rồi dứt hết Gia gia là chỗ sanh ra không tư hoặc ở cõi Dục rồi vào Niết bàn. phải là một. Vì người này, trong chín phẩm tư hoặc ở cõi Dục, nếu THẬP BÁT CHI dứt ba, bốn phẩm thì hoặc thọ sanh (Pháp giới thứ đệ). ba, hai nhà ở cõi trời hoặc ba, hai nhà ở cõi người, rồi mới chứng Chi là chia chẻ ra. Như cây, rễ, được quả thứ hai, Tư đà hàm. thân là một mà cành, nhánh có khác Mười ba, Vô gián. nhau; nghĩa chi phái trong thiền Vô gián là vì người này dứt tám cũng vậy. phẩm tư hoặc ở Dục giới, chỉ còn Vì sơ thiền ở cõi Sắc có năm một phẩm chưa dứt mà chết nên nhánh; Nhị thiền có bốn nhánh; còn sanh một lần nữa. Nếu không Tam thiền có năm nhánh; Tứ thiền chết, dứt luôn phẩm còn lại thì có bốn nhánh. Tất cả 18 nhánh. không sanh một lần nữa mà người Sơ thiền ở cõi Sắc có năm này chứng quả thứ ba, A na hàm. nhánh: Mười bốn, Trung bát. Một, Giác chi.

Sơ tâm gặp duyên gọi là giác. Sự vẩn đục của tâm không có Vì hành giả ở cõi Dục nương vị đáo giác, quán gọi là nội tịnh. Vì hành địa (ở cõi Dục mà tu định ở cõi Sắc, giả sắp lìa bỏ sơ thiền, không ưa nên gọi cõi Sắc là vị đáo địa: nơi giác, quán. Khi giác, quán đã hết chưa đến), phát ra sắc pháp thanh thì tâm nội tịnh (yên lặng bên tịnh của sơ thiền cõi Sắc, xúc động trong). thân căn ở cõi Dục, tâm quá sợ hãi Hai, Hỷ chi. mà giác ngộ thì sanh ra thân thức, Tâm vui vẻ gọi là hỷ. Vì hành hiểu được sự xúc động của thân căn giả vừa được nội tịnh thì không còn ấy. vướng vào giác, quán, mà được Hai, Quán chi. thắng định, bên trong chứng được Tế tâm phân biệt gọi là quán. sự an vui vô lượng. Vì hành giả đã chứng công đức sơ Ba, Lạc chi. thiền, tức là dùng tế tâm phân biệt Tâm thư thái, vui vẻ gọi là lạc. sắc pháp ở trong thiền định này. Vì cái tình vui bồng bột của hành Các công đức nhiệm mầu, cảnh giả đã hết thì sự suy tư yên lặng, giới rõ ràng; đó là cái ở cõi Dục vui vẻ, nhẹ nhàng mà thọ hưởng cái chưa có bao giờ. vui an ổn, nhẹ nhàng, vừa ý. Ba, Hỷ chi. Bốn, Nhất tâm chi. Tâm vui vẻ gọi là hỷ. Vì hành Tâm và định đều gọi là tâm. Vì giả, khi sơ thiền vừa phát hiện, thì tâm hỷ, lạc của hành giả đã dứt thì sự vui vẻ phát sanh theo, bỏ sự vui tâm và định là một lặng trong vẻ quá nhỏ bé ở cõi Dục. Nay được không động. sơ thiền lợi ích rất nhiều, tư duy Định ở tam thiền có năm như vậy hoan hỷ vô lượng. nhánh: Bốn, Lạc chi. Một, Xả chi. Tâm thoải mái, vừa lòng gọi là Xa lìa hỷ mà không tiếc là xả. lạc. Vì hành giả, khi sơ thiền vừa Vì khi hành giả sắp lìa đệ nhị thiền phát hiện, tâm vui vẻ, hào hứng đã rất là không ưa cái hỷ của nhị thiền. dừng thì suy tư một cách im lặng Hỷ đã hết thì cái lạc của tam thiền mà hưởng thọ thoải mái, vừa lòng. phát sanh. Nếu chứng được cái vui Năm, Nhất tâm chi. của tam thiền thì bỏ cái hỷ của nhị Tâm và định đều gọi là tâm. Vì thiền mà tâm không hối tiếc. hành giả, khi vừa chứng được thiền Hai, Niệm chi. định, nương vào pháp giác, quán, Niệm tức là ái niệm. Vì hành hỷ, lạc nên có sự chia chẻ rất nhỏ giả đã phát sanh được niềm vui ở nhiệm. Nếu tâm hỷ, lạc dừng thì đệ tam thiền thì niềm vui từ trong tâm và định là một. khởi lên nên ái niệm sẽ dứt, và Định ở nhị thiền có bốn niềm vui tăng trưởng. nhánh: Ba, Huệ chi. Một, Nội tịnh chỉ.

Tâm hiểu biết gọi là huệ. Vì Ba, Niệm thanh tịnh chi. hành giả đã phát sanh niệm vui ở Niệm tức là ái niệm. Vì hành đệ tam thiền. Niềm vui này rất mầu giả đã được chân định đệ tứ thiền, nhiệm khó tăng trưởng được. Nếu vẫn còn nhớ lỗi lầm ở hạ địa (Tam chẳng phải là giải huệ thiện xảo thì thiền), lại nhớ công đức của chính không có cách nào trưởng dưỡng mình để di dưỡng, làm cho mình được. không thối lui, tiến lên phẩm vị tốt Bốn, Lạc chi. đẹp hơn. Tâm thảnh thơi, vui sướng là Bốn, Nhất tâm chi. lạc. Vì hành giả đã phát sanh sự vui Tâm và định đều gọi là tâm. Vì sướng của đệ tam thiền; nếu dùng hành giả đã được định ở đệ tứ thiền; khéo ba chi xả, niệm, huệ thì sẽ dùng hai chi xả và niệm ở trước che giúp đỡ được sự vui sướng này, chở thì tâm không nơi vướng mắc Lúc ấy sự vui sướng lan khắp toàn nên tịch tĩnh hoàn toàn, nhất tâm tại thân; nếu lìa tam thiền thì những định, giống như kiếng sáng im lìm nơi còn lại càng không có niềm vui (cảnh có xôn xao cũng mặc kệ), (lạc) toàn thân. như nước yên không sóng vạn Năm, Nhất tâm chi. tượng chiếu soi mặc tình. Tâm cùng định đều gọi là tâm. Vì tâm hưởng thọ niềm vui sướng NHỊ THẬP CHỦNG đã dứt thì tâm từ định pháp là một, HOA TẠNG TRANG NGHIÊM trong trẻo không xao động. THẾ GIỚI HẢI Định ở Tứ thiền thiên có bốn (Hoa chi: Một, Bất khổ bất lạc chi. nghiêm kinh) Chẳng
khổ chẳng lạc là tâm Vì thế giới này ở trên hoa sen trung dung (tâm bình thường). Vì trong biển Hương thủy, có vô số hành giả khi sắp lìa đệ tam thiền rất châu báu trang nghiêm, bao hàm tất nhiều phiền phức về lạc (vui cả thế giới, sâu rộng vô cùng. sướng), lạc đã hết sạch thì định bất Thế giới hải này có núi Tu di, động và xả (buông) cũng phát ra, phong luân, nhiều như vô số vi trần, nên nội tâm vắng lặng, chẳng khổ giữ gìn và phong luân này ở trên chẳng lạc. cao nhất (Thứ tự từ thấp đến cao: Hai, Xả chi. không luân, thủy luân, kim luân, Bỏ (buông) tâm trạng vui sướng phong luân), gọi là Thù thắng oai (lạc) mà không tiếc gọi là xả. Vì quang tạng có khả năng giữ Phổ hành giả đã được chân định bất quang ma ni trang nghiêm hương động của đệ tứ thiền thì buông bỏ thủy hải. Từ biển Hương thủy này khó khăn trạng thái vui sướng ở đệ mọc lên hoa sen lớn gọi là Chủng tam thiền mà không sanh tâm tiếc chủng quang minh dược hương nuối. tràng. Thế giới hải này ở trong hoa

đó, bốn phía bằng phẳng, sạch sẽ, thập phương xí nhiên bảo quang vững chắc có núi Kim cang luân minh. Hai mươi thế giới trang vây bọc chung quanh; đất, biển, cây nghiêm đó đều từ đây mà xuất hiện. cối đều ở nơi riêng biệt. Trong núi Thế giới ở thấp nhất gọi là Tối Kim cang luân có một vùng đất thắng quang. Chiếu soi khắp thế rộng, tất cả đều hình thành bằng giới này, vượt qua cõi Phật nhiều kim cang và xen kẻ là các châu báu như số vi trần, có thế giới tên là ma ni. Đức Phổ hiện Như lai sở Chủng chủng liên hoa diệu trang hữu cảnh giới này. Như lưới trời nghiêm. Như thế lên đến thế giới Đế thích bày la liệt trong ấy. cao nhất là thế giới thứ 20 có tên là Trong vùng đất rộng đó có Diệu bảo diểm. Từ dưới lên trên có mười cõi Phật không thể nói, số 20 lớp thế giới. Mỗi thế giới đều có biển Hương thủy nhiều như vi trần, cõi Phật và thế giới nhiều như vi châu ngọc vi diệu đều đầy đủ trong trần vây quanh. đó. Mỗi biển Hương thủy có bốn Mỗi thế giới đều có Phật xuất thiên hạ mà số sông Hương thủy hiện, giáo hóa chúng sanh. Thế giới nhiều như vi trần và nước sông đều Ta bà là lớp thứ 23, nơi Tỳ lô giá chảy vòng tròn từ phải sang trái. na Như lai xuất hiện. mười lớp thế Mỗi sông

Hương thủy như vậy đều giới này đều ở trong biển Vô biên có thế giới trang nghiêm nhiều như diệu hoa quang hương thủy. Biển vi trần. thế giới này, là nơi Tỳ lô giá na Mười cõi Phật không thể nói Như lai, ngày xưa trải qua vô số này ở trong biển Hương thủy nhiều kiếp như vi trần thế giới, tu Bồ tát như số vi trần. Có cõi Phật không hạnh; gần gũi chư Phật nhiều như thể nói an trụ trong các loại thế giới vi trần để được nghiêm tịnh, cho nhiều như vi trần. Mỗi loại thế giới nên gọi đó là nhân tu chân thật và ấy lại có cõi Phật không thể nói ở cảm được quả báo là thế giới trang trong thế giới nhiều như vi trần. nghiêm nhiều lớp vô tận này. Tọa lạc, hình trạng và trang nghiêm (Lưới trời Đế thích là ở điện của mỗi thế giới ấy như nhau. vua Đế thích có 1000 tấm lưới xâu Mỗi thế giới ấy hoặc có hình bằng hạt ngọc, ánh sáng chiếu vào thù núi Tu di, hoặc có hình thù những hạt ngọc này giao thoa ảnh sông ngòi, hoặc có hình thù được lẫn nhau. trang nghiêm như nhau đều phân Sát là tiếng Phạn, gọi đủ là Sát bố ở trong thế giới hải. Thế giới ở na, tiếng Hoa là Thổ điền. chính giữa của biển Hương thủy có Tiếng Phạn là Tỳ lô giá na, tên là Vô biên diệu hoa quang, tất tiếng Hoa là Biến nhất thiết xứ). cả hình thù khác nhau của Bồ tát Một, Tối thắng quang biến hiện ra trong đó; có đáy là cái tràng chiếu hoa tạng thế giới. phan làm bằng ma ni; từ ấy mọc lên Đây là lớp thế giới thứ nhất, một hoa sen lớn gọi là Phổ chiếu nương vào hoa bằng các châu báu

mà cư trú; hình thù của thế giới này Năm, Phổ phóng diệu hoa giống như viên ngọc ma ni. một cõi quang hoa tạng thế giới. Phật và thế giới nhiều như vi trần Thế giới lớp thứ năm này vây quanh. Hiệu của Phật là Ly cấu nương vào biển Nhất thiết thọ trang đăng. nghiêm bảo luân có nhiều góc, năm (Ma ni bảo hình là hình dáng cõi Phật và thế giới nhiều như vi của viên ngọc ma ni có tám góc trần vây quanh, Phật hiệu là Hương dường như vuông mà không vuông, quang hỷ lực hải. dường như tròn mà không tròn. Thế Sáu, Tịnh diệu quang minh hoa giới có hình thù như vậy. tạng thế giới. Ly cấu đăng nghĩa là Ly: xa lìa Lới thế giới thứ sáu này nương hai chướng phiền não sở tri; trí vào biển Kim cang cung điện cư trú, nhãn thanh tịnh chiếu soi thế giới hình thù bốn mặt đều vuông, sáu này như ánh đèn). cõi Phật và thế giới nhiều như vi Hai, Chủng chủng hương liên trần vây quanh, Phật hiệu là Phổ hoa trang nghiêm hoa tạng thế giới. quang tự tại tràng. Thế giới lớp thứ hai này nương Bảy, Chúng hoa diễm trang lưới thật liên hoa mà cư trú, hình nghiêm hoa tạng thế giới. thù giống như tòa sư tử, hai cõi Lớp thế giới thứ bảy này nương Phật và thế giới nhiều như vi trần vào biển Nhất thiết bảo sắc diễm cư vây quanh, Phật hiệu là Sư tử trú, bảy cõi Phật nhiều và thế giới quang thắng chiếu. nhiều như vi trần vây quanh, Phật Ba, Nhất thiết bảo trang nghiêm hiệu là Hoan hỷ hải công đức, tên phổ chiếu quang hoa tạng thế giới. gọi là Tự tại quang. Thế giới lớp thứ ba này nương Tám, Xuất sanh oai lực địa hoa vào các thứ anh lạc mà cư trú, hình tạng thế giới. dạng có tám góc, ba cõi Phật và thế Lớp thế giới thứ tám này nương giới nhiều như vi trần vây quanh, vào biển Chủng chủng bảo sắc liên Phật hiệu là Tịnh quang trí thắng hoa tòa hư không cư trú, hình dáng tràng. giống như lưới nhân đà la, tám cõi Bốn, Chủng chủng quanh minh Phật và thế giới nhiều như vi trần hoa trang nghiêm hoa tạng thế giới. vây quanh, Phật hiệu là Quảng đại, Thế giới lớp thứ bốn này nương tên gọi là Trí hải tràng. vào biển Chúng sắc kim cang thi la (Nhân đà la

võng tức là Thiên tràng cư trú, hình dáng giống như đế võng). hoa sen ma ni, bốn cõi Phật và thế Chín, Xuất diệu âm thinh hoa giới nhiều như vi trần vây quanh, tạng thế giới. Phật hiệu là Kim cang quang minh Lớp thế giới thứ chín này vô lượng tinh tấn lực thiện xuất nương vào biển Hằng xuất nhất hiện. thiết diệu âm thinh trang nghiêm vân ma ni vương cư trú, hình dạng

như thân hình của Phạm thiên, chín Mười bốn, Tịch tĩnh ly trần cõi Phật và thế giới nhiều như vi quang hoa tạng thế giới. trần vây quanh, Phật hiệu là Thanh Lớp thế giới thứ 14 này nương tịnh nguyệt quang tướng vô năng vào biển Chủng chủng bảo y mà cư tồi phục. trú, hình dáng giống như hình Chấp Mười, Kim cang tràng hoa tạng kim cang, 14 cõi Phật và vô số thế thế giới. giới như vi trần vây quanh, Phật Lớp thế giới thứ chín này hiệu là Biến pháp giới thắng âm. nương vào biển Nhất thiết trang Mười lăm, Chúng diệu quang nghiêm bảo sư tử tòa ma ni cư trú, minh đăng hoa tạng thế giới. dáng dấp hình tròn, mười cõi Phật Lớp thế giới thứ 15 này nương và thế giới nhiều như vi trần vây vào biển Tịnh hoa võng mà cư trú, quanh, Phật hiệu là Nhất thiết pháp hình dạng giống như hình chữ Vạn, hải tối thắng vương. 15 cõi Phật và thế giới nhiều như vi Mười một, Hằng xuất hiệu đế trần vây quanh, Phật hiệu là Bất thanh bảo quang minh hoa tạng thế khả tồi phục lực phổ chiếu tràng. giới. Mười sáu, Thanh tịnh quang Lớp thế giới thứ 11 này nương biến chiếu hoa tạng thế giới. vào biển Chủng chủng thù dị hoa Lớp thế giới thứ 16 này nương cư trú, hình dáng giống như hình vào biển Chủng chủng hương diễm bán nguyệt, 11 cõi Phật và thế giới liên hoa mà cư trú, hình dáng giống nhiều như vi trần vây quanh, Phật như mai con rùa, 16 cõi Phật và thế hiệu là Vô lượng công đức hải. giới nhiều như vi trần vây quanh, Mười hai, Quang minh chiếu Phật hiệu là Thanh tịnh nhật công huy hoa tạng thế giới. đức nhãn. Lớp thế giới thứ 12 này nương Mười bảy, Bảo trang nghiêm vào biển Hoa toàn hương hải thủy tạng hoa tạng thế giới. cư trú, hình dáng như đóa hoa hình Lớp thế giới thứ 17 này nương tròn, 12 cõi Phật và vô số thế giới vào biển Quang minh tạng ma ni như vi trần vây quanh, Phật hiệu là tạng mà cư trú, hình dạng có tám Siêu thích phạm. góc, 17 cõi Phật và thế giới nhiều Mười ba, Ta bà hoa tạng thế như vi trần vây quanh, Phật hiệu là giới. Vô ngại trí quang minh biến chiếu Lớp thế giới thứ mộtba này thập phương. nương vào Chủng chủng sắc phong Mười tám, Ly trần hoa tạng thế luân sở trì liên hoa võng mà cư trú, giới. hình dạng giống như hư không, 13 Lớp thế giới thứ 18 này nương cõi Phật và vô số thế giới nhiều vào biển Chúng diệu hoa sư tử tòa như vi trần vây quanh, Phật hiệu là cư trú, hình dáng giống như viên Tỳ lô giá na Như lai thế tôn. ngọc anh lạc, 18 cõi Phật và thế giới nhiều như vi trần vây quanh,

Phật hiệu là Vô lượng phương tiện oai nghi đầy đủ, cấm giới giữ gìn tối thắng tràng. thanh tịnh, lại còn hiểu biết sáng Mười chín, Thanh tịnh quang suốt, thống lãnh chúng phạm thiên. phổ chiếu hoa tạng thế giới. Kinh Pháp hoa gọi vị này là Thi khí Lớp thế giới thứ 19 này nương đại phạm, chủ của thế giớ Ta bà, vào biển Vô lượng sắc hương diễm cũng là chủ của Đại thiên thế giới. tu di sơn mà cư trú, hình dáng (Tiếng Phạn là Thi khí, tiếng giống như Bảo hoa toàn bố, 19 cõi Hoa là Đỉnh kết, hay Hỏa vì tu hỏa Phật và thế giới nhiều như vi trần định mà ngộ đạo). vây quanh, Phật hiệu là Phổ chiếu Hai, Đế thích thiên chủ. pháp giới hư không quang. Đế tức là trời Đế thích, tiếng Hai mươi,

Diệu bão diễm hoa Phạn gọi đủ là Thích đề hoàn nhân, tạng thế giới. tiếng Hoa là Năng thiên chủ. Đế Lớp thế giới thứ 20 này nương thích là gồm cả tiếng Hoa và tiếng vào biển Nhất thiết chư thiên hình Phạn. ma ni vương mà cư trú, hình dáng Trời này ở trên đỉnh núi Tu di giống như bảo trang nghiêm cụ (Đồ là chủ trời Đao lợi. Vị trời này, dùng trang sức bằng châu ngọc), 20 nhân đời trước, khi Phật Ca diếp cõi Phật và thế giới nhiều như vi Diệt độ, có một cô gái phát tâm sửa trần vây quanh, Phật hiệu là Phước chữa tháp và có 32 người trợ giúp đức tướng quang minh. việc này. Do công đức ấy, cô gái làm chủ trời Đao lợi và 32 người NHỊ THẬP CHƯ THIÊN kia làm phụ thần. Hợp lại gọi là trời (Thiên truyện) thứ 33. (Tiếng Phạn là Đao lợi, tiếng Từ xưa đã liệt kê 16 thiên Hoa là Tam thập tam. Tiếng Phạn tượng. Mỗi thiên tượng đều có chủ là Ca diếp, tiếng Hoa là Ẩm quang). và những vị này có công giúp đỡ Ba, Tỳ Sa môn thiên vương. người hiền. Về sau tăng thêm mặt Tiếng Phạn là Tỳ Sa môn, tiếng trời, mặt trăng, Ta kiệt long vương, Hoa là Đa văn. Vì vị trời này nổi Diêm ma duy vương. Mặt trời phá tiếng về phước đức vang khắp bốn tan bóng tối; mặt trăng soi sáng ban phương, tức là Bắc phương thiên đêm; rồng thì cất dấu pháp bảo của vương, ở lưng chừng núi Tu di, chư Phật; Diêm ma thì trông cõi u phía bắc tầng thứ bốn của đập nước minh, nên thêm bốn trời này, tất cả trong, thống lãnh vô lượng Dược có 20 trời. xoa bảo vệ phương bắc. Một, Phạm thiên vương. Bốn, Đề đầu lại tra. Tiếng Phạn là Phạm, gọi đủ là Tiếng Phạn là Đề đầu lại tra, Phạm lâm ma, tiếng Hoa là Ly dục, tiếng Hoa là Trì quốc. Vì trời này hay Thanh tịnh. Vì thiên vương này hay giúp đỡ quốc gia, tức Đông tâm và thân đều hoàn toàn vi diệu, phương thiên vương, ở lưng chừng

núi Tu di, phía đông tầng thứ bốn vua sanh 100hai đứa con. một ngàn của đập vàng ròng, thống lãnh Càn người anh cùng đến chỗ Phật, phát thát bà, Phú đơn na v.v... bảo vệ tâm tu tập, nhưng hai em không phương đông. biết điều ấy. một trong hai người (Tiếng Phạn là Càn thát bà, em phát nguyện; nếu 1000 người tiếng Hoa là Hương ấm, tức là nhạc anh tu tập thành đạo, tôi làm ma thần của Đế thích. Tiếng Phạn là quấy phá, tổn thương các anh ấy; Phú đơn na, tiếng Hoa là Chủ nhiệt Người em thứ hai phát nguyện: tôi bệnh quỷ). sẽ làm lực sĩ hộ vệ 1000 anh của tôi. Năm, Tỳ lưu lặc xoa thiên Người em này chính là thần kim vương. cang, lãnh đạo 1000 thần dược xoa Tiếng Phạn là Tỳ lưu lặc xoa, đều là những vị Bồ tát lớn, ở trên tiếng Hoa là Tăng trưởng. Vì vị trời đỉnh núi Diệu cao. 1000 đức Phật này hay làm cho mình và người vào thời hiền kiếp, những thần này khác tăng trưởng về oai nghi, đức đều hộ vệ Phật pháp. độ, căn lành, tức là Nam phương (Hiền kiếp là trong ấy có nhiều thiên vương, ở lưng chừng núi Tu người hiền). di, tầng thứ bốn của đập lưu ly, Tám, Ma dục thủ la thiên. lãnh tụ Cưu bàn trà và vô lượng Tiếng Phạn là Dục thủ la, tiếng quỷ thần, bảo vệ nam phương. Hoa là Đại tự tại hoặc là Oai linh (Tiếng Phạn là Lưu ly, tiếng hoặc là Tam mục, là chúa tể của Hoa là Thanh sắc bảo. Tiếng Phạn tam giới. là Cưu bàn trà, tiếng Hoa là Ứng Sách Phụ hành ký nói: Trời sắc hình, tức là Yểm mị quỷ). giới Tam mục bát tý (ba mắt tám Sáu, Tỳ lưu bác xoa thiên tay) cõi trâu trắng, cầm cây phất vương. trần có oai lực lớn, ở chỗ của Bồ tát Tiếng Phạn là Tỳ lưu bác xoa, có thể biết số hạt mưa trong đại tiếng Hoa là Tạp ngữ. Vì vị trời này thiên thế giới. Đây là vị trời độc tôn có khả năng nói nhiều ngôn ngữ, trong Sắc giới. còn gọi là Quảng mục, vì mắt của Chín, Tán chỉ đại tướng. các trời

này rộng lớn, tức là Tây Tán chỉ là tiếng Phạn, gọi đủ là phương thiên vương, tầng thứ bốn Tán chỉ tu ma, tiếng Hoa là Mật, của đập bạch ngân, lãnh tụ quỷ Tỳ Đà la ni tập nói: Quỷ tử mẫu có xá xà và vô lượng rồng, bảo vệ tây ba người con trai. Lớn tên là Duy phương. xa văn; kế là Tán chỉ đại tướng; út (Tiếng Phạn là Tỳ xá xà, tiếng là Ma ni bạt đà hay ở trong mười Hoa là Đạm nhân tinh khí). phương thế giới bảo hộ cho tất cả Bảy, Kim cang mật tích thiên. chúng sanh, trừ dứt tai họa đau đớn, Vì vị trời này tay cầm chày kim buồn phiền, thường ở trên mặt đất cang bảo, biết được tất cả việc bí hoặc trên không trung. Mỗi vị có mật của Như lai. Thuở trước có ông 500 quyến thuộc, thống lãnh 28 bộ

quỷ thần; ở đâu có kinh điển chư chúng sanh thành tựu phước đức, Phật và người thuyết pháp thì đến thường ở vườn Tối thắng gọi là tiêu diệt các điều ác cho được an ổn, Kim tràng. Nếu ai nói pháp, tùy ngoài ra dùng tam mật thân, miệng, theo nhu cầu của người ấy, trời này ý để gia bị cho những vị ấy. Nghĩa cung cấp đầy đủ. Lấy phước nuôi là bằng các mùi vị, tinh khí từ lỗ huệ thành tựu nhân xuất thế thì quả chân lông đi vào: thân này gia bị báo có đầy đủ nhị nghiêm, y báo và một cách kín đáo; ngôn từ trau chánh báo tốt đẹp hơn hết. chuốt, nói năng trôi chảy: miệng, ý (Nhị nghiêm là trang nghiêm này thì gia bị, tâm này tinh tấn bằng hai thứ phước và huệ). dũng mãnh và kín đáo; cho đến làm Mười hai, Vi thiên tướng quân. cho người nghe hưởng thụ nhạc của Vi là tiếng Phạn, gọi đủ là Vi trời, mau chứng Bồ đề; còn khen đà, tiếng Hoa là Trí luận. điều lành, phạt điều ác, công cũng Sách Linh oai yếu lược nói: rất lớn. Thiên thành họ Vi húy là Côn, tức Mười, Đại biện thiên. là một bề tôi của Bát tướng thiên Vì được trí huệ công đức lớn, vương phía nam. bốn vương hợp lại thành tựu đại biện tài; trời này hoặc có 32 thì ông này đứng đầu, sanh ra ở nơi núi sâu hiểm trở, hoặc ở nơi đã hiểu biết thông minh, sớm lìa hang sâu, cây cối rậm rạp, thường trần dục, thanh tịnh phạm hạnh, tu đứng một chân, tám tay khỏe mạnh tập hạnh nghiệp chân chánh, không luôn cần cung, tên, dao, gậy, bánh hưởng thọ sự ham muốn cõi trời, xe sắt; Đế thích, chư thiên thường gặp Phật phó chúc, bên ngoài bảo cúng dường tán thán; biện tài vô hộ Phật pháp, thống lãnh Tam châu, ngại mọi lúc mọi nơi, luôn bảo hộ đem lại lợi ích, giáo hóa, cứu giúp thế gian, giúp đỡ mọi vật mọi tất cả chúng sanh. Vì vậy tất cả già người, làm cho Phật pháp phổ biến lam đều có bàn thờ trang nghiêm, khắp nơi không hề lười biếng; bằng tôn kính, nêu lên công đức hộ pháp trí huệ nuôi dưỡng phước đức, nên sáng ngời. ở trên hội Quang minh, xếp vào (Già lam là tiếng Phạn, nói đủ công đức bậc nhất ở cõi trời. là Tăng già lam, tiếng Hoa là Mười một, Công đức thiên. Chúng viên tức là chùa Phật). Trời này, kinh Niết bàn và Đà Mười ba, Kiên cố địa thần. la ni tập, gọi là công đức thiên. Kiên cố là lý thể không thể hư Phẩm tán chỉ của kinh Kim quang hoại, như loại kim cang cực tốt minh gọi là Đệ nhất oai đức thành không có gì làm bể. Địa thì có công tựu chúng sự đại công đức thiên. Ở dụng làm lợi cho đời, giống như đất quá khứ, vị này ở chỗ Kim sơn bằng che chở cho muôn vật, cây cỏ, chiếu minh Như lai, trồng các căn ngũ cốc mọc lên từ đó và châu báu lành nên cảm được phước báo cũng từ đó mà ra. tướng mạo vượt trội, hay làm cho

Vị trời này, theo kinh điển ghi chúng lên đến hàng vạn. năm trăm chép, thường bảo vệ, kính lễ những ở trên trời thường quấy rối chư người thuyết pháp, khiến cho người

thiên. năm trăm còn lại ở thế gian nghe pháp như uống cam lồ, làm thường quấy rối quốc gia, nhân dân. cho thân thể khỏe mạnh. Thấy vậy, Phật trao truyền ngũ giới, Trong kinh Địa tạng, Phật nói quy y chánh pháp, chứng được quả với địa thần rằng: Đất đai ở cõi Tu đà hoàn, ở chỗ tinh xá của Phật. Diêm phù đề, mong ông bảo vệ, tất Hễ ai không con, cầu vị này thì có cả sự sống trên đất này đều được con; có bệnh hoạn, cầu thì được an phong phú, đem đến lợi ích cho tất lạc. Do quỷ vương thọ giới của cả, ủng hộ Phật pháp giáo hóa Phật, kêu 1000 đứa con cũng ở chỗ chúng sanh, đối với thế gian và Phật, không quấy rối người, trời xuất thế gian, công ấy rất lớn. nữa. (Tiếng Phạn là Diêm phù, gọi Mười sáu, Ma lợi chư thiên. đủ là Diêm phù đề, tiếng Hoa là Tiếng Phạn là Ma lợi chi, tiếng Thắng kim châu). Hoa là Dương diễm. Vì hình tướng Mười bốn, Bồ đề thọ thần. của trời này không thể thấy, không Tiếng Phạn là Bồ đề, tiếng Hoa thể nắm bắt được như dương diễm là Đạo (cũ), Giác (mới). (diệm). Trời này, thường ngày, Vì vị thần này bảo hộ cây Bồ đề, giúp đỡ quốc gia, nhân dân, cứu chỗ đức Phật thành đạo, nên đặt tên giúp tai nạn binh đao…. như vậy. Từ đời trước đã tự nguyện Trong kinh Đại ma lợi chi có rằng: tôi luôn nhớ Phật, ưa thấy chú rằng: vua, Ma lợi chi, bà phược Thế tôn nên phát nguyên rằng: hạ. Nếu người nào trì tụng thần chú không rời xa Phật một ngày, biết này đều thấy cảm ứng, thần lực vô vận dụng phương tiện độ sanh, tự cùng, thật là có bằng chứng rõ ràng. mình đem đến lợi ích cho chúng. Mười bảy, Nhật cung thiên tử. Do vậy được các kinh khen ngợi: Vì vị trời này trồng nhân từ công đức không hạn lượng. kiếp trước bô thí, trì giới, tu tập Mười lăm, Quỷ tử mẫu thiên. điều lành, cúng dường chư Phật, Trời này sanh ra 1000 đứa con. mới sanh được vào cung này, cung Đứa nhỏ nhất tên là Ái nô, được điện, thành quách làm thành bởi cưng chiều hết sức. Trời này 100 thứ châu ngọc. Năm gió vận thường ăn thịt người. Phật muốn chuyển không ngừng, vòng quanh giáo hóa bà ta nên bắt Ái nô giấu lưng chừng núi Tu di, chiếu sáng dưới bình bát. Mẹ cậu này tìm khắp bốn đại châu. Đó là ở Nam Diêm nơi, trên trời dưới đất, không thấy; tịnh thì mặt trời đứng bóng; ở Đông bà ta chịu thua, Phật bèn dỡ bình Phất vu đãi thì mặt trời lặng; ở Tây bát lên trả con lại cho bà. Cù da ni thì mặt trời mới mọc; ở Một ngàn đứa con của bà cũng Bắc Uất đơn việt thì đang nửa đêm; đều là quỷ vương thống lãnh quỷ Đó là một ngày chiếu soi bốn thiên

hạ tiêu trừ tối tăm, nuôi dưỡng vạn này là vì đây là đại Bồ tát Thập địa vật, công ấy rất lớn. Trong kinh thị hiện thân rồng ở trong Hàm hải. Pháp hoa gọi là Bảo quang thiên tử Đến lúc đổ mưa xuống, trước hết là trời này đây. mây giăng đen nghịt, long vương (năm gió là Trì phong; Trụ ngồi ngay thẳng tập trung tư tưởng, phong, Tùy thuận chuyển phong; mưa rơi khắp nơi, thấm ướt mọi ba la ha ca phong, Tương hành chỗ. Luôn theo Phật, hộ trì giáo phong. pháp, dân chúng, ích lợi của vị Bồ Tiếng Phạn là Phất vu đãi, tiếng tát này rất lớn. Cung điện Bồ tát ở Hoa là Thắng. Tiếng Phạn là Cù da làm bằng bảy báu đẹp đẽ so với các ni, tiếng Hoa là Ngưu hóa. Tiếng trời kia không khác. Phạn là Uất đơn việt, tiếng Hoa là Hai mươi, Diêm ma la vương. Thắng xứ). Tiếng Phạn là Diêm ma la, Mười tám, Nguyệt cung thiên tiếng Hoa là Song vương, còn gọi tử. là Chích vương. Vì vương này cùng Vì trời này có nhân từ kiếp em gái đều làm chúa ngục, nên gọi trước có tu có chứng cùng thời với là Song đối. Anh thì cai trị bên nam, Nhật cung thiên tử nên sanh vào em gái thì cai trị bên nữ, nên gọi là cung này. Cung

điện này làm thành Chích (chiếc); lại còn gọi là Tức từ 100 thứ châu báo. năm gió vận tranh, nghĩa là không cho tội nhân chuyển không ngừng, bao vây lưng tranh cãi; hoặc gọi là Thị Bồ tát, vì chừng núi Tu di, chiếu sáng bốn đại làm lợi ích cho chúng sanh. châu. Kinh Biến hóa sở tác, chánh Mặt trăng tròn hay khuyết được pháp niệm có đề cập đến Diêm la tính như sau: từ một đến rằm gọi là vương, vì con người, mà nói kệ bạch nguyệt thì mặt trời ở trước rằng: mặt trăng; từ 16 đến cuối tháng thì Nhữ đắc nhân thân bất tu đạo, mặt trời ở sau mặt trăng. Căn cứ Như nhập bảo sơn không thủ vào mặt trời chiếu ánh sáng đến quy. mặt trăng nhiều hay ít mà mặt trăng Nhữ kim tự tác hoàn tự thọ, đượm nhuần vạn vật, đêm phát ra Khiếu hoán khổ giả dục hà vi? ánh sáng, có công đứng nhì sau mặt Nghĩa: trời. Ông được thân người không tu Kinh Pháp hoa nói Minh nguyệt đạo, thiên tử, chính là vị này. Như vào núi báu về tay không. Mười chín, Bà kiệt la. Nay ông làm gì sẽ chịu nấy, Tiếng Phạm là Bà kiệt la, tiếng Kêu la khổ sở có được gì? Hoa là Hàm hải, còn gọi là Long Lại kinh Thập vương nói: ở đời vương, tức là Long vương thứ bảy vị lai Diêm vương sẽ thành Phật, của 177 long vương ở trong Hàm hiệu là Phổ vương Như lai. Đó là hải. Nay chỉ nêu lên Long vương

Phật biến hóa ra Bồ tát, quả thật có không có tướng hữu vi, nên gọi là lý do. hữu vi không. Chín, Vô vi không. NHỊ THẬP KHÔNG Vì ba tướng, sanh, trụ, diệt đều (Bát nhã kinh). không, vô vi tịch tĩnh, không kẹt vào các sở tri chướng, nên gọi là vô Một, Nội không. vi không. Vì sáu căn ở trong (mắt, tai, (Sanh, tru, dị, diệt là tất cả vạn mũi, lưỡi, thân, ý) đều không có tự vật đều có sanh ra, lớn lên, kéo dài tánh, nên gọi là nội không. một thời gian ở đời, cuối cùng là Hai, Ngoại không. hoại diệt). Vì sáu trần bên ngoài (sắc, Mười, Tất cánh không. thanh, hương, vị, xúc, pháp) đều Vì tất cả các tướng của các không có tự tướng, nên gọi là ngoại pháp hữu vi, vô vi đều không tịch không. và bất khả đắc (không thể nắm bắt Ba, Nội ngoại không. được), nên gọi là tất cánh không. Vì sáu căn, sáu trần, sáu thức Mười một, Vô tế không. đều không có tự tánh, nên gọi là Vì tất cả pháp diệt mà không có nội, ngoại không. cùng, phát khởi mà không có bắt Bốn, Không không. đầu, không từ đâu có thể được, nên Vì tất cả pháp đều không đến gọi là vô tế không. cái không cũng không, nên gọi là Mười hai, Tán không. không không. Vì tất cả các pháp do nhân Năm, Đại không. duyên giả hợp mà thành đều không Vì các pháp của Tiểu thừa là Tứ có tướng hòa hợp (tức có tướng đế và 12 nhân duyên đều không hợp mà không có tướng hòa), nên không có, nên gọi là đại không. gọi là tán không. Sáu, Tiểu không. Mười ba, Vô biến dị không. Tiểu không cũng gọi là vô tánh Vì tất cả pháp chẳng phải tự tánh không vì Tu đà hoàn, Tư đà thường, chẳng phải diệt, không hàm, A na hàm, A la hán, tướng thay không đổi vì pháp tánh như của bốn quả đều không không có như, trọn không thể được, nên gọi thật; nên gọi là tiểu không. là vô biến dị không. Bảy, Thắng nghĩa không. Mười bốn, Bổn tánh không. Vì lý của đệ nhất nghĩa giả lập Vì tất cả các pháp chẳng phải để gọi mà thôi, đồng với chân tánh, thường, chẳng phải diệt, bản tánh xưa nay vốn không tịch, nên gọi là thanh tịnh, lìa tánh lìa tướng, nên thắng nghĩa không. gọi là bổn tánh không. Tám, Hữu vi không. Mười lăm, Tự tướng không. Vì phiền não, hoặc nghiệp trong ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc vốn

Vì các pháp về năm uẩn hư ảo Thầy ngoại đạo này nói khi các không thật có, hoàn toàn không có thọ của ấm (thân) đã hết như ngọn tự tướng, nên gọi là tự tướng không. đèn

tắt. Chủng tử đã hoại thì gió Mười sáu, Cộng tướng không. nghiệp cũng ngừng, gọi là Niết bàn. Vì các tướng này, kia của tất cả Hai, Ngoại đạo phương luận sư. pháp chẳng phải thường chẳng phải Luận sư ngoại đạo này nói cái diệt, xưa nay không tịch, nên gọi là sanh ra đầu tiên là các phương cộng tướng không. (hướng). Từ các phương (hướng) Mười bảy, Nhất thiết pháp sanh ra người đời. Từ người sanh ra không. trời, đất. Trời, đất diệt rồi nhập vào Vì bổn tướng của tất cả pháp chỗ ấy, gọi là Niết bàn. đều không, chẳng phải thường Ba, ngoại đạo phong tiên luận chẳng phải diệt, trọn không thể sư. nắm bắt được, nên gọi là nhất thiết Thầy ngoại đạo này nói gió có pháp không. khả năng sanh trưởng sự sống của Mười tám, Bất khả đắc không. vạn vật, có khả năng giết chết sự Tất cả pháp trong ba thời quá sống ấy, có khả năng tạo ra vạn vật, khứ, hiện tại, vị lai đều không thật có khả năng hủy hoại vạn vật, gọi có, trọn không thể tìm cầu được gió là Niết bàn. tướng của nó, nên gọi là bất khả Bốn, Ngoại đạo Vi đà luận sư. đắc không. Thầy ngoại đạo này nói từ trời Mười chín, Vô tánh không. Na la diên sanh ra hoa sen lớn. Từ Vì tất cả pháp thảy đều hư dối hoa sen sanh ra ông tổ của Phạm nên không có thật tánh, nên gọi là thiên. Tất cả vật có sự sống, hay vô tánh không. không có sự sống đều từ miệng của Hai mươi, Tự tánh không. Phạm thiên sanh ra. Tất cả đại địa, Vì tất cả pháp chẳng phải tức là giới tràng tu phước đức. Ở thường (còn) chẳng phải diệt (mất), trong đó tất cả hoa, cỏ, heo dê, lừa, tánh nó vốn không, nên gọi là tự ngựa... đều bị giết để cúng dường tánh không. Phạm thiên, được sanh vào chỗ ấy, gọi là Niết bàn. NHỊ THẬP CHỦNG Năm, Ngoại đạo y xa luận sư. TIỂU THỪA NGOẠI ĐẠO Quyến thuộc của luận sư ngoại NIẾT BÀN đạo này nói tôn giả Y xa na luận sư (Đề
có hình tướng không thể thấy, bao trùm tất cả mọi nơi. Vì vô hình bà Bồ tát thích Lăng già kinh trong tướng nên có thể sanh ra tất cả vạn ngoại đạo Tiểu thừa Niết bàn). vật có mạng và không mạng (sống), Một, Tiểu thừa ngoại đạo luận gọi là Niết bàn. sư. Sáu, Khỏa hình ngoại đạo luận sư.

Ngoại đạo sư này nói về cái ta sanh ra, chết trở về nơi ấy, gọi là thấy phân biệt có các tướng khác Niết bàn. nhau, gọi là Niết bàn. Mười ba, Ngoại đạo Ni kiền tử Bảy, Ngoại đạo Tỳ thế sư luận luận sư. sư. Thầy ngoại đạo này nói rằng Thầy ngoại đạo này nói đất, ban đầu sanh ra một nam một nữ. nước, gió, lửa, hư không, vi trần hai người này hòa hợp có khả năng các vật hòa hợp mà sanh ra tất cả sanh ra tất cả loài vật hữu tình và vật biết và không biết ở thế gian. vô tình. Sau đó ly tán rồi trở lại chỗ Khi không còn hòa hợp thì liền ly ấy, gọi là Niết bàn. tán; rồi cho ly tán gọi là Niết bàn. Mười bốn, Ngoại đạo tăng khư Tám, Ngoại đạo khổ hạnh luận luận sư. sư. Thầy ngoại đạo này nói 25 đế Thầy ngoại đạo này nói thân hết (sự thật) có nguyên nhân từ tánh phước đức hết, gọi là Niết bàn. sanh ra các chúng sanh, gọi là Niết Chín, Ngoại đạo nữ nhân bàn. quyến thuộc luận sư. (25 đế là: 1) Minh sơ tự tánh; 2) Thầy ngoại đạo này nói rằng Trí đại; 3) Ngã tâm; 4) Sắc; 5) Ma ê thủ la biến làm người nữ sanh Thinh; 6) Hương; 7) Vị; 8) Xúc; 9) ra rồng, chim, trời, người và tất cả Địa; 10) Thủy; 11) Hỏa; 12) Phong; ngũ cốc, rắn, mọt, muỗi, ruồi, 13) Không; 14) Nhãn tri căn; 15) nhặng...; đó là những thứ có tri giác, Nhĩ tri căn; 16) Tỵ tri căn; 17) gọi là Niết bàn. Thiệt tri căn; 18) Thân tri căn; 19) Mười, Ngoại đạo hành khổ Khẩu tác nghiệp căn; 20) Thủ tác hạnh luận sư. nghiệp căn; 21) Túc tác nghiệp căn; Thầy ngoại đạo này nói tội, 22) Tiểu tiện tác nghiệp căn; 23) phước

hết đức cũng hết, gọi là Niết Đại tiện tác nghiệp căn; 24) Tâm bàn. bình đẳng; 25) Thần ngã). Mười một, Ngoại đạo tịnh Mười lăm, Ngoại đạo Ma ê thủ nhãn luận sư. la luận sư. Thầy ngoại đạo này nói phiền Thầy ngoại đạo này nói kết quả não hết thì dựa vào trí, gọi là Niết là do Na la diên làm ra, Phạm thiên bàn. là nguyên nhân nên gọi là Phạm Mười hai, Ngoại đạo Ma đà la thiên Na la diên; cho đến trời Tự tại luận sư. là nguyên nhân của sanh, diệt. Tất Thầy ngoại đạo này nói Na la cả đều từ trời Tự tại sanh ra và diệt diên luận sự nói rằng: ta tạo ra tất mất, gọi là Niết bàn. cả vạn vật; ở trong tất cả chúng Mười sáu, Ngoại đạo vô nhân sanh, ta là tối thắng (hơn hết); ta luận sư. sanh ra tất cả vật có mạng sống và Thầy ngoại đạo này nói tất cả không mạng sống trong thế gian, từ sự vật sanh ra không do nhân và

duyên, không có nhân dơ, nhân Thầy ngoại đạo này nói không sạch, cho đến cây cỏ, màu sắc chim có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, hư khổng tước, không có ai mà làm tự không, cả đất mà chỉ có nước. Khi nhiên có. Không từ nhân nào sanh Đại an trà sanh, giống như con gà, ra gọi là Niết bàn. sắc vàng xung quanh. Đến lúc thời Mười bảy, Ngoại đạo thời luận gian chín muồi nứt ra hai đoạn. một sư. đoạn ở trên làm trời; một đoạn ở Thầy ngoại đạo này nói thời dưới làm đất; ở giữa hai đoạn sanh gian đến khi chín muồi là tất cả sự ra Phạm thiên. Đó là ông tổ của tất việc trọng đại sanh ra. Thời gian cả chúng sanh, biến ra tất cả vật làm tất cả vật, thời gian phân tán tất hữu tình, vô tình. Khi chúng tan rã cả vật, cho đến trong luận tôi nói lại rơi vào chỗ ấy, gọi là Niết bàn. rằng như 100 mũi tên bắn ra, thời gian không đến không chết; thời NHỊ THẬP CHỦNG gian đến cọng cỏ đụng vào cũng PHIỀN NÃO TÙY MIÊN chết liền. Mọi vật do thời gian sanh, (Du già sư do thời gian làm cho thành thục, do thời gian làm
cho tiêu diệt, gọi là địa luận và Hiển dương thánh giáo Niết bàn. luận). Mười tám, Ngoại đạo phục Phiền não là các pháp tối tăm, thủy luận sư. buồn rầu của kiến hoặc, tư hoặc, vô Thầy ngoại đạo này nói nước là minh hoặc làm não loạn tâm thần. căn bản của vạn vật. Nước sanh ra Do phiền não này theo đuổi chúng trời, đất, tất cả vật hữu tình và vô sanh và ngủ im trong tành thức, nên tình; cho đến nước, có thể sanh vật, gọi là tùy miên. có thể hoại vật, gọi là Niết bàn. Một, Bất định địa tùy miên. Mười chín, Ngoại đạo khẩu lực Bất định địa tức là Dục giới. Vì luận sư. ở cõi dục tán loạn, không tu thiền Thầy ngoại đạo này nói hư định. Do tán loạn làm cho các căn không là nguyên nhân của vạn vật. phiền não đeo đuổi không buông; Hư không được sanh ra sớm nhất. nên gọi là tùy miên ở Bất định địa. Từ hư không sanh gió, từ gió sanh Hai, Định địa tùy miên. lửa, từ lửa sanh ấm, từ ấm sanh Định địa tức là sắc giới, vô sắc nước, nước lạnh đóng băng, cứng giới. Vì hai cõi này hay tu thiền thành đất, từ đất sanh ra vô số loài định. Tuy tu thiền định lìa bỏ cái cây cỏ, cho đến từ ngũ cốc sanh ra khổ ở cõi Dục; nhưng ở định địa, mạng sống, sau khi ăn xong trở về các phiền não về lý như tham, sân, với hư không, gọi là Niết bàn. si, ái, mạn còn đeo đuổi không Hai mươi, Ngoại đạo bổn sanh buông; nên gọi là tùy miên ở cõi an trà luận sư. Sắc và Vô sắc. Ba, Tùy trục tự cảnh tùy miên.

Vì ở trong ba cõi, mỗi cõi tự cảnh khác (cõi khác) mà tăng chia ra cảnh tượng thu nhiếp các trưởng, nhưng vẫn chưa dứt phiền kiến phiền não (phiền não về lý) não mà còn tiềm phục không buông theo các căn mà khởi lên hay diệt tha; nên gọi là tùy miên

không tăng mất, lặng im âm thầm không buông trưởng theo cảnh. bỏ; nên gọi là tùy miên chạy theo Chín, Cụ phân tùy miên. tự cảnh. Vì các chúng sanh, ở tất cả Bốn, Tùy trục tha cảnh tùy cảnh giới, khởi lên các phiền não miên. hoặc tham, sân, si... luôn không ít Hoặc tại cõi Sắc mà khởi lên đi hay giảm bớt; nên gọi là tùy phiền não của cõi Dục; hoặc tại cõi miên phân chia đều ở mọi cõi. Vô sắc mà khởi lên phiền não của Mười, Bất cụ phân tùy miên. cõi Sắc; hoặc ở cõi Dục mà vui Vì Thinh văn, các bậc sơ quả... mừng thiền định của hai cõi trên, tuy dứt kiến hoặc ở ba cõi, nhưng và sanh tâm vướng mắc vào vị tư hoặc chưa thể dứt hết; nên gọi là (mùi), không biết ra khỏi; nên gọi tùy miên không phân chia đều ở là tùy miên chạy theo cảnh khác. mọi cõi. Năm, Bị tổn tùy miên. Mười một, Khả hại tùy miên. Vì chúng sanh thường bị phiền não ở cõi Dục làm tổn hại, và phiền Vì bậc Thinh văn biết pháp khổ, não này tiềm phục không buông; tập, thì có thể làm cho tổn hại, nên nên gọi là bị tùy miên làm tổn hại. tu đạo phẩm dứt kiến hoặc, tư hoặc Sáu, Bất bị tổn hại tùy miên. để chứng được Niết bàn. Tuy dứt Vì đã sanh ở cõi Sắc không bị kiến, tư nhưng tập khí vô minh còn phiền não của cõi Dục làm tổn hại theo đuổi âm thầm không buông bỏ, hoặc chưa xa lìa cõi Dục, tuy nên gọi là tùy miên không thể làm không bị phiền não tổn hại nhưng tổn hại. phiền não vẫn theo âm thầm không (Đạo phẩm tức là 37 đạo phẩm. buông bỏ; nên gọi là không bị tùy Tập khí là phần còn sót lại của kiến, miên làm tổn hại. tư hoặc. Bảy, Tùy tăng tùy miên. 37 đạo phẩm là bốn niệm xứ, Vì chúng sanh trong ba cõi, tùy bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm theo cõi của mình ở và khởi lên căn, năm lực, bảy giác chi, tám phiền não, theo thời gian phiền não chánh đạo. Đây là pháp tu chung lớn dần lên nấp kín âm thầm không của Tam thừa). buông bỏ; nên gọi tùy miên theo Mười hai, Bất khả hại tùy miên. thời gian mà tăng trưởng. Vì phàm phu chúng sanh không Tám, Bất tùy tăng tăng tùy thể tu tập đạo phẩm, mà đối với miên. phiền não thì không thể làm suy Vì ở trong thiền định tại cõi Sắc giảm, dứt trừ. Do vậy, phiền não và Vô sắc thì phiền não không theo

theo đuổi không buông; nên gọi là trên và chán cõi dưới cũng gọi là không thể làm tổn hại tùy miên. phiền não; nên gọi là tùy miên có Mười ba, Tăng thượng tùy thể sanh ra ít khổ. miên. Hai mươi, Bất năng sanh khổ Vì các phiền não tham, sân, si tùy miên. dần dần tăng lên, theo đuổi không Vì các bậc Bồ tát tuy xa lìa các buông; nên gọi là là tùy miên tăng phiền não không sanh các khổ, lên. nhưng còn thực hành tâm lợi tha Mười bốn, Bình đẳng tùy miên. cũng là phiền não; nên gọi là tùy Vì các phiền não tham, sân, si miên không thể sanh khổ đau. cùng khởi bình đẳng, theo đuổi âm thầm không buông; nên gọi là tùy NHỊ THẬP CHỦNG miên bình đẳng. PHIỀN NÃO HIỆN HÀNH Mười lăm, Hạ liệt tùy miên. (Du già sư Người tu hành cầu xa lìa Dục giới, đối
với sáu trần cảnh, nhớ địa luận). nghĩ ít dần; nên gọi là tùy miên một, Tùy sở dục triền hiện hành. kém cỏi. Vì người tại gia bị vô số nghiệp Mười sáu, Giác ngộ tùy miên. trói buộc liên tục không bỏ, nên gọi Vì khả năng hiểu biết tất cả là hiện hành bị trói buộc do ham phiền não và nghiệp quả đồng thời muốn. lưu chuyển. Tuy có thể giác ngộ Hai, Bất tùy sở dục triền hiện nhưng chưa thể dứt trừ; nên gọi là hành. giác ngộ tùy miên. Vì người xuất gia không bị Mười bảy, Bất giác ngộ tùy cảnh dục lạc, nên gọi là hiện hành miên. không bị trói buộc do không chạy Vì tất cả phiền não trói buộc, theo ham muốn.

đuổi theo căn thức, không chút Ba, Vô sở liễu tri hiện hành. buông bỏ mà không hề biết đến; Vì người ở chỗ ác mà nói pháp, nên gọi là tùy miên không giác ngộ. đối với các pháp thiện, ác, không Mười tám, Năng sanh đa khổ có sự phân biệt; đối với tất cả cảnh tùy miên. giới hoàn hoàn không biết rõ. Do Vì các phiền não tham, sân... ở tâm mê lầm này liên tục không bỏ, cõi Dục hay sanh ra các thứ khổ nên gọi là hiện hành cái không hiểu đau; nên gọi là tùy miên có khả biết. năng sanh ra nhiều đau khổ. Bốn, Hữu sở liễu tri hiện hành. Mười chín, Năng sanh thiểu Vì người ở chỗ lành nói pháp, khổ tùy miên. đối với tất cả pháp mà sanh ra phân Vì thiền định trong cõi Sắc và biệt, đối với pháp lành thì theo, đối Vô sắc, tuy không có cái khổ của với pháp ác thì bỏ. Do tâm hiểu rõ cõi Dục, nhưng có tâm ưa hai cõi

này, liên tục không bỏ, nên gọi là nổi lên làm mất chánh niệm, nên hiện hành của sự hiểu biết. gọi là hiện hành của phiền não làm Năm, Thô phiền não hiện hành. mất chánh niệm. Vì các phiền não tham, sân, si, Mười một, Mãnh lợi phiền não mỗi thứ đều tăng trưởng thô trọng. hiện hành. Hoặc gặp thuận cảnh tham hoặc thô Vì người chưa chứng được đạo trọng, hoặc gặp nghịch cảnh sân quả, cần phải siêng năng hơn nữa. hoặc thô trọng khác nhau, mỗi thứ Khởi lên tác ý bất chánh, thì phát nổi lên không giống nhau, nên gọi tâm dõng mãnh liên tục không thôi, là hiện hành của thô phiền não. nên gọi là hiện hành của phiền não Sáu, Đẳng phiền não hiện hành. dõng mãnh. Vì các phiền não mê lầm tham, Mười hai, Phân biệt sở khởi sân, si cùng khởi lên một lúc không phiền não hiện hành. có nhẹ, nặng, nên gọi là hiện hành Vì người không tin chánh pháp, của các phiền não. đối với các tà kiến khởi lên phân Bảy, Vi phiền não hiện hành. biệt, làm sanh ra vô số chấp trước Vì người tu hành cầu xa lìa cõi liên tục không thôi, nên gọi là hiện Dục, tuy chưa chứng quả nhưng hành của phiền não bởi phân biệt phiền não trong ba cõi đã giảm khởi lên. thiểu đi rất nhiều, nên gọi là hiện Mười ba, Nhậm vận sở khởi hành của phiền não nhỏ bé. phiền não hiện hành. Tám, Nội môn phiền não hiện Vì người sanh tâm lười biếng, hành. không cần chánh hạnh, đối với Vì người tu hành cầu xa lìa cõi cảnh năm dục, tự nhiên khởi lên Dục, tuy không dính ngoại cảnh sắc, các mê lầm liên tục không ngừng, thinh, hương... nhưng tập khí trong nên gọi là hiện hành của phiên não tâm nổi lên liên tục không ngừng, do nhậm vận (duyên) sanh ra. nên gọi là hiện hành phiền não bên Mười bốn, Tầm tư phiền não trong. hiện hành. Chín, Ngoại môn phiền não Vì người đối với pháp quán của hiện hành. thiền định, thường tự suy tư, ghi Vì người chưa xa lìa cõi Dục, nhớ, quán sát, hiểu biết, lầm khởi theo cảnh dục của sáu trần bên phân biệt liên tục không thôi, nên ngoài mà vô số phiền não khở lên, gọi là hiện hành về tầm tư phiền liên tục không ngừng, nên gọi là não. hiện hành của phiền não bên ngoài. Mười lăm, Bất tự tại phiền não Mười, Thất niệm phiền não hiện hành. hiện hành. Vì khi ngủ, người mộng thấy Vì người thấy thánh đạo chứng cảnh tán loạn, ý thức duyên vào đó được quả, bỗng gặp duyên thừa sót liên tục không thôi, nên gọi là hiện lại, nghe pháp bất chánh, tập khí hành của phiền não không tự tại.

Mười sáu, Tự tại phiền não NHỊ THẬP CHỦNG TÙY hiện hành. PHIỀN NÃO Vì người thức tỉnh do hiểu ác (Hoa nghiêm huệ khởi lên duyên khắp các cảnh, liên tục không ngừng, nên gọi là kinh Tùy sớ diễn nghĩa sao) hiện hành phiền não tự tại.

Các pháp hôn mê, phiền não Mười bảy, Phi sở y vị phiền loạn tâm thần theo đuổi chúng sanh, não hiện hành. tạo ra vô lượng nghiệp, nên gọi là Giống như một người còn thơ tùy phiền não. ấu, đối với tất cả cảnh, không biết Một, Phẫn tùy phiền não. tốt, xấu nổi lên hiện hành phiền não Tâm giận dữ gọi là phẫn. Vì chẳng có chỗ nương tựa. gặp tất cả cảnh trái lòng trước mắt, Mười tám, Sở y vị phiền não liền nỗi lên giận dữ, làm não loạn hiện hành. tâm mình. Đó là tùy phiền não phẫn. Người tu hành thành thục Hai, Hận tùy phiền não. nương vào địa vị chánh hạnh dứt Hận tức là oán hận (hờn giận). các phiền não, nhưng tâm năng Do phẫn nộ không buông, kết thành đoạn liên tục không dừng, gọi là hờn giận, não loạn tâm mình. Đó hiện hành phiền não có chỗ nương gọi là tùy phiền não hận. tựa. Ba, Phú tùy phiền não. Mười chín, Khả cứu liệu phiền Phú tức là ẩn phú (che giấu). não hiện hành. Tự mình làm tội ác, không thể sám Vì người siêng năng tu đạo hối mà cố ý che giấu, chỉ sợ người hạnh, dứt trừ hoặc nghiệp sanh tử khác biết nên làm cho não loạn tâm như chữa trị các bệnh. Chỉ biết mình. Đó gọi là tùy phiền não phú. bệnh sanh tử mà có thể cứu chữa Bốn, Não tùy phiền não. được là không biết đến tâm đắm Não tức là nhiệt não (đau khổ đuối Niết bàn liên tục không buông kịch liệt). Vì bên ngoài gặp cảnh bỏ, nên gọi là hiện hành phiền não trái ý làm cho tâm đau khổ cùng có thể cứu chữa. cực, không sao an ổn được. Đó gọi Hai mươi, Bất khả cứu liệu là tùy phiền não não. phiền não hiện hành. Năm, Tật tùy phiền não. Vì người đối với các bệnh do Tật tức là tật đố (ghen ghét). Vì hoặc nghiệp sanh tử nên không thể tâm luôn ở trong trạng thái bất bình tu các chánh hạnh để cứu chữa, mà thường ôm lòng ghen ghét, làm cho các phiền não ấy liên tục không dứt, tâm bị não loạn. Đó gọi là tùy nên gọi là hiện hành phiền não phiền não tật. không thể cứu chữa. Sáu, Xan tùy phiền não. Dè xẻn gọi là Xan. Đối với tất cả tiền của, chánh pháp, tham lam, tìm kiếm, chứa cất, không biết bố

thí, luôn sợ mất mát làm cho tâm bị Mười ba, Trạo cử tùy phiền não loạn. Đó gọi là tùy phiền não não. san. Vì ngoại cảnh quấy động làm Bảy, Cuống tùy phiền não. cho thân tâm chao đảo, không thể Giả dối, không thật gọi là nhiếp phục nên sanh ra não loạn. cuống. Vì sự giao tiếp ở trong đời Đó gọi là tùy phiền não trạo cử. nói năng dối tra, lừa lọc mưu mô, Mười bốn, Hôn trầm tùy phiền tâm không an ổn mà sanh ra não não. loạn. Đó gọi là tùy phiền não cuống. Vì tâm thần tối tăm, chìm đắm, Tám, Xiểm tùy phiền não. mê mờ, nên đối với các pháp không Nịnh hót, hùa theo để làm vừa ý có hiểu biết gì, làm cho tâm mình người khác, tâm luôn hổ thẹn, não loạn. Đó gọi là tùy phiền não không sao an ổn được. Đó là tùy hôn trầm. phiền não xiểm. Mười lăm, Bất tín tùy phiền Chín, Hại tùy phiền não. não. Vì ôm ấp, chứa chất oán hận, Vì tà kiến, đa nghi nên đối thường muốn hại người để thỏa ý chánh pháp không sanh tâm tin mình, luôn sợ không thỏa mãn làm tưởng, do đó mà sanh ra não loạn. cho não loạn tâm mình. Đó gọi là Đó gọi là tùy phiền não bất tín. tùy phiền não hại. Mười sáu, Giải đãi tùy phiền Mười, Kiêu tùy phiền não. não. Khoe mình, xem thường người Vì thân tâm lười nhác, đối với khác gọi là kiêu. Vì tâm không đạo nghiệp không thể siêng năng tu khiêm nhường, hay muốn hơn tập nên gây ra não loạn. Đó gọi là người, ngạo mạn khoe tài làm não tùy phiền não giải đãi. loạn tâm mình. Đó gọi là tùy phiền Mười bảy, Phóng dật tùy phiền não kiêu. não. Mười một, Vô tàm tùy phiền Buông thả gây ra lầm lỗi, đam

não. mê, đắm chìm vào cảnh dục lạc, Ở chỗ vắng vẻ làm việc sai trái, không kiểm soát được nên gây ra không biết xấu hổ với mọi người để não loạn. Đó gọi là tùy phiền não tự hối cải làm cho tâm mình não phóng dật. loạn. Đó gọi là tùy phiền não vô Mười tám, Thất niệm tùy phiền tàm. não. Mười hai, Vô quý tùy phiền Tâm chạy theo tà vọng, chánh não. niệm mất mát, cho đến đắm chìm Lén làm việc bất thiện không làm cho tâm não loạn. Đó gọi là tùy biết thẹn với người để tự ăn năn, phiền não thất niệm. sửa lỗi làm cho tâm mình não loạn. Mười chín, Tán loạn tùy phiền Đó gọi là tùy phiền não vô quý. não.

Tâm thường buông lung gọi là Năm, Sanh trị Phật thế nan. tán loạn. Vì vướng vào các cảnh Người không tạo dựng thắng làm duyên làm cho tâm trôi nổi, nhân, không tu các điều thiện mà luôn không vắng lặng nên gây ra muốn gặp Phật xuất thế; đó là việc não loạn. Đó gọi là tùy phiền não làm khó. tán loạn. Sáu, Nhẫn sắc ly dục nan. Hai mươi, Bất chánh tri tùy Người bị nhiều tình dục làm mê phiền não. hoặc, mà muốn chế phục vọng Vì hiểu sai đối với các pháp, lìa niệm, xa lìa tâm dục; đó là việc làm xa hiểu biết chân chánh, quay lưng khó. lại với giác ngộ, hợp cùng trần cảnh, Bảy, Kiến hảo bất cầu nan. lấy vọng làm chân, làm cho tâm Người giàu sang, danh vọng và mình não loạn. Đó gọi là tùy phiền của cải có thể thích lễ nghĩa, quên não bất chánh tri. thế lực không lấn lướt, ăn hiếp người khác; đó là việc khó làm. NHỊ THẬP NAN Chín, Bị nhục bất sân nan. (Tứ thập nhị chương Bị người khác làm nhục mà có thể giữ bình tỉnh, không sanh oán kinh). hận; đó là việc khó làm. Một, Bần cùng bố thí nan. Mười, Xúc sự vô tâm nan. Từ sự túng thiếu khó khăn mà Vì tâm vốn thanh tịnh, gặp cảnh có thể chia xẻ giúp người; đó là thì nổi lên. Nếu gặp việc gặp duyên việc làm khó. mà tâm không nhiễm trước; đó là Hai, Hào quý học đạo nan. việc khó. Người ở cảnh giàu sang mà có Mười một, Quảng học bác cứu thể chán ghét cái vui nhục dục, chịu nan. khuất để cầu đạo; đó là việc làm Vì con người căn tánh chậm khó. chạp mà muốn học rộng nghe nhiều, Ba, Phán mạng tất tử nan. nghiên cứu kỳ cùng nghĩa lý để mở Người quý trọng việc nghĩa, rộng kiến văn; đó là việc khó. xem thường cái sống, quyết chí hy Mười hai, Bất kinh mạt học sinh tánh mạng, hoặc vì pháp bỏ văn. thân, giúp đỡ người đói khổ, hoặc Phần nhiều người ta thích làm bậc trung thần, lấy cai chết để hướng lên trên; nếu mình có học bảo toàn khí tiết; đó là việc khó làm. vấn mà đối với người học vấn yếu Bốn, Đắc đổ Phật kinh nan. kém, không sanh tâm khinh thường; Người hoặc sanh nơi heo hút đó là việc khó. quê mùa, không biết pháp xuất thế, Mười ba, Trừ diệt ngã mạn nan. muốn được thấy, nghe, thọ trì giáo Vì người thường ôm lòng ngã pháp của Như lai; đó là việc khó mạn, hoặc xuất thân từ giòng dõi làm. giàu sang mà không có tâm kiên

ngạo, xem thường người khác; đó thì tâm không còn phân biệt; đó là là việc làm khó. việc khó. Mười bốn, Hội thiện tri thức Hai mươi, Bất thuyết thị phi nan. nan. Vì người tu hành, phần nhiều bị Vì nói hai lời, nói không đúng lầm lạc bởi bạn xấu. Nếu lúc học sự thật là giới cấm của Phật; nếu có đạo mà gặp được thiện tri thức thể giữ gìn khẩu nghiệp, không nói khuyên răn, hướng dẫn làm cho tốt, xấu, hay dỡ của người khác; đó mình mở mang hiểu biết; đó là việc là việc khó. khó. Mười lăm, Kiến tánh học đạo NHỊ THẬP NGŨ VIÊN nan. THÔNG Vì người mê lầm với vọng tình, (Lăng nghiêm tối tăm với ái dục mà có thể bỏ vọng trở về chân, học đạo thấy tánh; kinh). đó là việc

khó. Thể tánh trùm khắp gọi là viên Mười sáu, Đối cảnh bất động (tròn); công dụng nhiệm mầu, nan. không trở ngại gọi là thông (suốt). Vì tiền trần vọng cảnh làm mê chính vì nguồn tâm vốn có của tất hoặc chân tánh mà có thể giữ tâm cả chúng sanh là thánh cảnh mà vắng lặng, không bị ngoại vật lôi chư Phật và Bồ tát đã chứng được. kéo; đó là việc khó. Có tất cả là 25 thứ. Chư Phật, Bồ Mười bảy, Thiện giải phương tát và đại A la hán, đối với sáu căn, tiện nan. sáu trần, sáu thức, bảy đại, (am Vì người luôn ôm lòng từ bi lớn, hiểu không giống nhau). Do thương mến không quên chúng nguyên nhân này, các A la hán ở sanh, bằng vô số phương tiện đem trong hội Lăng nghiêm, tuy nghe lại ích lợi; đó là việc khó. căn trần cùng nguồn gốc, nhưng hai Mười tám, Tùy hóa độ chúng ý nghĩa trói và mở chưa thấu đạt về sanh nan. bổn căn hoàn toàn, xin Phật chỉ bảo. Vì căn tánh của chúng sanh Như lai, vì thế, hỏi các đệ tử: ban nhanh, chậm không giống nhau, mà đầu phát tâm, các ông hãy tự trình có thể tùy cơ dạy dỗ, dìu dắt, cứu bày cái nguyên nhân do đâu chứng độ chúng thoát khỏi khổ đau; đó là ngộ, để cho A nan hiểu rõ chỗ vào việc khó. của pháp môn viên thông. Nhưng Mười chín, Tâm hành bình luận về Viên thông, vốn không có đẳng nan. hơn kém. Như lai bảo Văn thù chọn Người ngu si, tăm tối, phần lựa và đã chọn ra chỉ có nhĩ căn của nhiều thấy có ta, người nên chấp Quan thế âm là đáp ứng được yêu chặt. Nếu có khả năng nhận thấy cầu về phương diện này của con bình đẳng giữa người thân, kẻ oán người. Vì nhĩ căn thì thông minh và

lanh lợi, nghe pháp dễ hiểu, phải các tỳ kheo đốt hương trầm thủy lấy việc nghe âm thanh mà làm bèn quán mùi hương ấy, chẳng phải giáo thể, thì nhĩ căn của Quan âm gỗ chẳng phải hư không, chẳng là đặc biệt, là cửa vào đạo vậy. phải khói, chẳng phải lửa, tức là Nhưng không chọn âm thanh của hương mầu nhiệm thanh tịnh. Nhờ Trần na, vì âm thanh vốn thuộc trần, đó mà khai ngộ chứng được viên còn căn có tánh nghe, nên chọn thông, nên gọi là như chỗ ta chứng Trần na ở lúc ban đầu, Quan âm được hương là trên hết. vào lúc cuối cùng để thấy rõ giữ và Bốn, Vị nhân. buông, cũng là ý tương quan trước Vị nhân tức là vị trần. Vì hai sau của căn, trần. pháp vương tử Dược vương, Dược Một, Âm thinh. thượng, ở vô lượng kiếp, làm thầy Âm thinh tức là thinh trần. Vì thuốc giỏi ở đời nên tất cả vị của các ông Kiều trần na, ở trong vườn cây, cỏ, kim, thạch đều biết hết, Nai, nghe Phật nói pháp Tứ đế, vâng lời dạy bảo của đức Như lai, thầm hiểu được lý viên thông hiểu hiểu rõ tánh của vị chẳng phải thấu tất cả thinh trần vốn là thanh không chẳng phái có, chẳng phải là tịnh, không động không tĩnh đều là thân tâm, chẳng phải lìa thân tâm âm thanh nhiệm mầu, tròn đầy mà đều là vị mầu nhiệm thanh tịnh thường còn; nhờ đó mà chứng được bản nhiên. Từ đó được khai ngộ, viên thông, nên nói như chỗ ta chứng được viên thông, nên nói là chứng được âm thanh là bậc nhất. như chỗ ta chứng vị là trên hết. Hai, Sắc nhân. Năm, Xúc nhân. Sắc nhân tức là sắc trần. Vì Ưu Xúc nhân tức xúc trần. Vì Bạt bà ni sa đà do tham dục nhiều, Phật đà bà la, trước ở chỗ Phật Oai âm bảo hãy quán bất tịnh. Vì thế khi vương, nghe pháp xuất gia. Vào lúc quán tướng bất tịnh của thân thể chư tăng tắm rửa, theo thứ tự vào sanh tâm chán ghét, muốn xa lìa, nhà tắm, bỗng nhận ra nước đã hiểu ra các tánh của sắc đều trở về chẳng phải tẩy trần, cũng chẳng hư không. Không, sắc cả hai quên phải tẩy sạch thân thể, an nhiên mất thì hiển nhiên thanh tịnh. Nhờ không

vướng vào đâu, chứng được vậy, chứng được viên thông, nên cái vô sở hữu, sự xúc chạm mầu nói là như chỗ ta chứng được thì nhiệm thanh tịnh, xưa nay vốn sắc là trên hết. không nhiễm, vào được viên thông, (Ưu ba ni sa đà là tiếng Phạn, nên nói là như chỗ ta chứng được, tiếng Hoa là Trần tánh). xúc là trên hết. Ba, Hương nhân. (Tiếng Phạn là Bạt đà bà la, Hương nhân tức là hương trần. tiếng Hoa là Hiền thủ). Vì đồng tử Hương nghiêm nghe Sáu, Pháp nhân. giáo pháp đức Như lai, ở thất Pháp nhân tức là pháp trần. Vì Thanh tịnh, tu tập thiền quán, thấy các Ngài Ma ha Ca diếp nhờ quán

sáu trần biến hoại ở thế gian mà không sẵn sàng dạy dỗ cho người, ngộ được tính không của pháp tánh, đời sau bị quả báo ngu độn; nhưng rồi tu diệt tận định để diệt ý căn, vì kiếp trước có nhân lành, gặp thọ, tưởng không khởi lên; pháp Phật rồi xuất gia. Do căn chậm lụt nhiệm mầu khai tỏ rõ ràng, diệt hết nên học một câu kệ, hơn 100 ngày các lậu (phiền não), chứng được vô cũng không thuộc. Phật bảo ông an sanh diệt, nhanh chóng đi vào viên cư (ở yên một chỗ) và đếm hơi thở thông; nên nói là như chỗ ta chứng để nhiếp tâm. Nhờ quán sát hơi thở được, pháp trần là trên hết. ra, vào, tướng sanh, diệt của nó (Tiếng Phạn là Ma ha ca diếp, trong từng sát na, bỗng cảm thấy vô tiếng Hoa là Đại ẩm quang. ngại, chứng được viên thông; nên Diệt tận định là tâm thọ, tưởng gọi là như chỗ ta chứng được là bỏ hết, hơi thở ra, vào dừng nên chứng vọng căn nương theo chân không. được định này). Đây là đệ nhất. Bảy, Kiến nguyên. (Tiếng Phạn là Chu lợi bàn đặc Kiến nguyên tức là nhãn căn. ca, tiếng Hoa là Kế đạo. Tiếng Vì A na luật đà khi mới xuất gia Phạn là Ca đà, tiếng Hoa là Phúng thường ham ngủ nghỉ, bị Phật quở. tụng. Vì vậy, bảy ngày đêm ông không Sổ tức: đếm hơi thở là hơi thở ở ngủ. hai mắt của ông không còn trong mũi, đếm từ từ, từ một đến thấy được nữa. Đức Thế tôn dạy mười. Tiếng Phạn là Sát na, tiếng cho Kim cang Tam muội, ông liền Hoa là Nhất niệm. chứng được thiên nhãn thanh tịnh. Phản tức tuần không là bỏ vọng Đó là lý do không nhờ nhãn căn mà căn nương theo chân không). có thể thấy 3000 thế giới rõ như cái Chín, Vị tri. quả nắm trong bàn tay. Nhờ vậy Vị tri tức thiệt căn. Vì Kiều ngộ nhập viên thông, nên nói như phạm bát đề, ở đời quá khứ, khing chỗ ta chứng được thì vừa liếc mắt thường Sa môn. Ông bị bệnh ngưu là trở về nguyên thủy. Đây là đệ thi. Phật muốn ngăn ngừa bệnh hủy nhất. báng Sa môn đó, mới cho ông xâu (Tiếng Phạn là A na luật, tiếng chuổi và bảo: hãy luôn niệm Phật. Hoa là Vô tham. Khi tâm địa được thanh tịnh, lại Toàn kiến tuần nguyên là vừa quán về thiệt căn, nhận ra tánh của thấy đại thiên thì đã trở về nguyên thiệt căn, chẳng phải thể chẳng phải thủy của chân tánh. vật, nên niệm thì vượt ra khỏi phiền Tam muội là Chánh thọ, cũng não của thế gian, ngộ được viên là Chánh định). thông; nên nói là không vướng vào Tám, Tức không. vị trần, không theo tri kiến sai lầm. Tức không là tỵ căn. Vì Chu lợi Đây là đệ nhất. bàn đặc ca, ở đời quá khứ, làm đại (Tiếng Phạm là Kiều phạm bát pháp sư mà keo kiệt Phật pháp, đề, tiếng Hoa là Ngưu thi. Vì đời

trước đã từng làm ngưu vương, tập Tâm kiến tức là nhãn thức. Vì khí chưa hết, nên sau khi ăn hay Xá lợi phất, từ nhiều kiếp trở lại nhai lại). đây, chứng được cái thấy của tâm Mười, Thân giác. thanh tịnh. Sau ở giữa đường, gặp Thân giác tức là thân căn. Vì A thấp bệ nói về nhân duyên theo Tất lăng già bà sa nghe Phật nói các Phật, xuất gia, đối với tất cả pháp việc chẳng vui ở thế gian. Do đi thấu suốt không ngại, ngộ nhập khất thực

nên chân bị thương vì viên dung, nên nói là như chỗ ta đạp phải gai nhọn làm cho đau đớn chứng là cái thấy của tâm phát ra toàn thân; ông liền quán sát tâm ánh sáng, ánh sáng cùng cực của tri nhận ra đau đớn thì tâm ấy không kiến. Đó là đệ nhất. đau đớn chút nào. Nó vốn thanh (Tiếng Phạn là Xá lợi phất, tịnh. Tư duy như thế, nhiếp niệm tiếng Hoa là Thân tử. chẳng bao lâu, bỗng nhận ra thân, Tâm kiến phát quang, quang tâm là không, các phiền não dứt hết, cực trí kiến là do tâm kiến phát ra chứng được viên dung, nên nói là ánh sáng mà chiếu soi khắp vạn chỗ ta chứng được là thuần giác pháp). quên mất vọng, chân. Đây là đệ Mười ba, Tâm văn. nhất. Tâm văn tức là nhĩ thức. Vì Bồ (Tiếng Phạn là Tất lăng già bà tát đã từng làm pháp vương tử của sa, tiếng Hoa là Dư tập). vô số đức Như lai, thường nghe Mười một, Pháp không. bằng tâm phân biệt tri kiến mà Pháp không tức là ý căn. Vì Tu chúng sanh có được. Nếu có chúng Bồ đề, từ nhiều kiếp trở lại đây, sanh tu hạnh Phổ hiền, phân thân tâm được vô ngại, nhờ Phật chỉ bảo trăm ngàn đều đến nơi này, rờ đầu tánh giác vốn không. Nhờ đó, đi gia hộ, khiến cho chúng thành tựu thẳng vào cảnh giới viên thông bảo tâm văn, viên thông cảnh giới Phổ minh không hải của Như lai, nên hiền, nên nói ta nói về bổn nhân, nói là như chỗ ta chứng được là tâm văn phát minh, tự tại phân biệt. tâm năng phi, tướng sở phi đều dứt Đó là đệ nhất. sạch không còn và chuyển các pháp Mười bốn, Tỵ tức. trần trở về tịch diệt. Đó là đệ nhất. Tỵ tức là tỵ thức. Vì Tô đà la (Tiếng Phạn là Tu Bồ đề, tiếng nan đà, xuất gia theo Phật, tuy đã Hoa là Không sanh). thọ cụ túc giới mà tâm còn nhiều Bản minh không hải tức là chỗ loạn động. Thế tôn dạy ông quán chứng được của Như lai là lý sáng sát cái chót mũi màu trắng, rồi quán suốt, nhiệm mầu, rộng sâu vô ngại. sát hơi trong mũi ra, vào như khói, Từ A na luật đến Tu Bồ đề là từ thân, tâm sáng rực, hoàn toàn vắng năm căn mà ngộ nhập viên thông). vẻ. Tướng khói dần dần mất, hơi Mười hai, Tâm kiến. thở ở mũi thành màu trắng, mở tâm ra, phiền não hết. Hơi thở ra, vào

hóa thành ánh sáng chiếu khắp Tâm đạt tức là ý thức. Vì Mục mười phương, tức là chứng được kiền liên nghe A thấp bệ nói về ý viên thông; nên nói ta dùng sự tuần nghĩa sâu xa về nhân duyên của hoàn của hơi thở, hơi thở lâu phát Như lai, thì liền phát tâm nên được ra ánh sáng. Ánh sáng hoàn toàn thấu hiểu rộng lớn. Như lai lại ban tiêu diệt phiền não. Đó là đệ nhất. cho ông áo Ca sa, râu tóc tự nhiên (Tiếng Phạn là Tôn đà la nan đà, rơi rụng, chu du khắp mười phương tiếng Hoa là Hải ái hoan hỷ. Lậu không chút chướng ngại. Nhờ đó, tận là phiền não gây ra sanh, tử dứt ông có thần thông tự tại, sáng suốt, hết. Minh viên diệt lậu là chân tánh thanh tịnh, nên nói là ta dùng sự viên dung sáng tỏ diệt trừ các phiền trong sạch, vắng lặng của tâm sáng não). suốt để diễn giải chánh pháp như Mười lăm, Pháp âm. lọc nước đục thành nước trong. Đó Pháp âm tức thiệt thức. Vì Phú là đệ nhất. lâu na di đa la ni tử, từ nhiều kiếp (Tiếng Phạn là Mục kiền liên, trở lại đây, biện luận vô ngại. Thế tiếng Hoa là Thái thục thị. Từ Xá tôn biết tài biên luận của ông, dùng lợi phất đến Mục kiền liên là từ sáu bánh xe âm thanh dạy ông phát huy thức mà ngộ nhập viên dung). tài ấy để giúp Phật chuyên bánh xe Mười tám, Hỏa tánh. pháp, biến thành tiếng gầm của sư Hỏa tánh tức hỏa đại. Vì Ô sô tử, chứng ngộ vào viên thông; nên sắc ma, nhiều kiếp về trước, tánh nói là ta dùng pháp âm hàng phục tham dục nhiều, gặp Phật ra đời tên ma oán, tiêu diệt các phiền

não. Đó là Không vương nói rằng người đa là đệ nhất. dâm, chứa chất lửa dữ và dạy ông (Tiếng Phạn là Phú lâu na di đa quán sát xương cốt, tứ chi trong la ni, tiếng Hoa là Mãn từ, đó là thân người, cùng các thứ hơi nóng, mượn tên cha mẹ của ông để gọi lạnh. Nhờ quán sát kỹ, tâm thân ông). lắng xuống, biến tâm đa dâm thành Mười sáu, Thân giới. lửa trí huệ. Từ ánh sáng chánh định Thân giới tức thân thức. Vì Ưu của lửa này, chứng được viên thông; ba ly ban đầu theo Phật, vượt thành nên nói ta bằng quán sát kỹ lưỡng xuất gia. chính ông quan sát sáu thân, tâm và các thứ cảm xúc nóng, năm Như lai tu khổ hạnh, vâng theo lạnh lưu thông vô ngại mà các sự dạy bảo của Phật cho đến 3000 phiền não đã tiêu diệt, sanh ra lửa oai nghi tám vạn tế hạnh thảy đều bảo diệm, chứng được vô thượng chấp tâm, tâm được thông suốt. Sau giác. Đây là đệ nhất. đó thân, tâm của ông đều được (Tiếng Phạn là Ô sắc na, tiếng thông lợi. Hoa là Hỏa đầu). (Tiếng Phạn là Ưu ba ly, tiếng Mười chín, Địa tánh. Hoa là Thượng thủ). Địa tánh tức là địa đại. Vì Bồ Mười bảy, Tâm đạt. tát Trì địa, ở đời quá khứ, Phổ

quang Như lai xuất hiện ở đời, từng chứng được vô sanh nhẫn, đạo Bồ làm Tỳ kheo sửa sang đường xá, đề được tròn đầy. Đó là đệ nhất. cầu cống, tu tập khổ hạnh. Đời sau, (Vô sanh nhẫn là vì tất cả pháp Bồ tát này lại gặp Phật Tỳ xá phù xưa nay không sanh. Ở trong pháp ra đời. Nhà vua mời Phật thọ thai. này mà có khả năng chịu đựng Lúc bấy giờ, Trì địa chờ Phật đến. được thì có thể ấn chứng). Tỳ xá Như lai rờ đầu, dạy rằng nếu Hai mươi mốt, Phong tánh. tâm địa an bình thì tất cả đất đai Phong tánh tức là phong đại. Vì của thế giới đều bình. Nhờ đó mà pháp vương tử Lưu ly, trong kiếp tâm được khai mở, thấy thân như vi trước, ở rất nhiều chỗ của Phật để trần và tất cả vi trần của thế giới nghe pháp, mong Phật chỉ bày tâm đều không khác nhau, liền ngộ thể sáng suốt, nhiệm mầu và nói về được tính viên thông, nên nói là ta thế giới chúng sanh đều bị chuyển bằng pháp quán hai loại vi trần của đổi bởi sức gió của vọng duyên. thân và thế giới đều không sai biệt, Ngay vào lúc ấy, Ngài Lưu ly quán vốn từ Như lai tạng vì hư vọng mà sát thế giới này cùng với thân, tâm phát sanh vi trần. Khi trần tiêu diệt đều bị giao động, liền nhận ra rằng thì trí sáng tròn đầy, thành đạo vô những tánh đồng này đều không từ thượng. Đó là đệ nhất. đâu đến, cũng không đi về đâu, thì (Tiếng Phạn là Tỳ xá phù, tiếng thân tâm phát ra ánh sáng thông Hoa là Biến nhất thiết tự tại. suốt không ngại và đi vào viên Như lai tạng là chỗ chứa lý thông, nên nói là ta bằng pháp quán chân như đầy đủ vốn có của tất cả sát sức gió không nương vào đâu chúng sanh). mà ngộ được tâm Bồ đề, đi vào Hai mươi, Thủy tánh. Tam ma địa. Đó là đệ nhất. Thủy tánh tức là thủy đại. Vì (Tiếng Phạn là Tam ma địa, đồng tử Nguyệt quang, trong kiếp tiếng Hoa là Đẳng trì, Chánh định). quá khứ, ở chỗ Phật Thủy thiên, tu Hai mươi hai, Không tánh. quán về nước. Quán các thứ nước ở Không tánh tức là không đại. trong thân đờm dãi, máu mủ v.v... Vì Bồ tát Hư không tạng, ở chỗ cho đến nước biển Hương thủy ở Phật Định quang, chứng được vô ngoài, tánh nước đều giống nhau. biên thân. Lúc bấy giờ, tay cầm tứ Lúc vừa thành tựu quán này. Chỉ đại bảo châu chiếu sáng mười thấy toàn là nước mà chưa chứng phương cõi Phật nhiều như vi trần được không thân. Trải qua vô hóa thành hư không và thân bằng lượng Phật, mới chứng được không như hư không, không có tướng nào thân cùng với tánh nước của biển làm chướng ngại được, có thể đi Hương thủy hòa hợp thành chân vào quốc độ nhiều như vi trần, rộng

không, không hai không khác, làm Phật sự. Do quán sát kỹ này chứng ngộ viên thông, nên nói là ta, mới nhận ra bốn đại không chỗ bằng tánh nước, một vị lưu thông, nương tựa, nước Phật rộng lớn như

hư không chỉ là hư vọng, trong phát ma địa. Từ đó, Bồ tát liền từ nghe minh ấy, chứng được viên thông, mà nhập lưu vong sở. Sở nhập đã nên nói bằng quán sát hư không vô vắng lặng thì hai tướng động, tĩnh biên mà đi vào Tam ma địa. Đây là hoàn toàn không sanh một niệm. đệ nhất. Chợt từ không nhận ra tánh nghe và Hai mươi ba, Thức tánh. đi vào viên thông. Trải qua trong Thức tánh tức là thức đại. Vì sanh, diệt đã diệt thì tịch diệt hiện Bồ tát Di lặc, ở trong kiếp xa xưa, ra trước mắt, tức là thể của viên ở chỗ Phật Nhật nguyệt đăng minh thông. Trên hợp tâm nhiệm mầu mà được xuất gia, tu tập định duy của chư Phật, dưới đồng lòng bi tâm thức, cho đến Phật Nhiên đăng ngưỡng của chúng sanh mà hiện ra xuất thế mới thành được Tam muội 32 ứng thân, bố thí 14 vô úy, đó là vô thượng diệu viên thức tâm, thấu dụng của viên thông; nên nói ta từ rõ tất cả quốc độ của Như lai, sạch cửa nghe mà soi khắp Tam muội, nhơ, có không đều do tâm ta biến tâm duyên tự tại, thành tựu Bồ đề. hóa hiện ra mà thôi mà ngộ được Đây là đệ nhất. viên thông, nên nói, bằng quán sát (Văn, tư, tu tức là tam huệ. kỹ lưỡng mười phương duy thức, Tiếng Phạn là Tam ma đề tức là biết rằng tâm sáng suốt tròn đầy mà Tam ma địa. Nhập lưu vong sở: chứng được vô sanh nhẫn. Đây là vào dòng quên chỗ bắt đầu. Nghĩa đệ nhất. là không theo thinh trần mà liền đi Hai mươi bốn, Tịnh niệm. vào dòng Phật pháp và quên chỗ đi Tịnh niệm tức là căn đại. Vì Bồ vào. tát Đại thế chí, ở trong kiếp xa xưa, 32 ứng thân là Phật; Độc giác; ở chỗ Phật Siêu nhật nguyệt quang, Duyên giác; Thinh văn; Phạm tu tập niệm Phật Tam muội, thu vương; Đế thích; Tự tại thiên; Đại nhiếp sáu căn, định tâm niệm Phật. tự tại thiên; Thiên đại tướng quân; Nhờ đây, không nhờ phương tiện Thiên vương; Tứ thiên vương thái mà tự mình khai thông được tâm tử; Nhân vương; Trưởng giả; Cư sĩ; tánh, ngộ được viên thông, nên nói Tể quan; Bà la môn; Tỳ kheo; Tỳ ta không chọn lựa gì cả, chỉ giữ gìn kheo ni; Ư bà tắc; Ưu bà di; Nữ sáu căn, tịnh niệm liên tục, chứng chúa; Đồng nam; Đồng nữ; Chư được Tam ma địa. Đây là đệ nhất. thiên; Long; Dược xoa; Càn thát bà; (Từ Ô sô sắc na đến Thế chí là A tu la; Khẩn na la; Ma hô la già; từ bảy đại đi vào viên thông). nhân; Phi nhân. Hai mươi lăm, Nhĩ căn. 14 vô úy: 1) Không tự mình Nhĩ căn là Bồ tát Quán thế âm, nhìn thấy Quán âm dùng quán thấy ở trong kiếp xa xưa, ở chỗ Phật được; 2) Biết và thấy đắp đổi nhau; Quán thế âm, phát tâm Bồ đề. Đức 3) Thấy và nghe đắp đổi nhau; 4) Phật ấy dạy Bồ tát Quán thế âm Dứt hết tâm vọng tưởng không sát phải từ văn, tư, tu mà đi vào Tam hại; 5) Huân tập cái nghe thành cái

nghe của sáu căn; 6) Huân tập tinh bảo vệ móng tay của người giữ minh của cái nghe sáng soi khắp không để bị thương tổn. pháp giới; 7) Tính của âm thinh còn Hai, Hộ bất đạo giới ngũ thần hay mất hãy quán sát tính nghe là: ngược vào trong; 8) Âm thinh đã 1) Để ma a tỳ bà đà bảo vệ sự diệt, tính nghe đã viên mãn thì từ đi lại của người giữ giới cho được lực sanh ra khắp nơi; 9) Huân tập an toàn; 2) A tu thâu bà la đà bảo tính nghe, xa lìa sắc trần không thể vệ sự ăn uống của người giữ giới coi thường bên nào; 10) Thuần âm để được thơm ngon; 3) Bà la ma không có trần là sự viên dung của đản hùng thư bảo vệ giấc mộng cho căn và cảnh; 11) Trần hết thì ánh người giữ giới được

an lành và khi sáng chiếu rọi; 12) Mất hình thì trở thức dậy vui tươi; 4) Bà la môn địa lại thành tính nghe; 13) sáu căn man đá bảo vệ người giữ giới viên thông sáng soi không hai; 14) không bị trúng độc; 5) Tà ma hô đá một tên của ta cùng 62 hằng hà tên da xá bảo vệ người giữ giới không không khác). bị sương gió làm cho cảm mạo. Ba, Hộ bất tà dâm giới ngũ thần NHỊ THẬP NGŨ HỘ là: GIỚI THẦN 1) Phật đà tiên đà lâu đá bảo vệ (Pháp uyển người giữ giới trong những cuộc cãi cọ bất chánh; 2) Man xà da tẩu châu lâm). đà bà bảo vệ người giữ giới không Hộ giới thần là vì ở trong năm bị bệnh dịch, sốt lây hại; 3) Niết nê giới. Mỗi giới có năm vị thần hộ vệ. ê đà đa da bảo vệ người giữ giới Kinh Quán đảnh nói: Nếu người không bị quan cai trị bắt; 4) A la đa giữ năm giới thì có hainăm vị thần lại đô da bảo vệ người giữ giới, tai hộ vệ thân mình. Những vị thần ương ra khỏi nhà cửa; 5) Bà la na này ở hai bên người giữ năm giới; Phật đàm bảo vệ nhà cửa người giữ giữ gìn nhà cửa trong ngoài khiến giới an ổn. cho mọi việc đều tốt đẹp. Bốn, Hộ bất vọng ngữ giới ngũ Một, Hộ bất sát giới ngũ thần là: thần là: 1) Trà sô tỳ dũ đà ni bảo vệ 1) A đề phạm giả san da bảo vệ thân thể người giữ giới, trừ khử tà người giữ giới không bị quấy phá quỷ; 2) Thâu đa lợi thâu đà ni bảo bởi quỷ ma mồ mả; 2) Nhân đài la vệ sáu căn của người giữ giới đều nhân đài la bảo vệ người giữ giới, được an toàn; 3) Tỳ lâu giá na thế trừ khử tà ác trong nhà cửa; 3) A ba bảo vệ ngũ tạng của người giữ già phong thi bà đa bảo vệ người gìn khiến cho an ổn điều hòa; 4) A giữ giới không bị quỷ thần bên đà long ma để bảo vệ mạch máu ngoài hại; 4) phật đàm di ma đa đá của người giữ giới được lưu thông bảo vệ người giữ giới tránh khỏi an toàn; 5) Bà la hoan ni hòa bà hỏa tai. 5) Đa lại xoa tam mật đà

bảo vệ người giữ giới không bị Một, Tứ châu vi tứ hữu. trôm cướp xâm hại. Đó là Đông, Phất vu đãi Năm, Hộ bất ẩm tửu giới ngũ (Thắng), Tây, Cù da ni (Ngưu hóa), thần là: Nam, Diêm phù đề (Thắng kim 1) A ma la tư đâu hi bảo vệ châu), Bắc, Uất đơn việt (Thắng người giữ giới, nếu đi vào rừng núi, xứ). không bị cọp sói hại đến; 2) Na la Hai, Tứ ác thú vi tứ hữu. môn xà đâu đế bảo vệ người giữ Tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa giới tránh khỏi tổn thương mất ngục bốn hữu trong sáu đường đều mạng bởi gái đẹp; 3) Tỳ ni càn na do ngu si, tham dục tạo ra các ác ba bảo vệ người giữ giới, trừ khử nghiệp, nên cảm thọ vào nơi này. chim, cáo độc ác; 4) Trà tỳ đâu tỳ Ba, Lục dục thiên vi lục hữu. xá la bảo vệ người giữ giới, trừ khử Sáu cõi trời ở Dục giới là: 1) chó, chuột biến thành yêu quái; 5) trời Tứ thiên vương; 2) trời Đao lợi Già ma tỳ na xà ni khư bảo vệ 3) trời Dạ ma; 4) trời Đâu suất; 5) người giữ giới không bị cảnh hung trời Hóa lạc; 6) trời Tha hóa tự tại. ác ở âm ty dẫn dắt. (Tiếng Phạn là Đao lợi, tiếng Hoa là 33. Tiếng Phạn là Dạ ma NHỊ THẬP NGŨ HỮU cũng gọi là Tu diệm ma, tiếng Hoa (Thiên thai tứ giáo là Thiện thời phân. Tiếng Phạn là Đâu suất, tiếng Hoa là Tri túc). nghi). Bốn, Phạm thiên vi nhất hữu. 25 hữu không ra ngoài sáu Trời Đại phạm vương trong Sơ đường. Có sống có chết, nhân quả thiền thiên là chúa của 3000 thế không mất, đó là ý nghĩa của hữu. giới. Nhưng trời Phạm vương, trời Vô Năm, Vô tưởng thiên vi nhất tưởng và trời Ngũ na hàm đều ở tại hữu. trời Tứ thiền, các trời này còn có Trời Vô tưởng trong tứ thiền cách gọi khác là vì ngoại đạo cho thiên. Trời này lấy vô tâm tưởng rằng trời Vô tưởng, vì vô tâm, là làm quả. Niết bàn; trời Ngũ na hàm là nơi Sáu, Ngũ na hàm thiên vi nhất giải thoát thật sự. Đó là lý do kinh hữu. giáo của Phật gọi ba trời này là ba Na hàm

là tiếng Phạn, gọi đủ là hữu là để bát bỏ sai lầm của ngoại A na hàm, tiếng Hoa là Bất hoàn. đạo. Vì trời Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện (Trời Ngũ na hàm là trời Ngũ kiến, Sắc cứu cánh, còn gọi là Ngũ tịnh cư ở tại trời Tứ thiền của sắc tịnh cư thiên, tên tuy khác nhau đều giới. Vì là nơi vãng sanh của bậc là chỗ ở của thánh nhân quả thứ ba, thánh chứng quả A na hàm, tức quả nên gọi chung là nhất hữu. Bất hoàn, nên gọi là Ngũ na hàm (Quả thứ ba là quả Thinh văn A thiên). na hàm).

Bảy, Tứ thiền thiên vi tứ hữu. súc sinh, nên dùng Tam muội này Sắc giới có trời Sơ thiên, Nhị làm cho chúng ta lìa các ác, không thiền, Tam thiền, Tứ thiền. còn thối thất thiện đạo. Tám, Tứ không xứ thiên vi tứ Ba, Tâm lạc Tam muội phá ngạ hữu. quỷ hữu. Vô sắc giới có trời Không xứ, Vì Bồ tát tu giới, định, huệ để Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phá vỡ các nghiệp ác, chứng được phi phi tưởng xứ. Tam muội tâm lạc, thương xót các chúng sanh đó, chịu khổ của quỷ NHỊ THẬP NGŨ TAM đói, nên dùng Tam muội này làm MUỘI PHÁ NHỊ THẬP NGŨ cho chúng xa lìa các điều ác mà HỮU tâm sanh hỷ lạc. (Pháp Bốn, Hoan hỷ Tam muội phá A tu la hữu. hoa huyền nghĩa).
Tiếng Phạn là A tu la, tiếng Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Hoa là Vô đoan chánh. Vì Bồ tát tu Hoa là Chánh định. 25 chánh định giới, định, huệ phá vỡ những phá 25 hữu là so với lý mà đối trị, nghiệp ác gây ra sợ hãi, chứng tùy nghĩa mà đặt tên. Vì ba cõi Dục, được Tam muội hoan hỷ, thương Sắc, Vô sắc tuy có vui, khổ không xót những chúng sanh ấy, chịu khổ giống nhau, nhưng có thật sanh, tử A tu la, nên dùng Tam muội này, chấp chặt nên dùng pháp Tam muội khiến cho chúng xa lìa nghi ngờ, sợ vô cấu vân vân này để phá bỏ hãi. những điều ấy của ba cõi, làm cho Năm, Nhật quang Tam muội chúng sanh ra khỏi các hữu đó. phá Phất bà đề hữu. Một, Vô cấu Tam muội phá địa Tiếng Phạn là Phất bà đề, tiếng ngục hữu. Hoa là Thắng, tức Đông châu. Vì Vì các nghiệp hoặc của Bồ tát Bồ tát tu giới, định, huệ được Nhất đã thanh tịnh nên chứng được thiết trí quang, phá vỡ mê mờ các Chánh định vô cấu, thương xót nghiệp ác và vô minh, chứng được những chúng sanh ấy chịu các khổ Nhật quang Tam muội, thương xót ở địa ngục; vì vậy dùng chánh định chúng sanh ở Đông châu, chịu này dạy chúng tu hành, ra khỏi quả nhiều sống, chết, nên dùng Tam báo địa ngục và ác nghiệp đó. muội này làm cho chúng phá vỡ Hai, Bất thối Tam muội phá những tối tăm của các nghiệp ác để súc sanh hữu. được ra khỏi. Vì Bồ tát tu giữ giới, thiền định Sáu, Nguyệt quang Tam muội để phá bỏ các ác nghiệp, tự mình phá Cù da ni hữu. được lợi ích, không thối lui, chứng Tiếng Phạn là Cù da ni, tiếng được Chánh định bất thối, thương Hoa là Ngưu hóa, tức Tây châu. Vì xót những chúng sanh ấy chịu khổ Bồ tát tu giới, định, huệ, chứng

được tất cả trí quang, phá vỡ tối não tán loạn chứng được Tam muội tăm của vô minh, nghiệp ác, chứng bất động. Vì trời này du hành thế được Tam muội nguyệt quang, gian biết các hành động tạo ra thương xót chúng sanh Tây châu đó, nghiệp cảm quả báo, nên dùng Tam chịu sống, chết, nên dùng Tam muội này khiến cho chúng phá tan muội này khiến chúng phá tan các nghiệp cảm ấy, cũng để chứng những tối tăm của nghiệp ác. được Tam muội ấy. Bảy, Nhiệt diệm Tam muội phá Mười, Nan phục Tam muội phá Uất đơn việt hữu. Tam thập tam thiên hữu. Tiếng Phạn là Uất đơn việt, Trời 33 tức là trời Đao lợi. Vì tiếng Hoa là Thắng xứ, tức là Bắc Bồ tát tu giới, định, huệ phá tan tất châu. Vì Bồ tát tu giới, định, huệ cả nghiệp cảm, chứng được Tam phá tan chấp ngã,

chứng được Tam muội của Địa cư, hoặc nghiệp quả muội nhiệt diệm, thương xót chúng báo rất khó phá bỏ, nên dùng Tam sanh Bắc châu đó chấp chặt vào muội này, làm cho chúng phá ngã, rất khó dạy bảo, nên dùng những khó khăn ấy và cũng chứng Tam muội này, làm cho chúng xa được Tam muội ấy. lìa cái ngã sai lầm ấy và kể cái chấp Mười một, Duyệt ý Tam muội ấy cũng không có để được giải phá Diệm ma thiên hữu. thoát. Diệm ma là tiếng Phạn nói đủ Tám, Như ảo Tam muội phá là Tu diệm ma, tiếng Hoa là Thiện Diêm phù đề hữu. thời phân. Vì Bồ tát tu giới, định, Tiếng Phạn là Diêm phù đề, huệ phá tan các phiền não, chứng tiếng Hoa là Thắng kim châu, tức là được Tam muội duyệt ý này. Trời Nam châu. Vì Bồ tát tu giới, định, này lấy việc ở khoảng không làm huệ phá tan hoặc nghiệp hư ảo, vui, mà chưa có cái nào ở trên chứng được Tam muội như ảo, thượng giới bằng, nên dùng Tam thương xót chúng sanh ở Nam châu muội này, khiến cho chúng lìa bỏ này, quả báo phiền tạp, thọ mạng cái vui không xứ ấy, mà chứng bất định, giống như ảo hóa, nên được cái vui bất động. dùng Tam muội này, khiến cho Mười hai, Thanh sắc Tam chúng phá tan các ảo hỏa đó và muội phá Đâu suất đà thiên hữu. được xa lìa hoặc nghiệp hư ảo. Tiếng Phạn là Đâu suất đà, Chín, Bất động Tam muội phá tiếng Hoa là Tri túc. Vì Bồ tát tu Tứ thiên vương hữu. giới, định, huệ phá tan phiền não, Tứ thiên vương là Trì quốc chứng được Tam muội thanh sắc. thiên vương ở phía Đông; Tăng Vì quả báo của trời này, cung điện, trưởng thiên vương ở phía Nam; y phục quý báu đều là màu xanh, Quảng mục thiên vương ở phía Tây; nên dùng Tam muội này khiến cho Đa văn thiên vương ở phía Bắc. Bồ chúng lìa bỏ phiền não và cũng tát tu giới, định, huệ phá tan phiền chứng được Tam muội ấy.

Mười ba, Hoàng sắc Tam muội Mười bảy, Song Tam muội phá phá Hóa lạc thiên hữu. Nhị thiền hữu. Vì Bồ tát tu giới, định, huệ phá Nhị thiền là trời ở cõi Sắc. Vì tan các phiền não, chứng được Tam Bồ tát tu giới, định, huệ chứng muội hoàng sắc, vì quả báo cõi trời được song Tam muội. Vì trời này này, cung điện, y phục quý báu. Tất bên trong có duy nhất hai loại định cả đều màu vàng, nên dùng Tam tướng là Tịnh chi và Hỷ chi, tức là muội này khiến cho chúng xa lìa tất hai thứ quả báo, nhưng chứa lý cả phiền não mà chứng được Chánh song không, song giả, song trung, định ấy. nên dùng Tam muội này, khiến cho Mười bốn, Xích sắc Tam muội chúng lìa bỏ tịnh, hỷ để chứng song phá Tha hóa tự tại thiên hữu. không. Vì Bồ tát tu giới, định, huệ phá (Song không là hai hoặc kiến, tan phiền não, chứng được Tam tư đều không. Song giả là kiến giả, muội xích sắc. Vì quả báo cõi trời tư giả, tức là hoặc kiến, tư. Vì thể này, cung điện, y phục quý báu, tất của hoặc này, hư dối không thật. cả đều màu đỏ; nên dùng Tam Song trung là phá kiến, tư hoặc muội này làm cho chúng lìa bỏ tất cùng vào trung đạo). cả phiền não và cũng chứng được Mười tám, Lôi âm Tam muội chánh định ấy. phá Tam thiền hữu. Mười lăm, Bạch sắc Tam muội Tam thiền cũng ở cõi Sắc. Vì phá Sơ thiền hữu. Bồ tát tu giới, định, huệ chứng Sơ thiền tức Sắc giới thiên. Vì được Tam muội Lôi âm. Vì cái vui Bồ tát tu giới, định, huệ chứng rất mực của trời này, như cá ngủ được Tam muội bạch sắc. Vì quả trong băng, trùng ngủ trong đất, báo trời này, tất cả đều màu trắng, vướng vào cái vui của quả báo ấy, nên dùng Tam muội này, khiến cho nên dùng Tam muội này làm cho chúng lìa bỏ tất cả phiền não và chúng kinh hãi, khiến chúng lìa bỏ cũng chứng được Chánh định ấy. các thứ vui ấy và cũng là để chứng Mười sáu, Chủng chủng Tam

được Chánh định đó. muội phá Phạm vương hữu. Mười chín, Chú vũ Tam muội Phạm thiên cũng là trời Sơ phá Tứ thiền hữu. thiền ở cõi Sắc. Vì Bồ tát tu giới, Tứ thiền cũng thuộc Sắc giới. định, huệ chứng được nhiều thứ Vì Bồ tát tu giới, định, huệ chứng Tam muội. Vì vị thiên chúa ấy lãnh được Tam muội chú vũ, vì trời này đạo thiên giới, chủng loại nhiều, giống như đất bằng có đầy đủ hạt quả báo chẳng giống nhau nên giống. Nếu không gặp mưa thì dùng Tam muội này làm cho chúng mầm non không nẩy được, nên xa lìa các thứ quả báo và cũng để dùng mưa của Tam muội này, làm chứng được Chánh định ấy. cho chúng nẩy mầm Tam đế và cũng để chứng được Chánh định ấy.

(Tam đế là chơn, tục, trung đế). (Lồng sắc là ở cõi Sắc bị sắc Hai mươi, Như hư không Tam chất ràng buộc như con vật ở trong muội phá vô tưởng thiên hữu. lồng). Vô tưởng thiên cũng thuộc trời Hai mươi ba, Thường Tam Sắc giới. Vì Bồ tát tu giới, định, muội phá thức xứ hữu. huệ chứng được Tam muội như hư Thức xứ là thuộc cõi Vô sắc. Vì không. Trời này từ sanh đến chết Bồ tát tu giới, định, huệ chứng tâm tưởng không hoạt động lầm được Thường Tam muội. Trời này cho là quả báo chẳng không, đó là dùng sự tương tục của thức làm Niết bàn, nên dùng Tam muội này thường (hữu), đây là quả báo của phá tan cái phi không ấy (chẳng định, tức là chẳng phải cái thường không), khiến chúng tu hạnh không vô vi, nên dùng Tam muội này tịnh, cũng là để chứng được Tam khiến cho chúng lìa bỏ cái thường muội này. quả báo từ định, cũng là để chứng Hai mươi mốt, Chiếu cảnh được Tam muội này. Tam muội phá A na hàm thiên hữu. Hai mươi bốn, Lạc Tam muội Tiếng Phạn là A na hàm, tiếng phá bất dụng xứ hữu. Hoa là Bất hoàn, tức quả thứ ba, Bất dụng xứ cũng có tên là Vô sanh lên trời Sắc giới. Vì Bồ tát tu sở hữu xứ thuộc trời Vô sắc giới. giới, định, huệ chứng được Tam Bồ tát tu giới, định, huệ chứng muội chiếu cảnh. Vì trời này, tuy được Lạc Tam muội. Vì trời này chứng được vô lậu tịnh sắc, chỉ là chán Thức xứ vô biên, muốn vào quả báo thanh tịnh thôi mà chưa Sở hữu xứ. Vì chúng sanh ở cõi này được rốt ráo sắc không, nên dùng như si mê. Si mê là khổ, nên dùng Tam muội này để làm cho chúng Tam muội này làm cho chúng lìa phá tan cái sắc thanh tịnh của quả bỏ si mê, cũng là để chứng được báo ấy, mà được lý chân không rốt Tam muội ấy. ráo, cũng là để chứng được Tam Hai mươi lăm, Ngã Tam muội muội này. phá Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu. Hai mươi hai, Vô phá Tam Phi tưởng phi phi tưởng xứ là muội phá không xứ hữu. thuộc trời Vô sắc giới. Vì Bồ tát tu Không xứ tức là trời Vô sắc. Vì giới, định, huệ chứng được Ngã Bồ tát tu giới, định, huệ chứng Tam muội, vì trời ở trên đỉnh cõi được Tam muội vô ngại. Trời này Vô sắc giới cho đó là quả báo của đã ra khỏi lồng sắc, được quả báo Niết bàn, nhưng vẫn còn những vô ngại, nhưng chưa phải là cái vô phiền não vi tế chưa được tự tại, ngại của không, giả, trung, nên nên lấy Tam muội này khiến cho dùng Tam muội này khiến cho chúng lìa bỏ phiền não, cũng là để chúng lìa bỏ quả báo ấy, cũng là để chứng được Tam muội ấy. chứng được Tam muội ấy.

NHỊ THẬP NGŨ CHỦNG nên gọi là từ ngã tâm sanh ra ngũ NGOẠI ĐẠO MINH ĐẾ duy. Năm, Ngũ đại. (Hoa Ngũ đại tức là đất, nước, lửa, nghiêm kinh Tùy sớ diễn nghĩa gió, không. Năm thứ tánh này có sao). mặt khắp nơi, nên gọi là đại. Do Hai mươi lăm thứ Minh đế là cực vi mà sanh ra, nên gọi là ngũ kế hoạch của ngoại đạo Ca tỳ la. Vì duy sanh ra ngũ đại. ngoại đạo này cũng tu thiền định, Sáu, Ngũ tri căn. có

thần thông, biết các việc trong Ngũ tri căn tức là mắt, tai, mũi, tám vạn kiếp và tám vạn kiếp trước lưỡi, thân, vì năm thứ này đều có thì hoàn toàn không biết nên gọi là sự hiểu biết, nhờ năm đại mà thành, Minh đế. nên gọi là từ năm đại sanh ra năm Từ lúc đầu tối tăm về tự tánh, căn hiểu biết. sanh ra trí huệ lớn, cho đến thần Bảy, Ngũ tác nghiệp căn. ngã, mở ra thành hainăm đế, hợp Ngũ căn tức là miệng, tay, chân, lại thành chín vị. tiểu tiện, đại tiện. Gọi là tác nghiệp, (Tiếng Phạn là Ca tỳ la, tiếng năm thứ này, vì chúng có thể tạo ra Hoa là Hoàng sắc). công dụng của nghiệp, cũng nhờ Một, Minh sơ tự tánh. năm đại mà thành, nên nói từ năm Vì ngoại đạo này, lấy những đại sanh ra năm căn tạo ra nghiệp. việc tám vạn kiếp trước đây, hoàn Tám, Tâm bình đẳng căn. toàn không biết nơi chốn, mờ tối Tâm là nhục đoàn tâm, tức là ý cho là Tự tánh, nên gọi là Minh tự căn. Gọi là bình đẳng vì căn này có tánh. thể bao trùm tất cả căn và cảnh Hai, Trí đại. sanh ra phân biệt; cái này cũng Trí đại cũng gọi là Giác đại, có được năm đại làm thành, nên gọi là nghĩa tăng trưởng. Vì từ ranh giới từ năm đại sanh ra căn bình đẳng Minh sơ, hiểu biết tăng trưởng, nên và ngũ tri, ngũ tác nghiệp, tổng gọi là từ Minh sơ sanh ra trí đại. cộng là 11t căn. Ba, Ngã tâm. Chín, Thần ngã. Ngã tâm còn gọi là ngã mạn, Thần ngã tức đệ bát thức. Ngoại tức là ngã chấp. Vì do hiểu biết nên đạo lầm cho rằng thần ngã có thể sanh tâm ngã mạn, nên gọi là từ Trí sanh ra các pháp, thường còn đại sanh ra ngã tâm. không hư hoại, nghĩ đó là Niết bàn. Bốn, Tứ ngũ duy. Đó là chúa của 25 đế. Duy là vi (nhỏ bé). Ngũ duy cũng gọi là ngũ vi, tức là sắc, thinh, NHỊ THẬT BÁT THIÊN hương, vị, xúc. Vì sắc... có năm (Thiên thai tứ giáo thứ, do tâm chấp ngã mới hiện ra, nghi).

Một, Dục giới lục thiên. Nhị thiền có ba trời: 1) Thiểu 1)Trời Tứ thiên vương có: phía quang thiên. Vì trời này có ánh Đông: Trì quốc thiên vương, phia sáng ít; 2) Vô lượng quang thiên. Nam: Tăng trưởng thiên vương, Vì trời này ánh sáng tăng trưởng phía Tây: Quảng mục thiên vương, không có hạn lượng; 3) Quang âm phía Bắc: Đa văn thiên vương; 2) thiên. Vì trời này lấy ánh sáng làm Đao lợi thiên, tiếng Phạn là Đao lợi, ngôn ngữ. tiếng Hoa là 33. Vì 33 người ở đời Tam thiền có ba trời: 1) Thiểu cùng tu nghiệp lành nên cùng sanh tịnh thiên. Vì ý thức, lạc thọ của lên cõi trời này; 3) Tu dạ ma thiên. trời này thanh tịnh ít. 2) Vô lượng Tiếng Phạn là Tu dạ ma, tiếng Hoa tịnh thiên. Vì trời này thanh tịnh là Thiện thời phân, vì trời lúc nào hơn trời trên, không thể lường được. cũng thích ca nhạc, lại còn gọi là 3) Biến tịnh thiên. Vì trời này lạc hưởng thọ cảnh năm dục, nên biết thọ vượt bậc, thanh tịnh bao trùm. phân chia thời gian; 4) Đâu suất đà Tứ thiền có chín trời: 1) Vô vân thiên. Tiếng Phạn là Đâu suất đà, thiên. Vì các trời ở trên và trong tiếng Hoa là Tri túc. Vì trời này, không gian, nương vào mây mà ở, đối với năm cảnh dục biết dừng còn trời này ở trên mây, trên đầu biết đủ; 5) Hóa lạc thiên. Vì trời không có mây, nên gọi là vô vân; 2) này tự biến hóa năm trần mà vui Phước sanh thiên. Vì trời này nhờ thú; 6) Tha hóa tự tại thiên. Vì trời tu mà phước đức nhiều hơn nên này nhờ kẻ khác biến hóa thú vui sanh trong cõi trời này. Dựa theo rồi lấy làm thú vui của mình, tức là nguyên nhân ấy mà đặt tên; 3) chúa của cõi Dục. Quảng quả thiên. Vì quả báo của Hai, Sắc giới thập bát thiên. trời này to lớn, không có gì hơn; 4) Sơ thiền có ba trời: 1) Phạm Vô tưởng thiên. Vì trời này quả báo chúng thiên. Phạm là tịnh vậy, vì trong một đời là tâm tưởng không không nhiễm dục. Chúng giống hành động; 5) Vô

phiền thiên. Vì như dân chúng. Vì trời này là dân trời xa lìa khổ ở cõi Dục và cái vui chúng của chúa trời Sơ thiền; 2) ở cõi Sắc. Khổ, vui cả hai đều diệt Phạm phụ thiên. Phụ là giúp đỡ. Vì mất nên không còn phiền não; 6) trời này là quan phụ tá của chúa Vô nhiệt thiên. Vì trời này, cùng trời Sơ thiền; 3) Đại phạm thiên. Vì cực của tâm, cảnh không nơi nương trời này là chúa của trời Sơ thiên, tựa, lắng trong tự tại, không bị có tên là Thi khí, sanh ra đầu tiên phiền não thiêu đốt; 7) Thiện kiến trong kiếp sơ, diệt sau cùng trong thiên. Vì trời này thấy mười kiếp tận, thống lãnh ba ngàn đại phương thế giới trong suốt tròn đầy thiên thế giới. một cách mầu nhiệm, không chút (Tiếng Phạn là Thi khí, tiếng bợn nhơ; 8) Thiện hiện thiên. Vì Hoa là Ba ngàn là đại thiên, trung trời này không có chướng ngại, thiên, tiểu thiên). thấy rõ ràng hiện cảnh ngay trước

mắt; 9) Sắc cứu cánh thiên. Vì trời ta cũng sai khiến mặt trời, mặt này, đối với các xứ nhiều như vi trăng, các tinh tú giữ gìn, giúp đỡ trần, thấu suốt tận cùng. quốc gia, dưỡng dục chúng sanh. Ba, Vô sắc giới có bốn trời. Các ông tuyên bố để những người 1) Không xứ thiên. Vì trời này kia biết như ta đã phân chia quốc chán sắc thân ràng buộc, không gia, chúng sanh. Mỗi thứ tùy theo được tự tại nên tâm duyên hư phận sự mà được giúp đỡ, dưỡng không cùng tương ưng với vô sắc, dục, nên nói là haitám vì sao có sự ở trong định không xứ; 2) Thức xứ tùy thuộc không giống nhau. Mỗi thiên. Vì trời này chán hư không thứ đều có oai linh giúp đỡ. rộng lớn nên liền bỏ hư không, Một, Đông phương thất tú. chuyên tâm sanh duyên thức, lấy Giác tú chủ các loài chim; Cang thức làm nơi chốn; 3) Vô sở hữu xứ tú trông coi các người xuất gia cầu thiên. Vì trời này chán thức xứ vô thánh đạo; Đê tú trông coi sông biên nên bỏ thức, vào vô sở hữu xứ ngòi và chúng sanh; Phòng tứ trông cũng gọi là bất dụng xứ, vì không coi xe cộ tìm lợi; Tâm tú trông coi dùng không xứ, thức xứ ở trước; 4) nữ giới; Vỹ tú trông coi bãi bồi ven Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên. sông; Cơ tú trông coi thợ gốm. Vì trời này ở chỗ cao nhất của Vô Hai, Nam phương thất tú. sắc giới, không phải là tưởng của Tỉnh tú trông coi thợ vàng; Quỷ Vô sở hữu xứ (ở trên), chẳng phải tú trông coi quốc vương, đại thần; là cõi của thức. Liễu tú trông coi núi tuyết, rồng; Tinh tú trông coi người giàu có; NHỊ THẬP BÁT TÚC Trương tú trông coi trộm cắp; Dực (Pháp uyển châu tú trông coi người cao sang; Chẩn tú trông coi Tu la trá quốc. lâm). Ba, Tây phương thất tú. Kinh Đại tập nói: Phật bảo chúa Khuê tú trông coi người đi của thế giới Ta bà là Đại phạm thuyền; Lâu tú trông coi người thiên vương bằng những lời sau: buôn bán; Vị tú trông coi nước Bà quá khứ, vì sao thiên tiên bố thí lâu ca; Mão tú trông coi trâu nước; mặt trời, mặt trăng, tinh tú giúp đỡ Tất tú trông coi tất cả chúng sanh; bảo vệ quốc gia, nuôi dưỡng chúng Tuy tú trông coi Tỳ đề ha quốc; sang? Đại phạm thiên vương bạch Tham tú trông coi Sát lợi. (Tiếng Phật rằng: quá khứ thiên tiên phân Phạn là Sát lợi, nói đủ là Sát đế lợi, bố, đặt để các tinh tú, mặt trời, mặt tiếng Hoa là Điền chủ, tức giai cấp trăng ở trong bốn phương, mỗi thứ vua chúa). đều có sở hữu chủ. Như dác tú là Bốn, Bắc phương thất tú. chủ của chim; Cang tú là chủ của Đẩu tú trông coi nước Kiêu bộ người xuất gia cầu thành đạo. Lúc sa; Ngưu tú trông coi Sát lợi và bấy giờ, Phật bảo Phạm vương rằng nước An đa bát kiệt na; Nữ tú trông

coi nước Ương già ma già đà; Hư túc nhu nhuyến tướng là tay, chân tú trông coi nước Na giá la; Nguy rất mềm mại; 5) Thủ túc mạn võng tú trông coi trước hoa quang; Thất là tay và chân có màn mỏng giữa tú trông coi nước Càn đà la, Du lư các ngón giống như chân của thiên na và các loài rồng, rắn và bò sát; nga; 6) Túc ngân mãn túc tướng là Bích tú trông coi Càn thát bà giỏi gót chân tròn đầy; 7) Túc phu cao về nhạc. hảo tướng là mu bàn chân cao đẹp (Tiếng Phạn là Càn thát bà, màu hồng và lông mịn xanh màu tiếng Hoa là Hương âm, tức là nhạc lưu ly; 8) Thoái như lộc vương thần của Đế thích). tướng là (thoái là bắp đùi) đùi thon dài rắn chắc, lông măng tuyệt hảo; TAM THẬP NHẤT SẮC 9) Thủ quá tất tướng là hai tay (Phiên dịch dang thẳng dài quá gối;
10) Mã âm tàng tướng là dương vật giấu kín, giống nghĩa)/ như con ngực không thấy được; 11) Ba mươi mốt sắc gồm: Thân tung hoành tướng là thân thể 1) Hiển sắc có mộtba là thanh, cao lớn đều đặn; 12) Mao khổng hoàng, xích, bạch, quang, ảnh, sanh thanh sắc tướng là lông trên minh, ám, yêu, vân, trần, vụ, không. thân mình mềm mại, màu xanh và 2) Hình sắc có mười là trường, xoay về bên phải; 13) Thân ma đoản, phương, viên, thô, tế, cao, hạ, thượng mỵ tướng là những lông chánh, bất chánh. trên thân đều hướng về bên phải và 3) Biểu sắc có tám là thủ, xả, nằm sát da; 14) Thân kim sắc tướng khuất, thân, hành, trụ, tọa, ngọa. là thân sắc hồng hào, tươi sáng, trang nghiêm; 15) Thân quang diện NHƯ LAI TAM THẬP các nhất trượng tướng là ánh hào NHỊ TƯỚNG quang từ thân tỏa ra bốn phía một (Pháp giới thứ trượng; 16) Bì
phu tế hoạt tướng là làn da tươi sáng, mịn màng; 17) đệ). Thất xứ bình mãn tướng là dưới hai Ứng (hóa) thân của Như lai có chân, hai tay, hai cánh tay và ở cổ đầy đủ 32 tướng để biểu hiện đầy đều bằng phẳng đoan chánh; 18) đủ đức tối thắng của pháp thân, là Lưỡng dịch mãn là hai nách tròn bậc tôn kính trong cõi trời và người, đầy; 19) Thân như sư tử tướng là là vua của các bậc thánh. thân thể ngay thẳng, oai nghi, 1t) Túc an bình tướng là lòng nghiêm túc như sư tứ chúa; 20) bàn chân bằng phẳng; 2) Thiên bức Thân đoan trực tướng là lưng thẳng luân tướng là những đường vân ở không còng; 21) Kiên viên mãn lòng bàn chân chụm lại như căm tướng là hai vai tròn đẹp; 22) Tứ bánh xe; 3) Thủ chỉ tiềm trường là thập xỉ tướng là có 40 cái răng ngón tay thon dài trắng mịn; 4) Thủ (người thường có 36 cái); 23) Xỉ

bạch tề mật tướng là răng trắng đều Kim cang là chất có tính bền và khít; 24) Tứ nha bạch tịnh tướng vững, sắc bén, dùng để dụ sức Tam là bốn răng cửa lớn và trắng bóng; muội). 25) Giáp xa như sư tử tướng là hai Một, Phật thân ứng. má tròn cân đối; 26) Yết trung tân Phật là tiếng Phạn, gọi đủ là dịch đắc thượng vị tướng là nước Phật đà, tiếng Hoa là Giác. Nếu Bồ miếng trong cổ có vị thơm ngon; 27) tát đi vào tam ma địa, tu tập và Quảng trường thiệt tướng là lưỡi thẳng tiến hoàn toàn vào vô lậu rộng và dài; 28) Phạm âm thâm thắng giải thì Bồ tát Quán thế âm viễn tướng là âm thanh hòa nhã, xa liền ứng hiện thân Phật nói pháp gần đều nghe được; 29) Nhãn sắc cho người ấy và khiến cho được như kim tinh tướng là mắt sáng tỏ, giải thoát. dịu dàng; 30) Nhãn tiệp như ngưu (Tiếng Phạn là Tam ma địa, vương tướng là lông mày cong vút tiếng Hoa là Đẳng trì hay Chánh xanh mượt trông rất đẹp; 31) My định. gian bạch hào tướng là giữa hai Thẳng tiến hoàn toàn vào vô lậu lông mày có sợi lông màu trắng thẳng giải là tu pháp vô vi, thẳng mềm mại như tơ ròng (đâu la miên: vào chánh định, chứng được

thắng tế hương: mùi thơm thoang thoảng); giải vô lậu, thành tựu hoàn toàn). 32) Đỉnh nhục kế thành tướng là Hai, Độc giác ứng. trên đỉnh đầu có khối thịt nổi lên, Ra đời không có Phật, không cũng gọi là Vô kiến đỉnh tướng vì thầy mà tự giác ngộ, gọi là Độc tất cả trời, người, Nhị thừa, Bồ tát giác. Nếu các người hữu học mà đều không thể thấy. vắng lặng sáng suốt nhiệm mầu, có khả năng thấy được sự nhiệm mầu TAM THẬP NHỊ ỨNG của vạn vật để soi tỏ tự tánh của (Lăng nghiêm kinh). mình và thành tựu hoàn toàn, thì Bồ tát liền hiện ra trước mặt người Vô số hằng hà sa kiếp về trước, ấy, ứng hiện thân Độc giác, nói có Phật tên là Quán thế âm, Bồ tát pháp và khiến cho người ấy được Quán thế âm mong cầu đức Phật ấy giải thoát. trao truyền cho Tam muội như ảo Ba, Duyên giác ứng. văn huân văn tu kim cang, cùng với Nhờ quán 12 nhân duyên, hiểu Phật từ bi cứu khổ ban vui, biến ra được lý chân đế một cách chắc 32 ứng thân đi vào các cõi nước, chắn, dứt trừ phiền não và chứng giáo hóa tất cả chúng sanh. được tánh nhiệm mầu tối thượng, (Văn huân là nghe lời dạy bảo thì Bồ tát liền hiện ra trước người thấm nhuần, tu tập; nghe rồi lại ấy, ứng hiện thân Duyên giác nói thực hành những gì đã nghe gọi là pháp và khiến cho người ấy được văn tu. giải thoát. Bốn, Thinh văn ứng.

Nghe giáo lý của Phật, gọi là hư không thì Bồ tát liền hiện ra Thinh văn. trước mặt người ấy, hiện thân trời Nếu có người hữu học, chứng Đại tự tại nói pháp và khiến cho được lý chân không của Tứ đế và người ấy được thành tựu. từ ba quả đi vào Diệt độ, lần lượt Chín, Thiên đại tướng quân lên tứ quả vô học, tánh nhiệm mầu ứng. hơn hết, thành tựu tròn đầy trước Thiên đại tướng quân là đại mắt, thì Bồ tát liền hiện ra trước tướng quân của Đế thích thiên chủ. mặt, ứng hiện thân Thinh văn nói Nếu các chúng sanh thích thống pháp và khiến cho người ấy được lãnh quỷ thần cứu giúp quốc gia, giải thoát. thì Bồ tát liền ở trước mặt, hiện Năm, Phạm vương ứng. thân đại tướng quân nói pháp và Phạm vương là chủ của Sơ khiến cho được thành tựu. thiền thiên thuộc cõi Sắc. Nếu các Mười, Tứ thiên vương ứng. chúng sanh muốn tâm sáng suốt, Tứ thiên vương là phương giác ngộ, không phạm dục trần, Đông có Trì quốc thiên vương; muốn thân thanh tịnh thì Bồ tát liền phương Nam có Tăng trưởng thiên ở trước người ấy, hiện ra thân vương; phương Tây có Quảng mục Phạm vương nói pháp để cho người thiên vương; phương Bắc có Đa ấy được giải thoát. văn thiên vương. Nếu chúng sanh Sáu, Đế thích ứng. thích thống lãnh thế giới, bảo hộ Đế thích tức là chủ cõi trời Đao chúng sanh thì Bồ tát liền hiện lợi. Tiếng Phạn là Thích đề hoàn trước người ấy thân Tứ thiên vương nhân, tiếng Hoa là Năng thiên chủ. nói pháp và khiến cho được thành Đế thích là nói cả Hoa và Phạn. tựu. Nếu các chúng sanh muốn làm Mười một, Tứ thiên vương thái thiên chủ thống lãnh các cõi trời, tử ứng. Bồ tát liền ở trước mặt, hiện thân Nếu có chúng sanh lên thiên Đế thích nói pháp để cho người ấy cung sai khiến quỷ thần thì Bồ tát được thành tựu. liền có mặt trước người ấy, hiện Bảy, Tự tại thiên ứng. thân thái tử của Tứ thiên vương nói Trời Tự tại là trời thứ năm cõi pháp và khiến cho họ được thành Dục. Nếu các chúng sanh muốn tựu. thân tự tại, đi khắp mười phương, Mười hai, Nhân vương ứng. Bồ tát liền ở trước mặt hiện thân Nếu các chúng sanh thích làm trời Tự tại nói pháp và làm cho vua loài ngoài thì Bồ tát liền hiện ra người ấy được thành tựu. trước mặt, hiện thân nhân vương Tám, Đại tự tại thiên ứng. nói pháp giúp

cho người ấy thành Trời Đại tự tại tức là chủ trời tựu. thứ sáu ở cõi Dục. Nếu các chúng Mười ba, Trưởng giả ứng. sanh muốn thân thể tự tại bay trong

Nếu có chúng sanh thích làm Tiếng Phạn là Ưu bà tắc, tiếng chủ giòng họ người đời nể vì thì Bồ Hoa là Thanh tịnh sĩ. Nếu có người tát liền hiện ra thân trưởng giả nam thích giữ năm giới, Bồ tát liền trước người ấy nói pháp và làm cho ở trước mặt, hiện thân Ưu bà tắc được thành tựu. nói pháp và khiến cho người ấy Mười bốn, Cư sĩ ứng. được thành tựu. Nếu chúng sanh thích dùng Hai mươi, Ưu bà di ứng. ngôn ngữ đàm luận, ẩn cư thanh Tiếng Phạn là Ưu bà di, tiếng tịnh thì Bồ tát liền có mặt trước Hoa là Thanh tịnh nữ. Nếu có người ấy, hiện thân cư sĩ nói pháp người nữ, giữ năm giới sống một và khiến cho người ấy được thành mình thì Bồ tát liền ở trước mặt, tựu. hiện thân Ưu bà di nói pháp và Mười lăm, Tể quan ứng. khiến cho người ấy được thành tựu. Nếu chúng sanh thích cai trị Hai mươi mốt, Nữ chúa ứng. quốc gia, sửa đổi thành ấp thì Bồ Nữ chúa là hoàng hậu của tát liền có trước mặt người ấy, hiện Thiên tử. Nếu có người nữ lấy việc ra thân Tể quan nói pháp và khiến sửa san quốc gia, chỉnh đốn nhà họ được thành tựu. cửa làm công việc của chính mình Mười sáu, Bà la môn ứng. thì Bồ tát liền ở trước mặt hiện thân Tiếng Phạn là Bà la môn, tiếng nữ chúa và phu nhân của nước đó Hoa là Tịnh hạnh. Nếu chúng sanh nói pháp, khiến cho người ấy được thích số thuật, thu nhiếp tâm, gìn thành tựu. giữ thân, miệng ở một mình thì Bồ Hai mươi hai, Đồng nam ứng. tát liền đến trước mặt hiện ra thân Nếu có chứng sanh nam căn Bà la môn nói pháp và khiến cho không bị hỏng thì Bồ tát liền đến người ấy được thành tựu. trước mặt người ấy, hiện ra thân Mười bảy, Tỳ kheo ứng. đồng tử nói pháp và khiến cho họ Tiếng Phạn là Tỳ kheo, tiếng được thành tựu. Hoa là Khất sĩ. Nếu nam tử hiếu Hai mươi ba, Đồng nữ ứng. học xuất gia, giữ gìn giới luật thì Nếu có người nữ còn trinh vui Bồ tát đến trước người ấy, hiện ra thích ở một mình, không muốn bị thân Tỳ kheo nói pháp và làm cho xâm phạm thì Bồ tát liền có trước người ấy thành tựu. mặt, hiện thân đồng nữ nói pháp và Mười tám, Tỳ kheo ni ứng. khiến cho người ấy được thành tựu. Tiếng Phạn là ni, tiếng Hoa là Hai mươi bốn, Thiên ứng. nữ. Nếu có người nữ, hiếu học xuất Nếu có các vị trời thích ra khỏi gia, gìn giữ cấm giới thì Bồ tát hiện loài trời thì Bồ tát liền hiện thân thân Tỳ kheo ni trước mặt nói pháp trời nói pháp và khiến cho người ấy và khiến cho người ấy được thành thành tựu. tựu. Hai mươi lăm, Long ứng. Mười chín, Ưu bà tắc ứng.

Nếu có loài rồng muốn ra khỏi muốn thoát khỏi loài của mình thì loài rồng thì Bồ tát liền hiện thân Bồ tát liền ở trước mặt, hiện thân rồng nói pháp và khiến cho loài ấy Ma hô la già nói pháp và khiến cho thành tựu. loài này được thành tựu. Hai mươi sáu, Dược xoa ứng. Ba mươi mốt, Nhân ứng. Tiếng Phạn là Dược xoa cũng Nếu các chúng sanh muốn làm gọi là Dạ xoa, tiếng Hoa là Dũng người và tu để làm người thì Bồ tát kiện. Nếu có loài Dược xoa muốn liền ở trước mặt người ấy, hiện ra ra khỏi loài của mình thì Bồ tát liền thân người nói pháp và khiến người có ở trước mặt vị ấy, hiện thân Dạ ấy thành tựu. xoa nói pháp và khiến cho vị ấy Ba mươi hai, Phi nhân ứng. thành tựu. Phi nhân tức là quỷ, súc sanh. Hai mươi bảy, Càn thát bà ứng. Nếu các loài phi nhân, có hình hay Tiếng Phạn là Càn thát bà, tiếng không hình có tưởng hay không Hoa là Hương âm tức là nhạc thần tưởng, muốn thoát ra ngoài loài ấy của Đế thích. Nếu Càn

thát bà thích thì Bồ tát liền có ở trước mặt và ra khỏi loài mình, thì Bồ tát liền ở hiện hình những loài ấy nói pháp trước mặt vị ấy, hiện thân Càn thát và khiến cho chúng được thành tựu. bà nói pháp và khiến cho vị ấy được thành tựu. TAM THẬP TỨ TÂM Hai mươi tám, A tu la ứng. ĐOẠN KẾT Tiếng Phạn là A tu la, tiếng (Thiên thai tứ Hoa là Vô đoan chánh vì hình thể xấu xí. Nếu có A tu la muốn thoát giáo nghi tập chú). ra khỏi loài của mình thì Bồ tát liền Vì Tam tạng giáo thuộc Bồ tát có mặt trước nó, hiện thân A tu la dạy Bồ tát rằng tuy đã xa lìa hai nói pháp và khiến cho nó được hoặc kiến, tư nhưng muốn hóa độ thành tựu. chúng sanh nên các hoặc ẩn nấp Hai mươi chín, Khẩn na la ứng. không dứt để thị hiện sống, chết Tiếng Phạn là Khẩn na la, tiếng giống như chúng sanh trong ba cõi. Hoa là Nghi thần, còn gọi là Nhân Trải qua nhiều kiếp, Bồ tát tu lục phi nhân vì trên đầu có sừng, giống độ, phạm hạnh, đem lại lợi ích cho người mà không phải người. Nếu hữu tình, sau cùng đến cội cây Bồ loài Khẩn na la muốn thoát khỏi đề, nhất niệm tương ưng là lúc trí loài mình thì Bồ tát liền ở trước huệ chân thật vô lậu phát khởi thì mặt hiện thân Khẩn na la nói pháp dùng tám nhẫn, tám trí là 16 tâm; và khiến cho vị ấy thành tựu. chín vô ngại, chín giải thoát là 18 Ba mươi, Ma hô la già ứng. tâm dứt hết tập khí của kiến, tư mà Tiếng Phạn là Ma hô la già, thành chánh giác; nên gọi là 34 tâm tiếng Hoa là Đại phúc hành, tức là dứt trừ kết (phiền não). một loại trăn lớn. Nếu Ma hô la già Một, Bát nhẫn.

Nhẫn có nghĩa là nhận lãnh thật Diệt loại trí: Lấy diệt đế ở cõi Dục sự: 1) Khổ pháp nhẫn. Vì quán mà quán và trí huệ phát sáng dứt pháp khổ đế ở cõi Dục mà có thể được kiến hoặc hai cõi trên; 7) Đạo nhận chịu; 2) Khổ loại nhẫn. Dùng pháp trí: Nhờ quán đạo đế ở cõi pháp khổ đế ở cõi Sắc, Vô sắc so Dục mà trí phát sáng dứt trừ được sánh khổ đế ở cõi Dục mà quán và hoặc; 8) Đạo loại trí: Lấy đạo đế có thể nhận chịu; 3) Tập đế nhẫn: của cõi Sắc và Vô sắc so sánh với Quán pháp tập đế phiền não ở cõi đạo đế ở cõi Dục mà quán thì trí Dục mà có thể nhận chịu; 4) Tập huệ phát sáng dứt trừ kiến hoặc hai loại nhẫn: Dùng pháp tập đế phiền cõi ở trên. não ở cõi Sắc, Vô sắc so sánh với Ba, Cửu vô ngại đạo. tập đế ở cõi Dục mà quán và có thể Vô ngại là từng niệm tu quán nhận chịu; 5) Diệt pháp nhẫn: Quán đoạn hoặc (phiền não), không bị pháp diệt đế ở cõi Dục mà có thể hoặc làm trở ngại. Bởi vì ở cõi Dục nhận chịu; 6) Diệt loại nhẫn: Dùng là một địa; Sơ thiền, Nhị thiền, pháp diệt đế ở Sắc giới và Vô sắc Tam thiền, Tứ thiền ở cõi Sắc là giới so sánh với diệt đế ở Dục giới bốn địa (Địa còn gọi là hữu); mà quán pháp và có thể nhận chịu; Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xú, 7) Đạo pháp nhẫn: Quán pháp đạo Phi tưởng phi phi tưởng xứ ở cõi đế ở cõi Dục mà có thể nhận chịu; Vô sắc là bốn địa. Tổng cộng ba 8) Đạo loại nhẫn: Lấy pháp đạo đế cõi có chín địa. Mỗi địa có chín ở cõi Sắc và Vô sắc so sánh đạo đế phẩm tư hoặc, ở trong mỗi địa tu vô ở cõi Dục mà quán và có thể nhận ngại đạo này để đoạn trừ tư hoặc ấy. chịu. (Nói tư hoặc có chín phẩm là vì Hai, Bát trí. hoặc này khó dứt trừ nên chia ba Trí có nghĩa là hiểu biết rõ ràng. phẩm thượng, trung, hạ. Ở trong 1) Khổ pháp trí: Nhờ quán khổ mỗi phẩm ấy lại phân chia ra ba đế ở cõi Dục mà trí huệ phát sáng phẩm nữa nên tổng cộng có chín dứt được kiến hoặc; 2) Khổ loại trí: phẩm). Lấy khổ đế ở cõi Sắc và Vô sắc so Bốn, Cửu giải thoát đạo. sánh khổ đế ở cõi Dục mà quán và Giải thoát có nghĩa là tự tại. Vì trí huệ phát sáng dứt được kiến hoặc nghiệp lìa xa, không bị trói hoặc của hai cõi trên; 3) Tập pháp buộc là

được tự tại. Dục giới có trí: Nhờ quán tập đế ở cõi Dục mà một địa; Sắc giới có bốn địa; Vô trí phát sáng dứt được kiến hoặc; 4) sắc giới có bốn địa, tổng cộng chín Tập loại trí: Lấy tập để ở cõi Sắc và địa. Mỗi địa đều có chín phẩm tư Vô sắc so sánh tập đế ở cõi Dục mà hoặc. Các hoặc này đã dứt trừ tức quán và trí huệ phát sáng dứt được là chứng được giải thoát đạo. kiến hoặc hai cõi trên; 5) Diệt pháp trí: Nhờ quán diệt đế ở cõi Dục mà trí phát sáng dứt được kiến hoặc; 6)

TAM THẬP LỤC VẬT Chánh là không tà. Cần nghĩa là không lười biếng. Gồm có bốn: 1)

(Hoa nghiêm kinh Dĩ sanh ác linh vĩnh đoạn: Tất cả ác Tùy sớ diễn nghĩa sao).

pháp, nếu chúng đã sanh thì phải Một, Ngoại tướng thập nhị. siêng năng một lòng quyết bỏ, làm Tướng bên ngoài có 12 thứ là cho chúng vĩnh viễn không còn; 2) tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước Vị sanh ác linh bất sanh: Tất cả ác mắt, nước dãi, nước bọt, phân, nước pháp, nếu chúng chưa sanh, phải tiểu, cáu (bẩn), mồ hôi. siêng năng một lòng ngăn chặn, Hai, Thân khí thập nhị. làm cho chúng không manh nha trở Thân khí là thành phần làm nên lại được; 3) Vị sanh thiện linh sanh: thân thể gồm 12 thứ: da (ở bề mặt), Các pháp lành, nếu chúng chưa da (ở bên trong liền với thịt), máu, sanh, thì phải siêng năng một lòng thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ, dũng mãnh, làm cho chúng phát cao (béo), não, mô (màng). sanh; 4) Dĩ sanh thiện linh tăng Ba, Nội hàm thập nhị. trưởng: Các pháp lành, nếu đã sanh Chứa trong thân có 12 thứ là rồi, thì phải siêng năng một lòng tu gan; mật, ruột, bao tử, lá lách, thận, tập, khiến cho chúng tăng trưởng. tim, phổi, sanh tạng, thục tạng, đàm Ba, Tứ như ý túc. đỏ, đàm trắng. Pháp mình đang tu tập được đầy đủ như ý nguyện. 1) Dục như ý TAM THẬP THẤT ĐẠO túc: Pháp mình đang thích thú tu PHẨM tập được đầy đủ như ý nguyện; 2) Tinh tấn như ý túc: Đối với pháp (Pháp giới thứ đệ). mình đang tu chuyên chú một lòng, Đạo nghĩa là có thể lưu thông. không chút gián đoạn, đầy đủ như ý Phẩm giống như loại. nguyện; 3) Niệm như ý túc: Đối với Một, Tứ niệm xứ. pháp mình đang tu ghi nhớ không Niệm tức là tưởng niệm. Xứ tức quên, đầy đủ như như ý nguyện; 4) là tâm pháp mà thân nhận (lãnh), Tư duy như ý túc: Tâm suy nghĩ gồm có bốn: 1) Thân niệm xứ: pháp mình đang tu, không thể quên Quán sắc thân này đều là không mất, đầy đủ như ý nguyện. sạch (bất tịnh); 2) Thọ niệm xứ: Bốn, Ngũ căn. Quán các việc tốt, xấu lãnh thọ đều Căn có nghĩa là năng sanh. Vì là khổ; 3) Tâm niệm xứ: Quán tâm năm căn này hay sanh tất cả pháp thức này vô thường vì luôn sanh và lành. 1) Tín căn: Tin vào chánh đạo; diệt; 4) Pháp niệm xứ: Quán các 2) Tinh tấn căn: Tu tập theo chánh pháp nhờ nhân duyên sanh đều pháp tinh ròng và không gián đoạn; không có ngã. 3) Niệm căn: Đối với pháp, ghi nhớ Hai, Tứ chánh cần. không quên; 4) Định căn: Giữ tâm

không thể tán loạn; 5) Huệ căn: Đối Niệm giác phần: Tư duy về đạo với các pháp quán sát rõ ràng. pháp đang tu tập. Năm, Ngũ lực. Bảy, Bát chánh đạo. Lực tức là công dụng của sức Không tà gọi là chánh. Có khả mạnh, có thể phá việc ác, thành tựu năng thông suốt gọi là đạo: 1) việc lành: 1) Tín lực: Tín căn lớn Chánh kiến: Có khả năng thấy mạnh có khả năng phá tan những được chân lý; 2) Chánh tư duy: nghi ngờ; 2) Tinh tấn lực: Căn Tâm không dối trá; 3) Chánh ngữ: siêng năng lớn mạnh có khả năng Lời nói không dối trá; 4) Chánh phá tan sự lười biếng của thân, tâm, nghiệp: Nghiệp lành, trong sạch; 5) thành tựu sự nghiệp xuất thế; 3) Chánh mạng: Theo pháp xin ăn Niệm lực: Niệm căn

lớn mạnh có nuôi mạng sống; 6) Chánh tinh tấn: khả năng phá tan các tà niệm, thành Tu tập các đạo hạnh không chút tựu công đức của chánh niệm xuất gián đạo; 7) Chánh niệm: Chuyên thế; 4) Định lực: Định căn lớn tâm ghi nhớ pháp lành; 8) Chánh mạnh có khả năng phá tan loạn định: Nhất tâm ở trong lý chân tưởng, phát sinh ra các thiền định; không. 5) Huệ lực: Huệ căn tăng tưởng có khả năng ngăn chặn kiến, tư hoặc TỨ THẬP NHỊ TỰ MÔN của ba cõi, phát sanh ra vô lậu chân (Hoa nghiêm kinh).
thật. (Vô lậu chân thật là bậc A la hán dứt hết kiến, tư hoặc không còn 42 Tự môn là nguyên do của rơi vào sống, chết trong ba cõi, các bậc thánh nên gọi chúng là môn. khác với Sơ quả vân vân, nên gọi là Trí luận nói: 42 chữ là căn bản của chân thật. Phân biệt gọi là kiến tất cả chữ. Nhân tự có ngữ, nhân hoặc. Tham ái là Tư hoặc). ngữ có danh, nhân danh có nghĩa. Sáu, Thất giác phần. Từ tự môn này thì có thể đi vào trí Giác tức là hiểu rõ. Phần tức của vô tướng. thành phần. Vì bảy pháp này, mỗi Kinh Bát nhã nói: một tự vào thứ đều có phân thành phần giống được bốnhai tự, 42 tự cũng vào nhau: 1) Trạch giác phần: Chọn lựa được một tự, cho nên trong kinh các pháp chân hay ngụy; 2) Tinh Hoa nghiêm, đồng tử Thiện tri tấn giác phần: Tu tập đạo pháp chúng nghệ thưa với Thiện tài rằng không gián đoạn; 3) Hỷ giác phần: Ta luôn đề xướng giữ gìn tự mẫu Liễu ngộ pháp chân thật nhận được này, đi vào cửa của Bát nhã ba la niềm vui sướng; 4) Trừ giác Phần: mật. Nguyên nhân các bậc thánh, Dứt trừ các tà kiến, phiền não; 5) đều do đây, đi vào huệ thật tướng. Xả giác phần: Lìa bỏ cảnh nhớ nghĩ (Tiếng Phạn là Bát nhã ba la chấp trước và những hiểu biết sai mật, tiếng Hoa là Trí huệ đáo bỉ lầm; 6) Định giác phần: Hiểu rõ ngạn, nghĩa là trí huệ đến bờ bên chỗ phát sanh của thiền định; 7) kia là Niết bàn).

Một, A tự môn. biệt. Sớ nói: Các pháp không có, A là tiếng Phạn, gọi đủ là A đề các hành cũng không, đều thay đổi a nậu bà đà, tiếng Hoa là Bất sanh, khác nhau. vì tất cả pháp xưa nay không sanh. (Phổ luân: Phổ tức là phổ biến; Kinh nói: Khi xướng lên chữ A thì luân có nghĩa là nghiền nát. Nói tự đi vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là môn này có thể nghiền nát các pháp oai lực của Bồ tát đi vào cảnh giới sai biệt). vô sai biệt. Sớ nói: A là đi vào Năm, Na tự môn. nghĩa vô sanh. Lý vô sanh bao trùm Tiếng Phạn là Na, tiếng Hoa là muôn pháp. Bồ tát nhận được ý Bất. Vì biết rằng tất cả pháp lìa nghĩa vô sanh này thì có thể thấu danh lìa tướng, chẳng được chẳng được các pháp đều không, dứt trừ mất, chẳng đến chẳng đi. Kinh nói: tất cả chướng ngại. Khi xướng chữ Na thì đi vào cửa Hai, Đa tự môn. Bát nhã ba la mật, gọi là được cái Theo Đại phẩm Bát nhã kinh là không nương tựa. Sớ nói: Các pháp La, là tiếng Phạn, gọi đủ là La xà, không có dùng đến ngôn thuyết, tiếng Hoa là Cấu. Vì tất cả pháp văn tự, tánh, tướng đều mất, nên xưa nay thanh tịnh, lìa xa dơ bẩn. không có chỗ nương tựa. Kinh nói: Khi xướng chữ Đa thì đi Sáu, La tự môn. vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là vô La là tiếng Phạn, nói đủ là La biên sai biệt. Sớ nói: Cái thanh tịnh, cầu, tiếng Hoa là Khinh. Vì biết tất không nhiễm ô đó, có nghĩa là xa cả pháp lìa tướng năng, nhẹ. Kinh lìa bụi dơ. nói: Khi xướng lên chữ La thì đi Ba, ba tự môn. vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là xa Ba là tiếng Phạn, nói đủ là ba la lìa nương tựa không có nhơ sạch. mật đà, tiếng Hoa là Đệ nhất nghĩa. Sớ nói: Ngộ tất cả pháp xa lìa sai Vì thánh trí tự giác mà được, chẳng lầm, nhiễm ô của thế gian. phải cảnh giới của ngôn thuyết, Bảy, Đà tự môn. vọng tưởng. Kinh nói: Khi xướng Tiếng

Phạn là Đà, còn gọi là Đà lên chữ ba thì đi vào cửa Bát nhã ba ma, tiếng Hoa là Thiện. Vì biết tất la mật, gọi là Phổ chiếu pháp giới. cả pháp, thiện tướng do thiện tâm Sớ nói: Các pháp đều bình đẳng, sanh. Kinh nói: Khi xướng lên chữ tức là Phổ chiếu pháp giới. Đà thì đi vào cửa Bát nhã ba la mật, Bốn, Giả tự môn. gọi là phương tiện bất thối chuyển. Giả, theo Đại phẩm Bát nhã Sớ nói: Ngộ tất cả pháp, điều phục kinh là Già, là tiếng Phạn, gọi đủ là tịch tĩnh, chân như bình đẳng Già lê dạ, tiếng Hoa là Hành. Vì không phân biệt. biết tất cả các hành đều chẳng phải Tám, Bà tự môn. là hành. Kinh nói: Khi người xướng Bà là tiếng Phạn, gọi đủ là Bà lên chữ Giả thì đi vào cửa Bát nhã đà, tiếng Hoa là Phược. Vì biết tất ba la mật, gọi là Phổ luân kỳ sai cả pháp không trói không mở. Kinh

nói: Khi xướng lên chữ Bà, thì đi Ngộ tất cả pháp, dứt bặt nói năng, vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là có thể an trú khắp nơi. Kim cang tràng. Sớ nói: Ngộ tất cả Mười hai, Đả tự môn. pháp xa lìa trói, mở vậy, mới vào Theo Đại phẩm Bát nhã kinh là kim cang tràng. Đa. Tiếng Phạn gọi đủ là Đa tha, (Kim cang tràng tức là Kim tiếng Hoa là Như. Vì vào tướng bất cang tâm, đó là ngôi vị Đẳng giác động chân như của các pháp. Kinh của Bồ tát). nói: Khi xướng lên chữ Đả thì đi Chín, Trà tự môn. vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là Trà là tiếng Phạn, gọi đủ là Trà Viên mãn quang. Sớ nói: Ngộ tất cả xà tha, tiếng Hoa là Bất nhiệt. Vì pháp là sự bất động của Chân như biết tất cả pháp không có tướng hiển hiện đầy đủ. nhiệt não. Kinh nói: Khi xướng lên Mười ba, Giã tự một. chữ Trà thì đi vào cửa Bát nhã ba la Tiếng Phạn gọi đầy đủ là Dạ mật, gọi là Phổ luân. Sớ nói: Ngộ giã bạt, tiếng Hoa là Thật. Vì biết tất cả pháp lìa xa nhiệt não, uế tất cả các pháp sắc và tâm đi vào trược, được sạch sẽ, mát mẻ. Đó là trong thật tướng thì không sanh nghĩa bẻ gãy tất cả. Vì bánh xe có không diệt. Kinh nói: Khi xướng khả năng nghiền nát tất cả phiền lên chữ Giã thì đi vào cửa Bát nhã não. ba la mật, gọi là Sai biệt tích tụ. Sớ Mười, Sa tự môn. nói: Vì ngộ như thật bất sanh thì Tiếng Phạn là Sa, tiếng Hoa là các thừa có đầy đủ đều không thể Lục (sáu). Vì biết tướng sáu căn được. của thân người đều tự tại. Kinh nói: Mười bốn, Sắt trá tự môn. Khi xướng lên chữ Sa thì đi vào Sắt trá, theo Đại phẩm Bát nhã cửa Bát nhã ba la mật, gọi là Hải là Tra; tiếng Phạn gọi đủ là Trá bà, tạng. Sớ nói: Vì ngộ tất cả pháp tiếng Hoa là Chướng ngại, vì biết không có quái ngại, như biển chứa tất cả pháp không có chướng ngại. đựng vạn tượng. Kinh nói: Khi xướng lên chữ Sắt (Đều tự tạo là như nhãn căn trá thì đi vào cửa Bát nhã ba la mật, mặc nhiên xem sắc, tự tại không trở gọi là Phổ quang minh, vì dứt bặt ngại. Tùy theo công dụng của năm phiền não. căn cũng như thế). Mười lăm, Ca tự môn. Mười Một, Phọc tự môn. Ca là tiếng Phạn, gọi đủ là Ca Theo Đại phẩm Bát nhã là Hòa. la, tiếng Hoa là Tác giả; vì biết Tiếng Phạn gọi đủ là Hòa ba đà, trong các pháp không có tác giả. tiếng Hoa là Ngữ ngôn. Vì biết tất Kinh nói: Khi xướng lên chữ Ca thì cả pháp xa lìa tướng ngôn ngữ. đi vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là Kinh nói: Khi xướng lên chữ Phọc Vô sai biệt vân. Sớ nói: Tạo ra thì đi vào cửa Bát nhã ba la mật, nghiệp như mây đều không khác gọi đủ là Phổ sanh an trú. Sớ nói: nhau.

Mười sáu, Ta tự môn. Xã thì đi vào cửa Bát nha ba la mật, Ta là tiếng Phạn. gọi đủ là Ta ta, gọi là nhập thế gian hải thanh tịnh. tiếng Hoa là Nhất thiết, vì khi đi Hai mươi mốt, Tỏa tự môn. vào tất cả pháp đều không thể được. Tiếng Phạn là Tỏa, theo Đại Kinh nói:

Khi xướng lên chử ta thì phẩm Bát nhã là Bá, vì biết tất cả đi vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là pháp không thể được. Kinh nói: giáng dâm đại vũ. Sớ nói: Đó là Khi xướng lên chữ Tỏa thì đi vào tánh bình đẳng. cửa Bát nhã ba la mật, gọi là niệm Mười bảy, Ma tự môn. nhất thiết Phật trang nghiêm. Sớ Ma là tiếng Phạn, gọi đủ la Ma nói: Đó là tánh an ổn. ma ca la, tiếng Hoa là Ngã sở, vì Hai mươi hai, Đà tự môn. biết tất cả pháp lìa xa ngã sở. Pháp Đà là tiếng Phạn, nói đủ là Đà sư Triệu nói ngã là chủ của vạn vật, ma, tiếng Hoa là pháp tánh, vì biết vạn vật là ngã sở. Kinh nói: Khi trong tất cả pháp, pháp tánh là xướng lên chữ Ma thì đi vào cửa không thể được. Kinh nói: Khi Bát nhã ba la mật, gọi là Đại lưu xướng lên chữ Đà thì đi vào cửa thoan kích, chúng phong tề trĩ Bát nhã ba la mật, gọi là quán sát, (Sông lớn chảy xiết, các đỉnh núi lựa chọn tất cả pháp vô thường. đều đứng thẳng lên). Sớ nói: Tánh Hai mươi ba, Xa tự môn. chấp của ngã sở như các đỉnh núi Xa, Theo Đại phẩm Bát nhã cố vươn thẳng lên, trường giang kinh là Xa, tiếng Phạn gọi đủ là Xa chảy xiết. đa, tiếng Hoa là Tịch diệt, vì biết Mười tám, Ca tự môn. tướng tịch diệt của các pháp đều Ca là tiếng Phạn, gọi đủ là Ca không thể được. Kinh nói: Khi đà, tiếng Hoa là Để, vì biết căn để xướng lên chữ Xa thì đi vào cửa của các pháp không thể được. Kinh Bát nhã ba la mật, gọi là tùy thuận nói: Khi xướng lên chữ Ca thì đi nhất thiết Phật giáo luân quang vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là minh. Sớ nói: Đó là tánh tịch diệt. Phổ an lập. Sớ nói: Chọn lấy tánh Hai mươi bốn, Khư tự môn. của tất cả hành pháp. Tiếng Phạn là Khư, tiếng Hoa Mười chín, Tha tự môn. là Hư không, vì biết các pháp giống Tha là tiếng Phạn, gọi đủ là Đa như hư không, không thể được. tha a già đà, tiếng Hoa là Như khứ, Kinh nói: khi xướng lên chữ Khư vì cửa vào Bát nhã ba la mật, gọi là thì đi vào cửa Bát nhã ba la mật, Chân như bình đẳng tạng. gọi là Tu nhân địa trí huệ tạng. Sớ Hai mươi, Xã tự môn. nói: Đó là tánh của hư không. Xã theo Đại phẩm Bát nhã kinh Hai mươi lăm, Xoa tự môn. là Xà, tiếng Phạn gọi đủ là xà đề xà Xoa là tiếng Phạn, nói đủ là la, tiếng Hoa là Sanh. Vì biết việc Xoa da, tiếng Hoa là Tận, vì đi vào sanh của các pháp là không thể tận tánh của các pháp, không thể được. Kinh nói: Khi xướng lên chữ được. Kinh nói: Khi xướng lên chữ

Xoa thì đi vào cửa Bát nhã ba la Nhất thiết trí cung điện viên mãn mật, gọi là Tức chư nghiệp hải tạng. trang nghiêm (Cung điện trang Sớ nói: giống như nói tận không nghiêm hoàn toàn của nhất thiết trí). nghiệp hải. Ba mươi, Xa tự môn. Hai mươi sáu, Ta đa tự môn. Xa là tiếng Phạn, gọi đủ là Già Ta đa, theo Đại phẩm Bát nhã xa đề, tiếng Hoa là Khứ, vì biết tất kinh Là Đá, tiếng Phạn gọi đủ là Ca cả pháp không đi về đâu. Kinh nói: đá độ cầu da, tiếng Hoa là Thị sự Khi xướng lên chữ Xa thì đi vào biên đắc hà lợi, vì biết vòng quang cửa Bát nhã ba la mật, gọi là tu (biên giới) của các pháp thì được hành phương tiện tạng các biệt viên lợi gì. Kinh nói: Khi xướng lên chữ mãn (Tạng phương tiện tu hành, Ta đá thì đi vào cửa Bát nhã ba la mỗi thứ đều viên mãn). mật gọi là Quyên chư hoặc chướng Ba mươi mốt, Tột ma tự môn. (Trừ bỏ hết các chướng ngại, phiền Tột ma, theo Đại phẩm Bát nhã não), mở ra ánh sáng thanh tịnh. là ma, tiếng Phạn là A thấp ma, Hai mươi bảy, Hoại tự môn. tiếng Hoa là Thạch, vì biết các Hoại, theo Đại phẩm Bát nhã là pháp vững chắc như đá kim cương, Nhược (nhã), tiếng Phạn gọi đủ là không thể hư hoại. Kinh nói: Khi Nhã na, tiếng Hoa là Trí, vì biết xướng lên chữ Tột ma thì đi vào trong tất cả pháp không có trí tướng. cửa Bát nhã ba la mật, gọi là

Tùy Kinh nói: Khi xướng lên chữ Hoại thập phương hiện kiến chư Phật thì đi vào cửa Bát nhã ba la mật, (Thấy chư Phật hiện tiền tùy theo gọi là tạo ra cửa trí huệ cho thế mười phương). gian. Ba mươi hai, Ha bà tự môn. Hai mươi tám, Hạt lõa đa tự Ha bà, theo Đại phẩm Bát nhã môn. là Hỏa, tiếng Phạn gọi đủ là Hỏa dạ, Tiếng Phạn là Hạt lõa đa, còn tiếng Hoa là Hoán lai, vì, tuy biết gọi là A thi, theo Đại phẩm Bát nhã tất cả pháp không có tướng âm là Thi, tiếng Hoa là Nghĩa, vì biết thinh, cũng kêu gọi cái vô duyên nghĩa của tất cả pháp, không thể làm cho nó có duyên. Kinh nói: Khi được. Kinh nói: Khi xướng lên chữ xướng lên chữ Ha bà thì đi vào cửa Hạt lõa đa thì đi vào cửa Bát nhã ba Bát nhã ba la mật, gọi là quán sát la mật, gọi là sanh tử cảnh giới trí tất cả chúng sanh vô duyên, bằng huệ luân (Bánh xe trí huệ đi vào phương tiện nhiếp thọ, khiến cho cảnh giới sanh tử). sản sanh ra vô ngại lực. Hai mươi chín, Bà tự môn. Ba mươi ba, Thả tự môn. Bà là tiếng Phạn, gọi đủ là Bà Thả, theo Đại phẩm Bát nhã là già, tiếng Hoa là Phá, vì biết không Ta, tiếng Phạn gọi đủ là Mạt ta la, thể phá hoại tướng của tất cả pháp. tiếng Hoa là San (khan), vì biết tất Kinh nói: Khi xướng lên chữ Bà thì cả pháp không có tướng keo kiệt đi vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là hay rộng lượng. Kinh nói: Khi

xướng lên chữ Thả (ta) thì đi vào Tiếng Phạn là Ta ca, lại gọi là cửa Bát nhã ba la mật, gọi là tu Ca đại, theo Đại phẩm Bát nhã là hành hướng hết vào biển công đức. Ca, tiếng Hoa là Chúng, vì biết sắc, Ba mươi bốn, Già tự môn. thọ, tưởng, hành, thức không thể Già là tiếng Phạn, gọi đủ là Già được. Kinh nói: Khi xướng lên chữ na, tiếng Hoa là Hậu, vì biết các Ta ca thì đi vào cửa Bát nhã ba la pháp chẳng dày chẳng mỏng. Kinh mật, gọi là Quảng đại tạng vô ngại nói: Khi xướng lên chữ Già thì đi biện quang minh luân biến chiếu vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là (cái kho lớn chứa khả năng biện tài hải tạng là nơi giữ tất cả pháp vân vô ngại như bánh xe rực rỡ chiếu vững chắc. Sớ nói: Đó là tánh bình sáng khắp nơi). đẳng như mây che khắp mọi nơi. Ba mươi chín, Dã ta tự môn. Ba mươi lăm, Trá tự môn. Tiếng Phạn là Dã ta, theo Đại Trá, theo Đại phẩm Bát nhã là phẩm Bát nhã là Ta. Kinh nói: Khi Tha, tiếng Phạn gọi đủ là Tha na, xướng lên chữ Ta thì đi vào cửa tiếng Hoa là Xứ, vì biết các pháp Bát nhã ba la mật, gọi là tuyên không có nơi chốn. Kinh nói: Khi thuyết tất cả cảnh giới của Phật xướng lên chữ Trá thì đi vào cửa pháp. Bát nhã ba la mật, gọi là tùy Bốn mươi, Thất giả tự môn. nguyện thấy khắp mười phương Thất giả, theo Đại phẩm Bát chư Phật. nhã là Già. Tiếng Phạn gọi đủ là Ba mươi sáu, Nã tự môn. Giá la địa, tiếng Hoa là Huân, vì Tiếng Phạn là Nã, tiếng Hoa là biết tướng của tất cả Pháp bất động. Bất, vì vào các pháp thì không đi Kinh nói: Khi xướng lên chữ Thất, không đến. Kinh nói: Khi xướng thì đi vào cửa Bát nhã ba la mật, lên chữ Nã thì đi vào cửa Bát nhã gọi là đối với tất cả chúng sanh giới, ba la mật, gọi là quán sát tự luân tiếng sấm Phật pháp vang khắp mọi (quán sát sự tranh cãi, không đi nơi. không ở, đi đứng nằm ngồi luôn Bốn mươi mốt, Tha tự môn. quán tự luân). Tha, theo Đại phẩm Bát nhã là Ba mươi bảy, Ta phả tự luân. Trá. Tiếng Phạn là nói đủ là Đa la, Tiếng Phạn là Ta phả, còn gọi tiếng Hoa là Ngạn, vì biết bờ bên là Phả la, theo Đại phẩm Bát nhã là này hay bờ bên kia của tất cả pháp Phả, tiếng Hoa là Quả, vì biết tất cả đều không thể được. Kinh nói: Khi pháp tánh nhân, quả là không. Kinh xướng lên chữ Tha thì đi vào cửa nói: Khi xướng lên chữ Ta phả thì Bát nhã ba la mật, gọi là dùng vô đi vào cửa Bát nhã ba la mật, gọi là ngã, pháp mở bày cho chúng sanh dạy dỗ chúng

sanh đến chỗ rốt ráo. hiểu. Sớ nói: Đó là quả báo đầy khắp. Bốn mười hai, Đà tự môn. Ba mươi tám, Ta ca tự môn. Đà, theo Đại phẩm Bát nhã là Trà, tiếng Phạn gọi đủ là Bỉ trà,

tiếng Hoa là Tất, vì biết tất cả pháp, của con đều được hóa sanh từ hoa nhất định, không thể được. sen trong ao nước bảy báu. Mong Sau chữ Trà này không còn chữ ước này, nếu không được, con trọn nào nữa đáng nói. Kinh nói: Khi đời không thành Phật. xướng lên chữ Trà thì đi vào cửa Nguyện 3: Mong người trong Bát nhã ba la mật, gọi là tạng nhất nước của con, khi muốn ăn thì thiết pháp luân sai biệt. Sớ nói: Đó mười0 thức chứa đầy trong bát bảy là chứa đựng tất cả pháp luân. báu, hiện ra trước mặt, ăn xong bát tự nhiên mất. Mong ước này, nếu TỨ THẬP BÁT NGUYỆN không được, con trọn đời không (Đại Di đà kinh). thành Phật. Nguyện 4: Mong người trong Phật A di đà, ban đầu có tên là nước của con, muốn có y phục, Tỳ kheo Pháp tạng, lúc ấy, ở trước theo ý tự đến, không nhờ đến may Phật tự tại vương mà thưa rằng con vá, giặt giũ. Mong ước này, nếu phát tâm vô thượng Bồ đề, nguyện không được, con trọn đời không khi thành Phật, thân tướng quang thành Phật. minh, cõi nước thù thắng, có được Nguyện 5: Mong trong nước hay không ? Phật Tự tại vương biết của con từ mặt đất đến không trung, trí thức cao minh, tâm nguyện to đều có nhà cửa, cung điện, lâu đài, lớn của Tỳ kheo Pháp tạng, bèn ao, sông, cây cảnh do vô lượng hiển hiện hai ngàn một trăm vạn châu báu, trăm ngàn hoa hương cõi Phật với đầy đủ các tướng lành, hợp lại mà thành, với trang sức kỳ dữ, tốt, xấu. Pháp tạng nhất tâm, diệu, siêu việt tất cả. Hương thơm liền chứng được thiên nhãn thấy tất ấy xông ướp khắp mười thế giới, cả chừng ấy cõi Phật. Lại thưa Phật chúng sanh ngửi được đều tu theo Tự tại vương rằng con đã thừa nhận Phật hạnh. Mong ước này, nếu cõi Phật trên và lập hạnh trang không được, con trọn đời không nghiêm quốc độ thanh tịnh ấy, nhờ thành Phật. Phật chuẩn y cho, rồi phát bốntám Nguyện 6: Mong người trong lời nguyện sau: nước của con, tâm luôn thương Nguyện 1: Mong trong nước mến, kính trọng nhau, không ghen của con không có địa ngục, ngạ quỷ, ghét nhau. Mong ước này, nếu súc sanh cho đến các loài bò, bay, không được, con trọn đời không máy cựa. Mong ước này, nếu thành Phật. không được, con trọn đời không Nguyện 7: Mong người trong thành Phật. nước của con, dứt hết tâm dâm dục, Nguyện 2: Mong trong nước nóng nảy, ngu si. Mong ước này, con không có người nữ. Nhân dân, nếu không được, con trọn đời các trời của vô số thế giới, cho đến không thành Phật. loài bò, bay, máy cựa, sanh về nước

Nguyện 8: Mong người trong giới cho đến các loài bò, bay, máy nước của con, đều cùng một lòng cựa đều được làm người, đều được lành, không có sai lầm, suy nghĩ làm Duyên giác, Thinh văn, đều khác, nếu nói thì đều biết ý của nhất tâm tọa thiền, muốn biết số nhau. Mong ước này, nếu không dân ấy, cũng không thể biết được. được, con trọn đời không thành Mong ước này, nếu không được, Phật. con trọn đời không thành Phật. Nguyện 9: Mong người trong Nguyện 14: Mong người trong nước của con, đều không nghe đến nước của con đều sống lâu đến vô danh từ bất thiện, huống chi là có số kiếp, không ai có thể tính toán thật việc ấy. Mong ước này, nếu biết được. Mong ước này, nếu không được, con trọn đời không không được, con trọn đời không thành Phật. thành Phật. Nguyện 10: Mong người trong Nguyện 15: Mong người trong nước của con,

biết thân không thật nước của con, hưởng thọ sự an vui nên tâm không tham đắm. Mong giống như Tỳ kheo viễn ly sanh tử. ước này, nếu không được, con trọn Mong ước này, nếu không được, đời không thành Phật. con trọn đời không thành Phật. Nguyện 11: Mong người trong Nguyện 16: Mong người trong nước của con, tuy có chư thiên, so nước của con ở ngôi chánh tín, xa với đời có khác, nhưng hình dung lìa điên đảo tưởng, các căn vắng đều cùng một màu vàng ánh, diện lặng, hoàn toàn vào tịch diệt. Mong mạo tươi đẹp, thanh tịnh, không ước này, nếu không được, con trọn chút xấu xí, kỳ dị. Mong ước này, đời không thành Phật. nếu không được, con trọn đời Nguyện 17: Mong con nói không thành Phật. pháp, hành đạo gấp mười lần các vị Nguyện 12: Mong tuổi thọ của Phật khác. Mong ước này, nếu con lâu dài ngàn ức vạn kiếp; cho không được, con trọn đời không dù trời, người trong mười phương thành Phật. vô số thế giới cho đến các loài bò Nguyện 18: Mong người trong bay, máy cựa đều được làm người, nước của con đều am tường kiếp đều được làm Duyên giác, Thinh trước, biết việc đã làm từ trăm ngàn văn, đều nhất tâm tọa thiền muốn ức na do tha kiếp. Mong ước này, biết số tuổi ấy cũng không thể biết nếu không được, con trọn đời được. Mong ước này, nếu không không thành Phật. (Na do tha là được, con trọn đời không thành tiếng Phạn, tiếng Hoa là vạn ức). Phật. Nguyện 19: Mong người trong Nguyện 13: Mong số lượng nước của con đều được thiên nhãn nhân dân trong nước con, đông đến thấy trăm, ngàn ức na do tha thế ngàn ức vạn; cho dù trời, người giới. Mong ước này, nếu không trong mười phương ngàn ức thế

được, con trọn đời không thành Từ trời, người cho đến các loài bò Phật. bay, máy cựa thấy ánh sáng ấy đều Nguyện 20: Mong người trong sanh lòng từ bi làm việc lành và đời nước của con, đều được thiên nhĩ sau đều về nước con. Mong ước nghe trăm, ngàn, ức na do tha chư này, nếu không được, con trọn đời Phật nói pháp và có thể thọ nhận tất không thành Phật. cả. Mong ước này, nếu không được, Nguyện 26: Mong trời, người con trọn đời không thành Phật. trong mười phương vô số thế giới, Nguyện 21: Mong người trong cho đến các loài bò bay, máy cựa nước của con, đều được tâm trí biết nhận được ánh sáng của con tiếp trăm, ngàn, ức tâm niệm chúng xúc đến thân thể thì từ hòa hơn cả sanh trong na do tha thế giới. Mong những vị khác. Mong ước này, nếu ước này, nếu không được, con trọn không được, con trọn đời không đời không thành Phật. thành Phật. Nguyện 22: Mong người trong Nguyện 27: Mong trời, người nước của con, đều được thần túc trong mười phương vô số thế giới, thông, trong một niệm, có thể đi phát tâm Bồ đề, thọ trì, trai giới, đến trăm, ngàn, ức na do tha thế thực hành sáu ba la mật, tu tập các giới khác. Mong ước này, nếu công đức, chí tâm phát nguyện không được, con trọn đời không muốn sanh về nước con. Khi sắp thành Phật. chết, con và đại chúng hiện ra trước Nguyện 23: Mong danh hiệu người ấy và hướng dẫn để không của con, chư Phật trong mười thối chuyển hạnh vị Bồ tát. Mong phương vô số thế giới đều nghe đến; ước này, nếu không được, con trọn tất cả đại chúng đều khen ngợi đời không thành Phật. công đức, cõi nước kỳ diệu của con; Nguyện 28: Mong trời, người, trời, người cho đến loài bò, bay, trong mười phương vô số thế giới, máy cựa nghe đến danh hiệu của nghe danh hiệu con thì đốt hương, con đều phát khởi tâm từ, an vui và tung hoa, thắp đèn, treo tượng, đời sau cùng sanh về nước con. cúng dường thực phẩm cho

các vị Mong ước này, nếu không được, Sa môn, xây dựng tháp, chùa, giữ con trọn đời không thành Phật. gìn trai giới, và làm các việc lành; Nguyện 24: Mong ánh sáng từ một lòng khẩn thiết nhớ đến con, đỉnh đầu của con nhiệm mầu hơn tuy chỉ trong một ngày đêm, cũng hẳn trăm, ngàn, ức, vạn ánh sáng được sanh về nước con. Mong ước của mặt trời, mặt trăng. Mong ước này, nếu không được, con trọn đời này, nếu không được, con trọn đời không thành Phật. không thành Phật. Nguyện 29: Mong trời, người, Nguyện 25: Mong ánh sáng của trong mười phương vô số thế giới, con, chiếu soi những chỗ tối tăm chí tâm, tin tưởng, ao ước, chỉ niệm trong trời đất đều được rực sáng. danh hiệu con mười tiếng thì chắc

chắn kiếp sau sanh về nước con; trừ sanh đều phát tâm tin tưởng, tu tất kẻ ngũ nghịch, chê bai chánh pháp. cả hạnh lành. Mong ước này, nếu Mong ước này, nếu không được, không được, con trọn đời không con trọn đời không thành Phật. thành Phật. Nguyện 30: Mong trời, người, Nguyện 34: Mong người trong trong mười phương vô số thế giới, nước con muốn sanh đến nơi khác cho đến các loài bò bay, máy cựa, theo như ý nguyện mà không rơi lại đời trước làm ác, nghe đến danh vào đường ác. Mong ước này, nếu hiệu con liền sám hối và làm lành, không được, con trọn đời không giữ gìn trai giới, nguyện sanh về thành Phật. nước con. Khi chết, những vị ấy Nguyện 35: Mong Bồ tát trong không trải qua các đường ác, mà nước con, bằng hương hoa, tràng đầu thai ngay vào đời sau, tất cả phan, bảo cái, chân châu, anh lạc và ước muốn đều được như ý. Mong tất cả nhu cầu khác, muốn đến vô ước này, nếu không được, con trọn lượng thế giới cúng dường chư đời không thành Phật. Phật, thời gian trong một bữa ăn Nguyện 31: Mong trời, người, mà đi đến khắp hết các nơi ấy. trong mười phương vô số thế giới, Mong ước này, nếu không được, nghe danh hiệu con, năm vóc gieo con trọn đời không thành Phật. xuống đất, cúi đầu làm lễ, vui Nguyện 36: Mong Bồ tát trong mừng, tin tưởng, tu hạnh Bồ đề, nước con, bằng muôn ngàn phẩm cho đến trời, người ai cũng kính vật, cúng dường chư Phật trong trọng rất mực. Mong ước này, nếu mười phương, thì liền đến trước không được, con trọn đời không mặt chư Phật đó cúng dường đầy thành Phật. đủ, với thời gian chưa quá giờ ngọ Nguyện 32: Mong người nữ, của ngày ấy, rồi trở về lại nước con. trong mười phương vô số thế giới, Mong ước này, nếu không được, nghe danh hiệu con vui mừng, tin con trọn đời không thành Phật. tưởng phát tâm Bồ đề, chán thân nữ Nguyện 37: Mong Bồ tát trong dơ ác, sau khi chết không làm thân nước của con giữ chánh pháp bằng ấy nữa. Mong ước này, nếu không cách đọc tụng, giảng nói, chắc chắn được, con trọn đời không thành được trí huệ biện tài. Mong ước Phật. này, nếu không được, con trọn đời Nguyện 33: Mong người nào không thành Phật. đã sanh về nước con thì đều được Nguyện 38: Mong Bồ tát trong làm Phật bổ xứ, trừ những người có nước của con có khả năng diễn bổn nguyện đến nơi khác giáo hóa thuyết tất cả pháp với trí huệ biện chúng sanh, tu hạnh Bồ tát, cúng tài không có hạn lượng. Mong ước dường chư Phật thì tự tại sanh về này, nếu không được, con trọn đời đó. Con dùng oai thần lực giúp cho không thành Phật. những vị ấy, giáo hóa tất cả chúng

Nguyện 39: Mong Bồ tát trong Nguyện 44: Mong Bồ tát, nước con có kim cang lực, thân thể Thinh văn trong nước của con đều có sắc vàng óng, đầy đủ tướng tốt, là bậc trí huệ,

oai thần đỉnh đầu nói kinh, hành đạo không khác với phát ra ánh sáng, tiếng nói trong Phật. Mong ước này, nếu không suốt rõ ràng, nói kinh hành đạo, so được, con trọn đời không thành với Phật không khác. Mong ước Phật. này, nếu không được, con trọn đời Nguyện 40: Mong ước con không thành Phật. trong sạch, đến độ vô lượng thế Nguyện 45: Mong Bồ tát ở các giới trong mười phương soi rõ có thế giới khác, nghe danh hiệu con, thể thấy được. Ngồi dưới tàng cây quy y, tinh tấn đều được Tam muội bảy báu, Bồ tát muốn thấy tất cả giải thoát, thanh tịnh ở trong chánh cõi Phật nghiêm tịnh, ứng hiện tức định này, các Bồ tát ấy cúng dường thời, giống như soi mặt vào tấm chư Phật nhiều không thể nghĩ bàn kính sáng. Mong ước này, nếu mà định ý không mất. Mong ước không được, con trọn đời không này, nếu không được, con trọn đời thành Phật. không thành Phật. Nguyện 41: Mong Bồ tát trong Nguyện 46: Mong chư Bồ tát ở nước con, tuy có vị công đức ít, các thế giới khác nghe danh hiệu cũng có thể thấy được cây đạo con, quy y tinh tấn, đều được Tam tràng của con, cao 4000 do tuần. muội phổ đẳng đến khi thành Phật, Mong ước này, nếu không được, những vị này luôn thấy vô lượng con trọn đời không thành Phật. chư Phật không thể nghĩ bàn. Mong (Do tuần là tiếng Phạn, tiếng ước này, nếu không được, con trọn Hoa là Hạn lượng. một do tuần: 40 đời không thành Phật. dặm hoặc 60 dặm hoặc 80 dặm). Nguyện 47: Mong chư Bồ tát Nguyện 42: Mong trời, người trong thế giới khác, nghe danh hiệu và tất cả vạn vật trong nước của con, quy y tinh tấn, thì đến địa bất con, đều trang nghiêm, thanh tịnh, thối chuyển. Mong ước này, nếu sáng đẹp; hình thể, màu sắc hòa không được, con trọn đời không hợp tuyệt vời, vi diệu cùng cực, thành Phật. không còn lời khen ngợi. Chúng Nguyện 48: Mong chư Bồ tát sanh, tuy có thiên nhãn, không thể trong thế giới khác, nghe danh hiệu nói hết tên và số lượng. Mong ước con, quy y tinh tấn, thì được địa vị này, nếu không được, con trọn đời nhẫn thứ nhất, thứ hai, thứ ba; đối không thành Phật. với pháp Phật chắc chắn không thối Nguyện 43: Mong người trong chuyển. Mong ước này, nếu không nước con, nghe pháp theo ý muốn được, con trọn đời không thành của mình, bất cứ lúc nào, ở đâu. Phật. Mong ước này, nếu không được, con trọn đời không thành Phật.

(Tam nhẫn là âm hưởng nhẫn, phải biết nghe theo. Đối với nhu thuận nhẫn, vô sanh pháp nhẫn phương tiện thiện xảo của thiện tri hay Hỉ nhẫn, ngộ nhẫn, tín nhẫn). thức chớ để lầm lỗi. Đức Văn thù bèn bảo Thiện tài đi về phương THIỆN TÀI NGŨ THẬP Nam, trước tham vấn với Tỳ kheo TAM THAM Đức vân. Lần lược theo hướng dẫn,

(Hoa nghiêm đến cuối cùng tham vấn Bồ tát Phổ hiền học được Tam muội môn kinh). nhiều như số vi trần của tất cả cõi Kinh nói: Thiện tài đồng tử khi Phật. Như thế, Thiện tài trải qua vừa vào thai thì nhà cửa tự nhiên mộtmười thành, tham vấn năməba xuất hiện lầu các bằng bảy báu. Ở thiện tri thức. Đó là ngũ thập tam dưới lâu đài có kho báu ẩn giấu. tham. Đất tự mở ra, mọc lên cái răng Tham 1. Trước hết, Thiện tài bằng bảy báu. Đồng tử ở trong thai nhận sự dạy bảo của Bồ tát Văn thù mười tháng rồi mới sanh ra, thân là đi đến núi Diệu phong, nước thể, tay chân đầy đủ và tuyệt hảo. Thắng lạc, tham vấn Tỳ kheo Đức Tất cả trân bảo tự nhiên xuất hiện, vân. Trải qua bảy ngày, Thiện tài chứa đầy trong các kho tàng. Vì lý đến nước ấy tìm kiếm, thấy Tỳ do này, cha, mẹ, thân thuộc và thầy kheo Đức vân đang đi kinh hành tướng giỏi đều đặt tên đức bé

là trên một ngọn núi khác. Vì thế Thiện tài. Thiện tài đến đó, đảnh lễ, thưa rằng: Về sau, nhân Bồ tát Văn thù sư Trước con đã phát tâm Bồ đề, lợi đến phía đông Phước thành, ở nhưng chưa biết Bồ tát làm thế nào trong rừng Trang nghiêm tràng Bà học được hạnh của Bồ tát, cho đến la, nói pháp cho mọi người. Thiện làm thế nào học hạnh Phổ hiền cho tài cùng 500 đồng tử đến chỗ Ngài mau viên mãn ? Văn thù, đảnh lễ dưới chân và thưa Lúc ấy, Tỳ kheo Đức vân đã rằng xin bậc thánh giả, vì con, rộng nói rằng, nhớ lại Pháp môn trí huệ nói: Bồ tát làm sao học đạo Bồ tát quang minh phổ kiến (trí tuệ sáng cho đến làm sao hạnh Phổ hiền suốt thấy khắp) tất cả cảnh giới của mau được viên mãn? chư Phật, lại giống như Hạnh môn Bồ tát Văn thù trả lời: Thiện trí huệ thanh tịnh vô biên của Bồ tát; nam tử con đã phát tâm A nậu đa la nhưng con làm sao có thể biết, có tam miệu tam Bồ đề (tâm vô thể nói? Lại bảo đến tham vân Tỳ thượng chánh đẳng cháng giác), kheo Hải vân. muốn thành tựu nhất thiết trí (Phật Tham 2. Thiện tài vâng theo lời trí), phải quyết định cầu thiện tri dạy, đến nước Hải môn để tham thức, chớ có lười biếng. Gặp thiện vấn với Tỳ kheo Hải vân. Tỳ kheo tri thức rồi chớ có sớm chán. Đối Hải vân đã nói cho nghe về Pháp với sự dạy dỗ của thiện tri thức môn quan minh phổ nhãn mà chư

Phật và Bồ tát thật hành, lại nói thế giới không nên sanh hai ý giống như chư Bồ tát đi vào hạnh tưởng khác nhau. Hạnh nhiệm mầu rộng lớn như biển của tất cả Bồ tát; như thế; nhưng con làm sao có thể nhưng con làm sao có thể biết, có biết, có thể nói được ? Lại bảo đến thể nói ? Lại bảo đến tham vấn Tỳ tham vấn Tỳ kheo Hải tràng. kheo Thiện trụ. Tham 6. Thiện tài vâng lời đến Tham 3. Thiện tài vâng theo lời nước Bạn lợi già là ở Diêm phù đề, dạy, đến bên đường Lăng già, làng tham vấn với Tỳ kheo Hải tràng, đã Hải ngạn để tham vấn với Tỳ kheo nói cho nghe Quang minh Tam Thiện trụ; thấy Tỳ kheo này, ở muội Bát nhã ba la mật, lại nói trong không trung, đi kinh hành giống như chư Bồ tát đi vào cảnh qua lại, đã nói cho nghe về Vô ngại pháp giới của biển trí huệ thanh giải thoát môn của việc cúng dường tịnh; nhưng con làm sao có thể biết nhanh chóng, rộng lớn chư Phật hạnh nhiệm mầu ấy, công đức biện của chúng sanh thành tựu; lại nói luận ấy ? Lại bảo đến tham vấn Ưu giống như chư Bồ tát giữ giới đại bi, bà di Hưu xá. cho đến các giới ly cấu, công đức Tham 7. Thiện tài vâng lời đến cũng như thế; nhưng con làm sao xứ Hải triều, nước Phổ trang có thể biết, có thể nói ? Lại bảo đến nghiêm, tham vấn Ưu bà di Hưu xá, tham vấn Đại sĩ Di già. đã nói cho nghe về an ổn tràng giải (Tiếng Phạn là Lăng già, tiếng thoát môn. Xa lìa sầu não, lại nói Hoa là Bất khả trụ). giống như các vị Bồ tát tâm như Tham 4. Thiện tài vâng lời, đến biển, nên chấp nhận được tất cả nước Đạt lý tỵ trà, thành Tự tại, Phật pháp v.v...; nhưng con làm tham vấn Đại sĩ Di già, đã nói cho sao có thể biết, có thể nói ? Lại bảo nghe về Pháp môn Diệu âm đà la ni đến tham vấn tiên nhân Tỳ mục cù quang minh; lại nói giống như các sa. Bồ tát đi vào công đức và tư tưởng (Tỳ mục cù sa là tiếng Phạn, rộng sâu như biển của tất cả chúng gọi đủ là Tỳ đa la niết cù sa, tiếng sanh; nhưng nay, con làm sao có Hoa là Tối thượng vô khủng bố thể biết, có thể nói ? Lại bảo đến thinh). tham vấn Trưởng giả Giải thoát. Tham 8. Thiện tài vâng lời đi (Tiếng Phạn là Đạt lý tỵ trà, đến nước Na la tố, tham vấn tiên tiếng Hoa là Tiêu dung). nhân Tỳ mục cù sa, đã nói cho Tham 5. Thiện tài du hành, nghe về sự giải thoát của Bồ tát Vô theo thứ tự trong 12

năm, đến thành thắng tràng, lại nói giống như chư Trụ lâm, tham vấn Trưởng giả Giải Bồ tát đã thành tựu tất cả các pháp thoát, đã nói cho nghe Vô ngại giải Tam muội; nhưng con làm sao có thoát môn của Như lai, lại nói thể nói ? Lại bảo đến tham vấn Bà giống như chư Bồ tát được trí vô la môn Thắng nhiệt. ngại, cho đến đối với thân của ta và

(Tiếng Phạn là Na la tố, tiếng Tham 11. Thiện tài vâng lời, Hoa là Bất lại nọa). đến nước Tam nhãn, tham vấn Tỳ Tham 9. Thiện tài vâng lời đến kheo Thiện kiến, nói cho nghe về làng Y sa na, tham vấn Bà la môn Giải thoát môn của Bồ tát Tùy Thắng nhiệt, thấy Thắng nhiệt đang thuận đăng, lại nói giống như Bồ tu khổ hạnh, cầu nhất thiết trí. bốn tát ở trong nhà Như lai chân thật mặt lửa nhóm lại, giống như quả nhận lấy và sống với các pháp; núi lớn, ở chính giữa có núi dao nhưng con làm sao có thể biết, có vươn lên rất cao. Lên trên núi ấy, thể nói ? Lại bảo đến tham vấn nhảy xuống lửa dữ. Thắng nhiệt nói đồng tử Tự tại chủ. với Thiện tài rằng nay nhà ngươi Tham 12. Thiện tài vâng lời, nếu có thể lên núi dao này, rồi nhảy đến nước Danh quốc ở trong bãi xuống lửa dữ, thì các hạnh Bồ tát sông, tham vấn đồng tử Tự tại chủ, đều được thanh tịnh. nói cho nghe Pháp môn trí quang Lúc bấy giờ, Thiện tài liền lên minh của tất cả khéo léo của đại núi dao, tự nhảy xuống đống lửa, thần thông, lại nói giống như các chưa đến chính giữa thì liền chứng Bồ tát có thể biết được số lượng được Tam muội của Bồ tát Thiện chúng sanh và có thể biết được tất trụ, mới chạm vào ngọn lửa lại cả các pháp sai biệt; nhưng con làm chứng được thần thông Tam muội sao có thể nói được công đức ấy, tịch tĩnh an lạc của Bồ tát. Khi Bà biểu thị những việc làm của các vị la môn Thắng nhiệt nói với Thiện ấy nữa ? Lại bảo đến tham vấn Ưu tài rằng ta chỉ có được Vô tận luân bà di Cụ túc. giải thoát này của Bồ tát, giống như Tham 13. Thiện tài vâng lời, pháp diệm đẳng công đức lớn của đến đại thành Hải trụ, tham vấn Ưu các Bồ tát; nhưng con làm sao có bà di Cụ túc, nói cho nghe Vô tận thể biết có thể nói ? Lại bảo đến phước đức tạng của giải thoát môn tham vấn đồng nữ Từ hạnh. của Bồ tát, lại nói tất cả công đức (Tiếng Phạn là Y sa na, tiếng của các Bồ tát, giống như biển lớn, Hoa là Trường thực). sâu thẳm không cùng; nhưng con Tham 10. Thiện tài vâng lời làm sao có thể biết có thể nói ? Lại đến thành Sư tử phấn tấn, tham vấn bảo đến tham vấn cư sĩ Minh trí. đồng nữ Từ hạnh, nói cho nghe Phổ Tham 14. Thiện tài vâng lời, trang nghiêm môn của Bát nhã ba đến thành Đại hưng, tham vấn cư sĩ la mật, lại nói giống như tâm to lớn Minh trí, nói cho nghe Phước đức của các vị Bồ tát, bằng với hư tạng giải thoát môn tùy ý sanh ra, không, đi vào pháp giới, các pháp lại nói giống như các vị Bồ tát đều đầy đủ, thành tựu phước đức; thành tựu cánh tay báu, che khắp nhưng con làm sao có thể biết, có mười phương cõi nước, bằng sức tự thể nói ? Lại bảo tham vấn Tỳ kheo tại, mưa khắp tất cả nuôi sống đầy Thiện kiến. đủ; nhưng con làm sao có thể biết,

có thể nói ? Lại bảo tham vấn người bị chặt tay, chân hoặc có trưởng giả Pháp bảo kế. người bị bỏ trong nước sôi, lửa dữ. Tham 15. Thiện tài vâng lời, Thiện tài nhủ thầm rằng ta vì tất cả đến thành lớn Sư tử, tham vấn chúng sanh mà làm lợi ích, cầu trưởng giả Pháp bảo kế, nói cho hạnh Bồ đề. Bây giờ, vị vua này nghe Vô lượng phước đức bảo tạng tiêu diệt các pháp lành, làm các giải thoát môn của Bồ tát, lại nói nghiệp ác, làm sao, đối với ông vua giống như các pháp không thể nghĩ này, mà cầu pháp cứu giúp

chúng bàn về công đức bảo tạng của các sanh? Khi nảy ra ý niệm ấy, trong vị Bồ tát; nhưng con làm sao có thể không trung có vị trời nói rằng biết, có thể nói ? Lại bảo tham vấn thiện nam tử, người chớ chán ghét trưởng giả Phổ nhãn. mà lìa bỏ. Thiện tài liền lễ dưới Tham 16. Thiện tài vâng lời, chân vị ấy. Vua ra lệnh cho vào đến thành Phổ môn, nước Đẳng căn trong cung, xem khắp cung điện, to tham vấn trưởng giả Phổ nhãn, nói lớn không gì sánh bằng, đều do cho nghe Pháp môn làm cho tất cả châu ngọc làm nên. Vua lại bảo chúng sanh khắp thấy chư Phật rằng: Nếu ta thật làm nghiệp ác như hoan hỷ, lại nói giống như các vị thế thì làm sao được quả báo như Bồ tát như đại dược vương, hoặc thế, sắc thân như thế, quyến thuộc thấy chư Phật hoan hỷ, cho đến như thế, phong phú, tự tại như thế. niềm vui tịch diệt, bình đẳng an trụ; Bèn vì Thiện tài nói Bồ tát như ảo nhưng con làm sao có thể biết có giải thoát, lại nói giống như Bồ tát thể nói ? Lại bảo tham vấn vua Vô được vô sanh nhẫn, cho đến vào yếm túc. khắp tất cả Tam muội bình đẳng; Tham 17: Thiện tài vâng lời, nhưng con làm sao có thể biết, có đến thành Đa la tràng, tham vấn thể nói ? Lại bảo tham vấn vua Đại vua Vô yếm túc. Khi Thiện tài đến quang. thành ấy rồi, hỏi chỗ vua Vô yếm (Vô sanh pháp nhẫn là tất cả túc ở ? Mọi người trả lời rằng: Lúc pháp từ xưa đến nay không sanh, ở này vua đang ở chánh điện, ngồi trong pháp ấy, có khả năng nhẫn trên tòa sư tử, nói pháp dạy dỗ, được và ấn chứng). điều phục chúng sanh. Kẻ nào đáng Tham 18: Thiện tài vâng lời trị thì trị, kẻ nào đáng thu phục thì dạy, đến thành Diệu quang, tham thu phục, kẻ nào đáng trừng phạt vấn vua Đại quang, nói cho nghe tội ác thì trừng phạt; quyết định Bồ tát lấy đại từ làm đầu, Tam những vấn đề đang cãi vả, an ủi muội môn tùy thuận chúng sanh, lại cho những cô độc, yếu đuối. Tất cả nói giống như các Bồ tát tâm từ đều dứt hẳn sát sanh, trộm cắp, tà trùm khắp tất cả chúng sanh; nhưng dâm. Lúc ấy, Thiện tài theo lời mọi con làm sao có thể biết, có thể nghe, người nói, liền đi đến đó, gặp nhà có thể nói được đức độ ấy ? Lại bảo vua, dắt các tội nhân, hoặc có tham vấn Ưu bà di Bất động.

Tham 19: Thiện tài vâng lời, các Bồ tát giỏi dạo chơi trên biển đến nước An trụ, tham vấn Ưu bà lớn sanh tử, còn có khả năng dùng di Bất động, nói cho nghe Cầu nhất thần thông độ chúng sanh trong thiết pháp vô yếm túc Tam muội biển sanh tử; nhưng con làm sao có quang minh, lại nói giống như các thể biết, có thể nói ? Lại bảo tham Bồ tát; như chim Kim xí bay lượn vấn trưởng giả Vô thượng thắng. trong hư không, không hề chướng Tham 23: Thiện tài vâng lời, ngại, có thể vào biển lớn chúng đến thành Khả lạc, tham vấn trưởng sanh, thấy ai thiện căn đã thành giả Vô thượng thắng, nói cho nghe thục thì giữ lấy đặt lên bờ Bồ đề; về Pháp môn thanh tịnh hạnh tu của nhưng con làm sao có thể biết có Bồ tát, lại còn nói giống như các thể nói ? Lại bảo tham vấn Biến Bồ tát đầy đủ thần thông tự tại, đi hành ngoại đạo. khắp tất cả cõi Phật; nhưng con làm Tham 20: Thiện tài vâng lời, sao có thể biết có thể nói ? Lại bảo đến thành Đô tát la, tham vấn ngoại tham vấn Tỳ kheo ni Sư tử tần thân. đạo Biến hành, nói cho nghe Hạnh (Sát là tiếng Phạn, gọi đủ là Sát tột cùng của tất cả Bồ tát, lại nói ma, tiếng Hoa là thổ điền). giống như thân của Bồ tát cùng số Tham 24: Thiện tài vâng lời, lượng của tất cả chúng sanh, cho đến nước Thâu na, thành Ca lăng đến dùng trí vô ngã chiếu rọi khắp ca lâm, tham vấn về sự thành tựu nơi; nhưng con làm sao có thể biết Nhất thiết trí giải

thoát, lại nói có thể nói ? Lại bảo tham vấn giống như các Bồ tát tâm không trưởng giả Dục hương. phân biệt, biết hết các pháp; nhưng Tham 21: Thiện tài vâng lời, con làm sao có thể biết có thể nói ? đến nước Quảng đại, tham vấn Lại bảo tham vấn người nữ Bà tu trưởng giả Dục hương, gọi là Ưu mật đa. bát la hoa, nói cho nghe Phương (Tiếng Phạn là Thâu na, tiếng pháp điều hòa tất cả mùi hương, lại Hoa là Dũng mãnh. Tiếng Phạn là nói giống như các Bồ tát xa lìa tất Ca lăng ca, tiếng Hoa là Tương đấu cả tập khí ác, không nhiễm thế dục, chiến). dứt trừ các phiền não; nhưng con Tham 25. Thiện tài vâng lời, làm sao có thể biết diệu hạnh ấy, có đến nước Hiểm nạn, thành Bảo thế nói được công đức ấy ? Lại bảo trang nghiêm, tham vấn người con tham vấn thuyền sư Bà thi la. gái Bà tu mật đa, nói cho nghe Bồ (Tiếng Phạn là Ưu bát la, tiếng tát xa lìa tham lam, được giải thoát, Hoa là Thanh liên hoa. Tiếng Phạn lại nói giống như các Bồ tát thành là Bà thi la, tiếng Hoa là Tự tại). tựu trí xảo phương tiện không giới Tham 22: Thiện tài vâng lời hạn; nhưng con làm sao có thể biết, đến thành lớn Lâu các, tham vấn có thể nói ? Lại bảo tham vấn Bệ thuyền sư Bà thi la, nói cho nghe sắc chỉ la cư sĩ. Hạnh đại bi tràng, lại nói giống như

(Tiếng Phạn là Bệ sắc chỉ la, của Bồ tát Phổ tật, lại nói giống tiếng Hoa là Triền lý). như các Bồ tát khắp mười phương, Tham haisáu. Thiện tài vâng lời, không đâu không tới, trí huệ, cảnh đến thành Thiện độ, tham vấn cư sĩ giới thảy đều không sai khác; Bệ sắc chỉ la, nói cho nghe sở đắc nhưng con làm sao có thể biết, có của Bồ tát là giải thoát không vào thể nói ? Lại bảo tham vấn Đại Niết bàn, lại nói giống như các Bồ thiên thần. tát dùng trí nhất niệm biết khắp ba Tham 29. Thiện tài vâng lời, đời, nhất niệm đi vào khắp tất cả đến thành Nọa la bát để, tham vấn Tam muội; nhưng con làm sao có Đại thiên thần, nói cho nghe Hạnh thể biết, có thể nói ? Lại bảo tham giải thoát của Bồ tát Vân cương, lại vấn Bồ tát Quán tự tại. nói giống như các Bồ tát, chẳng Tham 27: Thiện tài vâng lời, hạn Đế thích đã tùng phục tất cả đến núi Bổ đát lạc ca, tham vấn Bồ phiền não, quân A tu la; nhưng con tát Quán tự tại. Khi đến núi ấy, làm sao có thể biết, có thể nói ? Lại Thiện tài tìm kiếm khắp nơi, thấy bảo tham vấn An trụ địa thần. xung quanh toàn núi non hang hốc, (Tiếng Phạn là Nọa bát la để, nước chảy xoay vòng trong vắt, tiếng Hoa là Hữu môn). rừng cây rậm rạp, um tùm, hương Tham 30. Thiện tài vâng lời, cỏ thơm tho, mềm mại, đá sắp xoay đến nước Ma kiệt đề, ở đạo tràng tròn đầy mặt đất. Khi thấy Bồ tát Bồ đề, tham vấn An trụ địa thần, Tự tại ngồi trên bảo tọa Kim cang nói cho nghe Pháp môn không thể bằng thế kiết già, có vô lượng Bồ hư hoại của trí huệ tạng, lại nói tát cung kính đi nhiễu chung quanh, giống như các Bồ tát thường theo nói cho nghe đại bi hạnh môn, còn chư Phật, có thể giữ gìn tất cả nói giống như các Bồ tát đả thực những gì Phật nói; nhưng con làm hành xong tất cả nguyện của Ngài sao có thể biết, có thể nói ? Lại bảo Phổ hiền, đã ở trong tất cả hạnh của tham vấn Bà san bà diễn để chư dạ Phổ hiền; nhưng con làm sao có thể thần. nói, có thể biết ? Lại bảo tham vấn (Tiếng Phạn là Ma kiệt đề, Bồ tát Chánh thú. tiếng Hoa là Thiện thắng. Tiếng (Tiếng Phạn là Bổ đát la ca, Phạn là Bà san bà diễn để, tiếng tiếng Hoa là Hải điểu, còn gọi là Hoa là Xuân chủ). Tiểu bạch liên). Tham 31. Thiện tài vâng lời, Tham 28: Thiện tài vâng lời, đến nước Ma kiệt đề, thành Ca tỳ la, lúc ấy, phương Đông có một vị Bồ tham vấn thần chủ về ban đêm Bà tát tên là Chánh thú, từ không trung san bà diễn để, nói cho

nghe Pháp tới, thân phóng ra ánh sáng làm mờ quang minh giải thoát của Bồ tát cả trăng, sao. Bồ tát Quán tự tại bèn phá tan tất cả mờ ám của chúng bảo Thiện tài đảnh lễ, Bồ tát Chánh sanh, lại nói giống như các Bồ tát thú nói cho nghe hạnh giải thoát thành tựu hạnh nguyện vô biên của

Phổ hiền; nhưng con làm sao biết Tham 35. Thiện tài vâng lời, hạnh nhiệm mầu ấy, nói được công tham vấn chủ dạ thần Tịch tĩnh âm đức nhiệm mầu ấy? Lại bảo tham hải, nói cho nghe Giải thoát môn từ vấn chủ dạ thần Phổ đức tịnh quang. từng niệm xuất ra niềm vui to lớn, (Tiếng Phạn là Ca tỳ la, tiếng trang nghiêm, lại nói giống như các Hoa là Hoàng sắc). Bồ tát đi sâu vào tất cả biển pháp Tham 32. Thiện tài vâng lời, giới; nhưng con làm sao có thể biết, đếu nước Ma kiệt đề, trong đạo có thể nói ? Lại bảo tham vấn chủ tràng Bồ đề, tham vấn chủ dạ thần dạ thần Thủ hộ nhất thiết chúng Phổ đức tịnh quang nói cho nghe sanh. về Thiền định vắng lặng của Bồ tát Tham 36. Thiện tài vâng lời, thích dạo chơi khắp nơi một cách liền ở trong hội Như lai, đạo tràng giải thoát, lại nói giống như các Bồ Bồ đề, tham vấn chủ dạ thần Thủ tát sở hữu đầy đủ hạnh nguyện, hộ nhất thiết chúng sanh, nói cho thấu rõ tất cả pháp giới vô biên; nghe Giải thoát môn tự tại diệu âm nhưng con làm sao có thể nghe có rất sâu xa, lại nói giống như các Bồ thể nói ? Lại bảo tham vấn của dạ tát có thể biết, có thể nói tất cả tự thần Hỷ mục quán tế chúng sanh. tánh của ngôn ngữ, ở trong từng Tham 33. Thiện tài vâng lời, niệm khai ngộ tất cả chúng sanh liền ở bên hữu đạo tràng Bồ đề, một cách tự tại; nhưng con làm sao tham vấn chủ dạ thần Hỷ mục quán có thể biết, có thể nói ? Lại bảo tế chúng sanh, nói cho nghe về Giải tham vấn chủ dạ thần Khai phu thoát môn đại thế lực phổ hỷ tràng, nhất thiết thọ hoa. lại nói giống như các Bồ tát, trong Tham 37. Thiện tài vâng lời, ở từng niệm, đến chỗ tất cả các đức trong pháp hội của Phật ấy, tham Như lai, nhanh chóng đi vào tất cả vấn chủ dạ thần Khai phu nhất thiết biển trí huệ; nhưng con làm sao có thọ hoa, rồi nói cho nghe Giải thoát thể biết, có thể nói ? Lại bảo tham môn sanh ra ánh sáng to lớn, lại nói vấn dạ thần Phổ cứu chúng sanh giống như các Bồ tát gần gũi cúng diệu đức. dường tất cả chư Phật, đi vào biển Tham 34. Thiện tài vâng lời, đại nguyện của nhất thiết trí; nhưng liền ở trong pháp hội tham vấn dạ con làm sao có thể biết, có thể nói ? thần Phổ cứu chúng sanh diệu đức, Lại bảo tham vấn dạ thần Đại nói cho nghe Giải thoát môn điều nguyện tinh tấn lực cứu hộ nhất phục tất cả chúng sanh của cả thế thiết chúng sanh. gian, lại nói giống như các Bồ tát Tham 38. Thiện tài vâng lời, thành tựu vô số hạnh, phát sanh vô liền ở trong pháp hội, tham vấn dạ số sự hiểu biết; nhưng con làm sao thần Đại nguyện tinh tấn lực cứu hộ có thể biết, có thể nói ? Lại bảo chúng sanh, rồi nói cho nghe Giải tham vấn chủ dạ thần Tịch tĩnh âm thoát môn giáo hóa chúng sanh làm hải. cho căn lành sanh trưởng, lại nói

giống như Bồ tát vượt qua các thế liền thấy trước mắt Đại bảo liên gian, hiện thân trong các loài; hoa từ đất vọt lên, Ma da phu nhân nhưng con làm sao có thể biết, có ngồi ở trên tòa, ở trước tất cả chúng thể nói ? Lại bảo tham vấn thần sanh hiện sắc thân thanh tịnh, rồi vì Diệu đức viên mãn. Thiện tài mà nói Giải thoát môn đại Tham 39. Thiện tài vâng lời, nguyện trí ảo của Bồ tát, lại nói đến vườn Lam tỳ ni, tham vấn thần giống như các Bồ tát đầy đủ kho Diệu đức viên mãn, nói cho nghe tàng đại bi giáo hóa

chúng sanh; Giải thoát môn của Bồ tát, ở trong con nay làm sao có thể biết, có thể vô lượng kiếp, khắp tất cả nơi, thị nói ? Lại bảo đến tham vấn vương hiện thọ sanh tự tại, lại nói giống nữ Thiên chủ quang. như các Bồ tát dùng một niệm làm (Tiếng Phạn là La sát, tiếng thành nhiều kiếp; nhưng con làm Hoa là Tốc tật quỷ). sao có thể biết, có thể nói ? Lại bào Tham 42. Thiện tài vâng lời, tham vấn Thích ca cù ba nữ. liền đến Thiên cung, tham vấn (Tiếng Phạn là Lam tỳ ni, tiếng vương nữ Thiên chủ quang, nói cho Hoa là Lạc thắng viên quang. Tiếng nghe Niệm vô ngại, thanh tịnh, Phạn là Cù ba, tiếng Hoa là nữ). trang nghiêm, giải thoát, lại nói Tham 40. Thiện tài vâng lời, giống như các Bồ tát sanh trong đến thành Ca tỳ la, tham vấn Thích đêm dài sanh tử mà sáng tỏ tận ca cù ba nữ, nói cho nghe Biển cùng; nhưng con làm sao có thể Tam muội giải thoát môn Bồ tát; biết, có thể nói ? Lạo bảo tham vấn nhưng con làm sao có thể biết, có Biến hữu đồng nữ sư. thể nói ? Lại bảo tham vấn Ma da Tham 43. Thiện tài vâng lời, từ phu nhân. thiên cung xuống, đến thành Ca tỳ (Ma da, gọi đủ là Ma ha Ma da la, tham vấn Biến hữu đồng tử sư, là tiếng Phạn, tiếng Hoa là Đại chẳng chỉ bảo gì, mà chỉ nói có thể thuật). hỏi đồng tử Thiện tri chúng nghệ, Tham 41. Thiện tài vâng lời, vì ông mà nói. một lòng đến chỗ ở của Ma da phu Tham 44. Thiện tài vâng lời, nhân, tâm nghĩ như vầy: đây là bậc liền ở trong pháp hội, tham vấn thiện tri thức, xa lìa thế gian, trụ Thiện tri chúng nghệ, nói cho nghe chỗ không trụ. Người như thế, con pháp môn bốnhai tự mẫu, lại nói làm sao có thể gần gũi được ? Lúc giống như các Bồ tát rất giỏi đối ấy, có thần Bửu nhãn và các thần với tất cả pháp thế và xuất thế gian; Liên hoa, Pháp đức v.v... ở trong nhưng con làm sao có thể biết, có hư không, khen ngợi vô cùng phu thể nói ? Lại bảo tham vấn Ưu bà nhân Ma da, lại có quỷ vương La di Hiền thắng. sát nói với Thiện tài rằng ông nên (42 tự mẫu là: 1) A 2) : lễ khắp mười phương, cầu thiện tri thức. Thiện tài lãnh thọ lời dạy bảo, Đa; 3) ba4) : Giả; 5) :

Na 6) : La; 7) : Đả; 8) : lớn; nhưng con làm sao có thể biết, có thể nói ? Lại bảo tham vấn Bà; 9) : Trà; 10) : Sa; 11) : trưởng giả Diệu nguyệt. Phược; 12) : Đá; 13) : Dã; 14) Tham 47. Thiện tài vâng lời, liền đến Bổn thành, tham vấn : Sắt trá; 15) : Ca; 16) : trưởng giả Diệu nguyệt, nói cho Ma; 18) : Già; 19) : Tha; 20) nghe về Giải thoát môn tịnh trí quang minh, lại nói giống như các : Xã; 21) : Tỏa; 22) : Đà; 23) Bồ tát chứng được giải thoát môn : Xa; 24) : Khư; 25) : Xoa; vô úy; nhưng con làm sao có thể biết, có thể nói ? Lại bảo tham vấn 26) : Sa đa; 27) : Nhưỡng; trưởng giả Vô thắng quân. 28) : Hạt bãi đa; 29) : Bà; Tham 48. Thiện tài vâng lời, đến thành Xuất sanh, tham vấn 30) : Xa; 31) : Sa ma; 32) trưởng giả Vô thắng quân, nói cho nghe Tướng giải thoát vô tận của : Ha bà; 33) : Sai; 34) : Bồ tát, lại nói giống như các Bồ tát Già; 35) : Trá; 36) : Noa; 37) chứng được trí vô hạn, biện tài vô ngại; nhưng con làm sao có thể biết, : Sa phả; 38) : Sa ca; 39) có thể nói ? Lại bảo tham vấn Bà la : Dã sa; 40) : Thất giả; 41) môn Tối tịch tĩnh. Tham 49. Thiện tài vâng lời, : Sá; 42): Đà). đến phía nam thành, thôn Pháp, Tham 45. Thiện tài vâng lời, tham vấn Bà la môn Tối tịch tĩnh, đến nước Ma kiệt đề, thành Bà đát nói cho nghe về Sự giải thoát ngôn na, tham vấn Ưu bà di Hiền thắng, ngữ của Bồ tát, lại nói Bồ tát so với nói cho nghe Giải thoát môn không tâm thành, ước muốn, ngôn ngữ và nương dựa vào đạo tràng, lại nói hành động không trái nhau; nhưng giống như tất cả hạnh công đức vô con làm sao có thể biết, có

thể nói ? trước của Bồ tát; nhưng con làm Lại bảo tham vấn đồng nữ Sanh sao có thể nói và biết hết ? Lại bảo đức và nữ đồng tử Hữu đức. tham vấn trưởng giả Kiên cố giải Tham 50. Thiện tài vâng lời, thoát. đến thành Diệu ý hoa môn, tham Tham 46. Thiện tài vâng lời, vấn đồng tử Sanh đức và đồng nữ đến thành Ốc điền, tham vấn Hữu đức, nói cho nghe về Giải trưởng giả Kiên cố giải thoát, nói thoát ảo trụ của Bồ tát, và nói về cho nghe Niệm thanh tịnh, trang các Bồ tát khéo đi vào các ảo vọng nghiêm, giải thoát, không vướng của vô cùng sự việc. Công đức mắc, lại nói giống như các Bồ tát hạnh ấy, chúng con làm sao có thể có được tiếng gầm sư tử không biết, có thể nói ? Lại bảo tham vấn chút sợ sệt, an trụ nơi phước trí to Bồ tát Di lặc.

Tham 51. Thiện tài vâng lời, tinh tấn lớn lao, không thối lui, thì đến nước Hải ngạn, vườn Đại trang thấy Bồ tát Phổ hiền đang ở trước nghiêm; trong vườn này có một lâu Như lai trong pháp hội, ngồi trên đài lớn tên là Tỳ lô giá na trang tòa sư tử hoa sen báu. Trong từng nghiêm tạng. Thiện tài ở trước lâu lỗ chân lông, phóng ra ánh sáng rợp đài, cung kính đảnh lễ, khen ngợi, trời như mây, khiến cho chúng sanh một lòng xin được gặp Bồ tát Di sanh tâm vui mừng, Thiện tài thấy lặc từ nơi khác đến, nói cho nghe Văn thù như vậy rồi, vui mừng đến Vô lượng yếu chỉ của Phật pháp. nhảy cửng. Bồ tát Phổ hiền liền đưa Thiện tài thưa rằng kính xin Đại tay phải xoa đầu, nói pháp cho thánh mở cửa lâu đài để con được nghe, Thiện tài liền được tất cả vào. Đức Di lặc gảy móng tay ra Tam muội số nhiều như vi trần. hiệu, cửa ấy tự mở ra, cho phép Thiện tài vào xem lâu đài rộng lớn LỤC THẬP NHỊ KIẾN vô cùng ấy bằng với hư không và (Đại Niết bàn kinh). nghe pháp âm vi diệu không thể nghĩ bàn. Thiện tài liền được vô Ngoại đạo, đối với năm ấm: Sắc, lượng tổng trì, ở ngôi vị Bồ tát tự thọ, tưởng, hành, thức, mỗi ấm có tại giải thoát không thể nghĩ bàn; bốn ý kiến, khác nhau nên thành lại bảo tham vấn Bồ tát Văn thù. hai0 ý kiến, qua ba thời quá khứ, (Tiếng Phạn là Tỳ lô giá na, hiện tại, vị lai thành ra 60 ý kiến. tiếng Hoa là Biến nhất thiết xứ). Từ 60 ý kiến này đều lấy hai kiến Tham 52. Thiện tài vâng lời, đoạn, thường làm căn bản thì tổng đến nước Phổ môn, thành Tô ma na, cộng được 62 ý kiến. suy nghĩ, xem xét, ước mong được (bốn ý kiến là, ở trong năm ấm: thấy Văn thù sư lợi. Ngay lúc ấy, 1) Cho là sắc lớn ta nhỏ: ta ở trong Văn thù sư lợi, từ xa, đưa cánh tay sắc; 2) Ta là thần ngã, nghĩa là thức phải, hơn 110 do tuần, rờ đỉnh đầu thần, lại cho ta lớn sắc nhỏ: sắc ở Thiện tài, nói cho nghe Pháp nhiệm trong ta;3) Lìa sắc là ta; 4) Sắc là ta. mầu, làm cho chứng được vô số Sắc ấm như thế, thọ, tưởng, hành, pháp môn, đầy đủ ánh sáng vô thức cũng như vậy). lượng; lại bảo nên vào đạo tràng hạnh Phổ hiền, và Văn thù sư lợi PHẬT LỤC THẬP TỨ vẫn tiếp xúc với Thiện tài từ chỗ ở CHỦNG PHẠM ÂM của ông, mà không xuất hiện. Vì (Bất tư nghì thế, Thiện tài ao ước thấy Bồ tát Phổ hiền. bí mật Đại thừa kinh). Tham 53. Thiện tài từ chỗ Văn Phật gọi Bồ tát Tịch huệ và nói thù sư lợi, đã chứng được Tam rằng Như lai không phải bằng môi, muội, làm chủ các căn, một lòng răng, lưỡi họng và miệng mà các tìm gặp Bồ tát Phổ hiền, phát tâm âm thinh được nói ra; phải biết âm

thinh của Như lai từ hư không mà Mười hai, Điều thuận thinh. ra, có đủ 64 tướng kỳ đặc, nhiệm Âm thinh của Như lai tùy căn mầu. cơ nói pháp, điều phục chúng sanh, Một, Lưu trạch thinh. làm cho chúng tin và làm theo. Âm thinh của Như lai trôi chảy Mười ba, Vô sáp thinh. như dòng nước và đượm nhuần tất Âm thinh của Như lai thông

cả mọi vật. suốt chan hòa, không trúc trắc khó Hai, Nhu nhuyến thinh. hiểu. Âm thinh của Như lai ôn hòa, Mười bốn, Vô ố thinh. mềm mại. Âm thinh nói pháp của Như lai Ba, Duyệt ý thinh. tươi đẹp, không thô lổ, hung tợn. Âm thinh của Như lai làm vui Mười lăm, Thiện nhu thinh. lòng tất cả chúng sanh. Âm thinh nói pháp của Như lai Bốn, Khả lạc thinh. nhu hòa dễ chấp thuận và không Âm thinh của Như lai khéo léo, thô bạo. mầu nhiệm và có thể làm vui vẻ Mười sáu, Duyệt nhĩ thinh. cho mọi người. Âm thinh nói pháp của Như lai Năm, Thanh tịnh thinh. có thể làm vui lòng người nên thích Âm thinh của Như lai trong vắc, nghe không chán. không có khàn đục. Mười bảy, Thích thân thinh. Sáu, Ly cấu thinh. Âm thinh nói pháp của Như lai Âm thinh của Như lai hoàn toàn có thể làm cho thân thể của người mầu nhiệm, xa lìa các dơ bẩn. nghe điều hòa thoải mái và được Bảy, Minh lượng thinh. nhẹ nhàng. Âm thinh của Như lai rõ ràng, Mười tám, Tâm sanh dũng trong sáng. nhuệ thinh. Tám, Cam mỹ thinh. Âm thinh nói pháp của Như lai Âm thinh nói pháp của Như lai làm cho người nghe pháp tâm dũng ngọt ngào, tươi đẹp, có thể khiến mãnh và tiến tu. người nghe được vị pháp hỷ. Mười chín, Tâm hỷ thinh. Chín, Nhạo văn thinh. Pháp âm của Như lai nhiệm Âm thinh nói pháp của Như lai mầu, trong trẻo, có thể làm cho hợp với căn cơ sâu hay cạn, khiến người nghe sanh tâm vui mừng. cho chúng sinh thích nghe, không Hai mươi, Duyệt nhạo thinh. bỏ. Âm thinh nói pháp của Như lai, Mười, Vô liệt thinh. có thể khiến người nghe hoan hỷ và Âm thinh của Như lai hơn hết vui mừng. mọi âm thinh và không thấp kém. Hai mươi mốt, Vô nhiệt não Mười một,Viên cụ thinh. thinh. Như lai nói pháp bằng một âm thinh mà có đầy đủ tất cả âm thinh.

Pháp âm của Như lai khiến cho Âm thinh Như lai nói pháp có những người nghe tiêu trừ ưu phiền thể đem lại lợi ích cho tất cả hữu khổ sở và được mát mẻ. tình. Hai mươi hai, Như giáo lệnh Ba mươi mốt, Ly trùng phục thinh. quá thất thinh. Như lai diễn thuyết giống như Âm thinh được Như lai nói ra mệnh lệnh dạy bảo, có khả năng khế hợp với lý thú, từ đầu đến cuối, sửa đổi những kẻ tối tăm. không mắc lỗi trùng lập, sai sót. Hai mươi ba, Thiện liễu tri Ba mươi hai, Như sư tử âm thinh. thinh. Pháp âm của Như lai khéo léo, Âm thinh của Như lai, tất cả rõ ràng, quyết định, biết hết tất cả người nghe tự nhiên tín phục, như các pháp. tiếng kêu của sư tử muôn thú đều Hai mươi bốn, Phân minh sợ hãi, tuân phục. thinh. Ba mươi ba, Như long âm Pháp âm của Như lai, đối với thinh. pháp sự, như lý phân tích rõ ràng. Pháp âm của Như lai trong suốt Hai mươi lăm, Thiện ái thinh. sâu xa như âm vang tiếng Rồng kêu. Như lai dùng pháp âm thánh Ba mươi bốn, Như vân lôi thiện khai hóa cho tất cả chúng khổng thinh. sanh, khiến chúng dễ thương, an Như lai nói pháp chỉ dùng một lạc. âm, xa gần đều nghe như tiếng sấm Hai mươi sáu, Linh sanh hoan vang. hỷ thinh. Ba mươi lăm, Như long vương Âm thinh nói pháp của Như lai thinh. khiến cho người sanh tâm hoan hỷ. Như lai nói pháp, âm thinh tao Hai mươi bảy, Sử tha như giáo nhã, trong sáng, vang xa như tiếng lệnh thinh. rồng chúa kêu to. Pháp âm của Như lai có thể làm Ba mươi sáu, Như khẩn na la cho người nghe chuyển biến, mở diệu ca thinh. mang giống như giáo lệnh. Tiếng Phạn là Khẩn na la, tiếng Hai mươi tám, Lệnh tha thiện Hoa là Ca thần. Phạm âm mà Như liểu tri thinh. lai nói ra, giống như tiếng ca tuyệt Pháp âm của Như lai có thể vời, mầu nhiệm của vị nhạc thần ấy, giúp người hiểu rõ tất cả các pháp. thích ý vừa

lòng tất cả. Hai mươi chín, Như lý thinh. Ba mươi bảy, Như Ca lăng Âm thinh mà Như lai phát ra tần già thinh. đều hợp với lý chân như. Tiếng Phạn là Ca lăng tần già, Ba mươi, Lợi ích thinh. tiếng Hoa là Diệu thinh điểu.

Pháp âm của Như lai hay, đẹp Pháp âm của Như lai đầy đủ giống như tiếng chim Ca lăng tần viên mãn. già. Bốn mươi sáu, Vô phá hoại Ba mươi tám, Như Phạm thinh. vương thinh. Khi Như lai diễn thuyết chân Pháp âm mà Như lai nói ra như thật không hư dối, không tạo ra sự tiếng nói thanh tịnh của Phạm đổ vỡ. vương. Bốn mươi bảy, Vô nhiễm ô Ba mươi chín, Như Cộng thinh. mạng điểu thinh. Pháp âm Như lai nói ra hoàn Công mạng điểu là chim có toàn nhiệm mầu, xa lìa phiền não, chung một thân hai đầu. không vướng nhiễm. Pháp âm mà Như lai nói ra tốt Bốn mươi tám, Vô hy thủ đẹp (kiết tường) giống như tiếng thinh. kêu của loài chim này. Như lai nói pháp đem đến lợi Bốn mươi, Như Đế thích mỹ lạc cho tất cả chúng sanh, không diệu thinh. còn mong muốn và nắm bắt cái gì. Âm thinh Như lai nói pháp Bốn mươi chín, Cụ túc thinh. giống như tiếng nói tuyệt hay của Pháp âm Như lai nói ra, hợp với trời Đế thích. tánh mới nói, đầy đủ lý mầu nhiệm. Bốn mươi mốt, Như chấn cổ Năm mươi, Trang nghiêm thinh. thinh. Âm thinh của Như lai giống Như lai diễn thuyết giáo lý với như tiếng vang của trống, xa gần nghĩa lý chân thật đúng đắn và đều nghe. nghiêm túc. Bốn mươi hai, Bất cao thinh. Năm mươi mốt, Hiển thị thinh. Âm thinh diễn thuyết của Như Như lai nói pháp nhiệm mầu để lai không cao không to, chỉ vừa làm rõ lý mầu nhiệm, chỉ bày cho phải. chúng sanh không che giấu điều gì. Bốn mươi ba, Bất hạ thinh. Năm mươi hai, Viên mãn nhất Âm thinh diễn thuyết của Như thiết âm thinh. lai không thấp kém, chỉ ở mức vừa Như lai nói pháp đầy đủ tất cả phải. âm thinh. Bốn mươi bốn, Tùy nhập nhất Năm mươi ba, Chư căn thích thiết âm thinh. duyệt thinh. Âm thinh Như lai nói pháp, Âm thinh dùng nói diệu pháp thẩm thấu vào mọi căn cơ của của Như lai, chúng sanh nghe một chúng sanh, hòa vào với mọi âm lần các căn đều thoải mái, an vui. thinh khác. Năm mươi bốn, Vô ky hủy Bốn mươi lăm, Vô thuyết giảm thinh. thinh.

Pháp âm của Như lai không chê hèn, mới làm cho chúng dễ hiểu bai một chúng sanh nào. Tất cả được các tâm hành ấy. những lời nói ra đều được tín thuận. Sáu mươi mốt, Nhập chúng Năm mươi lăm, Vô khinh sanh tâm ý thinh. chuyển thinh. Như lai có đủ trí bí mật, nói ra Viên âm của Như lai thu nhiếp lời nào đều đi vào tâm ý của chúng tất cả, không hời hợt, qua loa. sanh; nhưng chẳng phải từ miệng Năm mươi sáu, Vô động dao Như lai nói ra mà là từ hư không thinh. nói ra vậy. Pháp âm của Như lai nói ra Sáu mươi hai, Tùy chúng sanh được vô sở úy, và ngoại đạo, thiên tín giải thinh. ma không thể làm cho lung lay Ngôn ngữ Như lai nói ra, chúng niềm tin vào chánh pháp. sanh tin, hiểu theo trình độ, nếu Năm mươi bảy, Tùy nhập nhất tâm, ý đã thành thục thì biết rõ tất thiết chúng hội thinh. cả. Pháp âm của Như lai mọi người Sáu mươi ba, Văn giả vô phân ở trong các cuộc họp đều có thể lượng thinh. nghe được. Âm thinh của Như lai không có Năm mươi tám, Chư tướng cụ giới hạn; ở thế gian, tất cả trời, túc thinh. người, ma, phạm, Sa môn, bà la Âm thinh Như lai nói pháp đầy môn… đều có thể nghe được, đủ tất cả tướng. nhưng không biết giới hạn tận cùng. Năm mươi chín, Linh chúng (Ma tức là Ma vương. Phạm tức sanh tâm ý hoan hỷ thinh. là Phạm thiên. Tiếng Phạn là Sa Ngôn ngữ Như lai nói ra, bao môn, tiếng Hoa là Cần tức). trùm mười phương thế giới,

tâm ý Sáu mươi bốn, Chúng sanh bất của chúng sanh đều được vui mừng. năng tư duy xứng lượng thinh. Nghĩa là những lời từ miệng Phật Sự luân chuyển nhiệm mầu của nói ra không có lặp lại và rắc rối âm thinh Như lai, làm xuất phát ra chúng hội, nhờ đó, mà hiểu được nhiều loại âm thinh, tuyên thuyết các pháp; nhưng thật ra những âm cháng pháp. Giả sử trùm khắp ba thinh ấy chẳng phải từ miệng Như ngàn đại thiên thế giới tất cả chúng lai nói ra. sanh đều ở địa vị Duyên giác cũng Sáu mươi, Thuyết chúng sanh không thể suy nghĩ tận cùng được tâm hành thinh. âm thinh ấy. Số lượng chúng sanh rất nhiều, (Tam thiên là tiểu thiên, trung hành cũng vô lượng. Như lai nói về thiên, đại thiên. Nói tam thiên đại tâm hành của chúng sanh, sơ lược thiên là nói cả chung và riêng). có tám vạn bốn ngàn chủng loại. Chỉ vì chúng sanh có căn tánh thấp

TIỂU THỪA THẤT mười: 1) Thọ: thọ lãnh cảnh đối THẬP NGŨ PHÁP diện; 2) Tưởng: giữ lấy hình tượng của cảnh; 3) Tư: khởi tâm tạo tác (Viên giác kinh các nghiệp; 4) Xúc: gặp cảnh, đối sớ sao). cảnh; 5) Dục: mong cầu cảnh sung 75 pháp của Tiểu thừa gồm có sướng; 6) Huệ: chọn lựa pháp lành, năm loại: 1) Sắc pháp: 11; 2) Tâm pháp dữ; 7) Niệm: ghi nhớ không pháp: một; 3) Tâm sở hữu pháp: 46; quên; 8) Tác ý: tánh hay cảnh giác, 4) Bất tương ưng hành pháp: 14; 5) tâm chưa khơi; hay phát mệnh lệnh Vô vi pháp: ba. cảnh giác ra, tâm đã khởi và có khả A. Sắc pháp có 11: năng dẫn đến cảnh; 9) Thắng giải: Sắc có nghĩa là chất có tính gây hiểu rõ lý lẽ không bị trở ngại; 10) trở ngại. năm căn: mắt, tai, mũi, Tam ma địa: tiếng Phạn là Tam ma lưỡi, thân. năm cảnh: Sắc, thinh, địa, tiếng Hoa là Đẳng trì. Xa lìa hương, vị, xúc và một phần pháp trạo cử, hôn trầm gọi là đẳng; giữ xứ (vô biểu pháp). tâm chuyên chú, không tán loạn gọi Mười một thứ này đều có sắc là trì. tướng có thể thấy, có thể đối (bàn Mười pháp này chung cả thiện luận), nên gọi chung là sắc pháp. lẫn ác, có trong tất cả tâm, nên gọi (Pháp xứ là chỗ ý thức chộp lấy trùm cả đại địa. cảnh. Đầy đủ có bốn phần; một) Đại địa thiện có mười: Tâm sở pháp; hai) Bất tương ưng 1) Tín: đối với pháp lành tin hành pháp; ba) Vô vi; bốn) Vô biểu tưởng, ưa thích, không nghi; 2) Cần: sắc. Ở đây nói một phần pháp xứ, siêng năng tu tập các pháp lành; 3) chính là Vô biểu sắc. Vô biểu sắc là Xả: xa lìa trạo cử, xa lìa sự xao ý thức duyên cảnh đã gặp ở quá xuyến, bất an của tâm; 4) Tàm: khứ, tuy phân biệt rõ ràng, nhưng thẹn mình không có phước đức; 5) vì không có biểu đối). Quý: xấu hổ vì làm ác; 6) Vô tham: B. Tâm pháp có một: đối với năm cảnh dục, tâm chán Tâm pháp là tuy tâm không có ghét, lìa xa; 7) Vô sân: đối với cảnh hình, có chất, nhưng có tác dụng trái ý, không nổi lên nóng giận; 8) hiểu biết, có khả năng suy lường Bất hại: đối với loài hữu tình không phân biệt, gọi là tâm, tức là ý thức. làm cho tổn thương, khổ não; 9) (Nói ý thức, bởi bậc Tiểu thừa Khinh an: xa lìa tối tăm và tán loạn; chỉ biết: Tâm vương là ý thức thứ 10) Bất phóng dật: đối với pháp bất sáu, mà không biết thức thứ bảy và thiện, tâm không vướng mắc. thức thứ tám). Mười pháp này không liên quan C. Tâm sở hữu pháp có 46: đến ác nghiệp, chỉ cho thiện nghiệp Tâm sở hữu pháp là đối với tâm thôi, có thể dẫn đến thành đạo vô vương mà nói. 46 tâm này hợp lậu, nên gọi là đại thiện địa. thành sáu vị bao trùm tất cả có Đại phiền não có sáu.

1) Nghi: đối với sự, lý lầm lẫn lên, hoặc thiện, hoặc ác, hoặc không rõ ràng; 2) Phóng dật: buông không thiện không ác; 4) Tứ: tứ tức thả theo cảnh dục; 3) Giải đãi: thân, là tứ sát (dò xét) cũng là trong tâm tâm đều không siêng năng; 4) Bất khởi lên. Tâm thô và rõ

(nổi) gọi là tín: hiểu biết sai trái, nhiều nghi tầm. Tâm tế và chìm gọi là tứ. hai ngờ; 5) Hôn trầm: tâm thần lầm lạc, trường hợp này đều là tâm niệm mê mờ; 6) Trạo cử: trong tâm dao (niệm của tâm), chia ra thô, tế thôi, động. cũng thông cả thiện, ác, không Sáu pháp này nương vào thức thiện không ác; 5) Tham: tom góp thứ năm, thứ sáu, thứ bảy khởi lên, không biết chán; 6) Sân: giận dữ không liên hệ thiện nghiệp, đó là ác không thôi; 7) Mạn: ỷ mình khinh pháp, nên gọi là đại phiền não. người; 8) Nghi: do dự không quyết. Đại bất thiện có hai. Tám pháp này thông cả ba tánh 1) Vô tàm: không biết xấu hổ; 2) thiện, ác, vô ký, nên gọi là pháp bất Vô quý: che giấu điều bất thiện. định. Hai pháp này đề cập đến vô tàm, D. Bất tương ứng hành pháp vô quý. Vì người không tàm, không có 14. quý thì không việc ác gì không làm, 1) Đắc: tạo tác thành tựu đối với tất nên gọi là đại bất thiện. cả pháp; 2) Phi đắc: không thể Tiểu phiền não có mười. thành tựu đối với tất cả pháp; 3) 1) Phẫn: giận dữ; 2) Phú: không Chúng đồng phận: như loài người cho người biết lỗi mình; 3) Xan: có hình thể tương tự; 4) Vô tưởng bất cứ của cải gì cũng không thể bố dị thục: đây tức là Vô tưởng báo. thí; 4) Tật: ôm lòng ganh ghét; 5) Ngoại đạo tu vô tưởng định, khi Não: gặp cảnh trái lòng làm cho chết sanh lên vô tưởng thiên, vì quả tâm không an; 6) Hại: làm tổn báo của những vị này đến đời khác thương, phiền não loài hữu tình; 7) mới thành thục (chín), nên gọi là dị Hận: oán hận; 8) Siểm: giả dối làm thục; 5) Vô tưởng định: định do vui lòng người; 9) Cuống: gian xảo ngoại đạo tu tập, vì tâm tưởng đều không thật; 10) Kiêu: khoe mình giảm; 6) Diệt tận định: được định chê người. này thì tâm thọ tưởng diệt hết, các Mười pháp này chỉ dựa vào thức không khởi lên; 7) Mạng căn: thức thứ sáu khởi lên, nên gọi là chủng tử của thức thứ tám gồm hơi tiểu phiền não. nóng, thở vào, thở ra liên tục không Bất định pháp có tám. gián đoạn; 8) Sanh: sự sanh khởi 1) Hối: hoặc làm ác hoặc không của các pháp; 9) Trụ: các pháp làm việc thiện đều hối tiếc; 2) Thụy chưa thay đổi; 10) Dị: các pháp dần miên: người ngủ, thần thức tối tăm, suy; 11) Diệt: các pháp không còn; thấy cảnh thiện, cảnh ác, không 12) Danh thân: nương vào sự đặt thiện không ác; 3) Tầm: tầm tức là tên, các tên liên hợp lại nên gọi là tầm tư, tức là trong tâm khởi niệm danh thân; 13) Cú thân: gom lời nói

thành câu, nhiều câu liên hợp gọi là mắt cá chân chìm sâu, xương cú thân; 14) Văn thân: văn tức là không lộ ra, đi ngay thẳng đẹp đẽ, văn tự, nhiều chữ hợp nên gọi là oai dung tề chỉnh, như dáng sư tử văn thân. đi, đi vững vàng như tướng voi Mười bốn pháp này, có tên chúa đi, đi đứng có oai nghi, thong không có thể nên không tương ưng thả, quay người nhìn lại luôn về với sắc pháp, tâm pháp và tâm sở bên phải, sắp đặt chi tiết đều hài hữu pháp, nên gọi là pháp bất hòa, đốt xương uyển chuyển như tương ưng hành. rồng lượn, đầu gối tròn đầy, toàn E. Vô vi pháp có ba. thân tươi nhuận, trơn láng, mềm 1) Trạch diệt vô vi: trạch là mại, sạch bóng, tướng mạo thuần chọn lựa; diệt là hết hẳn. Dùng trí hậu, tự tại vô úy, toàn thân vững diệt hoặc để chân lý tỏ bày, lý chắc, cân đối, nhịp nhàn, toàn thân không làm ra, tạo ra; 2) Phi trạch an ổn, yên định, thân tướng đoan diệt vô vi: không nhờ trí lực dứt hết nghiêm, rực sáng chẳng chút bợn mê lầm vì tánh vốn thanh tịnh, nhơ, bụng có hình vuông, mềm mại không cái gì làm ra được; 3) Hư ẩn kín, rún sâu xoáy vòng về bên không vô vi: lý chân không xa lìa phải, không lồi, không lõm, da thịt chướng ngại, giống như hư không, đều sạch sẽ, sáng bóng, lòng bàn

không có gì làm ra hay tạo ra. tay đầy đặn, mềm mại vuông vức, Sắc pháp, tâm pháp, tâm sở hữu chỉ tay sâu dài, sáng tỏ thẳng thóm, pháp và tâm bất tương ưng hành môi hồng hào như quả tầng bà, đều là pháp hữu vi của thế gian. ba gương mặt tròn đầy, đoan nghiêm, pháp sau này là pháp xuất thế gian, tươi đẹp, lưỡi dài rộng, mũi cao nên gọi là vô vi. Nhưng bảynăm thẳng, hai lỗ mũi nhỏ đẹp nhìn qua pháp không ra ngoài sắc và tâm; không thấy, răng đều khít trắng đẹp, sắc do tâm tạo, nêu thu gọn về gốc mắt rộng trong veo, nhìn thấy rõ thì chỉ có một tâm pháp thôi. ràng, lông mày, lông my rậm xanh cong vút, hai vai dài mềm đẹp, cao BÁT THẬP TÙY HÌNH sáng giống hình trăng bán nguyệt. HẢO Tai dày và dài, vành tai rõ ràng, hai (Hoa nghiêm Tùy tai cân phân nhìn mãi không chán. Tóc dài, xanh dày, hương thơm sớ diễn nghĩa sao). phảng phất, luôn thẳng không rối. Móng tay nhỏ dài, móng trắng Tráng vuông rộng đều đặn. Thân sạch, ngón tay ngón chân dài nhỏ thể trang nghiêm, bụi trần không nhắn mềm mại, đốt xương không dính. Sức khỏe dồi dào không ai hiện ra ngoài, tay chân bằng nhau, sánh kịp. Thân tướng trang nghiêm, kẽ tay sít sao, tay chân tròn trịa, ai nhìn cũng đều vui. Khuôn mặt mềm mại sáng bóng, gân mạch tròn đầy như vầng trăng sáng. vững vàng, lặng sâu không lộ, hai Dung mạo thong thải, miệng cười

hàm tiếu. Gương mặt sáng trưng, Nói 81 phẩm là Dục giới là một xa hẳn bụi hồng. Toàn thân nghiêm địa. Sắc giới có Sơ thiền, Nhị thiền, tịnh không có ô uế. Các lỗ chân Tam thiền, Tứ thiền là bốn địa. Vô lông thường tỏa mùi hương và cả sắc giới có Không xứ, Thức xứ, Vô trên gương mặt. Tướng đầu tuyệt sở hữu xứ, Phi phi tưởng xứ là bốn đẹp, tròn trịa cân đối. Lông trên địa. Tổng cộng là chín địa. thân người nhỏ mịn có ánh sáng Dục giới một địa đủ chín phẩm màu xanh. Nói năng rõ ràng, tùy cơ của bốn hoặc tham, sân, si, mạn. ứng đối. Đỉnh đầu cao vút không ai Đó là thượng thượng; thượng trung, thấy được. Màng mỏng giữa các trượng hạ- Trung thượng, trung ngón tay, ngon chân rõ ràng trung, trung hạ- Hạ thượng, hạ nghiêm chỉnh. Đi không giẫm đất, trung, hạ hạ. cách mặt đất bốn ngón tay mà mặt Sắc giới bốn địa, Vô sắc giới đất vẫn in rõ vân bàn chân. Giữ bốn địa, mỗi địa đều có chín phẩm mình bằng thần lực không nhờ của ba hoặc tham, si, mạn, chỉ trừ người khác bảo vệ. Oai đức vang sân, vì Sắc giới và Vô sắc giới khắp gần xa người tu đều thích không còn sân. nghe, ngoại đạo khiếp sợ. Lời nói Chín địa mà mỗi đều có chín hòa nhã làm vui lòng mọi người, phẩm tư hoặc nên tổng cộng thành Tùy theo căn cơ mà nói chánh pháp támmột phẩm. bằng một âm thinh duy nhất mà các (Tư hoặc trong ba cõi chia loài đều hiểu được. Nói pháp lần thành chín phẩm là vì hoặc này khó lượt theo thứ lớp tùy theo cơ duyên dứt, nên chia nhỏ ra để cho quả thứ thích hợp. Tướng đẹp đầy đủ ngắm hai Tư đà hàm, quả thứ ba A na nhìn không hết. Xương tròn đỉnh hàm, quả thứ bốn A la hán theo thứ đầu vững chắc đến cùng kiếp tự ấy mà dứt trừ). không hư. Dung nhan tuyệt mỹ thường giống thiếu niên. Tay, chân, BÁT THẬP BÁT SỬ ngực đều hiện ra đức tướng kiết (Thiên thai tứ giáo tường tuyệt diệu và đầy đủ. nghi tập chú). BÁT THẬP NHẤT Sử nghĩa là sai khiến. Vì kiến PHẨM TƯ HOẶC hoặc này có thể sai khiến tất cả (Thiên thai tứ chúng sanh, trôi nổi trong ba cõi sống, chết. giáo nghi tập chú). Nói kiến hoặc là ý căn đối với Tư hoặc là năm căn nhãn, nhĩ, pháp trần nổi lên những phân biệt. tỷ, thiệt, thân đối với năm trần sắc, Tất cả có mười thứ: 1) Thân kiến: ở thinh, hương, vị, xúc khởi lên bốn

trong năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, hoặc tham, sân, si, mạn. thức sai lầm cho là thân mình; 2) Biên kiến: vì có thân kiến, rồi lại

cho thân này luôn còn, hoặc cho trên trừ sân sử, vì hai giới này: sắc thân này chết là hết, theo đó chấp và vô sắc, không có sân). một bên; 3) Kiến thủ: ở trong pháp không chân thật mà lầm cho là Niết CỬU THẬP BÁT SỬ bàn rồi sanh tâm giữ lấy; 4) Giới (Thiên thai tứ giáo thủ: ở trong chẳng phải giới chân chánh mà lầm cho là giới, giữ lấy nghi tập chú). và thực hành; 5) Tà kiến: vì tối tăm Vì cõi Dục có bốn thứ tư hoặc không hiểu biết tà tâm ôm giữ lấy là tham, sân, si, mạn, còn cõi Sắc lý lẻ; 6) Tham: vì đối với các cảnh và Vô sắc có ba thứ tư hoặc là tham, dục, bị hấp dẫn không biết chán; 7) si, mạn. Tư hoặc trong ba cõi, cọng Sân: vì đối với cảnh trái lòng nổi lại là mười sử và támtám sử kiến lên giận dữ; 8) Si: vì ở trong sự, lý hoặc, tổng cộng thành chíntám sử. lầm lạc không biết rõ; 9) Mạn: dựa vào tài đức, giàu sang của mình, ĐẠI THỪA BÁCH PHÁP xem thường người khác; 10) Nghi: (Đại thừa bách pháp vì tâm mờ, trái với chân lý, do dự không quyết định được. minh môn luận). Mười sử này trải qua ba cõi bốn 100 pháp gom lại thành năm đế tăng, giảm không giống nhau, nhóm. Đó là: tổng cộng thành 88 sử. Bởi vì cõi 1) Sắc pháp: 11 Dục thì khổ đế đủ mười sử; hai đế 2) Tâm pháp: tám Tập, Diệt thì mỗi đế có bảy sử trừ 3) Tâm sở hữu pháp: 51 ba sử: thân kiến, biên kiến, giới thủ; 4) Bất tương ưng hành pháp: 24 Đạo đế có tám sử trừ hai sử thân 5) Vô vi pháp: sáu kiến, biến kiến thì Tứ đế hợp lại Một, Sắc pháp có 11. thành 32 sử. Sắc có nghĩa là chất làm trở Cõi Sắc, cõi Vô sắc về Tứ đế giống ngại. Đó là năm căn: mắt, tai, mũi, như Dục giới, chỉ có mỗi đế lại trừ lưỡi, thân; năm cảnh: sắc, thinh, đi sân sử, cho nên mỗi giới có 28 hương, vị, xúc và vô biểu sắc. sử; hai giới hợp lại thành 56 sử và mộtmột loại pháp này đều có sắc Dục giới 32 sử, tổng cộng thành 88. tướng có thể thấy, có thể đối đãi, (hai đế Tập, Diệt, mỗi đế đều nên gọi là sắc pháp. trừ thân kiến, biên kiến, giới thủ. (Pháp xứ tức là cảnh ý thức Vì ba sử này đều nương vào khổ đế chọp lấy. Đầy đủ chia làm bốn khởi lên mà hai đế Tập, Diệt thì phần: 1) Tâm sở pháp; 2) Bất tương không. Đạo đế trừ thân kiến, biên ưng hành; 3) Vô vi pháp; 4) Vô kiến, vì hai sử này cũng do khổ đế biểu sắc. Nay nói nhiếp một phần, khởi lên mà Đạo đế thì không, đó chính là vô biểu sắc. nhưng không trừ giới thủ vì ngoại Vô biểu sắc là cảnh thấy được ở đạo đế không trừ giới thủ. Ở hai cõi quá khứ của ý thức, tuy phân biệt

rõ ràng nhưng vì không có biểu 1) Tín: đối với các pháp lành ưa hiện). mến không nghi ngờ; 2) Tàm: thẹn Hai, Tâm pháp có tám. mình không có đức độ; 3) Quý: xấu Tâm tức là tâm thuộc thức. Đó hổ vì làm việc ác; 4) Vô tham: đối là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt với năm cảnh dục, tâm sanh chán thức, thân thức, ý thức, mạt na thức, ghét muốn xa lìa; 5) Vô sân: đối A lại da thức. tám thức này đều có với cảnh không vừa ý không nổi nghĩa là phân biệt và tất cả đều tâm nóng giận; 6) Vô si: đối với sự, thuộc tâm, nên gọi là tâm pháp. lý hiểu biết rõ ràng, quyết định Ba, Tâm sở hữu pháp có 51. chắc chắn; 7) Tinh tấn: đối với các Tâm sở hữu pháp là đối với tám pháp lành, siêng năng tu tập; 8) thức tâm vương mà nói. 51 thứ này Khinh an: xa lìa tối tăm, tán loạn; 9) hợp lại thành sáu vị: A) Biến hành Bất phóng dật: đối với pháp bất pháp có năm; B) Biệt cảnh pháp có thiện, tâm không đắm nhiễm, năm; C) Thiện pháp có 11; D) vướng mắc; 10) Xả: xa lìa trạo cử; Phiền não có sáu; E) Tùy phiền não 11) Bất hại: đối với loài hữu tình có 20; F)

Bất định pháp có bốn. không làm cho chúng bị tổn thương, A. Biến hành pháp có năm: đau khổ. 1) Tác ý: cái tánh có khả năng Mười một thứ này đều là pháp cảnh giác khi tâm chưa phát khởi, lành nên gọi chung là thiện. cảnh lệnh nổi lên thì tâm đã phát D. Phiền não pháp có sáu: khởi dẫn đến cảnh; 2) Xúc: đối 1) Tham: ôm đồm mọi thứ cảnh, tiếp xúc với cảnh; 3) Thọ: không biết chán; 2) Sân: giận dữ nhận lãnh đối cảnh; 4) Tưởng: nắm không thôi; 3) Mạn: cậy mình xem giữ hình bóng của cảnh; 5) Tư: tâm thường người khác; 4) Vô minh: phát khởi tạo ra các nghiệp. năm đối với sự, lý không hiểu biết rõ pháp này khi khởi lên thì cùng khởi ràng; 5) Kiến: tức là tà kiến; 6) lên, nên gọi là biến hành. Nghi: do dự không quyết định. B. Biệt cảnh pháp có năm: sáu thứ pháp này hay làm não 1) Dục: mong muốn cảnh an loạn chúng sanh, nên gọi chung là vui; 2) Thắng giải: đối với lý hiểu phiền não. biết rõ ràng không có trở ngại; 3) E. Tùy phiền não pháp có 20: Niệm: cảnh từng luyện tập, ghi nhớ 1) Phẩn: giận dữ; 2) Hận: hờn không quên; 4) Đẳng trì: xa lìa tăm giận; 3) Phú: không cho người biết tối, u mê gọi là đẳng, giữ cho tâm lỗi của mình; 4) Não: gặp cảnh trái chuyên chú, không tán loạn gọi là ý làm cho mình không an ổn; 5) Tật: trì; 5) Huệ: chọn lựa pháp lành tâm ôm lòng ganh ghét; 6) San: đối pháp dữ. năm thứ pháp này khi với tất cả tài sản không thể đem bố khởi lên thì mỗi thứ khởi riêng, nên thí cho người khác; 7) Cuống: dối gọi là biệt cảnh. trá không chân thât; 8) Siễm: nịnh C. Thiện pháp có 11: nọt làm vừa lòng người; 9) Hại:

làm thương tổn, khổ sở loài hữu Bốn, Bất tương ưng hành tình; 10) Kiêu: khoe mình, chê pháp có 24: người; 11) Vô tàm: không biết xấu 1) Đắc: tất cả pháp đã tạo tác và hổ; 12) Vô quý: giấu kín điều thành tưu; 2) Mạng căn: chủng tử chẳng lành; 13) Trạo cử: nội tâm của thức thứ tám và hơi ấm thở ra, dao động; 14) Hôn trầm: tâm thần thở vào liên tục không gián đoạn; 3) mê lầm; 15) Bất tín: thấy biết sai Chúng đồng phận: như loài người lầm có nhiều nghi ngờ; 16) Giải đãi: có hình dạng tương tự; 4) Dị sanh thân, tâm lười biếng; 17) Phóng dật: tánh: tánh hư ảo của chúng sanh buông lung theo cảnh dục; 18) Thất không giống nhau; 5) Vô tưởng niệm: sót mất chánh niệm; 19) Tán định: định mà ngoại đạo tu là đạt loạn: tâm luôn phóng dật; 20) Bất tới tâm, tưởng đều diệt; 6) Diệt tận chánh tri: lấy sai làm phải, lấy tà đinh: tâm vọng tưởng diệt hết, các làm chân. thức không khởi lên; 7) Vô tưởng Hai mươi pháp này theo sát sáu báo: ngoại đạo tu vô tưởng định, thứ phiền não phát sanh, nên gọi là chết sanh lên trời Vô tưởng, sống tùy phiền não. lâu 500 kiếp, tưởng của tâm không F. Bất định pháp có bốn: hoạt động, như cá bị băng bao phủ 1) Ác tác: hoặc đã làm ác hoặc cứng; 8) Danh thân: dựa vào sự đặt đã làm việc lành rồi lại hối hận; 2) tên, nhiều tên liên hợp gọi là thân; Thụy miên: người ngũ, thần thức 9) Cú thân: nhiều lời (ngôn) thành tối tăm, thấy cảnh trong mộng, câu, nhiều câu liên hợp lại gọi là cú hoặc thiện hoặc ác hoặc không thân; 10) Văn thân: văn tức là chữ thiện không ác;2) 3) Tầm: tức tầm (tự), nhiều chữ liên hợp lại gọi là tư (), trong tâm khởi niệm lên văn thân; 11) Sanh: các pháp sanh khởi; 12) Trú: các pháp chưa dời hoặc thiện hoặc ác hoặc không đổi; 13) Lão: các pháp từ từ suy thiện không ác; 4) Tứ (): tức là yếu; 14) Vô thường: nay có mai xem xét, trong tâm khởi niệm: tâm không; 15) Lưu chuyển: nhân quả tầm tư thô thì nổi lên trên, tâm dò tương tục, lưu chuyển không ngừng; xét chìm thì tế (bé nhỏ). Cả hai 16) Định dị: thiện, ác; nhân, quả trường hợp của

tâm tầm tư ấy đều chắc chắn không giống nhau; 17) là niệm, chung luôn thiện, ác và vô Tương ưng: nhân quả hòa hợp, ký. không trái ngược nhau; 18) Thế tốc: Bốn pháp này có cả ba tánh các pháp dời đổi không một chút thiện, ác, vô ký khởi lên không nhất dừng nghỉ; 19) Thứ đệ: sắp xếp định, nên gọi là bất định. Như vậy theo thứ tự; 20) Thời: tức là thời các pháp đều từ chủng tử của A lại tiết, thời gian; 21) Số: tức số mục da sanh ra, nương vào tâm mà khởi (những dấu hiệu để ghi số, như: lên, cùng tâm chuyển biến tương một, hai, ba,...); 22) Phương: tức là ưng, nên đều gọi là pháp của tâm. phương sở (nơi chốn); 23) Hòa hợp:

trái, ngược nhường nhau; 24) Bất Tiếng Phạn là Thủ lăng nghiêm, hòa hợp: trái, ngược không nhường tiếng Hoa là Kiện tướng phân biệt. nhau. Tiếng Phạn là Tam muội, tiếng Hoa 24 pháp có tên mà không có thể, là Chánh thọ, cũng gọi là Chánh không cùng sắc pháp, tâm pháp, định. Vì Bồ tát ở Tam muội này, thì tâm sở hữu pháp tương ưng, nên chắc chắn có thể phân biệt hiểu biết gọi là Bất tương ưng hành pháp. rõ ràng hành tướng, cạn sâu nhiều Năm, Vô vi pháp có sáu: ít của các Tam muội và tất cả phiền 1) Hư không vô vi: lý chân không, não ma không thể phá hoại. Vì vậy xa lìa các chướng ngại, giống như gọi là Tam muội thủ lăng nghiêm. hư không, không có gì làm ra; 2) 2) Bảo ấn Tam muội. Trạch diệt vô vi: trạch là chọn lựa, Vì Bồ tát ở Tam muội này, đối diệt là dứt hết. Dùng trí diệt phiền với tất cả Tam muội, chắc chắn có não, chân lý được hiển hiện, lý khả năng ấn chứng, nhưng ở trong không có gì làm ra; 3) Phi trạch các châu ngọc thì pháp bảo là hơn diệt vô vi: không nhờ trí lực dứt hết hết; đời này, đời sau cho đến khi phiền não, tánh vốn thanh tịnh, chứng Niết bàn đều có khả năng không có gì làm ra; 4) Bất động vô đem lại lợi ích. Đó gọi là Tam muội vi: tức là Bất động địa của đệ tứ bảo ấn. thiền thiên, lý để tu là xuất thế, 3) Sư tử hý Tam muội. không có gì làm ra; 5) Thọ tưởng Vì Bồ tát ở Tam muội này, đối diệt vô vi: tâm thọ tưởng không còn với tất cả Tam muội, ra vào nhanh nữa, chân lý được hiển bày, không chậm đều được tự tại. Đối với có gì làm ra; 6) Chân như vô vi: ngoại đạo, kẻ nào ương ngạnh thì không sai lầm là chân, không đổi phá tan, kẻ nào có tín tâm thì cứu khác gọi là như. Lý chân như độ; giống như sư tử chơi đùa mà có không có gì làm ra. khả năng làm các con thú khác run Những sắc pháp, tâm pháp, tâm sợ. Đó là Tam muội sư tử. bất tương ưng hành, tâm sở hữu 4) Diệu nguyệt Tam muội. pháp đều là pháp hữu vi của thế Vì Bồ tát vào Tam muội này, có gian. sáu pháp này là pháp xuất thế khả năng trừ vô minh che lấp của gian, nên gọi là Vô vi, như 100 các pháp tà kiến, giống như trăng pháp không ra ngoài sắc và tâm, mà tròn sáng, trong veo, không chút sắc thì do tâm tạo, nếu gom cành hoen mờ và có khả năng phá tan vào gốc, thì chỉ có một tâm pháp đen tối. Đó gọi là Tam muội diệu thôi. nguyệt. 5) Nguyệt tràng tướng Tam BÁCH BÁT TAM MUỘI muội. (Đại trí độ luận). Vì Bồ tát vào Tam muội này thì thông hiểu tất cả pháp không trở 1)Thủ lăng nghiêm Tam muội. ngại, chắc chắn đều tùy thuận;

giống như vị đại tướng dùng tràng chắc chắn không mục hư mà có thể phan bằng châu báu có vẽ hình mặt nghiền nát muôn vật khác. Đó gọi trăng, người vào thấy hình tướng ấy, là Tam muội kim cang. chắc chắn phải theo. Đó gọi là Tam 11) Nhập pháp ấn Tam muội. muội nguyệt tràng tướng. Như người đi vào một nước, có 6) Xuất chư pháp Tam muội. giấy tờ hợp pháp (có đóng dấu) mới Vì Bồ tát ở Tam muội này, có được vào, có

giấy tờ mà không khả năng làm cho tất cả Tam muội đóng dấu thì không được vào. Bồ phát sanh tăng trưởng; giống như tát ở Tam muội này thì có khả năng mưa đúng lúc làm cho cây, cỏ đều vào thật tướng của các pháp. Đó tươi tốt. Đó gọi là Tam muội xuất gọi là Tam muội nhập pháp ấn. chư pháp. 12) Tam muội vương an lập 7) Quán đảnh Tam muội. Tam muội. Vì Bồ tát vào Tam muội này có Vì Bồ tát ở Tam muội này thì khả năng thấy khắp tất cả Tam an trụ trong tất cả Tam muội; giống muội; giống như đứng trên đỉnh núi, như ông vua lớn ngồi ở chánh điện, chắc chắn thấy mọi vật. Đó gọi là triệu các quần thần, chắc phải nghe Tam muội quán đỉnh. lời. Đó gọi là Tam muội vương an 8) Tất pháp tánh Tam muội. lập Tam muội. Vì thể tánh của các pháp không 13) Phóng quang Tam muội. nhiều không ít, khó có thể nắm giữ, Vì Bồ tát ở Tam muội này, có Bồ tát vào Tam muội này thì có khả khả năng phóng ra vô số ánh sáng, năng biết chắc chắn các pháp tánh soi rõ các Tam muội, ắt phải thấu và được tướng của định; giống như triệt. Đó gọi là Tam muội phóng hư không không ai có thể ở trong quang. ấy, trừ có thần túc lực thì mới ở 14) Lực tiến Tam muội. được trong ấy. Đó gọi là Tam muội Vì Bồ tát ở Tam muội này đối tất pháp tánh. với các Tam muội được sức tự tại, 9) Tất tràng tướng Tam muội. hay có khả năng dùng thần thông Vì Bồ tát ở Tam muội này thì biến hóa, độ các chúng sanh. Đó là có khả năng quyết định giữ các Tam muội lực tiến. Tam muội pháp tràng, Tam muội 15) Cao sơn Tam muội. tôn thắng nhất trong các Tam muội; Vì Bồ tát ở Tam muội này tất giống như đại tướng cầm cờ trong cả phước đức, trí huệ đều tăng tay, biểu lộ sự tôn trọng to lớn của trưởng, tánh của các Tam muội ông ta. Đó gọi là Tam muội tất phát xuất theo tâm. Đó gọi là Tam tràng tướng. muội cao sơn. 10) Kim cang Tam muội. 16) Tất nhập biện tài Tam Vì Bồ tát ở Tam muội này thì muội. trí huệ vững chắc, có thể phá các Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Tam muội; giống như kim cang có khả năng biện thuyết tất cả Tam

muội, đều biết ngôn ngữ của chúng (Tam thừa là Thinh văn, Duyên sanh đúng theo thứ lớp và kể cả giác, Bồ tát thừa). kinh, sách chữ nghĩa, đều có thể 22) Biến phú hư không Tam phân biệt rõ ràng, không trở ngại. muội. Đó gọi là Tam muội tất nhập biện Vì Bồ tát ở Tam muội này, tài. dùng sức Tam muội có khả năng 17) Thích danh tự Tam muội. che khắp vô lượng vô biên hư Vì Bồ tát này thì có thể giải không, hoặc phóng ra ánh sáng, thích danh tự của các Tam muội và hoặc bằng âm thinh đầy ắp trong ấy. ý nghĩa của các pháp, làm cho ai Đó gọi là Tam muội biến phú hư cũng hiểu được. Đó gọi là Tam không. muội thích danh tự. 23) Kim cang luân Tam muội. 18) Quán phương Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Vì Bồ tát ở Tam muội này, thì có khả năng giữ gìn các Tam muội, vào, ra các Tam muội một cách tự đến được tất cả pháp mà không tại, nên có thể dùng tâm từ bi, bình chướng ngại; giống như bánh xe đẳng thương xót để quán sát chúng bằng kim cang, lăn đến đâu cũng sanh trong mười phương, đều được không bị trở ngại. Đó gọi là Tam cứu độ và giải thoát. Đó gọi là Tam muội kim cang luân. muội quán phương. 24) Bảo đoạn Tam muội. 19) Đà la ni ấn Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Tiếng Phạn là Đà la ni, tiếng có khả năng dứt trừ cấu nhiễm Hoa là Tổng trì. Vì Bồ tát ở Tam phiền não của các Tam muội; như muội này thì có khả năng nắm giữ vật quí báu đích thật có thể thanh được ấn Tam muội, phân biệt các lọc vật báu khác, làm cho chúng Tam muội đều có đà la ni. Đó gọi thanh khiết. Đó gọi là Tam

muội là Tam muội ấn đà la ni. bảo đoạn. 20) Vô cuống Tam muội. 25) Năng chiếu Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Vì Bồ tát ở Tam muội này có không sanh ra ái nhiễm, tức giận, khả năng dùng trí huệ chiếu rõ các vô minh, tà kiến, đối với các Tam pháp; giống như mặt trời mọc, soi muội đều không mê muội. Đó gọi khắp thế gian làm việc gì cũng hiển là Tam muội vô cuống. bày. Đó gọi là Tam muội năng 21) Nhiếp chư pháp hải Tam chiếu. muội. 26) Bất cầu Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Vì Bồ tát ở Tam muội này thì nhiếp cả Tam thừa pháp vào trong có khả năng soi tỏ các pháp đều là Tam muội này; giống như tất cả ảo hóa, ái dục trong ba cõi đều dứt sông đều chảy về biển. Đó gọi là hết, không còn đâu để tìm kiếm. Đó Tam muội nhiếp các pháp giống gọi là Tam muội bất cầu. như biển là nơi về của các sông. 27) Vô trụ Tam muội.

Vì Bồ tát ở Tam muội này có pháp ô nhiễm nào làm cho hủy hoại. khả năng soi tỏ các pháp, vô Đó gọi là các Tam muội kiên định. thường trong từng niệm, không có 34) Vô cấu minh Tam muội. tướng dừng lại. Đó là Tam muội vô Vì Bồ tát ở Tam muội này có trụ. thể lìa xa cấu uế của tất cả Tam 28) Vô tâm Tam muội. muội, phá trừ tất cả vô minh, ái dục, Vì Bồ tát ở Tam muội này thì phiền não, cũng có khả năng soi tỏ các pháp tâm vương và tâm sở đều tất cả Tam muội. Đó gọi là Tam không khởi lên. Đó gọi là Tam muội vô cấu minh. muội vô tâm. 35) Hoan hỷ Tam muội. 29) Tịnh đăng Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này, có Vì Bồ tát ở Tam muội này có thể sanh vô lượng vô biên pháp khả năng lìa bỏ cấu nhiễm của các hoan hỷ lạc. Đó gọi là Tam muội phiền não và đèn trí huệ soi sáng hoan hỷ. trong veo. Đó gọi là Tam muội tịnh 36) Điện quang Tam muội. đăng. Vì Bồ tát ở Tam muội này đã đi 30) Vô biên minh Tam muội. lầm đường (chánh đạo) từ vô thỉ Vì Bồ tát ở Tam muội này có đến nay, trở lại và có khả năng khả năng dùng trí huệ chiếu khắp chứng đắc; giống như ánh chớp chúng sanh trong mười vô biên thế hiện ra trong chốc lát giúp hành giả giới và vô lượng các pháp đều được thấy đường đi. Đó gọi là Tam muội sáng tỏ. Đó gọi là Tam muội vô điện quang. biên. 37) Vô tận Tam muội. 31) Năng tác minh Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này diệt Vì Bồ tát ở Tam muội này có trừ tướng của các pháp vô thường, khả năng soi rõ các pháp; giống thì vào lý chân thật bất sanh bất như trong chỗ tối, đốt lên ngọn diệt. Đó gọi là Tam muội vô tận. đuốc, sáng trưng tất cả. Đó gọi là 38) Oai đức Tam muội. Tam muội năng tác minh. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì 32) Phổ chiếu minh Tam được vô lượng oai đức tự tại trang muội. nghiêm. Đó gọi là Tam muội oai Vì Bồ tát ở Tam muội này có đức. khả năng soi sáng vô lượng Tam 39) Ly tận Tam muội. muội của các pháp; giống như bánh Vì Bồ tát ở Tam muội này có xe báu lớn soi sáng bốn bên. Đó gọi thể thấy các Tam muội không có là Tam muội phổ chiếu minh. cùng tận và đối với vô lượng A 33) Kiên định Tam muội. tăng kỳ kiếp, căn lành được nên Vì Bồ tát ở Tam muội này có quả báo không mất và rời bỏ cái thể làm cho các Tam muội thanh thấy đoạn diệt (Chết là mất). Đó tịnh, vững chắc, không bị bất cứ gọi là Tam muội ly tận.

(Tiếng Phạn là A tăng kỳ, tiếng năng, đối với các Tam muội, mà Hoa là vô số thời: thời gian không tạo ra ánh sáng. Đó gọi là Tam có số đếm). muội năng tác minh. 40) Bất động Tam muội. 46) Tác hạnh Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này có Vì Bồ tát ở Tam muội này, thì khả năng biết thật tướng của các trước hết có thể phát khởi những sở pháp là rốt ráo vắng lặng. Trí huệ đắc về các Tam muội. Đó gọi là và Tam muội tương

ứng. Đối với Tam muội tác hạnh. tất cả Tam muội và tất cả pháp đều 47) Tri tướng Tam muội. không hý luận. Đó gọi là Tam muội Vì Bồ tát ở Tam muội này thì bất động. thấy trong tất cả Tam muội có 41) Bất thối Tam muội. tướng thật bảo trí huệ. Đó gọi là Vì Bồ tát ở Tam muội này luôn Tam muội tri tướng. không thối chuyển, tức là đã đến trí 48) Như kim cang Tam muội. A bệ bạt (không thối chuyển). Đó Vì Bồ tát ở Tam muội này có gọi là Tam muội bất thối (không khả năng phá tan phiền não ràng lui). buộc và sai sử, chẳng còn lại gì; 42) Nhật đăng Tam muội. giống như kim cang có thể phá vỡ Vì Bồ tát ở Tam muội này có các vật, không sót thứ gì. Đó gọi là khả năng soi tỏ vô số pháp môn và Tam muội kim cang. các Tam muội; giống như mặt trời 49) Tâm trụ Tam muội. mọc có thể soi tỏ tất cả thế giới, lại Vì tưởng của tâm nhỏ bé và cũng giống như đèn sáng có thể lanh lẹ, khó chế phục, khó nắm giữ. phá tan sự tối tăm trong căn nhà. Bồ tát ở Tam muội này thì có khả Đó gọi là Tam muội nhật đăng. năng thu nhiếp sự tán loạn, tâm 43) Nguyệt tịnh Tam muội. không dao động. Đó gọi là Tam Vì Bồ tát ở Tam muội này thì muội tâm trụ. trí huệ thanh tịnh, đem đến lợi ích 50) Phổ minh Tam muội. cho chúng sanh, lại còn có thể phá Vì Bồ tát ở Tam muội này, đối tan vô minh của các Tam muội; với tất cả pháp, thấy tướng ánh giống như vầng trăng tròn sáng phá sáng, không tối tăm, dùng sức thần tan đen tối. Đó gọi là Tam muội thông soi khắp thế gian, hoàn toàn nguyệt tịnh. không trở ngại. Đó gọi là Tam 44) Tịnh nguyệt Tam muội. muội phổ minh. Vì Bồ tát ở Tam muội này có 51) An lập Tam muội. khả năng hiểu rõ các pháp không Vì Bồ tát ở Tam muội này, ở có gì chướng ngại. Đó gọi là Tam trong tất cả công đức của pháp lành, muội tịnh nguyệt. an ổn vững vàng; như núi Tu di 45) Năng tác minh Tam muội. đứng yên bất động. Đó gọi là Tam Vì Bồ tát ở Tam muội này thì muội an lập. tương ứng với trí Bát nhã, có khả 52) Bảo tụ Tam muội.

Vì Bồ tát ở Tam muội này có 58) Phân biệt chư pháp cú khả năng chuyển tất cả những gì có Tam muội. trong nước thành bảy báu. Đó gọi Vì Bồ tát ở Tam muội này thì là Tam muội bảo tụ. có thể phân biệt được tất cả ngữ 53) Diệu pháp ấn Tam muội. ngôn, văn cú của các pháp, vì Vì Bồ tát ở Tam muội này thì chúng sanh mà giảng nói trôi chảy được pháp ấn Tam muội của chư không trở ngại. Đó gọi là Tam Phật và Bồ tát về công đức, trí huệ muội phân biệt chư pháp cú. vi diệu. Đó gọi là Tam muội diệu 59) Tự đẳng tướng Tam muội. pháp ấn. Vì Bồ tát ở Tam muội này, 54) Pháp đẳng Tam muội. quán sát chữ và lời đều bình đẳng, Vì Bồ tát ở Tam muội này thì mắng nhiếc, khen ngợi không chút, soi tỏ chúng sanh và tất cả pháp vì đó, mà thương hay ghét. Đó gọi đều được bình đẳng. Đó gọi là Tam là Tam muội tự đẳng tướng. muội pháp đẳng. 60) Ly tự Tam muội. 55) Đoạn hỷ Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này, Vì Bồ tát ở Tam muội này có không có nghĩa trong chữ, cũng khả năng quán sát các tướng khổ, không thấy chữ trong chữ. Đó là không, vô thường, vô ngã, bất tịnh Tam muội ly tự. ở trong tất cả thế gian sanh tâm 61) Đoạn duyên Tam muội. chán ghét, xa lìa, không nổi lên Vì Bồ tát ở Tam muội này thì tưởng ham muốn đắm đuối. Đó gọi có thể trong lạc mà không sanh hỷ, là Tam muội đoạn hỷ. trong khổ mà không sanh giận, (Khổ là quán sát thân năm ấm, trong không khổ, không mà không thật đang bị khổ sanh, tử bức bách. biết xả tâm. Trong cái thọ này lìa Không là thân này và các pháp xưa xa không vướng mắc thì tâm bặt nay vốn là không. Vô thường là duyên dứt. Đó gọi là Tam muội thân này và các

pháp cuối cùng đoạn duyên. hoại diệt. Vô ngã là bốn địa chia lìa, 62) Bất hoại Tam muội. cái gì là ngã ? Bất tịnh là quán sát Vì Bồ tát ở Tam muội này thì thân này đều dơ bẩn). có thể liễu triệt tánh không tịch cứu 56) Đáo pháp đỉnh Tam muội. cánh của pháp tánh, dùng hý luận Vì Bồ tát ở Tam muội này là có không thể phá được, luật vô thường thể dùng sức phương tiện Bát nhã không thể đổi dời. Đó gọi là Tam mà đến đỉnh núi pháp. Đó gọi là muội bất hoại. Tam muội đáo pháp đỉnh. 63) Vô chủng tướng Tam 57) Năng tán Tam muội. muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Vì Bồ tát ở định này hiểu rõ tương ưng cùng không huệ và có pháp vô tướng, mà không thấy vô thể phá tan các pháp. Đó là Tam số tướng của các pháp. Đó gọi là muội năng tán. Tam muội vô chủng tướng.

64) Vô xứ hành Tam muội. mà ở trong thật tướng của các pháp. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Đó gọi là Tam muội trụ vô tâm. có thể biết nguyên nhân ba độc đốt cháy tam giới tâm không nơi nương 71) Tịnh diệu hoa Tam muội. tựa, Niết bàn, cuối cùng, không, Vì Bồ tát ở Tam muội này, thì cũng không nơi nương tựa. Đó gọi có thể ở trong các Tam muội, hoa là Tam muội vô xứ hành. công đức nở ra để tự trang nghiêm 65) Ly mông muội Tam muội. lấy; giống như cây hoa khi nở tự Vì Bồ tát ở Tam muội này thì, ở làm cho nó đẹp thêm. Đó gọi là trong các Tam muội, vô minh vi tế Tam muội tịnh diệu hoa. che lấp đều có thể trừ hết. Đó gọi là 72) Giác ý Tam muội. Tam muội ly mông. Vì Bồ tát ở Tam muội này, 66) Vô khứ Tam muội. khiến các Tam muội trở thành vô Vì Bồ tát ở Tam muội này thì lậu, tương ưng cùng bảy giác chi. không thấy tướng khứ lai của tất cả Đó gọi là Tam muội giác ý. pháp. Đó gọi là Tam muội vô khứ. 73) Vô lượng biện Tam muội. 67) Bất biến dị Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này, Vì Bồ tát ở Tam muội này có được vô lượng biện tài, ưa nói một thể quán sát pháp của tất cả Tam câu kinh, trãi qua vô lượng kiếp, muội, đều không thấy có tướng mà không hết nghĩa lý. Đó gọi là biến dị. Đó gọi là Tam muội bất vô lượng biện Tam muội. biến dị. 74) Tam muội vô đẳng đẳng. 68) Độ duyên Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này, Vì Bồ tát ở Tam muội này, quán sát tất cả chúng sanh đều như duyên các phiền não ở trong sáu Phật, quán sát tất cả pháp giống trần đều diệt hết, có thể vượt qua như Phật pháp, tương ưng, không biển lớn lục trần, cũng có thể vượt có gì so sánh được với Bát nhã ba thoát trí huệ duyên sanh của tất cả la mật. Đó gọi là Tam muội vô Tam muội. Đó gọi là Tam muội độ đẳng đẳng. duyên. (Vô đẳng đẳng là trí tuệ của 69) Tập chư công đức Tam chư Phật, không có gì, ở thế gian, muội. so sánh được, nhưng tất cả chúng Vì Bồ tát ở Tam muội này, tu sanh đều có trí huệ ấy một cách tập tất cả căn lành công đức. Đầu bình đẳng, nên gọi là vô đẳng: đêm cuối đêm đều không ngơi nghĩ; không bằng về tướng mà bằng về giống như mặt trời mặt trăng vận tánh). chuyển không ngừng. Đó gọi là 75) Độ chư pháp Tam muội. Tam muội tập chư công đức. Vì Bồ tát ở Tam muổi này có 70) Trụ vô tâm Tam muội. thể vào ba cửa giải thoát, ra khỏi ba Vì Bồ tát ở Tam muội này, chỉ cõi, cứu độ Tam thừa chúng sanh. theo trí huệ, không bị tâm dẫn dắt, Đó gọi là Tam muội độ chư pháp.

(ba cửa giải thoát là cửa không Vì Bồ tát ở Tam muội này, giải thoát, cửa vô tướng giải thoát; tương ưng với tất cánh không, cửa vô tát giải thoát). không còn hạnh nào nữa tiếp nối. 76) Phân biệt chư pháp tam Đó gọi là Tam muội nhất hạnh. muôi. 82) Bất nhất

hạnh Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Vì Bồ tát ở Tam muội này có thể phân biệt các tướng thiện, không thấy nhất tướng của các Tam bất thiện; hữu lậu, vô lậu; hữu vi , muội. Dùng Tam muội này mà vô vi của các pháp. Đó gọi là Tam kiêm luôn thực hành các quán hạnh muội phân biệt các pháp. khác. Đó gọi là Tam muội bất nhất 77) Tán nghi Tam muội. hạnh. Vì Bồ tát ở Tam muội này, ở 83) Diệu hạnh Tam muội. trong tất cả pháp, lưới nghi đều có Vì Bồ tát ở Tam muội này khả năng dứt sạch, có được thật không thấy nhị tướng của các Tam tướng của tất cả pháp. Đó gọi là muội, tức là Tam muội tương ưng Tam muội tán nghi. với rốt ráo không, tất cả hý luận 78) Vô trú xứ Tam muội. không thể phá được. Đó gọi là Tam Vì Bồ tát ở Tam muội này thì muội diệu hạnh. không thấy được chỗ ở cố định của 84) Đạt nhất thiết hữu để tán các pháp. Đó gọi là Tam muội vô Tam muội. trụ xứ. Vì Bồ tát ở Tam muội này có 79) Nhất trang nghiêm Tam khả năng dùng trí huệ vô lậu thông muội. suốt ba cõi, cho đến cõi trời Phi Vì Bồ tát ở Tam muội này, thì hữu tưởng phi vô tưởng. Tất cả cõi có thể quán sát thấy được các pháp ấy đều làm cho tan nát, hư hoại. Đó đều là hữu tướng nên là một, hoặc gọi là Tam muội đạt nhất thiết hữu là tướng của tất cả pháp là vô tướng để tán. nên là một, hoặc là tất cả pháp vô 85) Nhập danh ngữ Tam tướng nên là một, hoặc tất cả pháp muội. không tướng nên là một đều dùng Vì Bồ tát ở Tam muội này có một tướng trí huệ trang nghiêm khả năng biết tất cả chúng sanh, tất Tam muội như thế. Đó gọi là Tam cả vật, tất cả tên của các pháp, tất muội nhất trang nghiêm. cả ngôn ngữ đều hiểu biết rõ ràng. 80) Sanh hành Tam muội. Đó gọi là Tam muội nhập danh ngữ. Vì Bồ tát ở Tam muội này có 86) Ly âm thinh tự ngữ Tam khả năng quán sát các tướng hành, muội. nhập, trụ, xuất. Các tướng ấy đều Vì Bồ tát ở Tam muội này, không, cũng không thể thấy. Đó gọi quán sát tất cả pháp đều không có là Tam muội sanh hành. âm thinh, ngôn ngữ, luôn luôn là 81) Nhất hạnh Tam muội. tướng tịch tịnh. Đó gọi là Tam muội ly âm thinh tự ngữ.

87) Nhiên cự Tam muội. đâu để vui mừng, huống nữa là đối Vì Bồ tát ở Tam muội này thì với khổ đau. Đó gọi là Tam muội có thể dùng đuốc trí huệ soi rõ tất bất hỷ, khổ, lạc. cả pháp không chút lầm lẫn, như 92) Vô tận tướng Tam muội. cầm đuốc đi trong đêm đen, không Vì Bồ tát ở Tam muội này thì rơi vào hố sâu nguy hiểm. Đó gọi là có thể quán tất cả pháp không phải Tam muội nhiên cự. đoạn, không phải thường, không hư 88) Tịnh tướng Tam muội. hoại, không chấm dứt. Đó gọi là Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Tam muội vô tận tướng. có khả năng đầy đủ thanh tịnh, 93) Đà la ni Tam muội. trang nghiêm bằng 32 tướng tốt, lại Vì Bồ tát ở Tam muội này thì có thể quán sát tướng tổng, biệt của có thể giữ gìn các Tam muội và các pháp như là pháp, cũng có thể khai trì các Đà la ni, đều tự nhiên quán sát vô tướng của các pháp. Đó mà được. Đó gọi là Tam muội đà la gọi là Tam muội tịnh tướng. ni. (Tổng tướng là các pháp hòa (Khai trì là tên của Đà la ni, hợp thành một tướng. Biệt tướng là nghĩa là người có được Đà la ni này các pháp có vô vàn sai biệt). thì tất cả ngôn ngữ các pháp mà tai 89) Phá tướng Tam muội. nghe được đều không quên mất). Vì Bồ tát ở Tam muội này thì 94) Nhiếp chư tà, chánh không thấy được tướng của tất cả tướng Tam muội. pháp, huống nữa là đối với tướng Vì Bồ tát ở Tam muội này, ở của các Tam muội. Đó gọi là Tam chánh định mà thu nhiếp tà định, muội phá tướng. thu nhiếp bất định, thu nhiếp tất cả 90) Nhất thiết chủng diệu

túc chúng sanh đều không bỏ sót. Nhất Tam muội. tâm thu nhiếp mà không thấy có Vì Bồ tát ở Tam muội này thì tướng tà, chánh. Đó gọi là Tam có thể dùng công đức trang nghiêm muội nhiếp chư tà, chánh tướng. tất cả thiền định, trí huệ, đều đầy đủ 95) Diệt tắng, ái Tam muội. thanh tịnh. Đó gọi là Tam muội Vì Bồ tát ở Tam muội này thì nhất thiết chủng diệu túc. có khả năng tiêu diệt ghét, thương; 91) Bất hỷ, khổ, lạc Tam muội. ở trong pháp đáng vui mà không Vì Bồ tát ở Tam muội này có sanh tâm yêu mến; trong pháp đáng thể quán sát sự vui sướng của thế ghét mà không sanh tâm sân hận. gian có nhiều lỗi lầm nhiều lo âu, Đó gọi là Tam muội diệt tắng, ái. hư vọng, điên đảo chẳng phái là sự 96) Nghịch, thuận Tam muội. vui sướng đáng yêu mến; quán sát Vì Bồ tát ở Tam muội này thì, ở sự khổ đau của thế gian như bệnh, trong các pháp, nghịch hay thuận giống tên đâm vào người, tâm đều tự tại có thể phá tất cả chúng không vui sướng được. Vì tất cả sanh tà nghịch, có thể giáo hóa tất pháp đều hư ảo, không thật, còn cả chúng sanh tùy theo mà không

vướng vào tướng của nghịch hay sanh, năm ấm, tất cả các pháp ở thế thuận. Đó gọi là Tam muội nghịch, gian. Đó gọi là Tam muội năng thuận. chiếu nhất thiết thế gian. 97) Tịnh quang Tam muội. 102) Tam muội đẳng Tam Vì Bồ tát ở Tam muội này, đối muội. với các Tam muội quang minh, Vì Bồ tát ở Tam muội này thì thanh tịnh, các phiền não dơ bẩn có thể quán các Tam muội mà đều không thể có được. Đó gọi là không thấy có tướng cạn hay sâu; Tam muội tịnh quang. quán tất cả pháp hữu vi đều từ nhân 98) Kiên cố Tam muội. duyên mà sanh ra, so với tướng của Vì Bồ tát ở Tam muội này, đối Tam muội thì đều bình đẳng, không với thật tướng của các pháp, trí huệ có định hay loạn. Đó gọi là Tam tương ưng đều rất vững chắc; giống muội đẳng Tam muội. như hư không không thể phá hoại. 103) Nhiếp nhất thiết hữu Đó gọi là Tam muội kiên cố. tránh vô tránh Tam muội. 99) Mãn nguyệt tịnh quang Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Tam muội. có thể, ở trong tất cả pháp, thông Vì Bồ tát ở Tam muội này thì suốt không trở ngại, không thấy tịnh trí, quang minh đầy đủ, tiêu tướng như thế của pháp ấy; không diệt lửa tham ái, sân hận..., được thấy tướng không như thế của pháp công đức trong mát, lợi ích cho như thế; ở trong chúng sanh cũng chúng sanh; giống như mặt trăng không có tranh luận tốt, xấu; chỉ tròn mùa thu, phá tan những tối tăm, tùy tâm hành của mình mà nhiếp u ám, mát mẽ thật là vui sướng. Đó thọ và vượt qua tất cả tranh cãi . Đó gọi là Tam muội mãn nguyệt tịnh gọi là Tam muội nhất thiết hữu quang. tránh vô tránh. 100) Đại trang nghiêm Tam 104) Bất lạc nhất thiết trụ xứ muội. Tam muội. Vì Bồ tát ở Tam muội này thì Vì Bồ tát ở Tam muội này thì thành tựu trang nghiêm to lớn, thấy không thích ở thế gian, vì thế gian thế giới mười phương như các sông vô thường; không thích ở phi thế Hằng, trang nghiêm chỗ của Phật gian, vì không vướng mắc vào bằng bảy báu, hoa, hương. Công không. Đó gọi là Tam muội bất lạc đức trang nghiêm không gì sánh nhất thiết trụ xứ. bằng như thế mà tâm không có chút (Phi thế gian là pháp xuất thế vướng mắc. Đó gọi là Tam muội gian). đại trang nghiêm. 105) Như trú định Tam muội. 101) Năng chiếu nhất thiết thế Như có nghĩa là có, không gian Tam muội. chẳng phải hai, còn có nghĩa là Vì Bồ tát ở Tam muội này thì không. Vì Bồ tát ở Tam muội này có thể chiếu soi nơi ở của chúng thì biết như thật tướng của tất cả

pháp; không thấy có pháp nào vượt Pháp minh môn là khiến cho qua cái như này. Đó gọi là Tam chúng sanh phá trừ tối tăm, thông muội như trú định. hiểu tất cả trí huệ, nên Bồ tát Hộ 106) Hoại thân suy Tam muội. minh, ở cung trời Đâu suất, muốn Thân suy là máu, thịt, gân, xuống thác sanh ở nhân gian, ngồi xương... hòa hợp thành thân; thân tòa sư tử, tuyên thuyết mườitám này có nhiều lo lắng, tai họa, phương pháp này để lại cho chư thường bị đói, lạnh, bệnh tật bức thiên (còn ghi nhớ đến nay), rồi sau bách cho đến thân suy yếu. Vì Bồ đó mới giáng sanh. tát ở Tam muội này, bằng sức trí (Bồ tát Hộ minh là hiệu của huệ phá hoại từng phần các tướng Phật Thích ca mâu ni khi ở cung suy não của thân thể, cho đến trời Đâu xuất). tướng không thấy, không thể có 1) Chánh tín pháp minh môn được. Đó gọi là Tam muội hoại là tâm kiên cố không thể phá được; thân suy. 2) Tịnh tâm pháp môn là tâm 107) Hoại ngữ như hư không không dơ bẩn; 3) Hoan hỷ pháp Tam muội. minh môn là tâm an ổn; 4) Ái nhạo Vì Bồ tát ở Tam muội này, pháp minh môn là khiến cho tâm không thấy ngữ nghiệp của các thanh tịnh; 5) Thân hành chánh Tam muội nương vào âm thinh mà hạnh pháp minh môn là ba nghiệp có; giống như hư không, giống như thanh tịnh. (ba nghiệp là không sát, ảo hóa nên không sanh thương, không trộm, không dâm); 6) Khẩu sanh ghét. Đó gọi là Tam muội hoại hành thanh tịnh pháp minh môn là ngữ như hư không. dứt bốn điều ác. (bốn điều ác là nói 108) Ly trước hư không bất láo, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói nhiễm Tam muội. ác); 7) Ý hành thanh tịnh pháp Bồ tát tu tập Bát nhã ba la mật, minh môn là dứt ba độc. (ba độc là quán các pháp rốt ráo không, không tham, sân, si); 8) Niệm Phật pháp sanh không diệt; giống như hư minh môn quán đức thanh tịnh của không, tuy có được Tam muội, mà Phật; 9) Niệm Pháp pháp minh môn đối với tướng của Tam muội hư là quán giáo pháp thanh tịnh; 10) không này cũng không vướng mắc. Niệm Tăng thanh tịnh là tu tập đạo Đó gọi là Tam muội ly trước hư cả một cách vững chắc; 11) Niệm không bất nhiễm. thí pháp minh môn là mong cầu quả báo; 12) Niệm giới pháp minh NHẤT BÁCH BÁT PHÁP môn là tất cả nguyện đầy đủ; 13) MINH MÔN Niệm thiên pháp minh môn là tu (Phật bổn hành tâm rộng lớn; 14) Từ pháp minh môn là tùy theo chỗ mà sanh, căn tập kinh). lành giữ miên mật; 15) Bi pháp minh môn là không giết hại chúng

sanh; 16) Hỷ pháp minh môn là Nhạo pháp nghĩa minh môn là tìm buông bỏ tất cả việc không vui; 17) tòi ý nghĩa của Phật pháp; 40) Ái Xả pháp minh môn là chán ghét, xa pháp minh pháp minh môn là có lìa năm dục; 18) Vô thường quán được tướng của pháp minh; 41) cầu pháp minh môn là quán sự ham đa văn pháp minh môn là quán sát muốn trong ba cõi; 19) Khổ quán đúng đắn tướng của các pháp; 42) pháp minh môn là dứt hết tất cả Chánh phương tiện của pháp minh mong muốn; 20) Vô ngã quán pháp môn là tu hành một cách chân minh môn là không đắm say, chính; 43) Tri danh sắc pháp minh vướng mắc ngã; 21) Tịch định quán môn là dứt sạch chướng ngại; 44) pháp minh môn là không để cho Trừ nhân kiến pháp minh môn là tâm ý rối loạn; 22) Tàm quý pháp được giải thoát; 45) Vô oán thân minh môn là nội tâm vắng lặng; 23) tâm pháp minh môn là sanh tâm Tu sĩ pháp minh môn là tiêu diệt bình đẳng ở ngay trong oán, thân; những xấu xa bên ngoài; 24) Thật 46) Trừ phương tiện pháp minh pháp minh môn là không lừa dối môn là biết rõ những khổ đau; 47) trời, người; 25) Chân

pháp minh Chư đại bình đẳng pháp minh môn môn là không lừa dối chính mình; là đối với tất cả pháp hòa hợp đều 26) Pháp hành minh môn là tùy dứt trừ hết (chư đại là địa, thủy, thuận theo pháp mà làm; 27) Tam hỏa, phong, không, thức); 48) Chư quý pháp minh môn là thanh tịnh nhập pháp minh môn là tu và ba đường ác; 28) Tri ân pháp minh chứng được đạo. (Chư nhập là nhãn, môn là không buông bỏ căn lành; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý- sắc, thinh, 29) Báo ân pháp minh môn là hương, vị, xúc pháp); 49) Vô sanh không xem thường, phụ người khác; nhẫn pháp môn là chứng được diệt 30) Bất tự khi pháp minh môn là đế: Niết bàn. (Vô sanh nhẫn là tất không tự khen mình; 31) Vị chúng cả pháp từ xưa đến nay không sanh, sanh pháp minh môn là không ở trong pháp này mà có khả năng mắng chửi; chỉ trích người khác; 32) kiên trì thì có thể ấn chứng) 50) Vị pháp minh môn là làm chủ pháp; Thân niệm xứ pháp minh môn là 33) Tri thời pháp minh môn là các pháp vắng lặng. (Thân niệm xứ: không nói lời hụt chạc; 34) Nhiếp thân là sắc ấm; niệm là năng quán; ngã mạn pháp minh môn là trí huệ xứ là sắc ấm sở quán) 51) Thọ đầy đủ; 35) Bất sanh ác tâm pháp niệm xứ pháp minh môn là dứt tất minh môn là tự mình bảo hộ và bảo cả thọ. (Thọ có nghĩa là nhận lấy: hộ cho người khác; 36) Bất tịnh sáu căn nhận lấy sáu trần); 52) Tâm quán pháp minh môn là bỏ tâm niệm xứ pháp minh môn là quán chìm đắm trong dục vọng; 37) Bất tâm như ảo như hóa. (Tâm là thức tránh đấu pháp môn là dứt hết sân ấm trong năm ấm); 53) Pháp niệm hận do kiện tụng gây ra; 38) Bất si xứ pháp minh môn là trí huệ không pháp môn là dứt hết sát sanh; 39) bị che lấp. (Pháp là hai ấm tưởng,

hành trong năm ấm); 54) Tứ chánh chặn kiến, tư hoặc trong ba cõi. hai cần pháp minh môn là dứt tất cả ác, bên là chấp có, chấp không); 66) thành tựu các việc lành; 55) Tứ như Niệm giác phần pháp minh môn là ý túc pháp minh môn là thân, tâm trí huệ như các pháp. (Niệm giác nhẹ nhàng; 56) Tín căn pháp minh phần: niệm là tưởng niệm. Giác là môn là không nghe theo lời người hiểu rõ. Phần là thành phần; vì khi khác. (Tín là tin vào chánh quán và tu đạo xuất thế khéo sử dụng định, pháp trợ đạo thì có khả năng sanh huệ thích hợp điều trị; nếu tâm ra các pháp lành. Căn có nghĩa là chìm xuống thì sử dụng ba chi năng sanh); 57) Tinh tấn căn pháp trạch pháp, tinh tấn, hỷ thuộc huệ; minh môn là giỏi chứng được các nếu tâm nổi lên thì phải dùng ba chi loại trí huệ. (Tinh tấn là tu theo tứ trừ, xả, định thuộc định để điều trị); chánh cần, cần cầu không ngừng 67) Trạch pháp giác phần minh nghỉ); 58) Niệm căn pháp minh môn là soi sáng tất cả các pháp. môn là giỏi làm các nghiệp. (Niệm (Trạch pháp giác phần là quán sát là chỉ nhớ đến bốn chánh cần mà các pháp khéo phân biệt chân, giả); không nhớ gì khác); 59) Định căn 68) Tinh tấn giác phần pháp minh pháp minh môn là tâm thanh tịnh môn là khéo hiểu biết. (Tinh tấn (Định là nhiếp tâm vào pháp bốn giác phần là khi tu tập các pháp có chánh cần, liên lạc không phân tán); khả năng hiểu biết giỏi, đối với 60) Huệ căn pháp minh môn là thấy pháp chân thật, tâm luôn siêng các pháp ngay hiện tiền. (Huệ là năng); 69) Hỷ giác phần pháp minh dùng trí huệ quán sát Tứ đế); 61) môn là có được định. (Hỷ giác Tín lực pháp minh môn là vượt qua phần là nếu tâm có được pháp hỷ các ma lực. (Tín lực: lực tức là lực có khả năng hiểu rõ, ở trong niềm dụng; vì tín căn tăng trưởng thì có vui chân thật của pháp); 70) Trừ thể ngăn chặn, cắt đức tất cả nghi giác phần pháp minh môn là những ngờ); 62) Tinh tấn lực

pháp minh gì đáng làm đã làm xong. (Trừ giác môn là không thối lui. (Tinh tấn lực phần là khi dứt trừ các kiêu, tư và là căn tinh tấn tăng trưởng thì có phiền não, có thể hiểu rõ không làm thể phá tan sự lười biếng của thân, tổn hại đến thiện căn chân chánh; tâm); 63) Niệm lực pháp minh môn 71) Định giác phần pháp minh môn là không chung với cái khác. (Niệm là biết tất cả pháp bình đẳng. (Định lực là niệm căn tăng trưởng thì có giác phần là nếu phát sanh thiền thể phá hết các tà niệm); 64) Định định thì có thể hiểu rõ, chớ sanh lực pháp minh môn là dứt tất cả vọng tưởng); 72) Xả giác phần niệm. (Định lực là định căn tăng pháp minh môn là chán và xa lìa tất trưởng thì có thể phá tan loạn cả pháp. (Xả giác phần là nếu tưởng); 65) Huệ lực pháp minh buông bỏ niệm vướng mắc vào môn là lìa xa hai bên. (Huệ lực là cảnh thì có khả năng hiểu biết giỏi huệ căn tăng trưởng thì có thể ngăn giữa chân và giả, hoàn toàn không

còn nhớ nghĩ nữa); 73) Chánh kiến là không ưa Tiểu thừa; 83) Chánh pháp minh môn là chứng được tín pháp minh môn là chứng được thánh đạo, giải thoát hoàn toàn. phần tối thắng của Phật pháp; 84) (Chánh kiến là tu hạnh giải thoát, Tăng tiến pháp minh môn là thành thấy rõ ràng nghĩa lý Tứ đế. Lậu tựu tất cả thiện căn; 85) Đàn độ tận là đoạn trừ hết phiền não hoặc pháp minh môn là từng niệm tướng nghiệp trong ba cõi, không còn rơi tốt trang nghiêm cõi Phật, giáo hóa vào sanh, tử: tức là giải thoát); 74) cho các chúng sanh không còn bỏn Chánh phân biệt pháp minh môn là xẻn, tham lam. (Tiếng Phạn là đàn, dứt hết tất cả phân biệt và vô phân nói đủ là đàn na, tiếng Hoa là bồ biệt. (Chánh phân biệt tức là chánh thí); 86) Giới độ pháp minh môn là tư duy là khi thấy được Tứ đế thì tư dạy dỗ những chúng sanh pháp giới duy so đo làm cho tăng trưởng, vì xa lìa các tai nạn ở đường ác; 87) muốn vào Niết bàn); 75) Chánh Nhẫn độ pháp minh môn là dạy dỗ ngữ pháp minh môn là dứt trừ tất những chúng sanh làm ác, buông cả danh tự, âm thinh, ngôn ngữ, bỏ tất cả sân hận, ngã mạn, nịnh nọt, biết đó giống như tiếng vang. tâm hồn cong quẹo; ngạo nghễ; 88) (Chánh ngữ là giữ khẩu nghiệp vào Tinh tấn độ pháp minh môn là dạy chánh ngữ); 76) Chánh nghiệp dỗ những chúng sanh lười biếng, pháp minh môn là không nghiệp nếu siêng năng tu tập thì tất cả đều không báo. (Chánh nghiệp là trừ tất được thiện pháp; 89) Thiền độ pháp cả tà nghiệp ở thân gây ra, ở vào minh môn là dạy dỗ những chúng chánh nghiệp thanh tịnh); 77) sanh tâm tán loạn, nếu tu thiền định Chánh mạng pháp minh môn là trừ thì thành tựu tất cả và kể cả thần diệt tất cả con đường ác. (Chánh thông; 90) Trí độ pháp minh môn là mạng là trừ bỏ lợi dưỡng tà mạng, dạy dỗ chúng sanh ngu si, dứt trừ ở vào trong chánh mạng thanh tịnh); vô minh, hắc ám; 91) Phương tiện 78) Chánh hạnh pháp minh môn là pháp minh môn là thị hiện oai nghi, đến bờ bên kia. (Chánh hạnh tức tùy theo chỗ thấy của chúng sanh, chánh tinh tấn, nghĩa là thân, tâm mà giáo hóa, để thành tựu tất cả chỉ cần cầu Niết bàn); 79) Chánh Phật pháp; 92) Tứ nhiếp pháp pháp niệm pháp minh môn là không suy minh môn là bố thí pháp cho tất cả nghĩ đến tất cả pháp. (Chánh niệm chúng sanh để thu phục chúng, tu là từng niệm từng niệm nằm trọn tập chứng được Bồ đề; 93) Giáo trong bốn chánh cần); 80) Chánh hóa chúng sanh pháp minh môn là định pháp minh môn là chứng được tự mình không hưởng lạc, không Tam muội không tán loạn. (Chánh mỏi mệt, luôn từ bi dạy dỗ cho định là giữ tâm ở pháp tứ chánh cần, chúng sanh; 94) Nhiếp thọ chánh đi vào chánh định); 81) Bồ

đề tâm pháp pháp minh môn là dứt tất cả pháp minh môn là không cắt đứt phiền não của chúng sanh; 95) Tam bảo; 82) Y ỷ pháp minh môn Phước tụ pháp minh môn là đem

đến lợi ích cho tất cả chúng sanh; vào bậc Diệu giác như Thái tử của 96) Tu thiền pháp minh môn là đầy chuyên luân vương khi nhận vương đủ mười lực. (mười lực tri thị xứ vị thì dùng nước trong bốn biển rửa phi xứ trí lực; tri quá hiện vị lai đỉnh đầu); 107) Vô chướng ngại nghiệp báo trí lực; Tri chư thiền pháp minh môn là tâm không nghi Tam muội trí lực; Tri chư căn thắng ngờ; 108) Tín giải pháp minh môn liệt trí lực; Tri chủng chủng giải trí là quyết định đệ nhất nghĩa. (Đệ lực; Tri chủng chủng giới trí lực; nhất nghĩa là lý trung đạo, không Tri nhất thiết chí xứ trí lực; Tri túc hai không khác). mạng vô lậu trí lực; Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực); 97) Tịch tịnh pháp BÁCH BÁT PHIỀN NÃO minh môn là thành tựu đầy đủ Tam (Thiên thai tứ giáo muội của Như lai; 98) Huệ kiếp pháp minh môn là thành tựu đầy đủ nghi tập chú). trí huệ; 99) Nhập vô ngại biện pháp Hôn trầm và phiền não làm não minh môn là thành tựu được pháp loạn tâm thần nên gọi là phiền não. nhãn (Pháp nhãn là biết tất cả Vì sáu căn đối với sáu trần, mỗi chúng sanh); 100) Nhập nhất thiết trường hợp đều có ba thứ tốt, xấu, hạnh pháp môn là thành tựu được không tốt không xấu khác nhau nên Phật nhãn. (Phật nhãn là tuy phiền thành 18 phiền não. sáu căn, đối não che đậy rất kỷ mà vẫn thấy, với sáu trần xảy ra thứ cảm thọ biết được); 101) Thành tựu đà la ni khác nhau: khổ, lạc, không khổ pháp minh môn là nghe tất cả Phật không lạc nên thành 18 phiền não. pháp và đều có thể thọ trì được; Cộng thành 36 thứ. Rồi trải qua ba 102) Đắc vô ngại biện pháp minh đời quá khứ, hiện tại, vị lai của mỗi môn là làm cho tất cả chúng sanh thứ trong 36 ấy nên tổng cộng đều được vui mừng; 103) Thuận mườitám phiền não. mẫn pháp minh môn là tùy thuận theo tất cả Phật pháp; 104) Đắc vô THIÊN NHỊ BÁCH NGŨ sanh pháp nhẫn pháp minh môn là THẬP NHÂN được làm Phật; 105) Bất thối (Nhân quả kinh). chuyển địa pháp minh môn là đầy đủ pháp Phật ở thời quá khứ; 106) Trưởng giả Da xá có 50 người. Tùng xuất địa chí nhất địa pháp Ưu lâu tần loa ca diếp có 500 người. minh môn là quán đảnh thành tựu Na đề ca diếp có 250 người. Già da nhất thiết trí cho đến chứng được ca diếp có 250 người. Xá lợi phất vô thượng chánh đẳng chánh giác. có 100 người. Đại Mục kiền liên có (Tùng nhất địa chí nhất địa trí là 100 người. Tổng cộng thầy trò của của Bồ tát ở bậc Đẳng giác đến trí năm vị này là 1250 người. của Phật quả ở bậc Diệu giác. Quán (Tiếng Phạn Ưu lâu tần loa ca đảnh là Bồ tát ở bậc Đẳng giác sắp diếp, tiếng Hoa là Mộc qua lâm.

Tiếng Phạn là Na đề ca diếp, tiếng đời hiện tại ở trước 100 thì thành Hoa là Hà. Tiếng Phạn là Già na ca 2100. diếp, tiếng Hoa là Thành. Tiếng Tham, sân, si của bốn loại Phạn là Xá lợi phất, tiếng Hoa là chúng sanh, mỗi loài đều có 2100 Thu tử. Tiếng Phạn là Đại mục kiền nhân thành 8400. liên, tiếng Hoa là Thái thục thị). Lại còn bốn đại, sáu suy (sáu Những vị này trước kia theo trần), mỗi thứ đều có 8400 nhân lên ngoại đạo, siêng năng cực khổ thành 84000 trần lao. nhiều kiếp mà không chứng ngộ (mười sử là tham, sân, si, mạn, được gì. Nhờ Phật hướng dẫn, dạy nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, bảo, tu tập theo thì chứng quả giả kiến thủ, giới thủ. sáu suy là sáu thoát. Do vậy cảm ân đức của Phật, trần làm tổn hại pháp lành). theo Phật đến tất cả pháp hội để học hỏi, thật hành theo lời Phật BÁT VẠN TỨ THIÊN hướng dẫn; nên ở đầu các kinh đều PHÁP MÔN

có đề cập đến 1250 người là vậy. (Hiền kiếp kinh). BÁT VẠN TỨ THIÊN Tám vạn bốn ngàn pháp môn là TRẦN LAO pháp tu tập của Bồ tát Hỷ vương, (Hoa nghiêm theo sự chỉ bảo của đức Phật ở kiếp trước, từ đệ nhất Quang diệu đến khổng mục). phân xá lợi. Tám vạn bốn ngàn trần lao Tất cả 350 độ vô cực pháp môn. (phiền não) là trần có nghĩa nhiễm Mỗi pháp môn đều có đủ sáu độ là ô (nhuộm cho dơ bẩn), vì có vô số bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tà kiến, phiền não hay nhiễm ô thiền định, trí huệ; cộng thành 2100 chân tánh; lao là lao dịch (việc làm (350 x 6 = 2100) độ vô cực. Đối khó nhọc), vì chúng sanh bị tà kiến, với loại chúng sanh tham, dâm, sân phiền não sai sử làm nhiều việc khó hận, ngu si, mỗi loại dùng 2100 độ nhọc cho cả thân và tâm, không có vô cực này giáo hóa để mở mang phút giây dừng nghỉ, trôi lăn trong hiểu biết cho chúng, làm thành sống chết, không có lúc chấm dứt. 8400 (2100 x 4= 8400) Luận về căn bổn trần lao thì độ vô cực. một biến thành mười, không có ra ngoài mười sử. Ở trong tổng cộng 84000 độ vô cực pháp mười sử, lấy một sử dẫn đầu, chín môn. Vì những pháp môn này làm sử còn lại trợ giúp thì thành 100. thành hương dược cực tốt cho ba Trải qua ba đời thì thành 300. Như cõi, làm cho 100.000 loài người trừ đời hiện tại có 100, hai đời quá khứ, được 84000 trần lao (phiền não). vị lai là 200. Mỗi đời lấy một sử (Độ vô cực (đáo bỉ ngạn) là sự, lần lượt dẫn đầu, chín sử còn lại trợ lý, hạnh viên mãn vượt qua dòng giúp thì cộng thành 2000. Hợp với

sống, chết, đến bờ Niết bàn, không quang độ; báo an quang độ; bất bồi có gì cùng cực hơn. hoàng độ; ngu lạc độ; tiên khiết độ; 350 độ vô cực là: quang diệu độ; thành thế pháp độ; tịnh thế độ; thế độ; vị chúng sanh cố thành độ; thành chủng độ; lai thành quyến trụ độ; sanh tử độ; sở trước độ; ích thuộc độ; bất hoại quyến thuộc độ; tha nhân độ; xứ sở độ; đạo độ; huệ trừ trần lai tịnh độ; quán độ độ; độ; dĩ tu lập hạnh độ; đãi đắc độ; tuyên thệ độ; vô phóng dật độ; gia niệm độ; ly thế độ; tạo hữu sở tác quy độ; ly quyến thuộc độ; vô sở nghiệp độ; hưu tức đạo độ; bất trí vong thất độ; tam thập nhị tướng độ; viễn độ; ưng thuận độ; tạo tác độ; thuận thời độ; tri thời độ; phân biệt vô tác độ; ý độ; cần tu độ; chánh độ; thuận thế độ; biên tế độ; quyên chân độ; hành tiệp tật độ; thâm tín trừ độ; kim cang độ; tạo cứu độ; tự đạo độ; vị chúng sanh ách cố hành nhiên độ; phục ma độ; vô thời độ; độ; pháp cố độ; tịch lạc độ; lạc nhất thời độ vô sở trước độ; Tam quan tịch độ; nhất thiết sở nhập độ; muội độ; huấn hối độ; Phật đạo độ; thuyết xứ độ; vô ngại độ; vô bại độ; nhất thiết trí độ; vô dư độ; hữu dư bần độ; bất hồi hoàn độ; hồi chuyển độ; khả chỉ độ; chư Phật độ; độ; nghiêm tịnh độ; kiên cường độ; phương tiện độ; nhiêu thích độ; hưng thạnh độ; sung mãn độ; vị thế khai hóa chân đà độ; dị độ; tứ ý độ; độ thế độ; vô thượng độ; bất đoạn độ; tứ thần túc độ; tứ thiền độ; loại độ; vô oán độ; oán địch độ; tứ y chỉ độ; Tứ đế độ; tín căn, tinh nhiếp trì độ; vô sở nhiếp trì độ; báo tấn căn, ý căn, trí huệ căn, định căn ứng độ; vô báo độ; tự nhiên độ; vô độ; tín lực, tinh tấn lực, ý lực, trí sở hữu độ; quảng phổ độ; hoa độ; huệ lực, định lực độ; thất giác ý độ; vô lượng độ; mộ cầu độ; sở yếm độ; bát phẩm đạo hạnh độ; lai giải thoát diệu lạc độ; vô lạc độ; lạc văn trì độ; độ; tỳ kheo thánh chúng độ; bát bộ sanh tử trường độ; vô đoạn độ; lạc hội độ; quy giải thoát độ; phân biệt thuần thục độ; thiền độ; thần thông độ; biệt độ độ; khẩn giải pháp độ; độ; thế xảo tiện độ; từ mẫn hộ độ; phân biệt thuận lý độ; biện tài độ; hành ai độ; hoan hỷ độ; cần hộ độ; vô yểm độ; lục độ độ; nhãn, nhĩ, tỷ,

khuyến tà kiến độ; khuyến chánh thiệt, thân, tâm độ; mẫn tha khuyến kiến độ; khuyến trụ kiến độ; trợ độ; mẫn kỷ độ; pháp độ; nghi khuyến vô trụ độ; khuyến vô tỷ độ; độ; phẩu phán độ; khuyến lạc độ; vô sở tạo nghiệp độ; vô dư độ; hữu tam thoát môn độ; dị hành độ; giải dư độ; Phật hưng thành tựu độ; ý tha độ; cần dụng ý độ; thập chủng bất hốt độ; Phật hưng lập tại gia độ; lực độ; tứ vô sở úy độ; đại ai độ; xuất gia lai độ; mẫn ai bát văn lai nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, độ; thần thông ý bất đoạn độ; nhập phap nhãn, Phật nhẫn độ; tự tại độ; tục độ; lập độ; ưng tiến độ; chúng ngu lạc độ; nan đắc tự quy độ; thập báo độ; vô báo độ; vô lạc độ; thời bát bất cộng chư Phật chi pháp độ; tiến độ; quang minh độ; vô lượng hiểu liễu phương tiện độ; thuần

thục độ; kiến tự nhiên độ; tam giới hành độ; quán thanh bạch hạnh độ; pháp chủng độ; bát đẳng độ; đạo tích vãng lai bất hoàn vô trước độ; Duyên giác độ; Bồ tát độ; tận huệ độ; trí thiên nhãn thiên nhĩ tâm trí tự tại kiến quá thế sự tri tha tâm niệm thần túc mãn tận lục thông độ; oai nghi độ; mẫn thương độ; hành không độ; quyên xả độ; Diệt độ độ; biến hóa độ; lưu bố pháp giáo độ; phân xá lợi độ).

10-3-2009 đến 23-10-2010

MUÏC LUÏC

NHẤT TÂM.....1 NHẤT TỰ..... 8 NHẤT TÂM ƯỚC GIÁO HỮU DỊ NHẤT NGHĨA ..... 8 .....1 NHẤT ÂM..... 8 NHẤT THIỆN TÂM.....1 NHẤT ÂM GIÁO..... 8 NHẤT NHÂN.....1 NHẤT TÔNG ..... 9 NHẤT THÂN .....1 NHẤT TÁNH ..... 9 NHẤT NHƯ.....2 NHẤT TÁNH ..... 9 NHẤT NGUYỆT DỤ TAM THÂN NHẤT NHÂN..... 9 .....2 NHẤT NHƯ ..... 10 NHẤT NGUYỆT TAM CHU NHẤT HẠNH..... 10 LUẬN .....2 NHẤT HẠNH TAM MUỘI ..... 10 NHẤT PHÁP .....3 NHẤT GIẢI THOÁT ..... 10 NHẤT LÝ .....3 NHẤT KHÔNG..... 10 NHẤT THỪA .....3 NHẤT KHÔNG..... 11 NHẤT VŨ.....3 NHẤT SANH ..... 11 NHẤT MÔN .....3 NHẤT LAI..... 11 NHẤT VỊ .....3 NHẤT SƯ ..... 11 NHẤT ĐẠI SỰ NHÂN DUYÊN .4 NHẤT TỬ..... 11 NHẤT GIÁC.....4 NHẤT TU NHẤT THIẾT TU .... 12 NHẤT ĐẠO.....5 NHẤT ĐOẠN NHẤT THIẾT ĐỆ NHẤT NGHĨA .....5 ĐOẠN..... 12 NHẤT THẬT ĐẾ .....5 NHẤT CHỨNG NHẤT THIẾT NHẤT THẬT TƯỚNG ẤN.....5 CHỨNG ..... 12 NHẤT THẬT CẢNH GIỚI .....5 NHẤT THÀNH NHẤT THIẾT NHẤT ĐỊA .....5 THÀNH ..... 12 NHẤT PHÁP ẤN .....6 NHẤT VỊ NHẤT THIẾT VỊ ..... 12 NHẤT PHÁP GIỚI.....6 NHẤT HẠNH NHẤT THIẾT NHẤT CHƠN PHÁP GIỚI .....6 HẠNH..... 12 NHẤT TẠNG .....6 NHẤT CHƯỚNG NHẤT THIẾT NHẤT HỘI .....6 CHƯỚNG ..... 13 NHẤT CỰC .....6 NHẤT NIỆM ..... 13 NHẤT TRÍ .....7 NHẤT SÁT NA ..... 13 NHẤT NGUYÊN.....7 NHẤT CĂN..... 13 NHẤT

THỂ.....7 NHẤT CƠ..... 13 NHẤT KỆ .....7 NHẤT SẮC..... 14 NHẤT CÚ.....7 NHẤT CHỈ ..... 14 NHẤT NGÔN.....8 NHẤT PHÁT..... 14 NHẤT NGỮ.....8 NHẤT HÀO..... 14 NHẤT DANH.....8 NHẤT MAO 14

NHẤT KHÍ .....15 NHỊ PHÁP ..... 24 NHẤT MÂU .....15 NHỊ PHÁP ..... 24 NHẤT MẶC .....15 NHỊ CHỦNG PHÁP TÁNH..... 24 NHẤT THỜI.....15 KHẾ KINH NHỊ NGHĨA ..... 25 NHẤT THỜI NHẤT THIẾT THỜI NHỊ BÁT NHÃ..... 25 .....15 NHỊ BÁT NHÃ..... 25 NHẤT THỰC .....15 BÁT NHÃ NHỊ CHỦNG TƯỚNG NHẤT XAN.....16 ..... 25 NHẤT THIẾT.....16 NHỊ CHỦNG BÁT NHÃ TRANG NHẤT XỨ .....16 NGHIÊM ..... 26 NHẤT SÁT.....16 KIM CANG NHỊ NGHĨA ..... 26 NHẤT LỘ .....16 PHÁP HOA NHỊ DIỆU..... 26 NHẤT TRẦN.....16 TÍCH BỔN NHỊ MÔN ..... 27 NHẤT ÂU.....17 NHỊ CHỦNG NHẤT THỪA..... 28 NHẤT CÁI.....17 NHỊ CHỦNG TRANG NGHIÊM NHẤT KẾ .....17 ..... 28 NHẤT HOA.....17 NHỊ CHỦNG TRANG NGHIÊM NHẤT ĐĂNG.....18 ..... 28 NHỊ PHÁP THÂN .....18 NHỊ NHƯ LAI TẠNG..... 29 NHỊ PHÁP THÂN .....18 NHỊ KINH THỂ..... 29 NHỊ PHÁP THÂN .....19 NHỊ NIẾT BÀN..... 29 NHỊ PHẬT THÂN.....19 NHỊ NIẾT BÀN..... 29 NHỊ PHẬT THÂN.....19 NHỊ PHÁP TƯƠNG VI..... 30 NHỊ PHẬT THÂN.....19 NHỊ TRÍ..... 30 NHỊ THÂN .....19 NHỊ TRÍ..... 30 NHỊ CHỦNG SẮC THÂN .....20 NHỊ TRÍ..... 30 ĐẠI TIỂU NHỊ HÓA THÂN. ....20 NHỊ TRÍ..... 30 PHẬT NHỊ CHỦNG THẬP THÂN NHỊ TRÍ..... 31 .....21 NHỊ CHƠN NHƯ ..... 31 NHỊ GIÁC.....21 NHỊ CHƠN NHƯ ..... 31 NHỊ GIÁC.....21 NHỊ CHƠN NHƯ ..... 31 NHỊ PHẬT CẢNH.....21 NHỊ CHỦNG NHƯ NHƯ ..... 31 NHỊ CHỦNG PHẬT ĐỘ .....21 NHỊ TÂM ..... 32 THÂN ĐỘ NHỊ BẤT TƯƠNG LY NHỊ TÂM ..... 32 .....22 NHỊ CHỦNG TÂM TƯỚNG ..... 32 NHỊ CHỦNG THẦN LỰC.....22 NHỊ CHỦNG TÁNH ..... 32 NHỊ TÚC NHÂN LỰC.....22 NHỊ CHỦNG TÁNH ..... 33 NHỊ TÚC .....23 NHỊ CHỦNG TÁNH ..... 33 TẤT ĐẠT THÁI TỬ NHỊ TƯỚNG NHỊ CHỦNG TÁNH ..... 33 .....23 NHỊ TƯỚNG ..... 33 NHỊ CHỦNG XÁ LỢI.....23 NHỊ TƯỚNG 34

NHỊ TƯỚNG .....34 NHỊ CHẤP..... 45 NHỊ TƯỚNG .....34 NHỊ PHÁP CHẤP ..... 45 NHỊ TƯỚNG BIỆT .....34 KHÔNG HỮU NHỊ CHẤP ..... 45 NHỊ CĂN .....35 NHỊ CHỦNG THƯỜNG ..... 45 NHỊ CHỦNG CĂN BỔN .....35 NHỊ VÔ THƯỜNG ..... 45 NHỊ CHỦNG

THỨC .....35 NHỊ VÔ THƯỜNG ..... 46 THỨC NHỊ PHẦN .....35 NHỊ GIẢ ..... 46 A LẠI DA NHỊ NGHĨA .....36 NHỊ NHÂN..... 46 NHỊ ĐỨC.....36 NHỊ NHÂN..... 46 NHỊ HẠNH.....36 NHỊ NHÂN..... 47 NHỊ HẠNH.....36 NHỊ NHÂN..... 47 NHỊ QUÁN HẠNH .....37 NHỊ NHÂN..... 47 NHỊ ĐẠO.....37 NHỊ NHÂN..... 47 NHỊ ĐẠO.....37 NHỊ QUẢ..... 47 NHỊ ĐẠO.....38 NHỊ QUẢ..... 48 NHỊ ĐẠO.....38 NHỊ CHỦNG VÔ LẬU NHÂN NHỊ ĐẾ .....38 QUẢ..... 48 NHỊ MÔN .....38 NHỊ GIA ..... 48 NHỊ MÔN .....39 NHỊ CHỦNG HIỂN THỊ..... 48 KHỞI TÍN NHỊ MÔN .....39 NHỊ CHỦNG QUẢNG LỢI ..... 49 NHỊ CHỦNG THẦN LỰC.....39 NHỊ CHỦNG THUYẾT PHÁP.. 49 NHỊ LỰC .....40 NHỊ CHỦNG THÔNG TƯỚNG 49 NHỊ CHỦNG SƯ TỬ PHẤN TẤN LUẬN HỮU NHỊ CHỦNG ..... 50 TAM MUỘI .....40 NHỊ CHỦNG NGỮ ..... 50 NHỊ CHỦNG SIÊU VIỆT TAM NHỊ CHỦNG ÁI NGỮ ..... 50 MUỘI.....41 NHỊ CÚ..... 50 TINH TẤN NHỊ CHỦNG TƯỚNG NHỊ NGHĨA ..... 50 .....41 NHỊ QUYẾT ĐỊNH NGHĨA..... 51 NHỊ NHẪN.....42 NHỊ THỈNH..... 51 NHỊ NHẪN.....42 NHỊ ĐÁP ..... 51 NHẪN HỮU NHỊ CHỦNG NHỊ THỰC ..... 52 TƯỚNG .....42 NHỊ CHỦNG QUÁN..... 52 NHỊ PHƯƠNG TIỆN .....42 NHỊ CHỦNG QUÁN PHÁP ..... 53 PHƯƠNG TIỆN NHỊ CHỦNG NHỊ KIẾN..... 53 TƯỚNG .....43 NHỊ KIẾN..... 53 NHỊ VÔ NGÃ .....43 VÔ MINH NHỊ KIẾN ..... 53 NHỊ CHỦNG NGÃ KIẾN .....44 NHỊ CHỦNG HUÂN..... 53 NHỊ KHÔNG .....44 NHỊ CHỦNG SANH TỬ..... 54 NHỊ KHÔNG .....44 NHỊ NỮ ..... 54 KHÔNG HỮU CÁC CỤ NHỊ NHỊ CHỦNG PHÁ TRƯỚC ..... 55 NGHĨA.....44 NHỊ GIẢI THOÁT 55

NHỊ GIẢI THOÁT .....55 SƠ QUẢ NHỊ NGHĨA..... 66 NHỊ GIẢI THOÁT .....55 LỢI ĐỘN NHỊ CĂN..... 66 NHỊ ĐOẠN.....56 NHỊ CHỦNG Y ..... 66 NHỊ CHỦNG HỘ TRÌ SỰ.....56 NHỊ TÔNG ..... 67 NHỊ GIÁO .....56 NHỊ CHỦNG TỲ KHEO..... 67 HOA NGHIÊM VI CHƯ GIÁO TĂNG GIÀ LÝ SỰ NHỊ HOÀ... 68 BỔN HỮU NHỊ .....56 NHỊ THIÊN TÙY NHÂN..... 68 ẤN SƯ NHỊ GIÁO .....57 NHỊ NAN HOÁ ..... 68 ĐÀM SẤM NHỊ GIÁO .....57 NHỊ CHỦNG CHÚNG SANH ... 68 VIỄN SƯ NHỊ GIÁO.....57 VĂN KINH NHỊ CHỦNG PHI LƯU ĐẨU NHỊ GIÁO .....58 KHÍ ..... 69 NHỊ CHỦNG VÔ TÂM ƯỚC NHỊ CHỦNG ..... 69 GIÁO.....58 NHỊ CHỦNG THỌ CỤ GIỚI NHỊ TÔNG THÍCH ĐỀ.....58 PHÁP ..... 69 NHỊ CHỦNG LẬP ĐỀ .....59 NHỊ CHỦNG KIỆN NHI ..... 70 NHỊ NHIẾP.....59 NHỊ CHỦNG NHÂN CHÚ NHỊ CHỦNG NHẬP .....59 THUẬT BẤT NĂNG GIA ..... 70 NHỊ THUYÊN

.....59 NHỊ CHỦNG PHÁ GIỚI NHÂN70 NHỊ YẾT MA .....60 NHỊ NHÂN XUẤT PHẬT THÂN NHỊ YẾT MA .....60 HUYẾT..... 71 NHỊ CHỦNG KHƯỚC MA PHÁP NHỊ CHỦNG THOÁI..... 71 .....60 NHỊ THÂN ..... 71 NHỊ ĐẲNG.....60 NHỊ HỘ..... 72 NHỊ THÙ THẮNG .....61 NHỊ CHỦNG HỮU ..... 72 NHỊ CHỦNG THANH TỊNH.....61 NHỊ CHỦNG BỆNH ..... 72 NHỊ CHỦNG TỰ TẠI .....61 NHỊ CHỦNG BỆNH ..... 72 NHỊ CHỦNG TẤT CẢNH .....62 NHỊ CHỦNG TỬ..... 73 NHỊ CHỦNG TẾ .....62 NHỊ CHỦNG BỐ THÍ..... 73 NHỊ CHUYỂN Y.....62 NHỊ CHỦNG PHÁP THÍ ..... 73 NHỊ CHỦNG VÔ LƯỢNG .....63 NHỊ CHỦNG THÂN HÀNH THÍ NHỊ CHỦNG VÔ NGẠI .....63 ..... 73 NHỊ HOA.....63 NHỊ CHỦNG THÍ ..... 74 NHỊ CHỦNG BỒ ĐỀ .....63 NHỊ GIỚI..... 74 BỒ ĐỀ NHỊ TÂM.....64 NHỊ GIỚI..... 74 NHỊ CHỦNG THẮNG .....64 NHỊ GIỚI..... 74 NHỊ MỘC .....64 NHỊ GIỚI..... 75 NHỊ CHỦNG ĐỘC GIÁC .....64 NHỊ GIỚI..... 75 NHỊ TẠNG .....65 XUẤT GIA NHỊ GIỚI..... 75 NHỊ THỪA .....65 TẠI GIA NHỊ GIỚI ..... 76 NHỊ THỨA .....65 TÀ CHÁNH NHỊ GIỚI ..... 76 NHỊ QUẢ NHỊ NGHĨA.....66 NHỊ TRÌ..... 76

NHỊ CHỦNG TINH TẤN .....77 THÚC LÔ NHỊ NGHĨA ..... 87 NHỊ CHỦNG TINH TẤN TÂM.77 NHỊ XAN..... 87 NHỊ CHỦNG NHẪN NHỤC .....77 NHỊ ÁI ..... 87 NHỊ CHỦNG PHÂN BIỆT CHƠN NHỊ CHỦNG TÀ KIẾN ..... 87 NGỤY THIỀN TƯỚNG.....78 NHỊ CHỦNG VỌNG KIẾN ..... 88 NHỊ CHỦNG TỊCH TĨNH .....78 NHỊ CHỦNG VÔ TRI..... 88 NHỊ CHỦNG NGUYỆN .....78 NHỊ CHỦNG ĐIÊN ĐẢO..... 88 NHỊ CHỦNG TU HÀNH .....78 NHỊ BẦN..... 89 NHỊ NHÂN DUYÊN PHÁT KHỞI NHỊ DUYÊN ..... 89 CHÁNH KIẾN.....79 NHỊ CHỦNG HỮU LẬU NHÂN Ý NGHIỆP HỮU NHỊ CHỦNG QUẢ..... 89 TÂM.....79 NHỊ SÁT..... 89 NHỊ CHỦNG SÁM HỐI .....79 NHỊ SÁT..... 89 NHỊ CHỦNG BẠCH PHÁP.....80 NHỊ BÁO..... 90 NHỊ CHỦNG KHUYẾN THỈNH NHỊ CHỦNG SÁT SANH BÁO 90 .....80 NHỊ CHỦNG THÂU ĐẠO BÁO90 NHỊ CHỦNG TƯ LƯƠNG .....80 NHỊ CHỦNG DÂM BÁO ..... 90 NHỊ CHỦNG CÚNG DƯỜNG ..81 NHỊ CHỦNG VỌNG NGỮ BÁO NHỊ THIỆN .....81 ..... 90 NHỊ CHỦNG PHƯỚC ĐIỀN.....81 NHỊ CHỦNG LƯỠNG THIỆT NHỊ LỢI.....82 BÁO ..... 91 NHỊ CHỦNG XIỂN ĐỀ .....82 NHỊ CHỦNG ÁC MA BÁO..... 91 NHỊ CHỦNG KIẾN.....82 NHỊ CHỦNG TÀ KIẾN BÁO.... 91 QUỶ NHỊ SANH.....83 NHỊ CHỦNG VÔ NGHĨA NGỮ NHỊ TỘI.....83 BÁO ..... 91 NHỊ PHIỀN NÃO .....83 NHỊ CHỦNG THAM BÁO..... 92 NHỊ KẾT LA .....83 NHỊ CHỦNG SÂN BÁO..... 92 NHỊ ÁC.....83 THẾ GIỚI NHỊ NGHĨA ..... 92 NHỊ CHỦNG ÁC SỰ .....84 NHỊ THẾ GIAN..... 92 NHỊ PHIỀN NÃO .....84 NHỊ CHỦNG THẾ GIAN THANH

NHỊ PHIỀN NÃO .....84 TỊNH..... 93 NHỊ HOẶC .....84 NHỊ ĐỘ..... 93 NHỊ HOẶC .....84 NHỊ ĐỘ..... 93 KIẾN TƯ NHỊ HOẶC .....85 NHỊ CHỦNG LƯU..... 93 KHÁCH TRẦN NHỊ NGHĨA ....85 NHỊ THÂN ..... 94 NHỊ CHƯỚNG .....85 NHỊ CHỦNG SẮC ..... 94 NHỊ CHƯỚNG .....85 NHỊ CHỦNG SẮC ..... 94 NHỊ CHƯỚNG .....86 NHỊ CHỦNG SẮC ..... 94 NHỊ NGHIỆP.....86 NHỊ THỰC ..... 95 KHINH TRỌNG NHỊ NGHIỆP .86 NHỊ CHỦNG TỐN TẾ ..... 95 NHỊ NGẠI .....87 NHỊ CẦU..... 95

NHỊ CHỦNG SỐ .....95 TAM KINH THÔNG BIỆT..... 110 NHỊ CHỦNG DIỆT .....96 PHÁP HOA TAM CHU ..... 111 NHỊ BIÊN .....96 LIÊN HOA TAM DỤ ..... 111 NHỊ BIÊN .....96 TAM PHẦN KHOA KINH ..... 112 NHỊ THỜI .....96 THÂN QUANG TAM PHẦN TAM PHẬT THÂN .....97 KHOA KINH..... 113 TAM THÂN.....97 TAM THIỆN..... 113 TAM THÂN BIẾN TƯỚNG .....97 TAM QUỸ HOẰNG KINH ..... 113 TAM THÂN HOA PHẠM .....98 TAM NIẾT BÀN ..... 114 TAM THÂN THỌ LƯỢNG .....99 TAM BÁT NHÃ..... 115 PHẬT HÓA THÂN TAM .....99 TAM ĐẠI THỪA ..... 115 TAM GIÁC.....99 TAM BỒ ĐỀ..... 116 TAM CHỦNG THƯỜNG .....100 TAM BỒ ĐỀ..... 116 TAM CHỦNG THẦN BIẾN ....100 TAM CHUYỂN PHÁP LUÂN. 116 TAM PHẬT ĐỘ .....100 TAM PHÁP ẤN ..... 117 PHẬT HÀNH LY ĐỊA TAM Ý101 TAM ĐÀ LA NI ..... 117 NHƯ LAI KHẤT THỰC TAM Ý TAM VÔ NGẠI..... 118 .....101 TAM ĐỨC..... 118 PHẬT TAM SỰ NHẬP THÀNH TAM ĐỨC..... 118 .....102 PHIÊN TAM NHIỄM THÀNH PHẬT TAM BẤT NĂNG.....103 TAM ĐỨC..... 119 TAM CHỦNG KỲ ĐẶC SỰ....103 TAM GIẢI THOÁT MÔN ..... 119 PHẬT TAM NGỮ .....104 TAM VÔ VI ..... 120 TAM XỨ BẤT CHUYỂN PHÁP LUẬT HỮU TAM DANH ..... 120 LUÂN .....104 TAM LUẬN ..... 120 TAM LUÂN.....104 TAM HỌC ..... 121 PHẬT TAM MẬT .....105 TAM QUY Y ..... 121 TRỤ TRÌ TAM BẢO.....105 TAM TAM MUỘI ..... 122 ĐỒNG THỂ TAM BẢO.....105 TAM TAM MUỘI ..... 123 BIỆT TƯỚNG TAM BẢO .....106 TAM CHỈ..... 123 BIỆT TƯỚNG TAM BẢO .....106 VI TAM SỰ CỐ TU XA MA THA ĐẠI THỪA TAM BẢO.....107 ..... 123 TIỂU THỪA TAM BẢO.....107 GIÁC QUÁN TAM CHỦNG HOA NGHIÊM TAM THÁNH 107 PHÁT TƯỚNG..... 123 TAM CHỦNG ĐẠI SƯ .....108 THAM DỤC TAM CHỦNG TAM TẠNG.....108 PHÁT TƯỚNG..... 124 ĐẠI THỪA TAM TẠNG .....108 SÂN KHUỂ TAM CHỦNG PHÁT TIỂU THỪA TAM TẠNG .....109 TƯỚNG ..... 124 TAM NHƯ LAI TẠNG .....109 NGU SI TAM CHỦNG PHÁT TAM TẠNG THUYÊN TAM TƯỚNG ..... 125 HỌC .....109 TAM CHỦNG BỆNH TƯỚNG125

TU ĐỊNH TAM CHƯỚNG .....126 TAM GIẢ ..... 141 TAM HUỆ .....126 TAM KHÔNG ..... 142 TAM TRÍ 127

TAM SÁM..... 142 TAM TRÍ .....127 TAM HỐI PHÁP ..... 142 TAM GIÁC.....127 TAM PHƯƠNG TIỆN..... 143 TAM TÁNH.....128 THẮNG TAM TU ..... 143 TAM PHẬT TÁNH .....128 LIỆT TAM TU ..... 143 TAM NHÂN PHẬT TÁNH.....128 TAM TIỆM THỨ ..... 144 TAM TỰ TÁNH .....129 TAM KHOA ..... 144 TAM VÔ TÁNH.....129 TAM CHỦNG CHÍ GIÁO ..... 145 TAM TÂM.....129 TAM TÔNG ..... 145 CHUYỂN TAM TÂM ĐẮC TAM NAM TRUNG TAM GIÁO ..... 146 THÂN. .....130 NGẬP PHÁP SƯ TAM GIÁO . 146 TAM CHỦNG DUYÊN TỪ.....130 TAM ĐẲNG LƯU..... 146 TAM CHỦNG Ý SANH THÂN TAM NHẪN ..... 147 .....131 TAM THỌ ..... 147 NHƯ Ý THÔNG HỮU TAM TAM CHỦNG VÔ THƯỜNG . 147 CHỦNG .....131 TAM CHI TỈ LƯỢNG..... 148 TAM THÔNG LỰC .....132 TAM CHỦNG VIÊN MÃN AN TAM MINH .....132 LẠC ..... 148 TAM THỨC.....132 TAM NGHĨA HOAN HỈ..... 149 TAM THỨC.....133 TAM NHÂN ..... 149 TAM THỨC DUYÊN CẢNH TAM ĐOẠN ..... 149 QUẢNG HIỆP .....133 TAM ĐOẠN ..... 150 TAM CHỦNG HUÂN TẬP .....133 LONG HOA TAM HỘI..... 150 TAM CHỦNG TƯỚNG .....134 BỒ TÁT TAM TU HỌC ..... 151 TAM TẾ TƯỚNG.....134 BỒ TÁT SANH ĐÂU SUẤT TAM ĐẠI.....134 THIÊN TAM SỰ THẮNG ..... 152 TAM CHỦNG THÂN .....135 TAM HIỀN ..... 152 TAM BẤT KHẢ TẬN.....135 TAM CHỦNG PHÁT TÂM ..... 153 THIÊN THAI TAM QUÁN.....136 TAM BẤT THỐI ..... 153 TAM CHỦNG TAM QUÁN ....136 TAM XỨ NHẬP PHÁP GIỚI .. 153 PHÁP GIỚI TAM QUÁN .....137 VĂN THÙ TAM DANH ..... 154 VIÊN GIÁC TAM QUÁN.....138 TAM NHÂN QUÁN THẬP NHỊ NAM SƠN TAM QUÁN.....138 NHÂN DUYÊN..... 154 TAM CHỦNG QUÁN PHÁP...139 A LA HÁN TAM NGHĨA..... 155 TÌ BÀ XÁ NA TAM HÀNH ....139 TAM CA DIẾP ..... 155 VI TAM SỰ CỐ TU TÌ BÀ XÁ A NAN TAM DANH ..... 155 NA.....140 THINH VĂN TAM ĐẠO..... 156 TAM ĐẾ .....140 KẾT TẬP TAM NHÂN..... 156 TAM ĐẾ .....141 SƠ QUẢ TAM KẾT 157

TAM DƯ.....157 TAM THÍ..... 173 TAM PHẬT TỬ.....157 TAM THÍ..... 173 TAM XA.....158 TAM LUÂN THỂ KHÔNG ..... 174 TAM THỪA .....158 TAM CHỦNG BẤT KIÊN DỊCH TAM THỪA QUÁN MÔN .....159 TAM KIÊN PHÁP..... 174 TAM ĐIỀN DỤ TAM CHỦNG TAM TỤ GIỚI..... 175 NHÂN .....159 TAM SỰ GIỚI..... 175 TAM THẢO.....159 DIỆT HỮU TAM NGHĨA..... 175 TAM THÚ ĐỘ HÀ.....160 TAM CHỦNG NHẪN HẠNH . 176 TÌ KHƯU TAM NGHĨA .....160 TAM CHỦNG TINH TẤN ..... 176 TAM CHỦNG TĂNG .....161 TAM CHỦNG THẮNG DŨNG LUẬT SƯ TAM PHÁP .....161 MÃNH ..... 176 TAM VIÊN MÃN.....162 TAM CHỦNG ĐỊNH NGHIỆP SA DI TAM DANH.....162 LUÂN ..... 177 TAM CHỦNG THIÊN .....162 TAM THẮNG HỌC ..... 177 TAM GIỚI .....162 TAM SỰ VÔ TẬN ..... 178 TAM SỰ

NHÂN THẮNG CHƯ TAM CHỦNG CHỨNG TƯỚNG THIÊN.....163 BẤT ĐỒNG..... 178 DIÊM PHÙ ĐỀ NHÂN TAM SỰ TAM LẠC..... 180 THẮNG DƯ TAM CHÂU .....163 TAM NHÂN TAM QUẢ ..... 180 TAM CHỦNG NHÂN NAN BÁO LONG HỮU TAM HOẠN ..... 180 .....164 TAM CHỦNG QUỈ THẦN MA TAM NGHIỆP .....167 ..... 180 TAM PHƯỚC ĐIỀN .....168 NGẠ QUỶ TAM CHƯỚNG.... 182 TAM PHƯỚC NGHIỆP .....168 TAM ÁC ĐẠO ..... 182 TAM CÚNG DƯỜNG.....168 TAM ĐỒ ĐỐI TAM ĐỘC ..... 182 TAM ƯNG CÚNG DƯỜNG....169 TAM CHỦNG ÁC..... 183 TAM CHỦNG THỊ ĐẠO .....169 TAM VÔ MINH ..... 183 TAM THIỆN ĐẠO .....170 TAM TUỲ PHIỀN NÃO..... 183 TAM CHỦNG LỄ PHẬT .....170 TAM ĐIÊN ĐẢO ..... 184 TAM PHÁT TÂM .....170 TAM ĐỘC ..... 184 TAM PHÁT TÂM .....171 TAM PHƯỢC..... 184 TAM CHỦNG PHÁT TÂM .....171 TAM BỊNH DỤNG TAM DƯỢC TAM CHỦNG PHÁT BỒ ĐỀ ..... 185 TÂM.....171 TAM BỆNH NAN TRỊ..... 185 TAM HẠNH .....172 TAM HOẶC ..... 186 TAM CHỦNG THANH TỊNH.172 TAM CHƯỚNG ..... 186 THANH TỊNH TAM NGHIỆP 172 TAM CHƯỚNG ..... 187 TAM NGHIỆP CÚNG DƯỜNG TAM CHỦNG TRỌNG CHƯỚNG .....172 ..... 187 TAM CHỦNG TỊNH NGHIỆP 173 TAM TẠP NHIỄM..... 187

TAM THỜI VÔ HỐI .....188 THỰC TAM ĐỨC..... 203 DỤC GIỚI TAM DỤC .....188 TAM THỰC THI..... 203 TAM KHỔ .....188 TAM TỊNH NHỤC..... 203 TAM LẬU .....188 TAM BẤT TỊNH NHỤC..... 203 TAM NGHI.....189 TAM TRƯỜNG VẬT ..... 204 TAM THỐI KHUẤT .....189 TAM Y DANH NGHĨA ..... 204 TAM ĐẠO .....189 ĐẠI TAM TAI..... 204 THANG TUYỀN TAM DUYÊN TIỂU TAM TAI..... 205 .....190 TỨ THÂN..... 205 TAM KHỔ ĐỐI TAM GIỚI.....190 HOÁ ỨNG THÂN TỨ CÚ..... 206 TAM THIÊN THẾ GIỚI .....190 PHẬT TỨ ĐỨC..... 206 TAM THẾ.....191 THÂN ĐỘ TỨ Y ..... 207 TAM THẾ NGHIỆP .....191 PHẬT TỨ CHÚNG HY HỮU.. 207 TAM CHỦNG THẾ GIAN.....191 TỨ VÔ SỞ UÝ ..... 207 TAM CHỦNG THẾ GIAN.....192 TỨ ĐẲNG ..... 209 KHÍ THẾ GIAN THUYẾT PHÁP THẾ Y TỨ PHÁP DỤ NHƯ LAI HỮU TAM NGHĨA .....192 ..... 210 TAM TÀI PHỐI TAM THẾ GIAN TỨ PHƯƠNG HÀNH THẤT BỘ .....193 ..... 210 TAM TƯƠNG TỤC .....193 TỨ MÔN DU QUÁN ..... 211 TAM A TĂNG KỲ KIẾP .....195 XUẤT GIA TỨ NGUYỆN..... 212 TAM THỜI .....195 TỨ MÃN THÀNH PHẬT ..... 213 TAM TẾ THỜI .....196 THIÊN THƯỢNG TỨ THÁP .. 213 TAM HỮU.....196 TỨ XỨ LẬP THÁP..... 214 TAM CHỦNG HỮU.....197 TỨ PHÁP..... 214 TAM CẢNH .....197 PHÁP TỨ Y..... 214 TAM LOẠI CẢNH.....198 TỨ PHÁP GIỚI ..... 215 TAM LƯỢNG .....198 TỨ TẠNG..... 216 DO TUẦN TAM LƯỢNG.....198 KINH HÀM TỨ NGHĨA..... 216 TAM CHỦNG TƯỚNG .....199 GIẢNG KINH TỨ ÍCH ..... 216 TAM CHỦNG

TƯỚNG .....199 LUẬN TẠNG HOA PHẠN TỨ TAM CHỦNG SẮC.....199 DANH..... 217 TAM CHỦNG SẮC.....199 TỨ NHẤT..... 217 TAM TỤ .....200 TỨ ĐÀ LA NI..... 218 TAM SANH.....200 TỨ CHỦNG BÍ MẬT..... 218 TAM PHÂN BIỆT.....201 THỪA GIỚI HOÃN CẤP TỨ CÚ TAM VÔ SAI BIỆT.....201 ..... 219 DIỆU HẠNH TAM NHÂN TỨ CHỦNG ANH LẠC TRANG DUYÊN.....202 NGHIÊM ..... 219 TAM BỐI SỰ PHẬT .....202 TỨ CHỦNG TAM MUỘI ..... 220 TAM CHỦNG QUANG MINH202 TỨ TRÍ 221

TỨ VÔ NGẠI TRÍ.....221 TỨ DUYÊN..... 239 TRÍ CẢNH TỨ TƯỚNG .....222 TỨ TƯỚNG ƯỚC VỊ..... 240 TỨ CẢNH.....222 TỨ CHỦNG TỤNG..... 240 TỨ AN LẠC HẠNH.....223 TỨ THÁNH NGÔN ..... 241 TỨ AN LẠC HẠNH.....224 TỨ CHỦNG TẦM TƯ ..... 241 TẠNG GIÁO SANH DIỆT TỨ ĐẾ CHƠN KHÔNG QUÁN TỨ CÚ .....224 ..... 241 THÔNG GIÁO VÔ SANH TỨ ĐẾ CỘNG BẤT CỘNG TỨ BIẾN. 242 .....225 TỨ VINH..... 243 BIỆT GIÁO VÔ LƯỢNG TỨ ĐẾ TỨ KHÔ ..... 243 .....226 TỨ CHỦNG TÁNH HẠNH ..... 244 VIÊN GIÁO VÔ TÁC TỨ ĐẾ .226 TỨ BẤT KHẢ THUYẾT ..... 244 TỨ THẮNG NGHĨA ĐẾ.....227 PHIÊN DỊCH TỨ LỆ ..... 245 TỨ THẾ TỤC ĐẾ .....227 A NAN TỨ VẤN..... 245 TỨ NIỆM XỨ.....228 HÓA NGHI TỨ GIÁO ..... 246 TỨ CHÁNH CẦN .....228 HÓA PHÁP TỨ GIÁO ..... 247 TỨ CHÁNH ĐOẠN .....229 LONG THỌ TỨ GIÁO..... 247 TỨ NHƯ Ý TÚC .....229 UYỂN CÔNG TỨ GIÁO ..... 248 TỨ CHỦNG PHƯƠNG TIỆN..230 HIỂU CÔNG TỨ GIÁO. ..... 248 TỨ TẤT ĐÀN.....230 TỨ BẤT SANH ..... 249 TỨ NHIẾP LỢI ÍCH.....231 TỨ CHỦNG VẤN ĐÁP ..... 249 NIẾT BÀN TỨ CHỦNG ĐẠI LẠC TỨ BỆNH ..... 250 .....231 ĐẠI TỨ TƯỚNG..... 251 TỨ CHỦNG NIẾT BÀN .....232 TIỂU TỨ TƯỚNG..... 251 HOA NGHIÊM TỨ PHẦN .....232 QUANG TRẠCH TỨ THỪA... 251 TỨ CHỦNG GIÁO THỌ.....233 SANH CÔNG TỨ LUÂN..... 252 TỨ CHỦNG THỌ KÝ.....233 VĂN NGHĨA TỨ DỤNG..... 252 TỨ CHỦNG CHÂN THẬT TỨ CHÚNG..... 253 NGHĨA.....234 TỨ DIỄN CHÚNG ..... 253 TỨ CHỦNG ĐỐI TRỊ .....234 NHÂN TỨ Y ..... 253 ĐỒNG GIÁO THUYẾT THÍNH BỒ TÁT TỨ SỰ NHẬP Ư PHÁP TỨ CÚ .....235 MÔN ..... 254 BIỆT GIÁO THUYẾT THÍNH TỨ BỒ TÁT TỨ TỊNH ..... 255 CÚ .....235 TỨ CHỦNG TỰ TẠI ..... 255 KHỞI TÍN TỨ GIÁC.....236 TỨ VÔ SỞ UÝ ..... 255 TỨ ĐỨC XỨ .....236 TỨ SỰ THẮNG..... 256 TỨ PHÁP THÍ .....237 BỒ TÁT HẠNH HỮU TỨ NAN TỨ VÔ KÝ .....237 ..... 256 LẠI DA TỨ PHẦN.....238 ĐẠI THỪA TỨ QUẢ..... 257 TỨ CHỦNG Ý THỨC.....238 TỨ CHỦNG THINH VĂN..... 257 THỨC CẢNH TỨ TƯỚNG .....239 THINH VĂN TỨ QUẢ 258

TỨ HƯỚNG .....258 TỨ VÔ LƯỢNG TÂM ..... 277 A LA HÁN TỨ TRÍ.....258 TỨ CHỦNG TÍN TÂM ..... 278 TỨ CHỦNG BIẾN DỊCH.....259 TỨ DUYÊN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM TỨ GIA HẠNH .....259 ..... 278 DIỆT TẬN ĐỊNH DỮ VÔ BỐ TÁT TỨ PHÁP ..... 279 TƯỞNG ĐỊNH TỨ NGHĨA BẤT TỨ CHỦNG PHÁP VI BỒ TÁT ĐỒNG .....260 THẬT ĐỨC ..... 280 TỨ CHỦNG SA MÔN .....261 TỨ NHIẾP PHÁP..... 280 TỨ CHỦNG TĂNG.....261 TỨ PHÁP TẬP THIỆN CĂN... 281 TỨ CHỦNG THIÊN.....261 TỨ THIỆN PHÁP..... 281 TỨ THIỀN BIẾN HÓA .....262 BỒ TÁT TỨ PHÁP MÔN ..... 281 TỨ THIÊN HOA PHẠM.....262 TẠI GIA NHÂN TỨ CHỦNG CỤ ĐẾ THÍCH TỨ UYỂN .....262 TÚC PHÁP ..... 282 TỨ LUÂN VƯƠNG .....263 TỨ HOẰNG THỆ..... 282 LUÂN VƯƠNG TỨ ĐỨC.....264 TỨ HOẰNG THỆ NGUYỆN... 283 TỨ CHÚA.....264 BỒ TÁT TỨ HOẰNG THỆ ..... 283 TÂY VỰC TỨ TÁNH .....265 TỨ PHẠM PHƯỚC..... 283 TỨ VƯƠNG SANH BÁT TỬ ..265 TỨ PHÁP SANH PHƯỚC ..... 284 TỨ BỐI .....266 BÁT ĐẠO TỨ HẠNH..... 284 NHÂN TỨ SANH.....266 TỨ CHỦNG QUÁN HẠNH..... 285 TỨ CHỦNG NHÂN .....267 TỨ SỰ HÀNH ..... 286 TỨ PHÁP BẤT ĐẮC BỒ ĐỀ ..267 TỨ SỰ CÚNG DƯỜNG..... 286 TỨ NHÂN QUẢ BÁO .....267 THÍ HỮU TỨ SỰ ..... 287 TỨ NGHIỆP BÁO .....268 TỨ THÍ ..... 287 TỨ BÁO ĐỊNH BẤT ĐỊNH.....268 TỨ CHỦNG THÍ XỨ ..... 288 TỨ HỮU .....269 TỨ CHỦNG THÍ CÂU ĐẮC TỨ THAI TƯỚNG .....269 TỊNH BÁO ..... 288 NGŨ CĂN HỮU TỨ SỰ TĂNG TỨ GIỚI ..... 289 THƯỢNG .....270 TỨ CHỦNG TRÌ GIỚI..... 289 TỨ TĂNG THẠNH.....270 TỨ NHẪN ..... 289 TỨ LỰC.....271 TỨ CHỦNG ĐỊNH HỌC ..... 290 TỨ ÂN .....271 TỨ KHÔNG XỨ ĐỊNH ..... 290 TỨ ÂN .....272 TỨ CHỦNG TƯ LƯƠNG..... 291 TỨ NAN .....272 TỨ CHỦNG Ý THÚ..... 291 TỨ SỰ BẤT KHẢ CỬU BẢO. 273 TỨ CHỦNG TÁC Ý..... 292 TỨ SỰ BẤT KHẢ ĐẮC.....274 TỨ CHỦNG NIỆM PHẬT ..... 292 TỨ SƠN .....274 TỨ CHỦNG BẠCH PHÁP ..... 293 TỨ CHỦNG TỬ .....275 TỨ CHỦNG PHÁP VI THIỆN TỨ TIÊN TỴ TỬ .....276 HỮU..... 293 TỨ CHỦNG TỬ SANH .....276 TỨ PHÁP LY MA ĐẠO ..... 294 BỒ TÁT TỨ TÂM.....277 TỨ SỰ TIÊN KHỔ HẬU LẠC 294

TỨ MA.....294 TỨ SỰ BẤT KHẢ TƯ NGHÌ .. 314 NGOẠI ĐẠO TỨ LUẬN .....295 TỨ CHỦNG TÂM..... 315 NGOẠI ĐẠO TỨ KIẾN .....295 TỨ OAI NGHI..... 315 TỨ VI ĐÀ .....296 TỨC HỮU TỨ CHỦNG TƯỚNG HỮU VÔ TỨ CÚ.....296 ..... 316 THƯỜNG ĐẲNG TỨ CÚ.....297 TỨ MỘNG..... 316 NHẤT DỊ TỨ CÚ .....297 TỨ MỘNG..... 316 ĐIỂU TỨ SANH.....297 TỨ THỰC..... 317 LONG TỨ SANH .....298 TỨ LỢI TU THỰC..... 318 A TU LA TỨ SANH.....299 KHẤT THỰC TỨ PHẦN..... 318 TỨ CHỦNG PHÁP LY BỒ TÁT TỨ TÀ MẠNG THỰC ..... 319 HẠNH .....299 TỨ THỰC THỜI ..... 319 TỨ NHÂN HỮU CHƯỚNG ....299 HÀNH TỨ Y ..... 319 THUYẾT PHÁP TỨ BÁNG ....300 TỨ CƠ ..... 319 TỨ THỨC TRÚ .....301 TỨ CHỦNG

NGÃ ..... 320 HỮU LẬU TỨ CHỦNG QUÁ TỨ ĐẠI..... 320 THẤT.....301 TỨ VI..... 321 TỨ VÔ MINH.....301 TỨ CẦU ..... 321 TỨ CHỦNG THAM .....302 TỨ CẦU BẤT ĐẮC ..... 322 TỨ DỤC.....302 TỨ BẤT KÝ PHỤ ..... 322 TỨ PHƯỢC .....302 TỨ BẤT KIẾN ..... 323 TỨ LƯU.....303 TỨ BẤT THÀNH..... 323 TỨ THỦ.....304 TỨ CHỦNG VÔ..... 323 TỨ CHƯỚNG.....304 TỨ TRI ..... 324 TỨ KIẾP .....304 NHẤT DANH TỨ THẬT..... 324 TỨ ĐỘ .....306 TỨ NIỆM CHÂU ..... 325 TỨ ĐỘ .....307 HOÀI THAI TỬ TỨ..... 326 THẾ GIỚI TỨ TRÌ .....308 TỨ TÁNG..... 327 TỨ LUÂN TRÌ THẾ GIỚI .....308 HỒNG NGHÊ TỨ DUYÊN ..... 327 TỨ PHONG LUÂN .....308 TỨ BINH ..... 328 TỨ ĐẠI BỘ CHÂU .....309 TỨ HOA ..... 328 NHẬT CHIẾU TỨ CHÂU .....310 TỨ HOA ..... 328 THẾ GIAN TỨ NGHĨA .....310 NGŨ CHỦNG PHÁP THÂN ... 328 Y CHÁNH TỨ CÚ .....311 NGŨ GIÁO PHÁP THÂN ..... 329 XÁ VỆ TỨ ĐỨC .....311 NGŨ BỘ GIÁO CHỦ..... 330 TỊNH UẾ TỨ CÚ.....311 PHẬT QUÁN NGŨ SỰ GIÁNG HẢI ĐỂ TỨ BẢO .....312 SANH ..... 331 TỨ HÀ .....312 PHẬT NGŨ TÁNH ..... 332 NHẤT CẢNH TỨ TÂM.....313 PHẬT HỮU NGŨ SỰ ..... 333 THÔNG CỤC TỨ CÚ .....313 NGŨ BẤT PHÓ THỈNH ..... 334 TỨ QUANG DỤ TRÍ 314

NHƯ LAI NGŨ CHỦNG SẮC UẨN HỮU NGŨ CHỦNG THUYẾT PHÁP .....334 TƯỚNG ..... 365 NGŨ CHỦNG THẬM THÂM .335 NGŨ THỌ..... 365 NGŨ SỞ Y ĐỘ .....336 NGŨ CĂN ..... 366 NGŨ PHÁP.....336 NGŨ LỰC..... 366 NGŨ LOẠI THUYẾT PHÁP ...340 NGŨ THỨC..... 367 KINH NGŨ NGHĨA .....341 NGŨ THỨC..... 367 NGŨ NHÂN THUYẾT KINH .341 NGŨ THÔNG..... 368 NGŨ CHỦNG BẤT PHIÊN.....342 NGŨ CHỦNG THÔNG..... 368 HOA NGHIÊM NGŨ CHU NHÂN NGŨ THẦN THÔNG..... 368 QUẢ.....343 NGŨ HẬU ĐẮC TRÍ ..... 369 HOA NGHIÊM NGŨ VI .....344 NGŨ LUÂN TAM MUỘI ..... 370 NGŨ CHỦNG BÁT NHÃ .....344 NGŨ NHÂN ..... 371 PHÁP HOA NGŨ TRÙNG NGŨ CHỦNG QUẢ..... 371 HUYỀN NGHĨA.....345 HIỆN TẠI NGŨ QUẢ..... 372 TU ĐẠI NIẾT BÀN ĐẮC NGŨ GIẢI THOÁT HỮU NGŨ NGHĨA SỰ .....346 ..... 373 THIÊN THAI NGŨ THỜI.....347 HIỀN THỦ NGŨ GIÁO ..... 373 NGŨ VỊ.....348 HUỆ QUAN NGŨ GIÁO ..... 374 NGŨ BỘ LUẬT.....349 BA PHA NGŨ GIÁO ..... 375 NGŨ NHIẾP LUẬN .....351 LƯU CẦU NGŨ GIÁO..... 375 NGŨ TẠNG.....351 BẤT PHÂN GIÁO NGŨ Ý ..... 376 NGŨ CHỦNG TẠNG.....352 ĐẠI THỪA NGŨ VỊ ..... 376 NGŨ GIÁC .....353 BỒ TÁT HỮU NGŨ CHỦNG NGŨ HẠNH .....353 SANH ..... 377 NGŨ CHỦNG BỒ ĐỀ.....354 BỒ TÁT NGŨ CHỦNG TƯỚNG NGŨ CHỦNG TÁNH.....354 ..... 378 NGŨ TÁNH THÀNH PHẬT ...355 BỒ

TÁT NGŨ CHỦNG TỰ TẠI KÝ VỊ NGŨ TƯỚNG.....356 ..... 378 NGŨ PHẨM .....357 NGŨ BỐ ÚY ..... 379 NGŨ ĐÌNH TÂM .....358 TIỂU THỪA NGŨ VỊ ..... 379 NGŨ NHẪN .....359 SƠ ĐỘ NGŨ NHÂN ..... 380 QUÁN THÂN NGỦ CHỦNG BẤT NGŨ CHỦNG THINH VĂN ... 381 TỊNH .....360 NGŨ TÁNH..... 381 NGŨ UẨN .....361 NGŨ CHỦNG A NA HÀM ..... 382 NGŨ UẨN THẬT TƯỚNG .....361 NGŨ QUẢ HỒI TÂM ..... 382 NGŨ UẨN DỤ .....362 NGŨ PHẦN PHÁP THÂN..... 384 CHUYỂN NGŨ UẨN THÀNH NGŨ LUẬN SƯ ..... 384 NGŨ PHẦN PHÁP THÂN.....363 NGŨ CHỦNG PHÁP SƯ ..... 385 CHUYỂN NGŨ UẨN THÀNH NGŨ CHỦNG A XÀ LÊ ..... 385 TAM ĐỨC 364

NGŨ CHỦNG ĐẠI SƯ CÔNG CHÚNG SANH NGŨ SỰ THỊ HỖ ĐỨC.....386 ..... 401 NGŨ CHỦNG TĂNG.....387 NGŨ NHÂN PHI KHÍ..... 402 TĂNG NGŨ TỊNH ĐỨC.....387 NGŨ CHỦNG BẤT NAM ..... 402 BẬT SÔ THẢO NGŨ ĐỨC .....387 NỮ HỮU NGŨ CHƯỚNG..... 403 TỲ KHEO NHẬP CHÚNG NGŨ KẾT THAI NGŨ VỊ ..... 403 PHÁP .....388 NGŨ HÀNH ..... 404 NGŨ CHÚNG.....388 TU HÀNH NGŨ MÔN..... 404 KHẤT THỰC GIÀ NGŨ XỨ...389 BỐ THÍ LY NGŨ CHỦNG PHÁP SA MÔN THỌ THỰC NGŨ ..... 405 QUÁN .....390 THÍ THỰC HOẠCH NGŨ NGŨ CHỦNG TÀ MẠN .....391 PHƯỚC BÁO ..... 406 NGŨ PHÁP BẤT THỌ NHÂN THÍ QUẢ CẢM NGŨ BẤT TỬ GIỚI .....391 ..... 406 NGŨ BẤT THỐI .....391 NGŨ GIỚI ..... 407 NGŨ PHÁP THỐI BỒ ĐỀ .....392 NGŨ GIỚI PHỐI NGŨ THƯỜNG NGŨ THỪA.....393 NGŨ HÀNH ..... 407 NGŨ THỪA.....393 NHẪN NHỤC NGŨ CHỦNG NGŨ THỪA.....393 CÔNG ĐỨC ..... 408 NGŨ SỰ SANH THIÊN TU NHẪN NGŨ TƯỚNG..... 408 THƯỢNG .....394 THUYẾT PHÁP NGŨ PHƯỚC THỦY SANH THIÊN HỮU NGŨ ĐỨC..... 409 CHỦNG TƯỚNG .....394 BỒ TÁT THÍNH PHÁP NGŨ NGŨ TỊNH CƯ THIÊN.....395 CHỦNG TƯỚNG ..... 409 SƠ THIỀN THIÊN ĐỊNH NGŨ THÍNH PHÁP NGŨ CHỦNG BẤT CHI CÔNG ĐỨC.....396 TÁC DỊ Ý ..... 410 TAM THIỀN THIÊN ĐỊNH CHI NGŨ TÂM..... 411 CÔNG ĐỨC.....396 TRỊ NGŨ CHỦNG NHIỄM ..... 411 DỤC THIÊN NGŨ DÂM .....397 TU TỊNH ĐỘ NGŨ NIỆM MÔN NGŨ CHỦNG PHẠM ÂM.....397 ..... 412 THIÊN ĐẠI NGŨ SUY TƯỚNG NGŨ CHỦNG SÁM HỐI..... 413 .....398 SÁM HỐI NGŨ PHÁP..... 413 THIÊN TIỂU NGŨ SUY TƯỚNG NGŨ HỐI..... 414 .....398 LỄ BÁI NGŨ CÔNG ĐỨC ..... 415 QUỐC VƯƠNG NGŨ CHỦNG NỘI NGŨ PHÁP ..... 415 KHẢ ÁI LẠC PHÁP .....399 NGŨ CHỦNG THIỆN CĂN SANH TỊNH ĐỘ NGŨ BẤT THỐI PHÁT TƯỚNG..... 416 .....400 TỪ HỮU NGŨ LỢI..... 417 NGŨ SỰ SANH NHÂN TRUNG HIẾU THUẬN NGŨ THIỆN CĂN .....400 ..... 417 NHÂN HỮU NGŨ KHỔ.....401 CHIÊM BỆNH NGŨ ĐỨC 417

NGŨ ĐẠO .....418 NGŨ CHỦNG KẾT GIỚI TƯỚNG PHƯƠNG SẮC DỤ NGŨ ĐẠO ..... 440 .....419 TẢO ĐỊA NGŨ CHỦNG THẮNG NGŨ VÔ GIÁN NGỤC.....420 LỢI..... 441 LONG NGŨ BẤT NĂNG ẨN NGŨ THỂ ..... 442 HÌNH.....420 XUẤT THẾ NGŨ THỰC..... 443 PHÁ GIỚI NGŨ QUÁ.....421 NGŨ CHỦNG TỊNH THỰC.... 443 PHẠM GIỚI NGŨ SUY.....421 NGŨ CHỦNG TỊNH NHỤC.... 444 NGŨ NGHỊCH .....422 NGŨ CHỦNG BẤT ƯNG THÍ 444 NGŨ THIÊN PHỐI NGŨ HÌNH NGŨ QUẢ ..... 444 .....423 NGŨ TÂN..... 445 NGŨ KIẾN .....423 NGŨ MINH ..... 445 NGŨ KẾT .....424 NGŨ NHÃN ..... 446 NGŨ THƯỢNG PHẦN KẾT ...425 NGŨ MỘNG PHÁP ..... 447 NGŨ HẠ PHẦN KẾT .....425 NGŨ KỲ ĐẶC MỘNG ..... 447 NGŨ TRỤ ĐỊA HOẶC .....426 NGŨ CHỦNG LẠC ..... 448 NGŨ LỢI SỬ.....426 NGŨ VỊ VÔ TÂM..... 448 NGŨ ĐỘN SỬ.....427 TẨY DỤC NGŨ LỢI ..... 449 NGŨ DỤC .....428 NGŨ BẤT ƯNG ĐÁP..... 449 NGŨ DỤC .....428 NGŨ LỰC BẤT KHẢ ĐÁO .... 450 NGŨ CÁI .....429 NGŨ LỰC NAN PHÁN ..... 451 NGŨ XAN .....430 NGŨ CHỦNG TỈ LƯỢNG..... 452 NGŨ KHỔ .....430 NGŨ CHỦNG SẮC PHÁP ..... 453 NGŨ TÂM TÀI .....431 NGŨ TRẦN..... 453 NGŨ VỌNG TƯỞNG .....431 LÂN HƯ NGŨ TRẦN..... 454 NGŨ TÁN LOẠN.....432 BẠC GIÀ PHẠM LỤC NGHĨA ĐỘ HỮU NGŨ CHỦNG .....433 ..... 454 ĐỘ THỂ NGŨ CHỦNG .....433 NHƯ LAI THẮNG ĐỨC LỤC ĐẠI KIẾP NGŨ DỤ .....434 NGHĨA..... 455 MẠT THẾ NGŨ PHÁP LINH NHƯ LAI CÔNG ĐỨC LỤC CHÁNH PHÁP BẤT DIỆT .....435 CHỦNG TƯỚNG ..... 456 MẠT PHÁP NGŨ LOẠN.....435 LỤC TỨC PHẬT..... 456 NGŨ NGŨ BÁCH NIÊN.....435 LỤC NIỆM PHÁP ..... 457 Y THỨ NGŨ BÁCH NIÊN.....436 LỤC KIÊN PHÁP..... 459 NGŨ TRƯỢC .....437 LỤC NHẪN PHÁP..... 459 NHẬT HÀNH NGŨ PHONG ..437 LỤC THỌ PHÁP ..... 460 THẾ GIAN NGŨ CHỦNG NAN LỤC QUÁN PHÁP..... 460 ĐẮC BẢO.....438 LỤC HẠNH QUÁN ..... 461 NGŨ CHỦNG QUYẾN THUỘC PHÁP HOA LỤC THỤY ..... 462 .....439 VỌNG TẬN HOÀN NGUYÊN NGŨ TINH XÁ.....439 QUÁN LỤC MÔN..... 463

LỤC SỰ MINH KINH Ý.....465 NGOẠI ĐẠO LỤC SƯ..... 507 LỤC LY HỢP THÍCH .....466 LỤC KHỔ HẠNH NGOẠI ĐẠO LỤC CHỦNG BỔN TÍCH.....467 ..... 509 LỤC THÀNH TỰU .....468 LỤC ĐẠO..... 509 LỤC SỰ THÀNH TỰU.....469 LỤC TẾ TÂM..... 511 LỤC ĐỘ.....470 LỤC NHIỄM TÂM ..... 512 LỤC DIỆU MÔN.....470 LỤC TRƯỚC TÂM..... 513 LỤC THẦN THÔNG .....472 LỤC TƯƠNG ƯNG TƯỞNG .. 514 LỤC TỤ GIỚI DANH NGHĨA 472 LỤC CHỦNG TÁN LOẠN..... 515 LỤC CHỦNG TÁNH .....473 LỤC THÔ TƯỚNG ..... 516 LỤC TƯỚNG .....474 LỤC CHỦNG CÂU SANH HOẶC LỤC NHÂN .....475 ..... 517 LỤC CHỦNG NHÂN.....475 LỤC DỤC ..... 518 LỤC CHỦNG ĐIỀU PHỤC .....476 LỤC PHIỀN NÃO .....

519 CHỦNG TỬ THỨC LỤC NGHĨA LỤC XÚC SANH ÁI..... 520 .....477 LỤC CẤU PHÁP..... 521 LỤC LUÂN ĐỐI VỊ .....479 LỤC LẬU ..... 521 LỤC CHỦNG TRÚ .....481 Y CHÁNH VÔ NGẠI LỤC CÚ522 LỤC CHỦNG QUYẾT ĐỊNH..482 LỤC CHỦNG CHẤN ĐỘNG .. 525 LỤC CHỦNG NHIẾP.....483 LỤC CHỦNG ĐỘNG TƯỚNG 526 LỤC CHỦNG A LA HÁN .....484 LỤC CĂN ..... 526 LỤC PHÁP SƯ .....485 LỤC CĂN CÔNG ĐỨC ..... 527 LỤC HÒA KÍNH.....486 LỤC CĂN HỖ DỤNG..... 529 LỤC QUẦN TỲ KHEO.....488 QUY TÀNG LỤC..... 532 TAM BẢO HỮU LỤC NGHĨA489 LỤC THỨC ..... 533 LỤC DỤC THIÊN .....490 LỤC CHỦNG VỊ ..... 534 LỤC GIỚI TỤ.....492 LỤC NHẬP..... 535 LỤC NAN.....494 LỤC TRẦN..... 535 PHỤ LỤC THÂN .....495 LỤC CHỦNG LỰC ..... 536 MẪU LỤC THÂN .....495 LỤC CHỦNG MỘNG ..... 537 NHƠN TỬ LỤC NGHIỆM .....496 LỤC CHỦNG THÂN PHONG 537 QUẢNG LỤC ĐỘ HẠNH.....497 XẢ DO LỤC DUYÊN..... 538 LỤC CHỦNG GIỚI.....499 LỤC CHỦNG LUẬN ..... 539 LỤC TRAI NHẬT .....500 TĂNG DỤNG LỤC VẬT..... 540 LỤC CHỦNG XẢO PHƯƠNG THẤT PHẬT ..... 541 TIỆN .....501 BÀ GIÀ BÀ THẤT NGHĨA..... 543 TƯ TU LỤC Ý.....503 NHƯ LAI THẤT THẮNG SỰ. 545 LỤC CHỦNG Ý LẠC .....504 THẤT CHỦNG VÔ THƯỢNG 546 KHỞI THÁP HỮU LỤC Ý .....505 NHƯ LAI HỮU THẤT CHỦNG LỤC PHÁP LỆNH THA HOAN NGỮ..... 548 HỈ .....506 CHU HÀNH THẤT BỘ 549

HOA NGHIÊM THẤT XỨ THẾ GIAN THẤT TRƯỢNG PHU THUYẾT.....551 ..... 593 HOA NGHIÊM KINH ĐỀ THẤT THẤT PHÁP BẤT KHẢ TỊ ..... 593 TỰ NGHĨA .....553 THẤT CHỦNG BẤT TỊNH ..... 594 QUÁN TÂM THÍCH HOA THẤT CHỦNG LỄ PHẬT ..... 595 NGHIÊM KINH ĐỀ THẤT TỰ554 THẤT CHỦNG SÁM HỐI TÂM THẤT CHỦNG LẬP ĐỀ.....555 ..... 596 PHÁP HOA THẤT DỤ .....557 THẤT CHU HÀNH TỪ ..... 597 THẤT XỨ TRỪNG TÂM .....559 NGOẠI ĐẠO THẤT CHỦNG VÔ ĐẠI THỪA THẤT CHỦNG ĐẠI THƯỜNG ..... 598 NGHĨA.....563 THẤT KIẾN ..... 599 ĐẠI THỪA THẤT THIỆN .....564 THẤT HỮU..... 600 THẤT CHỦNG TÁNH TỰ TÁNH THẤT GIÀ TỘI ..... 601 .....565 THẤT TỤ ..... 602 THẤT KHÔNG .....567 THẤT CHI..... 603 THẤT CHỦNG ĐỆ NHẤT THẤT CẤU ..... 603 NGHĨA CẢNH GIỚI .....568 THẤT CHỦNG MẠN ..... 604 THẤT CHÂN NHƯ.....570 XAN PHÁP THẤT BÁO ..... 604 THẤT THƯỜNG TRỤ QUẢ ...571 THẤT TÙY MIÊN ..... 605 THẤT BIỆN.....573 LUÂN VƯƠNG THẤT BẢO... 606 THẤT CHỦNG ĐỊNH DANH .574 THẤT BẢO ..... 608 THẤT PHƯƠNG TIỆN.....575 LẠI THẤT BẢO..... 609 THẤT GIÁC PHẦN .....577 THẤT KIM SƠN ..... 609 THẤT TRI .....578 THẤT HẢI..... 610 THẤT TỊNH HOA.....579 THẤT ĐẠI..... 610 THẤT TÀI .....581 ĐỊA ĐỘNG THẤT NHÂN..... 612 TẠNG GIÁO THẤT GIAI .....582 THẤT NẠN ..... 613 BỒ TÁT THẤT TƯỚNG LÂN THẤT TAI NẠN ..... 615 MẪN

.....583 THẤT CHỦNG THỌ THAI..... 616 BỒ TÁT HỮU THẤT CHỦNG THẤT CHỦNG SANH TỬ ..... 617 ĐẠI .....584 THẤT NHẬT LUÂN XUẤT ... 618 THIỆN HỮU THẤT SỰ.....585 PHÁP MỘT THỜI THẤT UẾ TIỂU THỪA THẤT CHỦNG HÀNH..... 619 TÁNH .....586 NHƯ LAI BÁT TƯỚNG..... 620 THẤT LƯU .....586 BÁT ĐẠI TỰ TẠI NGÃ ..... 622 HOA NGHIÊM TÔNG THẤT TỔ BÁT ÂM ..... 624 .....588 BÁT CHI NGỮ..... 625 THẤT THỨC TRỤ.....589 BÁT PHẦN PHÂN NHƯ LAI XÁ THẤT CHÚNG.....590 LỢI..... 625 THẤT CHỦNG NHÂN .....591 BÁT ĐẠI LINH THÁP ..... 626 BÁT TẠNG 627

BÁT TẠNG .....628 BÁT QUAN TRAI GIỚI ..... 664 BÁT BỘ BÁT NHÃ .....628 XUÂN THU BÁT VƯƠNG NHẬT BÁT HOÀN BIỆN KIẾN .....629 ..... 665 NIẾT BÀN BÁT VỊ.....631 BÁT CHỦNG NHÂN KHỞI ĐẠI HẢI BÁT BẤT TƯ NGHÌ DỤ THÁP ..... 666 NIẾT BÀN .....632 BÁT PHƯỚC ĐIỀN ..... 667 BÁT BỐI XẢ cũng gọi là Bát giải HỰU BÁT PHƯỚC ĐIỀN ..... 668 thoát.....634 BÁT THỨC SANH XỨ ..... 669 BÁT THẮNG XỨ.....635 BÁT BỘ QUỶ CHÚNG ..... 670 BÁT CHÁNH ĐẠO.....637 BÁT NHIỆT ĐỊA NGỤC ..... 671 BÁT TRÍ .....638 BÁT HÀN ĐỊA NGỤC ..... 672 BÁT NIỆM .....639 BÁT KIÊU PHỐI BÁT ĐIỂU .. 673 ĐẠI NHÂN BÁT NIỆM.....640 BÁT NẠN..... 674 BÁT GIÁC.....641 BÁT KHỔ..... 675 BÁT NHẪN .....642 BÁT BẤT CHÁNH KIẾN..... 676 BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC .....642 BÁT VỌNG TƯỞNG..... 676 BÁT THỨC .....643 BÁT BỘ..... 677 BÁT THỨC DUYÊN CẢNH ĐỊA ĐỘNG BÁT DUYÊN..... 678 QUẢNG HIỆP .....645 CHÂU BÁU BÁT CÔNG ĐỨC BÁT NGHĨA CHỨNG HỮU BẢN ..... 679 THỨC .....646 BÁT CÔNG ĐỨC THỦY ..... 680 BÁT KIỀN ĐỘ .....647 BÁT PHONG..... 680 LẬP TỤNG BÁT Ý .....649 BÁT CHỦNG CHÚC ..... 681 BÁT THÀNH LẬP NHÂN .....650 BÁT BẤT TỊNH VẬT..... 682 BÁT PHÁP .....651 BÁT Y..... 682 BÁT CHỦNG DỤ.....651 PHẬT CỤ CỬU NÃO ..... 683 BÁT CHỦNG DỊ THỤC NHÂN ĐẠI THỪA CỬU BỘ..... 687 QUẢ.....653 HOA NGHIÊM CỬU HỘI BỒ TÁT BÁT CHỦNG NHÂN THUYẾT ..... 689 QUẢ.....654 CỬU CHỦNG ĐẠI THIỀN ..... 691 BÁT CHỦNG BIẾN HÓA .....655 CỬU THỨ ĐỆ ĐỊNH ..... 695 BÁT CHỦNG NGÔN.....656 CỬU THỨC..... 697 A NAN BÁT BẤT TƯ NGHÌ ..657 CỬU DUYÊN SANH THỨC... 699 A NAN CỤ BÁT PHÁP .....658 NHƯ LAI TẠNG CỬU DỤ ..... 701 NI BÁT KÍNH GIỚI .....658 KIM CANG CỬU DỤ..... 703 NI BÁT KHÍ GIỚI.....659 TIỂU THỪA CỬU BỘ..... 704 BÁT ĐỊNH.....660 BỒ TÁT TU HÀNH CỬU PHÀM TIỂU BÁT ĐẢO .....661 CHỦNG SAI BIỆT..... 706 BÁT VỊ THAI TẠNG.....663 CỬU BỆNH..... 707 VĂN KINH BÁT CHỦNG ĐỨC CỬU CHỦNG HOẠNH TỬ..... 708 .....663 CỬU TRÚ TÂM..... 709

CỬU TRAI NHẬT .....709 THẬP PHỔ MÔN..... 771 NGOẠI ĐẠO KẾ CỬU CHẤP THẬP SONG THIẾP THÍCH SANH THẾ GIAN.....711 QUÁN THẾ ÂM PHỔ MÔN ... 774 CỬU CHỦNG CHUYỂN BIẾN THUẬN LƯU THẬP TÂM..... 777 .....713 NGHỊCH LƯU THẬP TÂM .... 777 QUỶ PHẦN CỬU LOẠI.....715 SỰ LÝ VÔ NGẠI THẬP MÔN779 CỬU TÂM THÀNH LUÂN .....716 THẬP MÔN THÍCH KINH ..... 780 CỬU KẾT .....717 THẬP BA LA MẬT ..... 784 TAM GIỚI CỬU ĐỊA .....718 THẬP CHỦNG TRÍ ..... 786 CỬU TƯỞNG.....719 THẬP CHỦNG TRÍ MINH..... 786 CỬU CHỦNG THỰC.....721 THẬP CHỦNG THÔNG..... 788 CỬU TỊNH NHỤC .....722 THẬP BIẾN XỨ ĐỊNH..... 789 NHƯ LAI THẬP THÂN .....723 THẬP CHỦNG TU TAM MUỘI THẬP HIỆU.....724 PHÁP ..... 790 NHƯ LAI THẬP LỰC .....725 THẬP CHỦNG HẠNH QUÁN PHẬT THẬP VÔ NGẠI .....727 NHẤT THIẾT PHÁP ..... 791 PHẬT THẬP CHỦNG HÓA BẤT THẬP CHỦNG NHẪN ..... 792 THẤT THỜI .....729 THẬP CHỦNG BẤT TƯ NGHÌ THUYẾT BIẾN THẬP XỨ.....730 PHÁP ..... 793 NHƯ LAI THẬP ÂN.....732 THẬP VÔ TẬN CÚ ..... 794 PHẬT THẬP TÚC DUYÊN.....734 THẬP CHỦNG NHÂN ..... 795 THẬP CHỦNG KIẾN PHẬT...739 THẬP TƯỞNG..... 796 DUNG TAM THẾ GIAN THẬP THẬP MÔN TỰ MẬT CHÚ THÂN .....740 CÔNG ĐỨC THÂM QUẢNG . 798 THẬP CHỦNG PHẬT .....742 THẬP VÔ TẬN TẠNG..... 800 HOA NGHIÊM THẬP LOẠI ĐẠI THỪA THẬP DỤ..... 801 KINH.....743 TÁNH HƯ KHÔNG THẬP THẬP CHỦNG GIÁO THỂ .....744 NGHĨA..... 803 GIÁO KHỞI THẬP NHÂN.....746 THỦY DỤ CHÂN TÂM HỮU GIÁO KHỞI THẬP DUYÊN ...748 THẬP NGHĨA ..... 803 GIÁO BỊ THẬP CƠ.....749 HẢI ẤN TAM MUỘI HỮU THẬP THẬP TÔNG THÂU GIÁO.....751 NGHĨA..... 805 HUYỀN MÔN VÔ NGẠI THẬP THẬP PHÁP GIỚI ..... 806 NHÂN .....752 BỒ TÁT TU THẬP PHÁP KIẾN THẬP HUYỀN MÔN.....754 NIẾT BÀN..... 807 DUYÊN KHỞI THẬP NGHĨA 756 TU THẬP CHỦNG THIỆN PHÁP THẬP DIỆU.....757 NHƯ SƯ TỬ VƯƠNG ..... 809 THẬP BẤT NHỊ MÔN.....759 BỒ TÁT TU THẬP CHỦNG ĐẮC THẬP THỪA.....762 ĐỊA TAM MUỘI..... 810 THẬP CẢNH.....767 BỒ TÁT TU THẬP CHỦNG THẬP NHƯ THỊ.....770 NIỆM XỨ 812

THẬP THỌ SANH TẠNG.....813 ĐẠI LUẬN THẬP CHỦNG GIỚI THẬP KIM CANG TÂM .....815 ..... 854 THẬP CHỦNG TỰ TẠI.....816 SA DI THẬP GIỚI ..... 855 NHẬT DỤ BỒ TÁT THẬP TRÌ GIỚI THẬP CHỦNG LỢI CHỦNG THIỆN PHÁP .....817 ÍCH..... 856 NGUYỆT DỤ BỒ TÁT THẬP THẬP THIỆN ..... 857 CHỦNG THIỆN PHÁP .....818 MỖI NGOẠT THẬP TRAI NHẬT HẢI ĐẠO SƯ DỤ BỒ TÁT THẬP ..... 858 CHỦNG THIỆN PHÁP .....819 THẬP NHẪN ..... 859 THỦY DỤ BỒ TÁT THẬP TỪ NHẪN THẬP CHỦNG LỢI CHỦNG THIỆN PHÁP .....821 ÍCH..... 860 LIÊN HOA DỤ BỒ TÁT THẬP TINH TẤN THẬP CHỦNG LỢI CHỦNG THIỆN PHÁP .....822 ÍCH..... 861 HỎA DỤ BỒ TÁT THẬP CHỦNG THIỀN ĐỊNH THẬP CHỦNG LỢI THIỆN PHÁP .....823 ÍCH..... 862 THẬP TÍN

.....825 TỌA THIỀN NHÂN THẬP THẬP TRỤ .....826 CHỦNG HẠNH..... 862 DIỆU CAO THẬP NGHĨA DỤ BÁT NHÃ THẬP CHỦNG LỢI THẬP TRỤ BỒ TÁT HẠNH ...827 ÍCH..... 864 THẬP HẠNH.....829 VĂN KINH THẬP ÍCH ..... 865 THẬP HỒI HƯỚNG .....830 ĐA VĂN THẬP CHỦNG LỢI THẬP ĐỊA .....833 ÍCH..... 866 THẬP ĐỊA ĐOẠN CHƯỚNG THẬP PHÁP HÀNH ..... 867 CHỨNG CHÂN.....834 THẬP CHỦNG HẠNH NGUYỆN THẬP ĐỊA KÝ THỪA.....836 ..... 867 THẬP ĐỊA KÝ BÁO.....838 THẬP ĐỘ CÁC HỮU TAM THẬP SƠN VƯƠNG .....840 HÀNH..... 869 ĐẠI HẢI THẬP TƯỚNG.....841 THẬP CHỦNG HỮU Y HÀNH THÔNG GIÁO THẬP ĐỊA .....842 LUÂN ..... 870 THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ .....844 THẬP CHỦNG PHÁT TÂM ... 871 PHÁ SƯ THẬP ĐỨC .....845 THẬP NIỆM..... 873 THẬP KHOA.....846 NIỆM PHẬT THẬP CHỦNG THẬP CHỦNG BỔ ĐẶC GIÀ LA TÂM..... 874 .....848 THẬP CHỦNG PHƯƠNG TIỆN TRƯỞNG GIẢ THẬP ĐỨC ....849 ..... 875 BỒ TÁT THẬP THÍ .....849 THẬP HÀNH TIÊN ..... 876 BỐ THÍ THẬP CHỦNG LỢI ÍCH THẬP MA..... 876 .....851 THẬP CHỦNG QUỶ ..... 878 BỒ TÁT THẬP GIỚI .....852 THẬP TRIỀN ..... 879 BỒ TÁT THẬP GIỚI. .....853 THẬP SỬ..... 879 THẬP ÁC 880

THẬP TẬP NHÂN .....881 THẬP NGŨ CHỦNG VÔ MINH THẬP CHỦNG KIẾN .....882 ..... 917 THẬP ÁC QUẢ BÁO .....883 THẬP LỤC QUÁN MÔN ..... 918 THẬP BẤT NĂNG TRƯỞNG THẬP LỤC ĐẶC THẮNG..... 925 NGHIỆP.....884 THẬP LỤC ĐẠI LỰC..... 927 THẬP CHỦNG THUYẾT TAM THẬP LỤC TRI KIẾN ..... 928 THẾ.....885 THẬP LỤC ĐẠI A LA HÁN ... 929 CHÚC HỮU THẬP LỢI .....885 THẬP LỤC DU TĂNG ĐỊA ẨM TỬU THẬP QUÁ.....887 NGỤC ..... 931 THỰC NHỤC THẬP QUÁ .....887 ĐẠI THỪA TU ĐA LA HỮU THẬP ĐẠI SỐ.....888 THẬP THẤT CHỦNG DANH. 933 PHẬT THẬP NHẤT CHỦNG TRÌ THẬP BÁT BẤT CỘNG PHÁP .....889 ..... 935 NGUYỆT HỮU THẬP NHẤT SỰ THẬP BÁT KHÔNG..... 936 DỤ NHƯ LAI .....890 THẬP BÁT GIỚI..... 938 SƯ TỬ HỐNG DỤ THẬP NHẤT THẬP BÁT HỌC NHÂN ..... 939 SỰ .....892 THẬP BÁT CHI ..... 940 THẬP NHẤT TRÍ.....893 NHỊ THẬP CHỦNG HOA TẠNG THẬP NHẤT THIỆN .....894 TRANG NGHIÊM THẾ GIỚI HẢI HỢP CỬU THẬP NGỦ CHỦNG ..... 942 NGOẠI ĐẠO THẬP NHẤT NHỊ THẬP CHƯ THIÊN ..... 946 TÔNG .....895 NHỊ THẬP KHÔNG ..... 951 THẬP NHẤT SẮC .....897 NHỊ THẬP CHỦNG TIỂU THỪA THẬP NHẤT THINH.....897 NGOẠI ĐẠO NIẾT BÀN ..... 952 DƯỢC SƯ NHƯ LAI THẬP NHỊ NHỊ THẬP CHỦNG PHIỀN NÃO ĐẠI DUYÊN .....898 TÙY MIÊN ..... 954 THẬP NHỊ PHẦN KINH .....900 NHỊ THẬP CHỦNG PHIỀN NÃO THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN ....902 HIỆN HÀNH ..... 956 THẬP NHỊ NHẬP .....903 NHỊ THẬP CHỦNG TÙY PHIỀN THẬP NHỊ ĐẦU ĐÀ HẠNH ...903 NÃO..... 958 THẬP NHỊ ÁC LUẬT

NGHI...905 NHỊ THẬP NAN ..... 960 THẬP NHỊ VỌNG TƯỞNG ....906 NHỊ THẬP NGŨ VIÊN THÔNG THẬP NHỊ TÙY MIÊN.....907 ..... 961 THẬP NHỊ LOẠI SANH.....908 NHỊ THẬP NGŨ HỘ GIỚI THẦN THẬP TAM SỰ PHÁP.....910 ..... 968 NHẬT LÃNH THẬP TAM NHỊ THẬP NGŨ HỮU ..... 969 DUYÊN.....912 NHỊ THẬP NGŨ TAM MUỘI THẬP TỨ VÔ ÚY .....913 PHÁ NHỊ THẬP NGŨ HỮU ... 970 NIỆM TỤNG KỴ THẬP NGŨ NHỊ THẬP NGŨ CHỦNG NGOẠI ĐỊA .....915 ĐẠO MINH ĐẾ..... 974 NHỊ THẬT BÁT THIÊN..... 974

NHỊ THẬP BÁT TÚC 976
TAM THẬP NHẤT SẮC 977
NHƯ LAI TAM THẬP NHỊ TƯỚNG 977
TAM THẬP NHỊ ỨNG 978
TAM THẬP TỨ TÂM ĐOẠN KẾT.....981
TAM THẬP LỤC VẬT 983
TAM THẬP THẤT ĐẠO PHẨM 983
TỨ THẬP NHỊ TỰ MÔN.....984
TỨ THẬP BÁT NGUYỆN.....990
THIỆN TÀI NGŨ THẬP TAM THAM.....995
LỤC THẬP NHỊ KIẾN 1004
PHẬT LỤC THẬP TỨ CHỦNG PHẠM ÂM.....1004
TIỂU THỪA THẤT THẬP NGŨ PHÁP 1009
BÁT THẬP TÙY HÌNH HẢO1011
BÁT THẬP NHẤT PHẨM TƯ HOẶC 1012
BÁT THẬP BÁT SỬ.....1012
CỬU THẬP BÁT SỬ 1013
ĐẠI THỪA BÁCH PHÁP.....1013
BÁCH BÁT TAM MUỘI.....1016
NHẤT BÁCH BÁT PHÁP MINH MÔN 1026
BÁCH BÁT PHIỀN NÃO 1030
THIÊN NHỊ BÁCH NGŨ THẬP NHÂN 1030

BÁT VẠN TỨ THIÊN TRẦN
LAO 1031
BÁT VẠN TỨ THIÊN PHÁP
MÔN 1031
Trở về Mục Lục

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.